NGỘ KHÔNG PHÍ NGỌC HÙNG
(SƯU TẬP)

Tuyển Tập

Chiến Tranh và Tình Yêu – Tranh: THANH CHÂU

NHỮNG MẢNH RỜI TRONG CUỘC CHIẾN

Chiến Địa Ngoại Sử Cương Mục

Dẫn Nhập 5

1960-1965 :

Bên Này Bến Sông 7
Người Lính Nghiã Quân Gác Cầu 15

Trận Ấp Bắc Thực Tế và Huyền Thoại – *1962* 21
Người Đàn Bà Mang Thai Trên Kinh Đồng Tháp 27
Tiền Đồn 30
Chết Trận Đồng Xoài – *1965* 41
Người Bạn Lính 42
Từ Pleime Đến Chu Pong – *1965* 55

Mậu Thân 1968:

Cố Đô Kinh Hoàng – *1968* 58
Chiếc Trực Thăng Cuối Năm 65
Di Vật 68
Khi Hoa Kỳ Biết Sợ 74
Nhật Ký Đặng Thùy Trâm– *1968* 79
Trang Nhật Ký 85
Bình Thủy 1969 89
Con Thú Tật Nguyền 93
Kể Chuyện Chiến Trường 100

1969-1971:

Những Mảnh Tình Xuân 103
Nguyễn Bắc Sơn: "Ta Là Lính Cậu" 108
Thằng Lính Bạc Tình 110
Trường Bộ Binh Thủ Đức Trong Đời Tôi *(1969)* 116
Đoạn Đường Chiến Binh *(1971)* 122
Nguyên Sa: Sân Bắn 137
Trường Võ Bị Liên Quân Đà Lạt và Tôi *(1956)* 139
Hành Quân Lam Sơn 719 – *1971* 144
Dốc Nhân Sinh 150
31 Năm Sau... 155
Chị Dâu Tôi 158
Buổi Sáng Sinh Phần 164
Quân Lao 175

Mùa Hè Đỏ Lửa:

Trận Chiến An Lộc *5-4-72* **180**
Bẩy Ngày Trong Đời **183**
Đêm Làng Trọng Nhân **190**
Căn Cứ Charlie *11-4-72* **198**
Đào Binh **207**
Tân Cảnh Thất Thủ *19-4-72* **209**
Tên Đào Ngũ **215**
Vũ Hữu Định: Người Thơ Trốn Lính **217**
Căn Cứ Võ Định *23-4-72* **218**
Ở Dưới Hai Con Đường **222**
Kontum *15-5-72* **228**
Trên Chiến Trường Xưa **232**
Gặp Lại...Trên Quốc Lộ 1 **236**
Tái Chiếm Quảng Trị *5-72* **241**
Đại Lộ Kinh Hoàng 1972 **246**
Tô Thùy Yên: Chiều Trên Phá Tam Giang Anh Hùng Tận **251**
Tống Lê Chân: Tiền Đồn Quá Xa *10-5-72* **254**
Quảng Đức *30-10-73* **258**
Những Anh Hùng Vô Danh Đồn Dak Seang **261**
Trận Chiến Phước Long *13-12-74* **271**
Chếc GMC Chở Quan Tài... **274**
Chị Hà **282**

1975
Ban Mê Thuột:

Quận Đức Lập *9-3-75* **292**
Vương Trí Nhàn: Văn Học Khá Sòng Phẳng **295**
Ban Mê Thuột *10-3-75* **298**
Phạm Thị Hoài: Còn Lại Gì? **312**
Hoàng Hôn Chụp Xuống Pleiku *16-3-75* **315**
Vùng Đồi **320**
Người Đến Từ Phía Cánh Rừng **325**

Huế – Đà Nẵng:

Bị Bắt Làm Tù Binh **328**
Kịch Chiến Trên QL 1 (từ *21 đến 23-3-75*) **338**
(Huế, Đà Nẵng, Q. Nam, Q. Tín, Q. Ngải)
Hy Vọng Sẽ Gặp Mày Ở Đà Nẵng **343**
Cuộc Rút Quân Tại Đà Nẵng *25-3-75* **352**
Phía Bên Này Đời **360**

Bảo Lộc – Phan Thiết:

Bảo Lộc, Đà Lạt, Nha Trang *29-3-75*	**366**
Khi Vũ Ngọc Tiến Viết Về Chiến Tranh	**371**
Vũ Ngọc Tiến: Âm Bản Chiến Tranh	**374**
Nha Trang *2-4-75*	**380**
Người Bán Sách Trên Bãi Biển Nha Trang	**383**
15 Ngày Tử Thủ Phan Rang *16-4-75*	**389**
Đối Thoại Với Nhà Văn Bảo Ninh	**395**
Bảo Ninh: Rửa Tay Gác Kiếm	**398**
Phan Thiết *18-4-75*	**406**
Ký Ức Tháng Tư	**408**
Vòng Tử Sinh	**414**
Viên Đạn Lạc	**421**
Chú Thời	**423**

Xuân Lộc – Vũng Tầu:

Trận Chiến Xuân Lộc *21-4-75*	**427**
Viên Đạn Cuối Cùng	**430**
Người Lính Ở Lại Sau Trận Chiến	**439**
Nhắm Từ Lỗ Chiếu Môn Qua Đỉnh Đầu Ruồi	**447**
Vũng Tầu Tàn Chiến Cuộc *30-4-75*	**458**

Sài Gòn:

Em Tôi	**461**
Ai Chiến Thắng?	**467**
Quân Đoàn 3 Bảo Vệ Sài Gòn	**469**
Rồi Người Lính Có Về Không?	**471**
Ngày 30 Tháng Tư Của Tôi	**474**
Trận Đánh Cuối Cùng, Sài Gòn Thất Thủ	**482**
Giây Phút Hấp Hối Của Sài Gòn	**486**
Sau Trận Chiến Nam Bắc	**495**
Chuyện Gì Xẩy Ra Ở Dinh Độc Lập	**498**
Mã Nhật Tượng Điền Xe Liền Pháo Cách	**502**

Dòng tựa đề mục lục mầu đỏ: Bài viết về trận chiến
Dòng tựa đề mục lục mầu tím: Bài viết của tác giả miền Bắc
Dòng tựa đề mục lục mầu xanh: Bài viết của tác giả miền Nam

Những Mảnh Rời Trong Cuộc Chiến

Dẫn nhập:

Tàn cuộc binh đao và sau đấy là đụng đến tuổi lá xanh lá vàng, người sưu tập rị mọ góp nhặt những bài viết từ nhiều phía trong trận chiến đã qua, tuy nhiên tất cả chỉ là công việc nhàn tản với vàng bay mấy lá năm già nửa. Ngay như phần mục lục có cái tên dài ngoẳng "Chiến Địa Ngọai Sử Cương Mục" đã nói lên tất cả: Tất cả chỉ là những chuyện bên lề cuộc binh đao.Thế nên chẳng hẳn là một bộ sưu khảo này kia để hiểu theo nghĩa với cái nhìn chủ quan hay khách quan hoặc giả như có mức độ khả tín nào đó, ngay cả với ngày tháng và địa danh. Tuyển tập này, nếu có thể được chỉ hạn hẹp với những ghi nhận và một chút hoài niệm của một người đứng bên lề súng đạn mà thôi.

Dài dòng thêm thì dựa vào nhà phê bình văn học Nguyễn Hưng Quốc:
Đã có nhiều người viết về chiến tranh Việt Nam. Hầu hết đều tập trung nhìn từ góc độ lịch sử và chính trị. Từ góc độ lịch sử, người ta xem chiến tranh như một cái gì đã kết thúc, ở đó, người ta đã biết rõ ai thắng ai bại, vấn đề chỉ còn là tìm hiểu nguyên nhân, mức độ và ý nghĩa của những thắng bại đó mà thôi. Từ góc độ chính trị, người ta nhìn chiến tranh Việt Nam như một cái gì đang tiếp diễn, ở đó, họ vẫn là chiến sĩ, đứng hẳn trong một chiến tuyến nhất định, như cái thời trước 1975, với ngòi bút trong tay, họ cứ nhắm thẳng quân thù mà... bắn.

Có thể nói những ai đã từng trực tiếp tham dự vào cuộc chiến sẽ không bao giờ thoát khỏi trận chiến tấy. Những người lính đã từng "giã từ vũ khí" hơn ba mươi năm vẫn tiếp tục sống trong tâm thái lính tráng cho đến tận bây giờ. Người ta tiếp tục đánh nhau trong ký ức. Điều này phần nào giải thích tại sao người ta cứ viết về chiến tranh mãi. Kẻ thắng viết, đã đành, kẻ thua cũng viết, thậm chí, còn viết nhiều và viết hăng hơn nữa. Những nét tâm lý ấy vẫn đậm nét trong con người Việt Nam: phần lớn vẫn sống với ký ức hơn là với lịch sử, sống với những kinh nghiệm trực tiếp và ít nhiều được khách quan hoá. Tuy nhiên, điều quan trọng là người ta nhớ quá khứ không phải chỉ vì lưu luyến với quá khứ mà còn là vì…hiện tại. Khi trở về ký ức, người ta cũng đồng thời quay về cả hình ảnh của chính mình trong hiện tại. Dĩ nhiên, ở đây, khi hoài niệm ký ức, người ta chịu nhiều áp lực nội tại, xuất phát từ các hình ảnh quá khứ đến những áp lực ngoại tại. Với thiên kiến như vậy, chúng ta có thể xem các tác phẩm văn học nghệ thuật về chiến tranh xuất hiện trước hay sau trận chiến từ mọi phía, qua đó, chúng ta có thể nhìn thấy trận chiến đấu khốc liệt của nhiều người thuộc nhiều giới khác nhau trong việc giành giật ý nghĩa của chiến tranh Việt Nam bằng cách đưa ra những ký ức hình ảnh và những cách diễn dịch khác nhau về quá khứ.

Bởi vậy, đối diện với đề tài chiến tranh, với người lính, là hầm hố, súng đạn, mồ hôi, và máu thịt, trong đó có thể có cả máu thịt của chính mình. Trong khi giới làm văn học nghệ thuật, không ai viết về quá khứ chỉ vì quá khứ: người ta viết về quá khứ từ hiện tại và cho hiện tại; không ai viết về chiến tranh chỉ vì chiến tranh: người ta viết để khẳng định và tái khẳng định bản sắc cũng như thế đứng của chính họ.

Một người lính miền Nam sẽ vĩnh viễn là những kẻ thất trận thảm hại nếu không tự giành cho mình cái quyền kể lại cuộc chiến tranh Việt Nam, trong đó, mình từng có lúc thắng trận, hoặc nếu thất trận, cũng thất trận một cách oai hùng, trong đó, một trong những biểu hiện anh dũng nhất là dám từ khước ý nghĩa của cuộc chiến tranh mà những người chiến thắng đã và đang tiến hành. Một người lính miền Bắc sẽ vĩnh viễn bị xem là một công cụ vô hồn của chiến tranh nếu không tự giành cho mình cái quyền viết về chiến tranh, ở đó, mình từng có lúc chảy nước mắt khi chứng kiến cái chết, có khi là cái chết của kẻ thù.

Nói cách khác, chiến tranh chỉ là một sự thể hiện, chứ không phải là hiện thực. Để rồi người viết cứ viết, người đọc cứ đọc và ngay cả những người chưa bao giờ cầm súng, mỗi người tự đi tìm căn cước của chính mình qua một cuộc chiến vẫn chưa chấm dứt…

Phí Ngọc Hùng

Chú thích: Một số ít bài viết được thay đổi tựa đề hay thu gọn cho phù hợp với khuôn khổ của tuyển tập. Xin cáo lỗi cùng tác giả…

Bên Này Bến Sông

Phùng Nguyễn

Khi những người lính thám kích tỉnh bước thành hàng dọc trên con đường chính xuyên qua làng, mặt trời đã lên quá đỉnh đầu. Thằng Phú mặc chiếc quần đùi mốc cời, ở trần, lưng cõng đứa em nhỏ ba tuổi, đứng cạnh cổng nhà của bà Hương Văn nhìn trân trối những người lính lần lượt bước qua trước mặt nó. Đây là " lính Đại Úy Sáu," những người lính thám báo tỉnh nổi tiếng gan dạ và dữ dằn.

Đám lính bước đi lặng lẽ, tiếng giày vải sột soạt dưới nhịp chân, tiếng lắc cắc của băng đạn kim loại chạm vào bá súng các bin, tiếng chó sủa ông ổng ở phía đầu của đoàn người. Có những người lính mặt khó đăm đăm, có những người lính mặt mũi tươi tỉnh. Có người còn cười với thằng Phú nữa!

Người lính cuối cùng trong hàng đã qua mặt thằng Phú cả trăm thước. Có tiếng chó sủa ran ở Tứ Điện, ngôi làng phía trên. Chắc là khúc đầu của đám lính đã tới trên đó rồi. Thằng Phú quay lại dòm mấy cây " keo" trồng làm hàng rào, lựa hái mấy trái keo non lấy hột nhai cho đỡ buồn. Đứa em nhỏ trên lưng nó bỗng dưng trở nên nặng ì. Thằng Phú ngồi thụp xuống, hai tay vòng ra sau lưng đỡ em mình xuống đất, miệng la lối, " Xuống mi, nặng tổ cha!"
Cuộc hành quân của đám lính thám kích tỉnh xảy ra đúng như dự đoán của dân chúng khu " Gò Nổi" này Mới tuần trước, thằng Phú nghe bà hàng xóm than thở với mẹ nó, " Mấy ổng làm kiểu ni thì trước sau chi lính đại úy Sáu cũng lên càn cho mà coi!" Mẹ hắn chép miệng, tiếp lời, " Thằng Tín hắn ỷ y qua thời buổi chi mà chết dễ như chơi!"

Anh Tín là cháu họ xa của mẹ thằng Phú, nhà ở làng kế cận. Anh đi lính đại úy Sáu, thỉnh thoảng về làng, đội lệch chiếc " bê rê" ra chợ tán tỉnh mấy cô thợ may Đôi khi thằng Phú gặp anh ở tỉnh ly, nơi nó đang ở trọ đi học trung học, anh niềm nỡ hỏi thăm, " Cô Út có khỏe không mi. " Út Giỏi là tên của ba thằng Phú nên mọi người đều gọi mẹ nó là thím Út Giỏi. Tháng trước, mấy ổng về làng, chụp được anh Tín ngoài chợ bèn mang ra chỗ cây " gạo" cổ thụ bắn mấy phát vào đầu rồi bỏ đi. Cũng chính ở chỗ gốc cây " gạo" đó, nơi anh Tín nằm chết với cái đầu bể nát, máu óc văng tung tóe trên đám cỏ còi cọc, hai tháng trước phe quốc gia đã kéo hai cái xác chết thuộc phe mấy ổng chưng để mấy ngày để thị oai. Hôm đó thằng Phú đi học ở tỉnh về, nhìn thấy hai xác chết ở trần, da trắng nhờ nhờ, miệng há hốc, đám ruồi nhặng bay lên đáp xuống quanh đống dãi nhớt kêu o o, nó về nuốt cơm không vô.

Bỗng dưng tiếng súng nổi lên như bắp rang. Đứa em nhỏ của thằng Phú òa lên khóc. Thằng Phú hấp tấp xốc em lên, ẵm chạy lúp xúp vào căn nhà bếp trống hoang của bà Hương Văn,

trống ngực đánh ầm ầm. Dạo sau này nó ở dưới tỉnh thường, ít nghe súng đạn nên trở thành nhát hít. Tiếng súng vẫn nổ giòn giã, tiếng các bin lộp bộp, tiếng đại liên oàng oàng, thỉnh thoảng lại có tiếng lựu đạn nổ đánh ầm. " Không biết mấy ổng bắn cái chi mà bắn dữ rứa". Thằng Phú nghĩ thầm. Con nhỏ em của nó vẫn khóc ngất. Tiếng súng bây giờ đã thưa hẳn, chỉ còn vài tiếng nổ lộp bộp lẫn với tiếng chó sủa ran ở làng trên. Tự dưng thằng Phú cảm thấy đói bụng. Nó quay đầu nhìn quanh quất, cặp mắt lùng sục cái bếp trống bằng sắt bám khói đen thui, đến bức vách bằng phên tre với mớ soong chảo, nồi đồng móp méo treo lỉnh kỉnh, và sau cùng dừng lại ở chiếc lu sành đựng gạo đặt cạnh bếp. Thằng Phú thả đứa em xuống nền đất, vói tay nhấc chiếc rổ tre đan thưa đậy chiếc lu, vục một tay vào mớ gạo lức trộn bắp xay nhỏ tìm kiếm. Dân trong làng thường hay giấu mảng cầu ta hoặc " sa bô chê" trong lu gạo cho mau chín. Tay thằng Phú chạm phải một vật gì cưng cứng. Nó hì hục lôi ra. Đó là một khẩu súng lục có hình ngôi sao năm cánh ở bá súng. Nó đưa khẩu súng lên ngang tầm mắt, dùng một ngón tay chà lớp bột gạo bám trên bá súng, ngắm nghía một cách thích thú rồi cẩn thận bới mớ gạo độn bắp " chôn" món vũ khí đó về chỗ cũ ". Của thằng Trường chớ còn ai vô đây!" Thằng Phú lẩm bẩm.

Thằng Trường là cháu ngoại bà Hương Văn. Mẹ nó chết từ hồi nào, còn cha nó thì đi tập kết cả mười năm nay Thằng này lớn hơn thằng Phú ba tuổi, lớn đầu mà học ngu như bò! Học hết lớp nhì trường làng, thằng Trường nghỉ học, tối ngày lang thang ngoài đồng bẫy mấy con cu ngói, cu đất bằng những cái bẫy chim làm bằng căm xe. Mùa hè năm ngoái, thằng Trường cho thằng Phú đi theo bẫy chim, hai thằng bắt được ba bốn con cu đất mập ù về làm " nhưn" ăn với bún tươi ngon hết biết. Mới tuần trước, tuần đầu tiên của kỳ nghỉ hè năm nay, thằng Phú lại kiếm thằng Trường thì bà ngoại nó bảo, " Thằng Trường về bên nội nó ở Đại Lộc chơi mấy tháng rồi cháu". Kiểu ni thì bà Hương Văn " phỉnh" mình rồi, thằng Phú nghĩ thầm. Hắn đi mô mà súng ống bỏ đây Chắc lại theo đám huyện ủy Quý, tối tối mới mò về! Thằng Phú liếc nhìn cánh cửa hông thông lên nhà trên của bà Hương Văn tự nãy giờ vẫn đóng im ỉm một cách e dè. Biết đâu thằng Trường hay huyện ủy Quý nãy chừ nấp trong nhà thấy nó lục lọi trong lu gạo Thằng Phú xốc đứa em nhỏ, rón rén bước ra đường.

***

Không biết đám thám kích tỉnh có làm ăn được gì không mà mới chập tối đã nghe tiếng loa oang oang của anh Thôi kêu mọi người đi dự phiên xử của Tòa Án Nhân Dân. Anh Thôi là nhân viên thông tin của xã ăn lương " Quốc Gia". Dạo sau này anh kiêm luôm chức vụ thông tin liên lạc cho Mặt Trận, lương hướng bao nhiêu thì không ai biết. Thực ra nhiệm vụ của anh cũng dễ thôi! Chỉ cần đổi cách xưng hô từ " yêu cầu toàn thể đồng bào" sang " yêu cầu toàn thể nhân dân" là xong ngay Hôm nay anh yêu cầu toàn thể " nhân dân" có mặt tại đình Tứ Điện để tham dự cuộc xử án Trần Tư Giá, phụ tá tài chánh kiêm quản trị lò gạch công cộng của xã. Thằng Phú có nhiệm vụ đi thế mẹ nó. Mỗi nhà phải có ít nhất một người hiện diện. Đình Tứ Điện nằm dưới gốc một cây " gạo" sum suê mà phần gốc được phủ đầy bởi những ông bình vôi sứt mẻ và những ông táo, vòng kiềng nấu bếp đen kịt. Những đồ thờ cúng lỉnh kỉnh trong ngôi đình ba gian được dẹp đi đâu không biết. Trên vách tường gian giữa là chiếc cờ đỏ búa liềm ngự chễm chệ phía trên lá cờ nửa đỏ nửa xanh của Mặt Trận. Chánh án mặt mày xương xẩu, đen đúa mặc chiếc áo len đỏ có những sọc nổi vặn vẹo hình con rết ngồi

trước chiếc bàn nhỏ xem lại mớ giấy tờ. Bị cáo đứng gần một cây cột đình, nhỏ thó, lơ láo, thỉnh thoảng đưa hai bàn tay trói chặt với nhau lên gãi gãi vào mặt. Một giải phóng quân cầm súng canh bị cáo, khuôn mặt nghiêm trọng.

Phiên tòa bắt đầu. Ông chánh án đọc bản cáo trạng dài ngoằng, nhưng thằng Phú chẳng nghe được gì hết. Nó đang nhìn con Xuyến. Con nhỏ này học sau nó một lớp ở trường tỉnh, nhà ở gần nhà nó. Thằng Phú đưa tay giật nhẹ một món tóc của con Xuyến. Con nhỏ quay lại, cặp môi chu ra sẵn sàng để gây gỗ bỗng nở ra thành nụ cười bẽn lẽn khi chủ nhân của chúng nhận ra thằng Phú. Lúc này bản cáo trạng đã đọc xong, đến phiên " nhân dân" đóng góp. Một chị chừng mười bảy tuổi đưa tay phát biểu, " Tên ác ôn Trần Tư Giá có lần đòi xáng hòn gạch vô mặt tui. Tui còn nhỏ mà hắn bắt tui phải rinh một lần mười cục gạch!" Một người khác tố cáo bị cáo đã ỷ quyền thế đòi ăn hối lộ cặp gà mới chịu chứng giấy làm khai sinh tòa án cho con của bà ta. Cuối cùng thì ông ủy viên Mặt Trận phải tuyên bố là ngoài các tội lỗi ghê gớm kể trên, bị cáo còn mang tội làm tay sai cho bè lũ bán nước, tức là phụ tá ủy viên tài chánh xã kiêm nhân viên quản trị lò gạch cộng đồng. Ông đề nghị nhân dân tuyên án tối đa tên ngụy có nợ máu với nhân dân này để làm gương. Chị tre trẻ hồi nãy đòi xử tử hình. Thằng Phú nghĩ thầm trong bụng, " Vậy là chết cái lão Giá rồi " Nó không ưa lão này, có lần nó vô vườn mía của lão bẻ có hai cây mía mà lão vác gậy rượt nó thiếu điều muốn ná thở. Chương Một Mắt, ủy viên thanh thiếu niên Giải phóng đề nghị Cách mạng khoan hồng cho đến ngày thành công rồi hãy đưa ra xét xử. Mọi người hình như có vẻ hài lòng với bản án này Ông ủy viên tuyên án đúng như anh Chương đề nghị. Anh sướng quá, mặt mày dáo dác, nhìn ngang nhìn ngửa, con mắt trái đục lờ thiếu điều muốn nhảy ra ngoài.

Trên đường về, con Xuyến phàn nàn: " Ông Giá có làm chi mô mà bắt người ta!" Thằng Phú làm ra vẻ thông thái, trả lời: " Không có chó bắt mèo ăn cức chớ. Mấy ông đại diện xã chạy về quận hết trơn, thì cha Giá lãnh tội chớ còn ai vô đây!". " Thấy ổng tội nghiệp quá hà," con Xuyến than thở. Con nhỏ này thì cái gì cũng tội nghiệp! ". Chắc họ nhốt ổng mấy bữa rồi thả ra, Xuyến đừng có lo," thằng Phú an ủi ". Lão Chương Một Mắt bữa ni ngon dữ," thằng Phú nhận xét. Con Xuyến chợt dừng bước, giật giật lưng áo thằng Phú:

--" Ông Chương nói sẽ họp kiểm thảo anh Phú đó."
--" Kiểm thảo chi."
--" Thì ai biểu anh đánh thằng Hải, hắn đi báo cáo ông Chương."
--" Cái thằng đó ỷ có cha đi tập kết, nói xấu ba anh thì anh đánh hắn chớ răng!"
--" Ông Chương nói anh có đầu óc chống phá cách mạng."
--" Răng Xuyến biết?"
--" Thì ông Chương nói với mẹ em đó!"

Thím Bích góa chồng năm sáu năm nay, lão Chương cứ theo cà rà mãi, có chuyện gì cũng đem kể lể để làm quà.

--" Rồi thím có nói chi hôn?"
--" Mẹ em nói thằng Phú con nít biết chi mà chống với phá, nói rứa tội nghiệp hắn. Ông

Chương nói biết mô thằng Phú giống cha hắn không chừng!"

Thằng Phú thấy tức trong bụng. Ba nó mà có ở đây thì ông nội lão Chương cũng không dám hó hé. Mà ba nó đi đâu mất tiêu mấy năm nay, bỏ mẹ con nó côi cút, ai cũng hiếp đáp được hết. Thằng Phú cắm cúi bước đi, lòng nặng trịch. Con Xuyến lúp xúp chạy theo, nói nhỏ:

--" Mẹ em nói anh Phú đừng có cứng đầu với mấy ổng, rủi có chuyện chi tội nghiệp thím Út."
--" Chuyện chi là chuyện chi."

Thằng Phú trả lời cấm cẳn rồi bỏ đi một nước. Ánh trăng hạ tuần đẩy bóng nó ngã dài, nhảy nhót trên những bụi cây ven đường. Bỗng nó ngừng lại, nghe ngóng. Có tiếng vật gì đang xé gió kêu u u trên đầu nó. Thằng Phú cắm đầu chạy ngược lại con đường lúc nãy, miệng kêu lớn " Xuyến ơi Xuyến ơi!". Con Xuyến đứng nép vào hàng rào keo cạnh bờ giếng, hai tay bưng chặt lấy tai, thân hình run rẫy Thằng Phú nhào lại ôm chặt lấy con Xuyến cùng lúc viên đạn trái phá nổ đánh ầm ở một nơi nào đó gần bờ sông Cái. Lại có tiếng đạn trái phá kêu xè xè trên đầu. Kinh nghiệm cho thằng bé mười bốn tuổi biết rằng lần này đạn sẽ nổ gần hơn. " Hắn kêu u u thì còn đỡ, kêu xè xè là đang chúi xuống, mi lo mà nằm xuống đi", chú Năm Hổ dặn nó như vậy Hai tiếng nổ choáng óc vang lên trước sau chỉ có vài giây, khu đầu làng sáng rực lên trong khoảnh khắc và mặt đất rung lên như động đất. Có tiếng con Xuyến khóc thút thít, đòi về nhà. Thằng Phú gắt, " Nằm im đó. Bộ Xuyến muốn chết răng mà đòi về!"
Cuộc oanh kích kéo dài khoảng mười lăm phút. Những viên trái phá được gởi đi từ những họng đại pháo bố trí ở một nơi nào đó trong quận lỵ cách ngôi làng của thằng Phú trên mười cây số đường chim bay tiếp tục kêu u u, xè xè trên đầu hai đứa trẻ và nổ tung chung quanh chúng cùng với những bựng lửa sáng lòa và mặt đất nghiêng ngả như đang dậy sóng. Thằng Phú tựa lưng vào hàng rào " keo" lởm chởm, ôm chặt thân hình run rẩy của con Xuyến vào người. Chen lẫn giữa những tiếng nổ là tiếng thở hào hễn đứt quãng của hai đứa bé trong nỗi kinh hoàng. Chúng chia tay nhau ở bờ giếng sau đó, ù té chạy về nhà của mình.

***
Thằng Phú giật mình choàng tỉnh. Lưng nó ướt sũng mồ hôi dính vào chiếc chiếu cũ mèm trải trên miếng vạt giường làm bằng những thanh tre mỏng rít chịt. Lỗ tai vẫn còn lùng bùng bởi tiếng đạn trái phá hồi chặp tối khiến nó không hiểu chuyện gì xảy ra. Nó dụi mắt và nhận ra mẹ nó đang cúi xuống lay nhẹ vai nọ " Con dậy xuống bếp rửa mặt cho tỉnh táo lên mẹ biểu".
Mẹ nó thì thào.
--" Chuyện chi rứa me ? Con buồn ngủ quá mà!" Thằng Phú cằn nhằn.
--" Dậy mau đi." Mẹ nó thúc, giọng vẫn thì thào nhưng quyết liệt.
Thằng Phú trở lên nhà trên, bắt gặp mẹ nó đang ngồi khóc thút thít trên chiếc chõng tre ọp ẹp của nó.
--" Chuyện chi rứa mẹ? " Thằng Phú lo sợ hỏi.
--" Chút nữa chú Năm Hổ qua dẫn con đi ra bến đò Phong Thư. Con
đón xe ra Đà Nẵng để chị Giang đưa con đi Sài Gòn."

***

Tự nhiên lại đi Sài Gòn! Thằng Phú thích đi Sài Gòn lắm, nhưng mà tại sao lại đi Sài Gòn bây giờ :
--" Răng phải đi gấp rứa me? "
--" Mi mà còn ở đây mấy ổng bắt mi đem xử tội"
--" Con có làm chi mô?"
--" Mi chửi lính huyện đội, đòi oánh người ta hộc máu!"
--" Tại thằng nớ gây sự trước chớ bộ! Con qua thím bảy Vượng kiếm thằng Mỹ chơi, hắn nói giặc Mỹ ở bên Mỹ chớ đâu ở đây mà kiếm. Hắn ỷ có cái " sào đuổi vịt" đó rồi làm trời. Cái thằng nớ mà không có súng con đá một cái hộc máu. "
Thằng Phú gân cổ cãi.
--" Thôi đi. Còn thằng Hải con cán bộ tập kết mắc chi mi oánh hắn?"
--" Tại hắn nói ba là đồ phản động chi! Mẹ nói hồi đó ba là anh hùng kháng chiến mà!"
--" Đó là hồi nớ, bây chừ khác rồi. "
Mẹ hắn nói tiếp:
--" Chú Năm Hổ nói huyện ủy Quý nghi mi do thám cho quốc gia! Mi vô nhà Hương Văn lục lạo lão thấy hết!"
Vậy là lão Quý trốn trong nhà Hương Văn sáng nay rồi, thằng Phú nghĩ thầm.
--" Mà con có lấy chi mô! Con kiếm đồ ăn thôi mà!"
--" Mi đi kiếm mấy ổng mà cãi".
Mẹ nó gắt.

***
Thằng Phú nghĩ bụng nếu gặp huyện ủy Quý thì nó cũng cãi tuốt chớ sợ chi! Cùng lắm ổng móc súng ra dọa cho nó sợ rồi cũng tha thôi chớ không lẽ ổng bắn nó. Mới hai tháng trước đây, mấy ông bên phe quốc gia cũng làm dữ với nó mà có sao đâu! Hôm đó cơn bão ở đâu kéo qua tỉnh lỵ nơi nó trọ học, trời mưa tầm tã, gió mạnh làm tróc nóc mấy lớp học, trường cho học trò nghỉ mấy hôm để sửa chữa. Thằng Phú nóng ruột mẹ và em nó, lội bộ mấy chục cây số về nhà. Về đến chỗ giáp ranh của Đông Đài và Định An, thằng Phú bắt gặp một nhóm người mặc bà ba đen mang súng tiểu liên thấp thoáng trong mấy khu vườn đổ nát. Thằng Phú làm ngơ, tiếp tục dấn bước. Được một quãng, hai người đàn ông trung niên mang tiểu liên "Tôm Sông" ở đâu không biết xuất hiện ngay trước mặt nó. Người mập lùn cất tiếng hoạnh họe:

--" Mi ở mô về đây?"
--" Tui đi học dưới Hội An về."
--" Mi về mô."
--" Về La Khom chớ về mô. "
Thằng Phú quạu quọ trả lời.
Lão mập lùn trừng mắt nhìn nó, tra vấn tiếp:
--" Nãy chừ mi có gặp ai mang súng ống như tau không?"
--" Thiếu chi! Mấy ông cu dê đê mang súng ca răng nớp đi đầy đàng dưới kia."

Thằng Phú trả lời, tay chỉ về hướng nó vừa đi qua. Cu dê đê là chữ tắt của Quốc Dân Đảng,

thằng Phú nghe người ta kêu như vậy thấy ngồ ngộ nên bắt chước. Lão mập lùn biến sắc, nạt lớn:
--" Mi nói cái chi bậy bạ đó!"
Tự dưng lão nổi quạu, kéo tai thằng Phú đau điếng, dúi nó vào vách tường của trạm thông tin cạnh đó. Lão kéo cò khẩu tiểu liên kêu rôm rốp, chỉa mũi súng vào ngực nó, quay qua người đồng hành, một lão ốm nhách mặt mày sần sùi tự nãy giờ im như thóc, nói:
--" Tui làm thằng ni nghe anh Ba. Để hắn về trên kia nói bậy nói bạ không được đâu. " .
Thằng Phú dương mắt nhìn mũi súng đen ngòm, thấy ơn ớn, nhồn nhột trước ngực. Lỡ mà lão mập bóp cò một cái thì rồi đời! Mà không biết tại làm răng khi không lão lại nhảy dựng lên rứa không biết. Nó đưa mắt nhìn lão ốm nhách, hy vọng lão nói đỡ cho vài câu. Lão ốm vẫn làm thinh quan sát họ. Cuối cùng lão lừ lừ bước đến gần, mở miệng:
--" Mi con cái nhà ai"
--" Tui con ông Út Giỏi". Thằng Phú lẹ làng trả lời.
--" Mi con Út Giỏi thiệt ha". Lão mập vọt miệng hỏi.
--" Cha mi đang làm chi trên nớ". Lão ốm hỏi tiếp.
--" Tui đâu biết. Ba tui bỏ đi đâu mấy năm ni rồi. "
--" Rứa là đúng rồi". Lão ốm nhách quay lại nói với bạn mình.
Lão quay qua nói với thằng Phú:
--" Mi về trên nớ không có nói bậy bạ coi chừng mất đầu như không nghe chưa!"
Thằng Phú làm thinh làm thế quày quả bước đi, nghe ơn ớn sau lưng.

***
--" Con mà không đi cho lẹ thì nguy lắm. Chú Năm Hổ nói ..."
Bỗng nhiên mẹ nó ngừng bặt. Có tiếng sột soạt như vuốt mèo cào nhè nhẹ trên tấm cửa liếp ở nhà bếp. Hai mẹ con rón rén đi xuống phía nhà bếp, ngọn đèn dầu tù mù trên tay mẹ thằng Phú chao qua chao lại như muốn tắt.
Mẹ nó cất tiếng hỏi nhỏ:
--" Ai rứa ? "
--" Tui Năm đây chị Út."
Chú Năm Hổ len qua tấm phên đóng khung bằng những nẹp tre mỏng một cách gọn gàng. Chú trừng mắt nhìn thằng Phú nạt nhỏ:
--" Mi hoang đàng chi địa làm khổ mẹ mi, mi có biết không?"

Thằng Phú cúi mặt nhìn xuống đôi chân sứt sẹo, im thin thít. Chú Năm là xã đội trưởng du kích. Nghe nói hồi Kháng chiến chú ở trong tổ của ba nó, hai người thân nhau như anh em. Từ hồi ba nó bỏ đi, mấy ổng về làng thường xuyên, chú Năm ra coi đội du kích của xã. Khi nào lính Quốc Gia lên thì chú Năm đi theo mấy ổng rút đi đâu mất biệt. Có lần chú rút không kịp, mẹ nó đưa chú vào trốn trong hầm trú ẩn nhà thằng Phú. Chú thường hay giúp mẹ thằng Phú những công chuyện lặt vặt như leo lên mái nhà thay tấm tranh cũ nát hay ra ngoài vườn đốn tre chẻ lạt đan cái rổ mới cho nhà nó. Đôi khi chú nhìn thằng Phú chăm chú rồi quay lại nói với mẹ nó, " Thằng ni giống anh Út như đúc.". Thường thì mẹ nó trả lời bằng nụ cười buồn bã.
Chú Năm quay qua mẹ nó, hỏi:

--" Chị Út sửa soạn xong chưa tui đưa hắn đi cho rồi. Trời sắp sáng bét rồi dó!"
Mẹ thằng Phú quày quả đi lên nhà trên, trở lai với cái túi xách bằng cói trên tay Bà đưa chiếc túi xách cho thằng Phú, dặn nhỏ:
--" Có lá thơ của mẹ viết cho chị Giang trong nớ, con nhớ đừng làm mất nghe"
Quay qua chú Năm, bà nói:
--" Thôi trăm sự nhờ chú. Thằng Phú còn nhỏ dại có biết chi mô. "
Câu nói bị cắt ngang bởi tiếng nấc nhỏ. Thằng Phú nhìn lên, bắt gặp cặp mắt sũng nước của me Tự dưng mắt nó nhòe đi, tay nó níu lấy vạt áo của mẹ nó không muốn rời. Chú Năm Hổ đẩy nó ra cửa, nói nhỏ:
--" Thôi đi đi Phú!"
--" Khoan đã chú!"

Thằng Phú lật đật chạy lên nhà trên, len lén bước vào buồng ngủ của mẹ nó. Đứa em nhỏ ba tuổi của nó nằm co quắp trên chiếc chõng tre, ngủ say mê. Nó cúi xuống hôn lên trán em mình, nói nhỏ " Thôi anh đi nghe," rồi len lén bước ra.
Thằng Phú ngập ngừng bước theo chú Năm Hổ, thỉnh thoảng quay lại nhìn về phía cánh cửa liếp bây giờ đã khép lại. Nó biết chắc có đôi mắt ướt đẫm nước mắt của mẹ nó ở đàng sau cánh cửa đang dõi theo từng bước chân của mình.

Còn khoảng hơn một cây số nữa thì sẽ tới bến đò. Thằng Phú mà qua lọt tới bờ bên kia là kể như thoát nạn. Chú Năm đã quay trở lại sau khi dẫn nó đi xuyên qua làng, chui vào khu vườn sau cùa ông Hương Trà, băng qua đám mía mật rậm rịt của lão Xã Hành để tránh đám anh em trong đội du kích của chú. Lúc chia tay, chú chỉ nói " Chú gởi lời thăm cha cháu mạnh giỏi" rồi mất hút trong đám mía dầy đặc.

Thằng Phú lủi thủi bước trên con đường rợp bóng tre. Ánh trăng hạ tuần ném những mảng ánh sáng yếu ớt xuống con đường đất mấp mô. Chân nó vấp phải một mô đất, đau điếng. Nó tức giận nghĩ đến khuôn mặt láu cá của thằng nhóc có cây súng dài như sào đuổi vịt. " Cái mặt nớ tau đá một cái là hộc máu," thằng Phú lầm bầm. Nó lại nghĩ đến hai người đàn ông đã chận nó lại ở ranh giới làng Định An và Đông Đài. Nó nhớ lại nhân dáng nhỏ thó và khuôn mặt chịu đựng của lão Giá, thỉnh thoảng đưa hai bàn tay bị trói lên mặt gãi gãi. Rồi khuôn mặt lạnh tanh của chị tre trẻ đẹm đẹp ở Tư Phú, " Tui đề nghị tòa án Mặt trận xử tử tên ác ôn Trần tư Giá để làm gương!" Rồi tiếng u u xè xè của những viên đạn trái phá trên đầu nó lẫn với tiếng thút thít của con Xuyến đang nằm run rẩy trong lòng nó, " Xuyến muốn về nhà!". Rồi tiếng mẹ nó than thở, " Con tui còn nhỏ dại có biết chi mô".

Bỗng dưng thằng Phú nghe có tiếng chân ai nện thình thịch ở phía sạu Nó hoảng hồn quay lại nhìn. Mặt trăng đã biến đi dâu mất. Con đường sau lưng nó vắng tanh. Xa hơn nữa, phía trên cái rặng tre xám xịt nó vừa đi qua là dãy Trường Sơn với ngọn núi Quắp sừng sững dọa nạt. Và vắt ngang đỉnh núi Quắp là dải mây đen kịt, bằng tam tắp như dải lụa đen ai kéo ngang chân trời…

Thằng Phú quay lưng hướng về phía bến đò. Nỗi kinh hoàng mênh mông như bầu trời xám trên cao úp chụp lên đầu thằng bé mười bốn tuổi, sinh ra trong căn hầm tránh bom ở vùng tản cư thời

kháng chiến, lớn lên cùng với tiếng bom rơi đạn réo, cùng với hoang tàn của chiến chinh và điêu linh của lòng người. Nó khuỵu xuống trên đám cỏ mềm cạnh bờ sông, miệng kêu nhỏ, " Mẹ ơi!"

Bờ sông vắng tanh, rặng tre đen thẫm phía sau đứng im lìm, và ở phía chân trời, dải mây thành đen kịt vẫn sừng sững vắt ngang dãy Trường Sơn như đã ngàn năm.

Âm Vang – Tranh: THANH CHÂU

Người Lính Nghĩa Quân Gác Cầu
Y Uyên

Trên bàn để một chiếc cái máy truyền tin bọc bằng bao vải bố, một chiếc ra-dô ấp tân sinh, một dĩa rau lớn, một tô gan lẫn lá sả, hai dĩa thịt nướng, bốn cái ly chén đủ loại đựng rượu đế và một xấp bánh tráng. Phon kéo ghế cho một người vừa tới muộn. Người tới muộn áy náy:
- Phiền mấy anh quá…
- Anh Năm còn nói vậy tụi tôi giận đó. Từ hồi thằng Xanh chết tới nay, ngoài anh Năm, ba đứa tôi còn biết thương ai hơn.
Người đối diện Phon giục; Phon trông cho mọi người nâng ly rồi mới cạn theo một hơi. Phon không ham nhắc lại chuyện thằng Xanh. Nó chết buồn hơn cả mấy bài ca ruột của nó. Cúc Hoa ôi, nếu chúng ta còn xa cách nhau vì kẻ tuyền đài người dương thế thì mãi mãi anh còn là kẻ bị đầy ải đơn côi trong ngục thất của tâm hồn. Có nhiều lúc vắng hai thằng bạn thân còn lại bên mình Phon vẫn bắt chợt nghe mình ê a nhại lại giọng ca của thằng Xanh ngày nào. Bây giờ thì Phon sắp xa nốt hai thằng này. Phon vừa nhập nghề của chúng nó. Nhưng Phon không ở xã để được như thằng Đành ở bên thằng Thấu, thằng Thấu ở bên thằng Đành. Hai thằng này nói Phon sướng hơn tụi nó. Ở quận tuy ít thong thả hơn ở xã nhưng vui hơn, dễ kiếm đồ nhậu ngon lành hơn. Phon đành tin tụi nó như vẫn tin tất cả những bất ngờ lúc nào cũng có thể xảy ra không may cho mình. Cúc Hoa ôi, nếu chúng ta còn xa cách nhau vì kẻ tuyền đài người dương thế…
- Bữa nay anh Năm khách sáo dữ. Ngồi nhậu mà còn suy nghĩ vậy là chưa phải hết mình với anh em.
Đành vừa nói vừa gắp một đũa thịt bỏ vô chén Năm, Năm đã uống ráo ba ly nhưng chỉ ăn toàn bánh tráng với rau và một hai miếng gan. Năm lắc đầu tỏ vẻ bất lực trước sự vồn vã của bạn nhưng đôi đũa không hề đụng vào mấy miếng thịt. Đành đang cười thấy vậy chợt ngẩn ngơ nhìn Năm. Đôi mắt lông mày rậm nặng nề nom yên lặng với những tia máu đỏ bừng bừng trong lòng. Phon muốn gắp cho Năm một đũa thịt nữa nhưng lại thôi, chỉ gượng gạo phụ họa Thấu:
- Thấu nói vậy mà trúng ý tôi đó. Vui thêm để kỷ niệm tôi lên đường làm bổn phận nam nhi.
Đành đứng dậy, kéo xích ghế, cầm xị tượu Phon vừa rót đầy, lại vỗ vai Năm, rồi ngó vào mặt Năm lắc lư cái đầu bắt chước Trình Giảo Kim nói với Đơn Hùng Tín bằng một bài ca điệu Quảng đông "ly rượu này… ày ày, em xin để tặng anh à à." Năm dằn mạnh ly xuống bàn, quắc mắt.
- Ta cho phép.
Đành ê a rót đầy ly Năm rồi đi vòng quanh bàn, tiếp tục ca lần lượt chuốc cho từng người. Năm đã hết gìn giữ, ngả nghiêng theo tiếng hát của Đành, chốc chốc lại dựng thẳng người, hét lớn "ta cho phép". Nhưng mỗi lúc có ai gắp thịt bỏ vào chén mình, hắn vẫn không tránh được vẻ sững sờ đột ngột.
*
Ba giờ gác cầu một ngày, Phon vịn vào cây cản xe sơn từng khoanh đỏ trắng mà hát, dựa vào thành cầu mà hát. Lòng cầu chạy sâu hun hút giữa hai hàng vòm sắt cao ngất đen đủi. Ngửng cổ lên, bầu trời vướng ở trên kia thật xa. Những phiến gỗ dầy nhấp nhô xếp ngang hai bên con đường sắt hành cho xe lửa trước kia không có xe chạy qua trông như cỏ hoang. Sát hai bên thành cầu, đường dành cho người đi bộ nhô cao, hẹp. Có rất ít người đi trên đó trong một ngày. Chỉ có những ai đi xe hai bánh lật đật ghé vào khom mình cúi xuống giữ cho xe ép vào lối đi

tránh một đoàn G.M.C. hoặc M.II3 chạy ầm ầm qua cầu. Những chỗ thành cầu phình ra để tránh xe đã hư và không được sửa lại. Đứng ở đầu cầu, ngó đầu ra ngoài nhìn dọc lên, những chỗ đó nom như ái chuồng sắt bỏ không. Mấy người sửa cầu có khi ngồi ăn cơm trưa ở trong những cái củi đó, vừa ăn vừa có thể nhìn xuống những khoảng trống thiếu gỗ lát ở dưới chân mình để thấy nước chảy ở dưới kia. Trên thành từng vòm sắt, một khoảng sơn trắng nổi bật vuông vắn làm nền cho một chữ số nhịp cầu Phon di chuyển trong vòng năm nhịp, có thể nhìn thấy dáng một vài người gác cầu khác lẩn khuất, bên những vòm sắt lớn lao. Những lúc Phon và người gác đoạn cầu kế bên vô tình gặp nhau ở lằn giới hạn, cả hai cùng cười im lặng quay lưng đi hoặc trao đổi vu vơ một hai câu thật ngắn. Nhiều lúc Phon ở vào một tình trạng lơ mơ để thấy Cúc Hoa có hai cánh tay trắng muốt chuốc rượu thằng Xanh, để nghĩ đến một ngày "có điều kiện vật chất" mua thịt bò tươi thay cho thịt ngựa chết uống la-de chay cho rượu thằng Đành thằng Thấu. Phon thường giật mình mỗi khi có tiếng xe sầm sập qua cầu. Dần dần giật mình như thành một chứng bịnh. Phôn ưa đưa tay một tay giữ mũ, một tay mở rộng ấn lên cằm xoay hẳn mặt đi cho xương đầu, xương cổ kêu rắc rắc.

Phon rất rành về ưu thế của những xe qua cầu. Xe quân đội, tất nhiên. Nhưng đáng để ý nhất vẫn là đoàn chiến xa của thiết giáp. Mỗi lần những chiếc M.113 qua cầu, tất cả như rung chuyển dữ dội. Những lúc đó, Phon khuất vào những chân vòm cầu để tìm một chút vững chãi, yên dạ. Vào các buổi chiều, từ tỉnh qua để chạy vào các làng, vào những con đường núi, đoàn xe từ từ, chậm chậm qua từng nhịp cầu, những người lính nhô ra khỏi cục bướu thép, yên lặng, bâng quơ. Thị xã sau lưng họ đã sáng màu đen néon, núi non và làng mạc trước mặt họ bắt đầu mờ khí núi. Vào các buổi sáng, đaòn xe rầm rập trở về, trên xe có nhiều người lố nhố hơn, những chiếc mũ gài vào cầu vai cũng nhềiu hơn. Tóc họ ngược ra sau. Lúc này hầu như không một chướng ngại nào có thể làm họ tạm ngưng trên đường về. Họ không cần biết đầu đàng kia có xe nào chạy sang không. Một lần hai thiếu úy từ thị xã ngồi trên xe "ríp" chạy về quận được mười nhịp cầu thì gặp họ, đầu xe "ríp" và đầu xe bọc sắt kề sát nhau, máy nổ rầm rầm. Phon hồi hộp đứng xa mà nhín. Trong một lát, người ở hai xe như cùng bất động. Thiết giáp hốm đó chỉ có hai chiếc, do một thượng sĩ chỉ huy.
Cuối cùng, một thiếu úy nhảy xuống xe lại bên chiếc thiết giáp:
- Chúng tôi đã qua được già nửa cây cầu .
Người thiếu úy vừa nói vừa chỉ lên con số 10 trên vòm thành cầu.
- Bên này được đi trước.
Một giọng nói gọn lỏn trên xe thiết giáp. Trên đó, có người đưa một gói thuốc cho các bạn. Phon hơi nhúc nhích theo một phãn ứng tự nhiên nhưng rồi lại làm thinh. Người thiếu úy phân vân, đứng yên. Người trên xe thiết giáp dõng dạc:
-Bên này cũng đã vượt hết chín nhịp. Xe bên này nặng, không biết "de" bao giờ.
- Chúng tôi muốn nói một cách hợp lý.
Người thiếu úy nói. Có tiếng cười trên xe thiết giáp.
Xe này nặng không biết "de" bao giờ.
Một giọng khác lặp lại. Người thiếu úy quay trở lên xe nói gì với bạn. Tiếng máy vẫn rầm rầm. Một lát sau chiếc xe "ríp" "de" về phía bên kia cầu. Trên cả hai xe thiết giáp cùng nổi lên những tiếng cười ồn ào.
- Nút đồng ngoài chợ bán thiếu gì. Chạy đi, bộ nằm chình ình giữa cầu hoài sao.

Có tiếng người giục. Và đoàn xe chuyển xích nghiến trên sàn gỗ.
Phon ngơ ngẩn nhìn theo, nghĩ thầm:
- Mỗi ngày gặp một vụ như vậy có khi đở sầu.
*
Phon dựa vào thành cầu tìm một thoải mái lạnh ngấm vào da thịt từ chân vòm sắt. Lúc đó, Phon mong được ngồi trên chiếc xe thiết giáp dù có phải đi xa, tới những miền sự sống chết chỉ cách nhau có mấy phân bọc sắt. Phon sẽ có tiền lương đầy đủ, có thể bỏ ra tám trăm mua một bộ thủy quân lục chiến như người thiếu úy ngồi trong phòng việc ở quận để mặc ra tiệm, uống la-de và trừng trị bòn cao bồi nếu chúng nghinh Phon. Và nhất là Phon khỏi phải nghĩ nhiều về ông ta. Kể cả hai lần vào hai cuối tháng vừa qua, Phon gặp riêng ông năm lần tất cả. Đều ở nhà riêng. Ba lần trước, Phon vào với một người quen. Ở nhà ông, người quen đó vẫn nói nhiều với Phon. Như thay mặt cho ông. Ông ta cũng ngồi ngay bên Phon nhưng mặt ông luôn luôn khuất sau tờ báo.
- Vào nghĩa quân thì được ở gần vợ con cha mẹ.
Câu nói duy nhất của ông sau tờ báo. Mấy lần đó khi ra về, Phon không nhớ được rõ mặt ông, chỉ có bàn tay thô lớn có nhựa thuốc bám trên hai móng thường rơi tờ báo ôm lấy ly la-de là Phon nhớ thật tường tận. Nhưng bây giờ Phon coi như đã quen ông. Có lần ông bị quận trưởng xài xễ, Phon đã thấy tội nghiệp. Hồi đó Phon vẫn tưởng ai vào nghĩa quân cũng mất ba tháng lương đầu cho 6ong ta. Nhưng từ hôm có ông già về đây, xe chụy vun vút trên sàn cầu, Phon hiểu mình có thể vào nghĩa quân mà vẫn có tiền ngay từ tháng đầu tiên. Ông già tò ra vui và thương bọn Phon. Lúc ông nói khôi hài, Phon thấy ông nhìn mình. Trước khi ra về ông nói anh em có gì thắc mắc cứ phát biểu hặoc viết cho ông theo đại chỉ ông vừa cho.
Một người bạn đã nói nhỏ với Phon:
- Mất không cho nó ba tháng lương kỳ quá. Nó buôn tụi mình, tố cáo đi. Mầy nói lên một tiếng se có liền nhiều khác nói theo. Nó sẽ bị trói như con heo tức thì.
Phon giận dữ:
- Mầy định tính nước chết cho tao đó sao? Ai nói theo tao? Mấy thằng học sanh có tên trong sổ lương? Mấy thằng nghĩa quân mất tích mấy hôm rồi chả chựa bôi tên? Định tính nước chết cho tao sao đó mầy?
Tuy nói vậy, song từ hôm đó Phon hết còn tội nghiệp ông ta mỗi khi ông quận trưởng nổi giận. Trước kia, Phon cho mình còn hơn bọn học sinh. Bọn chúng cả sáu tháng sau mới có tiền. Phon mất ba tháng còn đỡ. Bây giờ Phon thấy cùng xui như nhau. Đã hai tháng, hai lần cầm bút ký sổ lương để ông ta lãnh tiền, Phon cho là ai cũng có hồi không may. Còn hai tháng nữa. Mình gác cầu hoài nên coi ngày tháng nó lâu hết vậy thôi. Bọn nó mau chân hơn mình, bọn nó đỡ lỗ, không tốn một cắc, thằng Đành, thằng Thấu, thằng Xanh…Nước đã lên mênh mông. Cách đây bốn năm hôm lòng sông còn cạn khô, nước động trong những vũng sâu rải rác, trâu bò còn đi thung thăng dưới chân cầu. Bây giờ nước đã ngập hết các vết tích từ bãi cát đầy vết xe nhà binh ở đầu cầu đến những gò cát nổi cao như những cù lao xanh um cỏ. Làng mạc ở xa đã thành những vũng màu lam gọn mắt. Ghe xuất hiện trên mặt nước đã nhiều, xuôi ngược thênh thang, tuy nhiên thuyền lớn vẫn hay bị mắc cạn. Phon nhìn trong trời mưa lấm tấm, những người quần áo sũng nước, ngâm mình dưới dòng sông mím môi ôm bánh lái dắt đi hoặc cong người dồn sức đẩy đằng sau mạn thuyền. Thuyền chất đầy lúa mới gặt thân còn tươi, lá còn phảng phất màu xanh. Thuyền lừ đừ trên nước, tiếng ấm ới của người đẩy thuyền ở sâu, ở xa. Chân cầu nước

xoáy dữ dội. Mạn cầu nhớp nước. Những chiếc đầu bù-loong gắn dình với các thanh sắt nhỏ giọt. Đôi bàn chân Phon nhúng hoài trong giầy đầy nước, nhiều lúc bắt lạnh rùng người. Lòng cầu sạch trơn, lớp nhựa đường trên gỗ láng bóng thêm phần hun hút. Phon thêm một điều thuốc lá nuốt trọn từng ngụm khói.

Máy chiếc Lăm-bét-ta qua cầu. Tiếng máy ò ò vang vào các thành sắt. Hông xe đều che kín. Một vài vệt dầu loang trên sàn gỗ óng ánh. Tới đồn canh bên này cầu, một chiếc xe đậu lại, một người con gái bước xuống. Phon nhận ngay ra người con gái thường sang ngủ ngày với trưởng đồn. Cô ta khoác áo mưa màu vàng đậm, vận quần trắng áo hoa nhạt màu. Người mảnh khảnh mặt hơi tái song hồn nhiên. Phon có quen cô ta. Hôm ngày trưởng đồn sang nhậu với ông thiếu úy được gắn huy chương ở bên quận, cô ta ngồi đợi ông và hỏi chuyện Phon. Phon nói chắc còn lâu ông trường đồn mới về. Cô cười "tôi nói tôi chờ mà Phon". Ay náy không biết kiếm chuyện chi nói trong thời gian lâu thế, bỏ ra ngoài. Nhưng chỉ lát sau Phon lại quay vào gượng gạo lặp lại "còn lâu ổng mới về". Cô gái ngồi trong chiếc ghế độc nhất của người trưởng đồn ngửng nhìn Phon cười "Tôi chờ". Sau một lát ngập ngừng, Phon hỏi "cô… có chi cần gặp ổng?" Nói xong Phon thấy ngượng. Cô gái vẫn cười "có chi đâu mà cần. Muốn chờ thì chờ vậy thôi". Cô gái có vẻ vui nhưng ngồi yên cả tiếng đồng hồ không tỏ ra uể oải cũng không rờ rà tới các thứ trong phòng. Đên trưa người trưởng đồn vẫn không về, cô gái mới đứng dậy bảo Phon "Tôi về, anh."

Phon đưa cô ra cửa đồn. Cô không đi ngược xuống quán con nhỏ mắt lé ăn nem nướng cũng chờ xe như mọi khi. Cô lững thững sang cầu, tay lướt trên thành sắt, tóc và hai ống quần bay rạt về phái sau. Cặp đùi cô nom thiệt nhỏ. Phon không muốn nghĩ cô đã hết tiền về xe tuy không thấy cô cầm nơi tay chiếc khăn bọc tiền như mọi khi. Cô gái giở tiền trong khăn tay trả tiền người lái xe, quầy quả bước vào đồn. Đồn là một nhà ga cũ, xung quanh có hàng rào thép gai và các hầm lộ thiên. Chỗ cửa bán giấy xe trước kia có mấy người lính nhô đầu ra xét giấy tờ các xe vào thị xã. Cánh cửa đóng im ỉm ở đầu nành ga mở cho cô vào rồi đóng lại. Một lát cửa lại mở, mấy người lính ra đường bước lại phái cây gỗ cản đưa chuyền nhau một gói thuốc. Phon mấm năm đầu ngón chân trong lòng giấy ướt sũng có cảm giác bị tê và một móng chân bị nhét cát nhưng không rõ ngón nào. Phon vuốt mặt, vẩy tay cho đỡ ướt, bước từng gượng nhẹ. Giày quá rông, mỗi chân lồng hai chiếc vớ dày vẫn còn lỏng. Từ sau mấy chiếc xe đậu ở đầu cầu. Thằng Đành chụp áo mưa đạp xe vượt lên. Phon giơ tay vẫy nhưng nó không hay. Nó dừng lại bên cây gỗ cản, thò một chân ra khỏi chiếc áo mưa nhà binh chống xuống đường hỏi han mấy người lính. Họ chỉ về phái cầu. Phon giơ tay vẫy, chân bước sang mạn cầu bên kia chờ bạn. Đành hất mặt lên cười với bộ mặt bón nước. Hắn đạp xe lên, dừng trước mặt phon, chân phải đặt trên đường dành cho bộ hành.
- Mạnh giỏi mầy?
- Mạnh. Có chuyện chi đó?
- Có chuyện chi đâu.
- Rảnh chuyện vậy na.
- Ờ, tụi tao mà.
Phon sờ vào chiếc áo lụng thụng của bạn:
- Tụi mầy xếp thiệt

Đành liếm nước quanh môi, nghe những tiếng súng từ vùng núi đầu sông vọng xuống.
- Vậy là đỡ rồi. Chỉ còn có hai tháng nữa mầy đã lương.
- Bữa đó tao gắng xin về gặp tụi mầy. Nghe nói sau bữa tao đi thằng Năm có chuyện với tụi mầy?
- Nó thông cảm rồi. Bữa thằng con nó chết nó cũng mời tụi tao lại nhậu. Con có chết được hơn một tháng
Thiệt tội.
Thằng Thấu nói hay quá nó cũng đỡ sầu.
- Ơ Thấu…
Một chiếc xe "ríp" phóng vụt qua, Phon quay mặt ra thành cầu.
- Cấm nói chuyện trên cầu?
- Cấm.
Đành ngó trước ngó sau rồi vòng xe trở lại:
- Vậy tao về
Phon dựa lưng vào thành cầu:
- Tao có lời thăm Thấu.

Một vài chiếc xe chạy vút vào lồng cầu sâu, bỏ lại tai Phon tiếng những phiến gỗ bấp bênh bị bánh xe lướt quá. Tuốt bờ sông bên kia rài rác vài chiếc thuyền bất động mơ hồ. Dòng nước mỗi lúc như thêm dữ dội xoáy quanh những chân cầu bao dây kẽm gai. Phon ước những giọt nước trên môi mình là rượu. Phon vuốt mặt, nhô ra khỏu cây sắt. Về phía bên bờ này, có một vật gì trôi lại gần cầu. Mặt sông ở dưới kia thật rộng, mờ mờ, vật bị trôi đậm màu. Lúc chưa trông rõ, Phon thấy vật đó lúc chìm hẳn lúc nhô lên mặt nước. Khi đã đoán chừng nó là một vật, Phon thấy chốc chốc từng phần con vật lại hiện trên mặt nước sau một hồi mất tă,. Một con bò, chiếc đuôi vật vờ vừa chìm ngỉm, một mỏm đầu với hai cái sừng đã nhô lên. Có lúc cả chiếc đâu nó trồi lên khỏi mặt nước, mõm há rộng nhăn răng. Phon mong nó sẽ đụng vào một vạt cát thiệt cao để nom cho rõ. Dòng nước quá mạnh. Con vật trôi mau, tựa bịnh vào thành cầu, Phon cuối xuống nhìn. Chiếc đầu với hai sừng nhô lên một lần nữa. Con vật chắc mới chết. Lúc Phon ra gác cầu trận đánh mạn trên sông mới bắt đầu. Phon chắc nó cũng trúng đạn như con bò tuần trước trôi qua đây. Chân cầu và những phên kẽm gai có thể giữ nó lại. Con bò đã trôi vào gậm cầu. Phon không còn nhìn được, Phon bước sang bên kia, cúi gập người trên thành sắt không nom được suốt chân cầu. Phon chờ, tuy biết nó có thể mắc kẹt. Thân một cây dừa trôi sau con bò đã băng băng qua cầu.

Phon trở qua trở lại hai bên thành cầu. Tầm mắt Phon vẫn bị chận lại. Phon bứt rứt lắng tai xem có tiếng động nào chứng tỏ con vật còn đang ở dưới chân cầu. Chỉ có tiếng nước xoáy.
- Nó đã bị kẹt vào dây kẽm gai.
Phon lẩm bẩm. Tiếng nước xoáy dội mạnh lên tai Phon.
Trên bàn để một máy truyền tin bọc bằng cái bao vải bố, một chiếc ra-dô ấp tân sinh, một dĩa răn lớn, hai dĩa thịt nướng, ba cái ly chén đủ loại đựng rượu đế và một xấp bánh tráng. Đành kéo ghế cho Năm:
- Không còn chuyện chi quan trọng hơn cái vấn đề này, uống cùng anh em ít ly rồi lo công vụ cũng không muộn.

Năm lừng chừng ngồi xuống ghế, phân vân:
- Nói hoài anh em vẫn không thông cảm, kẹt quá.
- Có chi mà kẹt, để tôi gọi về nói anh chưa tới được là xong.
Đành lấy mấy kéo cần dây trời, bật "pin" cùi đầu gọi về trụ sở xã.
Năm áy náy:
- Phiền mấy anh quá.
- Anh Năm nói vậy tụi tôi giận đó. Từ hồi thằng Phon chết tới nay, ngoài anh Năm, hai đứa tôi còn biết thương ai hết.
Năm cười cảm động:
- Mấy anh nói tới thằng Phon khiến tôi lại nhớ nó thấy tọi nó. Nó ham ăn nhậu mà điều nó cũng vui, cũng dễ thương như mấy anh đây.
- Sức mấy mà nhắc tới thằng đó. Uống đi anh Năm.
Ngồi nhậu mà còn suy nghĩ. Đành cất tiếng cười lớn ngửa mặt lên trời. Thịt ngựa. Thịt bò. Ta cho phép. Cúc hoa em ôi. Ta cho phép.

Một đùi thịt bò còn nóng máu, một xị rượu lúc đã thay quần áo khô, có lẽ không còn điều gì đáng ước ao hơn thế. Tay Phon nhiều lúc đặt trên cán dao bên thắt lưng. Một đùi thịt bò, một xị rượu lúc đã thay quần áo khô. Phon nhìn về phía người bạn gác ở nhịp cầu đàng kia. Anh ta vẫn còn khuất vào một cây sắt nào đó để trú mưa. Không ai biết được cái đùi bò cảu Phon cả. Có chăn một mình con nhỏ mắt lé. Có cần gì phải chờ hai tháng nữa. Còn những đêm khao quân, còn tiếng súng trên kia và dòng sông này. Tao sẽ nghĩ, sẽ nhớ đến tất cả bọn bay. Cúc Hoa em ôi…Phon thắc thỏm nhìn xuống dòng nước. Con bò chắc chắn đã bị kẹt nhưng vẫn có thể trôi đi bất ngờ, Phon tựa vào thành cầu chờ đổi gác.
Mưa ngớt dần. Người Phon nhiều lúc nổi da gà bắt rùng mình vì một cơn gió ở dưới sông tạt lên. Phon nhìn về dốc cầu. Sau cây cản gỗ, xe đậu nối đuôi. Đã hết giờ làm buổi sáng. Các công chức làm ở quận đã trở về thị xã. Những chiếc xe hơi que gạt hạt nước trên kính quệt qua quệt lại uể oải, máy nổ dồn dập, nóng chảy. Những chiếc Lăm-bét-ta ướt át có nhiều người mặc áo mưa và ngậm khói thuốc. Mấy người lính từ trong đồn ra đổi gác. Họ đi hàng một, sát thành cầu. Phon cởi mấy nút áo nghe như ngực mình bốc hơi. Người bạn thay thế Phon nói:
- Tao đang nghe dở sáu câu

Bọn Phon thong thả trở về đồn. Qua một chiếc xe hơi, có dấu thập tự, Phon nghe có tiếng cười thật trong của mấy cô mặc áo mưa màu với người đàn ông ngậm ống điếu tì tay trên bánh lái. Phon thoáng có ý định xin họ mấy viên thuốc nhức đầu nhưng chân vẫn bước theo các bạn vào đồn, tháo giày, cất súng. Chiếc bảng cấm ở đầu cầu được xoay mặt. Đoàn xe từ từ lên cầu để khói lại phía sau. Một lát, chiếc bảng cấm lại được xoay ra. Từ phía thị xã, bọn học trò quần trắng áo trắng ngồi trên xe đạp lũ lượt qua cầu. Hôm nay là thứ hai. Nắng lộ dần trên các vòm cầu. Cánh cửa đóng im ỉm ở đầu nhà ga bật mở. Người con gái sáng ngủ ngày với trưởng đồn nắm chiếc khăn tay đi ra, bước lên một chiếc Lăm-bét-ta.
Phon nắm một con dao, bước xuống bờ sông.

Trận Ấp Bắc Thực Tế và Huyền Thoại

Hải Triều

Tướng Lý Tòng Bá nguyên là người chỉ huy ĐĐ7 M113 trong trận Áp Bắc đầu năm 1963 tại Mỹ Tho, sau này là tư lệnh Sư Đoàn 23 BB. Chúng tôi xin được giới thiệu bài viết đặc biệt này và chân thành cám ơn niên trưởng Lý Tòng Bá/ HT, Trận Ấp Bắc được ghi vào quân sử trong cuộc chiến VN. Báo chí quốc tế, và kể cả sách báo VC cũng nhắc nhiều về Ấp Bắc. Đó là một trong những trận đụng độ khốc liệt quan trọng giữa Đại Đội 7 M113 của VNCH và quân VC tại Khu Chiến Thuật Tiền Giang. Nói rõ hơn, là tại mật khu Đồng Tháp Mười thuộc miền Tây Nam Bộ của VC, cách xa quận Cai Lậy Mỹ Tho trên dưới chỉ 10 cây số về hướng Đông Bắc.

Không giống như những lần trước với những cuộc đụng độ cấp trung đội hay đại đội, lần này, BTL Sư Đoàn 7 QLVNCH đã phải sử dụng cả một trung đoàn, lần đầu tiên mở ra cuộc hành quân "Trực Thăng Vận" với một tiểu đoàn Bảo An của tiểu khu Mỹ Tho tăng cường mà ĐĐ7 M113 của SĐ7 làm nỗ lực chính để đối đầu với VC. Và cũng là lần đầu tiên mở rộng chiến tranh, Cộng quân đã bất ngờ tung vào trận Ấp Bắc một lực lượng đáng kể gồm Tiểu đoàn 514 Chủ Lực Mỹ Tho, tiểu đoàn Chủ Lực Miền 263, chưa kể những thành phần dân quân du kích khác. Lợi dụng địa thế hiểm yếu quen thuộc, Ấp Bắc không khác gì hơn là một cái làng bỏ trống nằm giữa khu đồng ruộng ngập nước quanh năm, chằng chịt kinh rạch, và cũng là nơi mà VC luôn có mặt kiểm soát với nhiều lần chạm trận trong cuộc chiến 1945 - 1955, một lần nữa tại Ấp Bắc, họ đã áp dụng lối đánh lén, phục kích, bắn sẻ để trì hoãn thế trận và gây thiệt hại cho các cánh quân VNCH bạn trong giai đoạn đầu, hầu có thể tập trung lực về vị trí chọn lựa với hầm hố của cái gọi là "chiến thuật công kiên chiến", đánh cầm cự để tùy nghi khai thác chiến quả nếu được, bằng không, khi thấy thế yếu, họ lần lượt trốn chạy, rút nhanh theo kiểu mà họ thường nói là "chém vè" trong đêm tối, rút lui mất da.ng. Ý đồ và hoạch định trận Ấp Bắc khi đó là vậy Muốn hay không, VC đã biết lợi dụng những kẽ hở của quân VNCH mà người chỉ huy phía ta không để ý hoặc không tiên liệu những biện pháp thích ứng... để bất ngờ khai thác tình hình cho nhu cầu "tâm lý chiến và chính trị" trong chủ trương một cuộc chiến tiêu hao lâu dài kiểu "tằm ăn lá", nhất là trong thời gian đó, VC có nhu cầu phải gây lại uy tín và tinh thần cán binh đã mất trong vài tháng trước khi tiểu đoàn 502 Chủ Lực tỉnh Sa đéc bị tổn thất hàng trăm quân tại ranh giới Mỹ Tho - Sa Đéc trong trận đụng độ ác liệt với Đại Đội 7 M113 vào ***ngày 18 tháng 2 năm 1962***.

Trong trận đánh này, một nửa quân số của TĐ502 bị loại ra khỏi vòng chiến ngay trong những giờ phút đầu tiên của trận đánh, một nửa còn lại đã phải ngụp lặn trong cánh đồng ngập nước để tìm cách chém vè trong đêm tối Thế nhưng số VC định chém vè này đều bị bắt sống. Kiểm điểm tổn thất, Đại Đội 7 M113 chỉ có một tử thương là Thượng sĩ Ninh, trung đội trưởng, và một số binh sĩ khác bị thương. Tại sao sự tổn thất giữa hai bên chênh lệch như thế này? Nguyên nhân, chúng ta phải hiểu là các đơn vị VC không biết được khả năng của loại xe M113 do hãng Chrysler của Mỹ chế tạo, nó hoàn toàn không giống loại xe được cho là những con cua lội nước, hay "Crabe" của quân Pháp cũng do Mỹ chế tạo, được sử dụng trong đệ nhị thế chiến, và được trang bị cho các chiến đoàn xe lội nước gọi là "GA" (Groupement Amphilies) mà có lần bị chính

tiểu đoàn 502 của VC đánh thiệt hại nguyên một đơn vị. Từ những yếu tố không biết về khả năng mới - cơ động trên của M113, các đơn vị VC đã dàn trận. Đúng như lời của một anh tù binh kể lại thì tình thế quả không giống như lần phục kích đoàn xe "Crabe" của quân Pháp. Những gì VC điều nghiên, dàn thế trận, chuẩn bị tinh thần cho cán binh lâm trận... đã không xẩy ra như những gì họ hoạch định và mong đợi Chẳng hạn xe M113 không có lần nào bị súng nhỏ bắn thủng như loại xe "crabe" của Pháp, và cũng không một lần nào thấy bất cứ một xa đội M113 nào phải ngừng lại từng chập để cho lính nhảy xuống gỡ gỡ rơm rạ, cỏ lúa... kẹt trong bánh xích xe làm xe không chạy được, để nhân cơ hội này, VC bất thần nổ súng tấn công.

Khi thế trận bùng ra, tôi đã ra lệnh các xa đội, từng chiếc lội nước, khai hỏa phóng thẳng ngay vào ổ phục kích của tiểu đoàn 502 đang dàn thành đội hình bán nguyệt ở giữa ruộng nước. Mũi tiến quân xông vào vị trí địch đang ngâm mình dưới nước, các xa đoàn M113 được đại liên và trung liên BAR đặt trên các xuồng ba-lá bắn yểm trơ.. M113 đã tung hoành với những khả năng đa hiệu bất ngờ ngoài dự liệu và sự hiểu biết của các cấp quân sự VC, đã làm cho thế trận phục kích giăng bẫy của VC bị tan vỡ thê thảm. Khi thanh toán chiến trường, không biết quân VC đã bố trí ở đó lúc nào, nhưng trên mình của mỗi cán binh VC còn sống sót, bị bắt làm tù binh, mỗi anh ít lắm cũng phải đeo 3,4 con đỉa, loại đỉa trâu không nhỏ của đồng bằng sông Cửu Long, no tròn đầy máu lớn bằng cỡ ngón tay cái, muốn rức nó ra phải dùng điếu thuốc đang cháy chấm vào đầu nó... Một anh VC được anh em binh sĩ kéo lên từ ruộng nước, đặt ngồi trên M113. Anh ta ngơ ngẩn nhìn quanh quẩn như mất hồn. Anh ta và đồng đội đã tham dự một trận đánh hoàn toàn không giống những gì cấp chỉ huy của anh ta huấn thị và dạy trên sa bàn hành quân.

Nhân viết lại những dòng này, chúng ta một lần nữa có thể nói đây không phải là lần duy nhất mà chạm trận với QLVNCH, địch đã bị tổn thất nặng nề, không phải chỉ có một lần, chỉ có ĐĐ7 chiến xa M113 thành đạt được song thường ít khi giới truyền thông bạn triệt để khai thác, mà chính Neil Shehan, người phóng viên chiến trường đã viết quyển "The Bright Shining Lie" nói về chiến tranh VN đã nhiều lần nghe nói đến. Có lần, anh theo xe M113 với tôi trong một vài cuộc hành quân tại Mỹ Tho, nhưng những lần đó lại không đụng độ với VC, vì thế, anh ta vẫn chưa chịu hiểu, và chưa thất sự thật, và vẫn mang nặng tinh thần trái ngược khi đề cập tới cuộc chiến đấu tự vệ của QLVNCH, mà thường là chỉ tìm và chú trọng tới chiến thắng, dù lớn hay nhỏ của VC để phóng đại, cho nên mãi đến bây giờ, dù Neil Shehan tôi coi là một người bạn quen thân, tôi cũng chẳng biết Shehan có chủ trương hay mục đích gì... Một người chịu khó, khá thông minh, đỗ đạt từ một Harvard nổi tiếng, thích tự do mà chỉ viết những bài báo lập luận phê bình ác ý và không chính xác nhắm vào QLVNCH. Nhứt là 30/4/75, anh ta đã cho xuất bản quyển "The Bright Shining Lie" với những biện luận bất công nhắm vào QLVNCH, một quân lực bị bất ngờ "ngã ngựa" vì sự phản bội của đồng minh. Sau khi xuất bản quyển sách nói trên, có một lần Shehan đã viết một bài khá lịch sự liên quan đến tôi trên tờ The New Yorker, đó là bài "After the War was over" xuất bản ngày 18/11/91, và anh ta đã gửi tặng cho tôi tờ báo đó. Phải chăng đây là lần cuối Shehan gián tiếp muốn tôi bỏ qua những lỗi lầm mà anh ta đã viết về tôi khi chỉ huy ĐĐ7 chiến xa M113 với những lập luận vô căn cứ và lệch lạc khi được vài cố vấn Mỹ thời đó kể lại câu chuyện với dụng ý bào chữa những khuyết điểm nông nổi của mình. Sau gần 13 năm ở tù CS ra, tôi gặp Neil Shehan một lần tại VN, đến Mỹ năm 1991, tôi gặp lại Neil Shehan tại Las Vegas khi hắn tham dự một "convention" với sự có mặt của tướng Powell.

Đó là lần gặp mặt lâu nhứt trong đó tôi kể lại tình tiết và sự thật của trận Ấp Bắc cho anh ta nghe: " ...

Ngày đó, sau đêm cuối cùng, Đại Đội 7 M113 rời thị xã tỉnh Mỹ Tho đến quận Cai Lậy, xuất phát theo đội hình hàng dọc (để giảm làm thiệt hại lúa) hướng về mục tiêu. Đại Đội M113 ít lắm cũng đã vượt qua 2 con kinh ngang trước khi vào vùng tiếp giáo với mật khu Bà Bèo của VC nằm dọc theo hai bờ kinh Tổng Đốc Lộc mà Ấp Bắc là một trong những vùng ven biên. Cùng lúc tôi nhận được lệnh từ Bộ Chỉ Huy hành quân nhẹ đặt ở Cai Lậy, Tiểu Khu Mỹ Tho là phải nhanh chóng đưa Đại Đội 7 M113 đến mục tiêu, vì nơi đó đã có một chiếc trực thăng bị rơi trong cuộc đổ quân lần đầu mà nguyên nhân có thể là lỗi vụng về kỹ thuật của phi công chứ chưa chắc là do đạn VC bắn. Đó là chiếc H21 hình thù như quả chuối già quá cũ gần đến ngày phế thải. Vì theo anh trung úy chỉ huy toán nhảy đợt đầu xuống mục tiêu Ấp Bắc cho tôi biết là anh không nghe bất cứ tiếng nổ nào lúc phi cơ đáp xuống mà chỉ nghe vài tiếng súng nhỏ sau đó. Không lâu sau đó, ĐĐ7 M113 phải đối diện với con kinh thiên nhiên mà nông dân địa phương gọi là "kinh lạn" không bờ ác nghiệt. Lần đầu dưới mắt tôi, nó như một dòng nước chảy xuôi qua một bãi ruộng bằng phẳng, lởm chởm vài bụi cỏ với lá rủ mình quặt què theo nước.. . Quả thật, nếu là một thi sĩ, con kinh lạch trước mặt sẽ là nguồn cảm hứng của muôn bài thơ, nhưng ở đây, nó như là khúc xương khó nuốt của những con trâu sắt M113. Canh cánh với trách nhiệm, lo cho sự an nguy của phi hành đoàn, tôi phân vân chưa biết phải xử trí ra sao. Có lần tôi đưa ra ý kiến lên ban cố vấn cũng như Bộ Chỉ Huy Hành Quân là nên chỉ thị cho một cánh quân bạn nào gần đó mở cuộc hành quân bộ đến nơi chiếc trực thăng bị rơi, dù chậm nhưng chắc chắn hơn là sử dụng ĐĐ7 M113. Lý do là không làm sao chúng tôi đoán biết việc vượt qua kinh lạch để tiến đến mục tiêu phải mất bao nhiêu thời gian. Xa đội chúng tôi thay nhau từng bước mò mẫm độc bờ kinh nhưng không lần nào cho xe băng ngang được vì lòng kinh toàn là bùn không đáy Vì không hiểu và nhận ra yếu tố đặc biệt này mà phía cố vấn Mỹ đã hiểu lầm, cho tôi là thiếu tinh thần trách nhiệm, không muốn đụng độ với địch quân. Đó là một nhận định phiến diện, cạn cợt, không hiểu thực trạng của địa thế chiến trường. Lối suy nghĩ và nhận định ấu trĩ ấy tôi không hề hay biết. Đến khi qua Mỹ, đọc quyển "The Bright Shining Lie" của N.Shehan có viết những điều ngộ nhận sai lầm đó về tôi, tôi mới biết. Lúc đó thì quá trễ để nói lại vấn đề cho rõ. Nghĩ lại, trong cảnh đầu tắt mặt tối của tôi và anh em các xa đội, ông sĩ quan cố vấn J.Scanlon của chúng tôi ngồi luôn trên xe với chiếc máy truyền tin, không nhúc nhích một bước, đã nói gì với trung tá Vann, cố vấn SĐ7 đang bay trên đầu với chiếc L19. Sau khi Scanlon đưa ống nói cho tôi, lần đầu tiên tiếp chuyện thẳng với Vann, tôi nghe được một câu hắc búa của J.P. Vann: - Anh Bá! Nếu anh không cho xe qua kinh thì tôi sẽ nói cho Dại Tướng Lê Văn Tỵ bỏ tù anh! Câu nói này tôi không bao giờ quên. Lúc vừa nghe, tôi tức giận đỏ bừng cả mặt. Tôi âm thầm tự nhủ, tại sao ông Vann này lại có thể thốt ra một câu như vậy! Tôi thẳng thắn trả lời: - Trung tá Vann! Tôi rất mong thấy ông đáp xuống đây để tận mắt ông nhìn thấy những khó khăn thực tế của trận địa và những gì chúng tôi đang làm. Vì lý do nào đó mà tôi phải đi ở tù, thì đó chẳng qua là vì danh dự của người lính!"

Khi đó, trong đầu tôi bỗng thấp thoáng cái câu " 1 ngày lính là 9 ngày tù" của ai đó đặt ra và bây giờ tôi thấy như rất đúng. Tôi nói lời chào cám ơn Trung Tá Vann rồi cúp máy Theo tôi, đó là đầu dây mối nhợ của câu chuyện "ăn thua" trong trận Ấp Bắc. Vann, một sĩ quan cố vấn, nóng

nảy quá độ, hăng say quá trớn, sợ bị qui trách nhiệm, "ăn thì OK, thua thì đổ thừa". Mà thực ra, trong trận Ấp Bắc có gì phải quan trọng hóa việc ăn thua, ngoài những trở ngại, những khó khăn chồng chất, chết chóc xẩy ra khi phải đánh nhau với kẻ thù dùng du kích chiến kiểu "nói láo, đánh lén, bắn sẻ, chém vè..." Ngày đó, trong trận cuối cùng, VC cũng đã bị ĐĐ7 M113 đẩy lui để lại 8 xác tại chỗ, kể cả người chỉ huy. Không bao giờ tôi quên những khó khăn gian khổ mà tôi và những anh em binh sĩ thuộc quyền tưởng là không tài nào vượt qua được, kể cả lần các M113 bị kẹt xích, kẹt bùn loay hoay giữa ruộng hơn một ngày đêm, anh em các xa đội phải thay nhau liên tiếp móc kéo xe ra khỏi vùng nguy hiểm... Cuối cùng, ĐĐ7 M113 cũng vượt qua được con kinh lạn ác nghiệt đó để tiến đến mục tiêu Ấp Bắc khoảng trên dưới 4 giờ chiều. Sau khi anh trung úy chỉ huy toán quân nhảy trực thăng đầu tiên xuống trận địa cho tôi biết tình hình tại chỗ, tôi ra lệnh cho cố chuẩn úy Nguyễn Văn Nho (anh là cây vợt vô địch bóng bàn của binh chủng thiết giáp) đưa trung đội I áp sát vào mé làng Ấp Bắc để dò dẫm. Trung đội chỉ huy và các trung đội khác tiếp theo tiến theo đội hình hàng dọc, trước khi tôi ra lệnh mở rộng đội hình thành hàng ngang, quân VC đã bất thần nổ súng cách trung đội 1 chỉ khoảng 50 thước, mở đầu cho trận đánh Ấp Bắc. Trong những giây phút khai hỏa đầu tiên của địch, chuẩn úy Nguyễn Văn Nho của Trung Đội 1, Thượng Sĩ Nguyễn Văn Hào của xe chỉ huy bị hy sinh, chưa kể một số xạ thủ đại liên 50 của các trung đội khác vừa chết vừa bị thương. Tổng số thiệt hại của Đại Đội 7 M113 từ phút đầu cho đến tàn trận là 8 chết và 14 bị thương. Số thiệt hại này phần lớn do các khẩu đại liên thời đó không có trang bị tấm chắn đỡ đạn. Sau trận Ấp Bắc, các loại lá chắn này mới thực hiện để che đạn cho các xạ thủ đại liên M113. Nhắc lại chuyện này, tôi vẫn phân vân thắc mắc tại sao người ta chỉ chịu trang bị thêm phương tiện và vũ khí mới cho quân đội VNCH sau khi các đơn vị quân đội chúng ta bị thiệt hai hay bị mất đi những chiến sĩ và cán bộ chỉ huy tài giỏi, gan dạ vì thiếu phương tiện chiến đấu thích hợp. Chỉ riêng một yếu tố là nếu trên xe M13, các xạ thủ đại liên có những lá chắn đạn an toàn cho xạ thủ thì trong trận Ấp Bắc thì số thương vong của chúng ta giảm nhiều, đồng thời ĐĐ7 M113 có thể đã đưa tiểu đoàn 514 Chủ Lực VC tỉnh Mỹ Tho tan tác đi theo tiểu đoàn 502.

Tôi nhớ một lần trước trận Ấp Bắc, đoán được ý đồ của VC là khi không còn cách nào khác để mở trận mới đánh với Đại Đội 7 M113, thì họ chỉ còn dựa vào ven làng, vào một thế đất mà chọn lựa để có thể dễ dàng gây khó khăn cho Đại Đội 7 M113 khi bất ngờ xuất hiện từ các hầm hố kiên cố được che khuất, tấn công khai hỏa vào các xạ thủ đại liên 50 trên xe M113 chứ không dám nằm giữa đồng ruộng phục kích như lần tiểu đoàn 502 của họ bị tiêu diệt ở tỉnh Sadec. Tiên liệu điều như trên, tôi gửi lên cấp chỉ huy cũng như cố vấn Mỹ một đề nghị khẩn cấp và thiết thực việc trang bị lá chắn đạn an toàn cho xạ thủ đại liên càng sớm càng tốt... Đề nghị đó không được chấp thuận. Tướng Stilwell của phái bộ viện trợ Mỹ đã trực tiếp trả lời cho trung tá Nguyễn Văn Thiện, nguyên chỉ huy trưởng binh chủng Thiết Giáp (1957 - 1964) (*) bằng một câu mà tôi không bao giờ quên. Câu nói nguyên văn bằng tiếng Pháp của tướng Stiwell như sau: "*le meilleur moyen de défense c'est tirer*." Ờ nghĩa là "muốn bảo vệ mình, người lính chỉ có bắn!" Theo tôi, trên lý thuyết thì quá đúng, hoặc trong phim xi-nê cao bồi, hay tại "desert storm" với"bão sa mạc" thì còn có lý... chứ đối với chiến tranh du kích kiểu VC trên địa thế núi rừng, sông lạch VN thì chưa chắc câu của tướng Stilwell là câu thần chú hộ mạng, mà trận Ấp Bắc là một thí dụ điển hình. Làm sao chúng ta thấy được VC nằm phục kích dưới lá, dưới sình mà bắn trước để bảo vệ mình.

Nhắc lại, cả một chiến đoàn gọi là GM100 của quân Pháp đã bỏ mạng tại đèo An Khê ở Pleiku trong chiến tranh Việt Pháp trước đây đã ở trong tình huống trên. Tôi rất may đã sống sót trong trận Ấp Bắc. Từng tràng đạn địch "thay nhau tránh né" khi bay qua đầu tôi, một điều kỳ lạ, mãi cho đến bây giờ tôi không biết tại sao mạng tôi còn, tại sao tôi còn sống với hàng loạt đạn vượt qua đầu để lại những tiếng kêu "bực...bực" bên tai. Có lần tôi đang bắn trả qua lại với đám VC đứng trong những hầm hố không quá 20 thước trước mặt, bất ngờ tôi thấy anh đại úy J. Scanlon đang ngồi trong M113 của tôi mở cửa sau M113 chỉ huy nhảy ra ngoài chạy mất dạng. Trong xe chỉ huy của tôi lúc đó có xác của thượng sĩ Nguyễn Văn Hào bị tử thương, và có lẽ lần đầu tiên anh chứng kiến tận mắt xác chết trong xe chỉ huy, chưa kể hai người bị thương khác nằm la liệt máu me, đó là anh Kiên, tài xế xe jeep riêng của tôi bị đạn xuyên cổ và anh lính kèn ngả xuống sau tiếng kèn xung phong ngả xuống bên tay mặt của tôi. Tình trạng này có lẽ đã làm cho Scanlon mất tinh thần, và đã thật sự gây khó khăn không nhỏ cho tôi trong việc điều động đơn vi.. Thành phần bị chết và bị thương trong những giây phút chạm súng đầu tiên phần đông là những anh em chỉ huy trưởng xa và xạ thủ đại liên 50 chứ không ai khác. Dĩ nhiên, trong tình huống đó, sức mạnh và đà tấn công của ĐĐ7 M113 bị yếu và khựng lại, nhứt là ở phía trước mặt tôi, giữa ĐĐ7 M113 và mé làng chỉ là một bãi nước không biết là ruộng hay là một vũng bùn. Nếu M113 kẹt dính ở đó thì vô cùng nguy hiểm. Trước tình huống đó, tôi dự định cho các xa đội lui về phía sau vài chục thước để bảo đảm an toàn hầu có thể dùng các loại pháo hỏa tập tiêu diệt mục tiêu mà tôi mới chợt nghĩ ra, vô cùng cần thiết để giải quyết một tình huống khó khăn. Không dùng pháo trong trường hợp này là một thiếu sót nghiêm tro.ng. Lúc đó, kể cả cố vấn Vann cũng chỉ lo cho an ninh phi hành đoàn của chiếc trực thăng bị rớt mà không có sáng kiến gì khác. Sau khi việc yêu cầu hỏa tập được ban ra, nó đã vừa tiêu diệt địch, vừa dọn đường cho một trận xung phong cuối cùng.

Từ bộ chỉ huy hành quân nhẹ của Tiểu Khu Mỹ Tho, Trung Tá Lâm Quang Thơ, tỉnh trưởng, lệnh cho tôi lui về phía sau 400 thước an toàn cho đơn vị để một phi tuần 2 chiếc B26 oanh tạc mục tiệu Cần nói rõ thêm, mỗi lần dùng "phi pháo yểm" là mỗi làn từng đợt pháo và từng đợt phi cơ thay nhau đánh vào mục tiêu. Thường thì VC hay nằm dọc theo mé rừng hay ven làng trong các hầm hố kiên cố, còn nếu địa thế là vùng núi thì họ không nằm trên đỉnh mà lại bám các vùng yên ngựa hay bên sườn đồi... cho nên, tại Ấp Bắc, những đợt oanh kích của 2 chiếc B26 lúc đó chỉ có tác dụng tâm lý hơn là tiêu diệt đối phương.

Đúng khoảng trên dưới 5 giờ chiều, sau quả bom cuối cùng mà tôi thấy rõ rời bụng phi cơ rớt xuống giữa mục tiêu Ấp Bắc với hai cánh máy bay dường như run rẩy báo hiệu ngày phế thải... thì Đài Độ M113 ào ạt mở đợt tấn công lần chót, đẩy lui không khó quân VC ra khỏi các vị trí. Các toán quân VC bị đánh bật ra khỏi vị trí đã bỏ chạy tán loạn, để lại 8 xác chết, trong đó có cả một cấp chỉ huy Đúng như trong bài viết thêm của Neil Shehan về trận Ấp Bắc trong nguyệt san "The New Yorker" với bài "After the war was over", bài viết có đoạn : "Tối lại, quân VC có cho một thành phần nhỏ nào đó bò về mục tiêu Ấp Bắc để tìm xác anh chỉ huy..." Nhưng việc nói VC lén về Ấp Bắc tìm xác cũng là chuyện không thật. Làm sao có chuyện đó khi toàn Đại Đội 7 M113 đang nằm dàn trận chờ sẵn tại chỗ. Một tên chỉ huy VC bi tử thương là có thật, nhưng toán VC mò về lấy xác thì không. Tôi nhớ chiều hôm đó, khoảng 6 giờ, sau khi Đại Đội 7 M113

đã hoàn toàn làm chủ tình hình và chấm dứt trận đánh, thì việc cho một đơn vị Dù nhảy xuống cánh đồng trống phía sau lưng Đại Đội 7 là một điều vô ích. Có một toán nhỏ quân Dù bị gió chiều bọc cuốn đưa lạc vào một vùng không an ninh, đã gặp một thiệt hại nhỏ, nhưng đó quả là một thiệt hại không đáng xẩy ra và rất oan uổng. Đúng là tháng xui ngày rủi của quân ta.
Trong lửa đạn, trong trận đánh, cái đầu tôi với cái mũ nồi đen kỵ binh lúc nào cũng nhoi ra khỏi M113 mà đạn mọi phía bắn ào ào tới mà cái đầu chẳng bị trúng viên nào, làm cho tôi có cảm tưởng VC bắn rất tồi! Nhưng chưa hết, vào sáng sớm hôm sau, vì còn ấm ức về cái vùng sâu phía trong của mục tiêu Ấp Bắc chưa được chế ngự và lục soát kỹ, tôi đã quyết định mở cuộc hành quân loại bỏ túi - tức là "hạ chiến" - với một thành phần nhỏ của các xa đội tạm thời rời M113 để đánh bô.. Đến hơn nửa đường di quân, bất ngờ không biết ai gọi mà những tràng pháo binh loại 105 ly của phe ta không mời mà đến, thay nhau từng đợt 4 quả với 4 tiếng "bụp - bụp - bụp - bụp" nghe từ quận Cai Lậy vọng lại báo hiệu những lần đạn rời nòng bay đi. Những trái đạn chạm đất nổ vang, và chúng tôi mừng là nó không rơi vào vị trí chúng tôi.

Có khoảng 40 trái đạn bắn đi, có trái rơi cách chúng tôi khoảng 10 thước. Từ trong một cái hố với với máy truyền tin PRC trên lưng, Hạ Sĩ Tòng lúng túng gọi khẩn cấp về xe chỉ huy để chuyển lời yêu cầu của tôi yêu cầu Bộ Chỉ Huy Hành Quân cho ngưng cuộc pháo kích vì "chúng tôi đã đầu hàng vô điều kiện!" Trong khi tôi đang trong thế ngồi chồm hổm, đẩy mạnh lưng vào thành hố để tim bớt đập mạnh thì anh đại úy cố vấn J. Scanlon mất tinh thần, bò quanh bò quẩn trước mặt tôi... trông ngơ ngác như một con bê lạc bầy Theo tôi, nếu cảnh đó được Neil Shehan chứng kiến và viết đầy đủ lại trong quyển "The Bright Shining Lie" của anh ta thì chắc anh ta đáng lãnh giải "nobel" ở Thụy Điển chứ không phải giải Pulitzer mà anh ta nhận ở Mỹ. Cả CS , vì nhu cầu tuyên truyền chính trị, lẫn các nhà báo Mỹ, vì thiếu chứng liệu và nhiều thiên kiến, đã viết sai sự thực, xuyên tạc sự thực về cược chiến tự vệ anh dũng của quân dân miền Nam. Và cũng thể theo lời yêu cầu của một số chiến hữu cựu quân nhân QLVNCH và đồng minh, tôi đã gạn lọc trí nhớ để tìm lại những dữ kiện thật thuộc loại "đầu dây mối nhợ" của trận Ấp Bắc mà vì lý do chính trị và nhu cầu phản chiến, họ đã cố tình bóp méo sự thật. Tôi đã viết lại bằng tay, bằng chính thủ bút của mình. Và như chiến trường Ấp Bắc tan hoang, khi tôi viết xong bài này trên mấy trang giấy cuối thì dưới bàn viết của tôi là một đống giấy nháp với cây viết "bi" đã gần hết mực "dàn trận tan tác ngổn ngang" dưới gầm bàn. Viết bài này, tôi cũng có ý nhắc cho những ai chưa biết sự thật, là, với chiến thắng và kinh nghiệm từ trận Ấp Bắc, không biết bao nhiêu lần tôi đã đánh thắng những đơn vị địch quân từ các cấp tiểu đoàn, trung đoàn, sư đoàn và cả quân đoàn của VC - bất cứ ở đâu, từ miền Tây, miền Đông Nam phần đến Tây Nguyên, đặc biệt là hầu hết các lần đó đều có sự hiện diện của J.P Vann, kẻ có lần đã đề nghị lên đại tướng Lê Văn Tỵ cho tôi đi tù - và sau này, cũng chính J.P.Vann vận động cho tôi lấy quyền chỉ huy SĐ23 BB đánh tan 3 sư đoàn VC do tướng Bắc quân Hoàng Minh Thảo, một trong những tướng hùng hổ nhất của Bắc Việt chỉ huy
Từ những điều trên trong bài này, việc sách báo VC và Tây phương nói quân VNCH thua trong trận Ấp Bắc là xuyên tạc, là sai sự thật. Và nếu còn sống đến hôm nay, chưa chắc J.P Vann đã cho N.Shehan viết trận Ấp Bắc một cách thiếu sót và sai lệch. Vì đó cũng chính là cái thiếu sót của J.P.Vann trong những phút giây đầu tiên của trận Ấp Bắc, vì ông chưa đủ kinh nghiệm và hiểu biết về chiến tranh du kích kiểu VC. Sự thiếu sót và thiếu kinh nghiệm đó của ông và ký giả Tây phương đã làm cho các bài viết về trận Ấp Bắc bị bóp méo và hiểu lệch khác đi.

Người Đàn Bà Mang Thai Trên Kinh Đồng Tháp

Thảo Trường

Con kinh thẳng tắp dài hun-hút kéo từ Gẫy-Cờ-Đen đến quận lỵ Mỹ An, nhìn trên bản đồ nó èo ọt như một chiếc que đan. Hai bên bờ kinh cây cối um-tùm, ngả nghiêng che phủ gần kín hết ánh sáng của mặt trời chiếu xuống mặt nước. Kinh rộng độ mười thước, nước đục lờ đờ, vài cây bèo cam phận hẻo lánh. Nhà cửa rải rác ẩn hiện dưới những tàng cây. Rất nhiều những con lạch nhỏ ăn thông từ cánh đồng ra lòng kinh. Đường mòn đã chật chội lại khúc khuỷu bởi những cây cầu khỉ bắc ngang những con lạch đó. Nhà chị Tư ở khoảng giữa con kinh, gần bến đò, cuối đường đi vào Tháp. Chị Tư sống và lớn lên ở đây.

Ngoài thời gian mấy tháng phải về binh vận tại chợ quận, chị Tư không hề biết đến đời sống rộng lớn của cái thế giới này. Con kinh đã cô lập chị trong những kỷ niệm chật chội. Thật vậy, chị Tư chưa đi xa hơn đầu con kinh, chị Tư chưa đi quá chợ quận. Chồng chị tập kết từ mười năm nay không về. Thỉnh thoảng chị cũng nhận được thư của anh do những người cán bộ chuyển từ ngoài Bắc vào. Thư nào chồng chị cũng nói là khoẻ mạnh, vì bận công tác nên chưa về được. Vợ chồng chị lấy nhau được chừng nửa năm thì anh Tư đi theo bộ đội tập kết. Chị Tư ở lại với bà mẹ chồng quanh quẩn, mòn mỏi. Bà mẹ anh Tư đã chết cách đây hai năm với một niềm ân hận là không được gặp mặt lại đứa con trai duy nhất của bà. Chị Tư từ đó chỉ còn một mình trong căn nhà vắng vẻ. Vào những buổi chiều chị ra ngồi ở bờ tre sau nhà, nhìn ra cánh đồng trống mênh mông, nghĩ tới anh Tư. Những lúc đó niềm cô đơn trong lòng chị nhức nhối rát ruột rát gan và chị ứa nước mắt cho số phận. Hồi anh Tư mới đi tập kết, mẹ con chị sống côi cút với những hy vọng từng năm, từng năm, đợi ngày anh Tư trở lại. Anh Tư chưa bao giờ trở lại nhưng có những đồng chí của anh trở lại. Lúc đầu họ còn ẩn hiện trong xóm, dần dần họ đi lại công khai, và tầm hoạt động của những người dân vệ trong đồn bến đò càng ngày càng thu hẹp lại.

Đến một đêm súng nổ ran và lửa cháy thiêu trụi tất cả đồn đó. Ngày hôm sau máy bay đến oanh tạc dọc theo bờ kinh làm cho những cây cối vốn đã khẳng khiu lại càng khẳng khiu vì bị những lằn đạn làm ngã gục. Rồi thôi...Những anh cán bộ vẫn tiếp tục chuyền từ nhà nọ sang nhà kia, hết rỉ tai từng người lại tập trung cả xóm học tập. Chị Tư biết đến những tiếng: Tự do, Dân-chủ, Độc-lập, Hạnh-phúc, Căm thù, Đả-đảo...và nhiều tiếng nữa từ đó. Nhưng rồi chừng hơn một năm sau quân đội đến. Những anh cán bộ liền vắng mặt. Mẹ con chị Tư lại được biết thêm một số tiếng lạ nữa. Chị đi làm Ấp chiến-lược, chị học tập chính trị "tam-túc", "tam-giác" trong vòng đai kẽm gai và bờ đất. Đồn dân-vệ được xây cất lại với bộ mặt mới. Yên được một dạo. Nhưng rồi những anh cán bộ lại ẩn hiện, lại mò mẫm rỉ tai trong đêm tối. Rồi đồn dân vệ lại nổ súng và cháy trụi. Ấp chiến lược thành ấp chiến đấu. Mấy anh cán bộ lại học tập. Mẹ anh Tư chết vào thời kỳ này và không biết bà chết vì bệnh gì. Chị Tư lúc này đã trở nên một người biết tới hai chủ nghĩa: cộng-sản và nhân vị. Chị có thể nói rất trôi chảy về những chủ nghĩa đó vì chị đã

được nghe quá nhiều lần. Rồi một hôm chị đươc đề cử đi binh vận tại chợ quận. Lúc đầu chị nhất định không chịu đi làm công tác đó, nhưng sau chị nhận được một lá thư do một anh cán bộ chuyển tới nói là của anh Tư ở ngoài kia gửi vào. Thư anh Tư khuyên chị nên hăng hái đi công tác binh vận theo chỉ dẫn của các đồng chí cán bộ. Chị Tư khăn gói lên chợ quận ở cùng với một cán bộ gỉa dạng làm em trai.

Chị mở một quán cháo và từ cái quán cháo đó chị quen với một anh binh sĩ truyền tin trong quận. Chú em trai của chị cũng trở thành một anh dân-vệ trong quận.Thời gian này chị Tư quên đi mất hình ảnh anh Tư, vì chị Tư đã được sống lại những cảm giác khoái lạc đến hỗn độn với anh binh sĩ truyền tin và "chú" em trai cán bộ. Chị dãy-dụa trong những niềm hoan-lạc tràn ngập đó . Cuối cùng, đến một hôm, cái thai trong bụng chị máy động. Cái máy động thứ nhất làm chị bàng hoàng. Chị tự hỏi "nó"là của ai? Của anh cán bộ hay anh binh-sĩ truyền tin ? Chị thẫn thờ cả người và chị muốn rời ngay cái chốn đó. Chị tự hỏi của ai? Chị muốn biết của ai ? Cái thai của ai cũng được nhưng chị phải biết chắc là của người nào. Lúc này chị lại nghĩ tới anh Tư dữ dội. Và chị Tư bỏ dở công tác binh vận. Chị trở về căn nhà xiêu vẹo ở ven bờ kinh. Chị khóc ròng vì không biết cái thai của ai. Chị khóc ròng vì anh Tư đi mãi không về. Lúc đó chị mới nghiệm ra rằng trong những lúc chị quằn quại khoái lạc với anh cán bộ hay với anh binh sĩ truyền tin, chị không nghĩ tới anh Tư nhưng là những lúc chị sống lại, tìm thấy cái cảm giác mười năm về trước. Chị tìm thấy mà chị không biết là thấy. Anh cán bộ cũng đào ngũ dân vệ, trở về xóm với chị. Anh hằn học với chị, anh mắng nhiếc chị đã làm hỏng kế hoạch của anh. Anh hành hạ chị ngay cả những lúc anh ngủ với chị. Cái thai mỗi ngày một đập mạnh và bụng chị Tư lớn dần lên. Một hôm chị hỏi anh cán bộ cái thai trong bụng chị là con của ai, anh ta bảo là con của Đảng.

Trong phong trào thi đua đặt chông bẫy diệt Mỹ phòng thủ xóm, anh cán bộ giao cho chị Tư một quả lựu đạn, bảo chị phải kẻ một khẩu hiệu "Đả đảo Đế quốc Mỹ" mắc lên một thân cây và gài trái lựu đạn vào sau tấm biểu ngữ làm bẫy. Anh còn làm cho chị xem rồi tháo ra để chị làm lấy. Anh lý luận rằng phải chính chị tự tay làm lấy để cho hành động thấm nhuần tư tưởng! Chị Tư ì-ạch kẻ khẩu hiệu "Đả đảo Đế quốc Mỹ" trên một tấm ván gỗ. Chị Tư ì-ạch vác thang ra gốc cây trước cửa nhà. Chị Tư ì- ạch mang cái bụng chửa lên thang. Chị Tư ì-ạch đóng đinh tấm bảng vào thân cây và buộc quả lựu đạn nơi phiá sau tấm bảng. Chị Tư ì-ạch cột sợi giây oan nghiệt từ chốt lựu đạn sang một cành cây, trước cặp mắt khuyến khích của anh cán bộ đứng dưới. Mồ hôi chị Tư vã ra ướt đẫm cả quần áo. Chị tuột xuống thang trở vào nhà thay quần áo khác rồi trở ra ngồi ở bậc cửa nhìn lên tấm bảng khẩu hiệu "Đả-đảo Đế-quốc Mỹ". Anh cán bộ mang hộ chị chiếc thang vào sau nhà, xong cũng ra ngồi kề bên chị. Chị Tư ưá nước mắt nhìn tấm bảng, nhìn anh ta, rồi chị giắt anh ta vào giường. Chị Tư đè ngửa anh cán bộ xuống rồi chị khóc nấc lên thành tiếng: "Tôi đây, tôi là của anh, nhà của tôi là của anh, cái bào thai này cũng là của anh. Nó phải là của anh!" Anh cán bộ ú ớ dưới ngực chị: "Nó là của Đảng! Tất cả là của Đảng!"

Cuộc hành quân đến xóm đó thì dừng lại. Người sĩ quan chỉ huy bước vào nhà chị Tư. Anh cán bộ không còn ở đó. Chị Tư ngồi ôm bụng trên chiếc chõng tre nhìn người sĩ quan. Người sĩ quan quan-sát khắp gian nhà. Bên ngoài toán lính đang xục xạo tìm kiếm. Một anh vào báo cáo với người sĩ quan, cuộc tìm kiếm không có gì khả nghi ngoại trừ cái khẩu hiệu "Đả đảo Đế quốc

Mỹ". Người sĩ quan ra lệnh không ai được đụng tới tấm bảng. Mới lúc nãy đây đã mất hai người đồng đội của họ chết vì vô ý giật một tấm khẩu hiệu trên cây xuống và đã bị lựu đạn nổ tan xác.

Người sĩ quan bước ra dưới gốc cây ngước lên quan sát rồi trở vào hỏi chị Tư "Ai gài tấm biểu ngữ Đả đảo Đế quốc Mỹ ngòai kia?" Chị Tư nói "Tôi gài". Người sĩ quan nói "Ra gỡ xuống". Chị Tư nói "Lậy cậu, nổ chết tôi". Người sĩ quan lại hỏi "Chồng chị đâu?" Chị Tư trả lời "Mất tích mười năm nay rồi". Sĩ quan nói "Tập kết hả?" Chị Tư gật đầu và y quát chị ra gỡ tấm khẩu hiệu xuống. "Chị làm chị chịu ai bảo cài lên". Chị Tư vẫn ngồi ì ra. Người sĩ quan rút súng lên đạn. Chị Tư hoảng sợ ôm bụng ì- ạch đứng dậy. Chị Tư ì-ạch với cây gậy dựa nơi góc nhà. Chị Tư ì-ạch bước ra gốc cây. Chị Tư ì-ạch dơ gậy lên giáng thật mạnh vào tấm bảng khẩu kiệu "Đả đảo Đế quốc Mỹ." Và trái lựu đạn văng xuống. Chị Tư hốt hoảng vứt gậy bỏ chạy. Toán lính nằm rạp cả xuống. Nhưng trái lựu đạn không nổ. Chị Tư ngã sấp mặt xuống trước cửa nhà. Nước mắt chị trào ra. Ngất đi...
Chị Tư bị động thai. Người sĩ quan bế chị vào nhà đặt nằm trên giường săn sóc cho chị. Suốt đêm đó chị Tư bị hâm hấp sốt, thỉnh thoảng bị chuyển bụng. Người sĩ quan đứng cúi đầu bên giường chị. Chiếc đèn dầu lập loè chiếu bóng anh ta hắt lên vách méo mó. Gần sáng chị Tư sinh một đứa con trai thiếu tháng. Người sĩ quan đỡ đẻ cho chị, anh ta làm công việc đó rất chăm chỉ. Đứa bé khỏe mạnh khóc lên những tiếng làm cho anh ta vui ra mặt. Hắn luôn luôn sờ trán chị Tư. Chị đã tỉnh và mỉm cười với hắn. Hắn cười lại...Sáng hôm sau y sĩ đơn vị đóng cách đấy hơn cây số được mời tới săn sóc cho mẹ con chị Tư. Mấy hôm sau, người sĩ quan đến hội đồng xã, mới được thành lập lại một lần nữa tại đồn dân vệ bến đò, làm khai sinh cho đứa bé. Hỏi cha nó đâu chị Tư lắc đầu trả lời không có, nên người sĩ quan bèn khai cho nó mang họ của ông ta. Lúc trở về căn nhà chị Tư, người sĩ quan lại sờ trán chị Tư, sờ trán đứa nhỏ và nói với mẹ con chị rằng có lẽ anh ta cũng đã có nhiều con nhưng không biết chúng ở đâu và chưa hề khai sinh cho đứa nào. Bèn khai sinh cho đứa nhỏ này mang dòng họ của mình.

***

NHẮN-TIN: Nhắn cậu nhỏ mang dòng họ cùng với tôi, hai mươi năm nữa, cậu khôn lớn (lời Nhắn Tin này chỉ gửi đến cậu khi cậu đã trên hai mươi tuổi), lúc đó tôi không biết cậu sống trong hoàn cảnh nào, trong một xã hội nào. Cậu cho tôi xin cậu một điều là, trước khi cậu hành động, trước khi tranh đấu, trước khi cách mạng, trước khi biểu tình, trước khi đảo chánh, trước khi lật đổ, trước khi hành quân, trước khi thuyết pháp, trước khi cầu nguyện, trước khi hội thảo, trước khi thụt két, trước khi hành lạc, trước khi đập phá, trước khi hy sinh...nghĩa là trước khi quyết định làm một việc gì, xin cậu...chỉ xin cậu hãy nghĩ đến người đàn bà mang thai khốn khổ, hãy nghĩ tới những người mẹ bị rất nhiều chủ nghĩa với những danh-từ hoa-mỹ hành hạ. Xin cậu hãy nghĩ tới cái hình ảnh đó, tôi cầu xin cậu như thế, vì tôi chính là tên sĩ quan đã hành hạ mẹ cậu, đã đỡ đẻ cho mẹ cậu sau khi các đồng đội của tôi chết vì những thứ khẩu hiệu như cái khẩu hiệu "Đả đảo Đế quốc Mỹ " ấy.

(Saigon.27.11.1964.)

Tiền Đồn

Thế Uyên

Bốn giờ sáng có lệnh dừng quân bố trí, Vũ cho trung đội đóng dài dọc lộ phía sau lớp nhà, hút thuốc trong chiếc mũ úp trên tay. Âm thanh rì rào của máy truyền tin, hiệu thính viên thì thào xen lẫn với tiếng huýt sáo nhỏ: "Thanh 3 gọi Thanh nghe không trả lời, Thanh 3 gọi Thanh nghe không trả lời... Thanh 3 đã tới vị trí ấn định, Thanh 3 đã tới vị trí ấn định...". Đoàn xe tải quân tiếp viện bắt đầu xuất hiện, những khối đen to dần trong tiếng động cơ ầm ì, những ngọn đèn xanh nguỵ trang leo lét như mắt mèo. Vũ đứng dậy, đeo súng lên vai, gắn điếu thuốc lên miệng ra đứng ven quốc lộ, tựa lưng vào cột hàng rào. Những bóng đen bất động trên xe, một vài đốm lửa đỏ hình như hướng về phía chàng như một lời chào không thành tiếng. Ánh trăng tràn đầy, loang loáng trên các đỉnh tròn của mũ sắt, lẫn trong tiếng động cơ vang lớn. Đoàn xe đã đi qua, Vũ nhìn theo chấm đỏ chiếc xe cuối cùng, vơ vẩn nghĩ tới đơn vị bạn đang thất thế, cầm cự từng phút cũng dưới thứ ánh trăng này. Chàng trở lại chỗ cũ ngồi tựa cửa căn nhà, tay quàng lên báng súng ngủ thiếp đi.

Cánh cửa lay động như muốn mất hút về phía sau, Vũ giật mình vùng quay lại. Trời đã hửng sáng. Người đàn bà bất động đặt nguyên tay trên cánh cửa nhìn những người lính ngổn ngang ngoài thềm, không ngạc nhiên, không sợ hãi. Phía trong, ba đứa trẻ ngủ lăn lóc trên chiếu trải ngay dưới đất. Vũ giơ tay che miệng, hỏi qua tiếng ngáp: "Sao bác để các em ngủ đất? Dễ đau bịnh lắm!". Người đàn bà trả lời, không mỉm cười, không nhăn nhó: "Phải đành vậy. Nằm giường đâu có chạy đạn kịp. Dạo này đánh nhau quá trời đi chú!". Vũ đứng dậy vươn vai nhìn một vùng trời bắt đầu ửng đỏ, ra sân múc nước té vào mặt, châm một điếu thuốc, nghĩ tới một ngày vất vả đương chờ đợi.

*

Súng cối ở đồn bắn? Chị Ba nhấc đầu khỏi gối lo ngại, nín thở nghe ngóng. Thân thể cứng lại trong chờ đợi tiếng nổ lớn kinh hồn. Chiếc đồng hồ lấp loáng ánh dạ quang xanh mờ vẫn kêu tích tắc trên bát sát giường. Chung quanh im lìm, tiếng một con chó sủa ở xa, một con mối tắc lưỡi trên vách. Không có gì cả, chị thở phào. Chắc thằng Bê đạp chân vào vách, không phải tiếng súng cối bắn đi. Chị tự hỏi mấy giờ, bực mình khi nhớ ra ban nãy có ngó vào đồng hồ nhưng không nhớ là mấy giờ. Chị lồm cồm ngồi dậy, đưa tay cuộn mái tóc rũ rượi lên đầu, gáy và bàn tay đều nhớp mồ hôi. Mới có ba giờ. Qua khe vách, ánh trăng cắt ngang thân hình anh Ba và thằng Bê nằm phía ngoài. Chị cúi xuống, người đàn ông ngủ say, tiếng thở đều đều.
"Anh ơi! Hình như có tiếng súng ở đồn".
Người đàn ông ầm ừ, co hai chân lên, một khoảnh khắc ngắn bàn chân bám đất hiện rõ dưới ánh trăng.
"Để tui ngủ. Sáng đâu nào".
Chị lay chồng khe khẽ:

“Anh cứ dậy thử coi. Lỡ mấy ông bắn thiệt, chun vô hầm đâu có kịp”.
Chị đưa tay quàng lấy đầu chồng, kéo lên. Đầu gối người đàn ông lọt vào giữa hai đùi ấm áp, làm chị tự dưng muốn khép hai chân lại. Vợ chồng vừa đôi co lúc tối, chị muốn ăn nằm từ chiều, từ lúc anh Ba xối nước ngoài sân, cái mông cứng lâu láng nước làm chị nóng ran từ dưới lên trên. Chị cố ru cho thằng Bê và khi nó đã ôm cái chăn dạ lính ngủ, anh còn lúi húi đan gì không biết ở căn bên. Chị giục tắt đèn, một lần, hai lần, anh không nhúc nhích. Có tiếng dao chặt nhẹ và tiếng cười: “Có người nghèo mà ham quá ta...”. Nghe tức điên, chị không thèm nói nữa, quay mặt vào vách cố ngủ. Anh kéo ngửa ra, chị vùng vằng không chịu. Anh lao người lên, đè trên cánh tay đau nhói, chị càng tức co chân đạp tung anh xuống đất. Sau cùng cả hai cùng ức, nằm cạnh nhau im lặng. Về khuya chị thao thức không ngủ được, người vẫn râm ran bứt rứt. Chị xoay người lại ép sát vào chồng. Chị biết anh chưa ngủ. Nhưng anh nằm im. Chẳng lẽ chị lại dàn hoà trước. Chị toan tính quẩn quanh, mong có tiếng súng nổ để cả vợ chồng con cái leo xuống cái hầm dưới gậm phản. Thế là tiện, khỏi phải ai dàn hoà với ai hết. Nhưng đêm nay yên tĩnh. Trăng sáng, chắc mấy ông trong đồn nhớ vợ nhớ con không buồn động tĩnh. Chị ấm ức, ấm ức với tất cả. Chẳng lẽ lại đưa tay ra trước để anh chàng sáng mai làm tàng, chịu đâu nổi. Bây giờ không gian bốn bề yên tĩnh, trăng sáng như ban ngày ngoài vách và người chị thì như thế. Chị đưa tay xoa bộ ngực căng tức sữa, một cảm giác buồn buồn bứt rứt lan khắp người, phía dưới bụng như căng ra. Chị bước xuống đất, tiến đến sát vách đối diện, nhìn qua khe. Hàng hiên sạch trắng dưới ánh trăng, dưới mấy bóng cây ngoài vườn không hình dạng nào khả nghi: đêm nay không có toán quân nào tới đóng quanh nhà. Chị toan mở cửa ra ngoài, nhưng lại thôi. Thôi, ở trong nhà là hơn dù chị rất ghét làm việc này trong nhà. Anh Ba nằm kia. Tấm ảnh nhìn chị còn ngượng nữa là... Những lúc thế này, chị muốn già phứt cho rồi để có thể như mấy bả, tiện đâu ngồi đó. Chị cúi xuống, cẩn thận kéo cái chậu xa vách cho vừa tầm, chị tụt quần ngồi có giữ cho tiếng nước khỏi vang động. Có tiếng cười nhỏ trên giường thì phải, chị không dám chắc có phải không. Lại gần giường, chị khe khẽ leo lên, một cánh tay đột nhiên quàng qua lưng, vít xuống. Chị vùng vẫy thì thào:
“Khéo đè lên thằng nhỏ!”
“Đè lên đâu cũng được, làm tàng hoài à!”
Chị giẫy giụa, cố xoay người ép vào vách:
“Chẳng biết ai làm tàng...”
Đột nhiên chị chống tay ngồi lên. Có tiếng động cơ lớn dần, ầm ĩ dữ dội. Anh Ba nới lỏng tay úp trên ngực vợ, nghe ngóng. Đoàn xe vụt trên lộ bên kia vườn, hết chiếc nọ đến chiếc kia. Sau cùng tiếng động cơ nhỏ dần, khuất đi. Chị thả người nằm xuống, hất chồng ra ngoài thì thào:
“Thôi mình! Mấy ông hành quân lớn, đạn bắn tùm lum bây giờ. Tôi hổng chịu xách quần tụt vô hầm như bữa trước đâu”.
“Thì ôm quần tụt vô đã sao, như bữa trước đã sao?”
Chị thẹn nóng bừng má. Bữa đó, súng nổ tứ tung, ngồi sát vách đất hầm tay ôm mớ quần áo, tay bồng đứa nhỏ mà ảnh còn tiếp tục... Nỗi ngượng nghĩ lại làm chị bơ thờ, tứ chi xao lãng thủ thế. Anh Ba lợi dụng lao ngay lên. Chị vùng người không kịp. Chị nói nhỏ:
“Làm khẽ chứ! Cho thằng nhỏ ngủ”.
Chị lơ mơ nghĩ sáng mai phải dậy sớm ra chợ bán thúng khoai mì. Chắc chín giờ là hết, tới

hàng vải mua cho thằng nhỏ chiếc áo, cái màu đỏ chị ngắm nghía từ ba bữa nay. Tiếng anh Ba thở mạnh, chị chợt nhận thấy hơi ùa ra khỏi miệng mình còn mạnh hơn, rồi chị chẳng còn nghĩ còn nhận thấy cái gì nữa.

*

Có tiếng huýt sáo vang từ máy truyền tin, Vũ đưa tay lên cầm ống liên hợp, trả lời. Lưỡi chàng chuyển động khó khăn, miệng khô khan thèm thuồng một ly cà-phê sữa đặc quánh. Chàng cài ống nghe, quay lại nói:
"Tiểu đoàn báo cho biết có một đại đội biệt động quân từ bên kia sông rút sang, theo lộ trình này..."
Vũ cầm bút vạch trên bản đồ:
"Tiểu đoàn dặn phải cẩn thận, không đụng lầm. Họ sẽ tới ngã tư đất đỏ rồi theo quốc lộ về tỉnh".
Hy gạch chữ thập lên bản đồ:
"Khỏi lo đụng lầm. Một giờ nữa tối đa đại đội mình vượt qua ngã tư rồi. Vũ nhớ khi qua ngã tư, cho bắn càn quét vào rừng bên phải".
Vũ khó chịu, làu nhàu. Chàng rất ghét cái lối nổ súng bừa bãi khi không có địch. Chàng đứng dậy, vươn vai hỏi:
"Chắc có địch ở số nhà đó không?"
Hy gập bản đồ, đút vào ngực áo:
"Một trung đội du kích. Thằng Tư tưởng bảo vậy. Cứ biết vậy đã. Nhưng mong rằng tin đó sai".

*

Rổ khoai mì đã bán gần hết, chị hài lòng xoa hai tay vào nhau cho sạch đất. Nắng chưa gắt, chiếc nón chị còn quẳng ngửa bên cạnh trên đất. Một người lính dừng lại, chị thấy đôi giày da cao cổ đầy bụi, gót phía sau mòn vẹt. Giọng nói lơ lớ làm chị biết đây là một người Nùng, tiểu đoàn đóng vùng này gần như có giọng nói như thế cả, mấy anh du kích gọi là dân xì dầu, lý do tại họ gần như không biết ăn nước mắm. Không hiểu xì dầu ngon lành gì mà mấy ổng ăn hoài được. Chị thốt cười rúc rích. Bà Tư đưa tay xua ruồi trên gói xôi bọc lá sẵn, cầm đưa lên cho người lính, quay lại gắt đùa:
"Con Ba có cái chi thích mà cười hoài vậy?"
Chị tiếp tục cười, liếc nhìn người lính đang bốc xôi đưa lên miệng, khẩu súng kẹp giữa hai chân báng kê trên mũi giầy, trả lời:
"Tui thích cười thì tui cười..."
"Thôi, qua biết rồi. Sáng nay mặt trời lên gần tàu cau rồi, qua nhà tụi bay còn thấp liếp kéo kín mít. Ngủ chi kỹ vậy, bây giờ cười dữ. Qua biết quá mà..."
Chị vụt thấy nóng bừng mặt, im bặt cúi xuống luống cuống. Người lính nhìn chị như thế từ lúc nào chị không hay. Tự dưng chị ngồi ngay ngắn lại, lấy nón đội lên đầu. Chị thấy sờ sợ. Chợ buổi sớm đương đông và những người lính chính quy này về đây từ hơn một tháng không làm bậy bạ bao giờ, nhưng chị vẫn thấy sợ. Chị ngồi nín thinh nhìn xuống đất và chỉ thở ra nhẹ nhõm khi đôi giày cao cổ đụng đậy rồi đi khuất khỏi tầm nhìn. Chị biết không nên sợ vì không có gì đáng sợ cả nhưng chị vẫn... Thôi, phải rồi, tụi lính Pháp hồi ấy cũng đi thứ

giày này. Bị tát văng vô gậm phản, chị vừa đau vừa sợ nằm cố nín khóc, sợ bị lôi ra đánh thêm. Chị nhìn thấy những đôi giày như thế ngọ nguậy tiến lui, tiếng má chị la hét phía trên, tiếng cười lớn của toán lính, những câu nói xì xồ giữa la oải đau đớn nhỏ dần thành rên rỉ. Chị nằm lịm dưới gầm như thế cho tới chiều, cho tới khi toán quân rời khỏi làng, người bà lôi ra tắm rửa, cho ăn trước khi dẫn vào buồng thăm mẹ nằm trên giường mắt sưng
"Còn chỗ này bán nốt cho tôi đi! Năm đồng chịu không?"

Chị ngẩng lên, nhận ra đại diện xã:
"Tưởng ai! Anh thì còn lâu tui mới bán".
Chị cười, lấy giấy gói.

*
Một tràng tiếng nổ từ phía ấp, khóm cây rung động dưới làn đạn. Vũ quỳ xuống, la vào trong máy giữa tiếng súng bắn trả ồn ào.
"Vĩnh 3 bố trí tại chỗ. Địch bắn từ bờ ấp bên phải quốc lộ. Nghe không trả lời. Tôi không thể tiến được!"
Tiếng Hy hối hả:
"Tôi cho súng cối yểm trợ... Bọn chúng có trung liên đầu bạc. Tôi đang xin tư tưởng Đống đa bắn 81".

*
Chị Ba giật mình đánh rớt gói khoai mì xuống đất, lắng nghe tiếng súng nổ liên hồi. Chợ vụt im bặt tiếng ồn ào, mọi người đứng dậy lo ngại nhìn về hướng tiếng súng. Đại diện xã cười:
"Xa tới hai cây số lận. Đừng lo. Làm hư hết cả khoai mì của tôi rồi!"

*
Vũ đứng dậy la lớn:
"Thôi bắn! Thôi bắn!"
Xạ thủ trung liên ngồi dậy nhìn về phía bờ ấp. Vũ tiến lại gần:
"Tụi chúng rút rồi".
Chàng chưa nói hết câu, một tiếng nổ lớn bùng ra bên phải, tiếp theo một tiếng nữa. Chàng chạy lại máy vô tuyến, giằng ống nghe trong tay hiệu thính viên:
"Vĩnh thanh, Vĩnh thanh! Súng cối hai trái nổ bên phải tôi 100 thước. Không ai bị thương. Gọi tư tưởng Đống đa nhờ pháo binh yểm trợ mau. Đụng cả C. chúng nó rồi!"
"Vĩnh ba tiếp tục bố trí tại chỗ cho tôi! 81 sắp bắn đó, quan sát!... Pháo binh sắp bắn trái khói bên phải anh. Điều chỉnh thẳng với tư tưởng Đống đa. Hết".
Một tiếng nổ, hai tiếng nổ, một chuỗi tiếng nổ ở trong đồn phía bên kia quốc lộ. Chị Ba lụp chụp quơ cái thúng:
"Chết tui rồi!"
Dân chúng chạy tản mát vào các dãy nhà chung quanh chợ. Đồ hàng đổ lỏng chỏng. Đại diện xã la lớn:
"Bà con đừng lo! Bà con đừng lo! Súng cối đồn bắn đi đó. Không có sao đâu!"
Chị nấp sau cột láo liên nhìn những người lính chạy băng qua lộ, tập trung trước đồn. Các

tiếng nổ kế tiếp. Chị bắt đầu bình tĩnh, quay lại mỉm cười với người ngồi xệp dưới chân: "Hú hồn! Cứ tưởng mấy anh đánh đồn nữa".

*

Vũ mở bi-đông đưa lên miệng tu một hơi dài. Chàng chậm chạp xoay núm nhựa đậy lại, mắt nhìn theo những người lính biệt động quân đi chót khuất sau hàng cây. Bên cạnh chỗ chàng ngồi, một vài giọt máu của kẻ bị thương nhỏ xuống bắt đầu có màu nâu sậm. Hy vung tay tiếp tục nói lớn tiếng:
"Hắn vừa tiến tới vừa quát: Ai làm đại đội trưởng ở đây? Tôi la lại: Tôi là đại đội trưởng, yêu cầu anh cho biết cấp bậc, mời ngồi nói chuyện chơi... Hắn không ngồi, quát tại sao bọn mình kêu 81 bắn bừa. Tôi la lại là chính bên hắn bắn hai trái 60 trước, thử hỏi bên nào gà chết trước!"
Xạ thủ súng cối nói chen vào:
"Tụi chúng gà chết! Bắn hai phát mà không trúng trung đội chuẩn uý Vũ đi khơi khơi..."
Vũ cúi xuống, im lặng. Chàng nhìn những giọt máu bám trên lá cỏ, không nghĩ ngợi, không buồn rầu, không vui mừng. Tiếng Hy tiếp tục:
"Tôi trách hắn đổi lộ trình sao không báo trước. Tôi trách hắn không chịu quan sát, tụi Cộng ở bên phải ấp sao không thấy không bắn, lại nhè trung đội của anh đang đi khơi khơi khoảng trống mà làm hai quả 60 liền... Sau cùng hắn à một tiếng rồi la: Tại thằng tiểu khu. Về đánh chiếm tiểu khu hỏi tội... Thế rồi hắn kéo quân đi".
Hiệu thính viên xen vào:
"Tiểu đoàn vừa nói tụi họ vừa đi qua đồn vừa chửi tùm lum. Kể tức cũng phải. Tự dưng bị thương hai người, chẳng ra sao hết, chỉ tụi Cộng là lợi. Hai bên đánh lộn nhau, chúng vác trung liên chuồn mất".
Hai tiếng nổ lớn kế tiếp vang dội. Những viên đất nhỏ rơi lả tả trên đầu, quần áo. Vũ quay đầu lại la lớn về phía toán đang dùng TNT phá ụ:
"Còn mấy cái mả Hồ Chí Minh nữa mới xong?"
Một tiếng la trả lời:
"Ba mả nữa!"
Vũ nói với Hy:
"Ít nhất một giờ trưa mới xong. Trưa nay có cơm không?"
"Yên trí. Tôi gọi về đồn bảo hoả đầu vụ rồi. Chắc chúng sắp mang ra".
Vũ đứng dậy, đeo khẩu súng lên vai đi băng qua lộ. Toán phá đường cởi trần, mồ hôi bóng nhẫy. Khu vườn mát rượi, gió từ đồng trống phía xa thổi tới lá cây cọ vào nhau êm ái. Những binh sĩ đang lúi húi nấu cơm, những làn khói xanh bốc lên, kéo dài và tan biến theo chiều gió. Vũ bước vào căn nhà, cúi đầu đáp lễ người đàn ông rụt rè đứng dậy. Chàng cúi xuống nhìn chiếc hầm trú dưới gầm phản: không có gì khả nghi. "Cảm phiền bác cho quân sĩ tôi đóng đây và lấy nước". Chàng không muốn ngồi lại, căn phòng quá thiếu sáng, quá tù túng. Chàng dựng súng vào vách hành lang, rút cái võng ni-lông kẹp giữa xấp bản đồ ra khỏi ngực áo vứt xuống sàn đá hoa làm gối. Lưng mát lạnh, những cành lá thấp thoáng ánh nắng, những tiếng reo nho nhỏ và thanh, chàng ngủ thiếp đi và thức tỉnh khi tiếng nhạc trong *transistor* của hoả đầu quân lớn dần. Chàng ngồi xếp bằng trên thềm, chàng biết chàng ăn không ngon không phải vì mệt, không phải vì đánh lộn quân bạn. Chàng ăn không ngon vì

ánh nắng cứ lấp lánh trên các lá cây, các lá cây tiếp tục cọ vào nhau êm ái làm chàng như thấy có một cái gì vô ích và thừa thãi.

*

Chị tức nghẹn cổ họng, miếng cơm nằm đó không chịu xuống. Chị cầm tô canh lên uống, rồi tự dưng vùng liệng xuống đất. Nước canh, mảnh vỡ tung toé trên đất. Chị cúi nhìn vết nước thấm loang trên nền nhà khô nâu, càng uất ức. Chị la lớn:
"Tui không làm chi bậy, tui không có gì phải giấu hết. Tôi hổng sợ ai hết đó! Có đánh thì đánh đi coi!"
Ba nín thinh trước cơn giận của vợ, nhưng rồi anh bắt đầu nói, giọng hạ thấp hơn trước:
"Không có chi! Không có chi sao bà Hạnh nói trông thấy hai người nói chuyện hoài sau hàng ba chợ? Thiếu chi chợ, sao lại đứng lúi xụi".
"Thế bộ tự dưng tôi vô đứng đó sao? Súng bắn ầm ầm, tôi đừng chạy núp..."
Chị hầm hầm đứng dậy ra sân. Nhưng tới hiên, chị dừng lại la lối:
"Ba ngày một trận ghen tuông! Tui chịu hết nổi rồi đó. Ừ! Thằng Tía là bồ của tui đó, đã sao chưa! Chồng chi mà kỳ. Bộ muốn tui đứng sựng giữa chợ cho đạn nổ chết luôn sao. Chạy núp, ai mà chọn được chỗ. Bộ muốn tui chết phải hôn? Muốn thì nói đi!"
Chị ngồi xuống thềm, khóc. Nước mắt càng tràn ra, chị càng tức. Đứa bé thấy mẹ khóc, cũng hoạ theo. Chị trở vào phản bồng con ra ngoài đầu thềm, kể lể:
"Thôi! Chỉ có con là thương má thôi, phải hôn? Má con mình đến đi kiếm chỗ khác thôi. Má nuôi con nghe, hổng cần con người đó há".

Chị lại bắt đầu khóc sau khi liếc nhìn thấy chồng đang rời khỏi phản. Ba lầm lũi đi qua mặt hai mẹ con, mở cổng đi về quốc lộ. Chắc ảnh đi nhậu, chị nghĩ tủi thân khóc lớn hơn rồi ngừng bặt sau khi thấy bóng chồng khuất sau một khúc quanh. Cứ mỗi lần cãi lộn xong là lại như thế, nhậu say đến đi hết nổi mới trở về nhà ngủ vùi. Cũng may anh hiền, say đến đâu cũng không đánh mẹ con chị bao giờ. Ảnh thế mà tốt hơn nhiều người khác. Chị đột nhiên thấy mình muốn cười, rồi chị mỉm cười. Có ai trông thấy đâu mà sợ. Chị lấy khăn lau mặt đứa bé, nhét vào tay nó một con vịt nhựa, thu xếp bát đũa vào rổ bê ra sân rửa. Trời nắng gắt nhưng ánh nắng không qua được lớp lá mít dày đặc trên đầu. Chị nghĩ tới chồng đang lầm lũi đi dọc bờ ruộng. Khi nãy anh đi vội, đâu đội nón. Phơi nắng sau khi say độc lắm. Thế nào cũng đau cho mà coi. Nghĩ cũng tội nghiệp ảnh. Anh thương mình quá nên hay làm tùm lum vậy thôi. Nào đã có chi bậy bạ đâu. Tự dưng máu dồn lên nóng bừng mặt. Chị nhớ tới một buổi trưa, lâu rồi, ngày chưa lấy chồng, ngồi với Tía sau bờ dừa ngoài sông. Bàn tay người đàn ông sần sùi và ráp trên cánh tay, chị run lên. Giá bữa ấy Tía đừng có vội, chị đâu có la lên. Giá lúc đó ảnh chịu khó đợi đến tối... Đúng thế, nếu trời tối, chắc chị không la. Nhưng ảnh vội quá. Chị la lên và Hải đã chạy đến. Hai người đàn ông đánh lộn nhau. Chị đứng sững dưới gốc cây dừa, chẳng mong cho ai thắng. Hải cũng thương chị. Và chị cũng chẳng biết bênh ai trong hai kẻ đang hầm hè lăn xả vào nhau đấm đá... Chị bê rổ bát đứng lên, đặt từng chiếc úp xuống giàn cây trước sân. Hải đi theo mấy anh du kích, Tía lên tỉnh mần ăn mất tích. Ở lại ấp, sau cùng chị lấy Ba. Kể cũng kỳ. Mình đã tưởng không lấy Tía thì lấy Hải. Rút cục, một con rồi kia. Chị cười, đi vào nhà. Chuyện hai người đánh nhau tùm lum hồi ấy, cả xã biết. Tía trở về là đại diện xã. Lại hay cà rờ chung quanh, làm ảnh chi không ghen cho

được. Chị lại cười, lấy lược chải lại tóc và nhìn khuôn mặt mình trong gương. Nắng ngoài sân chói một khoảng nhỏ góc gương làm chị nhíu mắt.

Có tiếng giày ngoài sân, chị giật mình buông lược quay lại và thở ra nhẹ nhõm khi nhận ra Tía. Chị cười:
"Làm người ta hết cả hồn. Cứ tưởng mấy ổng vô..."
Tía bỏ chiếc mũ nhựa tròn xuống phản, rút khăn lau mồ hôi trên trán rồi lau báng súng:
"Mấy ổng vô thì sao? Mấy ổng hiền khô à, không thấy sao? Cho xin ly nước, đi từ lộ vào đây khát quá trời".
Chị vục ly vào vại múc đầy, đặt lên mép phản:
"Mấy ổng hiền thiệt, nhưng vô đóng đây đến đâm mấy ảnh về lại hạch hỏi lôi thôi: "Sao lại để lính Mỹ – Diệm vô đóng! Bộ muốn làm tay sai cho chúng hả?". Ui chao!..."
Chị cười lớn ngồi xuống phản tiếp tục chải đầu:

"Rồi mấy ảnh còn bắt vô lấy cuốc ra đắp mô nữa. Sợ thấy bà!"
Tía đặt khẩu súng gác lên cột, mở banh ngực áo lùa khăn vào lau mồ hôi trên ngực:
"Sáng ra, tụi tôi đã không bắt anh chị ra phá đi, thế là đỡ quá rồi còn chi".
Người đàn ông tiếp tục lau ngực, những bắp thịt cuộn căng lên theo cử động của cánh tay. Chị nhìn và nhớ tới ngực chồng, cũng đầu vú nhỏ một cách chi mà kỳ... Không biết đàn ông có vú để làm chi, chị mỉm cười. Người đàn ông theo dõi biến đổi nét mặt, bắt gặp nụ cười, vội đứng dậy lại gần:
"Em à".
Chị giật mình lùi lại, thân hình tì lên cánh tay xuôi về phía sau làm ngực tức sữa căng lên dưới vải. Tía giơ tay lên, chị vùng né tránh lùi ra phía sau cột, cười:
"Bộ quên tui có chồng con đàng hoàng rồi sao? Muốn bị xua ra khỏi nhà sao mà làm dữ vậy? Đã cho trú nắng, cho uống nước, còn lộn xộn".
Tía ước lượng khoảng cách giữa hai người, liệu không thể nhảy tới kịp trước khi người đàn bà chạy ra sân, đành ngồi xuống phản cười dàn hoà:
"Em ngồi xuống đi. Tôi không làm chi đâu mà sợ. Có chuyện muốn nói mà".
"Nói chi thì nói luôn đi. Không chồng tui về bây giờ lại lui lủi như mèo cắt tai rút mất cho coi!"
Tía tức giận, vỗ ngực bạch bạch:
"Bộ tôi sợ thằng chả sao? Tôi không muốn gây rầy rà cho em đó thôi".
Chị bĩu môi:
"Hăm hoài à! Bộ tưởng làm đại diện xã có súng là tui sợ hay sao".
Chị cười vui vẻ rồi ngừng khi nhận ra dáng điệu ủ dột của người đàn ông. Chị lại phản ngồi, dịu giọng:
"Anh tới có chuyện chi, nói đi. Tui nghe đây".
Tía ngẩng đầu nhìn quanh quẩn, rồi nói rụt rè:
"Em à... Tôi vẫn thương em như xưa..."
Đầu cúi xuống, giọng ngập ngừng:
"Em tin tôi đi. Tôi thương em lắm. Thương như hồi ấy... hơn nữa".

Giọng nói quen thuộc làm chị nhớ lại những ngày đã qua, ngày chị chưa lấy ai và vùng này chưa lộn xộn, ngày chị còn mơ lấy chồng ở tỉnh, hai vợ chồng sẽ cần cù làm ăn, chị bán hàng ở chợ, tối về đi xem tuồng với nhau hay đêm khuya đi ăn tô mì nóng. Ngày ấy trai làng theo đuổi hoài hàng tá, trong đó có Hải, có Tía là chiếm được nhiều cảm tình của chị hơn cả. Nhiều đêm chị nhận lời ra ngoài ruộng nói chuyện với Hải, con người ăn nói đứng đắn và cư xử cũng vậy. Cũng nhiều đêm khác chị ra ngồi bờ lạch với Tía, kẻ hay đòi hỏi nọ kia, nay gạ cầm tay mai đòi hun má. Chị không nhận lời lấy ai hết, mơ lấy chồng mần ăn ngoài tỉnh. Mơ thế hay là vì sợ đau đớn như mẹ chị hồi nhỏ khi Tây về xã và xúm quanh chiếc phản... Chị không biết rõ, nhưng rồi mọi sự chẳng ra làm sao cả, chị thở dài cúi xuống không nhìn người tình cũ đang thì thào kể lể. Không, không có điều gì xảy ra như lòng mơ ước năm xưa cả. Tía một bữa say đánh ông hội đồng xã, sợ, bỏ làng ra đi. Chị hối hận vì sau buổi trưa hai người đàn ông đánh lộn ở bờ dừa, Tía tìm cách gặp mặt chị và chị đã nín thinh không trả lời câu hỏi, lảng tránh ngay vì nét mặt Tía quá dữ dằn. Thế rồi đến tối, Tía uống say ngoài quán, bị hội đồng xã chế giễu, đã gây ẩu đả. Sáng hôm sau biết chuyện, chị lại kiếm, nhưng Tía đã bỏ làng đi biệt tích từ đêm. Trở về nhà, chị khóc giấu trong bếp khi nghĩ đến cảnh Tía lủi thủi một mình lội bộ lên tỉnh. Những tháng sau đó, chị sống trong chờ đợi Tía trở về sau khi từ chối lời hỏi cưới của Hải.

Rồi chiến tranh lan tới, Hải bỏ làng theo mấy tên du kích vẫn đêm đêm lẻn về khuyến dụ. Tiếng súng bắt đầu nổ vang ruộng vườn. Chiếc đồn đổ nát trước chợ được tỉnh cho sửa chữa lại, hai chục dân vệ đến trú đóng trong số đó có vài gã con trai trong làng. Nhưng bây giờ có súng có đạn, họ không còn cư xử như xưa.

Chỉ còn Uông, một người đã theo đuổi chị ngày xưa nhưng bị cự tuyệt khá tệ, là còn cư xử đứng đắn. Tất cả những kẻ khác trong đồn đều tìm cách trêu chọc các cô bạn gái cùng làng xã cũ một cách thô lỗ. Đôi khi bị chọc quá tệ, cũng không cô nào dám cự nự nặng lời vì những kẻ kia đe rằng trưởng đồn rất dữ: "Lộn xộn đến tai ổng, ổng đốt xã cho coi!". Uông mỗi khi có dịp, thường vô làng cà rà với bà con cả ngày, không phải để ngăn hay tìm du kích, mà để cản mấy đồng đội quê nơi khác khỏi phá phách. Nhưng những xã bên, số gà bị bắt đi ăn thịt không trả tiền mỗi ngày một tăng với sự hống hách của viên trưởng đồn ngoài chợ. Hắn đánh thêm thuế đặc biệt vào hàng hoá, đe ai lên thưa ông quận, sẽ bắn bỏ. Đôi mắt hắn lừ lừ, nhìn vào đàn bà như xoáy rách quần áo ra. Các bà ngoài chợ đồn rằng hắn xưa kia làm bồi cho một sĩ quan Pháp miệt Hậu Giang, bao nhiêu người đã chết, bao nhiêu đàn bà đã khổ vì hai thầy trò hắn. Bị tù, giải ngũ, làm lơ xe đò đứng bến một thời gian rồi không hiểu sao hắn được làm trưởng đồn dân vệ vùng này. Mọi người còn đồn hắn giàu lắm, bao tới ba vợ nhỏ ngoài tỉnh. Chị thường lắng nghe những lời đồn đại này và sợ hãi len lét cúi xuống mỗi khi lão sán tới gần ngoài chợ. Một buổi sáng, mới đặt chân lên quốc lộ chị bị hai khẩu súng dí vào ngực dẫn vào đồn. Chị run rẩy bước theo đường vòng chữ chi giữa rào kẽm gai, láo liên tìm Uông trong đám người đang cười rộ lên. Uông đâu, Uông đâu rồi. Có người la lên: "Em Hai ơi, em tìm chi nữa. Thằng Uông bị sai đi công tác dưới tỉnh mốt mới về. Vô tình diện trưởng đồn nộp thuế đi cho rồi, em Hai ôi...". Tất cả năm đứa, trưởng đồn mắt lừ lừ, hai người bắt chị về đây, hai người nữa, tất cả là năm người. Chị lùi, lùi hoài, vấp phải phía sau té ngửa. Có tiếng cười lớn, những đầu gối bắp đùi tiến lại gần. Y như ngày đã lâu

chị còn là cô bé nằm run rẩy nấp dưới gầm phản, những tiếng cười lớn, những đùi những gối tiến lại gần, có tiếng la hét, tiếng má chị hay ai khác?

Ba ngày sau đi công tác về, Uông tới thăm, ngồi nghe chị kể lại trong tiếng khóc. Uông không nói gì cả, hắn cũng không chào má chị đứng đó. Uông không nói gì cả, lẳng lặng ra về, rồi một ngày qua hai ngày qua không có gì thay đổi. Đồn trưởng vẫn thu thuế chợ, vẫn hống hách, Uông vẫn thầm lặng như cái bóng cho tới một buổi sáng, vừa đặt gánh xuống, chợ chưa đông, Uông đã đợi sẵn lại gần nói nhỏ: "Giả bộ đau, về đi. Nghe tui, giả bộ đau về đi!". Chị nghe lời, trở về nhà ngồi giặt quần áo cho tới khi có tiếng súng nổ ran và đồn bốc cháy khói đen cánh đồng. Chị không chạy vô hầm núp, đứng sững ra nhìn. Hắn năm gã ấy phải chết. Một tiếng nổ dữ dội, các viên ngói tung lên cao rơi xuống lả tả làm chị chợt nhớ má chị có thể bị chết ngoài chợ trước đồn. Chị chạy vội, hối hả trên bờ ruộng và gặp một toán người băng đồng chạy vào mấy ruộng mía. Thoáng trông chị tưởng hành khách chiếc xe đò đang đỗ trước đồn. Lại gần hơn chị nhận ra nét mặt quen của vài anh du kích thỉnh thoảng vẫn về xã tổ chức nói chuyện chống Mỹ, người nào cũng khệ nệ ôm thùng đạn, súng lủng lẳng hai ba khẩu trên vai. Hải chạy sau chót, mồ hôi đầy mặt, dừng lại cười: "Bọn tôi trả thù cho em rồi đó. Nhảy trên xe đò xuống, bọn tôi giết không còn thằng nào trong đồn... Đêm nay tôi trở lại thăm em nghe!". Hải nhảy vào bụi khuất dạng. Hai chiếc thiết giáp từ tỉnh xuống nổ súng bắn liên hồi, chị nằm ép dưới ruộng tới trưa mới ra được chợ. Má chị chết rồi. Uông cùng vài người làng khênh giùm xác về. Chị khóc ròng đi phía sau, tiếp tục khóc sau khi tắm rửa cho hết bùn dưới lạch. Uông đón dẫn chị vào bụi. "Tôi trả thù cho em đó". Chị không kháng cự gì cả, thân thể rã rời trong tay người đàn ông vội vã. Khi Uông lôi dậy mặc hộ quần áo, chị mới nhớ ra má đã chết, máu chảy loang thành vũng sau gánh hàng và xác mới đưa về nhà chưa tắm rửa chưa liệm. Chị khóc lớn tiếng trên con đường từ lạch về nhà, và đêm về sáng khi Hải thò tay qua khe vách đánh thức, mắt đã sưng húp lên đau nhức: "Chiều tôi đi em... Tôi thương em, em biết không. Từ khi Uông báo tin em bị tụi chúng làm ẩu, tôi ngày đêm lo tổ chức nội tuyến với hắn để công đồn... Tôi tình nguyện chỉ huy tổ chức...". Chị không khóc, thân thể bỏ mặc trong tay Hải cho tới khi trời bắt đầu sáng, người đàn ông từ giã đi khuất sau hàng dừa. Uông bị tỉnh bắt vì tội nội tuyến, biệt tích luôn ngay từ hôm sau.

Lâu lắm, một tuần hay một tháng sau chị mới nhớ ra đáng lẽ những khi ấy phải nói với Uông, với Hải: "Má tôi chết rồi đó. Xác còn để trong nhà kia. Anh buông tôi ra!". Lớp cỏ trên mộ xanh dần, chị đã quen gánh hàng ra chợ trước đồn cháy đen và khi về đã quay đầu lại đáp chuyện với Ba lẽo đẽo theo sau.

*

Vũ uống nước trong gáo từng ngụm nhỏ, bàn tay kia vẫn ấn bi-đông vào sâu trong vại nước. Hai chân người đàn bà vẫn bất động, buông thõng dưới mép phản, chiếc bụng vẫn lên xuống phập phồng theo nhịp thở, đầu đứa bé gối trên nhấp nhô đều đều. Một tiếng chửi thề của binh sĩ gian ngoài làm chàng giật mình quay lại nhìn cánh cửa mở, tay nâng bi-đông khỏi vại, toàn thân chuẩn bị dáng điệu người đang lấy nước để nguỵ trang sự thèm muốn cuồng nộ đang thôi thúc trong từng thớ thịt. Không có ai ở sân sau. Chàng tiến lên một bước. Người

đàn bà vẫn ngủ và dưới vải đen, chàng hình dung các đường nét căng lên. Cổ họng khô đi, mắt không rời cái thân thể đang mở ra trên phản, ngón tay chàng tần mần vạch tên mình từng chữ trên mặt bàn. Chữ V đã hiện rõ giữa lớp bụi mỏng, chữ U nữa, còn chữ U nữa. Những luồng máu chảy nhanh như muốn ồ ạt ào ra khỏi da thịt, chàng tiến thêm một bước nữa đến gần phản, hơi thở dồn dập. Bàn chân bám đất buông thõng thò khỏi vải quần đen đột nhiên co lên đặt vào mép phản, người đàn bà ngái ngủ mở mắt nhìn mái tranh bên trên, chậm rãi quay ngang ngó người đàn ông. Một giật mình thoáng qua biểu lộ trong những ngón chân co lại và chàng nhìn thấy những hạt bụi rơi lả tả xuống đất. Hơi thở dồn dập hơn, người đàn bà như thế là bằng lòng, vị trí khi ngủ không thay đổi, chàng nói thì thầm một mình, như thế là bằng lòng. Nhưng chàng vẫn đứng sững đó vì cánh cửa phía sau lưng vẫn mở. Chàng tự nhủ: Ra đóng lại đi, đóng lại đi là xong. Chàng kéo bi-đông ra khỏi vại nước, đóng nút, người đàn bà vẫn nằm nguyên nhưng mắt không nhìn chàng nữa, hai đùi vẫn mở ra và một bàn chân vẫn tì lên mép phản. Chàng quay ra đến gần cửa, ngoài sân trời còn nắng gắt, từng khoảng tròn sáng in trên cỏ trên đất và dưới hai gốc cây, chiếc võng gió thổi phồng lên như búp đa. Chàng buông tay khỏi cánh cửa, bước ra ngoài sân. Gió từ đồng hoang phía sau ùa mát lạnh trên lưng ướt đẫm mồ hôi, nỗi thèm muốn vụt rời cơ thể, các thớ thịt mềm đi, chùng nhão. Vũ trở lại võng ngồi xuống châm điếu thuốc hút. Người đàn bà đã ra sân bế theo đứa nhỏ, liếc nhanh. Chàng không hiểu người đàn bà đang nghĩ gì nhưng chàng biết chắc khi nãy nếu chàng đi tới cùng, người đàn bà cũng không hối tiếc và bây giờ, không có gì xảy ra, cũng không có luyến tiếc nào, cho cả chính chàng. Vũ hút mạnh, khói thuốc cuồn cuộn cay trong cổ họng, toả ra tan nhanh trong gió. Chàng tần mần suy nghĩ lại biến cố vừa qua vì đã lâu lắm không thấy thèm đàn bà dữ dội. Thế rồi bỗng dưng... Có lẽ tại sáng nay lúc cho quân băng bờ bụi ép sát quốc lộ, chàng đã nhìn thấy thoáng qua chiếc mông trắng của một nữ hành khách xe đò xuống đi tiểu. Có lẽ tại buổi sáng chưa kịp mặc quần sau khi đi cầu, chàng đã phải cầm súng bắn thằng du kích và sau đó đã cúi xuống nhìn. Cành lá chao đi sau một cơn gió mạnh làm nắng ùa xuống chiếu chói trên mặt, chàng quay ngang người nhìn ra ngoài lộ.

*

Chị khóc nức nở, những hình ảnh cũ, những đau đớn đã trải qua làm lồng ngực căng đau nhức, nước mắt chảy liên tiếp trên má, rớt xuống nóng ran từng khoảng trên đùi. Tía hoảng hốt xích lại gần, nắm tay siết chặt:

"Tôi có nói chi đâu! Tôi thương em lắm, tôi có định chê em đâu. Lâu lâu gặp nhắc lại chuyện xưa cho vui vậy thôi. Có chi đâu mà em khóc".

Qua làn nước mắt, nhìn dáng điệu hốt hoảng của người đàn ông, nét mặt luống cuống lo ngại, chị thấy bớt buồn. Bàn tay bắt đầu cảm thấy hơi ấm toát ra từ làn da ấm cứng của người đàn ông. Tía rút khăn ra lau những giọt mồ hôi trên trán, ngượng nghịu mỉm cười với dáng điệu thường có khi còn là một người bạn trai tính nết nóng nảy nhiều khi giận lẩy như trẻ con. Chị hết buồn, bây giờ hai bàn tay chị đã bị kéo đặt lên đùi người đàn ông. Thằng Bê nhặt được một trái mít xanh rụng lăn lóc ngoài sân, hướng vào nhà gọi:

"Má! Má!"

Chị quay ra la lớn:

"Con đá banh đi, con đá banh đi má coi".

Bàn tay người đàn ông vòng đặt lên lưng từ hồi nào bắt đầu cử động. Chị biết khi bàn tay cử động như thế, người đàn ông đang muốn gì và các cử động kế tiếp sẽ ra sao. Chị không muốn điều đó nhưng một thúc đẩy từ bên trong làm chị nhủ thầm: đợi một chút, một chút nữa... Những ngón tay sau khi lướt nhẹ trên vải áo, tiến lên. Chị vùng gạt tay người đàn ông, đứng dậy, hơi thở khó khăn:
"Đừng có bê bối! Tui la làng bây giờ".
Tía toan đứng dậy theo nhưng lại thôi, ngồi lặng một chỗ cúi đầu xuống, giọng nói như thì thào và buồn rầu:
"Tôi đâu muốn bê bối, em. Tại tôi thương em. Em biết bữa tôi bỏ xã, tôi chỉ mong kiếm được nhiều tiền, mở một tiệm sửa xe đạp là về xin cưới em. Hai đứa mang nhau ra khỏi tỉnh khỏi lo có ai quấy nhiễu như ở vườn. Nhưng cũng không làm được chi. Biết em có chồng con rồi, tôi vẫn nhận làm đại diện xã để trở về... Tôi thương em quá".

Giọng nói ngập ngừng nhiều khi e dè làm chị cảm động, hồi hộp y như một ngày đã lâu lắm, khi Tía nói thương chị bằng một giọng nhỏ hơn bây giờ. Bờ ruộng đã ướt sương đêm nhưng chị chưa muốn về cho tới khi Tía chụp hôn lên má. Buổi đêm, tiếng dế kêu rỉ rả, một vòng tay luống cuống ôm và một chiếc hôn trên má ấy, chị đã nằm thao thức cho tới gà gáy sáng và chiếc xe lam chuyến sớm nhất rồ máy chạy trên quốc lộ. Hồi ấy chị còn là cô gái chưa biết gì và Tía còn hung hăng như một con gà trống. Chị nhìn ra ngoài sân, thằng Bê vẫn loay hoay nghịch trái mít khô, chị nhìn Tía, người đàn ông cúi mặt, chị chỉ thấy đôi môi mấp máy. Tía không còn trẻ như xưa, chị cũng vậy. Nhiều chuyện đã xảy ra từ ngày ấy. Ý nghĩ này làm chị vụt buồn rũ rượi.

Chết Trận Đồng Xoài

Vũ Văn Lộc

Trận Đồng Xoài khởi sự đêm ***10 tháng 6 năm 1965*** với 2000 quân cộng sản tấn công biển người và tràn ngập quận Đôn Luân. Qua ngày 11 tháng 6 năm 1965, bên ta tung ba tiểu đoàn vào mặt trận. Một tiểu đoàn bộ binh của Hoa Kỳ phía sau làm trừ bị nhưng tướng Westermoreland không cho tham chiến. Tiểu đoàn 52 Biệt Động Quân là mũi tấn công chính đánh thẳng vào mặt tiền của quận Đôn Luân. Từ bên trong, các ổ kháng cự của quân ta vùng lên và mở đường máu thoát ra ngoài. Địch rút khỏi quận Đôn Luân, mở một phòng tuyến mới tại đồn điền Thuận Lợi. Tiểu đoàn 52 Biệt Động Quân chiếm lại chi khu với tổn thất trung bình. Một tiểu đoàn bộ binh VNCH truy kích cộng sản bị hơn trung đoàn địch bao vây và tiêu diệt. Tiểu đoàn 7 nhảy dù bắt đầu tham chiến, lấy xác anh em rồi tiếp tục xông vào tử chiến. Một số lớn anh em mũ đỏ hy sinh trong trận này gồm cả tiểu đoàn trưởng và các đại đội trưởng. Trận đánh trong 2 ngày đẫm máu tại Đồng Xoài đưa tên chiến địa vào bài ca bất tử. Mỗi bên thương vong cả ngàn người. Địch rút lui đem theo tử sĩ và tuyên bố chiến thắng trận lịch sử Đồng Xoài.

VNCH chôn cất các tử sĩ đợt đầu tiên tại nghĩa trang quân đội Biên Hòa.
Các tướng lãnh tiếp tục họp tại Sài Gòn để quyết định về việc tham chính.

Phe cộng sản, cho đến ngày nay vẫn còn đi tìm các tử sĩ chết trận Đồng Xoài dưới ngọn cờ của giải phóng miền Nam. Phóng viên AP của Hoa Kỳ (Horst Faas) đã được nhiều giải thưởng qua loạt hình chụp được ngay tại Đồng Xoài. Anh nhảy trực thăng cùng tiểu đoàn biệt động quân tái chiếm Đôn Luân. Tuy nhiên, không có hình ảnh của trận đánh đẫm máu 2 ngày sau tại đồn điền Thuận Lợi. Câu chuyện trung thực nhất, không phân trần thắng bại. Chỉ ghi lại diễn tiến lịch sử. Độc giả sẽ tự hiểu là quân ta phòng thủ quận Đôn Luân gồm có Lực lượng đặc biệt, Địa phương quân, Nghĩa quân của xóm Đạo Đồng Xoài đã tử chiến đến người cuối cùng nội trong đêm 10 tháng 6 năm 1965. Tiếp theo là sự hy sinh của biệt động quân, bộ binh và nhảy dù.

Địa danh trong chiến sử:

Đồng Xoài là địa danh nằm cách Sài Gòn 55 dặm về hướng Tây Bắc. Tại đây là nơi đặt các cơ sở của quận và chi khu Đôn Luân. Ngoài nghĩa quân, địa phương quân, Đồng Xoài cũng là căn cứ tân lập của lực lượng đặc biệt và có văn phòng cố vấn Mỹ trên 30 người. Ngày 25/5/1965 khi các đơn vị của lực lượng đặc biệt và cố vấn Mỹ hoàn tất việc đồn trú, những trận pháo kích thăm dò của địch đã bắt đầu. Phe cộng sản di chuyển hai trung đoàn của công trường 7 vào trận địa với toàn phần còn lại của sư đoàn làm trừ bị. Đêm 10/6/1965 trận Đồng Xoài bắt đầu. Từ các vườn cao su chung quanh chi khu Đôn Luân, tiền pháo hậu xung, với quân số tấn công 2 ngàn người. Địch dùng biển người tràn ngập phòng tuyến 400 quân của phe Cộng Hòa. Cộng sản chiếm được phần lớn khu vực, binh sĩ miền Nam tử chiến trong doanh trại chi khu. Một số chạy thoát và một số vẫn còn nằm trong khu vực phòng thủ sau cùng.

Qua ngày 11/6/1965 cộng sản vẫn còn chiếm giữ trận địa, sau những trận oanh kích dữ dội của không quân. Từ Tân Sơn Nhất, đại đội trực thăng 118 của Hoa Kỳ đưa binh sĩ của sư đoàn 5 VN vào Đồng Xoài. Tuy nhiên, lực lượng chính để phản công là tiểu đoàn 52 Biệt Động Quân. Hoa Kỳ cũng đưa vào Đồng Xoài một tiểu đoàn bộ binh Mỹ, nhưng tướng Westmoreland cho lệnh án ngữ bất động bên ngoài.
Một phóng viên của AP, anh Horst Faas đã đi cùng tiểu đoàn 52 Biệt Động Quân trực thăng vận xuống sân đá banh. Từ đây lính mũ nâu tấn công thẳng vào mặt tiền của quận Đôn Luân, mở cuộc hành quân giải tỏa cho Bộ Chỉ Huy Chi Khu. Những hình ảnh do nhiếp ảnh viên AP chụp được đã tràn ngập trên trang nhất báo chí Hoa Kỳ. Lần đầu tiên, kẻ thù tấn công một quận của tỉnh Phước Long và đã ở lại đến ngày hôm sau, ngay khi quân miền Nam tiếp ứng. Hình ảnh chụp được khu doanh trại của cố vấn Mỹ bốc cháy, lính Biệt Động Quân xung phong vào trận địa, lính địa phương quân còn kẹt bên trong chi khu vượt thoát ra ngoài.Hình lính Biệt Động Quân tiếp cứu một chiến binh Hoa Kỳ đưa lên trực thăng tản thương. Hình người lính Biệt Động Quân trúng đạn ngã xuống, tay vẫn còn vươn về phía trước để nhặt cây súng bị rơi. Với tổn thất trung bình, Biệt động quân tái chiếm Đôn Luân. Địch lui ra khỏi phạm vi chi khu rút về phía đồn điền Thuận Lợi.

Đẫm máu thực sự:

Tái chiếm xong quận Đôn Luân, nhưng thực sự trận Đồng Xoài chưa bắt đầu. Tiểu đoàn bộ binh của Sư đoàn 5 được trực thăng vận xuống chiến trường hăng hái truy kích đơn vị địch. Địch đã chuẩn bị phòng tuyến chính trong khu rừng cao su. Trận biển người đẫm máu bắt đầu giữa rừng cao su Thuận Lợi. Tiểu đoàn Bộ binh Việt Nam tử chiến và hy sinh. Giờ đây đến lượt Tiểu đoàn 7 nhảy dù nối gót. Bao lâu nay đi tìm địch. Bây giờ gặp địch, không thể khước từ. Gần trọn 1 đêm thu dọn chiến trường, đem xác bạn ra. Xong rồi mũ đỏ mang số 7 nhập cuộc. Địch lần lượt dùng toàn bộ phần còn lại của 1 sư đoàn đánh trận biển người lần thứ ba. Toàn bộ binh sĩ và sỹ quan của Tiểu đoàn 7 mũ đỏ tử chiến. Quân hai bên giáp mặt. Không quân dội bom yểm trợ ngày đêm. Máu đỏ ướt đẫm hòa với nhựa cao su chảy dài trên mặt đất.
*
Thiếu úy Đoàn Phương Hải, sĩ quan Đà Lại mới ra trường cuối năm 1964, bị thương nằm giữa chiến trường đầy những xác người. Kẻ thù chiếm lãnh trận địa, thu dọn suốt đêm. Thanh toán thương binh của ta, di chuyển thương binh, tử sĩ của địch. Thiếu úy Hải may mắn sống sót vì nằm lẫn lộn trong xác chết.
Chuẩn úy phi công khu trục Nguyễn quang Vĩnh mới đi học bay từ Hoa Kỳ về và nhận công tác yểm trợ chiến trường. Thiếu úy Hải nằm dưới đất phần sợ địch thanh toán, phần sợ ăn bom của không quân Việt Nam.
Khi địch đã rút đi, 5 ngày sau Đoàn phương Hải mới bò lết về đến chi khu Đôn Luân. Trận đánh dữ dội nhất của anh Thiếu Úy võ bị mới ra trường chính là trận Đồng Xoài. Đoàn phương Hải nói rằng trận Đồng Xoài ác liệt không thua Bình Giả và trận đồi Charlie, nhưng vì lúc đó chưa có Nhật Trường nên không có bài ca Anh ở lại ... Đồng Xoài. Tuy không vất vả bằng Thiếu úy Hải dưới đất, nhưng chuẩn úy không quân Nguyễn quang Vĩnh cũng hết sức đánh bom ngày đêm. Bộ tư lệnh không quân đề nghị Bảo quốc Huân chương cho Nguyễn quang Vĩnh nhưng vì mới có chuẩn úy nên chỉ được lãnh Anh dũng và Phi dũng Bội tinh. Cả hai cùng tham dự trận

Đồng Xoài, chiến trường địch và ta đều tổn thất 70%. Mười phần chết bẩy còn ba. Hai anh sỹ quan trẻ. Một người dưới đất, một người trên trời. Không hề biết nhau. Hơn 30 năm cùng sống ở San Jose nhưng cũng không có dịp nói về trận Đồng Xoài. Bây giờ 43 năm sau, gặp nhau tại San Jose, hai người cựu chiến binh có dịp nhắc lại chuyện xưa.Cả hai cùng ngại ngần khi nói đến cấp bậc và chiến công dù đã nhiều lần lãnh vòng hoa nguyệt quế. Bây giờ chỉ còn tưởng nhớ các chiến hữu đã bỏ xác tại Đồng Xoài và mai táng tại Nghĩa trang Quân đội Biên Hòa. Và cũng nghĩ rằng còn sống được là may. Vào đời tuổi 20, đi quân đội 64, năm 65 đánh những trận đầu đời kéo dài đến 75 là dứt điểm. Bây giờ ngồi lại bên nhau, tuổi đời 67,68, sinh quán Hà Nội, Sài Gòn. Bây giờ nho lại tháng Sáu ngày xưa, trận Đồng Xoài tháng Sáu, trận Charlie tháng Sáu, trận Quảng trị cũng tháng Sáu...

Đồng Xoài sau cuộc chiến:
Tờ báo Life số ra ngày 2/7/1965 in tràn ngập hình ảnh trận Đồng Xoài. Ký giả Hoa Kỳ kể lại là cứ mỗi 10 giây là có một người ngã xuống. Ngày đầu tiên hai ngàn chiến binh Việt Cộng tràn ngập vị trí của 400 binh sĩ quận Đôn Luân. Riêng các cố vấn Hoa Kỳ tổng cộng có 21 người ghi nhận là tổn thất. Trang quân sử của Wikipedia ghi rõ có 7 chiến binh Hoa Kỳ tử trận, 15 bị thương và 13 mất tích. Đây là con số cố vấn tổn thất nhiều nhất một lần của riêng năm 1965. Sau ba ngày kịch chiến, Việt Cộng rút đi và bắt đầu tuyên truyền trận Đồng Xoài là chiến thắng mở đầu cho cuộc tấn công mùa thu 1965. Trung đoàn 272 của cộng sản được đặt tên danh dự là trung đoàn Đồng Xoài. Sự thật đây cũng là một lần hiếm có, khi lực lượng du kích đã đủ lớn mạnh tổ chức cấp sư đoàn, tấn công và ở lại chiến đấu với các đơn vị ưu tú của VNCH. Đây cũng là lần đầu tiên mà quân số tổn thất cả hai bên tương đương. Mỗi bên đã thương vong cả ngàn người, bên địch đã đem được xác của họ khi đoạn chiến. Phía ta tử vong nằm la liệt tại Đồng Xoài gồm cả dân chúng lẫn chiến binh và gia đình. Hầu hết các đơn vị đều có đại diện hy sinh tại Đồng Xoài. Bộ binh, Địa phương quân, Nghĩa quân, Lực lượng đặc biệt, Biệt Động quân và Nhảy dù. Riêng Biệt động quân lãnh được vinh dự giải tỏa chi khu Đôn Luân và có hình ảnh đăng báo quốc tế. Lính mũ nâu là lực lượng tổng trừ bị số 3 sau Nhẩy dù và Thủy quân lục chiến. Quân số tổng hợp các liên đoàn BĐQ còn đông hơn sư đoàn dù hay sư đoàn TQLC. Tuy nhiên lính mũ nâu không phải là tổng trừ bị của Tổng tham mưu mà lại được giao cho nhiệm vụ tổng trừ bị của các Quân khu. Vì vậy phần số coi bộ vất vả trong thân phận lấy chồng xa xứ, làm dâu thiên hạ. Trong trận Đôn Luân, Biệt động quân tổn thất trung bình…..

Chung sự vụ:

Cũng vào thời điểm 1965, cá nhân chúng tôi đang tăng phái cho Bộ chỉ huy Tiền phương của quân khu trên Phước Long, Sông Bé. Sau được rút về hậu cứ và tham dự vào việc yểm trợ cho Chung sự vụ tại nghĩa trang Biên Hòa lúc đó mới bắt đầu khởi sự. Liên Đoàn công binh Kiến Tạo được lệnh ủi đất xây dựng cho nghĩa trang vào tháng 3-1965. Tháng 6 năm 1965 nghĩa trang Gò Vấp đã hết đất. Xác anh em chết trận Đồng Xoài lần lượt chuyên chở về nghĩa trang Biên Hòa. Sau đó Cục Quân Nhu và Bộ Tổng Tham Mưu phải cho lệnh tăng cường tối đa các anh em lo việc tẩm liệm, xưởng mộc đóng quan tài làm việc 24 giờ một ngày. Những lá cờ phủ trên quan tài được xưởng may cắt tăng cường công tác.Phe Việt Cộng, thì cả ngàn xác đem đi không ai hay biết, nhưng phe ta thì nước mắt tràn ngập các trại gia binh ở Biên Hòa và Saigon.

Linh cữu sĩ quan cấp úy trẻ tuổi xếp một dãy dài. Xe quân vận chở quan tài về miền Tây, từng chuyến lên đường. Khăn tang trắng phủ kín lòng xe, tiếng khóc chạy dài trên quốc lộ.

Hậu phương giao động:

Saigon trong thời kỳ đó đang giao động, cho đến tháng 6-1965 miền Nam vừa trải qua 20 tháng khủng hoảng chính trị. Trải qua 8 lần thay đổi và cải tổ nội các. Tám cuộc đảo chánh, chỉnh lý và biểu dương thanh thế. Phần lớn do các tướng lãnh chủ trương. Khi trận Đồng Xoài xảy ra là thời gian các tướng lãnh niên đang hội họp ngày đêm để đề cử người ra làm Thủ tướng, lãnh đạo đất nước. Đồng thời cũng chia ghế trong nội các chiến tranh.Kết quả Tướng không quân Nguyễn Cao Kỳ nhận chức ngày 19 tháng 6 năm 1965. Trong khi đó tại nghĩa trang Biên Hòa, hàng trăm tử sĩ đã được chôn cất, nhiều quan tài do xe quân vận chở về Hậu Giang và một số đi máy bay C130 ra miền Trung.Trận Đồng Xoài kết thúc vào ngày 13 tháng 6 năm 1965, tính đến ngày 19 tháng 6 năm 1965 mới vừa một tuần lễ. Việt cộng hô hoán chiến thắng Đồng Xoài trên đài Giải phóng ngày đêm. Báo chí Hoa kỳ bắt đầu viết bài ngả theo phe phản chiến. Họ là nhóm người đầu tiên đông đảo nằm xuống lòng đất nghĩa trang quân đội Biên Hòa trong tổng số 16 ngàn tử sĩ ở lại tính đến tháng 4 năm 1975.
Sáu tháng sau trận Đồng Xoài, Trịnh Công Sơn làm bài ca để cô Khánh Ly nức nở … Tôi có người yêu... chết trận Đồng Xoài... nằm chết như mơ... Còn ai nhớ đến các tử sĩ chết tại chi khu Đôn Luân đã được chôn cất ở vòng trong cùng, tại nghĩa trang quân đội Biên Hòa. Lính Sư đoàn, Lực lượng đặc biệt, lính Địa phương quân, Biệt Động quân, Nghĩa quân và Nhảy dù. Các anh sinh ngày tháng khác nhau nhưng cùng chết vào tháng 6 năm 1965 tại Đồng Xoài. Nằm chết như mơ.

Người Bạn Lính

Vào những năm đầu của thập kỷ sáu mươi, trên các mặt báo trung ương và địa phương các trang thơ tràn ngập đề tài chiến đấu, ca ngợi các gương người tốt việc tốt, tố cáo tội ác Mỹ Diệm..., thôi thì đủ thứ. Bỗng dưng, trên một trang thơ tuần báo Văn Nghệ của Hội Nhà văn Việt Nam xuất hiện một bài thơ tứ tuyệt, nhan đề: Nghe nhạc Strauss.Tên tác giả lạ hoắc: Tuân Nguyễn. Đã hơn ba mươi năm trôi qua kể từ ngày ấy, nhưng bài thơ nọ vẫn đọng lại tinh khôi trong trí nhớ của tôi. Đề tài và nội dung bài thơ lạc lõng giữa biển thơ-hiện-thực sục sôi, nóng bỏng, thơ-minh-họa cho cuộc chiến tranh " long trời lở đất ", khẳng định con đường ai thắng ai ". Có điều lạ là ngay sau khi xuất hiện, bài thơ nhỏ bé nọ lập tức nổi tiếng, được nhiều độc giả mến mộ thơ ngày đó nhắc nhở, truyền tụng ; nhiều đôi trai gái chép vào sổ tay tặng nhau...

Mùa hè ở Phong Chương bắc Thừa Thiên bị rang bỏng dưới cái nắng như dội lửa. Gió Lào khô rát thổi tung cát thành những đám mây, phủ trùm lên một vùng cỏ cây cằn cỗi, nhuộm màu cháy xém. Tôi lúc đó là tiểu đội trưởng một tiểu đội mũi nhọn trong đại đội chủ công trung đoàn quân chủ lực 101. Tôi cùng tiểu đội dầm mình trong cát bỏng, gió Lào, mải mê luyện tập môn đánh bộc phá, chuẩn bị cho chiến dịch hè thu. Tiểu đội tôi trẻ nhất đại đội, toàn những chàng trai 17, 18, 19... Tôi đang làm thị phạm động tác ôm thủ pháo chuẩn bị lao lên đột phá khẩu thì cậu Tiệm, liên lạc viên của đại đội, tay xách tiểu liên, đầu đội mũ nan giắt đầy lá ngụy trang, chạy như ngựa tế băng qua những động cát, nhảy phóc qua những dãy xương rồng gai mặt nguyệt, chạy thẳng đến bãi tập. Tiệm đứng nghiêm, đưa tay lên vành mũ chào, vừa nói, vừa thở : " Báo cáo tiểu đội trưởng ! Đại đội trưởng triệu tập đồng chí về ngay đại đội bộ ! Hết ! "
Tôi giao tiểu đội lại cho tiểu đội phó tiếp tục khoa mục tập. Khoác lên vai khẩu AK tôi hộc tốc chạy theo Tiệm về đại đội bộ. Tôi đoán chừng đại đội trưởng điều động tiểu đội tôi đi phối hợp chiến đấu với một đơn vị nào đó. Đại đội trưởng chỉ hơn tôi ba bốn tuổi, cũng trẻ măng, nhưng đã được tặng thưởng huân chương Quân công. Anh đang ngồi trước bộ tràng kỷ bằng tre. Trên bàn một siêu nước lá vàng và mấy cái bát sành. Ngồi đối diện với anh là một thanh niên trạc tuổi tôi, dáng dấp học trò, tóc chải ốp, áo sơ mi màu trứng sáo, quần tây xám, chân dận dép săng đan da. Anh ta đeo kính trắng, cái miệng thật rộng và thật tươi.
- Báo cáo Đại đội trưởng ! Tiểu đội trưởng Lai có mặt !
Đại đội trưởng chỉ chiếc ghế tre chỗ cạnh anh, nói :
- Lai ngồi xuống đây.
Anh rót cho tôi một bát nước lá vàng đắng ngắt vị bộc phá. Chờ tôi uống cạn bát nước và kéo vạt áo quân phục sũng mồ hôi lau gương mặt sạm đen, đầy bụi cát, anh giới thiệu một thanh niên lạ mặt ngồi đối diện :
- Đồng chí Nguyễn Tuân đây đỗ tú tài toán. Nguyện vọng của Tuân là được gia nhập quân đội. Trung đoàn tiếp nhận, bố trí đồng chí ấy làm việc tại phòng Chính trị. Nhưng Tuân lại tha thiết muốn được cầm súng chiến đấu. Trên cử đồng chí ấy về đại đội ta. Tôi đã trao đổi với chính trị viên. Chúng tôi quyết định : Tuân sẽ về tiểu đội của Lai. Qua thư giới thiệu của Phòng chính trị trung đoàn, thì Tuân giỏi tiếng Pháp, tiếng Anh, biết cả chữ Hán, lại có khả năng sáng tác văn thơ... Chúng tôi nghĩ hai đồng chí trạc lứa tuổi, lại cùng thích văn thơ, chắc sẽ hợp nhau...

Tôi đăm đăm nhìn người đội viên mới của tiểu đội mình. ý nghĩ đầu tiên là cậu ta quá thư sinh,

đã thế dáng dấp lại còm nhom, hai cánh trần nom như hai ống quyển, và hai cẳng chân chắc cũng không to hơn. Thế mà hành trang một người lính trận thì nào súng, cơ số đạn, lựu đạn, bộc phá, ruột tượng gạo, ống muối, ba lô... Khi cần tuýt một tiếng còi chỉ huy, tất cả phải nằm gọn trên lưng, trên vai, quanh thắt lưng chỉ trong vòng ba phút. Và phải lên đường hành quân bất kể ngày đêm, bất kể sấm chớp, mưa bão, lửa đạn...Tự nhiên tôi đâm giận hắn. Chắc khi ngồi mài đũng quần trên ghế nhà trường, cậu ta say sưa đọc câu thơ " Bụi trường chinh phai bạc áo hào hoa ", mơ mộng thấy đời lính trận mê ly lắm. Chỉ cần mấy hôm thôi, cậu ta sẽ thấm đòn thế nào là " phai bạc áo hào hoa ". Sao hắn ta không ở lại trung đoàn bộ làm lính văn phòng có hơn không ?
" Đồng chí Lai ra đây từ trước ngày Huế nổ súng - lời giới thiệu của Đại đội trưởng về tôi cho Tuân nghe cắt ngang dòng suy nghĩ của tôi - Lai đã tham gia chiến đấu ở mặt trận Huế, rồi mặt trận phía Nam, đèo Phát Tượng, Truồi, Nong... Tuy cùng trạc lứa tuổi với đồng chí, nhưng Lai là cựu binh của Trung đoàn, giãi dầu trận mạc không thua chúng tôi đâu. Lai còn là cây văn nghệ của đại đội. Chúng tôi mong hai cậu sẽ thân thiết nhau.
Tôi và Tuân Nguyễn biết nhau từ đó.

Khi hai chúng tôi đã khá thân nhau, tôi thường đọc cho Tuân nghe thơ tôi làm. Những bài thơ tràng giang đại hải, sặc mùi lính tráng. Một hôm, nhân bàn chuyện thơ, Tuân hỏi tôi :
- Này, cậu có biệt hiệu không ?
- Có chứ, tôi đáp. Lúc đầu mình lấy biệt hiệu là Lúa Xanh. Nhưng sau đó nghe nó thối thối làm sao ấy, nên bỏ. Đang cố rặn ra một biệt hiệu khác, nghe đỡ nặng mùi hơn, nhưng chưa ra... Khi mới tập tọng làm thơ, người ta ai cũng nghĩ rằng việc quan trọng đầu tiên là phải có một cái biệt hiệu thật kêu, kiểu như các thi sĩ nổi danh : Tản Đà, Kinh Kha, Xuân Diệu, Chế Lan Viên, T.T.K.H., Hoàng Cầm...
Tuân nói :
- Mình cũng từng nghĩ vậy. Rồi thấy biệt hiệu, biệt hiếc, vô duyên òm... Tên cha mẹ đặt cho thế nào cứ để nguyên nó thế ấy. Khốn nỗi, tên mình lại trùng với ông Nguyễn Tuân Vang bóng một thời quá nổi tiếng. Mình đành xoay ngược nó thành Tuân Nguyễn. Tuân Nguyễn ! Nghe cũng vô duyên, nhưng thôi, đành vậy.
- Cậu thấy thơ mình thế nào ? - tôi hồi hộp hỏi Tuân, trong bụng chờ được Tuân khen. Cả đại đội khen thơ mình, nhiều cậu còn chép để học thuộc đấy.
Tuân Nguyễn nhìn tôi qua tròng kính cận dầy cộp, chợt mỉm cười. Cái miệng Tuân cười thật rộng, thật tươi...
- Thơ của cậu, hai mươi câu đầu để giữ gìn trật tự, hai mươi câu cuối chuẩn bị cho người nghe vỗ tay, còn đoạn giữa là vè !...
Tôi không ngờ thơ của mình bị ông bạn mới " mạt sát " đến thế. Tôi đau quá, nổi sùng, chỉ muốn đạp cho hắn một đạp ! Nhưng tôi đã ghìm được, vì nhớ đến chức danh Tiểu đội trưởng của mình. Tiểu đội trưởng mà đạp đội viên vì thơ bị chê thì ê quá.
Nhưng Tuân hình như không để ý gì đến thái độ giận dỗi của tôi. Cậu ta đọc cho tôi nghe những bài thơ cậu ta làm, đủ các thể loại : tứ tuyệt, ngũ ngôn, thất ngôn bát cú, lục bát, những bài thơ mỗi đoạn bốn câu ba vần... Mặc dầu tự ái một cây, tôi phải cay đắng nhận rằng bên cạnh những bài thơ ý tứ hàm súc, đầy nhạc điệu của Tuân, thơ tôi đúng là những bài vè tràng giang đại hải, không chối vào đâu được.

Từ đó đến nay đã hơn bốn mươi năm trôi qua, mỗi lần tôi đặt bút định viết một bài thơ, lời nhận xét vừa nghiêm khắc, vừa giễu cợt của Tuân lại vang vọng bên tai tôi, làm tôi chùn bút.

Một đêm hai chúng tôi nằm trên sạp nứa, gác vế lên nhau, Tuân khuyên tôi :
- Cậu phải học luật thơ Đường làm cái vốn cơ bản, sau đó phát huy thành các thể thơ tự do, mới hy vọng thơ có thể khá lên được.
Tôi mộng ước được làm nhà thơ, tôi chấp nhận lời khuyên của Tuân. Tôi hạ quyết tâm phải học thành thục luật thơ Đường. Ban ngày tôi dạy Tuân các môn xạ kích, ném lựu đạn, đâm lê, đánh bộc phá... Đêm đến, bên bếp lửa bập bùng chiến khu, Tuân giảng dạy tôi luật bằng trắc, luật các vế đối, luật cấu trúc các thể loại thơ Đường : tứ tuyệt, thất ngôn bát cú, ngũ ngôn... Tôi dùng mũi đinh nhọn ghi lời giảng dạy lên báng súng để lúc nào cũng có thể ôn lại được. Tôi tập làm thử một số bài thơ theo cách Tuân dạy. Nhưng làm xong tôi phải vo viên liệng ngay vô bếp, không dám đọc cho ai nghe. Trong nghề thơ, tôi tự ví mình như anh chàng ham trò đánh nhau nhưng chỉ quen dùng độc một môn " võ dân gian " là " đá củ đậu ", ba năm võ tàu không bằng một chầu đá củ đậu. Bây giờ tôi phải học đâm lê theo đúng quy tắc, một bước tiến, hai bước lùi... gạt trái, đâm phải... làm sao tiếp thu nổi.
Mỗi lần nghĩ về người đội viên mới của mình, lòng tôi lại thấy buồn vì ghen tài và đố kỵ : " Hắn mới là người được trời sinh ra để làm thi sĩ. Tên tuổi hắn nay mai sẽ lẫy lừng trên thi đàn đất nước. Còn mình dù cố gắng đến hết đời cũng chỉ là một anh ỏvăn nghệ quần chúngõ, ca dao, hò, vè...". Tôi tự an ủi : " Nhưng về mặt binh nghiệp mình sẽ hơn hắn. Khi hắn nổi danh về văn thơ, thì mình sẽ lên đến chức Sư đoàn trưởng. Vậy là huề ".

Những năm sau là những năm gian lao nhất của chiến trường Thừa Thiên. Những trận lụt bão chưa từng thấy cuốn phăng cả một làng ở bên Phá Tam Giang. Biển Thuận An nổi sóng thần, ném những thuyền đánh cá lớn lên bãi cát như ném cái vỏ trứng. Giặc Mỹ hùa với thiên tai tổ chức những trận càn lớn, phối hợp cả thuỷ lục không quân, tăng pháo ; quyết xoá sổ trung đoàn 101 chúng tôi. Chúng tôi phải đánh những trận đẫm máu và tổn thất khá nặng nề. Nhưng nỗi gian lao thường trực của chúng tôi chưa phải là lụt bão, bom đạn, mà là đói. Đói lả người. Đói mờ mắt. Có bận sáu tháng liền, chúng tôi phải ăn thứ gạo chôn dưới đất lâu ngày bị ngập lụt. Gạo mục, mũn, có mùi hôi thối như phân người ôi, mà muốn có thứ gạo mục thối đó, chúng tôi phải vượt qua những hệ thống đồn bót dày đặc, luồn sâu vào hậu địch, rình rập hàng trăm họng súng phục kích... Nhiều anh em chúng tôi bị giặc bắn gục trên đường đi lấy gạo. Nhiều ruột tượng gạo mang về đến đơn vị, xổ ra, đỏ lòm những máu, nhưng không thể bỏ đi. Chúng tôi tìm đủ cách để vuốt gạo cho sạch máu. Những hạt gạo mục xốp hút máu như giấy thấm. Chúng tôi ngâm gạo xuống suối, nhờ nước rửa máu. Ngâm suốt đêm, sáng vớt gạo lên vẫn có màu hồng hồng. Chúng tôi bưng bát cơm chan máu đồng đội, nhắm mắt nhắm mũi lùa vào miệng thật nhanh và nuốt chửng... Mỗi chén cơm chúng tôi trộn một phần tư chén ớt bột, loại ớt hiểm, cho dịu bớt vị tanh của máu...

Từ ghế nhà trường, Tuân Nguyễn nhảy thẳng vào đơn vị tôi đúng thời điểm khốc liệt đó. Hôm đầu tiên, tôi còn nhớ như in, Tuân bưng bát cơm chan máu đồng đội lên ăn, mới và được hai miếng, anh nôn thốc nôn tháo. Tôi nói với Tuân : " Cứ trộn thật nhiều ớt vô lùa thật nhanh, không nên chần chừ ". Tuân ứa nước mắt nói : " Nhưng mình không quen ăn vậy... Mình chỉ sợ

anh em cho mình là tiểu tư sản, không chịu được gian khổ... Cậu nói giúp với anh em thông cảm cho mình... lần sau mình sẽ cố gắng không như thế nữa..."
Đêm đó, họp tiểu đội, Tuân đứng lên xin lỗi, đã làm cho bữa ăn của anh em mất ngon. Tuân còn nói thêm : " Ngay cả trong thiên anh hùng ca bất hủ Odyssée của Homère, cũng không có hình ảnh nào dữ dội và bi tráng như bát cơm thấm máu mà chúng ta ăn... Tôi sẽ ghi khắc nó vào ký ức ; và nếu qua cuộc chiến tranh mà tôi còn sống, nhất định tôi sẽ đặt nó vào trong tác phẩm của tôi ". Anh em trong tiểu đội chẳng hiểu Tuân muốn nói gì, nhưng vẻ mặt và giọng nói của cậu ta làm họ cảm động. Họ còn xúm lại an ủi, động viên : " Đồng chí cứ ăn năm, bảy lần rồi sẽ quen thôi. "
Điều làm tôi lo lắng băn khoăn hơn cả là chuyện cử Tuân đi lấy gạo, Tuân chưa quen chiến trận, vừa chậm, vừa yếu, lại cận thị. Nếu cử cậu ta vào địch hậu lấy gạo, chết dễ như chơi. Nhưng tôi là tiểu đội trưởng, việc phân công anh em mình vào địch hậu lấy gạo, phải hết sức công bằng. Mỗi lần họp tiểu đội phân công, tôi phải tìm đủ cách để tránh cho Tuân công việc nguy hiểm này : " Đồng chí Tuân ở nhà làm bích báo cho đại đội ". " Đồng chí phải viết xong cho cả tiểu đội khẩu hiệu : ỏRèn cán chỉnh quânõ để cài lên mũ trong đợt tổng diễn tập sắp đến ". " Đồng chí phải hoàn thành bài thơ nói lên lòng quyết tâm, tinh thần hăng say luyện tập trong thời gian qua của tiểu đội ta, để đọc vào dịp liên hoan văn nghệ kết thúc đợt luyện tập ! "

Tuy vậy, cứ làm mãi cách đó, anh em bắt đầu xì xào phản ứng. Họp tiểu đội, anh em phê bình tôi hết sức gay gắt : " Đồng chí tiểu đội trưởng thiên vị đồng chí Tuân ! ". Có anh còn chua chát hơn : " Dù đồng chí Tuân có đậu tú tài, có văn hay chữ tốt, nhưng đã ăn thì cũng phải đi lấy gạo như anh em." Tuân đứng bật ngay dậy, yêu cầu được phân công đi lấy gạo, nhưng tôi cương quyết gạt đi. Tôi đanh giọng, nói : " Tôi không thiên vị ai hết ! Làm bích báo, viết khẩu hiệu, làm thơ cũng cần thiết như việc đi lấy gạo. Tôi sẽ phân công đồng chí Tuân đi lấy gạo tối nay. Nhưng hiện đồng chí phải dịch truyền đơn địch vận ra tiếng Mỹ, do phòng Chính trị trung đoàn yêu cầu, mà phải dịch gấp. Đây, truyền đơn địch vận trung đoàn mới giao về hôm qua đây. Giấy bút đây ! Đồng chí nào có thể đảm nhiệm công việc này thay đồng chí Tuân, xin giơ tay cho biết ! " Thế là cả tiểu đội ngồi ngay như phỗng. Quá nửa tiểu đội tôi trình độ văn hóa lớp một, lớp hai, số còn lại vừa đọc vừa đánh vần.
Trong cuộc đời chiến sĩ của tôi, nếu có một niềm tự hào nào đó đáng ghi nhớ, thì đó chính là niềm tự hào : trong những năm gian truân nhất của cuộc kháng chiến chín năm, tôi đã tận dụng quyền lực tiểu đội trưởng để bảo vệ một nhà thơ tương lai của đất nước.

Cuối năm, hai chúng tôi phải xa nhau vì nhiệm vụ của chiến trường. Tôi được cử đi học trường Quân chính. Tuân Nguyễn được bổ sung vào đơn vị tình nguyện quân mặt trận Hạ Lào, tưởng chết mất xác. Mãi đến khi đất nước thống nhất chúng tôi mới gặp lại nhau và hòa bình lập lại, Tuân ra khỏi quân ngũ, đi học tiếp và tốt nghiệp Đại Học Sư Phạm. Lúc này anh là người có chức danh của một cơ quan quan trọng, bắt đầu có tiếng tăm trên thi đàn. Tuân mò tìm được nơi tôi tá túc, thường xuyên mang cho tôi áo quần, tem gạo, phiếu thịt, kẹo, thuốc lá căng tin... Một lần, tôi hỏi Tuân : " Cậu hay gặp mình, thế nào cơ quan họ cũng biết. Cậu không ngại à ? " Tuân Nguyễn vốn là người ăn nói hết sức nhã nhặn, lịch sự. ở cơ quan cấm ai thấy cậu ta văng tục. Nhưng chỉ khi hai đứa với nhau, hoài niệm cuộc sống lính tráng, cậu ta văng tục ào ào : " Có ngại cái con cặc ! Đù mạ, mình căm ghét nhất là thói vô ơn ! Nếu ngày đó cậu không chơi trò

nhân danh tiểu đội trưởng thì chắc mình đã nằm mục xương giữa trảng cát Phong Chương, Thanh Lam Bồ, Phú Đa, Hà Thanh... với một ruột tượng gạo thối mục đầy máu... Cậu quên rồi à, đúng cái hôm cậu phịa chuyện Phòng chính trị giao mình dịch truyền đơn địch vận, bốn cậu được cử đi lấy gạo, tụi phục kích xơi tái mất hai, cậu gì nhỉ, à cậu Lượng, cậu Vinh... Có đâu mình còn sống đến bây giờ mà đại học đại hiếc, nhà thơ nhà thiếc, phát thanh phát thiếc !... Cứt ! "

Tuân Nguyễn sống trong một gian buồng nhỏ, rộng chừng 8 mét vuông, ở tầng gác hai, ngay đằng sau gian nhà ăn tập thể. Buồng kê một giường cá nhân, một giá sách lớn che kín mặt tường chiều ngang. Cạnh giá sách là bàn viết. Đối diện cửa ra vào treo chân dung Dostoievsky lồng khung kính trên tường, phía đầu giường treo ảnh của cậu ta, phóng to, cũng lồng khung kính. Đó là hai vật trang trí độc nhất trong gian buồng.
Một bữa, tôi và một người bạn đến chơi, bắt gặp Tuân trong tình trạng bứt rứt, buồn bã. Tôi hỏi : " Có chuyện gì thế, Tuân ? Hay tại chúng mình đến chơi hơi nhiều, quấy rầy cậu ? " Và chúng tôi nháy nhau, dợm đứng lên, định chào ra về. Tuân vội đưa tay ngăn lại : " Các cậu chẳng có liên quan gì hết, Tuân nhìn đồng hồ đeo tay, nhà ăn sắp mở cửa rồi, đợi tý ta xuống ăn cơm ". Tôi thầm đoán cậu ta chắc gặp chuyện gì rắc rối ở cơ quan. Nghe nói, trong đợt học tập Nghị quyết 9, cậu ta xin bảo lưu ý kiến, bị cơ quan đưa ra kiểm điểm vì những luận điệu ủng hộ chủ nghĩa xét lại Liên Xô. Cậu ta làm thơ ca ngợi Khrusov, đả kích Mao và Stalin... Tuân lấy sách đỏ của Mao làm giấy lau bàn, có người trong cơ quan trông thấy, hớt lẻo với trên. Nói chung, vào thời gian ấy, những chuyện như thế là chuyện chết người cả.

Tôi còn lưu giữ trong ký ức một chuyện về Tuân Nguyễn, trước khi chúng tôi gặp lại nhau, Một buổi chiều thu Tây Hồ trời se lạnh... Tuân đạp xe về Nghi Tàm thăm tôi. Và nói: “Mình đang dịch một truyện vừa tuyệt hay của Solzhenitsyn mới đăng trên Les Nouvelles de Moscou. Tuân Nguyễn tóm tắt cho tôi nghe Solzhenitsyn là ai. Tôi dắt Tuân đi loanh quanh trong xóm xem hoa.
Lúc sắp ra về, Tuân chợt hỏi tôi, giọng hơi ngập ngừng :
- Cậu có đồng tiền vàng không, cho mình một đồng...
Tôi ngạc nhiên : - Đồng tiền vàng ? Cậu làm như mình là tay sưu tập tiền cổ không bằng ?
Tuân đỏ mặt :
- Không phải. Nó là... cái ấy ấy mà...
Tôi chợt hiểu ra, bật cười. Cái ấy, là cái bao dương vật bằng cao su của Mỹ sản xuất. Mỗi cái được đựng trong cái hộp nhỏ, tròn và dẹt, in hình đồng tiền vàng cổ trên giấy kim. Ngày đó, " đồng tiền vàng " là loại hàng cung cấp đặc biệt. Muốn mua nó phải có giấy của Công đoàn cơ quan, hoặc của chi hội phụ nữ sở tại chứng nhận : người mua đã có vợ, mua để dùng cho sự sinh đẻ có kế hoạch. Nơi bán là các cửa hàng dược phẩm quốc doanh. Số lượng mua cũng rất hạn chế, để tránh nạn đầu cơ tích trữ. Trẻ con thỉnh thoảng nhặt được một hai chiếc của người lớn dùng rồi vứt đi, thì lấy làm thích thú lắm. Chúng thổi to lên, làm bong bóng bay...
Tôi hỏi Tuân :
- Nhưng cậu cần " đồng tiền vàng " làm gì ? Chắc có đối tượng nào cậu định tòm tem hẳn ?
Tuân càng đỏ mặt tợn :
-... ở cơ quan mình nghe tụi nó thì thào hỏi xin nhau đồng tiền vàng... Mình không biết hình thù

nó thế nào, muốn xem cho biết. Để miêu tả khi cần đến, trong văn xuôi chẳng hạn...
Tôi nói :
- Rất tiếc, mình lại không có... Mình có thuộc biên chế cơ quan nào đâu mà được công đoàn giới thiệu cho mua ?
- Thế trong chuyện sinh hoạt vợ chồng cậu giải quyết thế nào ?
- Thú thật với cậu, tôi nói, tính mình vốn không ưa " khoa học kỹ thuật " can thiệp vào chuyện tế nhị đó. Thứ nữa, mình là loại " đêm bảy ngày ba, vô ra không kể ", đồng tiền vàng đâu mà xài cho xuể ? Nhưng mình biết ở cơ quan cậu có thằng H. lúc nào trong túi cũng có đồng tiền vàng. Cậu cứ hỏi xin hắn, thế nào cũng có.

Một sự rủi ro đầy tính chất bi hài mà hình như số phận đặc biệt dành cho loại người như Tuân Nguyễn, trước giờ làm việc Tuân Nguyễn gặp H. ở cổng cơ quan. Tuân rất ngạc nhiên, H. vốn là tay " đại nghệ sĩ " thường xuyên đi muộn về sớm, thường xuyên bị thủ trưởng phê bình, sao bữa nay lại chăm chỉ thế không biết ? Có lẽ hôm nay trời đi vắng !
Về sau này, mỗi lần hồi tưởng lại sự việc ngày hôm đó, Tuân không sao quên được chi tiết này. Tuân kết luận : cuộc đời mỗi người là một kịch bản phim truyện đã được số phận đạo diễn phân cảnh. H. phải xuất hiện đúng lúc đó để tăng thêm chất bi hài của truyện phim.
Sau một phút ấp úng, Tuân hỏi xin H. một đồng tiền vàng :
- Sao cậu biết là tớ có sẵn của " gia bảo " ấy ? - H. cười, hỏi.
- Lai nó bảo thế.
H. không thôi cười, nói :
- Thằng ấy tớ cứ tưởng chỉ nắm vững lý lịch tụi cá mú Hồ Tây, không ngờ với bạn hữu hắn cũng nắm vững gớm... Hôm nào gặp hắn, cậu nhắn hộ chịu khó lên tớ chơi, tớ sẽ tặng một cái áo bông của bộ đội biên phòng, tha hồ chống chọi với sương gió Hồ Tây.
H. rút cái ví ở túi quần sau, mở ra lấy một đồng tiền vàng mới toe đưa cho Tuân :
- Trước khi dùng cậu nhớ cẩn thận, H. dặn, không lỡ nó thủng thì bỏ mẹ.
Tuân đỏ mặt nói :
- Mình chỉ muốn xem cho biết thôi...
H. nói :
- Ba mươi tuổi đầu mà chưa biết mặt mũi đồng tiền vàng như thế nào thì cậu là thằng hâm. Thời buổi này, Roméo Juliette nếu không ở trong biên chế, không có công đoàn cơ sở giới thiệu, thì cũng phải lùng mua " đồng tiền vàng " theo giá chợ đen !... Cậu phải bơn bớt sách vở, thêm chất sống sít của cuộc đời thường vào mới hy vọng với tay đến Đốt được!
Tuân đút vội đồng tiền vàng vào túi áo, cài cúc cẩn thận, định bụng đợi đến tối, đóng chặt cửa buồng lại mới mở ra xem mặt mũi nó...

Khoảng chín giờ hơn hôm đó, cán bộ công an cùng đi với cán bộ lãnh đạo và cán bộ bảo vệ Đài vào phòng làm việc, đọc lệnh bắt " can phạm Nguyễn Tuân, có bí danh là Tuân Nguyễn ".
Viên sĩ quan công an chỉ huy sau khi đọc lệnh bắt, yêu cầu Tuân bỏ hết đồ đạc mang theo trong người, kể cả kính cận để lập biên bản. Về sau này, Tuân kể lại cho tôi nghe giây phút nhớ đời đó :
- Nghe xong lệnh bắt, khắp người mình toát mồ hôi hột. Nỗi hoảng sợ làm thần kinh mình hầu như tê liệt. Như cái máy, mình móc hết túi áo túi quần, bỏ đồ đạc lên mặt bàn. Nhưng khi bỏ cái

đồng tiền vàng lên mặt bàn, mình bỗng tỉnh trí lại. Chính nỗi hổ thẹn đã làm cho mình tỉnh trí... Viên sĩ quan gọi to tên từng món đồ một, một viên sĩ quan khác lần lượt ghi vào một tờ giấy in sẵn.
- Một đồng đô la!
Lúc gọi tên cái của quí này, giọng viên sĩ quan cao lên hẳn một ốc-ta-vơ. Ông ta cầm đồng tiền vàng trong tay, lật đi lật lại rồi ngẩng lên ném vào mặt Tuân Nguyễn một cái nhìn ghê tởm. Cái nhìn như muốn nói : " Bè lũ phản động xét lại là như thế này đây ! Trong túi lúc nào cũng có sẵn đô la. Tất cả những tệ nạn xấu xa, làm ô nhiễm xã hội, là do bọn các người mà ra hết ! ".
Nhưng, nói như người xưa, có ai học được chữ ngờ... Tuân Nguyễn bị công an bắt giam. Và sau đó là thời gian cầm tù gần mười năm, nói thật chính xác là chín năm bảy tháng... Tôi còn nhớ rõ được như vậy vì lúc Tuân bị bắt, con gái tôi, - được Tuân chu cấp sữa hàng tháng - mới chưa đầy hai tuổi. Lúc Tuân được thả về cháu đã học hết cấp một. Tội danh của Tuân và vì sao Tuân bị bắt, ngày đó tôi không được biết tường tận cho lắm.

Rất nhiều năm sau, Tuân kể lại với tôi chuyện này, rồi trầm ngâm :
- Rất đúng với hoàn cảnh mình lúc đó. Sắp sửa phải lãnh án tù chưa biết bao nhiêu năm, thế mà mình lại không cảm thấy đau khổ bằng sự việc trong túi có đồng tiền vàng... Và cũng nhờ sự kiện đồng tiền vàng mà mình có dịp kiểm chứng thêm tài năng vô song của Dostoievsky. Chỉ với một chi tiết cái nhọt đang mưng mủ trên gáy người tử tù, Dostoievsky đã soi rọi cho chúng ta thấy vực thẳm vô tận, đầy bí ẩn và kỳ dị trong tâm thức con người...
Một buổi vào giữa trưa, tôi đang ngồi đun bếp, thì cửa liếp xịch mở. Tôi ngẩng lên, ngồi lặng đi một lúc khá lâu. Tôi bật gọi, cổ nghẹn tắc :
- Trời... Tuân !
Phải, người đang đứng trước mặt tôi là Tuân Nguyễn. Da mặt vàng úa và hơi phù nề. Cặp kính cận vành đồng rỉ xanh và hai gọng được thay bằng hai vòng dây gai xe. Cái miệng vẫn rộng nhưng không còn tươi nữa. Cặp môi nhợt nhạt vì thiếu máu. Như bừng tỉnh, tôi loạng choạng đứng dậy. Và hai chúng tôi ôm chặt lấy nhau lúc nào không biết. Phút chốc hai gương mặt dãi dầu, bầm dập khổ nạn trần gian, đẫm lệ. Tôi thì thầm qua nước mắt :
- Thế mà đã gần mười năm rồi... Mười năm tốt đẹp nhất của một đời người...
Tuân cười buồn :
- Chắc cậu không tin mình còn có ngày trở về ?
- ừ..., cậu gầy yếu quá... Người của sách vở, của mộng mơ... Cậu đâu được chuẩn bị để nhận một đòn chí mạng như vậy...
Tuân ngồi xuống cạnh bếp lửa, hơ hơ hai bàn tay gầy guộc, nói :
- Sức thích nghi vô tận cũng là một điều bí ẩn của con người, cậu ạ.
Tôi thổi cơm, rán cá, nấu canh chua. Hai đứa ngồi ăn ngay bên bếp.
- Nghĩ cho cùng, không có cái rủi nào lại không chứa sẵn ít nhiều cái may. - Tuân nói - Có lẽ nhờ vậy mà con người mới có thể tồn tại trong những hoàn cảnh nghiệt ngã nhất.
- Cậu thử nói cái may cậu tìm thấy trong mười năm qua xem nào - tôi hỏi.
- Trước hết, mình có dịp suy gẫm them: Theo mình, nếu không có mười năm lưu đày ở Sibir, tài năng của Dostoievsky không đạt đến độ viên mãn như vậy. Hai nữa, nhờ mười năm qua mình đã tự học được tiếng Nga. Bây giờ mình có thể đọc được Dostoievsky từ nguyên bản. Nhưng điều may mắn này mới là quan trọng hơn cả : trong mười năm qua, mình đã sống giữa những con

người vô cùng phong phú và phức tạp, chất liệu sống vàng ròng cho các nhà văn. Mình chỉ đơn cử với cậu một người...

***

"... Anh ta vào trại trước mình khá lâu, bị trừng phạt vì tội gì, mình không rõ. Người thì bảo anh ta phạm tội hình sự, người lại bảo mắc tội chính trị. Nhưng cả hai tội mình đều thấy khó tin. Anh ta không có dáng dấp của kẻ cướp bóc, sát nhân, và cũng không có phong độ của người làm chính trị. Bộ dạng anh ta ngu ngơ, dở dại dở khùng. Mình có cảm giác anh ta là một khúc củi rều, do một trận lũ cuốn từ một xó rừng nào về, trôi ngang qua trại, bị vướng vào hàng rào của trại rồi mắc kẹt luôn ở đó. Nhìn anh ta, rất khó đoán tuổi, có thể ba mươi, mà cũng có thể năm mươi. Gương mặt anh ta gầy choắt, rúm ró, tàn tạ, như một cái bị cói rách, lăn lóc ở các đống rác. Người anh ta cao lòng khòng, tay chân thẳng đuồn đuỗn, đen cháy, chỉ toàn da, gân với xương. Trên người, tứ thời một mớ giẻ rách thay cho quần áo. Lúc đầu mình cứ tưởng anh ta bị câm vì suốt ngày ít khi thấy anh ta mở miệng dù là chỉ để nhếch mép cười. Thật ra anh ta chỉ là người quá ít lời. Gặp ai trong trại, cả cán bộ quản giáo lẫn phạm nhân, anh ta đều cúi chào cung kính, nhưng không chuyện trò với bất cứ ai. Nhưng không hiểu sao, ở con người anh ta có một cái gì đó làm mình đặc biệt chú ý, cứ muốn làm quen... Nhiều lần mình định bắt chuyện, nhưng anh ta nhìn mình với ánh mắt rất lạ, rồi lảng tránh sau khi đã cúi chào cung kính. Hầu như tất cả các trại viên, kể cả những tay hung dữ nhất, cũng đều thương anh ta. Những trại viên được gia đình tiếp tế, người để dành cho anh ta viên kẹo, miếng bánh, người cho điếu thuốc. ở trại, anh ta có một đặc quyền không ai tranh được, và cũng không ai muốn tranh. Đó là khâm liệm tù chết. Mỗi lần có tù chết, giám thị trại đều cho gọi " thằng khùng " (tên họ đặt cho anh ta) và giao cho việc khâm liệm. Với bất cứ trại viên chết nào, kể cả những trại viên đã từng đánh đập anh ta, anh ta đều khâm liệm chu đáo giống nhau. Anh ta nấu nước lá rừng, tắm rửa cho người chết, kỳ cọ ghét trên cái cơ thể lạnh ngắt cứng queo, với hai bàn tay của người mẹ tắm rửa cho đứa con nhỏ. Lúc tắm rửa, kỳ cọ, miệng anh ta cứ mấp máy nói cái gì đó không ai nghe rõ. Anh ta rút trong túi áo một mẩu lược gãy, chải tóc cho người chết, nếu người chết có tóc. Anh ta chọn bộ áo quần lành lặn nhất của người tù, mặc vào rồi nhẹ nhàng nâng xác đặt vào áo quan được đóng bằng gỗ tạp sơ sài. Anh ta cuộn những bộ áo quần khác thành cái gói vuông vắn, đặt làm gối cho người chết. Nếu người tù không có áo xống gì, anh ta đẽo gọt một khúc cây làm gối. Khi đã hoàn tất những việc trên, anh ta quỳ xuống bên áo quan, cúi hôn lên trán người tù chết, và bật khóc. Một lần giám thị trại gọi anh ta lên :
- Thằng tù chết ấy là cái gì với mày mà mày khóc như cha chết vậy ?
Anh ta chấp tay khúm núm thưa :
- Thưa cán bộ, tôi khóc vờ ấy mà. Người chết mà không có tiếng khóc tống tiễn thì vong hồn cứ lẩn quẩn trong trại. Có thể nó tìm cách làm hại cán bộ. Lúc hắn còn sống, cán bộ có thể trừng trị hắn, nhưng đây là vong hồn hắn, cán bộ muốn xích cổ, cũng không xích được.
Thằng khùng nói có lý. Giám thị trại mặc, cho nó muốn khóc bao nhiêu thì khóc. Nhưng mình không tin là anh ta khóc vờ. Lúc khóc, cả gương mặt vàng úa, nhăn nhúm của anh ta chan hòa nước mắt. Cả thân hình gầy guộc của anh ta run rẩy. Mình có cảm giác cả cái mớ giẻ rách khoác trên người anh ta cũng khóc...

Mình thường nghĩ ngợi rất nhiều về anh ta. Con người này là ai vậy ? Một thằng khùng hay

người có mối từ tâm lớn lao của bậc đại hiền ?... Thế rồi, một lần, mình và anh ta cùng đi lùa trâu xuống con sông gần trại cho đầm nước. Trời nóng như dội lửa. Bãi sông đầy cát và sỏi bị nóng rang bỏng như than đỏ. Trên bãi sông mọc độc một cây mủng già gốc sần sùi, tán lá xác xơ trải một mảng bóng râm bằng chiếc chiếu cá nhân xuống cát và sỏi. Người lính gác ngồi trên bờ sông dốc đứng, ôm súng trú nắng dưới một lùm cây. Anh ta và mình phải ngồi trú nắng dưới gốc cây mủng, canh đàn trâu ngụp lặn dưới sông. Vì mảng bóng râm quá hẹp nên hai người gần sát lưng nhau. Anh ta bỗng lên tiếng trước, hỏi mà đầu không quay lại :
- Anh Tuân này - không rõ anh ta biết tên mình lúc nào - sống ở đây anh thèm cái gì nhất ?
- Thèm được đọc sách - mình buột miệng trả lời, và chợt nghĩ, có lẽ anh ta chưa thấy một cuốn sách bao giờ, có thể anh ta cũng không biết đọc biết viết cũng nên.
- Nếu bây giờ có sách thì anh thích đọc ai ? - anh ta hỏi.
- Voltaire ! - một lần nữa mình lại buột miệng. Và lại nghĩ : Nói với anh ta về Voltaire thì cũng chẳng khác gì nói với gốc cây mủng mà mình đang ngồi dựa lưng. Nhưng nhu cầu được chuyện trò bộc bạch với con người nó cũng lớn như nhu cầu được ăn, được uống... Nhiều lúc chẳng cần biết có ai nghe mình, hiểu mình hay không. Đó chính là tâm trạng của anh công chức nát rượu Marmeladov bất chợt nói to lên những điều tủi hổ nung nấu trong lòng với những người vớ vẩn trong một Lai rượu tồi tàn, mà Dostoievsky miêu tả trong Tội ác và trừng phạt.
Anh ta ngồi bó gối, mắt không rời mặt sông loá nắng, hỏi lại :
- Trong các tác phẩm của Voltaire, anh thích nhất tác phẩm nào ?
Mình sửng sốt nhìn anh ta, và tự nhiên trong đầu nảy ra một ý nghĩ kỳ lạ : một người nào khác đã ngồi thay vào chỗ anh ta... Mình lại liên tưởng đến một cậu làm việc cùng phòng hồi còn ở Đài phát thanh, tốt nghiệp đại học hẳn hoi, đọc tên nhạc sĩ Chopin (Sôpanh) là Cho Pin.
Mình trả lời anh ta :
- Tôi thích nhất là Candide.
- Anh có thích đọc Candide ngay bây giờ không ?
Không đợi mình trả lời, anh ta nói tiếp :
- Không phải đọc mà nghe... Tôi sẽ đọc cho anh nghe ngay bây giờ.
Rồi anh ta cất giọng đều đều đọc nguyên bản Candide. Anh đọc chậm rãi, phát âm chuẩn và hay như mấy cha cố người Pháp. Mình trân trân nhìn cái miệng rúm ró, răng vàng khè đầy bựa của anh ta như nhìn phép lạ. Còn anh ta, mắt vẫn không rời dòng sông loá nắng, tưởng chừng như anh ta đang đọc thiên truyện Candide nguyên bản được chép lên mặt sông...
Anh đọc đến câu cuối cùng thì kẻng ở trại cũng vang lên từng hồi, báo đến giờ lùa trâu về trại.

Người lính gác trên bờ cao nói vọng xuống : " Hai đứa xuống lùa trâu, nhanh lên ! ".
- Chúng mình lùa trâu lên bờ đi ! - anh nói.
Lội ra đến giữa sông, mình hỏi anh ta :
- Anh là ai vậy ?
Anh ta cỡi lên lưng một con trâu, vừa vung roi xua những con trâu khác, trả lời :
- Tôi là cái thanh ngang trên cây thập tự đóng đinh Chúa.
Rồi anh ta tiếp :
- Đừng nói với bất cứ ai chuyện vừa rồi...
Giáp mặt người lính canh, bộ mặt anh ta thay đổi hẳn - ngu ngơ, đần độn như thường ngày. Cuối mùa đông năm đó, anh ta ngã bệnh. Nghe các trại viên kháo nhau mình mới biết. Mình cúi

xuống sát người anh ta, gọi hai ba lần, anh ta mới mở mắt, chăm chăm nhìn mình. Trên khoé môi rúm ró như thoáng một nét cười. Nước mắt mình tự nhiên trào ra rơi lã chã xuống mặt anh ta. Anh ta thè luỡi liếm mấy giọt nước mắt rớt trúng vành môi. Anh ta thều thào nói :
- Tuân ở lại, mình đi đây... Đưa bàn tay đây cho mình...
Anh ta nắm chặt bàn tay mình hồi lâu. Một tay anh ta rờ rẫm mớ giẻ rách khoác trên người, lấy ra một viên than củi, được mài tròn nhẵn như viên phấn viết. Với một sức cố gắng phi thường, anh ta dùng viên than viết vào lòng bàn tay mình một chữ nho. Chữ…"Nhẫn".
Viết xong, anh ta hoàn toàn kiệt sức, đánh rớt viên than, và lên cơn co giật.
Kể đến đó, Tuân Nguyễn chợt mở lòng bàn tay phải, nhìn đăm đăm như muốn tìm lại dấu vết chữ Nhẫn…

***

Tuân Nguyễn cho tôi biết về Hà Nội đã được gần một tháng.
Tôi nói :
- Thế mà đến hôm nay cậu mới gặp mình. Tệ quá !
- Vừa đặt chân xuống Hà Nội, mình đã nghĩ về với cậu - Tuân nói - Nhưng nghĩ lại thấy chưa nên. Cậu đang gặp khó khăn, mình lại về tụ bạ với cậu, sẽ không hay cho cả hai... Tiện đường, mình ghé vào nhà vợ chồng Anh bạn. Vừa trông thấy mình cả hai đều khóc. Vợ Anh bạn nói : " Anh cứ ở lại đây, chúng ta rau cháo nuôi nhau ". Nhưng có lẽ mình phải tìm một chỗ ở khác. Cuộc sống của vợ chồng Anh bạn cũng quẫn quá. Hai vợ chồng, ba đứa con chui rúc trong cái túp chỉ hơn chục mét vuông, và gần như sống trên một đống giẻ rách...
Sắp đứng lên ra về, Tuân Nguyễn như chợt nhớ điều gì.
- Ờ này, cậu có đồng tiền vàng nào không ?
Tôi ngạc nhiên :
- Đồng tiền vàng nào ?
- Thì... đồng tiền vàng ấy mà... Cuối cùng, đến hôm nay mình vẫn chưa được biết mặt mũi nó thế nào...
Tôi bật cười mà hai mắt cay lệ. Tôi ôm lấy đôi vai lục cục những xương của bạn nói :
- Chán quá, mình không có... Một ước muốn nhỏ nhoi như vậy mà mười năm không thực hiện được thì kể ra cũng... vui thật. Cuộc đời vui quá, không buồn được. - tôi ngâm to câu thơ của chính cậu ta làm - Nhưng mình nhất định sẽ lùng cho cậu hẳn một chục đồng tiền vàng, xem thoải mái !
- Lần này không phải chỉ để xem, - Tuân nói - mà mình sẽ dùng. Được hẳn một chục đồng thì còn gì bằng!
Rồi không như lần trước, Tuân ngập ngừng:
- Mình lại sắp lấy vợ...

Từ Pleime Đến Chu Pong

David Reese

Trong cuốn hồi ký của cựu đại tướng Williams Westmoreland, khi nhắc lại các trận giao tranh của liên quân Việt-Mỹ trên chiến trường Cao Nguyên (nguyên tư lệnh lực lượng Hoa Kỳ tại Việt Nam từ 1964 đến 1968) đã nhận định rằng trận chiến tại vùng núi Chu Pong trong tháng 11/1965 là trận chiến dữ dội, ác liệt nhất trong chiến sử của quân đội Hoa Kỳ. Sau đây là diễn tiến của trận đánh Pleime-Chu Pong được biên soạn dựa theo các tài tiệu: The Sky Cavalry (Thiên kỵ binh) từ quyển sách Flags Into Battle (Cờ bay trên chiến trận) trong thư mục Vietnam Experience, bản dịch của cựu trung tá Nguyễn Minh Tánh, hồi ký của đại tướng Westmoreland, bản dịch của Duy Nguyên, chiến sử của Trung Tâm Quân Sử Lục quân Hoa Kỳ, bản tin chiến sự hàng ngày do Tổng Cục Chiến Tranh Chính Trị Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa phổ biến cho báo chí.

Ngày 27 tháng 10 năm 1965, sau khi liên quân Việt-Mỹ đánh bật Cộng Sản Bắc Việt (CSBV) ra khỏi vòng đai căn cứ Pleime và giải vây cho đơn vị trú phòng, Bộ Tư Lệnh Quân Đoàn 2 đã phối hợp bộ chỉ huy lực lượng Hoa Kỳ tại Quân Khu 2 mở một cuộc hành quân quy mô tổng truy kích 2 trung đoàn Cộng quân ở vùng núi Chu Pong. Nỗ lực chính trong cuộc hành quân này là một số đơn vị bộ chiến của Sư Đoàn 1 Không Kỵ (1st Air Calvary Division) Hoa Kỳ, trong đó có 5 tiểu đoàn của các trung đoàn 7, 8, và một thành phần của Trung Đoàn 9. Chỉ huy trực tiếp lực lượng xung kích của cuộc hành quân là Đại Tá Harlow Clark, lữ đoàn trưởng của Lữ Đoàn 3 thuộc Sư Đoàn 1 Không Kỵ. Theo sự phân nhiệm của đại tướng Westmoreland, nhiệm vụ chính của sư đoàn là thực hiện các cuộc hành quân bộ chiến theo phương thức các đơn vị tác chiến được không vận để nhảy xuống trận địa từ trực thăng của các phi đoàn cơ hữu.

Theo kế hoạch, đơn vị Không Kỵ tiên phong được trực thăng vận vào trận địa dưới sự yểm trợ của các trực thăng võ trang. Để vô hiệu hóa hỏa lực không trợ từ các trực thăng đang quần trên đầu, Cộng quân tiến sát đến chu vi phòng thủ của đơn vị Hoa Kỳ để các dàn súng liên thanh và đạn rocket từ trực thăng khó tác xạ vào địch quân (vì có thể sẽ trúng vào các chiến binh Hoa Kỳ). Sau đó khi các đơn vị Không Kỵ bộ-chiến tăng cường được điều động đến trận địa thì địch quân bắt đầu đoạn chiến và rút vào rừng.

Ước định được rằng quân Cộng Sản Bắc Việt đã rút về căn cứ địa ở núi Chu Pong, Thiếu Tướng Kinnard (tư lệnh Sư Đoàn 1 Không Kỵ, đã cho lệnh bộ chỉ huy Trung Đoàn 9 điều động Tiểu Đoàn 1/9 (đọc là, "Tiểu Đoàn 1 thuộc Trung Đoàn 9") nhảy vào phía sau đường lui binh của địch và lập các điểm phục kích trong khu vực rừng rậm ở thung lũng Ia Drang. Đêm 3 tháng 11/1965, Đại Đội C của Tiểu Đoàn 1/9 đã phục kích đánh tan một đại đội vũ khí nặng Cộng quân, nhưng một giờ sau đó, đại đội này đã trở thành mục tiêu cho một cuộc phản công ác liệt của một tiểu đoàn Cộng quân khác. Dù đã nỗ lực đẩy lùi các cuộc tấn công ban đầu của địch quân, nhưng trong đêm nói trên, Đại Đội C của Tiểu Đoàn 1/9 đã ở trong tình trạng nguy kịch và bị địch tràn ngập vào khi Đại Đội A thuộc Tiểu Đoàn 1/8 mở một cuộc tấn công giải vây và tăng cường lực lượng tại vị trí phòng thủ của đại đội bạn. Sáng ngày 4 tháng 11/1965, cuộc tấn

công của quân Bắc Việt bị chận đứng, chu vi phòng thủ được thành phần còn lại của Tiểu Đoàn 1/8 đảm trách với sự yểm trợ của Pháo Đội B thuộc Tiểu Đoàn 2/19 Pháo Binh.

Trong vòng 3 tuần lễ kế tiếp, các đơn vị bộ chiến của Sư Đoàn 1 Không Kỵ đã liên tiếp đụng độ với Cộng quân. Giao tranh đẫm máu đã diễn ra trên từng khu vực trách nhiệm của mỗi đơn vị. Trận chiến lớn nhất đã diễn ra tại bãi đổ quân X-Ray dưới chân dãy núi Chu Pong: 3 tiểu đoàn bộ chiến Hoa Kỳ dưới quyền điều động của Lữ Đoàn 3 đã bị 2 trung đoàn Cộng quân tấn công cường tập. Chiến binh của 3 tiểu đoàn này đã bám giữ vị trí trong 3 ngày giao tranh đẫm máu với Cộng quân. Đại Tá Clark (lữ đoàn trưởng) đã tử nạn vì trực thăng chỉ huy của ông bị rớt.

Một trong những đơn vị đã giao tranh ác liệt với Cộng quân là Tiểu Đoàn 1 thuộc Trung Đoàn 7 Không Kỵ do Trung Tá Harold Moore Jr. chỉ huy. Tiểu Đoàn 1/7 được trực thăng vận đến trận địa. Địa điểm nhảy trực thăng là một khu đồi núi nhấp nhô, phủ đầy cỏ lau cao hơn đầu người và gần như trên đầu của hai trung đoàn Bắc Việt. Cộng đã dồn lực lượng tấn công Tiểu Đoàn 1/7. Nhắc lại trận đánh này trong cuốn hồi ký, Đại Tướng Westmoreland đã ghi lại như sau:

Chiến binh Tiểu Đoàn 1/7 hợp sức với những người sống sót trong Lữ Đoàn 3 đánh bật đợt xung phong đầu của địch quân, rồi đợt thứ hai, thứ ba ròng rã sáu ngày. Đến ngày 14 tháng 11 kéo dài đến ngày 19, pháo đài B-52 đã thả bom liên tục lên Chu Pong và vùng lân cận để yểm trợ cho lực lượng bộ chiến ở dưới đất. Khi 3 trung đoàn Cộng quân rút về bên kia bên giới thì trận đánh kết thúc, Cộng quân để lại 1,300 xác chết. Các tài liệu bắt được của địch sau này cũng đều ghi lại tổn thất nặng nề của trận này. Người nhớ lại trận đánh đẫm máu này nhất là Hạ Sĩ Jack P. Smith, bị lạc khỏi đồng đội trong trận chạm súng với địch, Smith phải giả chết hàng mấy giờ liền dưới một gốc cây cho đến khi chạy về lại được. Anh này là con của một bình luận gia của đài truyền hình ABC.

Trong một tháng hoạt động chung quanh Pleiku và trong thung lũng Ia Drang, các đơn vị của Sư Đoàn 1 Không Kỵ có 300 binh sĩ tử trận. Lên Pleiku rồi về trong suốt trận đánh trên, tôi muốn chứng minh cho Trung Tá Moore (tiểu đoàn trưởng 1/7) thấy rằng lúc nào cũng có tôi bên cạnh ông và tiểu đoàn đang lâm trận.

Vào những giờ phút gần kết thúc trận đánh, Trung Tá Moore cầm khẩu M 16 giơ lên cao và nói với binh sĩ: Những chiến sĩ can trường với M-16 trong tay đã mang lại chiến thắng. Lúc bấy giờ M-16 là một loại súng trường tự động mới được chế tạo và nhẹ.

Từ trận đánh của Tiểu Đoàn 1/7 Không Kỵ, Đại Tướng Westmoreland nói về việc trang bị M-16 cho các đơn vị bộ chiến Việt-Mỹ:

Trung Tá Moore và binh sĩ của ông cho tôi biết M-16 là loại súng trường tốt nhất trong các loại súng từng được chế tạo cho Bộ Binh sử dụng. Loại này mới đối đầu được với súng AK-47 của Cộng quân. Bấy giờ đa số các đơn vị đều được trang bị loại M-14 bán tự động rất nặng nề, bất tiện cho chiến đấu trong rừng. Tôi hiểu ý của Trung Tá Moore và binh sĩ của ông nên liền đề nghị với Bộ Trưởng Quốc Phòng McNamara khẩn cấp trang bị ngay cho lực lượng Mỹ vũ khí

này và cho cả quân đội Việt Nam Cộng Hòa nữa. Tiếc là các viên chức tại Washington làm ngơ trước yêu cầu khẩn thiết của tôi. Mãi đến ***năm 1967***, tất cả các đơn vị Hoa Kỳ mới được trang bị loại súng này và tôi phải nài nỉ mãi, quân đội Việt Nam Cộng Hòa mới được trang bị sau đó.

Từ trước đến nay, các binh sĩ Việt Nam Cộng Hòa chịu nhiều thất lợi trên chiến trường trước sức uy hiếp tinh thần của loại AK-47 vì người lính Việt Nam Cộng Hòa chỉ được trang bị loại súng trường M-1 bán tự động, hay còn gọi là Garant M-1 của thời kỳ đệ nhị thế chiến. Ngoài súng M-1, họ được trang bị loại súng Carbine, nếu so với AK 47 thì chẳng khác nào súng tấn công với súng bắn chim. Thật quả là vô cùng thất lợi cho người lính Việt Nam Cộng Hòa.

Trong khi một số ít báo chí và các dân biểu trong Quốc Hội chỉ trích việc cấp súng Garant M-1 mà người lính Hoa Kỳ đã sử dụng trong Thế Chiến Thứ Hai và trong chiến tranh Triều Tiên thì một số khác chê loại súng mới chế và phản đối quyết liệt việc chế tạo loại súng này. Đành rằng lúc ban đầu loại này có khuyết điểm là kém bảo trì, thế nhưng về sau kỹ thuật được cải tiến nên không còn trở ngại nữa. Từ lúc loại vũ khí mới đầu tiên được đưa đến tay các chiến binh để sử dụng thử thì thấy rằng loại này đích thật là loại súng siêu việt. Vậy mà đến giữa tháng 6/1967 tôi phải vận động thuyết phục các nhà lập pháp cử một phái đoàn sang điều tra về loại súng này. Tình hình quân đội Việt Nam Cộng Hòa lúc ấy trở thành đề tài tranh luận cho giới báo chí Hoa Kỳ khi có người cản tôi rằng không nên giao súng cho các đơn vị Việt Nam Cộng Hòa. Nhiều chiến binh VNCH nghe vậy rất lấy làm bực tức. Sau này họ mới hiểu, chứ vào lúc đó cứ tưởng là tôi chỉ muốn các đơn vị VNCH dùng loại vũ khí cũ kỹ kia.

Về Hoa Thịnh Đốn vào ***tháng 5 năm 1968,*** tôi được dịp vào gặp Tổng Thống Johnson và nói với ông nỗi ấm ức của tôi về vụ M-16. Tổng thống nghe xong rất sửng sốt. Ông cũng không biết vì lý do nào Bộ Quốc Phòng lại không chịu chế tạo cho nhiều. Thế là Tổng Thống Johnson hứa chắn chỉnh, ông cam đoan với tôi rằng: anh sẽ có đủ M-16.

Sản xuất chậm loại súng này cản trở các cuộc hành quân tại Việt Nam Cộng Hòa và phải mất một năm trường mới nâng cao khả năng lên mức các đơn vị VNCH tự chiến đấu một mình sau ***Mậu Thân 1968***.

Cố Đô Kinh Hoàng
The Vietcong Massacre at Hue.
Elje Vannema
Vintage Press, New York, 1976

Mới sáng tinh sương đã thấy quân Mặt Trận (Giải Phóng Miền Nam) hiện diện trong thành phố. Họ là những người lo mặt chính trị trong cuộc chiếm cứ. Ngày hôm trước, họ vào sổ gần hết mọi người, ghi tên, tuổi, phái tính. Họ quan tâm đặc biệt đối với phái nam, chia những người này ra thành nhiều nhóm: công chức, những người có liên hệ với quân đội cộng hòa, và những kẻ khác. Nhiều trường hợp họ ghi chú đầy đủ cả gia đình, cả tên con cái nữa. Mỗi nhóm họ chỉ định một người đại diện, mang trách nhiệm mọi mặt về tất cả thành viên trong nhóm. Nếu có người thoát thì người đại diện phải lãnh đủ. Dân chúng được lệnh không tụ họp đông người, trừ khi được kêu đi dự mít tinh, không được nghe đài, không được phao tin đồn đãi... Ngày hôm sau, du kích và nằm vùng địa phương tỏa ra đi tìm những người có tên trong danh sách viết tay nguệch ngoạc. Họ được đưa về Tiểu chủng viện, nơi dựng tòa án nhân dân. Một anh cựu sinh viên chủ tọa phiên tòa với sự hiện diện của một người Bắc Việt và hai sinh viên khác.

Hai sinh viên này chúng tôi biết...

Các phiên tòa nhân dân mấy ngày trước đã chấm dứt. Dân chúng hiện diện khá đông tại các phiên tòa ở Tiểu chủng viện, ở Gia Hội bên kia cầu và ở trong thành. Tòa án ở Tiểu chủng viện do Hoàng Phủ Ngọc Tường chủ trì. Anh này tốt nghiệp đại học Huế và là cựu lãnh tụ sinh viên trong Ủy Ban Phật Giáo chống chính quyền trước đây. Cầm đầu ở Gia Hội là Nguyễn Đắc Xuân, trước kia là một liên lạc viên cộng sản nay đột nhiên lại xuất hiện. Tòa trong thành do hai sinh viên Nguyễn Đọc và Nguyễn Thị Đoan điều khiển. Các phiên tòa vang lên những lời đe dọa với khẩu hiệu tuyên truyền, kết tội, qui chụp. Hầu hết những người bị lôi ra tòa chẳng biết lý do mình bị bắt. Nhưng tất cả đều bị kết tội, một số bị tử hình tức khắc. Sau hai ngày phiên tòa kết thúc, nhường chỗ cho những công tác khủng bố dân chúng khác. Một người trộm mở nghe đài (radio) bị bắn giữa thanh thiên bạch nhật để làm gương. Một anh sinh viên không tới dự lớp học tập cũng bị bắn công khai. Nguyễn Đọc bắn nhiều người trong đó có người bạn thân đồng lớp là Mu Ty, chỉ vì bạn không chịu hợp tác với y. Bước vào ngày thứ hai bắt đầu kiểm soát lương thực, thực phẩm.

Ngày thứ bốn, vì không tuân hành lệnh cách mạng, một gia đình bị xử. Người chủ gia đình bị bắn tức khắc. Dưới áp lực khủng bố gia tăng nhiều người bỏ trốn, nhưng ít kẻ thoát. Vùng Gia Hội có nhiều người thoát hơn nhờ ban đêm chèo bè qua sông sang làng Đập Đá. Thường bị bắn theo nhưng cố chèo. Những người nằm vùng xuất đầu lộ diện, ra tay truy lùng nạn nhân. Bộ đội Bắc Việt và quân chính quy Mặt Trận lo chuyện quân sự và chiến lược. Nằm vùng địa phương lo việc chính trị, hành chính, bình định, tuyên truyền, và tiêu diệt kẻ thù. Đám này bắt và giết người bất kể, nhiều khi chỉ vì hiềm thù cá nhân. Cán bộ miền Bắc có mặt ở tòa án nhân dân xem ra ít nắm vững chuyện chính trị và đóng vai trò ít quan trọng trong các bản án. Địa phương quyết định mọi chuyện. Trước khi lên danh sách, thường đám nằm vùng đã quyết định bắt ai rồi.

Chỉ còn việc ra lệnh thanh toán những ai họ nhắm nữa mà thôi. Có lẽ họ lý luận rằng, thà giết lầm hơn bỏ sót, vì bỏ sót thì sau này mình sẽ bị nhận diện. Một cách hệ thống, công chức, quân nhân, sinh viên có tinh thần quốc gia, có khả năng lãnh đạo và có thể gây trở ngại cho cách mạng, chính trị gia đối lập, tất thảy đều được đoái hoài. Danh sách bất tận.

Dân chúng tập trung ở nhà thờ chính tòa được lệnh vào bên trong, không ai được đứng bên ngoài. Phụ nữ và trẻ con được lệnh ngồi xuống. Đàn ông và thiếu niên từ 15 tuổi trở lên đứng. Ở bệnh viện, trò tương tự cũng đã diễn ra. Dân quanh vùng, đặc biệt là vùng quanh căn cứ Mỹ, được lệnh tập trung vào bệnh viện vì cộng sản sợ giao tranh có thể xảy ra ở đó. Dân lúc này còn sợ súng máy và hỏa tiễn trực thăng hơn quân chiếm đóng nên ngoan ngoãn làm theo lệnh. Sau ba ngày, đàn bà con nít được lệnh ngồi, đàn ông đứng dậy để hai tên nằm vùng nhận diện, trước mặt hai cán bộ miền Bắc và hai bộ đội Mặt Trận. Hai người nằm vùng này mới được xổ tù khi Việt cộng chiếm thành phố. Cả hai đều là thành viên kỳ cựu của Mặt Trận. Một số người, trẻ có già có, được cấp thẻ và dẫn về nhà thờ chính tòa.

Bên trong nhà thờ đàn ông và thiếu niên được lệnh sắp thành hàng rồi bước ra ngoài với cán bộ hộ tống. Từ nhà thờ họ băng qua các đường Phủ Cam lên Chùa Từ Đàm. Bị giữ ở đấy một ngày rồi lại tiếp tục đi về phía Nam, hướng Nam Giao. Đàn bà trẻ con nhao lên nhưng được trấn an rằng cha, chồng, con họ phải ra phục dịch bên ngoài thành. Một số bà đi theo xa xa, nhưng rồi bị chặn lại. Trong số người ra đi có anh lính trẻ cộng hòa và Lương (nhân vật kể lại câu chuyện này) Ngày kế tiếp, cuộc hành trình kéo dài suốt chiều tới tối, thoạt tiên rời Từ Đàm đi về hướng Nam rồi bẻ hướng Đông Nam. Sáu cây số đường đi mà Lương nghĩ là một cuộc trường chinh. Không ai nói với ai. Chỉ một lần yên lặng bị cắt đứt bởi một câu hỏi của ai đó
"Ta đi mô đây".
Có tiếng phụ họa
"Lên núi hay tới chỗ chết?".
Bộ đội Mặt Trận nói là họ được đưa đi học tập. Không ai biết mình đi đâu nhưng tự thâm tâm nhiều người tin rằng có lẽ đời mình sắp kết thúc. Ông già đi bên cạnh Lương bổng ngã quỵ. Cho tới lúc đó anh không biết có ông già đi bên mình.
"Bắt gió cho ông ta "
Tiếng ai đó vang lên... Lương ôm lấy ông cho tới khi người canh gác tới. Mắt ông già hé mở trong chiều xẩm tối. Tiếng nói lạc giọng thều thào.
"Xin để tui đi, để tui ở lại đây",
Ông van xin, bàn tay xương xẩu níu lấy cánh tay người gác.
"Tui không đi xa hơn được nữa".
"Đứng dậy ".
Ông già gượng dậy, cố thẳng người thêm được vài bước rồi lại ngã. Người gác đoàn lúc này hết kiên nhẫn, đạp ông ra lề đường rồi bỏ đi. Vài phút sau, một phát súng xé không khí cùng với một tiếng kêu yếu ớt vang lên. Làm thế để chắc ăn, không ai chứng kiến. Xác ông được dập vào một hố gần đó, hai tù nhân được lệnh lấp đất. Một tháng sau xác ông được đồng bào khám phá. Vô vọng, đoàn người bước đi càng lúc càng chậm, câm lặng uất nén. Người gác càng hối thúc. Rồi có tiếng hô "Dừng lại ". Lương thấy đám người phía trước được lệnh bỏ túi xách xuống và ngồi xuống. Họ đã tới đích. Đám canh gác phía sau miệng hét thúc kẻ này đi nhanh, chân đá vào

sườn kẻ khác... Sau này, Lương nhớ lại mình đã đi qua thôn Tu Tay. Theo anh, chừng 18 người đã bị kêu lên phía trước và bị quân Mặt Trận tố có tội ác với nhân dân. Các nạn nhân bị lôi đi ngay. Chả ai biết gì về số phận họ vì chẳng bao giờ gặp lại họ nữa. Những người khác được lệnh đi về phía lăng Đồng Khánh.

Sau một giờ đi họ lại được lệnh dừng, chia thành hai nhóm nhỏ và bắt đầu được lệnh đào hầm rãnh. Họ đào mồ cho lớp người tới sau, chứ chính họ thì chỉ vài mạng phải nằm ở đây mà thôi. Như một ác mộng kinh hoàng thăm viếng địa cầu, nhưng ác mộng không do quỷ ma nào cả mà do chính con người tạo ra. Thoạt tiên, Lương nghĩ chắc mình sẽ không qua khỏi. Dù vậy, anh và người lính trẻ vẫn cố tìm cách thoát thân, trong một hoàn cảnh có thể nói là tuyệt vọng. Hai người thất thần nhìn nhau, mắt mở lớn. Chung quanh Lương, đám người đói, lạnh, có kẻ đau, không ai dám quay về nhìn thành phố thân yêu đổ nát đang chìm trong bóng tối sau lưng họ. Họ đào đã hai, ba tiếng, ai nấy im lặng gặm nhấm suy nghĩ của mình. Hố đào là để trú ẩn và làm mương dẫn nước, người ta nói thế. Một tiếng nổ kèm với tiếng la vang lên. Thần chết vây bủa không gian. Tại sao mình ở đây?
Đa số họ là công giáo, chả ai quan tâm tới chính trị, một số do hoàn cảnh lịch sử phải bước vào lính như bao nhiêu thanh niên Việt Nam và trên khắp thế giới đến tuổi khác.

Sau khi đào xong một hố rãnh, đám đông được lệnh đi tới một đụn cát để nghỉ đêm. Vài người bị dẫn đi. Một số la thét lên vì sợ. Lương thấy người bạn ở cùng phố mà anh quen từ mấy năm nay bật khóc nức nở. Một người hoảng lên chạy quẩn để rồi bị bắt giữ lại. Lương hoảng hốt. Chân anh như điện giật. Anh nghĩ phải liều ngay. Chung quanh cán bộ gác đầy dẫy, nhưng nếu lao vào được bóng tối thì có cơ thoát. Ác mộng tiếp tục. Người la. Kẻ bị đánh. Người rú lên cười kinh hoàng. Lương ở trong một đám khá đông đang bước đi. Đám người khập khễnh lê lết xuyên qua một đám cây rậm đi xuống đụn cát phía Nam. Khi họ xuống đồi, Lương lách người lao vào bóng tối. Một viên đạn rít bên tai. Anh phóng qua đám rừng, tai vẫn nghe tiếng đạn và tiếng la hét. Chỉ vài phút anh tới một con suối và chạy theo dòng nước hướng về phía Đông. Anh đi suốt đêm, thỉnh thoảng bị khuất động bởi trái sáng thả từ máy bay và tiếng đại bác. Sáng ra thấy mình băng qua một con đường sắt. Từ đó tiếp tục đi tới quốc lộ, lòng mong ngóng sớm thoát được vùng tử địa. Xế chiều anh tới con đường phía Nam cách Phú Bài mấy dặm. Mải tới ngày 16 tháng 2 Lương mới về lại được thành và kể cho chị Kim những gì đã xảy ra. Người ta đoán rằng đám nạn nhân từ Phú Cam tiếp tục đi nhiều ngày nữa về hướng Nam, xuyên qua một vùng cây cối khó đi. Mải tới trung tuần tháng 9.69 người ta mới tìm thấy xác họ trong một con suối nhỏ, khe Đá Mài, con suối chảy ra khe Đại đổ vào sông Hương. Trong số 428 bộ cốt tìm được ở đó, rất ít được nhận diện. Vì không tìm thấy ở đâu khác, gia đình họ Nguyễn tin rằng con mình đã chấm dứt cuộc đời nơi khe suối này...

Mồ Tập Thể

Mồ tập thể được khám phá đầu tiên ở trường trung học quận Gia Hội, nằm bên cạnh khu dân cư. Sở dĩ cư dân gần đó biết được là vì họ nghe tiếng súng và biết ở đó có mở tòa án nhân dân. Một số người sau khi tham dự phiên tòa đầu tiên đã liều trốn và may mắn thoát. Một số khác nhờ bơi

qua sông. Trước ngôi trường có tất cả 14 hố gồm 101 tử thi. Sau ba ngày tìm kiếm, người ta khám phá thêm một số hố rải rác trước, sau và bên hông trường, nâng tổng số tử thi lên 203, gồm xác thanh niên, người già và phụ nữ. Trong số xác trẻ có 18 sinh viên. Một số trong bọn họ là những sinh viên đã bỏ vô bưng theo Mặt Trận sau vụ đấu tranh chống chính quyền, nay trở về bắt các sinh viên khác theo họ. Khi Mặt Trận chuẩn bị rút, các sinh viên được phép chọn hoặc vô bưng hoặc ở lại thành. Kẻ chọn ở lại bị giết và chôn tại trường. Những sinh viên khác của Gia Hội không theo Mặt Trận cũng chịu chung số phận. Có hố vừa chôn được hai hoặc ba tuần; số còn lại rất mới. Những xác đầu tiên được lính Thủy Quân Lục Chiến Cộng Hòa khám phá ngày 26.02.1968.

Vùng mồ lớn thứ hai được khám phá gồm 12 hố với 43 tử thi ở Chùa Theravada, thường gọi là Tăng Quang Tự.

Vùng thứ ba tại Bãi Dâu với 3 hố, 26 xác. Trong số nạn nhân ở Chùa có ông Phan Ban Soan, 60 tuổi, sinh tại Phú Vang, Thừa Thiên, nhà ở đường Tô Hiến Thành, có gia đình, 5 con. Ông Soan làm nghề thợ may, trước có tham gia vụ Phật giáo chống tổng thống Diệm. Năm 1961 bị bắt vì chống chính quyền, được thả năm 1967. Bị Việt cộng bắt đi tối 12.02 trên đường Chi Lăng, Gia Hội. Cộng sản phân công ông chôn xác chết và phân phối gạo. Xác ông tay bị trói, bị bắn xuyên đầu, dập cùng hố với 7 người khác.

Vùng chôn thật sự thứ tư nằm sau Tiểu chủng viện, nơi dựng tòa án nhân dân. Hai hầm chứa xác ba người Việt làm việc cho tòa đại sứ Hoa Kỳ, hai xác người Mỹ ông Miller và ông Gompertz, nhân viên USOM, và xác một giáo sư trung học người Pháp bị giết vì lầm là người Mỹ. Tất cả đều bị trói tay. Xác tìm thấy và liệm ngày 09.02. Xác hai người Mỹ và người Pháp được đưa về Đà Nẵng.

Quận Tả Ngạn, vùng thứ năm, do một quân nhân người Úc khám phá ngày 10.03.68. Ba hầm rãnh với 21 tử thi, tất cả đều nam giới, tay bị trói, đạn bắn xuyên đầu và cổ. Một hầm khác, vùng thứ sáu, nằm cách Huế 5 dặm về hướng Đông, được khám phá ngày 14.03.68 do một cố vấn quân sự Mỹ cùng toán lính Việt đi kèm. Hai lăm xác, tất cả đều bị bắn vào đầu, tay trói giật cánh khủyu. Nhờ một cánh tay của một nạn nhân nhôi ra khỏi mặt đất mà hầm được khám phá.

Phía Nam Huế qua hoàng thành ở Nam Giao là nơi mộ phần của vua Tự Đức và Đồng Khánh. Nơi đây là vùng chôn tập thể thứ bảy. Cũng trên đường hướng Nam đó là Tu viện Thiên An, nơi xảy ra trận chiến ác liệt trong thời gian cộng sản tấn công. Khi buộc phải triệt thoái, cánh quân chiếm đóng phía Nam thành phố rút lên núi và chiếm giữ ngôi Tu viện xây cách đây 26 năm, cách Huế 6 cây số hướng Nam, vào ngày 21.02. Lúc đó Tu viện đang là nơi lánh nạn cho hơn 3000 người. Mặc cho các cha dòng van xin, cộng sản đã cho thần hỏa thiêu rụi tòa nhà chính trong vòng hai ngày. Các tòa nhà bên là chỗ sinh kế của nhà dòng cũng bị lửa đạn thiêu hủy. Thư viện gồm những pho thư khố và thủ bút quý thời vua chúa cũng chung số phận.

Cha Dom Romain Guillaume, một trong những linh mục của dòng, bị một lính Việt cộng bắn

vào vai lúc rời khỏi tòa nhà cháy sau khi đã di tản hầu hết dân tỵ nạn. Một linh mục người Việt bị bắn vào chân. Khi rút khỏi đóng gạch vụn Tu viện ngày 25.02, Cộng quân mang theo trên 200 người, trong đó 2 linh mục người Pháp, cha Urbain, 52 tuổi, và cha Guy, 48 tuổi và một số tu sĩ linh mục, tập sinh và người giúp việc. Những người này bị lọc bắt trong thời gian cộng quân chiếm Nhà dòng và được dẫn đi về hướng Nam. Đa số bọn họ kết liễu cuộc đời gần chỗ lăng các vua. Tới tháng 6.69, tổng cộng 203 xác được khai quật. Trong số nạn nhân ở lăng Tự Đức có Đoan Xuan Tong, 20 tuổi học sinh trung học, nhà ở làng Nguyệt Biểu, quận Hương Thủy. Em biến mất khỏi nhà ngày 06.02.68. Xác em được thân nhân tìm thấy bên cạnh lăng vua ngày 19.03.68, chôn chung với năm người khác cùng làng. Tại lăng Đồng Khánh có xác linh mục Urbain lấp cùng một hố với 10 người khác. Một người Việt khai quật xác cho tôi hay tay linh mục bị trói, mình không có một vết thương, chứng tỏ có lẽ bị chôn sống. Xác ông liệm ngày 23.03.68 và sau đó được một linh mục đồng dòng nhận diện. Vị linh mục này không thể xác nhận được là tay cha Urbain có bị trói hay không. Sự kiện không có xác đàn bà và con trẻ trong các hầm chứng tỏ các nạn nhân đã bị hành huyết dã man chứ không phải chết trong lúc giao chiến. Nếu bị pháo kích hoặc oanh tạc thì chắc chắn đã có người bị thương và sống sót, hoặc có người chết không toàn thây. Và chắc rằng họ không phải bị chôn tại chỗ, bởi theo phong tục người chết luôn được mang về nhà mình để hồn họ khỏi phải vất vưởng muôn kiếp. Vì thế nguyên tắc của đối phương là phải dấu nạn nhân thế nào để không bị khám phá, mà nếu có bị khám phá thì cũng không nhận diện được là ai. Ngoài thi hài cha Urbain, thi hài cha Guy dòng Thiên An cũng được tìm thấy trong một hầm riêng ngày 27.03.68 gần lăng Đồng Khánh, với vết đạn ở đầu và cổ.

Vùng chôn thứ tám ở cầu An Ninh khám phá ngày 01.03 với 20 xác. Trong số tử thi có ông Trương Văn Triệu, trung sĩ lính Cộng hòa. Trung sĩ Triệu có vợ và 5 con. Du kích cộng sản địa phương bắt ông ở trường mẫu giáo Kim Long, nơi ông ẩn trốn. Bị trói và dẫn đi. Nhờ dân chúng gần đó cho hay Việt cộng có chôn xác người gần cầu nên vợ ông đã tìm được xác chồng sau đó.

Vùng chôn thứ chín ở cửa Đông Ba, nơi xảy ra giao tranh lớn. Đây chỉ có một hầm 7 người bị bắt tại gia và giết sau đó. Trong đó có ông Ton That Quyen, 42 tuổi. Có gia đình với 10 người con, bị bắt và dẫn đi hôm 08.02.68. Gia đình tìm được xác ông ngày 05.05.68.

Địa điểm thứ mười là trường tiểu học An Ninh Hạ, một hầm 4 xác, trong đó có cảnh sát Tran Trieu Tuc, 52 tuổi, có vợ 7 con. Ông bị bắt tại nhà và mang đi ngày 05.02.68. Xác tìm được ngày 17.03.68 ở trường, mang vết thương ở đầu và cổ. Ba xác còn lại: một sinh viên, một quân nhân và một cảnh sát.

Địa điểm thứ mười một là trường Van Chi, một hầm 8 xác. Trong đó có anh Le Van Loang, thợ máy, 35 tuổi, có vợ 6 con. Theo lời chị Loang, anh bị bắt đi dự lớp huấn luyện ngày 06.02. Khi bị dẫn đi, chị và các cháu chạy theo van xin nhưng vô hiệu. Họ ra lệnh mẹ con chị phải quay trở về. Xác anh được những gia đình đi tìm xác người thân tìm thấy ngày 10.03.68 gần trường. Một vài xác bận quân phục, 4 xác chắc chắn là thường dân, trong đó có một sinh viên.

Địa điểm thứ mười hai ở chợ Thông, cách nội thành 2 cây số về hướng Tây. Tìm được 102 xác.

Trong đó có ông Nguyen Ty, 44 tuổi, thợ xây gạch, có vợ 6 con. Bị bắt ngày 02.02.68 và có lẽ bị giết ở chợ cùng với nhiều nạn nhân khác. Tìm được xác ngày 01.03, tay bị trói, một viên đạn từ ót bung ra cửa miệng. Nhiều người khác cũng bị bắn, tay trói. Có nhiều xác đàn bà nhưng không có trẻ con.

Địa điểm thứ mười ba là vùng lăng Gia Long, ở Thiện Hàm bên bờ sông Hương, cách thành phố khoảng 16 cây số hướng Nam và cách ĐànNam Giao cỡ 13 cây số Tây Nam. Gần 200 xác được tìmthấy dưới các đám cây vàbụi rậm, gồmhọc sinh, sinhviên,nhân viên hành chính, quân nhân và nhiều phụ nữ. Có nhiều rãnh hầm nối nhau với nhiều xác. Một số nạn nhân từ nội thành, những người khác từ các làng lân cận. Một số là sinh viên từ Huế về nhà ăn tết.

Địa điểm thứ mười bốn nằm ở giữa Chùa Tăng Quang và Tường Vân, 2,5 cây số Tây Nam Huế. Ở đó có xác 4 người Đức, 3 bác sĩ và một bà vợ, tìm thấy ngày 02.04.68.

Địa điểm mười lăm ở Đông Gi, 16 cây số phía đông Huế trên đường ra bờ biển, tìm thấy ngày 01.04.68. 101 xác, đa số bị trói và miệng nhét đầy giẻ. Tất cả đều nam giới,trong đó có15 sinh viên, nhiều quân nhân và nhân viên hành chính, già lẫn trẻ. Một vài xác không thể nhận diện được.

Điểm chôn thứ mười sáu: Đầu tiên ở làng Vinh Thái. Địa điểm thứ hai ở làng Phú Lương. Trong số nạn nhân người ta nhận diện được 16 học sinh trung học, theo học ở Huế nhưng về quê ăn tết. Cả nhân viên hành chính, đàn ông, đàn bà, trẻ em, già lẫn trẻ. Một số tay bị trói, đa số đều chôn cùng một hố. Trong số 357 xác có cha Bửu Đồng, một cha sở quận Phú Vang và 2 chủng sinh. Cha đồng dấu được trong túi sau bộ đồ ngủ đen trên người một hộp mắt kính trong đó có ba bức thư tiếng Việt. Một trong ba lá thư này, có bản chụp trưng bày ở nhà thờ chính tòa Huế, ông viết cho bổn đạo mình (thư tìm thấy trên thi thể ngày 8.11.69).

Các con cái yêu dấu:

Đây là bút tích cuối cùng để nhắc cho các con ghi nhớ bài phúc âm thánh Phêrô trên thuyền bão táp... (3 chữ đọc không ra) đức tin. Lời cầu chúc của Cha ngày đầu xuân cho mọi công việc Tông đồ của Cha giữa chúng con, nhớ.. (hai chữ đọc không ra) khi sự sống của Cha sắp kết liễu theo ý chúa. Hãy mến Mẹ sốt sắng lần hột, tha mọi lỗi lầm của Cha, xin cám ơn Chúa với Cha, xin Chúa tha tội cho Cha và tận tình thương nhớ cầu nguyện cho Cha được sống trong tin tưởng, kiên nhẫn, trong khắc khổ để kiến tạo hòa bình của Chúa Kitô và phục vụ tinh thần Chúa và mọi người trong Mẹ Maria. Xin cầu nguyện cho Cha bình an sáng suốt và can đảm cùng mọi sự đau khổ tinh thần, thể xác và gởi mạng sống cho Chúa qua tay Đức Mẹ.
Hẹn ngày tái ngộ trên nước Trời.
Chúc lành cho chúng con.

(Chữ ký Cha Đồng)

Điểm chôn thứ mười bảy ở làng Thượng Hòa, quận Nam Hòa, bên bờ sông Tả Trạch, một phụ

lưu sông Hương phía Nam lăng Gia Long. 11 xác được tìm thấy giữa các lùm cây trong tháng 07.69. Chỉ có ba xác nhận diện được là người của làng bên cạnh. Tất cả đều mang vết thương cổ và đầu, dấu chỉ của sự hành quyết.

Điểm thứ mười tám ở Thúy Thạnh, quận Hương Thủy, tìm thấy tháng 04.69, và ở làng Vinh Hưng, quận Vinh Lộc, tìm thấy tháng 07.69.... Trên 70 xác, nhiều xác không còn nhận diện được nữa, đa số là đàn ông, vài đàn bà và trẻ con. Họ được nhận diện là người của các làng lân cận và vài người có thể bị chết vì chiến cuộc bởi mình họ mang nhiều vết thương và xác không toàn vẹn. Các nạn nhân khác bị bắn ở cổ và đầu.

Điểm thứ mười chín tìm thấy vào tháng 09.69 ở Khe Đá Mài, quận Nam Hòa, một con suối nhỏ chảy vào Khe Đại, phụ lưu sông Hương. Khe chứa đầy xương người, có xương đủ bộ, có xương nằm riêng, sọ nằm riêng; tất cả được nước suối mài trắng tinh. Dân đi cưa gỗ tìm thấy địa điểm này. Nạn nhân có lẽ đã được chôn bên bờ suối trong mùa mưa và nước suối đã dần soi mòn đất để lộ xác ra, cũng có thể là nạn nhân bị vất xuống suối, chứng cớ là các mảnh quần áo được tìm thấy dọc bờ hoặc ngay dưới khe, thì việc chôn lấp nạn nhân có lẽ xảy ra trong các tháng mùa mưa

Trong thời gian cuộc tấn công của cộng sản có xảy ra giao tranh lớn kéo dài từ Huế qua Bến Ngự, cầu Nam Giao tới gần và trong Nhà dòng Thiên An. Nhưng đã không có tiếp tục đánh nhau lớn về mạn Nam, khi quân thù chọn đường rút lui lên núi, hướng trái với Đá Mài. Khe Đá Mài nằm cách thành phố 40 cây số về hướng Nam, bên ngoài vùng lăng tẩm; nơi nầy được coi là vùng không người, chỉ có cộng quân lai vảng. Khe chứa 500 sọ. Địa thế cách trở, cách xa mọi văn minh bởi rừng đồi vách đá cho thấy người ta không muốn để số xác kia, xác của những người mang từ Huế ra bị khám phá, mà nếu có khám phá thì cũng không nhận diện được. Nằm lẫn với xương là các mảnh quần áo thường, không phải kaki hay vải màu xanh bộ đội miền Bắc hoặc quân phục Mặt Trận. Các sọ vỡ xương trán tất thảy cho thấy bị đánh bởi một vật gì nặng. Một số sọ khác không thấy vết tích gì ở xương, đây có thể là nạn nhân chết trong lúc giao tranh. Lần lượt tất cả hài cốt được chuyển về thành phố, nơi họ ra đi và tống táng trong an bình... Sau khi Đá Mài được khám phá, vẫn còn vài trăm người mất tích. Trong số đó có một số sinh viên, điển hình là các anh Ngô Anh Vũ, Nguyễn Văn Bích. Cả hai bị bắt ở nhà thờ Phủ Cam. Bên cạnh các hầm chôn tập thể, còn có các nạn nhân lẻ tẻ, bị giết tức tưởi. Có khi cả gia đình bị tiêu diệt như gia đình ông Nam Long, thợ buôn, bị bắn cùng vợ và 5 con tại nhà. Ông Ngô Bá Nhuận bị bắn dã man trước rạp chiếu bóng địa phương và ông Phan Văn Tường, lao công, bị giết ngoài nhà ông với bốn đứa con...

Chiếc Trực Thăng Cuối Năm

Hà Kỳ Lam

Tôi có mặt ở Huế vào những ngày cuối của một năm âm lịch, những ngày thiên hạ đang chuẩn bị đón Tết Nguyên Đán ***Mậu Thân 1968***. Từ tiền đồn Plei Me tôi bay ra đất Thần Kinh vì một công việc riêng trong hai ngày. Xong việc vào ngày hai mươi bảy tháng chạp, tôi vội vã tìm phương tiện vận chuyển để về lại đơn vị. Trong hai ngày ở Huế tôi tá túc tại nhà một người bà con ngay trong khuôn viên trường nữ trung học Đồng Khánh. Thấy tôi nôn nóng, cô em họ của tôi đã phải lên tiếng:
"người ta mong có dịp được ăn tết ở thành phố, còn anh thì nôn nóng về rừng!"
Quả đúng như vậy. Khối thằng lính, khối các quan lớn nhỏ mỗi năm vẫn than thở cái điệp khúc tết xa nhà; khối bạn bè của tôi vẫn tìm mọi cơ hội để có mặt ở thành phố trong ba ngày tết. Và tôi cũng thấy cái vô lý của mình. Nhưng tôi muốn rời Huế, tôi muốn rời thành phố.

Thật khó nói, khó giải thích cái muốn của tôi, nhưng đó là điều có thực trong lòng, chẳng phải đỏm lược, chẳng phải dáng vẻ. Một thân một mình, tôi đến, tôi đi, tôi ở lại, vân vân, chẳng bận lòng ai; và rủi tôi có nằm xuống ở một chiến trường xa xôi nào đó, thì cũng chẳng để lại phiền hà cho ai, và chính tôi cũng chẳng thấy vấn vương ra đi! Với cảnh ngộ côi cút của tôi, tết ở thành phố còn "hoang vắng" hơn giữa rừng già với lính tráng. Bỗng dưng nếp sống quân ngũ - tôi muốn nói đơn vị tác chiến - thích hợp với mình. Tôi bù đắp sự cô độc của mình bằng một tập thể cùng chung một số phận. Lạ thật, có những tập thể cùng chung thân phận thì phải loại trừ lẫn nhau để sống còn. Những con người trận mạc không theo luật đó của đời sống!

Và tôi nhất quyết "ra đi". Tôi nhờ người bà con chở tôi vào sân bay Thành Nội tìm một chỗ trên một chuyến bay quân sự vào Đà Nẵng để từ đó tôi tìm phương tiện chuyển vận cho đoạn đường còn lại. Tôi chọn sân bay nầy thay vì phi trường Phú Bài vì hy vọng sẽ gặp một trong hai thằng bạn lúc bấy giờ thuộc phi đoàn quan sát 110 vẫn thường xuyên đáp xuống đây trong các phi vụ công tác. Có lẽ tôi phải dài dòng một tí về tình trạng giao thông giữa Huế và Đà Nẵng trong giai đoạn nầy của cuộc chiến. Đường bộ giữa hai thành phố đó đã bị cắt đứt hoàn toàn - không có xe lửa, không có xe đò, không có một đoàn xe quân sự nào trên đoạn đường dài một trăm mười cây số xuyên qua đèo Hải Vân. Phương tiện vận chuyển chỉ còn đường hàng không và đường biển, nhưng thông dụng vẫn là đường hàng không. Nói đúng ra chỉ còn đường bay quân sự là phương tiện tôi có thể nhờ vả, còn hàng không dân sự thì trong trường hợp tôi - không muốn ăn tết ở Huế - coi như không có, vì vé máy bay rời Huế trước tết nguyên đán đã bán hết rồi!

Phi trường Thành Nội - gọi phi trường nghe cho oai - là một đường bay nhỏ, chiều dài khoảng ba trăm thước, nằm ngay bên ngoài hoàng thành Huế, dùng cho phi cơ nhỏ cỡ sáu chỗ ngồi trở xuống, và cho trực thăng. Tôi vẫn thường chế giễu cái sân bay tí hon nầy: nằm sát chân thành vua, hai đầu phi đạo bị chắn bởi hai đoạn hồ sen vốn là hào làm chướng ngại vật vây quanh thành, chẳng đúng một tiêu chuẩn nào của một sân bay! Nghe đâu sân bay nầy do vua Bảo Đại lập ra để tập lái máy bay. Hành khách đặt hy vọng vào những chiếc trực thăng hơn vì số lượng máy bay nầy nhiều hơn các phi cơ cánh quạt khác. Nhưng so với khối lượng người đang chờ đợi

kia thì mỗi người đều thấy mình ít có hy vọng được bước lên phi cơ. Trong những ngày tháng tận năm cùng như hôm đó, quân nhân đi công tác về, đi phép đặc biệt vân vân, tất cả đều nôn nóng mong có phương tiện để về nhà kịp dịp tết, nên hành khách đông hẳn lên, gấp bội ngày thường. Tôi chẳng thấy bóng dáng thằng bạn phi công nào của mình. Nhìn cái tập thể trong quân phục lố nhố chờ máy bay đến, nhìn những chiếc máy bay cất cánh mang theo vài người hoặc từ chối không "lấy" một ai, tôi bỗng thất vọng: phen nầy đành ăn tết ở Huế vậy!

Rồi tôi nghĩ đến phi trường Phú Bài với những chiếc vận tãi cơ C47, C123, v.v. có khả năng tiếp nhận hành khách hàng loạt; tôi hy vọng có nhiều cơ may ở đó hơn. Nhưng tôi lưỡng lự. Chẳng phải vì phi trường cách xa thành phố Huế cả mười lăm cây số. Chẳng qua vì tôi lại mâu thuẫn với chính mình! Tội gì lại phải lặn lội đi tìm phương tiện về rừng. Tôi tuyên bố bỏ ý định rời Huế trước tết trong vẻ hân hoan của người bà con tôi. Chúng tôi quay lưng để tiến về nơi đậu xe của mình. Cùng lúc đó tiếng động cơ của một chiếc trực thăng sắp đáp xoáy vào tai tôi. Cái ý muốn rời Huế từ vô thức làm tôi khựng lại. Tôi khẽ bảo "bác tài" của tôi "chờ xem thử ra sao". Chúng tôi xoay người lại, đứng nhìn một chiếc trực thăng võ trang - một chiếc gunship, như tên cúng cơm của nó - từ từ đáp thẳng đứng xuống một điểm cách chỗ chúng tôi đứng khoảng năm mươi thước. Phi hành đoàn là người Mỹ. Một làn sóng người ùa đến, trong khi hai xạ thủ viên từ hai bên hông máy bay nhảy xuống cản lại và lúc lắc đầu, một ký hiệu từ chối nhận hành khách.

Chúng tôi đứng xa cách với đám đông đang "bon chen" chung quanh chiếc trực thăng. Chúng tôi đứng chơ vơ, không bị "đồng hóa" với mọi người. Giữa khoảng trống chỉ có hai người đàn ông, một người vận thường phục và một người khoác quân phục Lực Lượng Đặc Biệt - đồ rằn ri, mũ bê rê xanh. Không biết có phải vì cái vẻ "đặc biệt" đó mà một trong hai xạ thủ viên kia, một anh chàng Mỹ có bộ ria mép vàng như râu bắp, bỗng giơ cao cánh tay mặt lên vẫy hối hả về phía chúng tôi. Thật khó biết anh ta vẫy ai, vì chung quanh chúng tôi lúc bấy giờ còn bao nhiêu quân nhân khác đứng rải rác. Tôi nhìn quanh mình một lượt, rồi lấy tay chỉ vào ngực mình, một tín hiệu hỏi
"Có phải tôi không?".
Anh chàng Mỹ râu bắp vừa gật đầu, vừa dùng ngón tay cái chỉ thẳng lên. Tôi cơ hồ nghe bên tai một âm vang tưởng tượng.
"Chính anh đấy!".
Mừng quá, tôi chỉ kịp chìa tay nắm bàn tay của người bà con và nói.
"Thôi tôi đi nghe bạn".
Khó nhọc lắm tôi mới chen lấn đến gần chiếc trực thăng. Anh chàng râu bắp phải nhảy xuống, "dọn đường" hộ và nắm tay tôi kéo lên máy bay.

Chiếc trực thăng nhấc bổng lên cao dần, rồi quay đầu, phi thân qua giòng sông Hương đang lững lờ bên dưới. Tôi thấy lòng phơi phới, nhẩm tính chương trình cho những ngày sắp tới. Phi cơ bay dọc theo bờ biển. Lần đầu tiên tôi có được một cái nhìn bao quát từ trên cao hình thù đèo Hải Vân, một đường đèo lượn khúc theo biển xanh. Anh chàng Mỹ râu bắp nhìn tôi và đưa ngón tay cái chỉ thiên, một thủ hiệu ngầm nói "number one". Tôi hiểu anh khen đất nước tôi đẹp. Nếu có ai nói cho anh ta biết rằng chiều dài rặng núi cũng là khoảng cách giữa hai giọng nói - giọng Thừa Thiên dừng lại ở chân đèo phía bắc, và giọng Quảng Nam dừng lại ở chân đèo phía nam -

thì chắc anh chàng còn thấy đèo Hải Vân tuyệt vời hơn nữa. Đến không phận Đà Nẵng tôi ngạc nhiên khi anh ta hỏi tôi muốn về đâu. Tôi đáp rằng cứ thả tôi xuống phi trường là được rồi. Nhưng chiếc máy bay cứ tiếp tục bay về hướng cầu Trịnh Minh Thế, rồi từ từ hạ cao độ, đáp ngay bên đầu cầu, tức một khoảng lề đường, rất gần giòng xe cộ đang lưu thông. "OK?", tôi đáp "thank you" rồi nhảy xuống. Và chiếc máy bay lại nhấc bổng lên, và từ từ mất hút vào khoảng không gian xa, về phía Sơn Trà. Độc giả ở Đà Nẵng hẳn biết từ điểm nầy tôi chỉ cuốc bộ một đoạn ngắn là đến đường Trưng Nữ Vương. Tôi đi dọc theo con phố một quãng không xa để đến nhà một người bà con ở khu Chợ Mới nơi tôi sẽ ngủ qua đêm. Quái, sao mọi sự dường như được sắp xếp cho tôi được thuận lợi. Tôi về lại căn cứ Plei Me đúng ngày cuối năm, ba mươi tháng chạp, kịp đón giao thừa giữa những người lính xa nhà hay không nhà như tôi...

Sau một đêm thức khuya, hôm sau, Mồng Một Tết Mậu Thân năm 1968, tại Plei Me tôi thức dậy muộn. Còn nằm trên giường tôi với tay mở chiếc máy thu thanh nhỏ chạy bằng pin để ở đầu giường. Giọng quen thuộc của một phóng viên chiến trường đang oang oang tường trình về chiến sự trong mấy tiếng đồng hồ qua. Tôi bỗng cảm thấy như bị điện giật khi nghe đến tên "thành phố Huế" bị tấn công. Rồi nhiều thành phố, thị trấn nữa. Chiến sự sôi động trên toàn thành thị miền Nam. Ở Plei Me, chúng tôi đón xuân âm thầm, nhưng yên ổn đón xuân sang, trong khi người dân thị thành đang hứng chịu bom đạn, đổ nát, tang tóc! Tôi chờ nghe bản tin chiến sự nhiều lần nữa trong ngày, đặc biệt chú ý đến những gì liên quan đến Huế của tôi. Tôi bàng hoàng nghe tin trường Đồng Khánh nằm trong danh sách những nơi bị địch chiếm. Tôi mơ hồ thấy mình may mắn. Tôi mơ hồ thấy mình thương Huế.

Phải mất một thời gian nữa, sau khi chiến trường ngã ngũ, khi tin tức và hình ảnh về cuộc thảm sát trên bốn nghìn người do phía bên kia thi hành trong thời gian chiếm đóng Huế, tôi mới ý thức rõ ràng nhất cái may mắn của mình. Tôi thấy thương Huế hơn bao giờ hết. Nếu không có chiếc trực thăng kia, tôi đã ở lại trong trường Đồng Khánh, để đón xuân cùng gia đình người bà con của tôi - hay để đón nhận thảm họa? Những người anh em phía bên kia chắc chắn đã không để tôi yên thân. Tôi có cùng chung số phận của mấy nghìn người khác không? Tôi không hiểu nguyên do gì đã khiến phi hành đoàn của chiếc trực thăng kia "cứu" tôi. Có lẽ do bộ quân phục rằn ri của Lực Lượng Đặc Biệt. Có thể viên phi công đã từng chở các toán thám sát chúng tôi, nên một chút cảm tình cá nhân do màu áo gợi lên khiến anh ta hành động. Cũng có thể vì tôi đứng xa quá, bơ vơ quá, không bon chen, mà phi hành đoàn đã thương hại tôi. Tôi thật không hiểu nỗi. Nhưng dù với bất cứ nguyên nhân gì, chiếc trực thăng cuối năm kia đối với tôi mãi mãi là một định mệnh, một sắp đặt huyền bí, một an bài kỳ lạ.

Di Vật

Trần Vũ

Mỗi con người ngày nay mang trong mình một di vật. Với tôi là chiến tranh và tiểu thuyết. Chiến tranh của suốt tuổi hoa niên không bao giờ chấm dứt và tiểu thuyết của một thời đại đã biến mất. Không biết từ bao giờ tôi nghiệm ra tuổi thơ của mình vẫn chưa chấm dứt. Tiếng súng AK trong đêm tối Tết Mậu Thân còn hộc lên như nhát búa. Tiếng súng in sâu vào tâm trí mà tôi không hay.

Lần đầu tiên tôi nghe tiếng súng sát cạnh nhà. Cả ánh lửa của trái hoả tiễn vút qua cửa sổ rồi nổ ầm rung chuyển trước khi khói bốc lên cao. Căn phòng tôi ở lầu hai, trông xuống xóm Chùa. Mẹ sai chị Ni tháo chấn song sắt của ô cửa sổ trông sang hãng Sáo công ty. Mẹ dặn nếu Việt Cộng đập cửa, u dẫn các em chui qua cửa sổ, lần theo mái ngói xuống nhà ông bà Văn Chung. U Đào vâng dạ. Tròng mắt u đầy kinh hãi. Thầy vắng nhà, xuống Long An khai trương rạp hát. Nhà không đàn ông nhưng mẹ vẫn bình tĩnh thu xếp mọi thứ. Một túi quần áo, một túi gạo và tư trang gói trong khăn lụa. Mẹ sắp xếp với kinh nghiệm tản cư từ Hà Nội. Câu chuyện tản cư chúng tôi nghe không biết bao nhiêu lần, cả nhà chạy về quê nội, rồi ông bị đấu tố, trói giật cánh khuỷu ở hàng rào ngôi nhà bây giờ là uỷ ban tỉnh Vĩnh Phú. Thầy và chú Ích bị trói quỳ ở giếng, nhảy dù Tây bất ngờ nhảy xuống Phú Thọ, bắn nhau trong vườn và bà nội lạc đạn, chết trên đường tải thương. Dường như từ ngày đó, ông im lặng. Từ ngày đó thầy và mẹ không còn ủng hộ Việt Minh.

U có ủng hộ Việt Minh không? U đang đứng run rẩy, mãi u mới thưa bẩm: Thưa mợ, thế còn đồ đạc trong nhà ai trông? Mợ cho con ở lại trông chừng. Mẹ gạt: Bổn phận u là trông các em. Nhà này bỏ của chạy lấy người, u quên Phú Thọ rồi à.
U sắp sụt sùi. U từng chứng kiến bao cảnh gia đình tôi chạy loạn. Ngày xưa còn con gái vào ở cho gia đình ông, u có thương bà nội như thương mẹ bây giờ, u nghĩ gì khi vốc đất lấp mả hoang cho bà ven vệ đường? Chắc u ít kỷ niệm với đất Quảng của u bằng đất Bắc. Ít gắn bó với quê u như gắn bó với gia đình tôi. U lưu lạc phương nào làm sao từ đất Quảng Ngãi lại ra đến Phú Thọ, rồi theo thầy mẹ về thành, rồi di cư vào Nam. Sao u không theo Việt Minh mà theo về vùng tạm chiếm? Họ đấu tranh cho giai cấp của u mà. Nhiều năm sau này tôi hỏi: Sao gọi Sàigòn là vùng tạm chiếm? Phải gọi Lộc Ninh, Phước Long là vùng tạm chiếm mới đúng. U trả lời u chả biết. Và tôi cũng không biết. Nhưng năm 68 tôi hãy còn bé, tôi chưa biết đặt những câu hỏi khó như vậy. Tôi chưa biết chuyện gì xảy ra. Đất nước đang chiến tranh, tôi không hề biết. Mai Thảo đang viết tiểu thuyết, tôi không hay. Tôi chỉ biết đến u Đào và con đường từ nhà ra đến chợ Tân Định. Mỗi sáng u cầm tay giắt tôi băng qua đường, đi về hướng nhà thờ. Rồi u mua cho tôi cây kem, khi bịch bánh cay, trước khi u mỉm cười đứng ngó tôi bước chân qua cánh cổng sắt có các dì phước hung ác đứng canh. U Đào, u là ai? Cho đến bây giờ, hai mươi năm sau khi viết truyện Gia Phả, tự phong mình làm Thiếu Đế, vị hoàng đế cuối cùng của triều Trần, cho nhân vật u Đào đi ở cho tộc Trần, nuôi dưỡng Linh từ quốc mẫu Trần Thị, tôi vẫn chưa biết u là ai. Tên tuổi, làng quê, chánh quán của u, gia cảnh của u ra sao, u còn trinh hay không? Tôi chỉ biết u sống với gia đình mình từ lúc thầy còn trai trẻ, mẹ chưa về làm dâu, chúng tôi sinh nở trên

tay u, trên hai cánh tay ẵm bồng của u, cho đến buổi tối Mậu Thân u tình nguyện ở lại giữ nhà. Chúng tôi hét: Không, u đi với tụi con, u không được ở lại!
Chúng tôi níu lấy u làm như đã sắp chia cách.

Mẹ gắt: Im! Tiếng chân người đi lạo xạo ngoài cửa. Tiếng đập cửa ở các nhà chung quanh. Mẹ thì thào: Ni lên phòng ông tắt cây đèn trần. Nhanh. Chị Ni quýnh quáng trong lúc mẹ tắt cây đèn nhỏ thắp trên bàn thờ. Chúng tôi cứng người vì sợ hãi, bàn chân tôi lạnh như nước đá. Tôi lại bấu lấy u, đeo cứng lấy u không cho u nhúc nhích. Tôi chưa hình dung thế nào là Việt Cộng nhưng biết mẹ rất sợ những con người ngoài cửa. Tiếng đập cửa mỗi lúc một lớn. Tiếng quát tháo bắt mở cửa, lẫn tiếng gia đình Pharmacie Dung khẩn khoản. Pharmacie Dung sát vách nhà tôi. Mẹ bảo u cho các em chui qua cửa sổ. Mau. U Đào bắt đầu run. Chị cả giục Vũ nhanh lên! Tôi rướn người, uốn lưng luồn giữa hai chấn song. Bên trên trời đầy sao. Cả một vòm trời đầy sao bất chợt lấp lánh trên nền tím lạ thường. Phải sau này tôi mới hiểu vẻ đẹp của sự bất trắc. Nền trời khuya ửng những đám cháy hoà với các giải mây đen làm thành màu tím. Mãi sau này tôi mới nghi hoặc những tín hiệu của trời đất, các đốm sao muốn báo hiệu nguy biến, như trong chuyến hải trình vượt biên, giữa đêm tôi chợt khám phá biển chớp sao trước khi tàu chìm. Nhưng năm 68 tôi còn bé, lần đầu tiên trông thấy nền trời khuya không phản chiếu ánh điện. Gió mát từ kênh Nhiêu Lộc đưa tiếng còi hụ ở xa.
- Vũ nhanh lên! Chị cả thúc giục.

Tiếng súng nổ lúc đó. Tiếng súng nổ ran ngay trước cửa nhà. Tiếng súng nổ mạnh lắm. Lính Mỹ trên binh đinh Yên Đỗ đối diện bắn xuống mặt đường Hai Bà Trưng. Tôi nghe tiếng đạn chọc trên lớp nhựa. Tiếng đạn nạo lòng đất. Tiếng la hét, tiếng chạy huỳnh huỵch. Mẹ hốt hoảng lôi tuột tôi xuống. Cả nhà núp dưới bàn thờ. Lúc này tiếng súng liên tục. Tiếng súng đập vào hai lớp cửa sắt rung như bị nện búa. Tất cả đồ đạc lay chuyển. Không phải chúng tự chuyển động mà mỗi khi bích kích pháo rớt, tiếng ầm như sát bên cạnh, cả nhà lại nhốn nháo chạy từ vách tường bên này sang vách tường bên kia, hất đổ lọ bình, xô lệch bàn ghế. Tiếng súng át tất cả, nổ từng tràng, từng chập rồi đứt quãng, rồi lại râm ran. Chúng tôi theo dõi gương mặt mẹ để đoán chừng an nguy. Gương mặt mẹ căng thẳng tột độ. Mẹ cũng đang theo dõi tiếng súng với hy vọng lính Mỹ tiếp tục bắn trả. Gương mặt mẹ khi ấy hẳn giống gương mặt mẹ ở Phú Thọ. Như mẹ kể lại. Mẹ đã khẩn cầu rồi vui sướng siết bao khi viên quan ba Tây chạy đến. Chậm một phút nữa là thầy và ông nội các con bị họ giết. Họ tra khảo để khảo của. Gương mặt mẹ lo lắng pha lẫn hy vọng. Hy vọng lính Mỹ tiếp tục chống trả. Sau này tất cả chị em chúng tôi đều cùng tự hỏi: Vì sao dân tộc chống Pháp giành độc lập mà gia đình chúng tôi lại mừng rỡ khi lính Tây nhảy dù xuống? Vì sao tướng Salan khi ném 3 tiểu đoàn Nhảy dù xuống Phủ Đoan, Đoan Hùng, Phú Thọ trong cuộc hành binh Lorraine đã vô tình cứu sống gia đình tôi? Vì sao Việt Minh muốn thắt cổ thầy, muốn hành quyết ông? Gia đình chúng tôi không làm việc cho Tây, mà yêu đất nước này. Ông không phải là địa chủ, nhà không có đất. Ông thừa kế hiệu thuốc Bắc của cố, mở thêm gian bán vải, ông chú có tiệm bánh trung thu. Có gì giàu sang đâu mà phải tội. Có cái gì đó trái ngược đến phi lý. Vì những con người giành độc lập là những con người tàn nhẫn, triệt hết tất cả những ai khác biệt. Chú Minh về sau giải thích như vậy. Nhưng vì sao ông cố là người Trung Hoa, gia đình tôi là một gia đình Trung Hoa chạy loạn sang Việt Nam lại can dự vào cuộc chiến này, mà thầy đứng hẳn về phía miền Nam, hy vọng Bắc tiến? Tôi không hiểu.

Năm 68 tôi chưa biết thắc mắc. Tôi chỉ là đứa bé kinh sợ mỗi khi tiếng đạn chọc vào lớp cửa sắt. Lớp sắt rung lên như tiếng nấc trong lòng tôi cố kềm hãm. Tôi chỉ biết thúc đầu gối vào mạn sườn u và ôm u chặt cứng. Tiếng đạn sẽ mãi mãi, vĩnh viễn, không bao giờ biến mất. Kể cả sau Mậu Thân. Chúng chốt xoáy trong trí óc tôi một đầu đạn vô hình. Chúng chọc thủng tấm màn lịch sử buộc phải tự tìm hiểu.
Tôi nhắm chặt mắt, bưng tai, dúi mặt vào ngực u tìm sự bảo bọc, tìm cả sự êm ái mà chỉ có u mới có thể đem đến cho tôi vì mẹ luôn cứng rắn. Đến khi u bế xốc tôi lên, tôi mở mắt nhìn thấy lửa cháy cuồn cuộn phừng phừng trên các dẫy nhà phía sau đường Đặng Tất trong xóm Chùa. Cháy, cháy, mợ ơi. Cháy. U hốt hoảng. Mẹ quát: U đưa các em xuống lầu. Mau. Ni hứng nước vào các chậu, nếu lửa lan đến nhà mình thì dội. Mẹ sắp xếp, phân bố công việc cho tất cả mọi người. K, anh cả xách túi áo quần. Chị N, chị cả kéo bịch gạo. U bế tôi xuống bếp. Sân bếp tối om. Tiếng ống nước chảy chị Ni đang hứng vào chậu kêu như thác.

Đến khi súng ngớt, chị Ni thì thầm: Họ rút đi rồi. May lính Mỹ đóng trước nhà mình. Tôi nhớ đến toà binh đinh quét vôi trắng, kế bảo sanh viện Lương Kim Vi, hằng ngày có những người lính cao lớn, ngón tay to bằng quả chuối hay ngoắc vẫy lũ trẻ chơi đánh đáo trong xóm, thảy những phong kẹo cao su. Thầy cấm không cho tôi lượm và cấm lai vãng đến gần. Toà binh đinh đồ sộ trước cửa, chỉ cần tôi lên lầu ba là nhìn thấy, ngay bên kia đường, trên sân thượng có chất bao cát. Mấy người lính gác hay đi qua đi lại trên nóc sân thượng hút thuốc. Tôi nhớ người lính da đen có đôi mắt lồi trắng dã mà chúng tôi gọi là ông kẹ. Tôi tưởng tượng ông kẹ đang bắn nhau với Việt Cộng. Tôi tưởng tượng chú Hải, chú Diệp, chú Các, chú Xá đang bắn nhau với Việt Cộng. Thầy ở đâu? Tôi nhớ thầy da diết. Tôi thèm được thầy hôn vào má, những cọng râu cứng của thầy làm tôi rùng mình. Tôi chưa biết lo lắng, nhưng tôi nhớ thầy, loáng thoáng hiểu thầy gặp nguy hiểm, tôi đọc nhẩm bài kinh Kính Mừng mà các sơ dạy trong trường để cầu nguyện cho thầy. Nhưng tôi chỉ đọc được mấy câu Kính mừng María đầy ơn phước, đức chúa trời ở cùng bà... rồi thiếp vào giấc ngủ. Trong giấc ngủ là một quãng vắng bình yên mà trí nhớ tôi không lưu trữ.

Sáng hôm sau tôi thức giấc dưới chân bàn thờ Phật, bức hình ông vẫn hiền từ bên cạnh hình bà nội chết trẻ. Tôi nằm giữa những cánh mai vàng lấm tấm rụng trên đất. Cành mai sáng mùng một còn vàng hoe bây giờ đã sớm rụng. Mùi nhang ngào ngạt. Mẹ đang khấn vái trước bàn thờ vẫn còn đầy hoa quả. Đĩa chôm chôm. Đĩa xoài cát. Đĩa nhãn mọng. Quả dưa hấu to tướng và bốn cặp bánh chưng của cô Cắm gói. Tôi kêu đói. U nói để u đi chiên bánh chưng. Cả nhà túm tụm ở tầng thờ. Tôi biết đêm qua u Đào bế tôi lên trong giấc ngủ. Tôi dụi mắt nghe chị Ni nói đặc công nằm vùng uýnh binh đinh Mỹ thua rồi. Chúng tôi chạy ra cửa. Mẹ la: U không cho các em ra ngoài. U cản. Chúng tôi tiu nghỉu đứng sau hai lớp cửa sắt kín bưng. Ngôi nhà thiếu ánh sáng âm u. Trong bóng tối yên lặng tôi đếm những lỗ thủng trên tấm sắt, nắng rọi qua như những ống hơi ai luồn qua cửa, những ống hơi sáng trong vơ vẩn bụi bay theo đường ống. Tôi lấy tay chận ánh sáng, đưa qua đưa lại trước lỗ thủng trước khi áp sát vào lỗ sắt rồi xoè ra xem chiến tranh đã in lên bàn tay mình chưa. Bàn tay tôi trắng trẻo không dấu vết. Chiến tranh vẫn còn phía bên kia đường. Tôi an tâm. K đang châu mắt vào một lỗ thủng. K vừa nhìn vừa nói có mấy xác chết trước hiệu phở Bình. Tôi cũng châu mắt vào xem. Qua lỗ thủng, trên mặt đường

một xác đàn ông tênh hênh không thấy mặt. Một xác khác nằm úp tay quặp dưới bụng. Một xác nữa ruột đổ ra mặt đường. Chung quanh có lớp sẫm sền sệt. Không thấy súng, chỉ có một cái khăn ca rô sọc ngang sọc dọc vất lây lất gần nắp cống. Tôi cố ngước nhìn lên binh đinh Mỹ, nhưng mấy cái lỗ đạn quá thấp, quỳ gối cũng không nhìn thấy, chỉ thấy cái bục gác trống không.

Đến trưa nhà ông Thanh Tùng chạy sang đập cửa nói đánh lớn ở kho quân cụ, bộ tư lệnh hải quân bị vây rồi. Mẹ không cho mở cửa. Cô Ốn điện thoại báo tin chú Ốn kẹt ở cổng số 4 bộ Tổng Tham Mưu chưa biết sống chết. Chú Sâm bị bắn chết ở Tổng Nha Cảnh Sát. Chú Diệp, chú Các, chú Hải ứng chiến không có tin tức. Việt Cộng đã vào Sàigòn. Chú Hênh từ dưới Chợ Lớn điện tiếp: Chị Bảo, Pá em sang với cô Cắm bị kẹt ở cầu chữ Y rồi, đánh lớn lắm, tụi nó về nhiều lắm. Chế Màn hỏi anh Pảo có tin tức gì không?

Vẫn chưa có tin của thầy. Mẹ cũng bấn, cố giữ bình tĩnh, thắp thêm nhang, sai u đong thêm túi gạo. Mẹ dặn đong ít thôi, không vác nặng, u còn phải trông các em. Rồi mẹ gọi lại cho cô Sâm chia buồn, cô Sâm là nữ quân nhân, chú Sâm vừa biệt phái về Tổng Nha mấy hôm trước Tết. Nhưng đường dây điện thoại bị đứt. Chị N bật truyền hình, đài truyền hình không phát hình. Mẹ bảo mở radio, các bản nhạc hùng trầm bổng. Chị N nghĩ Việt Cộng chiếm đài phát thanh rồi. Mẹ bảo Chưa. Nếu đài phát thanh bị chiếm họ đã phát lệnh hiệu triệu. K hỏi nhưng nếu chưa bị chiếm sao không có tin tức. Mẹ không biết. Mẹ muốn gọi cho cô Út, cô Cắm, thím Hải, hỏi thăm các chú được lệnh trình diện đơn vị, nhưng đường giây vẫn bị cắt. Súng lúc này không còn nổ phía chùa Vĩnh Nghiêm mà âm âm khu cầu Sắt. Chị em chúng tôi rúc xuống bếp. U lại chiên bánh chưng. U khuyên Mợ ăn lấy sức. Mẹ đụng đũa chiếu lệ, than thở: Không biết ông Bảo bây giờ ra sao. U an ủi mẹ: Cậu mợ ở hiền, trời Phật độ. Tuy nói vậy, nhưng u cũng rươm rướm nước mắt. Chị em chúng tôi ai cũng nhớ thầy. Sợ thầy gặp nạn. Sau Tết Mậu Thân thầy kể, chuyến xe đò của thầy đi từ Long An lên Sàigòn bị Việt Cộng chận. Việt Cộng của tỉnh đội Tân An pha đèn bấm giữa mặt thầy, may mắn xe ở đồn quân cảnh chạy ngang, Việt Cộng xả súng bắn rồi bỏ chạy, thầy nhảy xuống mương, đến khi liên đoàn Bảo An đi qua được cứu. Tội chết mất ông trung sĩ quân cảnh. Lần nào kể chuyện, thầy cũng nhắc đến ông trung sĩ thế mạng, nếu không có ông chắc thầy đã bị bắt đi.

Lúc này bích kích pháo rơi xuống phía Gò Vấp liên tục. Lửa cháy ở phía Hàng Xanh có cuộn. Tiếng hoả tiễn rơi nghe rất lạ. Ban đầu giống như có tiếng sáo, rồi tiếng gió hú, tiếng nổ làm mặt đất rung, cuối cùng mới là tiếng rít xoáy. Gia đình ông Thanh Tùng di tản, chạy ngang nhà đập cửa: Tụi nó vào tới Tân Sơn Nhứt, Tổng Tham Mưu rồi, chạy đi. Ông bà Tuấn Kiệt cũng chạy qua nhà gọi: Bà Bảo chạy đi, Việt Cộng chiếm trại Phi Long, Lăng Cha Cả rồi. Mẹ bắt đầu mất điềm tĩnh. Gia đình ông bà bán hàng sơn cũng chạy, chỉ có hiệu bún bò Tân Thanh khuyên mọi người ở lại. Mẹ hối: U đã cất đồ của cụ chưa. U hấp tấp, vừa bế tôi vừa cho các di vật trên bàn thờ vào bao. Bốn tấm ảnh của cụ cố, ông nội, bà nội, chị Zính. U với tay lấy cái tráp, bên trong có một cuốn vở ghi gia phả, vài cặp kính của những người đã khuất, chiếc bậc lửa đốt dầu hôi bằng nhôm của ông và một ve rượu đế. Tôi nhìn u túm tất cả lại, kỹ lưỡng, tuy gấp gáp mà u vẫn gói thận trọng sợ vỡ khung ảnh, làm như u sợ ông la. Tôi biết cái tráp. Nhiều lần tò mò mở xem, tôi hỏi Tại sao nhà mình giữ ve rượu. Thầy nói ve rượu là di vật, không được vất. Cô Cắm nói ve rượu ông nội cháu uống dở khi chết. Ve rượu đem từ ngoài Bắc, ông nội cháu đi đâu cũng

giắt theo mình. Tôi vặn nắp chai. Chiếc nắp thiếc đã rỉ, đáy ve cạn khô, nhưng hơi rượu cay đến chóng mặt. Chiếc bậc lửa bằng nhôm có khảm mấy chữ Tàu, bên dưới khắc 1920. Bây giờ Sàigòn còn chiếc bật lửa nào chạy dầu hôi hay không? Cuốn gia phả viết bằng ba thứ chữ Hoa, Pháp, Việt. Tôi chỉ đọc được phần cuối tiếng Việt, do ông chú chép: Cố tên Lưu Kim Nhật, ông tên Lưu Phú Chương, ông chú tên Lưu Phú Quý, thầy Lưu Linh Bảo. Sao phần cháu không ghi gì. Cô Cắm cười ông chú chừa trang cho cháu sau này viết. Cái tráp chỉ là một hộp bánh biscuit. Tôi nhìn u bọc thêm lớp gấm rồi thắt bao vải. Mẹ gọi U ơi nhanh lên. Giọng K sốt ruột, u ơi người ta đi hết rồi. N đâu? Ni lên phòng xem N đâu? Chị N xuất hiện. Chị mặc đầm trắng, nón trắng, giày trắng, ví đầm, bước xuống cầu thang. Con xong rồi mẹ. Chị nhoẻn cười. Cô đi thay đồ ngay cho tôi. Mẹ gắt. Chị phụng phịu. Chị là hoa khôi Thiên Phước, chị tâm niệm phải luôn xinh đẹp trong mọi hoàn cảnh. Tôi hỏi u, con có phải thay đồ không u. U vuốt đầu: Cậu mặc như vậy được, để u mang tất cho cậu. U chòng bít tất cho tôi, trong lúc tôi lại hỏi: Con mặc pyjama ra đường hở u? U cười pyjama của cậu hách lắm.

Súng bất chợt nổ ác liệt. Súng bắn liên thanh miệt dưới Chi Lăng rồi lan ra cả phía cầu Bông. Chị Ni chạy thục mạng từ cửa vào hốt hoảng: Cô ơi lính Mỹ rút rồi. Đánh tới dưới chân cầu rồi. Mẹ quyết định chạy theo lính Mỹ. Nhưng lính Mỹ đã biến mất. Toà binh đình bỏ không. Trống hoác. Không còn ai trên tầng thượng chỉ còn trơ dẫy bao cát. Cánh cửa sắt mở toang phơi bày mặt đường ngổn ngang ba cái xác vẫn nằm đó, cạnh đoàn người chạy loạn từ bên kia Phú Nhuận băng qua cầu Kiệu tràn xuống Hai Bà Trưng. Ánh sáng sáng trưng. Ánh sáng đến nhức mắt. Chiến tranh phơi bày tất cả dữ dằn. Những sợi dây điện đứt, mấy chiếc xe hơi kính bể nát, một tấm biển quảng cáo thuốc lá Mélia thủng lỗ chỗ. Chúng tôi đứng líu ríu nép bên mẹ và u Đào. Ánh sáng nhức mắt vì chúng tôi ở trong bóng mờ quá lâu. Nhưng sau này tôi vẫn muốn nghĩ chính hình ảnh thật của chiến tranh làm chúng tôi nhức mắt chứ không phải ánh nắng. Chiến tranh làm đau đớn đôi mắt của người Việt, chứ không phải mặt trời. Sau này tôi nghĩ vậy. Khi ấy, K để ý lá cờ vàng ba sọc treo trước nhà sáng mùng một bị ai giật mất. Chị N thắc mắc anh Trình bên Pharmacie Dung có bị Việt Cộng bắt hay không. Sao cửa sắt bên đó im lìm hay họ bị Việt Cộng dẫn đi hết rồi. Mẹ hối chúng tôi nhập vào dòng người. Mẹ dặn: U và Ni nắm tay các em không được để lạc. Trường hợp lạc đưa các em đến dưỡng đường của bác sĩ Nguyễn Duy Tài trên đường Duy Tân, không được đến đâu khác. Nói là gia đình bà Bảo Lợi thầu cung cấp ở Vũng Tàu lúc trước. U nhớ không? U lắp bắp nhưng mẹ đã bắt u nắm chắc lấy tay tôi rồi hối cả nhà chạy theo đoàn người. Tôi bỡ ngỡ nhìn đường phố tôi vẫn đi học mỗi sáng. Mới hôm qua xác pháo còn đỏ thẫm. Mới hôm qua tôi đứng bịt tai xem K châm pháo. Pháo nổ ròn rã, ròn tan. Pháo đì đùng. Tôi say mùi pháo thơm ngát, túi ngập phong bao lì xì.

Bây giờ đại lộ Hai Bà Trưng rách nát. Tôi nhìn hiệu thuốc cam hàng Bạc, hiệu uốn tóc Tân Hồng Kông, tiệm Hải Ký, tiệm bánh cuốn Thanh Xuân, tiệm kem Ngọc Lan, rạp hát Kinh Thành, tất cả hiện ra, tơi tả. Tất cả dị hợm đến kỳ dị. Mấy xe mì ngả chỏng chơ, sạp bánh cuốn bị ai lôi ra lề đường, hiệu ảnh Chí Mỹ bể kính, các tấm phông vẽ đoàn cải lương Dạ Lý Hương rách loang lổ, xe nước mía đầy vết đạn. Bảo sanh viện Lương Kim Vi chật cứng người. Rồi tôi không thấy gì nữa. Người lớn chen lấn tứ phía. Những thân người to lớn húc đẩy vây lấy chị em chúng tôi. Tôi nghe tiếng u Đào van vỉ, van xin mọi người đừng dẫm lên chúng tôi. Ông ơi cho các cháu đi qua. Nhưng u cũng bị lấn. Cuối cùng u cõng tôi lên lưng, một tay xách túi gạo, u đeo

bao di vật quanh cổ. Trên lưng u, tôi thấy từng cuộn khói đen bốc lên từ phía rạp Kinh Đô. Đoàn người đông vô kể, bồng bế, gồng gánh, khuân vác, đi như chạy. Chập chập súng nổ từng tràng lớn. Tiếng súng lớn súng nhỏ lẫn lộn. Mỗi chập như vậy, mọi người co rúm lại, ngồi thụp xuống. Sau tiếng nổ lớn, là những tiếng hô hoán: Hoả tiễn 122 ly rớt trúng rạp Văn Hoa cháy rồi. Cháy ở Đa Kao. Việt Cộng đột kích trại Hoàng Hoa Thám. Trực thăng bay vần vũ về phía Thị Nghè. Một người nói Đi theo hướng trực thăng bên mình. Người khác chửi Đang đánh ở Thị Nghè, đi về hướng đó cho chết hả. Tiếng trẻ nít la thét, tất cả hỗn độn. Súng nổ chát chúa. Đám đông lại rú lên nhốn nháo. Tôi bấu cứng lấy u vì sợ. Đột ngột từ đầu đoàn chạy loạn phát lên tiếng kêu mừng rỡ: Lính Cộng Hoà! Lính Cộng Hoà!

Tôi thấy mẹ chảy nước mắt. Tôi thấy u chảy nước mắt. Tôi thấy chị Ni mắt đỏ hoe và không hiểu vì sao anh em chúng tôi cũng khóc. Vì sự xúc động của người lớn. Tôi không rõ, nhưng bây giờ tôi hiểu, tôi khóc vì mẹ và u khóc. Vì những giọt nước mắt của mẹ mang những giọt nước mắt cho tôi. Vì nỗi lo của mẹ mang nỗi lo cho tôi. Vì niềm hân hoan của mẹ giành cho tôi. Vì u thương gia đình tôi và vì u đang khóc cho gia đình tôi may mắn. U nức nở Sống rồi mợ ơi. Sống rồi mợ ơi. Mẹ gật đầu Nhà mình sống rồi. Các con nín đi, nhà mình sống rồi.
Chúng tôi vẫn khóc trong mừng rỡ. Mẹ bảo nín nhưng mẹ vẫn ứa nước mắt. Tôi vừa thút thít vừa mở lớn mắt. Những người lính Biệt Động Quân đội mũ sắt vẽ hình đầu cọp vàng bước hàng một từ hướng nghĩa địa Mạc Đỉnh Chi tiến xuống. Một đại uý đi đầu không ngớt khua tay: Đồng bào yên tâm, đồng bào yên tâm, Việt Cộng đã bị đánh bật ra khỏi quận Nhất. Tiểu đoàn chúng tôi xuống tăng cường quận Phú Nhuận. Đồng bào cứ tiến về phía trước, tiếp tục tiến về phía trước, sẽ gặp trạm y tế cứu trợ. Đừng chen lấn. Chính quyền quốc gia sẽ đánh bật Cộng Sản ra khỏi Sàigòn. Đồng bào yên tâm, đồng bào yên tâm...

Một người lính Biệt Động Quân trèo lên cột đèn tháo cờ Mặt Trận Giải Phóng. Tất cả mọi người vẫn chảy nước mắt. Khóc cho tuôn hết những sợ hãi. Đại uý Hùng. Tôi còn nhớ bảng tên ông trên nắp áo. Ông đi qua trước mặt tôi, ông không ngớt lập đi lập lại: Đồng bào đi lên phía trước, có sữa, có thuốc men, có quân cảnh bảo vệ... Tôi nhìn ông đăm đăm. Sau này tôi biết, chiến tranh đã chụp bắt tôi từ trận Mậu Thân. Mặc dù tôi chỉ là một đứa bé, chiến tranh không tha thứ. Tôi biết mãi mãi chiến tranh sẽ chế ngự linh hồn mình, tàn phá huỷ diệt tâm tính mình, nhưng tôi cũng biết, một cách tiềm ẩn, chính chiến tranh trong buổi sáng ngày hôm ấy, buổi sáng mùng hai Tết Mậu Thân, đã định hình, đã dạy cho tôi biết phân biệt những khác biệt trong chiến tranh. Có những người lính giết hại, thủ tiêu, đập đầu, như sẽ diễn ra ngoài Huế, và có những người lính mà sự hiện diện đồng nghĩa với sự sống. Tôi mang những người lính này trong lòng như một di vật.
Chúng tôi an táng chú Sâm ở Bắc Việt Nghĩa Trang, trưa mùng bảy Tết.

Chú thích:
Trần Vũ sinh năm 1962 tại Sàigòn, 11 tuổi theo học tiểu tại tư thục Lasan Taberd. Định cư tai Pháp năm 1979. Tác giả sau 15 năm xa quê hương viết lại ký ức này. Đây là một bút ký hay, xúc động với văn phong giàu cảm xúc. Phản ánh giao động của tác giả khi nhớ lại tuổi thơ và những năm tháng đã qua của mình. Đọc để thấu hiểu về một thế hệ "chưa kịp hình thành đã vội tan vỡ" trong một giai đoạn đầy biến động của đất nước. Ban Mai giới thiệu)

.

Khi Hoa Kỳ Biết Sợ

Hans Michael Kloth
Lu Tuấn dịch

Cảm tử quân tấn công vào Tổng hành dinh Mỹ, lính Mỹ tử vong trong bẫy chất nổ, các tướng lĩnh thì tuyệt vọng: cuộc Tổng tấn công Tết Mậu Thân cách đây 40 năm đã lật thế cờ trong cuộc chiến tranh Việt Nam, gây bất lợi cho Hoa kỳ và đẩy siêu cường quốc này vào một thảm họa lịch sử.Nhân vật quyền uy nhất thế giới đã phát hoảng. "Tôi không muốn ăn một đòn Điện Biên Phủ chết tiệt!", Tổng thống Mỹ Johnson đã quát với vị tham mưu trưởng của mình lúc ông này đang có mặt để báo cáo về tình hình Việt Nam vào tháng Giêng năm 1968.

Johnson yêu cầu quyết giữ cho bằng được căn cứ quân sự thủy quân lục chiến Khe Sanh đang bị Việt cộng bao vây. Để một tiền đồn quân sự Mỹ bị vây hãm và chà nát như quân Pháp bị đánh ở Điện Biên Phủ năm 1954 sẽ là một thảm họa. Phải ngăn chặn bằng mọi cách. Trước đó, với ưu thế gần bốn chọi một về quân số, du kích quân Việt cộng đã tấn công một làng sơn cước ở tỉnh Quảng Trị, vốn là nơi xuất quân của gần 6.000 thủy quân lục chiến Mỹ đang tìm cách chặn đường tiếp tế của kháng chiến quân cộng sản. Chỉ trong vòng vài ngày, tướng Tổng tư lệnh William C. Westmoreland đã điều động tổng cộng 50.000 quân, trong đó có 15.000 lính tinh nhuệ, để bảo vệ căn cứ. Suốt mấy tuần sau, cứ điểm của phe tấn công đã phải hứng chịu trận mưa bom trăm ngàn tấn.

"Tính ra là mật độ chất nổ cao nhất từ trước đến nay đã trút xuống trên một dải đất".

Như nhà sử học Marc Frey đã mô tả trong tác phẩm kinh điển *Lịch sử Chiến tranh Việt Nam* của mình. Trong khi ấy, Tổng tư lệnh Việt cộng Võ Nguyên Giáp thì xoa tay: Quân đội Mỹ đã thực sự lọt vào bẫy mà ông đã kỹ lưỡng chăng ra. Như chuột trước nanh rắn, họ chỉ còn cách trơ mắt nhìn căn cứ của mình đang bị đe dọa, với ác mộng Điện Biên Phủ sau gáy - và Nam Việt Nam thì trở thành một miền đất sơ hở không còn được phòng ngự chặt chẽ trước các đội quân du kích của tướng Giáp.

Hoàn toàn bị bất ngờ

Vào lúc gần 3 giờ sáng ***ngày 31.01.1968***, một tiếng nổ ầm vang đã bật cả Sài Gòn khỏi giấc ngủ. Một đơn vị cảm tử quân Việt cộng đã đánh bom dọn đường vào Đại sứ quán Mỹ, họ vừa bắn dữ dội tứ phía, vừa tràn vào khuôn viên. Khi mặt trời lên thì sân cỏ của Đại sứ quán đã đầy xác chết. Thật ra cuộc tấn công bất ngờ vào trung tâm quyền lực của Mỹ tại Đông Nam Á này chỉ mới là màn mở đầu. Trong đêm đó, tổng cộng 80.000 quân cộng sản đã tấn công lực lượng Mỹ và đồng minh Nam Việt trên bình diện toàn miền, riêng tại Sài Gòn đã lên tới 4.000. Ngoài ra, thêm 4 trong những thành phố lớn nhất miền Nam, rồi 36 trong số 44 thủ phủ các tỉnh cũng như 64 trung tâm hành chánh địa phương bị tấn công. Chiến dịch tấn công quy mô được hoạch định nhiều năm trời nay đã bùng nổ:

Cuộc Tổng tấn công Tết Mậu Thân. Đúng là một tình huống hoàn toàn bất ngờ. Không ai trong quân lực Mỹ có thể ngờ rằng đối phương, với toàn những phương tiện thô sơ, lại có khả năng thực hiện được một cuộc tổng tấn công phức tạp dường ấy. Các cơ quan tình báo rõ ràng đã không hay biết gì về mọi chuẩn bị này! Cho đến mấy tuần sau khi bị tấn công, Johnson và Westmoreland vẫn cứ đinh ninh, không phải các thành phố miền Nam, mà chính tiền đồn Khe Sanh mới là mục tiêu chiến lược. Ngay cả trong việc chọn lựa thời điểm, các chiến lược gia Việt cộng cũng đã tỏ ra khôn ngoan: 3 ngày Tết Nguyên đán - năm ấy rơi vào cuối tháng Giêng - vẫn luôn được ngầm hiểu là thời gian hưu chiến. Vì tấn công đúng vào ngày lễ trọng đại nhất của người Việt, lúc cứ hai binh sĩ miền Nam thì một người được về quê nghỉ phép, nên chiến dịch lừng danh này đã được mang tên như thế. Toàn bộ 27 vị trí phòng thủ quanh thị xã Bến Tre đã lọt vào tay Việt cộng. Cố đô Huế bên dòng sông Hương cũng bị 7.500 bộ đội chính quy Bắc Việt chiếm.

Tại Sài Gòn, 4.000 chiến binh chia thành từng nhóm đặc công nhỏ, không chỉ tấn công sứ quán Mỹ mà còn tấn công cả Dinh Độc Lập của Tổng thống Nguyễn Văn Thiệu, phi trường Tân Sơn Nhất, cũng như Tổng hành dinh của tướng Westmoreland. Dùng trực thăng chiến đấu, các đơn vị lính Mỹ đã phải bắn nát một phần thành phố Sài Gòn thành gạch vụn để không bị mất khả năng kiểm soát thủ đô.

Thất bại là một nước cờ tính trước?

Tuy được chuẩn bị xuất sắc, nhưng về mặt quân sự thì cuộc Tổng tấn công Tết Mậu Thân quả là một thảm họa cho phía Việt cộng. Cuộc nổi dậy chống Mỹ tại các thành phố đã không xảy ra như họ hy vọng và đáng ngạc nhiên là phe phòng vệ đã nhanh chóng lấy lại được tinh thần sau cơn hốt hoảng ban đầu. Trong vòng chưa đầy một tháng, các lực lượng Mỹ và đồng minh miền Nam đã tái chiếm tất cả các vị trí bị thất thủ, phần lớn chỉ trong vòng vài ngày. Theo ước đoán, trong 3 tháng đầu năm 1968, Việt cộng đã chịu tổn thất khoảng 2 phần 3 lực lượng vì tử vong, bị thương hoặc bị bắt sống. Cơn mất máu tàn bạo này đã làm "Mặt trận Giải phóng Dân tộc" (như Việt cộng tự xưng) không hồi sức nổi.

Kể từ đó, mọi chủ động quân sự đều dần lọt vào tay quân đội chính quy Bắc Việt.
Các chuyên gia về chiến tranh Việt Nam, như nhà sử học Bernd Greiner ở Hamburg, đã suy đoán rằng hệ quả này nằm trong sự tính toán tỉnh táo ngay từ đầu của những người cầm quyền Hà Nội. Nghi vấn này sẽ chỉ có thể được giải đáp khi Việt Nam bạch hóa các hồ sơ lưu trữ của họ. Tuy nhiên về mặt tâm lý, cuộc Tổng tấn công Tết đã là một thành công về mặt tuyên truyền. Trên truyền thông quốc tế, những tổn thất nặng nề cũng như những tội ác về chiến tranh khủng khiếp của Việt cộng chỉ được phản ảnh mờ nhạt: Chỉ riêng tại cố đô Huế, những người chiếm đóng đã dựa vào những danh sách đen mà tàn nhẫn thủ tiêu gần 6.000 người thuộc hàng ngũ những người Việt ưu tú. Các nạn nhân đã bị đập chết, bị chặt đầu hay chôn sống. Trong những người bị sát hại có cả các tu sĩ người Pháp và 4 bác sĩ Cộng hòa Liên bang Đức.

Thế nhưng công chúng tại Mỹ cũng như tại châu Âu lại bị chi phối bởi hình ảnh của một đội quân Mỹ đang thất điên bát đảo bởi các đối thủ dường như trang bị thô sơ, chân mang dép râu,

đánh vào tận những hang ổ thuộc quyền kiểm soát của người Mỹ ở Nam Việt Nam. "Chuyện quái quỷ gì đã xảy ra ở đó vậy?", người dẫn chương trình truyền hình nổi tiếng Walter Cronkite đã kinh hoàng thốt lên trước ống kính: "Thế mà tôi lại cứ tưởng rằng, chúng ta sắp sửa chiến thắng!" Tệ hơn nữa, thế giới buộc phải chứng kiến cảnh lực lượng bảo vệ dân chủ và tự do đã biến thành những kẻ khủng bố.

Hình ảnh viên Giám đốc Cảnh sát đô thành Sài Gòn tự tay hành quyết một nghi can Việt cộng đang bị trói do phóng viên ảnh Eddie Adams đã được tung ra khắp thế giới.

Cũng như câu tuyên bố của một thiếu tá Mỹ đã được Peter Arnett, phóng viên chiến trường của hãng thông tấn AP, cung cấp: "Chúng tôi đã phải tàn phá Bến Tre để cứu lấy nó".

Vượt trên tất cả là cuộc thảm sát tại Mỹ Lai vào tháng 3 năm 1968 do một đơn vị lính Mỹ gây ra. Chỉ trong vòng 2 tiếng rưỡi đồng hồ, họ đã tàn sát khoảng 500 thường dân, từ trẻ sơ sinh cho đến các cụ già.

Đối với người Hoa Kỳ, vụ này đúng là một Guantanamo của chiến tranh Việt Nam, là vết thương mưng mủ dai dẳng của uy tín bản thân Hoa Kỳ. Cuộc Tổng tấn công Tết đã mang đến cho Tổng thống Johnson một thảm họa về tuyên truyền đại chúng, là điều ông ta hết sức muốn tránh. Về quân sự thì cuối cùng ông cũng giành lại được thế chủ động, nhưng về mặt tuyên truyền thì đấy quả thật là một Điện Biên Phủ trong truyền thông. Suốt mấy năm, vị Tổng thống này đã tuyên bố rằng đối phương đang trên bờ sụp đổ. Thế mà bây giờ lực lượng kháng chiến đã biểu dương quá rõ khả năng hành động của mình và qua đó chứng tỏ rằng Tổng thống nói láo!

Các vị chỉ huy quân sự của Johnson đã phản ứng đúng như giới này vẫn thường làm: Đòi tăng quân. Khi tờ *New York Times* ngày 10 tháng 3 năm 1968 đưa tin về ý đồ còn trong bí mật của giới lãnh đạo định gởi thêm 200.000 lính sang Việt Nam và điều này đồng nghĩa với việc phải động viên lực lượng dự bị. Vận động để được đề cử làm ứng viên tổng thống của Đảng Dân chủ trong cuộc bầu cử tháng 11 năm 1968, ngay sau đó, thượng nghị sĩ được nhiều người ưa thích Robert Kennedy, em của Tổng thống bị ám sát J. F. Kennedy, cũng đã đăng đàn tranh cử chức Tổng thống cho Đảng Dân chủ, và như thế Johnson lại thêm phần chật vật.

Ngày 31.03.1968, Tổng thống Johnson xuất hiện trước quốc dân qua kênh truyền hình. Ông tuyên bố chấm dứt ném bom Việt Nam ở phía bắc vĩ tuyến 20 và đề nghị giới lãnh đạo Hà Nội thương thuyết hòa bình mà không đòi hỏi một điều kiện nào trước đó. Và Johnson đã thông báo với toàn thể nhân dân qua câu kết thúc diễn văn cực kỳ quan trọng: “Tôi sẽ bỏ ý định vận động để được đề cử làm ứng viên tổng thống cho nhiệm kỳ sắp đến”.

Phụ đính:
Sự thành công của Adams cũng dấu được hối hận ray rứt trong lòng ông vì chính ông tự biết rằng bức hình không bao giờ ***nói lên hết sự thực*** của một vấn đề.

Adams kể lại rằng sau khi bức hình Tướng Loan bắn Bẩy Lốp được gửi về, tên tuổi Adams bỗng nhiên nổi lên như cồn. Chỉ một năm sau, tức năm 1969, nhờ bức hình này, Adams lãnh luôn hai giải thưởng cao quý Pulitzer và World Press Photo. Nhưng thật lạ kỳ! Ông ta bắt đầu nhận ra có điều gì không ổn. Ông thuật lại rằng: "Tôi mặc bộ đồ dạ hội sang trọng để lãnh giải thưởng và tiền thưởng về bức hình đó tại Đại Hội Nhiếp Ảnh ở Hòa Lan. Khi ban nhạc trỗi bài quốc ca Hoa Kỳ, tôi bật khóc. Không phải tôi khóc vì sung sướng, mà khóc cho Tướng Loan. Cho tới giờ phút đó, tôi vẫn chưa ý thức được việc tôi đã làm. Khi chụp tấm hình đó, tôi đã hủy hoại đời ông Tướng, vì ông bị dân chúng ở cả nước ông lẫn Hoa Kỳ lên án về tội giết tù binh chiến tranh. Trong bất cứ cuộc chiến nào, người ta cũng vẫn thường làm như vậy, nhưng hiếm có nhiếp ảnh viên nào chụp được mà thôi."

Trong nhiều dịp khác nhau, Adams tiếp tục bày tỏ niềm ân hận về hậu quả bất công của tấm hình: "Tôi nhận tiền để trình diễn cảnh một người giết một người. Tướng Loan đã bắn chết tên Việt Cộng đã giết rất nhiều người dân vô tội và tướng Loan chỉ dùng công lý để xử tội hắn mà thôi.."

Vào năm 1994, Adams không muốn trưng bày bức hình oan nghiệt này nữa. Ông giải thích: "Nếu sự việc tái diễn, có lẽ tôi cũng lại chụp tấm hình như vậy, vì đó là nghề nghiệp mà! Nhưng tôi không còn muốn nói gì về bức hình ấy nữa. Tôi không trưng bày nó nữa. Tôi không xử dụng nó bất cứ tại nơi đâu."

Ông thường nói rằng: "Tướng Loan là một vị anh hùng của chính nghĩa. Bức hình tôi chụp đã lừa dối công luận. Ông chiến đấu cho cuộc chiến của chúng ta, không phải cuộc chiến của họ. Vậy mà mọi điều nhục nhã lại đổ trên đầu con người này."

Trong cuộc tỵ nạn của người Việt Nam năm 1975, Eddie Adams cũng đã chụp được những tấm hình nổi tiếng về cuộc vượt thoát can đảm, đầy gian nguy của thuyền nhân Việt Nam vào năm 1977. Bộ Ngoại Giao Hoa Kỳ đã xin phép hãng AP để gửi sang Quốc Hội các tấm hình này. Nhờ vậy, gần 200.000 thuyền nhân Việt Nam được chấp thuận định cư ở Hoa Kỳ. Eddie Adams sung sướng nói rằng: "Tôi thà được biết đến qua những bức hình tôi chụp 48 người Việt Nam tỵ nạn trên chiếc thuyền dài 30 foot, rồi bị hải quân Thái đuổi ra biển. Nhờ những tấm hình này, tôi đã làm được những điều tốt mà không gây đau khổ, oan nghiệt cho ai cả."

Phụ đính:

Cổ nhân có câu "***Cái quan định luật*",** có nghĩa rằng hãy đậy nắp áo quan cho một người nào đó, rồi sau mới có thể nhận định rốt ráo về con người ấy được.

Cái quan định luật nên nghĩ thế nào về ông Loan ? phóng viên ảnh Eddie Adams người chụp bức hình xử bắn được giải Pulitzer đã đến gia đình ông xin lỗi. Khi được tin ông mất Eddie đã đích thân đến dự đám tang và nói : *Ông là một vị anh hùng. Cả nước Mỹ nên khóc thương ông mới phải, tôi không muốn nhìn thấy ông ra đi như thế này, người ta không hiểu gì về ông ấy*. (The guy was a hero, America should be crying. I hate to see him go this way - Without people knowing anything about him).

Tại sao Eddie Adams bây gời mới nói ? Ông Loan đã chết rồi. Nói trước lúc khi ông mất có khi tên tuổi ông đỡ bị người đời đàm tiếu mà gia đình thân nhân cũng được ngẩng đầu. Nhưng giả sử ông tướng Loan còn sống không chắc ông đã cho Eddie Adams nói như thế đâu. Ông không cần giải thích với ai. Ông muốn nhấm nháp vết thương của ông trong im lặng. Ông là con sói già cô đơn và kiêu hãnh của A.de Vigny:

Gào khóc, kêu than đều hèn yếu - hãy dũng cảm làm cho xong công việc lâu dài và nặng nhọc của người, trên con đường mà số phận đã đặt định, rồi như ta, đau đớn, chết đi mà không nói một lời (Crier, pleuer, gémir c'est également lâche, fais énergiquement ta longue et loude tâche. Dans la voie òu le sourt a voulu t'appeler Puis comme moi, souffre et meurt sans parle)
- **Phan Lạc Phúc**

Nhật Ký Đặng Thuỳ Trâm:
So Sánh Nguyên Tác và Ấn Bản

Nguyễn Ngọc Giao – Pháp

"Ôi miền Bắc xa xôi bao giờ ta trở lại?" Đó là dòng chữ hay tiếng nấc cuối cùng của một bác sĩ 28 tuổi ghi lại trong nhật ký của chị ngày 16 tháng 6 năm 1970. Một tuần sau, chị bị một đơn vị lính Mỹ phục kích và bị giết. Cuốn nhật ký của chị được chuyển đến Frederic Whitehurst, gọi tắt là Fred, sĩ quan quân báo Mỹ, để phân tích. Năm 1972, Fred về nước, trong hành lý của anh có thêm hai kỷ vật chiến tranh: hai cuốn nhật ký của bác sĩ Đặng Thùy Trâm.

Mấy chục năm và nhiều lần cố gắng tìm thân nhân của chị Thùy Trâm để hoàn trả không thành công. Cuối cùng, một bản sao cuốn nhật ký của chị Đặng Thùy Trâm đã tìm được đường về quê hương sau 35 năm lưu lạc. Ba tháng sau, cuốn nhật ký được in dưới tựa Nhật ký Đăng Thùy Trâm.

1. Những đoạn bị lược bỏ

Bài viết của Phạm Hoàng Quân «Biên soạn nhật ký?» cho thấy có sự khác biệt giữa văn bản viết tay của Đặng Thuỳ Trâm. Trước tiên, phải cảm ơn Phạm Hoàng Quân đã chứng minh hai đoạn nhật kí viết ngày 1 và 5.4.1970 (mà anh đã soi kính lúp để đọc từ hình bìa bản in) đã bị lược bỏ trong bản in. Đó không phải là những đoạn duy nhất bị lược bỏ, xin liệt kê: toàn bộ các ngày 10.11.68, 7.12.68, 23.5.69, 26.10.69, 3.1.70, 19.1.70, 15.2.70, 24.3.70. Ngoài ra, trong những trang khác, một số đoạn đã bị lược bỏ, có khi được biểu thị bằng một hàng dấu chấm....., có khi không. Tổng cộng những đoạn bị lược bỏ như vậy không nhiều, tối đa là 12 trang in (trên gần 250 trang nhật kí), do đó nói rằng nếu không lược bớt thì «*sách sẽ quá dày*», «*tốn thời gian của người đọc*» là một luận điểm thiếu nghiêm chỉnh. Câu hỏi đặt ra ở đây là: nội dung các đoạn bị lược bỏ có «vấn đề» gì không? Phải chăng những người biên tập đã quyết định «hốt cắt đục» là để tránh né, là «tự kiểm duyệt»? Nội dung hai đoạn mà Phạm Hoàng Quân phát hiện bị lược bỏ, về mặt này, rất tiêu biểu có tính chất chính trị:

«***1.4*** *Kỷ niệm 10 năm ngày vào Đoàn, 10 năm qua từ 1 thiếu niên bây giờ Th. đã là 1 cán bộ dày dạn trong khói lửa, Th. o hề tự hào mà chỉ thấy rằng mình đã làm đúng như lời thề dưới cờ Đoàn trong ngày hôm ấy.*
Những đêm dài suy nghĩ, Th. ơi, hãy nghiêm khắc với bản thân hơn nữa đừng để 1 câu hỏi làm đau nhói lòng Th. Tại sao mọi người o hiểu Th.? mà hãy hỏi tại sao Th. lại để mọi người o hiểu mình? Đành rằng có những người o tốt, nhỏ mọn ghen tuông kèn cựa...»

Rõ ràng đoạn này phê phán những sự ghen tuông kèn cựa (có thể hiểu là của những đồng chí đảng viên), nhưng công bằng mà nói, nhật kí (bản in) có nhiều đoạn phê phán Đảng nặng nề hơn nhiều, mà không bị lược bỏ. Thêm nữa, một số câu đoạn bị lược bỏ trong nhiều trang lại là những đoạn Đặng Thuỳ Trâm khẳng định một lập trường rất "đỏ", không lẽ ta nên quy kết là những người biên tập muốn sách bán chạy ở cả California.

Xin đơn cử một ví dụ, cũng là để cải chính giả thuyết của Phạm Hoàng Quân và minh oan cho ban biên tập. Sau khi nhận thấy đoạn nhật kí ngày 1.4.70 bị lược bỏ, lại thấy đoạn viết ngày 30.3.70 có một vài ý trùng lặp, Phạm Hoàng Quân nêu ra giả thuyết phải chăng người ta đã "biên tập" hai đoạn này làm một? Thật ra đoạn 30.3.70 (trang 237 bản in) đã chép nguyên văn trang viết tay, không thêm thắt xào xáo gì, chỉ có điều, câu cuối "*Ơi cô gái học sinh, ba năm trên chiến trường lửa khói, trong gai góc cuộc đời, bàn chân cô dày dạn lên nhiều rồi, bãy mạnh dạn mà đi, vững bước mà đi nghe*" (bản in) bị cắt mất mấy chữ cuối câu: "*người con gái xã hội chủ nghĩa trên đất Miền Nam*" (bản viết tay). Lối cắt bớt một đoạn câu chót (với nội dung "chính trị lập trường" tương tự) đã xảy ra khá nhiều lần. Có khi rất khó đoán lý do (ngoại trừ lý do cẩu thả), thí dụ như ở trang 113, ngày 1.1.1969, cắt hai câu cuối bài Thơ chúc Tết 1969 của Chủ tịch Hồ Chí Minh (mà bản viết tay có chép đầy đủ):

Tiến lên! Chiến sĩ, đồng bào!
Bắc Nam sum họp, xuân nào vui hơn.

Tóm lại, tôi không quy kết việc cắt bỏ những trang đoạn có nội dung chính trị là tự kiểm duyệt hay tránh né. Vấn đề đặt ra, và tôi sẽ trở lại ở cuối bài, là có nên làm như vậy không, nếu làm thì nên làm thế nào để giữ tính trung thực, cũng là để tôn trọng tác giả và độc giả.
Khác với đoạn viết ngày 1.4.70, đoạn viết ngày 5.4.70 (bị cắt bỏ) có nội dung tình cảm:

«***5. 4*** *Có phải vì cô đơn mà cảm thấy nhớ thương đến vô cùng hay o/ hở người anh thân thiết của em? Chiều nay Cúc lên đường về cơ quan phục vụ, bỗng nhiên nỗi buồn nhớ như tăng lên bội phần. Cuộc sống sao mà phức tạp, mà sao mình lại làm 1 con bé sống với trái tim giàu tình cảm như thế này? Tại sao ư? Vì từ nhỏ đến giờ nó là như vậy – nghe những ý kiến của chị Hạnh cảm thấy buồn lạ lùng. Con người vẫn có những kẻ sống với tầm mắt nhỏ hẹp, họ o/ thể có được những tình cảm trong sáng chân thành như một số người khác. Với họ chỉ có vật chất, chỉ có xác thịt !! Ôi ghê tởm làm sao*» (đoạn này tôi chép từ nguyên tác, nên hơi khác bản đánh máy của Phạm Hoàng Quân, vì anh đọc từ hình bìa, một phần bị che lấp).

Đoạn này tiêu biểu nhất, vì các trang đoạn bị lược bỏ (đã liệt kê ở trên) đều cùng một nội dung, ghi lại tình cảm của người viết đối với "*người anh thân thiết*" (có thể đoán là anh Năm Tân, bí thư huyện uỷ) hoặc "*người em*" (có thể đoán là Thuận, cả hai xuất hiện nhiều lần trong bản in nhật kí). Một thí dụ:

«***15.2*** *Những ngày sống bên anh, sung sướng cảm thấy tình anh em ngày thêm gắn bó trưởng thành. Em tin anh như tin chính bản thân em, niềm tin ấy giúp em đi lên, đạp bằng mọi chông gai trở lực vươn lên làm chủ cuộc sống của mình. Sung sướng biết bao khi trong bước đi gian khổ, luôn có anh dìu dắt; anh lo cho em từng ly từng tý, anh dạy bảo em với tình 1 người anh trai đối với đứa em gái. Anh xây dựng cho em với trách nhiệm 1 bí thư huyện uỷ với một d/c mới làm công tác Đảng. Anh săn sóc em với tình đồng đội cùng chung trong cuộc chiến đấu sinh tử này. Hãy giữ tròn mãi mãi... 'Trong ngần thiết tha' nghe anh Năm*».

Đó là những tình cảm 'trong ngần', nhưng trong những con mắt 'nhỏ hẹp', chỉ thấy 'vật chất' và

'xác thịt', rõ ràng là có vấn đề. Vả lại, tình cảm vốn là chuyện phức tạp, lằn ranh không bao giờ rõ ràng, cố định, bằng chứng là chính đương sự cũng không ngừng tự nhắc nhở và nhắc nhở các đối tượng tình cảm. Chính cõi nội tâm này làm cho những trang nhật kí của Đặng Thuỳ Trâm có một sức sống và hấp lực, tạo nên chiều kích 'phổ quát' để tác phẩm này vượt qua thời gian và không gian.

Phải nghĩ sao về việc ban biên tập đã cắt bỏ những trang đoạn tình cảm này? Sẽ quá vội vàng nếu quy kết là kiểm duyệt, vì trong bản in, còn nhiều trang đoạn tương tự. Phải chăng người biên tập, là thân nhân, không muốn lặp đi lặp lại "quá nhiều" những dòng tình cảm lung linh đó? Nếu thế cũng là một phản ứng thường tình, đã từng xảy ra trong lịch sử văn học thế giới, khi thân nhân (vợ con, em gái...) của một tác gia biên tập một cuốn nhật kí hay một tuyển tập thư từ. Song, một lần nữa, vấn đề tôn trọng sự toàn vẹn của tác phẩm lại được đặt ra.

2. Những đoạn được/bị "biên tập"
Tương tự, trong câu thơ của Tố Hữu tác giả chép tay ngày 3.7.68 (tr.58, bản in):

Khắp nơi đâu trên trái đất này
Như miền Nam đắng cay chung thuỷ...

Chữ '*khắp*' nhớ sai, đã được sửa thành '*có*' (mặc dầu, người ta có thể hỏi: có cần thiết không?). Song có những câu đã được biên tập, không bóp méo gì nguyên bản, nhưng rất khác, và không hiển nhiên là dễ hiểu hơn, và càng không thể nói là hay hơn. Một thí dụ: trang nhật kí ngày 2.6.68.

Bản in (tr 53): "*Một năm qua đã cho mình hiểu thêm về hai chữ thực tế.* ***Không****, cuộc đời thực tế gồm hai mặt. Cuộc đời vẫn bao la niềm ưu ái****, người ta*** *vẫn dễ dàng tìm thấy niềm thương yêu,* ***miễn là*** *có lòng chân thành và vị tha*" (tôi in đậm những chố biên tập)

Nguyên bản: "*Một năm qua đã cho mình hiểu thêm về hai chữ thực tế. Vâng, cuộc đời thực tế gồm hai mặt. Cuộc đời vẫn bao la niềm ưu ái, mình vẫn dễ dàng tìm thấy niềm thương yêu, nhưng với điều kiện là mình phải sống chân thành, sống bằng lòng vị tha đối với cuộc đời*".

3. Những sai sót và cẩu thả
Nghiêm trọng hơn là những sai sót hoặc/và cẩu thả hoàn toàn có thể tránh được nếu bộ phận biên tập và sửa lỗi in rà lại chế bản với nguyên bản. Dưới đây là một vài thí dụ về những loại sai sót khác nhau: Trong đoạn nhật kí ngày 4.6.69 (tr 156, bản in): "*Bao giờ mới tiếp tục được nhiệm vụ...* (không rõ chữ)". Hai chữ mà người đánh máy đọc không rõ trên (photocopy?) nguyên bản, thực ra cũng dễ đọc: '*thu dung'*. Nếu còn nghi vấn gì về từ này, thì ở đoạn 16.6.69 (tr. 158, bản in) sẽ gặp lại nó, và còn được ban biên tập chú giải ở cuối trang: "*Thu dung: công tác thu gom các cán bộ, bộ đội lạc ngũ, bỏ ngũ để bồi dưỡng sức khoẻ, động viên tinh thần và tìm trả về cho đơn vị* ". Cuối cùng, nhật kí ghi ngày 3.1.70 ("*Cũng trên con đường này... thiêng liêng đến trọn đời*"), lẽ ra phải in ở trang 207, giữa hai ngày 2 và 4.1, vì biên tập đọc nhầm số 3 thành số 8, nên bị đưa xuống trang 211, ghép với nhật kí thật sự của ngày 8.1 (bắt đầu bằng

"*Chỉnh huấn Đảng. Thấy sai lầm của đồng chí mà mình rùng mình...*" ở giữa trang 212). Sự cẩu thả tuỳ tiện còn thể hiện trong việc ghép hình mà Phạm Hoàng Quân đã phát hiện và từ đó nêu lên những nghi vấn lẽ ra không có lí do tồn tại. Thật vậy, căn cứ vào nguyên bản, có thể thấy rằng trang đầu của cuốn nhật kí năm 1970 (ảnh chụp, trang 289, bản in), chỉ vỏn vẹn có ở phía trên, 3 dòng chữ:

1970
NHẬT KÝ

Xuân Canh Tuất
và ở cuối trang, hai dòng:

Những ngày rực lửa
Vui, buồn đọng giữa tim ta

Dưới cùng là chữ ký, bắt đầu bằng hai chữ cái *T, h*, có thể nghĩ là chữ ký của Đặng Thuỳ Trâm. Trong bản in, chiếm trọn trang 204, và được chú thích ở dưới: «*Ảnh chụp trang nhật ký do Đặng Thuỳ Trâm viết...*», phía trên gồm 3 dòng đầu của trang hình nói trên, phía dưới, hai dòng chữ và chữ ký được thay bằng đoạn văn của Hoàng Văn Thụ, và ở giữa là dòng tên Đặng Thuỳ Trâm (gạch đậm ở dưới). Đoạn trích dẫn Hoàng Văn Thụ (nhà xuất bản cũng không chắc là của Hoàng Văn Thụ, để tồn nghi, chứng tỏ sự nghiêm túc của biên tập), thực ra nằm ở trang thứ nhì của cuốn sổ Nhật kí 1970. Còn dòng tên Đặng Thuỳ Trâm sao chép từ trang đầu của cuốn sổ nhật kí 1968-1969 (kể cả cái gạch dưới đậm nét!). 3 trang cộng lại, thoải mái cắt & dán trên photoshop, mà đẻ ra biết bao nghi vấn.

Kết luận
Đối sánh bản in của công ti Nhã Nam và Nhà xuất bản Văn học với di cảo Đặng Thuỳ Trâm, ta có thể kết luận rằng những khác biệt một phần do chủ trương biên tập, một phần do cách làm việc thiếu cẩn trọng. Ban biên tập có quyền lấy trách nhiệm lược bỏ hay biên soạn lại một số đoạn văn, nhưng nhất thiết phải nói rõ, và bằng những biện pháp kĩ thuật giản tiện, cho bạn đọc thấy những chỗ đã bỏ, những phần đã biên tập.

Ba mươi năm sau chiến tranh, lòng người còn phân tán. Nhưng ***Nhật kí Đặng Thuỳ Trâm*** dường như là nó đi tới được với mọi người mà nó vẫn là nó, không uốn éo lựa lời. Chính vì thế, người viết bài này mong sớm có một ấn bản tuyệt đối trung thành với nguyên tác.

Chú thích : Nguyễn Ngọc Giao nguyên là sinh viên quốc gia tại Paris,
có khuynh hướng nghiêng về thể chế miền Bắc…

***

Phụ đính:

Báo Tuổi Trẻ ngày 7 tháng 8 ghi lại của nhà văn Bảo Ninh: "Lần đầu tiên nhìn thấy cuốn nhật ký, tôi đã rất xúc động. Đó là một phần tuổi trẻ của tôi. Cái đẹp của sự xả thân. Cái sự xả thân của chị Trâm, anh Thạc hồi ấy sao mà đơn giản thế. Đừng vội gán cho chị Trâm những lý tưởng to tát như vì Đảng, vì dân, cũng đừng cường điệu chị lên, đừng bắt chị phải vác cái huy hiệu "anh hùng". Phản ứng của độc giả trẻ là hoàn toàn chân thật. Đừng nghĩ ho không thèm quan tâm đến quá khứ mà chẳng qua vì ho không thích những bài giảng sáo rỗng đấy thôi!"

***

Trần Trung Đạo: Giống như nhà văn Bảo Ninh và có lẽ rất nhiều người khác, tôi đọc *Nhật ký Đặng Thùy Trâm* với một tấm lòng trĩu nặng. Chị dành trang đầu để trang trọng ghi lại câu văn trích từ tác phẩm *Thép đã tôi thế đấy* của Nikolai Ostrovsky, một nhà văn Sô-Viết qua đời vì bạo bịnh vào tuổi 32: "Cái quí nhất của con người là cuộc sống, đời người ta chỉ sống một lần, phải sống sao cho khỏi phải xót xa ân hận vì những năm tháng sống hoài sống phí, cho khỏi phải hổ thẹn vì những năm tháng sống hoài sống phí, để khi nhắm mắt xuôi tay ta có thể nói rằng: "Cả đời ta, cả sức ta đã hiến dâng cho sự nghiệp cao đẹp nhất trên đời: Sự nghiệp đấu tranh giải phóng loài người"".

Nhân vật Pavel Korchagin, chiếc bóng của cuộc đời nhà văn Nikolai Ostrovsky, một thời là biểu tượng cho ý chí vươn lên của tuổi trẻ tại nhiều quốc gia cộng sản. Tác phẩm *Thép đã tôi thế đấy* được xem như là viên đá tảng của nền văn học hiện thực xã hội chủ nghĩa và là cuốn sách gối đầu giường của thanh niên cộng sản khắp thế giới. Không ai trách Nikolai Ostrovsky đã viết nên tác phẩm có tác dụng tiếp tay những kẻ lợi dụng khát vọng hồn nhiên của tuổi hai mươi, xô đẩy những mái đầu xanh vào vực thẳm hận thù mới là những kẻ có tội. Ngày nay tác phẩm *Thép đã tôi thế đấy*, bảng tiếng Anh *How The Steel Was Tempered*, vẫn còn bày trong nhiều thư viện, vẫn còn được đọc, khác chăng, không phải đọc để hun đúc chí thanh niên mà để học từ những hoang phí đắng cay của một thời thanh xuân lầm lỡ.

Cả Nikolai Ostrovsky và chị Đặng Thùy Trâm đều phấn đấu để trở thành người cộng sản, nhưng cuộc đời của Nikolai Ostrovsky khác nhiều so với đời chị Thùy Trâm. Nikolai Ostrovsky hy sinh cho chủ nghĩa cộng sản, ngoài khát vọng tuổi trẻ mà ông tin, còn là một hình thức trả ơn. Chị Thùy Trâm thì khác. Chị sinh ra và lớn lên trong môt gia đình trí thức. Gia đình chị bị xếp vào giai cấp tiểu tư sản, thành phần xã hội mà Friedrich Engels trong tác phẩm *Cách mạng và phản cách mạng ở Đức* định nghĩa là những kẻ chỉ biết: "khoe khoang, không có khả năng hành động và lẩn tránh một cách nhút nhát khi cần phải làm một cái gì nguy hiểm." Đa số các buổi chỉnh huấn đảng được ghi lại trong nhật ký, chị đều bị phê bình: "Tính tiểu tư sản vẫn còn".

Chính chị cũng thừa nhận điều đó khi viết cho Thuận, em nuôi của chị, trong nhật ký ngày 18-5-69 những dòng lãng mạn và tinh nghịch: "Em ơi, bao giờ chị cũng thương em vô hạn, nhưng tình thương đâu phải chỉ là những buổi sáng nắng hồng rực rỡ, những buổi chiều êm ả

hay những đêm trăng mênh mông trên đồng lúa yên lành. Mà tình thương còn là những cơn giông sau những ngày hè êm ả. Vậy đó, làm bạn với một đứa tiểu tư sản thật là phức tạp".

Dù chế độ có nhào nặn thế nào vẫn không xóa hết được những tình cảm tự nhiên trong tâm hồn người con gái nhiều mơ mộng Đặng Thùy Trâm. Trong nhật ký ngày 1-9-68, mặc dù phần trên chị chép lại một câu văn nặng tính đảng của ai đó: "Hãy giữ vững tinh thần của người cộng sản, tinh thần trong suốt như pha lê, cứng rắn như kim cương và chói lọi muôn ngàn hào quang của lòng tin tưởng", thì ngay trong hàng kế chị lại viết: "Nói vậy mà vẫn thấy xót xa, cay đắng và cô đơn lạ thường".

Đọc đoạn văn trên tôi chợt nhớ đến câu trả lời của nhà văn Dương Thu Hương với phóng viên Evan Williams của đài truyền hình Úc trước đây. Giống như chị Thùy Trâm, chị Dương Thu Hương cũng nói về những con người ti tiện: "Tôi không thể tin tưởng một chút gì về chính phủ của mình vì đây là những con người cực kỳ hèn hạ và thấp kém. Họ không có một tí nhân cách nào để tôi tin tưởng cả. Tôi hiểu rất rõ về họ. Họ chỉ hoàn toàn là những con người ti tiện. Những lớp người tốt mà ngày xưa còn chút lý tưởng đã chết, chết hết rồi. Bây giờ chỉ còn lại những người thế chân; đấy là những kẻ đê tiện, những kẻ ăn cắp một cách trắng trợn gian manh". Và tôi chợt tiếc, phải chi chị Đặng Thùy Trâm còn sống đến hôm nay, trong văn giới Việt Nam hẳn có thêm một Dương Thu Hương can đảm khác.

Ghi chú*:*

Xin đọc thêm về Đặng Thùy Trâm
qua bài "Gặp Lại Trên Quốc Lộ 1"
của Trần Vũ ở phần sau,

Trang Nhật Ký

Hà Kỳ Lam

Cuốn sổ tay nhỏ vừa bằng cỡ túi áo trên, với một lỗ đạn dùi xuyên suốt gần gáy, bìa cứng màu xanh nhạt đã sờn nhiều chỗ, góc các trang bên trong bị xoắn lên. Trang trong của tờ bìa dán một tấm ảnh trắng đen nhỏ xíu, bằng khổ hình căn cước. Điều may mắn khá mỉa mai là ảnh còn nguyên vẹn, không bị đạn cày nát - còn chủ nó thì sao? Người trong ảnh khoác áo âu phục trắng kiểu cổ bẻ, để lộ chiếc áo bên trong cũng màu trắng, và một chiếc cà vạt đen, đầu đội mũ kết trắng. Không đoán nổi tuổi tác, chỉ có thể nói người ấy không thể tới bốn mươi, mặc dù khuông mặt xương xương. Cũng không thể nói lính gì, và cấp bậc gì. Không thấy ghi tên họ trong cuốn sổ.

Chủ nhân của cuốn sổ tay dường như thích ghi lại những sự việc, những niềm riêng tây. Có vẻ như một nhu cầu cần bộc bạch trên giấy cho chính mình đọc. Những điều ghi chép phần lớn liên quan đến cuộc sống trong rừng, không nói gì về quê hương, gia đình đương sự ngoài Bắc, ngoại trừ mấy hàng nhật ký cuối cùng viết trong ngày của đêm đụng trận - nhóm ngày tháng ghi ở đầu giòng cho Anh biết như thế.
***
Mở đầu, cuốn nhật ký viết:

'Trên đường Trường Sơn ngày 29 tháng 8 năm 1968.

Mấy hôm nay cứ lên cơn sốt mãi, nhưng cứ gắng bám theo đơn vị không dám khai bệnh. Nếu nằm lại trạm xá điều trị, đơn vị sẽ bỏ lại, và phải chờ để bổ sung vào một đoàn khác ngoài Bắc vào. Ra đi từ quê nhà có anh có em, nương tựa, đỡ đần nhau, nếu phải sung vào một đơn vị lạ thì buồn quá!

Cách khoảng gần một tháng, những giòng nhật ký tiếp tục:

Ngày 20 tháng 9 năm 1968.

' Thời tiết đây khác quá, chiều nào cũng mưa rả rích.'

Với giòng chữ này có lẽ chủ nhân của cuốn nhật ký đã đặt chân lên vùng ' Tây Nguyên' - tên họ gọi vùng Cao Nguyên - và là ma mới chưa quen nước quen cái vùng này, vì nếu không thì anh ta đã biết mùa mưa của Cao Nguyên kéo dài từ tháng năm đến tháng mười, trùng với mùa mưa miền hạ lưu sông Đồng Nai. Rồi lướt qua các trang ghi những sinh hoạt nội bộ đơn vị như học chính trị, đi lãnh gạo, thuốc men, nghỉ dưỡng quân, tịm giặt v.v., Anh lại chú ý tới mấy giòng vắn tắt nhưng khá đặc biệt:

' Ngày 30 tháng 11 năm 1968.

Sáng nay tắm dưới suối lên thấy cuốn sổ đặt sai vị trí cũ. Thế là không tốt, có ai xem lén nhật ký rồi.'

Rồi kế tiếp, có lẽ cùng trong ngày đó vì không thấy ghi ngày tháng, tác giả buông một câu nghe như cung đàn lạc điệu, ' Cái tình của người thủ trưởng thật quí hóa.'

Ngày 17 tháng 12 năm 1968.

Trong lúc điều nghiên và vẽ lại vị trí đóng quân cũ của Mỹ trên đồi, đói quá, nom thấy một hộp thịt mình đã mở ra chén hết. Ăn xong thì đã đến giờ phải về. Thế là không hoàn thành nhiệm vụ. Cũng chỉ tại cái hộp thịt!

***

Anh thấy mấy hàng nhật ký trên vừa ngộ nghĩnh vừa có một giá trị nào đó. Đây là chi tiết đầu tiên từ nãy giờ giúp anh biết tác giả là một trinh sát viên. Rồi người đọc lại nhảy bỏ một số trang không hay ho l¡m. Đầu giòng một trang mới, với nhóm ngày tháng mới, người đọc thấy:

' Ngày 10 tháng 4 năm 1969.

Đêm nay đi kích đường 14. Chiếc L 19 cứ bay rà rà trên đầu, loa cứ lãi nhãi " chiêu hồi, chiêu hồi." Mẹ kiếp, ông hồi cho mấy quả bây giờ.'

***

Anh vẫn dõi theo những trang nhật ký chảy miên man, không chủ định, không tuần tự, như những con đường mòn ngoằn ngoèo của núi rừng Trường Sơn. Anh bỗng khựng lại, như một người đi rừng bỗng dừng bước vì con đường mòn đột ngột chấm dứt, và rừng cây um tùm chắn lối:

' Ngày 15 tháng 7 năm 1969.

Cả tháng nay không ghi nhật ký. Giờ này không biết Hoàng hay Thúy Ái đã ra đời. Nhớ đêm cuối cùng trước khi đi B, Thu đã tìm đến nơi đơn vị tập trung. Một người bạn cho mình biết cô ấy cần gặp mình. Mình đã trốn trại, trèo rào ra gặp vợ. Mình biết như thế là không đúng, là mềm yếu. Thu báo tin đã có thai. Hai vợ chồng đã bàn bạc với nhau, nếu là con trai thì đặt tên Hoàng, gái thì là Thúy Ái.'

Và con đường Trường Sơn ngoằn ngoèo trong tâm tư của chủ nhân cuốn sổ tay đến đây bị nghẽn lối. Một phần ba cuốn sổ còn lại là những trang giấy trắng sẽ vĩnh viễn không còn nhận được một chữ nào của chủ nó nữa...

***

Anh bước vào trung tâm hành quân một lần nữa để nhìn mớ chiến lợi phẩm mà toán phục kích đêm qua vừa mang về căn cứ lúc nãy. Tất cả gồm có ba chiếc ba lô, hai khẩu tiểu liên AK 47, mấy quả đạn B 40, mấy quả lựu đạn chày. Anh nhìn thật lâu mớ đồ vật đó, vẻ mặt thoáng nét đăm chiêu. Nhưng thật ra, nếu ai tinh ý có thể thấy anh không nhìn toàn thể đống chiến lợi phẩm, anh chỉ nhìn chăm chú một món đồ, chiếc ba lô có một lỗ đạn xuyên từ hông này sang hông kia, hay nói cho chính xác, từ hông bên phải sang hông bên trái, một điều sơ đẳng nhất mà người lính chiến nào cũng nói được khi nhìn lỗ bên phải nhỏ bằng đầu đũa, và lỗ bên kia lớn bằng cái nút phéng chai bia. Anh lại nhấc cái của đáng tội kia lên, xem xét tứ phía rồi đặt lại chỗ cũ. ' Không có lấy một vết máu,' anh khẽ nói với chính mình. Hai chiếc ba lô còn lại thì lành lặn nhưng bê bết máu.

Ba lô lủng như thế thì viên đạn đã đi song song với thân người, chứ không thể cắt một đường thẳng góc với thân thể anh ta. Anh thấy dễ chịu. Nhưng anh bỗng khựng lại: Tại sao lại vứt ba lô lại? Anh ta bị trúng đạn ở chỗ khác trên thân thể chăng. Có thể đạn trúng ngực, trúng vào đầu, hay trúng vào chân làm gãy xương. Anh thích nghĩ đến điều sau cùng: vâng, chắc đồng đội lại dìu anh ta đi; vứt ba lô để bôn tẩu cho nhẹ nhàng. Và chiếc ba lô không nhất thiết phải vấy máu.

***

Anh ôn lại những chi tiết cuộc đụng độ mà tiểu đội trưởng Thanh đã báo cáo với anh. ' Như đại úy đã căn dặn: ở hoàn cảnh phục kích đêm không thể thấy được chiều dài của mục tiêu, nên cách tốt nhất là đánh khúc đuôi, và tôi đã làm như thế, nổ súng ngay khi cái bóng đen nhờ nhờ sau cùng di chuyển qua trước mặt một đoạn. Tôi phải đợi một đoạn, để chắc ăn đoàn người đã dứt. Chúng chỉ vào khoảng một trung đội. Thành phần đi trước bắn trả dữ dội. Tôi cho tiểu đội dạt ra xa con đường mòn, đổ dốc xuống bờ suối, bố trí thành hình cánh cung, hướng về phía vừa chạm địch, và ' trụ' qua đêm. Chúng tiếp tục bắn cầm chừng về phía chúng tôi. Rồi hỏa lực bỗng rộ lên, mưa đạn xối xả bay ngang đầu chúng tôi cả mấy phút. Chúng tôi biết đối phương đang bắn phủ đầu để kéo xác và di tản thương binh... Tờ mờ sáng, tiểu đội bò đến gần con đường, quan sát chẳng thấy động tĩnh gì cả. Rải rác trên đường là mớ vũ khí, ba lô, đạn dược như thế. Có điều vết máu chạy dài khoảng vài trăm thước về hướng Tây, lên các đồi cao, rồi mất dấu...'

Tất cả chỉ có thế, không giúp gì cho giả thuyết của anh. Đôi lần Anh định gọi trung sĩ Thanh lên để hỏi xem hắn có biết loạt đạn đầu tiên của mình - cũng là hiệu lệnh cho tiểu đội khai hỏa - có trúng vào ' cái bóng đen nhờ nhờ' đi sau cùng đó không. Rồi anh quyết định không nên làm thế. Chẳng rọi được tia sáng nào vào điều muốn biết, cho dù biết chiếc bóng đen kia trúng đạn, và lại có thể gây thắc mắc cho thuộc cấp.

Đối với Anh chiếc ba lô là gia tài của người lính ở mặt trận, chứ không phải khẩu súng. Chiếc ba lô nói nhiều về chủ nhân của nó. Anh đã đọc khá nhiều nhật ký lấy từ trong các ba lô đã vượt cả nghìn cây số đường Trường Sơn. Nhưng lần này lạ quá, những hàng chữ sau cùng

trong cuốn nhật ký của một kẻ đối phương bỗng làm anh bận tâm không. Anh có một bức ảnh nhòa nhạt của một người lính Bắc Việt, nhưng không biết danh tính. Và anh lại biết tên một người phụ nữ ngoài Bắc nhưng không biết mặt. Một đôi vợ chồng kẻ Bắc người Nam. Họ vừa có một đứa con, chắc lên vài tháng. Những gì còn lại về họ, Anh không sao biết được. Anh chỉ biết phó thác tất cả cho sự an bài của số mệnh.

Chị Thu, tôi muốn gửi đến chị một ước mong, mà xét cho cùng nó phi lý không kém những điều phi lý vẫn đầy dẫy trong mọi cuộc chiến tranh, là mong rằng anh ấy chỉ bị thương xoàng để nhận được thư chị báo tin cháu Hoàng hay cháu Thúy Ái đã ra đời, và để còn có cơ may sống sót qua cuộc chiến này, dù bên nào thắng.

Bình Thuỷ 1969

Trần Mộng Tú

Vá Cờ - Tranh: MAI TÂM

Buổi tối của một ngày đầu ***tháng 8 năm 1969***, khi tôi đang ngồi xem những tấm ảnh mầu đám cưới gửi từ Mỹ về, xắp xếp để làm một cuốn album, thì nghe tiếng chuông cửa. Tôi ra mở cửa, hết sức ngạc nhiên khi thấy Carl và anh Huân là hai người ở Sở trước mặt. Anh Huân làm phòng tối, phụ trách về rửa phim, in hình và Carl vừa là phóng viên vừa là nhiếp ảnh viên. Cả hai người này chẳng bao giờ đến nhà tôi vào giờ này, càng chắc chắn là không phải gọi tôi đi làm. Tôi lúc đó làm thư ký cho hãng Thông Tấn The Associated Press, công việc của tôi là lo tất cả những việc linh tinh cho hãng: Từ phát lương cho nhân viên, giữ sổ chi thu, mua bán hình ảnh, thư ký cho ông chánh văn phòng, đi nghe họp báo bỏ túi, v.v. Những việc này không bao giờ phải làm cuối tuần, cũng như không bao giờ làm ca đêm.

Cả hai người bước vào buồng khách, cả hai nhìn tôi, rồi cả hai nhìn nhau, không ai muốn là mình nói trước. Tôi linh tính có điều không tốt, nhưng không hiểu chuyện gì. Cuối cùng Carl nói:
"Sở nhận được điện thoại từ Rạch Giá gọi về chiều nay, nói là Cung, chồng của cô đã tử trận."
Tôi đứng ngẩn người, nhìn lại cả hai, không nói được tiếng nào, Carl nói tiếp:
"Suốt từ chiều, chúng tôi liên lạc được với Rạch Giá (Kiên Giang), xác định tin rõ ràng, có gọi điện thoại nói chuyện với bà giám thị của đại học xá Trần Quý Cáp, mẹ Cung, cụ cũng nhận được tin rồi."
Tôi ngồi xuống hai gót chân mình, không nghe được gì tiếp, ngoài tiếng xôn xao của cha, mẹ và gia đình.

Chúng tôi mới cưới nhau sau lễ Phục Sinh vào tháng Tư, Cung tử trận 30 tháng 7, năm 1969. Cung không phải là quân nhân chính gốc, anh tốt nghiệp Đại Học Sư Phạm, ban Pháp Văn và đã đi dậy được 1 năm, anh bị gọi trong chương trình Tổng Động Viên. Khi nhận giấy báo phải nhập ngũ, anh đến xin cha mẹ tôi cho làm hôn thú, vì sợ sau này sẽ khó khăn khi ở quân đội. Trên giấy tờ, tôi có chồng từ tháng 6-1968. Lúc làm đám hỏi chú rể tương lai không có mặt (đang đóng ở chi-khu Trà Bồng) chỉ có mẹ chồng mang trầu cau sang. Nghĩ cũng tủi thân, nhưng thời chiến mà, làm sao được.
Sau đám cưới, Cung về đơn vị, tôi vẫn ở nhà với cha mẹ, đợi Cung được biệt phái về dậy học lại, (Bộ Giáo Dục hứa sẽ cho các giáo chức được về vào tháng 10/1969) rồi sẽ ra ở riêng.

Chiếc máy bay vận tải Mỹ đáp xuống phi trường Bình Thủy, Cần Thơ. Người phi công phụ quay xuống nói với anh trai của Cung và tôi, đang ngồi cạnh chiếc quan tài. "Chúng tôi rất tiếc

là phải thả hai người và quan tài xuống đây, vì đây là máy bay quân đội Mỹ chở dầu, chúng tôi chỉ đi tới Cần Thơ chứ không về đến Sàigòn."
Đuôi máy bay mở ra, một chiếc forklift tiến đến trục quan tài ra khỏi máy bay để giữa lòng phi đạo. Anh chồng tôi dặn: "Em đứng đây, anh vào gặp ông xếp của phi trường này may ra được giúp đỡ."
Buổi trưa tháng Tám, mặt trời tóe những chùm nắng rát bỏng, chói chang trên sân bay, cái sân bay rộng lớn chổng chơ một chiếc áo quan có phủ sộc sệch lá quốc kỳ, mấy giọt nến đóng thành mảng khô cứng trắng đục trên màu vàng của lá cờ, một vài chiếc lá quăn queo sót lại của vòng hoa chiều qua còn dính ở đó. Tôi tự thấy mình bé nhỏ, mỏng manh trong chiếc áo dài màu xanh nhạt, áo nhầu nát, tóc bơ phờ, mặt ngơ ngác đứng nhìn chung quanh mình. Cái sân bay trông sao mông mênh thế mà cái áo quan thì bé tí, tôi đứng bên cạnh trông lại càng bé hơn. Sân bay không một bóng người, vài ba chiếc máy bay quân sự đậu rải rác bên cạnh những phuy dầu chưa kịp xếp vào kho. Hình như đã có mùi hôi bốc ra từ áo quan, tôi đứng lui ra một tí nữa, xoa tay lên ngực, thấy mình nghẹn thở, ngực nặng và đau buốt, đau thấu xuống tận bụng, tôi muốn ngất đi.

Hai ngày, một đêm ở Kiên Giang đã làm tôi đuối sức. Tôi có làm gì đâu. Tôi chỉ không ăn, không ngủ, không khóc, không cả vệ sinh. Chắc trong người tôi không còn nước. Bà mẹ chồng một bên, ông anh chồng một bên, họ đổ sữa ông Thọ cho tôi. Bà mẹ chồng tôi thật giỏi, bà có kinh nghiệm với chiến tranh, kinh nghiệm với chết chóc, nên đi đón xác con mà bà còn nhớ đem theo hộp sữa ông Thọ cho cô con dâu tiểu thư, cô con dâu còn mới như vuông lụa chưa thêu. "Con uống đi. Con mà gục xuống đây nữa thì mẹ biết nói làm sao với cha mẹ con." Tôi không uống được, cái mùi tử khí trưa nay của mấy chục cái xác xếp chất lớp trước cửa nhà xác vẫn ràn rụa trong thân thể tôi. Nó phủ chụp từ đỉnh đầu xuống hai bàn chân, khi tôi len lỏi bước qua những xác lính bên ngoài để vào bên trong chỗ người ta để xác sĩ quan. Tôi đã phải bước qua từng cái túi có bọc thây người ở trong, có cái thòi hai bàn chân còn nguyên đôi giày saut ra một đầu, có cái thì lòi ra ở đầu kia một đỉnh tóc bết đất, có cái thòi nguyên một khuôn mặt tái mét vàng khè có mấy con ruồi đậu trên đôi mắt chưa khép kín hẳn. Tôi đi theo bàn tay dắt của người anh chồng, xúc động và kinh hoàng đã làm tôi không còn cảm giác nữa. Không biết tôi có dẫm phải ai không. Tôi cố gắng không dẫm lên những người đàn ông nằm đây. Vào được đến bên trong thì tôi có nhìn thấy gì đâu. Tôi chỉ nghe tiếng bật khóc của mẹ chồng, tiếng anh chồng bảo "Đúng là Cung rồi."

Tôi thấy hình như tôi được bế lên, được đặt ngồi xuống một cái bậc thềm, gió ở sông thổi vào mặt tôi, giúp tôi tỉnh lại, tôi mở mắt ra, nhìn xuống. Tôi thấy một giòng nước đục chẩy lờ đờ bên dưới. Thì ra nhà xác của bệnh viện Kiên Giang nằm sát cạnh bờ sông. Tôi không dám nhìn vào những người đàn bà đang đi lật từng cái poncho quấn thây người để tìm chồng, tìm con họ trước cửa nhà xác. Tôi thấy tôi còn may mắn hơn họ.
Người ta đem xác Cung về trại gia binh tiểu khu để làm lễ. Tôi được bầy đứng cạnh áo quan cho ông Phó Tỉnh Trưởng đọc diễn văn, trong khi ông đọc thì tôi đứng nhìn mấy cây nến chẩy, nhìn vòng hoa đã bắt đầu héo, có cả chén cơm đã khô và quả trứng luộc có mấy con ruồi bay lên bay xuống, tàn nhang rơi phủ đầy trên đó. Ông Phó Tỉnh đọc diễn văn xong, hấp tấp ra về. Chắc ông hơi thất vọng vì không thấy tôi khóc để có dịp nói lời an ủi. Mấy người vợ lính trong trại gia binh, chạy sang thăm hỏi, mấy đứa nhỏ con lính chạy loanh quanh áo quan với mấy con chó gầy

trơ xương, trụi cả lông, cái áo chúng mặc ngắn cũn, bụng ỏng ra ngoài, mũi thò lò cũng chẳng chùi. Chúng tròn mắt nhìn mấy người Sài Gòn, mặt mũi có vẻ khang khác với nhưng người trong trại lính này. Có người cũng từ xa đến chưa tìm ra xác chồng, xác con đến hỏi han bà mẹ chồng tôi với con mắt nặng trĩu và gương mặt thất thần.

Tôi đứng đó lơ mơ nghe lao xao những tiếng nói chồng lên nhau, mỗi người kể một cách, giống như ở nhà tôi mỗi khi đi xem một cuốn phim về, chị em tôi vẫn thường tranh nhau nói như thế. Hình như họ nói về trận đánh ngay ở xã Vĩnh Thanh Vân. Xã này, tôi không biết ở đâu nhưng chắc là rất gần. Họ nói đánh ba bốn hôm rồi, và vẫn còn đánh nên xác không kéo ra hết được, phải ngồi chờ thôi. Cứ ngồi chờ thế nào cũng gặp, họ bảo nhau.
"Không thấy người thì thấy xác. Thế nào cũng gặp mà!" .

Người anh chồng thì thỉnh thoảng lại biến mất, không biết đi đâu, chắc là đi tìm cách đưa mọi người về nhà. Tôi thấy trong những người đi nhận xác chỉ có 3 người trong gia đình này ít khóc nhất. Bà mẹ chồng tôi thì vừa mếu máo vừa lo xin nước sôi pha sữa cho con dâu uống. Con bé này vốn đã gầy, hai hôm rồi nó chẳng ăn, chẳng nói gì làm bà phát hoảng, giá nó cứ khóc sướt mướt như mấy người vợ lính đang khóc ngoài kia thì bà lại đỡ lo. Không biết còn kẹt ở đây đến bao giờ? Bằng vốn liếng tiếng Pháp bà nói chuyện với một ông sĩ quan Mỹ cho bà quá giang máy bay quân sự về Sàigòn, rồi bà sẽ thuê máy bay dân sự xuống đây đón mấy đứa con. Bà giỏi lắm. Mấy chục năm trước, còn trẻ măng mà bà đã một mình thuê đò ở Nam Định đi tìm chồng. Chồng bà đang đêm được Việt Minh đập cửa mời đi, rồi cả tháng không thấy về. Ông được mời vì lúc đó ông có một ngôi trường nhỏ dậy học tiếng Pháp ở Nam Định. Bà đi đò, đi bộ cả bao nhiêu cây số, đến tận chỗ không ai dám bén mảng đến hỏi tin tức chồng. Họ bảo về đi, bắn chết rồi. Bà lại thuê đò về, tính ngày đi của chồng dùng làm ngày giỗ vì bà không biết ông bị xử bắn vào hôm nào. Mấy hôm sau bà bỏ nhà ở Nam Định, dắt ba thằng bé, đứa lớn nhất chưa quá 10 tuổi tìm đường ra Hà Nội. Đi làm, nuôi con ăn học. Rồi lại dắt con di cư vào Nam. Ai làm được gì thì bà cũng làm được như vậy. Bà cũng khóc chứ. Nhưng nước mắt thì vốn chóng khô vì nó không chảy hết ra một lúc, nó chảy rỉ rả ít một. Chảy suốt một đời. Cô con dâu bà mới cưới được có ba tháng, còn trẻ lắm, lại chưa có con, đi đón xác chồng lại có mẹ chồng, anh chồng bên cạnh. So với bà cô còn may mắn chán.

Mà đúng thật, bà mẹ chồng tháo vát của tôi số khổ hơn con dâu. Bà xin lên được máy bay về trước các con một hôm thì cũng bị thả xuống phi trường Bình Thủy đêm hôm đó, máy bay không về đến Sài Gòn. Một cơn mưa tháng Tám bất chợt ập xuống làm bà ướt sũng, thất thểu tìm một nhà thờ vào xin ngủ qua đêm, bà không cần khóc nữa, trời đất khóc hộ bà rồi. Sáng hôm sau bà đi xe đò về Sàigòn. Trong khi đó thì các con của bà: Con sống, con chết cũng bị thả xuống chỗ mẹ ngày hôm qua, nhưng không phải buổi tối mưa sũng nước mà một buổi trưa đầy nắng. Cuối cùng thì cũng đưa được quan tài về Sài Gòn. Khi xuống đến phi trường Tân Sơn Nhất thì cả người và cảnh trông thật bắt mắt. Nếu có cần quay một cảnh phim cho chiến tranh thì hay quá. Cái quan tài cũng không cần phải trang trí cho ra vẻ tang thương hơn nữa. Lá cờ phủ trên nó nhầu nát, xộc xệch, cô đơn, đã đủ vẻ tang thương. Hai nhân vật thất thểu xác sơ đứng cạnh không cần phải hóa trang hay diễn xuất, họ đi đứng như người mất hồn, ngơ ngác, thất lạc, rơi ra từng mảnh như những người lính vừa bại trận trở về. Cứ dựng máy quay phim

lên, quay họ như thế vào phim cũng tuyệt lắm rồi. Sau này tôi nghĩ lại vẫn tự hỏi. Tại sao lúc đó mà mình tỉnh khô như vậy, sao mình không phát rồ, phát điên, không đập đầu vào tường?

Cả trăm câu hỏi cứ chạy lung tung trong đầu tôi bao nhiêu năm trời.
Một chiếc xe nhà binh đón chở áo quan từ phi trường đến nhà xác bệnh viện Grall. Đã bảo bà mẹ chồng tôi là người tháo vát mà! Bà còn xin được miếng đất chôn Cung trong Mạc Đĩnh Chi để bà thăm viếng cho tiện, chứ lên tận Nghĩa Trang Quân Đội thì làm sao bà có thể đi thăm thường xuyên được. Họ cho Cung đi qua nhà, dừng lại cho Cung nhìn chỗ mình đã sống, đã lớn lên một lần chót. Chẳng biết ai là người nghĩ ra cái tục không được chết ở nhà thì phải ghé qua nhà trước khi ra đi hẳn mà hay thế! Tôi thấy những người lân cận và một vài người họ hàng đã đứng chờ sẵn trước cửa nhà. HoÏ nhìn tôi, nhìn quan tài như xem phim chiếu chậm, họ quen quá rồi cái cảnh này những năm gần đây. Tôi còn trẻ quá, họ nghĩ. Thế nào rồi cũng quên đi, cũng lại lấy chồng, chỉ tội cho bà mẹ anh ta. Họ nghĩ cũng chẳng sai mấy. Khi tôi bị đẩy ra khỏi nước, gia đình chồng cũng bỏ đi, chỉ có Cung là người ở lại. Cung cũng chẳng khác gì những người còn sống, cũng bị đuổi nhà, bị chiếm đoạt tài sản. Người anh họ ở lại tìm cho anh một nơi cư ngụ mới trong nhà thờ Tân Định.

Tôi trôi mãi rồi cũng phải giạt vào một chỗ. Bảy năm sau tôi lấy chồng, sanh con, tôi sống bình thường như tất cả mọi người đàn bà khác trên một đất nước không có chiến tranh. Tôi cũng vui, cũng buồn với những thăng trầm của đời sống. Ở đời sống hàng ngày, tôi quên dần cái bất hạnh của tôi mấy mươi năm về trước. Nhưng tôi nhớ rất rõ ràng là cái bất hạnh đó nó có hiện diện trong kiếp người của mình. Thỉnh thoảng Cung vẫn về trong giấc mơ, dù suốt ngày hôm trước tôi không hề nghĩ đến. Cung về như còn sống hay về như đã chết thì khi tỉnh dậy, nước mắt tôi vẫn lặng lẽ trào ra trên gối. Tôi cố gắng không làm giao động người nằm bên cạnh đang ngon giấc. Buổi sáng, thức dậy, tôi thay áo gối, rồi lại thản nhiên bước vào đời sống trước mặt: Giặt giũ cho chồng, cơm bánh cho con. Thời gian cứ thản nhiên trôi, buồn và vui đầy ắp hai tay. Ngày trắng tóc rồi cũng đến.

Lần đầu tiên về thăm lại Việt Nam năm 1998, sau 23 năm, tôi đi tìm Cung ở nhà thờ Tân Định. Tôi đi len lỏi giữa những dẫy kệ, đọc từng cái tên, đi đến vần "T" là họ của Cung. Tôi nhìn thấy một cái hộc nhỏ, không có hình chỉ có ghi Họ, tên, ngày sinh, ngày mất. Tôi đứng lặng người, run rẩy chạm những ngón tay mình lên mặt chữ. Cái cảm giác chạm tay vào đầu áo quan của năm 1969 bỗng hiện ra dưới những ngón tay tôi. Một tiếng nấc đưa lên thanh quản, vỡ òa ra, tôi khóc như chưa bao giờ được khóc. Nước mắt của bao nhiêu năm tụ lại một ngày, nước mắt của những ngày đi đón xác ở Kiên Giang khô lại bây giờ nứt ra như một mạch ngầm của suối bật lên trên mặt đất nứt nẻ. Tôi khuỵu chân ngồi xuống giữa lối đi của hai hàng kệ, khóc như chưa bao giờ được khóc.

Chung quanh tôi vắng lặng. Tôi trầm mình vào nước mắt, vào bất hạnh, vào nỗi cô độc của mình. Cái hộc nhỏ đựng tro than bên trên đầu tôi vẫn thản nhiên, im lìm nhìn như trước khi tôi đến.

Con Thú Tật Nguyền

Ngụy Ngữ

Qua khỏi cánh đồng, đường nhựa dần vươn cao nổi lên cây cầu sắt gẫy, xe rẽ xuống một con đường đất đỏ đã vữa ra lầy lội trong mưa, chạy chúi xuống bờ sông vào cầu phà. Những khớp sắt giữa lòng cầu rên lên dưới bánh xe đinh đõi. Mặt nước sông trắng bạc căng cao. Vài ba người lính trùm kín pông-sô đứng trên lề cầu ngó lên xe, nhưng đôi mắt sáng xa khuất rơi lại phía sau. Xe chạy chậm, tiếng động cơ lừ khừ mỏi mệt, khó khăn vượt qua quãng đường lầy nối đầu múi cầu rồi qua con đường cao trải đá cuội lam nham chạy dọc vào khu phố. Thi ngồi trước ca bin ngoái cổ lại hỏi gì đó sau tấm vải nhựa, tôi gật đầu nhiều lần. Con đường dàn rộng ra giữa hai hàng cây sầu đông nối dài. Khe phố dựng chênh cao trên bờ sông. Những mái ngói mái tôn đục ngầu san sát tiếp vào nhau, những cánh cửa khép lại trong giấc ngủ mỏi mệt lẫn trốn. Mưa dăng chùng khuất phía trước. Xe lê lết gập ghềnh. Trên xe không có vải bạt che, nước mưa đổ xuống chảy lõng bõng quanh quan tài Bình. Trên nắp quan tài, những cây nến đã cháy hết. Nhiều cây đổ xuống lăn lóc qua lại. Chị Nga vẫn ngồi im lặng như lúc mới lên xe. Chiếc nón rộng chụp xuống, thân thể giấu kín sau lớp vải dầu xanh úa. Bàn tay ôm vào góc áo quan. Tôi vẫn đứng bám hai cánh tay vào sườn xe lạnh buốt nhìn xuống chung quanh, quần áo ướt đầm đìa. Nước mưa từ tóc, trán, chảy xối vào mặt vào miệng. Chốc chốc tôi đưa tay vuốt ngang qua, kéo tóc lại đằng sau ngửa mặt lên cao. Khung trời trắng đục nhòe nhoẹt.

Ở đâu đó đang có một mặt trời. Đâu đó, ngày Bình trở về. Đứa con hận thù trở về. Tôi kéo cổ áo vén tay áo lên cao. Bắp thịt trần rám nắng ngả xám ngoét hàng chữ chạm bằng mực: Ra đi vì đời. Bình ra đi. Một cành cây sầu đông không lá quất ngang vào mặt tôi. Tôi yên lặng, nhắm mắt lại, gục đầu xuống. Vết roi như đánh thức dậy những cảm giác đê mê dồn trong thịt da. Tôi cắn chặt hàm răng, mím môi lại. Chị Nga vẫn ngồi im lìm bấu vào áo quan tài. Thi hỏi gì đó. Tôi đứng trở lại, nhìn xuống đường. Xe đã đến cuối phố. Tôi đấm mạnh trên vải bạt che ca bin; xe ngừng trước một chiếc quán nằm bên bến đá dốc cao. Cánh cửa quán được chống hững lên. Vài ba người khách co ro ngó ra. Tôi chậm chạp cúi xuống. Chị Nga vẫn im lặng như không hay biết gì.
Tôi gọi:
Chị Nga, chị Nga.
Tiếng gọi dính vào lớp nước miếng sánh đặc, không thoát ra ngoài được. Tôi vỗ vào vai chị, cố gọi lớn hơn. Chị, chị Nga, đến rồi này.
Chị Nga ngẩng lên, nhích người tựa vào thành xe. Đôi mắt ngơ ngác như một người ngủ mê vừa được đánh thức dậy. Khuôn mặt tái mét, mái tóc rã rượi đổ xuống. Đôi mắt bất động vắng vẻ, môi khẽ mấp máy, tiếng gọi thoát ra hờ hững. Bình, Bình, rồi tiếng khóc nối theo, dâng lên đột ngột, lâu dài. Bình ơi, Bình à à à. Đầu chị đổ gập xuống, bàn tay bấu chặt lớp gỗ, vai rung rung dưới lớp vải áo mưa. Tôi xốc tay vào nách nâng chị dậy. Khối thịt nặng nề mềm nhũn. Mày có thể ngủ với nó một đêm, nhưng đừng về kể với tao, tao ghét đàn bà... Nước mưa từ chót tóc chấm vào mắt cay xè. Tôi đưa cánh tay trần quệt nhanh qua. Chị Nga. Khối thịt gục xuống. Tôi lại cố nâng lên. Những bắp thịt trên cánh tay

hiện rõ, hàng chữ chìm sau lớp da, tiếng khóc trên cánh tay. Ra đi vì đời. Vì đời, vì cái gì? Tôi không đủ sức để nhớ nữa. Vì, không vì cái gì cả. Bình đi, Bình à. Cánh tay chuyển rung rung theo khối thịt. Tiếng khóc văng vẳng như từ một nơi xa xôi nào đưa về, tiếng gọi lê thê đánh thức khu phố dậy. Một cánh tay tôi bám vào sườn xe, một tay giữ lấy chị Nga. Khu phố chạy dài vài ba cánh cửa mở. Vài ba người khoác áo tơi chậm chạp đi đến. Rồi những cánh cửa khác, những người khác tụ lại. Con trai, con gái, đàn ông, đàn bà, những màu áo lạnh. Những khuôn mặt ngửa ra, những đôi mắt ngước lên trong cơn mưa cuối mùa se sắt lạnh buốt. Mái tóc chị Nga bết nước phủ trùm cả mặt. Bình ơi... Bình... Có ai tên Bình giữa đám người vây quanh đó không. Bình, Bình, ai đâu đó đang mang tên Bình. Ra đi vì đời. Một cơn gió kéo mưa từ đầu phố hắt lại. Những khuôn mặt nghiêng xuống, né tránh. Nước mưa trộn với bùn đất chạy trên xe. Cánh tay tôi tê cứng giữ lấy chị Nga. Cánh tay chị Nga với thấp xuống níu vào nắp quan tài. Bình ơi, Bình ơi. Không còn ai tên Bình nữa trong đời sống này. Bình sứt, Bình vôi, Bình trà, Bình ơi, Bình à... Không có một Bình nào cả. Cánh tay lẻ loi nằm trên miệng hố đất, hàng chữ chạm nguệch ngoạc, cái đầu cháy đen, từng khoảng da tróc bày sọ trắng, chút cuống họng đủ dính vào phía dưới. Cuối cùng đời thằng Bình chỉ còn lại chừng đó chờ ngày tôi đưa hắn về. Thằng Bình thù hằn khạc nhổ bỏ đi năm nào, trở về quê cũ, thằng Bình mái tóc ngắn lởm chởm, tay áo xắn cao, đưa qua đưa lại chiếc ly không, tiếng nói nồng nặc men rượu: Mẹ, để rồi mày xem, tao đã nói rồi mà, tao không trở về nữa đâu, tao chết mày bỏ mìn vào bụng bấm cho tung bét cả đi. Và mày đã nổ tung ra, mày biết thế không Bình? Mày tan nát và tao cúi xuống nhặt nhạnh bỏ vào áo quan mang về nơi mày đã nguyền rủa bỏ đi, nơi chôn nhau cắt rốn của mày, của tao, của con Năm, thằng Vân, thằng Ý. Chị Nga đang theo về đang khóc gọi mày đó. Khu phố đang chụm lại đón mày đó, chúng đang ngửa mặt lên, đang nghe chị Nga gọi. Rồi một khoảng đất cho mày như đã cho những người khác, rồi quên lãng như người ta đã quên lãng, những người đời sống khác đang nối dài, mẹ, thế đó Bình. Thi mở cửa sau sàn xe bước lên giúp tôi dìu chị Nga xuống. Đi tránh qua một bên, chị Nga lại rời khỏi tay tôi té chụp vật ôm lấy quan tài, ba bốn cây nến còn đứng theo nhau gãy tắt lăn lóc rơi xuống sàn xe. Mặt gỗ áo quan trống trơn, những vệt sáp cháy cách khoảng. Bình ơi, Bình à...

Tôi lại cố gắng nâng chị dậy, cánh tay lồng qua ngực hai chiếc vú lớn mềm nhũn, cánh tay mần sâu vào. Vốn liếng cuối cùng, gia tài thê thảm của chị còn lại đây. Thằng Vân làm cán bộ xã đã bấu mười ngón tay thèm khát vào đây rồi đi mách ồn ào, con nhỏ chịu chơi ác. Thằng Ý chủ tịch xã đã ôm lấy thân thể này trên chiếc chõng tre, và thằng Tân giáo sư dạy giờ trên trường trung học. Những vết tích nào còn lại trong vùng da thịt u ám này và tiếng khóc vang âm âm rời rã, tiếng gọi tức tưởi mù lòa. Hai bàn chân chị Nga chậm chạp đưa tới theo cánh tay tôi và Thi dìu đi. Đám người đứng giãn ra. Những đôi mắt chăm chú. Chị Nga đây. Con Nga làm đĩ, chị của thằng Bình sứt đây, có ai biết không, có còn ai nhớ không. Có ai quấn quít ôm lấy khối thịt này. Con Nga làm đĩ bỏ xứ đi ba năm mang theo xác em hắn về đây. Chị Nga vẫn cúi gập người xuống khóc gọi thảm thiết. Chị khóc cho ai bây giờ. Khóc cho thằng em ngang ngược tàn bạo đã nắm tay đấm vào mặt chị tím bầm nước mắt, khóc cho cái chết đã có sẵn từ lâu trong đời sống, khóc cho tháng ngày đã qua, cho tháng ngày còn lại, cho chị, cho tôi. Tôi nắm vai chị kéo lên, cố gắng nói:

-Thôi chị, thôi đừng khóc nữa, dầu sao chị cũng...

Tiếng nói nghẽn lại trong cổ họng. Mí mắt tôi đầy cứng bụi đất với nước mưa trên trán rửa xuống. Tôi đưa cánh tay trần quệt ngang qua. Sao tao không khóc được ngày mang mày về. Chúng ta đang mang nhau về đây. Phải trở về lại vùng đất này, dù muốn, dù không. Tất cả đã hết rồi. Chúng ta là những con thú tật nguyền khốn đốn mang vết thương về, lặng lẽ liếm vết máu mình, nằm chết. Tôi nuốt nước bọt nhắc lại câu nói và dìu chị Nga đi, đặt chị ngồi trên phần chiếc ghế dài từ trong kê thò ra ngoài mái quán ướt đầm. Những đôi mắt vây quanh xúm lại. Tôi đứng lên. Những đôi mắt tản mác bay đi, rồi lại sát vào nhau, càng lâu càng dày kín. Tôi làm sao biết được sau từng đôi mắt đó, những linh hồn ẩn náu bí mật, nhớ quên, còn mất. Đôi mắt như đá lở, như mờ tối trên những khuôn mặt chập chờn đong đưa. Đôi mắt mở ra trâng trân trên khoảng thịt da nhăn nhúm cháy đen, tóc sủi bù lại từng mảng trên lớp xương sọ phơi trắng, đôi mắt hoang vu lạ lùng treo trên cuộn thép gai trông qua bên kia sông, trông lên dãy núi đã mất tích trong mưa. Tôi đặt bàn tay vuốt xuống. Hai mí mắt đã thun lại không thể kéo cho tròng mắt. Đôi mắt còn mở ra sau lớp gò ướt đó. Cửa ngõ linh hồn, thằng Bình sứt cũng có một linh hồn, một linh hồn bưng bít hận thù. Hồn có tìm về đây không? Mày có mang về đó không Bình? Thôi, dầu sao thì sự cũng rồi. Chết là hết, nếu có còn thì quên đi mày, sức đâu nữa, yên ngủ sao cho xong. Những đôi mắt nổi quanh quất. Tiếng nói, tiếng khóc, tiếng gọi lao xao vấn vít. Tôi lồng bàn tay lạnh buốt vào ngực mình và nghe một cảm giác kỳ lạ lan khắp thân thể.

Ba bốn người lính trong quán đi ra phụ với mấy người đàn ông đến sẵn, bưng chiếc quan tài xuống. Một người đứng bên cạnh hỏi lớn, ai đấy? Tôi quay qua nhìn hắn, khuôn mặt mét mét, hàng ria lún phún ngả bạc, da khô héo dán chùng vào họng thoi thóp động đậy. Tôi nói cộc lốc:
-Bình, thằng Bình.
-Bình nào kia? Hắn nhíu mặt lại một lúc. À, thằng Bình con thím Quảng phải không?
Tôi gật đầu, quay lại tìm chị Nga, chị đang ngồi gục bên trụ xi măng đầu bến. Ai đó vừa đưa đến một ly đựng gạo cắm hương, thắp hai cây nến trắng mới. Một người hỏi phía đầu xe: Thằng Bình này tôi nghe đi lính rồi mà. Thi nói vâng, lính mới đi GMC, mới chết chứ, dân thì sức mấy. Lính sao không có cờ. Cờ gì? Cờ quốc kỳ mà. Thi không trả lời, cho xe nổ máy tiến về phía trước một đoạn. Tôi tìm thuốc ướt nhàu, sợi thuốc chảy ra vừa nhàu trong túi. Tôi bóp nát ném xuống đất. Người đàn ông trở lại hỏi tôi:
Lính sao không có cờ chú? Đây an ninh quá mà, chôn đây chớ chôn đâu. Chú Bình là người ở đây.
-Vâng, nhưng nó không có.
-Sao thế?
-Nó không thích.
Người đàn ông tỏ ý không bằng lòng, vừa thụt lùi vừa lẩm bẩm, hừ, bậy nè. Một người lính địa phương đứng bên cạnh giải thích.
-Lính Mỹ đó, Prou mà làm chi có cờ.
-Thì mình mua đắp lên cho nó dễ coi chứ.
-Dễ với khó gì, chết rồi thôi, như nhau hết.
Tôi vào quán cà phê. Con Sáu, em con Năm, đang chuyện trò cười nói gì đó với hai người lính, thấy tôi hắn đứng lên. Tôi hỏi nhanh:

-Đây có bán cờ không?
-Có, nhưng làm gì có cờ lớn phủ quan tài.
-Nhỏ cũng được.
Con Sáu quay lại kệ hàng, kéo ra một cuộn cờ vàng sọc đỏ rút đưa cho tôi một tấm lớn bằng quyển vở. Tôi cười cầm ra trải lên mặt gỗ, lấy ly hương dằn lên. Hai cây nến quằn quại cháy.
Bình sứt đã về đó, tất cả mọi ngọn lá đều rụng về cội, tất cả mọi ngọn lá đều có cội. Không có ngọn nào dưới lỗ nẻ đục lên cả. Phải không Bình, tao đã nói với mày bao nhiêu lần như thế. Bây giờ thì còn gì mà nói. Tất cả là một câu chuyện kể nửa chừng, mẹ mày bỏ dở trên chiếc chõng tre kê sau cánh cửa sổ chống lên mỗi ngày có nắng mới, bà ôm ngực ho nhìn ra vườn mỉm cười. Bà đã chết rũ rượi trên chiếc chõng tre đó. Chị Nga đã ôm thằng Ý thằng Vân quằn quại trên chiếc chõng tre đó, mày đã giẫm nát chiếc chõng, đốt lửa vào căn nhà, nhỏ máu lên vùng đất này, ra đi. Ra đi vì đời. Có phải cuộc đời đang vây quanh đây không, những khuôn mặt già yếu co quắp, giá lạnh, đốt nến thắp hương, đòi hỏi lá cờ.
Người đàn ông cắm thêm nén hương mới, hỏi tôi:
-Giờ cậu tính sao đây?
Tôi cúi đầu mệt mỏi:
-Dạ, chẳng biết sao bây giờ.
-Hừ, hay chưa, sao cũng phải lo cho cậu ấy một chỗ nằm chứ không lẽ phơi mưa như thế này à?
-Giờ chắc tôi phải nhờ mấy bác chứ biết tính sao.
Chị Nga cũng chẳng hơn gì chỉ biết khóc.
Người đàn bà vồn vã hỏi:
-Đâu? Con Nga đâu?
Tôi chỉ về trụ đá nói nhỏ:
-Đó, chỉ ngồi đó kìa.
Người đàn bà đi đến, ngồi xuống bên cạnh chị. Người đàn ông nhìn tôi một lúc lâu, gật gù:
-Thôi cậu yên tâm, người dưng khác nước kia còn chưa gì huống đây cậu Bình cũng là con dân cả mà. Cậu để đó có chúng tôi, khuôn hội lo.
Người đàn ông quay lại kêu người thanh niên đứng gần đó bảo đi thuê đò, rồi sai một người khác đi báo tin cho sư cụ trên chùa biết. Tôi yên lặng trở vào quán. Con Sáu nhìn tôi hỏi Bình chết bao giờ. Tôi thờ thẫn nói hôm qua và ngồi xuống ghế đặt sát bên cửa sổ nhìn xuống dòng sông lộng gió. Tôi hỏi thuốc "Pôm-môn", con Sáu bảo có và đi lấy mang lại, đứng tựa vào cột nhà, vén tóc hất lên cao, cổ áo rộng lộ một vùng da thịt trắng lạnh. Tôi chợt hỏi:
-Dạo này chị Năm có hay về nhà không?
-Không, năm ngoái chỉ có về một lần, đường sá lúc này mà.
-Ở đâu? Năm ở đâu?
-Sàigòn.
-Sàigòn. Tôi rút điếu thuốc gắn lên miệng quẹt diêm hút.
Con Sáu vẫn chăm chăm nhìn ra ngoài. Ở đâu đó con Năm bây giờ không còn nữa ngọn tóc hoe nắng cột túm lại sau, mỗi đêm rằm đến kêu chị Nga đi chùa, đứng chuyện trò cười nói với Bình sứt trước hiên nhà. Bình sứt đã về đó, con Năm đang ở Sàigòn, con Sáu đang

nhìn ra đường, tôi đang hút thuốc và chùa đang sửa soạn chôn dấu quan tài. Thế đó Bình. Tuồng cải lương đã đến hồi buồn thảm nhất, giọng người đàn ông kể lè nhè trong nắng trưa, mày ngồi nghêu ngao hát theo trước trụ sở xã. Còn gì bây giờ. Tao cũng mệt đuối sức rồi. Tôi đứng dậy trả tiền đi ra. Chị Nga vẫn cúi thấp xuống khóc gọi bên trụ đá. Bình ơi Bình à... Tiếng gọi sâu vào lòng đất trơ sần. Thằng Bình sứt đang ở một nơi nào đó trong lòng đất đang nghe chị gọi, đang quay mặt sấp lưng hằn học chửi thề, đang cảm động nước mắt lưng tròng, cúi mặt tìm về đứng im nhìn chị khóc, nhìn đám đông vây quanh, nhìn lá cờ. Bình sứt cũng có Tổ quốc, có xóm làng, có người da thịt thân yêu như ngày nào rủ tôi vào dân vệ xã, đứng đọc hàng chữ trên tường hông trụ sở. Bạn muốn làm gì cho nước, hãy vào dân vệ xã. Xa quá rồi. Có lẽ ngày mai không còn ai, kể cả tôi đủ sức để nhớ dai dẳng về một thằng Bình sứt đã vác súng trường lầm lũi đi trong phố, ngồi nhậu suốt buổi ở quán con Năm phi-dê, rồi về nhà đánh chị Nga ngất xỉu cầm tay kéo lết ra đường, ném xuống mặt sỏi la lối, gì đó, đ. mẹ bây giờ thằng nào muốn ngủ với nó thì ngủ, kéo đi chỗ khác mà nằm, nhà tao không phải nhà thổ, đ. mẹ, tao giết hết. Bình sứt không giết ai nhưng đã đánh gãy tay thằng Ý, cầm súng rượt theo thằng Vân chạy quanh làng, về nhà lại xách chị Nga ra đánh, xé nát quần áo, chị lõa lồ nằm ôm lấy cột nhà kêu cứu. Hắn kéo ra, chị níu chặt lại, Bình sứt la hét như một con thú điên. đ. mẹ mày đĩ mà cũng trễn à, mày có ra không. Chị Nga vẫn khóc níu chặt lấy giằng co với hắn, hắn đi lấy dầu hỏa dội lên chị, rồi mồi lửa đốt. Chị Nga hoảng hốt vùng chạy. Bình rượt theo và ném mồi lửa vào mái nhà. Lửa bốc cháy, ngọn vươn cao làm náo động cả khu phố. Dân vệ xã kéo đến tìm bắt. Bình ngồi trên chiếc ghế nhỏ ghìm súng thách đố. Tôi bước vào hắn quay súng la lớn, một bước nữa tao bắn, không tin bước thử xem, đ. mẹ cả bọn bay. Tiếng nói gầm gừ, khuôn mặt đầy mụn đỏ, đôi mắt chằm chằm sáng ngời man dã. Không ai dám đến gần nữa. Hôm sau hắn vào trả súng, bị bắt dẫn ra quận giam giữ, sau đó hơn ba tuần hắn lại trở về rồi lặng lẽ bỏ đi, ở lính đâu trên núi trên non không ai thấy mặt.

Nửa năm sau có tin hắn bị đâm chết trong một quán rượu ở Sàigòn, nhưng rồi có tin hắn đang sống, đang ở lính biệt kích. Chị Nga cũng bỏ đi, theo viên thiếu úy, rồi góa bụa, lãnh tiền tử, theo một người khác vào làm sở Mỹ bị hiếp đáp, sau đó chị về Q.T, tìm Bình. Tôi đã bỏ làm dân vệ, tình cờ gặp Bình hắn rủ vào lính Prou. Hai đứa trở lại những thân yêu gần gũi cũ. Bình chạm lên tay tôi một hàng chữ như ở cánh tay hắn: Ra đi vì đời. Một hôm chị Nga đến căn cứ tìm, chị mặc áo đỏ tóc rũ dài, cười tươi. Bình đi ra nạt nộ xua đuổi rồi quày quả trở vào. Chị Nga đứng khóc kể lể với tôi. Hai chị em đi loanh quanh trong phố, chị dắt tôi về nhà chị trọ, hết chuyện này sang chuyện khác, chị nhắc đến thằng Vân trúng mìn chôn trong trụ sở, thằng Ý bị Việt Cộng về giết, thằng Tân bị bắn và mấy người chồng của chị, viên trung sĩ, viên thiếu úy. Tất cả được kể lại dửng dưng như người kể chuyện phim. Khi tôi về, Bình ngồi yên lặng trên lô cốt, tôi đến bên hắn trách móc thái độ hắn đối với chị Nga, hắn quay lại dằn giọng, tao mà chị em à, mày muốn ngủ với nó trả tiền mà ngủ đừng đặt thêm điều, tao không có chị em gì hết. Im lặng một lúc, giọng hắn trở nên rên rỉ, đay nghiến: tao dưới lỗ nẻ đục lên mà, không cha không mẹ, không có chi hết. Chị Nga đến tìm thêm hai ba lần nữa. Bình vẫn dửng dưng như không quen biết, không nhìn không hỏi. Rồi hắn bị thương, chị Nga vào bệnh viện thăm, hắn vùng dậy la hét, xua đuổi làm vết

thương đã băng bó lại bung máu ra. Lần sau chị Nga vào, người ta cản đường lại sợ làm rộn bệnh nhân.
Ở nhà thương ra Bình sứt được làm thường vụ đại đội ở lại căn cứ. Tôi vẫn đi đi về về, hết chuyện này đến chuyện kia. Hôm qua về ném súng vào kho, lãnh giấy phép đi ngủ ngoài, đêm Việt Cộng công đồn, Bình chết một mình trước pháo đài, thân thể nát bét, chân tay đứt ra vung vãi trộn với những tay chân khác. Năm thằng tìm được sáu cánh tay. Buổi sáng tôi vào nhặt nhạnh thu góp, xếp vào quan tài. Chị Nga nghe tin chạy đến điên dại la gọi. Tôi đứng giữ lấy nắp áo quan tài không cho chị lật ra. Không còn gì hết. Con vật nguy hiểm chui lên từ một lỗ nẻ nào đó đã chết. Nhân loại bớt một kẻ thù. Thằng Bình sứt đã rụng về cội, đã bình yên trên bốn viên đá xi măng, dưới lá cờ khổ nhỏ, ướt sũng. Bình sứt đã chết vì nước như ngày nào. Ba năm rồi Bình ơi. Mẹ mày đã nằm xuống giữa lòng cồn bãi đó với cha mày. Thằng Ý, thằng Vân, thằng Tân đã ở đó, tất cả êm đềm. Thôi quên hết đi mày, quên đi cái trần gian khốn nạn này. Chết là hết. Tôi bụm tay vuốt nước mưa trên mặt, đi vòng quanh quan tài rồi trở lại quán. Đám đông đã tản mác dần. Chị Nga ngồi bất động, hai tay ôm lấy trụ đá, nước mưa đổ thành dòng trên áo tơi. Tôi ngồi vào ghế hỏi cà phê nóng, con sáu cười gật đầu đi pha mang lại. Tôi cho một muỗng đường và quay nhanh chiếc muỗng. Một người con trai mặc áo quần xanh đi vào, kéo ghế ngồi xuống trông ra ngoài, hỏi đứa con gái mặc áo đen vàng đi vào sau:
-Người này hả?
Đứa con gái ngồi quay lưng lại phía tôi:
-Ừ, chú đó bỏ đi có ba bốn năm chi rồi đó.
Người con trai xoay xoay ly cà phê vừa được mang tới hỏi đứa con gái:
-Hiền uống gì? Rồi rút thuốc lá ra hút nhìn sang tôi.
Hiền nói nhỏ:
-Thôi gần ăn cơm rồi, uống gì nữa.
-Đêm qua thế là đánh có bốn, năm nơi kia, ồn ào quá.
Tôi uống xong gọi con Sáu đến trả tiền. Hiền quay lại hỏi:
-Nghe lính Prou chết nhiều lắm hả chú?
Tôi lắc đầu đẩy chiếc ly không về phía trước:
-Có đâu, chưa tới mười lăm mạng, khéo ồn.
Thi đi vào hỏi tôi ra hay ở lại. Tôi nói ở lại, hắn quay đi, tôi gọi theo. Thi nhảy lên ca-bin cho xe nổ máy, trở đầu lại, chạy lên cầu phà. Cơn mưa đã ngớt hẳn, số người còn lại đứng vây quanh quan tài bàn tán về những trận đêm qua, một vài đôi mắt lơ đãng ngó theo chiếc xe. Hai cây nến vật vã cháy. Người con trai nói với Hiền gì đó rồi chụm đầu lại cười. Tôi chưa hề thấy mặt hắn, có lẽ dân đâu mới tới, giọng hắn ấm vui. Hiền xoa xoa bàn tay xuống bàn cười ngặt nghẽo. Có phải đời sống này được kiến trúc trên một sắp đặt vô hình nào đó phải không. Có người sinh ra để hạnh phúc, để trò chuyện thầm thì, để ngặt nghẽo cười, và có kẻ sinh ra để la hét, chửi thề. Bình với hình ảnh người cha què cụt từ chiến tranh kháng Pháp còn lại, chống nạng lê lết tới lui rồi một ngày té xuống ao nằm chết, không rõ cố ý hay vô tình, và người mẹ ốm đau dai dẳng cho đến ngày khạc ra từng búng máu tươi, xuôi rũ tay chân. Cũng như Bình sứt, tôi không có gì cả. Cho đến ngày hôm nay tôi mới nhận thế sao?

Chiếc đò đã được thuê đến. Đám đông vây tụ lại. Người đàn ông kiếm tôi và gọi chị Nga dậy. Tiếng khóc lại trỗi lên khoảng bến sông lấm bùn, những bậc tam cấp thoai thoải nghiêng xuống. Mặt nước vàng đục, bào rác táp vào bờ bập bềnh. Tôi chợt muốn nói với chị Nga một câu gì đó thật ngọt ngào nhưng chẳng biết nói thế nào. Chiếc thuyền hơi chòng chành khi quan tài được bưng xuống. Bãi cát phía dưới xa nhoi lên trên mặt nước lớn. Những cây sầu đông khô chơ vơ như ngóng đợi. Ngày Bình về. Tôi khom bước vào thuyền tay vẫn dìu chị Nga. Tôi đang trở về. Chúng ta đã ra đi từ nơi này, và giờ đang mang nhau về, phải không Bình. Chúng ta đi hết mệnh kiếp của mình. Phận sự đã hết, nhiệm vụ đã rồi. Tao còn lại một mình, một mình với ngày mai không toan liệu. Người đàn ông bước đến đổi nến, cắm thêm hương và ngồi vào mạn thuyền bắt đầu lần tràng hạt, miệng thì thầm, đôi mắt đăm đăm nhìn vào lớp gỗ ẩm nước. Xâu chuỗi láng bóng trên bàn tay khô héo run run. Một dụng cụ cho những người chết, cho cái chết? Hai chú tiểu thay mặt sư cụ đến. Tiếng cầu kinh bắt đầu trỗi lên và con thuyền tách bến xuôi theo dòng nước, táp bờ cây vắng vẻ. Nguyền vãn sinh Tây phương... Chị Nga nói trên cánh tay tôi, giọng thì thầm khàn thấp.

-Giờ chị làm sao đây nhỉ? Chắc chết thôi.

-Chị cầu kinh đi, chị còn nhớ kinh chứ.

-Thế em?

-Em à. Em ở lại đây... không đi nữa.

Chị Nga ngửng lên. Đôi mắt đỏ ngầu khuất sau làn tóc lòa xòa ướt rối và tiếng khóc như cơn mê đứt quãng, như một khúc hát lê thê trôi theo lời kinh trên dòng sông nước lớn.

Kể Chuyện Chiến Trường

Hoàng Thái Sơn

Đến ga Tam Lu thì hành khách nhận được thông báo tàu phải dừng lại chờ sửa chữa một đoạn đường phía trước do cơn lũ quét bất ngờ hồi ba giờ sáng đã bóc mất. Tam Lu là cái ga xép giữa rừng với bóng núi xanh mờ pha đầy không gian và sự vắng lặng cùng tiếng chim bìm bịp chỉ chờ các chuyến tàu vút qua là tức khắc ập về, kéo mọi thứ trở lại thời hoang sơ.
Đoạn đường bị hỏng đang được chữa chạy tích cực, tuy thế theo nhà tàu thì khả năng đi được ngay là khó. Vậy nghĩa là phải chờ mất một buổi hoặc lâu hơn. Hành khách lục đục đổ xuống sân ga, mấy dãy quán hàng lơ thơ phút chốc trở nên quá tải, những tàng cây lúp xúp đây đó cũng nhanh chóng bị chiếm lĩnh. Một số hành khách tìm đến mấy nơi xa hơn ngồi uống nước hoặc ngả lưng trên thảm cỏ.
Lần đầu tôi tới đây, không thể ngồi một chỗ mà trừ khu nội ga buồn tẻ ra thì ngoài bờ suối kia, rặng núi cao ngất trước mặt kia cũng đáng được để mắt đến lắm. Tôi đi quanh ngót một giờ đồng hồ với đôi ống quần bám đầy bông cỏ may rồi quay lại tìm mấy đứa bạn. Là sinh viên mới ra trường đi nhận công tác, chúng tôi mang theo chuyến đi nhiều đam mê, háo hức, cái gì cũng muốn tìm hiểu và cái gì cũng dễ đặt ra câu hỏi.

Dưới mái hiên một ngôi nhà nhỏ, mấy thằng bạn tôi đang ngồi vây lấy một ông già. Tôi nhận ra ngay ông cụ đi cùng toa với chúng tôi, khoảng sáu lăm tuổi, vóc người nhỏ nhắn và đặc biệt hay chuyện. Cụ lên tàu cách đây một ga, mới đi với chúng tôi một độ đường thế mà cụ đã hỏi khắp lượt mấy đứa, thậm chí còn nói tính nết ai ra sao, ai tương lai có cơ làm to... Cụ vô tư kể về gia cảnh mình, rồi làng cụ có bao nhiêu thương binh, bao nhiêu liệt sĩ, lại cả chuyện vừa qua có mấy tay phá rừng vừa bị tóm... Còn chuyến đi này của cụ rất quan trọng, là đi làm chứng cho phiên xử một vụ tranh chấp tài sản đầy ngang trái, kẻ có quyền cậy thế làm càn, coi thường phép nước và đạo lý; chuyến này cụ phải ra tay...
Ông cụ đang kể một câu chuyện cho đám bạn tôi nghe. Tôi đặt dép ngồi xuống một bên. À, chuyện đánh giặc thời chống Mỹ cứu nước đây. Do đâu mà có tiết mục "kể chuyện đêm khuya" vào giờ chính ngọ này thì không rõ. Có thể vì một lý do rất tình cờ: một cánh chim lạc gió bay ngang qua khiến người lính già nhớ lại một kỷ niệm nào đó, cũng có thể từ những bàn luận về chuyến tàu tắc nghẽn dẫn sang một tình huống bất trắc, trái khoáy thường xảy ra trong chiến tranh...
- Đến lúc trời sáng toét ra mới biết phía trước cửa mở, cạnh một ụ đất là một ổ súng máy được chúng bố trí rất khéo - cụ già tiếp tục câu chuyện - Ụ súng bị che khuất bởi túm cây mua, nòng chỉ nhô lên miệng hầm, lúc tối trời chỉ thấy nó khạc lửa nhưng chịu không biết nó nằm nơi nào. Con "chó lửa" giấu mặt này đã kìm bước tiến của quân ta, cả một đại đội tăng cường lọt vào cửa đồn rồi đành phải nằm rạp chờ đợi.
Trước tình hình ấy, bố quyết định không quay trở lại xin chỉ thị của đại đội trưởng nữa, mà lui về giật khẩu B40 trong tay một cậu đang ép mình dưới giao thông hào, rồi bò lên, đưa cái tổ súng máy chết tiệt kia vào vòng ngắm, bình tĩnh bóp cò. Một tiếng nổ đinh tai kèm theo quầng lửa sáng rực, thế là đi đời quân chó má! Quân ta ào ào tiến lên. Bố bị ù tai bởi tiếng đạn chống

tăng, không còn nghe gì nữa, cứ trương mắt nhìn theo ánh chớp và theo mọi người mà lao tới!... Sau trận ấy, rút kinh nghiệm mới thấy là tổ trinh sát trong khi nắm địa hình đã bỏ sót một hỏa điểm ngay hướng tiến chính diện của quân ta khiến gây thương vong ngoài dự kiến và trận đánh phải kéo dài. Trong tác chiến đây là điều tối kỵ, binh thư xưa kia cũng nói nhiều về chuyện này... Trận ấy bố được tiểu đoàn, rồi trung đoàn khen, lại còn được đi dự một hội nghị cấp quân đoàn báo cáo kinh nghiệm chủ động xử lý tình huống, tạo thời cơ cho đơn vị đánh thắng giòn giã...

Phải nói ông cụ có khiếu kể chuyện. Cụ kể rành mạch, lớp lang đâu đó, giọng lúc lên bổng lúc xuống trầm cộng với điệu bộ của đôi tay khiến câu chuyện không mấy lạ lùng gì nữa vẫn lôi cuốn người nghe. Chúng tôi gọi một cút rượu từ mái quán. Rượu trắng trong veo, chỉ cần khẽ lắc là bọt trào lên. Cụ già nhấp một ngụm nhỏ rượu, dừng lại, đôi môi đụng đậy. Đó là cung cách của các ông già sành rượu ở các làng quê. Biết đích thị là rượu ngon, cụ mới ngửa cổ nốc cạn trong rừng rực chất men lan tỏa.

Chúng tôi đề nghị cụ kể tiếp bởi thời gian xem ra còn dài.

- Bố kể những gì rồi các chú? - Cụ già đặt chén xuống đất, khà một cái rõ to.

- Bố kể ba trận đánh. Trận Mậu Thân tại Huế, rồi trận nào đó ở Tây nguyên mà ta phải nhịn ăn, chia khẩu phần ít ỏi cho tù binh, rồi trận bố bắn B40 tiêu diệt một ô súng máy của địch ở làng Vây.

- Ờ, có một chuyện nhỏ là trong trận đánh vào Huế năm Mậu Thân, lính ta chẳng hiểu vì sao lại lọt vào một tiệm kim hoàn vô chủ. Có mấy cậu tham, giắt vàng vô lưng như nhặt khoai. Bố liền trừng mắt: "Được vàng là chết! Ông cha dạy rồi, nghe chưa, đừng ngu! Chiến tranh đang dài, phải giữ mạng sống mà đánh giặc, chết sao vội. Bỏ xuống hết đi!". Thế là mấy chú lính non choẹt sợ mất vía, liền kính cẩn đặt dây chuyền, nhẫn ngọc lại chỗ cũ... Thời ấy mà tham thì nay bố cũng giàu to. Khớ khơ khơ!...

- Mấy giờ rồi, tàu sắp chạy chưa?

- Dạ chưa đâu. Nhà tàu bảo cứ đợi.

- Ờ, thì đợi... Trước chiến dịch Đường 9 - Nam Lào, ta đánh vào một thị trấn, bố không nhớ tên nữa, chỉ nhớ thuộc tỉnh Savanakhet. Tổ trinh sát của bố được đưa về bản Xà Đon gần kề đó điều tra địa hình ngót hai tháng ròng trước khi ta khai hỏa. Trên bố trí bô ở nhà một ông già Lào, là cơ sở tin cậy của ta ngay trong lòng địch. Nhà có cô con gái tên Bun Then. Ngày ngày bố cùng Bun Then cưỡi voi vào thị trấn, tiếng là đi thồ hàng vì trong nhà làm nghề buôn bán lặt vặt, thực chất đi quan sát địa hình. Nhờ Bun Then mà bố tự do đi lại nhiều nơi trong vai một anh thanh niên Lào, anh họ Bun Then. Nhờ sắc đẹp và tài ăn nói của mình mà Bun Then nắm được nhiều nơi quan trọng trong thị trấn rồi đêm về vẽ lại bản đồ cho ta.

Hai tháng sống cùng gia đình Bun Then, bố có rất nhiều kỷ niệm, nhưng nhớ nhất là một lần vấp phải quân phái hữu lùng ráp. Lúc đó giữa trưa, bố đang ngủ ngon giấc trước thềm nhà thì nghe bước chân chạy rầm rập quanh hồi. Vừa choàng mắt đã thấy mấy thằng Lào ngụy léo nhéo chửi tục rồi leo lên cầu thang. Bố lao ngay vào buồng Bun Then, quên mất tập bản đồ lâu nay thu thập được lúc ngủ đem gối đầu ở ngoài thềm. Thử hình dung xem, nếu tập bản đồ lọt vào tay địch thì cơ sự sẽ ra sao? Nhất định chiến dịch bị lộ và phải dừng lại, cả nhà Bun Then và bố sẽ bị giết, thậm chí cả bản bị san phẳng! Đến giờ bố vẫn ngạc nhiên về tài trí của người con gái Lào xinh đẹp ấy. Té ra Bun Then đã tinh ý thấy bố để quên tập bản đồ phơi ra trước mắt quân giặc. Không kịp làm gì hơn, Bun Then liền ngồi ngay xuống sàn thềm gỗ lát, xòe tấm váy hoa

sặc sỡ trùm lấy tập bản đồ trên 30 trang chi chít hình vẽ! Bun Then cười nói lả lơi, lại cả gan kéo chúng ngồi xuống bên cạnh. Mấy tên lính biết Bun Then từ lâu, chúng thường qua lại tán tỉnh, nhưng chưa bao giờ được người đẹp ve vuốt, cười cợt, lại còn vít cổ tặng cho mấy cái hôn. Mấy thằng lính được đà sàm sỡ, nắn bóp Bun Then. Cũng may hôm đó ông già ở nhà. Thấy chướng quá, ông già đằng hắng mấy cái rồi rút con dao giắt bên vách cái rột, thế là lũ trâu bò hiểu, đành đứng dậy ra đi. Bun Then giả bộ luyến tiếc hẹn gặp lại khiến chúng mừng rơn, có biết đâu cô nàng đã lừa được bọn chúng để bảo vệ bí mật trận đánh của quân ta, giải phóng quê hương làng, bản.
- Sau rồi thế nào ạ? Bun Then và bố yêu nhau chứ?
Cụ già chun mũi, nhấp thêm chén rượu, rồi chỉ tay lên dãy Trường Sơn:
- Các chú có tin là thỉnh thoảng bố nhìn lên dãy Trường Sơn để nhớ về những ngày tháng không thể nào quên không? Bố đã đi dọc đất nước triệu voi, tham gia nhiều trận đánh; nhưng nhớ nhất là đôi mắt nàng Bun Then, tưởng như trong mắt có lửa. Nhưng bố quyết không làm khổ Bun Then. Sau chiến dịch, bố chia tay Bun Then. Bố biết không có điều kiện để yêu thương nhau, không thể lợi dụng tình cảm Bun Then, mặc dù cô gái Lào chờ anh lính Việt tỏ tình, chờ một lần nắm tay buộc chỉ trong ngày tết năm mới Bun Pi May! Mấy lần Bun Then nói rằng Bun Then rất muốn qua Việt Nam để xem biển rộng ra sao. Lúc đó bố mới kể là biển đẹp như nọ, bao la như kia, thật ra là bịa bậy cả chứ bấy giờ bố cũng chỉ biết biển qua bản đồ thôi.

Sau bão, trời trong nắng vàng và lặng gió, núi rừng nghi ngút bốc hơi từ cơn mưa vừa tạnh. Sân ga dậy mùi ẩm mốc từ những đám lá mục lâu ngày, những mái nhà rêu phủ và quán lá kết bè rác bẩn. Hành khách sốt ruột đi đứng nhộn nhạo, có người trèo lên hỏi tận đầu tàu bao giờ mới thông đường. Sau mấy lần trả lời theo kiểu "có khả năng", "theo trên cho biết", "căn cứ tình hình"... rồi cũng đến lúc có thông báo chính thức đường đã thông, mọi người lên tàu đi tiếp. Chúng tôi lên tàu xem lại hành lý. Câu chuyện chuyển qua đề tài những lần kẹt tàu, con đường ngang tự mở của dân cắt đường ray và những tai họa thảm khốc. Cụ già ngồi im lặng vê thuốc hút bên cửa sổ chắn lưới. Chúng tôi mời cụ điếu đót nhưng cụ lắc đầu, nói rằng chỉ quen hút loại thuốc nhà trồng. Cụ lôi trong bọc ra cho chúng tôi xem những ngọn thuốc đuôi lươn bề ngang chỉ bằng bản thắt lưng. Chúng tôi im lặng ngồi bên cụ già không quen biết nhưng giờ đây đã trở nên khá gần gũi. Sau khoảng thời gian dài chờ đợi, con tàu dường như cũng hối hả lao đi. Ga Tam Lu mờ dần sau lớp kính vẩn đục.
- Qua khỏi trảng sim này, đi một lúc nữa là tới ga Tân Lý, bố sẽ xuống đó. Chúng ta sẽ chia tay và chắc khó có dịp gặp lại các chú. Thành ra có câu chuyện này nếu bố không kể cho các chú nghe thì không được.
Chúng tôi tin rằng còn một câu chuyện ly kỳ nào đó nữa trong chiến tranh mà ông già đã trải qua đang gợi lên trong lòng, khiến ông không thể không bộc bạch như một nỗi niềm đau đáu phải giãi bày.
- Các chú tin những chuyện vừa kể là chuyện của bố chứ gì?
Không phải. Bố chưa đi bộ đội bao giờ.
- Nhưng cháu hỏi thật, bố có bịa thêm không đấy?
Cụ già cười …
Chúng tôi cũng lăn ra cười, tàu vào ga lúc nào không biết.

Những Mảnh Tình Xuân

Trương Phú Thứ

Tết Kỷ Dậu ***năm 1969*** là Tết duy nhất của tôi trong quân ngũ, lúc đang thụ huấn trường Bộ Binh Thủ Đức. Kinh qua với mấy chú Viết Cộng gian manh lật lọng vào Tết Mậu Thân nên tất cả đơn vị quân đội trên toàn quốc đều ở trong tình trạng ứng chiến thường trực. Mặc dù còn đang ở trong giai đoạn luyện tập ở quân trường nhưng chúng tôi đã có hơn sáu tháng cơm lính, cũng được đặt trong tình trạng báo động khẩn trương. Lệnh cắm trại không làm cho sinh viên độc thân "méo mặt" như những anh chàng có gia đình, Tết mà không có ở nhà thì vợ con chờ trông. Từ những chiếc radio bỏ túi, mấy anh chị ca sĩ máy nước lại còn phang túi bụi vào cái buồn da diết của những người phải xa vợ con vào những giờ phút linh thiêng nhất của gia đình bằng những bài hát vớ vẩn nhưng cũng đủ làm lòng người vốn đã mang máng buồn lại càng ủ rũ hơn.
Tiểu đội tôi gồm mười hai tên lớn nhỏ đủ mọi thành phần trong xã hội. Già nhất là ông luật sư Hòa "tuổi thọ" đã trên ba bó, có vợ và hai con. Trẻ nhất là thằng Khá mới vừa mười tám tuổi. Đúng là tình bạn nhà binh, chúng tôi sống với nhau chung đụng từ ly cà phê đến điếu thuốc lá nhưng lúc nào cũng rất huynh đệ chi binh. Đành rằng những va chạm vẫn xẩy ra hàng ngày. Tôi nhập vào tổ ba người với ông Hòa và thằng Khóa. Ông Hòa lúc nào cũng lờ mờ, chậm chạp và lè phè tối đa. Ông già này lấy cái nhãn hiệu niên trưởng trong tiểu đội nên tìm đủ mọi cách chống chế cho những sơ sót rất nhiều khi cố ý. Tiểu đội tôi nhiều khi chết lên chết xuống vì những cái triền miên của ông Hòa. Thằng Khá thì lại linh hoạt chăm chỉ và rất gương mẫu trong việc học hành luyện tập. Cậu cả tình nguyện đi lính sau khi đạp vỏ chuối kỳ thi tú tài hai vì…yêu cô láng giềng, mặc dầu thừa điều kiện để hoãn dịch. Cũng vì cái chuyện tình đơn phương này mà tôi đã trở thành quân sư tình ái cho nó với sự cố vấn tối cao của ông Hòa. Thằng Khá mày tao với tất cả mọi người trong đại đội, riêng gọi tôi và ông Hòa là huynh trưởng. Mặc dầu nó nhiều lần cự nự chúng tôi nhưng chưa bao giờ gay gắt đến độ sứt mẻ tình chiến hữu. Tôi với ông Hòa lại luôn luôn phải nhờ cậy người bạn trẻ ba cái vụ súng đạn nên những lúc nó gắt gỏng chúng tôi chỉ biết nói khéo cho xong chuyện.

Mới qua được vài tuần lễ đầu trong giai đoạn huấn nhục, nhân một buổi tối trời mưa như chút nước, tôi và ông Hòa chui vào poncho đội nón sắt đi ra câu lạc bộ trên đường dẫn tới cổng trường Bộ Binh. Hai tên tân khóa sinh dám gồng mình đi nhậu nhưng chính là vì sự tò mò muốn được chiêm ngưỡng bà chủ quán mà nghe đâu người đẹp đã đưa ông thiếu tướng về bên kia thế giới bằng độc chưởng…thượng mã phong. Chúng tôi vào quán kiếm một cái bàn tận góc tối và kêu một đĩa thịt bò lúc lắc và hai chai bia. Bà chủ, trông vẫn còn bắt mắt, nhìn hai cái đầu trọc lóc bị cháy nắngcó vẻ ái ngại nhưng cũng không có ý kiến. Hai thằng lính vừa ăn vùa liếc ngang liếc dọc. Đến khi chúng tôi gọi hai chai bia nữa thì tai họa bắt đầu đổ xuống một viên thiếu úy mặt mũi non choẹt, đến ra lệnh chúng tôi trả tiền, rồi ra phía trước chờ lệnh. Sau khi chúng tôi trình diện, viên thiếu úy cho biết chỗ này chỉ dành riêng cho sĩ quan. Chúng tôi đứng ngoài mưa một lúc thì xe quân cảnh đưa về phòng giam 301. Vào tù ngồi hút thuốc, đuổi muỗi và nói chuyện "chính trị", ông luật sư lè nhè:
Nghe thiên hạ đồn cụ Riệm cho cái xe bò lôi ông thiếu tướng ra nghĩa địa.
- Bá láp, ông tổng thống đâu có quởn.

- Mai mốt cậu lấy vợ kiếm chỗ nào rậm rạp cho chắc ăn.
- Tôi nhờ ông xem trươc. Được không?
Đã có tiếng thằng Khá léo nhéo ở phía ngoài, nó được chỉ định lo cơm nước cho tôi và ông Hòa trong thời gian ở tù. Nhờ miệng lưỡi huê dạng của ông thầy cãi khi vừa bước vào phòng tạm giam, đúng là nghề của chàng, nên được biết thay vì ăn cơm tù chúng tôi có thể nhờ mua đồ ăn từ ngoài câu lạc bộ…dành riêng cho sĩ quan. Người lính gác phòng giam sẽ giúp chúng tôi vụ này Hai ngày ở tù chẳng khác nào đi nghỉ mát. Thằng Khá lãnh công tác đi nuôi tù cũng cũng giờ phút thỏa mái. Khi nó và tay tuần sự đến lãnh về đại đội, chúng tôi vẫn còn bịn rịn chia tay với người lính gác Trên đường về doanh trại, lần đầu tiên thằng Khá chủi thề xài xẽ tôi và ông Hòa về tội…mê gái. Chúng tôi chỉ im lặng cười xòa.

Thằng Khá cao lớn và có nét mặt rất thư sinh. Nó đẹp trai như tài tử Hồng Kông đóng phim Lương Sơn Bá – Chúc anh Đài, tôi cứ nghĩ như vậy nhưng chưa coi phim Hồng Kông lần nào. Là con một và không hề có một ý niệm gì về người đàn ông đã sinh ra nó để yêu thương hay oán thù. Bà mẹ là giám thị một trường trung học nổi tiếng có những cô học sinh đẹp và học giỏi. Bao nhiêu tình yêu thương thằng Khá dành cho mẹ và nó cũng là lẽ sống của bà. Từ ngày được phép tiếp thân nhân, chúa nhật nào bà cùng lên thăm nó với hai xách nặng đủ đồ ăn thức uống. Những cuối tuần được đi phép, bà cũng sắp xếp cho cậu con đủ lễ bộ. Tôi đã gặp bà một lần khi trung đội làm co6ng tác vệ sinh và giữ trật tự cho khu tiếp tân. Bà đã đứng tuổi nhưng vẫn giữ được vóc dáng thanh lịch và giọng nói nhỏ nhẹ của nhà giáo.
Đêm giao thừa trung đội ứng tuyến phòng thủ phía nam, tôi thủ chai Martell cổ đen mà người phụ tá của tôi ở một cơ quan hành chánh mang đến tuần trước. Ông Hòa và thằng Khá lo đồ ăn. Trên đường ra tuyến, tôi tán nhảm với ông Hòa cho có chuyện:
Này ông có chắc về quân pháp không?
- Chắc.
- Sao ông biết?
- Vợ tớ bảo vậy.
- Số ông đẻ bọc vàng, bà chị lo cho mọi chuyện từ bụng đến cẳng chân.
- Vợ tớ muốn gả dì các cháu cho cậu.
- Hoa thơm đánh cả cụm, tôi nghi ông lắm.
- Cậu chỉ nói tầm xàm.
***
Khi tôi và ông Hòa ra đến ngoài tuyến, thằng Khá đã có mặt và đang dọn dẹp để sửa soạn tấm poncho trải trên nền đất cho bàn tiệc tống cựu nghinh tân. Nói là tuyến phòng thủ nhưng từ trên xuống dưới chỗ nào cũng sạch sẽ. Bờ giao thông hào trước kia là đất đá lởm chởm nhưng được hàng ngàn cánh tay dùng mũ sắt chà láng hết năm này qua năm khác, bây giờ trông ngư bức tường gạch nung. Mấy tiếng chào hàng của những cô xôi chè, hột vịt lộn hòa lẫn những tiếng hát đón xuân ồm ồm như vịt đực đâu đây. Bàn tiệc tôi có chai Martell, một gói thịt bò khô và sáu cái vịt lộn. Ông Hòa chuyên trị hột vịt lộn với lý do theo đúng ngôn ngữ của là "con bé trông mẩy quá". Lúc chọn trứng hay trả tiền thế nào chân tay quan bác cũng quờ quạng tí tỉnh cho đời linh thêm tươi Tôi và thằng Khá không đủ bản lãnh để tham chiến. Khi thằng Khá cằn nhằn, tôi giải tỏa ấp chiến lược:

- Ông Hòa ăn quen nhịn không quen. Tao với mày từ nhỏ đến lớn chưa bao giờ nhìn thấy nó ra lam sao, không nên théc méc.
- Huynh trưởng dằn mặt tui hoài. Bộ thiệt hả?
- Thiệt. Tao sợ.
- Sợ cái gì?
- Tao sợ nó…cắn.
- Xạo.
Lúc đi học thằng Khá cạn nửa chai 33 là tới bến. Nhưng chuyện gì cũng vậy, tập tành mãi rồi cũng quen, mới có sáu tháng lính mà nó "đi" vài chai bia 33 một cách "thong thả". Đêm giao thừa uống rượu Cognac, nằm dưới giao thông hào, ông Hòa nhớ "bu nó". Thằng Khải thả hồn mơ cô láng giềng ngon như miếng chả lụa. Còn tôi nhớ về ngày mùng một Tết ôm chân bà nội, kéo cái qua6`n xuống quá đầu gối chồng đít ra ngoài đầu ngõ "để tuổi mới vào cho chóng lớn còn đi cày cho bà". Được một đồng tiền là đi mua pháo xiết, nằm sấp lên trên sân gạch trước nhà kéo cục pháo xiết, nghe tiếng lách tách với tia lửa nhoáng lên từ chất diêm sinh…
***
Ngày Tết nói chuyện yêu đương là đúng cách. Ông Hòa là loại "hoa có chủ" nên bị loại. Tôi còn độc thân và chưa hề có người yêu cũng chă/ng có gì cần lý tới. Chuyện thằng Khá yêu Dung, cô sinh viên ban Việt Văn Đại học Sư Phạm ở ngay trước mặt nhà nó là đề mục chính Tôi lên giọng khuên bảo:
- Chú mày phải làm sao cho cái bản mặt bớt hơi sữa đi thì mới ăn tiền được. Không người thiếu nữ nào lại muốn "giung giăng giung giẻ" với người yêu mà lại bị thiên hạ tưởng là giắt thằng con tai đi mua tà lót!
Ông Hòa, với tư cách là một luật gia bàn về tính cách hợp pháp và hợp lý của tiến trình tấn công người đẹp. Ông kết luận một cách lãng xẹc:
- Thời buổi bây giờ tiền dâm hậu thú cũng là một sách lược chính trị chứ không phải là một thứ tội gọt đầu bôi vôi như thời còn bộ luật Hồng Đức.
Rồi cũng chính ông Hòa lập sa bàn bày binh bố trận, phác họa kế hoạch phòng thủ và tấn công lấy tên là chiến dịch Hồng Lâu Mộng ra lệnh cho thằng Khá ôm bom ba càng đánh đặc công vào lô cốt tình yên của em Dung. Thằng Khá coi mòi thấm đòn. Nó thú nhận yêu em Dung vì trông em…"ngon" quá. Hai nhà đối diện với nhau cùng cư xá. Em cứ lởn vởn lượn ngang lược dọc trước mặt nó nên nó chịu trời không thấu, đến thánh cũng phải giã từ thiên đường không hẹn ngày về. Tôi chỉnh nó ngay:
- Từ nay mày phải nói với em Dung có thân hình núi lửa. Mày nói…"ngon", nghe trâu bò quá. Em Dung là sinh viên văn chương. Mày phải dùng lời lẽ văn thơ bóng bẩy mà nhỏ nhẹ tâm tình. Em Dung nào có phải gỗ đá. Ngày một ngày hai thế nào quân ta cũng leo lên lô cốt địch chiếm mục tiêu cho ngon.
Thằng Khá có vẻ ưu vì tuổi tác chênh lệch vì em Dung hơn nó tới ba tuổi lận. Ông Hòa gắt nhặng xị:
- Tình yêu không phân biệt tuổi tác. Cái vấn đề chính là mày phải bằng mọi cách làm cho bàn da6n thiên hạ biết rằng cuộc đời Khá mà không có em Dung thì không…"khá" được, thì "chết sướng hơn". Mày phải biết là con gái nhẹ dạ và rất dễ bị lung lạc. Mày cứ kiên định lập trường và sẵn sàng chết vì yêu thì mới xong chuyện được.
Tôi thêm vào:

- Nếu đánh du kích không xong thì quân ta phải chơi trận địa chiến. Cái vụ này nó hơi ba trợn một tí nhưng mình cũng phải làm tới, nếu không có một chọn lựa nào khác hơn
Trong lúc giảng giải, tôi bị thằng Khá cắt ngang:
- Huynh trưởng chưa có bồ sao lại rành sáu câu vậy?
Tôi lên giọng thầy đời:
- Mày xem mấy khoa học gia không lên mặt trăng mà cũng biết trên ấy chỉ có đất với đá thôi. Tao tuy không có kinh nghiệm bản thân nhưng giỏi…lý thuyết.
Nó có vẻ khẩu phục tâm phục cái biện giải minh bạch của tôi.
***
Chỉ còn một tuần nữa là khóa tôi là lề ra trường (1970). Giã từ đồi Tăng Nhơn Phú sau hơn chín tháng gian khổ với đủ hỉ nộ ái ố. Các cô xôi chè với hột vịt lộn đã bặt đầu sụt sùi nói chuyện biệt ly. Mấy bà nấu cơm tháng bắt đầu đi săn lùng con nợ. Ông Hòa đi quân pháp, tôi được biệt phái về nhiệm sở cũ, còn thằng Khá chọn pháo binh Nó nhất quyết chọn Nhẩy Dù hay Thủy Quân Lục Chiến nhưng nhè Pháo Binh vì nghe lời Dung Thằng Khá tâm sự theo kế hoạch của hai quân sư nên nó pháo tơi bời khói lửa trong những ngày cuối tuần về phép. Dung được đi với bà mẹ…"giám thị" trong ngày mãn khóa. Tôi và ông Hòa cũng có ý định xem Dung…"ngon" đến cỡ nào.

Sau lễ mãn khóa ở Vũ Đình Trường, chúng tôi đã thấy thằng Khá đứng với cô gái như chờ đợi chúng tôi. Từ xa tôi cũng phải dán mắt vào người thiếu nữ có thân hình bốc lửa với chiếc áo dài mầu tím chật chội. Tới gần nhìn khuôn mặt không chim sa cá lặn cho lắm nhưng đẹp mặn mà thì tôi thông cảm cho thằng Khá. Trai mới lớn mà đụng cỡ này thì hết đường cài số de. Thằng khá không cần giới thiệu chúng tôi cũng biết là "Dung yêu". Ông Hòa được thể kể lể thành tích dẫn dắt thằng Khá trên con đường tình ái. Dung cười bèn lẽn nói nhỏ nhẹ khi tôi đòi công nợ:
- Anh Khá nói anh là…con bà phước mà.
- Ông Hòa có bà chị đây. Khá có Dung. Còn vợ tôi đang nằm ở nhà thương Từ Dũ.
Mọi người đều cười vui vẻ sau câu trả lời huề vốn của tôi. Vợ chồng ông Hòa và Dung đều nhắc tôi ghé thăm họ để lấy cái đầu heo. Mấy tháng trôi qua cũng mau lẹ, tôi có đến nhà ông Hòa và được giới thiệu với Phượng, em gái vợ ông Hòa đang làm việc cho USAID. Phượng thích nhẩy đầm, tôi lại không thích cái trò kệch cởm này vì bên minh nắng cháy da cháy thịt ôm nhà bước lui bước tới như đi chợ, rồi mồ hôi nhễ nhại mùi chua khét nồng nặc, thở hồng hộc như vác gạo về. Nên chẳng đi đến đâu…
***
Ngày đám cưới Khá, tôi đến lúc nhà trai đang sửa soạn qua bên kia đường sang nhà gái để đó dâu. Tôi nhập bọn với vợ chồng ông Hòa ở cái bàn tròn kê dưới tàn cây trứng cá. Sau gần một giờ lễ nghi, chúng tôi kéo nhau về nhập bọn bên nhà trai. Đến lúc đó Khá và Dung mới biết có tôi đang ngồi đấu láo với vợ chồng ông Hòa. Sau nghi thức cúng tổ tiên và lễ tơ hồng, nhà hàng bắt đầu dọn đồ ăn thức uống lên bàn. Vợ chồng Kha nhất định kéo tôi sang qua bàn ngồi chung với bạn của Dung. Dung
Giới thiệu một lô tên những Tuyết, Nga, Thủy…làm tôi chẳng nhớ tên cô áo gấm xanh đọt chuối ngồi ngay bên cạnh. Mãi cho đến khi có giọng Bắc mềm như tơ:
- Hương nghe nói anh làm lớn và dễ thương lắm.
Không biết vì Cognac hay một phút xuất thần, tôi đã trả lời cô áo gấm xanh đọt chuối

một câu nghe không đến nỗi tệ:
- Nhưng chắc không bằng một góc cái dễ thương của Hương.
Suốt cả bữa tiệc tôi và Hương lan man đủ thứ chuyện. Giọng nói thanh thoát và gương mặt dịu hiền đã mang lại cho tôi một mảnh tình xuân Vợ chồng Khá vui vui ra mặt vì tụi tôi "chịu đèn" nhau. Tôi xin địa chỉ Hương để lát nữa đưa Hương về.
Lúc về, tôi ôm thằng Khá dặn dò:
- Pháo binh phải tác xạ mục tiêu liên tục và cần phải trúng mục tiêu.
Khá đứng nghiêm, dơ tay chào:
- Tuân lệnh huynh trưởng.
Dung cũng nói chen vào:
- Thăm Hương đừng quên mang cho em cái đầu heo nha.
***
Tôi nhìn Dung đeo "cái ba lô ngược" mới nhú lên bé con con và chỉ biết tủm tỉm cười thầm… Rồi tôi nắm tay Hương đi ra cửa ngập những nắng xuân.

Nguyễn Bắc Sơn: “Ta Là Lính Cậu”

Đặng Tiến

Tôi đọc những bài "Thơ Miền Nam Trong Thời Chiến". Thú thực tôi như bị dẫn đi trong những cuộc trường hành. Của những đoạn đường chiến binh, qua những địa danh đất nước. Ở đó, có cảm xúc từ những bài thơ biên tái, của những nỗi niềm rất người đậm chất nhân bản. Họ đều có chung hơi thở của một thời đại chiến tranh. Họ chia sẻ với nhau những số phận thời chiến mà Nguyễn Bắc Sơn gọi là " *mua vội một ngày vui* ":

Mai ta đụng trận ta còn sống
Về ghé sông Mao phá phách chơi
Chia sớt nỗi buồn cùng gái điếm
Đốt tiền mua vội một ngày vui

Đây là một đoạn thơ Nguyễn Bắc Sơn đã từng làm náo động báo giới Sài Gòn khoảng ***1970.*** Nhiều người đọc, ngạc nhiên và sảng khoái trước những lời thơ ngang tàng, bi tráng, ý thơ u uất, kiêu bạc, bất cần đời. Nói *phá phách chơi* là phách lối chơi, nói cho hả, nói cho đã, chứ Nguyễn Bắc Sơn là binh nhì Địa phương quân “*hiền khô, lính cậu*” thì sức vóc bao nhiêu mà phá phách mà*”mua vội một ngày vui”* . Tuy nhiên câu thơ phơi trải tâm trạng một lớp thanh niên Miền Nam, vào thời điểm quyết định của chiến tranh và từ đó làm chứng từ cho một khía cạnh của cuộc chiến kéo dài non hai mươi năm.

Trong chiến tranh, có rất nhiều người phản chiến, ngụy hòa, để che giấu những sự sai trái của phía bên kia mà sau ngày 30 tháng 4 năm 1975 đã lộ mặt. Và, nhạc Trịnh Công Sơn được người đời đặt tên là phản chiến. Nguyễn Bắc Sơn thẳng thừng tự xưng mình là…

Trong thành phố này ta là người phản chiến
Ngày qua ngày ta chỉ thích đi câu

Lý do phản chiến thì nhiều: có khi vì sợ chết, sợ khổ. Nơi Nguyễn Bắc Sơn có thể còn lý do riêng: Thân phụ anh đi kháng chiến chống Pháp, tập kết ra Bắc. Có thể ông lại vào Nam chiến đấu, và khách quan, có khả năng là đối tượng trước mũi súng Nguyễn Bắc Sơn, và anh khó bề dễ dàng, an nhiên “nhắm thẳng đầu thù mà bắn” như một khẩu hiệu có từ 1964.
Trong thực tế, ông cụ đã vào Nam chiến đấu “phía bên kia”, cùng trong một địa bàn với con, ở cương vị phó chủ nhiệm cục chính trị quân khu 6. Trung ương Tình báo Việt Nam Cộng hòa có lẽ cũng biết được nên đã đưa Nguyễn Bắc Sơn ra đơn vị chiến đấu. Sau ngày kết thúc chiến tranh, người cha đã trở về đoàn tụ với gia đình, trên cấp bực đại tá quân đội nhân dân. Ông có bao che cho con cái và bạn bè của con, trong cùng cảnh ngộ, như Lê Mai Lĩnh bị tù cải tạo đến cuối 1983. Ông cụ qua đời trong một tai nạn xe hơi đã gây nhiều nghi vấn.
Nguyễn Bắc Sơn có làm bài thơ nhớ bố:

Bố tôi qua đời đúng năm năm

Tôi viết thơ này
Để tâm sự cùng người khuất núi
Bố tôi ước mơ làm cho loài người sung sướng
Và thế là ông từ tuổi thanh xuân
Cùng bạn bè đi làm cách mạng
Ông càng làm cách mạng chừng nào
Thì loài người càng thêm sặc máu

Hoàn cảnh bố con Nguyễn Bắc Sơn nhắc lại một câu chuyện Võ Phiến kể qua cái chết của hai anh em nhà kia, ngắn gọn đến tàn nhẫn "*kẻ chết do cối, người chết do câu*". Câu chuyện như sau: có hai anh em nhà kia, người anh đi dân vệ ở trong đồn, chết vì đạn súng "cối" bên ngoài nã vào, gọi là "mọt thụt". Đứa em nhỏ lui cui trong vườn trúng đạn trọng pháo trong đồn "câu" ra. Rồi Võ Phiến thắc mắc: *kẻ chết do cối người chết do câu, đố ai biết được giữa địch ấy và ta ấy, có cái gì khác nhau. Vì lẽ không tìm được sự khác nhau mà bà con trong làng không giết nhau*.
Võ Phiến là nhà văn chững chạc, không giống Nguyễn Bắc Sơn, kẻ làm thơ đôi khi biến thành du đãng; nhưng cái nhìn về cuộc chiến, trên cơ bản, không khác nhà thơ. Vì vậy Võ Phiến đã có bài giới thiệu thơ Nguyễn Bắc Sơn trên báo. Anh ca ngợi Nguyễn Bắc Sơn mà là người dường như anh không quen biết.
Nhưng trong thơ Nguyễn Bắc Sơn có lối nhìn khác nhau về bản chất cuộc chiến. Đây là cách nhìn của Nguyễn Bắc Sơn:

Chiến tranh này cũng chỉ một trò chơi
Suy nghĩ làm gì lao tâm khổ trí
Lũ chúng ta sống một đời vô vị
Nên chọn rừng sâu núi cả đánh nhau

Đây là trò chơi súng đạn, sống chết và hai đối thủ xem nhau như cừu thù:

Kẻ thù ta ơi những đứa xăm mình
Ăn muối đá mà điên say chiến đấu
Ta vốn hiền khô ta là lính cậu
Đi hành quân rượu đế vẫn mang theo
Mang trong đầu những ý nghĩ trong veo
Xem cuộc chiến như tai trời ách nước
Ta bắn trúng ngươi vì ngươi bạc phước
Vì căn phần ngươi xui khiến đó thôi..

Thằng Lính Bạc Tình

Tưởng Năng Tiến

Nếu cấp số của đại đội là hai trăm thằng hoặc ít hơn thì bốn trung đội sẽ được chia gọn vào bốn phòng: I, II, III và IV. Vì một lý do không dễ hiểu, quân số đại đội của tôi có đến hai trăm mười mấy mạng, và theo danh sách thì tôi nằm cuối cùng; do đó, tôi và mười ba thằng kia bị đẩy vô phòng V. Cái được gọi là phòng V, trước kia, có lẽ được dùng làm nhà kho. Người ta kê đủ bẩy cái giường đôi trong đó rồi ấn đại chúng tôi vào. Tôi không ưa nơi cư trú bất đắc dĩ này và ghét thậm tệ những thằng ở chung phòng với mình. Hai chữ "chúng tôi", trong trường hợp này, có lẽ cũng cần có đôi điều minh định. Mười ba thằng kia dứt khoát không phải là những sinh viên sĩ quan đàng hoàng tử tế. Phần lớn tụi nó đều là giáo sư, kỹ sư, hay cán sự gì đó và tất cả đều đã có vợ con hay đào kép lang chạ tùm lum hết trơn rồi. Trong tương lai chúng sẽ trở thành những sĩ quan biệt phái, hoặc lính ngành lính nghề vớ vẩn gì đó thôi. Còn tôi, tôi mới là sinh viên sĩ quan thứ thiệt. Với học lực được ghi trong hồ sơ là "sinh viên văn khoa năm thứ hai" thì chắc chắn tôi sẽ ra trường với ám số tác chiến, và đương nhiên sẽ trở thành loại lính "bóp cò". Tất nhiên, tôi đủ khôn ngoan và lịch sự để không bao giờ nói ra những ý nghĩ "thầm kín" này Tôi cũng cố không tỏ ra khó chịu hay bực bội gì cả. Nói cách khác là tôi ăn ở cư xử hết sức biết điều; thế mà, vẫn không xong, vẫn chưa vừa lòng người - những thằng người... khốn nạn! Tụi nó kỳ thị tuổi tác ra mặt. Tất cả đồng lòng gọi tôi là "lính sữa".

Điều khổ tâm là tôi không thể nào chối cãi được rằng mình không..."sữa". Bảng tên cùng số quân bắt đầu bằng hai số "72" gắn chình ình trên đầu giường ngủ là bằng chứng hùng hồn về số tuổi đời hơi yếu của tôi. Có thằng còn tuyên bố khơi khơi là nó sẽ gả con gái út cho tôi, nếu như tôi "ăn ở và cư xử...người lớn hơn chút đỉnh!"
Cái trò chơi mất dậy làm tụi nó vô cùng thích thú là thỉnh thoảng lại có đứa nằm hát ông ổng cho cả phòng nghe:"...năm hai mươi mốt tuổi, tôi đi vào quân đội mà lòng chưa hề yêu ai." Nó hát dở như cứt mà cả đám vẫn cứ nhao nhao vỗ tay, và thế nào cũng có một thằng chó chết nào đó xía miệng vào :
- Mà nó còn lâu mới tới hai mươi mốt tuổi. Thằng này vô "động" đâu có em nào dám tiếp.
- Ủa, sao vậy ?
- Mấy em sợ lỡ bị bắt thì ngoài tội mãi dâm ra còn dám bị ghép thêm tội dụ dỗ trai vị thành niên lắm.
- Đ...mẹ, vậy mà bữa trước xuống câu lạc bộ tao thấy nó cũng bầy đặt mua dao cạo râu.
- Chắc nó mua để cạo lông.
- Lông nó cũng cóc có.
- Có, tao xác nhận. Bữa trước tắm chung tao thấy rõ ràng nó có mấy sợi lông, lông măng !

Tụi chó đẻ cứ tung hứng như vậy hết chuyện này sang chuyện khác rồi cười rũ rượi với nhau. Thật ra, không ai bắt tôi phải nằm chịu trận mãi trong phòng với những thằng mất dậy này. Vào giờ nghỉ tôi có quyền đi xem phim, mướn truyện, hay la cà tán tỉnh mấy em bán cà phê ở khu gia binh...Điều phiền là cứ mười lần bước chân ra khỏi sân đại đội là có đến chín lần tôi... mắc nạn, những tai nạn lảng xẹt mà tôi vẫn cứ bị hoài hoài. Tôi rất hay quên đội nón, quên gài nút

áo, quên gôm ống quần. Toàn là những thứ quên lãng hợp lý nhưng lại không được chấp nhận ở đời sống quân trường. Tôi thích nhìn nắng chiều hay nắng sớm lao xao trên những hàng cây nên đôi khi còn quên luôn cả chào huynh trưởng nữa. Có lần tôi quên không chào một thằng huynh trưởng thuộc tiểu đoàn 6, đại đội 61, trung đội 612. Nó móc cái nón sắt trên cột hàng rào và bắt tôi phải chào cái nón thổ tả đó 612 lần trong khi nó ung dung ngồi hút thuốc chờ tôi thi hành lệnh phạt. Nó đúng là một thằng...chó đẻ!
Lần khác, vào lúc trời vừa chạng vạng tối, tôi lạng quạng sao đó nên nhìn lầm một thằng siêu huynh trưởng ra một thằng cùng khóa. Nó đang đi tôi gọi giật lại để xin mồi thuốc. Khi ánh lửa que diêm vừa lóe lên thì nó chợt nhìn ra màu khăn và màu bảng tên trên ngực áo của tôi, mộ thằng "siêu đàn em". Nó gầm lên như một con hổ bị thương và bắt tôi phải "đột kích" xuống cái giao thông hào lõng bõng nước ngay trước mặt...bốn chục lần.

Sau những lần bị tai họa như trời giáng như thế tôi phải thu hết tàn lực mới lết được về phòng, nằm vật ra giường, trông thảm hại như một cái mền bông ngấm nước. Tụi mất dậy ở phòng V lại có dịp rú lên cười đùa châm chọc:
- Mẹ ơi, sao con khổ thế này!
- Đi đâu phải có người lớn đi kèm, không bỏ được cái tật "dế mèn phiêu lưu ký" thì còn khổ nhiều con ạ.
Tôi thề có đất trời chứng giám là nếu còn sức tôi sẽ vùng dậy đấm vỡ mặt tất cả những thằng khốn nạn ở chung phòng này Tiếc thay, tôi lại mệt gần chết. Thể chất tôi không mạnh bằng người. Tôi phải đau buồn mà công nhận như vậy.
Tôi sinh ra trong một gia đình có đến chín anh chị em, và là đứa con ra đời ngoài dự liệu. Lúc tám tuổi, khi khổng khi không, thằng anh kế của tôi lăn đùng ra chết. Khi đó, dù đã ngoài năm mươi nhưng bố tôi vẫn còn muốn ráng có thêm một đứa con để nuôi chơi trong lúc tuổi già. 'ng "ráng" không tới mức. Nếu người ta cần phải có cỡ một muỗm tinh trùng để tạo ra một thai nhi bình thường khỏe mạnh thì bố tôi, có lẽ, chỉ còn sản xuất được cỡ chừng vài ba giọt gì thôi.
Tôi gầy yếu là phải. Tôi chịu không nổi mấy chục lần đột kích hay vài trăm cái chào tay Tôi buồn bố mẹ tôi và giận mấy thằng bạn ở chung phòng. Tôi hay hình dung ra những màn phục thù lâm li, gay cấn.

Tôi tưởng tượng khi mình vừa ra trường đã may mắn bắn trúng ngay đầu "đồng chí" Trần Văn Trà hay Nguyễn Chí Thanh gì đó nên được đặc cách vinh thăng lên...đại úy và được chỉ huy nguyên cả một tiểu doàn. Cùng lúc thế nào cũng có vài thằng, trong số mười ba thằng khốn nạn ở phòng V, bị xếp tụi nó "đì" đi tác chiến và vô phúc lọt ngay vào đơn vị của tôi.
Coi : tôi đang ngồi ở văn phòng tiểu đoàn, ve cổ áo thêu ba cái bông mai đen thui, miệng ngậm ống tẩu, mặt nghiêm và buồn. Tụi nó khép nép bước vô, kính cẩn đưa tay chào trình diện. Với tất cả uể oải và lơ đãng, tôi sẽ đưa tay lên chào lại, mắt hơi nheo nheo, và miệng thì hình như có vẻ mỉm cười ...Chỉ một "show" này thôi cũng đủ làm tôi thích chết đi được và yên tâm đi vào giấc ngủ.
Tôi sẽ còn khổ lâu, không chừng là vĩnh viễn, nếu không lanh trí chụp lấy cơ hội "vùng lên làm cách mạng." Có chiều mới đi phép vào, vừa bước vô phòng, tôi đã nghe tụi nó cười như một lũ điên. Một thằng chợt hỏi:
- Ê, bộ mày đăng báo tìm bạn bốn phương hả ?

- Cái gì ?
Tôi giật thót người như bị điện giật. Tôi có thể làm hàng ngàn tỉ chuyện điên rồ nhưng "đăng báo tìm bạn bốn phương" thì không, không bao giờ, Giời ạ!
- Tao thấy có tên mày trên báo nè.
Nói rồi nó thản nhiên cầm tờ Văn Nghệ Tiền Phong đọc lớn cho cả phòng nghe:" Sinh viên sĩ quan Thủ Đức hai mươi mốt tuổi đời, một phần ba tuổi lính, yêu màu tím hoa sim, thích nhạc họ Trịnh và giọng ca Chế Linh, cần tìm một em gái tuổi đôi tám...Nếu hợp sẽ đi xa trong tương lai. Thư về..."

Tôi ước ao ngay lúc đó có một quả bom nguyên tử nổ hay ít nhất thì cũng có được một con rắn cực độc ở đâu đó nhào ra cắn một phát cho tôi toi mạng. Làm sao tôi có thể tiếp tục sống được nữa sau một chuyện lố bịch và nhục nhã đến thế này Cách đùa giỡn ngu xuẩn của một thằng mả mẹ nào đó đã làm bầm dập quả tim vốn đã te tua tan nát của tôi từ mấy tháng nay
Tôi hay quên cài nút quần, nút áo và hay quên chào huynh trưởng chỉ vì tôi đang... thất tình - thế thôi! Tôi mới vào Thủ Đức có hai tháng thì nhận được thư của một thằng bạn. Nó long trọng buồn bã báo cho tôi biết là "tao thấy Ngọc Quế đi với một thằng sinh viên chính trị kinh doanh." Trời đất, "tôi đi chinh chiến để nước yên vui", đâu phải chuyện chơi, sao lại có một thằng sinh viên vô tâm nào đó bò ngay vô mùng của người yêu tôi như vậy.
Tôi cố nghĩ rằng thằng bạn tôi đã trông lầm một con "khốn nạn" nào đó chứ không phải là Ngọc Quế; hoặc "lỡ" phải thì thằng sinh viên thổ tả nào đó chắc chắn chỉ là một người bà con xa gần gì đó thôi. Thiệt tình, tôi muốn viết thư hỏi thăm nàng về "người bà con" đó hết sức nhưng chỉ muốn vậy thôi chớ nhứt định không làm. Tôi ghen, giận, hận, buồn và - tất nhiên - tự ái. Tôi chỉ làm hai câu thơ ngắn gửi về Đà Lạt thôi: *"Ngày xưa chán ngấy giảng đường - Bây giờ lê bước quân trường, chán hơn!"*

Thư hồi âm chưa thấy đâu thì đã có chuyện "tìm bạn bốn phương" vô cùng tai hại này Tôi có cái tên nghe "ba tầu" chết mẹ, tầu hơn bất cứ một anh Tầu lai hay Tàu thiệt nào đã từng hiện hữu trên cuộc đời này, không thể nhầm hay lộn với bất cứ ai; đã vậy, chị em Ngọc Quế lại chuyên môn đọc báo Văn Nghệ Tiền Phong. Trời ơi, nếu mà nàng hiểu lầm rằng tôi đang "cần tìm một người bạn gái tuổi đôi tám" và "nếu hợp có thể sẽ đi xa hơn trong tương lai" thì sự nghiệp ái tình của tôi coi như là...chấm hết!
Bất thần tôi chộp cây M16 gần nhất trên giá súng, rút lẹ một băng đạn trong ba lô, nạp đạn, lên đạn rồi dí súng vô đầu thằng đang cầm tờ báo:
- Mày xé nát tờ báo tao coi.
Thằng em còn hơi có vẻ do dự thì tôi tôi mở khóa an toàn nghe cái "cốp":
- Chậm tay là óc mày sẽ biến thành đậu hũ tức thì...
Mặt nó đổi màu chàm, mồ hôi trán rịn ra thành giọt, nó run run xé tờ báo ra từng mảnh nhỏ. Tôi đảo mắt một vòng, mọi thằng đều lấm lét. Tôi bỏ súng trở lại giá, lững thừng trở lại giường nằm. Cả phòng im phăng phắc. từ đó, mấy thằng em ngán tôi thấy rõ.
* * *
Cũng kể từ đó cho đến chiều nay, khi tôi ngồi viết những giòng chữ này, đã hơn hai chục năm qua. Hai mươi năm: biết bao nhiêu là nước sông, nước suối, nước cống, nước rãnh...đã ào ào chẩy qua cầu qua cống rồi ? Thời gian chứng minh cho tôi thấy là "những thằng già khốn nạn" ở

phòng V đều chịu chơi và chơi được. Chính tụi nó đã dậy cho tôi những bài học để đời về tình huynh đệ chi binh.
Khi mới ra trường tôi lãnh gần trọn một mùa mưa thối rừng thối đất. Có lúc thời tiết xấu đến độ đơn vị chúng tôi bị bỏ đói cả tháng trời chỉ vì chuyện tiếp vận vô phương thực hiện. Chúng tôi ăn rau bí và rau tầu bay chấm muối thay cơm. Cho đến khi muối cũng hết luôn thì tôi bắt đầu phát ... sảng. Tôi chửi rủa lung tung qua hệ thống máy truyền tin. Bộ chỉ huy không đứa nào thèm trả lời tôi. Tụi nó còn dọa đưa tôi ra tòa án quân sự về tội phát ngôn bừa bãi. Tôi cóc sợ. thỉnh thoảng tôi vẫn lên máy gào thét một cách vô vọng. Có hôm, bất chợt tôi nghe tiếng hỏi:
- Phải mày đang lải nhải như một con đĩ già ế khách đó không Lê Lai - Sơn Tây ?
Lê Lai - Sơn Tây có nghĩa là "lính sữa" và đây là danh hiệu truyền tin không mấy dễ nghe mà tụi phòng V đã "gắn" cho tôi kể từ khi thực tập bài học truyền tin ở quân trường. Tôi mừng quýnh:
- Phải Lê Lai - Sơn Tây đây. Xin lỗi thẩm quyền nào đầu máy vậy ?
- Thẩm quyền cái con...mả mẹ mày ! Tango - Tư Tưởng phòng V đây, nghe rõ trả lời ?
À ! thằng Tám Tàng, thằng mất dậy này sau khi ra trường về quân nhu hay quân vận gì đó. Nó thương tôi lắm. Nó "chuyên môn" lau súng giùm tôi mà.
- Ông đang ở đâu vậy Tango - Tư Tưởng ?
- Tao mới về làm sĩ quan tiếp liệu cho đơn vị nè.
- Đ...mẹ, vậy thì ông phải cứu tôi tức khắc. Lính của tôi sắp chết đói hết rồi.
- Bộ mày không đói chắc ?
- Ờ thì cũng đói thấy mẹ đây .
- Uống rượu được chưa con ?
Thuở ấy tôi uống rượu chưa được mấy nhưng vẫn cứ nói bừa:
- Được, dư được, nhưng lúc này nếu có cái gì để ăn thì có lý hơn.
Nó cười sằng sặc chế giễu:
- Nằm im đó đi, cỡ chiều là tao vô tới.
- Thiệt không ?
- Sao không ! Tao chơi chưa để thằng nào nói mà, tin đi.

Thiệt tình tôi "không tin" gì mấy Tôi biết rõ hoàn cảnh của mình hơn bất cứ ai. Chỉ có trời mới gỡ được cho tôi cú này thôi. Con đường duy nhất xe có thể chạy đến nơi tôi đóng quân được làm dở dang kể từ hồi còn Pháp, và đã bị bỏ hoang mấy chục năm rồi. Tụi công binh mới "clear" đâu chừng được một phần ba và chưa đổ đá. Mưa khiến con đường hóa lầy và có những đoạn nước từ triền núi đổ xuống y như thác vậy Xe nào mà vô nổi, trừ khi Tám Tàng kiếm được một cái xe ...tăng !
Tôi lại chui vào túi nghủ, lòng buồn, dạ đói, bụng hoang mang. Tôi ngủ với nhiều giấc mơ ngắn và đều có liên quan đến chuyện ăn. Tôi mơ thấy mình đi ăn với Ngọc Quế ở tiệm Tân Khánh Hoàn. Nắng chiều Đà Lạt vàng ươm, rực rỡ. Tôi gọi bao tử xào dầu hào với rau bố xôi, cơm bò xào bông cải, và chim mía rô ti ...Rồi tôi thấy mình cùng với những thằng bạn ấu thời đi bắt dế ở phi trường Cam Ly Trên đường về chúng tôi bị mắc mưa nên chạy vào buôn Thượng. Bà mẹ người Thượng già cà răng móm mém chỉ chúng tôi
ngồi quanh bếp lửa rồi lấy thật nhiều khoai lùi vào tro. Khoai chín thơm lừng và thật ngọt. Có lúc tôi lại mơ thấy một bầy heo rừng vướng mìn Claymore bị nổ thịt văng khắp nơi. Cả đơn vị

hớn hở vội vàng chụm lửa. Thịt heo nướng chẩy mỡ xèo xèo bốc khói làm cay mắt và ứa nước bọt đến tận răng...
Rồi tôi bỗng nghe tiếng máy truyền tin rè rè cùng với tiếng Tám Tàng yếu ớt:
- Lê Lai - Sơn Tây, Lê Lai - Sơn Tây ... đây Tango - Tư Tưởng ...
Tôi và người lính truyền tin cùng chồm dậy, anh ta vội vàng chuyền ống liên hợp cho tôi:
- Lê Lai - Sơn Tây nghe, ông đang ở đâu vậy ?
- Tao thua rồi!
Lần này thì giọng nói của nó nghe rõ vẻ thì thào. Tôi hoảng:
- Cái gì ? Ông đang ở đâu mới được chớ ?
- Mày đi theo con rắn lớn (con đường), qua giây ba chạc (ngã ba) một khúc xa, có thể cũng gần tới ...Tao không biết chắc ...Tao lên bộ trưởng (bị thương) rồi .
- Cái gì ? Đ... mẹ, đừng có giễu dở chớ Tango...
- ....
- Tango, Tango ...nghe không, trả lời ?
- Nghe ..mà đ...mẹ tao mệt qúa rồi. Mày lẹ lên...
- Tango ...Tango ...
Nó im luôn. Tức tốc tôi khều thêm mấy thằng em lầm lũi đi ngược trở ra. Tôi cắm cúi lầm lũi dưới mưa mà lòng dạ rối bời. Chừng ba tiếng đồng hồ sau, theo vết trượt của bánh xe, tôi thấy một cái Dodge nằm lật nhào dưới lũng. Thực phẩm rơi đổ tung tóe theo sườn núi.
Chúng tôi chạy vội xuống nhưng đã muộn. Tám Tàng bò được ra khỏi xe, nằm nghoẹo đầu trên máy, xác đã lạnh từ lâu. Tài xế và binh sĩ đi cùng chết kẹt trong ca bin. Chúng tôi cố mang xác họ ra cùng với cà phê, thuốc lá và cả can rượu đế.
Trời vẫn tầm tã mưa và lẫn trong nước mưa tôi biết có nước mắt của mình. Tôi thật sự bắt đầu uống rượu từ chiều hôm đó và uống luôn cho đến chiều nay. Đã một phần tư thế kỷ qua mà mỗi lần thoáng thấy hơi men tôi vẫn nhớ đến Tám Tàng. Tôi uống rượu hoài hoài, phần lỗi, không chừng là do ...nó. Tôi muốn hành xác tôi chơi để Tám Tàng ...vui lòng nơi chín suối.
Sau Tám Tàng, tôi gặp lại một nhân vật nữa của phòng V - ở trại tù binh. Ngày xưa, nó chính là thằng đã tuyên bố sẽ gả con gái út của nó cho tôi nếu như tôi "ăn ở và cư xử người lớn hơn chút đỉnh."
Thằng này ra trường về làm sĩ quan thảo chương viên cho Bộ Tổng Tham Mưu. Nói cách khác nó chỉ là một thứ chuyên viên xử dụng máy vi tính cho quân đội. Chỉ có vậy thôi mà đảng và nhà nước phải đẩy nó tuốt ra miền Bắc mới yên tâm.
Lúc chia tay nó dấm dúi hết cho tôi những thứ qùa vừa nhận được của gia đình, kể cả chút tiền và ít thuốc tây. Tất nhiên, tôi từ chối:
- Ông cần mấy thứ này hơn tôi chớ.
Nó cầm tay tôi, nghiêm nghị y như là cảnh Nguyễn Phi Khanh dặn dò Nguyễn Trãi ở Ải Nam Quan vậy:
- Tao cần mẹ gì nữa. Chuyến này kể như là tao đi đứt rồi. Mày còn trẻ, lại không bị tụi nó đì ra Bắc. Thủ mấy thứ này cho ấm thân và cố giữ lấy mạng để còn có lúc trở về. Phải về lo lấy lại đất nước và trả thù cho tụi tao, nhớ chưa ?
- Nhớ !
Xui cho nó, tôi không thuộc tip người Nguyễn Trãi. Tôi chỉ nói đại mẹ là "nhớ" để nó yên tâm đi vào chỗ chết. Thiệt tình thì tôi không nhớ gì hết ráo. Sau vài năm tù, tôi được thả về y như nó

dự đoán. Có điều tôi tuyệt nhiên không hề lo chuyện "lấy lại đất nước" như đồng đội đã dặn dò ; đã vậy, tôi còn bỏ nước để chạy tháo thân và lập tâm chuyến này là ...dông tuốt!
Cái thứ người như tôi cứ mỗi lần nhậu xỉn mới chợt nhớ ra mình đã từng là lính, mới ba hoa về những năm tháng tù đầy, mới khề khà luận bàn về tình chiến hữu, về chuyện đấu tranh...này nọ. Tỉnh ra tôi lại lút cút đi làm, lại sống như mình chưa hề là lính, chưa từng có thằng vì tôi mà bỏ mạng, chưa có đứa đã chí tình dặn dò tôi lo chuyện quang phục quê hương. Lính có năm bẩy đường, năm bẩy thứ. Cái thứ như tôi ngó bộ có hơi kỳ và cũng hơi nhiều.

Trường Bộ Binh Thủ Đức Trong Đời Tôi

Nguyễn Vĩnh Thịnh

Những trường huấn luyện quân sự nổi tiếng như Trường Sĩ quan Hiện Dịch Đà Lạt, Trường Sĩ Quan Bộ Binh Thủ Đức,Trường Hạ sĩ Quan Đồng Đế Nha Trang, Trung Tâm huấn luyện quân sự Quang Trung là những địa danh đi liền với cuc chiến thảm khốc tại Việt Nam từ sau thế chiến thứ hai đến 1975. Hầu như người thanh niên Việt nào lớn lên trong thời đại này cũng có ít nhiều kỉ niệm với những trung tâm huấn luyện quân sự nói trên.
Trong thập niên 60 tại Việt Nam,chiến tranh leo thang, cả hai miền đều ban hành chính sách Tổng đng viên,huy đng toàn Bộ thanh niên vào trong hàng ngũ quân sự để chiến đấu .Tại miền nam Việt Nam,những thanh niên có đủ khả năng văn hoá được tuyển chọn vào hai trường sĩ quan nổi tiếng Đà Lạt hoặc Thủ Đức. Nhưng hai trường đào tạo sĩ quan này có nhiều điểm khác nhau.Trường Sĩ quan Đà lạt dành cho những thanh niên chọn quân sự là nghề chính của mình suốt đời. Sinh viên sĩ quan là những người xin tình nguyện trở thành sĩ quan của Quân Lực Việt Nam Cộng Hoà, khác với Trường Bộ binh Thủ Đức là trường thu nhận những người có đủ trình độ văn hoá để được đào tạo thành sĩ quan cho quân đội. Nhưng thành phần sinh viên sĩ quan là những người đến tuổi thi hành nghĩa vụ quân sự của một công dân đối với đất nước trong chức vụ chỉ huy, được huấn luyện thành sĩ quan trong quân đi để sẵn sàng khi đất nước có chiến tranh, nên sinh viên khi tốt nghiệp từ trường này được gọi là Sĩ quan Trừ bị, tốt nghiệp với cấp bậc Chuẩn úy. Họ chỉ phục vụ quân đội khi có chiến tranh, khi tan chiến tranh hoặc không có chiến tranh họ trở lại đời sống dân sự như mọi người dân thường khác.

Sĩ quan Trừ bị làm nhiệm vụ quân sự của người Công dân ở bậc sĩ quan chỉ huy, họ không chọn binh nghiệp là nghề nghiệp cho cả đời mình như Sinh viên Sĩ quan Hiện Dịch Đà Lạt. Nhưng khi được thụ huấn trong trường Thủ đức, họ được học đầy đủ kỹ thuật tác chiến, công tác chỉ huy, tham mưu, tình báo, vũ khí, chiến thuật chiến lược thích hợp với địa thế Việt Nam, không thua kém bất cứ trường sĩ quan Bộ Binh nào trên thế giới. Trường Bộ Binh Việt Nam còn hơn hẳn các trường khác trên thế giới về phương diện thực hành vì Việt Nam có chiến tranh thực sự.Vũ khí chiến thuật dạy trong trường là vũ khí, chiến thuật dùng trên chiến trường tại chỗ. Hoàn cảnh đất nước có chiến tranh thật sự đang xảy ra nên sự nghiêm túc học tập của sinh viên thật cao độ.
Sinh viên Sĩ quan theo học tại trường Thủ Đức phải học qua ba giai đoạn chính để trở thành sĩ quan chỉ huy một trung đội (khoảng 36 đến 50 người lính tùy theo cách sắp xếp của mỗi binh chủng Bộ binh, Nhảy Dù, Thủy quân Lục Chiến, Hải Quân, Lực Lượng Đặc Biệt. Có đơn vị tổ chức một trung đội gồm 3 tiểu đội, có binh chủng tổ chức một trung đội gồm 4 tiểu đội...). Chiến sĩ cần có tinh thần minh mẫn trong một thân thể cường tráng nên hàng ngày mỗi buổi sáng thức dậy phải chạy tập thể dục vài cây số xen lẫn với chương trình học võ thuật và học đánh cận chiến bằng tay không hoặc với súng có gắn lưỡi lê hoặc dao găm cho tới khi mãn khóa.

Giai đoạn 1:
Tác chiến cá nhân thường được huấn luyện tại Trung tâm Huấn luyện Quang Trung thuc vùng Hóc Môn tỉnh Gia Định. Giai đoạn này thường kéo dài 3 tháng bao gồm các môn học về tác

chiến cá nhân, kỹ thuật liên quan đến đời sống của chiến binh ngoài chiến trường như căng lều, đào hố chiến đấu, khai quang tầm nhìn, che dấu chính thân mình và chỗ đóng quân bằng những vật dụng tìm thấy được nơi hành quân. Học xử dụng và bảo quản, trang bị vũ khí quân trang cho cá nhân người lính. Học mặc quân phục, đeo súng, quân trang cho đúng cách, chào, đứng, ngồi, bò sấp bò ngửa bò nghiêng với vũ khí hoặc không có vũ khí. Thao diễn của người lính như: nghiêm nghỉ,đi mt mình hoặc đi trong hàng quân đúng nhịp, quay trái quay phải, quay ra phiá sau đúng tiêu chuẩn thao diễn quân sự nghiêm trang hùng dũng. Kỹ thuật bước đi khi hành quân như bước đi khi trời nắng, khi trời mưa, bước đi trên cỏ, trên bùn, làm sao không để lại dấu giầy hoặc khi không thể giấu được dấu vết thì phải đánh lừa được địch qua những dấu vết này để địch không nhận ra chính xác được họ đi về hướng nào. Người lính học cách nấu ăn khi hành quân,những loại thực phẩm dùng trong quân đội,những loại thực phẩm độc hoặc không độc có thể tìm được trong khi đi hành quân trong vùng nhiệt đới thí dụ như các loại nấm ăn được,và các loại nấm độc,rau cỏ mọc trong rừng đồng kinh rạch, những cây leo nào có thể lấy nước uống được cho khỏi chết khát khi không tìm ra nước sông nước giếng.

Họ cũng được học cách cứu người lính khác ra khỏi vùng lửa đạn khi người này bị thương, cách băng bó vết thương và cách cầm máu căn bản trước khi được bác sĩ săn sóc. Học cách gác đêm và theo hiệu lệnh hành quân, cách theo đi hình tác chiến và kỹ thuật bắn vào mục tiêu với các loại súng cá nhân và cộng đồng như súng trung liên đại liên. Bắn từng viên hay bắn hàng loạt nhiều viên đạn một lúc. Những vũ khí người lính được học căn bản thường có súng lục Colt 45, P38, súng Carbine M1, M2, súng trường Garant M1, AR15, XM16, súng tiểu liên ngắn nòng Thompson, trung liên Bar, đại liên M30, M50, M60, súng không giật 57, 75 li mét, súng phóng lựu đạn loại cổ xưa, súng M79 phóng đạn 40 li, súng chống chiến xa M72, mìn chống người và chống xe tăng. Họ cũng được học xử dụng một số súng của quân Cộng sản dùng như AK47, AK48, súng trường Tiệp Khắc CKC, súng phóng hỏa tiễn cầm tay B40, B41, súng phòng không 12.7 ly mét, trung liên nồi, các loại lựu đạn của Mỹ chế tạo và của khối Cộng, kể cả những loại lựu đạn mìn bẫy ni hoá như mìn ĐH10 định hướng, các loại bẫy nổ chế từ đạn Pháo binh bắn lép hay các loại bẫy nổ của Cộng sản chế tạo từ những phế phẩm hoặc chất nổ lấy được từ lính Quốc gia.

Trong giai đoạn 1 huấn luyện căn bản của người lính tác chiến, họ cũng được học cách di chuyển chính mình vào đi hình tác chiến khi đi ra chiến địa, nhiệm vụ của mỗi người lính tác chiến trong đơn vị cơ bản của tổ, của tiểu đội, cách thi hành một buổi gác đêm, truyền lệnh khi hành quân, ban đêm ban ngày, học tác chiến hỗ tương trong tổ chiến đấu 3 người, cách yểm trợ hoả lực lẫn nhau khi di chuyển, quan sát các bạn bên trái bên phải khi tiến quân, dừng quân, và lui binh. Người lính tác chiến trong giai đoạn một cũng được huấn luyện về hành quân băng sông băng đồng, trong các loại địa hình khác nhau để làm quen với địa thế thật ngoài chiến trường. Các luật lệ căn bản về bắt giữ,khai thác tù hàng binh nếu có trên trận địa. Kỹ thuật phục kích và phản phục kích, tấn công vị trí địch.Học hành quân chung với xe thiết giáp, các đi hình tấn công mục tiêu với Thiết giáp binh cũng như được học hành quân bằng máy bay trực thăng di chuyển đến chiến trường, nhảy từ trực thăng xuống đất, sắp xếp đi hình khi ngồi trên trực thăng để sẵn sàng hỏa lực khi nhảy xuống trận địa.
Nói chung giai đoạn một là giai đoạn căn bản của người lính tác chiến, học tuân lệnh cấp

trên,học theo hiệu lệnh bằng tay của cấp chỉ huy (tiếng chuyên môn gọi là Thủ hiệu) để tiến hay lùi, sang trái hay phải, theo đi hình loại nào trên chiến trường khi cấp chỉ huy tiểu đi của họ không đi gần bên họ. (Các loại đi hình tiến quân gồm có : tiến theo hàng dọc, hàng ngang, nấc thang, đi hình quả trám, đi hình chữ V ngược hay dấu ^ cùng các dấu hiệu bằng tay như: tiến lên, xung phong vào mục tiêu, dừng lại hay lui lại. Thủ hiệu cho đi hình hàng dọc, hàng ngang) Tóm lại giai đoạn này là những huấn luyện tác chiến cho cá nhân từng người lính ở doanh trại cũng như ngoài chiến trường. Họ được trang bị tinh thần chiến đấu bằng những lý luận chính trị về tinh thần cao cả của người lính hy sinh mạng sống vì nước vì dân.

Giai đoạn 2:
Sinh viên sĩ quan là học để trở thành Tiểu đội trưởng hay là học chỉ huy đơn vị cấp tiểu đi 12 người trước khi được sang giai đoạn huấn luyện thứ ba trở thành Sĩ quan Trung đội Trưởng, đồng thời phải trải qua cuộc huấn luyện thể lực rất đều đặn gian khổ như chạy, nhảy, bò, lăn lộn, võ nghệ, cận chiến với tay không hay vũ khí chặt chẽ hàng ngày thường làm cho khóa sinh đổ mồ hôi từ 5 giờ 30 sáng khi tập thể dục lúc mới thức dậy đến 10 giờ đêm khi đi ngủ, từ lúc nhập học đến khi mãn khoá. Khóa sinh cũng phải trải qua 8 tuần Huấn Nhục ngay sau giờ thứ nhất nhập trường Bộ Binh Thủ Đức. Về thể lực: Ở giai đoạn hai Sinh viên sĩ quan sẽ phải huấn nhục hành xác để luyện tập sức chịu đựng dẻo dai của cả thể lực lẫn tinh thần của người Trung đội Trưởng. Người sĩ quan tương lai phải qua 8 tuần lễ huấn nhục khắc nghiệt hành xác ngày đêm với mọi xúc phạm danh dự và thể xác do chương trình đề ra với mục đích rõ ràng tập luyện cho người sĩ quan chỉ huy biết nhẫn nhịn trong mọi hoàn cảnh bất bình mà không nổi nóng để có thể gây hại cho công tác của đơn vị.

Quyết định trong lúc nóng giận bất bình bồng bột của Trung đội trưởng có thể gây đổ máu cho chính mình và thuộc cấp. Trong những tuần huấn nhục, những khoá sinh thuộc khoá đàn anh tạo ra rất nhiều điều bất công, hành phạt những khóa sinh thuộc khóa sau đang trong giai đoạn huấn nhục hàng ngày rất vô cớ vô lý, phạt sinh viên đàn em chạy nhảy, bò lăn, và đủ mọi thứ hình phạt từ nhẹ đến nặng làm cho những khoá sinh thuộc khoá sau bất mãn để huấn luyện họ chịu đựng, gạt bỏ ý riêng, luôn luôn tuân lệnh cấp trên để vượt qua 8 tuần lễ này.
Được gọi là Huấn Nhục nên những cảnh gây nhục nhã cho người thụ huấn xảy ra hàng ngày cho những khoá sinh tập làm quen nhịn nhục để đạt được mục tiêu cuối cùng đưa đơn vị đến chiến thắng. Khi luyện qua 8 tuần huấn nhục, tinh thần của người Trung đội trưởng cũng tiến qua một chặng gian nan mà họ chưa hề gặp ở đời sống dân sự khi phải cố vượt qua những trêu chọc danh dự của mình qua chương trình huấn luyện. Từ đó người sĩ quan nhận ra bổn phận phải nhịn nhục khi cần để bảo vệ mạng sống của những chiến sĩ dưới quyền và của chính mình qua hành vi cử chỉ cũng như quyết định của mình trong trạng thái luôn luôn bình tĩnh khôn ngoan dù có bất bình khi ở cương vị Trung đi trưởng hàng ngày.

Nóng giận là kẻ thù thứ hai của quân đội. Nóng giận gây hại không lường được trong những quyết định quân sự. Đời quân nhân cũng có khi rơi vào tay quân địch, có thể bị bắt làm tù binh, nhẫn nhịn khôn ngoan để xử trí sáng suốt trong những tình huống như vậy rất cần thiết.
Là cấp chỉ huy của tiểu đội gồm 12 người trong đó có Tiểu đội trưởng, Tiểu đội phó, khinh binh, người mang vũ khí cng đồng như đại liên, M79, trung liên, y tá, truyền tin. Hiểu biết tường tận

việc điều hành và các kỹ thuật tác chiến của một tiểu đội 12 người, cách sắp xếp hoả lực của các súng lớn súng nhỏ, truyền tin y tá, khinh binh và nhận lệnh hành quân từ Trung đội trưởng ra sao, cách bố trí hoả lực khi đơn vị dừng quân hoặc khi di chuyển, trực gác, từ thế thủ đến thế công khi tấn công vị trí địch. Người Tiểu đội trưởng phải nắm vững quân số và vị trí của mỗi người lính trong tiểu đi mình rõ ràng. Di chuyển những người lính này khi cần thiết để có vị trí hợp lý với hoả lực của vũ khí mà họ mang theo. Người lính mang máy truyền tin phải luôn luôn đi gần người chỉ huy để nhận lệnh từ trên chuyển xuống và báo cáo lên cấp trên khi cần.
Nhiệm vụ chỉ huy Tiểu đội là của cấp Hạ sĩ quan thường là một Trung sĩ. Cấp bậc Trung sĩ được huấn luyện tại trung tâm huấn luyện Hạ sĩ Quan Đồng Đế tỉnh Nha Trang. Trường Hạ sĩ quan Nha Trang huấn luyện hàng ngàn Hạ sĩ quan mỗi năm cung cấp cho quân đội. Nhưng Sinh viên sĩ quan Thủ đức được huấn luyện qua giai đoạn chỉ huy tiểu đội trước khi được huấn luyện Giai đoạn 3 để trở thành sĩ quan chỉ huy trung đội .

Trên thực tế huấn luyện thì giai đoạn 2 và giai đoạn 3 được huấn luyện xen kẽ với nhau. Trong khoảng thời gian này, Sinh viên Sĩ quan thay nhau tập chỉ huy tiểu đội lẫn trung đội,đại đội cho đến ngày mãn khóa.
Giai đoạn 3 : Giai đoạn huấn luyện chính của trường Thủ đức. Đào tạo sĩ quan Trung đội Trưởng. Giai đoạn này người sinh viên được huấn luyện thể lực cũng như tinh thần, tất cả kỹ thuật hành quân, chiến thuật chiến lược từ lúc chuẩn bị kế hoạch đến kết thúc kế hoạch, chính mình thực tập kế hoạch đó rồi rút ra ưu khuyết điểm của kế hoạch mình đã soạn thảo với ban tham mưu do các Sinh Viên Sĩ Quan lập ra khi học những bài Chiến Thuật Chiến Lược dụng binh. Họ được học cả chiến thuật chiến lược hành quân với các binh chủng bạn như Thiết giáp, Không quân, Hải quân và kỹ thuật liên lạc với các binh chủng bạn này trong lúc hành quân. Học cách thảo công điện hành quân và báo cáo công tác tiến triển hành quân bằng mật mã cũng như ngôn ngữ mã hoá truyền tin quân đội để bảo mật các chi tiết quân sự liên quan đến công tác của đơn vị mình và các đơn vị bạn.
Sinh Viên sĩ quan cũng được học về bổn phận và trách nhiệm của Trung đội trưởng đối với binh sĩ dưới quyền khi hành quân cũng như khi đơn vị không hành quân.

Giai đoạn 3:
Khóa sinh thay phiên thực tập làm Khóa Sinh Trung đội trưởng và các chức vụ khác như Khóa sinh Đại đội trưởng, Đại đội phó, Trung đội trưởng,Trung đội phó, Tiểu đội trưởng, Tiểu đội phó thường trực ban ngày cũng như những chức vụ tương đương ban đêm được gọi là Khóa sinh Đại đội trưởng tác chiến, Đại đội phó tác chiến, Khóa sinh Trung đội trưởng tác chiến, Trung đội phó tác chiến, Tiểu đội Trưởng tác chiến, Tiểu đội phó Tác chiến để thay nhau thực tập chỉ huy đơn vị các cấp lớn nhỏ.
Trung đội trưởng cũng cần biết rõ mọi chi tiết về nhiệm vụ bổn phận của một Trung đội trưởng Bộ binh. Trung đội trưởng phải chỉ huy 3,4 tiểu đội. Trung đội được coi như đơn vị căn bản trong tác chiến, không quá lớn, không quá nhỏ. Trung đội có hoả lực tương đối. Sĩ quan Trung đội trưởng phải học cách điều động quân số khoảng suýt soát từ 36 đến 50 người tùy theo cách tổ chức của từng binh chủng với số lượng tương đương vũ khí cá nhân và vũ khí nặng cộng đồng như đại liên, trung liên, M72, M79, súng chống chiến xa (khi đi chung với đại đội)... trong mọi hoàn cảnh, khi quân số đầy đủ cũng như khi quân số thiếu hụt sau những cuc hành

quân tổn thất, điều động mấy chục khẩu súng lớn nhỏ có kế hoạch để thích hợp với nhiều hoàn cảnh chiến trường khác nhau khi nắng khi mưa, khi ở đồng trống khi ở trong rừng, khi trên sông khi trên trời với nhiều kiểu hành quân khác nhau với xe tăng với tàu thủy. Khi ở trong thành phố, lúc trong làng dân, khi ngoài rung trống. Lúc thì chiến thắng, lúc chiến bại, khi có chiến sĩ tử thương, lúc có người bị thương. Người sĩ quan Trung đội trưởng phải sẵn sàng trong mọi hoàn cảnh và luôn luôn nghiên cứu địa thế, chiến thuật để chỉ huy những người lính dưới quyền đến chiến thắng. Họ là niềm tin của binh sĩ trong đơn vị, là người anh cả của trung đội. Mạng sống binh sĩ tùy thuc rất nhiều vào những mệnh lệnh của họ trong lúc hành quân.

Trung đội khi đi chung với đại đội có cả súng cối 60, 81 li mét bắn vòng cầu, 57, 75 li chống chiến xa hoặc súng Bazooka để phá lô cốt, tường thành kiên cố, nên người Trung đi Trưởng phải có kiến thức quân sự và hiểu biết tường tận vũ khí cá nhân, vũ khí cộng đồng, kiến thức về khả năng của xe tăng thiết giáp, máy bay tàu chiến tầm sát hại của những loại vũ khí các đơn vị này xử dụng để bảo toàn trung đi của mình. Họ phải học các chiến thuật đánh đêm đánh ngày, các cách phối trí hoả lực, các đi hình di chuyển của đơn vị khi hành quân cũng như khi phòng thủ, dừng quân. Khi di hành trên chiến địa cũng như khi trấn giữ cứ điểm, đồn bót.
Họ phải học qua khả năng yểm trợ bom đạn, chiếu sáng chiến trường của máy bay các loại. Cơ giới quân đi như xe tăng, xe bọc thép ly nước, tải thương, phun lửa, tiếp tế thực phẩm đạn dược cho chiến trường. Các loại vũ khí có thể yểm trợ từ xa như pháo binh, các loại đạn. Học tập hành quân phối hợp với các binh chủng khác. Hành quân với máy bay trực thăng đổ quân. Các loại hầm hố khi phòng thủ.

Sinh viên sĩ quan phải học xong những môn về địa hình địa vật, cách dùng bản đồ, la bàn không ảnh để định vị trí điểm đứng của mình của địch của đơn vị bạn và các vị trí có thể yểm trợ đơn vị đang hành quân, học chiến thuật từ thế công đến thế thủ, đóng đồn, dừng quân đến tấn công địch ngoài đường, tấn công địch ngay tại căn cứ địch, chuẩn bị tổ chức đến phân công bảo mật, đến thi hành công tác tấn công, hành quân thần tốc, hành quân chiến dịch dài ngày, hành quân trên sông trên đồng trên rừng, phục kích địch, bị địch phục kích, tao ngộ chiến, xa luân chiến, hành quân với Thiết giáp, với máy bay trực thăng, phản lực. Học điều động quân và hướng dẫn cho oanh tạc cơ ném bom, trực thăng tải thương, đánh đêm đánh ngày, đánh trong thành phố, đánh với súng phun lửa, với chiến tranh hoá học. Đánh cận chiến, bắn đại bác, bắn xe tăng, gài mìn gỡ mìn khi dừng quân qua đêm, hiểu và thi hành đúng nhiệm vụ của một đơn vị đang hành quân...
Thực tập các kiểu tấn công căn cứ địch trong mọi hoàn cảnh thời tiết..Trung đội trưởng cũng phải học qua môn Chiến tranh Chính trị để động viên tinh thần lính dưới quyền lúc nào cũng có tinh thần chiến đấu cao độ và chiến binh giữ được đạo đức trên chiến trường, không sử dụng hỏa lực bừa bãi gây tổn kém quân phí và có thể làm hư hại tài sản, tổn thất sinh mạng dân chúng khi không cần thiết.

Để tập can đảm, họ phải tập leo giây tử thần, bò dưới hỏa lực súng các loại bắn liên tục trên đầu, chui luồn trong nơi bùn đất tối tăm bẩn thỉu, chạy bò qua giây kẽm gai, bơi qua sông rạch đầy đỉa đói và rắn rết, thực tập hành quân qua rừng cây có con vắt hút máu, muỗi mòng và đủ mọi khó khăn giống như chiến trường thực sự.

Sau khi đã qua tất cả những huấn luyện căn bản là một tuần hành quân thực tập trong bãi tập của trường Thủ Đức và vùng phụ cận. Tuần lễ hành quân thực tập này ôn lại tất cả những bài học chiến thuật đã học được trong giai đoạn học chiến thuật trước đây với đầy đủ vũ khí quân số như một đại đội Bộ binh ngoài chiến trường thật sự. Hành quân ban ngày ban đêm, cả đơn vị ngủ qua đêm ngoài bãi tập, Huấn luyện viên của trường gài mìn bẫy trên đường hành quân để tập cho khóa sinh ý thức những nguy hiểm thật sự khi hành quân.

Trong những năm 1969-70, mấy chục Sinh Viên sĩ quan đã chết trên những bãi tập này vì mìn thật quân Cộng sản gài trên đường thực tập của Sinh viên. Hàng trăm Sinh viên sĩ quan đã bị thương tại bãi tập vì vũ khí của địch. Khi tuần lễ thực tập hành quân chấm dứt là giai đoạn làm quen thực tế chiến trường với một tháng Hành Quân Chiến Dịch nơi những vùng đang có chiến tranh tại các tỉnh chọn lựa bởi Cục Quân Huấn như Tây Ninh, Biên Hòa, Long Khánh, Long An, Qui Nhơn, Quảng Ngãi ...hay bất kỳ nơi nào hợp với mục tiêu huấn luyện trong giai đoạn đó. Một tháng đi chiến dịch tại những vùng có chiến tranh đang hiện diện để sinh viên có dịp quan sát học hỏi từ những sĩ quan binh sĩ đang phục vụ tại vùng hoả tuyến. Học hỏi từ những chiến sĩ này mọi thứ từ mưu sinh hàng ngày đến cách hành quân, lấy tin, yểm trợ hoả lực, phân loại tin tình báo, đối xử với dân chúng trong vùng và những biện pháp đề phòng địch tấn công phá hoại hàng ngày cũng như công tác kêu gọi địch ra đầu thú hợp tác với quân đi để giảm xương máu. Cách phân loại và theo dõi vết tích di chuyển quân của địch. Trực gác doanh trại của đơn vị mình ban ngày ban đêm.

Mục đích của chiến dịch 1 tháng này là cho người sĩ quan tương lai quen với thực tế chiến trường để khi ra trường về nhận đơn vị mới họ không bỡ ngỡ quá với thực tế chiến tranh nơi đơn vị. Vì dầu sao trong trường huấn luyện là nơi tương đối an ninh. Là sĩ quan Bộ Binh nên đơn vị mới thường là đơn vị tác chiến có thương vong hàng tuần. Làm quen với bầu khí này nhiều chừng nào có lợi cho người sĩ quan tương lai nhiều chừng nấy.
Công tác huấn luyện Sĩ quan Trung đi Trưởng là công tác căn bản của trường Thủ đức. Từ sau tết Mậu Thân 1968, trường Bộ Binh Thủ đức nhận huấn luyện thêm những khoá Sĩ quan Đại đội trưởng tác chiến cho toàn quân lực. Nơi đó các sĩ quan chỉ huy cấp đại đội của tất cả các quân binh chủng trong quân đi được gởi về đây thụ huấn để hoàn chỉnh kiến thức chỉ huy các đơn vị ở cấp đại đội. Những huấn luyện cao hơn được chuyển về những trung tâm huấn luyện khác thuộc cục Quân Huấn và Bộ quốc Phòng. Khi trở thành cấp chỉ huy Tiểu đoàn, Trung đoàn hay Liên Đoàn họ sẽ được gởi đi học tại trường Chỉ huy Tham mưu trung cấp. Lên tới cấp lãnh đạo Lữ đoàn hay Sư đoàn, các vị chỉ huy sẽ đi học những khóa huấn luyện Tham Mưu Cao Cấp. Quân nhân các cấp được huấn luyện thuần thục làm cho quân đi trở thành hùng mạnh, kỹ luật.

Trường Thủ đức là trường chuyên huấn luyện cấp chỉ huy Trung đội và đại đội Bộ Binh. Trường có rất nhiều năm kinh nghiệm trong công tác này. Đã từng đào tạo cho quân đội hàng chục ngàn sĩ quan ưu tú. Rất nhiều sinh viên sĩ quan thụ huấn tại đây đã trở thành tướng lãnh chỉ huy nhiều binh chủng trong cuộc chiến tranh Quốc Cộng. Có vị đã trở thành những cấp lãnh đạo trong chính phủ. Hàng ngàn cựu Sĩ quan của trường Thủ đức nay vẫn còn sống trên khắp các nẻo đường thế giới và trong nước. Có người đã được huấn luyện nhiều lần trong trường này qua nhiều khoá như Trung đội Trưởng, Đại đội trưởng Bộ Binh. Rất nhiều người bị quân Cộng sản

cầm tù sau chiến tranh kết thúc năm 1975. Những vị sĩ quan bị cầm tù trước hoặc sau năm 1975 đều đã ít nhiều áp dụng được những bài học nhẫn nhục trong thời gian Huấn nhục tại quân trường thân yêu này.

Đoạn Đường Chiến Binh

Phan Ni Tấn

(Tặng quí vị cựu SVSQ Thủ Đức)

Sau trận Mậu Thân 1968, chính quyền Nguyễn Văn Thiệu đã ban hành một sắc luật Quân Sự áp dụng vào học đường, trong đó Sinh Viên các trường Đại Học Sài Gòn phải tham dự một khóa huấn luyện quân sự tại Trung Tâm Huấn Luyện Quang Trung trong vòng một tháng.
Năm 1970, tôi và các anh em phân khoa Đại Học khác theo chân những khóa trước bắt đầu làm quen với súng ống và ngữi mùi quần áo nhà binh. Ngay từ ngày đầu bước chân vào quân trường tôi có cảm tưởng như bị thảy vào một thế giới không có... tình thương. Những hàng cây bã đậu xù xì, gai góc mọc dọc hai bên đường càng tăng thêm vẻ khô khan, lạnh lùng, thiếu sinh khí. Cũng may, mỗi chiều thứ sáu chúng tôi được về phép rong chơi cho tới xế chiều chủ nhật mới lọt tọt bưng đầu vô.Trong khóa học này, đặc biệt có hai nhạc sĩ nổi tiếng qua những bài ca đấu tranh thịnh hành trong giới sinh viên học sinh thời đó, là nhạc sĩ Trương Quốc Khánh (bài Tự Nguyện) và nhạc sĩ Trần Long Ẩn (Không Ai Ngăn Nổi Lời Ca). Nhạc sĩ đi tới đâu, cây đàn đi tới đó. Nhạc sĩ với cây đàn mà! Thực vậy, sau tuần lễ đầu tiên về phép trở vô là khu trại Sinh Viên đã nghe tưng tửng âm thanh quen thuộc, giản dị, thân thiết của cây đàn guitar rồi. Từ đó, sau những buổi cơm chiều, trời vừa chạng vạng tối, Sinh Viên có máu văn nghệ thường rũ nhau xuống Hội trường Ban Quân nhạc tụ tập đờn ca xướng hát cho nhau nghe. Tôi còn nhớ một hôm tại nhà ngủ tập thể, có một anh cùng phòng, dáng người tầm thước, hơi mập, tự xưng là Hoàng Quốc Bảo đưa tôi coi một tập nhạc nói là của ông anh Hoàng Khai Nhan sáng tác. Cầm tập nhạc vuông vức trong tay, tôi chậm rải lật từng trang mà thầm công nhận sự nắn nót công phu của người đã tạo ra nó. Đáng tiếc đã hơn 30 năm qua tôi không còn nhớ tập nhạc tên gì. Hoàng Quốc Bảo lúc đó chưa có tác phẩm, nhưng Hoàng Khai Nhan thì tôi có thoáng nghe danh về thơ. Sau này ra hải ngoại tôi mới có dịp thưởng thức những bản nhạc thoát tục trong tuyển tập Tịnh Tâm Khúc của Hoàng Quốc Bảo. Nói về Thiền Ca, tôi cho rằng không ai có thể vượt qua sức sáng tạo phong phú, chứa chan mùi Thiền như nhạc sĩ Hoàng Quốc Bảo. Ngoài ra, phần hòa âm theo phương thức tân cổ điển vô cùng xuất sắc cũng góp phần tạo cho hồn nhạc thấm sâu vào lòng người và đọng lại rất lâu.Cũng nhờ cái vụ hát hò này mà một buổi sáng trước ngày mãn khoá, thay vì vác súng ra bãi như thường lệ, thì nhóm Sinh viên Văn nghệ chúng tôi lại chỉnh tề trong bộ quần áo kaki màu vàng, đội mũ kalo cùng màu hăng hái vác đàn về Sài Gòn... đi Show, trình diễn văn nghệ tại đài Truyền Hình Việt Nam.

Cuối cùng, một tháng quân trường rồi cũng qua mau. Sau lễ mãn khóa, tất cả những Khóa Sinh (kể cả những thành phần lè phè, bất mãn) đều cầm trong tay mảnh bằng tốt nghiệp khoá Quân Sự Học Đường 1970 trở về trường tiếp tục dùi mài kinh sử.Học hết một năm Đại Học Khoa Học Sài Gòn, ngành SPCN (Scient, Physic, Chemistry, Natural), qua năm thứ hai tự nhiên tôi đâm ra... ngu ngu. Cũng vì cái "ngu ngu" này mà *từ trên Đại Học tôi rớt xuống, thành lính biên thùy trấn núi sông.*

Tháng Tư ***năm 1971*** nhờ mảnh bằng Quân Sự Học Đường, khi nhập ngũ tôi cứ việc đi thẳng vào trường Bộ Binh Thủ Đức mà không cần phải trải qua 3 tháng huấn luyện căn bản quân sự tại Trung Tâm Huấn Luyện Quang Trung như nhiều Tân Khoá Sinh khác. Tuy nhiên, trước đó tôi phải vào Trung Tâm 3 Tuyển Mộ Nhập Ngũ tại Quang Trung làm thủ tục hồ sơ nhập ngũ, khám sức khỏe, lãnh quân trang, quân dụng xong mới vào Thủ Đức.Ngay từ khi bước chân vào trường Bộ Binh Thủ Đức, Tân Khoá Sinh chúng tôi đã được các huynh trưởng đón tiếp một cách hết sức tận tình. Để khởi sự làm quen với đời lính, bài học quân sự đầu tiên của bọn đàn em chúng tôi là theo lệnh huynh trưởng chạy ba vòng Vũ đình trường gọi là "dàn chào Tân Khóa Sinh":

Mới vòng đầu Vũ đình trường
Mà bao nhiêu đứa chán chường hẳn ra
Thằng thì mày váng, mắt hoa
Thằng thì như bóng ma gà, hết linh

Thực vậy, mới chạy vòng đầu đã có vài ba tên té xỉu. Chạy hết vòng thứ ba, một trăm chỉ còn vài chục, tuy còn đứng vững nhưng tưởng thở hết ra hơi. Đã vậy đám huynh trưởng nào tha! Những tiếng quát tháo, nạt nộ, hò hét, chạy lùa đầu này, xua đầu kia, xẹt đầu nọ như cố tình cướp tinh thần bọn đàn em ngơ ngác chúng tôi khiến cho bao nhiêu mộng lớn, mộng nhỏ mới cách đây vài tiếng đồng hồ vẫn còn xanh, đã tan tành theo mây khói.

Cán bộ mặt mũi lầm lì
Còn đám huynh trưởng thôi thì hung hăng
Quát tháo vào mặt từng thằng
Chưa chi mộng lớn nó giằng mất tiêu

Chuyện đời ma cũ hiếp ma mới là việc thường tình. Huynh trưởng có bổn phận phải hướng dẫn đàn em đến nơi đến chốn; đàn em có lỗi bị phạt hít đất, thụt dầu, nhảy xổm hay phạt dã chiến... cũng là lệnh cán bộ đưa xuống cho huynh trưởng thi hành mà thôi. Luật quân trường mà! Ở lâu dần dà mới thấy:

Thật ra huynh trưởng hiền khô
Còn cán bộ, toàn những... đồ mắt ma
Để coi, trẻ cũng như già
Ngày đầu đụng mặt, ngó qua ghét liền

Nói ghét Cán Bộ là nói cho nó có vẻ "thơ" một chút, chớ sau khi mãn khóa ra trường tôi mới thực sự kính trọng quý vị Sĩ Quan Cán Bộ (nói chung) và Đại Đội 21 (nói riêng) đã nỗ lực hướng dẫn và huấn luyện SVSQ chúng tôi trở thành những Sĩ Quan xuất sắc (và không xuất sắc, như tôi) trong Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa.
Sau khi phân chia quân số, tôi thuộc Tiểu Đoàn 1, Đại Đội 21, Trung Đội 1, Tiểu Đội 1 (toàn là số 1).Tiểu Đoàn 1 do thiếu tá Nguyễn Như Sơn làm Tiểu Đoàn Trưởng. Nay không biết rõ tình cảnh ra sao? Đại Đội 21 đặt dưới quyền chỉ huy của Sĩ Quan Cán Bộ Đại đội trưởng Trung úy Huỳnh Trung Hiếu (hiện ở Houston, Texas) và hai Sĩ Quan Trung đội trưởng là Trung úy Nguyễn Hữu Thọ (sau 75 bị VC liệng lựu đạn chết trong tù cải tạo) và Thiếu úy Nguyễn Văn Bé (hiện còn ở VN); còn hai SQCB nữa, đáng tiếc, tôi không nhớ tên.

Ngày đầu tiên ở Đại Đội là ngày xuống tóc. Những chiếc tông-đơ tàn nhẫn dọc ngang rào rạt trên đầu không thương tiếc. Những ước mơ xanh ngát, những hoài vọng ngất trời bám trên những sợi tóc xanh giật mình rụng lả tả xuống nền xi-măng, nằm ngơ ngác, lạc lỏng trên mặt đất, hoặc vương vải tội tình trên tấm khăn trắng choàng quanh cổ. Rồi những khoa bản, trí thức cho tới những anh sinh viên, học sinh đều đi tắm truồng ở nhà tắm tập thể cuối doanh trại. Rồi được chích thuốc chống nắng mưa cảm mạo đất trời. Rồi những bộ đồ lính màu cứt ngựa rộng thùng thình tương vào người, chiếc nón nhựa đội lên đầu để thực sự trở thành anh lính mới tò te. Để phân biệt các khoá học đàn anh với đàn em, Khóa Sinh phải đeo bản tên của mình trên túi áo. Như khóa 24 mang bản tên nền đen chữ vàng, khóa 7/68 mang nền trắng chữ đỏ, khóa Sĩ Quan Đặc Biệt 6/69 mang nền đen chữ đỏ; còn khóa tôi, 1/71 thì nền xanh dương chữ trắng v.v... Mang tâm trạng thư sinh đang tự do phơi phới ngoài đời mà đặt chân vào quân trường thì bất cứ hình ảnh nào trước mắt, ngó qua cũng thấy lạ, thấy khó chịu, thấy nhớ nhà, thấy rầu muốn chết.

Trại lính, tuyến, giao thông hào
Nhà thương, bệnh xá, hàng rào, băng ca
Vũng nước, lùm cỏ, bụi hoa
Những ngày đầu mới ngó qua, sầu liền

Cái gì chớ sức khỏe con người, nhất là Tân Khóa Sinh chúng tôi, thể dục thể thao là công việc hàng đầu khi trời vừa rạng. Có câu lâu ngày chuyện gì rồi cũng quen, vậy mà những buổi sớm đầu tiên ở quân trường nghe cán bộ thổi còi tu-huýt dựng dậy ra sân tập thể dục quả là... khủng khiếp. Trời Sài Gòn hay Thủ Đức, ngày đêm gì lúc nào cũng nóng chảy mỡ. Nhưng đó là chuyện dưới mái nhà. Thử ngủ một đêm trên cây, hay trong thùng xe nước mía, hay dưới gầm cầu Chữ Y, hay nhà ga xe lửa vân vân, như người viết đã từng, mới thấy cái lạnh nửa đêm về sáng của trời Sài Gòn năm 1979 nó buốt tận xương lạnh tận tủy ra sao.

Sáng sớm trời lạnh cắt da
Nghe còi dựng dậy ùa ra xếp hàng
Tập chạy, nhảy, tập bò càng
Không nở bề dọc cũng nở ngang thân hình

Đó là chuyện tinh sương. Ban đêm, trước khi đi ngủ Cán bộ thông báo là sẽ có một cuộc thực tập báo động giả để mọi người chuẩn bị tinh thần. Biết trước vậy mà đến hồi nghe còi báo động rúc lên hù hụ vào lúc nửa đêm tôi cứ tưởng như ai đang hớp hồn mình, phát sợ ngang.

Vừa nhào xuống giao thông hào
Một thằng chết tiệt nhảy ào trên lưng
Lãnh nguyên hai cái gót chân
Nghe một tiếng "hự" tưởng chừng hộc cơm

Trường Bộ Binh Thủ Đức có bốn tuyến A, B, C, D, suốt khóa học chúng tôi đã gác đủ cả bốn. Tuyến A ở mặt tiền, cổng chính. Tuyến B giáp với nghĩa địa và nhà dân xa xa. Tuyến C thuộc khu Thiếp Giáp. Tuyến D hướng ra bãi tập. Gác bất cứ tuyến nào vào lúc nửa đêm thanh vắng chung quanh không một bóng người, ngoài những ngôi mộ đá ong hoang phế và đám lau già tóc trắng quật quại trong gió, dưới trăng, hay trong cơn mưa tôi đều nhớ tới hai câu thơ về non Kỳ và bến Phì trong Chinh Phụ Ngâm:

Non Kỳ quạnh quẽ trăng treo
Bến Phì gió thổi đìu hiu mấy gò

Rồi tôi cảm nhận hết nỗi cô độc tận cùng giữa đất trời tịch lặng, mênh mông.

Đêm hôm ra gác tuyến A
Nghe trong khuya khoắc tiếng gà vẳng đưa
Mưa rơi rắc hạt lưa thưa
Đời mình nước dột nên chưa hết buồn

Trong 6 tuần huấn nhục, Tân Khóa Sinh phải học đi, đứng, nghiêm, nghỉ, dặm chân tại chỗ, học chào tay, học hát... Học quay trái, quay phải làm sao cho đúng 90 độ. Học đằng sau quay 180 độ sao cho khỏi xiểng niểng, đằng trước bước phải bắt đầu bằng chân trái, tay đánh nhịp cho cao. Rồi còn phải tập đánh giày thật bóng, xếp drap, xếp mền thật kỹ, tủ quần áo thật ngăn nắp vân vân. Trong thời gian này, nhiều huynh trưởng có đầu óc khôi hài thường bày ra kiểu phạt rất độc đáo, như phạt đàn em chạy đi xin chữ ký của 300 người trong vòng 15 phút. Có chạy xì khói, chạy bỡ hơi tai, chạy phờ...râu cũng chẳng ma nào thỏa mãn nỗi cơn ác ý của bậc đàn anh chỉ vì lỡ bước trật nhịp như tôi.

Nó la đằng trước bước đều
Mình bước trật nhịp, nó khều mình ra
Khít hàm, rít giọng thiết tha:
"Chạy xin chữ ký của ba trăm người..."

Cũng trong 6 tuần huấn nhục, trừ khi đi bãi, Tân Khoá Sinh ngày hai buổi chỉ được phép ăn cơm nhà bàn chớ không được ăn tiệm như các vị huynh trưởng. Vô nhà bàn phải giữ im lặng, chờ huynh trưởng hô to *nghiêm* thì rán ưỡng ngực lên mà đứng im. Khi nghe hô *ngồi* phải đáp thật to

xuống. Nghe *mời đàn em ăn cơm* phải đáp lớn *mời huynh trưởng ăn cơm,* xong các thủ tục nhà binh mới được ăn. Khẩu phần ăn quanh đi quẩn lại cũng mấy món canh, đồ xào, cá hoặc thịt hộp. Hôm nào nhát thấy trong tô canh có một chú sâu đo xanh lè, hay chú trùng mềm oặt thì cứ coi như hôm đó ta có thêm... chất đạm. Đã là con nhà binh khi ăn phải ăn cho lẹ, lua cho nhanh. Lờ quờ, chậm chạp chỉ có nước đói.

Gắp thật lẹ, lùa thật mau
Ắn không kịp nghỉ, nuốt không cần chờ
Thằng nào lẹ, thằng đó nhờ
Thằng nào chậm chạp đói mờ người ra

Lại cũng trong thời kỳ này, Tân Khóa Sinh không được phép đi, mà phải cầm súng xeo xéo trước ngực vừa chạy vừa hát. *Quân trường đổ mồ hôi. Chiến trường bớt đổ máu...* Mỗi lần hai Đại đội đi ngược chiều, nhất là sau giờ cơm ra đụng mặt nhau là cứ y như gà tức nhau tiếng gáy, cả đội đều gân cổ hát với tinh thần ganh đua cao độ.

Đại Đội bạn đi ngược chiều
Chúng gân cổ hát thiếu điều bức gân
Phe mình thấy vậy nỗi sân
Quyết chẳng kém, cũng rướn gân cổ gào

Tôi còn nhớ hồi mới lóp ngóp vô quân trường, dù không soi gương cũng biết mặt mũi mình lúc nào cũng cứ như anh nhà quê. Hồi đó ngốc nghếch đến độ khi chẻ củi, thay vì dùng búa (làm gì có búa) thì tôi lại dùng... báng súng Garant M1, lấy sức giơ cao nện xuống sóng dao mà chẻ ngon lành. Vô phúc, tôi và thằng bạn chẻ củi bị huynh trưởng bắt gặp tại trận bèn đi một đường giáo dục tận lực rồi ghi tên tối đến phạt dã chiến.
Đúng 8 giờ tối, hai thằng tôi, thêm ba tên không biết bị tội gì, ba lô súng đạn đầy đủ ra tập họp trước sân đại đội chờ lệnh huynh trưởng. Sau khi điểm mặt xong, thay mặt cán bộ, hai tên huynh trưởng bắt đầu quần chúng tôi trong vòng một tiếng đồng hồ tả tơi không còn manh giáp. Trước hết là giơ súng lên khỏi đầu, vừa chạy ba vòng sân trại vừa la tôi-không-giống- ai, rồi tới hít đất, nhảy xổm, thụt dầu, cuối cùng là bò lê bò lết, bò ngửa bò càng, bò cho đúng cách từ đầu tới cuối sân trại rồi bò ngược lại. Vừa dứt màn phạt dã chiến để đời cũng vừa đủ để hai cùi chõ và hai đầu gối chúng tôi rướm máu hồng.

Ba lô, súng, đạn kềnh càng
Hết nhảy xổm lại bò càng giữa sân
Mình mẩy mình đau như dần
Mà đám huynh trưởng cứ quần ngất ngư

Hằng ngày, sau khi ăn sáng bằng bánh mì và chuối xứ, chúng tôi có hai địa điểm để đi học. Hoặc học tại Đại Giảng Đường (nhà tiền chế) hoặc tại bãi. Mỗi lần Đại đội đi học bãi thì có một Tiểu Đội Súng Nặng lên phiên nai lưng ra mà vác súng, đạn Đại liên 30, Chân ba càng, Súng chống tăng M72, Súng phóng lựu M79, Cối 81 ly gồm nồng súng, đạn cối và bàn tiếp hậu.

Những thằng to xác còn kêu ca huống hồ mấy thằng ốm yếu, nhỏ con, vác vũ khí mà mặt nhăn như khỉ ăn ớt.

Thằng thì vác chân ba càng
Thằng vác đạn, thằng vác nồng trẹo vai
Một thằng nỗi cộc sủa dai:
"Mẹ. Đường ra bãi sáng nay dài quá cha !"

Đường ra bãi phải đi qua cổng số 9 ở tuyến D. Cách tuyến này khoảng 2 cây số là đồn Bến Nọc dựng sát bên cầu Bến Nọc. Cầu bằng gỗ không quá 10 thước bắt ngang qua con suối, tuy giản dị nhưng rất nổi tiếng vì có lần ban đêm Việt Cộng mò về gài mìn gây thương vong cho một số SVSQ khóa 25 của nhà thơ Thành Tôn và nhạc sĩ Vũ Thành An tại cầu này.

Cầu, xưa Việt Cộng gài mìn
Làm bao nhiêu mạng bỏ mình tại đây
Giờ nghe như gỗ than vay
Khóc hồn ai chảy máu day vết cầu

Cũng tại cầu này không biết từ hồi nào, tại sao lại xuất phát ra câu châm biếm *"dân chơi cầu Bến Nọc"*. Ý ám chỉ thứ dân chơi cù lần, keo kiệt, nhà quê..., như một cựu Sĩ quan Cán bộ trường BB Thủ Đức cho tôi biết.
Ngày học bãi đầu tiên, chúng tôi được trường cho xe GMC chở lên đồi Bác Sĩ Tín, lúc về thì đi bộ, sau đó là lết cho tới mãn khoá. Mà bãi học có gần gì cho cam, cách quân trường từ 5 tới 10 cây số đường chim bay hoặc hơn, như bãi Xa Lộ 5 Km, bãi Nhà Xập 7 Km, bãi Vườn Thơm ... Bài học đầu tiên ở bãi lội về mới thấy đường ơi sao mà dài vô tận !

Chiều về mới thấy đường dài
Thằng nào thắng nấy mệt nhoài người ra
Ước gì có ly đá trà
Mình ực, mình xối, mình xoa mát người

Đã vậy chân lại chưa quen mang giày bố. Mới có chuyện.

Bãi xa lội bộ tơi bời
Cái chân mình muốn bức rời hẳn ra
Đôi giày cọ sức miếng da
Thành mọng nước đau thấy bà tổ luôn !

Đi bãi còn một cái đáng gờm nữa là nắng. Cái thứ nắng trưa hừng hực, nắng lăn quăn, nắng xiên khoai, nắng đổ mồ hôi, nắng sôi nước mắt. Làm gì có cây cao bóng mát mà núp - dẫu có cũng chẳng được phép - toàn là đất, cát, cỏ khô và bụi cây bùi nhùi. Có bữa chúng tôi ra bãi bắn học xử dụng súng nặng như Đại Liên M30, M72, súng Cối 80 ly, Đại Bác 105 ly không giựt và ném lựu đạn M26.

Những loại vũ khí hạng nặng ác ôn này hình như thứ nào tôi cũng xử dụng một cách rất ư là... bết bát. Thấy thằng bạn đứng thế thủ, kê khẩu M72 lên vai nhắm bắn xe tăng, biết là nó trúng rùa nhưng tôi vẫn bái phục, móc gói Bastos xanh chia cho nó một điếu.

Trưa hừng hực nắng lăn quăn
Ra bãi tập bắn xe tăng lật lìa
Bắn khu tử giác, bắn bia
Mà cứ tưởng bắn từng tia nắng thù

Rồi chín tuần huấn nhục (đáng lẽ là sáu) cũng chấp chới trôi qua. Có trải qua thời kỳ cam go này mới thắm thía hai chữ "huấn nhục". Tôi nghe kể trước kia có một Tân Khóa Sinh bị một tên huynh trưởng "có máu lạnh" huấn nhục (giáo huấn và lăng nhục) trong nhà cầu căng thẳng tới mức đứng tim, nghẹt thở mà chết. Từ đó, những loại "dạy dỗ" quá đáng, thiếu tính người đều bị hũy bỏ.

Chín tuần qua một cái vù
Thằng nào thằng nấy như tù được tha
Thằng thì ngồi thở hắt ra
Thằng thì sướng tít như là gặp tiên

Sau đó, Tân Khóa Sinh được làm lễ gắn Alpha tại Vũ đình trường, hãnh diện trở thành Sinh Viên Sĩ Quan trường Bộ Binh Trừ Bị Thủ Đức.

Hôm nay lễ gắn Alpha
Diện đồ tiểu lễ mình ra xếp hàng
Vũ đình trường nắng chang chang
Mà sao mình vẫn thấy man mác trời

Lúc này, SVSQ không phải bồng súng chạy nữa, mà đi đứng thong thả hơn, oai phong lẫm liệt hơn và có quyền tới phiên đi... bắt nạt đàn em. Huynh trưởng mà em! Thi hành trước khiếu nại sau. Còn cơm nhà bàn nhiều anh chê, ra ăn cơm ngoài ở khu Gia Binh, khu Sinh Hoạt, hoặc khu Thiết Giáp, tuy tốn tiền nhưng ngon hơn, lại có nhạc để nghe và có các em để... nhìn lén cho đã thèm.

Giờ thì chê cơm nhà bàn
Ăn cơm ghi sổ có màn khá hơn
Lại được nghe nhạc xình xang
Nhất là được hỏi: "Dạ, chàng dùng chi?"

Thực vậy, lính tráng học tập lâu ngày được phép xuống khu gia binh chơi vừa thấy nhà cửa, quán xá đèn đuốc tùm lum, nhất là nhát thấy bóng hồng ai mà không nôn nao, háo hức.

Có xuống chơi khu gia binh

Mới thấy quán xá rất tình, rất thơ
Đèn đóm dìu dịu, mờ mờ
Còn mấy con nhỏ đẹp mơ đẹp màng

Bất cứ khóa huấn luyện quân sự nào hầu như cũng đều có các bạn ngoài Trung vào học. Những vị này thường tụ thành một nhóm chơi chung với nhau. Trong phòng tôi có hai anh Quảng Nam hiền lành, nẫu nẹc, sau lễ gắn Alpha về xù xì tâm sự với nhau. Tôi nằm nhắm mắt làm bộ ngủ, nhưng tò mò lóng tai nghe mà cười thầm trong bụng. Đại khái như (xin ghi bằng thơ) :

Ra trường mầy đi lính chi?
Nhất định là lính Rằn Ri. Còn mầy?
Tao thì Quân Cảnh, tối ngày
Tìm ba thằng lính như mầy, nhốt chơi

Ngoài ra, Đại Đội 21 còn có những vị khoa bản, trí thức mà tôi mạn phép liệt kê dưới đây:
1- Anh Nguyễn Quốc Trụ, Cao học Bang Giao Quốc Tế, Giảng viên Đại Học Hòa Hảo, sau cùng là Giảng viên trường Chiến Tranh Chính Trị Đà Lạt. Anh gốc Bắc chung Trung đội với tôi. Sau 75, trong tù cải tạo Trảng Lớn anh Trụ đã cải lý với Chính Trị Viên Việt Cộng rồi Chính Ủy VC khiến chúng nó cứng họng đâm ra thù ghét anh. Kết quả anh Trụ bị nhốt conex lâu ngày. Cuối cùng chúng đưa anh ra tòa, bị buộc tội phản động, chống chế độ và bị xử bắn.
2- Anh Võ Duy Thưởng, cựu lãnh tụ Sinh Viên Luật Khoa, sau là nhân viên Trung Ương Tình Báo, chức vụ sau cùng là Thứ Trưởng Bộ Tư Pháp QLVNCH. Hiện sống ở California.
3- Anh Đoàn Kỉnh, sinh viên Đại Học Khoa Học Sài Gòn, lãnh tụ Sinh Viên tranh đấu rất nổi tiếng. Hiện ở đâu bên Arkansas. Tôi còn nhớ năm 1969, sau nhiều lần Sinh viên Học sinh phối hợp xuống đường tập thể, một buổi trưa, Đoàn Kỉnh, Phạm Quang Phước, Trần Văn Quí, Trần Nhật Nam và tôi âm thầm đèo nhau trên 3 chiếc Honda tới Quốc Hội biểu tình. Sau khi quan sát tình hình, bất thần Đoàn Kỉnh và Phạm Quang Phước xô ngã hàng rào sắt, chạy ùa vô tới trước cửa Quốc Hội ngồi xuống, giăng biểu ngữ. Sáng ngày hôm sau báo chí hùa nhau đăng tải tin tức giựt gân bằng những tít lớn như : Lãnh Tụ Sinh Viên Đoàn Kỉnh đơn thương độc mã xông vào Quốc Hội hoặc Lãnh Tụ Sinh Viên Đoàn Kỉnh bị đánh ngất xĩu trước Quốc Hội, chở đi mất tích... Năm 1980 tại trại tỵ nạn Leam Sing, Thái Lan tôi có đọc một bài báo phỏng vấn cựu sinh viên Đoàn Kỉnh về vai trò lãnh tụ sinh viên của anh trong quá khứ đã được anh bày tỏ sự hối tiếc muộn màng.
4- Đoàn Đình Đông Hải, một cái tên nghe mênh mông như... đường vào biển Triết. Tên như người, rất lập dị. Cũng vì hay lừng khừng, lãng đãng hướng vào nội tâm mà Hải thường hay bị phạt và nằm phòng kỷ luật đều chi.
Sau này, một vị cựu Sĩ quan Cán bộ Đại đội 21 nhắc tôi mới nhớ thêm Trương Nhị Đông (Quân Cụ), hiện ở VN. Phùng Ngọc Thịnh (Quân Cảnh), hiện ở Đà Lạt hoạt động trong ngành Du Lịch. Lê Phát Được (Pháo Binh) đi diện H.O qua Mỹ năm 1995 v.v...

Một hôm, Đại đội chúng tôi ba lô, súng đạn nhận lệnh đi gác tuyến D nguyên ngày. Sau buổi cơm trưa (do toán ẩm thực mang ra tuyến), tôi vừa leo lên chòi gác thì con buồn ngủ quái ác từ đâu ào ào ập tới. Mặc dù rán banh mắt ra mà nhìn về phía trước, hoặc lắc đầu nguầy nguậy cho

tỉnh táo hay móc thuốc lá ra hút liền tù tì mấy điếu, cuối cùng gió vẫn đưa con buồn ngủ nó lên chòi. Thế là, thay vì ôm súng gác như trách nhiệm của một người lính ngoài giới tuyến thì tôi rũ xuống như tàu lá làm luôn một giấc ngon lành, chẳng còn biết trời trăng mây nước là cái chi chi. Lúc tỉnh dậy mới hay mình... mất súng! Mất gì chớ mất súng quả là chuyện tầy đình. Có đường ra Tòa Án Quân Sự như chơi. Thì ra ông Cán bộ Trung đội trưởng đi kiểm soát tuyến bắt gặp tôi đang say giấc nồng bèn đi một đường tịch thu vũ khí. Chiều về tôi bị Cán bộ dũa te tua trước ba quân đứng im phăng phắc như trời trồng. Sau đó tôi khăn gói quả mướp vào phòng kỷ luật 301 hai ngày nằm chơi xơi nước. Tại đây, tôi lại hân hạnh tái ngộ với "giáo chủ Vô Vi" Đoàn Đình Đông Hải. SVSQ trong suốt khóa học không ai mà không nghe danh F301. Căn phòng vuông vức khoảng 9, 10 thước, u ám và khai nồng. Có nằm phòng kỹ luật nhìn gió bay ngoài trời, mây bay trên cao mới thắm thía thân phận tù đày của một anh lính trẻ bê bối như tôi.

Nằm ba-lẻ-một cũng... vui
Cái hồn mình chợt tối thui như rừng

Nói tới F301 mà không nói tới Bệnh Xá là một thiếu xót. Nhưng cũng vì cúm nó hành phải nằm Bệnh Xá mà tôi hụt mất một ngày đi bãi học Vượt Sông. Buổi tối, cơn nóng lạnh ùn ùn kéo tới, tôi mê mang thấy mình lăn qua hóa thành đá, lộn lại hóa thành núi, cuối cùng con bệnh hóa thành... một bài thơ.

Gần chẳng rõ, nhìn xa xa
Thấy mình hoa đá lăn qua mơ hồ
Thấy kỳ cục, đâm nghi ngờ
Rồi như núi đứng ngu ngơ mình buồn

Sau lễ gắn Alpha, cuối tuần SVSQ được cho về phép lần thứ nhất. Diện bộ đồ tiểu lễ kaki màu vàng nhạt, vai đeo dây biểu chương màu vàng, đầu đội cascette, dây nịt sáng chói, giầy botte de saut bóng lưỡng, tay cầm tờ giấy phép hiên ngang bước ra khỏi cổng số 1 về Sài Gòn đi phép. Những ngày cuối tuần sau đó, trừ đại đội tới phiên trực ở lại, ba đại đội còn lại phải ra Vũ đình trường thi diễn hành, đội nào bết nhất sẽ bị cúp phép. Một tuần học tập mệt xì khói, chỉ còn lợi dụng hai ngày nghỉ phép về Sài Gòn du hí mà bị cúp thì còn gì là đời trai. Có lần, Đại Đội 21 thi diễn hành bị đánh rớt liên tiếp hai tuần lễ, bị cúp phép, bị Cán Bộ "xì nẹt", nhiều thằng nổi sùng "len lén tâm tư ", chữi vung xích chó. Có thằng hẹp lượng giận cá chém thớt đi tìm đàn em lôi ra phạt cho hả giận.

Ba đại đội thi diễn hành
Đội mình bết nhất thì đành loại ra
Bị cúp phép, còn bị la
Nhiều thằng bất mãn kêu ca um sùm

Riêng tôi buồn tình thả ra khu Tiếp Tân, gần phía cổng chính, coi thiên hạ đi thăm nuôi cho đỡ buồn. Ngồi dòm bức tượng trắng toát của anh Sinh Viên Sĩ Quan đứng bắn cung chán rồi ra dựa gốc cây bã đậu hút thuốc nhìn trời đất, nhìn người, nhìn tôi.

Buồn tình ra khu tiếp tân
Dựa gốc bã đậu ngó gần ngó xa
Ngó thì ngó vậy, thật ra
Chẳng ngó gì hết, nên tha hồ buồn

Ngó cái "chẳng ngó" no con mắt rồi lững thững đảo xuống Khu gia binh chơi. Đang buồn thả hồn lãng đãng theo một bóng hồng trong mơ, có gặp huynh trưởng cũng chẳng còn hồn với vía đâu mà chào. Vậy là có cái họng hung dữ gào lên " Hai mươi cái bơm. Hai mươi cái hít đất. Hai mươi cái nhảy xổm! Thi hành!" Đáp tuân lệnh xong là vừa thi hành vừa đếm thật to tổng cộng một hơi sáu chục cái không thiếu cái nào. Hồi đó sao mà khỏe ơi là khỏe!

Buồn tình xuống khu gia binh
Thả hồn ôm ấp bóng hình nơi nao
Gặp huynh trưởng, quên, không chào
Thôi thì nó thét, nó gào điếc tai

Học binh pháp thì có hằng ngàn mưu thần chước qủy để mà học. Bể học mênh mông, có học cả đời cũng không hết. Như chiến thuật hành quân phối hợp bộ binh và thiết giáp chẳng hạn. Thiết giáp chạy trước bánh xích ầm ầm ngiếng từng tất đất vừa hù vừa rãi đại liên càn quét địch quân, bộ binh chạy lúp xúp phía sau lên tiến chiếm mục tiêu.

Thiết giáp nó chạy trước mình
Địa thế gập ghềnh, mình chạy phía sau
Chạy xì khói, chạy phờ... râu
Ba chân bốn cẳng chạy mau như gì

Đi hành quân tùy tình hình, địa thế mà ngụy trang để địch quân khó bề phát hiện. Lá cây rừng là phương tiện thiên nhiên hữu hiệu nhất . Tha hồ mà be,?mà cắm, mà vắt trên đầu trên lưng là có điểm.

Quơ tay bẻ cụm lá rừng
Mình cắm, mình vắt trên lưng trên đầu
Soi mình xuống vũng nước trâu
Một thằng lạ hoắc nghoẻo đầu nhìn lên

Mệt mà vui, thời giờ trôi qua rất mau là đi địa hình. Từ điểm đứng trên bản đồ hành quân (được bọc cẩn thận trong bao nylon), ta vạch một đường thẳng hướng theo kim địa bàn xuyên qua địa hình, địa vật để đến mục tiêu. Mục tiêu là những cộc gỗ được đánh dấu bằng mẫu tự Alphabet đã bài trí sẵn theo tuyến hàng ngang cách điểm xuất phát non chục cây số đường rừng.

Mới tảng sáng, Đại Đội 21 đã có mặt đầy đủ quân số tại điểm học tập. Tại đây, các Khóa sinh được Huấn luyện viên giảng dạy lý thuyết, học cách đọc bản đồ, chấm tọa độ, sử dụng kim địa bàn, đo phương giác... Sau đó, mỗi tiểu đội dùng địa bàn xác định điểm đứng của mình rồi nhắm

hướng mà đi. Đơn giản như vậy mà lúc đi cứ bị lạc hoài. Trên lý thuyết nghe thì dễ, lúc thực hành mới gian nan. Có điều, không có gì sướng cho bằng lính lâu ngày được thả cho tự do bương đồng, lội suối, xuyên qua vườn tược, nhà dân, gần gũi với bờ tre, cây lúa, ụ rơm, thở hít không khí trong lành của miền đồng nội. Cũng nhờ thằng Tiểu đội trưởng hướng dẫn đi địa hình lạng quạng mà tình cờ Tiểu đội 1 chúng tôi lạc vào khu vườn thơm, lưa thưa vài chục mái nhà tranh nằm hiền hòa dưới những tàn cây rậm mát. Hầu hết các SVSQ đi địa hình đều biết tiếng Vườn Thơm. Vì nghe đồn ở đây có một cô gái tên Lan đẹp chim sa cá lặn. Biết là chẳng bao giờ có chuyện bèo mây gặp gỡ, nhưng nghe qua tiếng đồn, lòng ai mà chẳng nao nao.
Cuối cùng, mọi người cũng đi đến đích. Tuy nhiên, thay vì mục tiêu là cộc C như đã chỉ định thì chúng tôi đi lạc xuống tới tận cộc M. Báo hại 12 thằng dỡ hơi phải hộc tốc chạy ngược lên cộc của mình đánh dấu để về báo cáo lấy điểm. Thi địa hình mà! Có một điều an ủi là chẳng riêng gì Tiểu đội cà chớn chúng tôi, mấy Tiểu đội gà mờ bạn cũng đi sai địa hình không kém. Đúng là sai một ly đi một dặm.

Kim địa bàn chỉ hướng Đông
Cái chân lội suối, bương đồng mà đi
Địa hình, địa vật chi li
Cái chân mắc dịch dẫn đi lạc hoài

Nhiều người nói Dây Tử Thần là môn đứng tim nhất, nhưng khi tới phiên tôi thì tôi cảm thấy chẳng có gì làm... tim đứng lại cả.
Dây Tử Thần được chế tạo bằng một sợi cáp nối từ đỉnh đồi ngang qua hồ nước xuống tới bờ hồ. Sợi cáp luồn xiên qua tâm ròng rọc có hai móc câu bằng sắt (hoặc khoen) để nắm. Tuần tự từng người khi đu xuống tới mức an toàn thấy tên thủ hiệu phất cờ thì buông tay cho thân mình rớt xuống hồ nước sâu lút ngực. Lóp ngóp lội lên bờ là xong.

Ròng rọc lao xuống ào ào
Tiếng dây cáp rít, gió gào hai bên
Thằng thủ hiệu phất cờ lên
Mình buông tay rớt sát bên bờ hồ!

Tôi không ngán đu dây Tử Thần, nhưng lại ớn đi dây Kinh Dị.
Dây Kinh Dị có ba sợi cáp thiết trí theo hình chữ V hoa giăng ngang qua một cái vực. Đi dây Kinh Dị đừng bao giờ nhìn xuống đất, vì độ cao cộng với sức nhún nhảy, ngã nghiêng của sợi dây dễ làm ta lạng quạng, mất thăng bằng, trật tay té xuống không chết cũng tàn phế.

Dây Kinh Dị ác ôn hơn
Sợ xám mặt, ớn thấu xương sóng mình
Sợi dây nhún nhảy bấp bênh
Dưới sâu Thần Tử ngó lên cười cười

Tuột Núi là môn tôi tỏ ra bết nhất. Mặc dù tôi góc núi, sinh trưởng ở núi, nhưng chẳng leo núi bao giờ. "Núi" (hay Đài Tuột Núi) ngoài bãi là một tấm vách hình khối chữ nhật dựng sừng

sững giữa trời. "Núi" cao khoảng 15 tới 20 thước, bề ngang chừng 1.5 thước. Đứng trên đỉnh tứ bề gió lộng, người không quen độ cao thoạt nhìn xuống sẽ chới với, thụt lùi ngay. Nghệ thuật tuột núi đặt trọng tâm vào hai sợi dây và cái móc dây an toàn. Hai sợi dây giống loại dây dù, nhưng đường kính to bằng ngón tay cái, được buột từ đỉnh của Đài Tuột Núi thả dài xuống tới mặt đất; sợi còn lại dùng để quấn quanh thắt lưng và háng rồi luồn vô cái móc chữ O có cửa sổ bên hông chữ O. Khi tuột phải tuột đằng lưng, mặt dây vô vách. Muốn tuột nhanh hay chậm đều tùy vào bàn tay phải hoặc trái bóp hay nhả sợi dây luồn qua cái móc hình chữ O.

Vách núi dựng đứng giữa trời
Sợi dây thừng quấn quanh người lắc lư
Chưa tuột mà đã lừ đừ
Ba hồn chín vía sặc sừ rút lui

Cuối cùng rồi cũng đụng Đoạn Đường Chiến Binh, môn học mà hầu hết SVSQ nào cũng lắc dầu ngao ngán. Đoạn đường này không dài mấy, non chừng một ngàn thước, nhưng đầy những chướng ngại vật mà mọi người đều phải vượt qua. Nào là đu dây, vượt tường, leo lên cầu cao, chạy qua cầy khỉ; nào là băng qua những bãi lầy, đụn cát, nhảy qua gò, bay qua ụ, phóng qua hầm, vượt qua hố, rồi chui dưới địa đạo, bò dưới rừng kẽm gai, trong khi hỏa lực nó khạt rát phía trên đầu, lâu lâu lại nghe mìn nổ bậy bạ đâu đó! Đoạn Đường Chiến Binh hiểm ác một điểm nữa là súng cầm tay, ba lô trên lưng, SVSQ phải chạy từ đầu cho tới cuối chặng đường. Một người khỏe mạnh cách mấy, vượt hết đoạn đường này cũng phải đổ mồ hôi mà thở hắt ra.

Leo, trèo, chạy, nhảy, phóng, bò
Vượt chướng ngại vật có trò lọi xương
Mình đi tám hướng, mười phương
Bây giờ mới gặp đoạn đường chiến binh

Một buổi sáng mùa thu, Tiểu Đoàn chúng tôi được lệnh đi ứng chiến tại Sài Gòn trong vòng một tháng. Ba Đại đội bạn ứng chiến ở đâu tôi không biết, riêng Đại đội 1 chúng tôi cắm trại tại sân Hoa Lư, Đa Kao dưới cơn mưa nắng thất thường. Sân vận động này tọa lạc ngay tại ngã tư Hồng Thập Tự và Đinh Tiên Hoàng, đối diện với đài Truyền Hình Việt Nam mà anh em Sinh Viên Quân Sự Học Đường năm ngoái đã vào Đài trình diễn văn nghệ. Đặc biệt nữa là sân Hoa Lư đâu lưng với quán Tre của Khánh Ly, tối tối lỏng một chút là chúng tôi chui rào qua uống cà phê nghe Khánh Ly hát... từ trong máy.Ứng chiến non một tháng, Đại Đội chúng tôi được lệnh nhổ trại trở về Thủ Đức. Nhiều SVSQ có nhà ở Sài Gòn, được thân nhân thăm nuôi cung cấp đủ thứ lương thực nhét đầy trong ba lô căng cứng. Riêng cá nhân tôi thuộc "con bà phước", nên trưa hôm đó tôi đã âm thầm mang theo trọn... một mùa thu, một hồn quán Tre và mưa nắng Sài Gòn trở về lại quân trường Thủ Đức.

Mình đi ứng chiến Sài Gòn
Chừng non một tháng thì mòn đám mưa
Trở về Thủ Đức ban trưa
Mình mang theo hết đám mưa Sài Gòn

Tháng 9 năm 1971, sau buổi điểm tâm bánh mì và chuối xong, Đại đội chúng tôi được lệnh đi gác tuyến B đến chiều mới trở về. Sau buổi cơm chiều, trời vừa sụp tối, Đại đội 21 lại được lệnh trang bị vũ khí, ba lô lần lượt ra tập họp trước sân Đại đội. SVSQ Nghiêm Văn Hiệp, đại diện SVSQ Trung đội trưởng Đại đội 21 hô gióng hàng nghiêm chỉnh trước hàng quân im phăng phắc. Sau khi kiểm điểm quân số, kiểm tra vũ khí, anh Hiệp quay qua Trung úy Huỳnh Trung Hiếu giơ tay chào báo cáo:
- Đại Đội đã tập họp xong! Tổng số 179. Bất khiển dụng 4. Công tác ẩm thực nhà bàn 8. Hiện diện 164. Trình Trung Úy. Đủ!

Sau đó, chúng tôi lặng lẽ hướng về Vũ đình trường. Tại đây ba Đại đội 2, 3, 4 cũng tuần tự đến hợp thành một Tiểu Đoàn để chuẩn bị Đêm Di Hành, một môn học cuối cùng trước khi mãn khóa. Tôi còn nhớ đêm hôm đó giữa Vũ đình trường, hằng trăm hằng ngàn người đều chìm vào trong bóng tối. Những ngọn đèn điện lạnh lẽo trên khán đài hay quanh Vũ đình trường không đủ sáng để soi tới những khuôn mặt xạm nắng quân trường. Không một tiếng thì thầm. Không một tiếng cười, kể cả tiếng ho. Hình như ai cũng trầm mình vào trong suy tư, lo lắng. Rồi đoàn quân bắt đầu rời tuyến xuất phát là Vũ đình trường, hết Đại đội này tới Đại đội khác hướng về cổng 9 ra bãi. Quân đi âm thầm, lặng lẽ như một đoàn quân ma. Quân đi qua những con đường, những ngọn đồi thấp, những rừng cây, những nơi chốn trong suốt gần 9 tháng trời đã đi qua. Buổi tối, trên trời trăng bắt đầu lên. Xa xa về hướng Đồng Ông Cộ, những trái hỏa châu như những chiếc đèn lồng đong đưa trong gió, toả ra những tia sáng lạnh lẽo, vàng vọt, lấp lánh, đứt quảng, rưng rưng như những giọt lệ. Khi chúng tôi từ trên đồi thả lài lài xuống dưới trũng thì gã? một cái hồ nước, đúng lúc những trái sáng xèn xẹt bắn lên cao, soi sáng cả một vùng đêm sâu mù tối.Ngoài bãi tập có một cái hồ đủ để trâu đầm gọi là hồ Lệ Thủy mà Đại đội 21 vừa đã? chân tới. Đêm di hành gặp trời quang mây tạnh, vừa tới sát bên bờ hồ thì tôi khá giựt mình vì cái đẹp lạnh lùng của bóng trăng vằng vặc dưới đáy nước nhìn ngược lên tôi bằng một ánh mắt cực kỳ lạnh lẽo. Tôi thường mắc cái tật hay giựt mình trước những vẻ đẹp có tính cách mỏng mảnh, đơn phương mà dữ dằn ở thế thủ của thiên nhiên, thú vật, kể cả con người.

Qua hồ Lệ Thủy ban đêm
Con trăng bảnh chọe ngủ trên mặt hồ
Nước hồ trâu đẫm đục lờ
Mình dọng trái sáng làm mờ con trăng

Ngồi trên đồi nhìn xuống dưới xa là xa lộ Biên Hòa, xa hơn nữa xeo xéo bên trái là Nghĩa Trang Quân Đội hàng hàng mộ bia trắng toát. Có lên ngồi đây lúc chiều tà mới thắm thía cái thân phận người lính trong một đất nước chiến tranh.

Chiều rơi mấp mé lưng đồi
Mình còn thở mãi nhịp đời chông chênh
Ngồi đây giữa cõi bấp bênh
Hồn mình ai thả sầu lênh đênh hoài

Cuối cùng vào nửa đêm, tất cả bốn Đại đội của Tiểu đoàn chúng tôi lần lượt trở về tập họp tại Vũ đình trường. Sau khi kiểm điểm lại quân số và vũ khí, những tiếng hô lệnh lạc, tiếng báo cáo lại lanh lãnh vang lên giữa đêm trường. Theo hệ thống quân giai Trung đội báo cáo lên Đại đội. Đại đội báo cáo lên Tiểu đoàn. Tiểu đoàn báo cáo lên Liên đoàn.

Mình đi từ sáng tới chiều
Từ chiều đến tối muốn xiêu thân rồi
Cái tay cầm súng rã rời
Cái chân đạp trúng bóng đời nhà binh

Thời gian suốt chín tháng trong quân trường lần hồi cũng đi tới cái đêm cuối cùng của nó. Đó là đêm bồng súng gác Trung Nghĩa Đài. Hai người một ca, hai tiếng. Mặc đồ tiểu lễ, mang dây biểu chương, găng tay trắng, đội nón caskette có quai vòng quanh cằm, súng trên tay áp vào ngực vào vai, lưỡi lê chọc thẳng lên trời, chúng tôi như hai xác tượng đứng gác giữa đêm, canh cho những người đã khuất. Dựng Trung Nghĩa Đài là để tưởng niệm linh hồn các khóa đàn anh đã hy sinh vì tổ quốc. Đêm càng sâu trời càng sao sáng, gió càng lạnh. Gió thổi bập bùng những ngọn đuốc cắm chung quanh Trung Nghĩa Đài. Gió thổi xào xạc trên cây. Gió thổi ù ù trên mặt đường. Gió thổi người gục xuống. Gió thổi tôi đi.

Bồng súng gác Trung Nghĩa Đài
Nghe đời mình cũng thở dài đâu đây
Thương lòng đêm gió trắng lay
Khóc hồn tử sĩ tàn bay về nhà

Đêm tịch mịch như vậy mà sáng hôm sau lại rền vang những tiếng hô nghiêm nghỉ đứng lên quì xuống giữa Vũ đình trường của tất cả các khóa sinh khóa 1/71 đang làm lễ mãn khóa ra trường. Ôi, ngày hôm đó quân trường tràn ngập nắng và Vũ đình trường đầy ngập người. Trên khán đài là thân nhân, bạn bè, là người yêu của lính đến tham dự chia vui. Giữa sân Vũ đình trường, chúng tôi oai phong trong bộ đồ đại lễ, vai mang biểu chương, đầu đội caskette, một chân quì xuống nôn nao chờ các huynh trưởng đến gắn cấp bậc : Chuẩn Úy.

Cái lon chuẩn úy vàng khè
Bu trên cổ áo nặng è cổ ra
Cái lon chuẩn úy, nhìn qua
Giống hai con cá vàng da vẫy vùng

Cuối cùng, cổng số 1 lại mở ra. Lần này hằng ngàn tân sĩ quan hân hoan bước ra khỏi cổng mà không bao giờ trở lại. Chúng tôi như những con chim ra ràn bay đi khắp bốn vùng chiến thuật, để rồi những năm tháng sau này, có những con chim trở thành *hồn tử sĩ*, có những con chim thành *người thương binh*...

Bây giờ là năm 2001, tôi đang ngồi đây, ngồi ngoài đất nước để nhớ về một Việt Nam bên kia trái đất, ở đó có một quân trường trước kia gọi là Trường Võ Khoa Thủ Đức, sau đổi tên thành

Trường Bộ Binh Trừ Bị Thủ Đức cách Sài Gòn 15 cây số hướng Đông Bắc. Nhớ tới Trường Bộ Binh như nhớ tới một bước ngoặc lớn đời tôi, từ một chàng sinh viên hoài mộng ngất trời tới một anh lính chiến băng mình trong bom đạn quê nhà. Rồi, sau ngày 10 tháng 3 năm 1975 tại Ban Mê Thuột, Thiếu Úy Tấn trở thành tù binh cải tạo, thành tù vượt ngục, sau cùng thành thuyền nhân sống lưu vong nơi đất khách quê người đến nay ngót 21 năm.

Hôm nay tôi đặt bút viết xuống những dòng này để tặng quí vị cựu Sĩ Quan Thủ Đức trong và ngoài nước, cũng như để tưởng nhớ những người lính Thủ Đức (nói riêng) và những chiến sĩ Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa (nói chung) đã bỏ mình vì lý tưởng tự do, vì đồng bào, vì đất nước, một đất nước đã mất…..

Nguyên Sa: Sân Bắn

Nguyễn Mạnh Trinh

Nguyên Sa còn làm thơ những ngày ở lính và chiến trang ở đây được nghìn ngắm với con mắt của người trong cuộc. Những người tham dự, dù tình nguyện hay bắt buộc, cũng bị lôi đi trong cơn lốc của thời thế. Đọc bai thơ *"Sân Bắn"* để thấy được tâm tư của người trong cuộc. Một cách tình cờ, bài thơ được viết ra trong khung cảnh thanh bình của Sài Gòn buổi chiều nhưng lại là những cảm quan từ quân trường, nơi sân bắn có cái hình nhân phơ phất, có tiếng kêu ***"Bia lên"*** để làm đích cho những viên đạn vô tình."…Tôi không có ý định làm bài lục bát đó, tự nó tới, bật ra. Tôi dừng lại ở bưu điện Sài Gòn, hí hoáy ghi lại "Sân Bắn". Con trai tôi từ trường Taberd đi ra, trèo lên băng sau của chiếc Volkswagen chờ tôi lái đi. Tôi chép cũng vừa xong…"….Khi "Sân Bắn", thơ, đến với tôi, bia cũng tới, đầu tiên, không có chân tay, cảm xúc của thơ mang cho "Sân Bắn" thơ thêm hình ảnh của ta, của địch, thân phận của con người, sự vong thân của bản ngã… "

Bia lên ta thấy thân người
Thấy ta thấy địch, thấy đời lãng du
Thấy tay dư, thấy chân thưa
Một đời phơ phất hình nhân

Bia lên tìm chỗ ta nằm
Non cao duỗi cẳng em còn thấy đâu
Hầm bia buồn đến mộ sâu
Nghìn cây nến thắp trên đầu đạn bay

Chiến tranh là một thực tế của đất nước. Và thơ của ông phần nào biểu lộ cái thực tế ấy. Những bài thơ nhưa "Cầu Siêu Cho Nguyễn Quang Đại", "Chết ở Khe Sanh", "Thằng Sĩ Chết"….Trong "Thư Cho Bạn Ở Tù" với những nỗi đau thời thế:

Bây giờ mày ở trong tù
Đêm nàm muỗi cắn nhớ nhà không con
Tao đi lính được bốn năm
Mày nghe chuyện lính tưởng rằng tao gân

Tưởng tao trấn thủ lưu đồn
Một tay cờ kiếm anh hùng chí cao
Bốn năm thi sĩ nằm khoèo
Rượu say thơ cũng mệt nhoài tứ chi

Nguồn cảm hứng trong thơ Nguyên Sa như dòng sông lớn chảy phăng phăng ra biển cả, bỏ mặc hai bên những bến bờ nhân thế. Nhưng *"nỗi niềm của một kiếp người đã nhiều tháng ngày ngồi*

trong ngõ tối, để suốt cả đời chờ đợi tin yêu" để nhìn *"hy vọng bay theo từng hy vọng"* đã làm Nguyên Sa vụt nghĩ đến cái chết. Cái chết mà Dante, thi hào Ý Đại Lợi ở đầu thế kỷ XIV thét lên – *"Tôi không hiểu tại sao, sự chết đối với một số đông lại có nghĩa là bại trận!"*. Nguyên Sa không có cái can đảm của Dante, nên khi nói về cái chết vẫn hình dung đến sự ghê gớm, lạnh lẽo với tiếc thương "trên ấy" qua bài thơ "Lúc Chết".

Ở trên ấy mây mùa thu có lạnh
Anh nhìn lên mái cỏ kín chân trời
Em có ngồi mà nghe gió thu phai
Và em có thắp hương bằng mắt sáng?

Trong thơ Nguyên Sa người đọc ít tìm thấy sự bi thảm quá đỗi. Nỗi đau của Nguyên Sa đã biến thành cái đẹp, do đó, chả cứ gì cái chết mà ngay cả cuộc chiến đã từ mấy chục năm với dung nhan của đổ vỡ, chia lìa, với từng ngón hoài nghi đang len lách phá hoại, huỷ diệt nếp suy tư, đạo hạnh ở mỗi con người, chẳng hề làm thi sĩ bận tâm. Nếu có một dòng thơ nào phải nhắc đến chiến tranh, Nguyên Sa cố cho nó lướt nhanh và mờ đi ở giữa những hình ảnh và ý nghĩ dạt dào nóng bỏng môi hôn. Nguyên Sa đã sống ngoài cuộc sống và đặt thi ca vào vị trí đúng của nó trong môi trường vĩnh cửu

Trường Võ Bị Liên Quân Đà Lạt…và tôi

Phạm Văn Nhuệ

Cuộc đời tôi không nhiều may mắn, tôi muốn có đủ mọi thứ nhưng hình như tôi chẳng có một thứ gì cho ra hồn. Những ngày còn mài đũng quần trên ghế các lớp Trung học trường Tỉnh Thái Bình, tôi mê các "thần tượng" của tôi như Lê văn Trương, Nhất Linh, Khái Hưng, v.v... tôi ước ao ngày nào đó sẽ "viết" được như họ, nhưng "ngày nào đó" chẳng bao giờ tới, ngoài vài bức thư lâm ly vớ vẩn gửi về nhà quê cho bố tôi, xin tiền học, tiền ăn, tiền mua sách, mà tới chín mươi phần trăm tôi dùng vào việc mua tác phẩm của các…"thần tượng" nói trên.

***

Tôi viết đã không nổi, vậy mà hôm nay tôi sắp phải làm công việc khó khăn đó, tôi phải dùng bút ghi lại một vài "rắc rối cuộc đời" mà tôi dù muốn tránh, nhưng vẫn gặp. Nếu "cưỡng từ đoạt lý" khăng khăng cho những dòng tôi viết sau đây là "Văn", thì phải thêm nhiều tưởng tượng rằng xuôi dòng văn chương đó, đang có một "con thuyền Nghệ An" của văn hào Cao Chu Thần tiên sinh lờ lững trôi theo. Rắc rối cuộc đời nào nhiều hơn là việc đi lính, việc "lăn vào nơi gió cát", vậy mà tôi vẫn làm, vì thực tình tôi không còn một chọn lựa nào hơn, khi học thì chưa tới nơi tới chốn, mà "dĩ nông vi bản" của tổ tiên thì tôi chỉ "nghe nói" mà chưa có dịp thực hành, thế rồi tháng 4 ***năm 1956*** tôi đi lính thật, tôi "vào Đà Lạt".

Có thể khác xa với các bạn tôi, lý do tôi đi lính không có gì ghê gớm cả. Tôi "vào Đà Lạt" không mang bất cứ một ý nghĩa hào hùng như các bạn, nào là "non sông nguy biến" hoặc là "thỏa chí tang bồng hồ thỉ", v.v... Tôi xin dự thi vào Trường Võ Bị Đà Lạt chỉ vì ngoài đời sống dân sự tôi "lận đận trường ốc" nhiều lần: năm nào tôi cũng đi thi, cả khoa chính tới khoa phụ, nhưng ban giám khảo hình như biết "tài học" cóc nhẩy của tôi, nên hoạn lộ dù thênh thang nhưng chỉ mở cho người khác, lại đóng chặt với tôi. Tôi đành xin dự thi vào trường Võ Bị Liên Quân Đà Lạt, với hy vọng đường vào trường Võ Bị sẽ rộng mở cho tôi.

***

Kỷ niệm vui buồn với Quân trường Đà Lạt bắt đầu từ đây.
Kỷ niệm đầu tiên là dự thi. Tôi theo Ban "B" bậc Trung học, nên các môn học chính của "Ban" này như Việt văn, Toán, Lý, Hóa v.v... tôi còn tạm được, đôi lúc may mắn trên mức trung bình, nhưng ngược lại hai môn sinh ngữ Anh và Pháp tôi luôn luôn "cầm đèn đỏ". Tệ nhất là Pháp văn, tôi không viết nổi một câu dài đúng mẹo luật, nói chi tới trau chuốt văn chương, bắt chước các thi hào Victor Hugo hay Chateaubriand, mà những ngày còn theo học trường Tây Pascal tại "tỉnh nhà", tôi thuộc làu làu. Thì ra những năm tháng theo gia đình chạy tản cư nơi núi rừng Việt Bắc, tôi đã đánh rơi gần hết vốn liếng tiếng Tây còm cõi của mình. Nói tóm lại, "văn tài sinh ngữ" của tôi lúc đó vô cùng tồi tệ. Cũng vì bản chất ngu muội, tôi khai hết sở đoản của mình cho anh bạn thí sinh ngồi cạnh, những mong chia sẻ ưu tư.

Anh Đoàn-văn-Lâm, người bạn mới quen má đỏ môi hồng, mắt anh sáng rỡ nhìn tôi, không rõ vui mừng gặp tri kỷ hay thương hại sự dốt nát của tôi, mãi sau anh mới "phán" rằng: "Moa" là dân Lycée chính hiệu của "Sặc-Sà-Lù", "Moa" được "ông bà già" cho theo học trường Tây ngay từ lớp mẫu giáo, việc làm một bài Luận Pháp văn đối với "moa" cũng giống như việc ăn uống hàng ngày. "Moa" tính thế này: "Toa" phải giúp "moa" các môn Toán, Lý, Hóa của chương trình Việt, vì có thể nhiều danh từ chuyên môn tiếng Việt "moa" không hiểu. Đến bài Pháp văn "moa" sẽ giúp "toa", đồng ý chứ? Tôi có cảm tưởng anh Lâm, người bạn mới quen nhưng cực kỳ tốt bụng, đã chắp cho tôi đôi cánh để bay lên mây, vì các trở ngại tưởng không thể vượt qua, đã được giải quyết dễ dàng ngoài mong ước. Tôi đồng ý quá đi chứ! Nhưng tình đời tôi ngây thơ tưởng vậy, mà không phải vậy! Lòng tốt của người bạn mới quen đã có những biến chuyển không ngờ, ngoài dự liệu.

Cuộc thi tuyển tại Sàigòn diễn ra liên tục nhiều ngày.
Bài thi đầu tiên, môn Việt văn: "Nói về chiến thắng Đống Đa của vua Quang Trung". Bài này tôi làm dễ dàng, gần như "trúng tủ", vì với tôi, việc viết chữ nước mình chẳng mấy khó khăn, và quan trọng nhất tôi mới đọc một bài báo số Xuân, viết đúng đề tài này, ngay tối hôm trước khi thi. Tôi chỉ cần viết sơ dàn bài trên giấy nháp, rồi viết ngay vào giấy thi mà không sợ lầm lẫn. Tôi viết đúng từng địa danh Làng, Xã... nơi xảy ra những trận chiến lừng danh. Tôi còn nhớ đúng các năm Âm lịch, đối chiếu với ngày tháng Dương lịch, nói chung, tôi gần như "đưa nguyên con" bài báo Xuân mới đọc của sử gia nào đó vào bài luận thi. Tôi có thể đoan chắc rằng, với cả ngàn bài luận thi hôm đó, không thể có bài nào toàn hảo hơn bài của tôi.

Các môn thi Đại-số, Hình-học, Lượng-giác, cùng Vật-lý, Hóa-học .... thi vào các ngày sau đó tôi đều làm dễ dàng, nhanh chóng, hầu như không trở ngại. Các bài này tôi đã gặp nhiều lần trong những kỳ "lạc đệ" trước đây, các vị giáo sư của tôi đã giảng đi giảng lại nhiều lần, bắt tôi học thuộc như những bài thi mẫu. Tôi từ tốn viết các bài này vào giấy thi, kiểm soát lại từng con số cực kỳ cẩn thận, sau đó viết lại một lần nữa vào giấy nháp cho bạn tôi, tôi không giám viết tắt các danh từ khoa học, vì sợ bạn hiền không rành phiên âm tiếng Việt, rồi nhẹ nhàng luồn dưới gầm bàn, đưa tận tay bạn. Tôi làm các việc phi pháp trên với sự cẩn trọng tuyệt đối, tôi tự coi như đã hoàn tất phần nào cho bài Pháp văn, tôi sẽ phải làm trong các ngày tới vậy. Sau mỗi môn thi này, tôi ra về với tâm trạng thơ thới, hân hoan.

Ngày cuối cùng, buổi sáng thi Pháp văn, bình giải một tư tưởng triết học của một triết gia người Phú Lãng Sa, sau đó mượn suy tưởng này ứng dụng vào Việt Nam để ca tụng tài "lãnh đạo anh minh" của ông Thủ tướng đương nhiệm, một đề tài cực khó so với trình độ học vấn của chúng tôi lúc này. Bạn hiền của tôi chắc là "trúng tủ", chỉ cần nhìn nét hân hoan trên mặt bạn là tôi yên trí rồi, tôi cũng hân hoan không thua gì bạn, tôi cũng "trúng tủ" như bạn vậy! Còn riêng phần tôi, không nói cũng rõ, tôi chỉ hiểu lờ mờ những ý chính mà thôi. Nhưng cần gì, tôi đã có "cứu tinh" ngồi ngay bên cạnh. Bài Pháp văn này làm trong 4 giờ, bạn tôi có dư thì giờ múa bút, và tôi cũng dư thì giờ ngồi quan sát phòng thi, nhìn chim bay ngang cửa sổ, nghe những âm thanh hỗn tạp của Saigon náo nhiệt bên ngoài.

Giờ thứ nhất qua đi êm ả cho cả hai người chúng tôi, tôi tránh không làm rộn bạn, làm chia trí

những lý luận cao siêu trong đầu người bạn thông thái của tôi. Nhưng đến cuối giờ thứ hai tôi bắt đầu sốt ruột, vì nửa thời gian đã qua đi, mà trang giấy thi của tôi vẫn còn nguyên "trinh bạch", tôi chưa viết được một chữ nào, dù chỉ vào giấy nháp. Đến giữa giờ thứ ba tôi bắt đầu mất bình tĩnh, tôi chưa có một chữ nào trong giấy thi, nhưng liếc sang tôi thấy bạn tôi đã viết kín nhiều trang đen đặc. Bạn vẫn còn viết tiếp, chưa có một dấu hiệu gì ngừng, thì lúc nào bạn nghĩ tới tôi, chuyển tờ giấy nháp quý hóa của bạn cho tôi? Tôi dùng chân thúc nhẹ sang bạn, nhắc bạn sự bồn chồn lo lắng của tôi, nhưng bạn vẫn tảng lờ như không đáng quan tâm, đôi lúc bạn còn giận dữ liếc sang tôi, coi tôi như kẻ thô lỗ nhất trần gian, đã làm ngăn lấp mạch văn chương đang lai láng của bạn. Tôi tuy nôn nóng, nhưng không thể làm gì hơn, đành bồn chồn ngó sang bạn, cầu mong bạn thông cảm mà sớm ban "ân huệ" cho tôi. Sang đến giờ thứ tư, giờ chót của buổi thi, bạn tôi có lẽ đã hoàn tất "tác phẩm" vĩ đại gồm nhiều trang giấy, bạn đọc lại bài văn đã viết rồi gật gù mỉm cười đắc ý..., trong khi cạnh bạn, tôi nhấp nhổm như ngồi trên lửa. Bạn tôi rất từ tốn và chậm rãi thu dọn bài vở, giấy tờ..., rồi một tay cầm tập bài thi, tay kia cầm cuộn giấy nháp, mà tôi đinh ninh rằng bạn chờ giám thị quay đi hướng khác, dúi sang cho tôi, như tôi đã làm cho bạn nhiều lần, trong những ngày thi trước. Tôi hồi hộp chờ bạn "trả ơn", như giao ước đã thỏa thuận từ nhiều ngày trước.

Nhưng tôi đã lầm, bạn tôi không làm như tôi nghĩ, bạn nắm chặt hai tập giấy trong hai tay dơ cao, bạn cúi xuống và từ tốn nói với tôi một câu, mà chắc chắn suốt đời tôi không thể nào quên được: "Moa" rất tiếc không thể giúp "toa" làm bài Pháp văn này được, vì nếu tìm ra hai bài giống nhau, người ta sẽ đánh rớt cả hai. "Moa" thì không muốn bị rớt trong kỳ thi này... , thôi "toa" cảm phiền vậy". Nói xong bạn tôi lên nộp bài, rồi ra khỏi phòng thi. Nghe bạn nói dứt câu, tôi không tin ở tai mình nữa, vì nó lùng bùng như đang nghe đánh trống, như đang dự múa lân, mắt tôi đổ hào quang, và mồ hôi rịn ướt lưng áo. Sau vài phút thất thần, tôi dần bình tĩnh lại để nhận ra thực trạng cay đắng của mình: Tôi chỉ còn khoảng 45 phút phù du để làm một bài bình giải Pháp văn mà tôi hiểu rất lơ mơ, trong khi người bạn "Lycée từ Mẫu giáo" tài ba của tôi cũng phải mất trên 3 giờ vật lộn. Dù sao tôi cũng vẫn còn may, tôi vẫn còn 45 phút dù thực ít oi. Nếu bạn tôi "trở mặt" vào phút cuối buổi thi, thì tôi hết đường cục cựa.
Tôi tận dụng tất cả "sở học" Pháp văn còm cõi của mình để mong cứu vãn phần nào hay phần đó. Nghĩ được câu nào tôi viết ngay vào giấy thi mà không cần nháp trước, tôi viết sao cho có chữ, cho kín giấy mà không "câu nệ" về từ ngữ cũng như văn phạm. Tôi không có thì giờ đọc lại bài làm để tự thưởng thức "văn như Siêu Quát" của mình, như bạn tôi đã làm trước đó. Đến lúc giám thị thu bài vì hết giờ, tôi cũng "bôi" kín được gần hai trang giấy thi, mà không thể nhớ được mình đã viết những gì. Tôi thẫn thờ rời khỏi phòng thi như kẻ mộng du, tôi chán nản vì thấy không còn cơ cứu vãn.

Chiều hôm đó thi bài chót Anh văn. Tôi và bạn hiền vẫn ngồi cạnh nhau, nhưng không ai nói với ai một lời. Bài thi gồm hai phần: Dịch một bài từ tiếng Việt sang Anh văn, bài kia ngược lại, từ tiếng Anh sang Việt ngữ. Rút kinh nghiệm đắng cay của bài thi Pháp văn buổi sáng, tôi rất thận trọng và chuyên chú ngay từ phút đầu, tuy nhiên kết quả chắc cũng không mấy khích lệ, vì như đã thú nhận: Tôi không có "khiếu" sinh ngữ. Bạn hiền của tôi chắc cũng không khá hơn tôi, nhiều lần liếc trộm sang, thấy bạn vẫn loay hoay, hết cắn bút nhìn lên trần nhà, lại cúi xuống tẩy xóa lia chia. Đôi khi bạn nhìn sang tôi với ánh mắt cầu khẩn, khác hẳn với thái độ trịch thượng

lúc đầu. Tôi tuy thực tình thương hại bạn, nhưng không có "Bồ đề tâm" như Đức Phật: đưa má còn lại cho người tát, nên lặng lẽ làm ngơ với khó khăn của bạn. Tôi cũng thực tình ngạc nhiên về tài học Lycée của bạn, và tự hỏi mình: Không lẽ trường Tây của bạn lại không dạy Anh văn? Nước Anh và Pháp chỉ cách một biển Manche, đâu có xa xôi vạn dặm như với Việt Nam mình?

***

Tôi vốn nhút nhát, lại thiếu tự tin, nên ngày niêm yết kết quả thí sinh trúng tuyển vào Trường Võ Bị Đà Lạt, tôi không mấy quan tâm, thực ra tôi sợ phải đối diện với những sự thực phũ phàng, do bài Pháp văn tôi đã quá tin vào bạn. Mãi tới chiều gần tối, ước tính mọi người đi coi bảng đã về nhà hết, tôi mới lầm lũi đi coi kết quả một mình. Tôi muốn đi trong giờ phút muộn màng này, để không bị gặp bạn quen, thấy tôi trong cảnh huống tủi hổ. Tôi cũng định sẽ chỉ coi một lần cho biết, để tự mắt nhìn thấy tên mình không được "đề danh", để không đặt nhiều hy vọng vào đường võ nghiệp.

Danh sách thí sinh trúng tuyển gồm khoảng 200 "chàng tuổi trẻ vốn dòng hào kiệt", được đánh máy rõ ràng trên 8 tờ giấy pelure trắng, dán phẳng phiu trong một hộp lớn, có lưới sắt bên ngoài. Tự nghĩ tên mình không thể nào có cơ may trên "Bảng Hổ", nhưng cũng cứ dò cầu may, và tôi đọc tên tuần tự từ cuối bảng đi lên, từ người đậu chót lên người áp chót. Tôi thấy tên người bạn hiền của tôi, anh Đoàn-văn-Lâm trúng tuyển với thứ hạng 161. Cổ họng tôi rát khô và đắng nghét, lưỡi rộp lên như ăn lầm phải muối rang, tôi lầm lũi ra xe bán nước giải khát đầu đường, hỏi mua ly chanh muối, uống để nuốt theo niềm đắng cay!!!

Mãi khoảng nửa giờ sau, khi thần trí đã phần nào tỉnh lại, tôi trở lại bảng danh sách dò tiếp từ hàng 160 trở lên, để tìm cầu may tên một vài người bạn khác cùng thi với tôi hôm đó, mà không phải cho tôi. Cũng có một vài người bạn quen trúng tuyển, thứ hạng trên dưới 100. Mắt tôi dò tiếp lên hàng chục, 90 rồi 80 mà tâm trí để tận đâu đâu, không có một chủ định gì rõ rệt. Bỗng nhiên mắt tôi như hoa lên, đầu tôi choáng váng như bị vật gì đập mạnh, đầu gối dường như lỏng ra, chân đứng hầu như không vững..., khi nhìn thấy tên mình nằm ngay ngắn và thực rõ ràng ở hàng 21. Trong số thí sinh cả ngàn người hôm đó, không có ai trùng với tên tôi, nên tên tôi trên bảng kia chẳng thể là ai khác. Tôi đứng lặng thực lâu để tìm lại bình tĩnh, để bớt hồi hộp, cả giờ sau tôi mới ra về, tâm trí lâng lâng như người say rượu.

***

Ngày chúng tôi nhập trường Võ Bị Liên Quân Đà Lạt thực là hồi hộp, tôi có nhiều bạn mới, ai cũng đẹp trai và hoạt bát như nhau. Bạn hiền của tôi, anh Đoàn-văn-Lâm cũng trong số những người "tuổi trẻ tài cao" này. Có lẽ do định mệnh trớ trêu, tôi và bạn hiền được xếp chung vào cùng Đơn vị nhỏ nhất: Trung đội 2, Đại đội 1. Thêm nữa, chúng tôi cùng ngủ chung phòng cùng với 10 người bạn mới khác, tôi nằm giường tầng dưới, bạn tôi ngủ tầng trên. Chúng tôi gặp lại nhau trong cảnh bẽ bàng khó tả!! Mang câu chuyện lạ lùng hi hữu trên kể cho một vài người bạn khác, chúng tôi kết luận bằng cách đoán mò rằng: bạn tôi có thể rất giỏi Pháp văn, nhưng môn thi này có "hệ số điểm" rất thấp, trong khi các môn khác có hệ số thực cao thì bạn lại không đạt

tiêu chuẩn, không được điểm cao, chỉ vì bạn học trường Tây, nên không rành tiếng Việt, mới ở cảnh "ngựa về ngược" dở khóc dở cười.
Việc chỉ trích và phê bình thiên vị cho một nơi chốn đã gây ra cho mình nhiều cực nhọc, gian truân là điều dĩ nhiên, ít ai tránh khỏi dù chúng ta có là "thánh hiền" chăng nữa. Riêng tôi cũng vậy, tôi biết trường Võ Bị Đà Lạt có công huấn luyện các thanh thiếu niên ngỗ nghịch chúng tôi thành những sĩ quan tài ba, lập nhiều chiến công hiển hách trong quân sử, nhưng việc trường được độc quyền ban phát kỷ luật sắt thép cho đám sinh viên sĩ quan khờ dại, đã có nhiều lạm dụng, tôi chủ quan nghĩ vậy.

Khóa chúng tôi được huấn luyện bằng kỷ luật sắt trong 2 năm liên tục. Sau năm thứ nhất, chúng tôi phải qua một kỳ thi "Giai đoạn 1". Kỳ thi này nhằm loại bớt một số SVSQ quá kém về quân sự và văn hóa, nhưng lại rất kỷ luật để không hề vi phạm bất cứ lỗi lầm gì về quân kỷ. Tôi không biết rõ số lượng SVSQ thiếu may mắn bị loại này, nhưng riêng tôi đã qua kỳ thi với thứ hạng khá cao. Kỳ thi này cũng còn có mục đích xếp loại SVSQ theo thứ hạng cao thấp về cả văn hóa và quân sự, để đặt vào các chức vụ "SVSQ Cán bộ" trong hệ thống "Tự chỉ huy", một hình thức tập chỉ huy lẫn nhau, trước khi chỉ huy người khác. Hệ thống tự chỉ huy này mới bắt đầu từ Khóa chúng tôi, tiếp tục truyền lại khóa sau, chỉ chấm dứt cùng ngày toàn miền Nam bị bức tử, cuối tháng 4 năm 1975.

Hành Quân Lam Sơn 719

Hòang Tích Thông

Tình hình chung

Sau cuộc Tổng công kích Tết Mậu Thân của Việt cộng tức Mặt trận Giải phóng miền Nam với sự hiệp lực của quân đội Cộng sản Bắc Việt vào một số thành phố của miền Nam Việt Nam. Trong những ngày đầu, vì tin vào thiện ý của Việt cộng tôn trọng lệnh ngưng bắn trong mấy ngày Tết, cũng như sự yếu kém của các cơ quan tình báo nên địch đã xâm nhập được một vài địa phận. Vài ngày sau thì lực lượng Việt Nam Cộng Hòa phản công và dần dần đẩy lui địch ra khỏi các thành phố, gây cho chúng nhiều thiệt hại nặng nề từ địa phương quân đến chủ lực quân. Nhờ đó tình hình chiến sự trên khắp chiến trường miền Nam từ vĩ tuyến 17 lên cao nguyên, xuống tận Cà Mâu…trở nên yên tĩnh. Các cuộc hành quân của ta tại vùng 4 Chiến thuật, dần dần đẩy lui chủ lực Việt cộng, kể cả quân Bắc Việt ra khỏi lãnh thổ. Chúng đã phải rút sang biên giới Cambodia và Lào để ẩn náu.

Cùng với tình hình thuận lợi vì chính quyền Sihanouk thân Cộng đã bị Tướng Lon-Nol lật đổ. Quân lực ViNCH với sự đồng ý của Cambodia, Bộ tư lệnh Quân đoàn 3 và 4 đã mở cuộc hành quân vượt biên giới đánh phá các căn cứ trú quân và hậu cần của Việt cộng. Gây cho địch nhiều thiệt hại về người và tiếp vận, khiến chúng phải rút chạy lên phía Bắc, giáp ranh với Lào. Kết quả là tình hình an ninh của miền Nam Việt Nam ngày càng thêm củng cố. Song song với đà chiến thắng, với chủ trương "Việt Nam hóa" chiến tranh, chính phủ và quân đội Hoa Kỳ đã chuyển giao cho Quân lực VNCH một số lớn khí cụ chiến tranh khá hiện đại, nên các đơn vị được trang bị khá đầy đủ để đối đầu với quân Cộng sản Bắc Việt được Trung Cộng và Liên Sô giúp đỡ..

Do đó Quân lực Việt Nam Cộng Hòa tiếp tục mở cuộc hành quân sang Hạ Lào, khu vực mà Pathet Lào (Cộng sản) chiếm lĩnh, nhưng trên thực tế thì quân đội Cộng Sản Bắc Việt thiết lập căn cứ tiếp vận, cũng như đầu mối chuyển quân và vũ khí đạn dược vào chiến trường miền Nam Việt Nam. Đánh chiếm được mục tiêu này thì con đường chiến lược Hồ Chí Minh sẽ hoàn toàn bị cắt đứt, và các lực lượng hoạt động ở miền Nam vĩ tuyến 17 sẽ dần dần bị tiêu diệt và tan rã, vì không còn được hổ trợ và tiếp tế nữa.

Tình hình trong khu vực hành quân Lam Sơn 719

Khu vực hành quân được mở rộng và kéo dài từ Khe Sanh (núi Koroc) nằm trên ranh giới Việt Lào, tới tận thị trấn Tchépone nằm sâu trong lãnh thổ Hạ Lào khoảng 3O đến 4O cây số. Trung tâm khu vực hành quân là quốc lộ 9, bắt đầu từ thị trấn Đông Hà nằm ở phía Bắc tỉnh Quảng Trị Nam Việt Nam đến thị trấn Tchépone. Song song với quốc lộ 9 là núi đồi rậm rạp. Với địa thế như vậy, việc chuyển quân bằng đường bộ rất hạn chế và khó khăn. Nói tóm lại, đây là một địa thế bất lợi cho đơn vị tấn công. Hơn nữa, địa thế khu vực hành quân quen thuộc với địch, hoàn toàn xa lạ với binh sĩ ta, cộng thêm yếu tố tâm lý là phải chiến đấu ngoài lãnh thổ VNCH. Cuộc hành quân Lam Sơn 719 được khai diễn vào ***tháng 2/1971***, nên thời tiết rất tốt cho cả 2 bên lãnh thổ Việt-Lào.

Giai đoạn 1
Bộ tư lệnh tiền phương Quân đoàn I di chuyển từ Đà Nẵng ra căn cứ Đông Hà, địa điểm đóng quân trước kia của quân đội Hoa Kỳ cùng với các bộ phận yểm trợ và tiếp vận. Thiết lập kho tiếp vận, tiếp nhận các đơn vị tăng phái từ Sài Gòn ra. Xây dựng Bộ tư lệnh Quân đoàn hành quân tại Khe Sanh. Đầu tháng 2/1971, Lữ đoàn 147 Thủy Quân Lục Chiến được không vận bằng máy bay C.13O từ Tân Sơn Nhất tới sân bay Đông Hà trong hai ngày. Tới nơi, Bộ tư lệnh Sư đoàn đã chỉ thị cho Lữ đoàn 147 Thủy Quân Lục Chiến mở một cuộc diễn tập vượt sông, có các xuồng đổ bộ M2 trợ lực, băng ngang sông Đông Hà. Sau đó một Tiểu đoàn Thủy Quân Lục Chiến khác di chuyển ra Cửa Việt làm như sẵn sàng xuống tàu đổ bộ. Mục đích là để tình báo địch tưởng ta sắp vượt vĩ tuyến 17 đổ bộ lên miền Bắc. Sự việc này có làm địch đánh giá sai lầm hay không thì sau khi cuộc hành quân mở màn được ít ngày ta đã biết: địch tiếp chiến một cách mạnh mẽ, không có gì là…"*bất ngờ cả"*.

Giai đoạn 2
Trước ngày N, giờ G một ngày, Bộ tư lệnh tiền phương Quân đoàn 1, dưới sự chủ tọa của Trung tướng Hoàng Xuân Lãm và cố vấn Mỹ, một buổi họp được triệu tập tại căn cứ Hàm Nghi (Bộ tư lệnh Quân đoàn 1), Các chỉ huy đơn vị tham chiến và yểm trợ cùng Bộ tham mưu Quân đoàn 1 đều hiện diện đông đủ. Về phía Quân đoàn 1 có Sư đoàn 1 Bộ binh chỉ huy bởi Thiếu tướng Phạm Văn Phú. Lực lượng tổng trừ bị có Sư đoàn Dù với 3 Lữ đoàn tác chiến do Trung tướng Dư Quốc Đống chỉ huy. Kể từ năm 197O, sau khi kế hoạch Việt Nam hóa chiến tranh được thi hành, quân đội Hoa Kỳ bắt đầu rút quân từ từ ra khỏi miền Nam Việt Nam và không còn những hoạt động quy mô của các lực lượng tác chiến nữa mà chỉ xử dụng Không quân đánh phá các mục tiêu cần thiết như đường mòn Hồ Chí Minh chẳng hạn hay tiếp trợ cho Không quân Việt Nam Cộng Hòa mà thôi. Do đó cuộc hành quân Lam Sơn 719 đã không có sự hiện diện của Bộ binh Hoa Kỳ mà chỉ có yểm trợ về Không quân và các cố vấn Mỹ bên cạnh các đơn vị tham chiến cũng được lệnh không tháp tùng theo.

Diễn tiến hành quân

Giai đoạn 1
Trực thăng vận đổ quân xuống các cao địa ở phía Bắc và Nam quốc lộ 9, giới hạn bởi Bản Đông nằm giữa trục tấn công từ biên giới đến Tchépone. Thiết lập căn cứ hỏa lực, đồng thời mở các cuộc hành quân lục soát. Các đơn vị thiết giáp và yểm trợ, cùng Công binh chiến đấu di chuyển bằng đường bộ với Lữ đoàn 1 Nhảy Dù.

1. Sư đoàn – 1: Một Trung đoàn được trực thăng vận xuống cao điểm 15O ở phía Nam quốc lộ 9 chừng 5 cây số. Một trung đoàn khác được trực thăng vận xuống các cao địa ở phía Đông Nam cao điểm 15O. Thiết lập căn cứ hỏa lực và hoạt động ngăn chận các lực lượng địch từ phía Nam tiến lên.

2. Sư đoàn Nhảy Dù: Bộ tư lệnh đặt bản doanh tại phía Tây căn cứ Hàm Nghi, trên quốc lộ 9 cách biên giới khoảng 5 cây số. Hoạt động lục soát trong vùng, hổ tương yểm trợ các đơn vị

hoạt động ở phía Bắc và Nam. Một Tiểu đoàn khác ở phía Đông Nam thiết lập căn cứ hỏa lực, hoạt động bảo vệ và yểm trợ sườn Bắc của Lữ đoàn 1 Nhảy Dù và Thiết Giáp trên quốc lộ 9. Lữ đoàn 3 Nhảy Dù và Liên đoàn 1 Biệt Động Quân ở phía Bắc, tiếp tục tiến quân khi có lệnh.

3. Liên đoàn 1 Biệt Động Quân: di chuyển đến các cao địa nằm trên biên giới Việt Lào (Phú Lộc), ở phía Bắc quốc lộ 9. Sau đó xử dụng 2 Tiểu đoàn, trực thăng vận xuống 2 cao điểm ở phía Đông Bắc Lữ đoàn 3 Nhảy Dù. Hoạt động lục soát trong khu vực chiếm đóng và tiếp tục hành quân khi có lệnh.

4. Lữ đoàn 1 Thiết Giáp: vượt tuyến xuất phát (cũng là ranh giới Việt Lào) cùng với Lữ đoàn 1 Nhảy Dù, tiến chiếm Bản Đông. Phối hợp yểm trợ Lữ đoàn 1 Nhảy Dù phòng ngự căn cứ hỏa lực A Lưới cũng như hoạt động trong vùng, sẵn sàng yểm trợ cánh quân ở phía Bắc cũng như hành quân tiếp.

5. Bộ chỉ huy Pháo binh Quân đoàn: phối hợp, điều động các đơn vị Pháo binh để thiết lập một mạng lưới hỏa lực yểm trợ bao vây khu vực hành quân của Quân đoàn, và hệ thống tiếp tế đạn dược Pháo binh thật hữu hiệu và kịp thời.

6. Trừ bị của Quân đoàn: gồm Lữ đoàn 2 Nhảy Dù, Trung đoàn 2/Sư đoàn 1 Bộ binh và Lữ đoàn 147 Thủy Quân Lục Chiến hoạt động quanh khu vực đóng quân của Bộ Tư lệnh Quân đoàn và sẵn sàng khi có lệnh.

Giai đoạn 2

Theo đúng kế hoạch hành quân của Quân đoàn, lúc 8 giờ sáng ngày 8/2/1971 sau khi Tổng thống Việt Nam Cộng Hòa ra lệnh xuất phát trên đài phát thanh và truyền hình Sài Gòn. Lữ đoàn 1 Nhảy Dù cùng với Lữ đoàn 1 Thiết Giáp tiến chiếm khu vực Bản Đông của giai đoạn 1, nằm kế cận quốc lộ 9. Tiếp theo là Lữ đoàn 3 Dù xuống các cao độ ở phía Bắc Bản Đông mang danh căn cứ 3O và 31. Cuộc đổ quân hoàn tất và không gặp một sức kháng cự nào của địch. Các đơn vị nhanh chóng thiết lập các căn cứ hỏa lực để yểm trợ cho các lực lượng hoạt động ở bên ngoài. Ít ngày sau thì 2 vị trí của Liên đoàn 1 Biệt Động Quân bị pháo kích liên tiếp, kể cả pháo tầm xa 13O ly. Các đơn vị tiền phong của địch đã tiến gần ngoại vi phòng thủ của Tiểu đoàn 39 Biệt Động Quân và đụng độ đã bắt đầu. Pháo binh của Bộ chỉ huy Liên đoàn 1 Biệt Động Quân bố trí tại ranh giới Lào Việt (Phú Lộc) bắn yểm trợ ngày đêm. Chủ lực địch đã áp sát vào vị trí phòng sự của Tiểu đoàn Biệt Động Quân, trong khi đó thì Tiểu đoàn 21 Biệt Động bố trí ở phía Nam cũng bị pháo uy hiếp, ngăn không cho đơn vị này tiến lên tăng cường. Cuộc tấn công của địch có sự hỗ trợ của chiến xa đã diễn ra ác liệt, gây nhiều tử vong cho cả 2 bên. Tuy vậy Tiểu đoàn 39 vẫn anh dũng chiến đấu cho tới khi đạn dược gần cạn. Cầm cự được một ngày một đêm thì hệ thống phòng thủ bị tràn ngập, Tiểu đoàn phải rút về phía Nam, nơi Tiểu đoàn 21 Biệt Động đang đóng quân. Chiếm được căn cứ này, địch mở đường tiến xuống phía Nam và Tây Nam uy hiếp Tiểu đoàn 21 Biệt Động Quân và Lữ đoàn 3 Nhảy Dù.

Lữ đoàn 3 Dù với hàng loạt pháo xa và gần bắn vào căn cứ. Dù đã biết trước và phòng thủ kiên cố nhưng trước sự liều mạng của địch, sau vài ngày chiến đấu kiên cường Lữ đoàn 3 Dù đã cùng

chung số phận với Tiểu đoàn Biệt Động Quân. Bộ chỉ huy Lữ đoàn bị tràn ngập, Đại tá Thọ Lữ đoàn trưởng bị bắt, số còn lại tháo chạy về phía Nam hướng căn cứ hỏa lực 3O do Tiểu đoàn 2 Nhảy Dù đóng giữ. Trong khi tấn công Bộ chỉ huy Lữ đoàn 3 Nhảy Dù thì địch cũng không ngớt pháo kích vào căn cứ 3O và căn cứ ALưới của Lữ đoàn 1 Nhảy Dù và Lữ đoàn 1 Thiết Giáp nên 2 lực lượng này không thực hiện được sự cầu viện của đơn vị bạn được. Hơn nữa địa thế rất khó khăn cho cơ giới di chuyển. Một sự thể đáng nói là trong khi địch xử dụng chiến xa hạng nặng T.54 thì Lữ đoàn Thiết Giáp chỉ có một chi đoàn chiến xa M.41, còn lại là các chi đoàn Thiết vận xa, không đủ sức để đương đầu với địch. Hơn nữa, vì không thông hiểu rõ địa thế trong vùng hành quân nên đánh giá sai về hoạt động thiết giáp của địch. Đến khi sự thể xảy ra thì Bộ tư lệnh Quân đoàn mới vội vã điều động thêm một Chi đoàn chiến xa sang tăng cường, nhưng cũng chỉ hoạt động ven quốc lộ 9 mà thôi..

Trong khi địch tấn công vào các lực lượng Biệt Động Quân và Nhảy Dù ở phía Bắc thì tại khu vực Đông Nam căn cứ Delta (cao địa 15O) địch cũng xuất hiện ở khu vực của Trung đoàn 3 Bộ binh, sau đó uy hiếp, bao vây và tấn công khiến đơn vị này cầm cự không nổi, mặc dù cũng đã được không quân và pháo binh tận lực yểm trợ. Trung đoàn 3 Bộ binh sau đó phải rút về một khu vực an toàn hơn rồi được trực thăng bốc về Khe Sanh. Sự thiệt hại về người và vũ khí được coi như khá nặng, không kém gì các đơn vị ở mặt Bắc. Trước tình hình diễn biến ác liệt của chiến trường, hết đơn vị này đến đơn vị khác của ta chịu trận, không sao tiếp ứng lẫn nhau, dù đã có lần (khi căn cứ 31 bị tấn công) Sư đoàn Dù đã cho đổ bộ vào trận địa để tiếp một Tiểu đoàn nhưng không sao đáp xuống bãi đáp được, vì hỏa lực phòng không của địch bắn lên quá mạnh. Số đơn vị địch tham gia trận chiến không phải là 1 tới 2 Sư đoàn như ta dự đoán, mà có thể đã lên đến 4 hay 5 Sư đoàn kể cả Thiết giáp. Trong đó có một hai Sư đoàn rất thiện chiến của quân Cộng sản Bắc Việt như Sư đoàn 3O4 và 32O đã một thời tham chiến ở Điện Biên Phủ trước năm 1954.

Trong khi tình hình tạm lắng dịu, Bộ Tư lệnh Quân đoàn 1 triệu tập một buổi họp tại căn cứ Đông Hà để duyệt xét về kế hoạch hành quân, có các cấp chỉ huy đại đơn vị tham dự. Về phía Thủy Quân Lục Chiến có thêm Đại tá Bùi Thế Lân, Tư lệnh phó kiêm Tham mưu trưởng từ Sài Gòn mới ra khi được lệnh của Bộ Tổng Tham mưu điều động toàn bộ Sư đoàn ra tăng cường cho mặt trận. Sở dĩ Trung tướng Lê Nguyên Khang, Tư lệnh binh chủng không có mặt vì trục trặc về mặt hệ thống quân giai. Tướng Khang thâm niên cấp bậc hơn Tướng Lãm, Tư lệnh Quân đoàn 1, đây cũng là một lý do khiến cho việc chỉ huy giữa Bộ Tư lệnh Quân đoàn và các Tư lệnh Sư đoàn không được thống nhất lắm.

Trong buổi họp nói trên có cả sự tham dự của Đại tá Thọ, trưởng Phòng 3 Bộ Tổng tham mưu. Dĩ nhiên là đã có nhiều tranh luận đối nghịch nhau làm cho Tướng Lãm, Tư lệnh Quân đoàn 1 kiêm chỉ huy cuộc hành quân Lam Sơn 719 nhức đầu. Lúc đầu Bộ Tham mưu Quân đoàn 1 đưa ra kế hoạch là xử dụng Sư đoàn Thủy Quân Lục Chiến đổ quân xuống mục tiêu Tchépone, các đơn vị Nhảy Dù, Sư đoàn 1 Bộ binh và Thiết giáp tiếp ứng phía sau. Với kế hoạch này, Bộ Tham mưu Thủy Quân Lục Chiến xử dụng Lữ đoàn 147 đang giữ nhiệm vụ trừ bị cho Quân đoàn, lãnh ấn tiên phong, chuyển đi này không khác gì tráng sĩ Kinh Kha sang Tần. Sở dĩ như vậy là vì trước đó, đài phát thanh của Cộng sản Bắc Việt đã rêu rao ngày đêm là sẽ biến

Tchépone thành một Điện Biên Phủ thứ hai và sẵn sàng chờ đợi quân ta tiến vào. Cũng theo tin tức tình báo của Quân đoàn, thì địch đã biến Tchépone thành một mạng lưới pháo binh, hợp với các bãi mìn để bủa lên các đơn vị đổ quân xuống, và một hệ thống phòng không dày dặc để ngăn chận không cho không quân ta hoạt động yểm trợ.

Nhưng kế hoạch vào lúc chót đã được thay đổi vì có lệnh mới của Bộ Tổng Tham mưu. Thay vì Thủy Quân Lục Chiến làm nổ lực chính, thì nay Sư đoàn 1 Bộ binh làm nhiệm vụ đó. Theo sự tìm hiểu, thì sở dĩ đến phút chót phải thay đổi kế hoạch tấn công là vì Quân lực Việt Nam Cộng Hòa chỉ có 2 đơn vị Tổng trừ bị, thì Sư đoàn Dù đã bị thiệt hại nặng trong trận phản kích vừa qua. Nay xử dụng nốt Sư đoàn Thủy Quân Lục Chiến e rằng không tránh khỏi tổn thất như Sư đoàn Dù, vì địch đã chuẩn bị sẵn sàng để tiếp chiến. Dù sao kế hoạch thay đổi cũng hợp lý vì Sư đoàn 1 Bộ binh là đơn vị cơ hữu của Quân đoàn. Ít ngày sau thì 2 Lữ đoàn 147 và 258 được trực thăng vận xuống các địa điểm ấn định. Trong khi đó thì Trung đoàn 2 Bộ binh, đơn vị có nhiệm vụ đánh chiếm mục tiêu Tchépone đang chuẩn bị để lên đường.

Theo như chỗ được biết thì việc tiến quân vào Tchépone là một việc chẳng đặng đừng, vì dư luận quốc tế đã tung tin từ trước là Quân đoàn đã vào Tchépone, nên không còn cách nào hơn là phải tiếp tục tiến hành giai đoạn 2 nhưng theo một kế hoạch linh động hơn, có nghĩa là Bộ Tư lệnh Sư đoàn 1 đã chỉ thị cho Trung đoàn 2 xử dụng 1 Tiểu đoàn được tăng cường quân số và có khả năng nhất để trực thăng vận vào mục tiêu Tchépone. Sau khi hoàn tất đổ quân, hoạt động một thời gian ngắn rồi rút ngay. Kế hoạch đã được thi hành sau khi pháo binh và không quân oanh kích ngày đêm kể cả B.52 thì Trung đoàn 2 được trực thăng đổ xuống mục tiêu an toàn, không có phản ứng nào của địch. Sự im lặng của địch là điều dễ hiểu vì bộ tham mưu của chúng không dại gì để cho các đơn vị của chúng ở ngay trong khu vực mục tiêu trước khi quân ta đổ quân xuống để hứng lấy bom đạn dọn bãi. Do đó địch đã bố trí các đơn vị ở ngoài xa mục tiêu rồi đợi cho quân ta đổ quân hết rồi mới ra lệnh cho các đơn vị tham chiến di chuyển vào khu vực mục tiêu theo như kế hoạch của chúng.

Cuộc đổ quân của Trung đoàn 2 đã hoàn tất trong ngày. Tình hình yên tĩnh cho tới khuya thì pháo địch bắt đầu tập trung bắn phá vào khu vực đóng quân của Trung đoàn 2. Theo như dự tính đơn vị này đã ra khỏi mục tiêu để tới bãi bốc dự trù để được trực thăng chở về hậu cứ vào ngày hôm sau. Địch đã tức tốc bủa quân tới cùng với hỏa lực pháo dọn đường đã làm cuộc rút quân gặp nhiều khó khăn vào lúc chót, và một số đã phải rút chạy về hướng Nhảy Dù. Trong khi địch tiến quân truy kích Trung đoàn 2 thì cùng lúc các đơn vị khác của chúng ở phía Nam quốc lộ 9 dùng pháo và bộ binh tấn công Trung đoàn 1 cũng như Nhảy Dù và Thiết Giáp. ở xa hơn về phía Nam, địch cũng bắt đầu phản kích lại các đơn vị Thủy Quân Lục Chiến mà hai bên đã đụng độ từ những ngày trước ở phía Tây và Tây Nam căn cứ Delta.

Cuộc chiến diễn ra vô cùng ác liệt, bom đạn liên hồi đổ xuống trận địa. Các cánh quân từ Bắc xuống Nam quốc lộ 9 đều bị pháo của địch uy hiếp, gây cho ta nhiều thiệt hại, việc tiếp tế và tải thương không còn thực hiện được nữa. Đánh nhau được vài ngày thì Trung đoàn 1 Bộ binh và Lữ đoàn đặc nhiệm (Nhảy Dù và Thiết Giáp) được lệnh rút về Khe Sanh. Việc rút quân này thật vô cùng khó khăn vì địch đã biết rõ ý định của ta nên càng ra sức tấn công. Dưới áp lực mạnh

của địch, tinh thần chiến đấu của quân ta có chiều đi xuống, khiến các cấp chỉ huy rất khó điều động. Các trực thăng tới bốc quân không sao đáp nổi vì pháo và phòng không địch cũng như sự rối loạn của binh sĩ khi tranh nhau leo lên trực thăng đã là sự kiện để cho báo chí quốc tế tận tình khai thác. Việc rút quân của cánh quân phía Bắc bằng đường bộ cũng không tránh khỏi thiệt hại trên suốt đoạn đường từ Bản Đông về tới Lao Bảo (ranh giới Lào Việt). Dẫu sao thì cuối cùng hai cánh quân Dù và Thiết Giáp cùng Trung đoàn 1 Bộ binh cũng đã rút về được hậu cứ với nhiều thiệt hại đáng kể.

Sau khi 2 cánh quân trên rời khỏi trận địa, địch dồn lực lượng uy hiếp tấn công Lữ đoàn 147 Thủy Quân Lục Chiến đóng tại căn cứ Delta. Hai Tiểu đoàn 2 và 4 hoạt động xa về phía Tây sau nhiều ngày đụng độ đã phải rút về ngoại vi của căn cứ. Lữ đoàn đã được pháo từ Koroc (Lữ đoàn 258 Thủy Quân Lục Chiến) và không quân yểm trợ, bắn phá các đường tiến sát của địch, ngoài ra còn được pháo đài bay B.52 can thiệp tiếp cận một cách rất chính xác. Tuy vậy địch vẫn gan lì ẩn náu trong các hầm trú ẩn chống lại mọi cuộc tấn công của ta sau khi bom đạn chấm dứt. Cuộc chiến dằng co có chiều bất lợi cho Lữ đoàn vì vấn đề tiếp tế đạn dược và tải thương. Pháo của địch, kể cả súng không dật 75 ly của địch đặt ở các cao địa đối diện căn cứ đã bắn thẳng vào pháo đài chỉ huy của Bộ chỉ huy Lữ đoàn, khiến đường dây antenne bị cắt đứt, một vài hầm trú ẩn bị sập đổ, vị trí pháo cũng bị hư hại. Trong tình hình đó, Bộ chỉ huy Lữ đoàn điều động Tiểu đoàn 2 lui về trấn giữ ở phía Nam căn cứ . Tiểu đoàn 4 rút về phía Đông Bắc dọn đường để khi cần Lữ đoàn sẽ rút về phía Đông (hướng của Lữ đoàn 258 Thủy Quân Lục Chiến).

Bộ chỉ huy Lữ đoàn cũng có đề nghị Bộ tư lệnh Sư đoàn để cho toàn bộ đơn vị rút ra ngoài hoạt động vì không thể nằm trong căn cứ để hứng đạn pháo của địch. Nhưng đề nghị này đã không được áp dụng vì lệnh rút quân được ban ra vào buổi chiều cùng ngày.

Để cuộc rút quân được phần nào an toàn, Bộ tư lệnh Sư đoàn đã đề nghị với Quân đoàn cho B..52 can thiệp. Theo kế hoạch thì sau khi B.52 vừa dứt thả bom lúc 8 giờ tối thì Lữ đoàn ra khỏi căn cứ. Trước giờ ấn định, Tiểu đoàn 2 đã báo cáo nghe thấy tiếng động cơ và ánh đèn thấp thoáng ở xa về phía Nam. Sau đó 12 phi vụ B.52 đã thả bom xuống phía Nam căn cứ khoảng 1 hay 2 cây số và phía Đông, hướng rút của Tiểu đoàn 4. Lữ đoàn rời căn cứ sau khi bom vừa dứt , đi khỏi chừng một cây số thì đụng phải một tổ súng cối địch, sau một loạt súng địch đã bỏ chạy. Con đường rút quân quả là gian nan vì phải băng qua các đồi núi đầy tre gai và trời tối nên khó quan sát. Trong khi đó thì pháo binh của Lữ đoàn 258 bố trí trên đỉnh Koroc liên tục bắn phá vào căn cứ Delta và phía sau của Tiểu đoàn 147 để ngăn chận địch truy kích theo, đồng thời xen lẫn đạn chiếu sáng để soi đường, giúp cho việc lui quân được dễ dàng và đúng hướng. Khoảng trưa ngày hôm sau thì Lữ đoàn gặp được Tiểu đoàn 3, tức thời liên lạc với Bộ tư lệnh Sư đoàn Thủy Quân Lục Chiến để gửi trực thăng đến bốc các thương binh về hậu cứ.. Đến chiều tối Lữ đoàn tới một địa điểm kế chân núi Koroc, cũng là nơi tập trung để ngày hôm sau được trực thăng bốc về Khe Sanh. Gần nửa tháng hành quân trên đất hạ Lào, Lữ đoàn 147 đã về tới hậu cứ an toàn mà không gặp sự quấy phá nào của địch. Sau đó thì từng đơn vị được di chuyển bằng quân xa về thị trấn Đông Hà, chấm dứt cuộc hành quân Lam Sơn 719.

DỐC NHÂN SINH

Nguyễn Mộng Giác

Sau khi có lệnh cấm ngặt các quán cà phê không được mở nhạc tiền chiến, nhạc disco, và một số chủ quán cà phê ở đường Trần Quang Khải bị đưa ra tòa, khu vực này chết lặng như một vùng mộ. Người qua đường nghe trở lại tiếng lách cách của những trái me chín khô va chạm vào nhau, và lại bồi hồi xúc động ngắm những giọt lá me vàng bay nghiêng, bay nghiêng. Chị phu quét đường ngập ngừng không nỡ đưa nhanh nhát chổi. Lâu lâu gió trái chứng đổi hướng, lá me chao liệng rồi bay tạt vào quán vắng.
Cô chủ quán, có vẻ đẹp của Thúy Kiều ở lầu Ngưng Bích, nhìn mông lung ra phía hồ tắm cạn nước nay đổi thành hầm chứa rác và lá khô. Bàn ghế trong quán không có vẻ gì chuyên nghiệp: hai bộ ghế nệm bọc nhung mầu huyết dụ đã sờn phai khiêng từ những phòng khách vắng chủ nào đó, một tủ buffet cẩm lai thay quầy rượu, chén tách bằng đồ sứ Nhật. Chỉ còn thiếu một cuốn Vang Bóng Một Thời in trên giấy dó nằm ơ thờ đâu đây là đủ lệ bộ của sưu tập quá khứ. Ở góc quán, chỗ gần bụi trúc La Ngà trơ trụi già nua, chỉ có hai người khách. Người mang kính đen từ lâu ít nói, mỗi lần nói lại quá nhỏ; nên từ xa, có cảm tưởng người gầy ốm tóc muối tiêu đang phân trần với một pho tượng. Pho tượng ngồi thu cả hai chân lên nệm ghế nhung, hai tay ôm lấy gối, nhìn mãi về phía chiếc xe đạp thồ dựng ở gốc trúc cỗi. Trước mặt họ, hai tách cà phê đã hết bốc hơi.
Khi cô chủ quán ra khỏi nỗi bâng khuâng vu vơ, vẫn người gầy tóc muối tiêu đang nói:
- ... Không, bị trận hồi hành quân ***Lam Sơn 719*** kia!
- ...?
- 719. Trận đường 9 ấy mà.
- ...
- Đúng đúng. Các anh thì gọi là trận Đường 9 Nam Lào.
- ...
- Hôm 30-4 tôi nằm bệnh viện Cộng Hòa vì chỗ chân cưa bị nhiễm trùng lở trở lại. Tôi chưa biết cách đi, nên cái chân gỗ làm tình làm tội tôi. Mỗi lần đặt chân trái xuống đất, đau buốt đến nỗi chảy cả nước mắt sống.
- ... ?
- Ở chỗ này. À quên, anh có nhìn thấy đâu. Ngay phía dưới đầu gối. Nhờ thế tôi mới còn đi xe đạp được.
- ...?
- Bị mìn cá nhân, hình như loại Trung Cộng thì phải. Chắc chắn điều này anh thạo hơn tôi. Nghe nói chỉ bé chừng này thôi.
- ...
- Lớn hơn à? Thảo nào. Nghe tiếng nổ xong, tôi ngất đi. May trực thăng lúc đó còn hạ xuống được nên tôi được chở thẳng về bệnh viện hậu cứ. Tỉnh dậy, tôi đòi xem cho được cái chân trái. Thế mà họ cũng chiều đấy.
- ...
- Chẳng có gì đặc biệt. Hơi gây gây ở xương sống. Gần như ghê tởm, nói đúng hơn là ác cảm. Lạ thật. Một phần thân xác trìu mến của mình, thế mà khi nó rời ra, trông xa lạ thế nào! Cứ theo

tưởng tượng của mấy tay viết tiểu thuyết thì phải ôm lấy nó khóc nức nở. Cũng như kỷ niệm của tôi về ngày lấy vợ. Ôi thôi các ông ấy tô điểm đủ điều. Nào e ấp nhìn nhau. Tân lang và tân giai nhân âu yếm dìu nhau đi trên xác pháo. Nào rộn rã trước hạnh phúc vĩnh cửu. Láo hết. Lo đủ thứ chuyện lỉnh kỉnh, lại bị các bà cô ông chú bắt khoan bắt nhặt. Mệt phờ người ra. Tôi cho rằng bấy nhiêu thứ nghi lễ phiền phức nhảm nhí ấy chỉ nhằm có một việc: những vợ chồng trẻ hãy gắng mà chịu đựng nhau, lấy vợ lấy chồng một lần tởn đến già nên không dám làm lại lần nữa.
- ...
- Tôi chua chát lắm sao? Có lẽ vì tôi tiếc của đấy. Anh biết không, lúc gặp anh, tôi vừa mất gọn bốn trăm năm mươi đồng bạc chẵn.
- ...?
- Không. Dù ở Sài Gòn bây giờ ra ngõ là gặp trộm cắp, nhưng... nhưng kẻ cắp cũng còn có trái tim. Ai nỡ cướp cơm chim của kẻ tật nguyền. Tôi có một ông bạn phế binh mù đi bán vé số. Lừa anh ta dễ quá. Một mảnh giấy bèo nhèo có mồ hôi nào đó cũng thành tờ 50. Thế mà anh chưa hề bị lừa một đồng. Tôi mất tiền vì gặp tai nạn.
- ...?
- Ngay trước lúc gặp anh ở dốc bên này cầu Thị Nghè.
- ...?
- Ủa, nãy giờ anh chưa biết kế mưu sinh của tôi sao? Tôi đãng trí quá. Tôi cứ tưởng anh nhìn được chiếc xe đạp đặc biệt của tôi. Trông thấy nó, biết nghề của tôi ngay. Tôi đạp xe đạp thồ chở hàng thuê đấy.
- ...?
- Vâng, y như loại xe thồ hồi tụi mình còn học ở Bồng Sơn. Nhưng xe thồ ở đây được cải tiến, trọng tải lớn hơn nhiều. Loại xe thồ hồi ấy chỉ như xe du lịch. Tụi tôi bây giờ chỉ là "tài xế" chở hàng nặng. Chán phèo.
- ...?
- Anh đoán xem!
- ...
- Không.
- ...
- Cũng không. Loại vừa cồng kềnh vừa mỏng manh.
- ...?
- Tôi chuyên chở thạp đấy. Loại thạp da lươn người ta dùng đựng nước uống hoặc đựng gạo. Vì thế tôi mới bảo là vừa cồng kềnh vừa mỏng manh. Hồi sáng tôi vừa làm vỡ tám cái thạp như vậy.
- ...?
- Tám.
- ...?
- Đúng là tám. Mỗi chiếc giá vốn 50 đồng, 8 chiếc 400. Tiền công chở từ Biên Hòa lên Sài Gòn 5 đồng mỗi chiếc, vị chi 40.
- ...?
- Làm sao chở hết một lúc chừng ấy chiếc ư? Bí quyết đơn giản quá. Cái bao tử xẹp thì tìm ra cách ngay.
- ...?

- Không phải nổ lốp hay gãy tay cầm. Tiếc là anh không trông được cái xe thồ của tôi dựng chỗ bụi trúc kia. Bánh sau đùm niềng xe Mobylette, tăm xe loại cyclo. Ghi đông sắt lấy từ xe Alcyon loại Tây thuộc địa. Bàn đạp là hai ống sắt cỡ hàn dính vào giò xe. Phụ tùng có cây thanh gỗ chắc chắn đầu cưa hình chữ U để dựng xe nghỉ mệt.
Giọng người mang kính đen lớn hơn:
- Anh tàn tật, chọn chi cái nghề nặng nhọc vậy?
Người gầy ốm tóc muối tiêu thấp giọng hơn thường lệ:
- Một vợ bốn con, làm sao tôi sống được đây? Làm gì còn đất sống cho người lương thiện!
- Anh lại chua chát rồi! Tại sao anh không tìm một nghề ít dùng đến chân?
- Như nghề gì?
- Làm nghề đan mây tre. Thậm chí xin lỗi anh, tôi thấy nhiều phế binh chế độ cũ làm nghề hát dạo trên xe buýt.
Người tóc muối tiêu cười, nụ cười méo xệch:
- Chẳng lẽ tôi hát bài bài "Tiến về Sài Gòn"! Hay là bài "Hà Nội niềm tin yêu và hy vọng"! Còn hát những bài anh thường nghe ở bến xe buýt chợ Bến Thành, với tấm giấy phóng thích của trại học tập cải tạo...
- Thiếu gì nghề nhẹ cho anh. Anh còn may mắn hơn tôi. Anh còn đôi mắt. Thợ may, thợ đan, thiếu gì!
Người tóc muối tiêu trầm ngâm một lúc, rồi chậm rãi nói:
- Tôi muốn chứng tỏ rằng mình chưa phải là thứ vứt đi. Chở xe thồ bình thường phải có đôi chân đạp khỏe, muốn đẩy xe lên dốc cầu Bình Lợi phải lực lưỡng. Một chân, ốm o, tôi phải làm được. Khó nhất của nghề thồ là chở thạp, chở thạp cừ nhất phải được mười cái. Nay tôi lên được tám.
- Nhưng anh vừa đánh vỡ cả tám!
- Đúng. Đây là lần đầu tiên tôi làm vỡ hàng. Đánh vỡ vì một chiếc xe bảng xanh phanh bất ngờ trước mặt tôi, đúng lúc tôi ấn cái chân gỗ lên bàn đạp. Tôi chán nản quá, bỏ mặc chiếc xe với đống thạp vỡ, cà nhắc đến ngồi bên lề đường. Tôi chỉ là người bị nạn, không phải kẻ gây tai nạn. Tôi chưa đáng vứt đi, như người ta đã vứt tôi ra khỏi bệnh viện Cộng Hòa hôm 30 tháng 4.
Người mang kính đen khựng đi một lúc, mới nói:
- Làm sao được! Lúc đó chúng tôi nhiều việc quá, không có thì giờ sướt mướt những chuyện thương vay khóc mướn. Vả lại, chẳng lẽ phải vứt thương binh chúng tôi ngoài hành lang bệnh viện Cộng Hòa!
Người tóc muối tiêu đáp ngay:
- Tôi đã mất một chân, có chiếm nhiều chỗ lắm đâu.
- Nhưng anh còn có "máy bay lên thẳng" chở về hậu cứ để chỉ mất từ ống chân trái trở xuống. Nếu tôi được như anh, nếu tôi được như anh...
Người mang kính đen nghẹn lời, không nói tiếp được. Bạn anh không nghe anh tiếp, ngơ ngác nhìn lên. Hai người im lặng hồi lâu. Mãi một lúc sau, người tóc muối tiêu mới e dè hỏi:
- Đáng lý anh không đến nỗi phải mù?
- Vâng, nếu...
- Đường xa quá? Hay y sĩ...
- Cả hai.
- Chị ấy có...
- Tôi không muốn cho nhà tôi biết ngay. Vả lại...

- Chị và các cháu đã vào hẳn trong này chứ anh?
- Ban đầu chúng tôi cũng định thế, nhưng...
- Nhưng sao ạ?
- Lâu nay anh có về thăm Bồng Sơn không?
- Không.
- Sau 1975 tôi cũng hơi ngại. Làm vương làm tướng mà về thì... còn tình cảnh tôi, anh hiểu. Sau tôi đánh bạo. Không nhìn được vườn dừa quê mẹ thì cũng phải nghe lại cho được tiếng xe nước rì rào bên bờ sông Lại, nhúng chân một lần vào nước mát con sông xưa. Bao nhiêu năm tôi quay quắt với những thú thân thương đó.
- ...
- Gia đình tôi trôi dạt đâu cả, không còn ai. Nghe nói từ 1972 tản cư vào Qui Nhơn rồi đi lập nghiệp nơi khác. Nghe nói vườn dừa bị cụt ngọn cả rồi. Tôi ngủ lại ngay bến xe một đêm, hôm sau về Thanh Hóa. Không kịp hỏi tin tức bạn bè cũ ở trường Nguyễn-Huệ-bắc dạo đó. Anh có biết không?
- Anh muốn hỏi ai?
- Lũ bạn cũ. Để tôi nhớ lại đã. Như cái thằng ngồi đầu bàn phía ngoài lớp Bảy D, có cái tật hay khịt mũi ấy.
- À, thằng Quảng. Sau Genève nó làm xã trưởng.
- "Ác ôn" đến thế kia à! Có "gây nợ máu" nhiều không?
- Chẳng rõ. Chỉ biết năm 1965 cả nhà nó chết thảm vì một quả lựu đạn ném vào mâm cơm tối.
Hai người im lặng một lúc. Người thương binh mù hỏi tiếp, giọng bớt hăng hái:
- Còn thằng Luân? Thằng có cây viết Kaolo ngòi thủy tinh.
- Nó giàu lắm. Mở hiệu ăn ở Phù Cát, gặp lúc Mỹ qua buôn đồ lậu, phất như diều.
- Ái dà! Tư sản cỡ lớn chắc. À, thằng gì một lần xuống hầm núp máy bay, nó đái lên cả đầu con Lý hay dỗi?
- Thằng Đức. Đức Cống ấy mà!
- Phải. Nó lộn gan mỗi lần bị gọi như vậy. Nó ra sao?
- Nhảy núi sớm lắm. Tận hồi tố cộng.
- Còn anh?
- Đơn giản thôi. Sau 1955, theo ông chú vào Nha Trang rán lấy cái bằng tú tài. Học hai năm ở khoa học, hỏng liên tiếp ở chứng chỉ Toán đại cương hóc búa. Bị động viên, qua pháo binh. Mười năm lính, bốn lần bị thương. Mất một cái chân, trước khi mất hết. Không được may mắn như anh đâu!
Người thương binh mù ngồi yên, không động đậy, không nói năng.
Pho tượng bó gối có nét mặt bần thần. Bạn anh hỏi nhỏ:
- Anh sao thế? Đã muốn về chưa?
- Có lẽ phải về thôi. Tôi còn chút việc.
Người đạp xe thồ lấy thìa khua vào mạn tách. Cô chủ quán đến gần lễ phép hỏi:
- Quí ông đã cần pha trà chưa ạ?
Người đạp xe thồ xua tay nói:
- Khỏi cần cô ạ. Cô cho chúng tôi gửi tiền.
Người thương binh mù vội bỏ hai chân xuống đất:
- Anh để tôi trả tiền. Bao nhiêu hở cô?

- Thưa 14 đồng. Cà phê độ rày cao quá.
Bàn tay lục túi của người mù ngần ngừ. Người bạn tinh ý hỏi:
- Anh không đủ tiền trả phải không? Để tôi trả cho.
- Nhưng sao đắt thế này! Tôi nghe chỉ một đồng một tách đen thôi mà.
Cô chủ quán vẫn nhỏ nhẹ thưa:
- Cà phê nguyên chất quả có khác chứ ạ. Hồi còn được mở nhạc, những mười đồng một tách đấy.
Không có tiền thối, anh xe thồ nhận bốn điếu Đà Lạt rồi đưa cả cho bạn. Người mù không hay biết gì, mò tìm cây gậy nhôm. Thấy mình vô ý, người đạp xe thồ ân cần hỏi:
- Anh cần đi đâu, để tôi chở cho.
- Cám ơn. Chân anh thế, tôi không yên tâm. Tôi đi bộ cũng được.
- Tùy anh. Hôm nào gặp lại nhé!
- Vâng. Hôm nào rảnh tôi sẽ tìm thăm anh.

Họ chia tay nhau. Người mù huơ cây gậy nhôm tiến ra cửa quán. Người đạp xe thồ cà nhắc về phía gốc trúc La Ngà. Họ đều quên, không hỏi nhau địa chỉ tạm trú.

31 Năm Sau….
Người Lính Ấy Về Với Gia đình
Thiện Giao

Texas, một ngày Mùa Xuân...

Người thiếu nữ ấy có tên Nguyễn Thị Bích Thảo. Cô nhớ như in một ngày cuối Tháng Ba, 2006. Từ Kansas, Thảo dắt hai con trai, 16 và 6 tuổi, về Arlington, Texas, thăm bà ngoại và gia đình người em gái. Sau khi thăm gia đình, Thảo chuẩn bị về lại Kansas. Tai nạn xe, Thảo phải đưa con trai đến một bác sĩ Việt Nam tại thành phố Arlington. Trong lúc ngồi đợi tại phòng khám. Thảo lân la bắt chuyện cùng một người đàn ông "trạc tuổi cha mình," đang đưa vợ đi khám bệnh.
Thảo không bao giờ nghĩ rằng câu chuyện bâng quơ ấy, cuối cùng, sẽ đóng lại nỗi dằn vặt trong lòng mình.

"Bác ở đây?"
"Cháu ở Kansas."
"Cháu qua Mỹ năm 1993."
"Dạ, trước đây ba cháu cũng ở trong quân đội."
"Ba cháu cũng ở tù Hoàng Liên Sơn."
"Gia đình nhận giấy báo tử năm 1980, nhưng không biết cha được chôn ở đâu."
"Ba cháu tên là Nguyễn Văn Nô. Thiếu Tá Nguyễn Văn Nô."

Im lặng giây lát, người đàn ông đang ngồi trước mặt Thảo, điềm đạm:
- Chính bác đã chôn ba cháu. Trên đồi Cây Khế, xã Việt Cường, thị xã Yên Bái, tỉnh Hoàng Liên Sơn.

Thảo không tin hẳn. Làm sao có sự tình cờ như thế. Làm sao, trong cái phòng bác sĩ nhỏ bé của thành phố Arlington này, lại có một người khẳng định đã chôn cất cha mình trong một Mùa Đông gần 30 năm trước.
Nhưng người đàn ông ấy khẳng định như vậy. Và ông vẽ vội một bản đồ chỉ đường đi đến đồi Cây Khế!
Kỷ vật người quá cố…

Quả thật, có một ngọn đồi mang tên "Cây Khế" tại Hoàng Liên Sơn!

Từ Hoa Kỳ, Thảo gởi $500 cho người anh rể của chồng mình, đang sinh sống tại Cần Thơ. Người anh rể sẽ đi tìm ngôi mộ của "Thiếu Tá Nguyễn Văn Nô, chôn trên đồi Cây Khế, xã Việt Cường, thị xã Yên Bái, tỉnh Hoàng Liên Sơn." - "Mọi chuyện đều suông sẽ, chắc có cha phù hộ." Thảo cho biết. Từ Cần Thơ, người anh rể đi Sài Gòn. Từ Sài Gòn, anh ra Hà Nội. Và từ Hà Nội, anh đi xe lửa lên Hoàng Liên Sơn. Anh đến được ngay cái nhà vẽ trên giấy. Anh gặp chủ nhà, một người đàn ông tốt bụng, đã giữ gìn toàn bộ mồ mả của những tù nhân đã chết, được chôn tại đây." Một giờ sáng tại Hoa Kỳ, Thảo nhận điện thoại của người anh: "Đã

tìm được mộ cha!" Thảo vẫn chưa tin. Không thể đơn giản như thế được; gần 30 năm rồi còn gì!
Dưới nấm mộ nông kia, vài mảnh xương của người quá cố được chôn cùng một đôi dép râu, một đôi dép nhựa vá chằng chịt bằng dây chì, một gà mên, muỗng, nĩa, dao, bàn chải đánh răng, chiếc lược, và ba cây viết. Chắc hẳn người ta đã dùng đầu đinh để khắc dấu trên các vật dụng...

Trên chiếc muỗng có chữ N. Trên cái nĩa có chữ V. Trên con dao có chữ O. N, V, O? Nguyễn Văn Nô?
Còn chiếc gà mên? Trên nắp gà mên, người quá cố khắc chữ N; và một chữ O bao quanh chữ N. Dưới đít gà mên, một chiếc bông mai và dòng chữ: "3/5/1975 CT, 26/6/76 YB - HLS"
Không còn nghi ngờ gì nữa! Đúng là ba! Những ký hiệu ít ỏi ấy đã tiết lộ đầy đủ danh tánh và hành trình của người tù cải tạo.
"Thiếu Tá Nguyễn Văn Nô, vào tù Cần Thơ ngày 3 Tháng Năm, 1975; chuyển sang trại thị xã Yên Bái, Hoàng Liên Sơn ngày 26 Tháng Sáu, 1976." Chỉ một dòng chữ ông không kịp ghi lại: Mùa Đông năm 1977.
Mùa Đông năm 1977, Thiếu Tá Nguyễn Văn Nô qua đời sau một đêm đau đớn, trúng độc vì uống nước luộc sắn. Người đàn ông vẽ bản đồ. Giọng nói nhỏ nhẹ, cực kỳ nhỏ nhẹ, ông Lê Chu cho biết ông và Thiếu Tá Nguyễn Văn Nô "cùng ở trong đội trồng rau xanh" hồi còn ở Hoàng Liên Sơn. "Hồi đó đói lắm. Không có rau mà ăn, nên phải ăn sắn. Người tù phải lấy đọt sắn luộc lên ăn thay rau." Ông Chu kể rằng có một lần, tù chính trị luộc vỏ sắn cho heo ăn, mấy con heo lăn ra chết. Thế là cả đội bị quản giáo nghi làm... CIA. "Sắn có chất độc. Ăn ít thì không sao. Hôm ấy, anh Nô đã uống cả nước luộc sắn." Khuya, trại nghe lục đục cả đêm. Một ai đó phải đi trạm xá. Sáng hôm sau, ông Chu biết tin có 2 người đã chết tối hôm qua. Một trong hai người này là Thiếu Tá Nguyễn Văn Nô. Một ngày sau, ông Chu mang xác bạn đi chôn. "Tôi không nhớ rõ ngày, chỉ nhớ lúc ấy lạnh lắm; chắc là Mùa Đông. Mùa Đông thì tù ăn sắn lưu niên."

Ông Chu chôn bạn trên đồi Cây Khế, xã Việt Cường, thị xã Yên Bái, tỉnh Hoàng Liên Sơn.

Và ông nhớ như in những nấm mồ ấy, để rồi gần 30 năm sau, trên nước Mỹ gần 300 triệu người này, ông lại tình cờ gặp đúng con gái của người bạn xấu số kia. "Về sau, trại cho được vài bao xi măng. Chúng tôi làm cho bạn tấm bia." Ông Chu, cựu trung tá, đã từng phục vụ tại Liên Đoàn Truyền Tin Quân Đoàn Bốn, tốt nghiệp khóa 3, Thủ Đức, hiện sinh sống cùng vợ và bảy người con tại Arlington, Texas. Ông đã về hưu, sau một thời gian làm nhiều nghề, kể cả nghề mộc.

Nơi an nghỉ cuối cùng...Cứ nhắc đến cha, Thảo lại khóc. Thảo gặp cha lần cuối cùng vào năm 1975. Cứ nhắc đến mẹ, Thảo lại khóc. Mẹ của Thảo đã "ở vậy từ ngày cha vào tù." Mẹ Thảo ở góa, làm nghề may vá nuôi sáu người con; 5 gái, 1 trai. Thảo khóc vì thương cha, và vì "được cha thương nhất trong tất cả anh chị em."

"Ngày xưa, mỗi lần đi xa về, cha luôn có đồ chơi cho các con." Thảo kể trong nước mắt. Từ ngày vào tù, cha vẫn có đồ chơi cho con, cho mỗi đứa con. Mỗi lần mẹ vào tù thăm, cha lại gởi về 6 con vật nặn bằng đất sét.
Phần Thảo là con vịt; một con vịt bằng đất sét. Ngày xác định được mộ cha, cả nhà không biết đưa cốt đi đâu. "Chỉ còn vài khúc xương." Ba chồng Thảo kiên quyết: "Phải đem cốt vô nhà. Để tôi rước anh sui vô nhà."
Thảo chạy ra sau vườn chôm chôm, khóc rấm rức. "Ở nhà bảo đừng khóc. Khóc làm người quá cố không thanh thản." Gia đình mang cốt ông đi thiêu, để xin giấy phép sang Hoa Kỳ. Thảo lại khóc: "Thiêu là chết thêm một lần nữa." Thảo nói trong nước mắt: "Em khóc vì gặp lại cha. Khóc mà mừng, đau mà vui." Thảo kể: "Bàn chải chôn theo cha mòn hết, chỉ còn mấy sợi. Trên mấy cây viết, cây nào cũng có chữ N."

Thiếu Tá Nguyễn Văn Nô chào đời năm 1937, tại Bạc Liêu. Ông gia nhập quân đội. Học khóa 13, Võ Bị Quốc Gia Đà Lạt. Sang Hoa Kỳ tu nghiệp từ năm 1956 đến 1959. Ông lập gia đình năm 1962. Năm 1975, ông vào tù và "ở lại đấy" cho đến 31 năm sau.

Bây giờ, cả gia đình đã đoàn tụ; thiếu Tá Nô sẽ bắt đầu lần an nghỉ cuối cùng; sẽ an nghỉ vĩnh viễn tại chùa Liên Hoa, thành phố Arlington, Texas, nơi ông sẽ được nghe kinh kệ mỗi sáng, mỗi trưa, và mỗi chiều.

Chị Dâu Tôi

Phùng Thành Chủng

Ngày13 tháng 2 năm Tân Mão (1951), bố tôi cùng với 14 người nữa ở làng bị giặc Pháp đưa lên núi Voi xử bắn! Hồi đó anh tôi mới lên 5 tuổi; còn tôi, phải 3 tháng sau mới kịp cất tiếng khóc cho sự có mặt của mình trên cõi đời này...

Mẹ tôi kể: ...

Đêm trước bộ đội ta về đánh bốt Hoàng Xá. Do chuẩn bị không chu đáo và thiếu sự phối hợp chặt chẽ, nên trời đã gần sáng mà vẫn không dứt điểm được, phải rút ra. Tuy không hạ được bốt, nhưng bọn địch trên đồn phải một phen hoảng loạn. Trận ấy, 3 tên- trong đó có tên thượng sĩ Lâm khét tiếng tàn ác đã phải đền tội. Về phía ta, chỉ có một người bị thương nhẹ...

Để trả thù, sáng hôm sau bọn lính trên đồn kết hợp với bọn lính kéo đến chi viện tổ chức một cuộc càn quét vào cái làng nhỏ bé nằm dưới chân núi Voi quê tôi. Chúng thoải mái cướp bóc, đốt phá bởi không gặp phải một sự kháng cự nào. Cuối cùng, vì bị chúng nghi đã dẫn đường cho bộ đội chủ lực về đánh bốt đêm trước- 15 con người, trong đó có bố tôi bị chúng bắt đi. Thực ra chỉ có bố tôi được "cài cắm" lại làm nhiệm vụ theo dõi việc bố phòng, ăn ở, đi lại, sinh hoạt của địch, còn 14 người là bị bắt oan.

... Đêm hôm đó nghe một loạt súng nổ. Sáng hôm sau, bọn lính trên đồn chõ loa xuống thông báo cho người nhà những người bị bắt lên núi Voi lấy xác. Không thấy xác bố tôi và xác anh Nhàn! Nhưng nghe có tiếng như tiếng người rên, mẹ tôi và mấy người trong họ vội chia nhau bổ ra các phía để tìm. Vì vọng núi, đứng ở đầu này thì nghe tiếng rên ở đầu kia, nhưng khi đến nơi lại nghe như ở chỗ khác. Việc tìm kiếm càng trở nên khó khăn khi tiếng rên mỗi lúc một thưa dần, yếu dần... và cho đến chiều tối hôm đó thì mọi người hoàn toàn thất vọng khi không còn nghe thấy tiếng rên nữa! Không ai để ý một điều là không thấy người nhà anh Nhàn lên lấy xác. Mãi mấy hôm sau mới biết anh Nhàn chỉ bị gãy hai dẻ xương sườn, tối hôm đó anh bò được về nhà. Gia đình anh giấu không cho ai biết và đã chuyển anh đi ngay trong đêm để chạy chữa (mãi mấy năm gần đây ông Nhàn mới chết). *Còn bố tôi, mẹ tôi bảo: Sau khi bị bắn, chắc cũng chưa chết, nhưng khi tìm đường mò về làng thì bị lăn xuống hang, uống vực,...*

Vậy là bố tôi đã phải chết đến hai lần trong đau đớn và đói khát! Mà đã yên đâu- bởi sau khi bố tôi chết- ở dưới hang sâu, liệu bố tôi có được lũ chuột bọ buông tha?! Giá như bố tôi chết ngay sau loạt đạn của kẻ thù! Giá như...

Mặc dù 45 năm đã trôi qua, nhưng mỗi khi nghĩ đến cái chết của bố tôi, tôi lại vô cùng đau đớn và không cầm được nước mắt...

Từ đó, mẹ tôi lấy ngày 14 tháng 2 (một ngày sau hôm bố tôi bị bắn) làm ngày giỗ bố tôi.

Năm đó, mẹ tôi mới 27 tuổi.

***

... Mấy năm sau thì hòa bình lập lại. Mặc dù có rất nhiều người mối manh, khuyên mẹ tôi bước đi bước nữa, nhưng mẹ tôi quyết tâm ở vậy thờ chồng nuôi con. Vì điều kiện kinh tế khó khăn, hơn nữa những năm đó cả tỉnh mới có một trường cấp 3, nhà tôi lại cách thị xã hơn hai chục cây số nên học hết cấp 2 (lớp 7), anh tôi phải nghỉ học ở nhà làm ruộng. Được mấy năm thì xảy ra sự kiện vĩnh Bắc bộ. Tiếp đến là cuộc chiến tranh phá hoại bằng không quân của đế quốc Mỹ. Mười năm hòa bình như một sự nghỉ ngơi, lấy sức. Thanh niên lớp này, lớp khác đi bộ đội vợi làng. Anh tôi nhập ngũ đầu năm 1966. Vì được báo trước, mẹ tôi đã kịp lo cho anh một người vợ- cả ăn hỏi, cưới xin chỉ trong vòng có mười ngày trước ngày anh lên đường. Người được mẹ tôi *chấm* làm dâu là chị Mừng. Chị Mừng hơn tôi hai tuổi, người cùng làng. Bố mẹ mất sơm, chị được ông chú đưa về nuôi từ nhỏ, Nhà chú thím cũng nghèo, lại thêm đông các em nên học hết lớp 4 (hết cấp một lúc đó), chị phải nghỉ học để phụ giúp chú thím. Chị không đẹp nhưng ưa nhìn. Mẹ tôi bảo chị có cái duyên của người con gái...

Mặc dù không có sự tìm hiểu trước, nhưng cả anh tôi và chị Mừng không ai có ý phản đối việc *xếp đặt* của hai bên bố mẹ. Hôm *chạm ngõ* (trước lễ ăn hỏi), mẹ tôi mua năm chục bánh gai, dẫn anh tôi đến cho chú thím chị Mừng và chị Mừng *nhận mặt*. Suốt buổi trong lúc mẹ tôi nói chuyện với chú thím chị Mừng, thì anh tôi- từ lúc đến cho tới lúc về- ngồi yên một chỗ, chán nhìn xuống đất lại ngước mắt lên nóc nhà đếm dui. Chị Mừng xách được ấm nước lên, rót mời mẹ tôi rồi vội vàng chạy tọt xuống bếp. Có lẽ cho đến khi cưới, duy nhất có một lần anh tôi và chị Mừng dám đi với nhau, ấy là lần hai người mượn xe đạp lai nhau ra trụ sở ủy ban đăng ký.

Đám cưới anh tôi là đám cưới đần tiên hồi đó được tổ chức theo đời sống mới. Đơn giản mà vui! Tất cả đều do đoàn thanh niên đứng ra lo liệu. Không ăn uống, chỉ có trầu cau, trà thuốc. Thuốc cũng chỉ có ba túc- hai túc được mua theo tiêu chuẩn đăng kí kết hôn, một túc theo tiêu chuẩn giấy gọi nhập ngũ. Hàng chữ *Vui duyên mới không quên nhiệm vụ* cắt bằng giấy vàng, dán trên vải đỏ được căng ở vị trí trang trọng phía trước rạp, nơi đặt bàn thờ tổ quốc. Chính quyền địa phương, các cơ quan đoàn thể đều cử người đại diện đến căn dặn, chúc mừng. Các em thiếu niên cổ quàng khăn đỏ, hàng ngũ chỉnh tề, dưới sự hướng dẫn của các anh, các chị phụ trách cũng đeo trống ếch đến góp vui. Sau tiệc trà là phần văn nghệ. Cũng có người dẫn chương trình, cũng đơn ca, độc tấu, ngâm thơ... Đủ các tiết mục. Người dự, người đến xem, vì thiếu bàn ghế, đứng xếp lớp vòng trong vòng ngoài. Ai cũng bảo: Từ trước tới nay chưa có đám nào đông và vui như đám cưới anh tôi...

Tối hôm ấy, sau khi khách khứa về hết, mẹ tôi tắt đèn, ý tứ giục tôi đi nghỉ. Vẫn nghe lịch kịch bên ngoài, mẹ tôi trở dậy: *Thôi, còn gì để đấy mai dọn con ạ...*- Tôi nghe mẹ tôi nói với chị Mừng. Đến lượt anh tôi loanh quanh như gà mắc tóc- hết vào nhà lại ra sân- Khi chị Mừng đã vào buồng...

Hôm sau, tôi thấy mẹ tôi có vẻ buồn. Sau này, tôi mới biết- sáng hôm đó, khi vào nhà tắm, mẹ tôi đã phát hiện ra chị Mừng đang trong thời kỳ có kinh.

Ba ngày sau, anh tôi nhập ngũ.

***

Sau 3 tháng huấn luyện ở Nho Quan- Ninh Bình, anh tôi còn được về nhà 12 ngày trước khi đi B. Suốt thời gian đó, mẹ tôi bắt chị Mừng nghỉ việc để anh tôi và chị có nhiều thì giờ gần nhau. Biết những món thường ngày, trước đây anh tôi vẫn thích ăn, tự tay mẹ tôi đi chợ mua, rồi cũng lại chính tự tay mẹ tôi nấu nướng. Thấy tôi cứ quẩn bên anh tôi, kéo tôi ra chỗ vắng, mẹ tôi bảo:

- Con phải để anh, chị con tâm sự với nhau. Có 12 ngày phép...

Tôi cãi:

- Không lẽ anh Lượng (Lượng là tên anh tôi) là của riêng chị Mừng?!

Mẹ tôi nhìn tôi như hóa đá, gương mặt bệch ra...

Tôi có ngờ đâu đã vô tình chạm vào nỗi đau của mẹ. Bởi có người mẹ nào không muốn được gần con mình trước lúc chia xa? Nhưng... những chuyện đó, phải sau này- lớn thêm chút nữa tôi mới hiểu, còn lúc đó nào tôi đã biết gì đâu?!

Sau ngày anh tôi trả phép một tháng, mẹ tôi mừng ra mặt, thì ra, mẹ tôi ngỡ chị Mừng đã có mang. Không hiểu sao lần ấy chị *lên tháng*! Sau khi thấy chị có kinh trở lại mẹ tôi buồn suốt mấy ngày.

Cũng năm đó, tôi tốt nghiệp cấp hai và tiếp tục được học lên vì huyện tôi bắt đầu có trường cấp ba. Mẹ tôi lấy cớ: Đêm nằm tôi hay ghếch gác làm mẹ tôi mất ngủ, bảo tôi sang buồng bên nằm với chị Mừng. Tôi biết, mẹ tôi muốn lấp đi sự trống vắng, giúp chị khuây khỏa nỗi nhớ anh tôi...

Thời gian đầu thỉnh thoảng anh tôi còn có thư về. Nhưng rồi những lá thư cứ thưa dần, thưa dần. Được một năm thì bặt tin! Căn cứ vào ngày tháng trên mỗi lá thư thì lá thư cuối cùng được anh viết tháng 2 năm 1967. Thếp giấy mẹ tôi mua, dành để viết thư cho anh, chị Mừng chưa kịp dùng hết! Mấy lá thư sau này mẹ tôi bảo chị viết cho anh, không thấy hồi âm...

Tôi đã có những dấu hiệu đầu tiên ở người con gái đến tuổi dậy thì. Tôi không cho mẹ tôi biết, chỉ nói với chị Mừng. Và những chuyện khác nữa của tuổi mới lớn! Đối với tôi, chị còn là một người bạn (hiểu theo cả nghĩa tuổi tác). Nghĩa là- với chị- tôi không phải giữ ý, giữ tứ, hoặc cảm thấy khó nói hoặc có những chuyện còn phải giấu giếm như với mẹ tôi....

Hàng ngày, ngoài thời gian học tập, tôi cùng chị tham gia công việc đồng áng và những sinh hoạt đoàn thể. Những năm tháng đó, không ai có thì giờ nghĩ nhiều đến cái riêng của mình. Vậy mà tôi đã làm một việc dại dột để sau đó phải ân hận mãi và tôi sẽ còn phải ân hận suốt đời. Đó là lần, tôi bỗng thấy lòng rạo rực khi cảm thấy được bằng khứu giác hương thơm tỏa ra từ da thịt chị. Đêm đó có trăng, ánh trăng chảy qua cửa sổ vào màn như đồng lõa. Sau lần vài mỏng, những đường nét trên thân thể chị hiện lên lồ lộ. Rất bản năng, bất ngờ tôi lùa tay vào những vùng cấm trên người chị mò mẫm, sục sạo. Đang ngủ- như choàng tỉnh, chị hoảng hốt lôi tay tôi ra đập đạp xuống giường và trách *cái cô này!* Tôi không nói gì, chỉ cười rúc rích rồi ngủ thiếp đi...

Bỗng nhiên, sau đó tôi thức giấc vì cảm thấy dưới lưng- chiếc giường thỉnh thoảng lại rung lên nhè nhẹ. Tôi tỉnh hẳn ngủ khi phát hiện ra chị Mừng đang khóc. Chợt hiểu ra tất cả- nhưng làm như không biết, tôi trở mình, quay lưng về phía chị và cố thở ra đều đều như vẫn ngủ say. Nhưng thấy chị thôi khóc. Lát sau chị lặng lẽ trở dậy. Tiếp đến tôi nghe tiếng gàu múc va vào thành giếng và tiếng xối nước ào ào...

Sáng hôm sau, tôi cứ nghĩ chị sẽ trách tôi về việc làm đêm trước, nhưng không thấy chị nói gì. Chị lại vui vẻ như không có chuyện gì xảy ra.

***

Năm 1973, đột nhiên anh tôi lại có thư về. Chị Mừng đạp xe hơn ba chục cây số xuống tận trường Cao đẳng sư phạm Thường Tín- nơi tôi đang học- để báo tin cho tôi. Vậy là anh tôi vẫn còn sống. Khỏi phải nói nỗi vui mừng của mẹ tôi, của tôi và chị Mừng. Nhưng, giá như không có lá thư ấy...

Tháng 9 năm 1975, gia đình tôi nhận được giấy báo tử anh tôi. Theo đó, được biết anh hi sinh ngày 30-3-1975 tại Buôn Ma Thuột- đúng một tháng trước ngày miền Nam hoàn toàn giải phóng. Mẹ tôi ôm lấy chị Mừng mà khóc. Mẹ tôi khóc nhiều lắm- vì thương anh tôi và cả vì thương chị Mừng. Mẹ tôi bảo*: Bố tôi mất, mẹ tôi còn có anh tôi và tôi trong bụng. Nhưng chị...*

Tôi kịp nhận ta một sự trùng lặp. Năm đó, chị Mừng cũng đúng 27 tuổi.

... Cũng năm đó, tôi tốt nghiệp ra trường và được phân công về dạy ngay gần nhà. Năm sau tôi lấy chồng. Anh là kỹ sư, người xã bên, công tác ở phòng nông nghiệp huyện. Nhà anh đông anh em, nên khi anh đặt vấn đề, tôi lấy cớ mẹ tôi già yếu, yêu cầu anh gửi rể. Lúc đầu anh còn phản đối, với lý do đã có chị Mừng. Nhưng, thấy tôi kiên quyết, cuối cùng anh đã nhượng bộ. Vì sự kiện này, chị Mừng phải nhường cho vợ chồng tôi cái buồng chị đang nằm, dọn sang nằm với mẹ tôi. Cõ lẽ, mâu thuẫn nảy sinh từ đó...

Sau ngày được tin anh tôi mất, chị Mừng trở nên khác hẳn. Chị sống lặng lẽ, lủi thủi như một cái bóng. Mẹ tôi cũng chỉ biết có chị. Hình như hai con người ấy dựa vào nhau mà sống. Còn

tôi, tôi chỉ đơn giản nghĩ rằng: Người chết thì đã chết rồi, có thương nhớ suốt ngày, thì anh tôi cũng không vì thế mà có thể sống lại được. Phải lo cho hiện tại. Trong việc này, chồng tôi luôn giữ một khoảng cách cần thiết đúng với vai trò *rể là khách* của mình. Tôi cảm thấy không khí trong gia đình thiếu sự hòa đồng. Đã có sự tách biệt giữa một bên là vợ chồng tôi và một bên là mẹ và chị.

.. .Vốn vô tư, bộc trực, tôi thường biểu lộ tình cảm với chồng tôi một cách ồn ào. Thấy thế, nhằm lúc chỉ có mình tôi, mẹ tôi bảo: *Vợ chồng còn sống với nhau suốt đời, những lúc có chị con ở nhà, phải có ý, có tứ...* Tôi không cãi lại, chỉ nghĩ là mẹ tôi lạc hậu, cổ hủ. Nhưng đến khi chồng tôi cũng nói với tôi như vậy, và- trước mặt chị- Anh cố tình lảng tránh sự săn sóc của tôi, thì tôi cảm thấy vì chị mà hạnh phúc của vợ chồng tôi không trọn vẹn...

Cho đến lần tôi nghe người ta nói chị có quan hệ thì thụt với tay Viên...

Viên đã có vợ con. Là người cùng xã chồng tôi. Năm 1976 anh ta đưa vợ con vào Lâm Đồng xây dựng vùng kinh tế mới, vì hàng hóa hai miền chưa lưu thông, anh ta vẫn lợi dung ra vào buôn bán. Không hiểu nguyên do từ đâu mà hai người quen biết và bắt bồ bới nhau?!

Tôi đem chuyện đó nói với mẹ tôi. Không nhờ mẹ tôi bảo *nó đẻ tao sẽ ở với nó*. Cái nhà này chia đôi, cho nó một nửa...

... Những lời đồn đại về chị là có thật. Thời gian sau, chị xin phép mẹ tôi dọn về bên nhà chú thím. Tôi không có nhà. Mẹ tôi đôi mắt đỏ hoe, đưa cho tôi mảnh giấy chị viết gửi lại

Cô Mai,

Chị đã xin phép mẹ dọn về bên nhà. Đáng lẽ phải đợi cô về, nhưng vì có việc vội, không chờ được, mong cô thông cảm. Nói với cả chú Phong như thế giúp chị. Cuối cùng, chúc cô chú vui vẻ, hạnh phúc.

Chị Mừng

Có lẽ việc chị dọn về bên nhà chú thím làm mẹ tôi phải nghĩ ngợi nhiều. Mấy tháng sau, mẹ tôi lâm bệnh và qua đời. Được tin, chị vội vã về chịu tang. Nhưng cả tôi, cả anh em họ hàng đã thống nhất không xé khăn cho chị. Bất chấp những cái nhìn ghẻ lạnh của mọi người, chị lăn xả vào ôm lấy quan tài mẹ tôi mà khóc. Nhẫn nhục cho đến khi lo xong công việc cho mẹ tôi, chị mới ra về...

Ít lâu sau, nghe tin chị theo tay Viên vào Lâm Đồng. Người ta bảo: Chú thím chị không được một cơi giầu chạm ngõ...

***

... Bỗng một hôm tôi nhận được một bức điện khẩn đánh đi từ thành phố Vinh:

Cô Mai

Khả năng chị không qua được. Cô vào ngay bệnh viện X, thành phố Vinh, hỏi thăm bác sĩ Lan khoa hồi sức cấp cứu...

Chị Mừng

Tại sao chị lại nằm ở bệnh viện X, thành phố Vinh? Lúc đầu tôi đã định không đi vì nghĩ giữa tôi và chị đã không còn tình cảm gì nữa. Nhưng chồng tôi khuyên: *Nghĩa tử là nghĩa tận...,* hơn nữa- đường từ nhà tôi vào Vinh cũng không xa lắm, nên cuối cùng tôi đã quyết định đi. Lúc tôi đến nơi, chị Mừng đã đang ở trong tình trạng hôn mê. Bác sĩ Lan trao cho tôi chiếc túi du lịch và một phong thư: *Chị ấy nhờ tôi chuyển những thứ này cho chị*. Khi tôi hỏi lý do của việc chị phải vào viện, bác sĩ tiếp: *Sợ chị không đến kịp, những gì cần nói chị ấy đã nói và nhờ tôi viết hộ trong thư. Chị cứ đọc khắc rõ...*

Linh tính như báo cho tôi biết là có việc hệ trọng. Tôi run run mở phong thư đã được thả vào phong bì, dán kín, bên ngoài ghi sẵn địa chỉ của tôi mà bác sĩ Lan trao cho:

Cô Mai!

Trên chuyến tàu ra Bắc, chị bị bọn trấn lột đâm trọng thương khi chị hô hoán và giành giật lại chiếc túi du lịch đựng hài cốt anh Lượng. Các bác sĩ cho biết vết thương của chị khá nặng! Sợ không chờ được đến lúc cô vào chị đã gửi bác sĩ Lan chiếc túi du lịch, nhờ chuyển cho cô. Nhận được thư này, cô thu xếp vào ngay đưa anh về...

Chị Mừng

Trời!- Tôi nhào đến bên chị. *Hãy tha thứ cho em chị Mừng ơi!* Nước mắt của sự hối hận của tôi ướt đầm ngực áo chị. Nhưng... chị đã chẳng còn bao giờ nghe được những điều tôi nói...

Hôm đí là ngày 27 tháng 3 năm 1978.

***

... Tôi đã đưa anh chị về yên nghỉ bên cạnh mẹ tôi. Từ đó đến nay, ngót 20 năm đã trôi qua, nhưng mỗi khi nghĩ về những hy sinh mất mát của những người vợ, người mẹ như mẹ tôi, như chị Mừng, tôi không khỏi luôn luôn có mặc cảm của kẻ có lỗi.

Tôi đã làm được gì cho cuộc đời này?!

Buổi Sáng Sinh Phần

Trần Vũ – Pháp

Mưa vẫn còn rơi lai rai khi Điềm vào tới nghĩa trang.

Hai ven đường mồ mả mọc đìu hiu nằm men sau dẫy tường thấp. Gió thổi bời rời, phe phẩy dăm ba hột mưa ảm đạm. Chàng trả tiền cho người phu xe dặn ngồi đợi. Điềm còn đau râm ran trong bụng, không đau xẻ ruột đứt gan và ói máu như lúc nằm viện, nhưng là cái đau dai dẳng chậm rãi âm ỉ. Chàng cố dỗ dành viên mụt nhọt thâm sâu trong dạ dày khi bước vào cổng. Bà cụ già ngồi bán nhang chào mời chàng với ham răng nhuộm. Điềm mua lấy một bó đến thắp ở miếu thổ thần. Mùi nhang đốt, hương đèn xông nghi ngút, khói cay bỏng mắt đột ngột đưa chàng vào hẳn thế giới của người chết. Bó nhang chập một bén lửa cứ phựt lên làm Điềm phải vẩy mấy lần trước khi lâm râm khấn rồi cắm vào bát sành. Vài ngọn gió lùa tha theo nước mưa vào trong miếu làm chàng gây gây lạnh.

Điềm lại thấy đau nhói trong phủ tạng, chàng chờ cho khỏe lại rồi mới đi quanh quất giữa những hàng mồ mả. Nghĩa trang hiu hắt, hoang vắng. Thế giới sau lưng con người chỉ phơ phất mấy đường mưa chảy lăn ròng trên bia đá. Trời mưa ri ri suốt cả một buổi làm bầu trời xám ngắt như đã ngã về chiều dù chỉ mới quá trưa. Hai ba giọt nước luồn qua cổ áo khiến Điềm rùng mình ớn lạnh.

Chung quanh miếu thổ thần mộ lập san sát nên Điềm chỉ nhìn lướt các kiểu bia xây. Chàng buồn buồn đi rảo qua lối đi nhỏ, tiếng cỏ tranh lay chạm lào xào như có ai than. Thân phận kiếp người quá là mong manh. Sống gửi thác về, tro tàn bụi cát, hồn phách tiêu tán. Gió thổi nâng đong đưa vài miếng tro nơi đống vàng mả ai đó vừa đi thăm mộ đốt xong. Phiến tro bay trĩu trĩu theo mùi nhang đưa từ ngôi mả mới cắm. Điềm đi tới cuối nghĩa trang chỗ có bức tường đổ xiêu trông qua mấy dãy nhà lợp tôn phía Tân Sơn Nhất. Mồ mả đan kín không còn đất trống. Chàng phân vân nửa muốn trở ra sang khu nghĩa trang bên kia đường, nửa muốn đi tiếp sâu vào hướng ngược lại con đường dẫn ra miếu thổ thần. Điềm còn chần chừ thì nghe tiếng người gọi:

- Cậu kiếm mả ai?
Chàng giật mình quay lại, bắt gặp một cụ già đứng cách mấy hàng bia. Ông cụ đi giày tây nhưng vận áo dài, chít khăn nhiễu và cắp ô đen. Trời gió thổi hai vạt áo the rung rung.
- Thưa cháu kiếm đất. Điềm trả lời.
- Quý hóa quá! Tôi là Chương, hân hạnh biết cậu. Nhưng kiếm đất ở đây làm sao có, khu này họ xây choáng hết cả rồi. Nếu cậu không vội, theo tôi sang đằng này họa may.
- Dạ, cám ơn cụ chỉ đường.
Ông cụ phát tay, chỉ về hướng tượng Quan Âm xây ở đằng xa, ra dấu bảo Điềm đi theo. Trời mưa lâm râm không nặng hạt nhưng ông cụ vẫn giăng ô, hai ống quần lụa giặt trắng phau.

Chàng để ý thấy đôi giày tây của cụ Chương còn mới nguyên chưa mòn đế.
- Cậu kiếm đất cho ai? Cụ Chương bỗng hỏi.
- Dạ, không dấu gì cụ... cháu muốn mua sẵn một miếng đất cho mình.

Điềm hơi ngần ngại, nhưng rồi cái phong thái hồn nhiên của cụ Chương giúp chàng nói thật. Chàng bỗng thấy mình khỏe hẳn sau khi nói ra mục đích đến nghĩa trang.
- Ối giời! Còn trẻ thế mà đã lo xa kia à? Xem như là chúng mình đồng bệnh tương lân rồi nhé!
Cụ Chương bật cười lớn khoác vai chàng tương đắc. Điềm không hiểu gì khi thấy ông cụ đưa tay làm loa gọi những người khác. Cụ Chương tươi cười:
- Lâu lâu mới gặp một người còn trẻ mà đã cẩn thận biết lo chốn yên nghĩ của mình, chúng tôi quý lắm. Người xưa vẫn dạy cái phần mả bao giờ cũng là trọng. Thật bụng chỗ đồng hương với nhau, gặp cậu tôi rất cảm kích, sẵn có vài người bạn đằng mả, nếu cậu cho phép xin được giới thiệu.

Điềm còn đang chần chừ do dự không biết tính sao, thì đã thấy mấy người từ dẫy mộ phía trong đi ra. Cụ Chương vừa kéo tay chàng vừa vẫy họ.
- Các ông lại đây! Có anh bạn trẻ này hợp với chúng mình lắm!

Ba người đi sau cũng vừa tới. Một cô gái mặc áo dài trắng tóc thề, một người lính trong bộ lễ phục sĩ quan Đà Lạt và một người thương phế binh áo ngụy trang bê bết bùn đất. Người thương binh cụt chân, Điềm nhìn sững họ quên cả chào, lúc này mà còn mặc áo lính Cộng Hòa thì phải có máu mặt.
- Chào anh bạn! Tôi là Khánh! Người thương phế binh phác tay chào Điềm theo cung cách quân đội cũ.

- Mừng anh ghé tham quan!
Người sĩ quan võ bị vồn vã ôm hôn chàng, vừa vỗ vỗ vào lưng thân ái. Không quen với kiểu chào này nên Điềm ngượng đỏ mặt. Cô gái khẽ gật đầu nhìn chàng, không xưng tên, chỉ lẳng lặng đứng nép một bên mả.

- Tôi tên Thìn, sinh đẻ ở phố Kim Mã, quận Ba Đình Hà Nội, rất hãnh diện được đón tiếp anh hôm nay!
Người sĩ quan Đà Lạt bây giờ mới trịnh trọng tự giới thiệu. Chàng không hiểu gì ngớ người ra nghe.

- Thôi bây giờ là người nhà rồi cả nhé, không cần khách sáo nữa. Nếu cậu Điềm không bận thì ra ngôi mả uống với chúng tôi một ly, chả mấy hôm mới có được chút rượu đế. Ta đi nào!
Cụ Chương không chờ Điềm trả lời, thân mật nắm tay dẫn ra một chỗ mả tương đối sạch sẽ trống trải. Ông cụ vừa đi vừa kể cho mấy người kia nghe ý định tìm đất của chàng. Hai người lính bật cười ha hả, chỉ có cô gái vẫn không nói gì chỉ lẳng lặng theo sau. Trưa nghĩa trang gió buồn buồn đưa mưa qua những ngôi mộ vắng vẻ, có được vài người cùng đi kiếm đất chung thì cũng bớt cô đơn, nghĩ vậy Điềm mạnh dạn bước theo họ.

- Nhấm nháp qua loa rồi chúng tôi đưa cậu đi coi đất, trong này thì không có chỗ nào mà chúng tôi không biết. Nhưng chọn đất là việc hệ trọng, cậu không nên hấp tấp, con cháu mai sau nhờ cả vào đó.

Năm người ngồi dưới một tàn cây nhạc ngựa, chung quanh cỏ lau, mồ mả im lắng như tờ. Điềm trông thấy một hàng phượng nở hoa đỏ, giữa chiều mưa in hình lên nền trời ướt nước của lối đi chính mãi tận đầu nghĩa trang. Cụ Chương không biết lôi ở đâu mấy đĩa xôi gấc, loay hoay tháo bọc ny lông phủ mặt, rở mấy bánh oản, lớp giấy bóng kính xanh đỏ đủ màu. Thìn rót nước trà ra tách, Khánh chuyển cho mỗi người một ly đế. Cô gái ngồi im nhìn.
- Làm một ly anh bạn!
Khánh đưa ruợu đến chàng, vui vẻ.
- Ruợu trắng hơi nặng, nhưng trời lạnh uống vào nóng ran người, thích thật!
Cụ Chương gật gù khề khà.
Điềm cũng đưa ly lên môi nhấp, rượu đế rẻ tiền cay bỏng lưỡi lại nồng nặc mùi nhang, chắc tro tàn rơi vào ly. Chàng cố chiêu ngụm rượu, lẽ ra Điềm không được uống nhưng trước sau thêm vài tháng thì có khác gì đâu. Nghĩ vậy Điềm nhắm mắt uống cạn ly, chất lỏng nóng như sôi sục trong dạ dày, Điềm.khà một tiếng lớn.
- Bạn chịu chơi lắm! Tôi phục bạn, ít người uống nổi thứ ruợu đế này!

*
Khánh ngồi xuống cạnh Điềm có vẻ thích thú, anh ta nói tiếp:
- Tôi là hạ sĩ quan nhảy dù, tiểu đoàn 11 của Nguyễn Đình Bảo, bạn biết chứ? Trận Charlie tôi bị vào đây.
Khánh đưa tay đập đập vào phần đùi còn sót, rồi nói không tải thương được. Khánh nốc hết ly ruợu một hơi, rồi phác một cử chỉ nửa đáng tiếc mà cũng bất cần.
- Sống khôn thác thiêng, sống hùng chết vinh, trúng đạn què chân, binh chủng hào hùng thì phải bỏ mạng sa trường, poncho gói thây. Bạn đồng ý không? Ai như thằng này!
Khánh nói một hơi trước khi đưa tay chỉ vào mặt Thìn.

- Cứ phát biểu linh tinh! Thế nào là sống hùng chết vinh? Đi lính thuê cho đế quốc ấy à?
Thìn, người mặc áo sĩ quan Đà Lạt, đeo kiếm và mang găng trắng như sắp đi duyệt binh ngày quốc khánh, đang ngồi chồm hổm trên một ngôi mả bực bội trả lời. Anh gỡ cái nón kết lưỡi trai xuống cầm tay quạt.
- Rắm thối nhà anh! Cứ có tí ruợu đổ vào là chết vinh hơn sống nhục!
Thìn nói thêm câu nữa, trước khi xúc miệng òng ọc bằng trà.

Chờ cho Thìn nhổ toẹt bãi nước xuống đất rồi Khánh mới dằn mạnh ly.
- Đù mẹ mày! Đội đồ đi bộ từ Bắc vào Nam gia tài có mỗi đôi dép Bình Trị Thiên, bây giờ đeo găng, mắc kiếm, mang anh dũng bội tinh Việt Nam Cộng Hoà không biết xấu hổ! Giải phóng cái con mẹ mày!
Khánh chửi lại:
- Này, đừng có chạm vào thành quả đấu tranh của nhân dân Nam bộ! Việc tôi mặc áo sĩ quan đeo quân hàm ngụy thì không phải do tôi muốn. Người ta lộn, đem tôi về tắm rửa cho mặc áo

lính ngụy đành chịu. Lúc đó ngoài Trung tình hình găng quá, thân nhân của cái thằng lộn không ra nhận được, chờ lâu họ phải hàn xì vì sợ xông mùi. Thật tình là như thế anh ạ!
Thìn quay lại phân bua với chàng. Điềm không hiểu họ muốn nói gì, chàng cho là cả hai chóng say đâm ra dở hơi. Nhưng Khánh thì vẫn cứ hùng hổ:
- Đù mẹ! Cứ coi là mày bị cầm nhầm, nhưng đồ ăn của gia đình thằng bị lộn vào cúng mày cứ xơi là thế nào? Còn giấu ăn riêng thì quân đội giải phóng chúng mày tệ thật!
- Đói thì phải ăn! Chứ thân nhân có biết tôi ở đâu đâu mà thăm nuôi! Sự đời nó có nhiều cái oái oăm, không biết thằng lộn bây giờ nằm đâu. Hôm ấy tắm ở suối lên chậm một chút thì chưa chắc đến nỗi, mình lại bò lên trước các đồng chí ấy, chưa kịp chòng cái áo thì bị biệt kích nó bắn. Đi không mang theo được một món kỷ niệm. Tiếc hoài cái áo trấn thủ anh Điềm à. Cái áo tự tay cô Miễn may lấy cho tôi có thêu cả tên họ chữ lót của hai đứa. Bây giờ nước nhà thống nhất, người ta xum họp còn tôi không biết đến khi nào mới gặp lại...
Thìn thở dài thườn thượt, nhìn đăm chiêu ra cổng nghĩa trang, nhưng lối ra bị mấy hàng tranh cao che khuất.

Điềm lạ lùng theo dõi cuộc cãi vã giữa hai người lính, chàng ngờ ngợ một chuyện gì mà chưa dám tin vội. Điềm thấy tay chân mình bủn rủn cả.

*
Từ nãy vẫn có vài người đàn bào đi tảo mộ ngang qua chỗ họ ngồi. Mỗi lần Điềm đều để ý thấy mấy người đàn bàn chỉ nhìn một mình chàng. Mưa lâm râm gần tạnh hẳn, mùi đất xông lên ngai ngái cả một khu mả đìu hiu thê thiết. Điềm cứ ớn lạnh từng chập, chàng nhìn mấy người ngồi quanh thấy họ tự nhiên như không. Chàng muốn bỏ đi mà không nhấc nổi chân. Cụ Chương bóc một bánh oản mời chàng.
- Cậu xơi miếng bánh! Còn hai anh kia thôi cho tôi can, nể mặt cậu Điềm với chứ. Xin lỗi cậu Điềm nhé, ngày xưa họ đánh nhau chưa chán nên bây giờ cứ gặp nhau là kiếm chuyện thù oán.

Điềm bị hút vào các mẩu tranh luận của họ mà bấy lâu nằm bệnh chàng ít khi được tham dự. Chàng ngờ ngợ họ không phải là người sống, một lúc chàng đã ớn lạnh khắp cả người, nhưng rồi Điềm lại thấy họ bình thường quá, thật quá, còn sống động hơn cả người thật. Có thể nào mấy người này đang đóng kịch để trêu chàng. Nghĩ kỹ rồi Điềm thấy không đúng, làm sao đóng kịch tài đến như thế. Nhưng nếu họ là ma thì Điềm lại thấy không có gì để sợ. Trời còn sáng, người phu xe còn đợi chàng ngoài cổng. Hơn nữa... chậm nhanh một vài tháng Điềm cũng vào nằm trong này. Làm bạn với họ trong một vài tháng, hay làm bạn bây giờ thì cũng thế. Nghĩ vậy chàng không còn thấy sợ.

Mấy người trong bọn chia nhau xôi gấc. Cũng loại xôi bán để cúng. Phẩm đỏ loẹt gặp mưa dính nhớp nháp ra tay. Bận ăn, hai anh lính thôi cãi nhau. Cụ Chương từ nãy không nói gì cứ lâu lâu nhìn chàng tủm tỉm cười. Cô gái thì ngồi xõa tóc, lâu lâu thu vén những giấy rác mấy người đàn ông bày bừa. Điềm thấy thiếu nữ trông mặn mòi, hai con mắt đen láy, tóc óng ả như lụa. Chàng đang định bụng hỏi chuyện nàng thì nghe tiếng xột xoạt ở mả bên. Tiếng cười con gái rúc rích. Tiếng vải quần tuột mau. Giọng đứa con gái nũng nịu rinh rích.

- Anh trả tiền em trước đi!
- Thì xong rồi đưa, có mất đi đâu.
- Thôi đưa tiền em liền đi, nghe!
- Ừ, thì đưa. Bộ em hay bị quỵt lắm hả?
- Cũng có bị, nhưng có tiền trước em mới phấn khởi!
- Rồi đó. Bây giờ thì phu với cho ngon coi!

Giọng đàn ông cười hình hịch dâm đãng. Đứa con gái vẫn cứ cười rúc rích. Thấp thoáng sau mấy cành lau sau lưng mả Điềm trông rõ cái bụng trắng tươi của đứa con gái làng chơi. Cánh tay nó lúc đưa lên níu cổ gã đàn ông, khi buông để giữ vạt áo bà ba cho khỏi rớt xuống đùi làm vướng víu. Gã đàn ông làm hùng hục như trâu kéo cày. Điềm chợt thấy Khánh và Thìn nhảy leo lên nóc mộ chỗ cặp trai gái đang làm tình để nhìn. Thìn cười hô hố chỉ trỏ mỗi khi gã đàn ông đổi kiểu, còn Khánh huýt sáo khi nghe đứa con gái rên ư ử. Kỳ cục là họ đứng ngay trên mả ngay chỗ cặp trai gái đang chơi mà gã đàn ông với đứa con gái vẫn tiếp tục làm tình. Bất chợt đứa con gái ngẩng đầu ngước nhìn bốn phía, nó chợt thấy Điềm ngồi ở bên này.
- Chết rồi có người! Anh!
- Đâu? Ai?
- Dậy đi anh! Mặc đồ vô! Đi!
Gã đàn ông cũng vừa trông thấy chàng, hắn hối hả kéo quần dắt đứa con gái chạy đi. Khánh và Thìn cũng nhảy xuống đất chạy theo coi.
Đứa con gái chòng được cái quần lãnh đen nhưng còn chưa kịp cài nút áo tất tả chạy theo gã đàn ông. Đứa con gái vừa chạy vừa nói léo nhéo:
- Đừng vô miểu thổ thần tội lắm anh! Qua bên kia, coi như xong một cối rồi nghe anh! Phải trả em thêm đó!
- Xong cái gì! Người ta chưa ra mà! Sao em chơi đểu vậy?
- Chứ còn gì nữa, chẳng lẽ nảy giờ chùa sao!

*
Khánh và Thìn chạy đuổi theo sau cười nắc nẻ, nhưng cặp trai gái làm như không thấy hai người lính vẫn léo nhéo vừa chạy vừa mặc cả. Trời tạnh mưa, chút nắng muộn le lói soi khu nghĩa địa. Bốn người cùng chạy nhưng chỉ có hai cái bóng của cặp trai gái phơi trên lối đi đất. Cả bốn xa dần và khuất hẳn. Cụ Chương chờ cho tất cả trở lại yên tĩnh rồi mới lên tiếng.
- Tội nghiệp! Hai anh lính vào trong này giữa lúc đời họ còn sôi động quá. Còn dở dang tuổi trẻ nên họ ham vui, đôi lúc hiếu thắng, có lúc lại bất mãn tất cả. Tôi hiểu họ còn vướng nhiều bụi trần chưa dứt được, nên hay theo khuyên bảo nói chuyện với họ. Cái phần số không do mình định đoạt, cũng không do thượng đế đâu, do ở cái tiền kiếp lúc trước ăn ở thế nào kiếp này chịu vậy. Thượng đế không có bất công với ai, không có quýt làm cam chịu, mà ai làm người nấy nhận. Tôi ở trong này trên hai mươi năm rồi, gặp đủ hạng người, đủ khắp các thành phần nên tôi hiểu rõ con người ta lắm. Con người ta nhiều lúc đáng thương mà nhiều lúc cũng đáng ghét. Không biết cậu Điềm và cô Thủy nghĩ thế nào, nhưng tôi thì thấy con người ta là nạn nhân của chính mình mà lại thường đổ tội cho trời cao không có mắt.

*

Cô gái tên Thủy nãy giờ mới lên tiếng. Điềm trông nàng duyên dáng quá. Đột nhiên chàng thấy vui vui, buổi trưa lúc vào nghĩa địa tìm cho mình miếng đất sinh phần, chàng đâu nghĩ có cuộc gặp gỡ kỳ lạ này. Nói chuyện miên man, bâng quơ giữa kiếp người, cõi sống, cõi âm, làng quê đất tổ ngoài Bắc, cãi lộn quốc cộng giữa hai người lính, kinh tế tư bản cá thể, kinh tế Mác xít quốc doanh, Điềm nhận thấy cõi âm cũng khác không bao xa với cõi người sống. Đời sống vẫn tiếp tục, kéo dài dù chỉ là những hệ lụy đem theo. Vài tháng nữa vào đây nằm, chàng không đánh mất gì nhiều, vẫn tiếp tục sống dù chỉ còn là linh hồn vấn vưởng. Nghĩ thế Điềm thấy chàng thật sảng khoái, không còn sợ hãi buồn chán cho số phần mình chẳng may ngắn ngủi.

- Thế nào tôi cũng trở lại thăm cô với bác và cụ.

Điềm trả lời cô gái. Chàng tiếp:

- Chắc cũng chẳng còn bao lâu thì tôi vào ở luôn, nếu may mắn tìm được miếng đất.
- Thế thì còn gì bằng. Ấy chết! Em nói bậy quá! ý em muốn nói là chắc bác và cụ đây đã có cảm tình với anh cũng mong gặp lại thường.

Thủy cười xin lỗi câu nói gỡ khi nãy. Lúc cười, Thủy có hai lúm đồng tiền nho nhỏ và chiếc răng khểnh mà Điềm thấy có duyên lạ.

Cụ Chương cười đôn hậu. Hai người đi trước. Cụ Chương ghé tai chàng nói nhỏ:

- Cô ấy ngoan lắm, con nhà đàng hoàng, tính tình hiền lành, lần đầu tiên tôi thấy cô ấy vui vẻ dạn dĩ với một người đàn ông là cậu đó. Nếu duyên định cô cậu gặp nhau dưới này cũng hay.

Điềm cười theo, chưa dám thổ lộ nhiều, chỉ mới lần đầu, biết Thủy xem chàng ở vai vị nào. Điềm thấy có nhiều đứa trẻ ở đâu chạy chơi trong khu nghĩa trang. Có đứa tụ nhau đánh đáo, bắn bi, có đứa chơi ô quan, và có một đứa chạy ngang khoanh tay chào cụ Chương. Chàng biết chúng là ma, nhưng có cảm tưởng chúng mới vừa ngủ trưa dậy ra sân chơi. Trông chúng cũng hồn nhiên không khác mấy những đứa trẻ trong trường học, chỉ có điều đứa nào cũng mặc đồ mới. Điềm đi xem đất và bằng lòng lắm. Khoanh đất mát mẻ, có bóng cây, không bị mộ nào lấn. Đất cứng không sợ bị xụp, chỉ xa lối vào nghĩa trang nhưng được cái ở gần chỗ Thủy nằm. Nghĩ mai mốt có thể qua lại chỗ Thủy, chàng đã vừa ý.

Điềm ra về sau khi cụ Chương cho chàng địa chỉ của người chủ đất. Quay gọi người phu xe chở chàng đến thẳng cái địa chỉ cụ Chương vừa cho.

*

Điềm trở vào nghĩa trang tuần sau, nắng nóng chói chang trên mấy ngôi mộ, chứ không mưa lai rai ướt mặt người chết như hôm đầu. Cả khu mả thiêm thiếp giấc trưa, yên lặng không bóng người. Chàng cũng vào khấn nơi miếu thổ thần, rồi đi rảo tìm khoanh đất trống đã hẹn với người chủ cũ tiù nữa đến xem lại và ký giấy thỏa thuận. Trưa nắng chang chang trên mấy lùm cỏ lau gai sắc, không có bóng mây chỉ có mỗi một chiếc bóng của Điềm duy nhất vởn qua vởn lại tìm lối đi. Cỏ mọc che kín nhiều chỗ mả rậm rạp, chàng loay hoay bưng đồ cúng vạch lau lách. Khu mả vắng vẻ quá, mộ lập chùng chùng biết đường nào mà tìm. Chàng tự trách mình hôm nọ đã không nhớ kỹ lối đi, lại để quên ở nhà tờ giấy người chủ đất ghi lô thứ

tự. Điềm đành ngồi đợi, lâu lâu chàng ngước mặt nhìn bắt gặp một vài nụ cười hóm hỉnh trên bia đá.

*

Có cái am chúng sinh gần đó. Điềm chợt nảy ra một ý. Chàng tháo giỏ đồ cúng, bày cau chè, xôi vịt với rượu bánh ra trước am. Điềm đốt ba nén hương khấn vái những âm hồn đi hoang. Không có gió, khói nhang bay đè trên mặt đất, di di buồn buồn lượn lờ theo bóng nắng. Chàng gấp giấy báo lại làm quạt, mấy luồng hơi gió làm Điềm dễ chịu, như đẩy được chút nắng ra xa. Làn gió cũng đẩy khói hương đi bốn phía.
- Này anh bạn! Sao đem đồ cúng ở đây!
Điềm giật mình quay về phía có tiếng nói, thấy Trình Văn Khánh đang nhảy lò cò với chiếc chân cụt, mặt hớt hơ hớt hải:
- Dẹp đi! Trời ơi! Đây là am chúng sinh, bạn cúng như vậy cô hồn các đảng tụi nó ùa tới ăn sao cho đủ!
- Phải đấy! Cất ngay đi, khẩn trương lên!

Chạy sau Khánh là Thìn, vẫn tươm tất trong bộ lễ phục sĩ quan Đà Lạt. Cây kiếm mãn khóa Võ Bị, Thìn đeo bên hông chạm vào chân kêu lanh kanh.
- Cụ Chương có ra không? Chàng hỏi họ, vừa thương vừa tức cười.
- Có, ra liền bây giờ nhưng ông cụ đi chậm lắm. Phụ tôi khuân ra đằng mả cô Thủy, có bấy nhiêu mà chia cho cả nghĩa địa thì mỗi người chỉ được một hột xôi!
Khánh quơ quào mấy đĩa đồ cúng, trong lúc Thìn nhanh tay tắt nhang, nhặt chai rượu. Đã có dăm mười bóng người từ mấy ngôi mả xa ùn ùn kéo ra, mặt mũi ai trông cũng phấn chấn!
- Phát chẩn chúng mày ơi!
- Chẩn cái củ thìu biu! Không có hộ khẩu thì không được quyền nhận!
Thìn rút kiếm võ bị chống nhau với mấy người tha phương cầu thực.
Điềm bị Khánh lôi bắn đi, chạy như ma đuổi.
- Lần sau anh bạn đừng có dại như vậy nữa nhé! Có hảo tâm cúng ai thì cúng một người đó thôi, nhân đạo chung chung như vầy vô bổ lắm!
Khánh lôi băng qua mấy dẫy mả liền. Thìn ở đằng sau múa máy đường kiếm rồi cũng chạy theo.
- Các cậu ơi! Chúng nó đeo mình găng quá!
- Quẳng cho họ mấy cái bánh! Khánh hét.
Thìn vừa chạy vừa ném ra sau mấy phong bánh đậu và buồng cau Điềm mua lúc sáng, chỉ giữ lại chai rượu đế Hiệp Hòa với cây thuốc lá. Đám cô hồn giành nhau mấy thứ rơi rớt trên đất quên cả đuổi.

*

- Các anh làm gì mà la toáng lên thế? Lại đánh nhau nữa à?
Thủy từ sau mồ của nàng bước ra hỏi. Điềm để ý thấy nàng hôm nay bới tóc, xăn tay áo, để lộ cái cườm tay nhỏ đeo hai chiếc vòng ngọc thạch và một ngấn cổ ngó sen. Hai má lúm đồng tiền vẫn duyên dáng như hôm nọ, còn có phần xinh hơn.
- Anh bạn Điềm đến dâng cau chạm ngõ cô em mà bị chúng nó lột rồi!

Khánh cười hềnh hệch đắc chí với câu pha trò của mình.
- Nói tầm bậy nào! Thủy nhìn chàng đỏ mặt, không quên liếc một cái sắc lẻm về phía Khánh.

Bốn người bày mấy món còn đem theo được trên mả Thủy.
- Xem nào, còn một con vịt luộc, hai đĩa xôi, cây thuốc và chai rượu, tốt chán! Chỉ mất có buồng cau, năm phong bánh với nải chuối để quên trong am. Cứ xem như thắng lợi vẻ vang!
Thìn khoái trá đếm đi đếm lại mấy món đồ cúng, trịnh trọng rót ruợu ra ly bày sẵn. Khánh vội vã mồi thuốc rít từng hơi, ếm sâu vào phổi rồi mới từ từ thở ra bằng lỗ mũi:
- Phê quá!
Người hạ sĩ quan Cộng Hòa tiểu đoàn 11 Dù ngồi tựa tấm bia của ngôi mả bên cạnh lim dim mắt. Thủy từ lúc nãy đến giờ vẫn đứng nhìn chàng ngượng ngùng, lên tiếng hỏi bâng quơ:
- Anh Điềm thết tiệc chuyện gì vậy?
- Hôm nay tôi ký giấy mua đất nên muốn ăn mừng với Thủy, cụ Chương và hai anh Khánh, Thìn.
- Cứ coi như anh bạn đãi tân gia!
Khánh lại mở mắt pha trò.
- Vậy là nhập hội tương tế với bọn mình rồi nhá!
Thìn vui vẻ cởi mở. Thủy cười ngặt nghẽo với mấy câu đùa của hai người lính.
- Anh đã nhất quyết vào với chúng em?
Một lúc nàng chậm rãi hỏi.
- Tôi đã quyết định từ hôm đầu gặp cô.
Điềm nhìn nàng khi trả lời, chàng đọc thấy sự bối rối mà sung sướng ẩn trong đôi mắt Thủy đen láy. Chàng muốn nói đã yêu Thủy ngay hôm đầu nhưng không dám.
- Sao cụ Chương lâu đến?
Thủy lảng chuyện, không dám ngó chàng nữa.
- Chúng tôi đây!
Bốn người quay ra, thấy cụ Chương. Khánh cằn nhằn:
- Chờ cụ cắp ô tới thì con người ta đói rã ruột!
- Anh em chúng tôi phải chiến đấu căng lắm mới bảo vệ được thành quả của nhân dân lao động là mấy món ăn này do anh Điềm đem vào.
Thìn kể công.
- Chúng tôi biết! Xin lỗi các bạn trẻ vậy. Nào ta dùng cỗ đi chứ, chắc cậu Điềm có mấy lời ngỏ đầu?
- Dạ, thật ra cũng không có gì trọng đại, hôm nay cháu mua được cái sinh phần cho mình hẹn với người ta đến ký giấy lát nữa, được như vậy cũng là do cụ, bác Thanh, hai anh Khánh, Thìn và Thủy đây giúp đỡ, nên cháu muốn báo tin vui cho tất cả, nhân thể có ít xôi rượu mời mọi người đánh chén.
Mọi người vỗ tay khi Điềm dứt lời, chàng cảm động thấy mọi người đều thành thật chia vui với mình. Họ ngồi bệt xuống đất, Thủy chặt vịt, bới xôi, Khánh và Thìn rót rượu tiếp mọi người. Cụ Chương hỏi chàng:
- Đã sắm cỗ hậu quan quách gì chưa?
- Dạ chưa, nhưng chắc cũng phải đi mua nay mai.

Điềm đáp.
- Ừ, liệu trước vẫn hay hơn, mua loại gỗ vàng tâm thì mới không sợ bị mục nước sau này.
- Sợ thời buổi khó khăn lúc này không tìm được thứ gỗ quý đó.
Cụ Chương gật gù đồng ý, bảo thôi thì gỗ lim cũng được.
- Anh đã chọn kiểu mộ chưa, anh Điềm?
Thủy hỏi thêm.

Chàng còn đương suy nghĩ, Khánh đã ồn ào:
- Mộ lập cho ngon thì phải xây ít ra cũng giống mồ cụ Chương. Có bình phong, sân bái đường, hồ nước, hương án, thành mộ trồng hoa giấy, hoa dâm bụt, bên ngoài xây viên thành có cổng uốn. Người sống đi qua nhìn mới dễ nể!
- Trong Nam các anh cứ quen thói tư sản! Xây cho đẹp vào chỉ tốn tiền của thân nhân mình chứ ích gì. Ngoài Bắc lúc tôi lên đường cứu quốc năm 73, người ta chỉ đắp đất hình nấm, không có xây gạch xây gung như trong này.
Thìn, tương phản trong bộ lễ phục võ bị, vừa nhồm nhoàm ăn vừa phát biểu.
- Bị bắt lính thì nói bị bắt lính, lên đường cứu quốc! Nghe không giống ai!
Khánh ực một hơi cạn ly rượu, rót thêm rồi lại ực. Mặt người thương phế binh đã đỏ gay.
Thìn bị nói móc, cũng buông cái chân vịt, tợp một ngụm rượu.
- Ừ, không giống ai mà chúng tôi chiến thắng các anh lẫy lừng!
- Đù mẹ! Bộ đội anh hùng, chỉ đạo đứng đắn, thi đua lập chiến công... tới Xuân Lộc chết như rạ!
- Ừ, chết đấy, nhưng ngụy quân ngụy quyền thì bị bắt sống cả bầy!
Thìn hất mặt thách thức. Khánh toan chồm lên phang chai rượu Hiệp Hòa vào đầu Thìn nhưng cụ Chương đã kịp thời can họ.
- Thôi thôi cho tôi xin, lại cãi nhau nữa. Cứ lần nào có rượu vào là các anh lại đánh nhau. Hai anh thoi nhau vì rượu chứ có phải vì chính nghĩa của hai bên đâu! Hôm nay là ngày vui của cậu Điềm, người ta làm tiệc đãi thì phải biết giữ tư cách một chút chứ. Các anh làm sao mang tiếng người chết chúng mình, không khéo cậu Điềm đổi ý không mua sinh phần ở đây nữa.
- Dạ, cám ơn cụ đã chí tình chỉ bảo, nhưng đời sống bây giờ đắt đỏ quá, cháu không rõ gia đình có đủ tiền lập mộ khang trang như lúc trước hay không? Cháu đã định bụng xây kiểu mộ liếp thường, mà cũng tươm tất.
- Ừ, cậu Điềm nói cũng đúng, tôi thấy từ sau bảy mươi nhăm mấy người vào đây mồ mả ai cũng xoàng xoàng, hẳn là vật liệu bây giờ đắt kinh lắm. Thôi thì cậu cứ xây theo khả năng của mình. Nhưng nếu vẫn thích tối tối ngồi sân bái đường, trông sao uống chè, ngắm hoa, ngắm trăng soi hồ nước thì lại đằng tôi và ông bạn Thanh. Cửa mả chúng tôi lúc nào cũng mở rộng đón cậu.
- Cám ơn cụ đã có lòng xem cháu như con cái.
- Nhưng tôi chắc anh bạn đây thích ngắm sao đêm với cô em Thủy hơn là với cụ!
- Thích mê đi chứ lị!
Khánh và Thìn đã thôi cãi nhau, mỗi người một câu đùa làm người thiếu nữ đỏ bừng mặt.
- Cấm hai anh không được nhắc đến em nữa! Sàm sỡ vừa vừa chứ!
Mọi người bật cười ròn. Cụ Chương trịnh trọng nâng ly mời:
- Nào, ta nâng ly chúc mừng cậu Điềm sắp xây kim tĩnh.

- Mừng anh bạn!
- Mừng anh!

*

Tàn tiệc, cụ Chương cáo từ đi ngả lưng. Khánh và Thìn rủ nhau đi rình mấy cảnh bán tình của những ả giang hồ làm ăn trong nghĩa địa. Chỉ còn lại một mình chàng và Thủy. Thủy dợm đứng lên đi dọn dẹp, nhưng Điềm kéo nàng ngồi xuống.
- Thư thả, lát nữa anh phụ Thủy một tay.
Thủy nhìn chàng do dự, rồi ngồi xuống kế bên không nói gì. Điềm nhìn cánh tay nắng ôm ngang khu mả, lấp lánh trên những bia đá như có dát vàng. Yên tịnh quá, không có tiếng trẻ nít đùa giỡn như hôm nào. Có lẽ chúng đang ngủ trưa. Thế giới trong nghĩa trang im vắng khác hẳn cái cuộc đời trần tục xô bồ ở ngoài thành phố, chỉ cách nhau có con đường lộ. Điềm phân vân tự hỏi, không hiểu Thủy có hay biết những thay đổi biến động kinh khủng của xã hội người sống? Chàng thầm mong là nàng không hay biết gì hết, vẫn giữ trong đầu những hình ảnh vui tươi của miền Nam trước đây.

Điềm nhìn tấm bia khắc trên mộ nàng. Phạm Thị Thu Thủy, hưởng dương mười bảy tuổi, thương con lập mộ. Dưới tấm hình nàng là hai câu thơ của bố mẹ Thủy thương tiếc con: Nụ cười đã tắt trên môi thắm, hình bóng con yêu đã khuất mờ. Chàng thấy thương cô gái đang ngồi cạnh mình, nàng đã ở trong này mười mấy năm rồi, một thân, một mình cô độc lẻ loi. Trông Thủy không khác trong hình bao nhiêu, có lẽ âm hồn nàng giữ lại hình ảnh của thể phách lúc chết.
- Có thật anh quyết định mua sinh phần vì em?
Thủy bất ngờ hỏi, hơi cúi mặt không nhìn chàng. Điềm gật đầu.
- Tôi không hiểu vì sao, nhưng thấy mình có cảm tình nhiều với Thủy.
Chàng do dự rồi nắm lấy bàn tay nhỏ trắng ngó sen, mấy ngón tay thuôn bum búp như những đọt măng non. Thủy để yên không phản đối, hai người không nói tiếng nào nữa, nhưng họ xúc động lắm. Mãi Thủy mới dám ngửng mặt. Nàng bắt gặp khuôn mặt Điềm ở sát mình, nghiêng nghiêng cúi xuống gần ở ngang tầm môi.
- Có phải anh săp hôn em?
Nàng đỡ khuôn mặt Điềm, hơi hốt hoảng. Chàng lại khẽ gật đầu.
- Âm dương chạm nhau không tốt đâu, bây giờ anh còn xác phàm.
- Chẳng bao lâu nữa là anh vào đây rồi, tốt hay không tốt thì cũng như nhau.
Điềm nói và nâng cằm nàng. Thủy nhìn sâu trong mắt chàng thật lâu, Điềm đọc được trên khuôn mặt nàng tất cả băn khoăn lo lắng chen lẫn tình yêu bối rối. Nhưng rồi nàng nhắm nghiền mắt, ngửa mặt chờ đợi. Điềm cúi xuống đặt nụ hôn khẽ vào giữa đôi môi thơm thơm hồng. Cảm giác lạnh khô và nhạt nhạt. Người Thủy mềm nhũn đi, đôi tay cũng lạnh mát níu lấy vai chàng. Điềm thấy nàng lẩy bẩy run rẩy đánh rơi một chiếc guốc xuống đất. Chàng cũng đê mê sung sướng, người con gái hiền quá, ngoan quá, đẹp quá, ngấn cổ thơm ngọc lan thoang thoảng. Chàng hôn tiếp không muốn rời...
Điềm mạnh dạn lên tiếng: :
- Anh chỉ còn sống nữa năm sáu tháng, em không phải chờ lâu.

Buổi chiều ôm nắng qua vòm nghĩa trang. Gió thổi hiu hiu những lọn tóc Thủy bay bay nhè nhẹ đong đưa. Nàng nhìn Điềm mỉm cười ranh mãnh, đan năm ngón tay nhỏ vào tay chàng. Bầu trời vẫn xanh biếc không gợn mây, nhưng nghĩa trang đã mất đi cái âm u rờn rợn lạnh lẽo, thê lương của nơi cúng tế. Bên cạnh người yêu, Điềm có cảm tưởng chàng đang đứng trong một khu an phúc, nơi cuộc đời tàn bạo là gã con buôn kia đã chịu thua. Chàng xiết tay Thủy tin tưởng. Nàng gật đầu khuyến khích.

*

Điềm trông thấy thấp thoáng bóng của Khánh và Thìn đứng ngoài rình nghe

- Ê! Anh làm cái gì vậy? Tôi tìm anh từ nãy!

Chàng và Thủy lật đật buông nhau ra.

Quân Lao

Phạm Văn Nhàn

Đám lính cụt tay có, cụt chân có, lành lặn tay chân cũng có, chiều nào cũng tập trung lại trước sân cỏ của đơn vị 2 quản trị tán ngẫu, sau bữa cơm chiều. Đám thương binh tàn phế này đang chờ đợi giấy tờ để trở lại đời sống dân sự. Đám lành lặn tay chân cũng đang chờ đợi nhận sự vụ lệnh đáo nhậm đơn vị mới, tiếp tục cuộc chiến. Thằng lành thì tiếp tục cuộc đời quân ngũ. Thằng què thì trở về làm lại cuộc đời sau trận đánh cuối cùng để giã từ vũ khí. Có nhiều lý do để những người lính này vào đơn vị 2 chờ đợi. Đa số là những người lính còn trẻ, có thằng vừa rời khỏi ghế nhà trường.
Trong số những người lính trẻ này có Bảy, nhỏ con lại cận thị. Trước khi vào đơn vị 2 để nhận lịnh đi đơn vị mới, nó đã ở quân lao Nha trang gần ba năm. Ba năm trong quân lao, đủ để nó nhìn thấy tại sao quân đội lại có nhà lao này. Nhà lao chứa đủ thành phần lính. Lính chủ lực. Lính địa phương. Mà đa phần là lính tác chiến ngoài trận địa. Bởi vì họ là dân đánh giặc. Đánh giặc thì chẳng có đồng tiền nào dư dã để đút lót về làm chỗ tốt. Nhưng cuối cùng Bảy lại vào quân lao, chờ ngày ra tòa án binh, với tội danh cãi lệnh hành quân.

Buổi chiều, ngọn gió xuân làm lay động nhẹ những khóm hoa cúc trồng trước doanh trại. Có những khóm hoa nhỏ nhoi như thế này trong một trại binh để cho những người lính nhìn dễ chịu một chút, hơn là cứ nhìn đâu đâu cũng thấy lính. Mà lính trong đơn vị này chẳng may mắn chút nào, không giống như một trại binh bình thường khác. Những đóa hoa cúc vàng tươi báo hiệu mùa xuân sắp về với bao sự mong chờ của mọi gia đình. Trong đó có mẹ thằng Bảy cũng đang chờ đợi nó. Bốn năm vào lính, từ lúc ra khỏi trường, nó chưa một lần về thăm bà. Với chức vụ trung đội trưởng lèo tèo 13,14 thằng lính đi đóng đồn, trên ngọn đồi gió thổi quanh năm suốt tháng, ở cái quận An phước khô cằn. Địch muốn nhổ cái đồn này với nhiêu đó người lính bằng những đợt pháo của cối 82. Cấp số của địch nhiều quá, gắp trăm lần, làm sao trung đội của nó chịu nổi. Xin lệnh rút không cho, nó tự ý rút quân để bảo toàn đơn vị, thì bị tống vào quân lao, can tội cãi lệnh hành quân. Mẹ nó ở nhà chẳng hay biết, tưởng thằng con vẫn còn ngoài chiến trận. Đời lính mà, ít có khi nào về được nhà trong dịp tết. Hôm nay ngồi với mấy thằng bạn khi nghe gió xuân thổi về trên những khóm hoa, ngọn cỏ, làm lay động những đóa cúc vàng….

***
Nó nhớ lại những năm còn ở nhà, năm nào nó cũng đi tìm giống cúc đại đóa về để ươm cho kịp tết, làm vui cửa vui nhà. Nhất là làm cho mẹ nó vui. Ngược lại mẹ nó cũng vậy khi nhìn nó chăm sóc từ lúc cúc còn cây con cho đến khi đám cúc lớn, đơm bông. Sự chăm sóc tỉ mỹ của nó từ ngày này qua ngày khác trên vuông đất nhỏ dùng để ươm giống cây. Ngồi nhìn nó làm với bao thích thú. Mẹ nó không nói. Thôi thì nó thích để nó làm. Những bông cúc trước doanh trại làm nó nhớ lại những kỷ niệm mấy năm về trước. Mới đây bốn năm thôi, mà thấy sao xa quá, từ lúc nó nhận lệnh đi trình diện. Nó định dấu mẹ nó tờ giấy gọi, sợ bà buồn. Nhưng cuối cùng rồi nó cũng nói cho mẹ nó hay ngày nó lên đường nhập ngũ. Bà buồn, nhìn ra miếng đất nhỏ của nó như một vườn ươm riêng biệt của nó cho mỗi mùa. Có khi là cà. Có

khi là ớt. Rồi lại là hoa cho mỗi độ xuân về. Nó nhìn mẹ nó, hiểu mẹ nó nghĩ gì. Nó nói: " Thôi mẹ. Thời buổi chiến tranh. Tránh sao cho khỏi ". Nó nhìn mẹ nó cười. Ngày ra đi, mẹ nó tiễn ra bến xe đò với thằng em út. Bốn năm, từ lúc ra trường mang lon chuẩn úy. Nó chưa về thăm mẹ nó lần nào. Bây giờ, chờ đợi nơi đơn vị 2, gió xuân lại về làm lay động những khóm hoa cúc làm nó nhớ đến mẹ nó với cái vườn ương cây của nó ở sau nhà.

Những người bạn mới quen từ trong đơn vị này, đứa nào cũng mang trong lòng một tâm trạng riêng. Có lẽ không đứa nào giống đứa nào. Nhưng tựu trung, đứa nào cũng nghĩ phải chi còn lành lặn chân tay, trở ra chiến trường lại tốt hơn là trở về với thân thể này, biết làm gì để sống. Bảy thì chẳng nghĩ gì khác. Nó biết nó phải đi đến một đơn vị mới. Tác chiến.

***

Đám lính đào ngũ đang ngồi tán ngẫu dưới hàng cây me. Chiều bắt đầu xuống bên kia rặng núi xa. Trong đơn vị những bóng đèn cũng được thắp sáng trên lối đi. Chiều xuống thật mênh mông, buồn tẻ. Đám lính độ vài ba thằng, giờ này cũng chẳng muốn về phòng. Ngồi bên ngoài thấy thoải mái hơn là vào nằm trong dãy nhà tiền chế, chờ đợi một tờ giấy từ văn phòng của bộ chỉ huy. Đang ngồi chơi trên sân cỏ thì một người sĩ quan trong đơn vị đi ngang qua, nói:

" Anh em có nghe gì chưa? "
" Có chuyện gì thế, trung úy " Một người lính hỏi.
" Hiệp định hòa bình ký rồi. Không còn đánh nhau nữa"
" Thật không trung úy. Sao tôi nghi quá. Tin không nỗi đâu trung úy ơi".
" Thật mà. Tôi mới nghe đài BBC nói khi sáng. Có hiệu lực từ tháng giếng Tây".

Thằng Ngãi cụt chân, chống cây nạng gỗ đứng dậy, dựa lưng vào gốc me, hỏi:
" Nghe ổng nói, tụi mầy buồn hay vui tụi bây"
Thằng Vân bị thương, sau nhiều lần nằm điều trị tại quân y viện, cuối cùng được ra hội đồng y khoa cho giải ngũ, nói:
" Mừng cái chó gì. Để tụi mầy xem, rồi còn đánh nhau nữa".
" Tao thì buồn. Bảy tám năm trong quân đội. Lội từ miền cao xuống đồng bằng, cuối cùng thì bị thương cưa chân. Nay nghe ông trung úy nói hiệp định ký, có hòa bình, tao chẳng biết về đâu sau cái tết này". Thằng Từ than.
" Sao mà thảm vậy? Chứ quê mầy ở đâu. Làm gì cũng còn có mái nhà để trở về chứ.". Vân hỏi. Hỏi xong, nó huýt sáo một đoạn trong bản nhạc về dưới mái nhà xưa.
" Bình Định. Nhưng phải ở thành phố đâu. Miệt quê mà. Tụi mầy mà nghe nói là đã nổi gai ốc rồi "
" Địa danh nào gớm dữ vậy "
" Xã An Thường là địa danh của quân khu 5 của tụi nó. Tao sợ xóm làng của tao, nếu tao trở về.
" Mẹ ơi! Vậy là bố mầy là Vi Xi ".
" Đừng giỡn. Nhột. Bố tao là Vi Xi, làm sao tao là lính của miền Nam ".
" Hút mẹ gì. Mầy cứ khai là bố chết. Có thằng an ninh nào biết được khi mầy nhập ngũ".

" Bố tao là xã trưởng. Nó treo giá cái đầu ổng bằng tiền, mà chưa cắt được. Tụi bây đừng tưởng bở".
" Có lính của mình đóng quân ở làng của mầy. Sợ gì. Nếu hiệp định đã ký rồi, nó dám đánh không". Thằng Vân nói.
Nghĩ rồi, nó chán nãn tiếp: Tao sẽ làm được gì, sau khi giải ngũ. Chẳng lẽ lại trở về nằm chờ chết bên cạnh bà mẹ già.

***

Chỉ có Bảy là không góp ý, nằm dài trên đám cỏ trước doanh trại. Gió mơn man trên da mặt. Nó đang nghĩ đến những ngày sắp tới. Ngưng bắn vào dịp xuân. Phải chi bây giờ nó nhận được tờ giấy đi trình diện đơn vị mới, dù về vài ba ngày trong dịp tết, thăm bà già rồi nấu cho bà già nồi bánh tét, như những năm còn ở nhà. Từ lúc hai người anh của nó vào lính, năm nào nó cũng thủ nấu nồi bánh tét vào đêm hai mươi chín sáng ba mươi. Nay nghe nói hiệp định ký, dù gì tết năm nay vẫn yên ổn hơn. Không như năm Mậu Thân 68, nồi bánh tét đang sôi, lửa đang cháy rần trong lò thì súng nổ nữa đêm. Lúc đầu tiếng súng còn lẻ tẻ, nhưng sau nổ liên hồi. Nó nghĩ, ngưng bắn cho ba ngày tết mà sao lạ vậy.
Thằng anh thứ năm lợi dụng có hưu chiến trốn đơn vị dù về nhà chơi vài ba ngày rồi sẽ ra lại đơn vị. Thấy thằng con thứ năm về, mẹ nó mừng quá đổi. Năm nay nhà mình ăn tết lớn, dù thằng anh lớn không về, còn bận đâu ở miệt Qui Nhơn. Nghe súng nổ, trong nhà tưởng đâu là dưới đồn lính bắn vui chơi. Nào ngờ lối xóm nói: Việt cộng về. Chạy bà con ơi. Thế là nhà cửa bỏ đó mà chạy. Thằng anh thứ năm của nó đi vào trong nhà lấy khẩu súng ra. Mẹ nó la như nhà cháy: Tao lạy mầy, tụi nó mà biết mầy là lính là cả nhà chết hết. Thế là ai cũng bỏ nhà chạy về phố lánh nạn. Cửa nhà bỏ ngõ. Khói nhang vẫn còn nghi ngút trên bàn thờ. Vừa chạy giặc trên đường, bà con ai cũng nói: " Tết nhất linh thiêng thế này mà sao họ đánh ". Có người rành vấn đề hơn: " Hưu chiến mà sao kỳ vậy ". " Thôi cha ơi. Đừng nói nữa. Việt cộng mà tin sao ". Thế là từ cái tết năm đó, ấn tượng hưu chiến hay ngưng bắn không bao giờ có xảy ra trong đầu óc của nó. Khi trận đánh đã yên, ai ai cũng trở về lại nhà. Ngôi nhà ngói cũ kỹ của gia đình nó loang lỗ vết đạn trên vách tường. Cái tết năm 68 không làm cho nó tin là ngưng bắn có thật, dù hiệp định có ký đi chăng nữa. Nó vẫn sợ. Tuy nhiên, ngay bây giờ có tờ giấy ra trình diện đơn vị, nó cũng dù về nhà cho kịp mùa xuân, nấu cho mẹ nó nồi bánh tét như mọi năm nó còn ở nhà.

***

Ba năm nằm trong quân lao, mẹ nó chẳng hay biết. Cứ ngỡ thằng con chắc còn bận việc binh. Thôi thà xem như vậy, để cho mẹ nó khỏi bận lòng với tuổi già bới xách thăm nuôi, đi hết đoạn đường dài hằng mấy trăm cây số bằng xe đò. Trong quân lao, nó lại được anh em quân phạm thương nhiều, vì biết hành động của nó làm, mà cấp trên của nó không hiểu. Quân cảnh tư pháp chẳng cần điều tra, cứ trên nói sao nghe vậy chẳng cần tìm hiểu nguyên do trận đánh. Thế là tống nó vào quân lao. Vào quân lao, nó mới thấy lính ngoài tác chiến bị nhốt quá nhiều. Với nó, cấp bậc trung đội trưởng khoảng gần năm, chỉ có 13,14 thằng lính. Chàm có, Việt có, Thượng có.Thế mà nó hiểu từng người. Người lính ngoài mặt trận hành quân liên miên, buộc lòng phải dù vài ba ngày rồi lại trở ra. Đơn vị trưởng báo cáo đào ngũ, quân cảnh tư pháp tống họ vào quân lao. Có lần nó nhìn thấy tòa kêu xử cả hai xe GMC quân

phạm. Lần nào gọi ra tòa xử, đám quân phạm cũng cười giỡn. Nặng thì lao công chiến trường. Nhẹ thì ra đơn vị khác. Bảy không thuộc dạng lính đào ngũ, mà nặng hơn, nó kể cho mấy thằng bạn nghe:

" Tòa hỏi tao sao dám cãi lệnh hành quân. Tao nói là không cãi lệnh. Ổng hỏi tao sao biên bản làm như vầy, như vầy. Tao nói tao không biết, do quân cảnh tư pháp thụ lý. Tao nói đêm đó địch tấn công, có cả cối 82. Đơn vị chỉ có một trung đội không đủ cấp số. Xin rút để bảo toàn quân. Quận không cho, mà cũng chẳng yểm trợ gì cho tao. Tao tự động rút quân, bỏ đồn để bảo toàn tính mạng những người lính và…tao. Cả tòa cười. Sau khi nghị án, có lẽ nhờ mấy quan bồi thẩm …cười mà tao nhẹ tội. Tòa kêu án tao hai năm.
Bây giờ nghe nói hiệp định ký vào mùa xuân, nó không mong gì hơn là về thăm mẹ nó, trước khi ra đơn vị mới. Tụi nó có đánh thì đánh. Ăn cơm chúa thì phải múa thôi. Nó nghĩ như vậy.

***
Bảy sau khi nhận lệnh ra sư đoàn 2, nó ra quốc lộ 1 đón xe đò về thăm mẹ nó. Mẹ nó cứ ngỡ nó về từ mặt trận. Bà nhìn nó chẳng có lạ gì. Cũng cái thằng như ngày nào chẳng lớn hơn chút nào cả. Nhưng sau đó, bà hỏi:
" Sao mầy hút thuốc nhiều vậy, bịnh đó nghe".
Nó cũng chỉ cười. Bà nói:
" Sang năm mầy về tao dẫn mầy đi hỏi vợ. Chờ nó tốt nghiệp sư phạm, tụi mầy làm đám cưới tốt hơn. Tao cũng đã nói với mẹ của nó rồi ".
Nghe mẹ nó nói. Nó cũng chỉ cười:
" Bộ mẹ muốn người ta trở thành bà góa".
Mẹ nó buồn:
" Chẳng lẽ lính nào có vợ cũng thành góa hết sao. Tao thấy nó thường lên thăm tao, hay hỏi thăm mầy có thư từ gì về không. Ba năm, tao không thấy mầy gởi về cho tao một lá thư nào cả. Tao nghĩ mầy gởi cho nó. Hỏi nó. Nó nói không. Sao mầy tệ vậy ".
Nghe vậy, nó hiểu ba năm nó ở trong quân lao mẹ nó chẳng hề hay biết.

***
Ngày ở đơn vị 2 ra, hiệp định ngưng bắn ký, bắt đầu có hiệu lực. Nó về thăm mẹ nó vài ngày rồi ra đi. Rồi hai năm sau, mẹ nó nhìn thấy lính ở đâu chạy về ngang qua thành phố của bà ở nhiều quá. Sau nhiều quá vậy. Thành phố biển của bà mấy ngày nay trở nên rộn rịp. Hết người dân ở những thành phố khác tới. Rồi người dân chung quanh họ lại nói ra nói vào. Bà nghĩ đến mấy đứa con của bà. Để rồi bà nhìn những người đi lính gần nhà, sao bà vẫn thấy như có cái gì đó vội vã. Hỏi, chẳng có đứa nào trả lời. Nhưng bà biết chắc hai bên lại đánh nhau. Bà nghĩ: Sao lạ, cứ mỗi lần xuân về, lại đánh nhau như thế. Hiệp định nghe nói đã ký lâu rồi mà, sao chưa thấy hòa bình, mà cứ đánh nhau mãi thế này. Ba thằng con đi lính xa lại không về lúc này, bà lo cho mấy thằng con của bà.

Buổi trưa, cơn sốt của đoàn người lánh cư từ các tỉnh ngoài ồ ạt vẫn tiếp tục đổ vào thành phố, thì bà nghe tin thằng Bảy, con bà chết. Có người từ dưới tiểu khu lên cho hay để bà chuẩn bị nhận xác con. Bà nghe tin nó chết. Bà cũng chết điếng theo. Bà con lối xóm xúm lại

người cạo gió, người giật tóc mai cho bà tỉnh dậy chờ người ta mang xác con bà trở về.

Sau cái chết của thằng Bảy mấy tháng. Hai thằng con lớn đi lính cũng trở về. Bà nghe người ta nói thống nhất đất nước rồi. Chiến tranh không còn nữa. Hai thằng con mới trở về gặp mặt vợ con chưa nói được lời nào, thi đám mặt trận đã vào nhà bắt đưa lên mật khu Cà Tót.

Bà đâm ra sợ mùa xuân. Cái mùa xuân năm 1975 đó.

Trận Chiến An Lộc

Hồ Đinh

An Lộc địa sử ghi chiến tích
Biệt Cách Dù vị quốc vong thân

Tỉnh Bình Long và Thị Xã An Lộc :
Bình Long xưa là Hớn Quảg thuộc bô lạc Stiêng và được các vị Chúa Nguyễn khai thác từ cuối thế kỷ 17. Năm 1832, vua Minh Mạng, đất Hớn Quản thuộc tỉnh Biên Hòa. Năm 1956, tổng thống Ngô Đình Diệm, cắt một phần phía bắc tỉnh Biên Hòa, sáp nhập vào với Hớn Quản, để thành lập tỉnh Bình Long, thuộc Vùng III chiến thuật.
Thị xã An Lộc nằm trong phạm vi xã Tân Lập Phú, bao quanh thành phố là những ngọn đồi chiến lược, mang tên đồi 169, đồi Gió và đồi Đồng Long. Quốc lộ 13 từ cầu Bình Lợi, chạy suốt tỉnh Bình Dương, ngang thị xã An Lộc, tới thị trấn Lộc Ninh và biên giới Miên ở Sóc Pénang. Từ đây còn đường phân làm hai ngã, một là đường 13 tiếp tục vượt biên giới, chạy tới tỉnh Kratié. Nhánh thứ hai mang tên quốc lộ 14, chạy song song với biên giới Miên Việt, đi Phước Long, Quảng Đức.. Do các yếu tố địa lý đặc biệt trên, nên trong suốt cuộc chiến, Hà Nội luôn có ý định chiếm cho bằng được tỉnh này, để đặt thủ đô cho ' Mặt trận giải phóng miền Nam '.. Nhưng cuối cùng đã không đạt được mục đích và An Lộc, đã đi vào quân sử VN từ năm 1972.

Nguyên Nhân Hà Nội Gây Cuộc Chiến Mùa Hè 1972 :
Sự kiện Nixon tuyên bố với Chu Ân Lai tại Bắc Kinh, trong chuyến thăm viếng Tàu vào tháng 2-1972, cho thấy Hoa Kỳ đã công khai bỏ chạy, để Bắc Bộ Phủ tin tưởng là nếu không có Hoa Kỳ tham chiến, QLVNCH sẽ xuống dốc bỏ chạy, vì thiếu vũ khí đạn dược và yểm trợ hùng hậu của không quân Mỹ. Một lý do nửa, vào cuối năm 1971, Lê Duẩn sang Liên Xô, còn Phạm Văn Đồng tới Tàu cầu viên đã được hai đàn anh cung cấp rất nhiều vũ khí tối tân như chiến xa T54,55, PT76, đại bác phòng không 23 và 57 ly, cùng với nhiều hỏa tiễn tầm nhiệt hạ máy bay SA7. Tất cả các yếu tố trên nên Lê Duẩn tức tốc ban hành nghị quyết số 13, ra lệnh tổng tấn công VNCH. Quân số tham dự, gồm 13 công trường chính qui Bắc Việt (khoảng 136.400 người). Cuộc chiến mùa hè năm 1972, được đánh giá là tàn khốc nhất trong quân sử VN và thế giới, được mở màn ngày ***30-3-1972 tại Quảng Trị, ngày 5-4-1972 tại Lộc Ninh (Bình Long) và 6-4-1972 tại Tân Cảnh (Kon Tum) .***

Mùa Hè - 1972 :
Trong trận chiến này, Võ Nguyên Giáp xữ dụng binh pháp của Liên Xô, đem hết bộ đội của miền Bắc và tất cả vũ khí tối tân vừa được viện trợ mua chịu vào Nam, chỉ để lại hai công trường trấn đóng tại Lào. Theo kế hoạch hành quân của Giáp, hai sư đoàn 304, 308 vượt biên giới tấn công Quảng Trị. Ở phía nam, cùng thời gian trên sư đòan 324-B tấn công Huế và Đà Nẵng. Tại tỉnh Quảng Trị, khi quân Bắc Việt vượt tuyến tấn công, ở đây có Sư đoàn 3 bộ binh và 2 Lữ Đoàn Thủy quân lục chiến tăng phái. Việc Sư Đoàn 3 bộ binh rã ngủ vì sư đoàn này mới được thành lập vào cuối năm 1971 sau chiến địch Lam Sơn 719. Các đơn vị cơ hữu, chỉ có

Trung Đoàn 2 bộ binh là thiện chiến, còn hai Trung Đoan 56 và 57 tân lập, với quân số phần lớn là Địa Phương Quân.
Vo Nguyên Giáp tung vào công trường 2 và 320, một trung đoan chiến xa, để tấn công Kontum, đồng thời cho Sư đoàn 711 quấy rối Quảng Nam, Quảng Ngải cùng Sư đoàn 3 Sao vàng, tấn công cắt đứt quốc lộ 19 và các quận miền bắc tỉnh Bình Định. Cuối cùng là mặt trận biên giới , Giáp tung vào bốn sư đoàn 5,7,9 và công trường Bình Long 200 chiến xa, tất cả xuất phát từ mật khu Lưỡi Câu (Mimot, Snoul), vượt biên giới Miên, đồng loạt tấn công vào quận ***Lộc Ninh sáng ngày 5-4-1972*** và ***thị xã An Lộc ngày 6-4-1972***.

An Lộc, Địa Ngục Trần Gian Trong 68 Ngay Bị Vây Hãm.
Từ sáng sớm 5-4-1972, ba trung đoàn 174, 275, một trung đoàn biệt lập, một trung đoàn chiến xa và trung đoàn E-6 thuộc công trường 5, vượt biên giới, tấn công quận lỵ Lộc Ninh. QLVNCH tại đó, gồm Chiến Đoàn 9 (Trung Đoàn 9/SD5BB, Biệt Động Quân Biên Phòng, Thiết Đoàn 1 Kỵ Binh) và các đơn vị DPQ va NQ ngăn chận. Trận chiến vô cùng ác liệt, kéo dài tới 3 giờ chiều cùng ngày, thì đồng loạt Ba công trường 7,9 và Bình Long, cùng lúc từ nhiều phía tấn công vào thị xã An Lộc. Lúc đó, trong thành phố chỉ có Trung Đoàn 8 của Sư Đoàn 5 BB trấn giữ. Công trường 9 đánh mặt tây, công trường Bình Long tấn công hướng đông-bắc, còn công trường 7 thì đóng chốt giữ chặt quốc lộ 13, con đường duy nhất từ Sài Gòn, Bình Dương, Lai Khê tới An Lộc và Lộc Ninh ngăn chận quân tiếp viện.
Tại Lộc Ninh sau ba ngày giao tranh đẫm máu, hai chiến đoàn 9 (SD5BB) và chiến đoàn 52 (SD18BB) được lệnh rút về tử thủ An Lộc, nên bị Công trường 5 VC đuổi theo sau, tấn công vào phía bắc thị xã. Tình thế lúc đó thật nguy ngập, nên Quân Đoàn III đã cấp tốc tăng cường cho Mặt trận An Lộc : Liên Đoàn 3 BDQ, Liên Đoàn 81 Biết Cách Dù và Lữ Đoàn 1 Nhảy Dù nhảy vào An Lộc. Đồng lúc, Sư Đoàn 21 BB lừng danh đang trấn giữ tại mật khu sình lầy thuộc Vùng IV chiến thuật, trung Đoàn 15 và 1 Chi đoàn của Thiết Đoàn 2 Kỵ binh, cũng được tăng cường cho chiến trường. Bộ Tư Lệnh SD5BB của Tướng Lê Văn Hưng, ngay ngày đầu cuộc chiến khi CS tấn công Lộc Ninh, cũng đã từ Lai Khê vào An Lộc. Riêng Bộ Tư Lệnh tiền phương của Trung tướng Minh, từ Biên Hòa cũng được di chuyển lên Lai Khê, chỉ huy trực tiếp hai cánh quân trong thành phố và giải tỏa QL13 từ Lai Khê, tới Chơn Thành và An Lộc.

Cuộc chiến đẫm máu, ác liệt từng phút từng giờ, trong suốt hai tháng. An Lộc bi co cụm lại vì tăng, pháo và bộ binh của giặc tấn công. Dân chúng hầu hết bị kẹt lại, không thể di tản được vì đường bộ đã bị bít kín. Tất cả mọi người, dân cũng như lính bị thương, đều không được cứu chữa vì không thể nào tải thương được. Trong lúc đó, cọng sản Bắc Việt tấn công và pháo kích , luôn cả bệnh viện, nhà thờ..Ngay cả việc tiếp tế bằng máy bay cũng muôn ngàn khó khăn nguy hiểm, vì màn lưới phòng không của giặc, giăng kín bầu trời Bình Long, chẳng khác thiên la địa võng. Ngày 4-6-1972, đánh dâu một thời điểm cực kỳ quan trong của Mặt trận này, khi Tiểu Đoàn 6 Nhảy Dù, đơn vị bị tan hàng tại Đồi Gió vào tháng trước, đã bắt tay được với Tiểu Đoàn 8 Nhảy Dù trong An Lộc., đánh dấu Quốc lộ đã được giải tỏa. Cũng từ lúc đó, quân trang dụng được tiếp tế, thương binh được tải thương, thường dân được di tản.
Ngày 12-6, tướng Lê Văn Hưng tuyên bố ' An Lộc đã được giải tỏa hoàn toàn '. Trong trận chiến tại An Lộc từ Nhảy Dù, Biệt Cách cho tới Bộ Binh, không một đơn vị nào có chiến xa và pháo binh, vì toàn bộ chiến và các khẩu đội 105 bị phá hủy, chỉ còn một khẩu duy nhất được xữ dụng.

Tóm lại khắp các mặt trận, lính không có súng chống xe tăng của quân Bắc Việt, nên đã tự động dùng súng M72, XM-202 kể cả các loại súng phóng lưu B40,41 ti65ch thu được của VC.Tất cả được người lính biến cải thành súng chống chiến xa, nhờ đó quân ta đã bắn cháy rất nhiều xe tăng của giặc.

Sư Đoàn 18 Bộ Binh Vào An Lộc :

Tính tới cuối tháng 5-1972, coi như SD18BB dưới quyền chỉ huy của Đại Tá Lê Minh Đảo, có Liên Đoàn 5 BDQ tăng phái, đã thanh toán xong các mặt trận dữ ở Chà Rầy-Trung Lập (Củ Chí) - Dầu Tiếng (Bình Dương) và Đất Đỏ (Phước Tuy). Do trên, sư đoàn được lệnh vào An Lộc,từ ngày 22-6-1972, để thay thế cho Sư đoàn 5 BB bị thiệt hại nhiều, cần dưỡng quân và bổ sung quân số, sau bao nhiêu ngày tử chiến trong địa ngục trần gian. Tuy tướng Lê Văn Hưng có tuyên bố là An Lộc đã được giải tỏa và ngay Tổng thống Nguyễn Văn Thiệu, cũng đặt chân vào chiến trường cón đang ngun ngút khói. Nhưng khắp nơi bom đạn vẫn mịt trời, vì vậy cuộc thay quân giữa hai sư đoàn 5 và 18, vẫn phải thực hiện bằng trực thăng vận. Ngày SD18BB vào An Lộc, con đường 13 huyết lộ, vẫn còn bị chốt kín nhiều nơi, mà nguy hiểm nhất vẫn là đoạn đường từ Chơn Thành tới Tàu Ô. Quanh thị xã, nhiền phần trên hai ngọn đồi chiên lược 169 và Đồi Gió, vẫn nằm trong tay quân Bắc Việt, nên ngày nào cũng bị pháo hằng trăm trái, làm thiệt mạng thêm nhiều người. Để giải quyết tất cả những gai nhọn nhức nhối trên, Đại Tá Đảo quyết định để Trung Đoàn 52BB và LD5BDQ giữ An Lộc và tung Trung Đoàn 48/SD18BB tái chiếm những phần còn lại , do cọng sản đang chiếm giữ, trên các ngọn đồi chiến lược quanh thị xã. Ngày 27-7-1972, TD 1/48 và DD48 Trinh sát, đả làm chủ hoàn toàn Đồi 169 và Đồi Gió ngày 9-8-1972.

Sau đó, TD2/43 và 3/43, cùng Liên Đoàn 5 BDQ, được giao phó trách nhiệm tái chiếm phi trường Quản Lợi. Đây là một chiến trường cam go nguy hiểm, không khác gì cổ thành Đinh Công Tráng ở Quảng Trị. Phi trường Quản Lợi trước đây là căn cứ đóng quân của SD1 Không Kỵ Hoa Kỳ, nên được xây cất rất kiên cố. Ngày 10-8, TrD43 và LD5BDQ giải tỏa xong hương lộ 303 và tiến sát vào đầu cổng phi trường. Vì căn cứ được xây cất quá quo mô vững chắc, nên VC đã cố thủ trong các căn củ của LLDB và chống trả thật mãnh liệt. Do đó các Trung Đoàn 43,52 và LD5BDQ phải thay nhau tấn công giặc, với tổn thất rất cao, trong nhiều ngày nhưng cũng chỉ chiếm được một phần phi trường. Cuối cùng BTL/SD18BB quyết định dùng Không quân chiến thuật, với bom phá công sự và hỏa tiển Tow. Cuộc hành quân chấm dứt ngày 4-9-1972, tái chiếm lại được Quản Lợi, sau khi đã đánh đổi bằng nhiều sinh mạng, mà thiệt hại nhiều nhất là TD30BDQ và TD2/43/SD18BB. Sau ngày 8-9-1972, Trung Đoàn 43 lại tiếp tục hành quân nhổ các chốt còn lại, trên đoạn đường từ Quản Lợi về An Lộc. Ngày 23-9-1972 là giai đoạn cuối cùng của cuộc chiến, khi Trung Đoàn 48/BB hành quân mở rộng vòng đai an ninh cho thị xã.

*

Nhiệm vụ hoàn thành ngày 29-11-1972 .Ngoài ra, sự đứng vững của thị xã nhỏ bé An lộc, dù chỉ còn là đóng gạch vụn, sau 68 ngày bị 4 sư đoàn chính qui cọng sản vây hãm, tấn công biển người, chiến xa, đại pháo, hỏa tiển có lúc lên tới 8000 trái/1 ngày. Sự kiện trên, đã khiến địa danh An Lộc xếp hàng đầu trong những trang quân sử thế giới như Stalingrad, Guernica, Arden, Berlin, Tobrak và cả Điện Biên Phủ.

Bảy ngày trong đời

Nguyễn Thị Thu Huệ

Mai anh đi mấy giờ?
Lụa hỏi.
- Bốn giờ sáng, bé tí ạ!
Sánh ôm lấy Lụa, người ớn lạnh. Sương giăng giăng tím đỏ mặt hồ. Chiều tàn. Ngày chớm đông lạnh tê. Phía thành phố, đèn nháy nháy sáng như sao rơi. Trên đầu, trăng mồng bốn mọc theo đảnh. Cả bầu trời có mỗi vì sao hôm.
- Đi xa, nhớ em không?
Lụa nhìn Sánh, mắt hoe đỏ.
- Hơn cả nhớ. Cái đất Hà Nội này, còn có mình em là thân thiết
Sánh nhìn ra xa.- Không có gió. Nhưng lại lạnh. Hơi lạnh trong không khí. Hơi lạnh dâng lên từ mặt hồ. Lan toả.
- Quần áo anh đâu? Cả tiền đi đường nữa?
Lụa hỏi.
- Đàn ông đơn giản lắm. Lính mà. Chỉ cần nắm lá sung và dúm muối là lùa được mấy bát cơm.
- Đấy là thời chiến. Còn bây giờ, hoà bình lâu rồi!
Lụa nói khẽ rùng mình.
- Em lạnh à?
- Vâng!
Lụa ôm ngực ho khan. Sánh vòng tay ôm cô chặt hơn. Cả hai ngã dúi xuống bãi cỏ. Bên họ, vỏ hộp bia, Coca-Cola và những vỏ bao thuốc ngoại vương vãi. Trước đó, chắc vừa có một cuộc chơi ở chỗ này. Hai người chìm đi trong nhau.
Lụa khóc.
- Có anh bên cạnh, sao em buồn?
- Em nghĩ đến sự chia tay ngày mai. Đàn ông đi xa như thuyền gặp gió. Bao sự mới mẻ chờ đợi trước mặt. Em ở lại một mình, quanh quẩn góc nhà xó bếp.
Sánh vội áp đôi môi mình lên đôi môi mấp máy của Lụa. Cả hai lại chìm đi.Trăng lên. Cong vút và kiêu bạc ở góc trời. Tối rồi. Có cảm giác tiếng sương rơi thảng thốt trong buổi chiều tàn.
- Anh xong việc, tìm em ở đâu?
- Lúc nào em cũng ở nhà, và chờ anh quay về.
Tiếng những đồ hộp va loảng xoảng khi chân Lụa đạp phải.
- Em có đau không?
- Sánh thì thầm và nhìn vào ngực Lụa. Bên vú trắng xanh của Lụa, một vết hằn của răng cắn, sâu hoắm.
- Không, không đau!

Lụa rên rỉ.
- Ừ! khi yêu đau đớn cũng là hạnh phúc!
Sánh thì thầm.

***
Sánh chợt ôm đầu, mắt đờ dại đi trong thoáng chốc.
Anh cúi gằm xuống.
- Anh sao thế?
Lụa hỏi.
- Anh bị choáng. Thỉnh thoảng nghe trái gió trở giời, nó vẫn thế. Hôm nào đau đầu quá, có cảm giác mắt lồi ra khỏi mặt.
- Anh bị lạnh rồi. Về thôi. Nếu em muốn tìm anh thì sao?
- Để anh nhớ xem chỗ nào có thể đến được nhé. À, có một chỗ là nhà cậu bạn anh. Nó là thương binh, hỏng mắt rồi. Bây giờ đang ở trong tổ vót tăm. Anh sẽ đưa địa chỉ cho em, nhưng phải cần lắm mới được tìm, còn chỉ vì nhớ anh thì không được tìm, em nhé.
- Khó hiểu quá. Nhưng bất chợt em muốn gặp anh, cũng không đươc à?
Lụa hỏi.
- Cũng không. - Sánh tiếp tục ôm chặt đầu hơn, người anh rung rung.
- Thế cũng được. Em tin anh. Em chờ anh xong việc và tìm em. - Lụa nói, giọng hơi lành lạnh.
- Ngoan lắm. Nghe anh nhé, anh sẽ quay về.
Tối thui. Và họ chui bờ rào để về. Đây là một biệt thự nhỏ ven hồ. Ngày nghỉ, những đôi trai gái đến đây để vui chơi, giải trí. Nhà Lụa cách biệt thự cái hàng rào găng.
- Nhiều lúc, em cũng chẳng hiểu tại sao lại tin và yêu anh. Nhanh như chớp mắt ấy.
- Do số phận hết. Ông Trời đã định, và mình thì làm đúng ý trời! - Sánh hơi cười, nhưng khuôn mặt anh có vẻ đau đớn lắm.
- Hâm ở đâu ấy. Lúc nào cũng số phận như ông cụ non. Thử hỏi, nếu nhà em không bị bão làm sập cái mái bếp thì anh có việc gì để đến giúp nào?
- Ừ, thì mong trời phùng mang trợn mép thổi bay cái mái bếp, nên anh mới có việc làm chứ. Chẳng lẽ anh cứ tự nhiên phăm phăm lao vào nhà em để phá nhà em và cướp em đi chắc?
- Có lẽ, là số phận thật - bất giác, Lụa thở dài khe khẽ.

***
Hình như anh đã nghe thấy bài hát này ở góc một cánh rừng trụi lá, bên một con suối nhỏ, trong vắt. Tiếng chim tu huýt xa xa. Thằng bé cùng đơn vị vừa huýt sáo vừa bắt kíp mìn. Rồi nó thổi lửa. Anh chợt thấy người rã ra. Anh biết là mình cũng đuối sức rồi. Mặt trời chói gắt trên cao. Anh nằm trong võng, chiếc chăn chùm qua mặt. Anh ngắm nghía những giọt nắng nhí nhách rơi qua lỗ thủng của tăng. Bỗng tiếng mìn nổ. Anh cảm thấy đấy là tiếng mìn nổ trên cạn chứ không "bục" một cái như ở dưới nước trong những lần anh đi đánh cá. Tiếng nổ đanh, khô khốc. Anh vùng dậy, tụt ra khỏi võng và chạy về phía ấy. Thằng bé đang quằn quại dưới đất, hai bàn tay nát máu. Rồi đêm xuống. Anh chợt nhớ ra tình cảnh của mình. Lá thư của cô út đuổi theo anh suốt chặng đường hành quân. Hôm qua, thằng Thản cùng quê đã nằm lại trên khoảnh đất cao cao góc rừng. Một mảnh đạn bay qua và ở lại trong thái dương đã

mang đi cuộc sống của nó. Bố anh mất được hai năm thì bây giờ đến mẹ. Cô em theo chồng về quê sinh sống. Căn nhà ngói cũ kỹ bán rồi vì anh đi chưa hẹn ngày về. Đại khái, bây giờ, bỗng nhiên anh trở thành người vô sản.
Mưa ở phía núi. Tất tật mọi thứ đều quằn quại trong gió thét. Lòng anh buốt đắng. Lạnh ngắt. Cứ mỗi ngày qua đi. Anh lại tự tôi luyện cho mình khả năng chịu đựng sự đau khổ. Thế mới hay con người nó giống sợi dây chun, kéo mãi cũng được và co lại cũng xong. Anh thì bị kéo đến bao giờ?
Mưa tạnh. Qua mảng tăng, lỗ chỗ, trăng nhỏ giọt xuống anh. Trăng cao vời vợi, cô độc, nghiêm trang.

Ngày giải phóng đến gần. Anh tự cảm thấy mình là kẻ không thức thời. Có kẻ đến và đi khỏi cuộc chiến khéo léo và khôn ngoan. Anh chạy vào và họ chạy ra. Vinh quang và may mắn đến với họ sớm. Còn anh thì không. Nhiều lúc, anh bỗng thấy mình giống một thằng cu cởi truồng chạy lông nhông trên đường phố. Không nhà. Không người thân. Người yêu xưa đã lấy chồng. Thoắt trẻ đấy lại thoắt già đấy, mà anh thì không hiểu ra thế nào nữa.
Rời quân ngũ. Anh vẫn theo con đường ấy để về nhà, dù biết chẳng còn gì, nhưng cái thói quen dẫn chân anh đến. Con đường sống trâu bụi lầm. Xao xác tiếng gà gáy trưa. Heo hút vắng. Căn nhà ngói cũ ngày xưa nay đã đỏ tươi, vôi quét lại xanh màu ngai ngái. Gà lợn đuổi nhau nhung nhăng. Cả mèo và chó nữa. Vài con ngan lạch bạch và trịnh trọng đi lại trong sân. Anh chợt nhớ đến mẹ. Nỗi nhớ nôn nao. Mẹ thèm được cuộc sống thế kia lắm. Ngày trước, khi mẹ còn sống. Lúc nào cũng "tao thích có đàn gà ấp, có vài con lợn giống và dăm ba con ngan, ít rau dền, rau ngót". Nhưng đến khi về với đất, mẹ cũng không làm được cái mơ ước con con của mình. Những đứa trẻ con nhọ nhem lê la gặm mía cả vỏ góc nhà, một hai người đàn ông da đỏ sậm như dân chài lưới đi ra đi vào. Anh dừng lại. Lơ ngơ đứng giữa ngôi nhà của mình. Cái giếng vẫn thế, hàng dậu vẫn nguyên. Chỉ có người là không phải của mình nữa rồi.

Có một cái gì lạ trong lòng Lụa. Ngực cô mây mẩy hơn. Phía bên phải của bụng cô có cái gì đó mà ngày càng cưng cứng. Có mang rồi. Mà Sánh thì đi từ hôm ấy chưa về. Một đêm kinh hãi trôi qua khi Lụa biết rằng "nó" ở trong mình. Buổi sáng, cô lao ra đường. Biết sẽ chẳng thấy anh, nhưng cô vẫn tìm. Những khuôn mặt trôi qua cô mờ mịt như khói phun. Mắt mũi loè nhoè, nhạt thếch Lụa lại quay về nhà, lẩn khuất như cái bóng. Lụa đứng dậy và chui bờ rào sang bên kia. Mặt hồ dìu dịu sóng. Tiếng cá quẫy. Anh bảo: Cá vật đẻ. Lụa hỏi: Vật đẻ là gì? Anh cười, mai kia em đẻ, cũng sẽ vật như nó. Khắc biết! Anh và Lụa luôn mồm nói chuyện với nhau, luôn hỏi và luôn trả lời. Chả đâu vào đâu nhưng không bao giờ hết chuyện. Lụa bảo: Người gì mà gian, hôn lâu không thở được. Anh cười: Anh vốn gian từ bé. Có lúc nhờ mình gian mà khối người được nhờ. Ngày còn ở lính, tất cả đều thèm thuốc mà không có. Chỉ hy vọng khi có đoàn lính mới tò te nào hành quân ngang qua là gặp nhau. Thôi thì đủ chuyện, ai đồng hương thì nhận, ai cùng quê thì mừng. Em không hình dung được bọn anh sung sướng thế nào mỗi khi gặp một người cùng quê với mình ở nơi khỉ ho cò gáy đâu. Được mùa không, nhà có gì mới không... cứ thế mà hỏi thôi. Rồi xin thuốc lào để hút. Anh toàn làm chân xin thuốc. Mồm nói, mắt tít lên cười, tay thì vê thuốc thật lực. Làm sao vê chặt lại cho vào rít một hơi rồi thì ra ngay, vê luôn điếu khác làm sao để đối phương không tập trung vào

việc mình hút thuốc.
- Sao lại phải thế? - Lụa hỏi
- Chẳng nhẽ chìa tay xin, chúng nó cũng có nhiều đâu. Phải làm thế để khi chúng nó đi, mình nhặt lại những bã cũ, cạo cạo bên ngoài đi, lấy cái ruột còn nguyên bên trong ra, hút lại.
- Thế bây giờ, anh mơ cái gì nhất? - Lụa hỏi.
- Em là vợ anh. Chúng mình sẽ có những đứa con thật ngoan. Muốn có một công việc tử tế, có sức khoẻ. Anh sẽ lôi những thằng bạn cùng quân ngũ và về làm việc với nó. Tội nghiệp. Mỗi đứa một phương lơ ngơ giữa đời. Thế thôi.
***
Anh như kẻ mộng du. Lúc lơ lửng trên chín tầng mây, lúc như lử khử dưới địa ngục. Anh tự biết lúc nào anh trở thành như người khác, lúc nào thì cái chứng bệnh chết tiệt lại quay lại, những người bạn vừa 10 phút trước tít mắt lên đùa cùng anh, ngoảnh đi ngoảnh lại đã nằm im phăng phắc, hai mắt he hé mở. Vô hồn. Người chết vì sốt rét, người vì rắn cắn, người vì bom đạn. Anh là một trong số hiếm hoi của đơn vị quay trở về được nơi mình xuất phát. Ai nằm xuống cứ nằm. Ai tiến lên cứ tiến. Hình như với anh, cái gì cũng đến muộn. Khi được quay trở lại sống với cuộc sống bình yên, thì mọi ước mơ cũng tan. Xã hội thay đổi từng ngày. Hôm nay vừa quan niệm thế này thì ngày mai đã thành cũ. Nhiều lúc ra đường, nhìn đàn bà con gái mà hãi. Họ đã tiến xa khỏi cái gọi là công dung ngôn hạnh ngày xưa. Tinh những áo hở rốn, váy ngắn khoe đùi. Tất đi dưới chân không phải để ấm mà để trêu tức, rằn ri nửa đen nửa trắng. Lắm lúc anh cảm thấy giá họ cứ cởi phăng hết ra trông còn không khó chịu như vậy, nó đỡ gợi dục hơn rất nhiều.
Anh sợ. Anh chỉ thỉnh thoảng liếc trộm họ, không dám nhìn lâu, nhìn kỹ vì sợ khinh, huống hồ là đến gần. Lương lính của anh chưa chắc mua đủ đôi giầy họ đi dưới chân. Rồi bỗng nhiên, vô tình anh gặp Lụa, tốt bụng và ngờ nghệch một cách khó lý giải. Một ông bố vô trách nhiệm với con cái, lúc nào cũng say xỉn và lấy mình làm tấm gương của đạo đức. Một bà mẹ quanh năm con gà này đẻ trứng tròn hơn con gà nọ. Bà hàng xóm này chê bà hàng xóm kia. Chấm hết. Sánh gặp Lụa và hiểu rằng trời dành người con gái này cho mình. Anh đã không giấu Lụa một chuyện gì, dù hai người chỉ có sáu ngày bên nhau. Nhưng sự ra đi của anh thì phải giấu. Anh không thể nói được khi Lụa như một cây phong lan mảnh mai tựa vào anh là cây đại thụ.

Lụa đang sống trong những ngày thật hạnh phúc nhưng cũng đầy kinh hãi. Đứa con trong bụng lớn dần. Cô càng lấy khăn buộc nhỏ lại thì bụng cô càng nhô cao hơn. Của anh ấy. Anh ấy bây giờ ở đâu nhỉ. Bao lần cô đến nhà người bạn hỏng mắt của anh để tìm, nhưng cứ đến cửa cô lại quay đi. Cô ngại. Đàn ông, cái sự quên nhớ của họ đều có ý thức. Họ đã không muốn cái gì thì đừng có cố mà giữ, đâu phải cứ có ba đầu sáu tay phồng mang trợn mép lên là giữ được? Anh không đến, có nghĩa là anh không muốn. Vậy Lụa tìm để làm gì? Bố vẫn thương xuyên say là chính. Chửi cô đấy rồi nhưng lại khóc vì cô ngay đấy. Lụa rất sợ nhìn bố, vừa khóc vừa rên rỉ. Mẹ thì già sọp đi "Số tôi sao khốn nạn thế này. Người ta bảo tôi có quả bom nổ chậm trong nhà, mau mau mà rước nó đi. Tôi không nghe, ai dè nó nổ thật". Bố bảo: Con nói đi. Ai là thủ phạm vụ này?
Lụa khóc: Con xin bố, con làm con chịu.
Bố hét: Mày chịu hay tao chịu? Mày biết chó gì mà chịu? Ai, thằng nào trong cái xóm này.

Tao vớ được thằng khốn đó, tao thề sẽ cấu đầu nó ra cho gà đá bóng đấy.
Lụa van vỉ: Bố đừng nói thế. Anh ấy tốt lắm. Bố đã từng là người lính. Bố đừng nói xấu về họ như thế. Con và anh ấy yêu nhau. Anh ấy bảo anh ấy gửi gắm tình yêu nơi con. Và con là người giữ tình yêu ấy trong lòng.
Bố gầm lên: A, ra mày nói với thằng bố mày thế đấy hả. Thế ra, có độ trăm thằng khốn nạn nó đến và bảo muốn gửi gắm tình yêu nơi mày, mày cho chúng nó gửi vào bụng mày thế chắc?

Lụa cúi gằm mặt. Bụng cô chuyển lục đục bên trong. Tám tháng rồi. Đêm đêm, trong tiếng rơi thánh thót của những giọt nước mắt khóc thầm, cô vẫn xoa tay mình lên hài nhi bé nhỏ đó. Lúc là cái đầu gối, lúc cái gót chân. Con trai hay con gái? Anh bảo: Một thời gian ngắn nữa, khi xong việc, chúng mình sẽ lấy nhau. Em sẽ đẻ cho anh thật nhiều con, con gái giống em cái mắt và cái miệng. Giống anh cái tai và cái tóc. Tóc anh mềm và xoăn tự nhiên rất đẹp. Rồi anh trầm ngâm:
- Nhưng mà con gái tóc xoăn sẽ khổ.. Có anh, con và em sẽ không khổ.
Vậy mà bây giờ, bỗng dưng anh biến đi đâu. Có lẽ, anh cũng không biết rằng cô đã có con với anh. Con trai hay con gái đều tuyệt vời cả. Lụa mỉm cười, môi cô mặn chát vì nước mắt. Trước thiên hạ, cô là đứa con gái hư hỏng xấu xa, không chồng mà chửa. Nhưng với Lụa, đó là tất cả cuộc đời cô. Đứa bé là con gái. Mặt nó giống Lụa, cái mắt và đôi môi. Tai và tóc giống anh. Mọi sự xảy ra đúng như anh nói. Thường những đứa con thiếu thốn tình cảm lại mang nhiều dấu vết của người cha nó. Tóc nó mềm từng búp như râu ngô. Nó là giọt nước to, trừ cái mắt và làn môi của Lụa. Thời gian quá là màu nhiệm, nó tửng tưng, nhấm nhách trôi qua tưởng như vô tình, nhưng thực ra, nó gắn bó với người như máu thịt và hơi thở. Nó luôn hiện bên mỗi con người. Nó nhân niềm vui và xẻ nhỏ nỗi buồn. Với Lụa, thời gian là người bạn đồng hành tốt bụng. Có những lúc cô tưởng như chết đi vì miệng tiếng đời. Nhưng rồi, mọi thứ cũng qua cả. Kể cả bố, bố chửi mắng và đau đớn vì Lụa như thế, nhưng khi nhìn thấy con bé, người bố như chùng xuống. Ông run run vuốt lên mái tóc của nó. Nó bé bỏng và yếu ớt thế, ai nỡ từ bỏ nó cơ chứ.
Con đặt tên nó là Khánh. Ngày Khánh được một tháng.
Buổi chiều, Lụa mặc cho con gái một cái áo màu tím nhạt, quấn nó vào cái chăn con, đi xích lô đến nhà người lính mắt kém đang vót tăm để sống. Cô không thể chịu đựng được sự xa cách với Sánh nữa rồi. Giả dụ nếu không có bé Khánh, có lẽ Lụa cũng nuốt nỗi đắng cay ấy vào lòng. Bỗng nhiên, cô được làm mẹ. Cô phải chia sẻ niềm hạnh phúc đó với anh.

***

Người đàn ông mắt mờ lần sờ cánh cửa khi Lụa đến. Anh ấy cười, nụ cười hồn nhiên như trẻ thơ. Nhìn anh ấy, Lụa nôn nao cả người.
- Em là Lụa?
- Vâng. Sao anh biết em? - Lụa ngạc nhiên.
- Anh là bạn của Sánh. Em là người mà Sánh yêu.
- Thế anh ấy đâu ạ? - Lụa nôn nóng, tim cô đập thì thụp.
- Anh ấy đang ở xa lắm! - Người đàn ông dè dặt.

- Em muốn gặp anh ấy! - Lụa nhìn quanh. Ngôi nhà tồi tàn, hoang lạnh. Hiu hắt làn gió đưa qua, có mùi mốc.
- Hiện giờ thì chưa được, bao giờ anh ấy về đã. Em có việc gì gấp lắm à? Bé Khánh ngọ ngậy trong tay Lụa, mắt nó nhắm nghiền, da nó đỏ au trong chiếc mũ bé xíu, ôm lấy khuôn mặt. Lụa ôm chặt con vào lòng, hút hít cái mùi thơm tho của nó.
- Em muốn gặp anh ấy ngay bây giờ. Em chờ đợi anh ấy quá lâu rồi. Em muốn anh ấy trông thấy đứa con của mình.
- Cái gì? Ai cơ , bàn tay người đàn ông thả rơi cái chén. Sao? Sánh có con ư? Con với em ư?. Nó đâu rồi. Người đàn ông cố chồm lên, với về phía Lụa. Rồi anh cũng chạm tay vào Khánh toàn thân run rẩy như điện giật. Anh nhẹ nhàng vuốt tóc con bé, rồi lấy tay nắm chặt tay con bé. Bàn tay bé như nụ hoa. Anh thì thầm:
- Tuyệt quá. Trời có mắt. Trời thương chúng tôi rồi. Sánh ơi, mày hạnh phúc hơn tao. Mày có con gái. Con gái ơi, con phải có bố. Bác sẽ đưa hai mẹ con đến gặp bố con.
Người đàn ông chợt nức lên. Hai tay anh ấy ôm chặt đứa bé hơn. Lụa khóc. Cô chẳng hiểu gì cả. Chỉ biết rằng người đàn ông này với anh sống với nhau như ruột già máu mủ. Họ đi ra đường. Người đàn ông mắt kém như bay lên mây. Lụa gọi xích lô. Người đàn ông nói với người đạp xích lô câu gì đó, chiếc xe lao vù đi. Suốt dọc đường, anh ấy nắm chặt bàn tay bé tí ti của Khánh như sợ nó tuột đi đâu mất. Đi mãi, chiếc xích lô lao thẳng vào chiếc cổng sắt to và dừng lại.
- Đến rồi đấy em ạ! - Người đàn ông nói - Anh ta rút tiền trong túi ra trả tiền xích lô và phăm phăm kéo tay Lụa đi, chứng tỏ anh ấy rất thuộc đường.
- Sao lại ở đây hả anh? - Lụa ngơ ngác.
- Cứ đi khắc gặp. Giời ơi, thằng Sánh, thằng Sánh có con. Tuyệt vời quá. Bé con ơi, mày cũng phải coi bác đây bằng bố nghe chưa con. Bố với bác đây sống chết có nhau, không ai lìa xa ai đâu con ạ, dù thế nào. Chỉ phải tội mắt bác nhìn không rõ nhưng còn sáng hơn khối thằng con ạ.
Lụa ngơ ngác nhìn. Một vườn hoa, những chiếc ghế đá. Cây đại và vài cây mít. Sao Sánh lại ở đây nhỉ.
- Em và con ngồi xuống đây. Anh đi tìm Sánh. Đừng đi đâu nhé. Người đàn ông dúi Lụa xuống chiếc ghế đá rồi xăm xăm bước đi. Anh biến nhanh vào một chiếc hành lang chứng tỏ anh rất thông thạo đường.
Lụa hồi hộp chờ đợi. Bé Khánh ấm mềm trong tay, nó ngúc ngắc cái đầu vẻ mỏi cổ. Một lúc người đàn ông hiện ra. Sau anh có vài bóng lố nhố. Lụa thất vọng muốn xỉu xuống vì không thấy anh. Người đàn ông tiến đến bên Lụa nói nhanh: Hãy đặt con bé vào tay Sánh. Đó là liều thuốc tiên cứu cuộc đời nó đấy. Anh bảo gì, em cứ làm thế nhé.
- Anh ấy đâu? Em không hiểu gì cả
Lụa ngơ ngác.
- Sắp ra rồi.

Mấy người đến gần Lụa. Lụa trố mắt ra nhìn. Sánh của cô đang đến gần. Hai chân lệt sệt như không muốn nhấc lên khỏi mặt đường. Anh nhìn Lụa. Vô hồn, hình như anh không nhận ra cô. Lụa hét lên:
- Anh Sánh. Anh Sánh ơi!

- Ai gọi tôi thế? - Sánh hỏi rồi nhìn Lụa.
- Trời ơi anh quên em rồi sao? Anh Sánh!

Lụa khóc nức lên. Người đàn ông run run đứng cạnh cô, quàng tay ôm lấy vai cô.
- Con gái của mình đây, anh bế con đi! - Lụa khóc nức lên trao bé Khánh vào tay anh - Con gái, như anh ao ước đấy. Anh xem nào, nó giống anh cái tai và mái tóc, còn giống em đôi mắt và cái miệng - Lụa khóc nức lên và đưa đứa bé vào tay Sánh. Sánh cúi xuống. Tiếng một người đứng bên cạnh Sánh nói với Lụa:
- Anh ấy bị thương từ ngày là lính. Chấn động mạnh làm ảnh hưởng đến tinh thần của anh ấy. Vừa rồi chúng tôi phải giữ anh ấy lại để điều trị vì tác hại của những vết thương cũ tái phát. Nói chung, anh ấy phải ở trong bệnh viện. Có những khoảng thời gian anh ấy không còn nhớ gì những việc xảy ra trong quân ngũ. Thỉnh thoảng tỉnh lại, có nhắc đến em. Chị nghĩ là cuộc sống gia đình ổn định, một công việc nghiêm chỉnh sẽ làm anh ấy quên đi dư âm chiến tranh. Tại sao đến bây giờ em mới thăm anh ấy?
- Không, không em không biết gì hết. Có ai nói gì với em đâu. Thế mà, thế mà có lúc tôi tưởng mình là khách qua đường. Tôi tưởng là tôi là quán trọ để anh ấy nghỉ chân và đi mãi mãi. Ai ngờ. Sao anh luôn khổ thế, hả anh? - Lụa nức nở.
- Anh ấy rất hay nói đến những người bạn đã hy sinh ngày trước. Nói chung anh ấy cần cuộc sống yên ổn. Và tránh những cú sốc...
Sánh từ từ ôm Khánh vào lòng. Khuôn mặt anh ửng dần màu hồng. Hai đôi mắt thôi không đờ đẫn nữa. Anh nâng con bé lên cao, vùi mặt vào cổ nó.
- Con của anh. Thật không?
Lụa gật gật đầu. Cô cắn môi lại. Ngày hạnh phúc thứ 7 đến với cô. Vì cô đã tìm thấy anh. Sau này sẽ là bao nhiêu ngày nữa?
- Thật sao? Anh có con ư? Lạ nhỉ - Sánh ngơ ngác.
- Sao lại lạ hở anh? - Lụa thoáng hờn dỗi.
- Lại là con gái. Có tóc mềm xoăn như tóc anh này. Mắt giống mắt em này. Bé thế mà giống anh nhỉ, đúng không?
- Đúng anh ạ! - Luạ vẫn khóc.
- Trời ơi, sao tôi sung sướng thế này! - Sánh gào to lên, giơ tay nâng bé Khánh lên cao - Tôi có con. Có hẳn một đứa con.
Những người xung quanh đứng lùi xa, mắt hoe đỏ. Người đàn ông bạn anh loe xoe bên cạnh, sung sướng.
- Về đi, về ngay, anh sẽ bế con cho em thổi cơm. À không, anh sẽ làm tất, còn em chỉ ngồi chơi với con thôi. Nhớ anh không em bé tí? - Sánh ghé vào tai Lụa thì thầm. Nhìn anh, không ai bảo anh vừa trải qua những thử thách nặng nề của số phận.
- Hơn cả thế nữa! - Lụa thì thầm.

Đường chiều heo hút vắng. Trong không khí có mùi khói bếp. Giờ này. Mọi người đang quây quần bên mâm cơm.Có ba người bìu díu nhau đi. Người đàn ông cao cao bế đứa trẻ trong tay. Người đàn bà xách túi quần áo, tay kia dắt người đàn ông hỏng mắt, liên xiên trên đường.

Bóng họ ngả vào nhau ở cuối đường.

Đêm Làng Trọng Nhân

Hồ Tĩnh Tâm

Trời mãn chiều!
Tường về đến cây đa đầu làng. Mặt trời đỏ ối đang từ từ lặn xuống phía dãy núi Bạch Bát. Những đám mây ẩn hiện, hình thù kỳ quái che khuất tia nắng cuối cùng trong ngày. Trời xám dần. Nhìn mặt trời vẫn rõ. Tường tạt vào quán nước dưới gốc đa. Chim đang bay về tổ. Lá cây lao xao. Chùa Cháy trầm mặc, im lìm. Những quả đa chín thỉnh thoảng rơi lộp bộp.
- Cháu cho chú đọi nước.
Tường bắt chước giọng Nghệ Tĩnh. Anh bỏ mũ cối xuống chõng tre hàng nước và tháo kính râm ra khỏi mắt. Cô bé ngước nhìn lên và giật mình. Tường thấy hai mắt cô bé mở to kinh ngạc. Bát nước chè xanh trên tay cô bé sóng sánh, tướt trên nắp hộp kẹo bột.
- Chú mời nước ạ!
Cô bé chớp chớp mắt. Cô đặt bát nước trước mặt Tường rồi rót thêm.
- Bà ơi có khách. Bà ra trông hộ cháu.
Cô gái đứng dậy cầm quyển sách vào trong rất nhanh.
Tường chạnh lòng, tủi thân. Anh đưa tay sờ lên mặt: thô, ráp, xù xì. Đó là cảm giác của tay anh nhận được trên khuôn mặt đã chết.
- Chú bộ đội quê ở đâu ta? - Bà già còng lưng chậm rãi từ trong đi ra. Tường nhận ra bà Còm. Bà già nhiều và yếu, lưng còng hơn ngày anh ở nhà.
- Dạ! Cháu quê tận Nghệ An. Bà ở luôn đây à?
- ấy! Trước bà ở trong làng, sáng đem ra bán, tối lại dọn về. Từ ngày thằng Cu Theo có giấy báo tử, bà yếu nhiều không dọn đi, dọn về được, nghỉ luôn ở đây. Đứa cháu lúc nãy đấy, tối ra học rồi ngủ chung với bà.

Lòng Tường chợt se lại. Thế là thằng Cu Theo cái thằng cùng đơm lờ để đó với anh thuở nhỏ đã hy sinh. Anh còn may hơn nó là ra khỏi chiến tranh, mang được tấm thân thương tật về nhà.
- Giời sắp tối rồi. Nếu còn xa cứ nghỉ lại quán của bà, sáng mai đi tiếp. Khổ thân các chú bộ đội vất vả.
- Cảm ơn bà! Cháu là bạn anh Tường làng Trọng Nhân đây bà ạ!
- Giời đất ơi! Quý hóa quá! Bom đạn đã ngừng năm sáu năm rồi. Làng này chết sáu, bảy chục. Đứa nào còn sống về cả rồi. Chỉ còn mỗi thằng Tường chẳng biết sống chết ra sao chưa thấy về mà cũng không có giấy báo tử. Chuyến này chú về là ông bà Tân mừng lắm.
- Dạo ni ông bà Tân có khỏe không bà. O Thương vợ anh Tường bây giờ ra răng ạ...? - Anh hỏi liên tục.
- Ôi dào ơi! Già cả rồi! ì oặt luôn. Chú này, cái đám cô Thương ấy mà. Có khối đám đến dập dìu đấy. Ông bà Tân chỉ ưng gả con dâu cho anh giáo Mười thôi.
Lòng Tường thắt lại. Anh hoang mang. Tim anh đập loạn xạ. Phải về thôi! Về ngay nhà. Thương ơi! Tất cả hãy dừng lại. Anh đang về với em đây.

Tối chạng vạng.

Tường bước vội trên con đường lát gạch về làng Trọng Nhân. Hơn sáu năm đi xa, chắc bây giờ mẹ anh già lắm. Có già như bà Còm không. Anh đổi khác, mẹ anh có nhận ra không. Còn bố anh có còn đi làm thợ thùng đào, thùng đấu nữa không. Cái nghề ấy khổ lắm bố ơi. Và Thương nữa! Tường nhớ lại cây đa hai trăm tuổi đã nhiều lần chứng kiến tình yêu của anh. Ôi! Những giọt trăng lọt qua kẽ lá rơi xuống tóc, vai Thương. Mùi hương bưởi thoảng bay ra từ suối tóc mây. Anh rúc đầu vào ngực Thương. Tim Thương đập thình thịch. Ngực Thương dập dềnh, dập dềnh. Rồi Thương ngả vào lòng anh. Ngửa mặt lên trời, mắt nhắm nghiền. Tường đặt một cái hôn lên môi Thương nóng bỏng. Vũ trụ như chìm trong giấc mơ... Thương chợt bừng tỉnh, ánh mắt mơ màng nhìn lên thân cây và vòm lá. "ối! Anh ơi" - Thương ôm chặt lấy anh - "Em sợ lắm". Anh nhìn quanh. Một hình nhân mặt mũi dữ tợn, nham nhở đứng trong gốc cây đa. à - anh cười - "Ông ác. Tượng ông ác đấy. Em đừng sợ". Thương hỏi: "Sao ông ác ở đây?". "Kiểu nghịch này chỉ có thằng Cu Theo. Nó mang từ trong phủ thờ ra đây". "Anh ơi! Anh đừng là ông ác nhé". Anh cười: "Anh mãi mãi là chồng em"..

.

Tiếng vó trâu lồng lộp cộp phía sau lưng Tường. Anh dừng chân quay đầu trở lại.

- Họ... ọ...ọ...họ.

Thằng bé giật thừng. Con trâu đen, to kềnh đứng lại trước mặt Tường. Thằng bé nhảy bịch xuống đường:

- Bà Còm bảo không lấy tiền nước, mừng tuổi chú.

Nó nhét mấy tờ tiền lẻ vào túi cóc ba lô anh

- Nhà cháu ngay cạnh ao nhà chú Tường đấy - Eo ôi!

Thằng bé chợt thốt lên:

- Chú bị thương à?

A! Thằng này là con anh Hạo đây. Ngày anh về phép nó còn nhỏ xíu.

- Chú bị thương! Cháu trông có hãi không?

- Cháu chỉ kinh thôi, chứ không sợ. Nửa đêm bắt cá khăm cháu vẫn đi qua gò Mã Giáng kia kìa. Bố cháu cũng bị thương nhưng không giống chú đâu. Bây giờ ghép hàm giả rồi.

Tường nhớ lại. Hôm Thương và anh đi chào hàng xóm để vào chiến trường. Anh Hạo đang nằm cho vợ bón từng thìa thức ăn. Hàm dưới của anh mất nửa, vêu vao, nhai cái nặng cái nhẹ. Tường vào, anh ngồi dậy chào và nắm tay Tường rất chặt.

Đêm nằm bên chồng, Thương bảo: "Em chỉ mong anh lành lặn trở về". Anh kéo vợ vào lòng ôm rất chặt...

- Đến nhà chú Tường rồi. Chú cứ vào đi. Cháu phải về đóng gióng trâu.

Tường giật mình. Mải nghĩ, anh đã đi qua ngõ nhà mình mấy bước.

- Cảm ơn cháu!

*

Tường đứng trước ngõ. Nhà mình đây rồi. Tường reo to trong lòng. Ôi! Bao năm anh lặn lội khắp các nẻo chiến trường. Bao năm Tường sống trong nhớ nhung, khát khao, chờ đợi. Hình ảnh mẹ, vợ và cha lúc nào cũng đau đáu, khắc khoải trong tim. Giờ thì anh đã về đây. Về nơi đã sinh ra anh, nơi anh lớn lên và ra trận.

Những con đom đóm lập lòe, lập lòe bay khắp mặt ao, trong vườn ngoài ngõ kéo tuổi thơ anh trở lại. Cây bưởi bên anh xào xạc. Anh chạm đầu vào lá, lá tỏa mùi hương cay cay đánh thức tuổi thanh xuân, một thời yêu sôi nổi. Lòng anh rạo rực. Những bước chân rất nhẹ, lâng lâng.

Gặp mẹ như thế nào nhỉ. Anh sẽ chạy nhanh đến ôm chầm lấy mẹ. Không! Anh sẽ hiu hiu nhắm mắt, hai tay đưa về trước khi dò dẫm trong sân. Cũng không! Nhìn thấy, mẹ sẽ ngã mất. Phải rồi! Anh sẽ gập một chân lại, mặc quần rồi chống gậy tập tễnh vào nhà. "Ôi! Con tôi!" Mẹ kêu lên. Chợt mẹ khuỵu xuống. Anh ôm chầm lấy mẹ. Nước mắt mẹ nhòe nhoẹt trên mặt, trên vai áo của anh. Mẹ nói như trong mơ: "Con ơi! Cu Tường ơi! Cái thằng hay mặc quần đùi thủng đít. Cái thằng hay đái dầm đây". Rồi mẹ rờ rẫm trên đầu, trên mặt, trên vai anh. "Vẫn còn nguyên, không xấc xước gì". Mẹ lẩm bẩm: "Nhưng sao mặt con gồ gề vậy. Lại còn cái chân nữa này". Mẹ nắn nắn cái đầu gối của anh. "Bố anh! làm u hết hồn. Có thả cái chân xuống không nào". Anh cười: "U ơi, U xem này". Anh bỏ ba lô xuống nhảy tưng tưng trước mặt mẹ. Mẹ vừa cười vừa lau nước mắt. "Cha bố anh có vợ rồi mà như trẻ con. Thôi mẹ đi dọn cơm nhá. Có món ốc nhồi luộc con vẫn thích đấy". Rồi mẹ tất tả chạy xuống bếp. Ô! Mẹ! Mẹ của con. Bao giờ mẹ cũng lo con đói đầu tiên.
Còn bố nữa. Anh sẽ đứng nghiêm: "Thưa bác lực điền. Con đang đeo hai huân chương chiến công trở về. Tửu lượng của bác dạo này thế nào ạ?". Bố anh cười rạng rỡ: "Cha anh chứ! Mẹ và vợ anh hết nước mắt".
Còn Thương nữa! Anh sẽ đeo ba lô đứng chờ bên cửa buồng. Không! Anh sẽ nằm sẵn trong giường úp mặt vào trong. Thương mở cửa buồng bước vào. Em nằm xuống. Anh xoay người ôm chặt lấy Thương: "Anh đây! Tường của em đây!". Thương nhắm mắt như ở trong mơ. "Anh! Đúng là anh đây rồi! Mùi mồ hôi quen quen. Em không thể lầm được". Anh ôm Thương rất chặt. Thời gian như ngừng trôi. Không gian như đặc lại. Mây đứng im và chim cũng ngừng bay. Tất cả đều chìm trong vũ trụ. Tĩnh lặng! Chỉ có tiếng thở gấp và nhịp tim dồn dập. Anh áp mặt vào ngực Thương. Em kêu lên: "Ôi! Anh Tường ơi! Bao năm em khát khao, chờ đợi". Anh hôn lên đầu, lên mặt em - Chợt Thương bừng tỉnh mắt nhìn anh trân trân: "Không! Không! Trái tim của anh nhưng còn gương mặt..."
*
- Chị Thương! Có tắm thì ào đi còn ăn cơm. Bà ấy không về đâu.
Tường bừng tỉnh. Đúng là tiếng bố rồi.
- Thầy cứ uống rượu trước đi. U cũng bảo con vài hôm u mới về.
Tiếng nói của Thương vẫn như xưa, dịu dàng và đằm thắm.
- Bố rất quý cái nết anh giáo Mười. Anh giáo với con ở đây bố mẹ yên tâm lúc tuổi già. Anh giáo cũng giản dị, đã đi lính rồi nên dễ thông cảm.
Tai Tường ù đi. Chiến tranh. Xa cách. Mất mát. Chia ly và chiến thắng. Anh rùng mình nhớ lại: ánh mắt trố ra kinh ngạc của cô gái, lời bà Còm, tiếng kêu kinh ngạc của thằng bé, cái mặt ông ác, tiếng nói của cha. Lòng anh quặn lại. Ngôi nhà bỗng trở nên xa lạ...

Tường quay đầu, khoác ba lô đi ra đường. Tường vấp ngã. Anh luống cuống ngồi dậy. Nước mắt tự nhiên ứa ra. Anh cứ đi, bước thấp, bước cao, hẫng hụt.
- Kìa chú! Làm tắt đèn của cháu rồi.
Tường đụng phải người. Lại thằng bé chăn trâu con anh Hạo. Anh lúng túng.
- Sao chú quay ra không vào nhà. Hay chú nhầm...
- Có lẽ rứa... à... không! - Tường lập bập.
- Ông bà ơi! Cô Thương ơi! Bạn chú Tường về chơi đây này

Nó vừa gọi to vừa kéo anh trở lại.
- Con chào bố - Anh lại nói giọng miền trong.
- Quý hóa lắm. Mời chú vào.
Bố anh nắm lấy hai vai anh lắc lắc rồi cầm lấy tay anh. Tường hơi rụt lại.
Nhưng bàn tay anh đã nằm gọn ở tay ông rất chặt.
- Mẹ cháu bảo biếu ông bà đĩa thịt gà. Cho nhà cháu vay bát muối.
- Đặt vào mâm cho ông. Còn muối ở góc bếp, xuống mà xúc, vay viếc gì.
Thằng bé cầm bát chạy đi. Tường ngồi xuống chiếu. Be rượu vơi một nửa. Cái chén hạt mít cạn khô.
- Con và anh Tường ở với nhau bảy năm trước cơ. Bây chừ con ở đoàn an dưỡng. Hôm nay trả phép. Nhân tiện tàu dừng ở ga Giành, con xuống rẽ vào thăm gia đình và anh Tường.
Bố Tường nói thủng thẳng:
- Chú ơi! Im tiếng súng lâu rồi mà nó chưa thấy về. Chờ mãi, mong mãi. Tôi với bà ấy già yếu rồi. Trái gió trở trời không thể biết lúc nào được. Hôm nay chú về, tôi vừa vui, vừa buồn. Chú phải uống rượu với tôi.
- Bố ơi! Mẹ đi mô rồi?
- Bà ấy đi sang làng Quỳnh thăm chị gái thằng Tường mới đẻ. Vợ thằng Tường đang tắm. Khổ thân nó, con gái có thì.

Tường thấy lòng nao nao.
Thương ngồi trong nhà tắm, nước mắt rơi lã chã. Đã bao lần chị tiếp các bạn của chồng sau chiến tranh. Giờ lại một người nữa trở về. Một cuộc thăm hỏi mới. Cứ mỗi lần như thế nỗi đau của chị lại bùng lên. Người ta hỏi tin anh làm chị buồn lặng. ở cái làng Trọng Nhân đã lâu rồi, cứ mỗi bận báo tử là cả làng thành đám tang. Nhà nọ buồn lây sang nhà kia. Còn chị cứ thấy tim mình đập thon thót.
Thương vẫn nhớ mùi mồ hôi, mùi đàn ông quen thuộc của chồng. Những lời âu yếm, những động tác vuốt ve và kiểu nằm úp thìa nói chuyện của Tường sau mỗi lần ân ái cứ lẩn khuất trong đầu Thương. Nhưng tuổi xuân của Thương không trẻ nữa. Cuộc đời Thương ở phía trước còn dài. Thương không thể sống mãi trong nỗi buồn chờ đợi. Kỷ niệm một thời Thương sẽ giữ mãi, giữ mãi trong lòng. Thương đã từng nhớ nhung, chờ đợi và thất vọng, nhưng Thương cũng nhiều lần xốn xang trước hạnh phúc của những cặp uyên ương mới. Tim Thương cũng đã từng rung lên trước những người con trai ngỏ lời cầu hôn. Đã có lúc Thương ngần ngại băn khoăn, lại có lúc Thương sung sướng đi tìm hạnh phúc...

- Chị Thương tắm táp nhanh lên. Ra ăn cơm để khách chờ.
Nghe bố gọi, chị tần ngần bưng chậu quần áo ra khỏi nhà tắm.
- Chào o Thương! - Tường vẫn nói giọng Nghệ An. Lòng anh quặn lại.
Thương lí nhí chào anh. Mắt Thương hoa lên, chị ngồi thụp xuống chiếu. Những đốm xanh, đỏ, tím vàng nhảy múa trước mặt.
- Chị Tường sắp cơm đi - Ông Tân hắng giọng.
Thương định thần trở lại, dụi dụi mắt:
- Anh bỏ mũ ra đi - Thương quay về phía ông Tân - Để anh rửa mặt cho mát đã bố ạ.
Thương múc nước mưa đổ ào ào vào chậu nước. Chị bưng đến đặt bên thành giếng.

Nước mát rượi. Mùi hoa bưởi thơm thơm. Tường nhặt một bông hoa bưởi đặt lên mũi. Anh vục mặt vào chậu. Tường cứ thế để vậy lâu lâu mới ngẩng lên rồi lại vục mặt xuống. Anh không nhớ ngày trước đã bao lần Thương múc nước mưa thả hoa bưởi cho anh rửa mặt, cho anh gội đầu. Đầu óc anh tỉnh táo đến lạ lùng. Anh nhìn ra phía bể nước, trong ánh đèn dầu hỏa, vợ anh đang nhấc cái nón mê thủng chóp ra khỏi vại sành gắp từng quả cà pháo bỏ vào bát chiết yêu.Bữa cơm nhà quê giản dị chỉ có canh cua, cà pháo, tôm rang lẫn với thịt lợn. Đĩa thịt gà rắc lá chanh thái chỉ của nhà anh Hạo cho là sang nhất. Ba người ngồi ba góc. Thương lặng lẽ đánh cơm. Nồi cơm mới ngạt ngào thơm nức. Anh nhai chầm chậm, nhấm nháp vị ngọt của canh cua nấu mướp ngấm vào tận kẽ chân răng. Cà pháo hơi chua, giòn làm anh ăn thấy ngon miệng. Có lẽ lâu lắm rồi Tường mới được ăn ngon thế. Đó là món ăn Tường thích nhất. Còn một món nữa mà Tường thích đó là ốc nhồi luộc chấm mắm ớt, gừng, lá chanh. Dạo ở nhà mới nghe thấy canh cua, cà pháo, tôm rang và ốc luộc là mắt anh sáng lên.
*
Từ lúc về đến giờ chưa lúc nào anh nhìn thấy vợ và bố rõ như lúc này. Thương không khác dạo trước mấy, nhưng hơi gầy và vẫn đẹp. Bố anh già thêm, nhiều nếp nhăn ở trán. Ông Tân vẫn nhâm nhi ly rượu và cái cánh gà. Thỉnh thoảng ông lại hỏi vài ba câu chuyện về quê quán, gia đình và sức khỏe.
- Dạo ấy chú và thằng Tường cùng ở với nhau thế mà bây giờ chú về còn nó thì không. Nó cao bằng chú nhưng nặng đến sáu chục cân, chứ không còm nhom như chú đâu.
Thương không thể nào ăn được. Miệng chị đắng chát. Nửa bát cơm chỉ vơi được một ít. Thương chan thêm canh ăn cho qua bữa. Mùi mồ hôi quen quen lẫn quất với mùi lá chanh trong đĩa thịt gà làm cho Thương có cảm giác vừa quen vừa lạ. Chị xin phép buông bát. Thương vào giường nằm. Chị nhìn ra cửa sổ. Ngọn đèn dầu lấp lóa bóng hai người: một già, một trẻ. Thương khóc.
Ăn cơm xong, hàng xóm kéo nhau đến hỏi thăm. Nhà ồn ào. Anh Hạo bảo anh: "Cái mặt chú đừng bận tâm lắm. Dù sao chú với tôi cũng may hơn thằng Tường là còn được trở về". Chỉ có anh Hạo mới hiểu được nỗi đau này. Tường nói: "Cảm ơn anh!" Thím Giới, một người mau miệng nhất làng Trọng Nhân chen sát vào bên Tường, Thím bảo: "Chú lấy cô Thương, ở luôn đây trông nom ông bà Tân là phải đạo". Anh Hạo gắt lên: "Ơ! Cái nhà chị này! Lấy anh giáo Mười kia". Thím Giới cười bẽn lẽn: "Tôi cứ tưởng chú ấy là giáo Mười ở làng Quỳnh". Mọi người về hết cũng là lúc ông Tân loạng choạng vì uống nhiều rượu. Tường đỡ ông đi nằm, Tường buông màn, anh nằm cạnh bố. Một lát ông Tân ngáy khò khò trên giường. Tường trằn trọc không ngủ, anh thấy trong người bức bối. Đầu óc anh căng lên khó chịu. Từ lúc về đến nhà rất nhiều cảm giác khác lạ ùa đến trong anh. Lúc vui, buồn lẫn lộn, lúc xót xa, rạo rực...

Trong buồng, Thương trở mình liên tục. Tiếng dát giường kêu cót két. Thương tự nhiên mơ màng thấy Tường bay trong không trung. Chị đứng dưới gốc đa. Chị gọi tên anh. Anh hạ xuống, ngắt một cái lá đa đặt trên đầu chị. Anh bảo đó là mũ cô dâu. Thương bước vào phòng cưới lại thấy anh giáo Mười đi bên cạnh mặc áo chú rể. Đêm tân hôn. Chị lại thấy Tường bế mình lên giường. Anh hôn lên tóc Thương. Rồi chị thấy mình ân ái với chồng. Anh nằm úp thìa cười với Thương. Thương hét lên. Đừng cười! Không! Không phải là anh...
Thương chợt tỉnh. Mồ hôi dịn ở trán lấm tấm. Chị thấy tim đập loạn xạ. Thương đi ra ngoài

sân.
Tường nghe thấy tiếng xối nước ào ào. Anh nhỏm dậy, bước qua chân bố, chui ra màn.

Nửa đêm.
Trang hạ tuần treo lơ lửng trên cành cây. Trời sao lưa thưa. Không một ngọn gió. Vườn cây đứng im phăng phắc. Tường rón rén bước thật êm đứng bên bụi chuối sát nền giếng. Thương tắm! Anh khẽ kéo tàu lá. Cái áo mỏng của Thương dính bết vào người. Phụ nữ hay tắm đêm. Tường lẩm bẩm: ừ nhỉ! Ngày anh còn bé tí xíu, bố đi làm thùng đấu xa không về mẹ cũng hay tắm đêm. Thương múc từng gàu nước đổ rào rào. Dường như cơ thể Thương đang nóng bùng lên và nước lạnh dội ào ạt vẫn không dập tắt được ngọn lửa trong lòng Thương.Tường nhắm mắt. Lòng anh cồn cào. Ngày ở nhà chưa bao giờ anh được nhìn trộm vợ tắm. Đứng thế này liệu có nên không nhỉ? Anh tự hỏi. Rồi anh mở mắt. Anh không tin ở mắt mình nữa. Ngực Thương để trần nõn nà lấp lóa dưới ánh trăng ngần. Gần lắm! Anh bước thêm một bước. Soạt! Tường vô tình kéo gãy tàu lá chuối. Anh lùi lại. Anh thấy Thương ngồi thụp xuống, hai tay ôm lấy ngực. Lại lặng im, chỉ có tiếng côn trùng rỉ rả trong đêm. Thinh không yên ắng. Thương đứng dậy với chiếc áo khô. Đứng tần ngần một lát, Thương lại vắt áo lên thành nhà tắm. Lại xối nước, xối nước. Tường thấy ngực vợ căng lên. Lòng anh cồn cào. Bước ra thôi. Đừng hành tội mình nữa. Trăng cũng như đồng lõa, mơn man trên ngực trần của Thương. Tường nuốt nước bọt đánh ực. Anh bước ra.
- Tũm! - Tường sững lại. Chiếc gàu nước vô tình rơi xuống giếng vẫn còn dùng dằng với dây buộc ở trên. Anh quay bước đi ra ngoài cầu ao. Tiếng xối nước vẫn còn đuổi theo anh rồi im hẳn.
Mặt nước ao loang loáng. Mây vẫn in trên đầu. Cá quẫy rèn rẹt, tùm tũm. Mùa cá vật đẻ rồi. Ao nhà anh đặc cá. Từng đàn ăn nổi lên mặt nước.
Tường trở lại giường nằm. Ông Tân vẫn ngáy đều đều. Thỉnh thoảng ông ú ớ như người nói trong mơ. Anh chỉ nghe được âm thanh ngắt quãng: o...on...uơ...ương...ơ...ơi... không thành tiếng. Hay bố đang mơ gọi tên anh. Tường thu mình nằm gọn sát lòng ông Tân. Anh thấy như mình đang ở tuổi ấu thơ. Một lát sau, Tường trở mình. Nhìn về phía cửa buồng, Tường thấy vợ nằm nghiêng. ánh trăng lọt qua cửa sổ mờ mờ. Thương quên cài cúc áo. Dưới ánh trăng mờ ảo, Tường thấy lòng mình như có sóng. Thương đẹp! Đẹp hơn ngày trước rất nhiều. Lạ nhỉ? Tường chưa hề có cảm giác này. Vô lý thật! Tại sao anh lại nằm bên bố. Không! Chỗ anh nằm trong kia mới phải. Tường nhỏm dậy. Rạt! Bố anh trở mình đạp chân trên chiếu. Tường ngập ngừng rồi lại nằm xuống. Tường mơ màng như mình đang đi trên chiếc cầu độc mộc cheo leo quá. Phía dưới là dóng sông mầu mận chín. Phía trước là cánh đồng cỏ xanh ngút ngát. Anh ngoái đầu nhưng không nhìn được phía sau..

Quá nửa đêm.
Trời nổi cơn giông dần dật. Gió cuốn thốc những lá khô vào nhà. Tường dậy châm thuốc hút. Anh ra ngoài sân. Mặt trăng mờ vất vả chui qua những đám mây đen, trắng chen nhau cuồn cuộn. Tiếng gió giông lẫn tiếng xay lúa ù dưới bếp. Cây trong vườn nghiêng ngả. Bụi tre kẽo kẹt. Lá chuối phần phật. Tiếng xay lúa quay cuồng hối hả hơn. Hai thớt cối nghiến vào nhau nghe khó chịu. Tường thấy vợ lại đổ thêm lúa vào xay tiếp. Tường đi lang thang trong sân, ngoài cổng, ra vườn và bờ ao. Cơn giông yếu dần. Trời dịu. Dưới ao cá vật đẻ dày hơn, vẫn

rèn rẹt, tum tũm. Tường quay lại vào giường. Anh thấy người dễ chịu. Một cảm giác nhẹ nhàng. Một lát sau Tường mơ mơ màng màng.

Gần sáng.
Thương gội đầu xong ngồi hong tóc ở bậu cửa. Đột ngột Thương đứng phắt dậy bỏ chiếc lược lên bàn. Chị vặn ngọn đèn dầu hỏa bằng hạt đỗ xanh cháy to lên. Căn nhà sáng bừng. Thương cúi người soi đèn, đọc những dòng chữ viết tắt và địa chỉ ghi trên nắp ba lô. Chị đứng lên thở dài. ánh đèn soi qua lưới màn tuyn trắng mỏng. Thương giật mình. Bên cạnh bố một người đàn ông nằm úp thìa, mặt nghiêng gối trên hai tay đan vào nhau. Thương lơ mơ, nhớ những cảm giác ân ái của một thời. Chị đặt cái đèn xuống bàn, vặn nhỏ xuống. Thương với tay lấy chiếc áo tô châu bạc mầu treo trên mắc. Chị nâng áo ấp vào mặt mình. Mùi mồ hôi, mùi đàn ông quen thuộc. Đúng cái mùi quen quen mà suốt bao đêm rồi chị vẫn nhớ. Nước mắt Thương trào ra.

Trời sắp sáng.
Tường bừng tỉnh. Anh vặn ngọn đèn ở bàn to lên. Không thấy bố đâu. Nhà vắng lặng. Qua ánh đèn thấp thoáng, Tường bắt gặp mặt mình trong gương: nham nhở, gồ gề, méo mó, mất cảm giác. Một khuôn mặt biến dạng đến nỗi Tường cũng không nhận ra nổi mình nữa. Anh điên tiết ném luôn chiếc gương xuống đất. Mảnh kính vỡ vụn, sắc nhọn rắc trên nền nhà. Ông Tân từ ngoài sân đi vào thấy Tường đang ngồi thẫn thờ. Ông hỏi:
- Chú nhỡ tay à? Không sao đâu, gương vỡ lại lành, chú đừng ngại.
Tường cúi xuống soi đèn nhặt từng miếng kính vỡ:
- Bố dậy sớm rứa ạ? - Anh hỏi.
- Tôi hôm nào cũng thế. Chú đêm qua chắc không ngủ?
- Con lạ nhà.
Phía đằng đông trời rạng. Tường thu xếp ba lô.
- Chưa rõ mặt đường, chú ạ!
- Bố ơi! Con phải đi trước lúc trời sáng cho kịp tàu. Cho con gửi lời chào mẹ, chào o Thương. Chắc o Thương đang nghỉ.
Lúc nãy nấu cơm dưới bếp, nó bảo chỉ có bà nhà tôi là giữ được chú ở lại. Nó sang nhà giáo Mười mượn xe đạp đi làng Quỳnh đón bà ấy rồi. Tôi nói thế này không phải chứ. Tôi thấy dáng đi của chú rất giống thằng Tường nhà tôi.
- Có thể bố quá nhớ anh Tường đó thôi. Con chẳng hiểu răng. Đêm ni cứ như ở nhà mình.
- Từ lúc hết men rượu, tỉnh dậy đến giờ tôi thấy lạ lắm. Hay chú cho tôi đi với.
- Lần này, con phải về bệnh viện điều trị phẫu thuật. Chào bố. Con đi thôi, sắp sáng rồi.
Biết không giữ được Tường, ông Tân buồn hẳn:
- Chú ơi! Dù thằng Tường thế nào đi nữa thì cũng cứ về đây nhé. Bố mẹ và con Thương đều mong như vậy. Ông Tân khóc.
-Vâng! Bố ơi! Nhất định con sẽ về.
Lòng Tường thắt lại. Thế là anh cũng không gặp được mẹ. Tường lén lấy tay lau nước mắt. Anh bước ra khỏi nhà. Bố anh đứng cầm đèn, quệt nước mắt nhìn theo. Anh bước đi như chạy. Trước mặt anh trời rạng sáng.

Trời rạng hẳn.
Con tàu hỏa xịch xịch nhả khói cuồn cuộn. Nó hú hồi còi dài gióng giả rồi đột ngột rùng mình từ từ chuyển bánh. Tường ngẩn ngơ. Thế là đã qua một đêm ở nhà, ở làng Trọng Nhân. Từ nay anh sẽ sống ra sao nhỉ. Đến bao giờ anh lại trở về nhà gặp mẹ. Tường nhìn qua ô cửa tàu. Ba bóng người đang chạy từ làng Trọng Nhân ra ga Giành. Người còn trẻ chạy trước khá xa, hai người già chạy sau. Thỉnh thoảng vấp ngã, họ lại đứng lên chạy tiếp.Tàu từ từ ra khỏi ga. Cả ba người đứng lại nhìn theo. Bỗng một người già ngồi thụp xuống ôm mặt. Tường không còn lòng dạ nào ngồi ở trên tàu nữa. Anh ném ba lô xuống đường rồi nhảy qua cửa sổ tàu hỏa. Anh cuộn mấy vòng và đứng dậy. Quên cả lấy ba lô, Tường chạy như bay về phía làng Trọng Nhân.

Căn Cứ Charlie

Một buổi chiều miền Tây nguyên, một buổi chiều sau một ngày sôi động chiến tranh của "Mùa hè đỏ lửa". Bầu không khí bắt đầu quyện đục sương đêm hòa lẫn khói rừng âm ỉ cháy, phảng phất khen khét đâu đây mùi thuốc súng… Ánh nắng vàng nhạt còn vương vấn trải dài trên những triền núi xa xa…
Hai chiếc trực thăng võ trang của Phi đoàn Thần Tượng trên đường về căn cứ Cù Hanh sau một ngày nhào lộn trên chiến trường nóng bỏng. Trong cockpit Th/u Nguyễn Thanh Hùng im lặng cầm cần lái, đôi mắt đăm chiêu trên khuôn mặt thể hiện một nét mệt mỏi. Ngồi bên cạnh, tôi uể oải dựa ngửa đầu vào lưng ghế bay nhìn xuống Quốc lộ 14 chạy lùi dưới chân. Đây là con đường huyết mạch nối liền Kontum và thị trấn Pleiku chạy giữa vùng núi rừng xanh thẳm. Dọc theo hai bên đường được khai quang trống trải để đề phòng những cuộc phục kích của Việt Cộng, những người Thượng lưng đeo chiếc gù đầy củi đang lầm lủi bước nhanh cố tranh thủ với bóng đêm đang chầm chập tới. Một vài người ngẩng đầu lên đưa tay vẫy chào hai con tàu đang lướt qua trên đầu. Phía bên trái ngọn núi Chu Pao đứng sừng sững nhìn xuống QL 14 như một vọng canh chiến lược thiên nhiên, nơi đây sẽ khởi chiến những trận đánh đẫm máu của ta và địch trong những ngày sắp tới để dành chủ quyền kiểm soát con đường huyết mạch này. Xa xa một đoàn xe "công voa" nhà binh mở đèn pha chạy nối đuôi nhau chạy ngược về hướng Kontum. Con đường xa lạ này giờ đây nó đã trở thành một hình ảnh vô cùng quen thuộc với những con chim sắt ngày ngày tung cánh lao đi vào vùng lửa đạn.
Sau phi vụ tiếp tế đẫm máu mở màn tại Tiền đồn Sáu, kế cận phi trường Phượng Hoàng, Tân Cảnh, phi đoàn 215 Thần Tượng đã được lệnh tăng phái lên Pleiku để yểm trợ cho mặt trận vùng cao nguyên. Nguyên phi đội được chỉ định ở trong một trong những barracks của Mỹ để lại trong phi trường cạnh một sân cỏ rộng, ở đó đậu tạm những chiếc trực thăng của biệt đội trong giai đoạn hành quân. Trong linh cảm, tất cả nhân viên phi hành đều biết rằng sẽ phải đối đầu với một trận chiến khốc liệt và có thể kéo dài. Phi trường Cù Hanh càng ngày càng bận rộn theo mức leo thang của chiến cuộc, sự sinh hoạt tại căn cứ mang một màu sắc nghiêm trọng khẩn trương hơn. Đứng trên tầng hai của biệt đội nằm trên một vùng đất khá cao, tôi có thể quan sát mọi sự hoạt động của phi trường vào mỗi buổi sáng sớm. Trên những con đường những chiếc xe pick-up màu xanh chạy vội vã chở đầy phi công; những người lính Không quân hối hả trên những chiếc xe gắn máy phóng đến phần sở cho kịp giờ; những hàng gánh rong bán thức ăn sáng rộn rịp ở những góc đường. Ngoài phi đạo máy bay sắp hàng để chuẩn bị cất cánh lên vùng, những chiếc khu trục thô kệch nặng nề, đeo đầy bom tiếng máy rú lên như con thú dữ, những chiếc máy bay quan sát mảnh mai như con hạc trắng nhẹ nhàng cất cánh lên không trung, mấy chiếc vận tải C-123, C-130 to lớn đậu trên "Tarmac" kế những "hangar" khổng lồ, cửa cargo sau đuôi tàu mở rộng, những kiện hàng nằm ngổn ngang. Tại mấy ụ đậu trực thăng, tiếng quay máy o..o…o… của những động cơ bán phản lực cùng tiếng chém gió "phần phật" của những chiếc tàu đang lơ lững trên "taxiway" càng làm cho không khí thêm sôi động. Vào những giờ ăn tại câu lạc bộ của Không Đoàn đầy người đủ mọi thành phần của các binh chủng. Hoa tiêu trong những bộ đồ bay tác chiến đủ kiểu, từ bộ đồ nomex hai mảnh của những hoa tiêu trực thăng, đội nón rằng ri như lính Lôi hổ, đến những phi công khu trục với bộ đồ bay cam, xám hay kaki, cùng những người không phi hành ngồi tụm năm tụm ba trên bàn, trên khuôn mặt mọi người thể hiện lên nét khẩn trương phản ảnh một cuộc chiến đang đi vào giai đoạn quyết liệt.

Từ đầu năm 72 đến trung tuần tháng 3, địch đã đủ thời giờ dàn trận và bố trí ở những mặt trận mà chúng đã chọn, và đến bây giờ là giai đoạn tổng công kích. Quân đội VNCH bị ở trong thế cờ thụ động, dò dẫm nghe ngóng hoạt động của địch. Không lực của Đồng Minh cũng như Việt Nam liên tục ngày đêm oanh tạc những điểm tập trung của địch để tiêu hủy tiềm năng của Cộng Quân trước khi chúng thực sự tổng tấn công. Riêng về hoạt động của các phi đoàn trực thăng đa số là tiếp tế cũng như đổ toán Lôi Hổ để thám sát, dò tìm tin tức sau phòng tuyến của địch. Những phi vụ bay gần vùng biên giới thường đem lại cho phi hành đoàn những cảm giác căng thẳng nếu không nói là lo ngại vì sự hiểm nghèo của nó.

Những phi vụ trong thời gian biệt phái tôi đã trải qua những kinh nghiệm vui buồn khó quên trong cuộc đời bay bổng. Nhớ lại một phi vụ thi hành khi một chuyến bay thả toán khác, sau khi thi hành xong phi vụ yểm trợ để thả một toán Lôi Hổ kế cạnh con đường mòn Hồ Chí Minh, trên đường trở về, trên mặt vùng rừng già dày đặc thình lình trước mặt mũi con tàu một bãi cỏ xanh rộng hiện ra, ngay góc rừng một khẩu phòng không được ngụy trang bằng những cành lá dây leo, nấp sát bìa cây cao, nòng súng đen ngòm to chỉa thẳng lên trời. Mặc dù đã xông pha trận mạc qua nhiều năm tôi vẫn không làm sao tránh được cái cảm giác bị giật mình làm tim đập mạnh khi gặp một yếu tố bất ngờ. Đây là lần đầu tiên tôi được chứng kiến một khẩu súng cao xạ cỡ lớn trong khoảng cách quá gần. Phản ứng đầu tiên tức thì tôi quẹo gắt phía bên phải để né bãi cỏ trống. Địch và chúng tôi đều bất ngờ đụng độ, hai bên không có thì giờ để phản ứng. Đó cũng là một đều may mắn cho phi hành đoàn. Tôi cho con tàu bay hướng về phía Nam. Hình ảnh khẩu phòng không nằm ở góc rừng như đang ngạo nghễ thách đố…

Khẩu cao xạ phòng không vẫn đang chờ đợi. Tôi chợt nhớ trong sách lược của Khổng Minh đã có nhiều mưu kế để hạ kẻ thù và một phương thức tôi chợt nghĩ đến là chiến thuật "Dương Đông kích Tây". Nếu tôi cho chiếc gun số hai bay vòng vòng sát đầu ngọn cây phía Bắc của địch, tiếng động cơ ồn ào cùng tiếng chém gió "phành phạch" của chiếc trực thăng sẽ gây sự chú ý của tên xạ thủ phòng không và sẽ quay hướng nòng súng phía Bắc chờ đợi. Bay nhanh sát trên đầu ngọn cây từ hướng Nam lên, tôi sẽ bất ngờ đột kích. Khẩu cao xạ nặng nề sẽ không kịp quay họng súng về hướng Nam để kịp tác xạ. Nếu sự suy luận của tôi đúng, tôi chỉ cần vài ba giây ngắn ngủi đó để hoàn tất sứ mạng, Tôi liều lĩnh thực hành ý định. Hai chiếc gunships chúng tôi chia tay nhau, chiếc số hai thi hành nhiệm vụ "dương Bắc", tôi ở lại chờ đợi sứ mạng "kích Nam". Không đầy một hai phút sau chiếc gun số hai báo cho biết đã đến vùng. Thời cơ đã điểm, không một giây chậm trễ, tôi lao con tàu về hướng khẩu phòng không. Chiếc tàu cắm đầu chúi mũi lướt vùn vụt trên đầu mặt rừng già gợn sóng nhấp nhô như mặt biển xanh. Chỉ còn cách bãi cỏ một khoảng ngắn, tôi kéo ngược cần lái, con tàu tức khắc ngóc đầu lên cao như con rắn hổ phùng mang trợn má trước khi mổ vào đầu địch. Xoẹt… Xoẹt… Xoẹt… Mười bốn trái rockets vội vã thi nhau rời con tàu lao thẳng tới dàn phòng không ẩn hiện trong đám cây góc rừng. Những tiếng nổ ầm vang dội núi đồi, bụi mù xen lẫn cành lá bay tung tóe khắp nơi. Tai nghe loáng thoáng tiếng cóc cóc đâu đó cũa những khẩu AK-47, tôi không còn thì giờ để nhìn thành quả, một tay đè mạnh cần cao độ, tay kia bẻ ngoặc cần lái, chiếc trực thăng tức thời nghiêng mình lài xuống về phía bờ cây cao. Trước sự ngở ngàng của địch quân con tàu chỉ xuất hiện năm

ba giây rồi vụt biến mất dạng trên mặt rừng mênh mông, theo sau chiếc Hổ hai sát nhập lại nối đuôi nhau như hai con rắn độc hạ thủ xong lủi vào bụi cây rậm… Trên đường trở về căn cứ…
- *Mãnh Hổ, Charlie… Hai bạn ở đang ở đâu, cho biết vị trí.*
Tiếng nói của Th/T Phạm Bính, phi đoàn trưởng của phi đoàn 215 đột ngột vang trong tần số VHF. Ngạc nhiên khi nghe vị phi đoàn trưởng gọi tôi trong giờ phút này, tôi trả lời:
- *Charlie đây Hổ… còn chừng mười phút nữa đáp Pleiku…*
- *Tôi vừa nhận được tin tức mới nhất, Căn cứ hỏa lực Charlie đang bị tấn công nguy kịch, tình trạng rất nguy ngập, quân bạn đang cần sự yểm trợ của tất cả những phi cơ nào đang có mặt trên vùng. Hai Hổ quay lại vùng Võ Định, hiện tôi đang có mặt tại đây với bộ chỉ huy Dù, hai bạn lúc nào đến cho tôi biết, sẽ có chỉ thị.*
Vừa nghe Charlie dứt lời trên tần số Th/u Hùng quay sang nhìn tôi xong buột miệng:
- *Trời đất.., trể quá rồi tới đó là quá tối thấy đường đâu mà đánh.* Trước thái độ của Hùng, tôi biết anh đã quá mệt mỏi sau một ngày dài, nhưng không có một sự lựa chọn, tôi trả lời:
- *Hổ nghe năm…, quay lại Võ Định.* Nói xong tôi ra dấu tay cho Hùng quay đầu con tầu trở lại hướng Bắc, sau lưng chiếc Hổ Hai bám sát. Quay nhìn bên ngoài, bầu trời mập mờ không còn bao lâu nữa thì tối hẳn. Lòng dấy lên một niềm e ngại, chưa bao giờ tôi thực sự tham dự một trận đánh đêm trong vùng rừng núi cao nguyên này cả. Tuy nhiên theo chỉ thị của cấp trên, tôi phải tuân lệnh. Tôi vỗ về người hoa tiêu bạn:
- *Ráng tí đi Hùng, có lẽ mình sẽ đánh vài "pass" rồi về thôi.*

Phía sau tàu Hội xạ thủ đang ngồi bệt trên sàn lúi húi sửa khẩu súng bị kẹt, chiếc áo bay phập phồng gió lộng trong khoang tàu mở cửa. Anh Song mê vô ngồi trên thùng đạn đang ưu tư nhìn vào khoảng không. Một niềm cảm xúc dấy lên trong lòng thương cho những người bạn đồng hành gần gủi qua bao nhiêu năm chung chia tất cã những vui buồn khổ cực. Trong những giây phút mạng sống như chỉ mành treo chuông trên mặt trận họ cũng hứng chịu không khác gì hoa tiêu, nhưng họ đã không được đề cao hay tưởng thưởng tương xứng với những gì họ đã đóng góp. Phi đội trực thăng võ trang trong phi đoàn chỉ là một nhóm nhỏ, rất thân tình gần gủi với nhau, anh em biết tánh tình từng người một. Tr/s Song xạ thủ theo đạo Phật, theo tôi biết anh kỵ sát sanh, một con kiến anh cũng không muốn giết vậy mà tôi không hiểu tại sao anh lại xin vào phi đội trực thăng võ trang. Trong một phi vụ phía Bắc Gia Nghĩa, đang bay quan sát bãi đáp ở độ cao vài trăm bộ, bất chợt một tên VC từ bụi cây giữa bãi cỏ trống phóng như cắt hướng về bìa rừng. Tôi hét lớn:
- *"Song, Song… bắn… bắn…."* Hàng ngàn viên đạn tuông ra từ nòng súng cày lên mặt đất tung tóe xung quanh tên VC. Đạn vẫn tuôn ra như mưa Bấc, tên VC vẫn chạy mãi đến gần bìa rừng. Tay kềm con tàu, theo dỏi diễn tiến qua khung cửa, tôi điên "tiết vịt" lên lắc mạnh cần lái, con tàu chao đảo. Tôi hét:
- *"Hội…, Hội… Hội… qua bên này bắn đi… nhanh lên…, coi chừng nó chạy mất… bắn như con c…".* Nhưng đã quá muộn tên VC đã biến mất dạng dưới những tàng cây rừng rậm rạp…Tôi lầm bầm một mình trong intercom:
- *"Mẹ… sợ sát sanh mà đòi đi bay guns…"*
- *Hổ tới đâu rồi, báo cáo…* Giọng nói của Th/T Bính nghe trên tần số.
- *Chừng vài phút sẽ đến Võ Định, OK, tôi thấy Charlie rồi….*

Cao trên thung lũng đậm màu đêm xuống bên con sông Pokor uốn khúc phía Tây QL 14, chiếc trực thăng C@C như một chấm đen trong bầu trời sẩm tối . Phía Đông là căn cứ chỉ huy Võ Định của Lữ Đoàn 2 Dù nằm sát con lộ, phía Tây là rặng núi Ridge cao mờ mờ ẩn hiện.
- *Hổ "hold" chờ phía Đông đồi Charlie, bạn sẽ cùng bốn chiếc gunships của phi đoàn 235 và 229 vào yểm trợ, chừng vài phút nữa họ sẽ có mặt….*
Tôi cho con tàu bay vòng về phía Đông dãy núi trọc nhìn xuống cụm đồi phòng thủ của đồn Charlie hình yên ngựa. Từ cao tôi có thể thấy những trái đại pháo liên tục rớt trên mặt đất của đồn, nổ tóe lửa trong ánh hoàng hôn mờ ảo, trông lập lòe chớp lóe như pháo bông. Căn cứ hỏa lực này giờ hầu như đã thành bình địa, những công sự phòng thủ bị pháo nát, hòa lẫn với đất cát không nhận ra hình hài.
Tại căn cứ này, địch đã dùng chiến thuật công đồn đả viện, tiền pháo hậu xung. Chúng tiêu hao tất cả những tiềm lực chiến đấu của quân bạn bằng những trái đạn đại pháo, những trái đạn nổ chậm chui xuống đất rồi nổ tung phá nát hầm sâu. Một mặt chúng ngăn chặn nguồn tiếp tế duy nhất là trực thăng bằng những khẩu phòng không bố trí xung quanh đỉnh núi hay những trái pháo đã được điều chỉnh sẵn nhắm vào bãi đáp.
Trong bóng chiều tà, từ đỉnh đồi Charlie nhìn thẳng xuống tới chân núi phía Đông tôi vẫn còn nhận rỏ một khoảng đất cỏ cháy xém, ngay chính giữa là một khối sắt co dúm đen đủi, kế bên là một khúc đuôi trực thăng còn nguyên nằm lật ngược. Tất cả đó là những gì còn sót lại của một con chim sắt thuộc phi đoàn Thần Tượng đã gãy cánh cách đây mấy ngày. Hình ảnh còn mới mẽ của phi hành đoàn thân yêu đã ra đi trong bất ngờ, trong thảng thốt như một cuốn phim kinh hoàng bừng sống lại trước mắt tôi…
*
Mười giờ sáng hôm đó, năm phi hành đoàn Thần Tượng đáp tại bộ chỉ huy Dù ở căn cứ Vỏ Định, sát phía Đông QL 14. Chiếc Charlie do Th/t Khưu Văn Phát, phi đoàn phó, cầm lái. Vì Lữ đoàn Dù chỉ đóng quân tại những căn cứ cố định trên những tiền đồn cao điểm nên những phi vụ thường là tản thương hoặc tiếp tế. Năm chiếc tầu đã tắt máy, tôi bước xuống đi lững thững vào bộ chỉ huy dọc theo hàng rào kẻm gai con đường đất đỏ quanh co. Những chiếc lều dã chiến màu xanh cứt ngựa thật lớn, trên nóc đầy những cột "ăn ten" chĩa thẳng lên trời, không xa đó đặt vài khẩu trọng pháo thỉnh thoảng nổ đì đùng… Vòng vo một khoảng nửa thì tôi đến căn trại của bộ chỉ huy Lữ Đoàn II Dù. Tôi bước vào lều, Th/T Phát đã có mặt với một vài vị sĩ quan bạn ngồi kế bên một cái bàn dài trải những tấm bản đồ xanh lơ. Kế đó Trung Tá Đặng Duy Lạc, một hoa tiêu A-37, Không đoàn Trưởng KD62/CT tại Nha Trang, đang nói chuyện với một sĩ quan cấp tá Dù. Sự hiện diện của Tr/T Lạc làm cho tôi rất ngạc nhiên. Tôi vừa đưa tay chào theo cung cách nhà binh vừa bước đến gần bên Th/T Phát kéo chiếc ghế trống ra ngồi, xong tôi ghé sát vào tai Th/T Phát hỏi nhỏ:
- *"Ông Tr/T Lạc làm gì ở đây vậy?".*
- *"À, ổng chỉ lên thăm và ủng hộ tinh thần anh em thôi, chiều ông về lại Nha Trang rồi".* Th/t Phát trả lời xong nói tiếp:
- *"Ngồi tí rồi mình đi, sáng hôm nay chỉ có hai phi vụ tiếp tế cho Charlie. Bạn còn nhớ vụ tôi bị bắn ở Tiền đồn Sáu không? Phòng không đây nặng hơn nhiều, Hổ cẩn thận".*
- *"Thầy quá may đó, nhìn chiếc tàu bị bắn, tôi không hiểu sao Thầy về kịp đáp Phượng Hoàng an toàn được".* Tôi đáp lời.
Nhớ hình ảnh chiếc trực thăng khi đem về căn cứ, viên đạn 12 ly 7 xuyên qua sàn tầu, đâm lủng

bình xăng đi thẳng lên làm một lổ lớn trên trần tàu rồi bay thẳng lên trời, may viên đạn trúng tàu không phải là đạn lửa không thì con tàu sẽ nổ tan xác pháo. Tôi cảm thấy cuộc đời bay bổng của hoa tiêu trực thăng thật mong manh, mạng sống như chỉ mành treo chuông, trong những trận chiến sôi động này, tương lai chỉ đếm từng ngày một.
Ngồi nói chuyện đôi ba câu xong, tôi đứng dậy bước khỏi lều hút thuốc lá. Trong ánh nắng chói chan, tôi để tầm mắt về hướng Tây, dãy núi Rocket Ridge đứng sừng sững bất động dưới bầu trời xanh. Đã mấy ngày nay tin tức cho biết Cộng Quân đang áp đảo căn cứ trên đỉnh núi, cố tình muốn dứt nọc trước khi tổng tấn công vào vùng Tân Cảnh, dưới trách nhiệm của Sư Đoàn 22 bộ binh. Những viên đạn đại pháo 130 ly, những trái hỏa tiễn 122 ly cùng với những súng cối 82 ly ngày đêm không ngưng nghỉ rót vào những căn cứ hỏa lực.
- *"Lẹ đi, tao đá cái chết mẹ bây giờ!"*. Đang đứng dựa gốc cột dưới căn lều dã chiến bộ chỉ huy, tôi quay lại thấy một anh Tr/s Dù, đầu đội nón "bê-rê" đỏ đi kế bên một thằng bé cở mười sáu tuổi mười bảy tuổi, bận bộ đồ màu xanh cứt ngựa của lính chính quy VC, tóc tai bơ phờ, mặt mày ngơ ngáo. Thấy tôi anh ngừng lại chào, tôi hỏi:
- *"Anh đem nó đi đâu vậy?"*.
- *"Dạ, tôi đưa nó đi cầu", xong anh nói tiếp:*
- *"Nó vừa mới bị bắt sống tối hôm qua đó, nó thuộc Sư Đoàn Thép, bộ chỉ huy cho chở về đây lấy tin tức. Tụi nó hết người rồi phải lấy toàn con nít hỉ mủi chưa sạch. Sư đoàn Thép bây giờ toàn thứ này nhiều lắm"*.
Nhìn khuông mặt non choẹt tái mét vì đã chui rúc trong rừng sâu nước độc, mỏng manh trong bộ quân phục xốc xếch, chân mang đôi dép quai râu, tôi thấy tội nghiệp cho những đứa trẻ "sinh Bắc tử Nam". Anh lính Dù đứng một lát xong dục:
- *"Đi mày"*.
Gật đầu chào rồi bước ra chổ bãi đậu, tôi lửng thửng đi ngang qua hai chiếc trực thăng chở tiếp tế, mấy phi hành đoàn đang tập tụ trong khoang tàu binh xập xám chờ phi vụ.
- *"Ê..., bao lâu nữa thì đi?"* Tr/u Vân bay chiếc số một đang ngồi trong khoang tàu hỏi vọng ra.
- *"Sắp sửa rồi, chuẩn bị đi"*. Tôi bước gần Vân thấy có Long đứng kế bên, tôi hỏi một câu nửa chơi nửa thiệt:
- *"Sao Long, giải được bùa chưa?"* Anh không trả lời chỉ nhếch mép cười. Nghe mấy người bạn kể lại vì tội dụ dỗ một cô gái Thượng ở Ba Mê Thuột, anh đã bị thư một cái dăm vào chân, mỗi đêm đều bị nhức nhối. Tôi nghe anh em nói tưởng họ đùa, nhưng khi gặp anh Long hỏi thì anh xác nhận chuyện đó có thật. Mỗi lần trong phi đoàn có phi vụ nào đi Ba Mê Thuột anh đều xin theo để gặp thầy pháp giải bùa chửa bệnh.
*
Từ ngày mặt trận bùng nổ, tôi bắt đầu cảm nhận rằng trong không khí chiến tranh càng leo thang, tâm tư anh em phi hành đoàn bắt đầu mang một nổi e dè, lo lắng. Tối hôm qua, ở tại biệt đội, trong khi anh em tụ tập bàn tán xôn xao về tin của một chiếc tàu của phi đoàn bạn bị bắn nổ trên không trung. Tr/u Vân vừa mới lên từ Nha Trang, ngồi trong phòng tại biệt đội, anh tâm sự với một người bạn thân rằng vợ anh mới sanh, tiền bạc chẳng có nhiều, mặt trận càng ngày càng sôi động làm anh rất quan tâm… Trước khi đi ngủ anh móc tất cả trong túi lấy ra được mấy ngàn đồng, cùng với cái đồng hồ rồi bỏ tất cả trong hộc tủ, nhờ người bạn nếu anh có mệnh hệ gì thì giao lại cho vợ anh. Nghe câu chuyện tôi linh cảm như là một điềm xấu có thể xảy ra cho Tr/u Vân.

Từ căn lều bộ chỉ huy, Trung tá Lạc bận bộ đồ bay màu xám, chiếc nón lưỡi trai đen trên đầu với hai nhành dương liễu trắng trông rất phong độ đi song đôi với Th/T Phát, phía sau Tr/T Nhảy Dù đầu đội nón sắt tay cầm bản đồ và mấy người tùy tùng, tất cả đang tiến ra bải đậu. Âm thanh o…o… quay máy của Charlie khởi đầu cho phi vụ tiếp tế. Hai chiếc trực thăng vừa quay máy, vừa nhận hàng của một chiếc xe cam nhông đậu kế bên hông. Những thùng bằng gổ thông chứa đạn dược, C-Ration (khẩu phần ăn của nhà binh) cùng với những ống sắt đựng đại bác dùng để chứa nước được chất đầy trên bong tàu. Đợi tất cả cất cánh trước cho rộng chổ, tôi từ từ nương con tàu nặng nề súng đạn rời khỏi bải, vượt qua hàng rào kẽm gai và những cây "ăn ten" cao nghệu. Nhìn xuống, những căn lều lúp xúp của trung tâm hành quân Dù Võ Định vây quanh bởi hàng chục vòng kẽm gai nhỏ dần dưới ánh nắng mai gay gắt…Bay chừng năm bảy phút, tất cả hợp đoàn đã đến vùng, rặng núi Rocket Ridge nằm im lìm dưới bầu trời trong xanh. Chiếc trực thăng bay vòng trên cao độ nhìn xuống, căn cứ Charlie gồm ba cứ điểm phòng ngự từ Nam lên Bắc, điểm thấp nhất đồi 960 cũng là bãi đậu trực thăng làm nơi tiếp tế, rồi tới đồi 1020, cao nhất phía Bắc là đỉnh Charlie, 1050. Tất cả tạo thành một địa thế từ xa nhìn giống như hình yên ngựa. Tại cụm phòng ngự này đã bị Cộng quân mở hàng loạt trận địa pháo 130 ly, 122 ly và hỏa tiễn đủ loại, chúng cố dứt điểm căn cứ này với mọi giá. Tại cao điểm này chúng có thể kiểm soát tất cả những di chuyển cũng như hoạt động dưới thung lủng sông Pokor cũng như QL 14 chạy dài tới thị xã Tân Cảnh, mục tiêu trọng yếu đầu tiên trước khi tiến chiếm Komtum. Trước đó mấy ngày căn cứ hỏa lực Yankee phía Bắc Charlie đã bị thất thủ.

Vòng vây địch siết chặc, áp dụng chiến thuật tiền pháo hậu xung, sau những trận mưa pháo dữ dội, địch quân xung phong ào ạt vào căn cứ, sau bao lần đều bị đẩy lui bởi sức kháng cự mãnh liệt của những chiến sĩ Dù và sự yểm trợ của phi pháo. Sự kiên nhẫn của địch quân có giới hạn, chúng trở thành như điên cuồng lao đầu vào trước những mủi súng của quân ta, xác của những tên Cộng quân nằm la liệt ngoài những hàng rào phòng thủ, tan nát cháy đen vì đạn pháo binh cũng như bom napal của những chiếc máy bay khu trục. Tình trạng đạn dược lương thực nước uống cạn dần đến mức tối thiểu, nếu không được tiếp tế trong ngày hôm nay, Tiểu Đoàn 11 của Tr/T Nguyễn Đình Bảo sẽ không còn phương tiện để chống trã sức tấn công liên tục của địch.
*
Từ ngày Cộng Sản khởi động cuộc chiến tại miền Nam, chiến thuật trực thăng vận đã được đem ra áp dụng lần đầu tiên trong lịch sữ chiến tranh thế giới. Trực thăng vận đã hoạt động rất hửu hiệu trong chiến trường du kích chiến. Nhưng chiến tranh càng ngày càng leo thang, địch quân được tăng cường và trang bị thêm nhiều vũ khí tối tân hạng nặng, đặc biệt nhất là vũ khí phòng không. Trực thăng với tốc độ chậm dể bị phương hại và đã trở thành những mục tiêu dễ dàng cho những loại súng cở lớn từ 12 ly 7, 37 ly và đặt biệt là những hỏa tiễn cầm tay như SA-7. Sự tổn thất chiến trường của ngành trực thăng càng ngày càng lên cao. Mấy ngày hôm nay những phi vụ tiếp tế đã gặp nhiều khó khăn trở ngại vì rừng phòng không và những trái đạn pháo kích chính xác địch đã điều chỉnh sẵn nhắm vào bãi đáp trực thăng, tôi cảm thấy bất lực trước hỏa lực cũng như khả năng của chiếc trực thăng võ trang này để bảo vệ hửu hiệu cho những người bạn đồng hành.

Chiếc tàu tiếp tế số một của Tr/u Vân bắt đầu vào "final". Triền núi trơ trụi vì đạn pháo bao ngày qua từ màu xanh cỏ ủa đã trở thành màu đất đỏ lồi lõm những hố đạn pháo. Ba điểm phòng thủ đồi Charlie đã xơ xác hoang tàn gần như thành bình địa. Trong cái im lặng của sự chờ đợi nghe ngóng của địch, tôi cảm tưởng như tất cả những trái đại pháo đang chờ con tàu mong manh nay đi vào ổ phục kích. Tôi cho chiếc guns Hổ một bọc sau đuôi cánh trái, chiếc Hổ hai bên cánh phải. Từ sau lưng trên cao nhìn xuống tôi theo dỏi chiếc trực thăng của Tr/u Vân chậm chạp hạ cao độ rồi từ từ đáp xuống trên vòng tròn nhỏ của bãi trực thăng, bụi đỏ bốc lên dưới sức gió của cánh quạt. Từ vị thế trên cao phía sau tôi nhìn xuyên qua cánh quạt trực thăng những người lính trên tàu đạp vội vã những thùng đồ xuống bãi… Bỗng trên bãi đáp không xa hai ba trái pháo nổ bung khói đen cùng bụi đỏ bốc lên đồng thời những tiếng súng nổ vang rền lên từ triền núi kế cận. Con tàu chậm chạp từ từ quay đầu lại chuẩn bị cất cánh, đồng thời trên tần số tôi nghe tiếng của Tr/u Vân đứt đoạn:
- *"Charlie…, Charl…lie, ground…fi..ire…, ground..fi..ire…tầu…trúng đạn…".* Từ những mỏm núi trọc mênh mông, những viên đạn pháo không biết nơi xuất phát, những viên đạn phòng không từ nhưng hang hóc của những ngọn đồi kế cận bắn tới tấp hướng tàu của Tr/u Vân. Phản ứng tự nhiên, tôi cắm đầu con tàu phóng những trái rockets rải rác trên triền núi. Những trái hỏa tiễn nổ lốm đốm trên sườn núi, tung lên những đám bụi đỏ, yếu ớt vô hiệu quả trước kẻ thù đang ẩn nấp sâu trong hang hố đâu đó.
Sau khi tác xạ xong tôi quay vòng lại nhìn tàu của Tr/u Vân vừa lên cao. Trên tần số tiếng la hốt hoảng của Th/tá Phát đang bay chiếc trực thăng:
- *"Lead, lead… tàu bạn đang bốc khói nghe không trả lời ?".* Tôi nhìn theo chiếc lead đang lấy cao độ khỏi triền núi, làn khói đen bốc lên từ buồng máy. Phi hành đoàn vẫn im lặng. Không khí căng thẳng đến tột độ.
- *"Lead, lead… tàu bạn bị cháy… đáp ngay… đáp ngay… dưới chân bạn có bãi đáp trống trên triền đồi dưới thấp."* Giọng nói của Th/tá Phát đồn dập. Từ xa, cùng cao độ tôi thấy con tàu của Tr/u Vân lửa bắt đầu ngún lên thành ngọn bao trùm buồng máy. Lửa lan dần đến giữa thân tàu, hai người xạ thủ đang chồm về phía trước phòng lái… Tôi phụ họa:
- *"Đáp… đáp… tàu cháy.., tàu cháy…. đáp dưới chân đồi.., nghe không Vân".* Cố đem chiếc gunship đến gần cặp sát con tàu đang bốc lửa mỗi lúc mỗi cao, khoang tàu mịt mù khói đen thấp thoáng hai anh mê vô xạ thủ chồm về phía cockpit để tránh sức nóng.
- *"Đáp… đáp ngay… đáp xuống triền núi có Hổ cover đây…. nghe rỏ trả lời".* Nhưng con tàu không còn liên lạc được với thế giới bên ngoài, nó đang trở thành một khối lửa cuồn cuộn rơi như hòn đá cuội, chạm triền núi vỡ bùng lên…. Tất cả chỉ còn là một đống sắt cháy ngùn ngụt… Trong cơn hốt hoảng phi hành đoàn chỉ muốn bay xa khỏi tầm sát hại của địch mà không ước lượng được tình trạng thiệt hại của con tàu đến khi quá trễ. Tôi cho con tàu lượn thấp xuống nhìn trong tuyệt vọng. Hai chiếc guns bay vòng tròn trên chiếc tàu bị nạn và sau đó được lệnh rời vùng, tôi ngoái đầu nhìn đám cháy một lần cuối rồi chuyển hướng bay, nước mắt lưng tròng.

- *Mãnh Hổ, đây Charlie… Bốn chiếc guns của hai phi đoàn bạn đã đến vùng, bạn dẫn năm chiếc vào mục tiêu.*
Tôi ngước đầu nhìn, từ xa bốn chấm đen từng cặp một đang bay đến trên nền trời sẫm tối.
- *Charlie, đây Hổ. Cho biết vị trí tác xạ chính xác.* Tôi hỏi.
- *Hổ đây Charlie. Hiện tại địch đã tràn ngập khắp mọi nơi, hai cao điểm thấp đã bị địch chiếm,*

chỉ còn đỉnh đồi Charlie đang còn giao tranh cận chiến. Bạn tự do oanh kích ngay trên căn cứ Charlie, nghe rỏ trả lời… Tiếng Th/tá Bính vừa dứt trên tần số, tôi bàng hoàng không tin những gì mình vừa nghe được:
- *Charlie đây Hổ, Th/tá muốn tôi đánh ngay vào đỉnh đồi?…*
- *Đúng năm…*
Tiếng nói rõ ràng và khẳng định của Charlie, không còn làm tôi nghi ngờ gì nửa. Lần đầu tiên chứng kiến sự thất thủ của quân bạn ngay trước mắt. Căn cứ được đóng và bảo vệ bởi một lực lượng tinh hoa và kinh nghiệm nhất của QLVN/CH, đã từng chiến thắng bao nhiêu mặt trận, đã làm cho địch nhiều phen kinh hoàng khiếp đảm, giờ đây đang bó tay trước những đợt tấn công thí mạng của đối phương. Với sự hiểu biết hạn chế của một hoa tiêu trực thăng võ trang, tôi thường tự hỏi về chiến thuật của bộ chỉ huy khi để một đơn vị tác chiến như Nhảy dù sở trường trong việc tấn công và chủ động trong chiến trường phải đóng trụ tại một cao điểm. Thụ động chờ đợi địch là sở đoản của binh chủng Nhảy Dù, họ được huấn luyện để tấn công, không phải để giữ đồn. Trong giờ phút này không thấy bóng dáng của một chiếc khu trục trên bầu trời, chắc không cần thiết nữa. Quân bạn có lẽ đã dùng hết tất cả mọi khả năng yểm trợ, sáu chiếc trực thăng võ trang bây giờ chỉ còn là những vớt vát cuối cùng cố gây cho sự tổn thức tối đa cho địch trước khi chúng hoàn thành mục đích của chúng.
Lấy tần số của Charlie, tôi liên lạc được với bốn chiếc guns của phi đoàn bạn và tất cả sáu chiếc guns theo nhau đi vào vùng. Bầu trời đã tối lắm rồi, triền núi của ngọn Rocket Ridge mờ ẩn hiện sau nền trời đen xám. Từ trên cao độ tôi tiến gần vào mục tiêu, chổ trủng thấp yên ngựa bãi đáp trực thăng cao điểm 960 là một trong ba cao điểm quen thuộc của cụm đồi Charlie, nơi mà Tr/U Vân và phi hành đoàn đã bị bắn, và lên theo triền dốc và phía Bắc và trăm bộ là cao điểm thứ hai 1020 đã bị địch chiếm, chỉ còn lại cứ điểm cao nhất 1050 Charlie do Tr/T Nguyễn Đình Bảo chỉ huy là đang còn giao tranh. Bay đến gần đỉnh núi cao vô tri giác đó tôi như đã cảm nhận được những trái lựu đạn đang chuyền tay nhau nổ tung trên những giao thông hào bể nát, những viên đạn súng trường bắn thật gần, những người lính Dù đan vật lộn với kẻ thù đông đảo, cố chiến đấu đến hơi thở cuối cùng…
Bây giờ sự chính xác của những trái rockets của sáu chiếc gunships không còn cần thiết nữa, tại bãi chiến trường này mảnh đất nhỏ hẹp nào cũng là mục tiêu. Sau khi thông báo cho những chiếc guns đang theo sau, tôi cho con tàu cở ngàn bộ trên đỉnh cao điểm cắm đầu xuống mục tiêu, những trái hỏa tiễn cháy bùng nối đuôi lao xuống đỉnh núi, theo sau những vệt lửa dài chạm đất nổ tung tóe lửa, khẩu minigun quay vù tuông nhưng viên đạn lửa nối đuôi nhau tạo một đường đỏ dài uốn éo trong ánh sáng mờ ảo. Theo sau những chiếc guns tuần tự phóng những trái rockets xuống đỉnh núi, những đốm lửa tóe lên bởi những trái rockets trong bóng đêm chập choạng như đánh thức rừng phòng không của địch. Chung quanh đỉnh đồi bỗng lấp lánh chấp chóa ánh sáng rực rỡ như cây Noel trong đêm Giáng Sinh, một rừng tên lửa đỏ lao về hướng những chiếc trực thăng đang cắm đầu xạ kích. Tôi la lớn trong tần số:
- *"Phòng không… phòng không… Break… Break… Break…."* Nói xong tôi kéo ngược con tàu lên cao, những viên đạng lửa bay vút hướng lên bầu trời đen như những vì sao xẹt. Không cần thiết phải có sự chính xác nửa, tôi thông báo cho tất cả hợp đoàn guns xử dụng tất những đạn dược, rockets còn lại một lần cuối trước khi rời vùng. Từ khoảng cách khá an toàn xa tầm bắn của những khẩu phòng không, tôi kéo con tàu nhổng đầu lên phóng những trái rockets bắn vòng cầu như đạn pháo binh, những trái hỏa tiễn biến mất vào khoảng không gian mù mịt rồi rơi rớt

rải rác trên đỉnh đồi tóe lửa. Những mũi súng cao xạ của địch tức thì phản ứng, từ triền núi lấp lánh ánh lửa phòng không, những viên đạn đỏ như mưa rào bay ngược về hướng những con tàu ẩn hiện trong bóng tối. Tất cả đều vô nghĩa. Trận đánh đã ngã ngũ. Những con chim sắt đang cố gắng thi hành phi vụ cuối cùng trong vô vọng. Ngọn đồi mang tên Charlie không còn nữa, chỉ còn lại là dư âm của những trận đánh kinh hoàng trong ngày tháng qua. Những người lính dù đã anh dũng chiến đấu tới giây phút cuối cùng với vị chỉ huy anh hùng của họ, Tr/tá Nguyễn đình Bảo.
- *Hổ đây Charlie, các bạn có thể trở về căn cứ. Thông báo cho tất cả biết trong vòng mười lăm phút nữa sẽ có phi vụ B-52 đến trải thảm bom. Các bạn hảy mau rời vùng.*
Tiếng nói của Th/tá Phạm Bính lạnh lùng trên tần số.
Tôi quay đầu con tàu quay rời vùng giao tranh, những đốm lửa lập lòe trên ngọn đồi Charlie đang chìm dần vào bóng tối. Tr/u Nguyễn Tường Vân, Th/u Trần Văn Long và phi hành đoàn cùng tất cả những chiến sĩ Dù đã ở lại Charlie, mải mải… Xa xa, thành phố Pleiku đã lên đèn, một vùng ánh sáng lấp lánh, nhạt nhòa ẩn hiện, không biết vì đêm đen hay vì dòng lệ đã trào dâng lên khóe mắt?

Anh nằm xuống sau một lần đã đến đây
Đã vui chơi trong cuộc đời nầy
Đã bay cao trong vòm trời đầy
Rồi nằm xuống, không bạn bè, không có ai
Không có ai, từng ngày, không có ai đời đời
Ru anh ngủ vùi, mùa mưa tới trong nghĩa trang này có loài chim thôi!

Văng vẳng ì ầm rung chuyển bầu khí quyển từ thảm bom của những chiếc pháo đài bay B-52 vang vọng.

Đào Binh

Nguyên Xưa

Bà nội tôi có 3 người con trai. À! Đúng ra là chỉ có 2, chú Út là con ngoại hôn cuả ông nội tôi. Bà nội tôi mang về nuôi, coi như con ruột mình. Trong thời kỳ nhiễu nhương Quốc, Cộng trước di cư, tôi không biết rõ năm nào, ông Nội tôi và bác Cả bị Việt Minh bắt và thủ tiêu mất xác. Năm 54, bà Nội dắt diú đám con cháu chạy vào Nam. Và có lẽ vì mặc cảm thân thế như vậy nên tính tình chú Út rất mực ngang bướng và cứng đầu. Mẹ tôi thỉnh thoảng kể chuyện này để chứng minh cái tính ngang ngược của Chú. Hồi chú khoảng 17, 18 tuổi gì đó, chú đi làm trên một con tàu hàng hải nên kiếm được nhiều tiền, những ngày nghỉ chú thường hay bê tha bạn bè chơi bời nên ít khi ở nhà. Một bữa, chú về nhà giặt quần áo, phơi lên giây, rồi bỏ đi chơi, buổi chiều trời đổ mưa, Mẹ tôi thấy quần áo chú còn ở ngoài, tội nghiệp, nên gom vào trong nhà, rồi bà quên khuấy đi. Sáng hôm sau chú về, kiếm quần aó thấy còn ướt, chú mới chửi đổng:
- Mẹ kiếp nó chứ, chị đ... gì mà chị, quần áo cuả ông phơi lên thì cứ để mặc ông, nó lại đi thu vào để lấy chỗ phơi quần áo cuả nó. Ông lại mang lựu đạn về nổ cho banh nhà bây giờ.
Cả nhà đã biết tính chú nóng giận nông nổi nên không ai lên tiếng. Mẹ tôi biết là chú đang chửi bóng gió Mẹ, nhưng bà cũng im, không muốn giây dưa phiền phức. Nhưng từ đó không ai dám đụng tới bất cứ thứ gì cuả Chú, có khi quần áo chú phơi cả tuần cũng không ai lấy vào.
Khi chú Út tới tuổi đi quân dịch, Ba tôi nhờ tháo vát và được sự quí mến cuả các ông Hội Đồng Xã nên được mời vào làm ban an ninh xã, không phải đi lính. Ba tôi mới nói với chú là để ba tôi lo liệu cho chú vào lính Địa Phương Quân. Nhưng chú nằng nặc không chịu, đòi đi lính nhảy dù. Đi vào quân trường độ 2 tuần lễ thì viết thư về năn nỉ ba tôi vào thăm và ngỏ ý muốn về làm lính địa phương, nhưng lúc đó đã quá trễ. Ra chiến trường khoảng chừng 6 tháng, chú lò dò về nhà vào một buổi tối. Ba Mẹ tôi sửng sốt.
Chú kể lể:
- Đánh nhau ghê qúa anh ạ, em sợ qúa, em đào ngũ về.
Ba tôi gắt nhẹ:
- Sao chú không ở lại rồi viết thư cho anh để anh tính. Bây giờ chú đào ngũ như vậy, quân cảnh mà bắt được thì cứ là ốm xác, lại còn bị đi lao cộng chiến trường nữa, cứ gọi là nhừ tử.
- Vậy anh tính thế nào đây?
- Đến nước này thì chú cứ trú tạm đây, sáng mai anh chạy đi hỏi thăm xem có cách nào không ?
Mấy ngày sau đó, Ba tôi xông xaó hết nhà này ông nọ để có thể kiếm cách giúp chú. Còn chú thì lại tới bạn bè nhật nhẹt chi đó. Ngày thứ 3, chú về nhà mặt hầm hầm hỏi Mẹ tôi:
- Có phải cái Nga sắp lấy chồng không?
Mẹ tôi vô tư:
- Ừ! Nó tháng sau đám cưới với chú Kỉnh.
Chú hừ một tiếng rồi quay phắt ra ngoài hiên trước ngồi. Mẹ tôi lúc đó mới hiểu ra. Số là chú thương dì Nga, là em ruột mẹ tôi. Dì Nga dáng người cao dong dỏng, nước da trắng hồng, khuôn mắt hiền hậu dễ thương, nổi tiếng là có sắc trong cái xứ đạo nhỏ này. Bao nhiêu gia

đình đã đánh tiếng cưới hỏi với ông Ngoại tôi. Còn chú thì tính ngang bướng và cộc cằn nên dì không thích. Lúc Ba tôi vừa về đến nhà…
Chú chặn liền:
- Việc cuả em anh đã lo được chưa?
- Chú cũng phải từ từ chứ, anh có hỏi nhiều chỗ nhưng chỗ nàa cũng nói là phải đợi một thời gian mới trả lời được, mau lắm cũng phải vài tuần.
- Như vậy thì em ra đầu thú.
- Ơ chú này nói hay nhỉ! Chuyện đến nước này đâu thể ngày một ngày hai mà xong ngay được.
- Không, nếu ngày mai mà không lo được thì em đi.
- Chú đừng nóng, có chuyện gì thì cũng phải từ từ mới giải quyết được.
- Như vậy ngày mai em đi.
Ba tôi đành thở dài vì biết có nói thêm cũng không thay đổi được ý định cuả chú. Và thế là 6 tháng sau đó, Ba tôi cứ tháng tháng là phải cơm ruốc, thuốc lá đi thăm chú nơi cái vùng xa xôi nào đó vì chú đang bị phạt lao công và cấm túc. Sau thời hạn lao công, chú được nghỉ phép một tuần lễ về thăm gia đình trước khi ra trình diện quân chủng mới. Trông chú thật lạ, chú đã đen sẵn nay lại đen thêm, gầy nhưng khoẻ. Lạ nhất là tính chú thay đổi hẳn, chú về lần này vui vẻ chứ không càu nhàu khó chịu như trước kia. Chú thăm hỏi Mẹ tôi, rồi giúp Ba tôi sửa nhà. Tôi thì thích nhất là chú móc ngay một nắm tiền cắc để ở cạnh bàn ngoài phòng khách nói:
- Đấy, tiền này các cháu muốn ăn kẹo hay cà rem thì cứ lấy mà mua, chú cho đấy
Tôi sướng nhất vì nhà chỉ có tôi và thằng em kế là lớn đủ để đi mua quà, những lúc không có chú ở nhà, tôi cứ đếm đi đếm lại đống tiền cắc rồi tính nhẩm xem mình sẽ ăn những gì. Hôm trước ngày chú đi, buổi chiều tới giờ cơm, Mẹ sai tôi đi gọi chú về ăn cơm, trước khi đi chơi, chú đã dặn Mẹ tôi là chú đi chơi ở đâu, và còn dặn là phải gọi chú về ăn chung bữa cuối trước khi chú đi. Không may là khi tôi gặp chú thì trời đổ mưa tầm tã. Chú phải cõng tôi trên lưng rồi khoác cái poncho phủ bên ngoài. Vừa đi, hai chú cháu tôi vừa thầm thì nói chuyện, vì thế nên tôi cứ nhớ mãi cái buổi hôm ấy Chú dặn tôi nhiều thứ lắm, nào là phải vâng lời cha mẹ, nào là phải ngoan ngoãn chứ đừng hư như chú, còn nhiều thứ lắm nhưng tôi còn bé quá làm sao nhớ hết. Tối hôm đó chú ngồi lại nói chuyện với Ba Mẹ tôi tới thật khuya mới đi ngủ.
Sáng hôm sau, lúc chú vừa đi khuất, Mẹ tôi, với giọng lo lắng, nói với Ba tôi:
- Sao em linh cảm có điều chẳng lành sẽ xảy ra cho chú Út. Anh thấy lần này chú về có lạ lắm không?
Ba tôi gạt đi:
- Em đàn bà cứ nghĩ vớ vẩn. Chắc là 6 tháng bị đầy nên giờ mới thấm chứ gì. Thôi thì cũng mừng.
Khoảng hai tháng sau, Ba Mẹ tôi nhận được tin báo tử. Chú chết vì chạy lên đỉnh đồi lấy lá cờ Việt Cộng xuống để cắm lá cờ Quốc Gia lên thay thế, ai ngờ Việt Cộng gài mìn lại dưới chân cây cờ. Khi Ba tôi đi nhận xác chú, người ta khuyên Ba tôi không nên nhìn vì không còn mặt muĩ hình hài chi cả. Khi quan tài chú về giữa nhà, và khi tiếng khóc cuả các Cô tôi cất lên rầu rĩ, tôi nào có hiểu đâu sự chết là gì, Cô tôi nói với tôi là từ nay chú sẽ không bao giờ về nữa. Và thế là tôi hiểu rằng từ nay tôi sẽ không bao giờ được nghe tiếng tiền cắc kêu lách cách

trong tuí quần chú, và sẽ không bao giờ tôi còn đươc đeo trên lưng cuả chú như tối trời mưa hôm nào.
Tôi bỏ ra ngoài đầu hè ngồi khóc thút thít.

Tân Cảnh Thất Thủ

Hà Mai Việt

Nói đến cuộc tổng công kích của Cộng Sản Bắc Việt vào mùa hè năm 1972, ít ai là không biết đến căn cứ Tân Cảnh, thuộc quận Dakto, tỉnh Kontum, nằm ở phía Tây-Bắc Vùng 2 chiến thuật nơi đã xảy ra những trận đánh khốc liệt giữa quân đội VNCH và Cộng Sản. Sau khi phỏng vấn các kỵ binh có mặt trong trận chiến này, chúng tôi nhận thấy một số sử gia và cựu quân nhân Hoa Kỳ viết về Tân Cảnh và Dakto 2. Tuy nhiên có nhiều điểm liên quan đến các đơn vị thiết giáp thuộc Quân Đoàn 2 không đúng với sự thật. Vì vậy, trong bài viết này, chúng tôi sẽ trình bày những chi tiết có thật về việc chỉ huy và điều động thiết giáp đặt dưới quyền chỉ huy của Đại Tá Lê Đức Đạt, Tư Lệnh Sư Đoàn 22 Bộ Binh, cho đến ngày cuối cùng của căn cứ Tân Cảnh.

DIỄN TIẾN TÌNH HÌNH
Theo các nguồn tin tình báo, tù binh và hồi chánh, Bộ Tư Lệnh Quân Đoàn 2 ghi nhận từ *cuối tháng Giêng năm 1972* có nhiều đơn vị Cộng Sản Bắc Việt (CSBV) từ Cam Bốt và Lào đã xâm nhập vào khu vực phía Bắc *tỉnh Kontum*. Cũng theo nguồn tin nói trên thì chiến dịch tiến công của quân Cộng Sản được chia làm 3 giai đoạn, bắt đầu từ ngày 27 tháng 1/1972. Lực lượng Cộng Sản Bắc Việt tại cao nguyên do Mặt Trận B-3 chỉ huy gồm có Sư Đoàn 320, Sư Đoàn 2, các đơn vị cơ hữu của Mặt Trận B-3 với quân số tương đương một sư đoàn, và Trung Đoàn 203 Chiến Xa từ Bắc vào. Ngoài những đơn vị kể trên, Bắc Việt còn điều động Sư Đoàn 3 Sao Vàng và các đơn vị địa phương gia tăng hoạt động tại vùng duyên hải thuộc tỉnh Bình Định và miền Nam Quân Khu 2.

Những mục tiêu chính trong kế hoạch tấn công cao nguyên của Cộng Sản Bắc Việt là căn cứ Tân Cảnh, căn cứ Dakto II, cùng các căn cứ hỏa lực dọc theo Rocket Ridge, thị trấn Kontum và Pleiku. Rocket Ridge là một dẫy cao điểm chạy dài từ Bắc xuống Nam, nằm dọc theo phía Tây Quốc Lộ 14, tọa lạc hầu như ở giữa Tân Cảnh và Kontum. Những vụ tấn công của các đơn vị Cộng Sản nằm sẵn tại địa phương nhằm mục đích làm rối loạn hàng ngũ quân đội Việt Nam Cộng Hòa, đồng thời hỗ trợ cho hai sư đoàn Cộng Sản Bắc Việt tấn công vào Kontum. Mọi cố gắng của Cộng Sản Bắc Việt trong giai đoạn này nhằm thực hiện cho được mưu đồ chia cắt lãnh thổ Việt Nam Cộng Hòa làm hai phần.

Theo quan sát của không-kỵ và tuần thám của Biệt Động Quân Biên Phòng, trong tháng Giêng năm 1972, cố vấn Quân Đoàn 2 đã hướng dẫn hơn 60 phi vụ B-52 phá hủy các khu vực

có Cộng quân ẩn nấp. Nhằm bẻ gãy kế hoạch điều quân của Cộng Sản, trong vòng ba tuần lễ đầu của tháng Hai, Không Lực Hoa Kỳ đã thực hiện hơn 80 phi vụ B-52 cho khu vực hành quân Tân Cảnh.
Vào đầu tháng Giêng năm 1972, Chi Đoàn 1/14 Chiến Xa thuộc Thiết Đoàn 14 Kỵ Binh do Đại Úy Trần Châu Giang chỉ huy, đang tiến hành nhiệm vụ giữ an ninh trục lộ Kontum-Võ Định, thì được Thiếu Tá Vũ Khánh Dư (Thiết Đoàn Trưởng Thiết Đoàn 14) cho lệnh tập trung tại phi trường Phượng Hoàng nằm về phía Tây căn cứ Tân Cảnh. Tân Cảnh nằm về hướng Bắc thị xã Kontum khoảng 25 dặm, nguyên là một căn cứ hỏa lực trên một địa thế cao, có thể nhìn bao quát Dakto.

Sau đó, chi đoàn lại được lệnh di chuyển ngay đến Ben Het, cách Tân Cảnh gần 20 cây số, để tăng cường phòng thủ khu vực này. Ben Het là một tiền đồn, nằm cuối Tỉnh Lộ 512, án ngữ vùng ngã ba biên giới Việt-Miên-Lào. Tiền đồn này nhòm xuống đường mòn Hồ Chí Minh, do Tiểu Đoàn 95 Biệt Động Quân Biên Phòng trấn giữ. Chi đoàn 1/14 với 15 chiếc M-41 lập thế trận trên các cao điểm trọng yếu chung quanh Ben Het. Nhiệm vụ của chi đoàn này là phối hợp với Biệt Động Quân để phát hiện và ngăn chận địch quân. Đại Úy Giang cho biết: "Trong thời gian phòng ngự, chi đoàn được tin chiến xa địch xuất hiện ở hướng Nam Ben Het, nhưng không phát hiện được và chưa xảy ra một cuộc đụng độ nào với chiến xa Cộng Sản. Chỉ có một lần duy nhất là với đại bác 76 ly trên pháo tháp, chi đoàn đã tập trung hỏa lực đẩy lui một đợt tấn công của quân Cộng Sản vào vị trí phòng thủ của lực lượng biên phòng VNCH sườn núi nằm về hướng Đông Ben Het."

Để đáp ứng nhu cầu đòi hỏi của tình hình, ngày 7 tháng 2/1972 Trung Tướng Ngô Du (Tư Lệnh Quân Đoàn 2, kiêm Tư Lệnh Vùng 2 Chiến Thuật), đã cùng ông John Paul Vann, Cố Vấn Trưởng Quân Đoàn, điều động Bộ Tư Lệnh Sư Đoàn 22 Bộ Binh, các đơn vị yểm trợ, tiếp vận sư đoàn, Trung Đoàn 47 Bộ Binh tại Bình Định, và Bộ Chỉ Huy Thiết Đoàn 14 Kỵ Binh tại Kontum, lên trấn giữ vùng Tân Cảnh, nơi đây trước kia là khu vực hoạt động của Trung Đoàn 42 Bộ Binh.
Thêm vào đó, một chi đội chiến xa M-41, thuộc Thiết Đoàn 19 được gửi đến tăng phái cho Thiết Đoàn 14 để phòng thủ căn cứ Tân Cảnh. Nếu kể cả chiến xa của Thiết Đoàn 19 thì tổng số chiến xa M-41 đặt dưới quyền điều động của Thiết Đoàn 14 là 22 chiếc. Vào thời điểm này Thiết Đoàn 14 được phối trí như sau: Chi Đoàn 1/14 Chiến Xa do thiết đoàn trực tiếp điều động trong khu vực hành quân Dakto, Chi Đoàn 2/14 Thiết Kỵ tại Kontum và Chi Đoàn 3/14 Thiết Kỵ tại Bình Định, hai chi đoàn này không nằm trong hệ thống chỉ huy trực tiếp của thiết đoàn. Sau khi tái phối trí, Đại Tá Lê Đức Đạt, tân tư lệnh Sư Đoàn 22 Bộ Binh, đảm trách khu vực hành quân Dakto, kể cả bốn trại biên phòng Ben Het, Dak Mot trên tỉnh lộ 512, Dak Pek, Dak Seang trên quốc lộ 14, phía Bắc Tân Cảnh, và hai căn cứ hỏa lực 5 và 6 nằm ở Bắc Rocket Ridge. Bộ Tư Lệnh Hành Quân Sư Đoàn và Bộ Chỉ Huy Thiết Đoàn 14 đóng tại căn cứ Tân Cảnh.

Khoảng tháng Ba năm 1972, vào mỗi đêm từ Ben Het hướng về phương Bắc, người ta có thể nhìn thấy ánh đèn pha và nghe thấy tiếng động cơ nổ vang rền của đoàn cơ giới Cộng Sản di

chuyển về hướng Nam trên đường mòn Hồ Chí Minh bên Lào. Tại Vùng 1 Chiến Thuật, ngày 31 tháng 3/1972, ba sư đoàn Cộng Sản Bắc Việt có chiến xa và pháo binh yểm trợ ồ ạt tiến chiếm vùng Phi Quân Sự ở phía Nam Vĩ Tuyến 17. Hai ngày sau, Công Trường 5 và 7 Việt Cộng tấn công vào thị xã Lộc Ninh (ở tỉnh Bình Long) gần biên giới Việt Miên. Ngày 5 tháng 4/1972, Cộng quân cắt đứt trục lộ giao thông giữa An Lộc (ở tỉnh Bình Long) và Saigon. Trong khi đó, tại Vùng 2 Chiến Thuật, theo tài liệu tịch thu cho biết Sư Đoàn 320 Cộng Sản Bắc Việt và Trung Đoàn 54 Pháo đã xuất hiện tại vùng Tam Biên, nhưng cố vấn trưởng của Quân Đoàn 2 lúc ấy vẫn còn đặt nghi vấn. Ngày 8 tháng 4/1972, nhiều cuộc chạm súng cấp đại đội xảy ra tại Nam Rocket Ridge.

Sau đó, ***ngày 11 tháng 4,*** hàng loạt mưa pháo cỡ 130 ly, 122 ly và hỏa tiễn đủ loại dồn dập đổ xuống căn cứ hỏa lực Charlie (nằm về phía Nam Căn Cứ Hỏa Lực 5) được trấn giữ bởi Tiểu Đoàn 11 Nhảy Dù. Trưa ngày hôm sau, vị sĩ quan tiểu đoàn trưởng là Trung Tá Nguyễn Đình Bảo bị tử thương bởi một trái đạn nổ chậm chui vào hầm chỉ huy. Sang đến ngày 14, sau khi pháo kích tới tấp với 330 quả đạn đủ loại, Trung Đoàn 48 Cộng Sản Bắc Việt khai triển trận đánh biển-người. Lúc 22 giờ 30, tiểu đoàn Nhảy Dù lui binh khỏi căn cứ. Trong khi đó, vào ***ngày 19 tháng 4***, trong nỗ lực kiểm soát các vị thế cao chung quanh căn cứ Tân Cảnh, Tiểu Đoàn 1/42 Bộ Binh của Việt Nam Cộng Hòa đã bị hai tiểu đoàn Cộng quân vây hãm đến nỗi không nhận được tiếp tế từ bất cứ đơn vị bạn nào. Sa khi chiến đấu đến hết đạn dược, chỉ có 63 người trong số 350 quân nhân của tiểu đoàn này mở đường máu trở về hậu cứ.

Ngày 20 tháng 4, Bộ Tổng Tham Mưu Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa ra lệnh rút Bộ Tư Lệnh Sư Đoàn Nhảy Dù, một Lữ Đoàn Nhảy Dù, cùng với 3 tiểu đoàn ra khỏi Vùng 2 Chiến Thuật. Để điền khuyết, Sư Đoàn 23 Bộ Binh với Trung Đoàn 53 cơ hữu và Liên Đoàn 6 Biệt Động Quân được gửi vào từ Huế để đảm trách khu vực hành quân của sư đoàn Nhảy Dù. Lúc 19 giờ 30 ngày 21 tháng 4, Căn Cứ Hỏa Lực Delta về phía Nam của Rocket Ridge bị tràn ngập sau một trận pháo kích và tấn công của bộ đội và chiến xa Cộng quân. Lúc ấy Căn Cứ Delta chỉ được phòng thủ bởi một đại đội Nhảy Dù và một đại đội Biệt Động Quân. Trước kia, căn cứ này đã từng được các Tiểu Đoàn 2 và 7 Nhảy Dù thay nhau trấn đóng. Ngày 22 tháng 4, Đại Úy Trần Châu Giang được lệnh để một chi đội chiến xa (5 xe tăng M-41) ở lại Bến Het. Sau đó, thành phần còn lại gồm 2 chi đội M-41 và 2 thiết quân vận M-113 thuộc ban chỉ huy chi đoàn đã cùng di chuyển về phi trường Phượng Hoàng (còn được gọi là phi trường "Dakto II") túc trực chờ lệnh.

Chiều ngày 23 tháng 4, Đại Úy Giang được lệnh xuất phái cho Trung Đoàn 47 Bộ Binh tại phi trường Dakto II một chi đội chiến xa. Vào lúc 20:00 giờ đêm, chi đoàn với thành phần còn lại gồm một chi đội xe tăng M-41 và hai thiết vận xa M-113 đã được lệnh di chuyển đến kho đạn Tân Cảnh và phòng thủ tại đây cùng với một đại đội Thám Kích của tiểu khu Kontum. Kho đạn nằm kế bên cổng phụ căn cứ Tân Cảnh, đối diện với sân bay L-19 nằm dọc theo Tỉnh Lộ 512.

Từ hơn một tuần lễ trước, cả Tân Cảnh lẫn Dakto II đã bị quân Cộng Sản bao vây. Mỗi ngày

căn cứ Tân Cảnh phải chịu đựng sức tàn phá của trên dưới 1,000 trái đại bác và hỏa tiễn đủ loại rót vào. Đặc biệt sáng ngày 23 tháng 4, một chiến xa M-41 thuộc Thiết Đoàn 19 nằm tại cổng chính căn cứ Tân Cảnh đã bị phá hủy bằng đạn xuyên phá mà xa đội ước đoán là do hỏa tiễn B-40 từ ngoài vòng rào phóng vào.
Nhưng ban cố vấn Hoa Kỳ lại không nghĩ như vậy, vì B-40 chỉ có tầm bắn hữu hiệu khoảng 100 thước, mà lúc ấy địch quân còn cách vị trí của chiến xa hơn 500 thước. Sau khi quan sát tại chỗ để tìm hiểu, ban cố vấn đã xác nhận đó là loại hỏa tiễn chống chiến xa mới xuất hiện, được điều khiển bằng giây điện, có tầm bắn tối đa là 2,500 thước và có thể xuyên phá được 400 ly thép. Đây là loại hỏa tiễn AT-3 Sagger do Nga Sô chế tạo, được Cộng Sản Bắc Việt xử dụng lần đầu tiên tại Tân Cảnh và trên chiến trường Việt Nam.

Vào lúc 10 giờ 30 phút sáng 23 tháng 4, một tiếng nổ long trời của hỏa tiễn AT-3 đã phá hủy phần lớn trung tâm hành quân của Sư Đoàn 22 Bộ Binh. Phòng truyền tin và quân dụng bị tiêu hủy. Về nhân sự có 20 quân nhân chết và bị thương nặng bởi những mảnh đạn tung tóe trong hầm. Khoảng 11 giờ trưa, ông John Paul Vann đáp trực thăng xuống Tân Cảnh cho biết: Quân Đoàn 2 không có khả năng phản pháo, còn vấn đề di tản thương binh Việt Nam là cả một sự cố gắng của Hoa Kỳ. Trong dịp này Đại Tá Đạt cũng trình bày tình hình chiến sự vào giờ chót, nhưng ông Vann không đả động gì đến đề nghị diệt địch bằng pháo đài bay B-52 của tướng Ngô Du trước đây. Sau khi kiểm thảo với cố vấn sư đoàn, ông Vann chỉ thị cho họ thi hành kế hoạch đào thoát và lẩn trốn, rồi bay trở về Pleiku, đem theo một số dân chính của ban cố vấn sư đoàn.

Neil Sheehan, tác giả cuốn A Bright Shining Lie, đã cho biết: "Ông John Paul Vann không đồng ý với tướng Ngô Dzu về việc đề cử Đại Tá Lê Đức Đạt, nguyên tư lệnh phó Sư Đoàn 22 Bộ Binh, thay thế Thiếu Tướng Lê Ngọc Triển để làm tư lệnh sư đoàn, mà ông muốn chỉ định một sĩ quan khác do ông ta lựa chọn." Chính vì vậy mà Đại Tá Đạt đã gặp nhiều trở ngại trong vấn đề chỉ huy và yểm trợ hành quân. Sự kiện này đã đưa đến tình trạng bất hòa giữa cố vấn và đơn vị trưởng, và đã rất nhiều làm lợi cho Cộng quân. Cũng theo Neil Sheehan thì ông John Paul Vann đã nặng lời đe dọa Đại Tá Đạt một cách trắng trợn khi gặp mặt lần cuối cùng trong trung tâm hành quân sư đoàn ở Tân Cảnh như sau: "Đại Tá Đạt, ông sắp là vị tư lệnh sư đoàn đầu tiên trong quân đội Việt Nam Cộng Hòa làm mất sư đoàn, vì ông đang bị tràn ngập và sắp bị tiêu diệt nếu ông không..." Sau khi cố vấn John Paul Vann rời khỏi Tân Cảnh, vào khoảng giữa trưa hàng loạt hỏa tiễn điều khiển AT-3 phóng vào căn cứ gây thiệt hại nặng nề cho quân trú phòng, đồng thời phá hủy một số pháo đài kiên cố và 4 xe tăng M-41 còn lại. Nhưng sự thiệt hại quan trọng nhất lại là tinh thần chiến đấu của quân nhân các cấp xuống rất thấp, nhất là sau khi họ thấy quân đoàn không can thiệp để xin B-52 yểm trợ hành quân như thường lệ. Về chiều, phía ngoài vòng rào căn cứ, các đơn vị Bộ Binh thuộc Trung Đoàn 42 vẫn giao tranh ác liệt với Cộng quân dọc theo đường thông thủy dẫn vào cổng trai. Khoảng 7 giờ tối, Cộng quân thu dọn chiến trường rồi lui binh sau khi phóng đi một loạt hỏa tiễn B-40 và B-41 vào các cao điểm ở gần phi đạo L-19.

DIỄN TIẾN TRẬN ĐÁNH
Lúc 9 giờ đêm, quận trưởng Dakto báo cáo lên bộ tư lệnh sư đoàn: "Chiến xa địch xuất hiện,

chạy qua ấp Dak Brung hướng về quận lỵ Dakto." Trung tâm hành quân Sư Đoàn 22 liền xin vận tải cơ võ-trang AC-130 Spectre lên ngăn chận. Khoảng 2 tiếng sau, một chiếc AC-130 xuất hiện trên vòm trời Tân Cảnh. Phi cơ này dùng hồng ngoại tuyến phát hiện được 18 chiến xa Cộng quân tiến từ Tây sang Đông hướng về Dakto. Vào khoảng nửa đêm, đoàn chiến xa này quẹo về hướng Nam, theo Quốc Lộ 14 xuống Tân Cảnh. Vì nhận thấy sẽ có một cuộc đụng độ lớn, và không thấy sư đoàn ra lệnh phản công, nên Đại Tá Kaplan, cố vấn trưởng của Sư Đoàn 22, đã tập họp ban cố vấn lại để lưu ý mọi người về kế hoạch đào thoát và lẩn trốn. Rồi ông tập trung họ trong một pháo đài để chờ lệnh. Cũng trong thời gian này, chiếc AC-130 Spectre báo cáo có 3 chiến xa địch bị hạ tại ấp Dak Brung. Vào lúc 00:00 giờ ngày 24 tháng 4, một thành phần thuộc Sư Đoàn 2 Cộng Sản Bắc Việt tấn công vào cao điểm ở phía Đông Tân Cảnh, gần ngôi chùa Phật giáo. Đồng thời, hai thiết vận xa PT-76 lờ mờ xuất hiện ở phía Bắc kho đạn.

Sau khi dừng lại, hai chiếc PT-76 của Cộng Sản phất cờ ra hiệu cho nhau. Vào lúc này tinh thần kỵ binh Việt Nam Cộng Hòa đều lên rất cao. Cả hai chi đội trưởng của Chi Đội 1 và 2 tại Dakto và Ben Het theo dõi tình hình trên tần số chỉ huy của chi đoàn, đều xin trở về với chi đoàn để chiến đấu. Đại Úy Giang liền liên lạc với thiết đoàn để xin chấp thuận cho tập trung để điều động toàn khối. Nhưng có lẽ thiết đoàn gặp trở ngại truyền tin nên không thấy đáp nhận. Trên bầu trời Dakto, chiếc AC-130 Spectre đang trút đạn bắn vào đoàn chiến xa Cộng quân tiến từ Dakto xuống Tân Cảnh. Ở hướng Đông, một chiếc AC-47 Hỏa Long (cũng một loại vận tải cơ võ-trang) của Không Quân Việt Nam Việt Nam Cộng Hòa cũng đang yểm trợ cho đơn vị bạn bị địch tấn công. Ngoài hai phi cơ nói trên và pháo binh yểm trợ trực tiếp, vào lúc này Sư Đoàn 22 Bộ Binh không nhận được một sự yểm trợ hỏa lực nào khác.

Cho đến 3 giờ sáng ngày 24 tháng 4, Chi Đoàn 1/14 Chiến Xa vẫn không liên lạc được với Bộ Chỉ Huy Thiết Đoàn 14 Kỵ Binh, nên Đại Úy Giang đã tự ý ra lệnh cho Chi Đội 1 và 2 tập trung tại Tân Cảnh để tác chiến. Do đó cả 2 chi đội nói trên đều rời bỏ vị trí, về Tân Cảnh ngay sau khi nhận lệnh. Chi Đội 2/1 tại Ben Het có 5 xe tăng M-41 do chuẩn úy Nguyễn Thi chỉ huy. Vào phút chót, một chiếc bị trục trặc nên được bỏ lại. Bốn chiến xa kia tuy không có bộ binh tùng thiết nhưng cả bốn chiếc cũng theo Tỉnh Lộ 512 tiến về Tân Cảnh. Khi tới eo Tử Thần, một chiến xa nữa bị hư. Xa đội này tự sửa chữa rồi trở lại căn cứ Ben Het. Kể từ đó chi đội chỉ còn lại 3 xe tăng M-41 mà thôi. Lúc ấy chi đội trưởng vẫn cho lệnh tiếp tục tiến. Vừa di chuyển tới cầu Dak Mot thì đoàn xe gặp ổ phục kích nằm trên cao điểm phía Bắc đầu cầu. Ổ phục kích này phóng hỏa tiễn B-40 xuống. Sau một cuộc giao tranh ác liệt, phân đội chiến xa bị loại khỏi vòng chiến và vị sĩ quan chi đội trưởng bị bắt. Khi vào tù ở Quảng Ngãi, Chuẩn Úy Nguyễn Thi bị Cộng Sản xử bắn trước tù binh về tội tổ chức đào thoát.

Khoảng 06 giờ 30 sáng, quân Cộng Sản chọc thủng phòng tuyến phía Đông Bắc Dakto II bằng chiến xa có bộ đội tùng thiết. Cũng trong thời gian này, khoảng một tiểu đoàn bộ đội Bắc Việt và một chi đội chiến xa T-54 cùng tấn công vào hướng Tây Bắc của chu vi phòng thủ. Trong khi đó Chi Đội 3/1 với các xe tăng M-41 tại Dakto II, sau khi được lệnh tập trung của chi đoàn trưởng, đã di chuyển tới đầu phi trường Phượng Hoàng thì đụng địch. Sau đó chi đội này mất liên lạc truyền tin với chi đoàn.

Đại Úy Charles Carden, cố vấn của Trung Đoàn 47 Bộ Binh đã thuật lại như sau:
Khoảng một tiếng đồng hồ sau khi Tân Cảnh bị tấn công, một trực thăng UH-1 đến Dakto II đón 6 viên cố vấn Hoa Kỳ của Sư Đoàn 22 Bộ Binh. Chiếc trực thăng này bị trúng đạn phòng không, cháy và rớt ở phía Nam chu vi phòng thủ. Tại khu vực phòng thủ của trung đoàn, chính ông được mục kích 2 chiến xa T-54 địch tiến vào phi trường rồi tách làm hai ngả. Một chiếc tiến về hướng Tây của phi trường, án ngữ lộ trình chuyển quân từ Ben Het về Dakto II. Chiếc kia từ hướng Bắc chạy vào giữa phi trường, tấn công vị trí phòng thủ của Trung Đoàn 47 Bộ Binh. Ngay lúc đó, hai xe tăng M-41 thuộc Chi Đoàn 1/14 liền điều động và tác xạ. Mỗi chiến xa M-41 bắn 3 phát đại bác 76 ly vào sườn Tây của chiếc T-54. Lúc ấy cố vấn Carden, chỉ cách chiến xa địch khoảng 100 thước, nhìn thấy chiếc T-54 bị trúng đạn và bốc khói, nhưng chưa bị hạ. Chiến xa T-54, vỏ thép dày 105 ly, nặng 36 tấn, đã hồi phục mau lẹ rồi quay nòng súng lại bắn hạ một chiến xa M-41 bằng 2 quả đạn 100 ly. Ngay sau đó chiếc T-54 này cũng hạ chiếc M-41 còn lại bằng trái thứ ba. Đây là trận xa chiến cuối cùng tại mặt trận Dakto II.

Vào lúc mờ sáng, ngày 24 tháng 4, ông John Paul Vann bay trực thăng lên Tân Cảnh đón toán cố vấn sư đoàn về Pleiku. Cùng lúc này, các đơn vị của Sư Đoàn 2 Cộng Sản Bắc Việt có chiến xa dẫn đầu đã tấn công bằng 2 mũi dùi tiến từ hướng Bắc và Đông vào căn cứ Tân Cảnh. Lúc 6 giờ sáng, các xe tăng T-54 theo đội hình hàng dọc tiến vào cổng chính. Nhưng sáng hôm đó sương mù dày đặc, không quân chiến thuật không hoạt động được, trực thăng võ trang còn cách xa khoảng 30 phút bay, nên các đơn vị trú phòng hoảng hốt, rối loạn hàng ngũ, vội vã tìm cách đào thoát khỏi căn cứ. Theo tin tức ghi nhận được từ các sĩ quan thuộc bộ tư lệnh tiền phương của Sư Đoàn 22 Bộ Binh thì mặc dù chiến xa địch đã đột nhập vào căn cứ, nhưng quân Cộng Sản chưa dám xuống hầm chỉ huy. Do đó khoảng 10 giờ sáng, Sư Đoàn đã liên lạc được với không quân chiến thuật để xin đánh về hướng Bắc, ngã đường đi ra phi trường L-19, phá hủy hàng rào để mở đường máu cho các đơn vị rút chạy. Thiếu Tá Vũ Khánh Dư, Thiết Đoàn Trưởng Thiết Đoàn 14 Kỵ Binh, đã tử thương ngay tại hàng rào. Riêng về Đại Tá Lê Đức Đạt, Tư Lệnh Sư Đoàn 22 Bộ Binh, thì có nhiều nguồn tin khác nhau về cái chết của ông. Trong quyển sách A Bright Shining Lie, tác giả Neil Sheehan cho biết là Đại Tá Đạt đã ra khỏi hầm chỉ huy, bị thương ở phi trường Dakto II và có thể đã tự sát. Một sĩ quan khác trong trại giam tù binh đã cho biết lúc rút lui khỏi căn cứ Tân Cảnh, ông nhìn thấy Đại Tá Đạt chạy băng qua gò đất cao, nguyên là khu mộ chiến sĩ vô danh, rồi kể từ đó không ai biết thêm tin tức gì nữa.

Lúc 1700G ngày 23/4/1972 tức là sau ba giờ căn cứ Tân Cảnh thất thủ tính từ lúc ĐT/TLSĐ22BB tử trận

Sau 25 năm Tân Cảnh thất thủ, Trung Tá Bùi Đức Lạc, Tiểu Đoàn Trưởng Pháo Binh Sư Đoàn Nhảy Dù, đã thuật lại trong bài "Kẽm Gai Bọc Thây Anh Hùng" như sau:
Khi Đại Tá Đạt ra tới hàng rào, chính Trung Tá Lạc (từ căn cứ Võ Định) là người sau cùng tiếp chuyện với Đại Tá Đạt trên đầu máy vô tuyến. Khoảng hai phút sau khi dứt liên lạc với Đại Tá Đạt, sĩ quan liên lạc pháo binh sư đoàn, tên Hưng, gọi Trung Tá Lạc để báo cáo. Cuộc điện đàm được tóm lược như sau: Đại Tá Đạt vừa bị tử thương, kẽm gai quấn chặt lấy ông,

không gỡ ra được. Sau đó, lúc 14 giờ 10, một tiếng nổ long trời ở đầu máy bên Tân Cảnh đã chấm dứt cuộc đàm thoại giữa Trung Tá Lạc và vị sĩ quan pháo binh sư đoàn.

Sau khi mất Tân Cảnh, ngày 25 tháng 4/1972, tướng Ngô Du cho lệnh triệt thoái quân phòng ngự tại các Căn Cứ Hỏa Lực 5 và 6. Trục lộ từ Tân Cảnh về Kontum lúc đó hầu như bị bỏ ngỏ.

Tên Đào Ngũ

Nguyễn Đạt – Sài Gòn

Thời gian tôi ở Đại Đội Hắc Báo tăng cường cho Sư Đoàn Hỏa Tuyến dài chừng..., tôi chẳng nhớ được, nhưng đấy là chuyện về sau. Chuyện tôi nhớ lại lúc này, là chuyện có liên quan tới anh D., thiếu úy (quân đội miền Nam trước 30-4-1975) có viết văn, tôi không biết anh viết văn từ hồi nào. Khi gặp anh, có lúc tôi gọi anh là thiếu úy D., có lúc là nhà văn HMD. Tôi có đọc truyện ngắn của anh trên tạp chí Văn thời ông Trần Phong Giao, phải nói rõ vì sau thời ông Trần Phong Giao còn có thời ông Mai Thảo, thời ông Nguyễn Xuân Hoàng. Tôi không nhớ tôi có thích truyện ngắn của anh hay không. Ai hỏi tôi, nếu một nhà văn quan sát con voi, chăm chú tới nó từ cái vòi đi trước, hai chân trước đi trước, hai chân sau đi sau, cái đuôi đi sau chót, và một nhà văn không chăm chú gì hết ở cái thân thể to như voi của nó, mà cứ thắc mắc làm sao biết được lối đi đến nơi huyệt mộ của con voi, thì tôi sẽ thích đọc nhà văn trước hay nhà văn sau? Tôi sẽ trả lời như nhà văn Hemingway thắc mắc, con báo nó lên tận đỉnh cao nhất của Kilimandjaro để tìm gì? Anh D. nghe tôi nói chuyện như vậy, từng nói với ai đấy tôi không nhớ, rằng hình như ông Đạt hơi bị bịnh thần kinh. Anh biết tôi làm thơ viết văn các thứ, nhưng tôi nghĩ, anh có quan tâm tới tôi chẳng qua vì anh rất nể nhà văn Nguyễn Mạnh Côn. Cho nên khi tôi đào ngũ bị bắt đi lính trở lại, không vì nể nhà văn Nguyễn Mạnh Côn nói anh cố giúp tôi về chỗ an toàn nhất của Sư Đoàn Hỏa Tuyến, sức mấy tôi về được. Nhưng mà không phải từ thế lực của anh, mà từ nhà văn Duy Lam, trung tá chánh văn phòng của trung tướng Hoàng Xuân Lãm, tư lệnh quân đoàn 1. Nhà văn HMD. là người liên hệ, để tôi được về chỗ an toàn nhất của Sư Đoàn Hỏa Tuyến, chuyện như vậy đó. Tôi về chỗ thiếu úy D., phòng 5 của Bộ Tư Lệnh Sư Đoàn.
Tôi đứng trên một trái núi giữa vùng rừng núi Hương Trà: Tiền đồn "T Bone". Tôi chẳng biết mình làm gì ở đây, trong bộ đồ lính mới xuất kho quân nhu, rộng thùng thình, chẳng phù hiệu đơn vị, cấp bậc, bảng tên gì ráo. Tôi được ra dấu đứng vào hàng ngũ, sắp có tổng thống Nguyễn Văn Thiệu và phu nhơn tới thăm tiền đồn, ủy lạo chiến sĩ nhân dịp Tết sắp tới.
Trái núi có tiền đồn T Bone rặt đá lởm chởm, khe dốc dựng đứng, cây cối rậm rịt. Chẳng có đường lên núi, kể cả lối mòn. Hóa ra người bạn cùng khóa sĩ quan trừ bị Thủ Đức với tôi, khóa 2/69, đang trấn giữ tiền đồn, bên cạnh có 2 vị hạ sĩ quan cố vấn Mỹ. Anh chàng không có 1 giây nói chuyện với tôi, chạy tới chạy lui lo việc đón chào đoàn ủy lạo. Tổng thống và phu nhơn và đoàn tùy tùng. Tôi không nhìn ai chăm chú bằng nhìn vị tư lệnh sư đoàn, gầy guộc khắc khổ nghiêm nghị rầu rầu. Ông Ngô Quang Trưởng còn có vẻ văn nhã nữa, hay tôi có cảm tưởng đó, do biết ông là con rể nhà văn tiền chiến Thạch Lam. Ông đi trong đoàn

duyệt qua các hàng ngũ, chợt dừng lại trước mặt tôi, nhìn tôi bằng cái nhìn tư lự, và hỏi: "Ở ngoài em làm gì?". Tôi trả lời nhanh, quả là tôi quá xúc động: "Dạ, thưa tôi là sinh viên". Tôi quen câu trả lời này, để trả lời bất cứ vị cảnh sát nào xét giấy tờ quân dịch. Tôi có thể nói thật với vị tư lệnh sư đoàn hỏa tuyến, rằng tôi là chuẩn úy sư đoàn 5 đào ngũ, mới bị bắt lính trở lại. Nhưng tôi không thể nói như vậy, vẻ thách thức sao đó, với một người có cái nhìn như ông đã nhìn tôi. Sau đó ông gật đầu chào tôi, nói gì với viên thiếu úy đi cạnh, lâu sau đó nữa, viên thiếu úy hỏi tên và số quân của tôi. Một chàng chiến sĩ ở hàng sau lưng tôi, đứng sát gần để nói nhỏ bên tai tôi: "Có lẽ thiếu tướng rút ông về Bộ Tư Lệnh Sư Đoàn đó".

Tôi chợt nhớ ra: thiếu úy D. cử tôi đi viết về đoàn ủy lạo ở tiền đồn T Bone, đăng trên tờ báo Hỏa Tuyến, tiếng nói của chiến sĩ Sư Đoàn Hỏa Tuyến. Thay vì ra chợ Đông Ba uống cà phê lac Son, tôi phải ngồi tại chỗ làm việc của Phòng 5, hì hục viết cái tin. Rồi tôi đi uống cà phê Lộc Son ở chợ Đông Ba muộn hơn mọi lần, trời đổ mưa, kêu tô bún bò bán ngay phía trước, ăn xong, thấy cũng nguôi ngoai ít nhiều nỗi buồn chiến sĩ. Khuya hôm ấy, trên chiếc giường sắt nhà binh còn mới, tôi nhớ lại hình ảnh buổi sáng trên tiền đồn T Bone. Tôi viết bài thơ ngắn, gửi tuần báo văn nghệ Khởi Hành của Hội Văn Nghệ Sĩ Quân Đội ở Sài Gòn.

Đi dọc đường Trường Sơn, nhà văn chiêu hồi Xuân Vũ viết về xương trắng đã đành, còn trên trái núi có tiền đồn T Bone, tôi nhìn sương mù trắng sớm mai, trắng chiều lạnh. Tôi tự hỏi, có gì an ủi được nỗi buồn chiến sĩ nơi đây. Những người lính dùng tiền làm giấy mồi lửa hút thuốc, vì lãnh lương xong biết tiêu tiền ở đâu bây giờ? Có người lính buồn quá, một tay cầm súng Carbine, bắn cho viên đạn xuyên qua bàn tay kia.

Thiếu úy D. nói với tôi với tất cả vẻ chân tình anh có được: "Đối với tôi thì anh Đạt khỏi phải suy nghĩ, anh là người thân của nhà văn Nguyễn Mạnh Côn mà tôi rất qúy trọng, tôi giúp đỡ được chi là tôi vui, nhưng anh nên có chút quà biếu thiếu tá trưởng phòng. Anh Đạt biết đấy, về Bộ Tư Lệnh Sư Đoàn khó lắm, lại là về làm báo. Thiếu tá mà không nhận anh về, thì anh phải ra trung đoàn tác chiến rồi".

Tôi có thể ra trung đoàn tác chiến: trung đoàn 1, trung đoàn 2, trung đoàn 3, trung đoàn 54. Tôi có thể xin đi tiền đồn S(X)ương Trắng. Tôi có thể..., chỉ không có thể ngồi trong Phòng 5 viết tin chiến trường. Tôi mới viết một cái tin, một cái tin hiếu hỷ giả tạo, tôi đã chán quá rồi. Sau vài ngày tôi không trở về cái bàn cái ghế cái giường sắt nhà binh, thiếu úy D. mới biết tôi lại đào ngũ. Những gì sau đó anh không thể biết, vì anh chưa từng nhìn thấy mặt mũi một người lính Đại Đội Hắc Báo nào, tăng cường cho Sư Đoàn Hỏa Tuyến từ bao giờ.

Vũ Hữu Định: Người Thơ Trốn Lính

Nguyễn Đình Toàn

Rất nhiều người yêu bài thơ *"Còn Một Chút Gì Để Nhớ"* của Vũ Hữu Định, vì được nghe qua nhạc Phạm Duy. Nghe rồi mới đọc. Nhiều khi cũng không phải là đọc nữa. Người ta nghe và thuộc lời ca của bản nhạc, từ đó nhớ lại rồi khám phá ra cái hay của bài thơ, cái hay của từng chữ trong bài thơ. Trước khi có bài thơ của Vũ Hữu Định, không biết có bao nhiêu người đã ước ao được đến Pleiku. Nhưng sau khi bài thơ được phổ nhạc, số người muốn được đặt chân, được nhìn thấy tận mắt cái phố núi ấy….Ai đó cho rằng, một thành phố dù đẹp đến đâu, nếu chưa được đưa vào văn thơ, âm nhạc, hội họa...cũng kể như nó chưa có linh hồn vậy…

Phố núi cao phố núi đầy sương
Phố núi cây xanh trời thấp thật gần
Anh khách lạ đi lên đi xuống
May mà có em đời còn dễ thương
Phố núi cao phố núi trời gần
Phố xá không xa nên phố tình thân
Đi dăm phút đã về chốn cũ
Em Pleiku má đỏ môi hồng
Ở đây buổi chiều quanh năm mùa đông
Nên mắt em ướt và tóc em ướt
Da em mềm như mây chiều trong…

Và một tác phẩm hiện hữu hay tồn tại được hình như cũng có những cơ duyên của nó. Phạm Duy cho biết, ông gặp Vũ Hữu Định ở Pleiku trong một chuyến đi tìm cảm hứng cho cuộc sống của riêng ông và nhất là tìm hiểu tâm trạng những nhà thơ trẻ, đại đa số khi ấy đang đi lính hay đang…trốn lính.
Em ruột nhà thơ, kể : "…Nhà nghèo, anh phải vào đời sớm làm lụng phụ nuôi các em. Không còn thiếu nghề gì trên đời mà Vũ Hữu Định chưa nếm trải, từ bán báo, đánh giày, bán đậu phụng, bán bún xôi, vẽ bảng hiệu, chơi nhạc, đánh trống phòng trà ..., nhưng trong túi chưa bao giờ có đồng bạc dư, cả đến lúc chết. Lớn lên bị kêu quân dịch, thế là chui nhủi khắp nơi để trốn lính, nương náu bạn bè. "

Trưa ngủ đậu
Chiều đi
Đêm đợi
Mai lang thang, mốt biết về đâu ?

Trốn mãi không thoát, Vũ Hữu Định bị sung vào lính quân cụ đóng ở Đà Nẵng. Thế nhưng lận đận cũng không buông tha, bởi cốt cách và lối hành xử rất thi sĩ của mình. Trong bài thơ "Cảm Ân Người Vợ Khổ" có nhắc đến một chi tiết ít người biết :

Lần nào em sinh nở
Ta cũng phải vắng nhà
Đứa đầu lòng, tù tội
Đứa thứ hai, đi xa...

Chuyện "tù tội" theo lời kể của người thơ, là thế này : Cuối năm 1965, xảy ra lộn xộn về tôn giáo, nhóm lính thợ của Vũ Hữu Định được huy động đến ôm súng đứng gác trước cửa chùa Tỉnh Hội. Một hôm, đang đứng gác, ngườ thơ sực nhớ đã tới ngày ... "cưới vợ". Bèn gửi súng lại cho bạn, rồi cứ nhắm hướng quê vợ sắp cưới ở gần núi Tuý Vân mà...cuốc bộ ! Vũ Hữu Định sau đó bị giam mấy tháng, cũng là lúc người vợ trẻ ở nhà sinh hạ đứa con trai đầu. Sau khi mãn hạn giam, Vũ Hữu Định lại bỏ đi biền biệt, chọn một cuộc đời bất định.

Thơ Vũ Hữu Định điển hình nhất cho kiếp thi sĩ giang hồ, lận đận. Lận đận do thời thế, và do thời cuộc tạo ra. Nên thơ Vũ Hữu Định , những bài hay nhất là khi viết trên đường lang bạt kỳ hồ, bị nỗi khốn khó truy đuổi. Càng bị truy lùng, thơ Vũ Hữu Định càng hay hơn nữa…Ta có một bài thơ hay rồi lại có một bài hát hay, đó chưa đủ là một điều thích thú sao? Thắc mắc nữa mà chi?

Căn Cứ Võ Định

Lúc 1700G ngày 23/4/1972 tức là sau ba giờ căn cứ Tân Cảnh thất thủ tính từ lúc ĐT/TLSĐ22BB tử trận , chúng tôi bay trên vùng trời Tân Cảnh và được phòng không địch dàn chào đạn nổ như hoa nở trên không , đây là loại phòng không 14.5 Ly. Lần thứ nhất chúng tôi gặp địch khai hoả phòng không 14.5 ly, lúc này CNC (máy bay chỉ huy) cuả chúng tôi là mục tiêu duy nhất cho nên tất cả phòng không trong vùng đều tập trung vào CNC , tôi cố gắng quan sát chung quanh vùng nhưng hôm nay Tân Cảnh là vùng đất hoang vu cô quạnh , không một bóng người , ngay cả chim muông cũng lánh xa vùng đất tang tóc này, trong doanh trại không một dấu hiệu nào là có sự hiện diện cuả địch quân , trung tâm hành quân im lìm nhưng vẫn còn làn khói lạt bay ra , khu ở cuả Cố Vấn Mỹ hình như có bị hư hại , hàng rào nơi Đại Tá TL/SĐ22BB tử thương có nhiều dấu vết mới do bom đạn để lại Tôi nghĩ tới Tr/T Triển Chỉ huy trưởng Pháo Binh Sư Đoàn khi ông là Tiểu đoàn Phó TĐ2PB tại Đà Nẵng , tôi là Pháo Đội Trưởng dưới quyền ông năm 1961….Máy bay chao đảo có lẽ phi công tránh đạn phòng không làm tôi giật mình , Bính Phi Đoàn Trưởng phi đoàn Bạch Tượng , cùng học chung với tôi tại trường Chu Văn An năm 1957, bây giờ anh đang là phi công chính cuả CNC vội vàng kéo cần lái cho máy bay lên cao , hai xạ thủ đại liên tay cầm lăm lăm cây hỏa châu sẵn sàng khai hỏa chống hỏa tiễn , may mắn chúng không xử dụng hỏa tiễn phòng không .

Khi đáp xuống đón Đại Tá LĐT và chúng tôi , Bính mang theo một công điện của Quân Đoàn ; cho lệnh LĐ2ND có nhiệm vụ chỉ huy và hướng dẫn những quân nhân thất tán tập trung lại một chỗ rồi phối hợp với trực thăng bốc ra Kon Tum , T/T Bính có nhiệm vụ phối hợp với chúng tôi và chỉ huy 2 phi đoàn Trực Thăng và hai phi đội Chinoock (một chinoock có thể chở 1 khẩu Đại Bác 155 hoặc một trung đội Bộ Binh), sau khi bốc xong LĐ2ND sẽ nhận nhiệm vụ mới ,

đồng thời Pháo Đội A1 đang đóng tại Mạnh Mẽ (khỏang giữa KonTum và Võ Định) do TĐ...BĐQ bảo vệ đang bị áp lực rất nặng nề của địch , được lệnh cuả Quân Đoàn phá hủy súng vào đêm ngày 23 tháng 4 năm 1972 rồi trong đêm di chuyển băng rừng rút ra Kon Tum .

Dù ngu ngơ cách nào chăng nữa thì cũng phải biết rằng địch sẽ dứt điểm chúng tôi nay mai , niềm xúc động chứa chan nhìn anh em ngoài tuyến đang bảo trì vũ khí , họ thật bình tĩnh, tôi cảm thấy an tâm , ĐĐ2TS hoạt động từng toán nhỏ chung quanh căn cứ Võ Định, chu vi từ 2 cho đến 5 cây số liên tiếp tiêu diệt , hoặc bắt sống các toán tiền thám cũng như Tiền Sát Viên Pháo Binh của Sư Đoàn 320 , tù binh cho biết Sư Đoàn 320 có nhiệm vụ tấn công căn cứ Võ Định sau đó hướng về Kon Tum , hàng ngày chúng tôi vẫn bị pháo nặng nề, nhất là trong ngày chúng đánh Charlie và Tân Cảnh , nhưng chúng pháo không được trúng đích cho lắm đó chính là công đầu của ĐĐ2TS/ND .

Người mang máy ĐT/LĐT/LĐ2ND cố gắng liên lạc với toán quân dưới đất nhưng vô hiệu ngoại trừ các đơn vị thuộc TĐ9ND ; ĐT/LĐT cho lệnh TĐ9ND cánh quân Alpha và hai ĐĐ đang hoạt động phiá bắc và tây bắc Tân Cảnh, di chuyển băng rừng về căn cứ Võ Định , cánh quân Bravo do gồm 2 Đại Đội do Đ/U Lê mạnh Đường làm Đại đội Trưởng chuẩn bị bãi đáp để bốc về Võ Định , cánh quân này được ưu tiên bốc trong ngày 24/4/72 .

Ngày 24/4/72 lúc 0730G chúng tôi lên vùng sau khi phải chịu gần 15 phút pháo kích tại bãi bốc ngay tại Võ Định tức nơi đóng quân của BCH/LĐ2ND ; CNC vừa lấy được cao độ tôi nhận diện được ngay vị trí hỏa tiễn của chúng , tôi lập tức cho các pháo đội khóa họng chúng lại ngay . Chúng tôi vào vùng cánh quân Bravo của TĐ9ND ; Bính từ chối bốc cánh quân này vì lý do bãi bốc không an toàn , quả đúng như vậy vì khi chúng tôi bay còn cách xa bãi bốc khoảng 5 cây số phòng không và súng cá nhân cuả địch khai hỏa vô cùng mạnh mẽ , Bính cho biết toàn vùng bị chúng làm chủ tình hình không thể nào có bãi bốc an toàn được , ĐT/LĐT lo ngại cho cánh quân Bravo sang hệ thống nội bộ nói với tôi, tôi hiểu đây là một lệnh vô cùng khó khăn cho tôi tình hình không còn sáng sủa nữa , đồng thời ĐT/LĐT cho lệnh Đường theo lệnh tôi .

Nhìn xuống bãi bốc của cánh quân Bravo làn khói mầu vàng đánh dấu bãi sẵn sàng họ đâu có biết việc bốc họ ra đã bị từ chối , dưới đó hai đại đội với 20 thương binh và gần 10 anh em trong áo mưa , đạn dược không còn nhiều nếu không bốc ra trong ngày thì quả là một tai họa cho họ , người mang máy của ĐT/LĐT cố gắng liên lạc với những anh em thất lạc thuộc SĐ22BB nhưng vẫn chưa có kết quả , khói mầu và một vài cây hỏa châu bắn lên trời xin cầu cứu rải rác phiá đông và đông nam của Tân Cảnh mãi tới 0800G mới liên lạc được sĩ quan tiền trạm TĐ9ND , toán này nằm trong căn cứ Tân Cảnh , khi Tân Cảnh thất thủ sĩ quan tiền trạm đã dẫn nguyên toán với súng đạn và hai máy truyền tin thóat ra khỏi căn cứ , hiện thời toán này đang ở hướng đông nam của Tân Cảnh cách căn cứ khoảng 6 cây số nằm về phiá Tây của sông Pôkơ , sĩ quan tiền trạm báo cáo hiện đang có khoảng 200 quân nhân đủ mọi thành phần thấy anh có máy liên lạc nên tháp tùng theo , tôi cho Tango (chỉ danh cuả sĩ quan tiền trạm TĐ9ND) biết là tôi sẽ có trực thăng để bốc tất cả 200 người ra nhưng phải có bãi đáp tốt và phải có kỷ luật ,mỗi tóan lên máy bay tối đa là 6 người , nặng quá máy bay không cất cánh được sẽ gây tai nạn cho máy bay , hơn nữa trong vùng có địch nếu nặng quá khó lấy cao độ và chậm chạp , sẽ là mục tiêu cho địch

, tôi dặn dò không được chen lấn giành lên máy bay , nếu làm được những chuyện đó thì sẽ được bốc ra , tôi kiếm bãi đáp cho toán này , hướng dẫn Tango ra bãi đáp vùng mà ĐT/LĐT cùng tôi và Bính đều đồng ý là tương đối an toàn .

Tôi có nhiệm vụ mới là phối hợp và chỉ huy cuộc bốc quân ra KonTum , nên được xư dụng máy chỉ huy của ĐT/LĐT để liên lạc , đồng thời chúng tôi cũng nhận được lệnh của Quân Đoàn là bốc PĐB1 đang ở Võ Định ra KonTum , PĐD1 đang ở Yankee ra KonTum , PĐC1 và PĐ155 đã được bốc ra Kontum ngày 23/4/72 ; 1130G các đơn vị pháo binh trực thăng vận ra KonTum xong , riêng PĐA1 vẫn còn đang di chuyển băng rừng ra KonTum . Chiếc CNC cô độc vẫn bay quanh vùng Tân Cảnh , Bính vẫn nhất mực là không thể bốc cánh quân Bravo cuả TĐ9ND vì lý do bãi bốc quá (Hot) . Tôi buộc lòng phải nói láo với Bính cuộc đàm thoại giữa tôi và Bính trên hệ thống intercom :
- Bính ơi Đ/U Đường , đang chỉ huy cánh quân Bravo hắn cùng học Chu Văn An đó.
- Thật hả , hắn học lớp nào vậy
- Vậy tao phải cố gắng cứu hắn ấy mới được , bỏ đàn em tội nghiệp nó .
- Thế này nhé: Tao ở trên cao kiếm bãi bốc dễ hơn, sau khi kiếm được sẽ hướng dẫn hắn ấy theo.
- Phải đó .
- Đồng ý, hướng tây bắc của Phượng Hoàng coi bộ tụi nó không kiểm sóat, dân chúng thấy còn đi lại .
- Khu làng Thượng bên kia sông , Lạc hướng dẫn tụi nó tới đó đi .
- Phải làng Dakmoklop đó không .
- Đúng rồi đó ! khi nào tụi nó sang đến đó sẵn sàng, tao sẽ điều động hai phi đoàn trực thăng vào bốc một lần , nói với Đường là mỗi trực thăng chỉ chở tối đa 6 quân nhân.
- Được rồi để tao liên lạc, Đường nó lo được mà.

***
Tôi về hệ thống chỉ huy cho lệnh Bravo phải thi hành như trên . Đường đã cho mang theo đầy đủ xác và thương binh , CNC bay ra xa vùng bãi bốc nhưng tôi cũng cố gắng theo dõi cuộc chuyển quân lận đận này , đúng 0900G tiền quân băng qua cây cầu khỉ không một tiếng súng , và đúng 0930G trên 40 trực thăng vào vùng bốc toàn bộ cánh quân Bravo cuả TĐ9ND ra khỏi vùng chết về thẳng KonTum. Địch không kịp trở tay để bắn ngăn chặn , những chiếc trực thăng cuối có bị địch khai hỏa bằng súng cá nhân nhưng ta hoàn toàn vô sự, tôi cảm thấy nhẹ nhõm như trút được một gánh nặng . Lúc này toán cuả Tango cũng báo cáo sẵng sàng và quân số lên khoảng 400 , tôi biết toán này rất ô hợp chắc chắn sẽ có những hành vi vô kỷ luật , nếu chuyện này xẩy ra , vì an toàn máy bay sẽ không xuống nữa , Bính cũng đã nói với tôi như vậy thành ra đây cũng là một vấn đề .

Tôi nói với Bính toán Tango sẵn sàng , Bính cho biết dùng cả hai phi đoàn để bốc ra và nếu cần dùng cả chinook nữa. Tôi nhắc lại để Tango cho lệnh lại : mỗi trực thăng chỉ chở 6 người , mỗi chinook chỉ chở 36 người , phải chia thành từng toán gọi tới toán nào thì toán đó mới được lên, tất cả mọi người đều được bốc ra không bỏ lại, tôi đề nghị với Bính là hãy thử cho 2 trực thăng xuống trước những phi cơ còn lại hãy cover ở xa , nếu lên quá 6 người không cất cánh để tôi

chỉnh đốn lại, nhưng khi hai chiếc khác xuống thì cảnh hỗn loạn lại xẩy ra , tôi bảo Tango tắt loa để một mình Tango nghe tôi nói khi Tango đáp nhận hiểu , sau đó Tango cho kéo một anh sừng sỏ nhất ra khuất xa và nổ súng , lúc đó mọi người mới sợ nếu vô kỷ luật sẽ bị bắn và hai phi đoàn mới bốc quân được , nhưng bãi bốc mỗi lúc một đông hơn mà địch quân không thấy xuất hiện để tấn công lúc hỗn loạn này , đó chính là mối lo cuả chúng tôi nhưng không hiểu sao không bị địch tấn công , sau này chúng tôi mới biết chúng sợ như Charlie , B52 sẽ làm thịt chúng nên chúng tránh xa , về sau phải dùng cả chinook mà 1500G mới bốc

.

Ngày 25/4/72 là màn trực thăng vận các quân nhân tại căn cứ Võ Định ra Kon Tum , lần này không còn dễ dàng nữa chúng pháo liên tục bằng đủ loại Pháo và hoả tiễn , cuối cùng thì chúng tôi cũng ra konTum trong ngày. Tại KonTum BTL/SĐ23BB cuả ĐT Lý Tòng Bá và một số đơn vị cơ hữu cuả SĐ23BB đã có mặt , LĐ2ND được lệnh Phòng thủ mặt Tây và Bắc cuả thành phố . Pháo cuả địch lại dồn dập xuống KonTum đa số là hỏa tiễn 122 ly. Ngày 25/4/72 mãi tới 1800G Pháo đội A1 mới đi bằng đường bộ tới KonTum , chúng tôi chờ địch đến KonTum , nhưng ngày 27/4/72 LĐ2ND nhận được công điện thượng khẩn toàn bộ LĐ phải ra Quảng Trị ngay để ngăn chặn địch không cho tràn về Huế đồng thời phản công tái chiếm Quảng Trị.

Ở Cuối Hai Con Đường

Phạm Tín An Ninh - Na Uy

Những năm "cải tạo" ở miền Bắc, tôi được chuyển đi khá nhiều trại. Từ Lào Cai, xuống Hoàng Liên Sơn, rồi Nghệ Tĩnh. Khi mới đến Hoàng Liên Sơn, tôi được đưa đến trại Hang Dơi, nằm sâu trong núi. Đây là một vùng sơn lâm chướng khí, nên chỉ mới gần hai năm mà tôi đã có hơn 20 người bạn tù nằm lại vĩnh viễn ở dưới sườn đồi. Sau đó, tôi được chuyển về trại 6/ Nghĩa Lộ. Trại này nằm gần Ban chỉ huy Tổng Trại, và cách trại 5, nơi giam giữ gần 30 tướng lãnh miền Nam, chỉ một hàng rào và mấy cái ao nuôi cá trám cỏ. Ban ngày ra ngoài lao động, tôi vẫn gặp một vài ông thầy cũ, kể cho nhau nghe đủ thứ chuyện vui buồn.
Ngày nhập trại, sau khi "biên chế" xong, cán bộ giáo dục trại đưa 50 thằng chúng tôi vào một cái láng lợp bằng nứa, nền đất, ngồi chờ "đồng chí cán bộ quản giáo" đến tiếp nhận.
Vài phút sau, một sĩ quan mang quân hàm thượng úy đi vào láng. Điều trước tiên chúng tôi nhìn thấy là anh ta chỉ còn một cánh tay. Một nửa cánh tay kia chỉ là tay áo bằng kaki Nam Định, buông thỏng xuống và phất phơ qua lại theo nhịp đi của anh. Không khí trở nên ngột ngạt. Không nói ra, nhưng có lẽ trong đám tù chúng tôi ai cũng có cùng một suy nghĩ : - Đây mới đích thực là nợ máu đây, biết trả như thế nào cho đủ ?.

Nhưng bất ngờ, người cán bộ quản giáo đến trước chúng tôi , miệng nở nụ cười. Nhìn khuôn mặt hiền lành, và ánh mắt thật thà, chúng tôi cũng bớt lo âu. Bằng một giọng đặt sệt Nghệ Tỉnh, anh quản giáo giới thiệu tên mình: Nguyễn văn Thà, rồi "báo cáo" một số nội quy, yêu cầu của Trại. Anh đưa cho anh đội trưởng một tập vở học trò, phát cho anh em mỗi người một tờ giấy để làm bản "lý lịch trích ngang". Tôi đang ngồi hý hoáy viết cái bản kê khai lý lịch ba đời với bao nhiêu thứ "tội" dưới biển trên trời mà tôi đã thuộc lòng từ lâu lắm - bởi đã phải viết đến cả trăm lần, ngay cả những lần bị đánh thức lúc nửa đêm - bỗng nghe tiếng anh quản giáo hỏi:
- Trong này có anh nào thuộc Sư 23 ?
Tôi im lặng giây lát rồi lên tiếng :
- Thưa cán bộ, có tôi ạ,.
- Anh ở trung đoàn mấy
- Trung Đoàn 44
- Vậy anh có tham dự trận đánh Trung Nghĩa ở ***KonTum đầu mùa hè 1972?***
- Vâng, có ạ.
Anh quản giáo đưa cánh tay bị mất một nửa, chỉ còn cái tay áo đong đưa, lên ;
- Tôi bị mất cánh tay này trong trận đó.

Nhìn qua anh em, thấy tất cả mọi con mắt đều dồn về phía tôi. Để lấy lại bình tĩnh, tôi làm ra vẻ chủ động:
- Lúc ấy cán bộ ở đơn vị nào ?
- Tôi ở trung đoàn xe tăng thuộc Sư 320.
Anh quản giáo rảo mắt nhìn quanh, rồi hạ giọng tiếp tục:
- Trận ấy đơn vị tôi thua nặng. Cả một tiểu đoàn tăng của tôi còn có 2 chiếc. Chiếc T54 của tôi bị bắn cháy. Tôi thoát được ra ngoài, nhưng bị các anh bắt làm tù binh.

- Sau đó cán bộ được trao trả ? tôi hỏi .
- Tôi bị thương nặng lắm, do chính đạn trong xe tôi phát nổ. Tôi được các anh đưa về quân y viện Pleiku chữa trị .-Nhờ vậy mà tôi còn sống và được trao trả tù binh đợt cuối cùng năm 1973, sau khi có hiệp định Ba Lê.
Dạo đó, miền Bắc, đặc biệt trên vùng Hoàng Liên Sơn, trời lạnh lắm. Mỗi láng được đào một cái hầm giữa nhà, đốt những gốc cây được anh em nhặt ngoài rừng, sau giờ lao động, mang về sưởi ấm. Tối nào, anh quản giáo cũng xuống sinh hoạt với anh em. Gọi là sinh hoạt, nhưng thực ra anh chỉ tâm tình những chuyện vui buồn đời lính, thăm hỏi hoàn cảnh của anh em tù, và khuyên anh em nên cố gắng giữ gìn sức khỏe, đừng làm điều gì sai phạm để không phải nghe mấy ông cán bộ nặng lời. Anh thường nói :
- Tôi rất đau lòng, khi thấy các anh phải nghe những lời thô lỗ. Tôi biết các anh đều là những người có trình độ văn hóa và ai cũng đã từng chỉ huy.

Mùa đông, không trồng trọt được, nên khẩu phần ăn của một nguòi tù chỉ có một miếng bánh mì đen bằng hai ngón tay, hoặc lưng một bát bắp hạt. Phần thiếu ăn, một phần ẩm ướt thiếu vệ sinh, nên nhiều anh em tù bị bệnh kiết lỵ. Thuốc men hoàn toàn không có, nên bệnh kéo dài lâu ngày. Nhiều người đứng không vững.Một buổi chiều cuối đông, mưa phùn rả rích, sương mù giăng kín cả thung lũng trại tù, cả đám tù chúng tôi ngồi co ro trong láng, cố nhai từng hạt bắp cứng như viên sỏi, nhìn ra cánh đồng phía trước, thấp thoáng một người mang áo tơi (loại áo mưa kết bằng lá cây) chạy lúp xúp từ chỗ này đến chỗ khác, cho đến khi trời tối. Đêm đó, như thường lệ, anh Thà xuống sinh hoạt với anh em bên bếp lửa. Anh bảo nhỏ anh đội trưởng :
- Tôi để một giỏ cá đàng sau láng. Trước giờ ngủ, anh ra mang vào, chia cho mấy anh bị bệnh kiết lỵ đang mất sức để các anh bồi dưỡng. Nhớ giữ kín, đừng để trên biết.
Bây giờ anh em mới hiểu, người mà chiều nay, đặt lờ bắt cá ngoài đồng ruộng chính là quản giáo Thà. Ai cũng cảm động. Biết là anh em tù bị đói triền miên, nhất là sau mùa đông dài, một buổi sáng đầu mùa xuân , quản giáo Thà đưa cả đội 50 người tù lên một đồi trồng toàn sắn của một hợp tác xã nào đó. Sắn đầu mùa, củ còn nhỏ. Anh chỉ cho anh em cách đào lấy củ mà thân sắn vẫn còn nguyên; đào mấy cái bếp "Hoàng Cầm" để luột sắn mà không ai phát hiện có khói. Anh dắt hai anh tù xuống đồi xách hai thùng nước mang lên, căn dặn anh em thay phiên nhau luột sắn ăn cho no. Anh đích thân ở lại đứng gác, nếu có ai vào, anh vờ ra lệnh "chuẩn bị đi về", anh em tức khắc dấu hết "tang vật" xuống một cái hố đã đào sẵn. Dường như đó là cái ngày duy nhất mà 50 người tù chúng tôi được no -dù chỉ là no sắn-
Không biết tối hôm ấy, trong giờ "giao ban" , quản giáo Thà đã báo cáo với ban chỉ huy trại là đội tù của chúng tôi đã phát được bao nhiêu hecta rừng ? Mỗi lần ra bãi thấy anh em lao động nặng nhọc, anh Thà bảo nhỏ :
- Anh em làm việc vừa phải, khi nào mệt thì ta nghỉ. Nhớ giữ gìn sức khỏe, vì thời gian cải tạo còn dài lắm.

Vào một dịp Tết, cầm giấy nghỉ phép trong tay, nhưng anh ở lại với anh em. Số tiền lương vừa lãnh được, anh mua mấy bánh thuốc lào, vài ký kẹo lạc, biếu anh em ăn tết. Lần ấy, anh tâm sự thật nhiều với anh em :

- Lần bị thương năm 1972 ở Kontum, tôi nghĩ là tôi đã chết. Vết thương quá nặng, lại phải nằm

trong rừng rậm một mình, không có thức ăn, nước uống. Trong lúc tuyệt vọng nhất, tôi bất ngờ được một đơn vị của Sư 23 các anh phát giác. Các anh băng bó vết thương, cho tôi ăn uống, tận tình săn sóc tôi như một người đồng ngũ. Các anh luân phiên khiêng tôi ra khỏi khu rừng rậm, gọi máy bay tản thương đến đưa tôi về bệnh viện. Trời tối, máy bay chưa xuống được, đảo mấy vòng, thì vị trí bị lộ. Các anh bị pháo kích, may mà không có ai bị thương. Các anh lại phải vội vàng di chuyển đi nơi khác. Cả khu rừng chỉ có một khe đá là nơi trú ẩn an toàn, các anh lại dành cho tôi, rồi phân tán mỏng. Tôi được hai anh y tá săn sóc suốt cả đêm . Người chỉ huy hôm ấy là một anh rất trẻ, mang quân hàm trung úy, mấy lần ôn tồn hỏi thăm tôi và khuyên tôi cố gắng để được đưa về quân y viện chữa trị. Anh còn cho tôi nửa bao thuốc lá còn lại của anh, bảo tôi hút thuốc để quên bớt cơn đau của vết thương. Sáng sớm hôm sau, tôi được máy bay tản thương đưa tôi về quân y viện Pleiku. Ở đây, mặc dù tôi phải nằm riêng, nhưng được bác sĩ các anh chăm sóc tận tình. Tất cả đã đối xử với tôi như người đồng đội. Có lần, một phái đoàn đến ủy lạo thương binh các anh, họ cũng đến thăm, cho tôi quà, và an ủi tôi thật chân tình. Vết thương vừa lành, thì tôi được lệnh trao trả tù binh. Khi chia tay, bệnh viện còn cho tôi nhiều thuốc men và một số đồ dùng. Lòng tôi tràn ngập cảm xúc. Tôi nghẹn ngào trước tình con người, tình dân tộc mà các anh đã dành cho tôi. Tình cảm ấy tôi chôn chặt tận đáy lòng, không dám tâm sự cùng ai, vì lòng tôi lúc nào cũng nghĩ đến vợ con tôi, và nhất là người mẹ già gần tuổi 80 đang ngày đêm mong chờ tôi trở về.

Thời gian vàng son của năm mươi người tù đội 4 trại 6/ Nghĩa Lộ, Hoàng Liên Sơn, kéo dài không quá sáu tháng. Một buổi sáng sớm, khi sương mù còn vương trên thung lũng trại tù, một người đạp chiếc xe đạp vội vã rời ban chỉ huy trại. Sau xe đèo theo một cái rương bằng gỗ và một túi đeo lưng bộ đội. Một vài anh em nhận ra anh Thà và báo cho anh em. Cả một đội năm mươi người tù vừa mới thức dậy, còn ngái ngủ, chạy ùa ra sân, vẫy tay gọi. Anh Thà không nhìn lại, đưa cánh tay chỉ còn một nửa lên vẫy vẫy, rồi biến dạng trước cổng trại.

***

Chiếc thuyền nhỏ mang theo trên 30 người vượt biển, trong đó có tôi và ba người bạn cùng tù ở Nghĩa Lộ ngày trước, ra đến hải phận quốc tế hai ngày thì gặp bão. Chúng tôi may mắn được một chiếc tàu chuyên chở dầu hỏa của vương quốc Nauy. Bốn anh em, những người cùng tù Nghĩa Lộ năm nào, được sắp xếp ở gần nhau. Mỗi ngày gặp nhau đều nhắc lại những năm tháng khốn khổ trong tù. Đặc biệt khi nhắc tới quản giáo Thà, ai trong chúng tôi cũng ngậm ngùi, nghĩ đến một người không cùng chiến tuyến mà còn có được tấm lòng. Sau lần bị "hạ tầng công tác" ở trại tù Nghĩa Lộ, không biết anh đi về đâu, nhưng chắc chắn là bây giờ cũng vất vả lắm.

Sau hai năm theo học, tôi được nhận vào làm trong ngân hàng bưu điện trung ương. Tại đây, tôi quen với Kenneth Hansen, một bạn đồng nghiệp còn trẻ tuổi, lại ở gần nhà, nên sau này trở nên thân tình. Anh ta là sinh viên đang theo học về kinh tế, chỉ làm việc thêm ngoài giờ hoc. Làm chung gần một năm, thì anh bạn Nauy này lại được nhận vào một công ty lớn và sang làm việc ở chi nhánh bên Ấn Độ. Bẵng đi vài năm, bất ngờ một hôm anh gọi điện thoại báo là sẽ đến thăm tôi và đem đến cho tôi một bất ngờ. Và đúng là bất ngờ thật, vì cùng đến với anh là một người con gái Việt nam. Anh giới thiệu với vợ chồng tôi, đó là vị hôn thê của anh.

Cô gái tên Đoan, nói giọng Hà Nội chính tông. Gặp chúng tôi ở một nơi xa lạ, cô vui mừng lắm. Cô cho biết sau sáu năm du học ở Đông Đức, rồi Liên Xô, cô được sang thực tập tại Ấn Độ. Chính tại đây cô có dịp gặp và quen với chàng trai Nauy này. Sau một thời gian, được cấp quốc tịch Nauy, cô Đoan trở về Việt Nam việc cô Đoan trở về Hà Nội, làm tôi nghĩ đến anh quản giáo Nguyễn văn Thà thưở trước. Tôi cùng với mấy người bạn tù cũ, góp một số tiền khoảng 800 đôla, nhờ cô Đoan về Nghệ Tĩnh tìm và trao lại cho anh, như để tỏ chút lòng biết ơn một người bao nhiêu năm sống trong đám bùn lầy nước đọng mà vẫn còn giữ sạch được tấm lòng. Việc tìm anh không phải dễ dàng, vì chúng tôi không biết nhiều về anh. Trong mảnh giấy nhắn tin, chỉ vỏn vẹn vài chữ : "ông Nguyễn văn Thà, gốc Nghệ Tĩnh, khoảng năm 1979 là thượng úy, làm quản giáo trại tù cải tạo số 6/ Nghĩa Lộ, Hoàng Liên Sơn ". Cô Đoan vui vẻ nhận lời và hứa sẽ tìm đủ mọi cách để gặp hoặc liên lạc anh Thà. Cô cũng cho biết là cô có ông chú họ hiện làm việc tại bộ quốc phòng. Cô sẽ nhờ ông ta tìm hộ.
Một tháng sau, cô Đoan trở lại Nauy, báo cho chúng tôi biết là ông chú của cô không tìm thấy tên Nguyễn văn Thà trong danh sách sĩ quan. Ông đoán là anh ta đã bị phục viên từ lâu lắm rồi. Cô đã đích thân vào Nghệ Tĩnh, hỏi thăm mọi cơ quan, nhưng không ai biết. Cuối cùng cô phải thuê mấy tờ báo địa phương đăng lời nhắn tin, trong đó có ghi số điện thoại của tôi. Thời gian trôi qua, bận bịu bao nhiêu việc làm ăn, lo cho con cái, để kịp hội nhập vào đời sống trên quê hương mới, chúng tôi không còn ai nhắc đến chuyện anh Thà.

Bỗng một hôm, khi đang say ngủ, nghe tiếng điện thoại reo, tôi giật mình tỉnh giấc. Xem đồng hồ, hơn hai giờ sáng. Giờ này mà ai gọi điện thoại thì phải có điều gì khẩn cấp lắm. Tôi bốc ống nghe, Đầu giây bên kia là giọng một cô gái, nói tiếng Việt rất khó nghe. Cô hối hả, nhưng rất lễ phép, xin được gặp tôi. Cô cẩn thận nhắc lại tên tôi hai lần, với đầy đủ họ và tên.
- Xin lỗi, cô là ai và đang ở đâu ạ ? tôi hỏi.
- Dạ, cháu là Hà, Nguyễn Thị Hà, cháu đang ở Ba Lan ạ.

Thoáng lục lọi trong trí nhưng tôi không nhớ là mình đã quen ai tên Hà. Bên kia đầu giây, cô gái lên tiếng:
- Bác có còn nhớ ông Thà, làm quản giáo ở Nghĩa Lộ không ạ?
- Ông Thà, Nguyễn văn Thà, Bác nhớ, nhưng cô là gì của ông Thà, và sao lại ở Ba-Lan ?
- Dạ, ông Thà là bố cháu. Cháu ở Ba-Lan với một đứa em trai. Bọn cháu khổ lắm Bác ạ. Tiếng cô gái sụt sùi.
- Cháu cho bác số phôn, bác gọi lại ngay, để cháu khỏi tốn tiền.

Tôi gọi lại, và nghe tâm sự não nề của cô gái. Cô và em trai, tên Tĩnh, được bố mẹ lo lắng, chạy vạy, bán hết đồ đạc trong nhà, kể cả chiếc xe đạp Trung quốc mà cha cô nâng niu như là một thứ gia bảo, vay mượn thêm, lo cho hai chị em cô sang lao động ở Ba-Lan. Sau khi chính quyền cộng sản Ba-Lan bị cuốn theo làn sóng dân chủ ở Đông Âu, chị em cô cùng hầu hết những người được chính quyền Việt Nam gởi sang lao động, đã không về nước, trốn ở lại. Vì sống bất hợp pháp, nên không tìm được việc làm chính thức. Hầu hết làm chui, buôn bán thuốc lá lậu. Một số trở thành ăn cắp, băng đảng, quay lại cướp bóc hoặc tống tiền chính những nguòi đồng hương. Số người Việt này trở thành mối bận tâm không nhỏ cho những chính quyền mới ở các nước Đông Âu. Hai chị em cô Hà thuê một căn gác nhỏ trong thành phố Warszawa, nhận

thuốc lá của một người khác, mang đi bán. Nhưng mỗi lần dành dụm được một ít, chưa kịp gởi về giúp gia đình thì bị cướp sạch. Một hôm, cậu em trai nhận thuốc lá mang đi bán, bị cảnh sát bắt và phát hiện là số thuốc lá kia vừa bị mất cắp tại một cửa hàng Ba-Lan. Vì vậy cậu em trai bị nhốt vào tù, còn cô Hà thì đang bị truy nã. Việc xảy ra một ngày trước khi cô Hà gọi điện thoại cho tôi .
- Bây giờ cháu đang ở đâu ? Tôi hỏi.
- Cháu đang trốn ở nhà một nguòi bạn, nhưng cô ta không dám chứa cháu lâu. Cháu không biết phải làm sao, thì bất ngờ nhớ đến lá thư của ba cháu gởi cho cháu cách nay vài tháng. Ba cháu bảo cháu trong trường hợp rất cần thiết mới gọi cho bác.
- Ba cháu bây giờ làm gì ?
- Ông bị ốm nặng. Cách nay hai năm bị tai biến mạch máu não, liệt nửa người, nên chỉ nằm một chỗ. Vì vậy nên chị em cháu trốn ở lại đây để kiếm tiền gởi về cho bố cháu điều trị và sống qua ngày bác ạ.

Tôi ghi số điện thoại, địa chỉ người bạn của Hà, tên nhà tù mà Tĩnh, em trai của Hà đang bị giam giữ, trấn an và hẹn sẽ gặp cô trong một ngày rất gần ở Ba-Lan. Tôi nhớ tới một người bạn Ba-lan, anh Zbigniew Piwko. Chúng tôi quen khá thân lúc cả hai vừa mới đến Nauy. Anh ta lớn hơn tôi ba tuổi. Trước kia là một đại tá không quân, chỉ huy môt không đoàn chiến đấu thuộc quân đội cộng sản Ba-Lan. Về sau. anh ta ngầm ủng hộ Công Đoàn Đoàn Kết. Hành tung bại lộ, trong khi bị truy bắt, anh sang Tây Đức. Sau gia đình anh được chính phủ Nauy đặc biệt nhận cho tị nạn chính trị.
Anh và tôi học tiếng Nauy cùng một lớp, và sau đó có một thời gian anh làm thông dịch cho Sở Cảnh Sát. Nhưng chỉ hơn một năm sau, thì tình hình chính trị ở Ba-Lan thay đổi bất ngờ. Công Đoàn Đoàn Kết thắng lợi vẻ vang, người bạn tị nạn của tôi được mời về nước để giữ môt chức vụ khá lớn trong ngành cảnh sát. Sáng hôm sau, tôi tìm lại số phôn và gọi cho anh. Anh rất vui mừng khi nghe tôi báo tin sang thăm . Vì đi vội, nên tôi chỉ đi một mình. Vợ chồng anh đón tôi ở phi trường. Tôi thực sự xúc động trước sự tiếp đón nồng hậu mà gia đình anh đã dành cho tôi. Tôi ngại ngùng không dám nói với anh những điều muốn nhờ anh giúp. Nhưng rồi cuối cùng, tôi cũng phải tâm tình cùng anh về chuyện anh quản giáo Thà trong trại tù Nghĩa Lộ năm nào, và hoàn cảnh khốn cùng của hai đứa con hiện đang ở tại đây, ngay trên đất nước Ba-Lan của anh. Nghe tôi kể, anh ngậm ngùi giây lát rồi đứng lên ôm vai tôi, hứa sẽ hết lòng giúp tôi về việc này. Anh đưa tôi đến gặp hai chị em cháu Hà. Đưa Hà về nhà ở với gia đình anh. Hai hôm sau anh làm thủ tục bảo lãnh Tĩnh, em của Hà từ trại tù về.

Trước khi về lại Nauy, tôi đã thức trọn một đêm để tâm tình khuyên lơn hai chị em Hà, biếu cho hai cháu một số tiền để tạm sinh sống và chuyển về Việt nam biếu anh Thà, bố hai cháu. Trên đường đưa tôi ra phi trường, vợ chồng Piwko bảo tôi yên tâm, anh chị sẽ tận tình lo lắng cho hai cháu. Hơn một tháng sau, Piwko gọi phôn báo cho tôi tin mừng: hai chị em Hà đã được Piwko bảo trợ, được cấp giấy tờ chính thức cư trú tại Ba-la. Hà, vì lớn tuổi, nên sẽ xin việc làm. Tĩnh, em Hà, sẽ được tiếp tục theo học tại một trường trung học.

"Các Anh thân quí,

Khi ngồi viết những dòng này cho các anh, thực tình tôi không còn nhớ mặt các anh, nhưng tôi còn nhớ rất rõ thời gian tôi làm quản giáo ở trại Nghĩa Lộ. Vậy mà không ngờ hôm nay các anh còn nhớ đến tôi. Đọc thư của cháu Hà từ Ba-Lan gởi về, cùng với số tiền của các anh gởi cho, lòng tôi cảm xúc đến nghẹn ngào. Tôi và gia đình xin muôn vàn cảm tạ. Các anh làm tôi nhớ tới một câu nói của Các-Mác: Chỉ có loài súc vật mới quay lưng trước cảnh khốn khổ của đồng loại". Ngày nay, cả thế giới đều lên án Mác, những nước một thời lấy chủ nghĩa Mác làm ánh đuốc soi đường, bây giờ cũng đã từ bỏ Mác, chỉ còn một vài nơi lấy Mác làm bức bình phong để che đậy những mục nát ở phía bên trong, nhưng câu nói trên kia của Mác, với tôi, vẫn mãi mãi là một lời vàng ngọc. Điều tệ hại là những kẻ một thời theo Mác đã luôn luôn làm ngược lại lời nói này của Mác.

Chúng tôi mừng cho các anh đã đưa được gia đình ra khỏi nước. Mặc dù tôi biết một người phải bỏ quê hương mà đi, còn đau đớn nào hơn. Ngay cả con cái chúng tôi, vất vả biết chừng nào, mà tôi cũng đành khuyên các cháu phải ra đi để may ra còn tìm được một chút tương lai, giá trị nào đó của kiếp con người

Phần tôi, sau khi bị kiểm điểm nặng nề ở trại Nghĩa Lộ, tôi bị điều ra mặt trận phương Bắc, trong thời kỳ giặc bành trướng Trung Quốc tràn qua biên giới . Nhờ thương tật, tôi được bố trí một công tác lặt vặt ở hậu cần. Mặt trận kết thúc, tôi bị phục viên về nhà, tiền phụ cấp không đủ nuôi chính bản thân. Tôi chỉ còn một cánh tay mà phải phát rẫy trồng rau để phụ giúp gia đình.

Hơn ba năm nay, tôi bị ốm nặng, nằm liệt giường. Nhờ chị em cháu Hà gởi tiền về nuôi tôi và cả gia đình, tôi mới còn sống được đến hôm nay. Biết trốn lại Ba Lan, không có giấy tờ, hai cháu sẽ khó khăn ghê lắm, nhưng vẫn còn hơn là về lại bên này. Có làm suốt ngày cũng chẳng đủ ăn. May mà nhờ các anh hết lòng giúp hai cháu. Cái ơn này biết khi nào chúng tôi mới trả được cho các anh đây.

Tôi biết mình không còn sống bao lâu. Cuối đời một con người, tôi nghiệm rõ được một điều: Chỉ có cái tình con người với nhau mới thực sự quí giá và tồn tại mãi với thời gian. Những chế độ này, chủ nghĩa nọ, cuối cùng cũng chỉ là những đám mây đen bay trên đầu. Đôi khi che ta được chút nắng, nhưng nhiều lúc đã trút bao cơn mưa lũ xuống để làm khốn khổ cả nhân gian..."

****

Không ngờ lá thư đầu tiên này cũng là lá thư cuối cùng chúng tôi nhận được từ anh Thà. Anh đã qua đời sau đó không lâu.

Kontum

Lê Quang Vinh

Mưa giăng phủ trên nền trời Kontum, hạt mưa nhẹ như sương mù, những hạt mưa chỉ mang lại ướt át, lầy lội, những hạt mưa không gây chết chóc ai. Nhưng giữa những cơn mưa vô tình đó là một vùng Komtum khói lửa. Địch pháo như mưa, pháo theo mưa liên tục trút xuống thành phố và các vị trí của quân ta mà Bộ Tư Lệnh Sư Đoàn là mục tiêu mưa pháo của địch. Trong những cơn mưa pháo đó, mỗi khi đạn đạo của pháo thu ngắn lại do tầm điều chỉnh của Bắc quân, là vị trí của Chi Đoàn bị ăn đạn. Lý do là vị trí phòng thủ của thiết giáp chỉ cách Bộ Tư Lệnh Sư Đoàn chưa tới 500 mét. Gia đình ky binh các cấp đều ăn ngủ bên cạnh chiến xa, tất cả trong tình trạng sẵn sàng tác chiến, nhận lệnh, chỉ cần khoảng 2 phút là tất cả xích sắt chiến xa chuyển động. Cùng lúc, khả năng tác chiến của Chi Đoàn được phục hồi sau khi được trực thăng tiếp tế cơ phận và sửa chữa các chiến xa bị hư. Chi Đoàn có được 10 chiếc M41 trong tay sẵn sàng tham chiến.

Giữa **tháng *5/1972***, SĐ23BB và các đơn vị thống thuộc đã bẽ gẫy ít nhất là 2 cuộc tấn công của Bắc quân, song áp lực địch vẫn còn đè nặng trên thị trấn Cao Nguyên này. Quốc lộ 14 lại bị chốt cứng tại đèo Chu Pao. Phương tiện tiếp tế duy nhứt cho mặt trận Kontum là thả dù, mà địa điểm thả là bãi thả dù nằm phía Nam khu nghĩa địa. Nếu dù tiếp tế rơi bên này bờ suối thì lọt vào tay bạn, nếu gió đưa dù qua bên kia bờ suối thì địch có dịp ăn gạo xấy, thịt hộp của phe ta! Cả tháng trời chỉ có gạo xấy và thịt hộp, không có một miếng rau hay lương thực tươi, mà nếu từ trời bỗng rơi xuống mấy miếng thịt heo tươi anh em cũng chưa chắc dám ăn. Cái cảnh heo ăn thịt người làm anh em lợm giọng. Trước mắt chúng tôi, có mấy lần chứng kiến bầy heo đói sút chuồng chạy rong dọc đường Nguyễn Huệ, Phương Nghĩa phía Nam phi trường Kontum. Đàn heo giành nhau gậm xé một cái chân người, kéo lê trên vệ đường với chiếc giép râu còn dính chặc ở bàn chân, y như trong một phim ma kinh dị...

Như mọi ngày, địch pháo ngày, pháo đêm, pháo trong cơn mưa, pháo khi trời nắng, pháo lúc sương mù... Nhưng đêm nay, địch bỗng ngưng pháo. Trực giác chiến trường cho biết có một cái gì bất thường, nghĩa là địch chuẩn bị giở trò. Các Chi Đội báo động và tăng cường canh gác. Trời Kontum tối đen như mực, màn đêm lại rải xuống những cơn mưa phùn tê buốt thịt da, héo hắt lòng chinh nhân đang chong súng chờ giặc. Thời gian chầm chậm trôi như con kiến bò từ lổ chiếu môn đến đỉnh đầu ruồi, những con mắt chong vào đêm tối. Vừa qua khỏi nửa khuya, khắp nơi, hàng loạt tiếng nổ vang rền như phá tung màn đêm. Địch bắt đầu đợt tấn công mới. Qua hệ thống truyền tin, Bộ Tư Lệnh Sư Đoàn nhận các báo cáo:
- Địch vào tới phi trường!
- Địch tấn công Bộ Chỉ Huy Trung Đoàn 44BB trong thành Dak - Pha
- Địch tấn công hậu cứ Trung Đoàn 14 Ky Binh....
Nằm trong tầm quan sát của Thiết Ky, trong cái tĩnh lặng của màn đêm lạnh lẽo giăng giăng mưa lạnh, chợt mìn chiếu sáng và claymore đồng loạt nổ rực sáng về phía cánh Bravo, nơi bãi thả dù tiếp tế những ngày vừa qua. Bravo khai hỏa. Đại bác và đại liên nổ rền một góc thành phố

Kontum. Mìn chiếu sáng và hỏa châu rọi rõ khu vực giao tranh, soi rõ bước chuyển quân của địch khi địch bị hỏa lực khủng khiếp của chiến xa bắn giạt về phía Nam khu trường học, nhưng cuộc di quân trốn đạn của định vẫn bị hỏa lực cánh Bravo bám chặt và bị dồn ngược lại để sau cùng lui về bờ suối, vừa rút vừa bắn trả bằng đại liên, B40, 41 và cả AT3 nhưng không gây thiệt hại cho các chiến xa cánh Bravo, vì địch không nhìn ra vị trí các chiến xa. Hỏa lực địch dồn vào vách các căn nhà cháy phía sau lưng kháng tuyến của Bravo.

Hỏa châu đã thay mặt trời. Tiếng súng ngưng, chiến trường im lặng. Mặt trời lại từ từ bò lên thế hỏa châu. Tôi phóng ống dòm qua các vùng địch xâm nhập tấn công hồi đêm, xác địch nằm la liệt trên những gò đất, trên những bụi cây ngoài tuyến phòng thủ. Định bụng là sẽ xin lệnh Sư Đoàn cho các đứa con bung ra truy kích và khai tác chiến quả, tôi chưa bốc máy thì bất ngờ Trung Tâm Hành Quân Sư Đoàn gọi khẩn cấp:
- Toàn bộ gia đình Tài Lực rời vị trí, giao lại cho Bộ Binh. Chuẩn bị cải cách để giải tỏa áp lực địch trong thành Dak - Pha và tái chiếm lại phi trường Kontum!
- Tài Lực nhận rõ!
Lệnh ra, trong phút chốc, tất cả chiến xa lăn xích rời vị trí tiến ngược vào thành phố, rẽ trái tại đường Lê Lợi rồi đổi hướng Bắc để vào thành Dak-Pha. Tại khu nghĩa địa nhỏ trước cổng Bộ Tư Lệnh Sư Đoàn, địch ẩn nấp trong các gò mả và giao tranh ác liệt với Trinh Sát Sư Đoàn. Cách thành Dak - Pha khoảng 500m về phía Nam, có một khu vườn mít, tôi cho lệnh các chiến xa chui hết vào trong đó để ẩn nấp và quan sát mục tiêu. Cổng thành Dak - Pha sập đổ nát nhưng bức tường thành phía Nam vẫn đứng nguyên sừng sững, phân chia trong và ngoài. Tôi nhìn đăm đăm vào tháp nước nơi khẩu 12 ly 8 của địch đặt trên nóc tháp tác xạ lên máy bay, tác xạ vào các cánh quân ta tiến vào trong thành. Không thể đi bằng cổng chính để làm mục tiêu cho địch tác xạ, tôi lệnh cho ba chiến xa dưới quyền:
- Chuẩn bị khoan tường để tiến vào thành!
- Nhận rõ!
Ngay tức khắc, ba chiếc M41 như ba con cua sắt dương càng húc vào tường. Rầm! Rầm Rầm! Tường vừa sập, chiến xa tràn vào, tác xạ liên tục vô cổng chính và các căn nhà sập gần tháp nước, nơi địch bắn ra. Vừa lọt vào bờ thành là các chiến xa đầu chạm địch dữ dội. Toàn bộ Chi Đoàn vượt qua bức tường đổ. Địch có mặt khắp nơi, trong đống gạch vụn, sau bức vách đổ, sau nhưng ngôi nhà sụp, trong hầm, trong hố, sau gốc cây... Chỗ nào cũng có tiếng súng địch nhắm vào thiết giáp.

Bên cạnh, cuộc ác chiến từ hồi đêm còn đang diễn ra tại Bội Chỉ Huy Trung Đoàn 44BB, nơi trước đó đã đặt Bộ Tư Lệnh Sư Đoàn. Nhìn chung, địa thế rất khó điều động chiến xa. Tôi quyết định nhanh, chia gia đình ra từng phân đội, cứ hai chiến xa tiến theo một trục để yểm trợ và bảo vệ lẫn nhau. Trục tiến là đường đi giữa hai dãy nhà đổ nát, một chiếc chạy sát dãy bên phải, một chiếc chạy sát dãy bên trái, thận trọng tối đa khi tới ngả tư. Địch ẩn nấp trong những căn nhà đổ nát nên tất cả mọi loại vũ khí đều được đem ra sử dụng: Đại bác phóng vào hầm địch, đại liên 50 và 30 dìm cứng địch trong vòng tử địa, lựu đạn được tung vào từng ô cửa sổ, từng góc nhà, từng lổ trống vách tường. Vũ khí chống chiến xa của địch bị vô hiệu vì khoảng cách hai bên quá gần. Trong trận quần thảo cận chiến sinh tử này, thế bám trận của địch bị vỡ và địch tháo chạy về hướng Bắc, để lại vô số cán binh bị chết và bị thương, một tổn thất nặng nề. Các đơn vị bộ binh

của Trung Đoàn 44 tức tốc tràn ra khỏi vị trí phòng thủ, và một trận phản công ác liệt diễn ra khắp nơi trong thành Dak- Pha. Chi Đoàn đã hoàn thành nhiệm vụ. Trong trận giải tỏa lại nhận tiếp lệnh của thượng cấp: Rời Dak – Pha, giao lại cho Bộ Binh, di chuyển gấp để giải tỏa phi trường. Xích sắt chiến xa lại nghiến đường bụi đỏ mà ào ào tiến lên, lại lao vào "gió cát" mà chừng như nghe đâu đó âm thanh của một thứ "hồn tử sĩ gió ù ù thổi" trong gió Kontum từ thành Dak – Pha thổi theo vết lăn của xích sắt...
*
Phi trường Kontum nằm về phía Đông của thành phố, phi đạo chạy dài theo chiều Đông - Tây. Phía Nam phi đạo, gần cổng ra vào có vài căn nhà dành cho hành khách Air Việt Nam và An Ninh Phi Trường. Phía Bắc phi đạo có một số ụ để máy bay. Cuối phi đạo và dọc theo hàng rào phi trường là những lô cốt bảo vệ phi trường. Phi trường là một trong những mục tiêu quan yếu mà Bắc quân phải tấn chiếm.
Tiếng khua động của xích sắt chiến xa không át được tiếng súng nổ vang mỗi lúc một rõ từ hướng hậu cứ Trung Đoàn 14 Kỵ Binh. Tôi mừng trong bụng là tiếng đại liên 50 vẫn còn nổ ròn rã, vì điều nay cho biết địch chưa chiếm được căn cứ Trung Đoàn, dù có nhiều đám cháy trong doanh trại. Từ các ụ máy bay cuối phi đạo, địch đặt đại liên bắn vào Trung Đoàn Thiết Giáp để yễm trợ cho bộ binh tấn công vào hậu cứ Thiết Giáp và khu vực Quân Tiếp Vụ gần thành Dak - Pha... Một vài lô cốt bị địch thổi sập, nhưng địch vẫn chưa lọt vào được.
Địch chưa vào được là hậu cứ Thiết Giáp chưa mất, lực lượng quân ta vẫn còn. Tôi lệnh cho phân đội chiến xa đầu bọc về phía Nam của hậu cứ Thiết Giáp, sau đó chuyển sang hướng Đông rồi bố trí đợi lệnh. Tôi cần thời gian để quan sát, ước lượng ý đồ, khả năng và mục tiêu của địch... trước khi có kế hoạch tấn công. Ước lượng sai, hành động sai là tự sát. Địch đã ở trong vị thế đã dàn trận và tấn công. Thắng bại gì thì chưa biết, nhưng chỉ biết là yếu tố địch, khả năng địch, lực lượng địch, vũ khí địch... tôi chưa nắm hết, mà biết mình thì tôi biết khá rõ.
Mặc dù được bổ sung trên 10 sĩ quan sau trận ác chiến trong nghĩa địa và sửa chữa, bổ sung chiến xa, nhưng khi giải tỏa thành Dak - Pha, gia đình Tài Lực bị hy sinh nghiêm trọng một số sĩ quan ưu tú để bây giờ, đối chiến với Bắc quân đã chiếm phi trường và đang uy hiếp dữ dội hậu cứ Trung Đoàn 14 Kỵ Binh, Chi Đoàn chỉ còn lại hai sĩ quan là Chi Đoàn Trưởng và Thiếu úy Nguyễn Văn Tám. Các Chi Đội, Phân Đội chiến xa được trao quyền chỉ huy cho các Hạ Sĩ Quan Kỵ Binh kế quyền. Trong tình huống nguy khốn mà vết xích chiến xa chỉ có đường lăn tới, thầy trò chúng tôi đựa lưng nhau chiến đấu.

Tôi gọi Tám:
- Nhiệm vụ của cậu là ở lại với 2 M113 và bảo vệ cho 3 chiến xa bị hư. Tất cả chiến xa còn lại và anh em Hạ Sĩ Quan gia đình Chi Đoàn do tôi điều động. Nhiệm vụ phải hoàn thành trong bất cứ tình huống nào! Cậu nhận rõ?
- Rõ 5! Thẩm quyền!
Giọng Tám chắc và quyết liệt. Tôi họp tham mưu bỏ túi với tất cả anh em còn lại mà trong đó tôi là Chi Đoàn trưởng, người sĩ quan duy nhất trong trận đánh sắp diễn ra. Theo lệnh tôi, tất cả chiến xa còn lại của Chi Đoàn được chia làm 3 Phân Đội:
Qua hệ thống âm thoại đặc biệt của gia đình Tài Lực, tôi gọi, 2 Phân Đội và giao trách nhiệm:
- 1 tấn công địch ở ụ máy bay đầu. Phân Đội Chỉ Huy trách nhiệm giữ cạnh sườn phải cho 1, sau khi 1 vào tới mục tiêu, Phân Đội Chỉ Huy tấn công mục tiêu 2 ở ụ máy bay thứ hai. 2 bảo vệ phía Nam, và Đông khi Phân Đội Chỉ Huy chiếm mục tiêu thì 2 tức tốc tấn công mục tiêu 3 ở ụ

máy bay thứ ba. Ngay sau đó, 1 rút ra bảo vệ cạnh sườn mặt Đông cho 2. Tất cả 1,2 nhận rõ?
- 1, 2 nhận rõ 5! Thẩm quyền!
Xích sắt chiến xa bắt đầu lăn trên kế hoạch, sau lưng là bộ binh SĐ23 tùng thiết theo sát chiến xa. Bắc quân đang chỉa tất cả các loại vũ khí vào hậu cứ Trung Đoàn Kỵ Binh, bất ngờ tiếng xích sắt vang sau lưng họ. Bắc quân ngỡ ngàng hoang mang trong tình huống này. Chỉ với 7 chiến xa mà Bắc quân đã chào đón vô cùng nồng nhiệt với pháo 130 ly, cối 120 ly, đại bác 75 ly không giật. Pháo địch bắn thành một hàng rào lửa cản chiến xa, lấy phi đạo làm ranh giới.
Để tránh bị ăn pháo, tôi lệnh cho phân đội 1 tác xạ và lao thẳng vào mục tiêu với tốc độ nhanh tối đa, trong lúc đó, phân đội chỉ huy trải lưới lửa vào cạnh sườn địch từ từ ụ máy bay 1 đến ụ máy bay 2. Chiến xa phân đội 1 đã gặp sự chống trả mãnh liệt của địch với đại liên được đặt ngay trên bờ thành cùng với B40 và B41 tác xạ thẳng vào đội hình của phân đội, đồng thời pháo và đại bác 75 ly không giật của địch từ cuối phi đạo cũng đồng loạt trút đạn vào các chiến xa đang tấn công. Chiến xa vẫn tiến. Một trung đội bộ binh bám sát theo chiến xa. Mục tiêu địch càng lúc càng gần, và "Ầm! Ầm!" Đại lên địch trên bờ thành ụ máy bay số 1 bị đại bác chiến xa bắn tung, chiến xa ủi mục tiêu và bộ binh tràn ngập liền sau đó. Tiếng hô "xung phong" muốn át cả tiếng đạn nổ vang trời.

Trận đánh càng lúc càng ác liệt và tinh thần chiến đấu tuyệt vời của Thiết Giáp và Bộ Binh SĐ23 thể hiện rõ ngay trên trận mạc máu lửa. Người trúng đạn nằm lại tại chỗ, còn khả năng bắn yễm trợ anh em cứ tiếp tục bắn. Người không bị đạn cứ tiếp tục xông vào phía trước. Chiến xa nào đứt xích thì nằm lại, tiếp tục tác xạ theo khả năng còn lại của mình, chiến xa nào còn nguyên cứ lăn xích xông tới. Cả 3 phân đội chiến xa và bộ binh quần thảo với địch đến xế chiều, từng ụ đại liên địch, từ ụ 75 ly không giật của địch... liên tục bị nổ tung và tràn ngập. Đến chiều cùng ngày, Bắc quân bị đẩy sát hàng rào phía Đông phi trường và sau đó bị quét sạch. Súng im tiếng trên toàn phi trường và hậu cứ Trung Đoàn Kỵ Binh. Khói từ những đám cháy còn phảng phất trong ánh chiều tà. Trận địa xơ xác, tiêu điều, những vị trí súng bị phá hủy, những thây người, những vết xích ngang dọc. Tôi cho chiến xa tiếp cận hàng rào phi trường về mặt Đông, số tử thương của địch bỏ lại nơi này có hơn một tiểu đoàn.

Màn đêm kép sụp đến che kín dần những tang thương đổ nát của chiến trường. Công tác thu dọn chiến trường và tản thương xong, gia đình Tài Lực di chuyển về vị trí được chỉ định, và mắt vẫn chong vào bóng đêm vất vưởng âm hồn tử sĩ hai bên.

Trên Chiến Trường Xưa

Phạm Tín An Ninh

Hơn ba mươi năm sau, cùng với bốn anh em trong đơn vị xưa, chúng tôi trở lại Kontum tìm thăm nơi an nghỉ của những đồng đội cũ. Trong những năm ***72 và 73*****,** đơn vị chúng tôi đã có hơn hai trăm anh em vĩnh viễn nằm lại nơi này để giữ vững miền địa đầu, cửa ngõ quan trọng nhất vào Tây Nguyên, nơi có bản doanh Bộ Tư Lệnh Quân Đoàn nằm không xa phía dưới - thành phố Pleiku.

Dừng chân dưới chân núi Chu Pao, nhớ tới những trận đánh khó khăn ác liệt với những toán địch quân bị xích chân trong những hầm núi đá, cố bám trụ những cái "chốt", nhằm cắt đứt QL 14, con đường huyết mạch nối liền Kontum với Pleiku, và hình dung tới từng khuôn mặt của những anh em đã không bao giờ còn trở lại, một số đã gởi xác thân lại cho rừng núi nơi này, tôi xót xa khi nghĩ là mình còn mắc nợ họ.. Hơn ba mươi năm rồi, qua bao nhiêu thăng trầm biến đổi, có lẽ hầu hết các nghĩa trang trong thành phố đã bị giải tỏa từ lâu, và nếu có được cải táng ở một nơi nào đó, chắc trên mộ bia không còn ghi đơn vị cũ. Chúng tôi đến đây như để tìm lại chút kỷ niệm, chứ chuyện tìm lại được mồ mả của anh em – hy vọng rất mong manh.
Cả thành phố Kontum bây giờ đã đổi khác. Khó khăn lắm chúng tôi mới tìm được các địa danh ngày trước. Những B12, B15, Thành Dak - Pha, Đồi Sao Mai, Bệnh Viện Dã Chiến. Nơi có những bản doanh, căn cứ từng mang tên những người anh, người bạn anh hùng của tôi đã nằm xuống để bảo vệ Kontum: Võ Anh Tài, Đặng Trung Đức, Trần Công Lâm…Chúng tôi tìm đến một số nhà quen lúc trước. Tất cả không còn. Những người chúng tôi gặp đa số mới vào từ miền Bắc. Người Kontum xưa giờ chắc cũng đã tứ tán bốn phương trời. Đúng như chúng tôi dự đoán, tất cả mọi nghĩa trang trong thành phố, nơi bạn bè tôi được chôn cất, không còn nữa, người ta đã giải tỏa để xây lên một số cơ sở công quyền và những khu giải trí.
Chúng tôi tìm đến Tòa Giám Mục, cũng là nơi mà đơn vị chúng tôi đã phải đổ khá nhiều máu xương để tái chiếm trong Mùa Hè Đỏ Lửa. Một vị linh mục đứng tuổi, tiếp chúng tôi niềm nở. Ông cho biết là, mồ mả trong các nghĩa trang lúc xưa đã được cải táng và chuyển đến địa điểm mới, nằm trên cây số 9, đường lên Tân Cảnh. Tuy nhiên chỉ có những ngôi mộ có thân nhân nhận lãnh và tự cải táng thì mới có mộ bia, còn những ngôi mộ khác thì không biết ra sao. Ngài còn tốt bụng, sẵn sàng hướng dẫn chúng tôi đến đó. Cây số 9, gần căn cứ Non Nước, nơi ngày xưa đơn vị tôi đã bao lần cùng với các chiến sĩ thiết giáp hào hùng của Chi Đoàn 1/8 KB đẩy lui những đợt tấn công biển người của địch, giữ vững cửa ngõ vào thành phố Kontum.

Mất gần hai tiếng đồng hồ, đi khắp nghĩa trang, chúng tôi vẫn không tìm ra bia mộ nào có cái tên quen. Nhiều ngôi mộ không có bia. Đưa vị linh mục trở lại Tòa Giám Mục, cám ơn và chia tay ngài. Đã hơn 12 giờ trưa, chúng tôi tìm một nơi nào đó để ăn cơm. Nhớ tới quán ăn Bạch Đằng và Thiên Nam Phúc ngày xưa, nơi có mấy cô chủ quán dễ thương, mà đám lính tráng chúng tôi thường ghé lại đây ăn uống sau những tháng ngày dài hành quân trong núi, một anh bạn hỏi thăm đường đến đó. Nhưng quán bây giờ đã đóng cửa và những người xưa cũng đã trôi dạt về những nơi nào đó. Bọn tôi rủ nhau ra bờ sông Dakbla, dọc theo con đường về làng Tân Hương, nơi lúc xưa có mấy cái quán nhỏ để những ngày tương đối bình yên, bọn tôi ra ngồi

uống cà phê, ngắm dòng sông chảy ngược, tạo huyền thoại một thời này, mà nhớ tới vợ con hay người tình đang ở đâu đó, để rồi sau lúc chia tay chẳng biết ngày mai ai còn ai mất. Dọc theo bờ sông bây giờ là những hotel, nhà hàng, nhà trọ và biệt thự của các ông quan lớn. Cuối cùng chúng tôi cũng tìm ra được một cái quán ăn bình dân, nhưng khá sạch sẽ, nằm dưới tàng của một cây trứng cá. Chúng tôi chọn một cái bàn nhỏ gần bờ sông. Xa xa phía bên kia là làng Phương Hòa thật dễ thương ẩn mình dưới những vườn cây.

- Mấy ông anh từ xa tới. Chắc tính làm ăn gì chứ cái thành phố này thì có cái gì mà tham quan. Phải không?
Câu hỏi của chị chủ quán làm tôi giật mình. Mấy anh em khác im lặng, nhìn tôi như thầm nhắc cho tôi cái nhiệm vụ trả lời.
- Không, bọn tôi tìm thăm người quen, nhưng không gặp.
- Ở khu vực nào, có nhớ địa chỉ không ? Tôi sẽ tìm giúp các anh. Tôi là dân ở đây mà.
Tôi mỉm cười :
- Cám ơn chị. Ở trong nghĩa trang thành phố, nhưng đã bị dọn đi nơi khác rồi, biết đâu mà tìm.
Chị chủ quán khựng lại chưa kịp để thức ăn xuống bàn, nhìn tôi ngạc nhiên :
- Sao lại phải ở trong nghĩa trang ?
- Vì họ đã chết rồi. Chết từ năm 1972 lận. Tôi buồn bã trả lời.
- Vậy chắc các anh đây là lính Cộng hòa mình ? thuộc đơn vị nào ?
Nghe mấy chữ "lính Cộng hòa mình" tự dưng tôi cảm thấy gần gũi với người đàn bà xa lạ này.
Tôi thân thiện :
- Anh em bọn tôi thuộc sư đoàn 23, trung đoàn 44 chị ạ.
- À, vậy có anh nào ở đại đội trinh sát ?
- Không, bọn tôi ở trung đoàn và tiểu đoàn. Một người trong chúng tôi trả lời.
Sau một khắc yên lặng, chị lên tiếng:
- Em có mấy người bạn ở trinh sát. Lúc trước cũng nằm trong nghĩa trang thành phố, nhưng khi có lệnh giải tỏa, em đã chuyển các anh ấy lên cây số 9 rồi. Chị chủ quán tỏ ra thân thiện và thay đổi cách xưng hô.
Chúng tôi vừa bất ngờ vùa xúc động. Sau khi dọn bàn xong, mang nước trà ra mời chúng tôi, chị kéo ghế ngồi xuống rồi tâm sự.

Thì ra chị là bạn gái của anh Bình, trung sĩ Bình, ở đại đội trinh sát của đại úy Minh, sau này là đại úy Mạnh. Anh tử trận hồi mùa hè 1972.. Ngày đó chị còn đang đi học, nhưng chiến tranh ác liệt quá, trường phải tạm đóng cửa. Chị ở nhà phụ bán cà phê cùng với người chị ruột. Bà chị này quen khá thân với Mạnh. Khi ấy Mạnh còn là trung úy đại đội phó. Anh Bình thường theo Mạnh tới đây, rồi dần dà quen nhau. Từ khi Bình chết, chị thường đến thắp hương và chăm sóc mộ phần Bình và những đồng đội của anh nằm trong nghĩa trang thành phố.
Năm 1978, chính quyền Cộng sản ra lệnh giải tỏa nghĩa trang, chị chạy khắp nơi kêu gọi bà con cùng góp tiền góp sức với chị, nhưng cũng chỉ kịp cải táng hơn 20 ngôi mộ của những anh em Trinh Sát về địa điểm mới. Hầu hết mồ mả của những anh em chiến sĩ còn lại, đã bị san bằng.
Chúng tôi cảm động. Không ngờ trong thời buổi nhá nhem tình nghĩa, có lắm kẻ sớm vong ơn, phản suy phù thịnh, vẫn còn có nhiều người Kontum nặng tình với lính. Theo yêu cầu của bọn tôi, chị cùng chúng tôi đi thăm mộ anh Bình và các anh em trinh sát. Hơn hai mươi ngôi mộ

được xây bằng đá đơn giản, nằm bên nhau ở khu phía đông nghĩa trang. Điều đặc biệt trên các tấm bia, trước mỗi cái tên đều có kẻ hai chữ TS. Chúng tôi thắp hương cho từng ngôi mộ xong, quay lại thì thấy chị đang ngồi sụt sùi trước mộ anh Bình. Khi thấy bọn tôi, chị lau nước mắt đứng dậy và nói một mình:
- Thật tội nghiệp, anh ấy hy sinh khi tìm cách chui qua hàng rào để bắn hạ chiếc xe tăng của VC vừa đột nhập vào chiếm bệnh viện.

Tôi nhớ lại trận chiến ác liệt này. Khi VC mở đợt tấn công thứ nhì vào thành phố Kontum nhằm rửa hận lần thảm bại ở tuyến tây bắc: Hơn một trung đoàn bộ và nguyên một tiểu đoàn xe tăng của sư đoàn 320 bị chúng tôi xóa sổ. Lần này chúng dùng mấy chiếc M113 đã cướp được của Sư Đoàn 22 BB từ khi Tân Cảnh thất thủ, dẫn đầu môt đơn vị gồm những chiến xa T 54 + T59 có bộ binh yểm trợ, nhằm lừa phi cơ quan sát của ta, xâm nhập vào bệnh viện dã chiến, nằm cạnh thành Dak - Pha, cách vòng đai phi trường chừng 800 mét, với thủ đoạn lợi dụng vào những thường dân và binh lính bị thương nằm trong bệnh viện, để uy hiếp lực lượng của ta. Tiểu Đoàn 4/44 do Thiếu Tá Võ Anh Tài chỉ huy đã đánh một trận chiến vô cùng gay go ác liệt với một lực lượng địch đông gấp ba lần, dùng chiến xa T 54 làm nổ lực chính. Xe tăng địch nép theo những vách nhà bệnh viện. Muốn diệt chúng phải tiếp cận để có thể dùng những khẩu M 72 hiệu quả, anh Tài cùng toán quân báo đã dẫn đầu đơn vị, tìm cách chui qua hàng rào bệnh viện, và anh đã hy sinh bởi bị chính mìn của ta phát nổ. Người anh cả của Tiểu Đoàn, một sĩ quan xuất thân từ khóa 16 VBĐL lừng danh, đã nằm xuống dọn đường cho đơn vị mình cứu nguy bệnh viện, nơi có đồng bào và cả đồng đội của anh bị địch quân dùng làm bàn đạp trong ý đồ bất nhân của chúng. Đại Đội Trinh Sát đang bảo vệ Bộ Chỉ Huy Trung Đoàn được điều động tiếp ứng, đột nhập đánh vào sườn địch. Trinh Sát 44, một đại đội với bao chiến công hiển hách từ thời đại úy Trần Công Lâm, Phan công Minh và sau này là Đoàn quang Mạnh, đã đánh một trận thật tuyệt vời, bắn cháy nhiều chiến xa địch, đuổi đám tàn quân Cộng sản chạy thoát thân ra khỏi bệnh viện và giữ vững một lần nữa vòng đai thành phố. Đại đội Trinh sát này dưới sự chỉ huy tài ba và gan dạ của trung úy Phan Công Minh, đã từng đánh một trận thần tốc, chỉ bằng lựu đạn và cận chiến, giải cứu cho một Tiểu Đoàn BĐQ /BP bị vây trên đỉnh núi Chu Pao. Minh bị thương nhưng vẫn tiếp tục điều quân, vừa phá vòng vây cứu nguy cho đơn vị bạn, vừa diệt những cái chốt cuối cùng, khai thông QL 14, để lực lượng chiến xa của Lữ Đoàn II KB lên tăng cường cho mặt trân và hộ tống đoàn xe tiếp tế, lần đầu đến Kontum kể từ khi cuộc chiến khởi đầu. Tướng Trần văn Hai, nguyên Chỉ huy trưởng BĐQ, lúc ấy là TLP/ QĐII đã cùng đại tá TMT/QĐ Lê Khắc Lý, đến QYV Pleiku ôm lấy người đại đội trưởng trẻ tuổi tài ba gan dạ Phan Công Minh ngay khi vừa mới được tản thương về, và gắn lon đại úy cùng anh dũng bội tinh với nhành dương liễu cho Minh tại đây. Lúc ấy Minh vừa tròn 25 tuổi.
- Đại úy Mạnh bây giờ ở đâu, các anh có gặp anh ấy không ?
Câu hỏi của chị đã cắt mất dòng hồi tưởng của tôi. Tôi lên tiếng trả lời chị :
- Anh Mạnh đã chết trong tù cải tạo từ năm 1978 chị ạ.
Im lặng một lúc, tôi lại nghe tiếng chị khóc.
- Chị Hà em, bạn gái của anh Mạnh lúc xưa cũng bị chết năm 75 khi VC vào chiếm Kontum. Mộ chị nằm ở ngay phía trước đây.
Vừa nói, chị vừa dẫn chúng tôi đến đó. Nhìn bức ảnh trên mộ bia tôi mang máng nhớ lại người con gái tên Hà ở một quán cà phê nhỏ nằm trong vườn cây sau nhà, hơn ba mươi năm về trước.

Nghĩa địa mới này nằm không xa làng Trung Nghĩa. Tôi rủ chị cùng với chúng tôi ghé lại lại thăm làng và khu nhà thờ. Nơi mà ngày xưa ông cha chánh xứ đã cùng chúng tôi chiến đấu bảo vệ những giáo dân ngoan đạo. Nghe nói ngài đã bị tra tấn đến chết trong trại tù cải tạo.
Ra khỏi nghĩa trang, nhìn về phía bắc, rừng núi ngày xưa, dù không tránh được dấu vết của đạn bom, nhưng vẫn còn xanh tốt, giờ sao lại xơ xác điêu tàn. Trên đường vào làng Trung Nghĩa, tôi hồi tưởng tới trận chiến trên tuyến Tây Bắc Kontum. Nơi đơn vị tôi đã thắng một trận thật lẫy lừng, làm tiêu hao cả sư đoàn 320 mà địch quân thường hãnh diện là Sư Đoàn Thép, mở đầu cho bao nhiêu chiến thắng sau đó để Kontum, Tây Nguyên không lọt vào tay giặc.

Trung Nghĩa bây giờ chẳng còn môt chút gì dấu tích chiến tranh, nhưng nhìn ở đâu tôi cũng thấy bóng dáng anh em đồng đội cũ, một số đã hy sinh, xác thân nằm ở một nơi nào đó, giữa núi rừng Kontum này, hay hoang lạnh trong các nghĩa trang, đã dời đi hoặc bị san bằng, nhưng có lẽ hồn thiêng vẫn còn phảng phất đâu đây. Tôi đốt hết bó nhang còn lại cầu nguyện hồn thiêng của những đồng đội cũ được sớm siêu thoát trên chốn vĩnh hằng…Suốt đêm hôm ấy không ngủ được, chúng tôi nằm kể lại bao nhiêu chuyện vui buồn trên chiến trường xưa, nhắc lại từng tên, từng khuôn mặt bạn bè. Chúng tôi cũng tranh luận thật nhiều về cuộc chiến đã qua và những cái chết của đồng đội mà thấy lòng nặng trĩu những đau buồn với bao điều tức tưởi.
***
Sáng hôm sau, chị chủ quán, bạn gái anh Bình, mời chúng tôi ăn sáng rồi tiễn chúng tôi ra đầu cầu Dakbla. Chị đứng yên lặng không nói một lời gì. Nhìn những giọt nước mắt chảy dài trên má chị, trong lòng chúng tôi có lẽ ai nấy cũng đang giữ riêng một nỗi ngậm ngùi. Nhìn dòng sông Dakbla chảy ngược qua cầu, tôi có cảm giác như lòng mình cũng đang chảy ngược về những nơi nào đó, những chiến trường xưa, mà mãi mãi vẫn còn in bóng dáng hào hùng của bao nhiêu bè bạn, anh em - những người đồng đội cũ. Tất cả đã từng có một thời sống rất đáng sống.

Gặp Lại Phan Nhật Nam Trên Quốc Lộ 1

Trần Vũ : *thực hiện qua điện thư - 2008*

Những ngày 11, 12 tuổi, vào những năm 73-74, tôi say mê Phan Nhật Nam. Anh trở thành thần tượng của tuổi thơ, với những ngày dài trên quê hương, những ngày bi thảm, những ngày thê lương, những ngày gẫy vụn, trong nỗi sợ khốn cùng. Nỗi sợ trái lựu đạn đã bật kíp. Nỗi đau vô hình của đồng ruộng ẩn chứa triệu trái mìn. Nỗi đau thắt ruột của người cha xếp xác con, trên đoạn đường từ Quảng Trị về Huế. Trong bất mãn của người lính trước một hậu phương vô ơn. Của người lính miền Nam phải tự vệ giữa một thế giới làm ngơ những thảm sát tập thể ở bãi Dâu, ở trường tiểu học Cai Lậy. Khác những nhà văn quân đội khác, tính chất bi tráng của một xã hội dân sự thời chiến phủ trùm lấy bút ký của Phan Nhật Nam, vượt lên trên các trận đánh. Không phải Mùa hè đỏ lửa, mà Tù binh và Hòa bình, Dọc đường số 1, Dấu binh lửa mới thực sự ghi lại suy nghĩ của một quân nhân trong chiến tranh. Bên cạnh, ***nhật ký của Đặng Thùy Trâm****, Nguyễn Văn Thạc chỉ là những tiểu xảo của những sản phẩm được biên tập. Khác những nhà văn quân đội khác, tính chất bi tráng của một xã hội dân sự thời chiến phủ trùm lấy bút ký của Phan Nhật Nam, vượt lên trên các trận đánh. Tôi gặp Phan Nhật Nam trên trang giấy này, tôi quyết định hỏi tất cả những gì đã chất chứa trong đầu mình cho đến bây giờ gần 34 năm sau bại trận, những câu hỏi vẫn bám lấy, không rời, từ buổi sáng 30 tháng 4 chứng kiến những người lính tháo vội vã nón sắt, áo giáp, vất tung thẻ bài, chạy vào hẻm chật. Buổi sáng của tuyệt vọng. Lần gặp này, tôi muốn anh trả lời - Trần Vũ.*

***

Trần Vũ: Tôi không còn nhớ rõ ngày tháng, thời gian, nhưng vẫn nhớ buổi sáng theo cha đến khách sạn Continental dự buổi ra mắt sách của Phan Nhật Nam. Buổi sáng đó tôi đã trông thấy anh lần đầu tiên. Kể từ hôm đó, những ngày sau, tôi sống với anh cho đến bây giờ. Đúng hơn, tôi sống với những người lính Cộng Hòa trong tác phẩm của anh đến tận bây giờ. Tại sao anh ra mắt sách, anh đã muốn ru ngủ chúng tôi, những người dân ở thị thành, hãy tiếp tục tin vào sức mạnh của quân lực đang bảo vệ an nguy của thủ đô? Các tập bút ký ghi lại nhiều chiến thắng của Quân lực VNCH, mà ngay cả khi thất bại, như trong *trận* ***Đồng Xoài*** hay khi bị tràn ngập trên *đồi* ***Charlie***, đều được mô tả dưới góc độ bi hùng. Nhưng anh không nhắc đến trận ***Ấp Bắc*** và không nói đến ***Hạ Lào.***

Phan Nhật Nam: Trận Ấp Bắc cuối 1962, đầu 1963 tôi chưa ra trường; trận Hạ Lào (2/1971), tôi chuyển đi làm sĩ quan văn phòng ở tiểu khu Bà Rịa (Phước Tuy). Chiến dịch nầy quá lớn nếu có trình bày cũng không thể viết dưới dạng bút ký – phải viết theo cách nghiên cứu, liệt kê tài liệu quân sự. Bernard Fall không thể viết Un coin d'enfer theo kỹ thuật lịch sử tiểu thuyết như La Quán Trung kể trận Xích Bích với Chu Du, Khổng Minh… nhưng sau nầy, cũng đã có Phan Hội Yên (tiểu đoàn 3 Dù) kể trận đánh Đồi 30, Phạm Văn Tiền (tiểu đoàn 2 TQLC) nói về lần triệt thoái tàn khốc khỏi căn cứ Delta của Lữ đoàn 258 Thủy Quân Lục Chiến VNCH trong trận chiến Hạ Lào. Hai người bạn nầy không phải là cây viết chuyên nghiệp, nhưng diễn tiến chiến trường họ viết ra chính xác và hay hơn bất cứ chuyện kể (về chiến trận) nào của người miền Bắc như ***Bảo Ninh, Nỗi buồn chiến tranh***… Văn phong và

cách đặt tiêu đề thôi cũng thấy hơi hám của "Thép đã tôi thế đấy" của Liên-Xô. Tiểu thuyết Nga vĩ đại do đã dựng nên những nhân vật tiểu thuyết đặc trưng bởi Dostoievsky, Tolstoy chứ đâu từ anh trẻ tuổi Pavel làm cách mạng xã hội với chân trần đứng xúc tuyết.

Tìm đâu ra trong chiến tranh miền Nam một du kích ở Quảng Ngãi chỉ với vũ khí tự chế bắn hạ máy bay trực thăng, đánh tan một đại đội bộ binh Mỹ như trong ***Nhật ký Đặng Thùy Trâm?*** Và tìm đâu trong thực tế mà tiểu thuyết được quảng bá rùm beng của Bảo Ninh đã mô tả về "thằng giặc Mỹ xâm lược bạo tàn" sau hiệp định Paris 1973; "thằng ngụy dù" với chiếc nón đỏ mắc ở cầu vai khi đi hành quân! Người thường trực sống, chết nơi chiến trường đọc những nội dung tuyên truyền tầm phào nầy không khỏi đỏ mặt vì ngượng, thấy mình bị coi thường, đánh lừa bởi những kẻ ngây ngô, thô thiển. Lính biệt kích miền Nam hoạt động nhảy toán phải áp dụng một tiêu lệnh tối thượng: Tuyệt đối tránh đụng độ / Xóa sạch dấu tích, sinh hoạt / hiện diện... Thế thì làm sao lại đi hiếp dâm, cắt đầu vú, vạch nát cửa mình nữ bộ đội trên đường giây giao liên như trong Tiểu thuyết Vô đề Dương Thu Hương đã mô tả? Thế nên, vì không muốn phải mang lỗi viết dối nên tôi không viết về Ấp Bắc, Hạ Lào như đã sống – Chỉ có thể viết về những chiến trận nầy như đã đọc mà thôi nên đã viết tiểu luận quân sự Hạ Lào...

Trần Vũ: Giống hầu hết các thiếu niên thành thị, tôi không biết miền Nam đang chiến tranh. Thủ đô Sàigòn với đường Nguyễn Du êm dịu, đường Duy Tân thơ mộng, đại lộ Nguyễn Huệ thênh thang, đại lộ Lê Lợi sầm uất, đánh lừa tôi là đất nước rất yên bình. Dạo đó tôi đã bắt đầu say mê chiến tranh, những trận đánh của Rommel, Hoth, Kesselring, Guderian, von Kleist, von Manstein của tủ sách Adolf Hitler của nhà xuất bản Sông Kiên, các hồi ký Thái Bình Dương của Saburo Sakai, Tameichi Hara... Phải đến Phan Nhật Nam, phải sau khi đọc Dọc đường số 1, Dấu binh lửa, Mùa hè đỏ lửa, tôi mới bất chợt khám phá chiến tranh ở Long Thành, ở Trảng Bom, ở Dầu Tiếng, ở đồn điền Xa Cam cách nơi mình sinh sống không đầy trăm cây số. Hơn một khám phá chiến tranh, tôi khám phá chân dung của người lính Cộng Hòa mà tôi thực sự tin vào những điều anh viết. Chân dung của người lính miền Nam, cao cả, bình lặng, bi tráng trên một đất nước điêu linh, trầm thống. Và người lính đó với 50 ký lô xương thịt, với tất cả bất công của cuộc chiến, cong oằn xuống dưới sức nặng của 35 ký đạn dược, chăn mùng mền, thực phẩm đã tồn tại như một phép lạ nhiệm mầu. Tôi chỉ lập lại những điều anh viết. Hôm nay, đã bại trận, anh còn tin vào những điều mình đã viết? Có thật nhiệm mầu, khi nhiệm mầu không xảy ra, đã chấm dứt. Anh có cường điệu, đã tô vẽ thái quá hình ảnh của người lính Cộng Hòa hay không? Và phẩm chất tác chiến của người lính Cộng Hòa có thật sự như anh viết trong bút ký? Tôi muốn một câu trả lời thật.
Phan Nhật Nam: Không điều gì phải cường điệu, hoặc nói quá nếu sự thật không phải là như thế. Tôi viết về hạ sĩ Toản mang máy truyền tin đại đội phải đào ngũ vì gia đình ngoài Trung lâm cùng cảnh tan tác; binh nhất Huệ tự tử khi đứng gác do buồn phiền chuyện người vợ… Nhưng chính những người lính gầy gò, khắc khổ, phải tình cảnh tội nghiệp kia của sáu tiểu đoàn nhảy dù đã đánh trận Đồi 1062, tại Thường Đức, Quảng Nam với cách thức cá nhân tác chiến, căn từng bụi cỏ, bám đá núi để xông lên cận chiến chiếm mục tiêu đối phương cố thủ từ tháng 8/1974. Những mục tiêu được phòng thủ cực độ vững chắc với thân cây rừng đặt sâu trong lòng núi mà bom và pháo binh không thể phá hủy được. Đánh từ tháng 8 đến tháng

11, mất đi, chiếm lại từng thước đất, đã có lúc bị trung đoàn 24 của Sư đoàn 304 CSBV dùng hỏa công thiêu đốt như trận đánh ngày 29/10/74. Chiếm lĩnh, kiểm soát được toàn bộ các cao độ 1235, 1062 quanh quận Thường Đức để rồi tháng 3-1975 được lệnh rời bỏ những vị trí đã đánh đổi bởi mạng sống của bao đồng đội, máu của bản thân... Hãy nhớ, lính và sĩ quan những đơn vị tổng trừ bị (Dù, TQLC, Biệt Động); kể cả những sư đoàn diện địa như Sư đoàn 1 Bộ Binh (Trị-Thiên); các đại đội thám sát tỉnh...
Trước 1975, những người lính kể trên không một lời tán thán. Không một lần đòi được đền bù, báo ân. Và những giờ phút đầu tiên của ngày 30/4/1975, họ là những người bị bắn ngay trên giường bệnh viện Đỗ Vinh, bệnh viện 3 Dã Chiến Sàigòn nếu có lời chống cự, không di chuyển được do thương trận từ những ngày chiến trận tàn cuộc...

Trần Vũ: Trưa 30 tháng 4, tôi hãy còn nhớ, sau khi đầu hàng, trong lòng tôi giận dỗi các anh vô cùng. Gia đình chúng tôi đã tin vào quân đội đến cùng, thầy tôi nhất quyết không di tản vì muốn sát cánh cùng quân đội. Tôi muốn biết vì sao người lính Cộng Hòa đầu hàng dễ dàng như vậy, trong một buổi trưa, trong vài giờ đồng hồ. Còn Phan Nhật Nam? Nếu bây giờ đi lại trên quốc lộ 1, cùng với Tiểu đoàn 7 Nhảy Dù cũ của anh, đi đầu đại đội 72 mà anh từng làm đại đội trưởng, nhận lệnh buông súng, anh phản ứng ra sao?

Phan Nhật Nam: Bản thân tôi không cố ý làm ra điều văn vẻ, trầm tư để viết nên văn chương chữ nghĩa khi trả lời câu hỏi nầy... Nhưng chẳng cần đợi đến sáng 30 tháng Tư, 1975 mà tôi đã viết đủ trong "Ngày Thật chết với quê hương" – Cái Chết thật ra đã hiện diện với những báo trước rất cụ thể từ trận Đồng Xoài ***(6/1965);*** từ Mậu Thân (1968)... Hằng đêm từ đồi Căn Cứ Nguyễn Huệ (hậu cứ Lữ đoàn 2 Dù) nhìn ra Nghĩa trang Quân đội Biên Hòa... Và gần nhất là đêm tối 15/3/1975 tại Pleiku khi Quân đoàn II bắt đầu lần rút bỏ cao nguyên; chiều 25/3 trên đèo Hải Vân (địa giới Thừa Thiên-Quảng Nam) khi Lữ đoàn 1 Dù bàn giao vị trí cho Tiểu đoàn 8 TQLC; trong ngày ***30/3,*** khi toàn thành phố Nha Trang câm lắng xuống để nghe tiếng sóng đập vào bờ qua dãy xác chết lắt lay trên bãi cát…

Cũng cần nói thêm một chuyện có thật: Khi ngồi trong toa chở súc vật trên chuyến tàu lên Yên Bái đêm 22/6/1976: Coi như đất nước thanh bình (được) đi chuyến tàu lên Miền Bắc! Có người đàn ông dáng thanh lịch dẫu áo quần rách vá, vẻ hư hao, tiều tụy (cung cách của người Hà Nội trước 1954 rất dễ nhận) đi với cô con gái mặt đẹp như ngọc, đầu trần chân đất, quần rách lai tơi tả, sữa non con so thấm ướt ngực áo mỏng theo đoàn tù mót lúa rớt trong buổi sáng đầu xuân sương mù giá rét miền núi đất Bắc... Người đàn ông trầm giọng nói trong tiếng khóc bị nén: Các ông tội nặng lắm... Con tôi từ năm 1954 đến giờ không có được chén cơm trắng, cháu ngoại tôi từ ngày sinh chỉ uống nước cháo loãng pha muối cầm hơi... Mấy mươi năm chờ đợi các ông từ trong Nam ra với hy vọng được sống cho ra dạng người thế mà cớ sự lại như thế nầy đây! Bạn ta ơi Miền Nam không thể thắng được vì họa chung của cả dân tộc đã nên hình. Tôi không quá mê tín, nhưng ngày 28/3/75 khi đi trên đoạn đường Nha Trang-Cam Ranh dẫm lên cây số đường dài sâu bọ bung lên tự lòng đất nên đã hiểu ra điều: Cơn hấp hối, tận diệt quê hương đã thành sự thật! Bản thân người lính làm gì được? Họ lại là người chết trước tiên.

Trần Vũ: 15 năm sau vượt biên tôi đi lại quốc lộ 1. Gần như để đối chất cảnh vật với những gì anh viết. Những địa danh, những thước đất hiện ra, lớp đất vàng khè chen giữa những bãi cát xám bên này dẫy Trường Sơn. Dọc quốc lộ từ Hải Lăng lên đến cầu Hiền Lương là những nghĩa trang liệt sĩ san sát. Vết tích chiến tranh chưa mất. Nhà thờ La Vang tan nát. Phố chính Quảng Trị lỗ chỗ đạn. Khu tập thể tiêu điều ở Thạch Hãn, Cồn Thiên, Cam Lộ… Tất cả ngập dưới cái nóng điên người. Tôi cảm được điều anh đã viết: Nỗi quặn đau dai dẳng không chấm dứt. Rồi tôi tự hỏi: Phan Nhật Nam làm gì trong suốt bao năm ấy, từ lúc ra tù, anh có đi lại quốc lộ 1 lần nào chưa? Tôi muốn biết anh nghĩ gì, sinh sống ra sao, trong một miền Nam đổi khác, sau khi đi tù về. Anh có phản cảm với tuổi trẻ không biết đến quá khứ. Trước khi sang Mỹ, anh giao tiếp với xã hội như thế nào. Tôi muốn nghe anh kể về những ngày hậu chiến này.

Phan Nhật Nam: Sau 30 tháng 4, 1975 tôi đi dọc đường số 1 một lần. Lần độc nhất với đôi mắt khép lại để khỏi nhìn. Để đừng thấy. Tôi không nói quá – Lần trở về Nam ngày 29 tháng 5, 1988 sau mười-hai năm lưu đày đất Bắc. Tàu vào địa giới Miền Nam, qua Đông Hà, Ái Tử, Quảng Trị, La Vang... lúc trời mờ sáng. Tôi biết rõ tàu đang chạy qua những chốn nào. Vốn người gốc Quảng Trị, năm 1966-1967 hành quân từ Thừa Thiên ra Quảng Trị, tôi dẫn quân đi dọc Phá Tam Giang không cần xem bản đồ. Một thoáng ngắn, tôi nhìn ra cửa sổ toa tàu, hướng núi Ngự Bình, nơi có phần mộ mẹ tôi và những người trong gia tộc. Lòng trống rốc. Mắt ráo hoảnh. Lúc tàu rời ga Nam Định tối hôm trước, tôi muốn được bật nên tiếng khóc nhưng khóc không nổi. Qua đèo Hải Vân, trong đầu loáng thoáng những câu thơ "Tôi về Hải Vân thân áo tù. Mười mấy năm dài nhục thấm dư. Nghe lạ đất trời lạnh vụng biển. Quê nhà còn không cơn mộng du…

Đến Đà Nẵng vào buổi trưa, tàu đổi toán phục vụ (toán người Nam)… Cán bộ áp tải tù ra lệnh đóng cửa sổ toa tầu vì"sợ dân phẫn nộ ném đá"... Tầu ngừng khá lâu để xoay đầu máy ra hướng Huế. Dưới sân ga có những tiếng hoan hô… "Hoan hô tướng Lê Minh Đảo... Hoan hô lính Việt Nam Cộng Hòa… Hoan hô… hoan hô..." Một người trong toán phục vụ có lẽ do thấy tôi tương đối trẻ so với những người trong đám tù, thấp giọng thân mật: "Chú cấp bậc gì mà giờ nầy mới về? Đại úy! Trời đất, đại úy người ta về từ mười năm trước. Chú muốn ăn, uống chi... Con đem tới..." Tôi uống hết một két mười hai chai bia cho đến chiều tàu tới ga Hàm Tân. Được tháo cùm tay, bước xuống xiêu ngã trên sân ga, nhìn chung quanh chập chờn… Cây cao su của tiểu đoàn 7 Dù , lối lên Hố Nai, ngã ba Tân Hiệp, Biên Hòa... Rừng cao su đặc thù của miền Nam mà tôi ngắm nhìn mê mải ngây ngất từ toa xe lửa.
Với tâm cảnh như thế, ra tù 1989... Chỉ định cư trú về ở ấp Bình Nhâm, Lái Thiêu, Bình Dương, tôi dựng căn nhà tranh 4x4 thước giữa vườn cây măng cụt, nhà, đất do gia đình, bạn bè ở ngoài gởi về.... Tôi thường đi quanh quẩn trong vườn măng cho dù nửa đêm về sáng, nằm võng ngủ trước hiên nhà. Cứ thế, tôi sống từng ngày qua đi không mấy khó khăn so với hơn 8 năm trong bóng tối hầm giam chờ đem đi bắn. Với tâm trạng nầy tôi đi Mỹ… Tôi đi Mỹ cứ như hắt cặn nước. Tôi đi Mỹ nhẹ tênh vất điếu thuốc. Cứ như thế tôi ở Mỹ đến năm thứ mười-lăm, đi gần hết các tiểu bang, lên thấu Alaska. Bạn còn muốn hỏi gì nữa hay chăng?

Trần Vũ: Tôi còn muốn hỏi thêm nhiều nữa, nhưng trước khi chấm dứt, tôi muốn nhắc lại ảnh hưởng mà các tập bút ký chiến trường của anh đã để lại trong tôi. Chúng ám ảnh tôi đến mức tôi nóng ruột khoác lên người sự "nhiệm mầu" của người lính Cộng Hòa mà anh mô tả. Thế giới của người lính ngồi trên sườn đồi uống bia không đá nhìn xuống con sông bốc mờ sương lam… Tôi thuộc từng tên nhân vật, từng cấp bậc, từng thâm niên của từng người... Tôi cảm giác những trang bút ký của anh thời ấy giúp tôi sống với mọi người, cảm giác chúng truyền vào người mình nỗi đau của cả một miền đất nước, từ những tàn phá đến giận dữ. Có cái gì đó thật con người, cực kỳ cô độc lặng lẽ giữa sắt thép hỗn độn ầm vang trong thế giới của anh mà bây giờ phải đọc lại mới hiểu thấu hết tất cả những oan khiên của cuộc chiến vừa rồi.

Anh mang trách nhiệm này, anh đã dẫn tôi đi qua những thước đất của quê hương ngập tràn tai ương. Đáng lẽ tôi không nên đọc anh để dễ dàng thỏa hiệp với thực tại bây giờ, phải không? Muộn mất rồi. Tôi đã theo anh đi dọc đường số 1.
Phan Nhật Nam: Bạn ơi, tôi trả lời sao đây? Tôi đi đâu nữa? Viết cái gì mới nữa? Cám ơn bạn đã đọc kỹ, đã hỏi thật. Thế là đủ vì ít ra chữ nghĩa không đến nỗi vô ích. Một người không cũng đủ. Rất cảm ơn.

Tái Chiếm Quảng Trị

Điều mà ít ai ngờ đến đã biến thành sự thật, một sự thật tàn khốc trong cuộc chiến tranh diệt chủng ở Việt Nam. Đó là việc Hà Nội công khai xua quân CSBV tràn qua sông ranh giới Bến Hải với hàng ngàn xe tăng, đại pháo 130 ly, cùng nhiều súng phòng không và hỏa tiễn 122 ly. địch dốc toàn lực quyết tâm xâm chiếm miền Nam Việt Nam. Và nếu chiến cuộc không nổ lớn như vậy, cái tên cổ thành Đinh công Tráng, dòng sông Mỹ Chánh, cũng như bao nhiêu địa danh xa xôi khác trên phần đất khốn khổ nầy đã không trở thành quen thuộc với mọi người như hiện nay.

Ngày **2/5/72,** chỉ còn Lữ đoàn 147 Thủy quân Lục chiến tại phía Bắc sông Mỹ Chánh. Trong khi đó quân CSBV dồn nỗ lực tấn công Lữ đoàn 369 TQLC tại cầu Mỹ Chánh. Sau nửa ngày giao tranh, 17 trong 18 chiến xa T-54 của địch đã bị các chiến sĩ thiện chiến của ta bắn hạ. Hai trung đoàn CSBV bị thiệt hại nặng nề phải rút chạy về hướng rừng Hải Lăng. Ngày hôm sau, 3/5/72, cầu Mỹ Chánh đã được quân ta phá sập để cản bước tiến bằng cơ giới của địch. Tỉnh Quảng Trị xem như hoàn toàn bị lọt vào tay quân Cộng Sản BV! Khi hay tin Quảng Trị bị thất thủ, dân quân tranh nhau chạy về Huế. Cũng trong ngày 2/5/72, thiếu tướng Trưởng được Tổng thống Nguyễn văn Thiệu bổ nhậm chức Tư lệnh Quân đoàn I và Quân khu I thay thế trung tướng Hoàng xuân Lãm. Ông cấp tốc bay ra ngay nhiệm sở mới, cố đô Huế lúc nầy đang ở trong tình trạng hỗn loạn vô trật tự.

Ngay khi đến Huế, Tướng Trưởng đã cấp tốc tổ chức phòng thủ chống lại áp lực của 3 Sư đoàn 304, 308, và 325 CSBV từ phía Bắc sông Mỹ Chánh, và Sư đoàn 324B ở phía Tây. Với một sự bình tỉnh đáng kính phục, không có một trách phạt hay quy lỗi cho một ai. Ông đã vãn hồi được trật tự trong hàng ngũ quân sĩ và đặt lại ngay hệ thống an ninh phòng thủ trên bờ sông Mỹ Chánh, sẵn sàng chờ đón một cuộc tấn công mới của địch. Vì họ đã chiếm được một phần đất khá sâu và đang muốn tiến xa xuống phía Nam khai thác thành quả chiến thắng vừa đạt được. Địch phải mất gần một tháng mới kịp bổ sung và tăng cường lực lượng để hòng tiếp tục khai thác thêm chiến quả. Một thời gian quá đủ cho tướng Trưởng kiện toàn xong hệ thống phòng thủ. Ông chẳng những chận đứng được đợt tấn công của quân Cộng sản Bắc Việt mà còn phản công dò dẫm ở một vài điểm, làm địch phải lúng túng và chùng bước tiến quân của họ lại. Ông đã nhận được lệnh phải tiêu diệt 4 sư đoàn chánh qui Bắc Việt đang đối diện ở bờ Bắc sông Mỹ Chánh, bằng 2 sư đoàn tổng trừ bị là Sư đoàn Dù và Sư đoàn TQLC mà hiện ông đã có sẵn trong tay.

Ngày 8/5/72, Lữ đoàn 2 Dù ra tăng viện từ mặt trận Tây Nguyên. Đến ngày 22/5/72, thêm Lữ đoàn 3 Dù từ mặt trận An Lộc, và sau đó là bộ tư lệnh SĐND được chuyển vận ra bảo vệ cố đô Huế.

Ngày 14/5/72, tướng Phạm văn Phú, Tư lệnh Sư đoàn 1 Bộ binh, đã trực tiếp chỉ huy cuộc phản công tái chiếm căn cứ Bastogne ở phía Tây Nam Huế. Chiều ngày 15/5, Trung đoàn 3 Bộ binh đã hoàn toàn làm chủ Bastogne.

Ngày 28/6/72, cuộc tổng phản công của QLVNCH chính thức bắt đầu. Hai SĐND và TQLC tấn công tuyến phía Bắc sông Mỹ Chánh, trong khi SĐ1BB đánh thọc ra hướng Tây thuộc dãy Trường sơn.

Mặt trận B5 đã tung ra chiến trường tất cả 6 sư đoàn gồm: 304, 308, 312, 320B, 324B, và 325 (312 mới kéo từ Lào qua). Ba Tiểu đoàn 7, 9, 11 Nhảy dù theo thế gọng kềm làm mũi nhọn vượt sông Mỹ Chánh tiến vào Quảng Trị. Chiến cuộc kéo dài dai dẳng cho đến ngày 25/7/72 lực lượng Dù (TĐ5ND) mới cắm được cờ Quốc Gia lên bờ ngoài cổ thành Quảng Trị. Hai ngày sau, Sư đoàn Dù chuyển vùng trách nhiệm phía Đông quốc lộ I lại cho Thủy quân Lục chiến. Cổ thành Quảng Trị hình vuông với bề dài mỗi cạnh là 590 thước, chiều dầy và cao là 5 thước, đã được TQLC nỗ lực dứt điểm vào ngày 16/9/72. Tàn quân của Trung đoàn 48 trong cổ thành đã rút chạy sang bờ Bắc sông Thạch Hãn.

Diễn tiến chi tiết :
Trước ngày 28/6/72 (ngày N); Sư đoàn Nhảy dù thỉnh thoảng vẫn cho các toán trinh sát và viễn thám vượt sông Mỹ Chánh đi sâu vào phía sườn Tây, dọc hành lang dãy Trường Sơn để dò la tình hình địch. Các tin tức do Viễn Thám cung cấp kể cả hình ảnh chụp được, cho biết địch đã tăng cường rất nhiều vào trận địa gồm: bộ đội, xe tăng, và pháo binh.Tuyến đầu của sư đoàn gần bờ sông Mỹ Chánh do Tiểu đoàn 2 Nhảy dù và Tiểu đoàn 7 Nhảy dù trấn giữ. Tất cả khinh binh của hai tiểu đoàn nầy đều được trang bị bằng hỏa tiễn M-72 hoặc hỏa tiễn 4 nòng MX-202 để phòng chống chiến xa địch (ngoài thành phần vũ khí cá nhân). Còn hỏa tiễn "Tow" mặc dù tiểu đoàn nào cũng có, nhưng vì địa thế núi đồi nhấp nhô trùng điệp, nên chỉ đặt trên những điểm cao phía sau để dễ điều khiển, và nhờ vậy các xạ thủ không bị hạn chế tầm nhìn, hơn nữa loại nầy khá cồng kềnh và nặng nề.

Đầu tháng ***6/1972,*** địch đã mở đợt tấn công thăm dò vào TĐ11ND ở bờ Nam sông Mỹ Chánh, bằng nhị thức bộ binh thiết giáp. Thoạt đầu Cộng quân pháo kích liên tục, và lúc mờ sáng bộ binh địch và chiến xa đã càn lên, xông vào tuyến phòng thủ của TĐ11ND. Cùng thời gian đó, địch đã pháo kích vào vị trí đóng quân của TĐ2ND và căn cứ Nancy do một đại đội Dù trấn giữ cầu phao băng qua sông Mỹ Chánh. Nhờ chuẩn bị hầm hố chiến đấu kiên cố và đúng cách, nên khi chiến xa địch vừa tới, Các binh sĩ TĐ11ND đã hạ ngay 2 chiếc T54 bằng súng chống chiến xa M72 và XM202 (hỏa tiễn lân tinh 4 nòng). Bộ đội địch hò hét xung phong, nhưng bị đẩy lui bởi các súng cá nhân, đại liên, và ngay cả lựu đạn. Địch cố gắng nhào lên nhiều lần nhưng đều bị đẩy lui.
Cộng quân núp theo sau xe T54, PT76, và thủy xa BRT85 để mong chọc thủng phòng tuyến của ta. Trong lúc đó Tiểu đoàn trưởng TĐ11ND đã yêu cầu pháo binh bắn hỗn hợp đầu đạn chạm nổ, từ trên không chụp xuống làm cháy và hư hại thêm mấy chiếc thiết giáp, và làm hàng ngũ địch tan rã bỏ chạy tán loạn về phía sau. Đoàn xe tăng địch tháo lui về hướng bờ sông và để lại nhiều tên bị thương, bị chết, cùng vũ khí ngổn ngang.

Ngày 28/6/1972 (ngày N), TĐ1ND và TĐ2ND vượt sông Mỹ Chánh lúc 5 giờ sáng và tiến đánh địch trong cảnh trời còn mờ tối. Vì bị bất ngờ, địch chống trả yếu ớt chỉ lo trốn chạy hoảng loạn về hướng Bắc và để lại rất nhiều vũ khí nặng. Đặc biệt là các giàn pháo phòng không trang bị 2

đại bác 57 ly có ghế ngồi cho xạ thủ xoay trở vòng vòng. TĐ1ND đã tịch thâu được 14 chiếc xe phòng không và nhiều vũ khí đủ loại khác, cùng bắt sống 5 tù binh. Bên cánh trái là TĐ2ND đã đánh trúng ngay bộ chỉ huy của Trung đoàn 203 chiến xa địch. Khi nghe tiếng la xung phong và các chiến sĩ Dù ào ạt nhào lên, các bộ đội tùng thiết địch đã chạy tứ tán về hướng núi và phía Bắc, bỏ lại 3 chiến xa T54 máy vẫn còn đang nổ và đèn còn chiếu sáng.
Ngày 2/7/72 mở đầu cho giai đoạn II, TĐ9 và Tiểu đoàn 11 Nhảy Dù được trực thăng vận xuống phía Bắc của sông Nhung, con sông nhỏ bắt nguồn từ hướng Đông Bắc, qua Trường Phước, Mai Đằng, Thương Xá, để vào Thạch Hãn ở phía Đông Quảng Trị. TĐ11ND bên phải, TĐ9ND bên trái, cùng chiếm từng thước đất trên những đồi trọc, dưới ánh nắng oi bức của mùa hè đỏ lửa! Cộng quân pháo cản đường bằng hàng loạt đủ loại 130, 122ly,...Nhưng đoàn quân không dám chần chừ, mọi người quyết đội pháo vào lấy lại mảnh đất Quảng Trị thân yêu. Trên đoạn đường dài 9 cây số, từ Giáp Hậu qua Mai Đằng, đến La Vang Thượng, binh sĩ thấy cảnh vật gần như không còn sự sống. Các đoạn đường nhựa thì lỗ chỗ hố bom, trên bãi cát điêu tàn bốc hơi dưới mặt trời đỏ lửa thì toàn là cảnh chết: vật chết và người chết!

Đầu tháng 9/1972, LĐ1ND đã làm chủ tình hình, chiếm lại phần lớn đất đai Quang Trị, đáng kể nhất là căn cứ của Trung đoàn 11 Thiết kỵ và căn cứ Trung đoàn 1 Bộ binh. Sư đoàn 304 CSBV đã bị LĐ1ND đánh đuổi về hướng Bắc. LĐ1ND tiếp tục mở rộng vùng trách nhiệm về hướng Tây, chiếm núi Tân Téo (phía Tây Bắc La Vang); rồi thọc sâu xuống làng Như Lệ gần bờ sông Thạch Hãn, cách cầu Lò Rèn Quảng Trị khoảng 2 cây số đường chim bay.

Tháng 9/1972, Lữ đoàn 3 ND đã tiến sâu vào dãy Trường Sơn để tái chiếm căn cứ Barbara. Cuộc tiến quân thật gian nan vì đồi núi trùng điệp, cây rừng rậm rạp, rất khó quan sát; thời tiết lại luôn luôn bị mây mù che phủ, không thể sử dụng không yểm. Chỉ có pháo binh 105 ly (11 cây số) và 155 ly (tầm 14 cây số rưỡi) yểm trợ. Nhờ có nhiều điểm che dấu, nên địch thường ẩn nấp chận đường tiến quân. Nhất là khi càng gần căn cứ Barbara, cây rừng càng rập rạp. Từ dưới chân núi nhìn lên chỉ thấy một màu xanh thẫm; đường lên núi lại thẳng đứng và ngoằn ngoèo; từ chân núi nhìn lên binh sĩ không thấy rõ căn cứ. Trung tướng Dư quốc Đống, Tư lệnh SĐND, chỉ thị LĐ3ND phải chiếm cho được căn cứ chiến thuật nầy, để ngăn chận đường xâm nhập của CSBV, và để làm đài quan sát điều chỉnh pháo binh tiêu diệt các khẩu pháo địch, mà vẫn hay bắn về chỗ trú quân của ta tại cầu Mỹ Chánh và căn cứ Nancy.

Sau những lần đánh ban ngày không kết quả, Lữ đoàn trưởng quyết định cho đột kích đêm. Nhiệm vụ được giao phó cho TĐ8ND thọc sâu vào phía Tây căn cứ Barbara; và tiểu đoàn phó chỉ huy hai đại đội còn lại tiếp tục tấn kích mặt chính để cầm chân địch. Quả nhiên với yếu tố bất ngờ, hai đại đội đã trèo dốc lên tới đỉnh; rồi dàn quân đồng loạt vừa bắn vừa la xung phong vang rền đỉnh núi. Địch bị trở tay không kịp, hoảng hốt chạy tán loạn. Trận nầy TĐ8ND bắt được khá nhiều tù binh thuộc sư đoàn 324; tịch thu rất nhiều vũ khí đủ loại; và đặc biệt nguyên một đoàn xe tiếp vận hơn 20 chiếc gồm xe Zin, Molotova.

Tái Chiếm Cổ Thành:
Tiểu đoàn 5 Nhảy dù được vinh dự nhận trách nhiệm tiến chiếm cổ thành Đinh công Tráng. Địch quân phục sẵn để chào đón những chiến sĩ TĐ5ND, mặc dầu phi pháo yểm trợ tối đa,

nhưng vừa đánh vào là dội ra ngay, quân ta bị cắt ra làm ba, mỗi đại đội phải chiến đấu riêng rẽ. Các binh sĩ Dù vừa đánh vừa đào hầm trú ẩn, đôi khi phải gọi pháo bắn ngay trên đầu mình vì địch và ta đang cày răng lược, nhưng Cộng quân bị thiệt hại nhiều vì quân số đông hơn và không có hầm trú ẩn cấp thời như quân ta. Đối diện với cổ thành, các đại đội trưởng của TĐ5ND cảm thấy khựng người. Một mục tiêu vô cùng kiên cố, chung quanh có hào sâu chừng gần 10 thước. Cổ thành nguyên là doanh trại của tiểu khu Quảng Trị, tháng 4/72 vừa qua, Bộ tư lệnh SĐ3BB từ căn cứ Ái Tử đã dời về đây. Tướng Vũ văn Giai, TL/SĐ3, đã cho tu bổ và xây dựng thêm nhiều hệ thống phòng thủ kiên cố mới. Khi lọt vào tay địch, nơi đây trở thành một khối đá to được bao bọc bởi những hỏa tập cận phòng bằng 130 ly và 122 ly từ bên kia sông Thạch Hãn và bằng những súng đại bác 57 ly, 75 ly, B40, và thượng liên đặt trên bờ thành mà những xạ thủ đã bị xích chân vào súng.

Sau hơn 2 tuần đối trận, TĐ5 hao khoảng 100 người vừa chết và bị thương, cuối cùng tiểu đoàn quyết định chọn toán cảm tử để dựng cờ làm khí thế cho cuộc chiến đấu cam go nầy. Nhiều người tình nguyện, nhưng 8 chiến sĩ được chọn, họ là những chiến sĩ trước đây đã ở trong Lực Lượng Đặc Biệt, từng nhảy toán vào lòng địch. Trung tá Hiếu quyết định làm một việc ngoài quyền hạn của mình, anh đã thăng cho mỗi người hai cấp để 8 chiến sĩ hiểu rằng, mọi người đều kính trọng các anh, những tráng sĩ Kinh Kha thời nay.
Buổi chiều ngày 24/7/1972, sau khi chiếc oanh tạc cơ cuối cùng rời vùng, hoàng hôn cũng vừa phủ xuống trên Cổ Thành. Tiếng súng thưa thớt rồi im hẳn làm cho chiến trường bỗng nhiên chìm trong khung cảnh tĩnh mịch. Nhưng chính trong những giây phút người lính tưởng sẽ được nghỉ ngơi giây lát sau một ngày dài đột pháo nhích lên từng tấc đất, thì thật ra đây là khoảng thời gian nguy hiểm nhất, vì địch thường lợi dụng đêm tối mò vào đánh đặc công. Bởi vậy khi màn đêm phủ xuống, đó là thời gain "Thân ai nấy lo, hồn ai nấy giữ.

Nhưng buổi tối hôm nay, 8 chiến sĩ Dù trong toán "Quyết tử" đang chuẩn bị vượt qua đoạn đường cam go nhất trong đời, đoạn đường từ điểm xuất phát đến chân bờ thành, một đoạn đường mà hơn 2 tuần nay, ngày nào các chiến sĩ Dù cũng đổ máu để thâu ngắn từng tất đất, nhưng mà bờ tường của ngôi thành cổ kia vẫn còn sừng sững như ngạo nghễ như thách đố! Cái khoảng trống 300 thước đó là vòng đai của tử thần. Một màn lưới hỏa lực dày đặc bao phủ vòng đai nầy, giả thử nếu một con bò sút chuồng chạy vào thành, lập tức nó sẽ bị hàng chục viên đạn ghim vào mình trước khi đến dưới bờ thành. Lại thêm những toán đặc công hoặc tiền đồn địch "Độn thổ" bên ngoài để kịp thời phát hiện những toán xâm nhập. Khi được giao phó nhiệm vụ tái chiếm Quảng Trị, các lực lượng ta đã chuẩn bị sẵn những lá cờ để dựng lên cổ thành, và đêm nay, toán cảm tử của ta sẽ thực hiện công tác thiêng liêng đó. Tại điểm xuất phát, 8 chiến sĩ Dù đều sẵn sàng. Hạ sĩ Trần Tâm làm trưởng toán, Hạ sĩ Hồ Khang được chỉ định giữ lá cờ để sẵn sàng cắm lên trên Cổ Thành.

Khoảng 4 giờ sáng, trong bóng đêm, tám dũng sĩ lặng lẽ khởi hành; sau lưng họ, cấp chỉ huy, bạn đồng đội dõi mắt nhìn theo, gửi gắm nơi họ những lời chúc bình an, những niềm tin, và niềm hy vọng. Họ ra đi như Kinh Kha sang Tần ngày xưa, sông Dịch Thủy tuy rộng nhưng vẫn dễ qua hơn 10 thước hào sâu trước mặt, 9 bậc thềm rồng của vua Tần thủy Hoàng tuy cao nhưng dễ lên hơn 5 thước tường thành cổ nầy. Tám người mất hút trong bóng đêm rất nhanh. Những

người ở lại theo dõi trông chờ, họ cầu mong đêm nay vẫn liên tục yên tĩnh. Thời gian như ngừng lại, không có tiếng người, không có hỏa châu, không có tiếng súng, chỉ có tiếng côn trùng vọng lên giống như đêm nay là đêm thanh bình của những ngày chưa xảy ra cuộc xâm lấn của quân Bắc phương. Trong bóng đêm dày đặc, các đồng đội đang gườm súng ứng chiến sẵn sàng, họ đếm từng phút và lắng tai nghe từng tiếng động. Chưa có tiếng súng nổ nghĩa là toán cảm tử vẫn chưa bị lộ. Nhưng nếu hỏi giờ nầy họ tiến tới đâu thì không ai có thể trả lời. Có thể 100 thước, 200 thước, đang vượt hào sâu, đang đứng dưới chân thành, cũng có thể đã bị bắt sống một cách nhẹ nhàng để chờ toán khác tiếp tục tiến vào ?

Mọi người chỉ biết chờ đợi, đoán mò. Bỗng ngay hướng họ vừa đi, trên mặt thành, một bóng đen đột nhiên nhô lên giữa bầu trời mờ sáng, bay phất phới theo chiều gió: Lá cờ !!!

***

Mùa hè 1972 chính thức chấm dứt vào ngày 16-9 khi đám tàn quân của Trung đoàn 48 VC , tháo chạy qua bờ bắc sông Thạch Hản, sau 82 ngày cố thủ trong cổ thành Đinh Công Tráng. Thành được xây dựng từ năm 1823 thời vua Minh Mạng Nhà Nguyễn, nay trở thành đóng gạch vụn vì sự tàn pha của bom đạn cả hai phía. Trong khi đó khắp hai miền đất nước, đồng bào Nam lẫn Bắc đều chịu chung cảnh tang tóc thê thiết của chiến tranh, chưa từng thấy trong dòng Việt sử

Đại Lộ Kinh Hoàng 1972

Đỗ Kh. - Pháp

32 năm trước, bộ đội VC đánh vào tỉnh Quảng Trị do quân đội miền Nam trấn giữ. Trong một tháng giằng co, tuyến bảo vệ Quảng Trị hướng tây (Camp Carroll) và hướng bắc (Đông Hà, Ái Tử) co cụm lại chung quanh thị xã, nơi Sư đoàn 3 Bộ binh miền Nam đặt Bộ Tư lịnh tại Cổ thành, đường tiếp vận từ Huế khi đóng khi mở bị đe doạ. Cuối tháng 4.1972, Sư đoàn 3 *(tổng số binh sĩ miền Nam tại mặt trận dưới quyền của tướng Giai là 29 tiểu đoàn gồm lực lượng cơ hữu của Sư đoàn 3 tân lập, 6 Tiểu đoàn Địa phương quân thuộc Tiểu khu Quảng Trị và các lực lượng tăng phái Trung đoàn 1 Chiến xa, 2 Lữ đoàn Thuỷ quân Lục chiến, 3 Liên đoàn Biệt động quân, [5] có lúc lên đến 20.000 người*) và các lực lượng tăng phái di tản về hướng Nam đến sông Mỹ Chánh nơi Lữ đoàn 369 Thuỷ quân Lục chiến từ Huế lên lập phòng tuyến mới. Ngày 1.5, tư lịnh Sư đoàn 3 và tư lịnh mặt trận, tướng Vũ Văn Giai [1] đi cùng đơn vị chót, đến Quốc lộ 1 bị tắc đường bèn quay lại Cổ thành Đinh Công Tráng và được trực thăng Hoa kỳ di tản cùng đoàn cố vấn Mỹ. [2] Vào lúc 16g30 khi chiếc trực CH 53 chót cất cánh, bộ đội miền Bắc đã vào đến Cổ thành.
Tỉnh Quảng Trị là tỉnh đầu tiên trong cuộc chiến bị mất vào tay miền Bắc.

"Dãy phố buồn hiu" [3] của thời chiến tranh Đông dương (Pháp) khánh thành tên mới là "Đại lộ kinh hoàng" vào dịp này. Quãng đường mươi km ngang Hải Lăng bị các chốt pháo từ trên núi cách một vài cây số (tầm ngắn của Sơn pháo 75 ly, bích kích pháo) và các chốt bộ binh cách đường chỉ có 50m, liên tục nã vào để chặn đường rút lui. Đoàn người di chuyển trên Quốc lộ 1 gồm quân nhân miền Nam đã thất lạc đơn vị, mất chỉ huy và không còn đội hình, [4] có khi mang theo cả gia quyến, lẫn vào với dân cư Đông Hà, Quảng Trị. Đoàn người này xuôi Nam hỗn loạn, lớp lính, lớp dân, lớp dân trộn vào với lính, bằng đủ loại phương tiện, từ chạy bộ quang gánh đến quân xa, thiết giáp, xe đò, xe lam, xe máy. Bỏ qua con số chính xác thì trong đó đã có hàng ngàn người bỏ xác trên đường. Việc này, đúng sai để mỗi người chúng ta tự vấn và tự trả lờ
quai Lê Văn Khoa là Dược sĩ Trung uý, Tiểu đoàn 3 Quân y, Sư đoàn 3 Bộ binh miền Nam, đồn trú tại Bộ Tư lịnh Sư đoàn, căn cứ Ái Tử, tỉnh Quảng Trị.

Anh có mặt tại Quảng Trị từ thời gian nào?
Tôi ra trường năm 71. Vào cuối năm, tháng 12, tôi ra trình diện đơn vị mới và cũng là đơn vị đầu tiên của tôi, Sư đoàn 3 Bộ binh mới vừa thành lập. [6] Lúc trẻ, vì tính phiêu lưu nên tôi chọn Sư đoàn giới tuyến "Tam sơn nhị hà" này, nhưng cũng không biết 3 quả núi là 3 quả núi nào với 2 con sông nào. Tôi còn nhớ, chiếc C130 hay C119 chở tôi ra, sau khi thả một tốp xuống Phú Bài, chỉ có mình tôi còn lại là xuống phi trường Quảng Trị. Bước ra khỏi, một bên là núi, một bên là cát, tôi đứng nhìn nó bay vòng trở về rồi một thân xách túi ra hỏi người lính gác, lối nào đi đến đơn vị.

Lúc đó tình hình tại "tuyến địa đầu" [7] này ra sao?
Mấy tháng đầu yên ắng, nhiệm vụ tôi là trưởng phòng thí nghiệm, kiêm y khoa phòng ngừa và thanh tra thuốc men. Phòng thí nghiệm thì chỉ là 4 cái cọc chưa có mái, tôi cũng chẳng có

chuyện gì làm. Các y sĩ thì ra Trung đoàn, theo Đại đội, [8] cả Sư đoàn chỉ có 2 dược sĩ, người kia lo việc phân phối thuốc còn tôi thì lẩn quẩn đi chơi.
Nhưng không có xe, ai rủ đi đâu thì tôi theo đó, có lần ra đến Gio Linh hay ra Đông Hà mua mấy cái lặt vặt, nút áo để may vá. Người ta bảo con gái Đông Hà mắt to và đẹp, tôi cũng chẳng biết. Một bận anh bạn bên Thiết giáp thích một cô bán quán cũng mắt to và đẹp đưa ra đến Cam Lộ, quán càfé "Da vàng" hay "Con gái", chỉ có mấy đứa tôi lính ngồi uống nước, phố xá vắng ngắt [9] ...

Cuối tháng 3, Ái Tử liên miên ăn pháo, cả ngày ở dưới hầm, đến giờ ăn chạy lên ăn rồi vào hầm trở lại. Nói là ngày đêm liên tục nhưng họ cũng có giờ nghỉ! Một y sĩ mới đến, vào trình diện Tiểu đoàn trưởng, trở ra thì ông này không sao nhưng người lính dẫn ông đến lại trúng pháo chết! Bộ Tư lịnh Sư đoàn bị áp lực dời về Cổ thành, Tiểu đoàn trưởng Quân y vào trong đó với ông Giai, các y sĩ thì ở các đơn vị, tôi và mấy sĩ quan và bộ phận hành chánh sang bên Bệnh viện Dân quân tỉnh Quảng Trị ở tạm. [10]
Lúc đó Quảng Trị cũng ăn pháo, phần lớn là trong Cổ thành, ngoài phố lác đác. Biệt động quân, Thuỷ quân Lục chiến ra tăng phái, sở dĩ tôi được biết là vì quân y hiện dịch đều biết nhau từ lúc ở trong trường. Tôi có gặp anh bạn y sĩ Biệt động quân đóng ở bên kia sông, BS Hương, tụi tôi ăn uống kham khổ nên anh hay rủ qua chỗ anh ăn chung, tuy là y sĩ nhưng anh cũng có người lính nấu nướng, làm cơm cho ăn với mấy cái đồ hộp.
Rồi có cả phản công, các đơn vị tăng phái đánh Việt cộng đuổi lên đến tận Cùa? Tôi nghe nói vậy nhưng cũng không biết Cùa ở đâu, được vài bữa chẳng hiểu sao lại lúp xúp chạy ngược về. [11] Đêm hôm đó (28.4) tôi đang ngủ thì súng bắn mờ mịt khói, vào 3 giờ sáng, đủ loại lớn nhỏ, tiếng AK lách cách ròn rã, hình như có cả pháo tăng địch. Tôi lên phòng Giám đốc Bệnh viện thì ông này đã đi đâu mất, tối tôi còn thấy ông đốt nến làm việc mà giờ thì cây nến lạnh ngắt và bệnh viện vắng tanh!

Tôi và Thiếu úy Hiếu (sĩ quan hành chánh Tiểu đoàn 3 Quân y) ra ngoài bám theo một cái xe Hồng thập tự tải thương, loại Dodge 4x4, đu bên ngoài nhưng cái xe rất trơn, không có thành để bám, lại đêm sương xuống ướt mái, khi đến chỗ… cửa hàng bánh cuốn mái tôn, nó lên dốc gắt cua tôi văng xuống đường, nhìn sang thấy Hiếu bên kia xe cũng tuột! Hai người rủ nhau chạy bộ vào Cổ thành, có vài xác trên đường lác đác nhưng vẫn còn vắng. Tôi định tìm đơn vị trưởng để trình diện nhưng đến cổng thành, lính kéo kẽm gai ngang không cho vào. Lúc đó súng tiếp tục bắn mờ mịt, khói súng đạn dầy đặc tưởng như là màn sương, trong thành chắc họ sợ Việt cộng đã vào trong thị xã, đặc công cải trang quần áo lính mình. [12] Chúng tôi bèn rẽ mặt theo đoàn người, trong đó dân có, lính có, chạy về nam thì gặp một xe jeep quân y của Thuỷ quân Lục chiến, Bác sĩ… Trường tôi quen, cho tôi lên. Đến Mai Lĩnh thì Quốc lộ bị gài mìn, đoàn xe đoàn người tắc lại nghẽn, không tiến lên được.
Đoàn người chạy này phần lớn là dân hay là lính?

Đủ hết, dân chạy loạn, xe nhà binh, xe dân sự, đi bộ gồng gánh. Lính thì đủ các loại, lính Sư đoàn 3, Địa phương quân, Công binh… Thuỷ quân Lục chiến, có cả Thiết giáp. Phần lớn là Bộ binh (áo xanh). Biệt động quân, lúc đó tôi thấy còn đóng ở Mai Lĩnh.

Lính các sắc như anh nói di chuyển theo đơn vị, đội hình?
Không, lính và dân lẫn lộn, lính chạy với gia đình của họ, chạy một mình, từng tốp hỗn loạn, chạy chứ không phải hành quân khai thông quốc lộ gì hết.

Ở Mai Lĩnh vậy chưa có pháo vào đoàn người di tản?
Lúc đó trời mới sáng, chưa có pháo, ở phía trước bảo đánh mìn không lên được, tôi bỏ xe xuống tìm đường đất để men ra hướng biển. Nhưng mới vừa đi thì có tốp người bên cạnh trúng ngay mìn, chỉ có vài mét, xác văng lên rách tan! Tôi và Hiếu lại lần về Quốc lộ. Được một lúc thì thiết giáp bên trên gỡ bãi mìn lại đi được tiếp.

Là có đơn vị thiết giáp hay công binh lên gỡ mìn?
Tôi không biết, hay là cá nhân tự động họ gỡ, khi tôi đi lên đến thì thấy có mấy tờ giấy trắng đánh dấu các bãi mìn cẩn thận, chẳng hiểu là ai làm. Nắng lên, vào mùa đó trời rất oi ả khó chịu, tôi đi còn đeo theo ba lô với mấy bộ quần áo và mấy cuốn sách, áo giáp, nón sắt và cây M16, lưng lận khẩu Colt nặng chình chịch. Nhiều người mệt cởi vất nón vất giáp, đến lúc đó thì bị pháo. Một bên là núi, một bên là bãi cát trắng chạy dài ra đến biển, đoàn người bỏ đường chạy ra hướng này lại bị pháo quay về đầu kia, dạt qua dạt lại như là một ruộng lúc dưới gió, hết vòng tới lại vòng lui.

Như vậy là rất đông người?
Tôi không biết là bao nhiêu, như là lúa ở trên cát nghiêng ngả theo nhịp pháo. Bỗng có từ đâu mấy cái thiết giáp chạy lên mở chốt, xạ thủ nổ đại liên đùng đùng, một lúc khựng lại không tiến lên được!

Vậy là vẫn còn đơn vị có khả năng tác chiến?
Có lẽ là đơn vị nhỏ hay vài xe hành động cá nhân. Tôi nghĩ là nếu có chỉ huy, điều động thì đã mở được đường!
Tôi cũng theo đoàn người chạy qua chạy lại, về phía biển thì một lúc gặp đầm lầy không băng qua được. Hiếu trẻ khỏe hơn tôi, nên gắng kéo tôi đi. Nhưng mệt quá rồi, lả người, tôi trở về đường nhựa ngồi, sống chết ra sao thì không biết, ở đó mà nhìn người ta dạt tới dạt lui và pháo đuổi theo.

Thiệt hại, người chết có nhiều không?
Tôi không nhớ, lúc đó cũng không để ý hay quan sát chung quanh, chỉ nghĩ sao về gặp lại được gia đình! Hẳn là có chứ, người chết cháy, chết co quắp lăn lóc đây đó. Bãi cát thênh thang nên pháo nổ loãng đi, không phải như là âm thanh trong ciné, chỉ thấy từng bụi đất cát mỗi lần đột ngột đây đó bốc lên tung tóe.

Pháo này là pháo đuổi từ xa bắn theo hay ở gần bắn tới?
Tôi không biết pháo gì, có cả cán B40, đuôi bích kích [13] vung vãi trên đường. Việt cộng rất gần, có lúc thấy rõ bóng người chạy qua chạy lại. Người ta bắn, tôi cũng lấy M16 ra mà khỉa, bắn lấy vui túi bụi, đến độ hết cả đạn!

Lúc đó rất sợ bị bắt, tôi nhặt được mấy quả lựu đạn mini, nghĩ là nếu bị bắt chắc dám làm liều nổ lựu đạn tự sát. Thì gặp một cái xe Hồng loại Dodge đến, một tay bác sĩ ở Bệnh viện Quảng Ngãi hay Chu Lai ra tăng phái, BS Lưu, nhóm giải phẫu thì phải. Tôi lên xe anh này, thật tình chuyện sống qua nhưng giờ rất mơ hồ, hình như là đằng sau lính còn khoẻ có leo lên đẩy thương binh nhẹ xuống, dồn mấy người bị thương nặng lại một đống, xe theo đường len lên, hình như có cán qua xác chết gì đó.
BS Lưu nói, xe Hồng chắc tụi nó không bắn, mình liều chạy đại! Khúc đường phải băng qua đằng trước vắng ngắt, chỉ chừng 500 mét mà thăm thẳm, tôi lại ngồi phía ngoài cùng, phía núi, tức là phía đạn, mà họ đang nổ súng loại thượng liên, chứ không phải là đại liên nữa, loại thượng liên thứ bắn máy bay! Tôi nhớ lúc đó mình nghĩ bẩn, tay Hiếu này lên xe trước len vào ngồi trong, mình thì ngồi ngoài! Trước tôi có một cái xe Quân y khác, nhưng là xe jeep, tôi ngồi khom người, chẳng hiểu từ đâu thấy dưới chân lại có một két bia! Chiếc jeep dẫn đầu không biết có phải vì bị bắn trúng hay bị bắn vào bánh, chạy đến đầu cầu bên này đâm vào giây kẽm gai giăng trên cầu, bị vướng vòng vèo đâm vào đồn Địa phương quân ở cạnh cầu, ngưng lại. Xe tôi vọt qua chỗ giây kẽm do họ mở, chạy sang bên kia cầu Mỹ Chánh.

Vậy còn số phận của két bia anh vừa mới nói?
Vào đến tuyến Thuỷ quân Lục chiến, trên xe mở luôn liền ra uống! Nhìn lại, chỉ thấy có một vết đạn trên thành, phía trên bánh, không hiểu là vì xe Hồng nên họ không bắn, hay chạy bất ngờ họ bắn không kịp, không trúng, hay họ chỉ cố tình muốn bắn vào lốp. Sau tôi còn một xe nữa qua được, đó là 3 chiếc xe duy nhất, sau đó chốt đóng lại mấy ngày liền không ai qua khỏi. Tôi về đến Huế, sau đó Sư đoàn tập trung lại ở Phú Lương, về sau tái phối trí ở núi Khánh Sơn, Đà Nẵng, tôi không có dịp trở lại Hải Lăng vào những ngày hay tháng ngay sau.

***

[1]Tướng Giai là Tư lịnh đầu tiên của Sư đoàn 3 Tân Lập gồm 1 thành phần của Sư đoàn 1 và một số lớn quân phạm, đào binh, bất phục tòng, anh hùng hảo hán trong quân đội được mời ra miền địa đầu giới tuyến. Mùa hè 72, Sư đoàn 3 đã giữ tuyến sau 3 đợt tấn công và ông là người cuối cùng ra đi nhưng cuộc triệt thoái khỏi Quảng Trị đã chấm dứt binh nghiệp của tướng Giai. Ông là tướng lãnh hi hữu của miền Nam bị bỏ tù (cho đến tháng 4.1975) về tội bại trận. Theo phóng viên miền Bắc Trần Kim Thành, tướng Giai là người xếp hàng đầu tiên đi trình diện học tập sau 30.4. Trung tâm trình diện vừa mở cửa là ông bước vào phát biểu "Các ông là người giải phóng cho tôi ra khỏi tù".

[2]Cuộc di tản Bộ Tư lịnh gọn của tướng Giai và 80 nhân viên, cố vấn Mỹ tại Cổ thành Quảng Trị bởi Phi đoàn 37 Trực thăng Cấp cứu (37th Aerospace Rescue & Recovery Squadron) tổng cộng bốc 131 người được coi vào lúc đó là cuộc cấp cứu bằng trực thăng lớn nhất của Mỹ.

[6]Sư đoàn 3 thành lập vào ngày 1.10.71.
[7]Ca từ: "Giờ này anh ở đâu, Trại Hoàng Hoa hay tuyến địa đầu?"
[8]Mỗi Sư đoàn Bộ binh có 1 Tiểu đoàn Quân y, Bộ Chỉ huy của Tiểu đoàn theo Bộ Tư lịnh Sư đoàn, các Đại đội Quân y theo các Trung đoàn, Trung đội Quân y theo các Tiểu đoàn…

[9]Ái Tử ở ngoại thành Quảng Trị về phía Bắc, đối diện với phi trường bên kia Quốc lộ. Đi Cam Lộ phải qua Đông Hà theo đường 9 về phía Tây, tức núi, chung quanh Cam Lộ chỉ có các căn cứ hoả lực đìu hiu.
[10]Sau đợt tấn công đầu và sau khi Trung đoàn 56 của Sư đoàn 3 tan hàng tại Căn cứ A4 (Camp Carroll) gần Cam Lộ, Trung đoàn trưởng đầu hàng tại mặt trận. Trung tá Phạm Văn Đính năm 1968 là Đại đội trưởng Hắc Báo đã treo lại cờ miền Nam trên kỳ đài Phú Vân Lâu khi tái chiếm thành phố Huế.

[11]Sau đợt tấn công thứ nhì (9.4) của miền Bắc, đây là giai đoạn phản công của miền Nam với chiến dịch mệnh danh là Quang Trung 729. Miền Bắc tấn công gọi là chiến dịch Nguyễn Huệ, miền Nam phản công gọi là hành quân Quang Trung, dĩ nhiên cả 2 đằng, trong chuyện này Bắc Bình Vương đều hoàn toàn vô can.
[12]Đây là đợt tấn công lần thứ 4. Đêm 28.4 bộ đội đặc công vượt qua sông Thạch Hãn và phá một cây cầu nhưng bị đẩy lui trở lại. Đến 1.5 Quảng Trị mới thất thủ thật sự nhưng trong đêm 28 ngay tại Bộ Tư lịnh của tướng Giai cũng không rõ tình hình, chiến xa miền Nam rút về bị tưởng lầm là chiến xa miền Bắc đến (Lê Huy Linh Vũ).
[13]Tầm xa của bích kích 60, 82 ly là 2 và 3 cây số, của tên lửa B40 là vài trăm thước trở lại. Đạn pháo bích kích phần đầu là chất nổ công phá, phần đuôi là chất nổ lực đẩy. Tên lửa B40, B41 cũng tương tự hai phần. Khi khai hỏa, cả 2 phần rời nòng và tách ra khi đến đích. Hiện diện của cán và đuôi trên đường có nghĩa là các vũ khí này đã được sử dụng (tuy phần công phá đã…tan tành không để lại dấu vết), tức là xạ thủ không xa mục tiêu quá 2,3 cây số hay vài trăm thước, ngược lại với pháo 130 ly chẳng hạn có tầm xa 20 kilômét, có thể vô tình và mù mờ (tuy theo thông lệ, ắt phải được tiền sát viên ở gần mục tiêu quan sát và dẫn dắt).

[14]Cuối tháng 6? Phan Nhật Nam, “Mùa Hè Đỏ Lửa”. Quảng Trị được miền Nam tái chiếm lại hoàn toàn vào ngày 16.9.1972.

Tô Thùy Yên:
Chiều Trên Phá Tam Giang Anh Hùng Tận

Nguyễn Mạnh Trinh

Chiến tranh với Tô Thùy Yên, có lúc là những ám ảnh, có khi là niềm phẫn nộ, nhưng cũng là hiện thực của một đời sống binh lửa. Những câu thơ hào sảng, những ý nghĩ bất cần, những ngày sống chỉ biết cho hiện tại:

Dựng súng trường, cởi nón sắt
Đơn vị dừng quân trọn buổi chiều.
Trọn buổi chiều, ta nhậu nhẹt,
Mồi chẳng bao nhiêu, rượu rất nhiều

Một thời làm lính rồi một thời đi tù, 13 năm cải tạo, chía mẫu số chung của cả một thời đại ấy đã được viết thành nỗi niềm riêng, tuy cũng là chung của nhiều người. Chiến tranh với Tô Thùy Yên, có lúc là những ám ảnh, có khi là niềm phẫn nộ, nhưng cũng là hiện thực của một đời sống binh lửa là quên, là không nhớ.

Thiệt tình, tên bạn ta không nhớ
Nhưng mà trông mặt thấy quen quen
Hề chi ta uống cho say đã
Nào có ra gì một cái tên.
Tới đây toàn những tay hào sĩ
Sống chết không làm thắt ruột gan

Tô Thùy Yên đã nhìn cuộc chiến với những hình ảnh của gian khổ, của những ngày tháng vô định, những cái chết trẻ đau thương. Những câu thơ của *"Anh Hùng Tận"* có cái thô nhám nhưng chân thực của cuộc sống. Thời tên bay đạn lạc, biết đâu ngày mai thành cố trung úy lên bàn thờ ngồi cho nên :

Bạn hỏi thăm ta cho có lệ
Cuộc đời binh nghiệp. Ta cười bung
Còn mươi tháng nữa lên trung úy
Có thể ngày mai chửa biết chừng...

Như André của Léon Tolstoi trong *Chiến tranh và Hòa bình*, trong tịch lặng bình yên, ngắm nhìn những thân cây nứt nẻ vỏ, thấy được cả cái đau khổ lẫn cái hùng vĩ, kỳ bí của kiếp người, hay giữa bãi chiến trường, trong những giây phút cuối cùng trước khi nhắm mắt, nhìn những bè mây trôi lang thang muôn đời giữa bầu trời cao rộng, cái vĩnh hằng đẹp đẽ của đời sống con người, Tô Thùy Yên cũng bắt gặp và nhìn ra những ý nghĩa đó trong đời sống mình. Với Tô Thùy Yên có những câu tả chân, phác họa lại một không gian đầy tử khí:

Bạn nhủ ta: đừng hỏi khó,
Uống mất ngon vì chuyện loạn tâm.
Ta chắt cho nhau giọt rượu sót,
Tưởng đời sót chút thiếu niên đây.
Giờ cất quân, đưa tay bắt,
Ước cõi âm còn gặp để say.

Trong bài *"Chiều Trên Phá Tam Giang''*, một bài thơ thiết tha và chín nục cảm xúc chiến tranh, tình yêu của người thơ thuở này đã chín. Chúng như những hình ảnh của một cuộn phim quay chậm và vô thanh. Những hình ảnh đi sau cứ tiếp tục được đẩy vào võng mô và chồng lên nhau trước khi cái hình ảnh đi trước kịp thời tan biến. Nhưng đây là cái nền âm thanh bùng vỡ, dội đập ì ầm trong trí tưởng ta, lắng sâu dưới cái tầng vô thanh của hiện thực. Tính chất đối chọi của sự bùng vỡ, cuồng loạn ở tầng vô thức và cái vô thanh ở tầng ý thức phủ lấp và luồn vào tất cả những ngõ ngách của tâm hồn. Nó tự nhiên, mọc lên giữa đời sống của một người lính trận giữa một ngày buồn bã đứng trên bờ sông mép nước. Cái tình yêu ấy mạnh mẽ, cháy bỏng, nhưng vẫn mềm như một cành mai ngả xuống tay đời:

Chiếc trực thăng bay là mặt nước
Như cơn mộng nhanh
Phá Tam Giang, phá Tam Giang
Bờ bãi hỗn mang, dòng bát ngát
Cát hôn mê, nước miệt mài trôi
***
Chiều trên phá Tam Giang
Anh sực nhớ em
Nhớ bất tận
Anh yêu em, yêu nuối tuổi hai mươi
Thấy trong lòng nở thật lẻ loi
Một cành mai nhị độ

Chiến tranh, với những bi thảm và tàn bạo của nó, hình như ở thời nào, chốn nào cũng giống nhau. Hình ảnh *"Người chết mấy ngày chưa lấy xác - Thây sình mặt nát lạch mương tanh..."* làm ta rất nhớ đến đoạn mở đầu của *Một thời để yêu và một thời để chết* của Erich Maria Remarque, về cái chết của những người lính ở bên Nga trong thời Đệ nhị thế chiến. Để thêm một đoạn thơ trong bài thơ "Qua Sông'' với những cách dùng từ, ngữ và những hình ảnh được nối kết với nhau một cách kỳ lạ, đầy phong cách, đã thổi đến người đọc cái phong vị u buồn và cảm hoài của thời đại, mang đầy tính bi tráng của lịch sử chiến trận Việt Nam:

Đò nghẹn đoàn quân xa tiếp viện
Mưa lâu trời mốc buồn hôi xưa
Con đường đáo nhậm xa như nhớ

Chiều mập mờ, xiêu lạc dáng cò
Quán chật xanh lên rừng lính ướt
Vang lên những địa danh huyền hoặc
Mỗi địa danh nồng một xót xa
Giặc đánh lớn - mùa mưa đã tới
Mùa mưa như một trận mưa liền

***
Tiếp tế khó- đôi lần phải lục
Trên người bạn gục đạn mươi viên
Di tản khó - sâu dòi lúc nhúc
Trong vết thương người bạn nín rên
Người chết mấy ngày chưa lấy xác
Thây sình mặt nát lạch mương tanh...
Sông cái nước men bờ sóng sánh
Cồn xa cây vướng sáng mơ màng

Thơ như nỗi ngậm ngùi. Thơ như nỗi niềm u uất của những người đi tìm kiếm những điều xa xôi khó lý giải. Làm một bài thơ có phong vị hành chỉ là một cái cớ, để mượn thiên nhiên độc thoại với mình, để thấy kiếp người với nỗi niềm mãn khai và thời gian sẽ thành ngôi mộ với tấm bia kết từ đời u tịch.

Việc đời lầm lẫn vậy,
Hối mấy chẳng hơn gì.
Thôi thì hãy cố nán
Cho đáng một lần đi.

Chiều nay trời nắng gắt…
Chiều nay trời mưa dầm…

Quán vắng vẻ, ngọn đèn như nỗi đợi
Thiên thu.

Tống Lê Chân - Tiền Đồn Quá Xa

Trần Đỗ Cẩm

Trong lịch sử chiến tranh cận đại, có nhiều trận đánh lớn quân số đôi bên lên tới nhiều sư đoàn, hoặc với tầm mức quan trọng "dứt điểm" như trận Normandie, Stalingrad, Okinawa, Iwo Jima v.v... Trong cuộc chiến tranh vừa qua tại Việt Nam, chúng ta cũng thường nghe nói tới những trận đụng độ ác liệt như trận Hạ Lào, An Lộc, Quảng Trị, Pleiku v.v. So với những cuộc hành quân nổi tiếng kể trên, trận đánh tại Tống Lê Chân giữa một tiểu đoàn Biệt Động Quân (BĐQ) Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa (VNCH) và quân Cộng Sản không những chỉ nhỏ bé về tầm vóc mà còn cả về mức độ quan trọng.

Trại Tống Lê Chân chẳng qua chỉ là một tiền đồn hẻo lánh gần biên giới Việt-Miên thuộc Vùng 3 Chiến Thuật, có nhiệm vụ phát hiện sự xâm nhập của địch quân vào lãnh thổ Việt Nam Cộng Hòa. Tuy chỉ là một trận đánh nhỏ lại không mấy quan trọng, nhưng nếu kể về tinh thần chiến đấu can trường và sức chịu đựng phi thường của người lính chiến trong hoàn cảnh dầu sôi lửa bỏng, các chiến sĩ Tiểu Đoàn 92 Biệt Động Quân đã vượt trội và tạo nhiều thành tích có một không hai khiến trận đánh Tống Lê Chân trở thành có tầm vóc lịch sử, khác biệt và đáng chú ý hơn nhiều trận đánh lớn khác. Riêng tại Vùng 3 Chiến Thuật, ba sư đoàn Cộng Quân gồm các công trường 5, 7 và 9 lợi dụng an toàn khu tại vùng Lưỡi Câu, Mỏ Vẹt bên Cam Bốt thường vượt biên đánh phá dọc Quốc Lộ 13 từ Lộc Ninh đến Bến Cát nằm về phía Bắc thủ đô Saigon. Khi mạnh, địch tung lực lượng quấy phá; lúc yếu, chúng lại rút qua biên giới dưỡng quân để chờ cơ hội thuận tiện.
Sau nhiều cuộc tấn công thăm dò, vào đầu tháng 4 năm 1973, Công Trường 7 Cộng quân tấn công và tràn ngập căn cứ Chí Linh trên Liên Tỉnh Lộ 13 gần quận lỵ Đôn Luân vào ngày 10 tháng 4. Để mở rộng đường xâm nhập từ ngả Cam Bốt, Cộng Quân cũng uy hiếp các trại Biệt Động Quân Biên Phòng dọc theo biên giới như Bến Sỏi, Thiện Ngôn, Katum, Bù Gia Măp, Tống Lê Chân v.v.
Trước áp lực quá mạnh của địch quân, Bộ Chỉ Huy Biệt Động Quân ở Quân Khu 3 phải lần lượt di tản hầu hết các vị trí chiến lược rất quan trọng dọc theo biên giới ngoại trừ trại Tống Lê Chân. Lý do vì toàn thể Tiểu Đoàn 92 Biệt Động Quân đồn trú tại trại này đều tình nguyện ở lại chiến đấu. Trận đánh dài nhất trong quân sử khởi đầu và trang sử oai hùng nhất của Binh Chủng cũng được Tiểu Đoàn 92 Biệt Động Quân viết từ giờ phút đó.

Tiền đồn Tống Lê Chân nguyên thủy là một trại Dân Sự Chiến Đấu (DSC --Civilian Irregular Defense Group, gọi tắt là CIDG) do Lực Lượng Đặc Biệt Hoa Kỳ thành lập từ năm 1967 để phát hiện và ngăn chận sự xâm nhập của Cộng quân từ bên kia biên giới. Đến năm 1970 trong chương trình cải biến Lực Lượng Dân Sự Chiến Đấu thành Biệt Động Quân Biên Phòng, phần đông những binh sĩ của trại Tống Lê Chân thuộc sắc dân người thượng Stieng đều tình nguyện ở lại để trở thành Tiểu Đoàn 92 Biệt Động Quân Biên Phòng, tổng cộng gồm 292 binh sĩ lúc khởi đầu, chưa kể một số sĩ quan Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa giữ các chức vụ chỉ huy.

Vì Tiểu Đoàn 92 Biệt Động Quân thoát thai từ Lực Lượng Dân Sự Chiến Đấu, tưởng cũng nên biết qua về tổ chức đặc biệt ít người biết tới này. Chương trình Dân Sự Chiến Đấu được đặt dưới sự quản trị trực tiếp của Toán 5 Lực Lượng Đặc Biệt Hoa Kỳ (5th Special Forces Group) đặt bản doanh tại Nha Trang. Mục tiêu của chương trình là dùng các sắc tộc thiểu số (người Thượng) để thành lập các "trung tâm" (làng, buôn) chiến lược có võ trang tại các vùng rừng núi khiến Việt Cộng không thể xâm nhập và lợi dụng. Đến năm 1965, cùng với việc Hoa Kỳ đưa quân ồ ạt vào Việt Nam, chương trình Dân Sự Chiến Đấu cũng được bành trướng mạnh. Các trung tâm phòng thủ được cải tiến thành những trại lực lượng đặc biệt, trang bị vũ khí tối tân với nhiệm vụ không những chỉ để tự vệ mà còn có khả năng tấn công. Từ đó, các toán viễn thám dò tìm địch quân mang biệt danh Delta, Omega và Sigma ra đời. Nhiệm vụ chính của những toán này là xâm nhập sâu vào đất địch để phát hiện địch và thu thập tin tức tình báo. Tới khoảng cuối năm 1967, toàn lãnh thổ Việt Nam Cộng Hòa tổng cộng có khoảng gần 100 trại Lực Lượng Đặc Biệt, đa số nằm dọc theo biên giới Lào-Việt và Miên-Việt. Vì địa thế chiến lược rất quan trọng của những trại biên phòng này, Cộng quân luôn luôn dùng đủ mọi cách để tiêu diệt. Nhiều trận đánh dữ dội đã xảy ra tại các trại như: Lang Vei, Thường Đức, và Khâm Đức tại Vùng 1 Chiến Thuật, hoặc Đức Cơ, Plei Me, Plei Djereng, Plateau Gi, Đồng Xoài tại Vùng 2, Bến Sỏi, Tống Lê Chân, Trảng Sụp, Chí Linh ở Vùng 3 và Cái Cái, Thường Thới, Tịnh Biên tại Vùng IV.

Cho tới năm 1970, Hoa Kỳ chuẩn bị rút quân, khởi đầu giai đoạn Việt Nam hóa chiến tranh nên các trại Lực Lượng Đặc Biệt cũng lần lượt được chuyển giao cho Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa. Lực Lượng Dân Sự Chiến Đấu theo kế hoạch được sát nhập vào binh chủng Biệt Động Quân để trở thành những đơn vị Biệt Động Quân Biên Phòng. Vì mỗi trại Lực Lượng Đặc Biệt thường có vào khoảng từ 300 đến 400 người nên được biến cải thành một tiểu đoàn Biệt Động Quân Biên Phòng. Trong khoảng thời gian từ ngày 27 tháng 8 năm 1970 cho đến 15 tháng 1 năm 1971, tổng cộng có tất cả 49 trại Lực Lượng Đặc Biệt được biến cải thành các Tiểu Đoàn Biệt Động Quân Biên Phòng. Nếu tính theo từng Vùng Chiến Thuật, con số này được phân chia như sau: Vùng 1 có 11 trại, Vùng 2 có 15 trại, Vùng 3 có 12 trại, và Vùng 4 có 11 trại.
Tuy trước đây có chừng 100 trại Lực Lượng Đặc Biệt, nhưng chỉ chuyển giao có 49 trại vì có một số trại bị đóng cửa, quân số được bổ xung cho những đơn vị còn lại. Sau khi được chuyển giao, những dân sự chiến đấu trong các trại Lực Lượng Đặc Biệt không còn là dân sự do Hoa Kỳ tuyển mộ, mà chính thức trở thành quân nhân trong Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa.

Trại Tống Lê Chân thuộc Vùng 3 Chiến Thuật được thành lập vào đầu năm 1967 cùng với trại Prek Klok tại vùng Chiến Khu C của Việt Cộng. Vì chận ngay yết hầu nên ngay từ khi thành lập, các trại này đã bị địch quân đe dọa thường xuyên. Trong hệ thống Lực Lượng Đặc Biệt, trại Tống Lê Chân mang ám danh A-334 và được biến cải thành trại Biệt Động Quân Biên Phòng vào ngày 30 tháng 11 năm 1970. Toàn thể quân số trong trại lúc đó có 318 người (gồm 292 người nguyên thuộc Dân Sự Chiến Đấu và các sĩ quan cùng hạ sĩ quan Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa mới được bổ nhiệm tới để chỉ huy) trở thành Tiểu Đoàn 92 Biệt Động

Quân Biên Phòng thuộc hệ thống chỉ huy của Biệt Động Quân/Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa.

TIỀN ĐỒN CÔ ĐƠN

Trại Tống Lê Chân trấn giữ một địa điểm quan yếu, chận ngay đường vào khu Tam Giác Sắt và án ngữ vùng Mỏ Vẹt, Lưỡi Câu thuộc Cam Bốt. Đây là những an toàn khu và cũng là đại bản doanh Cục R của Việt Cộng, giống như hai mũi dao nhọn chĩa vào cạnh sườn Quân Khu 3. Về vị trí, trại Tống Lê Chân nằm trong vùng ranh giới của hai tỉnh Tây Ninh và Bình Long, cách An Lộc chừng 15 cây số về hướng Tây Nam và mũi nhọn của chiếc Mỏ Vẹt chứng 13 cây số về hướng Đông Nam. Dưới chân căn cứ là con đường 246 nối liền Chiến Khu C và Chiến Khu D của Việt Cộng. Đây cũng là trục giao liên Nam-Bắc huyết mạch nối liền bản doanh của Cục R Việt Cộng bên Cam Bốt và vùng Dầu Tiếng với Khu Tam Giác Sắt của Cộng Quân.

Với vị trí chiến lược vô cùng quan trọng có thể kiểm soát được các trục giao liên Nam-Bắc và Đông-Tây của Cộng Quân tại vùng biên giới, lại trấn giữ sườn Tây cho thị trấn An Lộc, Tống Lê Chân như chiếc gai nhọn cần phải nhổ bằng mọi giá trên sa bàn trận liệt của địch.
Nhằm mục đích mở rộng đường giao liên cũng như giữ bí mật các cuộc chuyển quân xâm nhập từ biên giới Miên-Việt vào lãnh thổ Quân Khu 3, ***ngày 10 tháng 5 năm 1972***, Cộng quân dồn lực lượng đánh biển người vào căn cứ Tống Lê Chân quyết nhổ cái gai trước mắt. Quyết san bằng căn cứ, địch quân dùng đại pháo 130 ly cùng với đủ loại súng cối, sơn pháo bắn phủ đầu như mưa vào căn cứ theo đúng chiến thuật lấy thịt đè người "tiền pháo hậu xung." Trận pháo kích khốc liệt này chính thức mở đầu cho gần hai năm trời vây hãm.
Sau loại pháo vòng cầu, nhiều đợt pháo cấp tập bắn thẳng vào Tống Lê Chân như muốn san bằng căn cứ nhỏ bé nằm lẻ loi trên ngọn đồi. Trong khi đó, một rừng phòng không từ thượng liên đến cao xạ 37 ly, 57 ly và cả hỏa tiễn tầm nhiệt thuộc sư đoàn Pháo Phòng Không tân lập 377 khoá kín không phận khiến các phi cơ không thể nào tới gần để yểm trợ. Sau những đợt pháo kích dữ dội, tiểu đoàn độc lập 200 của Việt Cộng lãnh nhiệm vụ tấn công vào Tống Lê Chân với sự yểm trợ của các đơn vị bộ đội thuộc hai Công Trường 7 và 9.

Tuy bị bao vây và cô lập, các chiến sĩ Mũ Nâu thiện chiến của Tiểu Đoàn 92 Biệt Động Quân đã bình tĩnh bố trí trong các giao thông hào đào sâu trong lòng đất chờ địch ngay khi các quả đạn pháo kích đầu tiên rơi vào căn cứ. Một đơn vị đặc công địch theo sát những trái pháo mở đường đã xâm nhập được vòng đai phòng thủ bên ngoài. Những chiến xa hạng nặng T-54 của Cộng quân yểm trợ cũng nã đạn như mưa rất chính xác khiến tình hình có vẻ nguy kịch.
Nhưng quân trú phòng vẫn không nao núng vì rất tin tưởng vào hệ thống bố phòng vững chãi và nhất là bãi mìn dầy đặc bao quanh căn cứ. Dưới sự chỉ huy đầy kinh nghiệm của Thiếu Tá Lê Văn Ngôn (tiểu đoàn trưởng), các chiến sĩ Biệt Động Quân vẫn chưa khai hỏa. Họ chờ bộ đội chủ lực địch xung phong mới bắt đầu nổ súng. Quả nhiên, khi thấy không bị bắn trả, Cộng quân bắt đầu tràn vào căn cứ vì tưởng quân trú phòng đã bị chết hết hay mất tinh thần vì các đợt pháo kích ác kiệt cũng như vì chiến xa với đại bác 100 ly trực xạ. Đúng lúc đó, các chiến sĩ Mũ Nâu mới đồng loạt khai hỏa. Từng đợt "biển người" của Cộng quân bị bất ngờ nhưng vì đã tiến tới quá gần không kịp tìm nơi ẩn trú nên bị đốn ngã như rạ.

Sau đợt tấn công đầu tiên bị thiệt hại nặng, địch lui ra để pháo binh tiếp tục nã vào căn cứ, sau đó bộ binh lại tấn công. Sau nhiều đợt xung phong , cuối cùng VC phải rút lui, bỏ lại hàng trăm xác chết phơi thây trên hàng rào phòng thủ.

Quảng Đức

Mê Kông

Ở ngay nơi biên giới Việt Nam-Cam Bốt trên lãnh thổ Quân Khu 2 đang chạy theo chiều thẳng đứng chợt chuyển ngang về phía tây và dãy núi Trường Sơn bắt đầu hạ dần cao độ xuống khu vực rừng già Miền Đông Nam Phần, tỉnh Quảng Đức cách Sàigòn khoảng 150 km về hướng đông-bắc có vị trí quan trọng về quân sự và kinh tế.

Về mặt kinh tế, đây là khu vực rừng núi hoang vu thưa dân, hầu hết là người thiểu số nhưng có nguồi tài nguyên lâm sản to lớn. Về mặt quân sự, Quốc Lộ 14 huyết mạch chạy ngang qua đây nối liền khu vực Cao Nguyên Trung Phần với khu vực Miền Đông Nam Phần. Sau khi Quốc Lộ 14 bị cắt giữa Bình Dương và Phước Long, việc liên lạc tiếp tế bằng đường bộ cho Phước Long phải đi vòng từ Ban Mê Thuột qua Quảng Đức. Đối với Cộng Sản Bắc Việt, Quảng Đức có vai trò quan trọng trong việc mở đường vòng mới của Quốc Lộ 14 qua tỉnh Darlac và tỉnh Mondol Kiri thuộc Cam Bốt. Vì Việt Nam Cộng Hòa vẫn kiểm soát Quốc Lộ 14 về phía nam của Ban Mê Thuột đến tận ngã ba Tuy Đức, công binh Bắc Việt phải làm đường vòng qua tỉnh Mondol Kiri của Cam Bốt trước khi trở lại phần đất Việt Nam tại một khu vực trong tỉnh Quảng Đức gần căn cứ Bu Prang và ngã ba Tuy Đức sát biên giới với Cam Bốt. Từ ngã ba Tuy Đức có Tỉnh Lộ 309 nối liền xuống khu vực Bù Gia Mập, Bù Đốp và Lộc Ninh. Một số lượng lớn lao vật liệu chiến tranh và vũ khí cho Mặt Trận B-2 từ Miền Bắc chuyển vào qua hệ thống đường mòn Hồ Chí Minh đi ngang qua đây.

Đối với Việt Nam Cộng Hòa, đặc biệt là ở một khu vực đất rộng thưa dân như khu vực cao nguyên của Quân Khu 2, tỉnh Quảng Đức tương tự như tỉnh Phước Long ở Quân Khu 3 chỉ có giá trị về mặt chính trị. Do đó trong tỉnh Quảng Đức, Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa chỉ có 3 tiểu đoàn ***Địa Phương Quân*** (ĐPQ) và 27 trung đội Nghĩa Quân (NQ), hầu hết là người sắc tộc thiểu số, được sự yểm trợ của 6 phân đội pháo binh (tổng cộng 12 đại bác 105 ly) do Đại Tá Nguyễn Hậu Thiện, tỉnh trưởng chỉ huy. Cuối tháng Tám, Đại Tá Thiện cho mở một cuộc tuần tiễu lớn với hai tiểu đoàn Địa Phương Quân vào khu vực biên giới, gặp sự kháng cự dữ dội của quân Bắc Việt. Đầu tháng Chín, quân đội VNCH khám phá sự hiện diện của 2 tiểu đoàn Việt Cộng thuộc Trung Đoàn 271 từ Tây Ninh di chuyển lên. Đại Tá Thiện xin tăng viện và Thiếu Tướng Nguyễn Văn Toàn, tư lệnh Quân Khu 2, gởi sang một tiểu đoàn Địa Phương Quân từ tỉnh Darlac. Do phẩm chất kém của đơn vị này, Đại Tá Thiện yêu cầu và được thay thế bằng một tiểu đoàn Địa Phương Quân khác từ tỉnh Khánh Hòa. Đại Tá Thiện tập trung bốn tiểu đoàn Địa Phương Quân vào hai cứ điểm quan trọng Bu Prang và Bu Bong với hai phân đội pháo 105 ly. Hai căn cứ này nằm ngay trên hành lang tiếp vận chiến lược mới Đông Trường Sơn nối liền Miền Bắc và bộ chỉ huy Mặt Trận B-2 ở Lộc Ninh nên là "cái gai trong mắt" mà Cộng Sản Bắc Việt cần phải nhổ bỏ ngay lập tức.

Chiến dịch Quảng Đức đánh dấu giai đoạn Bắc quân bắt đầu mở những cuộc đột kích chiến lược sau Nghị Quyết 21 của Trung Ương Đảng Cộng Sản Việt Nam để lấy lại quyền chủ động chiến trường. Đây cũng là chiến dịch mở màn cho các hoạt động mùa khô 1973-74 của Mặt Trận B-2.

Vừa học tập xong Nghị Quyết 21, Phạm Hùng (bí thư Mặt Trận B-2) giao cho Thiếu Tướng Hoàng Cầm chỉ huy chiến dịch Quảng Đức để mở rộng khu vực kiểm soát ở đây. Để chuẩn bị cho chiến dịch này, Mặt Trận B-2 cho thành lập bộ chỉ huy cấp sư đoàn mang tên Đoàn 95 ở khu vực Bù Đốp trong tỉnh Phước Long. Từ sau ngày ngưng bắn, khu vực Bù Đốp-Bù Gia Mập được Cộng Sản Bắc Việt xây dựng thành một căn cứ tiếp vận và đóng quân to lớn cho Mặt Trận B-2. Đoàn 95 gồm có Trung Đoàn 205 và 272 độc lập, Trung Đoàn 429 Đặc Công, Tiểu Đoàn 46 Trinh Sát, được sự yểm trợ của Trung Đoàn 208 Pháo Binh cùng một đơn vị phòng không trang bị đại bác 23 ly và hỏa tiễn SA-7 và Tiểu Đoàn 20 của Lữ Đoàn 26 Thiết Giáp với 20 chiến xa T-59 mới đưa vào từ Miến Bắc.

Trung Đoàn 271 hoạt động trong khu vực Vàm Cỏ Đông-Hậu Nghĩa-Tây Ninh đầu năm 1973 bị Quân LựcViệt Nam Cộng Hòa đánh tổn thất nặng phải rút sang Cam Bốt hồi phục và bổ sung quân số trước khi di chuyển lên Bù Gia Mập rồi Bu Prang vào cuối tháng Tám. Đến tháng 10 thì Trung Đoàn 271 và Tiểu Đoàn 46 di chuyển vào gần Dak Song. Trung Đoàn 205 và 429 đến khu vực Bu Prang giữa tháng 10. Trung Đoàn 205 trước hoạt động trong tỉnh Bình Dương, phía đông đồn điền Michelin. Cứ điểm Bu Bong nằm trên môt đỉnh đồi cao độ khoảng 600 mét với công sự phòng thủ kiên cố, là "đôi mắt cú vọ" đã chặn đứng biết bao xe và pháo Bắc quân qua đây bị tắc nghẽn, nằm chờ rồi bị phi pháo phá hủy. Đến cuối tháng Chín thì Đoàn 95 đã hoàn tất công tác trinh sát thực địa cũng như thiết lập các vị trí quan sát và tác xạ pháo binh. Các pháo đội đại bác 85 ly và 122 ly nòng dài và súng cối 120 ly của Trung Đoàn 208 Pháo Binh cũng đã di chuyển vào các vị trí bắn, sẵn sàng đợi lệnh.

Ngày 30 tháng 10 Trung Đoàn 208 bắt đầu dội pháo vào Bu Prang và Bu Bong. Quân đội VNCH chỉ để lại một đại đội chiến đấu và một trung đội công binh phòng giữ hai căn cứ trong khi 4 tiểu đoàn Địa Phương Quân thường xuyên tuần tiễu phía ngoài căn cứ gần giao điểm Tuy Đức.

Sáng ngày 4 tháng 11 Trung Đoàn 205 và 429 được hai đại đội thiết giáp yểm trợ tràn ngập Bu Bong rồi quay trở ra tấn công tiêu diệt 4 tiểu đoàn Địa Phương Quân ở phía ngoài. Các lực lượng Việt Nam Cộng Hòa chống trả dữ dội, bắn cháy 1 chiến xa T-59 và 4 xe thiết giáp K-63. Trong trận đánh này, trung đoàn trưởng Trung Đoàn 205 bị trọng thương. Quân Bắc Việt hủy diệt hai đại bác 105 ly và tịch thu hai khẩu còn lại. Ngày 6 tháng 11 Trung Đoàn 271 nổ súng đánh chiếm Dak Song. Tỉnh lỵ Gia Nghĩa bị cô lập. Tướng Toàn phản ứng một cách nhanh chóng, mặc dầu ông vẫn chưa nắm rỏ thực lực của Bắc quân ở Quảng Đức. Tướng Toàn cho di chuyển Trung Đoàn 53 của Sư Đoàn 23 BB đang hoạt động ở phía tây Kontum về Ban Mê Thuột. Ngày 8 tháng 11 Tiểu Đoàn 1/53 của Việt Nam Cộng Hòa tiến về Dak Song trên Quốc Lộ 14 trong khi Tiểu Đoàn 2/53 được không vận vào phi trường Nhơn Cơ ở phía tây Gia Nghĩa và bắt đầu di chuyển theo Quốc Lộ 14 về hướng Bu Prang và Bu Bong.

Sau khi chiếm được Bu Prang và Bu Bong, Hoàng Cầm về Lộc Ninh xin tăng viện để đánh Kiến Đức nhưng Trần Văn Trà chỉ còn một tiểu đoàn vệ binh bảo vệ bộ chỉ huy B-2 là trừ bị nên Cầm đành phải đánh Kiến Đức với lực lượng có sẵn do không muốn bỏ lỡ thời cơ. Hoàng Cầm giao cho một tiểu đoàn đặc công của Trung Đoàn 429 giữ Bu Bong, hai tiểu đoàn đặc công còn lại

làm nhiệm vụ mở đường về hướng Kiến Đức qua Quốc Lộ 14 và một đường xe be ở phía trong. Chiến xa của Bắc quân cũng tiến theo đường xe be khi trời còn tối để tránh bị Không Quân VNCH oanh kích.

Sáng ngày 14 tháng 11 Tiểu Đoàn 3, đơn vị tiên phong của Trung Đoàn 205 Cộng Sản Bắc Việt được chiến xa yểm trợ đụng độ với Tiểu Đoàn 2/53 BB, để lại 100 xác và 36 vũ khí cùng 2 chiến xa bị bắn cháy. Ngày hôm sau, Bắc quân tấn công tiếp nhưng bị đánh bật trở lại. Chỉ còn 100 bộ đội sẵn sàng chiến đấu, Tiểu Đoàn 3/205 phải rút lui nhưng Trung Đoàn 205 tiếp tục tiến về Kiến Đức dù bị tổn thất nặng. Trung Đoàn 53 BB của Việt Nam Cộng Hòa phòng thủ giao điểm Kiến Đức với Tiểu Đoàn 2/53 và 3/53 (Tiểu Đoàn 1/53 đang hoạt động gần Dak Song). Tướng Toàn cũng tăng viện cho mặt trận Quảng Đức với Trung Đoàn 44 và 45 của Sư Đoàn 23 BB và Liên Đoàn 21 Biệt Động Quân (BĐQ). Để thay thế Sư Đoàn 23 BB phòng thủ khu vực Kontum, Sư Đoàn 22 BB di chuyển về đây từ phía tây Pleiku. Ngày 28 tháng 11 Trung Đoàn 44 của Việt Nam Cộng Hòa tăng cường một tiểu đoàn Biệt Động Quân của Liên Đoàn 21 tấn công Dak Song khiến Trung Đoàn 271 CSBV phải rút lui về Đức An sau khi để lại các thành phần đoạn hậu chốt chặn trên Tỉnh Lộ 8B. Ngày 4 tháng 12 Trung Đoàn 205 tăng cường Trung Đoàn 429 Đặc Công được pháo binh và chiến xa yểm trợ nổ sung tấn công Kiến Đức. Trung Đoàn 53 phải rút về phi trường Nhơn Cơ với trung đoàn trưởng bị thương. Tổn thất hai bên đều cao. Phía Bắc quân mặc dầu thất bại trong việc chiếm Gia Nghĩa và Quốc Lộ 14 qua tỉnh Quảng Đức với tổn thất nặng, vẫn giữ được Bu Prang và Bu Bong, tạo điều kiện thông con đường Đông Trường Sơn từ đây nối xuống Bù Đốp, Bù Gia Mập và Lộc Ninh. Bắc quân tiếp tục duy trì sự hiện diện trong khu vực này để giam chân một phần thực lực quân sự thiếu hụt của Quân Đoàn 2. Chiến dịch Quảng Đức cho thấy ưu điểm của Bắc quân trong việc lực chọn mục tiêu tấn công, công tác trinh sát thực địa kỹ càng và tập trung lực lượng với ưu thế tuyệt đối (một sư đoàn Bắc quân với một trung đoàn pháo binh và một tiểu đoàn chiến xa yểm trợ để tấn công 4 tiểu đoàn Địa Phương Quân được 4 đại bác 105 ly yểm trợ) cùng yếu tố bất ngờ để đạt được thắng lợi ban đầu.

Bắc quân đã không sử dụng được Quốc Lộ 14 ngang qua tỉnh Quảng Đức trong khi hành lang xâm nhập gần giao điểm Tuy Đức vẫn thường xuyên bị các toán tuần tiễu của VNCH đột kích. Việt Nam Cộng Hòa đã duy trì được tuyến tiếp tế liên lạc cho Phước Long và đã chứng tỏ nếu được yểm trợ đầy đủ về đạn dược, nhiên liệu và phụ tùng cho công tác tu bổ bảo trì phi cơ vẫn có thể chế ngự được những ưu thế ban đầu của Cộng Sản Bắc Việt với những hành động phản ứng nhanh chóng và có hiệu quả
Bộ Chính Trị Đảng Cộng Sản Việt Nam hồi hợp theo dõi phản ứng của Hoa Kỳ về cuộc tấn công lớn qui mô cấp sư đoàn đầu tiên sau ngày ngừng bắn và sau đó đã không dấu được nổi hân hoan. Không những oanh tạc cơ chiến lược B-52 không trở lại mà ngay sau khi Dak Seang thất thủ, ngày 7 tháng 11, Quốc Hội Hoa Kỳ biểu quyết thông qua đạo luật Quyền Hạn Chiến Tranh (The War Power Act), cho dù có sự phủ quyết của Thống Thống Nixon, chính thức chấm dứt sự trở lại tham chiến của quân đội Mỹ ở Việt Nam.

***

Tám giờ sáng, đúng tám giờ sáng ngày ***28 tháng 1 năm 1973***, cuộc chiến kéo dài gần hai chục năm chấm dứt. Một cuộc ngưng bắn toàn diện, chính thức được hai bên thỏa thuận và quốc tế công nhận bằng hiệp định Paris..

Những Anh Hùng Vô Danh Đồn Dak Seang

Trường Sơn Lê-Xuân-Nhị

"Thành kính tưởng niệm các chiến sĩ Địa Phương Quân anh dũng đồn Dak Seang"

"Đường ra trận mùa này đẹp lắm" Đại úy Ngọc thòng một câu đùa trong chiếc Phi Cơ L19 ở cao độ 8 ngàn bộ, hôm chúng tôi cất cánh từ Nha Trang đi Kontum với hành trang cho 15 ngày biệt phái. Đồng ý đó là một câu đùa, nhưng tôi không cười được chút nào cả vì lòng tôi đang héo hon như cái vỏ xe bị xì lốp.

Đang vui vẻ với đám bạn bè từ Ban-Mê-Thuột về Nha Trang nghỉ mát, ngày nào cũng sáng tiểu yến với cà phê, phở, thuốc lá 3 số 5. Chiều đại yến với la de, nem nướng, sò huyết mà phải khăn gói qủa mướp ra đi như thế này thì thật là đau khổ vô cùng, lại mới bị Thủy giận, tôi chưa có dịp làm hòa. Tính vốn lo xa, tôi đâm ra hãi. Đi biền biệt 15 ngày mà không từ gĩa em được, em tưởng mình... rớt máy bay chết rồi bèn đi cặp * khác thì hết một đời trai. Cứ tưởng tượng cái cảnh Thủy cặp tay một * chết tiệt nào đó đi coi hát bóng, đi nhảy đầm vung vít là tôi cảm thấy... hết muốn bay bổng. Đời phi công sao khổ thế nầy, tôi than thở. có lẽ thấy được những cái vẻ đau khổ khó chịu trên khuôn mặt * Thiếu úy trẻ, anh Ngọc cười. Nhìn thấy cái bản mặt táo bón của chú mầy tao nhớ đến cái thuở huy hoàng của những ngày..chưa lấy vợ. Tôi phản đối "ở Phi Đoàn 114 mà không biết phản đối thì chẳng bao giờ lớn được". Chưa lấy vợ thì khổ bỏ xừ đi chứ huy hoàng gì anh?. Bị đào hành lên hành xuống, quay vòng vòng như con mắm có gì mà huy hoàng,. Lại còn phải đi biệt phái lâu ngày như thế này, xát thân ở nơi tiền tuyến không sợ mất mà chỉ sợ... mất đào ở nhà. Đại úy Ngọc bật cười lên khoái chí. Hậu sinh.... chẳng biết mẹ gì cả. Mày lấy vợ đi rồi mới thấy cái gía trị của những ngày biệt phái. này nhé, ở nhà với vợ, có * chó nào dám ti teo, đi phải thưa về phải trình, tiền bạc phải "báo cáo"đầy đủ. Ấy là chưa nói đến chuyện ở gần mặt trời thì phải sống có qui củ, có nề nếp, gặp xếp từ xa là phải cung tay chào rốm rốp. * nào cũng muốn kiếm thêm tí điểm thì phải biết điếu đóm v..v.. Đi biệt phái, nói một cách văn chương, đó là "những ngày nghỉ mát" vì thứ nhất mình thoát khỏi vòng cương tỏa... bà tư lệnh , muốn làm gì thì làm, gặp bất kỳ cô thôn nữ yêu kiều nào cũng có quyền đấu tưới hột sen, muốn khoe mình chưa vợ hay vợ... mới chết thì đó là quyền của mình. Các cô thôn nữ vốn dễ dãi và cả tin, chẳng ai thèm khiểm chứng hay thắc mắt lôi thôi. Thứ hai, đi biệt phái, cuộc sống không gò bó như ở phi đoàn. Mình tự chỉ huy lấy, đời sống thoải mái hơn, chỉ làm sao đừng bê trể công việc, thứ ba, làm việc trực tiếp với bộ binh có nhiều cái thú. Mười tám tuổi bỏ nhà đăng lính đâu phải để suốt ngày dòm ba cái đồng hồ phi cơ rồi cứ hết cất cánh rồi hạ cánh. Phải có "Action" phải có đánh bomb, có ăn pháo kích v..v. Nghe anh Ngọc thuyết một lúc là tôi đã thấy xiêu lòng. Mẹ, tôi đâu biết là lấy vợ sẽ khổ như thế này. Sống bị kềm kẹp vậy chả trách gì ông nào cũng có vẻ chán đời. Anh Ngọc cảm thấy hình như tôi đã thấm ý, nên kết luận.
- Đó là những cái khác nhau giữa hai thế hệ, Thế hệ chưa vợ và thế hệ có vợ. Bây giờ nhìn mấy chú, anh thấy tiếc hùi hụi.
Men rượu của buổi tiệc gĩa từ tối hôm qua còn ngây ngất, làm đầu óc cứ dật dờ. Tôi tắt radio, bảo anh Ngọc:
- Anh bay hộ, em buồn ngủ quá.

Anh Ngọc dễ dãi:
- Ngủ đi, tao bay cho. Ráng ngủ lấy sức, xuống đến Kontum chuyến này có nhiều chuyện lắm.
Tôi kéo tuột ghế ra sau, nhắm mắt làm một giấc ngon lành.... Biệt đội Kontum lần ấy, các phi hành đoàn ở trong cư xá vãng lai Sĩ Quan của Tiểu Khu. Cả thành phố Kontum như một trại lính khổng lồ, đi đâu cũng chỉ gặp toàn lính là lính. Từ lính không quân đến lính bộ binh, lính nhảy Dù, lính Lôi Hổ, lính Biệt Động Quân, lính Biệt Kích.....,ai nấy võ khí trang bị tới răng trông phát khiếp. Lâu lâu, phải chịu khó tìm tòi và chờ đúng giờ tan học mới nhìn thấy được vài tà áo dài phất phơ cuả các em nữ sinh, Những tà áo dài bé nhỏ xinh xinh coi có vẻ vừa lạc lõng vừa hiền lành làm sao trong cái thế giới đầy dẫy súng đạn của thành phố địa đầu này. Cũng như một con én không làm được mùa xuân, một chiếc áo dài tha thướt cũng không làm mất đi được cái vẻ chinh chiến của quê hương khốn khổ. Đứng nhìn ngắm những tà áo này, tôi thấy nhớ Thủy chi lạ, buổi chiều cơm nước xong về khu tạm trú thắp đèn cầy đánh bài cho hết giờ. Buổi tối, cái khổ nhất của chúng tôi là hai cây cà nông 175 ly to tổ bố của thiết đoàn 14 Kỵ Binh đặt cách dẫy nhà chúng tôi ở chừng 500 thước. Hai cây súng mắc dịch này, ban đêm, giữa lúc mọi người đang ngủ say, cứ thỉnh thoảng nổ một vài phát bắn quấy rối rồi nằm im. Đang mơ màng giấc diệp, tiếng súng đại bác ở sát bên bắn một phát làm chúng tôi nẩy tung muốn văng ra khỏi giường " Đêm hôm khuya khoắc, bắn con C...gì mà bắn độc thế? Sao không về nhà mà bắn... bà xã cho được việc", một giọng càu nhàu cất lên. Lại có giọng khác hăm dọa " ngày mai tao phải "phản đấu"mới được. Đó là tiếng nói của Đại úy Bá, trưởng biệt đội. Ông đại úy này người dân xứ Quảng, lâu lâu phải để cho ông ấy "phản đấu" ai một lần thì ông ăn cơm mới ngon. Mất cả tiếng sau mới dỗ được giấc ngủ. Nhiều khi vừa mới chợp mắt thì lại "ầm" một tiếng như trời long đất lở tiếp theo, lỗ tai như bi ai tống vào một cây đinh. Đến lúc này thi đại úy Bá không nhịn được nữa, chửi thề um sùm "Đ.." mọa nó, bén chi mà bén miết..". Thế là hết mẹ nó một tiếng đồng hồ nữa rồi... Tôi không hiểu các anh em bộ binh làm sao mà sống được như vậy không phải chỉ trong 15 ngày biệt phái như tôi mà tháng này qua tháng khác, năm này qua năm khác.

Phải đi biệt phái những nơi như vầy mới hiểu được và thương các anh em bộ binh. Người lính bộ binh Việt Nam khổ qúa. Khổ đến độ sự khác biệt giữa sự sống và cái chết hầu như không có ranh giới. Cuộc đời là địa ngục thì chết chắc cũng chẳng có ai sợ. Và có lẽ, chết sẽ là một giải thoát. Tôi đã tận mắt nhìn thấy nhiều người sống suốt mấy tháng trong giao thông hào nước ngập tới háng. Đó là nơi mà anh em vừa ăn, ỡ ngủ v.v.. Các anh cũng là người với những cảm giác bình thường, biết lạnh, biết nóng, biết thèm ăn ngon, biết sợ đau khổ, sợ chết. Mãnh lực nào. sức lôi cuốn nào đã khiến anh em từ bỏ gia đình ôm cây M16 để trở thành người lính bộ binh. Trở thành người linh bộ binh để "chết thay dùm dân tộc" để chấp nhận mọi đắng cay, mọi hiểm nguy, Chắc chắn không phải để lãnh số lương mười mấy ngàn , chỉ đủ mua bao gạo. Cũng không phải vì sợ cảnh sát bắt đi quân dịch ở đầu ngõ. Cũng càng không phải vì mủi lòng bỡi vài cái bích chương kêu gọi rẻ tiền của chính phủ dán trong thành phố, hay vì câu hát của Hùng Cường , Mai Lệ Huyền. Tôi nghĩ, anh em đã ra đi chỉ vì lòng yêu nước. Vì, anh em nghĩ rằng cầm súng chiến đấu là bổn phận của ngừng người trai thời ly loạn. Chỉ biết rằng đi để thể hiện chữ "Yêu" yêu Quê Hương yêu Tổ Quốc, không cần tính toán, không đo lường gía cả. Chỉ vài ngày đi bay mà anh em ai cũng bị hốc hác thấy rõ. Đêm mất ngủ, lên trời gió mát, chỉ muốn nhắm mắt. Cùng tắc biến, biến tất thông, mấy hôm sau chúng tôi biết cách trị.. Pháo Binh. Trước

khi leo lên giường ngủ, chúng tôi lấy bông gòn nhét kín hai lỗ tai. Thế là mấy chú thiết giáp cứ mặc sức mà bắn. Có *... Thiếu úy tên On nằm gần giường tôi, mới được cho đi hành quân lần đầu nên lẩm cẩm không chịu được. Tên nghe đã lẩm cẩm mà người lại còn lẩm cẩm hơn. Đang đêm, tôi thấy nó thỉnh thoảng ngồi dậy, móc bông gòn ra khỏi hai lỗ tai, nghe ngóng một chút rồi lại nhét vào, nằm xuống. Mặt mày nó làm ra vẻ quan trọng lắm. Trằn trọc không ngủ được, tôi thắc mắc:
- Mày làm cái trò khỉ gì đó ông Thiếu úy On?
Nó đáp tỉnh queo :
- Tao phải thức dậy để nghe ngóng xem có pháo kích không.
Tôi suýt bật cười. Đúng là * lẩm cẩm, nó làm như Việt Cộng chờ nó tháo bông gòn ra khỏi hai lỗ tai rồi mới thèm pháo. Tôi phịa một câu :
- Tao có ý kiến này hay hơn. Mày chỉ cần rút bông gòn ra khỏi một lỗ tai thôi. Một tai bịt kín để khỏi nghe pháo binh mình, tai kia bỏ trống để nghe VC pháo kích.
Một thoáng êm lặng, rồi như biết được câu móc lò của tôi, * On chửi thề:
- Đ.. M.. * mất dạy. Mày mà đòi móc lò tao sao được. Tao đâu có ngu.

Thấm thoát mà 15 ngày biệt phái của tôi trôi qua mau. Con người qủa thật là dể thích ứng với hoàn cảnh mới. Tôi chỉ còn nhớ Thủy... sơ sơ thôi chứ không còn "nồng nàn da diết" như những ngày mới đến đây nữa. Cuộc đời biệt phái cũng có nhiều niềm vui khác như đi uống cà phê đêm, nhậu nhẹt, gặp lại bạn bè cũ, kết bạn bè mới. Với lại, chúng tôi vừa khám phá ra một quán cà phê mới khai trương. Cô Cashier coi xinh không chịu được. Thế là chiều chiều cơm nước xong, chúng tôi bảy tám người chất nhau lên chiếc xe Jeep ra quán cà phê ngồi... lì đến tới tối. Giữa khu rừng núi hoang dại này, dể gì kiếm được một cành hoa. Tôi để ý thấy Thiếu úy On yêu đời ra mặt. Không hiểu nó tính dợt le với ai mà đi biệt phái ở nơi rừng sâu núi thẳm này cũng mang theo được mấy cái khăn quàng cổ đủ các màu. Đi uống cà phê những lần sau này nó nhất định phải đóng thêm cái khăn quàng cổ màu tím vào cho ra cái điều như là... màu tím hoa sim, coi chán đời không chịu được. Vào quán cà phê, Thiếu úy On ăn nói chững chạc đàng hoàng, không láu cá nham nhở như tôi.. Có mấy lần tôi tính thò tay ra sờ mông em thì bị nó gạt phắt đi, điệu hung hãn làm như nó... chưa sờ đít ai bao giờ. Nó muốn mang khăn quàng màu gì hay tán tỉnh gì thì kệ nó, tôi không để ý tới. Cái làm tôi thích thú nhất là mỗi lần ra về, cu cậu nhất định dành trả tiền cho kỳ được. Di nhiên, tôi không bao giờ phản đối cái mục này. Tôi biết * khỉ này nó có bao giờ trả tiền cà phê cho ai đâu. Hóa ra là con người khi yêu ai cũng trở thành dễ thương hết. Chả trách gì nhà văn Shakespeare đã phán một cau "everybody loves the lover". Cả thế giới đều yêu một kẻ si tình. Đúng thật. Tôi ước giá phi đoàn có chừng chục * như Thiếu úy On thì tôi khỏi sợ tốn tiền cà phê thuốc lá. Được trớn, tôi xúi dại nó, bảo hay là mầy xin ở lại Kontom luôn cho anh em nhờ. Nhưng nó quắc mắt lên, cười khỉnh " Vừa phải thôi... tám. Tao tuy ngu nhưng đâu có ngu hơn mày."
Lần biệt phái này, trái với lời anh Ngọc tiên đoán, sư đoàn 23 BB không có đụng trận nào ra hồn cả. Thỉnh thoảng một bọn " giặc cỏ" đến quấy rối rồi lặn mau như chuột. Dường như cả hai bên đang nghỉ ngơi dưỡng sức. Dưới đất mà không thèm đánh nhau thì trên trời biết ăn thua với ai. Những phi vụ air cover nhàn rỗi, tôi hỏi đại úy Ngọc đi " duy trì khả năng" bắn rocket. "duy trì khả năng" là một danh từ không quân dành cho những anh chàng phi công văn phòng, sợ lâu quá không bay thì lúc leo lên tàu, thì quên béng nó mất cái cần lái nằm chỗ nào nên phải bay

"duy trì khả năng" cho khỏi quên. Tôi thì khoái tập bắn rocket sao cho nó đẹp như 'Dăng gô" bắn súng. Chỉ đâu bắn trúng đó. Cái kiểu bắn rocket của tôi phi đoàn ai cũng chán vì lối bắn mất dạy. Bay trên mục tiêu, Tôi cắt ga cho tàu rơi cái rào nhiều khi gần như cắm đầu thẳng xuống. Cứ thế mà bóp cò. Bắn thì dể nhưng khi kéo tàu lên mới là cực hình. "G" đâu mà lắm thế , mặt mũi cứ dài ra cả thước. nhưng đại úy Ngọc chịu chơi, lần nào cũng cho tôi bắn. Nhiều khi anh còn nhìn "tác phẩm" của tôi phê bình "Số mày sinh ra để bay khu trục mà bị trời bắt lái .. L19. Đúng là con nhà vô phúc". Ngày cuối cùng của cuộc biệt phái, chúng tôi cất cánh phi vụ thứ hai vào khoảng 3 giờ chiều. Lên trời, làm vài vòng, tôi hỏi đại úy Ngọc :
- Hay mình làm vài vòng, nếu không có gì thì đi kiếm cái chòi thượng nào đó "duy trì khả năng" rồi về đáp. Mai đổi biệt đội khác rồi.
Đại úy Ngọc tự nhiên phản đối:
- Thôi cứ để đó, mày bay dọc lên Dak Pek đi. Tao đi quan sát lần chót để bàn giao vùng trách nhiệm cho phi hành đoàn mới.
Có cái gì thắc trong đầu anh mà tôi không nghĩ ra. Lát sau anh nói:
- Mày để ý thấy chiến trường lần này, đặc biệt là cách mấy ngày hôm nay yên lặng một cách quá đáng không?
Tôi chả biết gì, trả lời:
- Yên thì có yên đó, nhưng mà có gì không anh?
- Thường thường mà yên quá như thế này là thế nào cũng có đánh lớn.
Khoảng 5 giờ chiều tôi đang lơ lửng gần một cái đồn nhỏ gọi là đồn Dakseang, phía Nam của Dakto. Đại úy Ngọc chợt giật cần lái, quẹo một vòng.
- Để tao coi. Đ.M. hình như đồn này đang bị pháo kích.
Chỉ một thoáng sau anh la lên:
- Đ.M. đúng rồi. Đ.M. nó đang pháo vô đồn.

Anh Ngọc gọi máy về Trung Tâm Hành Quân, báo cáo những gì mình thấy và xin tần số liên lạc ngay. Chỉ trong vài phút, Trung Tâm Hành Quân xác nhận với chúng tôi là đồn bị pháo kích, và có nhiều dấu hiệu cho thấy đồn sẽ bị tấn công. Chúng tôi được chỉ thị ở lại làm việc với đồn. Bắt được liên lạc, trao đổi danh hiệu xong là chúng tôi giảm cao độ. Vừa tà tà bay vô thì bổng hàng chục cây phòng không nhắm vào chúng tôi nổ tới tấp. Chắc chắn phải có vài viên trúng tàu vì tôi nghe lên vài tiếng bụp bụp. Tôi càu nhàu: " 15 ngày biệt phái không sao, ngày cuối cùng mà lãnh một viên vào.. đít là xui quảy.." vô không nổi, tôi quẹo ra. Đại úy Ngọc phê bình:
- Trên trời mà phòng không "kèm cứng một rừng" như vậy là dưới đất nó đã chuẩn bị trận địa pháo rồi. Lạng quạng thì đồn này chắc mất tối nay. Anh giở tấm bản đồ, ba cái FM trên phi cơ được sử dụng liên tục. Cái gọi pháo binh, cái trực với đồn Dakseang, cái nói thẳng với Bộ Tư Lệnh chiến trường. Cường độ pháo kích càng ngày càng trở nên khốc liệt, Tôi lên cao chút xíu rồi rình rình lại chui vào từ một hướng khác. Bố khỉ, tôi lúc ấy mới khám phá ra là khu vực làm việc bị mây "broken" từng cụm nhỏ bao phủ khoảng từ 5 đến gần 8 ngàn bộ trên trời. Đang quan sát, tàu chui vào mây là coi như mù. Ra khỏi mây thì phải mất một lúc mới trở lại được chổ quan sát cũ. Đại úy Ngọc chửi thề "Đ.M. mây mà cũng bị VC dụ dỗ đâm sau lưng chiến sĩ. Trời đất bao la sao không kiếm chỗ bay mà cứ lẩn quẩn làm con C.. ở đây." Tôi đã cắt ga xuống dưới trần mây mấy lần nhưng vừa xuất hiện là bị hàng chục họng phòng không thổi rào rào vô mặt, đuổi trở lên "súng đâu mà chúng nó lắm thế" Tôi đành vật lộn với mấy cụm mây...VC này. Bi

thảm hơn, giặc bắt đầu nả 130 ly vào đồn, Hai cây đại pháo, một cây đặt ở ven làng cách đó chừng 15 cây số, cây kia ở hướng đối diện cứ tà tà nã từng trái một vào đồn. Từ trên, tôi nhìn thấy rõ ràng những quả đạn rơi rất chính xác vào trong đồn. Cứ mỗi quả đại bác rơi xuống là có chừng mười mấy trái súng cối nổ kèm theo "phụ diễn". Tôi và anh Ngọc lồng lộn trên tàu bay. Máy vô tuyến gọi đến gần nát cả họng, nhưng bất ngờ quá, chả thấy phi tuần xuất hiện, anh Ngọc gọi pháo từ căn cứ pháo binh gần đó nhất để yểm trợ. Vừa nhận được tọa độ, đã nghe ở dưới đất kêu trời:
- Vô ích bạn ơi. Xa quá, bắn tới... Tết cũng huề.
- Thì bạn quay nòng xuống thổi đại cho một chục tràng đi, bắn dọa nó cũng được.
- Xong rồi, để tôi cho yếu tố tác xạ - Yếu tố mẹ gì, bắn đi bạn....
Khoảng 5 giờ rưỡi chiều, người chỉ huy đồn Dakseang có vẻ bối rối:
- Bạch Ưng, đây Thanh Trị.
- Nghe 5 bạn
- Báo cho bạn biết đến giờ phút này con cái tôi đếm được là 500 trái rồi đó bạn. Hầm hố tôi 50% thiệt hại.
Tôi muốn nhảy nhổm trong tàu bay. 500 trái vừa cối vừa pháo xuống một diện tích tí teo như thế kia thì còn hầm còn hố nào. Anh Ngọc bỗng nẩy ra một kế...chết người.
- Nếu để nó pháo điệu này thì chừng tí nữa quân mình chẳng còn gì hết. Mình phải "chiến tranh chính trị" mới được. - Có học trường chiến tranh chính trị ngày nào đâu mà đòi...chiến tranh chính trị anh?
Người phi công chiến tranh chính trị bất đắc dĩ lên mặt dạy dỗ.
- Từ từ để tao cắt nghĩa. Chiến tranh chính trị nghĩa là...có là không, không là có. Bây giờ chưa có phi tuần thì mình phải làm như có phi tuần. Mình phải xuống ngay trên đầu mấy cây pháo làm bộ như phi tuần sắp tới thì pháo nó mới câm được.
- Xong rồi.
Mặc dù vẫn còn ngán mấy chục họng phòng không nhưng trong hoàn cảnh này, đạn tránh người chứ người làm sao tránh đạn? Tôi cắt ga cho tàu rơi cái rào, cứ nhắm họng đại bác bay tới. Đạn nổ tùm lum chung quanh tàu. Anh Ngọc trấn an tôi:
- Mầy đừng lo, tao có bùa nanh heo rừng. Đạn nó né tao.
Nghe sao mà chán đời, Tàu bay chỉ có 2 người, đạn nó bay vào đây mà né anh Ngọc thì nhất định nó phải kiếm người khác để chui vào. Người đó còn ai khác hơn tôi. Nhớ ra điều gì, anh sờ tay vô ngực quờ quạng rồi rú lên:
- Bỏ mẹ rồi, nanh heo rừng đíu có đem theo. Đ.M. hôm qua đi tắm treo nó chỗ phuy nước quên đeo vô rồi. Nhưng anh nói ngay:
- Nhưng tử vi nói tạo sống thọ lắm, yên chí lớn đi * em.

Tôi nghiệm ra rằng con người, lúc ở trong những hoàn cảnh nguy hiểm đều kiếm ra một lý do gì đó để tự tin và hy vọng. Càng đi xa đồn thì phòng không càng bớt dần. Thấp thoáng con gà cồ của giặc đã nằm ngay dưới cánh, chúng tôi xuống thấp thêm tí nữa, lượn vòng chung quanh cây pháo. Đúng y như anh Ngọc đoán, pháo im bặt. Rồi như một cơn mưa rào đổ xuống mùa hạn hán, một hợp đoàn Cobra của Tây xuất hiện. Đại úy Ngọc qua được tần số của Tây xí xa xí xồ một chập, tôi nghe được mấy tiếng "everywhere". Vừa vào vùng là mấy anh Cobra làm ăn liền. Tôi ngạc nhiên thấy họ thay phiên nhau bắn rào rào chung quanh đồn. Như vậy con cháu họ Hồ

đang "tùng thiết" đi vô chăng? Dĩ nhiên phòng không giặc bây giờ đổi mục tiêu, nhắm mấy anh Cobra nhả đạn. Trận thư hùng coi rất đẹp mắt nhưng ngắn quá. Mấy ông Tây bắn chừng 5 phút là hết đạn, quay lui. Khốn nạn hơn cái món chiến tranh chính trị xem ra hết ép phe. Có lẽ giặc biết chúng tôi chỉ dọa giả nên cây pháo bắt đầu nổ trở lại. Đại úy Ngọc gầm lên:
- Đ.M. tụi mày, lát nữa khu trục lên tao cho nó...bỏ bomb thấy mẹ mày.

Tức quá mà không làm gì được thì...chửi cho đã tức. Chúng tôi chỉ có 4 quả Rocket khói, chẳng sơ múi gì được. Rồi Peacock gọi thông báo sẽ có phi tuần khu trục A-1 đang cất cánh khẩn cấp từ Pleiku lên làm việc với chúng tôi. Đại úy Ngọc hớn hở gọi máy:
- Thạnh Trị, đây Bạch Ưng
- Nghe 5 bạn, gần ngàn trái rồi. Tụi nó mới xung phong đợt đầu đó bạn.
- Có sao không bạn?

- Không, mấy * chuồn chuồn tới đúng lúc với lại con cái tôi đánh giặc còn "tới" lắm bạn ơi. Tụi nó rút hết rồi. Khoảng chùng 50 xác nằm dài dài. Mấy * Tây đánh đẹp lắm.
- Chúng tôi sẽ có 2 phi tuần lên liền bây giờ với bạn.
- Bạn ráng dùm, hầm hố gần nát hết rồi bạn.
- Tôi hiểu bạn.

Cây 130 ly quái ác vẫn đì dạch phọt ra từng cụm khói đen. Tôi bảo anh Ngọc: - Anh để em lên làm đại một trái khói vô đó coi, may ra.... - Ờ, may ra.... Tôi làm vòng bắn, nghiêng cánh quẹo vào, nhắm và bóp cò. Oành cái Rocket nổ...gần cây đại pháo. L-19 mà bắn được vậy là nhất rồi, nhưng có chết * chó nào đâu? Không chết nhưng cây pháo lại im tiếng một lần nữa. Tốt! Tôi tính cứ lâu lâu nhào xuống xịt cho tụi nó một trái để mua thời gian chờ khu trục lên. Rồi tiếng rè rè thử vô tuyến của mấy ông khu trục A-1 nghe lên bên tai. Phải thú nhận, cái tiếng rè rè đực rựa lúc này nghe sao mà nó...đáng yêu thế. Đó là thứ tiếng nói của hy vọng, của niền tin, của sức mạnh, của tình chiến hữu. Anh Ngọc trao đổi vô tuyến với phi tuần khu trục rồi gọi máy cho quân bạn.
- Thạnh Trị, đây Bạch ưng
- Nghe bạn 5.
- Chim sắt của tôi lên rồi đó bạn. bạn muốn tôi đánh đâu?
- Bạn lo dùm mấy con gà cồ trước đi.
- OK! Roll

Phi tuần khu trục vừa xuất hiện thì cả bầu trời biến thành một biển lửa. Số lượng phòng không bây giờ không biết là bao nhiêu cây, nhưng dòm hướng nào cũng chỉ thấy lửa và lửa. Trời đã về chiều nên những viên đạn lửa bay vút lên cao càng được thấy rõ ràng hơn. Phi tuần đầu nhào lên nhào xuống mấy lần vẫn không làm câm họng được cây pháo phòng không vì trời quá xấu. Những đám mây...phản quốc, khốn nạn vẫn chình ình khắp nơi. Khó khăn lắm họ mới kiếm được cái lỗ chui xuống, bay giữa những loạt đạn phòng không trùng điệp, để tới mục tiêu, bấm rơi bomb, rồi kéo lên. Còn 2 trái cuối cùng, người phi công A-1 "để" vào ngay trên ổ súng chính xác như để bi vào lỗ. Ầm một tiếng vang lên rồi tiếp theo là nhiều tiếng nổ phụ. Cha con nó

đang đền tội. Xong một cây. Anh Ngọc hướng dẫn phi tuần thừ hai đang làm ăn thì tôi nghe tiếng gọi:
- Bạch ưng, đây Thạnh Trị
- Nghe 5 bạn
- Báo bạn biết, hầm chỉ huy tôi xập rồi. Tôi ra giao thông hào với mấy đứa con.
- Bạn nhớ giữ liên lạc với tôi.
- Bạn...

Không có tiếng trả lời. Tôi hoang mang. "ra giao thông hào với mấy đứa con" là bi đát lắm rồi. Anh Ngọc bảo tôi:
- Anh đang bận hướng dẫn khu trục, em qua FM gọi thẳng TTHQ xin gấpcho anh ít nhất là 2 phi tuần nữa, lên liền lập tức, nếu không kịp làtụi nó sẽ "over run" Dakseang trong vòng nửa tiếng đồng hồ.Tôi đổi tần số FM, Anh Ngọc cẩn thận dặn dò thêm:
- Phải nhớ la ơi ới lên như là đang bị bóp...dái thì cha con nó mới chịu chạy dùm.Tôi phì cười, ông đại úy nầy lúc nào cũng đùa được. Khỏi cần bị ai bóp dái tôi cũng la được vì hò hét và tả oán là sở trường của tôi. Tôi gọi máy và có kết qủa ngay. Anh Ngọc mừng rú lên khi được thông báo có một phi tuần F4 của Hải Quân Mỹ sẽ cất cánh ngay từ hàng không mẫu hạm vào làm việc. Giọng nói từ dưới đất bây giờ nghe có vẻ hốt hoảng:
- Bạch ưng, đây Thạnh trị
- Nghe bạn 5
- Bạn cho mấy con chim sắt đánh sát quanh đồn gấp đi bạn. Tụi nó đang "à lát xô" lên.
Anh Ngọc la ùm lên trong tần số khu trục. Hai chiếc khu trục A-1 còn mấy trái bomb bỏ dở cây, hối hả trở về đồn nhào xuống đánh sát chung quanh rào. Một ông la to khi kéo tàu lên.
- Tụi nó đông như kiến bạn ơi.
- Còn phải hỏi.

Khu trục đánh hết bomb nhưng vẫn bay trên mục tiêu để bắn hết những tràng cà nông 20 ly. Tình hình lúc này đã bi đát lắm rồi. Giặc xung phong lên ào ào. Thạnh trị thông báo là một góc phòng tuyến đã bị vỡ và con cái anh đang xáp lá cà với giặc. Tôi nghe Trung tâm hành quân "TTHQ" thêm ba căn cứ khác cũng bị tấn công một lúc. Anh Ngọc bảo tôi: Tao còn lạ gì cái trò này, tụi nó đánh nghi binh để dứt điểm Dakseang đó. Phải cẩn thận. Trong vô tuyến, tiếng tàu bay gọi nhau tiếng trao đổi gã trên trời và dưới đất nghe loạn cào cào.. Bởi trong những tiếng ồn ào đó, có tiếng gọi của mấy ông F 4 Hoa Kỳ. Mấy ông Tây trang bị vũ khí tận răng. Hai chiếc F4 mỗi chiếc mang 18 trái 500 pouds đang làm vòng chờ ở khoảng 20 ngàn bộ. Anh Ngọc chỉ "briefing" một tí, mấy ông "Roger" và "Sir"lia lịa nhào xuống làm ăn liền. Khu trục Việt Nam đánh đã đẹp, mấy ông Tây đánh cũng không thua ai. Từ khoảng 15 ngàn, mấy ông nhào xuống dưới trần mây, để những trái bomb thật chính xác. Phòng không bắn dữ dội nhưng xem ra không ăn thua gì với mấy chiếc F4 này. Đang đánh ngon lành thì tôi nghe tiếng gọi từ dưới đất:
- Bạch ưng, đây Thạnh trị
Giọng nói lúc này không có vẻ hốt hoảng mà bình tĩnh lạ thường.
Anh Ngọc bấm máy:
- Nghe bạn 5, cho biết tình hình đi bạn.
- Tôi yêu cầu Bạch ưng cho đánh ngay vào trong đồn.

Cả hai chúng tôi giật nẩy mình, chỉ hy vọng là mình nghe...lộn. Chúng tôi sững sờ không trả lời được. Người chỉ huy phía dưới đất xác nhận lại:

- Bạch ưng, tôi xác nhận lại, tôi xin bạn đánh xuống đầu tôi.
- Bạn nói bạn xin đánh thẳng vào đồn?
- Đúng 5. Hết hy vọng rồi bạn ơi. Cứ đánh vào đây để tụi nó chết chùm luôn với chúng tôi.
- Bạn suy nghĩ kỹ chưa?

Giọng nói dưới đất lúc này nghe có vẻ hết kiên nhẫn:

- Không còn lựa chọn nào khác bạn ơi. Bạn đánh lẹ giùm. *"Cổ lai chinh chiến kỷ nhân hồi"* mà bạn...

Đó là những tiếng nói cuối cùng tôi nghe được từ đồn Dakseang "Cổ lai chinh chiến kỷ nhân hồi". Anh Ngọc hốt hoảng gọi máy về xin chỉ thị quân đoàn. Quân đoàn trả lời phải xác nhận với đồn Dakseang một lần nữa rồi cho biết kết qủa. Chúng tôi gọi muốn đứt hơi nhưng không còn liên lạc được với Thạnh Trị nữa. Báo cáo trở lại, quân đoàn quyết định: cho đánh thẳng vào đồn nhưng phải... cẩn thận. "Cẩn thận con C... ông" anh Ngọc lẩm bẩm chửi thề rồi gọi máy thong báo cho mấy ông Tây, bảo đánh thẳng vào đồn. Người phi công hải quân Mỹ vừa kéo con tàu lên sau một loạt tấn công cũng bối rối không kém:

- Roger! Sir, Did you say...right on it? Over
- Yes sir, it's all over. I said you salvo right on it. Over.
- Roger, sir, I understood, sir, Over.

Chỉ có vậy thôi, đồn Dakseang biến thành một biển lửa sau hai đợt bomb salvo của mấy chiếc Phantom. Tôi đang chứng kiến một hình ảnh mà có lẽ suốt đời sẽ không bao giờ quên được. Tôi biết nói gì lúc này đây cho những người chiến sĩ Địa Phương Quân QLVNCH? Tất cả những ngôn từ, những ý nghĩ đều trở thành vô nghĩa trước cảnh tượng bi thảm hào hung này. Bay cách đó chừng 5 cây số với cao độ 5 ngàn bộ mà con tàu tôi như rung lên dưới tiếng nổ và sức ép khủng khiếp của mấy chục trái bomb 500 cân Anh nổ một lần. Làm sao còn có ai sống sót sau cơn tàn phá khủng khiếp này?. Những thịt, những xương, những máu của các anh hùng Dakseang đã tung bay khắp nơi rồi rơi xuống lẫn lộn với bụi, với đá, với sắt, để rồi nằm im trên mặt đất. Cũng trên mặt đất nầy của quê hương, ở một nơi nào đó, những người vợ, những đứa con, những bà con thân bằng quyến thuộc của các anh đâu biết người thân của mình vừa anh dũng đền nợ nước, vừa " Cổ lai chinh chiến kỷ nhân hồi" như lời trăn trối cuối cùng của người đồn trưởng, vừa chết để cho cả dân tộc được sống, được hít thở không khí Tự Do dù chỉ trong một khoảnh khắc... Ngày mai đây, những chiếc khăn tang trắng sẽ được chít vội vã lên đầu những người thiếu phụ nghèo nàn khổ sở kia, những khuôn mặt bầu bĩnh vô tội của trẻ thơ. Nước mắt nào khóc cho hết nỗi bi thương của người vợ lính VNCH đây hỡi ông trời xanh thẳm? hình ảnh nào có thể thay thế được hình ảnh ngọt ngào của Cha chúng nó, suốt khoản đời còn lại của những em bé hồn nhiên vô tội kia hỡi ông trời? Dân tộc tôi đã làm gì nên tội, "Tử biệt sinh ly" câu nói nghe được từ thuở học trò bầy giờ mới thấy trọn nghĩa ý đau thương. Máu nào chảy mà ruột không mềm, mắt tôi bỗng chan hòa nước mắt. Tôi tống ga bay trở lại đồn. Qua màn lệ nhạt nhòa, tôi chẳng còn thấy gì, ngoài những cụm khói đen bốc lên giữa đồn. Những cụm mây

oan khiên vừa rồi vẫn còn vần vũ như những chiếc khăn tang trắng lồng lộng bao phủ cả bầu trời. Mây ơi là mây, còn sống chẳng chịu giúp nhau, bây giờ người đã chết, đồn đã mất sao còn lảng vảng để khóc thương.

Trời chiều cao nguyên vốn đã thê lương cô quạnh lại càng trở nên tang tóc sầu thảm hơn. Hai chiếc Phantom Hoa kỳ ráp thành một hợp đoàn tác chiến bay những vòng tròn thấp chung quanh đám đất đá điêu tàn không hiểu để quan sát hay để chào vĩnh biệt những chiến sĩ gan dạ anh hùng của Địa Phương Quân QLVNCH. Dưới trời chiều nắng tắt, trông hợp đoàn Phantom như hai con chim hải âu ủ rủ lượn từng vòng quanh xác chết của đồng loại. Sau khi nhận kết oanh kích của anh Ngọc, giọng nói xúc động của người phi tuần trưởng Phantom vang lên:
- Sir, may I reach out across the fires and destructions of today to tell you this: Those people down there have fought like men and have gone in honor.
Giọng anh Ngọc run run nghẹn ngào:
- Yes sir, they have gone in honor. That was an Alamo by all means, sir. An ever greater Alamo than ours, Over.
Tôi thấy hai hàng nước mắt chảy dài trên má anh Ngọc.
- Roger! We have thousand of Alamo like that every day in our country.
- Roger, I believe that, sir, God bless you all. Over.
Hai chiếc Phantom liếc cánh chào vĩnh biệt rồi bốc lên cao, mất hút giữa bầu trời ảm đạm. Alamo, cái tên nghe đã đi vào huyền sử của dân tộc Hoa Kỳ mà bất cứ công dân Mỹ nào nghe cũng phải hảnh diện. Alamo, làm tôi nhớ đến bài học Anh văn năm đệ ngũ. Alamo, đúng ra là một ngôi nhà thờ "Y pha nho" mà hai ngàn chiến sĩ kỵ binh Hoa Kỳ đã tử thủ khi chống cự lại với hàng chục ngàn quân Mễ Tây Cơ cho đến giây phút cuối cùng. Không ai đầu hàng và tất cả đã bị tàn sát. Người Mỹ chỉ có một thành Alamo trong suốt 200 năm lập quốc mà cả thế giới đều biết, đều mến phục. Đất nước tôi có bao nhiêu thành Alamo còn tàn khốc hơn, đẩm máu gấp ngàn lần hơn suốt bao nhiêu năm chinh chiến.

Sáng hôm sau tôi và anh Ngọc bay thêm một phi vụ sớm trước khi bàn giao biệt đội. Tối đêm qua một trận mưa bomb của B52 đã cày nát khu tập trung quân giặc. Dù biết là vô ích, chúng tôi vẫn mở lại tần số cũ để gọi cho Thạnh trị. Nhưng chả còn Thạnh trị nào để trả lời cho Bạch ưng nữa. Đồn Dakseang chỉ còn là đống đất vụn điêu tàn. Gió thổi lên từng cơn cuốn theo những lớp bụi đỏ mù. Tôi nhìn xuống đó, tưởng nhớ đến những cái chết oai hùng chiều qua. Trong một quê hương khói lửa, kiếp người quả thật mong manh như gió, như đám bụi mù kia. Mới nói nói cười cười mà giờ đây đã ngàn thu vĩnh biệt. Bay thêm vài vòng quanh đồn để tưởng nhớ ngậm ngùi cho các anh rồi cũng đến lúc phải từ giã để ra đi. "Cổ lai chinh chiến kỷ nhân hồi" Thôi thì xin thành kính nghiêm trang giơ tay chào vĩnh biệt các anh. Những người lính Địa Phương Quân âm thầm của một tiền đồn xó núi. Địa Phương Quân, cái tên nghe khiêm nhường và hiền lành như đất, như bộ đồ xanh bạc màu của các anh. Địa Phương Quân, thứ lính...âm thầm nhất trong các thứ lính của quân lực; không màu mè, không áo rằn ri, không có những huyền thoại khủng khiệp, không "truyền thống, binh chủng" không có đến những khẩu hiệu nẩy lửa chết người. Nhưng Địa Phương Quân Pleiku chiều hôm qua đã bình tỉnh xin "cho nó nổ trên đầu tôi". "Cổ lai chinh chiến kỷ nhân hồi bạn ơi" Xin vĩnh biệt và cảm tạ. Cảm tạ các anh đã đem cái qúi giá nhất của cuộc đời là mạng sống mình để đổi lấy cho quê hương dù đã rách nát tả tơi còn có được

những ngày xanh hy vọng. Cho buổi hợp chợ ban mai, dù nghèo nàn thưa thớt vẫn còn được an bình. Cho ngôi trường quận lỵ thấp lè tè những mái tôn cháy nắng còn rộn tiếng trẻ thơ cười. Cho mái chùa cong cong nơi sườn núi còn được ngân lên những hồi chuông tín mộ. Và cho những người ở lại như tôi đây biết rằng mình sống tức còn nợ phải trả.... Các anh chính là những người được mô tả trong một bài học thuộc long tôi thuộc làu làu lúc còn là một đứa bé :

Tuy tên họ không ghi trong sử sách
Tuy bảng vàng bia đá chẳng đề tên
Tuy mồ hoang xiêu lạc dưới trời quê
Nhưng máu họ đã len vào mạch đất
……..

Xin thành kính viết lại một phần bài thơ của Đằng Phương để tặng các anh. Các anh chính là những "Anh Hùng Vô Danh". Tổ Quốc Việt Nam, dân tộc Việt Nam ngàn đời sẽ còn ghi ơn các anh. Xin vĩnh biệt và cảm tạ.

Trận Chiến Phước Long

Đầu tháng 10/1974, bộ Tổng Tham Mưu Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa (VNCH) đã thu thập được rất nhiều tin tức tình báo tổng hợp về hoạt động của Cộng Sản Bắc Việt (CSBV) tại miền Đông Nam phần. Nhiều thông tin và tài liệu cho thấy Cộng quân đang chuẩn bị và có kế hoạch tấn công Phước Long. Nguồn tin này cũng được Bộ Tư Lệnh Quân Đoàn 3 và Bộ Chỉ Huy Tiểu Khu Phước Long nắm vững, đồng thời cập nhật hóa thường xuyên, mỗi lần đều có những tín hiệu về sự chuyển biến rõ rệt của địch. Do đó, Bộ Tổng Tham Mưu và Bộ Tư Lệnh Quân Đoàn đã không có sự bất ngờ khi được báo cáo về vụ tấn công của Cộng quân vào Phước Long vào ngày ***13 tháng 12/1974***.

Theo tài liệu của Phòng 3 Bộ Tổng Tham Mưu, diễn tiến trận chiến được ghi nhận như sau: Ngày 13 tháng 12/1974, Cộng quân mở cuộc tấn công vào quận lỵ Đôn Luân nhưng đã bị tiểu đoàn Địa Phương Quân với sự yểm trợ của Không quân đánh bật ra khỏi trận chiến. Qua đêm hôm sau, 14 tháng 12/1974, Cộng quân mở trận đánh chớp nhoáng tương tự vào quận lỵ Đức Phong và Bố Đức. Cả hai vị trí này bị tràn ngập nhanh chóng vì lực lượng yểm trợ không tiếp cứu kịp. Đêm kế tiếp, 15 tháng 12/1974, một trung đội pháo binh diện địa của tiểu khu Phước Long bị Cộng quân tấn công, hai khẩu đại bác 105 ly bị mất vào tay địch quân.

Từ ngày 17 tháng 12/1974 đến cuối tháng 12/1974, Cộng quân gia tăng áp lực quanh tỉnh lỵ Phước Long. Phi trường bị pháo kích liên tục gây khó khăn cho việc tiếp tế bằng không vận. Đêm 30 tháng 12/1974. Cộng quân huy động Sư Đoàn 7 chính quy CSBV và Sư Đoàn 3 tân lập thuộc Bộ Chỉ Huy Miền, cộng thêm một trung đoàn thiết giáp và một trung đoàn pháo binh tấn công vào Phước Bình. Cộng quân tiến sát đến hàng rào phòng thủ của các đơn vị Việt Nam Cộng Hòa. Trận đánh kéo dài suốt đêm và qua chiều hôm sau mới tạm lắng. Quân trú phòng gồm một tiểu đoàn Bộ Binh và lực lượng ***Địa phương quân*** của chi khu Phước Bình phải rút lui lập phòng tuyến mới quanh phi trường.

Trận tấn công của Cộng quân vào tỉnh lỵ Phước Long bắt đầu vào 7 giờ sáng ngày 1 tháng 1/1975 khi một thành phần Cộng quân có xe tăng yểm trợ tiến vào phía nam tỉnh lỵ Phước Long, nhưng khi đến chân đồi gần tỉnh lỵ thì bị khựng lại trước sự chống trả quyết liệt của quân trú phòng. Cùng vào thời gian này, Cộng quân bao vây khu vực núi Bà Rá bất chấp các đợt không pháo và xạ kích của Không Quân VNCH bắn chận tối đa. Sau khi chiếm được núi Bà Rá, Cộng quân cho thiết lập ngay đài quan sát pháo binh và sử dụng súng 130 ly bắn vào trung tâm tỉnh lỵ. Tám khẩu đại bác 105 ly và 4 khẩu 155 ly của VNCH đặt trong tiểu khu Phước Long bị trúng đạn.

Trong suốt ngày 2 tháng 1/1975, lực lượng trú phòng Việt Nam Cộng Hòa chiến đấu quyết liệt và gây tổn thất nặng cho địch quân, 15 xe tăng của quân Bắc Việt bị bắn cháy. Đến 18 giờ cùng ngày thì trạm liên lạc đặt trên đỉnh núi Bà Rá bị Cộng quân chiếm do đó sự liên lạc viễn thông với thị xã bị mất hẳn.

TƯỚNG DƯ QUỐC ĐỐNG VÀ CUỘC HỌP QUYẾT ĐỊNH SỐ PHẬN PHƯỚC LONG

Cũng trong ngày 2 tháng 1/1975, một cuộc họp khẩn cấp do Tổng Thống Nguyễn Văn Thiệu chủ tọa được tổ chức tại Dinh Độc Lập. Theo lời kể của Đại Tướng Cao Văn Viên ghi lại trong hồi ký, thì thành phần tham dự cuộc họp có: Phó Tổng Thống Trần Văn Hương, Thủ Tướng Trần Thiện Khiêm, Đại Tướng Cao Văn Viên, Trung Tướng Đặng Văn Quang, Trung Tướng Trần Văn Minh, Trung Tướng Đồng Văn Khuyên, và Trung Tướng Dư Quốc Đống. Đề tài được nêu ra trong cuộc họp là nên tăng cường lực lượng để giữ Phước Long hay không. Nếu phải tiếp cứu Phước Long thì phải điều động thêm bao nhiêu quân và phải yểm trợ như thế nào.

Đại Tướng Cao Văn Viên kể lại rằng: tại cuộc họp, với chức danh là tư lệnh Quân Đoàn 3 và Quân khu 3, Trung Tướng Đống nhận định rằng Quân Đoàn 3 cần ít nhất một sư đoàn Bộ Binh hay một sư đoàn Nhảy Dù để giải vây cho Phước Long. Kế hoạch của tướng Đống là mở cuộc hành quân tiếp cứu bằng trực thăng vận để đưa sư đoàn tiếp ứng này vào tỉnh lỵ Phước Long từ hướng phía tây và phải được sự yểm trợ tối đa bằng Không Quân chiến thuật và tiếp vận đạn dược. Sau đó Trung Tướng Đống xin Tổng thống Thiệu cho từ chức vì ông cho rằng ông không có khả năng thay đổi tình hình tại Quân Khu 3 sau ba tháng giữ chức vụ này.

Trung Tướng Dư Quốc Đống được Tổng Thống Thiệu cử giữ chức tư lệnh Quân Đoàn 3/Quân Khu 3 từ tháng 10/1974, thay thế Trung Tướng Phạm Quốc Thuần được hoán nhiệm chức vụ để giữ chức chỉ huy trưởng Trường Hạ Sĩ quan Nha Trang mà tướng Đống đảm nhiệm từ năm 1973. Trước 1973, từ năm 1964 đến năm 1972, tướng Đống là tư lệnh binh chủng Nhảy Dù. Theo các thông báo về thăng thưởng và bổ nhiệm các sĩ quan cao cấp được Bộ Quốc Phòng VNCH phổ biến trên các bản tin của Thông Tấn Xã Việt Nam và các nhật báo, Trung Tá Dư Quốc Đống được mang cấp đại tá vào giữa tháng 9/1964 ngay sau khi được cử giữ chức Quyền Tư Lệnh Lữ Đoàn Nhảy Dù thay thế Thiếu Tướng Cao Văn Viên được bổ nhiệm vào chức vụ cao hơn. Tháng 11/1964, ông được đặc cách thăng chuẩn tướng, chính thức giữ chức tư lệnh binh chủng Nhảy Dù vào ngày 19 tháng 12/1964. Ngày Quân Lực 19 tháng 6/1966, ông được thăng thiếu tướng, và đến giữa năm 1970, được thăng trung tướng.

Trở lại với cuộc họp tại Dinh Độc Lập, sau lời trình bày của tư lệnh Quân Đoàn 3, Tổng Thống Nguyễn Văn Thiệu bác bỏ lời xin từ chức của tướng Đống và lo lắng hơn nữa về kế hoạch tăng cường lực lượng để giữ Phước Long. Kế hoạch này được xem xét rất kỹ lưỡng nhưng cuối cùng bị bãi bỏ vì bộ Tổng Tham Mưu không còn đơn vị tổng trừ bị trong tay. Cuối cùng việc giải vây cho Phước Long được bộ Tổng Tham Mưu giao cho Bộ Tư Lệnh Quân Đoàn 3 trực tiếp đảm trách với lực lượng và khả năng sẵn có trong tay.
Quân Đoàn 3 được tăng cường Liên đoàn 81 Biệt Cách Dù với nhiệm vụ là lực lượng xung kích. Trong khi Trung Tướng Đống và Bộ Tư Lệnh Quân Đoàn 3 tiến hành kế hoạch hành quân giải cứu Phước Long, thì tại tỉnh lỵ, vào ngày 3 tháng 1/1975, Cộng quân tăng cường áp lực quanh vòng đai phòng thủ ở phía nam. Tuyến phòng ngự của quân đội VNCH tại Phước Long chỉ còn thu hẹp ở chợ, khu hành chánh tỉnh và phi trường dành cho L-19. Tất cả các đạn bác của quân trú phòng đều bị hư hại, không còn tác xạ được do hơn 2 ngàn trái pháo của Cộng quân đã rót vào khu tòa hành chánh và bộ chỉ huy tiểu khu. Hơn 20 tấn đạn dược được tiếp tế thả dù ngay phía bắc tiểu khu nhưng vì Cộng quân pháo kích liên tục nên việc thu hồi số đạn tiếp tế này vô

cùng khó khăn.

Ngày 4 tháng 1/1975, Cộng quân gia tăng các đợt pháo kích vào Bộ Chỉ Huy Tiểu Khu. Trung Tá Tiểu Khu Phó bị tử thương ngay tại chỗ. Trung Tá Chi Khu Trưởng Phước Bình bị thương nặng. Cùng lúc đó, xe tăng của Cộng quân xuất hiện từ hai hướng Tây và Nam thị xã. Liên lạc giữa bộ chỉ huy Tiểu khu và Quân Đoàn 3 bị đứt quãng nhiều lần và sau khi trung tâm hành quân bị phá hủy thì hệ thống liên lạc viễn liên chỉ còn một tần số vô tuyến.

Ngày 5 tháng 1/1975, vào lúc 8 giờ sáng, Không Quân VNCH thực hiện 60 phi vụ chiến thuật để yểm trợ cho cho kế hoạch hình thành một bãi đáp trực thăng tại phía đông tỉnh lỵ để Liên đoàn 81 Biệt kích Dù đổ bộ. Chín giờ sáng ngày 5 tháng 1/1975, một đại đội Biệt Kích Dù đầu tiên đổ bộ an toàn. Ngay sau khi đổ bộ xong, thì lực lượng tiếp ứng và tiểu khu bắt đầu liên lạc với nhau được ngay. Đến 11 giờ phi cơ chuẩn bị cho cuộc đổ bộ thứ hai và bộ chỉ huy dự trù sẽ trực thăng vận xuống phía Bắc khu hành chánh tỉnh. Khi hoàn tất cuộc đổ bộ vào lúc 3 giờ chiều cùng ngày, hơn 250 binh sĩ Biệt Kích Dù bị lọt vào ổ phục kích của pháo binh Cộng quân. Rất may chỉ có khoảng hai tiểu đội bị tổn thất. Nhiều trực thăng bị trúng đạn nhưng phi hành đoàn đã cố gắng thoát ra khỏi vùng hỏa lực phòng không của Cộng quân. Tuy nhiên vì địch pháo dữ dội nên Không quân không thể tải thương được như đã dự trù. Trong thế cài răng lược, xe tăng Cộng quân phá vỡ vị trí phòng ngự của Địa Phương Quân tại kho tiếp vận và từ đó tấn công vào thị xã. Đặc công Bắc Việt tùng thiết liền trở lui đặt chướng ngại vật để chận đường trong khi chiến xa của Cộng quân vẫn tiến về dinh tỉnh trưởng, bây giờ là bộ chỉ huy hành quân tiểu khu và bộ chỉ huy đơn vị tăng viện vừa mới đến.

Cộng quân bị đẩy lùi khi các chiến binh Biệt Cách Dù bắt đầu phản công để tái chiếm từng vị trí một, đặc biệt là kho tiếp vận. Mặc dù chiến binh Biệt Cách Dù chiến đấu vô cùng dũng cảm, nhưng do áp lực Cộng quân quá nặng, nên không chiếm lại được các vị trí trọng yếu. Lúc ấy Biệt Cách Dù bị thiệt hại gần nửa quân số.
Trận chiến trở nên kịch liệt hơn khi chiến xa địch kéo đến tăng cường, chiến binh Biệt Cách Dù sử dụng loại vũ khí phóng hỏa tiễn M-72 và đại bác không giật để bắn trả. Đến cuối ngày hôm đó, Bộ Chỉ Huy Biệt Cách Dù báo cáo cho Bộ Tư lệnh Quân Đoàn 3 về tình hình trận chiến. Tình hình vô cùng nguy kịch không giống như những gì tiểu khu đã báo cáo trước đó. Tuyến phòng thủ của Địa Phương Quân bị vỡ khi chiến xa địch kéo đến. Thấy vậy, vị sĩ quan chỉ huy Biệt Cách Dù quyết định lập hàng rào quanh dinh tỉnh trưởng và tòa hành chánh.

Suốt đêm đó hơn 1,000 trái đại bác của địch rót vào khu vực này và khu vực chợ. Qua 9 giờ sáng ngày 6 tháng 1, bộ đội Cộng quân có xe tăng yểm trợ lại mở trận tấn công tiếp. Giao tranh kéo dài suốt ngày. Đến 23 giờ, liên lạc với Bộ Chỉ Huy Tiểu Khu bị mất nhưng Biệt cách Dù vẫn còn giữ vững vị trí. Đến 12 giờ đêm, lực lượng Biệt Cách Dù lặng lẽ phân tán mỏng ra khỏi thị xã.
Sau khi Phước Long thất thủ, Trung Tướng Dư Quốc Đống xin từ chức và được Tổng Thống Nguyễn Văn Thiệu chấp thuận. Tổng Thống đã cử Trung Tướng Nguyễn Văn Toàn, chỉ huy trưởng binh chủng Thiết Giáp, cựu tư lệnh Quân Đoàn 2/Quân Khu 2 thay thế tướng Đống trong chức vụ tư lệnh Quân đoàn 3/Quân Khu 3.

Chiếc GMC Chở Quan Tài…

Nguyễn Mộng Giác

Chiếc GMC chở quan tài đậu sát vào mái tôn, quay đít vào gần cửa ra vào. Lá quốc kỳ bị gió bay, nên lệch sang một phía, để lộ hông quan tài gỗ tạp sơn một lớp dầu bóng đỏ ối. Người tài xế mở xe nhảy xuống, nói trỏng vào phía buồng lái:

"Xuống đi! Phải ở lại đây tối nay rồi. Trời tối, ai dám qua truông".

Bốn người lính ở phía sau nhanh nhẹn leo qua hông, đạp một chân lên bánh xe cao su, nhảy mạnh xuống nền xi măng. Bụi đỏ bay mù từ mấy bộ quần áo xốc xếch lem luốc. Có tiếng trẻ con khóc phía đầu xe. Người đàn bà mặt mày ốm gầy và lạc thần, đầu quấn khăn tang, thò đầu hướng về phía nhà tiền chế nói lớn:

"Mấy chú làm ơn mở cho cánh cửa. Nặng quá".

Một người lính đi lại phía bên phải xe, gắng hết sức mới mở bật được cánh cửa, rồi đưa tay dìu hai mẹ con xuống. Một tay ẵm đứa nhỏ độ một tuổi, một tay xách cái giỏ ni lông, người đàn bà phải để mặc cho anh lính đỡ hai nách, cẩn thận bước xuống bậc thang, rồi chậm rãi vào trú dưới mái hiên. Đứa nhỏ ngơ ngác nhìn chung quanh, nhận diện từng người, rồi lại khóc lên từng hồi. Người đàn bà ngồi bệt trên nền trại, lấy bình sữa bằng nhựa núm vú vàng xỉn nhét vào miệng đứa bé. Nó núc vài ngụm, ậm ừ như muốn nghẹn nước, rồi quay đầu nhả vú ra khóc tiếp. Người đàn bà sợ làm phiền ông Chỉ huy trưởng, vội vã bồng con ra đứng dưới mấy gốc dương liễu lá rũ. Tân hỏi mấy người lính đang tiếp tục giũ bụi:

"Bị ở đâu đó?"

"Trên Phú Nhơn".

"Chở về đâu?"

"Miệt ngoài Bồng Sơn. Bây giờ đã sáu giờ chiều, qua truông sao nổi".

Toán lính trực thoả mãn tò mò, lảng đi xa. Bốn người lính lạ hỏi Tân chỗ câu lạc bộ, rồi đi theo hướng Tân chỉ. Người tài xế mở nắp đầu máy kiểm soát dầu nhớt và bu-gi, rồi cũng đi theo bốn người lính hộ tống. Một lúc sau, một người bưng ra cho người đàn bà dĩa cơm và chai xá xị, xong vội vã quay trở lại câu lạc bộ. Đứa bé bây giờ đã hết khóc, nằm ngủ lả trên vai mẹ. Người đàn bà bồng con vào trong mái hiên, liếc nhìn lên quan tài thúc thít khóc, rồi ngồi trên nền trại lơ đãng xúc cơm ăn. Gió bên ngoài bỗng thổi mạnh bốc bụi mù mịt, trong khi đêm chầm chậm trở về. Lúc ông Thượng sĩ nhẹ nhàng bước chậm cho ngọn nến khỏi tắt, leo lên xe gắn lên nắp quan tài, Tân hỏi:

"Tối nay toán nào gác cầu, Thượng sĩ?"

"Toán hai".

"Ủa, sao tụi nó không cho tui hay".

Ông Thượng sĩ đứng trên xe, không thèm quay mặt lại, gắt gỏng:

"Mầy đi ghẹo gái cho đã rồi về hỏi lôi thôi. Có lấy đồ đạc ra lô cốt mau lên không? Cho mấy củ bây giờ".

Tân chạy vội về phòng trực. Người đàn bà vẫn ngồi chỗ cũ, biếng nhác nhai cơm, hờ hững nhìn mông lung về phía bóng tối trước mặt. Phòng trực không còn ai. Bóng đèn điện góc phòng lung lay theo gió. Khẩu M.16, cái mũ sắt, và tấm pon-cho của Tân còn bỏ lại trong góc tối.

Tân đội mũ sắt lên, trí óc ràng buộc vào cái rọ trách nhiệm. Sợi dây nịt đạn quấn quanh bụng chặt chẽ như quân kỷ. Đôi giày nặng bó cổ chân, níu trì gân cốt như muốn chôn sâu người lính đời đời kiếp kiếp xuống giao thông hào, sau lỗ châu mai, trong hầm lô cốt. Chỉ có khẩu súng là nhẹ nhàng, đong đưa trong vòng ngón trỏ, tự do như chiều đạn đạo.
Một mùi hôi gay gắt trộn lẫn hương nhang thổi vào chỗ Tân ngồi. Bóng người đàn bà ôm con nổi hẳn trên nền sáng do ngọn đèn pha phía bên kia trại. Tân lẩm bẩm:
"May tối nay mình ra cầu. Không thì nằm đây lãnh đủ".
Lúc ra đến cổng trại, một trận gió mạnh thổi ào ngăn cả bước Tân đi. Tân đưa tay dụi mắt. Bên trong hàng rào, có tiếng trẻ khóc. Khi nước chảy ra trôi hết bụi và mi mắt hết cồm cộm xốn xang, nhìn trở vào trong, Tân thấy ngọn nến trên nắp quan tài đã tắt.
Tín chửi thề:
"Đ.M. bây giờ mới ra. Lính cậu hả?"
"Thôi mà người anh em. Lão thượng sĩ đã cho anh lãnh đủ rồi. Nỡ nào người anh em còn nặng tay".
Rồi chuyển sang giọng bình thường, Tân bảo:
"Đã phân công chưa?"
"Rồi, mầy gác ca bốn".
"Với ai?"
"Tao không nhớ. À, hình như với thằng Liễn".
"Tụi nó đâu rồi?"
"Giặt quần áo phía bến đò. Mầy làm gì cả buổi chiều nay không thấy mặt".
"La cà lai rai vậy mà. Đầu tháng dư tiền, không có sao".
"Nói giọng cha không. Sao không nằm luôn trong trại cho bảnh?"
"Hôi không chịu nổi".
"Cái gì?"
"Cái xác. Có một con bị trận Phú Nhơn, vợ lên lãnh về. Trời tối không dám qua truông, nên GMC chở vào gởi tạm đằng trại".
Tín nói sang chuyện khác:
"Tao mới mua được cái cát-xét Hitachi".
"Bao nhiêu?"
"Chín ngàn. Nghe thử không?"
Tín mở máy. Giọng một nữ ca sĩ danh tiếng nỉ non, tha thiết:
"Các anh đi, ngày ấy đã lâu rồi. Các anh đi biết bao giờ trở lại. Xóm làng tôi trai gái vẫn chờ mong. Làng tôi nghèo nho nhỏ trên sông. Gió bấc lạnh lùng thổi vào mái rạ. Làng tôi nghèo, nắng mưa tơi tả, trai gái trong làng vất vả ngược xuôi…"
Tân đưa tay tắt máy:
"Nghe mùi quá. Nhưng đâu phải tụi mình. Nói chuyện tụi nó ngày trước mà".
Tín cãi:
"Thì áp dụng cho tụi mình cũng được, có sao đâu. Này này: Các anh về mái ấm nhà êm, câu nói tiếng cười rộn ràng trước ngõ. Mình đi hành quân tảo thanh đem lại an ninh cho đồng bào. Mặt bên kia còn một bài mới. Chờ một chút tao cuộn băng trở lại đã".
Tân lấy thuốc hút, nhìn xuống bãi cát chân cầu. Anh hỏi:
"Đêm nay có trăng không?"

"Có, mười bảy ta mà".

"Vậy là đỡ khổ rồi. Tao gác ca tư, trăng sách quắc, đố đứa nào dám bén mảng tới chân cầu".

Tín đã sang băng xong, mở máy trở lại:

"Em hỏi anh, em hỏi anh bao giờ trở lại. Xin trả lời, xin trả lời mai mốt anh về… Anh trở về hàng cây nghiêng ngả, anh trở về có thể bằng hòm gỗ cài hoa. Anh trở về, trên chiếc băng ca, trên trực thăng sơn mầu tang trắng…"

Tân lại đưa tay tắt máy, lầm bầm:

"Thôi. Để yên nghe nước chảy còn hơn".

Anh ra phía cầu, đái xuống dòng sông đen. Tín nói lớn:

"Mầy tục tĩu quá, không hiểu sao tụi con gái mê mầy".

Tân gài nút quần, trả lời:

"Tao khơi đúng chỗ ngứa giấu kín sau cái mặt nạ ngoan ngoãn con nhà, sau cái vỏ mỏng ngây thơ. Còn tụi bay thì cả tin, nên hỏng hết".

Rồi không muốn dây dưa tranh luận, Tân bảo:

"Tao đi tắm một chút. Tụi nó trở lại, mầy nói giùm là tao đã ra rồi".

Tân trở lại đầu cầu, giở vòng dây thép gai chui qua bên kia. Con đường mòn dốc xuôi xuống bãi cát phía dưới. Lá dứa gai cứa vào ống quần vải dày, chỉ nghe rào rào. Thích thú, thách đố, an tâm, Tân dẫm bừa lên gai góc, bước nhầu lên mấy bụi ốc mèo, không thèm theo lối mòn quanh co mình rắn. Mấy khóm dứa đen quì mọp dưới gót, sau lưng. Một cây gai ngang ngạnh đâm thủng lần vải, Tân thót người đau đớn, tức giận quật mạnh báng súng lên bụi đen, rồi dẫm mạnh gót giày trên đó mà đi. Vài nhánh khô gãy rụm, dòn tan.

Qua hết khóm gai thì đến bờ cát. Đã quen lối đi, Tân dừng lại bên một khóm cây rậm. Anh lấy nắp nhựa đậy họng súng M.16 lại, rồi cắm súng giấu sâu vào bóng tối. Đôi bàn tay bất chợt rảnh rang, trở thành ngượng nghịu. Theo thói quen, Tân đưa tay lên vai định gỡ dây súng trước khi ngồi lên mô đất. Anh lầm bầm chửi thề, thấy mình lú lẫn quên trước quên sau. Đôi bàn tay vẫn còn vụng về, mấy ngón cử động láu táu không biết phải làm cái gì. Tội nghiệp! Chúng nó không quen ở không. Cho nên bàn tay nầy nắm ngón tay bàn tay kia bẻ lốp rốp, rồi bàn tay kia bẻ trả.

Trước mặt, bãi cát vàng nhờ nhờ chạy dài ra đến tận bờ nước đen, và Tân nhớ rõ mặt cát mịn đến nỗi bước chân lên trên, làm da chân mỏng vẫn có cảm giác êm ái bình thường như được ấp ủ trìu mến bằng lớp vải lên dày. Tân ngồi xướng mô đất, dây nịt đạn chằng ngang bụng, cọ mạnh vào xương sườn.

Bỏ mặc quân trang và vũ khí gần khóm cây. Tân định đi xuống bờ cát, nhưng nghĩ sao, bèn quay trở lại. Trăng đã lên tự lúc nào, chiếu rõ cái mũ sắt, dây nịt đạn, đôi giầy thô, và cả báng súng nhựa. Anh giấu đồ đạc cẩn thận hơn, cho bóng tối che khuất rồi tiện tay cởi luôn bộ quần áo treillis nặng nề hôi hám. Tân chỉ còn mặc một cái quần đùi và cái áo lót. Gió lùa vào khe nách, ống quần, thổi dậy niềm khoan khoái, bùng lên khát vọng tự do.

Tân nhảy xuống lòng cát, tung tăng chạy khắp mọi hướng. Trăng mỉm cười. Gió mơn man. Cát hôn ấm lòng chân. Trời cao và đất rộng mời gọi. Sự sống man rợ, điên cuồng ngây ngất đưa bước chân thoăn thoắt, đưa đôi tay vung mạnh lướt tới, nghiêng nghiêng mặt người để hứng thuận chiều gió. Bàn tay đưa ra trước mặt chờ đón mà không nắm bắt, hy vọng mà không tham lam, để gió mát và ánh vàng lọt qua mấy ngón. Tân chạy nhảy, không cảm thấy mệt nhọc thoả thuê, và lúc đứng dừng lại, vẫn còn thấy lòng mình trống không để tiếp tục góp thu cái diệu vợi

vô cùng của đất trời vào lòng.
Anh chạy theo bờ nước trong. Chân đạp rào rạo trên sỏi nhỏ ven sông, nước bắn tung lên mát dịu ống chân và bắp vế. Lúc chạy về phía trăng lên, bọt nước toả sáng quanh mình, rơi vang trên bãi, như các tia nước phun trong công viên thành phố.
Tân chạy thẳng theo đường nước cạn, rồi lại uốn mình ngoằn ngoèo như hình rắn, hết dậm chân trên cát ẩm lại dậm chân xuống nước róc rách mát rợi. Trong một bước lơ đãng, anh bước vào một hố sâu. Tân ngã xuống, nước ngập nửa người. Trăng mờ đi vì một đám mây vô tình. Anh hốt hoảng nghĩ:
"Không biết có đứa nào thấy chỗ mình giấu súng không? Đã tới ca gác của mình chưa?"
Anh ngồi xuống cát, và bây giờ mới cảm thấy mỏi rần khắp người. Gót chân rát vì bị chà xát quá nhiều. Gió tăng thêm lạnh trên bộ quần áo ướt. Bóng cầu đen đủi choàng tay qua hai bờ xa tít, tham lam trơ trẽn.
Một trái hoả châu từ quận lỵ bắn lên, chiếu mầu đỏ kè bệnh hoạn mặt sông, rồi tắt lịm để lại một vệt khói lững lờ dưới trăng.
Có tiếng kẻng đổi ca từ trên cầu vọng xuống. Tân cố nhíu mày đọc mấy chữ số trên đồng hồ. Chưa tới phiên mình! Gió lạnh lẽo, Trăng nhợt nhạt. Nước rên rỉ. Bóng tối ma quái. Trong một cử động đột ngột cương quyết, Tân quăng cái đồng hồ rơi tõm xuống dòng sông đen. Tiếng vọng khích động cảm giác, và anh bắt đầu chạy như điên trên bãi, lội mạnh xuống dòng sông cho đến lúc nước ngập quá gối và chạy trở lên tận bờ cỏ ướt dọc theo doi cát.
Khi chạy như thế đến vòng thứ ba, vừa từ bờ cát trở về con nước, Tân đã thấy có bóng người ngồi lặng ở đấy rồi.
Bóng một người con gái.
*
Trăng đã lên quá ngọn tre xóm Đông hơn một con sáo. Ánh trăng viền khuôn mặt người con gái, cho Tân thấy đôi mắt mở lớn hướng về phía ánh sáng và đôi môi cười. Mái tóc dài chìm trong nền tối, nhưng dáng người in rõ trên mặt cát ướt. Hai bàn chân cô gái ngâm dưới nước sông, khuấy động róc rách. Gió vẫn dịu dàng. Cát vẫn câm nín. Trăng cười lặng. Chỉ có nước nhột nhạt vì bàn chân khuấy động, không thôi rúc rích thích thú. Nửa như chế giễu nửa như thúc giục. Mồ hôi loãng theo gió thổi, làm Tân lành lạnh da cổ và xương sống. Tân hỏi:
"Làm gì ngồi đây?"
Cô gái không trả lời, không quay lại. Một lúc sau, cô mới hỏi lại:
"Làm gì mà chạy như ngựa chứng? Có say không?"
"Ra ngồi đây lâu rồi à? Sao tôi không thấy?"
"Say rồi thấy sao được?"
"Chiều nay tới phiên gác cầu, không dám nhậu".
"Thiếu gì thứ say. Đâu phải chỉ có rượu. Say hơi đất. Say hơi lá. Say trăng, say mây. Say sưa hơi ấm của cát, say cái rúc đầu nhột nhạt của nước trên mặt da…"
Tân ngăn lại:
"Nói thật hay nói giỡn đó?"
"Thật chớ. Tân không thấy tôi ngâm chân xuống nước à?"
Tân lạnh mình, há hốc mồm không nói được gì. Một lúc sau mới hỏi lấp lửng, e dè:
"Sao biết tên tôi?"
"Dễ ợt. Chú ý tìm hơi thì phải ra. Chỉ cần hỏi mấy cô thợ may ngoài chợ".

Tân sợ thực sự. Xương sống ớn lạnh. Tân hỏi, giọng ấp úng:

"Cô ngồi chỗ nào? Bàn máy góc bắc hay gần bên nhà hát bộ?"

"Ơ hơ. Em có làm thợ may đâu. Nhưng em có một con bạn làm thợ may biết anh nhiều…"

Tân vội vàng hỏi:

"Tên gì?"

"Thôi, nói chi thêm rắc rối. Gia đình em làm nghề câu gõ. Sõng cột dưới gốc cây lớn kia kìa".

"Vậy cô lên đây ngồi làm gì?"

"Bắt người ta bơi dưới nước hoài sao? Cho lên bờ một chút không được à?"

"Sao không được. Ai dám cấm. Nhưng tôi muốn hỏi sao dám lên ngồi đây một mình".

"Cha đi lên bờ mua đá đèn. Với lại, đâu phải chỉ có một mình…"

Tân dớn dác nhìn quanh, hối hận đã không mang súng đến tận bờ nước. Phải gắng bạo dạn lắm, Tân mới hỏi được:

"Sao các bạn cô không ra mặt? Sao không ra ngồi nói chuyện cho vui?"

"Chuyện gì? Có nói anh cũng không hiểu".

"Sao vậy?"

"Anh nghĩ bạn em là ai?"

"Làm sao biết được. Mấy cô thợ may ngoài chợ này. Mấy cô bán cá này. Mấy cô hái rau muống trên cầu này".

"Không phải. Lâu lâu em mới lên bờ mua cước với nước mắm. Mỗi lần cha đi chợ, em phải ở lại giữ sõng".

"Sao khi nãy bảo quen với mấy cô thợ may ngoài chợ?"

Cô gái không trả lời, lấy chân quấy động mặt nước. Tân đánh bạo hỏi:

"Bạn em đang ở trên sõng dưới kia phải không? Mời họ ra nói chuyện đi".

"Bạn em à? Chúng nó đâu biết nói".

"Cái gì lạ vậy?"

"Cha lầm lì cả ngày. Trừ những lúc nói gióng một sai em gỡ lưới, gõ cây, cha em không nói gì hết. Em buồn tìm bạn nói chuyện cho qua ngày. Em nói với mấy con cá này…"

Tân ngắt ngang:

"Nói với cá?"

"Chớ sao. Em an ủi nó. Trông cái bụng trắng phau, cái vẩy óng ánh bạc, đôi mắt trong, dễ thương lắm, mà cũng tội nghiệp nữa. Nhiều lần em gặp mấy con cá nhỏ lưng xanh, vây pha hồng dãy dụa trong lưới như van xin. Em lén cha thả lại xuống sông. Em không biết nó lội về hướng nào, nhưng chắc chắn nó biết ơn em nhiều. Buổi trưa cha cột sõng dưới gốc cây ven bờ nằm ngủ. Em thả chân xuống nước chơi. Chú cá thoát nạn hôm trước trở lại mơn man gặm chân em. Chắc nó đến cảm ơn".

Tân tò mò thích thú, quên nỗi sợ hãi ban nãy, hỏi:

"Có bao giờ gặp Long cung thái tử không?"

"Anh nói sao?"

"Có gặp Long cung thái tử không?"

"Thái tử nào đâu?"

"Em không hiểu à? Dưới nước có một cung điện nguy nga, trong điện cũng có một ông vua nước trị vì, gọi là Long vương. Con ông vua gọi là Thái tử. Mỗi lần đi chơi đây đó ở bờ biển

bến sông, thái tử mang hình con rùa mai xanh, con cua mu đỏ…”
Cô gái vỗ tay cười, rồi hỏi mau:
“Thái tử có hoá thành cá không?”
“Có”.
“Như vậy là em đã gặp Thái tử rồi. Một hôm em gỡ lưới được con cá mình xanh biếc, vây màu đỏ và trắng. Cả cha cũng không biết tên cá gì. Hai cái râu trước mép dài như sợi tơ. Em thả nó xuống nước trở lại. Mãi đến con trăng sau, em đang ngồi nhúng chân xuống nước thế nầy thì có con cá nhỏ đến gặm chân nhột nhột. Em mê mải nhìn trăng quá nên lúc nhìn xuống nước, mắt loà đi, không trông thấy gì. Em chỉ thấy một giải vàng trước mặt như con đường đất trải giữa sông. Em đứng dậy, em bước tới, bước tới nữa. Hình như nước rẽ hai bên vì em không cảm thấy ướt át. Mãi đến khi nước ngập tới cổ, em mới tỉnh hẳn và vội vàng bơi lại phía sõng. Chắc Thái tử mời em đến Long cung quá”.
Tân vội ngồi xa hơn, nhìn chăm chăm vào mặt cô gái. Đôi mắt cô vẫn sáng long lanh dưới trăng. Cái miệng vẫn cười, và cả khuôn mặt trẻ thơ bộc lộ một trạng thái lơ lửng giữa đất và trời, ánh sáng và bóng tối, cõi thực và cõi tưởng. Cảm thấy khoảng cách giữa hai người đã đủ an toàn Tân mới hỏi tiếp:
“Hèn gì. Bây giờ anh mới hiểu. Em ngâm chân dưới nước đợi bạn về?”
“Đêm nay nó không tới. Nhưng không sao. Em nói chuyện với người khác”.
“Lỡ không có anh thì sao?”
“Thiếu gì bạn. Nước này. Cát này. Trăng này”.
Tân không khỏi tò mò, chồm đến gần hỏi thật rõ:
“Nước biết nói à?”
“Nó chỉ nói nhỏ thôi. Khi buồn thì thì thầm. Khi vui thì rúc rích. Chỉ có dưới chân cầu là ồn ào. Lính họ rào dây thép gai, rác rến bám vào làm thành cái đập. Nước chảy xiết, kêu ồ ồ. Không đời nào em thèm lên đến gầm cầu”.
Tân nhớ đến nhiệm vụ:
“May dữ a. Đêm hôm mà em mon men đến đó, lãnh đủ có khi”.
“Lính họ bắn à?”
“Sao không? Họ tưởng em là Việt cộng phá cầu”.
“Em có làm gì đâu? Gặp em, anh có bắn không?”
“Lớ xớ đến gần cầu, bắn liền”.
“Ai thèm tới đó làm gì. Anh cũng ồn ào như nước dưới chân cầu”.
Lúc bấy giờ, một áng mây làm mờ bầu trời. Tân giật mình nhìn về phía Tây. Bóng cầu vẫn đen thui, tham lam ôm hai bờ xa tít. Khi trăng sáng trở lại, ánh loà trên sông che hẳn dấu cầu.
*
Trăng lên đến đỉnh đầu. Bóng hai người vây tròn chỗ ngồi. Trăng bớt lóe sáng trên mặt nước, nhưng bãi cát vàng óng và trở nên mênh mông. Mặt nước sông trong xanh, có thể nhìn thấy tận đáy cát. Cô gái từ lâu cầm lấy tay Tân, và lần đầu anh cảm thấy hơi ấm chuyền sang từ năm đầu ngón tay mềm. Anh nhìn chăm chú hơn: cổ tay tròn, thân người mập lẳn, ống quần đen ướt dán chặt vào hai đùi, đôi bàn chân trắng. Cô gái tự nhiên lo sợ rút bàn tay về. Tân nói:
“Đừng chờ thái tử nữa. Hãy nói chuyện với anh”.
“Nói cái gì?”
“Chuyện làm ăn. Một ngày em lưới được bao nhiêu cá? Bán được bao nhiêu tiền?”

"Không nói. Để anh nói trước".

"Nói cái gì?"

Cô gái cười thật ranh mãnh:

"Chuyện làm ăn. Anh đi lính thì nói chuyện lính".

"Đi lính đâu phải nghề làm ăn?"

"Sao không? Như nghề câu gõ có khác gì đâu? Lưới được bao nhiêu? Bán được bao nhiêu?"

Tân nhìn thẳng vào mặt cô gái xem muốn hỏi thật hay nói đùa. Nét mặt vẫn có cái vẻ trống vắng mà tham dự như trước. Tân chậm rãi trả lời:

"Nghề anh không có thả lưới rồi gõ cây rượt cá".

"Cha em cũng có làm vậy. Mấy hôm trời tối, ổng lấy đèn đá soi xuống sông, dùng đọc đâm cá. Em ngồi đầu sau lo chèo. Nhiều khi em vô ý chèo trệch một chút, sõng xoay ngang. Cha đâm trật, ổng la om sòm".

Tân trầm ngâm nhưng cô gái lại cười ròn rã. Tân bị lôi cuốn, cười theo.

Cô gái hỏi:

"Sao bây giờ không chạy như ngựa chứng nữa đi?"

"Bỏ em ngồi một mình, thái tử rước đi mất uổng lắm".

"Anh ra đây giỡn trăng hay đi tắm?"

"Quên mất. Ra đi tắm".

"Sợ nước à? Cho ướt luôn, chịu không".

Không chờ trả lời, cô gái lội ra giữa dòng tạt nước lên chỗ Tân ngồi. Hai người tạt nước nhau, tiếng cười làm rạng rỡ đêm khuya. Thông thạo hơn, cô gái tạt từng tia nước mạnh đúng vào mặt Tân, khiến anh phải mất thì giờ vuốt mặt. Nhưng anh vẫn theo tiếng cười đuổi theo. Cô gái quen chạy trên cát, luôn luôn vuột khỏi tầm tay Tân. Đôi lúc anh sắp chụp được bả vai, nhưng cô đã hạ mình xuống, luồn về phía khác, làm cho Tân quá đà ngã lên bờ nước.

Tân vẫn cố rượt theo. Nhờ bước hỏng vào lũng cát sâu, cô gái ngã, Tân mới theo kịp. Gió và nước không làm nguội được sức nóng bừng bừng. Tân úp mặt lên cổ cô gái, dụi mặt vào trong tóc ngửi mùi hôi và rong rêu. Cô gái vẫn cười, hàm răng trắng óng ánh, đôi mắt long lanh, đôi tay trải dài trên cát làm phập phồng lồng ngực. Không nói năng gì, Tân ôm lấy thân thể ấm áp, sống trọn sự cuồng bạo dã thú. Miệng cô gái vẫn cười, nhưng đôi mắt nhắm nghiền, đôi tay chới với. Cả gió cả nước cả trăng đồng lòng thúc giục, trong khi cát vàng ấp ủ nâng niu.

Khi ngồi lại trên cát nhìn khuôn mặt cô gái mắt vẫn còn nhắm nghiền như đứa bé ngủ say, Tân ngờ ngợ thấy quen. Nhưng không nhớ đã gặp cô ta lúc nào, ở đâu!

*

Lúc mấy người quân cảnh đẩy lên xe, chiếc GMC vẫn còn đó chưa đi. Hai tay bị khoá quặt ra sau, nên phải chật vật lắm Tân mới bước lên được cái bậc cấp, rồi cúi người luồn ra ra ngồi băng sau. Mấy người lính đứng bên ngoài không cần giữ ý, hỏi nhau:

"Bắt được thằng chả ở đâu đó?"

"Tận bãi cát gần khúc quanh của con sông".

"Cả tiểu đội chết, cây cầu sập, chỉ còn có một mình chả đi tắm".

"Nghe mìn nổ trên cầu mà cứ tắm à?"

"Không. Toán tiếp viện theo đường sông vòng lên, gặp nó đang bận quần áo và lấy súng chạy về".

Tân ngồi im không nói năng gì. Phía trước xe, một nhóm người đang tụ tập quanh mấy cái xác.

Có tiếng khóc nỉ non và kể lể rên la. Bỗng nhiên đám đông dạt cả ra, tránh lối cho lính khiêng một cái băng ca đi vào. Nhiều tiếng lao xao:

"Một người nữa hả?"

"Đâu phải lính. Xác đàn bà".

"Dễ sợ. Ngực bị vỡ toang hết. Lượm ở đâu đó, trung sĩ?"

"Bến chài. Lúc tụi tôi bọc hậu đón đầu bọn du kích, thì thấy nó hớt hải chạy từ phía cầu về. Hô đứng lại, nó cũng cứ chạy, nên mới nổ súng. Nếu biết là nó, thì không giết làm gì".

"Vậy chớ ai đó?"

"Con khùng xóm Chài".

"Con khùng xóm Chài hay con khùng ngoài chợ?"

"Cả hai đứa là một. Nó là con gái ông câu gõ. Cha nó chết cách đây mấy năm. Nó xin ăn ngoài chợ, và hễ cứ đến mùa trăng là nổi cơn".

Tân nghe được câu chuyện, lịm người không dám nhìn về phía trước. Bên cửa trái, người tài xế xe GMC đang xem lại máy móc trước khi lên đường. Bốn người lính hộ tống đã lên ngồi hai bên quan tài. Người tài xế đậy nắp ca bô, gọi với vào trong:

"Ra đi cho sớm chị".

Người đàn bà ẵm đứa con ra xe. Mái tóc bù xù. Cái áo trắng vải thô và vành khăn tang nhàu nát, dơ dáy. Lúc đi ngang qua xe quân cảnh, người đàn bà vô tình nhìn vào phía Tân.

Anh không tin ở mắt mình. Cũng khuôn mặt ấy, cũng trạng thái lơ lửng giữa tưởng và thực, có và không, hững hờ tránh né mà mời gọi thúc giục, xa lạ với cõi sống mà cũng không gắn bó với cõi chết. Người đàn bà bước đi mệt mỏi, âm thầm, nhưng khi đến gần xe, gọi người tài xế một cách tỉnh táo:

"Xách giùm cái giỏ chút, chú. Khi hôm ngủ được không?"

"Đi đường mệt, nằm thẳng cẳng đến lúc nghe tiếng nổ trên cầu mới thức".

"Đêm qua trăng giọi sáng quá, không ngủ được một khắc…"

Đầu óc Tân quay cuồng. Anh đẩy người quân cảnh phía trái sang một bên hướng mặt về phía người đàn bà hỏi lớn:

"Ê, không ở lại chờ thái tử sao?"

Anh quân cảnh kinh ngạc. Người đàn bà quay lại, mắt ngơ ngác, tưởng không phải người ta gọi mình nên tiếp tục leo lên ngồi trên buồng lái.

Người quân cảnh gay gắt:

"Đ.M. Cha nội đã đến nước này rồi mà không chừa cái thói lăng nhăng. Chồng người ta còn nằm một đống trong hòm, đã chọc ghẹo".

Chiếc GMC rồ máy, từ từ ra khỏi cổng. Một lớp bụi vàng mỏng toả lên, lơ lửng như ánh trăng.

CHỊ HÀ

Đặng Văn Sinh

Cuối tháng ba, tôi về thăm quê. Quê tôi ở tỉnh Đông, nhưng gia đình đã chuyển vào vùng kinh tế mới ở Bảo Lộc, Lâm Đồng từ sau 1975. Tình cờ lúc qua đò Vạn tôi lại gặp Bá Vần. Bá hỏi: "Anh về một mình?". Tôi đáp: "Vâng". Bá hỏi tiếp: "Anh về lâu không?". Tôi nói: "Thưa Bá, cháu về được một tuần". Bá Vần nghĩ một lúc rồi bảo: "Thế thì ngày mai anh nên thu xếp đến thăm cái Hà. Nó đang nằm ở bệnh viện huyện. Bệnh nặng lắm, có lẽ không qua được".

Chị Hà là con ông bác ở chi trên họ Lê chúng tôi. Hồi ở nhà, chúng tôi cùng đi học với nhau, nhưng chị chỉ học hết cấp hai rồi nghỉ ở nhà làm ruộng. Tôi học xong đại học, được phân công về một tỉnh miền núi. Đã lâu hai chị em không gặp nhau.

Sinh ra làm kiếp người ở trên đời, nhất là trong thời loạn, cái cảnh gia đình chia phôi, thân quyến họ hàng tản mát, kẻ bắc người nam là chuyện không tránh khỏi. Miễn là, tuy xa nhau nhưng thỉnh thoảng vẫn nhớ đến nhau, nghĩ về nhau, những ý nghĩ tốt đẹp, những tình cảm chân thành là được. Tôi cũng có những kỷ niệm vừa ngọt ngào vừa cay đắng của thời thơ ấu ở quê hương. Theo dòng thời gian, những ký ức có thể phai mờ, nhưng bóng dáng chị Hà tôi không thể quên.

Chị lấy chồng từ năm mười tám. Chồng chị là anh Thỉnh, thuộc về dòng họ Nguyễn Đình. Anh Thỉnh ít nói, là người trung thực nhưng tính hơi khoảnh. Bố anh là ông bếp Cầu. Hồi Thế chiến thứ hai, ông đi lính tình nguyện và đã làm một chuyến viễn chinh bốn năm sang tận chiến trường Tây Âu. Ông xuýt chết cóng vì đánh dập mũi một tên đội say rượu. Tên quan ba người đảo Corse ra lệnh tống giam ông vào một cái hầm băng lạnh đến ba mươi độ dưới không. Hồi Cải cách ruộng đất, nhà cửa, ruộng vườn chẳng đáng là bao, nhưng vì có "thành tích" đi lính cho Pháp nên ông vẫn bị quy lên thành phần phú nông kèm thêm cái tội tày đình là tay sai Quốc dân đảng. Vì thế, cứ mỗi lần Đội Cải cách tổ chức đấu tố địa chủ nào đó ở trong làng là ông và những người cùng cảnh lại bị trói thành một dây, buộc vào những chiếc cối đá thủng, quỳ xuống sân gạch để tận mắt nhìn các ông bà nông dân đấu tranh giai cấp.

Anh Thỉnh học cùng lớp với tôi. Anh học khá. Tôi thì học lớt phớt. Hồi ấy trọ học ở cạnh trường huyện, làm bài xong, anh con đi mò hoặc tát vét kiếm ít cua cá về nấu với cà chua xanh, mua năm xu một cân của bà chủ nhà tốt bụng cho chúng tôi ăn. Tôi lười học và ngại làm bài tập. Ngoài giờ học, tôi chỉ thích lên thuyền chơi với bọn thợ xúc cát giữa sông. Bọn xúc cát phần lớn còn trẻ, có những thằng không hơn tuổi tôi. Chúng sống lam lũ, bẩn thỉu, lênh đênh nay đây mai đó và có một kho từ vựng rất phong phú của nghề sông nước.Cả hai chúng tôi đều thi đỗ đại học. Tôi được đi, còn anh Thỉnh thì không. Nghe người ta kháo nhau, dù đã được hạ thành phần thời kỳ sửa sai nhưng lý lịch của anh vẫn có tỳ vết. Việc này phải đưa ra thường vụ đảng uỷ bàn tập thể chứ một mình ông phó chủ tịch phụ trách nội

chính không dám giải quyết. Anh Thỉnh buồn. Mấy tháng sau anh theo người làng vào rừng cuốc hố trồng cây thuê cho lâm trường Cẩm Sơn.

Tôi học đại học được hai năm. Một hôm anh Thỉnh mượn đâu được chiếc xe đạp lên chỗ tôi .Anh bảo anh có ý định lấy vợ, nhân tiện đi chơi muốn hỏi ý kiến tôi, là chỗ bạn học cũ với nhau.
Tôi hỏi:
- Anh lấy vợ theo kiểu nào? Yêu hay gia đình cưới cho?
Anh bảo:
- Cô Hà, con ông chưởng bạ Ngoạn, về đằng họ Lê nhà cậu.
Tôi bảo:
- Được, chị Hà là chị họ tôi, khi nào cưới tôi sẽ về.
Anh bảo:
- Đầu tháng một âm lịch. Dịp ấy đã cấy xong, lại có nhiều ngày tốt.

Chị Hà thuộc loại phụ nữ có duyên nhưng hoàn toàn không xinh. Bù lại, chị có cặp mắt và đôi bàn tay rất đẹp. Nhiều khi, ngẫu nhiên bắt gặp đôi bàn tay chị, tôi thấy ngơ ngẩn cả người. Đôi bàn tay ấy nhỏ, có những ngón búp măng thon, dài, phơn phớt màu ngà vô cùng hấp dẫn. Mỗi lần qua nhà chị, thế nào tôi cũng tìm cách ngắm trộm cái "báu vật" ấy. Đôi mắt của chị hơi to so với bình thường, nếu nhìn kỹ, ta sẽ thấy nó trong veo, sâu thăm thẳm tưởng như không cùng. Nhưng tôi cho rằng cái đó chỉ chứng tỏ con người có chiều sâu tâm hồn, trí tưởng tượng phong phú và giầu cảm xúc thôi. Cái mà làm cho các chàng trai chết mệt chính là ở chỗ, trong đôi mắt chị nhiều khi như có ánh lửa. Nó bất chợt loé lên, cháy sáng, tạo nên một trường hấp dẫn đặc biệt, giống như ma lực ở cặp mắt của những người có thuật thôi miên. Anh Thỉnh chắc không phải là người đầu tiên bị đôi mắt chị Hà cuốn hút. Thú thật, tôi không thích đôi mắt chị. Nhiều khi gặp chị, tôi không dám nhìn thẳng vào đôi mắt ấy.

Đám cưới anh Thỉnh và chị Hà tổ chức vào buổi trưa. Bà con hàng xóm đến đông đủ và chỉ ăn trầu, hút thuốc, uống nước chứ không làm cỗ bàn linh đình. Lý do là, thời buổi chiến tranh, máy bay Mỹ bắn phá khắp nơi, cần tổ chức nhanh, gọn để giữ an toàn tính mệnh cho nhân dân. Thêm nữa, nhà anh Thỉnh nghèo, ông bố mới mất năm trước, nếu bày vẽ sẽ phải mang công mắc nợ. Lễ cưới làm theo lối đời sống mới, mọi việc đã có chi đoàn thanh niên lo. Lúc tay bí thư chi đoàn trong vai chủ hôn, dắt đôi vợ chồng mới vào ngồi ở bàn đầu, tôi thấy hơi chướng. Bàn tay thô tháp, đen đủi của tay bí thư hình như nắm quá lâu bàn tay chị Hà. Tôi thoáng thấy gò má chị đỏ lên.

Vào cuối năm sáu mươi bẩy, khi thằng cu Thoảng con anh Thỉnh được bốn tháng thì anh có giấy gọi đi bộ đội. Anh là con một nhưng đến lúc này cũng không được miễn. Guồng máy chiến tranh đang vận hành quyết liệt. Người ta đang muốn giải phóng miền Nam bằng mọi giá. "Tất cả cho tiền tuyến. Thanh niên thời đại Hồ Chí Minh có nghĩa vụ phải vào chiến trường chống Mỹ bảo vệ tổ quốc". Tay bí thư chi đoàn nói thế và động viên anh em tân binh giữ vững niềm tin, vui vẻ lên đường.

Hai năm sau, vào cuối năm sáu mươi chín, anh Thỉnh có giấy báo tử. Uỷ ban xã và đoàn thanh niên tổ chức lễ truy điệu rất long trọng. Chị Hà nhận được bằng Tổ quốc ghi công và tiền trợ cấp gia đình liệt sỹ. Bí thư chi đoàn thôn bây giờ là thường vụ đảng uỷ. Khoá hội đồng nhân dân vừa rồi anh ta lại trúng ghế chủ tịch, thuộc loại trẻ nhất và tỏ ra có năng lực nhất trong hàng ngũ lãnh đạo. Việc đầu tiên của vị tân chủ tịch là thay bộ máy giúp việc cũ của họ Nguyễn Phúc bằng bộ máy mới mà chủ yếu là những người trong họ Đỗ. Đến thời kỳ ấy thì tôi được điều động đi công tác ở các tỉnh miền Trung. Sau 1975, tôi cùng vợ con vào Lâm Đồng, thành ra, bận lo sinh kế, lúc ấy lãng quên mất họ hàng, làng xóm. Không biết bây giờ chị Hà ra sao? Khổ thân chị tôi.

Tôi chưa về làng mà vào thẳng bệnh viện. Đến nơi, tôi hỏi ông bác sỹ trực phòng cấp cứu: "Bác sỹ chỉ giúp, bệnh nhân Lê Thị Hà nằm ở phòng nào?". Ông bác sỹ trả lời nhanh như máy chứng tỏ một trí nhớ lạ thường: "phòng mười ba, gác hai, giường số tám". Tôi lại hỏi: "Tôi vào được không?". Ông chỉ cái áo màu cháo lòng treo trên mắc bảo: "Mặc cái áo kia vào. Đấy là khoa lây". Tôi bóc bao Hero: "Mời bác sỹ". Ông ta nhón một điếu rồi nói: "Cái thứ Hero này thơm nhưng không đậm bằng loại ba số. Anh là thế nào với bệnh nhân?". Tôi nói: "Là em họ". Ông lại bảo: "Thế thì nên vào thăm ngay đi. Cô ấy nằm đây hai tuần rồi".

Tôi nhận ra ngay chị Hà mặc dù chị gầy hốc hác với đôi mắt trũng sâu như mắt của những người mắc chứng suy nhược thần kinh. Trong phòng chỉ có mình chị. Các giường khác không có người. Căn phòng thoáng, sạch sẽ, nền lát các tấm granito nhưng tôi vẫn có cảm giác rờn rợn. Chị nửa nằm nửa ngồi, đầu gối cao, gương mặt mệt mỏi.

Chị nhìn tôi rất lâu. Chừng như đã nhận đúng là tôi, thằng Định con ông chú họ mà chị vừa quý vừa nể xưa nay chị mới nói bằng giọng thều thào, gần như cố sức:
- Chị chờ. Biết cậu sẽ về…
- Em tình cờ gặp Bá Vần ở bến đò Vạn mới biết chị ở đây. Chị có mệt lắm không?
- Mệt… - Chị thở dài, tiếng thở nhẹ, đôi lúc đứt quãng.- Chỉ có cậu là chị tin được. May mà còn kịp.
- Sao vậy chị ?

Tôi chợt thấy lúng túng vì những lời khó hiểu của chị. Nhìn vào mắt chị lúc này tôi thật kinh hoàng. Từ cặp mắt trũng sâu hơi quá khổ so với bình thường kia, bất giác như có hàng ngàn tia lửa bắn ra. Những tia lửa mỏng manh chợt biến thành những quầng lửa đủ màu, nhảy múa loạn xạ khắp căn phòng, làm cho tôi không thể hiểu được đây là sự thật hay chỉ là ảo giác. Tôi chợt lùi lại một cách vô thức.
-Cậu sao thế? Ra đóng cửa vào cho chị.
- Kìa chị…
Chị nhăn mặt:
- Chị nhờ cậu đóng cánh cửa vào. Còn ít thời gian lắm. Chị biết…
Tôi ra đóng cửa.
-Cậu lại gần đây.

Tôi ngồi xuống mép giường. Chị xoay nghiêng người, kéo chăn đến ngực. Hai bàn tay búp măng đặt xuôi bên ngoài. Chị nói:

- Chuyện này chị chỉ kể với cậu, vì cậu là người có học, biết lẽ phải trái ở đời. Hơn thế nữa, cậu còn là bạn học với anh Thỉnh. Chị biết, cái hồi anh chị sắp lấy nhau, anh Thỉnh có đạp xe lên tận Hà Bắc hỏi ý kiến cậu.
- Vâng, có chuyện gì chị cứ nói.
- Nói thật với cậu, chị không sống được mấy nữa…
- Kìa chị… - Tôi chợt thấy đăng đắng nơi cổ họng. - Đừng nghĩ quẩn, chị còn phải sống để nuôi dạy cháu nên người chứ.
- Cậu đừng ngắt lời chị.- Chị xoay người hướng cặp mắt như có lửa vào tôi.
- Số chị thật chẳng ra gì, chưa đến nửa đời người đã thành goá phụ. Ngẫm ra chị là người đàn bà có tội…

Giọng chị thổn thức. Tôi có cảm giác là mọi nỗi đau đớn vật vã của chị đều được biểu hiện qua đôi mắt. Và dường như không phải chị kể cho tôi nghe nỗi cơ cực của một kiếp người mà đang tự vấn lương tâm hướng tới cái thiện ở một cõi xa xăm nào đó trước lúc nhắm mắt.

***

Bà Cầu, mẹ anh Thỉnh mất sau khi anh đi bộ đội được hai năm. Chị Hà ở một mình với thằng cu Thoảng trong căn nhà ba gian, hai chái, lợp rạ ở khu xóm Trại. Thời gian này ở hậu phương có nhiều việc phải làm để chi viện cho tiền tuyến lớn miền Nam. Chị vừa uỷ viên chấp hành chi đoàn thôn vừa là dân quân tự vệ. Tuy có chồng đi chiến đấu xa, nhưng nhìn chung phần lớn phụ nữ như chị ở nông thôn sống không đến nỗi cô đơn, buồn chán. Không khí thời đại chống Mỹ lúc ấy, cùng với phương thức tuyên truyền rất hiệu quả của ngành tuyên huấn và các đoàn thể quần chúng làm con người quên đi thân phận mình mà thường nghĩ đến những cái lớn hơn là vận mệnh của đất nước, của dân tộc. Họ không có thói quen suy nghĩ độc lập mà luôn tin tưởng vào sự đúng đắn của cấp trên. Với họ, cấp trên không bao giờ sai. Vì thế đã có nhiều chị em được biểu dương là phụ nữ ba đảm đang.

Trong những buổi họp ban chấp hành, chị cảm thấy tay bí thư đoàn chú ý đến mình. Anh ta là đẹp trai, có khoa nói giỏi. Học xong lớp bẩy trước chị bốn năm. Ngồi họp, có lúc bất chợt ngẩng lên, chị lại bắt gặp đôi mắt anh ta nhìn mình đắm đuối. Những lúc như thế chị nhìn lảng đi nơi khác, hai gò má chợt thấy nóng.

Rồi một tối anh ta đến. "Hà ơi, mở cửa". Chị hỏi: "Ai gọi đấy". "Tôi đây, Tiệp đây". Anh ta nói rất nhỏ, gần như thì thầm. Chị hỏi: "Có việc gì mà anh đến lúc này? Để ngày mai". "Không được, mai tôi phải đi học lớp chính trị ở trường Đảng tỉnh một tháng. Việc gấp". Cửa mở. Anh ta lẻn vào nhanh một cách kỳ lạ, không hề phát ra tiếng động, tiện tay kéo chốt rồi ôm choàng lấy chị. Chị vùng ra, giận dữ: "Tôi kêu lên đấy". Anh ta càng ghì chặt chị hơn, đôi môi nóng bỏng lướt trên má chị, giọng hổn hển: "Cặp mắt của em hút hồn anh. Anh yêu em. Hãy thương anh…". Chị cười nhạt bảo: "Còn vợ anh? Nó đến đây xé xác tôi ra thì anh đẹp mặt". Anh ta hạ giọng van vỉ: "Anh không yêu nó. Nó như con quỷ cái. Thế nào cũng có

lúc anh cho nó một trận". Chị dằn giọng mỉa mai: "Anh không sợ chồng tôi à? Trêu vào vợ lính mà chơi. Mai kia anh ấy về thì cứ ốm đòn". Anh ta bảo: "Từ tháng ba năm ngoái đến nay, làng này có mười chín thằng đi thì mười một thằng báo tử rồi. Xem ra cuộc chiến còn kéo dài mà phụ nữ tuổi xuân có hạn". Chị giãy giụa, một cánh tay tuột ra liền giơ thẳng cánh tát đến bốp vào mặt anh ta: "Thôi đi, đồ hèn". Chị lùi ra, định kéo chốt cửa nhưng anh ta giữ lại: "Đừng có làm bộ nữa. Tôi biết, từ lâu cô đã có tình ý với tôi, tôi quyết không để cho bất cứ thằng nào ở xã này động đến cô". Mãi sau này, khi đến với chị những lần khác, trong lúc ái ân cuồng nhiệt, anh ta mới bảo, cái đêm hôm ấy, anh ta đã biết anh Thỉnh hy sinh, giấy báo tử gửi về từ tuần trước nhưng uỷ ban xã tạm thời chưa công bố sợ ảnh hưởng đến đợt tuyển quân sắp tới.

Cuối tháng chín, tức là sau khi lớp tân binh làng Yên lên đường bốn ngày, người ta phát giấy báo tử một loạt chín người. Lễ truy điệu được tổ chức trọng thể tại hội trường uỷ ban. Bí thư chi đoàn thôn, lúc ấy đã là thường vụ đảng uỷ, phó chủ tịch xã, đọc bản tuyên dương công trạng và tỏ lời chia buồn với các gia đình, động viên họ nén tình cảm đau thương, biến căm thù thành hành động cách mạng để xứng đáng với sự hy sinh cao cả của các liệt sỹ. Chị Hà mặc đồ tang bằng vải xô trong đám thân nhân những người chết trận. Thằng cu Thoảng cũng mặc áo tang. Nó chẳng biết gì, lũn cũn theo mẹ đến trước bàn thờ có treo một loạt ảnh viền khung đen, có vẻ như cái nào cũng giống cái nào, nên tìm mãi không thấy bố.

Sau khi trúng cử chủ tịch xã, Đỗ HữuTiệp bàn với ban thường vụ và thường trực uỷ ban: "Xã ta phải tạo điều kiện giúp đỡ những gia đình thương binh, liệt sỹ khó khăn, neo đơn để đền đáp công ơn những người hy sinh xương máu của mình cho nền độc lập dân tộc". Bí thư đảng uỷ hỏi: "Biện pháp giúp đỡ như thế nào? Và những ai thuộc diện thật khó khăn?". Chủ tịch bảo: "Tôi thấy cô Hà ở xóm Trại, chồng mới báo tử, nhà ọp ẹp sắp đổ, nên cấp một vạn gạch với ít vôi ngói để xây hai gian". Phó bí thư, người thôn Gành, xưa nay vốn ghét tay chủ tịch có máu trăng hoa, hỏi: "Còn những gia đình khác thì sao? Xã ta có đến sáu mươi tám liệt sỹ, riêng ở làng Gành là mười bảy". Chủ tịch liếc bí thư rồi bảo: "Cứ dần dần, đầu tiên là những đối tượng đặc biệt khó khăn đã". Ông bí thư già lấy mu bàn tay dụi cặp mắt lông quặm, hỏi xỏ xiên: "Nhà cô Hà khó khăn nhất làng Yên à?" Chủ tịch đánh trống lảng: "Bố mẹ chồng cô ấy mất cả rồi".

Ngôi nhà hai gian của chị Hà làm xong trong vòng một tháng rưỡi. Thỉnh thoảng chủ tịch rẽ vào thăm và động viên anh em thợ. Ngoài việc duyệt cấp vật liệu, chủ tịch còn chỉ thị cho chủ nhiệm hợp tác xã ghi công điểm cao cho thợ nên công trình làm vừa nhanh vừa đẹp. Chỉ có điều, chị Hà là người đầu tiên và cũng là người duy nhất xóm Trại được ở ngôi nhà "tình nghĩa" mà xã xây cho. Nhưng sự việc không dừng ở đấy. Nếu mọi việc chỉ có thế thì chẳng ai bận tâm làm gì cho mệt người. Trên đời này còn nhiều cái phức tạp, rối ren gấp trăm nghìn lần nhưng rồi nó cũng bị chìm dần vào sự quên lãng. Thời gian chính là môi trường tuyệt vời để khoả lấp, làm tan biến đi những định kiến hẹp hòi, những mớ lý thuyết đạo đức giả của không ít kẻ cơ hội hễ có dịp là lên giọng răn dạy người khác. Chị Hà nắm chặt tay tôi bằng bàn tay nóng bỏng của người sốt cao. Mắt chị nhìn như xoáy vào tôi làm tôi có cảm giác chị

không còn là người thật nữa mà đã biến thành cái bóng vật vờ của những cô hồn. Chị nói trong hơi thở gấp :
- Một đêm có tiếng gõ cửa. Chị choàng dậy, nghĩ là tay chủ tịch. Nhưng không phải cậu ạ. Anh Thỉnh về…

***
Giống như bị một cơn sốc đột ngột, chị Hà lặng đi, người mềm ra ngã vào hai cánh tay chồng. Anh Thỉnh sờ soạng tìm dầu con hổ trong túi xoa vào hai thái dương vợ. ít phút sau chị tỉnh lại. Chị bảo: "Để em bật đèn". Anh Thỉnh nắm tay chị: "Đừng bật đèn". Chị hỏi: "Sao lại thế ?". Anh Thỉnh nói nhỏ: "Anh trốn về". Chị hốt hoảng: "Hả? Anh trốn về ?". Anh bảo: "Ừ. Sau này anh sẽ nói, chuyện dài lắm". Chị khóc: "Xã đưa giấy báo tử của anh rồi. Người ta đã làm lễ truy điệu". Anh bảo: "Thế thì tốt. Anh vẫn lo chuyện ấy". Chị nói: "Vâng". Anh Thỉnh lại hỏi: "Con đâu?". "Nó nằm ở phía trong kia". Anh thì thầm: "Có lớn không?". Chị cũng nói nhỏ: "Lớn. Giống anh lắm".

Đêm ấy, vợ chồng anh Thỉnh đào một chiếc hầm trong gian buồng. Đất xúc lên cho vào đôi thùng gánh nước chuyển ra đổ xuống ao bèo phía sau nhà. Đồ đạc của anh Thỉnh chỉ có chiếc ba lô lép kẹp, một bộ quần áo lính đã sờn, chiếc xẻng cá nhân, một con dao và phong kẹo lạc cho thằng cu Thoảng. Chiếc xẻng công binh lúc này tỏ ra được việc. Tầm bốn giờ sáng thì xong hầm. Nó được đào cách tường bốn mươi phân. Phía ngoài để chiếc hòm khoá chuông bố mẹ anh Thỉnh cho làm vật che chắn có tính chất nguỵ trang. Nắp hầm là nắp thùng phuy. Chiếc nắp này khá thuận tiện để người ở dưới, nếu cần , có thể đội lên được nhưng lại khá bất ngờ với những ai vô tình vào buồng.

Thu dọn đồ đạc xong, chị Hà bế thằng Thoảng đặt ra chiếc giường cá nhân gian ngoài. Nó vẫn ngủ mệt. Chị múc nước cho anh Thỉnh rửa ráy chân tay, lau người rồi khoá cửa buồng để anh ngủ còn chị xuống bếp nấu cơm. Anh Thỉnh vừa đi bộ vừa đi nhờ xe mất đúng ba tháng mười chín ngày mới về đến nhà. Lúc ăn cơm, trời đã hơi rạng, chị Hà nhìn thấy chồng mà phát khiếp. Anh mặc bộ quân phục bạc phếch, tay áo, cổ áo, ống quần dính bết một thứ bụi đất hung hung đỏ. Mặt anh Thỉnh hốc hác, da tái nhợt và dày. Đó là nước da của những người mắc bệnh sốt rét rừng, đã qua được cái chết nhưng phải vài ba năm sau mới có thể phục hồi sức khoẻ.

Ban ngày, anh Thỉnh ở trong buồng, nếu thấy động, nghĩa là có người đến, thì phải nhanh chóng xuống hầm, ban đêm mới được ra ngoài nhưng cũng chỉ thỉnh thoảng thôi. Xóm Trại là địa bàn hẻo lánh, có đến hơn chục cô vợ lính vắng chồng lâu ngày, nên không thiếu các loại dân quân lảng vảng dưới danh nghĩa tuần tra, có thể xuất hiện bất cứ lúc nào. Họ mà nhì thấy thì coi như xong đời.

Ở làng tôi, những anh chàng đi bộ đội mà trốn về thì nhục hết chỗ nói. Ông phó chủ tịch phụ trách nội chính bảo, đào ngũ là phản bội Tổ quốc, tội danh tương đương với tội làm gián điệp. Những kẻ đào ngũ, trước hết sẽ được lực lượng dân quân "mời" về nhà giam của uỷ ban xã. ở đây anh ta sẽ biết thế nào là chuyên chính vô sản. Tiếp sau mới đến nhiệm vụ của

công an huyện. Trước các ông cán bộ điều tra vô cùng mẫn cán và trung thành với chế độ xã hội chủ nghĩa, anh phải trả lời hàng trăm câu hỏi đủ loại kể cả những câu hỏi đến ông Karl Marx sống lại cũng phải lắc đầu. Ba tháng tạm giam tuy không nằm trong pháp lệnh thành văn nhưng ít phạm nhân tránh được. Thời kỳ này, kẻ trốn tránh nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc bị phạt cải tạo lao động cật lực mà không được hưởng công điểm. Hàng ngày, người nhà phải mang cơm ra tận công trường. Nếu anh ta thực sự ăn năn hối lỗi, lao động tốt, tư tưởng thông suốt, thì hết hạn lao động công ích, lại được biên chế vào một đơn vị tân binh của xã để làm nghĩa vụ lại từ đầu. Tuy nhiên, với những người ngoan cố, chứng nào vẫn tật ấy thì hãy giờ hồn. Chính quyền sẽ áp dụng những biện pháp cứng rắn hơn. Không những anh ta mà cả bố mẹ, vợ con, anh em anh ta cũng phải gánh chịu số phận nhục nhã. Cho nên, ở làng Yên có câu thành ngữ mới lưu truyền: "Trốn đi B, về mất lối".

Một đêm, chị Hà mếu máo hỏi:
- Sao anh lại trốn về?.
Anh bảo:
- Tiểu đội có mười ba thằng, bị phục kích, mười một thằng chết, một thằng bị thương, còn anh thoát chết, bơi qua sông, sau đó lạc đơn vị, lần mò trong rừng hàng tháng, không tìm thấy đường ra, xuýt chết đói. Thằng bị thương là thằng Dự ở thôn Gành. Nó gãy một chân, bị hai thằng lính nguỵ bắt, chẳng biết sống hay chết.
Chị hỏi:
-Bây giờ anh tính thế nào?.
Anh Thỉnh bảo:
- Anh chỉ muốn nhìn thấy em và con rồi anh đi.
Chị khóc: "Đi đâu?.
Anh lắc đầu:
- Chưa tính đến việc đó, nhưng phải đi .

***

Thằng cu Thoảng được gửi về bên ngoại. Vài ngày chị Hà mới đón nó một lần. Đêm thứ mười kể từ khi anh Thỉnh về, lúc ấy vào khoảng chín giờ, bên ngoài có tiếng gõ cửa. Chị Hà bảo: "Anh xuống hầm để em đậy nắp cho". Anh Thỉnh hỏi: "Ai gõ cửa thế ?". Chị Hà nói nhỏ: "Chắc là mấy ông dân quân tự vệ đi kiểm tra hộ tịch, hộ khẩu đột xuất ban đêm, ở đây vẫn có lệ như thế". Đậy nắp hầm xong, chị Hà bước nhón chân ra cửa. "Hà ơi!". Có tiếng gọi nhỏ, nghe như gió thoảng bên tai. Không thấy tiếng trả lời, một bàn tay luồn qua lỗ thủng phía trên ổ khoá khẽ đẩy chốt ngang. "Đừng vào". Chị Hà thì thầm và đứng nghiêng người lấy vai tì vào cánh cửa. Nhưng sức đẩy phía ngoài mạnh hơn làm chị chao người, cánh cửa bật ra. Gã chủ tịch lẻn vào như một bóng ma, nhanh tay kéo chốt rồi ôm thốc lấy chị Hà. Anh ta gắt khẽ: "Sao không cho vào?". Chị Hà đẩy hắn ra: "Hôm nay tôi mệt". Tay chủ tịch lại thì thầm:" Khẽ chứ. Anh có mang cho ít thuốc bổ đây". Chị Hà Bảo: "Anh về đi". Đỗ Hữu Tiệp đột nhiên lên giọng: "Đừng có vớ vẩn. Tôi vừa họp thường vụ, đã chính thức đề nghị huyện uỷ ra quyết định kết nạp cô. Sao tự nhiên hôm nay lại giở chứng thế?". Chị Hà bảo: "Anh là đồ đểu, anh làm hại đời người ta". Chủ tịch cười khẽ: "Thế cái nhà này ai làm cho cô? Cô

tưởng tay bí thư đảng uỷ với thằng Hiểu ở thôn Gành nó tán thành đấy hả? Tôi phải đấu tranh mấy cuộc họp mới được đấy. Còn chồng cô thì báo tử từ lâu rồi, việc gì mà sợ". Đúng lúc ấy, trong bóng tối dày đặc, anh Thỉnh đội nắp hầm bước lên, tay cầm con dao găm Mỹ vẫn giấu trong người để phòng bất trắc. Anh gầm lên: "Thằng khốn nạn! Mày có còn nhớ tao là ai không?". Tay chủ tịch bị bất ngờ nhưng vẫn tỏ ra khá bình tĩnh, quờ khẩu súng ngắn vẫn mang theo vừa để ở đầu giường, bật chốt an toàn rồi dằn giọng:
- Thì ra là thằng Thỉnh. Từ một tuần nay tao đã ngờ ngợ là mày trốn về, nhưng tao im lặng và không cho dân quân đến bắt vì tao thương vợ con mày. Cô Hà là vợ liệt sỹ chứ không phải là vợ một thằng đào tẩu hèn nhát hiểu chưa? Bây giờ mày là thằng chết rồi. Uỷ ban đã tổ chức lễ truy điệu long trọng. Vợ mày biết đấy.
- Đồ đểu! - Anh Thỉnh hoa con dao quờ quạng tiến lại phía giường tìm tay chủ tịch. - Chúng mày là một lũ đê tiện, nói dối trắng trơn, lừa chúng tao vào chỗ chết rồi ở nhà thoả sức ăn cướp tài sản của nhân dân, sống bê tha truỵ lạc, làm nhục vợ bộ đội. Tao… tao… sẽ giết mày!
Tay chủ tịch lùi đến cuối giường, cười gằn, rê nòng súng về phía anh Thỉnh, giọng vẫn ôn tồn nhưng chị Hà biết, anh ta cố ghìm để cuộc đấu khẩu bất đắc dĩ khỏi bị bại lộ :
- Cậu tiến một bước nữa , tôi sẽ bắn. Hồi còn ở nhà, cậu đã biết tính tôi đấy…

Chị Hà run rẩy, mồ hôi toát khắp người như là vừa tỉnh dậy sau cơn mê khủng khiếp. Chị ngồi thụp xuống nền nhà ôm đầu rên rỉ. Cảnh ngộ của chị lúc này thật khốn nạn. Thôi thì, một sống hai chết, chị vùng dậy chen vào giữa hai người đàn ông, giọng thảng thốt:
- Các anh giết tôi đi. Tất cả là tại tôi. Sao trời không giáng sấm sét để tôi chết đi cho rảnh mà bắt phải nhục nhã như thế này!
Lưỡi dao của anh Thỉnh rớt xuống nền nhà. Nòng súng của tay chủ tịch chếch lên phía mái ngói. Anh ta khoá chốt an toàn.
- Tôi không có lỗi cậu Thỉnh ạ. Trong chuyện này, cùng lắm là tôi bị kiểm điểm về quan hệ bất chính với một phụ nữ goá chồng. Nhưng ở đời mấy ai học hết chữ ngờ. Nếu như cậu không trốn về thì làm gì có cuộc gặp gỡ khó chịu hôm nay. Cậu nên biết rằng, ở làng Yên này chưa có gia đình liệt sỹ nào được chăm sóc chu đáo như mẹ con cô Hà.
- Còn gì nữa, nói nốt đi.- Anh Thỉnh bảo.
- Thành phần gia đình nhà cậu, như cậu biết đấy, là có vấn đề. Ông bếp Cầu đi lính cho Tây làm đến chức cai. Hồi Cải cách, nhà cậu thuộc thành phần phú nông. Xã đưa cậu đi bộ đội chính là nhằm xoá cái quá khứ không tốt ấy, đồng thời để cậu tạo cho con trai một lý lịch cơ bản như nhiều người khác. Cậu biết ở thời kỳ nước sôi lửa bỏng này, những kẻ đào ngũ thì số phận mình và cả số phận con cái sau này như thế nào rồi. Hãy nghe tôi, tìm cách lánh đi đâu vài năm mà làm ăn, đợi mọi chuyện lắng xuống rồi hãy về.
- Thôi…! - Anh Thỉnh gầm lên, giọng uất nghẹn. - Đây là nhà tao, nơi tao sinh ra, tao có quyền sống, thách thằng nào dám bước qua cửa.
Chủ tịch cười nhạt, rút chốt cửa :
- Chuyện ấy thì dễ. Cậu chẳng phải đợi lâu đâu.

***

Buổi chiều, khi đi làm về, không thấy chồng ở trong buồng, linh tính báo cho chị Hà một điều gì không hay. Chị cài chốt cửa, thắp đèn, mở nắp hầm. Anh Thỉnh không trèo lên như mọi khi mà hình như ngủ mệt vì đêm hôm trước thức khuya. Chị gọi nhỏ: "Anh Thỉnh ơi, lên đi". Không thấy tiếng trả lời. Chị tụt xuống hầm lay chồng dậy, nhưng anh Thỉnh đã chết, đầu ngả vào một bên vai, tựa sát vách hầm. Chị cuống cuồng định xốc chồng lên nhưng không nổi vì hầm quá chật mà người anh Thỉnh đã cứng. Trên mặt gối đặt ở đầu chiếc chõng tre nhỏ có để một tờ giấy gấp tư. Chị Hà vội mở ra, đưa lại gần ngọn đèn. Tờ giấy chỉ có mấy chữ bằng bút chì: "Tay chủ tịch là thằng đểu nhưng nó nói đúng. Anh phải ra đi để sau này thằng Thoảng có cái lý lịch cơ bản nhưng lại không muốn xa mẹ con em. Hãy để anh ngay tại đây". Đêm hôm ấy, chị Hà gắng sức liệm cho anh Thỉnh bằng hai tấm vải nhựa tháo ra từ bao gạo Trung Quốc sau đó lần ra vườn chuối xúc đất vào hai chiếc thùng gánh nước mang vào lấp hầm. Gần sáng, khi công việc xong, chị kéo chiếc hòm khoá chuông để lên trên rồi loạng choạng lê đến giường, nằm vật xuống ngất đi, đến lúc tỉnh lại thì trời đã nhá nhem tối.

Kể đến đây, chị Hà thảng thốt nhìn quanh như sợ có ai rình rập nghe trộm. Giọng chị thấp dần, nghẹn lại: "Chị là người đàn bà có tội… Hàng ngày chị vẫn thắp hương khấn anh ấy. Hình như anh ấy cũng đã tha thứ cho chị nhưng lương tâm chị thì không lúc nào được thanh thản. Những năm qua, chị cố phải sống là vì thằng Thoảng, giọt máu của anh ấy. Giờ cháu nó đã lớn, lúc này chị chết cũng không có gì ân hận".

Tôi hỏi:
Chị có dặn gì nữa không ?.
Chị bảo:
Hàng năm, đến ngày hai mươi ba tháng bảy âm lịch, cậu thay chị kiếm bát cơm quả trứng thắp hương cho anh ấy.

Sáng hôm sau chị Hà mất tại bệnh viện. Tôi, cháu Thoảng và hai người em trai của chị mang thi hài về làng. Đám tang cũng không đông lắm. Lúc sắp đưa, tôi thấy ông cựu bí thư đoàn Đỗ Hữu Tiệp, nay đã là phó bí thư huyện uỷ, chủ tịch xã Nguyễn Công Vằn cùng đám tuỳ tùng mang vòng hoa bước vào. Dân làng ai cũng hiểu, họ là những cán bộ chủ chốt thay mặt chính quyền địa phương, đến vĩnh biệt một người vợ liệt sỹ, có chồng hy sinh anh dũng ở chiến trường vì sự nghiệp giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước…

50 Ngày Cuối Cùng Của Trận Chiến

Thập niên 60, bằng vào những trận đánh dọ dẫm tại Ấp Bắc 1962 và Đồng Xoài 1965. Tiếp đến, kể từ khi Cộng quân đánh chiếm quận Đức Lập, một ngày sau đó là Ban Mê Thuột 10-3 và thành phố cao nguyên thất thủ vỏn vẹn sau hai ngày giao chiến để mở đầu cuộc Tổng công kích cho tới 30-4 đã kết thúc cuộc chiến gần như đúng năm mươi ngày.

Trận đánh cuối cùng chấm dứt chiến tranh 30 năm chỉ kéo dài không đầy một tuần từ 26-4- 75 cho tới 30-4 -1975 (xem Trận Đánh Cuối Cùng, Sài Gòn Thất Thủ). Nếu coi như trận chiến hai miền như một cuộc nội chiến thì trùng hợp với 110 năm trước đó, với Nội Chiến Nam Bắc của nước Mỹ, tháng 4 năm 1865, Nam quân đã buông súng đầu hàng trước Bắc quân (xem Sau Trận Chiến Nam Bắc ở phần sau)

Và tiếp theo phần 2 qua những bài viết khái quát diễn tả những diễn biến sơ lược của những trận chiến ở Đức Lập, Ban Mê Thuột, và cuối cùng là Xuân Lộc.

Quận Đức Lập

Trần Văn Bường

Quảng Đức là một tỉnh nhỏ được thành lập từ thời Tổng Thống Ngô Đình Diệm nằm dọc theo quốc lộ 14 giáp ranh Campuchia và các tiểu khu Phước Long, ***Lâm Đồng***, Tuyên Đức và Ban Mê Thuột. Tỉnh có ba quận: Kiến Đức, ***Đức Lập,*** Khiêm Đức.
Đặc biệt quận Đức Lập nằm về hướng Bắc của tỉnh Quảng Đức, giáp với tỉnh Ban Mê Thuột, đất đai màu mỡ, dân chúng phần nhiều là người Miền Trung di cư vào lập nghiệp từ năm 1954, sau ngày chia đôi đất nước, sống về nghề trồng trà và café rất thịnh vượng.
Quảng Đức là một tỉnh nhỏ và nằm sát ranh giới Campuchia-hành lang xâm nhập của quân Bắc Việt-nên chịu áp lực của Cọng Quân rất nặng nề. Từ năm 1972, quốc lộ 14 nằm song song và sát với ranh giới Miên Việt xuyên qua ba tỉnh Phước Long, Quảng Đức, Ban Me Thuột bị gián đoạn giữa ranh giới ***Phước Long*** và Quảng Đức. Vì vậy Quảng Đức chỉ còn xử dụng được đoạn đường bộ duy nhất từ Bubinh xuyên qua thị xã Gia Nghĩa đi Ban Mê Thuột mà thôi.
Tỉnh Phước Long rơi vào tay địch đầu năm 1974.

Trận đánh mỡ màn "Chiến dịch mùa Xuân của VC.
Theo tin tình báo cũng như tài liệu thu được tại chỗ do pháo binh bắn quấy rối và hệ thống điện tử chung quanh chi khu Đức Lập cho biết: sư đoàn 968 tân lập cùng sư đoàn 10 Bắc Việt có thể sắp tấn công Ban mê thuộc, tiểu khu trưởng tiểu khu Quảng Đức, đại tá Phạm Văn Nghìn đã xin thêm quân phòng thũ quận Đức Lập nhưng chưa được. Sáng ngày thứ bảy (8/3/75), tôi tháp tùng đại tá Nghìn đáp trực thăng ra quận Đức Lập có gặp đại tá Vũ Thế Quang-Tư Lệnh Phó sư đoàn 23 Bộ Binh (BB) - cũng đến đây thị sát tình hình. Đại tá Nghìn chỉ thị trung tá Trần Nguyên Khoa (k18ĐL) - trung đoàn phó trung đoàn 53 BB - đang chỉ huy trung đoàn trừ đóng gần chi khu Đức Lập phải dời bộ chỉ huy nhẹ của ông cùng các đơn vị bảo vệ vào căn cứ Daksak-một căn cứ thật kiên cố do lực lượng đặc biệt Mỹ để lại-cách vị trí đóng quân hiện tại chừng ba cây số. Hiện trung đoàn 53 BB trừ đang được tăng phái cho tiểu khu Quảng Đức. Nói là Trung đoàn trừ chứ thực sự quân phòng thũ tại bộ chỉ huy nhẹ này chỉ có một chi đoàn trừ (-) 1/8 thiết vận xa M113, một trung đội pháo binh 105 ly (TĐ 231PB), một trung đội PB155 ly thuộc tiểu đoàn 230 PB và một ít bệnh binh của tiểu đoàn 2/53BB. Thám sát xong nhận thấy không có đũ thời gian, việc di chuyển dời lại sáng hôm sau ***(9/3/75).***

Nào ngờ, khoảng năm giờ sáng - trước giờ quân ta chuẩn bị di chuyển vào căn cứ Daksak như dự định, Cọng quân bắt đầu pháo aò ạt rồi sau đó tấn công biển người vào các đơn vị ta. Cầm cự không lâu, hơn phân nửa số thiết vận xa bão vệ bộ chỉ huy nhẹ bị tê liệt, hầm chỉ huy bị sập, Chi khu Đức Lập gần đó cũng bị pháo và tấn công tơi bời cùng một lúc nhưng nhờ hầm hố kiên cố cộng với sự gan lì, mưu lược của trung tá quận trưởng Nguyễn Cao Cực (K13ĐL), Việt Cọng không làm gì được, đành bỏ đầy xác ngoài bờ rào quận.

Tóm lại Việt Cọng đồng loạt tấn công ba nơi trên cùng một lúc với những cơn mưa pháo tới tấp khiến chúng ta không thể yểm trợ hỗ tương nhau được. Bên tần số bộ binh bão vệ anh cũng không liên lạc được. Bay gần tới căn cứ Núi Lửa cũng không thấy hồi âm mà chỉ thấy một làn khói trắng từ căn cứ bốc lên. Làn khói đó chính địch đã đánh dấu cho phe chúng biết đã chiếm được mục tiêu Núi Lửa. Thấy làn khói bốc lên chúng tôi nhìn nhau không ai nói gì ngoài sự ngậm ngùi thương xót số phận quân mình, thuộc cấp mình và chỉ còn có cách báo cáo lên thượng cấp và xin tăng viện từ Sư Đoàn 23BB và quân đoàn II.

*

Tôi xin mở dấu ngoặc ở đây để nói rõ hơn về sự mất liên lạc đột ngột nói trên. Cuối năm 1983,sau khi được phóng thích khỏi trại tù (từ Nam ra Bắc), trên đường về Phan thiêt thăm Ba Má tôi, tình cờ gặp anh Nguyễn Văn Quý (Trung đội trưởng PB Núi Lửa nói trên) đang bán quán café chòm hõm tại bến xe đò Phan thiêt-Sai gòn. Anh em nhìn nhau nghẹn ngào trong lần tái ngộ đau thương giữa cuộc đổi đời cay nghiệt. Anh mời tôi dùng ly càfê gọi là tình nghĩa thầy trò thuở nào trong đơn vị. Nhắc lại chuyện mất liên lạc tại căn cứ Núi Lửa năm nào. Anh trầm ngâm một lát, ánh mắt hướng về nơi xa xăm dường như để hồi tưởng lại quá khứ đầy u ám rồi cho biết: "Sở dỉ mất liên lạc với tôi vì đang bắn địch ngon lành, bổng dưng đài tác xạ bị pháo sập chết mấy quân nhân và địch ùa vào từ lưng đồi phía sau bất ngờ không trở tay kịp đành phải tìm đường "tẩu mã". Anh vừa nói vừa cười một cách chua chát, đắng cay vì phải dùng từ tẩu mã. Tôi hỏi anh: "Anh bắn hay quá, sao để chúng bắn sập hầm chỉ huy"? Mặc dù biết tôi đùa nhưng anh cũng giải thích cho vui: "Chúng trốn chui trốn nhủi nơi nào mình đâu có biết, trong khi đó mình nằm một chỗ trơ trơ chúng bắn điều chĩnh hoài phải trúng thôi". Và cũng tại bến xe đò đó năm nay (11/2006) khi từ Mỹ trỡ về thăm gia đình, người chạy Honda ôm cho tôi biết anh Quý đã trỡ thành người thiên cổ, tôi không còn cơ hội mời lại anh dùng một ít chất cay, vĩnh biệt Quý, một đàn em đáng mến thuở nào.

Tóm lại, lúc bấy giờ chỉ còn chi khu Đức Lập của trung tá Nguyễn Cao Vực, dù không được yểm trợ của quân bạn vẫn cầm cự với địch. Ngoài việc kêu gào cấp trên tăng viện gấp, đại tá tỉnh trưởng vẫn bay vòng vòng rất thấp trên khu vực quận Đức Lập đến trưa để hướng dẫn, trấn an và khuyến khích trung tá Vực và thuộc hạ cố gắng phòng thủ chờ quân ta tiếp viện. Xa xa đằng kia, cũng tại vùng trời Đức Lập, trung tá Võ Ân (K12 TĐ), trung đoàn trưởng trung đoàn 53BB (lên đại tá trước ngày quân ta nhận lệnh đầu hàng) cũng đang bay tìm quân của bộ chỉ huy nhẹ trung đoàn đang thất lạc. Khác với những lần trước, mỗi khi bị địch tấn công mạnh, ngoài lực lượng pháo binh sẵn có, phi cơ yểm trợ đũ loại bay đầy trời; lần này, mấy ngày nay vùng trời Đức Lập phẳng lặng, vắng vẻ làm sao! Tàu bay tàu bò biến đâu cả ngoài hai chiếc trực thăng chỉ huy nói trên.

Trực thăng bay vòng nhiều lần trên vùng này, càng lúc càng thấp để cố gắng liên lạc và quan sát tình hình. Thấy tiểu đoàn 2/53BB vẫn đang tư thế bố trí sẵn sàng chiến đấu, tôi yêu cầu phi cơ trưởng (hình như anh Hùng Thầy Tu hay anh Vệ) tìm cách đáp xuống. Anh bay thêm mấy vòng để xem hướng nào thuận tiện và an toàn, rồi anh… đột nhiên nhào xuống rất nhanh trông như chú diều hâu đang xà xuống gắp mồi. Đang tư thế sắp đậu, bổng nhiên nhiều loạt pháo đối phương rớt cạnh máy bay khiến anh ta cho tàu lướt về phía trước cất cánh lên lại,

xém đụng rừng cây trước mặt. Một phen xém chết đã qua! Anh quay lại nhìn tôi với nét mặt thầm trách "nguy hiểm vậy mà bảo đáp". Anh phi công này rất lanh lợi và bình tĩnh, nếu không thì cả tàu không chết vì pháo địch cũng chết vì các cành cây. Từ đó đến khi rút bỏ tiểu khu Quảng Đức, tôi không liên lạc được với cánh quân này.

Ngày thứ nhất trôi qua, ngày thứ hai trông chờ quân ta tăng viện như cấp trên đã định. Bất hạnh thay! ngày thứ hai đó lại là ngày thất vọng nhất khi Cọng quân tấn công thẳng vào thị xã Ban mê thuột và phi trường Phụng Vực. Riêng các lực lượng khác của ta đồn trú tại Quảng Đức đều bị địch cầm chân cả không thể nào lấy đi giúp Đức Lập được. Càng chờ đợi, sự tổn thất càng tăng lên trước những loạt pháo đũ cở cuả địch; mặt khác không còn trông chờ vào sự tăng viện của quân bạn được nửa, trung tá Vực cùng thuộc cấp đành rút khỏi quận, băng rừng về căn cứ Đạo Trung mấy ngày sau và được trực thăng đón về TK/Quảng Đức.(Đạo Trung cách QĐ trên 15 cây số) .

Cuộc Rút Quân Khỏi Quảng Đức

Đức Lập và Ban mê thuột đã mất, từ trái (Phước Long) sang phải, cả về hướng trước mặt của tỉnh Quảng Đức đã hoàn toàn lọt vào tay VC, chỉ còn một phần phía sau giáp với tỉnh Tuyên Đức và Lâm Đồng, phân ranh bởi sông Kinh Đà-Con lộ duy nhất nối liền hai tỉnh Quảng Đức, Lâm Đồng đã bỏ phế từ lâu và do VC kiểm soát. Như vậy tỉnh Quảng Đức đã mất gần phân nửa lãnh thổ. Bổng trưa ngày 25 tháng 3 năm1975, khi biết tin quân đoàn II bị tổn thất nặng nề lúc rút lui và toán liên lạc không quân (ALO) tiểu khu Quảng Đức đột nhiên lên trực thăng rời tỉnh mang theo tất cả phương tiện điều động không yểm, khiến tinh thần quân dân trong tỉnh càng thêm nao núng.

Hôm đó, trong lúc Đại tá Phạm Văn Nghìn đang đi họp ở QĐ II chưa về, Trung tá Phạm Đức Dư-Tham Mưu Trưởng tiểu khu-liền tổ chức buổi họp khẩn cấp. Ngoài sự hiện diện của trung tá Dư còn có trung tá Hoàng Kim Thanh, liên đoàn trưởng LĐ 24 BĐQ đóng tại quận Kiến Đức; thiếu tá Trần Văn Bường chỉ huy trưởng pháo binh Kiêm tham mưu phó hành quân Tiểu khu; thiếu tá Phạm Văn Tư trưởng phòng 3 TK (đừng nhầm với thiếu tá Phạm Văn Tư khóa 19 Đalạt trưởng phòng hai tiểu khu vượt ngục bị bắn chết tại trại tù Suối Máu Biên Hòa năm 1976). Vừa vào họp trung tá Dư tuyên bố: "Hôm nay chúng ta hành quân về phương Đông". Chỉ một câu đơn giản ai cũng hiểu đó là lệnh rút lui, không cần sơ đồ phóng đồ gì cả. Thành ra, với vị trí đóng quân hiện tại, liên đoàn 24 BĐQ đi theo phương giác từ, từ quận Kiến Đức về Lâm Đồng, các đơn vị cơ hữu hoặc tăng phái tiểu khu cũng từ nơi đóng quân di chuyển về ***Lâm Đồng.***

Ghi chú: Xin theo chân tác giả Trần Văn Bường chạy về **Bảo Lộc, Đà Lạt, Nha Trang** ở phần sau,

Vương Trí Nhàn: Văn Học Khá Sòng Phẳng

Thụy Khuê thực hiện

Trong những năm gần đây, chúng tôi cố gắng đưa vấn đề Văn học miền Nam trở lại văn đàn, bởi có một nhu cầu đến từ những người thực sự yêu văn chương ở trong nước muốn tìm hiểu về những tác giả và tác phẩm đã bị chính thức loại trừ sau 30/4/1975. Trong chiều hướng đó, hôm nay, chúng tôi xin giới thiệu cùng quý vị, tiếng nói của nhà phê bình và nghiên cứu Vương Trí Nhàn, một trong những nhà văn miền Bắc đã không ngừng tiếp cận với văn học miền Nam từ thời kỳ phân chia Nam Bắc đến ngày nay. Qua những nhận định và phân tích của Vương Trí Nhàn, chúng ta sẽ thấy sự tiếp cận văn học giữa hai miền chưa bao giờ thực sự gián đoạn, và riêng ông, ông mong được đóng góp tích cực vào việc mở rộng con đường hợp nhất hai nền văn học Nam Bắc để có thể vẽ nên toàn diện bộ mặt văn học Việt Nam trong thế kỷ XX.

T.K.: *Trước khi đi xa hơn nữa, xin hỏi anh về tình hình trước năm 1975, ở Hà Nội thời ấy đã có ai đọc một vài tác phẩm của Văn học miền Nam hay không, và nếu có, chuyện đó đã xẩy ra như thế nào?*

V.T.N.: Văn học miền Nam hồi đó về Hà Nội ít ỏi lắm, gần như của cấm, muốn đọc phải mò mẫm đi tìm; tìm thấy rồi, đọc thấy hay rồi, muốn kêu lên với mọi người cũng phải tự nén lại. Song, một cách tự nhiên, một số chúng tôi biết rằng có nó, đinh ninh tin rằng một người muốn làm văn học một cách đứng đắn phải tìm tới nó -- các nhà văn từ Nguyễn Tuân, Nguyễn Thành Long, Xuân Diệu, Tô Hoài, Nguyễn Khải, Nguyễn Minh Châu... hay lớp trẻ bọn tôi như Lưu Quang Vũ, Bằng Việt, Trúc Thông hay một số bạn khác đã nghĩ như vậy. Một cách lặng lẽ, chúng tôi đã liên tục tìm kiếm sách báo, không bỏ qua một trường hợp nào mà không tìm kiếm. Có thể là chẳng ai hiểu văn học miền Nam cho đến đầu đến đũa, có thể sự hiểu chỉ loanh quanh ở những mảnh vụn, nhưng làm sao khác được, vừa đọc vừa đoán thêm tưởng tượng thêm. Và đã có một sự chia sẻ thậm chí như là giữa hai bên hình như vẫn có một cuộc đối thoại ngầm nữa. Vả chăng cái sự xa lạ là mãi về sau này mới xuất hiện chứ ban đầu chính thức đâu có phải vậy. Có lần tôi đã tìm thấy một văn bản năm 56, ông Nguyễn Tuân, thay mặt cho giới văn nghệ Hà Nội, gửi điện cho những người viết văn ở miền Nam, nói rằng chúng ta sẽ cùng lập một đoàn đại biểu để đi dự hội nghị nhà văn ở Tân Đề Ly, bên Ấn Độ và chúng ta sẽ chờ cơ hội sáng tác để góp phần vào nền văn hóa dân tộc. Đây là chuyện ít người nhớ, cả người ở Hà Nội cũng không nhớ. Tôi cho rằng chúng ta nên tìm cách nhắc lại với nhau kẻo hiểu lầm mãi, hiểu lầm và tự mình bó buộc mình một cách phi lý.

Về sau này, từ những năm cuối chiến tranh và nhất là ngay sau 1975, nhìn trên bề mặt dễ có cảm tưởng là cả giới viết văn Hà Nội đều nem nép đi theo quan niệm chính thống chỉ đạo. Tức coi văn chương miền Nam là bỏ đi, những người viết văn ở Sàigòn trước kia toàn kẻ thù cả. Thực tế không phải thế. Nói người ta cứ nói, mà đọc người ta cứ đọc. Gần đây có nguội đi -- có nhiều lý do để nguội đi: bận bịu nhiều chuyện kiếm sống khác. Nhưng nguội đi không có nghĩa là thôi hẳn. Mà trong chừng mực nào đó là đi vào bề sâu.

Càng ngày tôi càng nghe được nhiều ý kiến nói rằng đánh giá thế nào thì đánh giá, có thể phê phán, có thể nhận xét thế này thế kia, nhưng phải công nhận rằng văn học miền Nam là một

bộ phận của văn học Việt Nam thế kỷ XX, ở đó có rất nhiều vấn đề, nhiều đóng góp và phải có nó nữa thì văn học Việt Nam mới là chính mình. Vậy phải nghiên cứu tìm hiểu hệ thống hóa lại, phải in lại. Thời gian tới, tuy rằng đi vào cụ thể cũng có rất nhiều khó khăn song việc này phải được triển khai một cách bài bản thì mới hiệu quả được.

T.K.: *Anh nghĩ như thế nhưng vẫn còn nhiều người nghĩ ngược lại anh, tại sao vậy? Và anh có lập luận nào để bảo vệ ý kiến anh?*
V.T.N.: Sở dĩ đôi lúc người ta khó công nhận Văn học miền Nam là hình như họ nghĩ như thế này: tức là nếu công nhận Văn học miền Nam thì [Văn học] miền Bắc coi như là thua, là kém, là không ra gì cả, thậm chí là hỏng, là vứt đi. Cách nghĩ "chỉ có một [nền văn học] thôi" là không phải, vì như vậy sẽ gây ra nhiều rắc rối trong việc tiếp cận nhau. Phải nói chúng ta có cả hai [nền văn học], và hai bên bổ sung cho nhau.
Tôi nghĩ độ một trăm năm sau, nếu muốn nhìn lại xã hội Việt Nam nửa sau thế kỷ XX, muốn hiểu con người sống như thế nào thì cần phải đọc cả hai. Nền văn học miền Bắc, tôi tạm gọi là văn học của chiến công, nền văn học lôi cuốn người ta đi vào cuộc chiến tranh. Còn nếu giờ đây có ai muốn đi tìm những trang sách diễn tả tình cảnh con người trong chiến tranh thì tôi khuyên họ hãy tìm đến phần văn học miền Nam. Đọc từ Võ Phiến, Mai Thảo, Y Uyên, Nhật Tiến, Thế Uyên… qua những tác phẩm của Nhã Ca, của Phan Nhật Nam, hay những bài thơ của Nguyễn Bắc Sơn, chỗ nào tôi cũng thấy chiến tranh, xa gần đều có dây dưa tới chiến tranh. Nếu trong truyền thống, chúng ta có mảng văn học chức năng, động viên thôi thúc con người hành động, ví dụ như *Bình Ngô Đại Cáo* hay thơ văn Nguyễn Đình Chiểu, thì Văn học miền Bắc nối truyền thống đó rất rõ. Ngược lại, nếu đi tìm cái mạch nối tiếp truyền thống của Nguyễn Du, của Đặng Trần Côn, Đoàn Thị Điểm, của Hồ Xuân Hương, Tú Xương,-- tức là tìm tới thứ văn học thiên về những đau khổ của con người, cả tình thế bi thương, đau đớn, cả sự bơ vơ, bất lực, trong đời sống này không biết tìm ra lối nào để đi đích nào để hướng tới -- thì tôi thấy ở Văn học miền Nam rõ hơn đầy đủ hơn.

T.K.: *Xin anh kể ra một vài tác giả hay tác phẩm nào trong nền Văn học miền Nam được anh lấy làm căn cứ vào để đi tới những điều anh vừa nói.*
V.T.N.: Tôi nhớ ngay tới những cuốn sách của nhà văn Dương Nghiễm Mậu. Ta biết rằng trong thời kỳ đầu, Dương Nghiễm Mậu có nhiều suy nghĩ rất trừu tượng. Trong *Cũng đành,* tác giả nói về vấn đề tồn tại như thế nào, mình có quyền hành động gì, sự lựa chọn đúng hay sai, mình đang như thế nào, bản mệnh đã bị dày vò thế nào, đấy là phần đến rất sớm ở Dương Nghiễm Mậu, Thanh Tâm Tuyền và một số người khác. Về sau, khoảng sau 72, tôi được biết là Dương Nghiễm Mậu cũng có những tiểu thuyết như *Con sâu*, cũng đã diễn tả nhiều mặt tâm trạng và đời sống con người trước 75. Rất tiếc là tôi chưa được đọc cuốn này. Nhưng tôi có ấn tượng đặc biệt về Dương Nghiễm Mậu qua những bút ký ngắn in trên bán nguyệt san Văn khoảng 1972-74 tả những chuyến đi theo các đơn vị quân đội đến Tây Nguyên, ra Quảng Trị... Cùng với nhân vật có tên là Trực -- hình như chỉ là tác giả hóa thân để tự bộc lộ -- chúng ta chứng kiến đất nước mình tan nát, lớp trẻ bị chết, bị thương, đời sống mất hết sự thiêng liêng con người giãy giụa không tìm thấy lối thoát. Nhiều suy nghĩ có từ thời viết *Cũng đành* hiện ra với cái vẻ cụ thể của nó.

Thời gian mấy năm 72 -73, một số anh em bọn tôi ở tạp chí *Văn nghệ quân đội* có lúc xôn xao hẳn lên khi đọc một cuốn của Phan Nhật Nam, không phải cuốn nhiều người hay nói tới mang tên *Mùa hè đỏ lửa*, diễn tả không khí chiến trường rất ác liệt, mà là cuốn trước đó, cuốn *Dấu binh lửa*. Theo tôi, *Dấu binh lửa* gây ấn tượng mạnh, vì nó cho thấy sự tan vỡ tâm hồn, tan vỡ đời sống tinh thần của một lớp người thanh niên khi vào đời là vào với chiến tranh. Từ chỗ là một người đầy nhiệt huyết, muốn biết, muốn hiểu, muốn đóng góp, muốn làm cái gì cho xứ sở, nhân vật xưng tôi ở đây biến thành người không còn là mình nữa, chai lỳ, bất nhẫn, chỉ muốn đập phá. Phan Nhật Nam trong *Dấu binh lửa* là thế. Tôi nhớ là những nhà văn như Nguyễn Khải, Nguyễn Minh Châu, khi đọc cuốn này đều thấy nể, ngay cách diễn tả, cách viết rất trực tiếp và khả năng sử dụng tiếng Việt trong *Dấu binh lửa* cũng đáng ghi nhận. Khoảng 1990 -91 xuất hiện *Nỗi buồn chiến tranh* của Bảo Ninh, đọc *Nỗi buồn chiến tranh* tôi lại nhớ đến *Dấu binh lửa*. Nhà tôi lúc đó gần nhà Bảo Ninh, tôi có đưa cho anh xem. Khi trả Bảo Ninh có nói với tôi -- không biết bây giờ anh có nhớ không, nhưng tôi vẫn nhớ. Rằng nếu tôi đọc cuốn này trước thì có lẽ tôi sẽ viết khác đi. Có cảm tưởng rằng đây là một trong những cuốn sách viết về chiến tranh mà bọn tôi không thể quên nổi và ở chỗ đó, nó cho thấy sự cần thiết tức cũng là những đóng góp của Văn học miền Nam, với vai trò ghi nhận được trạng thái nhân thế của con người một thời, tất cả những đau đớn, vật vã của con người trong một hoàn cảnh phi nhân văn và chính từ đó chúng ta có thể giải thích tất cả những biến động trong đời sống từ sau 75 đến nay.

T.K.: *Theo anh, nếu đưa được trở lại với đời sống, đâu là những điểm những khía cạnh mà nền Văn học miền Nam có thể giúp ích ngay cho sinh hoạt văn học trong nước?*

V.T.N.: Nhìn chung, tất cả những phần đóng góp của Văn học miền Nam đối với nền văn học dân tộc, đều là những bài học quý báu cho việc xây dựng nền văn nghệ của chúng ta. Tôi chỉ nói ở đây một điểm là việc xây dựng ngôn ngữ văn học. Hiện nay trong đời sống Hà Nội, ngôn ngữ giao tiếp thông thường... rất kinh khủng. Hôm nọ có người viết bài về việc cần giữ chủ quyền trong ngôn ngữ, ý nói đang có cuộc xâm lăng ngôn ngữ, từ tiếng Anh, đến tiếng Hán xâm nhập vào tiếng Việt một cách lộn ẩu, và ngay cả ngôn ngữ trong tay những người người cầm bút hiện nay nhiều khi cũng hết sức lộn xộn, nhếch nhác, lâu lắm không có người viết văn hay. Trong lúc đó, tôi đọc lại Văn học miền Nam, với những ngòi bút bậc thầy, thấy ở phần hay nhất của mình, Mai Thảo Võ Phiến, mỗi người có giọng văn riêng, mỗi người một vẻ song đều đậm chất văn học, đều có cái dáng vẻ hiện đại và hé lộ cho thấy một đời sống tinh thần không thể có ở thời tiền chiến được. Rồi nhiều nhà văn khác, như Thụy Vũ, Nhã Ca, Trùng Dương, Túy Hồng, Y Uyên, Dương Nghiễm Mậu, Phan Nhật Nam, v.v... sau này là Ngụy Ngữ, Trần Thị Ng. H. văn xuôi của họ, đều là những thể nghiệm ngôn ngữ thu góp được cả cái mạnh của tiếng nói Hà Nội, cả cái mạnh của miền Trung và Sàigòn lục tỉnh. Từ trước 1975, nhiều người đã nói tới một số nhà văn di cư, họ cùng đóng góp đưa cho ngôn ngữ văn học của Văn học miền Nam lên trình độ một mực thước một cái chuẩn. Với tư cách một người từ Hà Nội nhìn vào, tôi cũng thấy hai mạch ngôn ngữ đó trong những nhà văn xuất sắc được kết hợp nhuần nhụy, đến bây giờ bọn tôi vẫn có thể trông vào đó để học hỏi. Hoặc trong việc dịch những tác phẩm văn học nước ngoài sang tiếng Việt, cách xử lý tiếng Việt của các dịch giả, tôi thấy đó là điều bọn tôi phải nể và phải tiếp nhận họ và trước tiên phải công nhận những đóng góp của họ.

T.K.: *Xin thành thật cám ơn anh Vương Trí Nhàn.*

Mặt Trận Ban Mê Thuột

Phạm Huấn

Ngày 9 tháng 3, 1975.
Đó là một ngày Chúa Nhật. Sau bốn ngày tại mặt trận Bình Định, mãi tối mịt hôm trước chúng tôi mới về tới Nha Trang. Và chúng tôi vừa chết hụt khi chiếc trực thăng hầu như mất thăng bằng trong những cơn lốc xoáy, lúc bay ngang qua Vũng Rô gần Tuy Hòa.
Khi chuông điện thoại reo lên, nhìn đồng hồ mới 8 giờ sáng, mắt tôi cay xè và thật khó chịu. Giọng nói quen thuộc của Tân, một Sĩ quan Tùy viên khác ở Nha Trang, và cũng là em vợ Tướng Phú vang lên từ đầu giây bên kia:
- Ông Tướng mời anh vào bay gấp!
Ngừng lại một giây, Tân nói tiếp:
- Nhưng ông ấy mới chuẩn bị ăn sáng. Chừng 15 phút nữa anh ra thẳng phi trường, tôi lái xe về cho. Ông Tướng bay C-47, tầu bay đậu ở khu VIP bên dân sự!
Và Tân cúp máy.

Tôi linh cảm thấy một chuyện gì quan trọng sắp sửa xảy ra. Tình hình quân sự tại chiến trương Cao nguyên sau khi Phước Long mất thật nghiêm trọng. Các quốc lộ huyết mạch 19, 21 nối liền Cao nguyên và Duyên hải đã bị cắt nhiều đoạn. Tỉnh Quảng Đức đang bị đe dọa nặng. Tại mặt trận Bình Định, các đơn vị của Sư đoàn 22 Bộ binh gần như quần thảo hàng ngày với Sư đoàn 3 Sao Vàng của Công Sản Bắc Việt. Mặt trận Nam Pleiku, Bộ Tư lệnh Hành quân của Sư đoàn 23 Bộ binh bị pháo liên miên. Nghe tiếng sóng biển, nhìn qua cửa sổ của chiếc trailer, tôi thấy chân trời xa tít, và nắng lên thật đẹp. Tôi bước ra ngoài. Trước khi lái xe ra phi trường, tôi đã để ra giây phút nhìn cái trailer nằm sát biển Nha Trang, vì tự nhiên linh cảm rằng sẽ chẳng bao giờ trở lại đây nữa. Cái trailer, hay đúng hơn là nơi nghỉ mát của một viên cố vấn Mỹ trước kia, ông Tướng Tư lệnh phó đặc trách bình định phát triển, ông Tỉnh trưởng Khánh Hòa đều muốn nhận làm của riêng mình. Nhưng Tướng Phú đã cho tôi "mượn" dùng làm nơi tạm trú mỗi lần ghé Nha Trang.

8 giờ 40 sáng, chiếc C-47 từ bãi đậu VIP phía dân sự phi trường Nha Trang tiến ra phi đạo. Đây là chiếc máy bay chỉ huy của Đại tướng Cao Văn Viên, Tổng Tham mưu trưởng Quân lực Việt Nam Cộng Hoài. Mỗi năm cứ mùa mưa đến, ông cho biệt phái chiếc Dakota 2 động cơ này lên cho Tư lệnh Quân đoàn II sử dụng. Bởi vì chiến trương Quân khu II gồm 2 mặt trận cao nguyên và duyên hải; thời tiết luôn xấu và sương mù. Những khi khẩn cấp nếu sử dụng trực thăng hoặc phi cơ nhỏ trên những chặng đường dài Pleiku, Phan Thiết, Bình Định phải bay rất lâu và nguy hiểm.
Lúc phi cơ sắp sửa cất cánh, Tướng Phú nói với tôi:
- Hôm nay mình lên Ban Mê Thuột. ***Quận Đức Lập***, Quảng Đức hiện đang bị pháo rất nặng, có thể bị mất ...
Và ông hỏi Hóa, Sĩ quan Tùy viên, về cái lệnh mời Chuẩn tướng Lê Trung Tường, Tư lệnh Sư đoàn 23 Bộ binh, hiện là Tư lệnh mặt trận nam Pleiku, và Đại tá Nghìn, Tỉnh trưởng Quảng Đức

và Ban Mê Thuột họp sáng nay. Nhìn vẻ mặt đăm chiêu, nghiêm trọng của Tướng Phú, tôi biết rằng Ban Mê Thuột sẽ vô cùng nguy ngập, nếu Đức Lập và Quảng Đức mất. Tháng trước trong một buổi họp với Tư lệnh mặt trận nam Pleiku, sau khi xếp đặt ưu tiên cho từng mặt trận, Tướng Phú đã ra lệnh cho Đại tá Vũ Thế Quang, Tư lệnh phó Sư đoàn 23 Bộ binh về Ban Mê Thuột chỉ huy, và tăng cường thêm cho Ban Mê Thuột một đơn vị pháo binh 155 ly.

9 giờ 45 phút Tướng Phú tới phi trường Phụng Dực.
Sau những cái bắt tay vội vã, ông cùng với Chuẩn tướng Lê Trung Tường và Đại tá Nguyễn Công Luật, Tỉnh trưởng Ban Mê Thuột về Bộ Tư lệnh Sư đoàn 23 Bộ binh. Khi đoàn xe đi ngang qua dinh Tỉnh trưởng, thấy một số sĩ quan mặc đồ trắng đánh tennis, Tướng Phú tỏ vẻ khó chịu, và ngay lập tức ra lệnh cấm trại 100%. Tới Bộ Tư lệnh Sư đoàn, ông hối hả bước vào Trung tâm Hành quân.

Tình hình Đức Lập vô cùng nguy ngập. Các đồn phụ đã bị "bứt". Chi khu bị pháo từ 6 giờ sáng, và quân chính qui Cộng sản Bắc Việt đánh "trận địa chiến", và đánh ban ngày. Tiểu đoàn Địa phương quân đóng tại Núi Lửa cách Đức Lập 9 cây số bị địch tràn ngập sau một trận đánh đẫm máu. Thiếu tá Tiểu đoàn trưởng và một số cấp chỉ huy khác bị Việt cộng sát hại. Tương Phú bốc máy liên hợp và liên lạc thẳng với Trung tá Nguyễn Cao Vực, Quận trưởng quận Đức Lập. Ông được báo cáo Trung tá Quận trưởng đã bị thương, hiện ở ngoài chỉ huy và điều khiển nhưng khẩu đại bác 105 ly bắn trực xạ vào Cộng quân.

Đúng 10 giờ 30 phút sáng, quận Đức Lập biến thành biển lửa. Từ 12 giờ trưa đến 5 giờ chiều ngày 9 tháng 3, 1975, Tướng Phú họp với Tư lệnh Sư đoàn 23 Bộ binh, các Tiểu khu trưởng Ban Mê Thuột và Quảng Đức để duyệt xét tình hình các mặt trận. Sau khi chấp nhận những đề nghị của các giới chức liên hệ và cho những chỉ thị cần thiết, ông ra lệnh cho Đại tá Nghìn, Tỉnh trưởng Quảng Đức bay về trước. Tại Ban Mê Thuột, để cho có sự thống nhất chỉ huy, Tương Phú bổ nhiệm Đại tá Quang, Tư lệnh phó Sư đoàn 23 làm Tư lệnh chiến trường Ban Mê Thuột. Các Tư lệnh mặt trận phải ra lệnh đôn đốc các đơn vị chuẩn bị và sẵn sàng chiến đấu trong 2, 3 tháng liên tiếp; tổ chức những cuộc hành quân xa ngoài thị xã và vị trí phòng thủ. Kho xăng, kho đạn phải được phân tán, đề phòng đặc công Cộng sản Bắc Việt đánh phá. Lệnh thiết quân luật mỗi nơi được ủy nhiệm cho các Tư lệnh mặt trận toàn quyền định đoạt.

Hai quyết định quan trọng khác của Tướng Phú:
1. Tư lệnh mặt trận Ban Mê Thuột tùy theo tình hình, nếu cần cho phá hủy cầu 14 trên đường Quảng Dưc-Ban Mê Thuọt để làm chậm sức tiến của chiến xa địch.
2. Tư lệnh mặt trân Kontum tăng phái một Liên đoàn Biệt động quân cho mặt trận Ban Mê Thuột. Và Liên đoàn Biệt động quân này phải được đổ xuống Buôn Hô ngay chiều nay.

Sự có mặt của Tướng Phú tại Ban Mê Thuột ngày hôm nay, 9 tháng 3, 1975 với những quyết định có tính cách quan trọng và cấp bách ông vừa ban hành là cái "bén nhậy" của một tướng mặt trận, một vị Tư lệnh có kinh nghiệm chiến trường. Ông làm việc liên miên ngay từ khi tới Bộ Tư lệnh Sư đoàn 23 Bộ binh. Khi quyết định tăng phái cho Ban Mê Thuột một Liên đoàn Biệt đông quân, vừa cầm dĩa cơm trên tay, vừa gọi máy ra lệnh cho Tư lệnh mặt trận Kontum cho các Tiểu

đoàn Chiến đấu của Liên đoàn Biệt động quân được tăng phái, chuẩn bị di chuyển trong 2 giờ sắp tới. Sau đó, ông cũng đích thân liên lạc với Tướng Sang, Tư lệnh Sư đoàn 6 Không quân ở Pleiku, để vận dụng tất cả trực thăng cho cuộc đổ quân được hoàn tất thật nhanh. Vì thế, đợt đổ quân đầu tiên của Liên đoàn 2 Biệt động quân xuống Buôn Hô đã được thực hiện ngay chiều ngày 9 tháng 3, 1975.

6 giờ chiều ngày 9 tháng 3, 1975 rời Ban Mê Thuột, Tương Phú ra lệnh bay thẳng lên Pleiku, thay vì trở lại Nha Trang nghỉ dưỡng sức. Và ngay buổi tối, ông vào làm việc, ở luông trong chiếc "bunker", chiếc hầm nổi chống pháo kích của Tư lệnh Quân đoàn còn đang làm dở dang, sát với Trung tâm Hành quân. Lệnh cấm trại 100% được ban hành.

Gần 1 giờ sáng, Tướng Phú gọi ra lệnh cho Đại tá Phạm Duy Tất, Tư lệnh mặt trận bắc Kontum:
- Anh nhớ theo dõi "thằng con" anh mới rời Kontum anh chiều nay. Bắt nó phải "bung" ra hoạt động ngay. Ngày mai tôi sẽ ra lệnh Đại tá Quang, Tư lệnh phó Sư đoàn 23 mang bộ chỉ huy hành quân lên đó ...
- ...
- Tôi nghe nói "thằng cha Dậu" là con gà chết. Nếu anh thấy hắn ta chỉ huy không được thì nên thay thế ngay. Đừng che chở, kẻo hỏng việc hết!
- Tôi xin tuân lệnh Thiếu tướng!

Đại tá Phạm Duy Tất, Tư lệnh mặt trận bắc Kontum và cũng là chỉ huy trưởng Lực lương Biệt động quân, Quân khu II. Trung tá Dậu, Liên đoàn trưởng Liên đoàn 21 Biệt động quân vừa được thả xuống Buôn Hô, đông bắc Ban Mê Thuột, và mới nắm quyền chỉ huy Liên đoàn Biệt động quân hơn 1 tháng nay!

"Người Lính Kèn" của Trường Võ Bị Đà Lạt

10 giờ 30 phút sáng ngày 9 tháng 3, 1975, quận Đức Lập tỉnh Quảng Đức biến thành biển lửa. Trước đó, hai viên đại bác 82 ly không giật của Bắc quân bắn trúng đài chỉ huy chi khu. Đài chỉ huy sập. Người Sĩ quan An ninh tử trận tại chỗ. Trung tá Nguyễn Cao Vực, Quận trưởng bị thương, nhúng đầu vào lu nước, thoát ra ngoài. Ông Quận trưởng đích thân chỉ huy và điều khiển hai khẩu đại bác 105 ly, bắn trực xạ, ngăn chận những đợt xung phong biển người của quân Cộng sản Bắc Việt.

Bốn ngày trước, 5 tháng 3, 1975 một cuộc phục kích tại phía đông Buôn Dak Gang cách bắc Đức Lập 10 cây số. Lực lượng chi khu đã bắt được một tù binh thuộc Sư đoàn F10 Cộng sản Bắc Việt, và tài liệu tiết lộ Bắc quân sẽ đại tấn công Quảng Đức và Ban Mê Thuột, mở đầu chiến dịch Tây Nguyên 1975. Nhưng nguồn tin này, cũng như nguồn tin tình báo tương tự của tiểu khu Ban Mê Thuột, khi khai thác một sĩ quan tù binh Cộng sản Bắc Việt trong toán tiền thám của Sư đoàn 320 Điện Biên Phủ tại Bắc Ban Mê Thuột (tù binh Bắc Việt bị bắt ngày 7 tháng 3, 1975), đã không được Bộ Tư Lệnh Sư đoàn 23 Bộ binh và Quân đoàn II "xếp hạng" là những nguồn tin quan trọng. Hôm nay Sư đoàn F10 Cộng sản Bắc Việt nhất định san bằng quận Đức Lập để tiến quân về Ban Mê Thuột. Các công sự phòng thủ trên mặt đất sập hết, nhưng Quận trưởng Nguyễn Cao Vực và các chiến hữu của mình vẫn cầm cự chiến đấu dai dẳng ở các giao thông hào.

Nguyễn Cao Vực, người "pháo thủ" của các chiến trƯờng Chiến khu D 1960, Bu Prang 1968, Kontum 1972, cũng lính là "anh lính kèn người Thượng" với cái tên "Cai Son" của sinh viên sĩ quan khóa 13 trường Võ Bị Đà Lạt. Hạ sĩ Son, anh lính kèn là người đã mang đến cho các sinh viên sĩ quan những giây phút vui buồn đáng nhớ mỗi ngày. Từ điệu kèn báo thức, tập hợp đi ăn, cũng như mặc đồ trận, đeo ba lô buổi tối trình diện dã chiến khi bị phạt ... Nguyễn Cao Vực là người có sắc diện như một cái cột nhà cháy, nên được bạn bè đặt cho cái tên là "Cai Son". Và anh rất thích cái tên đó. Tôi có khá nhiều kỷ niệm với Vực, vì cùng một trung đội trong hai năm học tại trường. Đầu năm 1960, khi tôi hướng dẫn Dickey Chapel - người nữ Phóng viên kỳ tài của thế giới, đã từng nhảy dù theo một lực lượng Mỹ xuống Okinawa trong trận Thế chiến II - đi hành quân tại chiến khu D, với một đơn vị nổi danh của Quân đội Việt Nam Cộng Hòa thời đó là Trung đoàn 8 thuộc Sư đoàn 5 Bộ binh, thì Vực là Pháo đội trưởng Pháo đội 105 ly, tăng cường cho đơn vị này.

Thiếu tá Nguyễn Văn Tư, Trung đoàn trưởng đã giới thiệu với chúng tôi hai quân nhân thiện chiến và "chì" nhất của Trung đoàn. Đó là Trung úy Bác sĩ Lê Đình Kỳ và Pháo đội trưởng Nguyễn Cao Vực. Bác sĩ Kỳ là ngươi không thích hành nghề chuyên môn mà chỉ thích truyện trận mạc. Còn Vực được mệnh danh là một Pháo đội trưởng lì lợm, thiện xạ, bắn đâu trúng đó. Một tuần lễ đi hành quân với Trung đoàn 8 Bộ binh trong Chiên khu D, Dickey Chapel và tôi thương ăn và ngủ chung với Bộ Chỉ huy của Trung đoàn, gồm Thiếu tá Tư, Bác sĩ Kỳ, Trung úy Vực, và Hiền. Hiền là Sĩ quan Hành quân của Trung đoàn và cũng tốt nghiệp khóa 13 Võ bị Đà Lạt.

Trung đoàn 53 Bộ binh tại mặt trận phi trương Phụng Dực

Ngày 10 tháng 3, 1975

Những trận mưa pháo vào Ban Mê Thuột từ 2 giờ đến 4 giờ sáng rạng ngày 10 tháng 3, 1975 đã gây kinh hoàng cho mấy chục ngàn quân cũng như dân, hiện đang có mặt tại thị xã này.

Sau đó là những chiến xa đủ loại, băng rừng, nghiền nát các ngả đường, để các lực lượng của những Sư đoàn 320, 316 Cộng sản Bắc Việt ào ạt tiến vào. Nhưng, những người kinh hoàng và đau đớn nhất là hai cấp chỉ huy có trách nhiệm phòng thủ Ban Mê Thuột: Đại tá Vũ Thế Quang và Đại tá Vũ Công Luật!

Đại tá Luật, Tỉnh trưởng kiêm Tiểu khu trưởng Ban Mê Thuột là một Sĩ quan Thiết giáp kỳ cựu của Quân lực Viêtn Nam Công Hòa. Lữ đoàn trưởng Lữ đoàn I Thiết kỵ trong cuộc hành quân sang Lào 1971, người mà báo chí Việt Nam và ngoại quốc gọi là "Patton Việt Nam". Patton là danh tướng Thiết giáp của Mỹ trong Thế Chiến II. Đại tá Luật đã từng chỉ huy một Lực lượng Thiết giáp quan trọng và tối tân nhất của Quân lực Việt Nam Cộng Hòa, với những Thiết đoàn M48, M41 chiến xa trong cuộc tiến quân này. Đêm nay Bắc quân đánh trận địa chiến vơi chiến xa nặng, với chiến thuật biển người, thì trong tay ông vỏn vẹn có được hai Chi đội Thiết vận xa M113 và những xe bọc sắt tuần tiễu của Địa phương quân. Một thứ "đồ chơi con nít" nếu so sánh với loại Thiết giáp tối tân T54 của Nga Sô mà Cộng sản Bắc Việt hiện đang sử dụng!

Đại tá Vũ Thế Quang, Tư lệnh phó Sư đoàn 23 Bộ binh và Tư lệnh mặt trận Ban Mê Thuột khi nghe những tiếng đạn bay xé không gian, nổ tại phi trường L19, trước tiểu khu, bộ Tư lệnh Sư đoàn, đã thấy ngay cái giá mà lực lương phòng thủ phải trả. Bởi vì những khẩu đại bác 122 ly, 130 ly của Bắc quân đã kéo sát tới thị xã! Những tiếng đại pháo của địch nổ tại Ban Mê Thuột cũng đã làm cho các tướng lãnh nắm vận mạng Đất Nước bừng tỉnh. Họ tạm quên đi những hận thù, những tranh giành quyền hạn, phe phái. Tất cả đều hướng về mặt trận này!

Lệnh của Đại tướng Cao Văn Viên từ Bộ Tổng Tham Mưu Quân lực Viêt Nam Cộng Hòa được truyền đi lúc 7 giờ sáng. Của Tướng Trần Thiện Khiêm, Thủ tướng Chính phủ gọi từ Đà Lạt lúc 8 giờ 40 phút. Của Tổng Thống Nguyễn Văn Thiệu gọi từ Dinh Độc Lập lúc 10 giờ 10 phút, và 19 giờ tối. Trận đánh quyết định giữa hai miền Nam-Bắc đã xảy ra. Nhưng lực lượng giữa hai bên quá ư chênh lệch, như trứng chọi với đá nếu so sánh cả về quân số, vũ khí, chiến cụ. Địch đã ở thế thượng phong ngay từ lúc đầu! Tuy nhiên, trong ngày đầu tinh thần chiến đấu của các dũng sĩ Trung đoàn 53 Bộ binh, sự gan dạ của những phi công anh hùng A37, của những chiến sĩ Địa phương quân tiểu khu Darlac, đã làm cho Bắc quân kinh ngạc, nể vì. Những tin tức phấn khởi bay đi khắp nước ngay khi "những cánh đại bàng" xuất hiện trên vùng trời Ban Mê Thuột. Phi tuần phản lực A37 đầu tiên đã bắn cháy hai chiến xa, và hai cỗ đại bác phòng không của Cộng sản Bắc Việt ngay trong thị xã lúc 11 giờ 30 phút. Hai chiến xa khác cũng do không quân đánh bom trúng tại 2 cây số tây bắc Ban Mê Thuột. Lực lương Địa phương quân Darlac đã tạo một bất ngờ lúc 11 giờ trưa khi bắn cháy một T54 trước bộ Chỉ huy Tiểu khu ngay trên đường Thống Nhất!

Trận "thử sức" của các trung đoàn tiền phong quân chính quy thuộc Sư đoàn 320 Điện Biên Phủ và những "dũng sĩ" Trung đoàn 53 Bộ binh trên phòng tuyến quanh phi trường Phụng Dực xảy ra lúc 14 giờ. Mở đầu là những trận mưa pháo, cầy nát sân bay. Từng đoàn chiến xa của Bắc quân gầm thét, di chuyển theo đội hình từ khắp ngả tiến vào. Nhưng tinh thần các chiến sĩ ta không hề nao núng. Đây cũng không phải là "trận thư hùng" đầu tiên của các đơn vị tinh nhuệ của ta và địch. Bởi vì trước khi rút về phòng thủ phi trường Phung Dực, Trung đoàn 53 tăng phái cho mặt trận Quảng Đức đã đụng độ với các trung đoàn chủ lực của Sư đoàn F10 rất nhiều lần trong những tháng trước, và mấy ngày mới đây với Sư đoàn 320 của Cộng sản Bắc Việt tại Đông Bắc Ban Mê Thuột. Sau gần 2 giờ quần thảo, Trung đoàn 53 Bộ binh đã đẩy lui 3 đợt xung phong biển người của địch. 15 giờ 30, Bắc quân chém vè, để lại trên 200 xác và 50 vũ khí đủ loại, 4 chiến xa Cộng sản Bắc Việt bị bắn cháy. Báo cáo chiến thắng về Trung tâm Hành quân Quân đoàn II bằng hệ thống điện thoại viễn liên từ phi trường Phụng Dực, "người lính số 1" của Trung đoàn 53 Bộ binh, một trong những anh hùng của mặt trận Ban Mê Thuột, Trung tá Võ Ân, Trung đoàn trưởng nói với Tướng Phú:
- Trình "Mặt Trời", những "đứa con" của tôi sứt mẻ chút ít, nhưng tinh thần rất cao.Trận đánh vừa kết thúc. Hơn 200 xác Việt cộng còn để nguyên ngoài chiến trường. Vũ khí tịch thu tôi đã cho kéo về phòng danh dự của phi cảng để "triển lảm"! Trong đó có cả 3 đại bác phòng không và 4 hỏa tiễn SA7 còn mới nguyên.

Tướng Phú vui mưng lộ trên nét mặt. Ông khen ngợi và ra lệnh cho Ân bằng một giọng hết sức thân mật:

- "Chú mày" giỏi lắm! Chuyển lời khen của tôi đến anh em. Ráng lên! Sau trận này mỗi người lên một cấp. Nhưng không được khinh thường địch quân! Phải chuẩn bị và đề phòng tối đa ngay! Rõ chưa?
- Trình "Mặt Trời", tôi nhận rõ!
Tướng Phú cúp máy. Trung tá Võ Ân trở ra chiến hào phòng thủ cùng với các chiến hữu của mình. Tuy nhiên chiến thắng trên đây chỉ là một may mắn đặc biệt, một chiến thắng sau cùng của Trung đoàn 5e Bộ binh trong trận đánh quyết định giữa hai miên Nam-Bắc năm 1975.

Ngày 10 tháng 3, 1975 là một ngày cực kỳ sôi động trên chiến trương Cao nguyên. Trong lịch sử 30 năm chiến tranh Việt Nam kể từ hồi còn quân đội Pháp, chưa bao giờ có những trận đánh đồng loạt, dồn dập như vậy. Ngoài mặt trận chính Ban Mê Thuột, Cộng quân tấn công khắp nơi. Các trận bắc Kontum, nam Pleiku, bắc Bình Định, Quảng Đức và trên 2 quốc lộ 19, 21 đều bị áp lực nặng nề. Tiểu khu Ban Mê Thuột bị mất liên lạc lúc 12 giờ trưa. Những đoàn xe chở quân của Bắc Việt vẫn tiếp tục tiến về Ban Mê Thuột. Lệnh phá cầu 14 trên quốc lộ nối liền Quảng Dức-Ban Mê Thuột được ban hành. Những trận pháo kích, đụng độ nặng nề quanh Căn cứ 93 phía nam Pleiku kéo dài suốt ngày.

15 giờ 15 phú, phi trường Cù Hanh, Pleiku bị pháo. Một trực thăng và một dãy nhà bị cháy, một Dakota bị hư hại.

18 giờ 20 phút, Cộng quân pháo trúng Bộ Tư lệnh Quân đoàn, khu câu lạc bộ sĩ quan và Bộ Chỉ huy Không trợ II. Thị xã Pleiku thiết quân luật 9 giờ tối.

Tại mặt trận Bình Định, Trung đoàn 42 và 47 giao tranh suốt ngày với các đơn vị Cộng sản Bắc Việt và hạ 200 tên tại thung lũng Vĩnh Thạnh. Sư đoàn 22 Bộ binh hiện đã trực diện với Sư đoàn 3 Sao Vàng, các trung đoàn biệt lập của Bắc Việt tại Quân khu 5. Một tin chấn động khác, 17 chiến xa Cộng sản Bắc Việt xuất hiện gần Phù Cát, Bình Định lúc 5 giờ 30 chiều.
Tổng kết tại mặt trận Ban Mê Thuột trong ngày đầu cùng với chiến thắng của Trung đoàn 53 Bộ binh, thêm 100 Cộng quân khác bị hạ trước tiểu khu, trước khi tiểu khu Darlac bị mất liên lạc, và trước dinh Tỉnh trưởng, gần sát với Bộ Tư lệnh Sư đoàn 23 Bộ binh. 12 chiến xa Cộng sản Bắc Việt bị bắn cháy, trong số đó có 11 cái do Không quân đánh bom trúng.

Những lệnh cuối cùng trong ngày Tướng Phú chỉ thị cho Tướng Lê Trung Tường, Tư lệnh mặt trận nam Pleiku và Tỉnh trưởng không được lùi khỏi Căn cứ 93 trên tuyến phòng thủ Bộ Tư lệnh Quân đoàn và thị xã này. Liên Đoàn 21 Biệt động quân đã từ Buôn Hô di chuyển về gần tới Ban Mê Thuột bằng mọi giá phải tái chiếm bộ chỉ huy tiểu khu và kho đạn Ban Mê Thuột. 19 giờ tối, Tổng Thống Thiệu từ Saigon gọi lên chỉ thị cho Tư lệnh Quân đoàn II giải quyết chiến trường Ban Mê Thuột mau lẹ (?)

Giây Phút Cuối Cùng của Tư Lệnh Mặt Trận Ban Mê Thuột
Ngày 11 tháng 3, 1975.
Trận đánh đẫm máu thư 2 giữa Trung đoàn 53 Bộ binh và một lực lương quân chính qui Cộng sản Bắc Việt đã được tăng cường đông hơn gấp 10 lần, xảy ra lúc 5 giờ sáng. Đó cũng là lần

xuất trận đầu tiên của Sư đoàn 316, sư đoàn tổng trừ bị của Bắc Việt tại mặt trận phi trường Phụng Dực trên chiến trường Cao nguyên. Sư đoàn 316 tổng trừ bị Cộng sản Bắc Việt vừa di chuyển từ miền Bắc vào, và mới tới trận địa hồi đêm. Những báo cáo tiên khởi trong 2 giờ đầu cho biết Trung đoàn 53 Bộ binh bị thiệt hại quá nặng.

7 giờ 45 phút sáng, đích thân Tư lệng mặt trận Ban Mê Thuọt, Đại tá Vũ Thế Quang gọi lên Trung tâm Hành quân Quân đoàn II cho biết tình hình vô cùng nguy ngập. 10 chiến xa Cộng sản Bắc Việt đang bắn trực xạ vào Bộ Tư lệnh Sư đoàn. Người sử dụng máy siêu tần số lúc đó là Trung tá Không quân Nguyễn Văn Giang, Giám đốc Không trợ II. Bằng những ngụy thoại, ông cho biết đoàn phản lực cơ cất cánh từ Nha Trang đang trên đường, và sắp tới vùng trời Ban Mê Thuột.

7 giờ 55 phút, hai chiếc phản lực cơ A37 lao xuống mục tiêu, những chiến xa Cộng sản Bắc Việt, và đánh vô cùng chính xác. Nhưng chỉ mấy phút sau, bỗng nghe Đại tá Quang hét lên trong máy truyền tin:
- Ơ!... "nó" đánh trúng tôi!!!

8 giờ. Đó là giờ phút của "định mệnh". Hai trái bom đã thả trúng hầm Chỉ huy và Truyền tin của Tư lệnh mặt trận Ban Mê Thuột. Và Trung tâm Hành quân Quân đoàn II mất liên lạc với Ban Mê Thuột từ lúc đó. Nghe câu nói sau cùng của Quang, tự nhiên tôi thấy đau lòng và đưa mắt nhìn Giang. Quang, Giang và tôi đều là bạn. Quang với biệt danh "Quang dù", là người lính của chiến trường và thành phố trong 2 thập niên 1955-1975. Trước năm 1960 khi chiến tranh còn ở cấp tiểu đoàn, một số sĩ quan trong các binh chủng Không quân, Nhảy Dù rất nổi tiếng trong cả hai lãnh vực: ăn chơi và đánh giặc. Tên tuổi họ trở thành những nhân vật trong tiểu thuyết, các phóng sự với những biệt danh riêng. Chẳng hạn như: Cương "khểnh", Hợi "voi", Quang "dù", Hùng "sùi", Giang "nám" …

Chiều ngày 9 tháng 3, 1975 , Tướng Phú rất khó khăn và cân nhắc mãi mới chọn lựa anh làm Tư lệnh chiến trường Ban Mê Thuột, vì Đại tá Luật, Tỉnh trưởng kiêm Tiểu khu trưởng Darlac chức vụ nhỏ hơn, nhưng trận mạc và cấp bậc thâm niên hơn. Tôi nhớ khi rời phi trường Phụng Dực, Tương Phú bắt tay Quang và nói:
- Cố gắng và ráng cẩn thận nghe Quang! Đừng để lỡ dịp lên tướng kỳ này. Mình ... Nhảy Dù mà !
Quang đứng nghiêm chào Tướng Phú:
- Thiếu Tướng yên tâm, tôi sẽ làm tất cả những gì có thể làm được. Tôi sẽ chết tại đây trước khi Ban Mê Thuột mất!
Sau khi Trung tâm Hành quân, hầm Chỉ huy và Truyền tin của Tư lệnh Chiến trường bị sập, mọi người đều lo lắng cho số phận Ban Mê Thuọt. Đại tá Tham mưu trưởng Quân đoàn được lệnh thành lập bộ Chỉ huy Hành quân trên không để chỉ huy mặt trận Ban Mê Thuột. Cả hai chiếc C47 và U17 của Tư lệnh Quân đoàn đều được sử dụng. Bộ Tư lệnh Sư đoàn 23 Hành quân nhẹ cũng được thành lập gấp rút ở Buôn Hô.

11 giờ 50 phút, sau gần 4 giờ chờ đợi, Trung tâm Hành quân Quân đoàn II ghi nhận mất liên lạc

hoàn toàn với Tư lệnh chiến trường Ban Mê Thuột và Đại tá Tỉnh trưởng kiêm Tiểu khu trưởng tiểu khu Darlac.

15 giơ 30, Đại tướng Cao Văn Viên gọi cho Tướng Phú gay gắt ra lệnh "bốc" Chuẩn tướng Lê Trung Tường, Tư lệnh Sư đoàn 23 từ mặt trận nam Pleiku thả xuống Ban Mê Thuột chỉ huy.

17 giờ và 23 giờ đêm, những lệnh của Tổng Thống Thiệu và Thủ tướng Chính phủ Trần Thiện Khiêm:
- Linh động trong mọi trường hợp. Cẩn thận không nên dồn hết quân trong mặt trận này.
- Tư lệnh Quân đoàn toàn quyền quyết định, có thể bỏ Ban Mê Thuột. Tránh sa lầy, vì có thể còn hai, ba mặt trận lớn nữa tại Quân khu II.
- Tường trình chính xác các sư đoàn Cộng sản Bắc Việt hiện tham chiến trên trận địa Ban Mê Thuột.
- Tỉnh trưởng Ban Mê Thuột coi như đã mất tích. Chấp thuận thả một Tỉnh trưởng khác xuống chỉ huy nơi có dân và quân tập trung nhiều. Lập tòa Hành chánh và bộ Chỉ huy tiểu khu Ban Mê Thuột lưu động.

Giây phút cuối cùng của Tư lệnh chiến trường Ban Mê Thuột sau này được ghi nhận với những dữ kiện đặc biệt. Buổi sáng khi 2 trái bom 500 cân Anh của Không quân đánh sập một đầu hầm Trung tâm Hành quân của Bộ Tư lệnh Sư đoàn 23 Bộ binh, một số sĩ quan trong bộ tham mưu đã thoát lên được. Trên một thiết vận xa M113, Đại tá Vũ Thế Quang sử dụng máy truyền tin liên lạc với chiếc máy bay chỉ huy, cho lệnh các phản lực cơ trút bom xuống bộ Tư lệnh Sư đoàn hiện đang bị địch quân tràn ngập. Và cho biết sẽ rút về phía Trung đoàn 53 Bộ binh tại phi trường Phụng Dực để tiếp tục chỉ huy. Đại tá Nguyễn Công Luật cùng với Phó Tỉnh trưởng Hành chánh Nguyễn Ngọc Vy đi theo một hướng khác. Nhưng chỉ một thời gian ngắn sau, chiếc thiết vận xa chỉ huy bị bắn cháy, Đại tá Quanh thoát chết trong gang tấc. Cộng quân lúc này đầy khắp các ngả đường trong thành phố cùng với những đoàn xe tăng của chúng. Cũng thời gian này, trên Quốc lộ 14, khoảng đường tư Đức Lập về Ban Mê Thuột, bộ Chỉ huy Hành quân nhẹ của Trung đoàn 53 Bộ binh cùng với một tiểu đoàn, được lệnh rút từ vùng hành quân phía đông bắc quận Đức Lập về tiếp cứu Ban Mê Thuột, cũng bị Việt cộng phục kích chận đánh. Trung tá Trung đoàn Phó Trung đoàn 53 và hầu hết các sĩ quan đều bị tử trận hoặc bị địch bắt. Cánh quân này coi như bị tan rã trước khi tới được trận địa Ban Mê Thuột.

Đến xế trưa ngày 11 tháng 3, bên cạnh Đại tá Quang chỉ còn có người Thiếu úy, Sĩ quan Tùy viên và một người lính. Không thể đi tới được phi trường Phụng Dực và cũng không còn phương tiện truyền tin để liên lạc, ba người đã ẩn tránh trong một vườn cà phê mấy tiếng đồng hồ, đợi đêm tối nhắm hướng nam đi về phía Quảng Đức.

2 giờ sáng ngày 12 tháng 3, đi được khoảng 6 cây số đường rừng ngay khi vưa tới sát một làng Thương, thì bị Việt cộng nổ súng, xông ra vây bắt. Thấy Đại tá Quang vẫn còn mang cấp bậc trên cổ áo và xưng danh là Tư lệnh Phó Sư đoàn 23 Bộ binh, chúng đã trói lại, lột giầy và liệng xuống hố. Chừng một giờ sau, chúng được lệnh dẫn Đại tá Quang đi suốt đêm. Tới chiều hôm sau, ngày 13 tháng 3, được cởi trói, cho đi giầy vào và chở đi bằng xe Molotova sang Cam Bốt

để khai thác. Vùng rừng núi này, chắc chắn là nơi đặt bản doanh bộ Tư lệnh chiến trường Tây nguyên 1975 của 2 Tướng Cộng sản Bắc Việt Văn Tiến Dũng và Hoàng Minh Thảo. Trong suốt thời gian bị điều tra, Đại tá Quang bị Việt cộng khủng bố tinh thần, cùm giữ hai chân trong hai thân cây lớn được khoét lỗ sẵn. Đó có thể cũng là kết quả đưa đến những lời cung khai của Tư lệnh Phó Sư đoàn 23 Bộ binh, như Văn Tiến Dũng đã viết trong cuốn Đại Thắng Mùa Xuân.

Nhưng với cuộc tấn chiếm Ban Mê Thuột bằng một lực lượng chính qui Cộng sản Bắc Việt đông hơn gấp 10 lần, có chiến xa, pháo binh yểm trợ, do chính Văn Tiến Dũng, Tổng Tư lệnh quân đội Bắc Việt trực tiếp chỉ huy, việc giữ được Ban Mê Thuột 48 giờ đã là một sự kiện hết sức đặc biệt. Vì Bộ Tư lệnh Sư đoàn 23 Bộ binh không có hệ thống phòng thủ để chiến đấu. Lực lượng chính yếu là Trung đoàn 53 Bộ binh thì trấn đóng tại phi trường Phụng Dực, cách Ban Mê Thuột 5 cây số. Trong thị xã, ngoài các đơn vị Địa phương quân, chỉ có những thành phần quân nhân lo về tiếp liệu, phòng giữ hậu cứ của các Trung đoàn Bộ binh, hậu cứ các đơn vị Thiết giáp, Pháo binh, Truyền tin, Quân cụ, Công binh.

Một Huyền Thoại trong Chiến Tranh Việt Nam

4 giờ sáng ngày 10 tháng 3, 1975.

Sau những trận mưa pháo suốt 2 tiếng đồng hồ, Cộng quân với chiến xa và biển người, tấn chiếm Ban Mê Thuột. Và với một lực lượng đông gấp 10 lần, địch đã làm chủ tình hình ngay từ phút đầu. Sự chống trả mảnh liệt của những đơn vị phòng vệ thị xã cùng với sự yểm trợ hữu hiệu gan dạ của các phi công anh hùng, đã chặn bớt được sức tiến của quân thù. Nhưng ngày hôm sau, khi Cộng sản Bắc Việt tung thêm Sư đoàn tổng trừ bị 316 mới vào, thì lực lương hai bên giữa ta và địch quá ư chênh lệch, cả về quân số, chiến xa lẫn vũ khí nặng!

12 giờ trưa ngày 10 tháng 3, 1975 tiểu khu Ban Mê Thuột mất!

8 giờ sáng hôm sau 11 tháng 3, 1975, 10 chiến xa T54 của Cộng sản Bắc Việt bắn trực xạ vào bộ Tư lệnh Sư đoàn 23 Bộ binh. Vị Tư lệnh chiến trường chấp nhận rủi ro, nguy hiểm, yêu cầu Không quân đánh bom thẳng vào những xe tăng địch. Những phản lực cơ A37 lao xuống. Ba chiếc T54 bốc cháy, nhưng rồi 2 trái bom khác rơi trúng sập một đầu hầm của Trung tâm Hành quân Sư đoàn 23 Bộ binh. Hệ thống truyền tin giữa Ban Mê Thuột-Pleiku bị hư hại hoàn toàn, mất liên lạc với Tư lệnh Chiến trương và Tỉnh trưởng Ban Mê Thuột từ đó.

8 giờ sáng ngày 11 tháng 3, 1975, giờ phút của định mệnh, và cũng là khởi đầu ngày thứ hai trong trận đánh quyết định giữa hai miền Nam-Bắc 1975. Chiến trường Ban Mê Thuột coi như kết thúc với sự tràn ngập của Bắc quân. Nhưng tại phi trường Phụng Dực, cách Ban Mê Thuột khoảng 8 cây số về phía đông, một trung đoàn (-) của Sư đoàn 23, với 2 Tiểu đoàn của Trung đoàn 53 Bộ binh, một Chi đoàn Thiết vận xa M113, một Pháo đội đại bác 105 ly vẫn tiếp tục chiến đấu thêm một tuần lễ nữa. Chiến đấu dũng mãnh, dai dẳng, phi thường cho đến những người lính cuối cùng và những viên đạn cuối cùng được bắn đi! Đó là một huyền thoại trong một cuộc chiến đấu chống Cộng thần thánh nhất của quân dân miền Nam Việt Nam. Đó cũng là biểu tượng tinh thần gang thép, sắt đá của người chiến sĩ Quân lực Việt Nam Cộng Hòa. Trận thử sức dò dẫm của 2 trung đoàn Cộng sản Bắc Việt và các lực lượng phòng thủ mặt trận phi trường

Phụng Dực đầu tiên xảy ra lúc 14 giờ trưa ngày 10 tháng 3, 1975, với kết quả địch bỏ lại chiến trường trên 200 xác chết!

Nhưng chưa đầy một ngày sau, 5 giờ sáng 11 tháng 3, 1975 khi những chiến xa T54 Bắc Việt nghiền nát những đường phố Ban Mê Thuột, tiến thẳng vào bộ Tư lệnh Sư đoàn 23 Bộ binh, cũng là lúc địch quân rửa hận cho đồng bọn chúng tại mặt trận phi trường Phụng Dực. Sư đoàn 316 tổng trừ bị của Cộng sản Bắc Việt lần đầu tiên được sử dụng trên Chiến trường Cao nguyên và miền Nam Việt Nam. Từ xa lộ đất Hồ Chí Minh, sư đoàn này bất chấp mọi thiệt hại, di chuyển ngày đêm để tới trận địa đêm 10 tháng 3, 1975. Và ngay sáng hôm sau, dốc toàn lực lượng tấn công Trung đoàn 53 Bộ binh. 45 phút khởi đầu là những cơn mưa đạn đại bác khiến chiến sĩ ta chìm ngập trong giao thông hào. Sau đó, Bắc quân với những tên lính trẻ xuất trận lần đầu, hung hăng, hò hét ... xung phong. Từng lớp, từng lớp gục xuống, nhưng chúng vẫn hô, vẫn tiến.

Trận thư hùng thứ hai ngày 11 tháng 3, 1975 này kéo dài 2 giờ 40 phút. Gần 200 người anh hùng của chiến trường miền núi vĩnh viễn buông súng, ở lại Cao nguyên Việt Nam! Nhưng những người còn lại vẫn tiếp tục chiến đấu. Chiến đấu không yểm trợ, không tiếp tế, không tản thương, không tăm gội, 24 giờ trên 24 giờ ngoài chiến hào phòng thủ! Quá nửa lực lượng bị thiệt hại từ khi ở mặt trận Quảng Đức rút về. Trung đoàn 53 Bộ binh hiện còn hơn một tiểu đoàn với khoảng 500 tay súng. Và họ đã chiến đấu đơn độc sang ngày thứ ba 12 tháng 3, ngày thứ tư 13 tháng 3, ngày thứ năm 14 tháng 3, ngày thứ sáu 15 tháng 3, ngày thứ bảy 16 tháng 3. Và hôm nay, ngày thứ tám 17 thang 3, 1975!

7 giờ 40 phút sáng, khi rừng núi cao nguyên vẫn còn ngủ yên với những lớp sương mù phủ kín, hàng trăm hàng ngàn viện đại bác Bắc quân nã vào những chiến hào của Trung đoàn 53 Bộ binh. Cỏ cây rạp xuống. Những cột đất đỏ từng cụm, từng khóm tung cao! Trận địa pháo kéo dài một tiếng đồng hồ. Tiếp theo sau là tiếng loa kêu gọi đầu hàng. Tiếng hò reo "sóng vỡ" của biển người. Và rồi tiếng gầm thét của hàng đoàn chiến xa T54 trên khắp ngả tiến vào, cầy nát phi đạo phi trường Phụng Dực Ban Mê Thuột!

Hôm nay là ngày đầu của cuộc rút quân của Quân đoàn II. Sư đoàn 316 Cộng sản Bắc Việt quyết khai tử Trung đoàn 53 Bộ binh, quyết nhổ đi "cái gai" cuối cùng của mặt trận Ban Mê Thuột, của Chiến trường Cao nguyên để tiến về duyên hải.

8 giờ 30 sáng, Đại tướng Cao Văn Viên, Tổng Tham mưu trưởng Quân lực Việt Nam Cộng Hòa, vị Tướng lớn nhất của Quân đội gọi yêu cầu được tường trình đặc biệt về mặt trận phi trường Phụng Dực và các chiến sĩ Trung đoàn 53 Bộ binh. Đây cũng là một vinh dự, một hãnh diện cuối cùng dành cho những dũng sĩ tại mặt trận này! Nhưng Đại tướng Viên chỉ được báo cáo qua nguồn tin không chính xác (!) của bộ Tư lệnh Sư đoàn 23 hành quân ở Phước An: Trung đoàn 53 Bộ binh đang bị đánh rất nặng, Bắc quân đã tràn ngập vị trí phòng thủ!
Đạn hết, lương thực hết, không còn cấp chỉ huy, không còn được yểm trợ, không còn máy móc liên lạc để ... kêu cứu. Những chiến sĩ Trung đoàn 53 Bộ binh gục ngã từng người, từng tổ, từng ... tiểu đội ... trong những chiến hào ...

11 giờ 30 sáng, tiếng súng im bặt. Bắc quân cắm ngọn cờ đỏ trên đài kiểm soát của phi trường Phụng Dực, và thu dọn chiến trường.

Không có tù binh, không có cả những người lính bị thương. Những dũng sĩ Trung đoàn 53 Bộ binh không còn chiến đấu nữa. Họ đã tan ra, đã nát ra ... từng mảnh vụn, và lẫn trong đất đỏ của miền cao nguyên hùng vĩ!

Ngày 17 tháng 3, 1975 Trung đoàn 53 Bộ binh bị Bắc quân xóa tên. Đó cũng là một ngày đau buồn! Lần đầu tiên trong 21 năm chiến đấu chống cộng, giữ nước, bộ Tư lệnh Quân đoàn II triệt thoái khỏi cao nguyên! Nhưng không, đó vẫn chưa phải là những dòng chữ cuối cùng viết về các dũng sĩ Trung đoàn 53 Bộ binh! Bởi vì ... vẫn còn những anh hùng của Quân lực Việt Nam Cộng Hòa mang phù hiệu của Trung đoàn 53 ... trên vai áo.
Hai ngày sau, khi Bắc quân tràn ngập phi trường Phụng Dực, Ban Mê Thuột, một nhóm 16 quân nhân của đơn vị này đã về được Phước An và tiếp tục chiến đấu tại mặt trận Quốc lộ 21. Một tuần lễ sau nữa, ngày 24 tháng 3, 1975 ba người anh hùng khác, sau 7 ngày 7 đêm, đi trên mấy chục cây số đường rừng núi, sống với cỏ cây thiên nhiên, từ Ban Mê Thuột đã lên tới buôn Thượng Dam Rong, Đà Lạt!

Họ là những quân nhân bất tử của Trung đoàn 53 Bộ binh! Họ thật vĩ đại, thật phi thường! Và đó cũng là một huyền thoại của chiến tranh Việt Nam trong trận chiến Nam-Bắc sau cùng 1975.

Liên tỉnh lộ 7 Pleiku-Phú Bổn-Phú Yên
Ngày thứ nhất 17 tháng 3, 1975.
Ngày đầu tiên của cuộc rút quân. Trời mây mù, ảm đạm. Trong 21 năm chiến đấu chống Cộng giữ nước của quân dân miền Nam, kể từ sau Hiệp định Genève, đây là một ngày đau buồn nhất xảy ra trên Chiến trường Cao nguyên Việt Nam.
Thành phố Pleime nằm trên một ngọn đồi cao, nơi đặt bản doanh của bộ Tư lệnh Quân đoàn II hôm nay không còn vẻ uy nghiêm, hùng vĩ nữa. Cây cột cờ mà mấy ngày trước địch pháo gần trúng, đứng trơ trọi như một thân cây trụi lá. Không còn lá cờ vàng ba sọc đỏ thân yêu, không còn lá cờ tướng với những ngôi sao trắng được kéo lên, như mỗi ngày trước đây! Con đường từ bộ Tư lệnh Quân đoàn về Pleiku kéo dài mấy cây số, và từ những ngả đường khác đổ xô về, người và xe cộ nối đuôi, dồn, lấn, kẹt cứng.
Tin Quân đoàn "di tản" đã không còn là một tin "tối mật" như các giới chức quân sự mong muốn. Từ hai ngày nay, mọi người dân Pleiku, mọi gia đình quân nhân, và chắc chắn cả ... địch nữa, đều biết. Hỗn loạn, cướp bóc, bắn phá xảy ra nhiều nơi, trong và ngoài thị xã.

8 giờ 40 phút, cắt đứt mọi liên lạc bằng điện thoại với bộ Tư lệnh Quân đoàn II ở Pleiku. Đoàn xe di chuyển, khoảng 4000 quân xa đủ loại và những xe dân sự.

9 giờ 15 phút, Tướng Lê Văn Thân, Phụ tá Quân khu II và Trưởng phòng 3 Quân đoàn bay trên C47, bộ Chỉ huy Hành quân trên không, để quan sát đoàn xe. Thêm một máy bay bay quan sát được lệnh liên lạc thường trực với Tướng Phạm Duy Tất, chỉ huy cuộc rút quân.

9 giờ 30, Tướng Trần Đình Thọ, Trưởng phòng 3 bộ Tổng tham mưu gọi ra ghi nhận một lần nữa những rối loạn và tình hình xảy ra thật sự tại Pleiku ngày 16 tháng 3, 1975 để trình thượng cấp. Theo báo cáo của Đại tá Lý gọi thẳng về Saigon, tình hình Pleiku ngày 16 tháng 3, 1975 cực kỳ hỗn loạn. Phi trường Cù Hanh, dân chúng, binh sĩ và gia đình tràn vào. Lực lượng an ninh không giữ được trật tự. Cướp của, hãm hiếp đã xảy ra. Một báo cáo khác của Đại tá Hoàng Thọ Nhu, Tỉnh trưởng Pleiku gọi về Nha Trang trình với Tướng Phú thì, tình hình có rối loạn nhưng không ở mức độ trầm trọng. Bởi vì nếu "cực kỳ hỗn loạn" thì Tướng Tất và bộ Tư lệnh Quân đoàn đã không sắp xếp và tổ chức được đội hình của đoàn xe, hơn 4000 cái di chuyển ngày hôm nay. "Tiếng nói" của Đại tá Nhu coi như là tiếng nói chính thức, đại diện cho Tướng Tất, người thay Tướng Phú chỉ huy cuộc rút quân!

Tướng Phú giận lắm, nhưng chỉ trình bày với Tướng Thọ, vì Đại tá Lý mất bình tĩnh nên báo cáo không đúng sự thật!!! Đại tá Lê Khắc Lý, Tham mưu trưởng Quân đoàn II là một sĩ quan rất giỏi về tham mưu và tổ chức. Nhưng vụ Tướng Phú gắn sao cho Đại tá Tất làm ông bất mãn và chán nản. Với sự thông minh và khôn ngoan, ông nhìn thấy trước sự thất bại của Quân đoàn kỳ này trong cuộc rút quân. Do đó, việc Tướng Phú hứa hẹn cho ông lên Tướng chỉ là một lời hứa viển vông, không bao giờ thành sự thật. Cũng vì vậy, ngay khi Tướng Phú rời Pleiku, ông đã bất chấp mọi lệnh của Tướng Trần Văn Cẩm, Phụ tá Hành quân Tư lệnh Quân đoàn, và Tướng Phạm Duy Tất, chỉ huy cuộc rút quân. Tướng Phú được thông báo về sự việc này, nên khi nghe Đại tá Lý báo cáo thẳng về Saigon những rối loạn, cướp bóc, hãm hiếp xảy ra tại Pleiku đêm 16 tháng 3, 1975 lại cho rằng Đại tá Lý bất mãn, nên phá hoại. Sự thật những điều Đại tá Lý trình cho Tướng Thọ đều đúng! Ghi nhận sự kiện này ra đây để nói lên sự đổ vỡ tồi tệ của hệ thống chỉ huy Quân đoàn II. Vì sự đố kỵ, bất mãn, bất lực và vô kỷ luật của cả những sĩ quan cao cấp và có trách nhiệm nhất, đưa đến sự thảm bại nặng nề trong cuộc rút quân khỏi cao nguyên.

10 giờ phi trường Cù Hanh chính thức đóng cửa.

10 giờ 15 phút, liên lạc lần cuối cùng giữa Tư lệnh Quân đoàn II và Tướng Cẩm tại Pleiku bằng STS-106. Xác nhận về việc ra lệnh cho Tỉnh trưởng Pleiku phòng thủ tỉnh này. Nghi ngờ hệ thống truyền tin bị địch phá.

10 giờ 45 phút, Đại tá Trần Cửu Thiên bay đi Phú Bổn cùng với các chuyên viên truyền tin, thiết lập hệ thống liên lạc để tường trình tình hình đoàn xe từng giơ về Nha Trang, Saigon.

10 giờ 50 phút, Tổng Thống Thiệu gọi ra lệnh giải tỏa gấp rút mặt trận Khánh Dương và Quốc lộ 21 bằng mọi giá. Chấp thuận cho Đại tá Nguyễn Văn Đức làm Tư lệnh Sư đoàn 23 Bộ binh. Chặng đầu của cuộc rút quân Pleiku-Phú Bổn sáng ngày 17 tháng 3,1975 diễn ra tốt đẹp. Hệ thống liên lạc siêu tần số từ Nha Trang và đoàn quân triệt thoái bị gián đoạn trong 2 giờ đầu. Nhưng sau đó, từ 12 giờ 20 phút, mọi liên lạc và báo cáo đều rõ ràng.

13 giờ, đoàn xe về gần tới Phú Bổn. Một số xe bị ứ đọng. Những lệnh cần thiết được ban hành. Các Tướng Cẩm và Tất đích thân chỉ huy, điều động. Các đơn vị vào vị trí phòng thủ. Liên đoàn

6 Công binh Chiến đấu và những đơn vị Biệt động quân tiếp tục mở và dọn đường cho chặng kế tiếp. Lữ đoàn II Thiết giáp và các Liên đoàn Biệt động quân khác đi sau cùng bảo vệ đoàn quân và chiến cụ, đề phòng bị địch đánh tập hậu.

13 giờ 40 phút, Tướng Thọ, Trưởng phòng 3 Tổng Tham mưu gọi ra từ Saigon cho biết, Tổng Thống, Hội đồng Nội các, và các Tướng lãnh khen ngợi Tư lệnh và bộ Tư lệnh Quân đoàn II về cuộc rút quân. Nhưng đấy chỉ là chặng đầu trên Liên tỉnh lộ 7. Con đường chôn vùi hàng nhiều ngàn xác đồng bào và trẻ thơ vô tội. Chôn vùi tên tuổi tất cả các Tướng lãnh đạo Đất Nước trong những năm sau cùng. Và cũng chính là con đương đưa đến sự sụp đổ mau chóng của Quân lực Việt Nam Cộng Hòa, để rồi miền Nam Việt Nam mất vào tay Cộng sản sau đó.

18 giờ 15 phút, Đại tá Tham Mưu trưởng báo cáo về tình hình Phú Bổn. Đã tổ chức, phân loại xe quân đội và dân sự. Ra lệnh các đơn vị không được tự ý tách rời đoàn xe đi riêng. Một sự việc xảy ra vào buổi tối. Lính Thương nổi loạn, đốt nhà, ăn cướp, nhưng chỉ là một nhóm nhỏ. Tỉnh trưởng Phú Bổn đã giải quyết và chận đứng.

Mặt trận Phước An
Bộ Tư lệnh Quân đoàn II, các Lực lương Thiết giáp, Không quân, Pháo binh và Chủ lực quân đã rút khỏi Kontum, Pleiku. Trong 2 ngày nữa, nếu đoàn xe không về tới Phú Bổn như dự định, thì mặt trận Phước An sẽ vô cùng nguy ngập. Bởi vì địch chỉ cần sử dụng một phần lực lượng tại trận địa Ban Mê Thuột hiện nay, với chiến xa và trọng pháo yểm trợ, sẽ dứt Phước An dễ dàng. Và sau đó là Khánh Dương. Kiểm điểm lại quân số của sư đoàn và những đơn vị tăng cường hiện đang ở mặt trận Phước An, Đại tá Đức, tân Tư lệnh Sư đoàn 23 Bộ binh vô cùng lo ngại. Lực lương chính yếu của sư đoàn là Trung đoàn 45 Bộ binh. Đơn vị với tinh thần cao độ, đã tình nguyện nhảy xuống Phước An trong đoàn quân tăng viện ngày 12 và 13 tháng 3, thì hôm nay đã tan hàng, trở thành dân sự già nửa quân số. Buổi sáng, trong đợt di dân mới từ Ban Mê Thuột, khoảng 5000 người đã băng rừng đi về phía Phước An và nam Khánh Dương. Một số lớn là vợ con anh em binh sĩ Trung đoàn 45. Do đó, họ tự động bỏ súng, "chạy loạn" với gia đình.

Trung đoàn 45 còn lại đúng 200. Trung đoàn 44 với một Tiểu đoàn Chiến đấu và một Đại đội Trinh sát chưa sứt mẻ, khoảng 300. Liên đoàn 21 Biệt động quân, 110 người. Bộ Tư lệnh Sư đoàn tại Chu Cúc, 42. Hậu trạm tại Khánh Dương, 6. Khoảng 700 tay súng, không chiến xa và có 4 khẩu đại bác 105 ly. Đó là thực lực của mặt trận lớn nhất hiện nay tại Quân khu II. Một trận đánh lớn nếu xảy ra, chắc chắn lực lượng này phải đương đầu với Sư đoàn F10 Cộng sản Bắc Việt từ Ban Mê Thuột kéo về, với quân số 7, 8 ngàn và có chiến xa, đại pháo yểm trợ ! "Người lính già" của chiến trường với 25 năm quân ngũ, Tư lệnh phó Biệt khu 44 của Tướng Phú năm 1969, chờ đợi giây phút này từ lâu. Và hôm nay ... đã đến. Tổng Thống Thiệu, Đại tướng Viên cùng chấp thuận việc bổ nhiệm ông là Tư lệnh Sư đoàn 23 Bộ binh! Đại tá Đức khẽ mỉm cười, và tiến lại phía các chiến hữu của mình đang phòng thủ để quan sát.

17 giờ, phi cơ quan sát phát hiện khoảng 10 chiến xa địch gần Chu Cúc, xin đánh bom tối đa.

5 phi tuần khu trục từ Phan Rang lên. Điều động trễ 15 phút. Phi tuần 1 lên tới vùng mục tiêu lúc

17 giờ 40 phút. Trời mù, không nhìn rõ, các khu trục cơ phải quay về. Tư lệnh Sư đoàn 23 Bộ binh vẫn tiếp tục xin Không quân đánh tiếp. Thêm 2 xe tăng Cộng sản Bắc Việt di chuyển ở phía bắc cây số 62, mặt trận Khánh Dương. Và tin tình báo mới nhất thâu thập được qua một tù binh Bắc Việt bắt được ngày 16 tháng 3, 1975, hai Trung đoàn 64 và 48 Cộng sản Bắc Việt đã di chuyển tới tây bắc Khánh Dương khoảng 20 cây số. Lực lương Sư đoàn 23 Bộ binh sẽ cùng phối hợp với 2 Tiểu đoàn thuộc Sư đoàn 22 Bộ binh tăng cường tổ chức tuyến phòng thủ, chận đứng cuộc tiến quân xuống Khánh Dương, Dục Mỹ của địch.

Nhưng cũng chỉ là trứng chọi đá! Quả thật trong trận này, lực lượng Việt cộng và quân ta quá chênh lệch!

Một sự việc cuối cùng và đặc biệt xảy ra hôm nay mà tôi ghi nhận, đó là yêu cầu của 2 Tỉnh trưởng Kontum và Pleiku xin máy bay chở bạc về Tổng Ngân Khố, Saigon. Bộ Tư lệnh Quân đoàn lúc đầu chấp thuận, nhưng sau lại hủy bỏ. Vì phi trường Cù Hanh, Pleiku đã đóng cửa từ lúc 10 giờ sáng. Và, số bạc khổng lồ của 2 tỉnh liền được ... đốt đi! Đây cũng là một sự việc cực kỳ khó hiểu. Tại sao các Tỉnh trưởng Kontum, Pleiku được "ủy quyền" ở lại phòng thủ 2 thị xã này, lại xin máy bay chở bạc, và sau đó "đốt" đi hàng trăm triệu bạc, ngay cùng ngày Quân đoàn vừa di tản khỏi Pleiku?

Tôi quá mệt mỏi nên đã không tìm hiểu "lệnh đốt bạc" từ đâu tới. Từ Saigon hay từ bộ Tư lệnh Quân đoàn II?

Còn Lại Gì?

Phạm Thị Hoài – Đức

Như mây đã sẵn ở trên trời, lúc tôi sinh ra chiến tranh cũng đã sẵn. Tôi không phải làm quen với nó, nó phải làm quen với sự xuất hiện của tôi. Mười lăm năm, ngày ngày ngửa mặt ngắm chiến tranh chầm chậm trôi, tôi không là một đứa bé bất hạnh. Những đám mây ấy phần lớn đều mầu hồng. Thỉnh thoảng có đám mây giông, nhưng chỉ để mầu hồng sau đó càng rực rỡ. Ngay cả khi chiến tranh ở nơi sơ tán là chùm bom lao vùn vụt, nhanh hơn mọi vật biết chuyển động mà tôi từng biết cho đến lúc ấy; ngay cả khi chiến tranh là những cánh tay và khúc chân rơi rải rác mà lúc đi nhặt tôi cố đoán chúng từng thuộc về bạn nào, lớp nào..., thì với tôi, sinh ra và lớn lên tại miền Bắc Việt Nam những năm sáu mươi và bảy mươi, chiến tranh tự nhiên thuộc về cuộc sống, là phần tươi hồng của cuộc sống. Gắn với cuộc chiến ấy, cái chết cũng lấp lánh, cũng nháy mắt hẹn ngày mai gặp lại. Nếu không có thay đổi gì đặc biệt, lúc tôi ra khỏi cuộc đời thì chiến tranh hẳn vẫn bình thản trôi tiếp, như mãi mãi là thế, như mây trên trời.
Mùa xuân năm ***1975*****,** từ giữa tháng Ba với ***Buôn Ma Thuột***, mỗi buổi sáng trước giờ khai giảng một học sinh tiên tiến được vinh dự cầm cây cờ đỏ sao vàng bé xíu lên cắm trên tấm bản đồ đất nước, đúng ở điểm vừa được giải phóng, vừa „hoàn toàn thuộc về ta“. ***Huế 26.3, Đà Nẵng 29.3, Phan Rang 16.4, Xuân Lộc 21.4...*** Mầu đỏ san sát, tiến ào ạt xuống phiá Nam tới mức tôi sợ đến lượt mình thì không còn đất cắm. Ngày 27.4, cầm lá cờ làm bằng giấy mầu và tăm tre tiến vào Bà Rịa, tôi cũng khóc như bao người, nhưng không phải nước mắt của chiến thắng. Tôi có biết gì đâu về cái giá của chiến thắng. Đó là nước mắt của chia tay. Chiến tranh đã làm quen với tôi, nay tôi phải làm quen với sự ra đi của nó. Ai sẽ thay nó, nháy mắt chào? Còn lại gì, sau chiến tranh?
Một thập kỉ hậu chiến với chế độ phân phối thời chiến, nếp sống hà khắc thời chiến, tư duy sắt đá thời chiến, xung đột quân sự ở biên giới phiá Tây với Cambodia, xung đột quân sự ở biên giới phía bắc với Trung Quốc và sự tiếp diễn của chiến tranh lạnh đã biến nền độc lập dân tộc vừa giành được thành sự cô lập quốc tế, biến đất nước vừa thống nhất thành một lãnh thổ toàn vẹn của nghèo đói, lạc hậu và đàn áp từ Bắc chí Nam.

Sống ở Hà Nội đầu những năm tám mươi, tôi đã hình dung mình sẽ sinh một đứa con, và nó sẽ mở đầu lí lịch bằng câu: Như mây đã sẵn ở trên trời, khi tôi sinh ra hậu chiến cũng đã sẵn. Ngày ngày cúi mặt cho những đám mây hậu chiến mầu chì chầm chậm trôi... Nhưng giữa thập niên tám mươi, chính sách Đổi mới bắt đầu. Những người chiến thắng phải mất mười năm để nhận ra rằng vinh quang không phải là thứ nhai được thay cơm. Năm 1994, lệnh cấm vận thương mại với Việt Nam được bãi bỏ, bình thường hoá quan hệ Việt-Mĩ bắt đầu. Nước Mĩ mất hai mươi năm để kí giao kèo hoà thuận với quá khứ của chính mình. Với Mĩ, chiến tranh Việt Nam đã hoàn toàn thuộc về lịch sử. Nó chỉ còn được dùng bốn năm một lần làm phép thử không mấy hiệu nghiệm cho lòng ái quốc và tư cách đạo đức của các ứng viên tổng thống, hoặc để đối chiếu với những cuộc chiến khác mà Mĩ đã và có thể sẽ bận bịu tiến hành. 30 năm sau, người ta nói ngắn gọn: Lịch sử đã lên sẹo, hãy cho nó được nghỉ yên, không có lí do gì để khai quật những chứng tích chẳng còn liên quan đến hiện tại. Hãy nhìn về tương lai.

Tôi thuộc về số - có lẽ là thiểu số - những người không dễ dàng tuyên bố như thế. Ba mươi năm sau, lá cờ nhỏ bằng nửa bao diêm gắn trên đầu tăm mà tôi cắm vào Bà Rịa trở nên trĩu nặng trong tay tôi hơn bao giờ. Vâng, 4 triệu dân thường, 1 triệu binh sĩ tử vong, hàng triệu trẻ em mồ côi và phụ nữ goá bụa, hàng chục triệu người chịu thương tích thể xác và tâm hồn, 76 triệu lít chất độc hoá học và 13 triệu tấn bom đạn... là những con số đã thuộc về lịch sử, tôi không khai quật những con số. Nhưng các hậu quả trầm trọng nhất của cuộc chiến tranh đạt những kỉ lục không thể vượt qua của sự phi nhân tính ấy vẫn còn nguyên, đơn giản vì chúng chưa bao giờ được đưa vào danh sách các hậu quả cần khắc phục.

Kết cục của chiến tranh Việt Nam là sự toàn thắng của những người cộng sản. Cuộc chiến ấy là nguồn sữa, trường học và hòn đá thử của chủ nghĩa cộng sản Việt Nam, là lời biện minh của lịch sử cho quyền lãnh đạo tất yếu của Đảng Cộng sản, là bằng chứng của sự hoàn thành một Thiên mệnh. Chủ nghĩa cộng sản đã tìm được con đường đặc biệt của nó tại Việt Nam để lên ngôi: thông qua một Thiên mệnh đặc biệt đẫm máu. Song chiến tranh thì đã qua, Thiên mệnh vẫn còn lại. Từ ấy đến nay, tính chính đáng của ba mươi năm trước được ôn lại ráo riết, được khẳng định bền bỉ, được chân lí hoá và thần thánh hoá; những anh hùng thời chiến tiếp tục giành độc quyền chỉ huy thời bình; chế độ chỉ đạo quân sự trong chiến tranh thăng hoa trọn vẹn vào chế độ lãnh đạo toàn trị trong hoà bình. Hơn ai hết, Đảng Cộng sản Việt Nam hiểu rõ rằng mọi thứ đều có thể đổi mới, nhưng huyền thoại về Thiên mệnh ấy không được phép suy suyễn, bởi mọi lí tưởng của chủ nghĩa cộng sản hoặc đã bị bản thân những người cộng sản đang cầm quyền phản bội mà không một lời tự xin lỗi, ít nhất trước chính mình, hoặc đã hoàn toàn phá sản. [1] Chẳng lẽ có thể xếp cuộc chiến tranh ấy vào hồ sơ của một giai đoạn lịch sử, nhưng giấy ủy nhiệm của giai đoạn lịch sử ấy thì giữ vô thời hạn cho riêng mình?

Tại Việt Nam ba mươi năm sau chiến tranh, những giá trị nền tảng của văn hoá Việt truyền thống đều đã mất hiệu lực, những giá trị cao cả nhất của lí tưởng cộng sản đã trở thành trò hề, những giá trị căn bản nhất của mô hình dân chủ xuất phát từ phương Tây chưa tìm được chỗ đứng, và những giá trị tích cực nhất của một thế giới toàn cầu hiện đại chưa thành hình. Nạn tham nhũng, tình trạng phạm pháp, sự băng hoại đạo đức và nhân cách, sự sụp đổ của hệ thống y tế và giáo dục, đà tăng tiến chóng mặt của bất bình đẳng xã hội, quả bom nổ chậm của xung đột sắc tộc và tôn giáo, nguy cơ hỗn loạn từ một nông thôn khổng lồ hoàn toàn bị bỏ rơi, sự tàn phá và ô nhiễm môi trường, sự nghèo nàn thảm hại của đời sống tinh thần, sự tê liệt của tầng lớp trí thức, sự vô hiệu hoá khả năng liên kết của các tầng lớp xã hội, sự khủng hoảng niềm tin và thiếu vắng hi vọng..., trước tất cả những vấn nạn đó của thời hậu cộng sản, chế độ toàn trị đã có đủ thời gian và cơ hội để chứng minh xuất sắc rằng mình không còn thẩm quyền, và nhất là không còn độc quyền đưa ra giải pháp. Chẳng lẽ có thể tiễn cuộc chiến tranh Việt Nam vào bảo tàng, nhưng đi theo chế độ toàn trị Việt Nam vào tương lai? Chẳng lẽ cái giá xứng đáng cho hoà bình là một nền độc tài?

Kết cục của chiến tranh Việt Nam không phải là sự sụp đổ của Hợp chúng quốc Hoa Kì, mà là sự tiêu vong của Việt Nam Cộng Hoà, quốc gia từng hiện diện trên một nửa lãnh thổ Việt Nam không kém hợp pháp hơn người anh em của nó ở phía Bắc, và - bất chấp tất cả sự thối nát của

những nội các cụ thể, sự bất lực của các nhân vật lãnh đạo cụ thể - là nhà nước đầu tiên trong lịch sử Việt Nam thiết lập trên những nguyên tắc căn bản của nền dân chủ hiện đại. [2] Tôi sẽ không bao giờ gột nổi thiếu tướng Nguyễn Ngọc Loan trong bức hình nổi tiếng của Eddie Adams ra khỏi trí nhớ, và những lời nói sau của người phóng viên nhiếp ảnh ấy chỉ tô đậm đường nét bi kịch quái đản mà Orina Fallaci đã phác hoạ sau buổi gặp giữa bà và ông Giám đốc Nha Cảnh sát Sài Gòn, người yêu hoa hồng, Brahms, Chopin, khinh bỉ nghiệp võ biền, ví một nhà sư tự thiêu trong phong trào Phật giáo phản kháng với một con chó say ma tuý và coi Việt Cộng là một lũ trẻ hư đáng bị ăn đòn [3] .

Nhưng nhà tù, trại cải tạo, tước đoạt tài sản, kì thị trẻ em lai, phân biệt đối xử và thanh trừng trí thức, huỷ diệt và cấm đoán các sản phẩm văn hoá văn nghệ, xoá trắng hàng loạt cuộc đời và sự nghiệp... ở quy mô bao trùm toàn xã hội miền Nam ngay sau ngày giải phóng nhất định không phải là những hành vi xứng đáng với tư thế của kẻ chiến thắng trong chính nghĩa, không phải là bằng chứng cho tính ưu việt của chế độ mới so với chế độ mà nó vừa kết liễu. Ba mươi năm sau, Việt Nam vẫn chưa một lần chính thức ghi nhận cuộc di tản đau thương của gần một triệu người Việt miền Nam. Như thể họ không thuộc về dân tộc Việt và khối đại đoàn kết dân tộc đã khai trừ họ. Như thể nước Việt Nam là của những người Việt này và không của những người Việt khác. Như thể lúa đã mọc lại trên chiến hào ra sao thì tình dân tộc ắt bắt rễ trên miệng hố sâu của chia rẽ và hận thù như thế, chẳng cần ai khoả lấp. Người ta dễ dàng nói ngắn gọn: Vết thương đã ăn da non, đừng ngoáy sâu vào nữa. Nhưng đó không là vết thương. Đó là khối u mà thời gian không hề là phép chữa nhiệm mầu. Ngược lại. Sự chia cắt dân tộc là điểm xuất phát của cuộc chiến, chẳng lẽ điều còn lại ba mươi năm sau chiến tranh vẫn là chia cắt? Làm sao có thể hoà giải, nếu không sám hối và tha thứ? Làm sao có thể khép lại quá khứ, khi người Việt và người Mĩ đã có thể chìa tay cho nhau, nhưng người Việt tiếp tục không chìa tay cho người Việt? Ba mươi năm nay, với mỗi ngày một lòng biết ơn không thuyên giảm tôi làm quen với hoà bình. Nhưng những cái bóng đen nhất mà chiến tranh Việt Nam hắt lại vẫn còn đó. Vẫn chầm chậm trôi, như mãi mãi là thế, như mây trên trời. Nếu không có thay đổi gì đặc biệt.

Hoàng Hôn Chụp Xuống Pleiku

Nguyễn Tú

Sài Gòn 17-3:

Chiều tối Chủ Nhật ngày 16 tháng 3-1975, bạn Nguyễn Tú, đặc phái viên Chính Luận tại chiến trường Quân khu 2, đã từ Pleiku gọi điện thoại về cho biết tình hình Pleiku, sau khi Bộ Tư Lệnh Quân Khu 2 di tản về Nha Trang. Bạn Nguyễn Tú cho biết là trong hai ngày qua, đồng bào trong toàn tỉnh đã hoang mang tới cực độ khi nghe tin các bài phát thanh ngoại quốc loan báo Bộ Tư Lệnh Quân Khu 2 di tản về Nha Trang. Giới hữu trách không có lời giải thích nào để trấn an đồng bào mỗi phút lại càng mất thêm tinh thần, mạnh ai lo liệu phương tiện di tản ra khỏi vùng giao tranh và tránh mặt quân cộng sản.

Chiều qua, các phố xá đã đóng cửa không buôn bán cầm chừng như trước đây và đồng bào đã đổ xô hết ra đường, nhốn nháo ngược xuôi tìm lối chạy. Người ta thuê bao đủ mọi loại xe, chất hết đồ đạc quần áo để chuẩn bị chạy. Giá xe từ 200 ngàn, nửa triệu một chiếc đã tăng lên nhiều hơn nữa. Những người ít tiền cũng vét túi, chung nhau thuê xe, và các loại xe, từ xe lam, xe vận tải, xe lô, xa nhà, xe Honda, cho đến cả xe ủi đất, xe cứu hỏa, xe cần trục, máy cày v.v... đều chất đầy ắp đồ đạc, đầu nối đuôi dài dài trên các đường phố chính như Hoàng Diệu, Võ Tánh, Phan Bội Châu, Quang Trung, Hai Bà Trưng. Tất cả đều rộn ràng di chuyển, nhưng không biết di chuyển theo lối nào, vì con đường duy nhất có thể chạy về Quy Nhơn là quốc lộ 19 thì đã bị địch cắt. Áp lực của quân cộng sản vẫn nặng nề trên con đường băng rừng băng núi này, cái chết có thể đe dọa tập thể tỵ nạn bất cừ nơi nào và bất cứ giờ phút nào. Những chuyến bay của Hàng Không Việt Nam đã ngưng từ mấy hôm nay nên phi trường chỉ còn là nơi hoạt động rộn rịp của các loại máy bay quân sự.

Tin tức một số gia đình thuộc Bộ Tư Lệnh Quân Đoàn và các ngoại kiều được di tản ra khỏi Pleiku làm cho mọi người càng thêm hốt hoảng. Họ chỉ còn trông ngóng vào con đường sống duy nhất là quốc lộ 19. Họ cầu nguyện và mong ngóng cho quốc lộ này được giải tỏa mau lẹ để lánh xa nơi quân cộng sản kéo tới. Cảnh hốt hoảng càng thêm mãnh liệt hơn khi một số đồng bào tỵ nạn ở Kontum, Thành An, Phú Nhơn v.v... kéo về Pleiku chờ mở đường chạy giặc. Ám ảnh... đại lộ kinh hoàng và chợ Đông Ba rực cháy ngày nào ở miền Trung là một ám ảnh khó xóa nhòa trong tâm tư mọi người. Dắt dìu nhau ngược xuôi ngoài đường phố, và đồng bào ngơ ngác thầm hỏi nhau biết chạy đi đâu bây giờ? Từ cả tuần, báo chí không lên Pleiku nữa, do đó có muốn được đọc những lời tuyên bố rất bình tĩnh của các giới chức Sài Gòn cũng không được.

Qua điện thoại, bạn Nguyễn Tú báo tin cho tòa soạn biết là bạn đang tìm cách thoát khỏi Pleiku cùng đồng bào và sau đây là bản tin cuối cùng của bạn từ Pleiku gửi về cho tòa soạn và bạn đọc Chính Luận.

Lại thêm một hoàng hôn:

***
Bạn Nguyễn Tú cho biết, qua điện thoại, nguyên văn như sau:

Lại thêm một hoàng hôn, có thể hơn thế nữa, bắt đầu. Trưa hôm nay từ 12 giờ, dân chúng Thanh An, Phú Nhơn và các vùng lân cận Pleiku đều đổ xô về thị xã Pleiku. Họ đang sống những giờ phút lo âu, kinh hoàng ngoài đường phố. Trên khắp ngả đường đều chật các xe đủ loại, xe quân sự, xe dân sự, xe chở hàng, xe ủi đất, xe chữa lửa, xe máy kéo có rờ moọc, bên trên chất đầy những "gia bảo" cuối cùng của dân chúng. Tất cả các gia đình, già trẻ lớn bé, dân sự cũng như quân sự, ngồi sẵn trên xe, để chờ di tản mà họ không biết là đi đường nào. Các lực lượng diện địa của ta và các lực lượng trong ngành an ninh, quân cảnh, cảnh sát đều không còn có thể kiểm soát được nữa. Vì tất cả các nhân viên đó đều lo lắng cho chính gia đình họ. Ngoài đường phố đầy rẫy những người đi bộ. Những quân nhân, và thường dân tay xách nách mang và bồng bế các trẻ thơ, xách những giỏ đồ đạc lang thang khắp phố, không biết đi đâu nữa. Pleiku đang sống trong một không khí kinh hoàng chưa từng thấy, hơn cả cố đô Huế năm 1972.

Kontum – Pleiku coi như bị bỏ ngỏ, vì các nhân viên có trong trách an ninh đã chỉ lo cho riêng gia đình họ và không còn ai còn có tinh thần đảm nhận trách vụ của mình... Sự kiểm soát đã lọt ra ngoài tay của các giới lãnh đạo chính quyền tỉnh. Riêng các lực lượng chính quy còn có kỷ luật và tinh thần chiến đấu. Nhưng tình trạng hỗn loạn xáo trộn của dân chúng Pleiku ra đầy ngoài đường, đã tạo nên một cảnh tượng thật không thể tưởng tượng nổi. Trên khuôn mặt mỗi người đều lộ vẻ lo âu, không tả hết. Chiến tranh thực sự chưa tới Pleiku. Chưa một đạn pháo kích nào của địch bắn vào thị xã Pleiku. Hoàng hôn của Pleiku có thể coi như đã bắt đầu, đồng thời có thể tiếp luôn những cảnh hoàng hôn khác.

Tình trạng Pleiku bi thảm quá!

Bài phóng sự tiếp theo viết ngày 17 tháng 3-1975.
8 Giờ Đêm Chủ Nhật, Kontum – Pleiku Bi Thảm Ra Đi Bỏ Lại Phía Sau Những Cột Khói, Những Vùng Lửa

Bản tin này được đọc giữa tiếng khóc nức nở của bản báo đặc phái viên Nguyễn Tú

***
(Sài Gòn 18-3) Sáng nay bản báo đặc phái viên Nguyễn Tú, tại một địa điểm dừng chân trên đường rút lui của quân dân hai tỉnh Kontum – Pleiku, báo tin qua điện thoại quang cảnh di tản bi thảm của đồng bào. Dưới đây là nguyên văn ghi lại lời bạn Nguyễn Tú đọc qua điện thoại.

Tất cả lên đường:

Tối nay, Pleiku đã thực sự hỗn loạn. Tất cả dân chúng Pleiku thêm vào đó dân chúng ven tỉnh, dân chúng thuộc vài quận gần thị xã Pleiku, và cả dân chúng Kontum đã đổ xô nhau chạy về Pleiku đều xuống đường và tổ chức một đêm không ngủ. Không phải để biểu tình chống ai, mà

để vội vàng hốt hoảng tiếp tục chất các hàng hóa, bàn ghế, tủ giường, cùng những vật dụng riêng lên đủ thứ xe: Xe lam, 3 bánh, xe vận tải hạng nặng, xe Jeep, xe dốt rác, xe GMC nhà binh, xe Honda. Thậm chí xe be, xe cần trục, xe máy kéo, trác lơ, xe hốt rác. CẢ đến xe chữa lửa cũng được dùng để chất đồ và chở người. Xe nào chất xong đồ là người leo lên ngồi sẵn, xe nào đôi nhíp cũng gần như thăng bằng, vì chất quá nặng.

Từ trưa, các lực lượng an ninh trong thị xã Pleiku như Quân Cảnh, Cảnh Sát bỏ tất cả nhiệm sở không còn thấy bóng một ai, mặc dù hôm qua thứ Bảy 15 tháng 3 còn canh phòng rất gay gắt các ngã ra vào tỉnh và thị xã Pleiku. Mọi đường phố không còn một nhân viên công lực nào giữ trật tự nữa. Tất cả mọi người đều về nhà lo việc di tản cho gia đình. Liên lạc vô tuyến của hệ thống quân đội không còn được điều hòa và hữu hiệu như trước nữa tuy vẫn chưa hẳn gián đoạn. Các nhân viên truyền tin cũng thay phiên nhau về nhà để lo việc di tản gia đình. Sự kiểm soát an ninh trật tự có thể coi như đã tuột khỏi tầm tay chính quyền địa phương Pleiku. Tại tư dinh Đại Tá Tỉnh Trưởng Pleiku, các nghị viên, các Trưởng Ty, Sở hấp tấp ra vào họp liên miên. Chưa bao giờ các đại diện dân cử kể cả đối lập và chính quyền đã sát cánh với nhau như thế. Chưa bao giờ lập pháp, hành pháp, tư pháp đều đồng một lòng, một dạ như thế. Đồng một lòng một dạ trong một câu hỏi duy nhất: Bao giờ thì di tản? Mấy giờ thì di tản? Trên thực tế thì Pleiku đã sống giờ thứ 25 từ hôm qua thứ Bảy 15 tháng 3. Hôm nay Chủ Nhật 16 tháng 3 lúc 19 giờ đã có điện trở lại trong toàn thị xã.

Đèn ngoài đường và trong các tư gia cũng được thắp sáng. Có lẽ là một hội hoa đăng cuối cùng. Khắp các đường phố, dân chúng đi lại hết sức nhộn nhịp, tất tưởi. Ngay từ xế trưa hôm nay 16 tháng 3, các xe nào đã chất xong đồ vật đều chuyển bánh trên Quốc Lộ 14 đi về Phú Bổn thành một đoàn dài. Nhưng phải kể từ 20 giờ ngày hôm nay Chủ Nhật 16 tháng 3, sự di chuyển toàn diện của dân chúng mới thực sự bắt đầu, đoàn xe ước chừng đến hàng ngàn chiếc, bật đèn pha nối đuôi nhau trên hàng chục cây số trông như một cuộc "trở về nhà sau cuộc nghỉ cuối tuần." Nhưng đây đâu phải là "đoàn xe thanh bình."

Cuộc di tản đại quy mô của hai tỉnh gom lại là Kontum và Pleiku do sáng kiến tư nhân có thể coi như là "vĩ đại" ở chốn Tây Nguyên hẻo lánh này.

"Mục tiêu đầu tiên là Phú Bổn. Sau đó sẽ tính." Đó là lời một đồng bào di tản nói với Chính Luận. Nhưng ra khỏi thị xã, được vài cây số thì đoàn xe bị kẹt vì những chiếc xe nhỏ hơn như xe lam, xe ô tô nhỏ, xe Honda muốn vượt trước. Phải một giờ sau vụ kẹt xe này mới được giải tỏa. Dân chúng nghèo cũng ra đi bằng phương tiện thiên nhiên, trời đã phú cho họ là đôi chân của chính họ. Họ đây là gồm cả già, trẻ, lớn, bé, con nít còn bồng trên tay, đàn bà đang mang bầu, tay xách, nách mang một vài manh chiếu, một vài bọc quần áo, buồn tủi, lo âu, gia đình nọ nối tiếp gia đình kia đi hàng một sát bên lề đường để tránh đoàn xe. Đèn pha của đoàn xe lần lượt chiếu các bóng lưng còng xuống của người lớn, những bóng nhỏ hơn của các trẻ em tay níu vạt áo hoặc ống quần của người bố hay người mẹ. Họ lặng lẻ thất thểu bước nọ trước bước kia trong đêm tối của tâm hồn. Cuộc di tản này chắc chắn sẽ kéo dài tới ngày hôm sau. Thế là Kontum và Pleiku đã bỏ ngỏ, chính thức và không chính thức. Không chính thức mà chính thức vào hồi 20 giờ đêm ngày Chủ Nhật 16 tháng 3-1975.

Pleiku không còn gì để cho tôi săn tin thêm nữa.

Ba lô vẫn cõng trên vai, hồi 22 giờ 30 tôi theo đoàn người di tản ra khỏi thị xã Pleiku. Bầu trời hôm nay đẹp quá, hàng ngàn vì sao lấp lánh như thiên thần nháy mắt với trần gian, hay đó là những ám hiệu dục dã: "Lẹ lên!" Nếu tôi có một người bạn đường đi bên tôi, tôi sẽ bảo: "Bạn ơi, trên trời có bao nhiêu vì sao thì lòng tôi đau xót còn hơn thế nữa."

Đốt, phá, bỏ rơi:
Các kho súng, kho đạn tại tỉnh Pleiku đã được lệnh thiêu hủy, tiếng nổ lớn nối liền tiếng nổ nhỏ. Từng cột khói đen bốc lên trong lửa đỏ từ các bồn nhiên liệu cũng được lệnh phá hủy. Tất cả đều bùng cháy. Nhiều khu phố trong thị xã Pleiku đã bị toán người đập phá nhà cửa của các chủ nhân đã di tản, và đã bị phóng hỏa, ít nhất tôi cũng đếm được 14 đám cháy trong những khu phố khác nhau. Nhiều tiếng súng cũng đã nổ trong thị xã. Có tin Đại Tá Tỉnh Trưởng Pleiku đã hạ lệnh cho đốt kho giấy bạc trong Ty Ngân Khố, ước lượng khoảng 300 triệu và trong khi tưới xăng để đốt, ông Trưởng Ty Ngân Khố đã bị phỏng. Không còn một bác sĩ tư nào trong thành phố. Quân cũng như dân y viện không còn hoạt động. Một số bệnh nhân tại dân y viện cũng như một số thương binh tại quân y viện Pleiku đã bị bỏ rơi lại vì không còn ai lo cho họ nữa. Chính họ trong tình trạng bệnh hoạn chẳng tự mình làm được. Ngoài sự chịu chết đói dần mòn ngay trên giường bệnh. Một nguồn tin đáng tin cậy cho hay là Chuẩn tướng Tất, Tư Lệnh Mặt Trận Kontum – Pleiku đang chỉ huy cuộc triệt thoái lực lượng chính quy đi về hướng Nam trên quốc lộ 14.

Pleiku 17-3:
Sáng nay, cuộc di tản đang tiếp diễn dưới ánh mặt trời huy hoàng của một ngày đầu tuần. Hàng ngàn chiếc xe dân sự và quân sự vẫn nối tiếp nhau trên quốc lộ 19 đi về hướng Phú Bổn. Nhiều xe vì chở quá nặng không chạy nổi đã bỏ lại trên đường. Các quân nhân được lệnh triệt thoái dưới quyền tư lệnh của Tướng Tất đã thi hành một cách rất trật tự và kỷ luật. Các đơn vị Biệt Động Quân đã được lệnh đi hai bên quốc lộ 14 ở những chỗ xung yếu để bảo vệ đoàn xe di tản dân sự và quân sự. Các đoàn người đi bộ thật là thảm thương, đàn bà, con trẻ đi bên lộ dưới ánh nắng nóng bỏng không giọt nước để uống. Dọc quốc lộ từ Pleiku đến Hậu Bổn là tỉnh lỵ của Phú Bổn, đoàn xe cứ nối dài. Đoàn người đi bộ, bị bỏ lại sau, nhưng họ vẫn cứ cố gắng lết đi trên đường nóng bỏng dưới ánh nắng của Pleiku. Chưa biết đêm nay họ có thể tới được Phú Bổn bằng đôi chân của chính họ hay không. Sẽ có nhiều người sẽ bị chết đói, chết khát dọc đường. Dọc Quốc lộ 14 đi về phía Phú Bổn các làng, các ấp, các buôn đều trống trơn không còn một ai. Cảnh hoang tàn dọc quốc lộ 14 tôi không làm sao mà còn có trí óc để nghĩ ra những danh từ tường trình với độc giả.

Bi thảm quá đồng bào ơi!
Hôm nay thay vì lá thư hàng tuần sự tường trình của tôi có thể ngắn ngủi và không mạch lạc. Mong quý vị độc giả phương xa ở tại cái thủ đô đầy ánh sáng hiểu cho.

Cho tới nay vẫn không thể hiểu được lệnh bỏ ngỏ Kontum – Pleiku là ở đâu mà ra và tại sao lại

có sự ra đi hấp tấp trong dân chúng trong khi các nhà cầm quyền quân sự đã trù liệu kế hoạch từ trước. Không có giải thích nào cho dân chúng. Không có tổ chức nào để di tản dân chúng trong trật tự và an ninh, không có một sự trợ giúp nào cho các dân nghèo không có phương tiện đi xe.

Từ năm 1954 cho tới nay, chính tôi đã chứng kiến bao cuộc di tản. Cuộc di tản Kontum – Pleiku để lại cho tôi một mỗi chán chường. Sống với những hy vọng mong manh từ năm 1954 đến năm 1975 tới nay tôi cảm thấy không còn đủ sức, đủ ý chí để bấu víu lấy cái chút hy vọng mong manh ấy nữa. Ngoảnh về phía Pleiku khói vẫn ngùn ngụt bốc lên vì những đám cháy đêm qua. Dọc lộ xe tăng, đại pháo dạt ra hai bên đường để bảo vệ những chỗ xung yếu để cho đoàn xe di tản dân sự và quân sự có thể đi chót lọt tới Hậu Bổn tức tỉnh lỵ Phú Bổn. Nhưng trên đoạn quốc lộ 14 từ Pleiku tới Hậu Bổn vẫn xảy ra nhiều đoạn đường kẹt xe, có thể kể hàng 5 đến 10 cây số chưa biết rằng đoàn xe có thể tới Hậu Bổn được không. Và từ Hậu Bổn sẽ đi đâu chưa ai rõ. Riêng cho tôi không còn có trí óc nào để nghĩ đến tương lai dù rằng tương lai chỉ là ở một giây, một phút sau đó.

Điện đàm dứt đoạn...

Vùng Đồi

Phạm Văn Nhàn

Mỗi ngày, khi mặt trời vừa xuống sau cánh rừng bên kia những ngọn đồi thì gió lại bắt đầu thổi. Gió thổi từ đầu hôm cho tới sáng. Từng cơn gió rít mạnh ngang qua căn nhà lá nhỏ của anh nằm dưới chân đồi. Gió rít qua kẽ lá không làm cho anh giật mình thức giấc, mặc dù có những đêm gần như anh thức trắng trên chiếc võng đan bằng những sợi ny lông được tháo ra từ những bao cát, khi anh còn ở trong trại tù tỉnh, sau năm 1975. Với những đêm như thế, trong tiếng gió rít qua những khe hở của vách lá, anh nghe hình như có nhiều tiếng nói, tiếng cười của những đồng đội trong đơn vị của anh trên ngọn đồi này. Ngọn đồi, mà trước đó vào năm 1972 một đơn vị nhỏ của Mỹ đã rút đi, đơn vị của anh được điều tới để thay thế làm nút chặn ngăn con đường giao liên từ hướng núi Ông đổ về đồng bằng.
Khi còn đơn vị đồng minh đồn trú ở đây, cánh rừng phía Tây bên kia những ngọn đồi đã được khai quang. Rừng đã bị con người đẩy lùi ra xa khu vực phòng thủ. Đến khi đơn vị của anh đến trú đóng, thuốc khai quang hình như không còn hiệu lực, những hạt mầm bắt đầu nảy, và những cây non mọc trở lại, thưa thớt. Đám lính ít ỏi trong đơn vị đồn trú trên vùng đồi cũng chẳng ai để ý tới những cây rừng đó. Có nó cũng được mà không có nó cũng được. Ở đây, rừng dù xa, nhưng gió lúc nào cũng thổi về vào những lúc hoàng hôn xuống như ngày nào. Có người nói vùng đồi nằm ngay miệng gió. Những người lính cũng chẳng có thời giờ đâu để mà tin hay không tin là vùng đồi nằm ngay miệng gió. Có điều, khi hoàng hôn vừa đổ xuống, thì vùng đồi gió lại nổi lên. Rồi đêm nào cũng thế, những người lính đóng trên đồi cũng phải mang theo cấp số đạn cơ hữu của mình xuống đồi làm nhiệm vụ kích đêm.

Có những đêm anh không thể nào ngủ được. Anh nhớ đến buổi chiều trên ngọn đồi này cùng với những đồng đội của anh, mà hầu hết đã nằm ngủ im lìm sau một trận pháo của địch từ bên kia cánh rừng pháo tới. Trận pháo mà họ muốn dứt điểm vùng đồi từ lâu. Bây giờ họ mới đổ lửa xuống ngọn đồi với một đám lính ít ỏi. Trong trận pháo đó, anh ngất đi sau lần bị thương. Khi tỉnh dậy, trời đã khuya. Ánh sáng của vầng trăng thượng tuần yếu ớt, lờ mờ tỏa trên vùng đồi im ắng làm anh phát sợ. Anh nhìn lên bầu trời đầy sao, trong áng sáng lờ mờ của con trăng đầu tháng, đồng đội của anh đâu hết rồi? Sao không nghe tiếng động nào, từ bước chân người đi, đến tiếng động va chạm của vũ khí. Anh cố gắng bò ra khỏi miệng hố phòng thủ, và trong ánh sáng của con trăng đầu tháng, anh cất tiếng gọi đồng đội. Anh gọi tên từng người một: Chuẩn úy Ngọ, trung đội trưởng đâu rồi? Thằng Vinh, tiểu đội trưởng sắp sửa cho con cái xuống đồi khi trời chạng vạng tối, đâu rồi....Nhiều lắm mà. Sao nghe im lìm quá vậy. Chỉ có tiếng anh gọi trong đêm. Chẳng lẽ chết hết rồi sao? Hay có lẽ anh gọi nhỏ quá mà bạn bè chẳng có đứa nào nghe. Nhưng trong ánh trăng lờ mờ đó, hình như anh nghe có tiếng chân người và tiếng nói: Còn có người còn sống. Tụi bây ơi. Anh nghe tiếng nói, tự nhiên anh nằm im. Có phải đơn vị của anh lên để giải cứu, hay là địch sau những lần pháo ồ ạt, chúng lại xung phong lên. Anh cố bò trở lại hố chiến đấu cũ, nhưng máu từ vết thương lại ra nhiều làm anh không thể bò thêm được nữa. Anh cố gọi to, nhưng rồi anh ngất đi. Tỉnh dậy từ một quân y viện dã chiến. Anh biết anh còn sống.

Chiến tranh chấm dứt. Sau khi ra khỏi tù anh trở về thăm lại làng cũ. Làng cách xa vùng đồi chẳng bao xa, mất khoảng nửa ngày đạp xe đạp. Về thăm lại làng cũ, anh quyết định lên sống trên vùng đồi mà trước đó khi còn chiến tranh, những người bạn của anh đã ngủ im dưới ánh sáng của con trăng thượng tuần. Khi mà những trái pháo đã đổ lửa xuống ngọn đồi để tiêu diệt đơn vị nhỏ bé của anh.

Vùng đồi như một mãnh lực thôi thúc anh hàng ngày phải lên trên đó. Nhiều lần anh nói với ông Miêng, bác anh ý định lên đó sinh sống. Ông Miệng không cản. Nhưng hỏi:
- Mầy làm cách nào để sống trên vùng đồi đó?
- Làm rẫy và tôi sẽ phủ xanh ngọn đồi này.
- Không dễ đâu. Tao nghe đám đi ăn cây thường hay nghỉ dưới chân đồi nói trong tiếng gió rít mạnh qua vùng đồi ban đêm, hình như có tiếng cười của ma quỷ?
Anh muốn nói với ông Miêng tiếng cười mà những người đi ăn cây nói đó là tiếng cười của bạn bè anh. Những thằng bạn đã chết trong một buổi chiều, mà những người bên kia cánh rừng đã bắn pháo tới. Trong buổi chiều hôm đó anh cũng đã ngất đi mấy lần vị bị thương. Giấc ngủ của những đồng đội của anh cũng như vết thương trên cơ thể của anh vẫn còn hằn sâu trong tâm thức. Làm sao mà quên được. Mỗi lần trời trở gió, những vết thương cũ lại hành hạ anh, không sao chịu nổi. Những vết thương đó, và những cái chết của đồng đội anh đó, nào ai biết được.

Cuối cùng rồi ông Miêng cũng đánh xe trâu đưa anh lên vùng đồi. Đứng trên ngọn đồi nhìn về hướng rừng, những cây con mọc kín bưng, bắt kịp với cánh rừng trước mặt. Đỉnh đồi vẫn trơ trọi. Anh nhìn quanh ngọn đồi một vòng, nhớ lại từng gương mặt của mỗi đứa. Chỗ này là hầm chiến đấu của chuẩn úy Ngọ. Chỗ kia là hầm của thằng Hòa, thằng Ất và còn nhiều đứa nữa. Còn chỗ này ông Ngọ cho đặt khẩu đại liên đây mà. Nhưng hôm nay dấu vết chiến tranh đã bị thời gian xóa nhòa trên vùng đồi này. Dưới chân đồi, cây rừng mọc kín, và lại có nhiều con đường mòn do vết xe trâu của những người đi làm rừng tạo nên, ngang dọc. Anh nghĩ anh sẽ biến vùng đồi này trở thành một màu xanh. Không phải màu xanh của cây rừng, của cỏ dại. Có thể là một màu xanh của một rừng thông, để chiều chiều nghe tiếng thông reo trên đó. Nhưng cũng có thể một màu xanh của những cây ăn trái. Dầu gì thì vùng đồi sẽ phủ một màu xanh. Một màu xanh tuyệt vời cho những người bạn của anh trở về, và biết đâu một ngày nào đó, anh cũng nằm xuống nơi đây bên cạnh những đồng đội của anh đã nằm xuống ngày nào. Anh đang nghĩ về ngôi nhà mà anh phải dựng. Phải rồi, phải dựng ngôi nhà ngay bên cạnh con đường nhỏ này đây. Con đường duy nhất để cho những người lính ngày nào đi lên, đi xuống. Hay những buổi chiều chạng vạng xuống đồi để kích đêm. Đêm nào cũng thế, những người lính lại âm thầm đi ăn đêm. Những tọa độ kích đêm được ông Ngọ đánh dấu cẩn thận trên tấm bản đồ hành quân để báo về cho thẩm quyền. Những đứa con đi ăn đêm, sáng hôm sau trở về vùng đồi trong cái ướt sũng của sương rừng, với những hơi thuốc lá, và tiếng nói cười râm rang trên con đường mòn dẫn lên đồi. Ngày nào anh cũng đứng chờ những người bạn của anh, qua một đêm kích biết sống chết ra sao: “Tụi mầy còn sống trở về, tao đang đợi tụi bây đây." Nhưng hôm nay không còn nữa, im ắng quá. Tiếng cười tiếng nói ngày nào đâu mất hết rồi, chỉ còn lại có mình anh với tiếng gió rít qua vùng đồi không thay đổi.
Ông Miêng, đứng bên cạnh anh, nói:

- Mầy vẫn không thay đổi ý định lên trên đây.
- Không.
- Định trồng cái gì trên vùng đồi này để sống?
- Đào. Đào lộn hột. Bác thấy sao?
- Bao giờ mới phủ xanh hết ngọn đồi, mậy?
- Một năm, hai năm không biết chừng. Tôi sẽ trồng, bác xem.
Mấy tháng đầu có vất vả. Những hạt giống được bỏ xuống không có kết quả. Ông Miêng nói với anh: Tao đã nói với mầy vùng đồi này chỉ có gió là nhiều. Dù gần rừng, nhưng mưa thì trốn biệt. Cứ đánh lỗ để đó, khi nào có mưa sẽ bỏ hạt.
Hơn một năm sau. Những cây đào bắt đầu lên cao. Vùng đồi cũng đã có sự sống. Từ nơi ngôi nhà lá nhỏ bé dưới chân đồi đã có tiếng gà gáy vào buổi sáng, tiếng chó sủa vào buổi chiều. Cũng như có bóng dáng anh ở trên vùng đồi để chăm sóc cho những cây đào cùng những đám rẫy quanh nhà. Những chiếc xe trâu của những người đi ăn gỗ cũng dừng lại bên cạnh nhà anh. Vùng đồi không còn hoang vu.
Từ những hột đào anh đi thu nhặt ở khắp mọi nơi. Cho đến những nơi nào có trồng đào là anh đi tới xem cách thức người ta trồng. Anh hỏi họ gía của mỗi cây giống, họ thách trên trời dưới biển, anh làm sao có tiền để mua, sau khi ở tù ra. Vả lại, ông Miêng có nói: Mầy cứ kiếm hột để khô, dễ hơn là trồng cây giống. Dù bây giờ đi tìm hột đào có khó, bởi vì nó là món hàng xuất khẩu cao. Tuy nhiên anh cũng tìm được những hạt giống từ các em nhỏ trong làng, mỗi khi anh thấy cần về làng, hay theo xe trâu của những người đi rừng trở về thị xã mua vài thứ cần thết cho cuộc sống hằng ngày.

Những đêm trăng sáng, anh thường hay ngồi im lặng trước sân nhà nhìn lên đỉnh đồi. Nơi đó những cây đào bắt đầu lên cao. Trong tiếng gió rít mạnh ngang qua vùng đồi, lúc nào anh cũng nghe như có tiếng gọi của đồng đội anh. Mỗi lần nghe như thế, anh lại lên đồi cùng với hai con chó như hai người bạn thân của anh, quấn quít. Có lần ông Miêng lên thăm anh và ở lại. Tiếng gió vẫn rít qua vùng đồi vào mỗi đêm, và anh lại lên đồi cho tới khuya mới trở về ngôi nhà lá, mặc cho ông Miêng có trong ngôi nhà đó. Khi anh trở về, ông hỏi:
- Mầy làm gì đi lên đó khuya dữ vậy?
- Lên thăm mấy đứa bạn.
- Có ma nào trên đó mà mầy đi thăm.
- Họ thức trên đó vào ban đêm mà. Bác làm sao hiểu được.
- Coi chừng mầy bị bịnh đó. Tao đã nói với mầy đám thợ rừng thường nói vùng đồi này có ma.
Anh chẳng nói, trở lại nằm nơi chiếc võng. Hai con chó cũng nằm phục dưới chân anh. Ông Miêng tới bên cái bếp khươi cho ngọn lửa cao thêm để nấu ấm nước. ông nói:
- Mầy phải uống chút gừng cho ấm bụng kẻo bị sương rừng. Thường hay đi ban đêm như vậy không tốt đâu.
Tiếng gió lại rít mạnh len qua kẽ vách. Anh ngồi dậy trên chiếc võng, hỏi:
- Đó. Bác có nghe gì không?
- Tao có nghe gì đâu, ngoài tiếng gió. Tao đã nói với mầy vùng này là vùng gió mà.
Hai con chó như muốn nhỏm dậy khi thấy anh ngồi lên, gừ gừ dưới chân anh. Ông Miêng lại khươi cao ngọn lửa. Ngôi nhà lá được sáng hẳn lên do những thanh củi. Ông nói:

- Tao nghĩ mầy nên lấy vợ.
- Vợ con làm chi bác.
- Có cũng đỡ hơn chứ. Đêm hôm tăm tối trên vùng đồi này.

****

Mấy hôm nay anh lên cơn sốt cao, lúc nào anh cũng mê. Trong cơn mê anh thấy những người bạn của anh đang ôm súng nằm phủ kín vùng đồi. Và anh, anh đi hết chỗ của người này đến chỗ của người khác. Nơi nào anh cũng hỏi từng người một : " *Mầy có mang thêm lựu đạn không. Nếu tụi nó có tấn công mà ném chứ* ". Rồi anh tới người lính khác: " *Có mang theo đù cấp số đạn không mầy.* " Anh tới bên vọng gác: "*Ráng thức nghe mậy. Ngủ gục là chết cả đám đó nghe* "." Trong cơn mê anh thấy hết tất cả. Anh gọi tên từng người. Không thấy có ai trả lời. Thế rồi anh nói to: " *Đó. Những cây đào tao trồng cho tụi mầy đó. Cành lá xum xuê đó, có cả trái đào nữa, về mà chạy nhảy rong chơi như thời còn thơ ấu ở quê nhà. Nơi nào cũng là quê cả tụi bây ơi. Về đi. Về đi. Về với ta.'* Anh la to làm hai con cho giật mình chồm dậy. Chủ bịnh, hình như chúng cũng muốn bịnh theo. Anh nằm liệt giường đã mấy ngày nay. Những người đi ăn gỗ trên rừng, dừng xe lại cạnh nhà, mới hay anh lên cơn sốt nặng. Họ về làng nói cho ông Miêng biết. Ông vội đánh xe trâu lên vùng đồi cùng với Lài.
Ông Miêng đến, anh cũng chẳng hay biết. Ngôi nhà lá mà anh chẳng bao giờ khóa cửa. Cánh cửa chỉ để khép lại để tránh ngọn gió đêm. Ông đến bên cạnh anh, đưa tay lên trán, nói với Lài:
- Nó nóng ghê quá cháu à.
- Để cháu cho ảnh uống thuốc hạ sốt. Không đến nỗi chi đâu.
- Tao sợ.
- Bác cứ nghĩ quẩn.

Đêm đó ông Miêng không sao chợp mắt được. Thỉnh thoảng ông lại khươi ngọn lửa từ nơi cái bếp làm bằng ba viên gạch xây. Ngọn lửa bùng lên một đổi rồi cũng tắt. Chỉ còn lại ánh sáng của ngọn đèn dầu heo hắt treo trên cột nhà, mà có lẽ mấy ngày nay anh cũng không thắp sáng. Nhờ có viên thuốc hạ sốt của Lài, ông Miêng thấy trên da thịt của đứa cháu ông mát lại.
Sáng hôm sau, cơn sốt như biến mất sau mấy ngày làm anh nằm liệt trên giường. Anh đến bên cửa sổ nhìn lên vùng đồi chỉ cho Lài nhìn thấy một vườn đào đang lên tươi tốt. Anh nói:
- Cô Lài dám lên trên đó không?
- Em nghe bác nói trên đó có ma.
- Cô sợ?
- Không. Nếu có anh cùng đi.
- Chẳng có ma quỉ nào đâu. Bạn tôi đó.
Thế rồi anh trở lại ngồi trên chiếc võng kể lại câu chuyện cho ông Miêng và Lài nghe về một trận pháo cách đây vài năm, khi anh còn là một người lính đóng quân trên ngọn đồi này.
Ông Miêng trầm ngâm ngồi dựa lưng vào gốc cột, kéo dài hơi thuốc lá, hỏi:
- Sau trận pháo đó chẳng còn ai sống?
- Không. Chết hết. Chỉ còn mình tôi.
- Mầy đưa tao lên trên đó. Cháu Lài đi với bác chứ?

Hai con chó lẩn cẩn chạy theo chân anh lên đồi. Những cành đào vươn dài ra là là sát mặt đất. Mùa này đào đã ra hoa. Dấu vết chiến tranh nơi đây chẳng có người nào biết được, nếu không còn ai sống sót sau buổi chiều bị dập pháo đó. Anh đưa ông Miêng và Lài đi một vòng đồi, nơi mà ngày xưa đơn vị anh đóng quân. Anh chỉ cho hai người thấy nơi nào là hố phòng thủ của đồng đội anh. Những hố phòng thủ không đủ để che cơn mưa lửa điên cuồng của những người bên kia khu rừng đổ ập xuống trên một diện tích nhỏ hẹp. Thử hỏi còn có người lính nào chịu nổi. Trong trận pháo đó, anh bị thương nặng, bò ra khỏi miệng hố kêu gọi đồng đội xem có đứa nào còn sống không. Chẳng có ai lên tiếng. Anh chỉ cho ông Miêng và Lài:
- Hình như tôi bò ra chỗ này đây.

Rồi anh ngồi xuống. Ông Miêng và Lài cũng ngồi theo. Nơi đó, bây giờ là cây đào. Không phải một cây mà là một vườn đào đang tỏa một màu xanh bao trùm. Ông Miêng nhìn bao trên vùng đồi như tìm một vị trí, rồi nói:
- Mai, tao đánh xe trâu chở vật liệu lên đây. *Cất cái miếu để thờ.*

Người Đến Từ Phía Cánh Rừng

Nguyễn Thị Ấm

Sau chiến tranh khoảng ba năm, tôi tốt nghiệp trường sư phạm và được điều về dạy học ở một trường phía tây tỉnh Quảng Trị. Nơi đây heo hút người vắng vẻ. Đây là trường cấp hai có năm lớp học và bảy giáo viên từ miền xuôi lên, và học trò hầu như toàn người dân tộc. Tôi được hiệu trưởng bố trí nơi ở cùng với một chị giáo viên dạy toán. Chị trạc ba mươi tuổi tên Hà. Chúng tôi ở trong gian nhà tranh mái lợp bằng những cây cỏ lau trông rất mỏng manh. Ngồi trong nhà có cảm giác, chỉ cần một cơn gió mạnh là cả gian nhà bay tung lên trời.
Ở đây ngoài giờ lên lớp buổi tối chẳng biết làm gì. Mùa đông chúng tôi ra suối vớt những cây củi khô dạt vào hai bên bờ rồi đem về nhà. Tối đến, đốt một đống lửa giữa nhà cho ấm, sau đó ngồi nhìn lửa cháy suy ngẫm như những nhà hiền triết.

Có lần, lúc chuẩn bị lên giường ngủ, chị Hà thở dài một cái rồi nói:
- Tao xấu xí lỡ thì chẳng nói làm gì, còn mày xinh đẹp như tiên nữ mà cứ phải dạy học ở đây thì phí đời quá.
Tôi cười:
- Em nghe mẹ nói, con người ai cũng có duyên có phận. Rồi cũng có lúc một chàng trai đến xin cưới em.
- Cũng có thể, cách đây mười hai cây số đường rừng có một đồn biên phòng. Biết đâu có một chàng sĩ quan biên phòng đến cầu hôn em !
Cả hai cùng cười khanh khách rồi lên giường chui vào chăn. Thao thức không ngủ rồi lại ngủ, lại thức và lại ngủ... mãi mới hết đêm dài.
Ở được hai tháng, tôi phát hiện vùng này vào những đêm sáng trăng thì tuyệt đẹp. Đêm đến, chỉ cần mở cửa ra là nhìn thấy ngay núi đồi chìm trong ánh trăng. Xa xa, có những trảng cỏ lau sáng lên trong ánh trăng rập rờn trong gió... Những lúc như thế này chị Hà thường cằn nhằn:
- Mày đóng cửa lại đi. Nơi đây là bãi chiến trường xưa hiểu không ? Có những linh hồn không tan đi lang thang.
Tôi nói cứng:
- Em không sợ, mình với họ có ân oán gì đâu.
Chị Hà trèo lên giường trùm chăn quá đầu rên rỉ:
- Tao xin mày đó Hằng ơi.
Tôi đứng dậy đóng cửa, rồi cũng chui vào giường nằm nghe gió rừng thổi ào ào. Tôi bất giác thở dài, nghĩ rằng giá có một anh sĩ quan biên phòng lạc bước đến đây ngồi nói chuyện với hai cô giáo trẻ thì vui biết bao.

Dạy học được nửa năm, tôi nhận được thư của người yêu xin chia tay. Lý do anh nêu ra cũng thật giản dị. Anh bị gia đình giục cưới vợ vì anh là con trai duy nhất. Anh không thể cưới tôi được vì hai người ở quá xa nhau. Nếu sự việc mà dừng ở đây thì vừa đủ rồi. Nhưng anh lại gửi kèm cho tôi một cái thiệp mời với lời nhắn "Nếu có thể thì về thăm quê rồi dự đám cưới của anh".

Tôi cầm lá thư, chảy nước mắt. Anh ấy vô tâm thật...
Đêm đó tôi chập chờn trong mộng mị rồi tỉnh lại. Người tự nhiên nóng bừng, cổ họng khát khô. Tôi cố đứng dậy tìm viên thuốc uống rồi ngồi xuống bên bếp lửa. Nhìn sang giường bên, chị Hà vẫn ngủ ngon lành vô tư lự. Có lẽ chị đã thích nghi với cuộc sống cô đơn của mình. Tôi đứng dậy mở cửa... Trời tháng mười cao vút, đen thẫm đầy sao. Xa xa có một mảnh trăng đang chìm dần sau dãy núi.

****

Tôi nhìn xuống phía dưới chân đồi, có bóng một người đàn ông đang cầm súng cắm cúi bước đi. Đó có thể là những người thợ săn đêm. Lúc săn thú trên trán họ thường gắn một ngọn đèn nhỏ. Mắt con thú nhìn vô sẽ phản quang ánh đèn. Tiếp sau là phát súng nổ vang... Đôi khi họ vẫn vào chỗ tôi xin lửa hút thuốc, uống nước, hoặc xả thịt thú rừng. Có lúc họ còn hào phóng tặng lại một tảng thịt còn nóng hổi.
Tôi đang nghĩ lan man, bỗng người đó xuất hiện ngay trước cửa. Tôi nhìn lên, không phải là những người thợ săn mà là một anh lính trẻ tay cầm súng vai khoác bòng. Anh khẽ cười, lên tiếng:
- Chào cô giáo... tôi được đơn vị cho về phép. Cô giáo cho tôi nghỉ chân một lúc được không.
Tôi đứng dậy lấy chiếc ghế nhỏ để cạnh đống lửa:
- Mời anh.
Anh lính tháo bòng ngồi xuống. Tôi lấy ly rót nước mời anh. Anh lính xuýt xoa uống nước và đưa bàn tay hơ trên ngọn lửa. Tôi cất tiếng:
- Từ đây ra tới đường lớn để đón xe về xuôi còn khoảng bảy cây số nữa. Anh có biết đường không ?
Anh lính cười:
- Tôi ở đây đã sáu năm rồi. Vùng rừng nào tôi cũng đi qua... Mai tôi sẽ về thăm mẹ tôi.
- Mấy năm rồi anh chưa về thăm mẹ ?
- Cũng sáu năm rồi.
- Sao lâu vậy ?
- Tại tôi không thể về được.
Anh lính mải mê uống nước như lâu lắm rồi anh không được uống. Tiếng một chú dế rừng cô đơn cất lên lanh lảnh. Tôi chuyển đề tài câu chuyện:
- Anh kể về quê hương anh, về mẹ cho em nghe đi. Em cũng xa quê lên đây nhớ nhà lắm.
Anh lính bỏ thêm củi vào bếp, cất tiếng:
- Quê anh xa lắm, ở mãi Hà Bắc. Nơi có dòng sông Thương chảy qua, có con đê rất lớn chạy theo. Chiều chiều anh thường ra đó chăn trâu và thả diều. Anh nhớ nhất là những buổi hoàng hôn báo hiệu những trận gió mùa đông bắc sắp về. Ngồi trên đê nhìn về hướng tây, ráng chiều rực lên đủ màu, đẹp rực rỡ dưới bầu trời nặng trĩu mây đen... Nhưng chỉ vài phút thôi, ráng chiều phụt tắt, bầu trời đen ngòm, gió thổi cuồn cuộn, mưa rơi... Lũ trẻ chăn trâu cuống cuồng hò hét nhau chạy về nhà.
- Thế còn gia đình anh ?
- Cha anh mất sớm, mẹ anh nuôi hai đứa con, một trai một gái. Em gái anh đã đi lấy chồng cách đây hai năm. Mẹ anh là cô giáo đã về hưu, bây giờ anh ở một mình. Mẹ anh nhớ anh lắm.

- Anh có người yêu chưa ?
- Đúng mười tám, chưa kịp tỏ tình với ai thì đi bộ đội. Trong đơn vị toàn là đàn ông, lấy ai mà tỏ tình.
Tôi cười:
- Xạo hoài. Không biết chừng anh về phép chuyến này cưới vợ cũng nên. Con trai ở tuổi anh chưa yêu cũng chẳng sao. Đôi khi yêu lại càng thêm buồn.
- Anh không biết hạnh phúc khi yêu như thế nào. Nhưng không yêu cô đơn lắm. Người không yêu giống như bức tượng. Buồn đến nỗi mọc rêu trên mặt mà không biết.

Đôi mắt anh tối sầm lại, lạnh như nước đá. Rồi đôi mắt anh nhìn tôi sáng rực lên như lửa cháy. Tự nhiên tôi thấy sợ, không dám nói chuyện với anh nữa. Thời gian chậm chạp trôi đi... Con gà cồ của chị Hà nuôi sau nhà đột nhiên cất tiếng gáy. Lát sau, tiếng gà ở phía xa thưa thớt vọng lại. Anh lính đứng dậy khoác bòng lên vai và cầm súng:
- Thôi chào cô giáo nhé. Tôi phải đi thôi, để còn kịp đón xe về xuôi.
Bất giác tôi đứng dậy, tiễn anh ra cửa. Mảnh trăng đột nhiên chìm sau mây đen. Tay tôi có người nắm chặt. Tiếng anh lính đứt đoạn bật qua hơi thở:
- Em... em... cho anh... hôn em.
Theo phản ứng tự nhiên, tôi giật tay lại, chạy vào trong... Lát sau tôi mới đưa ánh mắt nhìn theo người lính. Dưới ánh trăng, bóng anh đang xa dần. Nhưng tại sao anh không đi ra phía quốc lộ mà lại đi về phía cánh rừng ?

***
Hai tháng sau.
Có một bà mẹ tóc bạc đi cùng hai người đàn ông trẻ ghé đến trường xin nghỉ nhờ qua đêm. Tôi hỏi chuyện, được biết bà mẹ đi tìm mộ liệt sĩ. Đứa con trai bà đã hy sinh trong chiến tranh ngay tại vùng này. Bà kể chuyện, có đêm bà nằm mơ thấy con về nói: "Mẹ ơi, con phải đi tìm người yêu rồi mới về với mẹ". Bà đem câu chuyện kể với một nhà ngoại cảm. Ông ta nói, hãy đem một hình nhân là một người con gái đẹp cùng một dúm gạo dúm muối đến con sông vùng này khấn đốt cho con trai rồi thả xuống. May ra linh hồn nó mới chịu tan ra và trở về quê hương. Lúc này, nhà ngoại cảm mới có thể giúp bà tìm hài cốt đứa con.
Tôi theo bà mẹ ra tận bến sông. Lúc họ bày đồ cúng, tôi bỗng lạnh toát. Bức hình chàng binh nhất chính là anh lính đã gặp tôi đêm ấy.
Tôi nhìn trân trân vào bức hình. Rồi nhìn tro tàn của cô gái hình nhân trôi theo dòng sông. Vòng hoa màu trắng chìm dần... Tiếng bà mẹ khóc con vang lên trong lúc hoàng hôn:
- Con ơi !... Con đã có người yêu rồi... Hãy về với mẹ đi... Con ơi...
Tôi ra về, như kẻ bị mộng du...
Đêm ấy... Giá như... tôi để cho anh ấy hôn. Thì chắc anh ấy đã không quay trở về với những cánh rừng lạnh lẽo âm u.

Bị Bắt Làm Tù Binh
(trích Tháng Ba Gẫy Súng - Cao Xuân Huy)

Trên bờ đã vắng tanh vắng ngắt, không một bóng người, xa xa phía trong chừng một vài trăm thước nằm trơ ra độc nhất có một cái miếu thấp thoáng có bóng người. Những bụi rậm, những lùm dương còn nằm sâu hơn nữa ở mút phía trong. Khẩu súng đã bắn chúng tôi chắc chắn là phải được đặt trong miếu.
Bây giờ chúng tôi lại mới nhận ra được một điều nữa, sau khi quan sát cái miếu và bờ biển. Mũi cái tàu mắc cạn của chúng tôi chỉ còn cách mé nước khoảng chưa đầy ba thước. Cả cái tàu đã nằm phơi gần hết thân trên cát. Thiếu tá Thành ra lệnh cho ông thuyền trưởng và tôi:
- Huy ở trên này cho lính bắn tập trung vào cái miếu để yểm trợ. Ông thuyền trưởng cho hạ bửng tàu xuống để mọi người lên bờ. Khi lên bờ xong, Huy cho nhặt súng đạn chuyển lên bờ cho mọi người. Tiếng súng nhỏ từ trên bờ bắt đầu bắn ra tàu khi cái bửng được từ từ hạ xuống. Khi trên tàu đã vắng người, khi tiếng súng đã thưa Tôi ngạc nhiên khi thấy cô gái Huế học Văn Khoa đang ngồi vái trời vái Phật, miệng ngoác ra mà khóc. Không hiểu tại sao cô nàng lại ở trên tàu. Đúng ra cô ta đã phải ở trên chiếc tàu cùng với Lữ đoàn trưởng và Lữ đoàn phó của tôi, đang lênh đênh ở ngoài khơi kia. Nhưng tôi cũng chẳng có thời giờ đâu mà thắc mắc. Tôi nói lớn với cô ta:
- Thôi chứ cô nàng, không lo mà vô bờ đi, còn bày đặt mà ngồi đó vái cái thành tàu.
Bưởi nói với tôi:
- Con nhỏ này là Việt Cộng đó ông thày, nó ngồi trên tàu làm bộ khóc, làm bộ vái trời, chứ thật ra là chỉ điểm cho Việt Cộng. Ông nhớ không, hồi tối ở tuyến nó cũng khóc rùm trời.
Tôi phì cười:
- Bộ mày tưởng nó ngồi đó làm hiệu rồi Việt Cộng tránh không bắn nó, hay mày tưởng đạn của Việt Cộng biết nó cùng một phe nên né nó.
- Chứ sao nó ngồi trên đó mà không trúng đạn?
Tôi không thể trả lời và cũng không thể giải thích như thế nào. Mọi câu trả lời nếu được thỏa đáng đều phải vịn vào một đấng vô hình. Tôi vào bờ cát. Tiếng súng đã im.

***
Trời đã về chiều, hình như là ba hay bốn giờ gì đó. Chúng tôi đứng một hàng dọc dọc theo bờ cát. Mặt trời chiều chiếu thẳng vào mặt. Sóng vỗ nhè nhẹ sau lưng. Nắng tắt dần, gió biển mỗi lúc một lạnh hơn.
Tôi thấy gai gai người, mới sực để ý mình đã cởi áo từ lúc nào và cũng không thể nghĩ được là tại sao mình đã cởi áo. Bưởi xuất hiện đột ngột, từ bên hông một cái gọ nào đó chạy tới. Trên người mặc có mỗi cái quần lót và cái áo giáp. Gặp Bưởi lúc này còn hơn bắt được vàng. Bưởi ôm chầm lấy tôi:
- Ông thầy, em kiếm ông thầy quá trời.
- Mày ở đâu chạy tới đây?
- Em đi kiếm ông thầy quá trời. Ai moi cho ông thầy cái lỗ này?
- Tao moi mình lên.
Bưởi cười cười:
- Hèn chi.

Tôi cũng cười cười:
- Hèn chi gì mày?
- Ông thầy qua chỗ em đi. Em đào sẵn cái hố cho hai thầy trò mình nằm thoải mái. Nếu lỡ có chết chỉ việc lấp cát là êm. Ông thầy nằm kiểu này nếu chết đúng là cái lỗ không đủ chôn.
- Đụ mẹ, trù ẻo mày.
- Thiệt mà. Mà bây giờ về em phải đào cho rộng thêm.
- Sao vậy?
- Hồi nãy đi kiếm ông thầy, em gặp một cái "lỗ". Em mang "con lỗ" về nằm chung. Ấm lắm ông thầy ơi.
Tôi cười cười, gian ý:
- Coi được không mày?
- Trời ơi, số một mà ông thầy. Mà thời buổi này ông còn bày đặt kén nữa hả?
- Đâu có kén, mà đều cũng phải đỡ đỡ một chút chứ hôi rùm ai mà chịu nổi.
- Đâu có hôi, ông thầy, con nhỏ cũng mới tắm biển lên mà.
Hai thầy trò tôi nháy mắt nhìn nhau cười. Bưởi cởi áo giáp đưa cho tôi:
- Ông thầy mặc đi rồi mình dzọt.
Tôi ngần ngừ:
- Thôi mày mặc đi.
Bưởi nhất định không chịu:
- Ông không thấy đạn bắn quá trời sao? Ông chạy đâu có lẹ bằng tôi.
- Mày tưởng chạy lẹ là không ăn đạn à?
- Mà bộ ông không thấy lạnh hả? Người ông nổi gai ốc cùng mình kìa.
Quả thật, gió biển mỗi lúc một mạnh hơn, tôi đã rùng mình nổi da gà sau mỗi lần gió thổi, hai hàm răng tôi đã bắt đầu đập vào nhau. Người tôi đã run lên vì lạnh. Hết phương từ chối, tôi mặc áo giáp vào rồi băng mình chạy theo Bưởi. Tôi và Bưởi băng qua một quãng trống ngắn, về đến hố của Bưởi. Người con gái nằm trong hố, chùm poncho chỉ thò mỗi cái đầu ra ngoài. Khuôn mặt kể cũng dễ coi.
Vừa xuống hố, Bưởi ra lệnh:
- Ngồi dậy đi bà nội, lấy chỗ để tôi moi rộng thêm cho ông thầy nằm.
Người con gái ngồi dậy, vẫn quấn chặt cái poncho.
Bưởi vừa khoét cái hố rộng ra thật nhanh bằng mũ sắt vừa nói:
- Ông thầy nằm đắp chung poncho với con nhỏ này, em đi tìm cho ông thầy cái áo giáp.
- Thôi Bưởi, nguy hiểm mày.
- Gần ngay đây mà ông thầy.
Nói chưa dứt, Bưởi đã chạy vụt đi.
Tôi nằm đắp chung poncho với cô gái. Hơi ấm từ người nàng làm tôi khó chịu, không phải tôi khó chịu cô gái mà tôi khó chịu tôi. Đời thuở nhà ai, trong hoàn cảnh này, người ta ai cũng phải lo mà giữ sức khỏe, còn tôi, tôi lại muốn phung phí sức khỏe. Bộ chưa đủ mệt hay sao?

***

Bàn tay tầm bậy của tôi mầy mò tứ tung trong poncho. Cô gái không có thái độ hoan hô hay đả đảo gì ra mặt, nhưng người cô ta đang từ âm ấm chuyển dần sang nóng, hơi thở dồn dập và rõ tiếng hơn. Đến một lúc thuận tiện, tôi tìm một vị thế thích hợp. Nhưng vị thế thích hợp đã

không có với chúng tôi. Cát dính lung tung lên người chúng tôi, ở dưới hố thì hố được đào cong vòng như cái võng, kéo nhau lên trên miệng hố, đạn Việt Cộng bay loạn xạ ở tầm rất thấp.

Rất thèm, nhưng thôi thì đành chịu, lắc đầu, chép miệng, "ngậm ngùi".

Suốt từ lúc tôi về đến cái hố này, cô gái vẫn không nói một tiếng, và tôi cũng không nói một tiếng nào với cô ta. Khải máy nói vọng sang từ cái gọ bên cạnh, tay tôi vẫn đang mầy mò tầm bậy trong poncho:

- Người ta chạy hết rồi ông thầy ơi.
- Thằng Bưởi chạy đi kiếm áo giáp cho tao chưa về.
- Chắc nó chạy luôn theo mọi người rồi.
- Chắc không đâu, đợi nó một chút nữa thử coi.

Trời đã tối, tiếng súng bắn đi đã êm, chỉ còn những tiếng súng Việt Cộng bắn chúng tôi. Tiếng chân người chạy mỗi lúc một nhiều về hướng nam.
Khải máy và Phước râu chạy đến chỗ tôi. Chúng tôi vẫn cứ chạy, khi ngang qua những cái chốt của Việt Cộng, những người bị bắn trúng vẫn cứ ngã, những người tự tử vẫn cứ nổ lựu đạn. Ngoài biển vẫn có ánh đèn của những chiếc tàu qua lại. Những người phía trước chạy chậm dần, chậm dần rồi ngừng lại.
Trong suốt thời gian chạy tôi nghe đủ thứ tiếng, tiếng chân, tiếng thở, tiếng sóng, tiếng súng, tiếng lựu đạn nhưng không nghe tiếng nói. Bây giờ mới bắt đầu ồn ào tiếng người.
- Đụ mẹ, sao không chạy tiếp?
- Chắc đến cửa Tư Hiền rồi.
- Cửa Tư Hiền còn xa, chắc gặp tiểu đoàn 8 lên đón.
- Ông thầy cho em miếng nước.
- Đụ mẹ, tao là lính chứ đâu phải sĩ quan mà kêu tao ông thầy.
- Thì đàn anh cho đệ tử một hớp.
- Hớp cái con cặc, bộ mày không có bình toong à!

Nghe đến nước, tôi mới thấy là mình cũng đang khát. Tôi liếm môi chịu đựng. Nhìn bình nước trên tay người vừa chửi thề, thèm thuồng. Cố tưởng tượng rừng me của Tào Tháo, vô ích, cổ tôi vẫn khô ran, không có tí nước bọt nào để mà nuốt.
Phước râu biết ý, ngoại giao.
- Anh cho trung úy tôi một hớp.

Người có bi đông nước nhìn tôi.
- Trung úy thiệt không đó cha?
- Thiệt mà, ổng là đại đội phó tui.

Anh ta đưa bình nước cho tôi.
- Một hớp thôi nghe ông.

Sau khi làm một ngụm nước, tôi mới có thể nói được.
- Cám ơn bạn.

***
Việt Cộng xuất hiện, chĩa súng về phía chúng tôi ra lệnh.
- Đi một hàng dọc lên đàng trước.
Một giọng khác có vẻ là cấp chỉ huy.
- Tất cả giơ tay lên!
Có tiếng trả lời.
- Bắt thì bắt, không giơ tay.
- Bọn này ngoan cố, không hàng, chúng ông bắn bỏ mẹ.
Nhiều tiếng nói trong chúng tôi vang lên.
- **Bị bắt là tù binh**, giơ tay hàng tụi nó coi mình là hàng binh. Không giơ tay!
Nhất loạt chúng tôi không ai giơ tay, chỉ nối đuôi nhau thành một hàng dọc đi tới. Đang đi một hàng dọc như vậy, một người tách ra khỏi hàng, chạy ào ra ôm cứng lấy một tên Việt Cộng. Tiếng lựu đạn nổ, cả hai ngã vật ra chết.
Một người khác lại chạy ào ra ôm cứng một tên Việt Cộng khác, lại một tiếng lựu đạn nổ, lại cả hai ngã bật ra chết. Chúng tôi và Việt Cộng vẫn còn đang ở trong thế gờm nhau, chúng tôi đông nhưng đã mất chỉ huy và không có vũ khí, Việt Cộng tuy xuất hiện ít nhưng có súng.
Tôi nghe Việt Cộng nói với nhau.
- Bọn lính thủy đánh bộ này thằng nào cũng ngoan cố. Chắc chắn tụi nó còn lựu đạn trong người.
Một tên Việt Cộng, tên này chắc chắn là du kích nằm vùng vì đang xúng xính trong áo cà sa, đầu trọc lóc, đúng là một ông sư nhưng thay vì tay cầm mõ cầm nhang, lại lăm lăm một khẩu AK, mồm thay vì nói kinh nói Phật, lại ra lệnh cho chúng tôi.
- Chúng mày còn giấu lựu đạn trong người. Tất cả cởi hết quần áo ra!
Chúng tôi nhìn nhau, chưa có phản ứng gì, tên sư du kích quát lên.
- Đứng lại! Cởi hết quần áo ra!
Một người lính buột miệng hỏi.
- Cởi quần áo ra có bị coi là hàng binh không?
Cả chúng tôi lẫn Việt Cộng đều phì cười. Có lẽ tiếng cười đã làm không khí căng thẳng dịu lại. Chúng tôi cởi quần áo ra rồi tiếp tục đi tới. Đã có rất nhiều người bị bắt tập họp thành từng khối, ngồi quay lưng ra biển. Những người này không bị cởi quần áo như chúng tôi - những thằng bị bắt sau. Ba thầy trò tôi ngồi nối đuôi nhau thành một hàng dọc trong khối mới bị bắt.
Phước râu nói với tôi.
- Ông khai là lính thôi nghe ông thầy.
- Sao vậy?
- Mình đi chung có gì tui còn lo cho ông được.
- Đâu được mậy, mình bị bắt cả đơn vị, tụi nó điều tra thế nào cũng lòi ra.
- Nhưng ông đâu đủ sức sống một mình trong tù.
- Nhằm nhò gì, ở tù ít tháng thôi chứ mấy, mà để coi ra sao đã.
Có tiếng nói từ trong đám tù binh.
- Yêu cầu cho nước uống.
Nhiều tiếng khác vang lên, lúc đầu còn rời rạc, càng lúc càng ăn nhịp dần, cuối cùng có cả tiếng vỗ tay bắt nhịp.

- Nước! Nước! Nước!
Cứ như vậy cho đến khi nước uống được hai ả du kích cái mang ra.
Nhiều người bu lại uống nước, lúc đầu còn uống tử tế, đến thùng thứ ba được mang ra, cũng vẫn nhiều người bu lại, nhưng chỉ một số người uống nước, số khác giả vờ chen lấn giành nước để bóp vú hai ả du kích. Nhiều tiếng chí chóe vang lên. Tên Việt Cộng đứng ngoài hắng giọng hỏi.
- Cái gì ồn ào thế?
Thùng nước được hất đổ kèm theo nhiều tiếng nói.
- Hết nước rồi, yêu cầu cho thêm.
Tên Việt Cộng đứng ngoài ra lệnh.
- Đề nghị hai đồng chí mang thêm nước.
Khi thùng nước kế tiếp được mang ra, màn bóp vú lại tái diễn, và khi hai nữ đồng chí được đề nghị mang thêm nước lần nữa thì trốn luôn. Không còn nước, không còn đàn bà, mọi người ngồi trở lại trong hàng. Một người lính vừa ngồi xuống bên cạnh quay sang nhìn tôi cười.
- Đụ mẹ, bị bắt mà còn được bóp vú Việt Cộng, đã quá!
Sau khi đếm người xong, Việt Cộng đưa chúng tôi vào sân của một trụ sở ấp.
Tôi hỏi giờ một người đeo đồng hồ. Đúng 12 giờ khuya ngày 26 rạng 27 tháng Ba.
Nghe đâu làng này có cái tên rất độc đáo: làng Cự Lại.
Phước râu lại dặn dò tôi.
- Ông thầy nhớ khai là lính nghe.
Lúc trời gần sáng, Việt Cộng yêu cầu ai là sĩ quan tập họp riêng ở gần cổng trụ sở ấp.
Lúc đầu còn lác đác nhưng rồi chỗ tập họp riêng cho sĩ quan đông dần, hình như chẳng còn thiếu ai, ngoại trừ mấy ông cấp tá. Tôi gặp trung úy Gắt, thiếu úy Dzu, Huy mập, Du Hồ. Tôi lại gặp Sĩ tiểu đoàn 2 Pháo binh. Tôi còn gặp cả một thằng bạn cũ cùng học với nhau hết bậc trung học ở trường Nguyễn Trãi, Vũ Đức Giang, khi chúng tôi đang bị trói chung bằng một sợi dây điện dài. Tôi ngạc nhiên kêu lên.
- Giang, mày làm gì mà cũng bị bắt ở đây?
- Ơ Huy, cả chục năm mới gặp lại mày.
- Tao hỏi mày làm cái giống gì mà cũng bị bắt ở đây?
- Tao Thủy Quân Lục Chiến.
- Mẹ kiếp, cậu đếch tin, mày mà cũng dám giết người à? Mà sao ở Thủy Quân Lục Chiến, tao không gặp mày?
- Tao mới ra trường về Thủy Quân Lục Chiến khoảng nửa tháng nay.

***

Trời sáng rõ.
Mấy tên Việt Cộng gác chúng tôi cầm súng đi qua đi lại trước cổng. Một tên đứng gác trên chòi canh. Dân chúng bu sát vào hàng rào tò mò nhìn chúng tôi. Nhiều người đã cầm sẵn trên tay rổ khoai lang khoai mì để bán cho chúng tôi. Những người bị bắt trước tôi không bị cởi quần áo nên họ có tiền, và vì là lính nên không bị trói, ra sát hàng rào mua bán với dân chúng. Bọn Việt Cộng cố gắng ngăn cản vụ mua bán nhưng không nổi, cuối cùng đành phải ngó lơ. Nhiều người lính đem khoai sắn đến đút cho chúng tôi ăn. Số sĩ quan chúng tôi cũng có đến cả trăm mạng, bị trói quặt cánh tay ra sau, nối tiếp nhau bằng sợi dây điện dài. Một số đã bị

trói bằng dây kẽm vì không đủ dây điện. Lợi dụng lúc lộn xộn không có hàng ngũ gì, chúng tôi đã bàn với nhau. "Nếu được đi chung với lính thì thôi, còn nếu bị dắt đi riêng ra phía biển, tức là bị đem đi bắn, chúng tôi sẽ cướp súng bắn lại" Đằng nào cũng chết, cướp súng bắn lại ít ra cũng giết gỡ được vài mạng.
Phước râu, Khải máy, trung sĩ Khang cũng bu đến chỗ tôi ngồi. Tôi nói đủ cho mấy đứa nghe.
- Khang đứng lùi ra che mắt mấy thằng gác, thằng Khải xin miếng khoai đút tao ăn, còn thằng Phước ngồi xuống nới lỏng dây trói cho tao.
Tôi dặn thêm Phước râu.
- Nới lỏng vừa đủ để nếu cần, rút tay ra được. Lỏng quá dễ bị bể.
Bằng cùng một cách này, tất cả dây trói chúng tôi lần lượt đều được nới lỏng. Trước khi đi, chúng tôi đã nhìn nhau ngầm ra hiệu. Ra khỏi cổng trụ sở ấp, qua khỏi cổng chùa nằm ngay cạnh ấp, chúng tôi tập họp lại thành nhiều hàng ngang. Việt Cộng ra lệnh ngồi đợi. Đợi cái gì chúng tôi không biết.
Dân chúng vẫn bu quanh hàng rào để buôn bán. Lính tráng bị giữ trong trụ sở ấp vẫn ồn ào; tôi còn nghe cả tiếng ca hát nữa. Họ quả là những người thật vô tư. Một người trong hàng chúng tôi lên tiếng.
- Yêu cầu các anh cho lấy trả chúng tôi quần áo.
Tên Việt Cộng đứng canh chúng tôi hống hách.
- Cái gì của chúng mày, quần áo gì của chúng mày. Tất cả mọi thứ là của nhân dân, chúng mày không có quyền đòi cái gì hết.
Chúng tôi cười ồ lên, nhiều người tranh nhau nói.
- Té ra người dân nào cũng là Thủy Quân Lục Chiến hết à?
Không hiểu tên Việt Cộng vì không hiểu câu nói hay vì không nghe rõ nên tiếp tục hùng hổ.
- Đến nước này chúng mày còn lôi Thủy Quân Lục Chiến ra dọa nữa hả? Ông cho chúng mày một tràng đạn xong đời chúng mày bây giờ.
Trong hàng lại ào ào lên tiếng.
- Bắn đi.
- Có giỏi bắn ngay bây giờ đi.
Trong lúc nói ào ào lên như vậy, mọi người chúng tôi tuy tay vẫn để quặt ra sau lưng nhưng đã rút ra khỏi dây trói. Tất cả đều ở tư thế sẵn sàng.
Tên Việt Cộng mặt mũi còn non choẹt, không biết phải có thái độ như thế nào trong hoàn cảnh này nên lính qua lính quýnh, tay nắm thật chặt khẩu súng chĩa thẳng vào chúng tôi, chân bước giật lùi mấy bước, mắt ngó dáo dác cầu cứu, mồm lắp ba lắp bắp.
- À, chúng mày làm loạn, chúng mày làm loạn.
Một tên Việt Cộng khác có lẽ cấp bậc lớn hơn từ trong chùa đi ra hỏi.
- Cái gì đấy đồng chí?
- Bọn này làm loạn.
Tên mới ra này nhìn anh em chúng tôi.
- Yêu cầu anh em giữ trật tự. Anh em cần gì cứ cho chúng tôi biết nhưng không được làm ồn ào.
- Chúng tôi yêu cầu trả quần áo lại cho chúng tôi.
- Được rồi, anh em ngồi đợi tôi cho người đi lấy.
Tên này quay vào chùa, cho thêm mấy tên nữa tăng cường để gác chúng tôi. Những bàn tay

đã rút ra khỏi dây trói, được ý tứ đút trở lại. Mấy người dân ôm từng ôm, từng ôm quần áo của chúng tôi bị vứt bỏ dưới bờ biển tối hôm trước lên để thành từng đống trước mặt chúng tôi.
- Yêu cầu cởi trói để chúng tôi mặc quần áo.
Tên Việt Cộng hùng hổ lúc nãy lại tiếp tục sừng sộ.
- Cởi trói để chúng mày làm loạn à?
- Không cởi trói sao mặc quần áo được?
- Mặc sao được kệ chúng mày.
Chúng tôi ào ào lên. Tên Việt Cộng có vẻ là cấp chỉ huy lại từ trong chùa đi ra, trông thấy đống quần áo.
- Sao chưa phát quần áo cho người ta. Quay sang phía chúng tôi, tên này nói tiếp
- Các anh lại ồn ào cái gì nữa?
- Yêu cầu phát quần áo và cởi trói cho chúng tôi để chúng tôi mặc.
Tên này đứng suy nghĩ có vẻ lung lắm.

Tôi chờ đợi và suy nghĩ cũng không kém. Số phận của chúng tôi đã được quyết định sẵn, và quyết định như thế nào chúng tôi có thể đoán được tùy theo việc của chúng tôi được cởi trói hay không. Nếu không được cởi trói, chắc chắn chúng tôi sẽ bị bắn rất sớm. Còn nếu được cởi trói, không hẳn là chúng tôi sẽ không bị thanh toán nhưng thời gian còn hơi lâu, có thể là cuối ngày, có thể nửa đêm, có thể là phải đợi cho đến khi nào bọn chúng có đủ phương tiện mang chúng tôi đi xa, thật xa những người lính để họ không hay biết gì. Tên chỉ huy có khuôn mặt cáo già, sau một hồi suy nghĩ đã ra lệnh cởi trói cho chúng tôi. Cũng may, Việt Cộng cởi trói cho người ngồi ở đầu mỗi hàng, rồi sau đó chúng tôi lần lượt cởi trói cho nhau, nên bọn chúng không biết được là dây trói chúng tôi thực sự đã lỏng le lỏng lét. Quần áo được phát sao mặc vậy nên trông chúng tôi rất tức cười. Tôi, tiểu đoàn 4 mặc áo có bảng tên của tiểu đoàn 3, thằng tiểu đoàn 3 mặc áo của tiểu đoàn 5; thằng to như trâu nước mặc áo quá nhỏ không thể cài cúc, thằng nhỏ con mặc áo rộng thùng thình, nếu đứng dậy ai cũng phải nghĩ là cởi truồng vì cái áo dài che luôn cả quần lót. Chúng tôi chẳng thằng nào buồn đổi áo cho thằng nào, cứ vậy ngồi nhìn nhau khúc khích cười như một lũ con nít.

Chúng tôi bị trói trở lại. Quả thật là đau, đòi mặc quần áo chỉ là một cái cớ để được cởi trói, bây giờ mặc quần áo rồi, bị trói trở lại, chúng tôi chẳng còn nhờ được ai nới dây trói cả. Nhưng đã dự trù việc này nên lợi dụng lúc mặc áo, chúng tôi đã bứt đứt sợi dây điện ở nhiều khúc nên khi bị trói lần thứ nhì này, chúng tôi chỉ còn bị trói chung từng tốp vài ba mạng, xoay trở chắc chắn dễ dàng hơn là bị trói chung nhiều người vào một sợi dây dài. Thua keo này bày keo khác! Bắt đầu có người đòi uống nước, đồng thời có người đòi đi đái, có người đòi đi ỉa. Chúng tôi có cả một lực lượng lính hùng hậu không bị trói ở gần đó đang theo dõi chúng tôi, nên Việt Cộng dù có muốn cũng chưa dám hành hạ chúng tôi. Nước được đem ra và chúng phải bưng cho từng người chúng tôi uống. Những người đòi đi đái đi ỉa được cởi trói dẫn ra phía bờ biển. Chúng tôi tiếp tục đòi uống nước, đòi đi đái, đòi đi ỉa loạn xà ngầu lên. Bọn Việt Cộng phần cho người đi lấy nước, phần phải bưng nước cho chúng tôi uống, phần phải cởi trói dẫn chúng tôi đi đái đi ỉa, phần phải trói lại những người đi ỉa đái về, phần lại còn phải canh gác chúng tôi nhưng vì không đủ người nên nhiều người trong chúng tôi đã

không kịp bị trói lại. Cuối cùng có quyết định của tên chỉ huy là cởi hết dây trói chúng tôi, với điều kiện chúng tôi phải giữ trật tự, ngồi trong hàng. Muốn gì giơ tay xin từng người một. Chúng tôi được cởi trói.

***

Ông sư bắt chúng tôi tối hôm qua từ trong chùa đi ra, đi dép vỏ xe, mặc áo lam già, vai khoác AK, đầu trọc lóc không mũ được che bằng cái khăn mù xoa buộc túm bốn góc, vừa cười vừa nói với chúng tôi.
- Chào anh em, anh em có khỏe không?
- Bị bắt mà khỏe mẹ gì!
- Anh em đừng nghĩ là mình bị bắt. Anh em phải lấy làm sung sướng vì mình được nhân dân và cách mạng giải phóng ra khỏi guồng máy chiến tranh xâm lược phản dân hại nước của bọn Mỹ Ngụy.
- Ông lầm rồi, chúng tôi chiến đấu để bảo vệ tự do, chúng tôi đâu có xâm lược ai.
- Anh em không xâm lược, anh em làm bia đỡ đạn cho bè lũ xâm lược. Tổ quốc đứng về phía chúng tôi. Bây giờ anh em về với nhân dân, cách mạng có nhiệm vụ phải bảo vệ anh em, lo lắng và giúp đỡ anh em. Anh em sẽ được giáo dục để trở về đứng cùng một chiến tuyến với cách mạng, với nhân dân. Anh em hãy theo gương trung đoàn 56 của trung tá Phạm Văn Đính, cách mạng đã đối xử một cách rất khoan hồng, lại còn cho giữ nguyên quân hàm cũ.
Người ngồi cạnh tôi, giơ tay lên vừa cười vừa nói.
- Vậy đồng chí cho xin điếu thuốc.
Nhà tu hành đang tươi cười "thuyết pháp", chợt sa sầm mặt xuống, chụp ngay cổ áo người vừa nói, giựt giựt mấy cái, vừa giựt vừa gằn từng tiếng.
- Ai là đồng chí với mày, mày là kẻ thù của tao. Không có chính sách khoan hồng của cách mạng thì mày đã toi đời rồi con ạ.
Chúng tôi ngồi nháy mắt nhìn nhau cười.
Dân làng gánh những thúng cơm đến phát cho chúng tôi. Mỗi phần ăn được chừng một bát cơm và một miếng cá khô gói trong lá chuối. Phần ăn dù ít cũng không đủ để phát đều cho tất cả chúng tôi. Lý do khá giản dị là không ai tưởng tượng nổi con số chúng tôi bị bắt đông đến như vậy.

***

Khoảng 2 giờ trưa, bọn Việt Cộng được tăng cường thêm bộ đội chủ lực đến, di chuyển tất cả tù binh chúng tôi ra phá Tam Giang đợi gọ để đi sâu vào trong đất liền. Tại bờ phá, khi không còn bóng dáng người dân nào, chúng tôi bắt đầu được nếm mùi thổ phỉ, kẻ bị tước bút, người bị lột đồng hồ, kẻ bị tháo nhẫn, người bị gỡ dây chuyền. Nhiều tên du kích mặt mũi non choẹt, chừng mười lăm, mười bảy tuổi vác M-16, vác AK la hét, chửi mắng chúng tôi.
- Thằng này đeo nhiều bút chắc chắn phải là thằng chỉ huy cấp lớn, lột hết bút nó đi.
- Thằng này để nhiều râu chắc chắn phải là thằng sĩ quan, lột đồng hồ của nó ra.
Thôi thì có quá nhiều lý do "chính đáng" để chúng tôi bị lột sạch. Thậm chí đến sợi dây kim loại để đeo thẻ bài chúng tôi cũng bị lột với lý do là phương tiện chiến tranh của quân đội Ngụy. Ưu tiên sĩ quan chúng tôi qua phá trước hết. Trong khi tập họp đợi tất cả mọi người

qua phá, một tên hình như là cán bộ chính trị đứng thao thao bất tuyệt với chúng tôi.
- Nào là chính sách khoan hồng nhân đạo của chính phủ lâm thời Cộng Hòa Miền Nam Việt Nam đối với tù tàn binh biết ăn năn hối cải. - Nào là thành phố Đà Nẵng đang bị bao vây mọi mặt, mọi phía từ đường núi, đường bộ, đường biển đến vùng trời.
Một người đứng lên hỏi.
- Xin anh giải thích cho chúng tôi một số điều, thứ nhất hành động chôn người tập thể tại Huế trong trận tết Mậu Thân và bắn giết bừa bãi những người dân vô tội tại đại lộ kinh hoàng năm 72, thứ nhì, tại sao mang tiếng là xâm lược mà khi chúng tôi rút khỏi Quảng Trị và Huế, dân chúng lại bỏ chạy hết vào Đà Nẵng và Sài Gòn để tránh nạn Cộng Sản, thứ ba, anh giải thích thế nào về hành động quân đội nhân dân của các anh đã và đang cướp bóc ở bên kia phá, thứ tư, chúng tôi sử dụng súng đạn của đế quốc Mỹ hay mấy anh sử dụng súng đạn của Cộng Sản Nga, Tàu để tàn sát đồng bào, thứ năm...
Tên cán bộ chính trị Việt Cộng tức giận ngắt lời và ra lệnh cho bọn thủ hạ.
- Lôi cổ thằng ngoan cố này ra ngoài -quay sang chúng tôi, hắn gằn giọng- Các anh phải biết đảng và nhân dân chỉ khoan hồng cho người nào thực sự biết ăn năn hối cải, còn tên nào ngoan cố chỉ có hại vào thân thôi.
Nói xong, tên này hầm hầm đi ra ngoài. Chúng tôi nghe một tiếng súng nổ ở phía phá Tam Giang.
Khi mọi người đã qua phá xong, chúng tôi bị dẫn đi dọc theo con đường đất quanh co hướng về phía quốc lộ 1. Lúc nãy, ở bờ phía bên kia phá, chúng tôi được nếm mùi cướp bóc, thổ phỉ, và bây giờ trên con đường đất hai bên là ruộng, là lùm, là bụi này, chúng tôi được thưởng thức món giết người.
Đoàn tù chúng tôi đi thất thểu trên đường, đoành một tiếng, một xác người ngã xuống bờ ruộng, đoành một tiếng, một xác người nữa ngã xuống bờ ruộng. Một người đi ngay bên cạnh tôi bị bắn vào đầu, máu và óc văng dính cả vào người tôi. Trò bắn giết rất kỳ cục và khó hiểu. Những người bị bắn chết và những người không bị bắn -hay chưa bị bắn- đều không hiểu tại sao bọn Việt Cộng lại bắn người này mà không bắn người kia. Tại sao thằng Việt Cộng này không bắn người này mà bắn người nọ? Chúng tôi rất hoang mang nhưng lúc này không ai có phản ứng gì, mọi người vẫn cứ lầm lũi, thất thểu đi. Đói, khát, mệt mỏi và luộm thuộm lếch thếch, chúng tôi đi, hoang mang không hiểu bao giờ đến lượt mình bị bắn.

***
Số người bị bắn mỗi lúc dĩ nhiên mỗi nhiều hơn. Tất cả lon lá đã được gỡ ra từ sáng, khi chúng tôi mới nhận được quần áo mang từ bờ biển vào. Râu ria trên mặt biểu hiệu cho chức cấp hiểu theo nghĩa Việt Cộng cũng không phải, vì nhiều người để râu, trong đó có cả tôi, không hay chưa bị bắn, nhiều người râu ria nhẵn nhụi đã bị bắn. Mãi về sau, khi nghe được bọn Việt Cộng cầm súng đi tìm người để bắn nói chuyện với nhau chúng tôi mới vỡ lẽ ra. Những tên Việt Cộng nào đã từng bị tiểu đoàn Thủy Quân Lục Chiến nào đánh cho xất bất xang bang lúc trước, lúc này cứ đi tìm huy hiệu và bảng tên của tiểu đoàn đó mà bắn. Người mặc áo có gắn phù hiệu của tiểu đoàn 5 không bị thằng Việt Cộng này bắn nhưng bị thằng Việt Cộng khác bắn. Người mặc áo có gắn phù hiệu tiểu đoàn 3 bị bắn bởi thằng Việt Cộng không bắn người mặc áo của tiểu đoàn 4. Chúng tôi lột hết bảng tên và phù hiệu tiểu đoàn. Cuộc bắn giết thưa dần rồi chấm dứt.

Chúng tôi bị đưa về căn cứ La Sơn nhốt tạm để sau đó, hạ sĩ quan và binh sĩ bị đưa nhốt ở Khe Tre, Nam Đông. Đám sĩ quan chúng tôi bị đưa về cây số 23, gần ngay chỗ Ban chỉ huy tiểu đoàn 4 ít ngày trước, đối diện với làng Đồng Lâm.
Khoảng giữa tháng Tư, chúng tôi bị đưa về trại tù binh chính thức nằm phía bắc Khe Sanh, sát biên giới Lào, ở ngay đầu nguồn sông Bến Hải.

Phụ đính: **Trích đoạn phỏng vấn Cao Xuân Huy và Tháng Ba Gãy Súng**

Lê Quỳnh Mai: Tháng Ba Gãy Súng có nói thật không?

Cao Xuân Huy: Tháng Ba Gãy Súng là tự viết cho mình để ghi nhớ lại những điều không muốn quên.

Lê Quỳnh Mai: Hồi ký Tháng Ba Gãy Súng cho thấy tác giả là một người lính. Trong cuốn Nếu Đi Hết Biển (Trần Văn Thủy) thì Cao Xuân Huy là một người tù. Ông có thể nói thêm về hai tác phẩm trên và hai vai trò Cao Xuân Huy chăng?

Cao Xuân Huy**:** Tôi là dân Bắc kỳ, giống như rất nhiều gia đình di cư khác, gia đình tôi cũng bị "cắt đôi" khi hiệp định Genève cắt đôi Việt Nam năm 1954. Bố tôi ở kháng chiến về Hà Nội. Mẹ tôi chạy Cộng Sản vào Sài Gòn. Chị tôi ở lại Hà Nội với bố. Tôi theo mẹ vào Sài Gòn. Bố tôi là một người làm thơ và viết báo. Ông đi kháng chiến từ hồi còn trẻ. Về Hà Nội năm 1954, sau đó vì dính đến vụ án Nhân Văn Giai Phẩm, ông bị quản thúc và bị cấm sáng tác, chỉ được viết về kịch ảnh. Từ đó, ông chỉ còn làm thơ "chui" cho người thân đọc, và dịch những tác phẩm văn chương ngoại quốc được chỉ định, để kiếm sống.

Lớn lên trong thời chiến, đi lính là trách nhiệm chung của thanh niên. Có khác chăng, tôi là một trong số ít người đã kể lại trung thực sự thua bại của mình, của một đơn vị thiện chiến nhất nhì của miền Nam, bị bó tay trước kẻ thù vì… hết đạn. Đó là chuyện *Tháng Ba Gãy Súng*. Tháng Ba của người lính ấy thật ra chỉ có 11 ngày Tôi viết để chứng minh, tôi và những người lính cầm súng chiến đấu đến viên đạn cuối cùng…

Còn trong *Nếu Đi Hết Biển*, có hai điều tôi nhắc đến, là chuyện lần đầu gặp gỡ giữa hai bố con từ hai giới tuyến sau chiến tranh: khi tôi bị tù ở Thanh Hóa, bố tôi vào thăm, không được gặp con vì ông dính dáng đến vụ Nhân Văn – Giai Phẩm trong quá khứ. Tôi chỉ được gặp bố mấy năm sau. Cuộc gặp gỡ lần đầu tiên của hai bố con đầy bất ngờ ở trại tù Bình Điền, Huế. Thứ hai, là chuyện đơn vị Thủy Quân Lục Chiến chúng tôi hụt lấy lại đảo Hoàng Sa vì bị bộ đội Cộng Sản cầm chân, ngăn cản bằng những trận đánh vi phạm hiệp định ngưng bắn, khiến chúng tôi phải bận "dẹp giặc" trong lúc đang chuẩn bị xuống tàu tiến quân ra Hoàng Sa, vừa bị Trung Cộng chiếm trước đó vài ngày, vào nửa cuối tháng 1 năm 1974.

Kịch Chiến Trên Quốc Lộ 1:
Huế - Đà Nẵng –
Quảng Nam - Quảng Tín - Quảng Ngãi

*** Trận chiến tại Thừa Thiên:**

Kịch chiến trên Quốc lộ 1 đoạn từ Huế đi Đà Nẵng ***từ 21 đến 23/3/1975*****:**
Ngày 21 tháng 3/1975, Cộng quân tung một trung đoàn đánh vào mộtsố xã thuộc quận Phú Lộc, một quận ở cực Nam Thừa Thiên, có địahình dọc theo Quốc lộ 1. Để ngăn chận cuộc tấn công của Cộng quân, Bộ Tư lệnh Sư đoàn 1 Bộ binh đã điều động Trung đoàn 1 Bộ Binh đang ơ ûgần đó đến giải tỏa áp lực của địch quân. Trong ngày này, với sựyểm trợ tối đa của Pháo binh và Không quân, Cộng quân bị đẩy lùi ra khỏi một số vị trí trong một thời gian ngắn, sau đó Cộng quânlại tăng cường lực lượng và tổ chức đợt tấn công thứ hai vào tuyến phòng ngự của ba tiểu đoàn của Trung đoàn Bộ binh này.

Trước tình hình mới, Bộ Tư lệnh Tiền phương Quân đoàn 1 đã điều động thêm Liên đoàn 15 Biệt động quân vào trận địa. Giao tranh kéo dài từ chiều ngày 21 đến trưa ngày 22/3/1975. Trong suốt thờigian này Cộng quân đã mở thêm nhiều đợt tấn công lớn vào cáctuyến phòng ngự của Trung đoàn 1 Bộ Binh và Liên đoàn 15 Biệtđộng quân nhưng đã bị thất bại. 1 giờ chiều ngày 22/3/1975, địchquân điều động thêm 2 trung đoàn tung vào trận chiến và gia tăngpháo kích. Pháo Cộng quân bắn tới tấp vào khu vực của quân trúphòng và sau đó là các đợt xung phong biển người. Đến 2 giờ chiềucùng ngày, Liên đoàn 15 Biệt động quân và các tiểu đoàn của trungđoàn 1 Bộ binh đã phải rút lui để bảo toàn lực lượng. Đoạn đườngHuế-Đà Nẵng trên Quốc lộ 1 bị cắt đứt, Cộng quân lập chốt chận tại Đá Bạc cách Huế hơn 30 km về phía Nam và cách Đà Nẵng hơn 70 km.

*** Cộng quân pháo kích Huế:**

Sáng ngày ***23 tháng 3/1975***, trong khi Trung đoàn 1 Bộ binh và Liên đoàn 15 BĐQ kịch chiến với CQ trên Quốc lộ 1, thì tại Huế, địchquân bắt đầu tấn công vào một số vị trí trong thành phố và vòngđai phụ cận. Các đợt pháo kích tiếp diễn suốt ngày nhưng không cóhiệu quả, các quả pháo không rơi trúng vào các vị trí quân sự.Chiều 23 tháng 3/1975, Trung tướng Ngô Quang Trưởng, Tư lệnh Quânđoàn 1, gọi Chuẩn tướng Nguyễn Văn Điềm, Tư lệnh Sư đoàn 1 Bộ binh vào Đà Nẵng để duyệt xét lại tình hình phòng thủ Huế. TướngĐiềm đã báo cho Trung tướng Trưởng biết là Sư đoàn 1 Bộ binh đang đối đầuvới 3 sư đoàn chủ lực và 1 sư đoàn Pháo của Cộng quân. Cuối cùng,Trung tướng Trưởng buồn bã nói với Tướng Điềm:"Thôi đành phải cho rút khỏi Huế vậy".
Từ ngày 13 đến 23/3/1975, Trung tướng Trưởng tìm mọi cách để giữHuế nhưng cuối cùng thì tình thế không cho phép ông thực hiện điều ông mong muốn. Chiều hôm đó, ông lặng lẽ nhìn tướngĐiềm, ngườibạn cùng khóa 4 Sĩ quan trừ bị Thủ đức với ông, người đã được ông tin tưởng ở khả năng chỉ huy và đã được ông bổ nhiệm giữ nhữngchức vụ quan trọng từ trung đoàn phó rồi lên trung đoàn trưởngtrung đoàn 1 bộ binh khi ông là Tư lệnh Sư đoàn này. Tháng 11/1973,

chính ông đã đề nghị cho Đại tá Điềm làm tư lệnh Sư đoàn 1BB và 5 tháng sau đó, ông lại đề nghị với Tổng thống Thiệu thăngcấp chuẩn tướng cho vị đại tá này.

Tướng Điềm trở lại Huế ngay chiều 23/3/1975. Khi vừa ra khỏi vănphòng Trung tướng Trưởng để ra trực thăng, ông gặp Tướng Bùi Thế Lân,tư lệnh Thủy Quân Lục chiến. Tướng Lân cũng được Trung tướng Trưởng mời đến để thông báo về việc rút quân khỏi Huế. Thấy tướng Điềm đi ra với nét mặt buồn, tướng Lânnói với tướng Điềm: "Điềm ơi, rán lo đi, tình hình bây giờ ở đâu cũng khó khăn cả". Theo lời Tướng Lân kể lại thì khi vào gặp Trung tướng Trưởng, vị tư lệnh Quân đoàn 1 đã nói ngay cho Tướng Lân biết là ông đã cho lệnh bỏ Huế theo chỉ thị của Tổng thống VNCH Nguyễn Văn Thiệu. Tướng Lân bàng hoàng khi nghe tin này và hỏi lại Trungtướng Trưởng: "Khi nào chúng ta sẽ rút khỏi Huế?". Tướng Trưởng nghẹn ngào nói: "Đêm nay".

Rồi thôi, hai vị tướng nhìn nhau...

*** Quảng Nam, Quảng Tín, Quảng Ngãi sôi động:**

Trong khi Huế đang ở vào cao độ của cuộc chiến thì tại Quảng Namvà Quảng Tín, ngày ***16/3/1975*** đến ngày ***21/3/1975*** Cộng quân tung 1trung đoàn thuộc tỉnh đội Quảng Nam đánh chiếm vùng Bình Tú, quậnThăng Bình, Quảng Tín. Bộ Tư lệnh Sư đoàn 3 Bộ binh đã điều động tiểu đoàn 3/ Trung đoàn 2 và hai tiểu đoàn 2 và 3/ Trung đoàn 56 Bộ binh cùng với 2 chi đoàn thuộc Thiết đoàn 11 Kỵ binh (đơn vị thốngthuộc Sư đoàn 3 bộ binh) giải tỏa áp lực của Cộng quân.

Ngày ***22 tháng 3/1975***, Cộng quân đưa thêm quân vào khu vực Tây NamThăng Bình (tỉnh Quảng Tín), Quế Sơn (Quảng Nam). Trước tình hình đó, Thiếu tướng Nguyễn Duy Hinh, Tư lệänh Sư đoàn 3 Bộ binh, đã họp với Tiểu khu trưởng kiêm Tỉnh trưởng Quảng Nam, và Tiểu khu trưởng kiêm Tỉnh trưởng Quảng Tín, để bàn kế hoạch chống trả các đợt tấn công của Cộng quân tại các khu vực nói trên.

Tại Quảng Ngãi, trong thời gian từ ngày 15 đến ngày ***23/3/1975***,Cộng quân gia tăng áp lực. Để bảo toàn lực lượng và để có quân sốphòng thủ tại những nơi trọng yếu hơn, ngày ***16/3/1975***, Trung tướng Trưởng đã cho lệnh rút quân khỏi quận lỵ Sơn Trà và Trà Bồng.Các đơn vị rút khỏi các vị trí trên được tái bố trí để lập vành đai phòng thủ tại các quận cận sơn và những khu vực hiểm yếu.

****

Phụ đính: Vì Sao Tôi Bỏ Quân Đoàn 1

Lê Bá Chư phỏng vấn tướng
Ngô Quang Trưởng - 1980

Ngày 13 tháng 3 năm 1975, được lệnh vào Saigon họp, tôi vào đến Saigon nhưng với sự ngạc nhiên là chỉ có mình tôi vào gặp tổng thống và thủ tướng mà thôi. Ngoài tôi ra, không có ai khác. Thường lệ, khi được lệnh về Saigon họp thì đều có đầu đủ mặt các vị tư lệnh quân đoàn và tư lệnh các quân binh chủng khác. Lần này, thì chỉ một mình tôi thôi. Tôi thắc mắc lo lắng. Nhưng khi Tổng Thống Thiệu cho biết ý định của ông ta là phải rút bỏ Quân Đoàn 1 ngay hôm nay thì tôi mới vỡ lẽ, cay đắng, và uất ức vì lệnh ra quá đột ngột ngoài sức tưởng tượng và ngoài ước muốn của tôi. Thật ra, lúc đó tình hình tại Huế, Quảng Ngãi, và Đà Nẵng tuy có hơi nặng nề vì địch tấn công liên tiếp, tuy nhiên tôi đủ sức chống giữ và sẽ tăng cường Sư Đoàn Dù cùng với Thủy Quân Lục Chiến ra những vùng đó để lấy lại ưu thế. Tôi trình bày cặn kẽ những ý kiến cũng như dự định của tôi lê tổng thống và thủ tướng nhưng không được chấp thuận.

Lệnh bất di dịch là: Phải rút khỏi Quân Đoàn 1 càm sớm càng hay.

Trở ra Quân Đoàn 1, tôi cho triệu tập tất cả các vị tư lệnh sư đoàn, tỉnh trưởng, tiểu khu trưởng, và các sĩ quan tham mưu quân đoàn để họp. Thái độ khác thường của tôi làm các sĩ quan trong buổi họp hôm đó có vẻ nghi ngờ, thắc mắc. Nhưng rút cục tôi chỉ hỏi sơ qua tình hình và nói vu vơ quanh quẩn. Chứ làm sao tôi có thể ra lệnh thẳng khi chỉ với một mình tôi là tư lệnh quân đoàn mà thôi. Vì vậy, cuộc họp hôm đó cũng chẳng mang lại kết quả nào mà tôi mong muốn. Lệnh của Tổng Thống Thiệu yêu cầu tôi rút khỏi Quân Đoàn 1 vào ngày 13 tháng 3, và rút Quân Đoàn 2 vào ngày 14 tháng 3. Ông Thiệu cho biết là rút hết về Phú Yên, lấy Quốc Lộ 22 làm ranh giới. Việt Nam Cộng Hòa thu gọn sẽ chạy dài từ Phú Yên đến Hà Tiên.

Cái lầm của trung ương là không cho các thuộc cấp biết ý định của mình. Nghĩa là các vị tư lệnh các quân binh chủng, tổng bộ trưởng, tư lệnh sư đoàn, v.v. đã không biết gì về lệnh rút quân của Quân Đoàn 1 và 2 cả. Lệnh này chỉ có tổng thống, thủ tướng, đại Tướng Cao Văn Viên, tôi (tư lệnh Quân Đoàn 1), và tư lệnh Quân Đoàn 2 (tướng Phạm Văn Phú) biết mà thôi. Do đó thiếu sự phối hợp chặt chẽ giữ tham mưu và các cấp, không có kế hoạch rút quân đàng hoàng, lệnh đột ngột không có cả thì giờ để xếp đặt kế hoạch, gây hoang mang cho binh sĩ, nhất là khi gia đình họ cũng không được bảo vệ đúng mức thì làm sao tránh khỏi hoang mang? Ai cũng lắng nghe tin tức thân nhân ở bên ngoài doanh trại. Thêm vào đó, tin tức Ban Mê Thuột, Pleiku, Kontum, bị chiếm, Huế bỏ ngỏ, dân chúng Huế chạy vào Đà Nẵng ngày một đông gây cảnh xáo trộn kinh hoàng cho dân Đà Nẵng. Rồi sau đó là Chu Lai bị áp lực nặng. Tôi ra lệnh cho tướng Trần Văn Nhựt rút Sư Đoàn 2 từ Chu Lai ra trấn tại Lý Sơn (Cù Lao Ré) để kiểm soát đường bể, sợ địch ra chiếm đóng thì đường biển sẽ bị khó khăn. Trong khi đó, cảnh hỗn loạn đã xảy ra phần lớn do dân chúng hốt hoảng từ chỗ này sang chỗ khác lam cho binh sĩ nao núng và cũng chạy theo thân nhân. Mở miệng ra lệnh cho họ rút quân, trong khi mới hôm qua với lòng sắt đá và giọng nói cứng rắn hàng ngày buộc anh em phải giữ không để mất một cục sỏi ở Vùng 1. Sau đó tôi suy nghĩ kỹ hơn. Tôi quyết định gọi đại tướng Cao Văn Viên nhờ xin tổng thống cho tôi được dùng mọi cách để giữ Huết và Vùng 1. Làm sao tôi bỏ Huế và Vùng 1 được? Làm sao tôi bỏ được vùng đất sỏi đá này mà bao nhiêu chiến hữu của tôi đã đổ máu để gìn giữ? Nhất là trong vụ Mậu Thân.

Tổng thống Thiệu rung động, chấp thuận cho tôi giữ Huế. Sáng 18 tháng 3 năm 1975, tôi ra Huế

gặp tướng Lâm Quang Thi đang chỉ huy tại Huế. Tôi ra lệnh: Giữ Huế cho thật vững. Chiều hôm đó về đến Đà Nẵng, tôi nhận được một lệnh do Đại Tướng Cao Văn Viên, thừa lệnh tổng thống yêu cầu tôi "bỏ Huế." Thật làm cho tôi chết lặng người. Vì mới buổi sáng nay ở Huế tôi ra lệnh cho tướng Thi giữ Huế. Bây giờ đột nhiên được lệnh bỏ thì tôi biết nói làm sao với tướng Thi và anh em binh sĩ.

Nhưng vẫn phải đành thi hành theo lệnh trên. Tôi gọi điện thoại thông báo lệnh bỏ Huế cho tướng Thi. Tướng Thi trả lời ngay: "Ở Huế bây giờ xã ấp phường khóm tốt quá, đâu đâu tình hình cũng tốt cả mà tại sao anh bảo tôi bỏ là bỏ làm sao?" Tôi buồn bả trả lời: "Tôi biết rồi, nhưng xin anh bỏ Huết dùmg tôi, đó là lệnh trên, không bỏ là không được." Kết quả là tướng Thi thi hành lệnh, bỏ Huế, và dồn quân đến cửa Thuận An để được tàu Hải Quân rút về Đà Nẵng.

Trong khoảng thời gian từ 13 đến 18 tháng 3, hàng đêm tôi gọi điện thoại cho thủ tướng Khiêm và báo cáo mọi biến chuyển từ công việc hành chánh đến quân sự. Tình hình khó khăn, địch tấn công, mà lại thêm cái lệnh "phải rút càng sớm càng tối" lan truyền rỉ rả cho nên binh sĩ và công chức hết sức xôn xao. Tôi báo cáo mọi việc và xin thủ thướng ra quan sát tình hình. Sáng 19 tháng 3/1975, Thủ Tướng Khiêm đến, tôi cho họp tất cả các vị tư lệnh sư đoàn, tỉnh trưởng, thị trưởng, bộ tham mưu, và các trưởng phòng sở của hành chánh để thủ tướng nói chuyện. Trước khi thủ tướng đến, tôi đã nói chuyện với anh em có mặt tại hôm đó rằng tình hình khẩn trương, anh em phải nói lên sự thật đang xảy ra trong thực tế tại nơi này để thủ tướng biết rõ tình hình và giải quyết cấp thời, chứ đừng có giữ thái độ "trình thưa dạ bẩm" trong lúc này nữa. Phải thẳng thắng mà nói lên sự thật. Nhưng sau khi thủ tướng nói chuyện xong, đến phần thắc mắc thì cũng chẳng ai nói gì cả. Tôi rất buồn vì anh em không chịu nghe lời tôi để nói thủ tướng biết những sự thật về tình hình hiện tại. Duy chỉ có một mình Đại Tá Kỳ, tỉnh trưởng tỉnh Quảng Trị, có hỏi một câu: "Thưa thủ tướng, trong mấy ngày vừa qua, có một số công chức đã tự ý bỏ nhiệm sở không đến làm việc, thưa thủ tướng, phải dùng biện pháp gì để trừng phạt những người đó?" Câu hỏi thật hay, nhưng thủ tướng không trả lời và nói lảng sang chuyện khác. Vì thủ tướng làm sao nói được khi lệnh trên đã muốn giải tán Quân Đoàn 1 và Quân Khu 1 càng sớm càng tốt.

Đúng ngày 22 tháng 3 năm 1975, tôi được lệnh rút Sư Đoàn Dù và Sư Đoàn Thủy Quân Lục Chiến về giữ Nha Trang. Ngày 29 tháng 3, cộng quân tràn vào Đà Nẵng với những trận giao tranh nhỏ. Tôi được chiến hạm HQ-404 đưa về Saigon. Trên tàu cũng có một lữ đoàn Thủy Quân Lục Chiến. Khi tàu chạy ngoài khơi, Tổng Thống Thiệu liên lạc yêu cầu tôi ra tái chiếm lại Đà Nẵng. Tôi trả lời ngay là bây giờ tôi lấy ai để theo chân tôi tái chiếm Đà Nẵng? Lính tráng đã phân tán mỗi người một nơi. Cấp chỉ huy thì mạnh ai nấy thoát. Làm sao tôi có thể làm chuyện đó (tái chiếm Đà Nẵng) được? Sau đó tôi được lệnh cho hạm trưởng ghé tàu vào Cam Ranh, bỏ hết Thủy Quân Lục Chiến xuống, rồi chỉ chở một mình tôi về Saigon. Tôi không chịu, mặc dù lúc đó tàu đã cặp bến Cam Ranh rồi. Tôi nhờ hạm trưởng gọi về Bộ Tổng Tham Mưu xin cho anh em Thủy Quân Lục Chiến được về Saigon tĩnh dưỡng nghỉ ngơi cùng tôi. Còn nếu không thì tôi sẽ ở lại Cam Ranh và đi theo anh em Thủy Quân Lục Chiến và cùng nhau chiến đấu. Sau đó, Saigon bằng lòng cho tàu chở tất cả về Saigon. Về đến Saigon, tôi được bổ nhiệm vào Bộ Tư Lệnh Hành Quân lưu động ở Bộ Tổng Tham Mưu. Khi vào đây, tôi gặp phó đề đốc

Hồ Văn Kỳ Thoại (tư lệnh Hải Quân Vùng 1 Duyên Hải) và Chuẩn Tướng Nguyễn Văn Khánh (tư lệnh Sư Đoàn 1 Không Quân) đang ngồi viết bản tự khai, và trung tướng Thi thì bị phạt quản thúc về tội bỏ Huế. Tôi không hiểu vì sao lại có chuyện kỳ lạ như vậy.

Hôm sau trong buổi họp tại Bộ Tổng Tham Mưu, tôi có nói rằng: "Việc phạt tướng Thi cùng hai tướng Thoại và Khánh là không đúng, họ chỉ là thuộc cấp của tôi, họ chỉ làm theo chỉ thị của tôi mà thôi, họ không có tội gì cả, nếu có phạt thì xin phạt tôi đây này." Sau đó, tướng Lê Nguyên Khang với giọng giận dữ đã buột miệng nói: "Anh em chúng tôi không có tội tình mẹ gì cả!" Tiện đây, tôi cũng xin nói về trường hợp ra đi của tướng Thoại và tướng Khánh. Là vị tư lệnh trong tay, có hàng ngàn lính, hàng trăm chiến hạm lớn nhỏ, nhưng tội nghiệp thay, sau khi hỗn loạn, tướng Thoại đã bị bỏ quên không ai chở đi khỏi bộ tư lệnh ở Tiên Sa, và ông đã phải đi bộ qua dãy núi phía sau bờ biển. May nhờ có một chiếc tàu nhỏ của Hải Quân mà anh em trên tàu lúc đó cũng còn giữ kỷ luật, thấy đề đốc Thoại ở đó, họ ghé vào chở tướng Thoại đi chứ nếu không thì cũng chẳng biết sau này sẽ ra sao. Còn tướng Khánh, tư lệnh Sư Đoàn 1 Không Quân, đã không đủ nhiên liệu để bay xa mà phải đáp trực thăng tại một bãi cát ở Sơn Trà rồi lội ra tàu. Cũng may lúc đó gặp tàu HQ-404 và đã cùng tôi về Saigon.

Hy Vọng Sẽ Gặp Mày Ở Đà Nẵng
(trích Tháng Ba Gãy Súng - Cao Xuân Huy)

Hơn 12 giờ trưa, chúng tôi được lệnh di chuyển ra bờ biển. Vừa lên hết đụn cát cạnh làng tôi đã thấy ngay một chiếc tàu thật lớn mang số HQ-801 thừa sức chứa cả lữ đoàn đã đợi sẵn ở gần bờ không biết từ bao giờ. Tôi nghĩ bụng chỉ còn lên tàu nữa là chấm dứt sự rút chạy, bọn Việt Cộng có tới nơi cũng sẽ chỉ được một phen chưng hửng. Nhưng lên tàu cũng còn có nghĩa là chấm dứt một cách nhục nhã và vô lý cuộc chiến đấu khủng khiếp mấy năm trời nay để giữ vùng Quảng Trị và Huế, và sẽ chẳng bao giờ còn trở lại cái nơi đã in đậm vào tôi những kỷ niệm vui buồn xấu tốt. Sóng có vẻ cao ở sát bờ nên tàu phải đậu cách bờ có đến khoảng năm mươi mét. Những người dân chạy loạn và lính tráng của các đơn vị khác tan hàng đã đứng đầy ở bờ biển. Họ đã chạy theo chúng tôi từ Quảng Trị, Huế…

Theo lệnh Lữ đoàn, mỗi tiểu đoàn tập họp thành một khối đứng quay lưng ra biển. Đại đội tôi mỗi trung đội đứng một hàng dọc cộng với một hàng dọc ngắn của ban chỉ huy đại đội. Trong khi kiểm điểm quân số, tiểu đoàn bắt được một tên Việt Cộng trà trộn. Tên này cũng mặc quần áo Thủy Quân Lục Chiến, cũng đeo bảng tên màu đỏ của tiểu đoàn, bị phát giác vì một sự ngờ nghệch nhỏ. Mỗi bảng tên đều có con số của từng đại đội, tên Việt Cộng này mang bảng tên không có số tức là thuộc đại đội chỉ huy lại đứng vào khu vực của đại đội 2. Bắt được tên Việt Cộng trong hoàn cảnh này dù có nhân đạo đến đâu cũng không thể giữ làm tù binh, mà chỉ có một cách duy nhất là tặng chàng cái vé đi tàu suốt. Buổi sáng kiểm điểm quân số ở bên kia phá, tôi chỉ nghe báo cáo của các trung đội, bây giờ đâm hoảng, tôi phải đích thân đi nhìn mặt từng người lính trong đại đội. Oái ăm thay ngay trong trung đội tôi - tôi làm Trung đội trưởng trung đội 4 thay cho thiếu úy Sáng từ ngày Sáng qua đơn vị mới, vì tôi là đại đội phó nên mọi sinh hoạt của trung đội đều do trung sĩ nhất Ba trung đội phó điều động. Tôi hoảng hồn vì trong trung đội tôi có mấy tên mang đúng bảng tên của đại đội nhưng mặt mũi lạ hoắc, có một tên còn dắt theo một cô gái đang lúng ta lúng túng, mặt mũi tái xanh tái mét. Tôi hỏi:
- Mày đại đội nào?
- Em đại đội 4.
Trung sĩ nhất Ba đỡ lời:
- Nó là lính mình đó trung úy.
Tôi hỏi tiếp:
- Cô gái này là gì của mày?
Cô gái òa lên khóc hốt hoảng nói:
- Em là người Huế, em học năm thứ hai Văn Khoa -vừa nói cô gái vừa móc căn cước và thẻ sinh viên đưa cho tôi- em không phải là Việt Cộng.
Bất thần cô gái xụp xuống lạy tôi như tế sao:
- Trung úy cho em đi theo với, em không còn cách nào để đi được.
- Mấy cô hoạt động chống chính phủ dữ lắm mà, sao không ở lại đón Việt Cộng, chạy theo tụi tôi làm gì. Hay cô được gài đi theo mấy thằng lính "mồ côi" này. Cô gái khóc rống, tay vái tôi lia lịa:
- Gia đình em đi trước hết rồi, còn mình em ở lại để thu xếp nhà cửa rồi đi sau, đâu ngờ đã

không kịp thu xếp gì hết lại còn bị kẹt như vầy.
Tôi không phải là người dễ xúc động vì những giọt nước mắt đàn bà, tôi cũng không phải là một người cả tin nhưng xét cho cùng, người con gái trong hoàn cảnh loạn lạc này, một thân một mình nếu không bám vào chúng tôi thì còn biết bám vào ai…
***
Mắt tôi bỗng sáng lên khi thấy một chiếc tàu quay mũi vào bờ. Trống ngực tôi đập thật mạnh, người tôi như lên cơn sốt trong khi miệng tôi chợt đắng nghét, bụng tôi thắt quặn lại, cố gắng một cách liên tục, dù hai hàm răng vẫn đập vào nhau, tôi vẫn lẩm bẩm "ông ơi cứu con! ông ơi cứu con!"
Tiếng súng Việt Cộng bắt đầu nổ, Tiểu đoàn 7 cũng bắt đầu bắn. Tôi nhìn ngược nhìn xuôi kiểm soát và nhắc nhở con cái lần chót. Miệng tôi bật ra tiếng hô:
- Dzọt!
Tất cả đại đội ùa chạy.
Súng nổ nhiều hơn, nhiều loại súng nổ hơn, rền hơn, gắt hơn, nhắm vào những mục tiêu di động là chúng tôi bắn tới tấp hơn. Tôi cố gắng chạy thật nhanh, miệng không ngớt "ông ơi, ông ơi", nhưng hình như người tôi nặng hơn, cát dưới chân hình như lún sâu hơn, thân hình tôi hình như to lớn, dềnh dàng hơn. Mồ hôi tôi vã ra, tai tôi ù đi, mắt tôi hoa lên. Hình như đâu đó quanh tôi có những tiếng thét thất thanh, hình như đâu đó quanh tôi có những bóng người ngã xuống. Không gian thì ngắn mà sao thời gian lại quá dài. Hình như thằng Bưởi vẫn chạy sau lưng để đỡ tôi, hình như thằng Khải mang máy đang kè kè bên cạnh tôi, và hình như tôi nghe loáng thoáng đâu đó tiếng của những người lính la lớn "tới rồi, tới rồi, nhào xuống giao thông hào".
Không biết những bàn tay nào đã hất tôi xuống giao thông hào, không biết những bàn tay nào đã đỡ tôi khỏi ngã. Tôi ngồi phệt xuống, dựa lưng vào bờ cát, miệng há ra mà thở nhưng vẫn không mất âm thanh của hai tiếng "ông ơi!".

Tiếng súng thưa dần rồi im hẳn.
Sau khi hoàn hồn, tôi đứng dậy nhìn lại đoạn đường vừa chạy, xác những người lính của đại đội nằm rải rác đây đó trên bãi cát. Tôi không dám nhìn kỹ để nhận ra những ai, tôi không dám đếm để biết là bao nhiêu người. Nước mắt tôi trào ra, không hiểu là mừng vì mình còn sống hay vì thương những thằng em vắn số. Một cái giá quá đắt trên một đoạn đường quá ngắn, một món nợ quá nặng chúng tôi phải trả vì mấy ông xếp lớn của chúng tôi vay. Tại sao chúng tôi chỉ được chạy như thế này vào ban ngày hả trời. Tôi đứng đấy, mắt nhòa lệ, thẫn thờ.
Bưởi vỗ lưng làm tôi giật mình:
- Ông thầy, 369 kêu.
- Ông ấy ở đâu?
- Đằng kia -vừa nói Bưởi vừa lôi tôi đi- đại đội mình tập họp đằng sau ụ cát kia.
Gọi là đại đội nhưng quân số chỉ còn chừng một trung đội. Những người lính của tôi còn lại đâu rồi? Họ đã nằm hết ở ngoài kia hay còn đang lẩn quẩn đâu đó mà tinh thần và thể xác chưa được phục hồi.
Đại đội trưởng tôi, trung úy Gắt tuyên bố:

- Tôi không biết tàu có vào nổi để bốc chúng ta hay không, tôi tuyên bố kể từ giờ phút này, đại đội hết chỉ huy, mạnh ai nấy lo.

Tôi sững sờ. Trời đất ơi, đụ mẹ, con cặc, tại sao lại tuyên bố một điều vô lý như vậy được. Lúc này là lúc cần sự chỉ huy nhất, lính tráng cần sự hướng dẫn nhất thì ông lại tuyên bố đại đội mất chỉ huy. Đại đội đã tan hàng, đại đội đã tanh banh nhưng đại đội vẫn còn tập họp lại được. Dù ít dù nhiều vẫn còn là một đại đội. Tại sao thế này hả trung úy Gắt? Tại sao ông lại đào ngũ một cách hèn nhát và công khai như vậy? Tại sao ông tuyên bố đại đội mất chỉ huy mà ông còn gom những thằng lính thân tín của ông lại? Âm mưu xé lẻ lúc này có đáng mặt chỉ huy hay không? Đã vậy mà còn tuyên bố. Tuyên bố cái con cặc! Tại sao ông không dẫn mấy thằng đệ tử ruột của ông trốn cha nó đi từ trước khi tập họp có phải hay hơn không, có phải đỡ nhục hơn không?
Tuy nhiên không sao, kể từ giờ phút này, theo đúng lời ông, ông không còn là cái thằng con cặc gì ở trong đại đội này nữa. Đụ mẹ, nghe rõ không, trung úy Gắt. Cút cha ông đi!

Tôi nói lớn:
- Đại đội trưởng tuyên bố đại đội mất chỉ huy. Đứa nào muốn đi đâu thì đi. Đứa nào muốn theo tao thì theo.
Tất cả kéo dồn về tôi, không hiểu vì ngượng hay vì thỏa mãn, trung úy Gắt dẫn mấy tên đệ tử ruột đi ra một nơi khác. Huy mập tức quá rống lên:
- Đụ mẹ, tôi bị thương, tôi không thèm theo tàu tải thương, tôi ở lại với lính, sống chết với tụi nó. Tại sao ông đốn mạt đến vậy hả ông xếp ơi!
Tàu đã vào gần nhưng chưa tìm ra được một chỗ an toàn để cặp bờ nên vẫn cứ đi lên đi xuống. Những người dân, những người lính của các đơn vị khác đã xuất hiện đông kín một khúc bờ cũng chạy lên chạy xuống theo hướng chiếc tàu di chuyển.
Thiếu tá Thành tiểu đoàn trưởng xuất hiện. Ông gọi tôi:
- Anh dẫn đám con cái của anh lên trên kia đợi sẵn, đừng chạy theo đám người này cho mệt.
Hóa ra chúng tôi đã được chuẩn bị sẵn một bãi bốc.

Tôi chào ông rồi chúng tôi kéo nhau đi.
Tin tức về chỗ tàu sẽ vào bốc tưởng rằng rất kín đáo, rất bí mật, chỉ riêng Thủy Quân Lục Chiến biết, hóa ra đã có quá nhiều người biết. Chuyến tàu dành riêng cho Tiểu đoàn 4, nhưng khi chúng tôi đến nơi, số người đã đứng đợi sẵn cũng có đến cả vài ngàn, xấp xỉ với số người đang chạy ngược chạy xuôi theo chiếc tàu. Con tàu khá nhỏ, sức chứa tối đa theo tôi ước lượng chỉ có thể chứa được hơn ngàn người, đó là đã kể đến trường hợp nêm người như nêm cối. Vậy mà số người muốn được lên tàu, cũng theo ước lượng của tôi, có đến trên chục ngàn. Chắc chắn sẽ xảy ra một cuộc thi tuyển bằng bắp thịt và giá phải trả bằng máu, bằng sinh mạng của từng thí sinh để kiếm được một chỗ trên tàu. Một cuộc thi không có trọng tài, không có giám thị, không có hội đồng giám khảo, mà cuộc thi chỉ có những thí sinh là những người đang chạy cho xa Việt Cộng, đang liều mạng sống để khỏi rơi vào tay Việt Cộng.
Tôi rùng mình, tưởng rằng bàn giao tuyến cho Tiểu đoàn 7, buông tay súng trở về phía sau là đã an toàn, yên ổn để lên tàu. Bây giờ mới thấy rằng còn quá nhiều cam go, còn quá nhiều nguy hiểm. Chỉ khác lúc trước là thay vì cầm súng chiến đấu với địch, bây giờ chúng tôi

không cầm súng và chiến đấu với dân, chiến đấu với lính, với đồng đội, bạn bè mình, và cái giá phải trả cũng không rẻ gì hơn. Chấp nhận húc đầu vào tranh giành với người nhà để lọt được vào con số một phần mười nếu được thì có một vé trên tàu, nếu thua thì thân xác sẽ trôi nổi bập bềnh theo sóng nước.
Không có một lựa chọn nào khác nếu không muốn bị sa vào tay Việt Cộng.
Sẵn súng ống trong tay, chúng tôi chiếm được vị trí hàng đầu trong đám đông đứng đợi tàu rất dễ dàng, chẳng ai phản đối, chẳng ai la ó, họ sợ vì chúng tôi có súng hay họ khinh vì không ai muốn dây với hủi. Chuyện cùi hủi gì đó nào còn nghĩa lý gì trong lúc này. Vấn đề chính của lúc này là lên tàu, phải lên tàu bằng mọi giá. Những chuyện khác tính sau.

Chiếc tàu từ từ vào điểm hẹn.
Chúng tôi bị đám đông phía sau đẩy lấn tới đàng trước. Cả khối người xô đẩy, chen lấn ùn ùn dồn nhau ra biển. Tôi bị đẩy ra xa bờ dần. Nước lên đến đầu gối tôi, nước lên đến bụng tôi, nước lên đến ngực tôi. Nước lên nữa, lên cao nữa. Sóng nâng đám người lên cao, sóng đánh bật đám người rã ra, nhận chìm đám người xuống đáy, sóng đánh văng nhiều người lên bờ, sóng kéo nhiều người ra ngoài xa, sóng lại nâng đám người lên cao, sóng lại đánh bật đám người rã ra, sóng lại nhận chìm đám người xuống đáy, sóng lại kéo nhiều người ra ngoài xa. Cứ thế sóng nhồi, cứ thế liên tục sóng nhồi.
Tôi đã ra xa bờ nhưng cũng phải còn xa tôi mới tới được chiếc tàu. Nước và sóng đã không để yên cho tôi bơi ra tàu theo một đường thẳng. Bụng tôi đã chứa khá nhiều nước biển, vậy mà miệng tôi vẫn cứ tiếp tục dồn nước biển vào bụng sau mỗi lần bị sóng nhồi, và cứ sau mỗi lần bị sóng nhồi, tôi lại ra xa bờ và xa chiếc tàu hơn một chút. Tha hồ mà ngụp lặn, tha hồ mà vẫy vùng. Tiểu đoàn 4 Kình Ngư nào có sợ gì biển cả. Tôi là một con cá kình đang "nhởn nhơ" với biển to, đang "tung tăng vui đùa" cùng sóng dữ trong khi chân tay tôi mỏi nhừ dần, rã rời dần, trong khi bụng tôi phình to dần vì nước biển. Cái chết đến mỗi lúc một gần tôi hơn. Con "cá dữ" đang chờ lúc chết đuối.
Buồn ngủ gặp chiếu manh, tôi vớ được chiếc ba lô căng phồng không biết của ai. Tuy cái ba lô đã thấm khá nhiều nước nhưng vẫn có giá trị của một cái phao cứu mạng tôi lúc này. Tôi ôm chắc mà không đeo vào lưng vì cái dây đeo đã tụt ra khỏi móc sắt. Tay ôm cứng ba lô, tôi thả nổi cái mạng sống bấp bênh của mình. Tuy đang chờ chết nhưng lần chờ chết này tôi lại rất bình tĩnh, không hốt hoảng, không run sợ như lần chờ viên đạn ghim sau lưng lúc nãy. Một chút thèm thuồng nhìn những người đã leo được lên tàu, và một chút hối tiếc nhìn những người còn đang đứng trên bờ mỗi khi sóng đưa tôi lên cao. Tăng thêm một vài ngụm nước biển vào bụng, mất dần thêm một chút sức lực mỗi khi sóng nhận chìm tôi xuống. Tôi không còn ý niệm về thời gian, nên không thể nhớ nổi tình trạng bập bềnh này kéo dài trong bao nhiêu lâu. Có một người không biết từ đâu đến, xuất hiện cạnh tôi, ối giào, cũng chỉ bình thường như những người bình thường đang ngụp lặn giống tôi và quanh tôi. Nhưng không, anh chàng này không giống ai hết, nét mặt của anh chàng có một cái vẻ gì đó có thể gây nguy hiểm đến cho tôi. Linh cảm được điều này, nhưng tôi không làm sao có thể tránh xa anh ta. Anh chàng nhìn tôi một cách van lơn, nhìn cái ba lô tôi đang ôm một cách thèm thuồng, anh chàng cố gắng nói thật lớn với tôi, nhưng giọng bị đứt quãng vì hụt hơi, vì mệt, vì gió và vì tiếng sóng:
- Anh đưa em ra tàu với. Em bơi hết nổi rồi.

Hình như có một dòng điện cao thế vừa chạm vào người tôi, tôi hốt hoảng, tôi run lên vì sợ. Anh chàng này đúng là thần chết đến bắt tôi đi. Trời ơi, có phải thần chết cũng có khuôn mặt của người, hay thần chết đang vờn tôi như mèo vờn chuột. Tôi hấp tấp nói, chỉ sợ anh ta không kịp nghe tôi nói:
- Tôi không ra tàu đâu, tôi đang quay vào bờ.
Mặc cho tôi không ra tàu, mặc cho tôi đang quay vào bờ, mặc cho tôi hấp tấp nói, anh ta ôm cứng lấy tôi, biến tôi thành cái phao giống như tôi đang ôm cứng cái ba lô. Mặc cho tôi giẫy giụa, mặc cho tôi đạp, mặc cho tôi lên gối, sức nặng nghìn cân ôm cứng lấy tôi. Người tôi từ từ chìm xuống, cái ba lô không chịu nổi hai người cũng từ từ chìm xuống. Anh chàng vẫn ôm cứng lấy tôi và càng lúc càng cứng hơn mặc dầu cả ba -anh chàng, tôi và cái ba lô- đã chìm sâu xuống dưới mặt nước, mặc dầu sóng vẫn nhồi cả ba lên xuống, "tung tăng" trong nước. Một con sóng mạnh nâng bổng chúng tôi lên cao, thật cao rồi ném mạnh chúng tôi xuống. Anh chàng biến mất, cái ba lô cũng biến mất, chỉ còn lại mình tôi ngơ ngẩn, nước chỉ còn ngang ngực, tôi chỉ còn cách bờ hơn chục thước. Con sóng lớn đã ném tôi vào bờ, con sóng lớn đã cứu tôi. Không hiểu anh chàng thần chết có được ném vào bờ như tôi không. Tôi nương theo những con sóng nhỏ đi lần vào bờ.
Cũng đã có rất nhiều người quay trở lại bờ như tôi, chán nản, tuyệt vọng. Cũng vẫn còn rất nhiều người hăm hở lội ra tàu. Tôi đi thất thểu trên bờ cát, không còn biết mình phải làm gì, và cũng không quyết định được gì. Tôi gặp thiếu úy Sĩ -Lâm Chí Sĩ- Tiểu đoàn 2 Pháo Binh, quần áo còn khô, mái tóc mềm dài phủ ót bay bay theo gió, nụ cười bẽn lẽn như con gái cố hữu vẫn nở trên môi, mặt Sĩ đang phừng phừng vì rượu. Thấy tôi, Sĩ đưa tay vẫy:
- Ê Râu, làm vài nắp cho ấm, mày.
Tôi sà ngay vào, uống liền tù tì năm, sáu nắp bi đông rượu. Rượu khá nặng nhưng chỉ đủ làm nóng bụng chứ không đủ làm ấm người.
- Rượu đâu ra mà có giờ này vậy?
Sĩ chỉ một người cũng mặc quần áo của Tiểu đoàn 2 Pháo Binh ngồi bên cạnh.
- Của thằng này, thằng Lộc. Nó làm Phân chi khu trưởng ở Gia Hội mang theo cả bốn năm lít.
- Sao tụi mày không xuống tàu?
Sĩ cười lớn tiếng kiểu hát bội:
- Ha... ha... ha... còn mày sao không xuống tàu?
Tôi cũng cười, lắc đầu:
- Tao suýt chết đuối.
- Tội nghiệp thằng con trai, mày suýt chết đuối rồi cũng lại lên bờ, bố mày ngồi đây nhậu để coi những thằng suýt chết đuối như mày, bố mày cũng ở trên bờ.
Tôi gật gù:
- Mẹ kiếp, cũng có lý.

Tôi ngồi nhậu và trở thành kẻ bàng quan, ngồi ngắm nhìn thiên hạ.
Rất nhiều người từ biển trở lại bờ, người ngợm quần áo ướt sũng, kẻ khóc vì đã không ra được đến tàu, người cười vì vừa thoát chết, người đi lang thang thất thểu, kẻ ngồi hoặc nằm vật ra bất cần mọi chuyện sẽ ra sao. Ngoài xa, chiếc tàu đã đông người nhưng vẫn còn đậu nguyên một chỗ, hình như cố tình kéo dài thời gian để bốc thêm được càng nhiều người càng tốt. Sức tải không thành vấn đề chỉ có sức chứa của chiếc tàu và tinh thần của thủy thủ đoàn

mới là điều quan trọng. Những người đã lên được trên tàu đang cố gắng kéo những người vừa bám vào được thành tàu. Nhiều người không ai kéo đang cố gắng leo lên tàu từ mọi chỗ có thể bám mà leo. Có người leo lên được nhưng cũng có người rơi trở lại xuống biển. Lại còn có cả người trên tàu ngã xuống biển theo người mình đang cố kéo lên.
Từ bờ ra đến tàu khoảng cách hơn trăm thước, tôi không còn trông thấy mầu xanh của nước biển mà chỉ thuần một mầu đen của đầu người. Đầu của những người đang cố gắng bơi ra chiếc tàu. Trên tàu đã chật người, tỷ lệ một phần mười hình như đã đủ số, trên bờ đã có khá nhiều người trở lại, dưới nước đã có nhiều người trôi dạt ra xa, nhưng cuộc thi đã chấm dứt hay chưa khi mà số người bơi ra vẫn còn nhiều và số người bám quanh tàu mỗi lúc một đông thêm.

Chiếc tàu bắt đầu kéo bửng, những người bám vào bửng tàu được nâng lên cao khỏi mặt nước, một số người may mắn rơi ngay vào trong lòng tàu, số còn lại lần lượt rơi xuống biển. Bửng tàu đã được kéo lên hoàn toàn nhưng không khép kín nổi vì giữa bửng và thành tàu đã kẹp cứng một thân người. Người bị kẹp nửa thân trên nằm trong lòng tàu, nửa thân dưới thò ra ngoài, hai chân giãy giụa, đạp đạp trong không khí được chừng nửa phút rồi ngay đơ. Hai cái chân của người xấu số trở thành có ích cho nhiều người còn ở dưới nước, họ bám vào đó để tiếp tục leo lên tàu. Lúc đầu hai cái chân còn đủ hai ống quần, dần dần chẳng còn gì cả và cuối cùng, cả hai chân đều bị gãy. Nhưng gãy thì gãy, người ta vẫn bám vào đó để leo lên tàu. Ít ra cũng có đến cả chục người leo được lên tàu nhờ cặp chân đó. Và chắc chắn sẽ còn được thêm nhiều người nữa nếu...
Chiếc tàu phụt khói từ từ quay mũi ra biển. Chân vịt đạp nước đẩy không biết bao nhiêu người ra xa tàu, và không biết là đã chém đứt bao nhiêu người. Thân tàu quay ngang đập vỡ không biết bao nhiêu đầu người, và không biết đã nhận chìm bao nhiêu người xuống sâu dưới đáy tàu. Biết bao nhiêu người đã chết vì chiếc tàu quay mũi.
Nhưng...
Chiếc tàu đã không ngừng quay khi cái mũi đã hướng ra biển. Mà, chiếc tàu vẫn tiếp tục quay, mũi tàu lại từ từ hướng vào bờ. Chân vịt lại chém thêm không biết là bao nhiêu người. Thân tàu lại đập vỡ thêm không biết là bao nhiêu cái đầu, và lại nhận chìm thêm không biết là bao nhiêu người xuống sâu dưới đáy tàu. Tại sao chiếc tàu bỗng dưng quay đúng một vòng tròn để làm chết biết bao nhiêu là người như vậy? Đã có những xác chết trôi nổi dập dềnh xen lẫn với những xác sống đang cố bơi ra tàu hoặc đang cố giữ cho mình không trở thành xác chết. Chiếc tàu lại nằm im như đang mời gọi. Chúng tôi ở cách xa vùng mặt trận có đến nửa cây số, tiếng súng chỉ nghe văng vẳng, nhưng chết chóc lại nhiều hơn có đến cả trăm lần. Ủa, tại sao lại có người từ trên tàu nhảy xuống biển, không lẽ mắt tôi đã hoa lên vì rượu. Không phải một người, hai người mà là rất nhiều. Rõ ràng là mắt tôi trông thấy người ta leo qua lan can tàu, có người còn ngần ngừ, có người không ngần ngừ nhảy xuống biển. Lại có người lao mình qua lan can tàu để nhảy xuống biển.
Không tin nổi ở mắt mình mặc dầu tôi đã dụi mắt thật nhiều lần. Tôi hỏi Sĩ:
- Mày có thấy người ta nhảy từ trên tàu xuống biển không?
Sĩ cũng ngạc nhiên không kém tôi.
- Đụ mẹ, kỳ quá mày!
Chúng tôi ngơ ngác nhìn nhau, nhưng chúng tôi không có thời giờ để ngạc nhiên. Hai chiếc

M-113 chở đầy người chạy từ hướng mặt trận đã cán bừa lên những người vừa từ biển lên còn đang nằm vật ra mà thở, và cán luôn cả những người không kịp chạy tránh đường. Vừa thấy bóng thiếu úy Ngô Du -một trung đội trưởng của đại đội tôi- từ dưới biển trở lên, đang lảo đảo như muốn ngã gần mé nước, tôi và Sĩ chạy vọt tới đỡ và kéo Du chạy thật nhanh vừa kịp chiếc M-113 chạy lướt qua sát người chúng tôi. Hai chiếc M-113 lội xuống nước để ra chiếc tàu. Những cái bánh xích đua nhau cán lên đầu của không biết bao nhiêu là người đang nhấp nhô từ bờ ra đến tàu. Ra đến nơi, chuyển hết người lên tàu xong, hai chiếc xe lội nước quay đầu lội vào bờ. Lại không biết bao nhiêu là đầu người bị nghiền nát bởi những cái bánh xích. Lần này tôi mục kích tận mắt những cái xích sắt nghiến nát những đầu người. Tiếng máy nổ và tiếng nước vỗ đã át đi những tiếng thét tiếng la và có thể, cả tiếng vỡ của những cái đầu, nhưng không có gì có thể che lấp được những mảnh quần áo và mầu đỏ của máu cuộn theo chiều quay của xích sắt. Màu đỏ của máu và những mảnh vải cuộn theo chúng tôi suốt cả lộ trình khoảng một trăm thước. Màu đỏ của máu và những mảnh quần áo chắc chắn còn dính cả thịt còn trồi lên, trồi lên xen lẫn với bọt nước phía sau chúng tôi. Không hiểu tôi có dã man không, không hiểu tôi có chai đá không, không hiểu tôi đã trở thành súc vật chưa, hay vì tôi đã nhìn thấy quá nhiều cái chết từ sáng đến giờ, hay vì tôi đã yên tâm trên đường ra tàu an toàn mà tôi rất thản nhiên, lòng tôi rất bình thản khi nhìn những cái chết, quá nhiều cái chết ngay dưới chỗ mình ngồi, bị chết bằng ngay cái phương tiện mình đang sử dụng. Tôi nhìn những cái chết như một kẻ bàng quan, vô thưởng vô phạt. Không hiểu thằng Sĩ hèn nhát không dám nhìn cảnh này hay thằng Sĩ quá can đảm chọn lựa ở lại, chấp nhận bất cứ một điều gì sẽ xảy ra cho nó khi sa vào tay Việt Cộng. Dù sao thì tao cũng mong là lần chia tay vừa rồi chỉ là tạm biệt thôi Sĩ ạ.

Chiếc M-113 cặp sát vào thành tàu.
Người trên tàu phần lớn là Thủy Quân Lục Chiến. Lính của tiểu đoàn 4 tôi cũng khá đông. Tuy khoảng cách từ mui xe thiết giáp đến boong tàu khá xa nhưng được khá nhiều đàn em giúp nên tôi và Du lên tàu không khó khăn gì mấy. Có điều làm tôi xúc động là trong số người giúp tôi lên tàu có binh nhất Vạn - Nguyễn Văn Vạn. Vạn là dân Vũng Tàu, khi nhỏ phải đi bán báo chứ không được đi học, lớn một chút làm nghề đánh xe ngựa cho du khách, và nguồn lợi tức chính là hành nghề mặt rô ở các quán bia ôm, các xóm chị em ta. Vạn là một tay du đãng nổi tiếng ở Vũng Tàu. Cách đây ít lâu, vì vi phạm kỷ luật, tôi đã cho đóng bốn cái cọc trói căng hai chân hai tay Vạn ra, đánh theo hệ thống quân giai, bắt đầu từ tiểu đội phó là mười roi, đến tiểu đội trưởng số roi được nhân gấp đôi, và cứ theo cấp số nhân như vậy mà đánh. Mỗi lần Vạn xỉu là y tá chích thuốc và tạt nước vào người cho tỉnh dậy để đánh tiếp. Chưa đến lượt tôi đánh, Vạn đã xỉu ba lần. Sau trận đòn, chúng tôi phải đưa Vạn lên bệnh xá của Lữ đoàn, nằm lại mười ngày vì bị đái ra máu. Tôi không sợ chuyện thù oán của lính tráng, nhưng không thể ngờ được là Vạn lại là người hăng hái, sốt sắng nhất khi kéo tôi lên tàu.
Lên đến trên tàu, không khí quá nặng nề ngột ngạt. Không phải nặng nề ngột ngạt vì số người trên tàu quá đông, mà vì cả tàu đang bị bao trùm bằng mùi giết chóc, căng thẳng. Một cô gái trần truồng, không còn một tí gì gọi là vải trên người, hai tay không che hết những chỗ cần che trên thân thể nên cũng chẳng buồn che, mặt còn in đủ những cảnh khủng khiếp vừa trải qua, hai con mắt mở to ráo hoảnh. Còn gì nữa đâu để mà phải mắc cở, còn gì nữa đâu để mà phải khóc lóc. Cô ta đón nhận một cách hững hờ cái quần của một người lính và cái áo của

một người lính khác. Tôi nói với Nghĩa:
- Thôi thì phó mặc, đã leo lên được trên tàu này rồi, sống hay chết, chạy thoát hay bị bắt nằm ngoài khả năng của mình. Giao hết mọi thứ cho số mạng.
- Mày cũng đổ cho số mạng cái chết của những người lính Bộ Binh đang bị bắn kia à?
Tôi cãi bướng:
- Mỗi người có một số mạng tận cùng nên mới có thành ngữ "tận cùng bằng số".
Huy mập nhét vào tay tôi khẩu súng ngắn, dặn dò:
- Súng tôi lên đạn sẵn, ông giữ cẩn thận.
- Còn gì nữa để mà phải thủ súng lên đạn sẵn?
- Thì ông cứ giữ đề phòng. Biết đâu có lúc phải xài tới.
Chưa kịp tìm chỗ ngồi, tôi nghe một tiếng súng nổ.
Hai người lính Thủy Quân Lục Chiến cúi xuống khiêng xác một người lính Bộ Binh vừa bị bắn chết ném xuống biển. Một người lính Thủy Quân Lục Chiến khác đang dí súng vào đầu một trung úy Bộ Binh ra lệnh:
- Đụ mẹ, có xuống không?
- Tôi lạy anh, anh cho tôi đi theo với.
- Đụ mẹ, tao đếm tới ba, không nhảy xuống biển tao bắn.
- Tôi lạy anh mà, tôi đâu có gia đình ở ngoài này.
- Đụ mẹ, một.
- Tôi lạy anh mà, anh đừng bắt tôi ở lại, anh muốn lạy bao nhiêu cái tôi cũng lạy hết. Tôi lạy anh, tôi lạy anh.
- Đụ mẹ, hai.
- Trời đất, mình đồng đội với nhau mà, anh không thương gì tôi hết. Tôi lạy anh mà.
- Đụ mẹ, ba.
Tiếng ba vừa dứt, tiếng súng nổ.
Người trung úy Bộ Binh ngã bật ngửa ra, mặt còn giữ nguyên nét kinh hoàng. Viên đạn M-16 chui vào từ đỉnh đầu. Xác của anh ta được hai người lính Thủy Quân Lục Chiến khác khiêng ném xuống biển.
Tên lính vừa bắn người thản nhiên tiếp tục chĩa súng vào đầu một thiếu tá Bộ Binh đang sợ hãi nằm mọp người ở cạnh đó, mặt lạnh băng đầy sát khí:
- Đụ mẹ, tới thằng này, mày có xuống không?
Ông thiếu tá Bộ Binh này hơi lớn tuổi, mặt cắt không còn hột máu, run lên cầm cập, năn nỉ:
- Anh tha cho em, anh tha cho em.
- Đụ mẹ, một.
- Thôi, thôi, thôi anh để em xuống.
Lết ra tới lan can tàu, ông ta quay lại năn nỉ lần chót:
- Anh tha cho em, anh thương em với.
- Đụ mẹ, hai.
Biết là không thể năn nỉ, xin xỏ gì được, ông ta vừa khóc vừa nhảy xuống biển.
Cùng trong thời gian đó, tôi nghe thấy nhiều tiếng súng khác ở nhiều nơi khác nhau trên tàu.
Huy mập cho biết:
- Tàu chở nặng quá nên bị mắc cạn. Hồi nãy cố ra thử nhưng không nổi nên quay đúng một vòng tròn rồi hết nhúc nhích. Ông thuyền trưởng cho biết là tàu dành riêng cho Thủy Quân

Lục Chiến, nên yêu cầu những ai không phải Thủy Quân Lục Chiến rời tàu. Ông Râu thấy không, sức mấy mà người ta chịu xuống. Thành ra ông thuyền trưởng yêu cầu Thủy Quân Lục Chiến giải quyết. Lính mình tụi nó giải quyết bằng súng.
- Vậy thì có nhằm nhò gì đến tôi mà ông bắt tôi phải thủ khẩu súng trong người.
- Bộ ông tưởng thằng mặc đồ rằn nào cũng là Thủy Quân Lục Chiến sao. Và bộ ông tưởng thằng Thủy Quân Lục Chiến nào cũng phải biết ông sao. Trong lúc hỗn quân hỗn quan này, ông không lo thủ lấy thân còn ai lo cho ông đây.
Tiếng súng vẫn đì đoành đây đó trên tàu. Xác người vẫn tiếp tục bị ném xuống biển.
*
Vào đến bờ, hai chiếc M-113 ngừng lại. Từ vị trí tài xế, một cái đầu thò ra, nhìn quanh rồi la lớn.
- Ai muốn lên tàu thì leo lên tôi chở ra.
Lúc đầu nhiều người ngần ngại, nghi ngờ, nhưng rồi lác đác cũng có người leo lên. Có đến cả 15 phút mà hai chiếc M-113 vẫn chưa đầy người. Cái đầu lại thò ra, nhìn quanh rồi la lớn.
- Leo lên gấp đi mấy cha, tôi ra chuyến này không trở vô nữa đâu.
Lại có thêm vài người leo lên.
Tôi phân vân trong sự chọn lựa. Nên hay không nên leo lên.
Tôi hỏi Sĩ:
- Lên không mày?
Sĩ lắc đầu:
- Tao không muốn chạy thoát bằng cái chết của những người đang lóp ngóp dưới kia.
Câu nói của Sĩ đã cho tôi một quyết định:
- Mẹ kiếp, có mày có tao hay không có mày không có tao thì những người đang lóp ngóp dưới kia cũng sẽ bị những cái xích sắt này cán. Đừng có triết lý ba xu thằng con trai.
Sĩ cười bướng:
- Tao có nói khác gì mày đâu, nhưng tao không.
- Được rồi, phụ tao đưa thằng Du lên.
Sĩ và tôi đưa thiếu úy Du lên thiết vận xa.
Trước khi leo lên, tôi nắm chặt vai Sĩ:
- Hy vọng sẽ gặp mày ở Đà Nẵng.

Cuộc Rút Quân Tại Đà Nẵng

Điệp Mỹ Linh

Quá khuya tháng 3-1975, một đại tá từ Quân Đoàn I xuống chiến hạm, truyền lệnh Tổng thống cho Hạm trưởng HQ 500, HQ trung tá Lê Quang Lập, rời bến. Tiếp theo là HQ 504 và HQ 505 cũng được lệnh rời bãi Quân vận Đà Nẵng. Tin tình báo cho hay khoảng 35 ngàn quân Việt Cộng đang ở chung quanh Đà Nẵng. Mặc dù có sự hiện diện của lữ đoàn 258 TQLC tại phía Bắc đèo Hải Vân, nhưng sự triệt thoái hai sư đoàn Nhảy Dù và TQLC trong lúc đó khiến mọi giới tại Đà Nẵng xôn xao, lo ngại! Riêng về HQ, mối quan ngại lớn nhất là: Nếu tình thế bắt buộc phải rút khỏi Đà Nẵng, làm thế nào HQ có thể đón hết quân bạn và gia đình binh sĩ mà vẫn bảo toàn được lực lượng Hạm đội? Ngoài một số ít Tuần duyên hạm biệt phái cho các vùng và một số chiến hạm đại kỳ tại HQ Công xưởng Sài Gòn, tất cả các chiến hạm khác được lệnh trực chỉ Đà Nẵng. Thành phần chiến hạm tại Vùng I Duyên hải khi có cuộc rút quân tại Đà Nẵng:

Khi điều động HQ 802 từ Cù lao Ré về Đà Nẵng, Bộ chỉ huy HQ có dụng ý muốn sử dụng chiến hạm nầy làm Trung tâm hành quân lưu động cho quân đoàn I. Nhưng dự định đã không thực hiện được vì HQ 802 không có bãi đáp cho trực thăng. Nếu phải tháo gỡ các cần trục thì phương tiện không có, lại rất nguy hiểm khi binh sĩ và dân chúng đầy tàu. Vì lẽ đó, HQ 801 được chỉ định chuẩn bị làm căn cứ cho Bộ chỉ huy Chiến thuật Quân đoàn I rút xuống, trong trường hợp Đà Nẵng bị tấn công. Sau hai cuộc rút quân từ Thuận An và Chu Lai, ngày 27 tháng 3, hầu hết lực lượng Hạm đội đều tập trung trong vịnh Đà Nẵng, nhưng án binh bất động. Rút kinh nghiệm ở Huế và Thuận An, khi thấy tàu HQ neo đầy vịnh, và nghe tiếng súng nhỏ nổ lác đác trong thành phố Đà Nẵng, mọi người ùa đến các cầu tàu và bãi cát. Lúc này, hầu hết tướng lãnh của Quân đoàn I đều tập trung tại Bộ Tư lệnh HQ vùng I Duyên hải. HQ đặt kế hoạch là nếu phải rút quân, bãi Mỹ Khê, phía Nam vịnh Tiên Sa, sẽ là bãi đón quân. Vì vậy, hộ tống hạm Đống Đa, HQ 07 được lệnh tuần tiễu vùng này. Trong khi tuần tiễu, HQ 07 vớt được một số TQLC. Số quân nhân nầy cho hay là có một ít Bộ Binh cũng tranh giành lên ghe, nhưng bị TQLC xô tọt xuống biển!

Sáng ***25 tháng 3***, VC pháo nhiều hoả tiễn 122 ly vào thị xã Đà Nẵng. Dân chúng từ Quảng Trị, Huế kéo vào chiếm cứ mọi nẻo đường, gây trở ngại cho công cuộc phòng thủ Đà Nẵng. Cướp bóc bắt đầu hoành hành. Các nẻo đường, nhất là con đường độc nhất từ thị xã Đà Nẵng sang Tiên Sa nghẹt cứng người, xe không thể di chuyển, khiến các đại đơn vị VNCH không thể " bung" quân ra chống trả với mấy sư đoàn VC được!
Trưa 25 tháng 3, tin tình báo cho biết VC sẽ tấn công Đà Nẵng vào tối 25. Bộ Tổng tham mưu chỉ thị trung tướng Tư lệnh vùng I di chuyển tất cả phi cơ về các phi trường phía Nam, thuộc sự kiểm soát của VNCH. Cũng ngày này, Tổng lãnh sự Mỹ tại Đà Nẵng, Albert A. Francis ra lệnh tất cả phóng viên ngoại quốc và nhân viên Hoa Kỳ rời Đà Nẵng ngay sáng 26 tháng 3.

Sau khi được Chỉ huy trưởng Hải đội III Tuần dương cho biết điểm khởi hành sẽ là bãi Mỹ Khê, Tướng Nguyễn Văn Điềm băng mình trong rừng người, về Sơn Trà tìm gia đình. Tướng Điềm hứa sẽ trở lại đi với HQ, nhưng sau đó không thấy.

Trên biển, hầu hết Tuần duyên hạm (PGM-Motor Gunboat) thuộc Hải-đội I Tuần Duyên được huy động để bảo vệ an ninh cho vịnh Đà Nẵng. Các Tuần duyên hạm tạo một vòng đai phía ngoài, cách bờ chừng 15 đến 20 dặm để nghênh chiến trong trường hợp phi cơ hoặc tàu địch tấn công. Dương vận hạm Nha Trang, HQ 505, ủi bãi Sơn Trà với nhiệm vụ đón thành phần di chuyển của sư đoàn TQLC. Hải vận hạm Hương Giang, HQ 404, " nằm yên" tại bãi Trịnh Minh Thế chờ lệnh. Các Tuần dương hạm (WHEC) thuộc Hải đội III Tuần dương và Hải vận hạm (LSM) thuộc Hải đội II Chuyển vận neo, chờ lệnh. Trợ chiến hạm Nguyễn Ngọc Long, HQ 230, và vài Tuần duyên hạm tuần tiễu trên sông Hàn. Ngoài ra còn có 3 thương thuyền của Mỹ, nhiều xà lan và tàu dòng do Tướng Homer Smith (thuộc cơ quan DAO) từ Sài Gòn gởi ra và vô số Hải vận đỉnh (LCU), Quân vận đỉnh (LCM), Duyên tốc đỉnh (PCF) và ghe Hải thuyền!

Ngày 28 tháng 3, Tướng Trưởng liên lạc vô tuyến với TT Thiệu, xin chỉ thị rút khỏi Đà Nẵng để bảo vệ lực lượng của Quân Đoàn I. Trong khi TT Thiệu còn lừng chừng thì hệ thống truyền tin trúng đạn pháo kích, cuộc điện đàm giữa Tướng Trưởng và TT Thiệu đứt đoạn. Tướng Trưởng gọi phó Đề đốc Thoại sang Bộ chỉ huy TQLC bên Non Nước họp để bàn kế hoạch di tản. Phiên họp gồm Tướng Nguyễn Duy Hinh, Tư lệnh sư đoàn III Bộ Binh; Tướng Bùi Thế Lân, Tư lệnh TQLC; phó Đề đốc Thoại và Tướng Trưởng. Tướng Trưởng chỉ thị phó Đề đốc Thoại: Nếu phải rút khỏi Đà Nẵng, HQ phải tận dụng mọi phương cách để chuyên chở binh sĩ và gia đình. Tướng Trưởng cũng chỉ thị Tướng Nguyễn Duy Hinh đưa sư đoàn III ra bãi Hội An để tàu HQ đón. Tướng Hinh xin 24 giờ nữa mới có thể điều động các đơn vị sư đoàn III được. Tướng Trưởng không thuận. Phó Đề đốc Thoại đưa ý kiến là Tướng Hinh bay ra bãi Hội An điều động binh sĩ, bốn giờ sáng sẽ có tàu vào đón. Hội xong, vừa ra khỏi phòng họp, phó Đề đốc Thoại thấy Albert Francis và hai người Anh đang chờ phía ngoài. Cả ba nhân vật nầy đều xin phó Đề đốc Thoại phương tiện rời khỏi Đà Nẵng. Trên trực thăng riêng của Bộ tư lệnh HQ vùng I duyên hải, ngoài phó Đề đốc Thoại còn có Tướng Trưởng, Francis và hai người Anh.
Tại Tiên Sa, Tướng Trưởng, Tướng Lân, Tướng Thi, Tướng Hinh, đại tá Nguyễn Thế L., TQLC và phó Đề đốc Thoại họp ngay hầm chống pháo kích trong lòng núi Tiên Sa. Hầm nầy do Công binh đào từ năm 1972, bên dưới tư dinh của Tư lệnh HQ vùng I duyên hải. Ba người ngoại quốc ở một hầm khác.
Nội dung cuộc họp cũng chỉ bàn về kế hoạch rút quân bằng cách nào mà sự tổn thất có thể giảm đến mức độ tối thiểu. Tướng Trưởng chỉ thị Tướng Lâm Quang Thi lên Tuần dương hạm Trần Bình Trọng, HQ 05, ra phía Bắc Hải Vân điều động cuộc triệt thoái TQLC. Từ đây, HQ 05 được coi như là Soái hạm. Hội xong, phó Đề đốc Thoại chỉ thị HQ đại tá Phạm Mạnh Khuê, sử dụng Soái-đĩnh của Tư lệnh HQ vùng I duyên hải đưa ba nhân vật ngoại quốc ra Soái hạm HQ 05, lập Bộ chỉ huy nổi. Phó Đề đốc Thoại cũng dặn phải gởi Soái đỉnh vào để lo xong công việc khẩn thiết, phó Đề đốc Thoại sẽ ra sau. Liền sau đó, Trung tâm hành quân HQ vùng I duyên hải gọi HQ 5 và thông báo cho HQ 5 biết là Soái đỉnh của Tư Lệnh

HQ vùng I duyên hải đang trên đường tìm đến HQ 5. Mặc dù người đông nghẹt trên bãi, các Hải vận hạm vẫn chưa được lệnh ủi bãi.

Trưa 28, các chiến hạm và tàu nhỏ nhận lệnh tiếp nhận quân bạn và đồng bào.
Khi hai Hải vận hạm Lam Giang, HQ 402 và Ninh Giang, HQ 403 đang ủi bãi, thi hành nhiệm vụ chuyển tiếp quân và đồng bào từ bãi Tiên Sa ra tàu lớn thì nhiều thiết vận xa tiến đến, giây xích sắt nghiến bừa vô số người, không cho TQLC và Bộ Tư Lệnh lên tàu! Sau khi nghe HQ bắt loa kêu gọi và hứa sẽ đón hết, các xe thiết giáp mới dừng lại, tạo thành một dọc dài trên bờ biển! HQ 403 vào ủi bãi.
Khi chiến hạm vừa đứng yên, cửa đổ bộ chưa kịp hạ xuống, hàng vạn người từ bờ đã ùa ra, vây quanh thân tàu, leo vào lòng tàu. Hạm trưởng cho thả thang giây và giây thừng loại lớn hai bên tả và hữu hạm cũng như sau lái để đồng bào ai bám vào, leo lên được thì leo. Cửa đổ bộ từ từ hạ xuống. HQ trung úy Nguyễn Hữu Từ và một trung úy nữa cũng tên Từ được phái xuống cửa đổ bộ (ramp) để kéo hoặc giúp đỡ quân bạn và đồng bào lên tàu. Không ngờ, tại cửa đổ bộ, cả hai trung úy đều bị người ta kéo ngược xuống nước, không thể nào lên tàu lại được. Trên bờ, thiết giáp và xe GMC lại cán bừa lên đám đông, tiến đến tàu. Hạm trưởng HQ 403 bắt loa kêu gọi đồng bào đừng bơi gần tàu và nhất là đừng đến gần sau lái, nguy hiểm. Hạm trưởng cũng hứa là sẽ trở vào đón thêm nhiều chuyến nữa. Nhưng, người người vẫn cứ từ bờ ào ra, chờn vờn quanh thân tàu, súng đạn vất đầy bãi cát.
Không xa HQ 403 lắm là hải vận hạm Lam Giang, HQ 402. Tình trạng chiến hạm nầy cũng không khá gì so với HQ 403. Nhìn một tàu đầy nghẹt người, nghe nhiều tiếng súng lớn phát ra và nhiều cột nước bắn lên phía HQ 402, Hạm trưởng HQ 403 hoảng, tính rút tàu ra. Nhưng, thấy đầu người lúc nhúc quanh tàu, Hạm trưởng không nỡ. Sau vài phút cân nhắc giữa lòng nhân và trách nhiệm, Hạm trưởng HQ 403 quyết định rút chiến hạm ra vì HQ 402 cũng đang rút ra và nhiều tiếng súng bắn theo. Sau một lúc do dự, Hạm trưởng HQ 403 ra lệnh: " Tay lái hết bên trái. Tả lùi. Hữu tiến" . Chân vịt khuấy lên. Nước biển cuồn cuộn đỏ. Thân người và đầu người nổi lên, chìm xuống theo nhịp quay của chân vịt. Ba phút trôi qua, con tàu vẫn không nhúc nhích!
Hạm trưởng HQ 403 gọi Tư lệnh Hạm đội xin cho tàu lớn vào kéo. Đợi khoảng nửa giờ không thấy ai vào cứu mà chỉ thấy thêm người trèo vào tàu, Hạm trưởng ra lệnh nhiệm sở tác chiến và tất cả quân nhân đơn vị bạn phải xuống lòng tàu. Một lúc lâu, nhờ sự bình tĩnh của chính mình và cũng nhờ vào khả năng của sĩ quan cơ khí giàu kinh nghiệm, HQ 403 đã lùi được và quay thật mạnh. Vòng quay nầy thân tàu đã lướt lên nhiều thân người. Khi chiến hạm rút ra, một số người bị sức hút của nước kéo theo, đập vào thành tàu, chết! Xác người lềnh bềnh trên triền sóng; từ xa thấy như lá chết và rong rêu vào mùa nước lũ! Sau khi sớt người sang tàu lớn, HQ 403 được lệnh vào lại bãi Tiên Sa đón thêm đồng bào và lính. Hạm trưởng HQ 403 khước từ vì ngại chiến hạm bị mắc cạn và sợ phải thấy những sự việc thương tâm như chuyến vừa rồi!

Chiều 28 tháng 3, tất cả hệ thống truyền tin các binh chủng thuộc quân lực VNCH tại Đà Nẵng bị VC xâm nhập, khuấy phá khiến sự liên lạc trở nên vô cùng khó khăn. Bộ Tư lệnh HQ Sài Gòn liên tục gọi 27 chiến hạm trong vịnh Đà Nẵng, bảo tìm phương vị của phó Đề đốc Thoại. Lúc nầy Soái đỉnh của Tư lệnh HQ vùng I duyên hải trở lại Tiên Sa với mục đích

đón ông; nhưng đủ loại súng từ bờ bắn bừa ra chiến hạm và chiến đỉnh nên không tàu nào dám vào! Nhờ biết được tần số liên lạc, VC gọi đích danh danh hiệu nhiều đơn vị trưởng để chiêu dụ. Đặc công VC giả kẻ tu hành, gây náo loạn trên vài chiến hạm. Trên bờ, nhiều VC mặc quân phục TQLC lấy súng giết người, cướp của, hãm hiếp, cố tạo tiếng xấu cho binh hủng nầy, đồng thời gây kinh hoàng cho đồng bào.

Khoảng 8 giờ tối, Tướng Trưởng gọi TT Thiệu, nhưng không gặp. Mười giờ, TT Thiệu gọi lại. Tướng Trưởng xin TT cho di tản bằng đường biển. Vừa khi đó, nhờ hai tên nội tuyến núp dưới lườn xe Jeep cho toạ độ chính xác, hoả tiễn 122 ly từ hướng Nam Ô nã thẳng vào Bộ tư lệnh Hải Quân vùng I duyên hải, làm hư hại nặng trực thăng của Tướng Bùi Thế Lân, Tư lệnh TQLC và trực thăng của Tướng Ngô Quang Trưởng.
Tướng Lâm Quang Thi và HQ đại tá Nguyễn Xuân Sơn dùng trực thăng của Tướng Thi bay ra và đáp trên một dương vận hạm (LST) lúc 12 giờ đêm. Sau đó phi công mới biết là hai cánh quạt trên trực thăng của Tướng Thi bị bắn lủng hai lỗ. Từ LST, Tướng Thi và đại tá Sơn được một duyên tốc đỉnh (PCF) đưa đến Soái hạm Trần Bình Trọng HQ 05. Tướng Trưởng leo lên một trực thăng khác, bảo bay về Quân Đoàn. Đến nơi, không thấy ai ở đó cả, Tướng Trưởng ra lệnh bay sang bộ Tư lệnh TQLC tại Non Nước. Tại đây, Tướng Trưởng ở lại với TQLC. Lúc nầy, Bộ tham mưu và Lực lượng sư đoàn TQLC còn nguyên vẹn, dưới sự chỉ huy của Tư lệnh phó TQLC, đại tá Nguyễn Thành Trí.

Phó Đề đốc Thoại, Tướng Lân và đại tá Nguyễn Thế L. kẹt lại. Sau khi thiêu hủy các hồ sơ mật, phó Đề đốc Thoại, Tướng Lân cùng nhiều sĩ quan các cấp đưa đại tá L. và cận vệ của phó Đề đốc Thoại (người nầy bị thương vì VC pháo kích) đi bộ ngược lên núi Sơn Chà, đến một bãi cát nhỏ phía Bắc Sơn Chà. Tại đây, phó Đề đốc Thoại liên lạc truyền tin kêu cứu từ nửa đêm đến 4 giờ sáng, không một đơn vị nào đáp lại cả.
Ba giờ khuya 28, thiếu tá Hy, thiếu tá Căn và đại úy Sinh tìm cách đưa đoàn ghe của Duyên đoàn 12 chở đầy người ra biển, tập trung vùng China Beach. Khi đoàn ghe vừa ra khỏi cửa Đà Nẵng, hướng về điểm hẹn thì VC lại pháo kích vào Bộ Tư lệnh HQ vùng I. Lần nầy, bắt được một trung úy VC đang liên lạc vô tuyến, cho toạ độ. Thiếu tá Hy mở máy liên lạc, các tần số HQ đều yên lặng. Khi mở sang tần số đặc biệt, thiếu tá Hy nghe tiếng phó Đề đốc Thoại kêu cứu! Thiếu tá Hy trả lời. Tư lệnh HQ vùng I duyên hải cho thiếu tá Hy biết địa điểm của ông rồi chớp đèn, hướng dẫn để thiếu tá Hy cho ghe vào sát các mỏm đá. Thiếu tá Hy lần lượt kéo phó Đề đốc Thoại, Tướng Lân, mấy bác sĩ quân y và hai sĩ quan hoa tiêu trực thăng lên ghe. Vì ghe nhỏ, không chở được nhiều, thiếu tá Hy rút ra, đưa quý vị đó lên một Coast guard rồi trở vô đón các vị sĩ quan cao cấp HQ khác. Cũng trong đêm nầy, HQ 403 được lệnh vào vịnh nhỏ bên trái cửa biển (gần Observatory Light Point) để đón một đại tá cùng binh sĩ và gia đình. Vịnh rất hẹp, sóng lớn. Tuy bị sóng nhồi, suýt đập vào vách đá nhiều lần nhưng HQ 403 vẫn cố vào sát các mỏm đá, chiếu đèn pha và bắt loa gọi. Không ai trả lời.

Rạng ngày 29 tháng 3, sau khi báo cáo lên Tư lệnh Hạm Đội việc không tìm ra vị đại tá và binh sĩ tối hôm trước, HQ 403 được lệnh lẩn quẩn trong sông Hàn, đón ghe chở quân nhân và đồng bào ra. Hễ ghe cập gần chiến hạm thì bị sóng đánh ập vô thành tàu rồi văng ra xa.

Nhân viên HQ 403 tìm mọi phương cách nhưng vẫn không cứu vớt được ai, kể cả vợ của HQ trung úy T., một sĩ quan của chiến hạm HQ 403.
HQ 403 lại được lệnh ủi bãi trong vịnh Liên Chiêu để đón các đơn vị Biệt Động Quân. HQ 403 chờ mãi vẫn không thấy đơn vị bạn nào xuất hiện.
Trong vịnh Đà Nẵng, bãi Tiên Sa, các chiến hạm vẫn thực hiện các cuộc đón nhận binh sĩ và đồng bào một cách rất khó khăn và nguy hiểm. Trong lòng các chiến hạm, máy truyền tin của Bộ Binh vất đầy. Nhiều nhân viên chiến hạm bắt được tần số của VC, hai bên đấu khẩu. Bên nầy chửi thề, đi thẳng vào vấn đề mà bên kia không giải đáp được. Bên kia nói theo bài bản đã học thuộc lòng từ thuở chưa vào quân trường!
Tại mũi Tiên Sa, HQ 802 vào gần sát bờ để bốc Chỉ-huy trưởng Hải đội I Duyên phòng. Xong, HQ 802 đến gần mũi Isabel (bờ bắc vịnh Đà Nẵng), len vào thật sát các mỏm đá để đón lữ đoàn 258 và Bộ chỉ huy TQLC. Cuộc đón quân nầy tương đối ít tổn thất vì tinh thần kỷ luật của TQLC rất cao. Lúc nầy, vì hệ thống truyền tin bị khuấy phá, Hạm trưởng HQ 802, HQ trung tá Vũ Quốc Công, buộc phải nhập vào hệ thống truyền tin của Bộ chỉ huy Hạm đội tiền phương. Trung tá Công được lệnh đưa TQLC về Vùng tập trung chiến hạm" tại Cù Lao Chàm. Trong khi đó, quanh HQ 404, một trực thăng lượn qua lượn lại. Ngại bị bắn, Hạm trưởng ra lệnh kéo cờ nhiệm sở tác chiến. Sau vài vòng bay lượn, thấy chiến hạm báo động, nhóm người trên trực thăng ra dấu chào hỏi và liệng xuống một chiếc giày trận rồi bay vào bờ. Rời trực thăng, nhóm người ấy bơi ra HQ 404. Sau khi vớt nhóm người ấy lên, mọi người mới biết đó là chuẩn tướng Nguyễn Đức Khánh, sư đoàn trưởng sư đoàn I Không quân; đại tá Phước, Không đoàn trưởng Không đoàn 63; đại tá Vượng, Không đoàn trưởng Không đoàn Khu Trục và một số sĩ quan.

Chiều 29 tháng 3, Hải vận hạm Hương Giang, HQ 404, được lệnh rời bãi Trịnh Minh Thế, đến cập cầu căn cứ yểm trợ tiếp vận Đà Nẵng (bến Tiên Sa). Một số quân nhân và đồng bào đã leo được vào chiến hạm. Sau đó HQ 404 lại được lệnh ra neo tại sông Hàn, chờ lệnh. 12 giờ 30 khuya 29, rạng 30 tháng 3, Hạm trưởng HQ 404, HQ trung tá Nguyễn Đại Nhơn, nhận được mật lệnh từ Sài Gòn: " Chỉ thị HQ 404 đúng 4 giờ sáng 30 tháng 3, vào cách bờ 5 hải lý để đón trung tướng Ngô Quang Trưởng!" Đúng 4 giờ sáng, trung tá Nhơn báo cáo đã đến điểm hẹn. Sài Gòn chỉ thị HQ 404 thả trôi lềnh bềnh, chờ lệnh trực tiếp từ Tổng tham mưu. Đến 8 giờ sáng 30 tháng 3, không thấy lệnh mới, trung tá Nhơn liên lạc Bộ tư lệnh HQ Sàigòn xin chỉ thị. Được trả lời: Cứ lềnh bềnh ở đó, chờ lệnh. 10 giờ, sốt ruột, Hạm trưởng HQ 404 dùng máy truyền tin PRC 25 liên lạc bằng bạch văn với Tư lệnh Hạm đội. HQ đại tá Nguyễn Xuân Sơn trả lời: Tôi không có thẩm quyền gì về chiến hạm của anh cả. Anh nhận lệnh thẳng từ Sài Gòn. Tuy nhiên, cho anh hay là trung tướng Trưởng đang ở trong bờ, ngay trước mặt anh đó.

Khuya 30 tháng 3, mặc dù không có lệnh nào cho phép ngưng thả trôi lềnh bềnh, Hạm trưởng HQ 404 cũng cho chiến hạm vào gần bờ với mục đích tìm vớt Tướng Trưởng.

Đến khoảng hơn 5 giờ sáng 30 tháng 3, từ Bộ chỉ huy TQLC ở căn cứ Non Nước, nhân viên canh phòng thấy HQ 404 vào, nên trình lên thượng cấp. Biết là chiến hạm vào đón, TQLC tận dụng phao, poncho và tất cả các vật nổi để làm bè. Tướng Trưởng cùng bơi ra chiến hạm

HQ 404 với những người lính đã từng sống chết với ông qua nhiều chặng đường binh nghiệp gay go. Trên HQ 404 cũng như tại căn cứ TQLC ở Non Nước, Bộ tham mưu TQLC thảo công điện theo chỉ thị của Tướng Trưởng để gởi về Sàigòn. Năm giờ chiều cùng ngày, lệnh từ Sài Gòn chỉ thị Soái hạm Trần Bình Trọng, HQ 5, đón Tướng Trưởng từ HQ 404 sang, vì HQ 5 đầy đủ tiện nghi. Tuy cuộc rút quân thê thảm trong vịnh Đà Nẵng chưa chấm dứt, nhưng HQ 404 và HQ 5 vẫn chuẩn bị nghi lễ đúng truyền thống HQ để đưa và đón Tư lệnh Quân Đoàn I, trung tướng Ngô Quang Trưởng.
Hạm phó HQ 05, HQ thiếu tá Hồ Văn Kỳ Tường, mang sang HQ 404 mật điện của TT Thiệu. Thiếu tá Tường được Hạm phó HQ 404 hướng dẫn, đi thẳng xuống phòng ngủ đoàn viên mới gặp được Tướng Trưởng. Trong bộ quân phục HQ màu xám tím không cấp bậc, áo bỏ ngoài, Tướng Trưởng rời chiếc giường bố treo (giường ngủ của đoàn viên), cầm mật điện, xé ra đọc. Đọc xong, Tướng Trưởng nhìn thiếu tá Tường: Báo cáo với Sài Gòn là tôi xin được ở đây với anh em TQLC chứ không đi đâu cả.
Yêu cầu của Tướng Trưởng được Sài Gòn chấp thuận.

Các chiến hạm chở khẳm người được lệnh rời vùng di chuyển chậm để có thể đón người theo ghe ra biển. Các thương thuyền Mỹ, tàu nhỏ và xà lan cũng rời Đà Nẵng. Tuần dương hạm Ngô Quyền HQ 17, sau khi nhận thêm một số TQLC và đồng bào, được chỉ thị yểm trợ HQ 404, đưa Tướng Trưởng và Sư đoàn TQLC về vùng II. Trên đường xuôi Nam, khi qua mũi Sơn Chà, HQ 802 tình cờ bắt được liên lạc truyền tin với một thành phần của Bộ chỉ huy hành quân Quân đoàn I trên tần số giải toả. Nhóm nầy yêu cầu HQ cứu giới chức thẩm quyền. Ngại là VC xâm nhập, khai thác hệ thống truyền tin của VNCH, Hạm trưởng HQ 802 trình lên Bộ chỉ huy Hạm đội tiền phương. Giới chức nầy không giải quyết được và cho phép Hạm trưởng tùy nghi.
Lời kêu cứu của nhóm Quân Đoàn I lại vang lên. Bấy giờ lại thêm tiếng kêu: HQ ơi! Cứu Không Quân với!" Nhóm thứ hai cho biết họ đang kẹt tại mặt Nam bán đảo Sơn Chà. Họ phóng hoả châu để HQ 802 dễ nhận ra vị trí của họ. HQ 802 đổi hướng, quay lại đón nhóm Không Quân. Khi tiến vào bán đảo Sơn Chà, Hạm trưởng cho phóng đèn pha lên trời để nhóm Không Quân biết sự hiện diện của HQ 802. Vừa lúc đó, trên sườn đồi sát mặt biển, một đèn trực thăng bỗng loé lên và tiếng kêu cứu của Bộ chỉ huy hành quân Quân đoàn I lại vang lên. HQ trung tá Vũ Quốc Công, Hạm trưởng cơ xưởng hạm Vĩnh Long, HQ 802, ra lệnh nhiệm sở tác chiến, đồng thời cho hạ xuồng đổ bộ vào cứu cả hai nhóm. Nhóm Bộ chỉ huy hành quân Quân Đoàn I có tướng Nguyễn Duy Hinh, Tư lệnh sư đoàn III Bộ Binh. Quân của sư đoàn III về đến Nam Ô thì tan rã, chỉ còn độ một lữ đoàn! Khoảng 4 giờ sáng, công tác cứu người mới xong, HQ 802 trực chỉ về Nam. Trên đường đi, HQ 802 gặp lại đoàn tàu của Hải đội I Duyên phòng và một trong các tiểu đỉnh chở phó Đề đốc Thoại. HQ 802 đón phó Đề đốc Thoại và đoàn tùy tùng của ông sang.

Đêm 30 tháng 3, sau khi rời Đà Nẵng, HQ 403 nhận quang hiệu từ phía sau, cho biết họ là tàu dòng Seapac, đang kéo hai xà lan khoảng 10 ngàn người, cầu cứu nước ngọt. Hạm trưởng HQ 403 do dự suốt mấy tiếng đồng hồ; sau, thấy chắc chắn không thế nào đủ nước ngọt cho từng ấy người, và, chắc gì HQ 403 được an toàn khi cặp vào hai xà lan ấy hay không, Hạm trưởng HQ 403 đành quyết định đi luôn.

Khi đoàn tàu đền gần Qui Nhơn, vừa qua khỏi Cù Lao Chàm, Chỉ huy trưởng Hải đội III Tuần dương, HQ trung tá Lê Thành U., được báo cáo là sót một chiếc phà đầy người tại đài kiểm báo 101. Tuần dương hạm Ngô Quyền HQ 17, Tuần duyên hạm Chi Lăng II, HQ 08, và hộ tống hạm Ngọc Hồi, HQ 12, được lệnh sớt người qua các chiến hạm khác rồi quay lại Đà Nẵng. Hai trong ba chiến hạm đó được chỉ thị quan sát và yểm trợ để chiếc thứ ba vào đón chiếc phà.

Lúc nầy, ngoài ba chiến hạm vừa trở lại, vịnh Đà Nẵng vắng tênh!

Đức Lập

Ban Mê Thuột

Huế

Đà Nẵng

Quảng Nam

Quảng Tín

Quảng Ngải

Ta như người lính vừa thua trận
Nằm giữa sa trường nát gió mưa
Khép mắt cố quên đời chiến sĩ
Làm thân cây cỏ gục ven bờ
Chợt nghe từ đáy hồn thương tích
Vẳng tiếng kèn, truy điệu mộng xưa

(thơ Thanh Nam)

Bảo Lộc

Đà Lạt

Nha Trang

Phan Rang

Phan Thiết

Xuân Lộc

Vũng Tầu

Sài Gòn

Phía Bên Này Đời

Hoàng Nga – Đà Nẵng

Dì Đông yêu ông Huấn. Đánh nhau liên miên chưa kịp đám cưới thì ông Huấn đi tập kết. Dì tôi chờ ông Huấn hai năm như nhiều người đã hẹn nhau lúc đó. Hai năm, ba năm rồi bốn năm trôi qua.Trai tráng trong làng nửa đi chiến dịch, nửa lấy vợ hết. Dì tôi cứ ở vá chờ ông Huấn trở về.

Ba mẹ tôi lúc đó đã vô **Đà Nẵng** làm ăn, thấy dì sống thảm sầu ở cái làng Cầu Hai buồn tẻ nửa đoạn đường đèo Hải Vân ấy, nên thu xếp đưa dì về sống chung. Lúc đầu dì tôi ở nhà đi chợ nấu cơm, không chịu cho ba mẹ tôi thuê người làm, sau dì sang sạp vải ở chợ Vườn Hoa, sáng đi xích lô xuống bán, chiều đi bộ về.
Dì Đông sống tiết kiệm y như hồi còn ở làng. Ba mạ tôi mở nhà hàng, khách quen phần lớn là sĩ quan, già có trẻ có, thỉnh thoảng đến nhà tôi chơi, thấy dì nết na thùy mị, lại xinh xắn dễ thương nên nhiều người ngắm nghé. Ba mạ tôi nói ra nói vô hoài nhưng dì chẳng ưng ai. Trong số đó có ông đại úy Thu được lòng ba mạ tôi lắm. Ông Thu yêu dì tôi hết cỡ. Yêu như tiểu thuyết Tự Lực Văn Đoàn dì xếp hàng hàng trên kệ sách. Cứ mỗi tối thứ hai nhà hàng đóng cửa, ông Thu lại đến nhà trò chuyện vớ vẩn với ba mạ tôi. Lúc đó tôi đã bắt đầu lớn, thấy ông Thu kiên trì quá, tôi cứ ngạc nhiên hỏi tại sao dì có thể lơ là trước một mối tình như vậy.
Dì Đông trả lời:
- Không có duyên. Ông Thu không phải là đối tượng của tau.
- Chứ đối tượng của dì ra răng?
Dì Đông gạt ngang:
- Mi con nít biết chi!
Tôi cãi:
- Con thấy ông Thu hiền lành ghê nơi. Lính tráng thời ni hiếm thấy người như ông. Dì ưng ổn đi cho tụi con ăn đám cưới.
- Mi lo chi đám cưới. Mai mốt rồi tha hồ mà ăn.

Tôi xém buộc miệng nói mai mốt dì tra ngắt, sức mấy mà được ăn đám cưới nhưng nín kịp. Dì Đông cứ im ỉm mỗi ngày hai buổi đi về buôn bán cần mẫn. Chị Thoan tôi lấy chồng. Rồi chị Thoan tôi có con. Mạ tôi thành mệ ngoại. Dì Đông lên đến hàng mệ dì. Ông Thu chắc cuối cùng đợi không nổi đành ca bài sang ngang. Vợ ông Thu trẻ hơn dì tôi hàng chục tuổi, đẹp hơn dì, nhưng đỏng đa đỏng đảnh, suốt ngày chỉ ham chưng diện và đánh bài tứ sắc. Ông Thu buồn lắm. Lâu lâu có dịp ghé nhà, ông cứ rầu rầu nét mặt ngó Dì Đông đi lên đi xuống. Lúc này ông đã là thiếu tá, đeo hoa mai bạc lấp lánh. Chúm tôi xúm lại ghẹo dì:
- Dì mà lấy ông Thu là bây giờ tụi con đi học có lính đưa đón bằng xe jeep rồi.
Dì Đông xì lia lịa:
- Tụi bây đi học mỗi đứa một chiếc xe Honda còn ức chi mà đòi đi xe jeep.
Con Ly phản đối nó không có xe Honda. Dì Đông nạt:
- Mi nhỏ xí, mắt còn chảy ghèn mà bày đặt.

Tháng Giêng năm bảy ba, hiệp định Ba Lê ký xong, dì tôi hớn hở về kể cho cả nhà nghe là dì thấy phái đoàn bốn bên ở khách sạn Pacific. Ba mạ tôi thở dài. Sáng dì Đông đi bán, ba tôi nói:
- Không chừng có thằng Huấn trong đám nớ.
Mạ tôi bĩu môi:
- Biết nó còn sống hay chết nhăn răng rồi.
Tôi cười:
- Chắc còn sống. Tối mô con cũng thấy dì nghe đài Mẹ Việt Nam mục Sinh Bắc Tử Nam. Chắc không có tên ông!
Cả nhà phì cười. Người thì bảo ông Huấn dân Huế, đâu có được xếp vào mục Sinh Bắc, người thì nói lỡ ông chết mục ở đâu đó không ai tìm ra xác lấy đâu mà đọc tên trên đài. Cái mối tình điên rồ của Dì Đông lâu ngày đã trở thành đề tài cho gia đình tôi bàn tán nhảm nhí, giễu cợt. Sau đó dì Đông im ỉm đi mướn nhà ở Ngã Năm rồi dọn đi. Mạ tôi buồn lắm. Bà chỉ có dì là chị em ruột, lai ở với nhau mấy chục năm. Dì đi, mạ tôi cứ thở vắn than dài nhưng bà nhất định không ngăn cản chi hết. Được hai ngày tôi và chị Thoan xách xe đến thăm dì. Dì mừng ra mặt nhưng vẫn đón chúng tôi bằng một câu nói lẫy:
- Bộ tụi bây không sợ liên lụy như mạ bây hay răng mà tới đây.
Chúng tôi mỉm cười. Chị Thoan đáp:
- Dì nói nghe mệt ghê nơi. Ba mạ con lo là cho dì đó chớ.
- Chu choa nghe tình nghĩa ghê hí! Ba bây răng tau không biết, chớ mạ bây thì tau rành quá, nhát gan từ hồi còn để chỏm tề.
Chúng tôi phì cười nói lảng qua chuyện khác. Dì Đông tiếp tục ca cẩm thêm mấy câu nữa, rồi chạy đi kêu bò viên cho hai chị em tôi ăn. Ba dì cháu ngồi nói chuyện tào lao một hồi, dì Đông cắt mấy thước vải xá xị trắng đưa cho chị em tôi:
- Về nói với mạ bây may cho ba bây cặp đồ bận ở nhà cho mát. Mạ bây thì chẳng bao giờ ngó ngàng mua sắm chi cho ổng hết. Có chồng thì phải biết chăm nom chớ. Hồi ở chung tau cứ nhắc cái ni cái tê miết.
Tôi cười:
- Dì làm như dì đi lâu lắm rồi á.
Dì Đông cũng bật cười:
- Ừ, mới hai ngày mà tau cứ tưởng mô cả năm. Còn mi nữa nghe Thoan, cũng một ruột như mạ mi, thằng Quang dễ tính chớ gặp thằng khác là hắn đập cho sưng mặt nghe con.
Chị Thoan cười nháy mắt vít ôi. Ra đến đường, chị bảo tôi:
- Mồ mả nhà ông Huấn có kết long kết phụng chi mà xui khiến ổng về hồi chánh ở với bà dì mình là sướng mấy cái đời ổng.
Tuần sau tôi trở lại thăm dì, nói cho dì nghe, dì Đông lắc đầu:
- Ông Huấn không bao giời hồi chánh đâu. Ổng lý tưởng lắm. Mai mốt ông về bằng cách khác.
Con Ly lanh chanh:
- Cách khác là răng hả dì?
Dì Đông cười cười:
- Thì hòa bình độc lập.
Tôi nói nhỏ với dì:
- Con nghe mạ kể hồi Việt Minh cực lắm.
Dì Đông bĩu môi:

- Mạ mi có khi mô mà không than!
- Mạ nói nhà ôn có cái cối xây bột, cán bộ vô niêm phong sợ nhà mình xay gạo đúc bánh khoái. Lúa thì chỉ để đóng nông nghiệp với nuôi quân...
Tôi chưa kịp dứt câu, dì Đông đã vội vã:
- Lúc nớ kháng chiến mà con.
Tôi chưa chịu im:
- Mạ kể ôn đau, mạ lén làm con gà nấu cháo cho ôn, hàng xóm biết được đem đấu tố nhà mình là địa chủ.
Dì Đông chặc lưỡi:
- Mấy con mụ không biết chữ ngoài làng làm bậy.
Tôi nói bằng cái kiến thức của mạ:
- Nghe nói có mấy người nằm vùng bị bắt, chức lớn lắm mà không biết chữ. Mù chữ thì mần răng mà lãnh đạo hả dì?
Dì Đông im một hồi rồi trả lời:
- Lúc kháng chiến ai có tinh thần cũng tốt hết con nờ. Mai mốt hòa bình thì khác đi. Cha mẹ giàu ai lại muốn cho con cái đói. Để rồi coi, "họ" tài lắm con ơi.
Tôi về kể lại cho chị Thoan và mạ nghe. Mạ tôi hứ dài:
- Cái con nớ mê cộng sản lắm. Tau thì tau sợ tới già tới chết. Kháng chiến chín năm là tau không thấy hột gạo chín năm. Bắp, sắn, rau lang luộc chắc hết mùi trong bao tử hắn rồi. Mà cũng chắc tại ôn lúc nớ giỏi quá, ôn xoay sở được, hắn chưa đốt lá mít ra làm muối như mấy người nghèo ngoài làng nên hắn chưa biết sợ.

***

Căn nhà cho dì Đông thuê, bỗng dưng chủ nhà có ý định bán. Dì Đông mua liền.Tôi đến ăn tân gia nhà dì, dì nói như phân trần:
- Tau thấy cái nhà rẻ quá, không mua cũng uổng. Vàng cất trong tủ cũng không sinh ra đồng lời mô.
Cả nhà tôi không ai đoán ra được dì mua nhà là để chứa người bên kia. Mãi sau khi Đà Nẵng đổi cờ, chúng tôi mới bất ngửa. Giữa lúc ba mạ tôi rầu thúi ruột gan, thì dì Đông hân hoan lắm. Dì nói với tôi:
- Con đừng lo, mai mốt dượng Huấn về, dì xin cho con ra Hà Nội học.
Dì gọi ông Huấn là "dượng" tỉnh bơ, cứ y như đã chính thức là vợ của ông ấy vậy. Khoảng vài tuần sau đó, ba mạ tôi tá hỏa tam tinh khi nghe dì tuyên bố là đã ký giấy cho Ủy ban Quân quản căn nhà của dì. Bù lại, Ủy ban cấp giấy phép cho dì về Cầu Hai. Dì tôi đi tìm tin tức của ông Huấn. Chị Thoan đang lo số phận của anh Quang đến mất ăn mất ngủ mà cũng bật cười:
- Dì mình "say" thiệt, còn hơn Juliet.
Ba tôi đùa:
- Phải chi mạ bây yêu tau bằng nửa cái mối tình dì bây đối với thằng Huấn thì cuộc đời tau có phải tươi tốt ra không.
Mạ tôi đỏ mặt đập vai ba tôi:
- Người ta đang buồn bắt thúi ruột mà cha con ông cứ giỡn hớt.
Ba tôi:
- Chớ bà không thấy mối tình nồng cháy như cây xăng bị đốt của dì hắn răng.

Cả nhà cười ồ. Dì Đông về cầu Hai một tuần rồi trở vô. Dì rạng rỡ khoe:
- Anh Huấn là trung tá. Còn thằng Thi lạch đạch rứa mà cũng lên thượng úy rồi tề.
Mạ tôi bĩu môi:
- Thằng Huấn mới lạch đạch. Chớ hồi kháng chiến hắn đã là thượng úy, lên tới trung tá thì có chi mà hay ho.
Dì Đông sa sầm nét mặt. Ba tôi sợ dì phật ý nên hỏi vội:
- Nhưng mà dì gặp dượng hắn chưa?
Nghe ba tôi gọi ông Huấn bằng dượng, dì Đông bẽn lẽn như con gái:
- Dạ chưa. Ảnh còn vô Sài Gòn. Thằng Thi giải phg Huế, về làng trước, em gặp, em nói chuyện với hắn một chặp.
Dì Đông nói không chấm, không phết, y như một mình ông Huấn đánh vô Sài Gòn, còn "thằng Thi" nào đó đơn phương độc mã chiếm thành phố Huế. Mạ tôi dù buồn bực và lo lắng, nhưng nghe dì kể chuyện ngoài làng cũng tỉ mỉ hỏi ai còn ai mất, ai theo bên ni, ai theo bên tê. Câu chuyện ròn rã, lập đi lập lại cả tuần.

Dì Đông dọn về ở lại với gia đình tôi giống như trước. Căn nhà dì lúc này toàn bộ đội ở, quần áo mùng màn giăng đầy trước ban công. Mạ tôi tiếc công tiếc của dì Đông dành dụm, bòn chắt bao nhiêu, thì dì lại hớn hở như nhận được sự ban ơn của ai đó bấy nhiêu. Cả nhà tôi như đưa đám. Tối tối ba tôi lén mở radio nghe tin tức Sài Gòn. Cuộc chiến vẫn tràn lan như thác lũ. Sáng nào thức dậy ba tôi cũng như muốn khóc, báo cho biết nơi này thất thủ, nơi kia đầu hàng. Giữa lúc đó dì Đông hân hoan chờ ông Huấn "tiến về Sài Gòn, giải phóng thành đô". Dì dạy con Ly hát mặt mày tươi rói như cô dâu sắp về nhà chồng. Thế rồi cái ngày dì chờ đợi cũng đến. Sài Gòn mất. Ông Huấn về làng, nhận được cái địa chỉ mà dì Đông đã cẩn thận dặn dò mấy người bà con đưa lại. Trước khi đến nhà, ông Huấn cho lính đi tìm, kiểu dọ thám rồi mới hẹn ngày tới. Dì Đông tất tưởi đi chợ, sai biểu chúng tôi dọn dẹp nhà cửa. Dì quính quáng làm mạ tôi phì cười.
Bà hỏi chúng tôi:
- Tau đó tụi bây ông Huấn đi cưới dì Đông bây cái thứ chi?
Chị Ngoạn:
- Chắc là mấy thước vải xi-ta bà Thoan may tả cho thằng cu Tí.
Chị Thoan phản đối:
- Tau may tả cho con tau bằng vải Ka-tê bốn ngàn đàng hoàng nghe mi.
Tôi nói:
- Ông Huấn đi bộ đội, chắc chắn là đi cho dì mình một chục lương khô.
- Con thì chắc chắn ông tặng cho dì Đông một cái khăn voan hết mốt mấy chục năm ở miền Nam, nhờ mấy ổng vô mà đâm ra có giá.
Mấy mẹ con tôi cười khoái chi chọc ghẹo lén dì Đông. Trưa ông Huấn tới. Chúng tôi kinh ngạc vì thấy "đối tượng" của dì Đông vừa lùn, vừa nhỏ con. Chị Ngoạn tặc lưỡi:
- Nhứt lé nhì lùn nghe mi. Thằng cha ni coi bộ không vừa chi đây. Mắt bên lớn bên nhỏ, nói kiểu của mạ là lưỡng mục bất đồng, tâm trung bất chính.
- Hèn chi bạ mạ có vẻ không ưa thằng cha ni.
Lũ chúng tôi thậm thà thậm thụt chạy lên xuống rồi ồn ào bàn tán với nhau. Ông Huế nói giọng Huế đặc nhà quê, thỉnh thoảng để đúng mốt tập kết lại thêm mấy chữ "thế à", "vậy nhỉ" Bắc kỳ, nghe thật khó chịu. Nhưng khó chịu hơn nữa, có lẽ là những câu ông nói ra, chúng tôi có mang

máng là có nghe được ở đâu đó rồi. Chị Thoan khen:
- Công nhận hay thiệt. Tụy bay để ý coi họ nói rặt một điệu, y như trước khi vô nam thì phải học một bài học thuộc lòng.
Chị Ngoạn cười:
- Mà nhà mình bà được học trước tiên!
- Chị em tôi "xông pha khói lửa" cho tới trưa mới xong. Sau khi dọn tươm tất lên bàn thì chúng tôi cũng được ngồii cùng cho có vẻ "dân chủ". Dì Đông giới thiệu chúng tôi với ông Huấn, nhưng làm bộ "quên" anh Quang, chồng chị Thoan đi lính và anh Cường học trường Võ Bị Đà Lạt đang còn kẹt ở Sài Gòn. Ông Huấn ngó mặt từng đứa rồi tặc lưỡi:
- Trong Nam ai cũng nhiều con hết.
Ba tôi cười:
- Thì trời sinh voi sinh cỏ mà chú. Chú không đi tập kết thì bây chừ e cũng bộn rồi chớ.
Bất giác cả lũ chúng tôi cùng quay lại nhìn dì Đông. Từ sáng đến giờ mải quan sát ông Huấn, nên chẳng đứa nào để ý tâm trạng dì ra sao. Chỉ có một lần con Ly xớn xác chạy xuống "báo cáo" dì Đông vui như Tết, cười nói tíu tít, bị chị Thoan nạt cho một tiếng rồi thôi. Mà dì Đông vui thiệt, "vui" theo cả cái nghĩa mà người ta dùng để trêu chọc. Trưa ăn cơm xong, dì có vài ba tiếng "tâm tình hiến dâng" với ông Huấn, nhưng không hiểu sao dì cứ chạy ra chạy vô mấy lần khiến chúng tôi ngạc nhiên tột độ. Mãi đến mấy tuần sau không thấy ông Huấn trở lại như đã hứa, mạ tôi tiết lộ là dì Đông "tâm tình hiến dâng" nốt mấy lượng vàng còn lại cho người tình muôn thuở của dì. Và sở dĩ dì cứ chạy ra chạy vô là vì mạ tôi cản tới cản lui, không chịu đưa số vàng dì đã gởi cho bà trước khi về Cầu Hai. Ông Huấn đi luôn, nhưng "thằng" Thi đến ăn cơm với gia đình tôi kể rành rọt ông Huấn có bao nhiêu vợ, mấy đứa cọn Dì Đông như tịnh độ, như á khẩu, không nói được nửa lời. Lúc con Ly lanh chanh nói: "dì con không lấy chồng, dì con chờ chú Huấn" thì dì quăng chén cơm lên bàn, xô ghế chạy quay quắt vào buồng. Mạ tôi lật đật kêu chị Thoan chạy theo dì, nhưng dì đóng chặt cửa buồng không cho ai vào. Cả nhà tôi sốt vó, ai cũng sợ dì tự tử. Tôi thở dài:
- Răng không ai nghĩ ra ông Huấn có vợ hết trơn hè!
Mạ tôi chép miệng:
- Tau ngờ ngợ rồi. Bữa nớ tau cứ biểu để từ từ coi ra răng mà hắn khăng khăng đòi "dâng" liền cho thằng tê.
Ba tôi lắc đầu:
- Cái thằng gian ác thiệt.
Mạ tôi cười khẩy:
- Ai biểu làm đờn bà mà ngu, mê trai thì ráng chịu chớ! Tui mà như thằng Huần thì cũng không tội ci mà không dụ lấy mớ vàng nớ.
Chị Thoan:
- Cứ thấy tình yêu của dì mãnh liệt quá, chung thủy quá, nên nhiều khi mình cũng bị ảo tưởng theo mà không đề phòng chi hết. Với lại chuyện xảy ra nhanh quá. Chắc thằng cha âm mưu, sợ để lâu thì dì mình biết hắn có vợ.
Dì Đông nằm rũ rượi một ngày. Những ngày sau đó dì lặng lờ đi ra đi vào, không nói với ai một tiếng. Cuối cùng chỉ có thằng cu Tí con chị Thoan mới làm dì bật ra được vài câu. Dì Đông không tự tử như chúng tôi lo sợ, cũng không lên xuống Ủy Ban Quân quản nữa. Suốt ngày dì chỉ ngồi đâu đó hoặc chơi với thằng cu Tí. Dĩ nhiên là cả nhà chúng tôi lờ đi những chuyện thuộc về

dì. Riêng con Ly tò mò biết được dì đốt một đống giấy và một số hình thời con gái. Chắc là dì tôi muốn đốt cái quá khứ mang dáng dấp ông Huấn.

***

Chúng tôi lao theo cuộc sống chao đảo của cả nước. Khởi đầu anh Quang đi học tập, anh Cường trốn chui, trốn nhủi đến năm 77 thì vượt thoát được ra nước ngoài. Dì Đông lúc này thường ngồi trong một góc giường buồn bã nhìn ra. Mùa hè điện nước hay cúp, dì tôi cứ đứng mãi một chỗ trên hàng lang. Dì sống như một cái bóng, như một tờ giấy, như một cụm mây. Lặng lẽ để cuộc đời trôi qua. Lâu ngày, bực bội với sự im lặng quá lâu của dì, mạ tôi hay nói bóng nói gió là có người ưa cộng sản chắc giờ mở mắt ra rồi. Dì buồn thiu. Mắt dì thay vì "mở ra", lại cúi xuống, lặng đi rất lâu.

Anh Quang về, kèm theo cái tin ông Thu cũng ở chung trại với anh. Anh bảo:
- Ông ấy xơ xác nhất trại, vì không ai thăm nuôi cả. Cứ bắt cào cào châu chấu ăn cho có chất đạm. Cô vợ ông ấy dẫn thằng con ra nước ngoài từ hồi nào và chắc là đã lấy chồng khác nên bặt vô âm tín, không hề liên lạc với bất cứ ai quen biết với ông Thu.
Dì nói với anh Quang:
- Kiểu nớ chắc bữa mô dì làm con gà chiên chanh mang lên cho ông. Hồi xưa ổng thích món ni, tụi bây nhớ không?
Chúng tôi vỗ tay reo ầm ĩ vì sự thay đổi bất ngờ của dì. Ba mạ tôi cũng đưa mắt nhìn nhau ngạc nhiên. Dì Đông rưng rưng nước mắt:
- Tội nghiệp. Một thời cũng ngang dọc như ai mà chừ một thân một mình, dói khát không ai lo.
Trái tim tôi như thắt chặt lại. Dì tôi độ lượng quá, tấm lòng dì nhân từ thế mà sao đời dì buồn bã lạ lùng. Mối tình dì chung thủy đến mứt độ ấy mà sao dì chỉ nhận được cay đắng thảm thương. Chúng tôi ra đi, nhưng dì Đông nhất định ở lại. Dì cứ đùa là để còn người thăm nuôi ông Thu, nhưng chúng tôi biết là không bao giờ dì còn tìm thấy niềm vui nào trong đời nữa. Ở bên này hay bên kia, mảnh hồn dì cũng chỉ héo hon buồn bã như một vùng biển chết mà thôi. Hôm chúng tôi lên xe, mạ tôi quay lại nhìn dì đứng trên bậu cửa thật lâu, rồi bà thảng thốt kêu lên:
- Chao ôi, tóc mi bạc hết rồi Đông ơi.

Bảo Lộc, Đà Lạt, Nha Trang

Trần Văn Bường

Đức Lập và Ban mê thuột đã mất, về hướng trước mặt của tỉnh Quảng Đức đã hoàn toàn lọt vào tay VC, chỉ còn một phần phía sau giáp với tỉnh Tuyên Đức và Lâm Đồngt. Như vậy tỉnh Quảng Đức đã mất gần phân nửa lãnh thổ. Trước tình trạng tỉnh bị cô lập tam hướng lại không còn được yễm trợ quân sự và địch ngày càng bám sát đánh phá ta nhiều nơi trong tỉnh, bổng trưa ngày ***25 tháng 3 năm1975***, khi biết tin quân đoàn II bị tổn thất nặng nề lúc rút lui và toán liên lạc không quân (ALO) tiểu khu Quảng Đức đột nhiên lên trực thăng rời tỉnh mang theo tất cả phương tiện điều động không yểm, khiến tinh thần quân dân trong tỉnh càng thêm nao núng. Hôm đó, trong lúc Đại tá Phạm Văn Nghìn đang đi họp ở QĐ II chưa về, Trung tá Phạm Đức Dư-Tham Mưu Trưởng tiểu khu-liền tổ chức buổi họp khẩn cấp. Ngoài sự hiện diện của trung tá Dư còn có trung tá Hoàng Kim Thanh, liên đoàn trưởng LĐ 24 BĐQ đóng tại quận Kiến Đức; thiếu tá Trần Văn Bường chỉ huy trưởng pháo binh Kiêm tham mưu phó hành quân Tiểu khu . Vừa vào họp trung tá Dư tuyên bố: “Hôm nay chúng ta hành quân về phương Đông”. Chỉ một câu đơn giản ai cũng hiểu đó là lệnh rút lui, không cần sơ đồ phóng đồ gì cả. Thành ra, với vị trí đóng quân hiện tại, các đơn vị cơ hửu hoặc tăng phái tiểu khu, liên đoàn 24 BĐQ đi theo phương giác từ, di chuyển về Lâm Đồng.

Sau khi rời phòng họp, tôi cho lệnh các đơn vị tăng phái cũng như các đơn vị trực thuộc đóng quân quanh thị xã, đi theo đường mòn xe be đến bờ phà sông Kinh Đà về quận Di Linh. Trung tâm hành quân, trung tâm tiếp vận tiểu khu, đặc biệt kho xăng và kho đạn phải phá huỷ; Riêng pháo binh, tôi cho lệnh các trung đội trưởng phá huỷ súng bằng loại lựu đạn M14. (lựu đạn có chứa chất chì đặc biệt chảy ra bám vào nòng súng không xữ dụng được). Chỉ có trung đội pháo binh của trung uý Bá đóng trên đường hành quân được giữ nguyên kéo theo đoàn quân thôi. Đoàn quân dân rời bộ chỉ huy Quảng Đức được khoảng năm giờ đồng hồ, một tin không vui đưa đến. Từ đầu máy bên kia, trung úy Bá báo cáo: “chiếc cầu nhỏ bắt qua suối bị hư không thể nào kéo súng qua được Bắc Bình ơi”! Chết cha! Đi hành quân không có đại bác yểm trợ cả một sự bất lợi khi địch xuất hiện ngoài tầm vủ khí cá nhân hay dùng biển người tấn công ta. Tôi than thầm như vậy, nhưng mặt khác vẫn cố giử bình tỉnh ra lệnh cho anh Bá cố gắng thám sát hai bên cầu tìm mọi cách kéo súng qua. Bấy giờ trời vừa tối, ánh hoàng hôn cuối cùng vừa bị khuất sau rặng núi cao. Tôi vừa cho đoàn quân tạm nghỉ. Chừng nửa giờ sau, trung úy Bá cho biết không có nơi nào đem súng qua được vì con rạch tuy nhỏ nhưng đất mềm dễ bị lún.Tôi đành cho lệnh phá súng pháo binh và tiếp tục bám sát theo đoàn quân trước. Đi được hơn một giờ đồng hồ đoàn quân nghỉ qua đêm và tới bờ sông Kinh Đà khoảng năm giờ chiều ngày hôm sau.

Sau khi bàn với trung tá Dư, tôi cho lệnh đại úy Ngô văn Nhị, chỉ huy phó của tôi, hướng dẫn toán quân hỗn hợp Địa phương quân và pháo binh đi lui về sau, dùng phương giác từ đi về hướng Tây dọc theo bờ sông tìm chỗ vượt sông dễ hơn để đánh bộc hậu địch cho đoàn quân sau vượt qua. Mục đích cho đi luì về sau để đánh lạc hướng địch và dân chúng khỏi bám theo. Nếu dân chúng bám theo sẽ làm lộ kế hoạch; hơn nửa họ không thể gồng gánh, bồng bế con

cái lên đồi xuống dốc được. Bảo vệ an ninh họ, phía sau còn có quân của chi khu Khiêm Đức do thiếu tá quận trưởng Nguyễn Khắc Hiếu chỉ huy, bên cạnh đó còn có mặt cả hai vị trưởng và phó ty an ninh quân đội và nhóm Cảnh Sát Quốc Gia của trung tá Giang. Trong khi cánh quân của tôi đi về phía phải (hướng Tây) thì tiểu đoàn 259 ĐPQ của thiếu tá Phan Văn Giỏi đi về phía trái (hướng Đông) dọc sông Kinh Đà về cầu đại Ninh, ranh giới Đà lạt và Lâm đồng. Đi nhiều hướng địch không thể theo dỏi hết. Màn đêm dầy đặc, đoàn quân di chuyển rất chậm, nhiều lúc phải xữ dụng đèn pin tìm lối đi.
Lội suốt đêm gần tới năm giờ sáng, đại úy Ngô Văn Nhị báo cáo đã tới khúc sông có thể vượt được. Đại úy Nguyễn Duy Huynh, xử lý thường vụ trung tâm tiếp vận thay thế thiếu tá Trương Minh Dũng đi học, tiến về phía trước tăng cường cho đại úy Nhị tìm cách vượt sông. Vì đường đồi lên xuống khó khăn, tối om như mực lại đi theo phương giác từ trong màn sương bao phủ nên khi gặp bờ sông, chỉ cách điểm đứng chiều hôm qua ba bốn cây số thôi. Khúc sông hơi cạn, đá lỏm chỏm, nước chảy hơi siết có thể vượt được. Đại úy Nhị cho anh hạ sĩ quan pháo binh buộc sợi dây thừng lội qua bờ sông bên kia cột vào gốc thông nào đó cho đoàn quân sau nắm đi qua, đoàn quân tiếp tục đi tìm nơi an toàn hơn để vượt. Chiều mới gặp khúc sông sâu rộng, nước chảy lờ đờ có thể vượt qua dễ hơn.

+ Vượt sông Kinh Đà về Bão Lộc.
Bộ chỉ huy qua bờ sông bên kia trời đã khuya, tất cả đoàn quân nghỉ đêm, đồng thời giử an ninh cho số người qua sau. Dù hai ngày qua chưa có hạt cơm nào trong bụng nhưng không cảm thấy đói. Qua theo dỏi hệ thông truyền tin, được biết đoàn quân dân hôm qua kẹt tại bờ Kinh Đà, được đại tá tỉnh trưởng lần lượt chuyển qua Bảo Lộc (LĐ) nên ý nghỉ quay lại cứu họ không còn nữa. Với tình hình hiện tại, tôi nghỉ, địch không còn lẩn quẩn trong rừng như trước mà đã ra thị thành uy hiếp quân ta. Nghỉ vậy nên sự e ngại bị phục kích không còn cao, tôi cho lệnh đoàn quân phía trước tiếp tục đi theo đường mòn về hướng xã Tân Rai (LĐ) mặc dù phải băng qua các hậu trạm của VC. May mắn không có gì trở ngại trên đường hành quân, nhờ vậy thời gian đến Lâm Đồng rất nhanh (3 đêm bốn ngày).

Sau đó bộ chỉ huy nhẹ chúng tôi được đại tá Nghìn cho trực thăng đón về tỉnh. Riêng đại úy Ngô Văn Nhị vẫn tiếp tục chỉ huy cánh quân về thẳng thị xã Bảo Lộc. Đến phi trường Bảo Lộc trời đã xế chiều. Tình hình rất yên tỉnh, chợ phố sinh hoạt bình thường, chỉ nghe lai rai những tiếng đạn đại bác của ta từ xa dội lại, có thể đang yễm trợ cho một tiền đồn nào đó đang bị địch tấn công. Chúng tôi yên tâm như không có gì xảy ra, thông thả dùng một bửa cơm chiều. Với tình hình còn sáng sủa đó, sau khi dùng cơm xong chúng tôi vào đánh một giấc ngon lành đến sáng như chưa bao giờ có. Sáng ra, đại úy Nguyễn Duy Huynh, tôi và các quân nhân thuộc cấp ra ăn sáng tại một quán xập xệ ngoài chợ. Tứ bề yên tỉnh không nghe một tiếng súng nào nổ cả.. Nào ngờ, đang ăn ngon miệng bà chủ quán bổng nói
- "Xe tăng VC vào thành phố từ hôm đến giờ, sao mấy ông còn ngồi đây"?
- "Vậy hả! Bà nói đùa hay nói thật đó?" Tôi hỏi lại bà chủ quán.
- "Ai đám đùa với mấy ông chuyện quan trọng như vậy". Bà chủ nói tiếp.

Đang do dự, bổng thiếu tá Nguyễn Văn Ấn từ bên kia máy PRC25 rủ rê tôi:
- "Mầy đến đâu rồi, đến quận ăn cơm rồi tử thủ với tao". Tôi trã lời nửa đùa nửa thật:

- "Mầy lạnh cẳng rồi hay sao rủ tao, mầy hảy chuẫn bị heo gà nhiều đi, Cậu sẻ đến ngay".Thế là tôi lái xe hướng về quận Di Linh (Di linh nằm khoảng giữa Bảo Lộc và ĐL). Xe đang phon phon trên đường nhựa, bổng lệnh của đại tá Nghìn từ trực thăng bảo tôi:
- "Sao bây giờ anh mới mở máy"? Tôi chưa kịp trã lời, đại tá lệnh tiếp:
- "Anh phải tập trung các đơn vị của mình vào phòng thủ với quận Di Linh". Nhận được lệnh trên, tôi cố lái xe nhanh hơn, Tại quận, tình cờ gặp trung tá tỉnh trưởng Vương Đăng Phong rời Lâm Đồng đến đây từ bao giờ. Tôi chỉ nghe tên ông thôi, chứ đây là lần đầu tiên được gặp. Tôi chào và trình trung tá Phong về ý định phòng thủ của Đại tá Nghìn. Vừa nghe xong ông hỏi tôi:
- Anh đãm nhận chức vụ gì bên tiểu khu Quảng Đức?
- Chỉ huy trưởng pháo binh kiêm tham mưu phó hành quân TK/QĐ. Tôi trã lời.
- Anh có quân đây không?
- Dạ có, đang bố trí ngoài kia.Tôi lại đáp.
- Tỉnh trưởng anh đang ở đâu? ông lại hỏi tiếp.
- Đang bay trên vùng để hướng dẫn các cánh quân còn kẹt trong rừng. Tôi lại tiếp như vậy. Không cần suy nghỉ, Trung tá Vương Đăng Phong nói:
- 'Tình hình như thế này, Tỉnh trưởng anh có máy bay, có chuyện gì ông ta bay đi, còn tôi với anh … thì sao? Không cần tôi có ý kiến ông tiếp:
- "Vậy anh muốn ở lại thì ở, tôi đi. Nói xong, ông ra lệnh thiếu tá Nguyễn văn Ấn nhổ antenna 292 và chuẫn bị di chuyển'. Trầm ngâm một lát, tôi báo cáo đại tá Nghìn quyết định của trung tá Phong như vậy. Im lặng một hồi lâu, đại tá Nghìn nói:
- Thôi, ai sao mình vậy.!!!
Suy nghỉ một lúc không tìm ra kế hoạch nào khác, chúng tôi âm thầm rời quận không buồn nói câu nào từ giã quận Ấn ."Cả đoàn quân ra sau bị kẹt hết rồi", tôi thầm nghỉ như vậy. Đứng trước đàn em thuộc cấp đang bố trí chờ lệnh, tôi chậm rải nói trong nghẹn ngào:
"Thôi… các anh tìm mọi phương tiện… về Đà lạt".

+ Trở lại Đà lạt

Tới cầu Đại Ninh trời vừa xế bóng, thấy trung sĩ Vũ Nguyên Cường đang đứng xớ rớ cạnh hai chiếc xe thiết giáp V100 của TKLĐ. Anh cho biết hai chiếc xe V100 được tăng cường giử cầu Đại Ninh mấy ngày nay và trung tá tỉnh trưởng Vương Đăng Phong đã qua cầu rồi. Lúc bấy giờ, đại úy Ngô Xuân Diên, yếu khu trưởng khu cầu Đại Ninh, đứng đầu thành cầu chuyển lệnh trên:
- "Quân Quảng Đức được qua cầu còn quân Lâm Đồng chưa thấy địch đã bỏ chạy phải ở lại chiến đấu". Dù không bị ràng buộc bởi lệnh trên nhưng chúng tôi quanh quẩn nơi đó nửa giờ sau mới bắt đầu về Đalạt.

Thật vậy, Đàlạt đang ngột ngạt trong không khí chiến tranh, những người giàu có và các sinh viên từ xa đến học hầu như di tản gần hết, phố xá mở cửa lưa thưa, người bộ hành vội vã trên đường về, thỉnh thoảng đó đây những chiếc xe đầy lính lui tới tuần tra trên đường phố trong thế sẵn sàng.

Qua một đêm ngon giấc, tôi bay về Lâm Đồng hướng dẫn các cánh quân còn trong rừng ra. Bầu trời Lâm Đồng hôm nay rất quang đãng, tầm nhìn rất tốt. Từ trực thăng nhìn xuống thấy đoàn người đang hối hả vừa đi vừa chạy trên đường hướng về Đà lạt. Trong quận Di Linh

loáng thoáng một ít bóng người ăn mặc hỗn tạp ra vào. Trực thăng xuống thấp hơn các bóng người này trốn mất. Đoán chắc đó không phải là quân ta mà cũng không phải là dân hôi của, thành ra khi liên lạc được với các cánh quân bạn, tôi hướng dẫn họ đi về hướng cầu Đại Ninh an toàn hơn.

Khi biết tôi đang bay trong vùng Bảo Lộc, từ cánh quân dưới đất Thiếu tá Nguyễn Khắc Hiếu cho biết đã bị sốt rét mấy ngày nay không thể tiếp tục đi được, yêu cầu tôi bốc dùm anh đồng thời cho xin mấy cục pin PRC 25. Anh cho biết đã giao quyền chỉ huy lại cho Đại úy Tích, sĩ quan phụ tá của anh rồi. Quan sát một lúc thấy bải đáp khá trống trải, tôi yêu cầu phi cơ trưởng đáp cạnh quã đạn khói màu vừa đánh dấu baỉ đáp. Thiếu tá Hiếu vào xong, trực thăng cất cánh lên ngay lại bị mấy loạt súng AK47 bắn theo tới tấp. Lại một phen lên ruột vì địch bắn ta mà ta không thấy hướng địch. Nếu bắn lại không trúng địch mà trúng quân bạn lại càng ân hận, vì vậy phi cơ chỉ tiếp tục bay. Bình phi xong trực thăng bay thêm nhiều vòng nửa hầu tìm thêm có cánh quân nào cần giúp không, nhưng vì thiếu tá Hiếu quá mệt chúng tôi phải rời vùng trở về Đàlạt.. Và ngày hôm sau bộ chỉ huy tiểu khu chúng tôi đi đường bộ về Nha Trang. Sở dỉ phải quan sát kỷ quận Di Linh như đã nói trên vì tôi biết hôm qua, sau khi quận này bỏ ngỏ, tiểu đoàn 202 ĐPQ/Tuyên Đức đóng tại cầu Đại Ninh được lệnh tái chiếm quận này mà không biết giờ đó đã vào được chưa!
Sau này mới biết địch đã chiếm quận rồi như đã quan sát thấy, vì chính trung uý Nguyễn Thắng Lợi xác nhận. Anh cũng cho biết thêm: trên đường tiến đến quận Di Linh tiểu đoàn anh đánh bắt được chiếc xe be trang bị súng 57 ly không giật, giả làm tăng T54 của địch để hù ta; nhưng tiểu đoàn chưa chiếm lại được quận; một phần vì các nút chận của địch khá mạnh, một phần vì áp lực tâm lý rút lui của quân bạn lúc đó. Xin nói thêm, tiểu đoàn 202ĐPQ/TĐ là một đơn vị đánh giặc nổi tiếng ở quân khu II, dưới quyền chỉ huy của thiếu tá Lê Xuân Phong.

+ Về vùng cát trắng
Chúng tôi đến Nha Trang trời vừa chạng vạng, đường xá tấp nập xe chạy, người đi, hầu hết là quân đội và dân chúng chạy giặc từ cao nguyên về hoặc từ vùng ngoài vào. Tôi lê la ra quán cơm Viêt Nam nằm sát bờ biển. Tình cờ gặp hai người bạn cùng khóa năm xưa thiếu tá Phạm Văn Trung và t/t Huỳnh Văn Giai. Gặp nhau tay bắt mặt mừng nhưng nụ cười không trọn vẹn trên vành môi vì sự bi thảm của đất nước hiện tại. Hôm nay tình hình quân sự tại đèo Khánh Dương hơi bi quan, quân dù đóng tại đèo Khánh Dương có vẻ muốn nhúc nhích. Riêng phần tôi trưa hôm sau vào trình diện Bộ Chỉ Huy/PB/QĐII nhận nhiệm vụ mới. Hôm ấy, trước khi vào trình diện BCH/PB/QĐII, đại tá Nghìn dặn tôi:
- "Anh vào xem thấy nhận được thì nên nhận, ngược lại thì ra đây bay trở lại Đà lạt với tôi nhận nhiệm vụ mới, tôi chỉ chờ anh một tiếng đồng hồ thôi".
Trình diện đúng giờ hẹn, đại tá Phan Đình Tùng - chỉ huy phó PB/QLVNCH và trung tá Phạm Hữu Chương - rất vui vẻ đề nghị tôi làm tiểu đoàn trưởng tiểu đoàn 69PB thay thế trung tá Chương. Trung tá Chương đưa tôi đi quan sát hậu trạm tạm thời của tiểu đoàn 69 PB trú trong sân bay Nha trang. Trên đường đi, trung tá Chương cũng khuyến khích tôi:
- "Biết khả năng và thâm niên cấp bậc cũa anh nên đại tá chỉ định thẳng anh, đây là cơ hội vàng hiếm có để bắt cái lon trung tá chứ binh chủng mình khó lên lắm". Nghe hai tiếng trung tá cũng ham nhưng mà… qua nửa giờ đồng hồ gọi là "thăm lính cho biết sự tình" nhận thấy

tiểu đoàn di tản từ Pleiku về đây có vẻ bi thảm quá, súng ống chưa trang bị kịp. Nếu tôi chấp thuận phải đem đơn vị vào căn cứ Động Bà Thìn (giữa đường Nha trang-Cam Ranh) huấn luyện, trang bị lại. Lâu quá! Nhận thấy nhiệm vụ quá nặng nề khó lòng thực hiện được trong hoàn cảnh bi đát này, tôi từ chối. Ra đến nơi hẹn, đại tá Nghìn chờ không được đã đi Đà lạt rồi; thầy trò tôi (tài xế và tôi) nghỉ qua đêm chờ sáng mai đi Đà lạt.

Sáng hôm sau, trên đường rời Nha Trang, người và xe cộ hỗn độn chật ních, hầu như không còn trật tự lưu thông nửa. Chúng tôi lách đi rất khó khăn mới tới được Phan rang. Gặp đại úy Triệt đang chỉ huy đại đội trấn thủ trên đập Đa Nhim. Phần tôi tiếp tục hướng về Đà lạt. Vừa qua khỏi đèo Sông Pha, bị đoàn xe từ Đà Lạt đổ xuống không thể nào tiếp tục được. Họ cho biết Đà lạt đã bỏ ngỏ. Tôi đành quay lại phi trường ***Phan Rang*** (2/4/75?). Tối đó quân dù đã nhóm khỏi đèo Khánh Dương và trung tâm huấn luyện Lam Sơn bắt đầu rút. Tướng Phú và đại tá Lý Bá Phẩm tỉnh trưởng ***Nha Trang*** cũng có mặt tại phi trường Phan rang đêm đó. Thấy tôi ở đó vài ngày chẳng có nhiệm vụ gì,Trung tá Nguyễn Văn Thiệt và thiếu tá Trương Khương giúp tôi về Sài gòn.Tôi trình diện BCH/PB/VNCH và nhận lệnh tăng cường cho PB quân đoàn III phòng thủ tại Long Thành cho đến ngày mất nước .

Khi Vũ Ngọc Tiến Viết Về Chiến Tranh

Phạm Lưu Vũ - Hà Nội

Mặc dù cái tiêu đề là như thế, song tôi chưa thể bắt đầu ngay với Vũ Ngọc Tiến và những tác phẩm viết về chiến tranh của ông được. Có lẽ phải mào đầu hơi dài dòng một chút.
Lịch sử ấy sẽ ra sao? Văn chương ấy sẽ ra sao? Các nhà phê bình chính thống, hưởng học tước, bổng lộc của chế độ từng có chung nhận định, rằng văn học chiến tranh ở xứ ta đến giờ vẫn chưa có tác phẩm ngang tầm với những cuộc chiến mà dân tộc vừa mới trải qua. Tóm lại là chưa có tác phẩm vĩ đại xứng với những cuộc chiến vĩ đại. Chà! Ngợi ca thế vẫn còn chưa đủ chăng? Hay là họ muốn có những tác phẩm kiểu như *Chiến tranh và hòa bình* của Lép Tônxtôi? Họ không hiểu nguyên nhân tại sao, trong khi nhà văn ta đông thế, tài thế, lại "trưởng thành" từ những cái nôi chiến tranh nhiều thế, được học tập, rèn dũa "chủ nghĩa anh hùng cách mạng" kĩ thế... Nhiều lúc tôi tự hỏi, rằng không hiểu sao cái nền văn học gọi là "lọt sàng xuống... sông" này vẫn còn cần đến những tác phẩm như thế để làm gì nhỉ? Chẳng phải văn học xưa nay chỉ dùng để tuyên truyền, giáo dục (theo một chiều duy nhất đúng) đấy thôi?

Thì ra, để chuẩn bị cho "hội nhập", người ta cũng cần phải "rửa mặt" một tí với văn chương thế giới. Dạo ấy, người ta nghiến răng trao giải thưởng, rồi lu loa rầm rĩ về một cuốn tiểu thuyết được coi là "giọng điệu lạ", "cái nhìn lạ"... về cuộc chiến tranh (?). Đến nỗi bác hàng xóm thương binh cụt chân của tôi sống bằng nghề đan sọt để hót phân nghe đồn, sang nhờ tôi tìm mua cho bằng được. Vậy mà đọc xong, bác thương binh ấy chỉ thở dài buông một nhận xét kinh hồn: "*Những kẻ ca ngợi chiến tranh là không có lương tâm. Riêng cái này không thấy ca ngợi. Nhưng viết như thế này thì cũng chỉ mới thấy có lương mà chưa hẳn đã có tâm*". Lời nhận xét càng về sau càng thấy nghiệm. Té ra "nó" chẳng qua chỉ là một chén nước xà phòng, dùng để tạm "rửa mặt" cho một nền văn học lối mòn, chuyên nghề nói a dua mà thôi. Cái gọi là "lạ" ấy đã nhanh chóng tan biến vào biển cả của sự quên lãng. Tóm lại là nguyên nhân dẫn đến tình trạng mồ côi tác phẩm lớn ấy ở chỗ nào, văn tài trốn ở đâu đây hở giời? Than ôi! Bạn cứ đọc lại những "tác phẩm" lớp lớp đang hiện hữu trên giá sách kia đi, đọc bằng cái đầu đích thực, không cần ai phải "định hướng" cho mình, cái đầu biết xót xa trước mỗi thây rơi, bất kể thây rơi đó thuộc về bên nào, thì bạn khắc "ngộ" ra nguyên nhân. Té ra rất đơn giản. Làm sao có thể có được những tác phẩm vĩ đại theo đúng nghĩa của mĩ từ đó, khi mà sự dối trá đã ngự trị, đã "vĩ đại" sẵn rồi.

Bác trỏ tay vào cái chân cụt mà nói, nguyên văn như sau:
"Tôi không những là nhân chứng của cuộc chiến, mà còn là độc giả, và là người đóng thuế nuôi những nhà văn, nhà thơ viết ra những thứ giả dối, ca ngợi sự đểu giả, ca ngợi chiến tranh theo một chiều duy nhất ấy đấy. Là nhân chứng, tôi khinh bỉ. Là độc giả, tôi thất vọng. Là người đóng thuế, tôi căm giận (!) Chung quy cho đến giờ, tôi chỉ có chừng ấy cảm giác mà thôi."
Ôi! Bác thương binh đáng kính, vị độc giả đáng trọng, người đóng thuế đáng thương của tôi ơi, may mà còn nhiều người khác tuy không có lương nhưng có tâm, vẫn ngày đêm miệt mài viết về sự thật, dù những sự thật ấy còn ở trong bóng tối, còn phải cất dưới hầm sâu. Cái gọi là văn chương chính thống, các nhà phê bình chính thống ăn bổng lộc có thể quên, hoặc cố tình lờ đi,

không một dòng nhắc đến. Song văn chương đích thực, văn chương của muôn đời chắc chắn sẽ ghi công những con người như thế. Bởi sự thật bao giờ cũng là cái mà muôn đời cần đến biết bao. Tác giả mà tôi sắp nói tới đây với những tác phẩm viết về chiến tranh của ông, hy vọng sẽ mang lại cho bác những cảm giác khác hẳn.

Tác giả đó là Vũ Ngọc Tiến. Tôi tình cờ được đọc ông trên mạng internet. Tác phẩm đầu tiên tôi muốn kể đến là truyện ngắn có cái tên: "Vị phồn thực". Bỏ qua những vòng vo dẫn truyện, điều đầu tiên đập thẳng vào trái tim người đọc là sự tuyên chiến với cái giả dối. Ông bắt đầu viết về cái đói của những người lính như thế này:

Trên hồ sơ báo tử từ mặt trận gửi về Bộ Quốc phòng chỉ ghi lạnh lùng hai chữ sốt rét, nhưng xin các ông bố bà mẹ, những người vợ hiền ở hậu phương thời ấy biết cho, lũ lính chúng tôi sốt rét ít thôi, đa phần là chết đói. Đói vì mấy ông chỉ huy hám thành tích, vững lập trường "tự lực cánh sinh", chỉ nhận người và vũ khí, còn lương thực xin cấp trên cho được tự túc... Vâng! Đúng thế đấy tác giả Vũ Ngọc Tiến ạ. Những ông bố, bà mẹ, những người vợ hiền ở hậu phương thời ấy, nào có ai được biết đến sự thật này đâu. Câu chuyện xoay quanh hai cái đói, đói bụng và đói tình. Những thanh niên, trí thức cùng nòi giống mũi tẹt da vàng bị giằng khỏi cuộc sống, ném thẳng vào cái cối xay thịt của chiến tranh, Một bên thì tàn nhẫn, dã man với đồng loại, một bên bị hai cái đói đó hành hạ. Người chết biến thành những con ma không đầu vĩnh hằng, đói vĩnh hằng. Kẻ sống biến thành lũ man rợ, thèm khát phụ nữ, thèm khát máu người. Những người lính chứng kiến cảnh người vợ đối phương gào khóc bên xác chồng vừa bị họ giết như thế nào? Hãy đọc đoạn đối thoại sau đây:

"Giết nốt con đĩ này thôi, anh em ơi!"
"Cho nó đi chầu Diêm vương với thằng chồng ác ôn!"
"Lột quần áo nó ra ngắm cho sướng mắt rồi hãy làm thịt!"
"Phải đấy, xem thử cái lồn người Sài Gòn nó đen-trắng, dày-mỏng thế nào rồi hãy giết!"
Hơn chục thằng lính Hà Nội đang cơn say máu, nhao nhao quát thét, ánh mắt man dại. Riêng hắn lặng đi, trán vã mồ hôi, mặt tái mét, trân trối nhìn thiếu phụ...

Chả cứ gì nhân vật "hắn" lúc đó phải tái mặt. Cho đến tận bây giờ, khi mà cuộc chiến ấy đã lùi xa hơn ba mươi năm, những thế hệ học trò chỉ được "học" văn học viết về chiến tranh trong các sách giáo khoa, hẳn cũng phải tối tăm mặt mũi khi đọc đến đoạn này. Đây chính là những điều mà cả một nền văn học chính thống, hùng hậu vì nhiều lý do phi nhân bản, đã luôn phải né tránh (!) "Hắn" là nhân vật trung tâm của tác phẩm, kẻ thuộc phe thắng trận còn sót lại chút lương tri. "Hắn" về sau được chính người thiếu phụ ấy cứu sống bằng những dòng sữa của mình, dòng sữa của người mẹ. Nhân vật thiếu phụ, vợ người sĩ quan đối phương tử trận ấy như một vầng hào quang sáng lòa giữa cuộc chiến khốc liệt, tối tăm. Nàng đã vượt lên trên cuộc chiến, thành Phật ngay giữa cuộc chiến. Tôi phải xin cám ơn tác giả Vũ Ngọc Tiến, bởi văn chương của ông đã thẳng thắn, dũng cảm nhận ra và mô tả điều kì diệu đó của cuộc sống. Đã là nỗi đau thì không phân biệt địch, ta nữa, chỉ biết rằng đó là một nỗi đau hóa Phật, khiến những kẻ man rợ, súng ống đầy mình và đói khát tình dục kia không thể phạm tới nàng được. Và nàng đã ban ân cho "hắn". Phật Bà đã ban cho "hắn" được lần đầu tiên nếm trải mùi đời. Đây là đỉnh điểm, là cao

trào của cốt truyện, dẫn đến một tư tưởng đã chứng ngộ, đã "*siêu thăng*" cho nhân vật "hắn", tư tưởng: "*Vị phồn thực*".

Tiếp tục đối lập với sự dối trá, tác phẩm tiếp sau đây của Vũ Ngọc Tiến cũng là một truyện ngắn, nhưng theo tôi, nó chính là một tiểu thuyết, một tiểu thuyết dồn nén, được viết theo nghệ thuật biến hoá không gian và thời gian. Trữ lượng của nó không thua kém một tiểu thuyết bởi đó là cả một cuộc chiến tranh với không biết bao nhiêu sự khốn nạn và tang tóc của những kiếp người. Truyện có cái tựa: "Chù Mìn Phủ và tôi". Tôi đã cố vật vã tóm tắt lại câu chuyện dã man, rùng rợn thời Trung cổ ấy, song lại diễn ra vào cuối thế kỉ hai mươi này mà không tóm tắt nổi, bởi sự căm giận và cảm giác ghê tởm cứ không ngớt dâng trào. Đối với lương tri của nhân loại, có lẽ đó là một cuộc chiến tranh đểu cáng nhất trong lịch sử, do một truyền thống ngạo mạn cố hữu gây ra, một cuộc chiến mà sau này những kẻ gây ra nó đã cố tình lờ đi. Song những đau thương, mất mát giáng xuống những thường dân vô tội ở cả hai bên thì làm sao có thể xóa nổi. Càng đểu cáng hơn khi người ta lờ đi không phải vì xấu hổ hay ân hận, mà chỉ vì những mục đích bẩn thỉu và khốn kiếp nào đó. Đọc xong câu chuyện, tôi rùng mình với một ý nghĩ, rằng nếu không có những tác phẩm như thế này, thì cái sự tảng lờ bất lương và vô liêm sỉ đến độ khủng khiếp kia sẽ đạt được mục đích của nó, và lịch sử sẽ bị một lỗ hổng toang hoác. Một lần nữa xin được cám ơn tác giả Vũ Ngọc Tiến với bản luận tội lạnh lùng, một trang sử đẫm máu, không tiền khoáng hậu này của ông.

Hãy xem tác giả tố cáo cái bản chất ghê tởm của cuộc chiến đó: "*Sự thắng bại của cuộc chiến nằm ở dăm ba cái đầu lạnh, còn dân chúng hai bên mãi là kẻ chiến bại, mãi chỉ là công cụ chém giết vô thức mà thôi.*" Vâng! Ý này không mới bởi có người đã nói đến từ lâu rồi. Song tác giả vẫn cứ phải nhắc lại, và tôi vẫn phải trích ra ở đây, đơn giản vì phải đặt nó vào giữa những trang viết đẫm máu, khét lẹt thịt người. Không thể dùng tội ác để biện minh cho bất cứ điều gì. Tôi lại phải trích ra một đoạn văn ghê rợn như thế này:

Có dăm người dân quân địa phương ngồi quanh đống lửa uống rượu ngô và ba xác chết trần truồng, thi thể bầm dập nằm lăn lóc trên bãi cỏ, hai trai, một gái. Xác người con gái nằm ngửa, không bị đánh đập, nhưng hai đùi bị banh ra, cột chặt vào hai cái cọc được đóng sâu xuống đất, cửa mình vẫn còn củ sắn to bự cắm vào, máu lênh láng chảy ướt đầm mặt cỏ. Hai xác người đàn ông to vật vã, đầy những vết đánh thâm tím, bộ phận sinh dục bị cắt rời nguyên cả cụm, ném vào đống lửa, bốc lên mùi thịt nướng…

Thật không thể bình luận nổi. Câu chuyện còn nhiều đoạn văn như thế nữa. Những trang viết mà sự rùng rợn, man dại không thua gì những trang trong sách *Trăm năm cô đơn* của G. García Marquez. Và đó mới thực sự là những tác phẩm văn học viết về chiến tranh, văn học chiến tranh của nhà văn Vũ Ngọc Tiến. [1]

Nguồn: Cũng như Bảo Ninh, Vũ Ngọc Tiến tốt nghiệp Trường Dậy Văn Nguyễn Du. Nhưng không rõ khóa mấy.

Âm Bản Chiến Tranh

Vũ Ngọc Tiến – Hà Nội

Rừng chiều lạt nắng, hầm hập oi nồng. Cơn mưa rào chợt đến, làm dịu bớt cái nóng khủng khiếp của miền tây đất Quảng. Cái thứ nắng nóng như rang khô đám lính của tiểu đoàn suốt nhiều ngày đêm lầm lũi đưa pháo lên tận ngọn núi Chảo Lớn triển khai trận địa, chờ lệnh phát hỏa, tiêu diệt cứ điểm Cà Tang, mở đường cho đại quân tiến vào giải phóng huyện lỵ Quế Sơn. Đói, khát và sức nặng của những khẩu pháo 105 ly tháo rời đã vắt kiệt sức lực từng người. Trong mưa, từ quan đến lính, tất thảy trần truồng như nhộng, thỏa thê tắm mát và uống thứ nước ngọt trời cho để quên đi những cái bụng lép kẹp đang thèm cơm, thèm sắn. Người ta khi đã cởi truồng ra rồi thì ai cũng hiền khô, hồn nhiên đến kỳ lạ. Vậy nên khi D trưởng An chạy đến bên Luận, dáng người lòng khòng, của nợ kia thì lõng thõng bên đùi, anh không sao nhịn được, cười đến gập người, thắt ruột. Ông vẫn thản nhiên ra lệnh, còn Luận thì cứ ngỡ ông đùa:

- Tiểu đội trinh sát của cậu mau tập hợp, có nhiệm vụ gấp.
- Lệnh gì lúc này hở thủ trưởng?
- Đài quan sát báo có một tốp dân địa phương đi làm rẫy, đang trú mưa ở gốc cây, gần trận địa pháo của ta.
- Thế thì sao ạ!- Luận ngúng nguẩy đùa dai, còn thủ trưởng thì quắc mắt.
- Lại còn sao với giăng gì nữa. Lộ mẹ nó hết cả bây giờ chứ bỡn à. Họ có 10 người: 5 ông già, 2 thiếu nữ và 3 thanh niên. Các cậu khẩn trương bao vây, tiếp cận, một kèm một, khống chế và trói họ lại, canh giữ cho hết đêm nay, đợi ta nổ súng đánh xong cứ điểm Cà Tang thì thả cho họ về. Nhớ ôn tồn giải thích thật khéo, mình là quân giải phóng, không được làm gì vi phạm chính sách dân vận…
- Rõ!...

Luận chợt hiểu ra tính chất nghiêm trọng của sự việc. Anh nhao đi tập hợp đám lính trinh sát đang tỏa ra đùa nghịch như quỷ sứ, tán dóc với lính pháo thủ ở từng khẩu đội. Có 2 chiến sĩ bị cảm nhẹ, còn lại vừa khéo 10 người đi làm nhiệm vụ. Ai nấy chỉ mặc độc chiến quần xà lỏn, mang theo dây thừng, dao găm và súng ngắn, nom hung dữ chẳng khác gì thám báo ngụy. Tất cả khép thành vòng cung, tiến dần về phía mục tiêu. Cách chừng vài trăm mét, Luận đưa ống nhòm quan sát, quả có đúng 10 người như lời D trưởng. Họ đều ăn mặc theo lối dân tộc Cơ rông, một tộc người rất thiểu số ở miền tây Quảng Nam. Chẳng hiểu vì sao, đôi tay anh cứ run run rê ống kính nhìn ngắm kỹ 2 cô gái. Một cô cao to, vai bè, tướng đàn ông. Cô kia, anh nuốt nước bọt đánh ực, mắt đờ ra ngây ngất vì vẻ đẹp hoang dại. Dáng người thon, đôi vai để trần, ngực tròn căng, mắt nai ngơ ngác… Chợt cô gái phát hiện ra anh đang cầm ống nhòm, vội thét to:

- Thám báo Mẽo đấy, chạy mau!
Cả tốp người nháo nhác tản ra tứ phía, chạy thục mạng. Luận ra lệnh:
- Đuổi theo. Mỗi người nhằm một đối tượng, đừng chồng chéo nhau, làm như kế hoạch đã

bàn ở nhà.

Dứt lời, Luận chồm lên lao theo hướng cô gái. Số phận xui khiến 2 cô gái tách riêng, chạy về phia bờ suối. Anh cũng kịp nhận ra người chạy cùng hướng với mình là A phó Phát. Bất giác Luận mỉm cười hiểu ra lý do, chỉ A trưởng và A phó mới có ống nhòm, thảo nào... Anh cố hết sức chạy vượt lên để giành phần chộp lấy cô gái mắt nai. Cuộc dượt đuổi trong cơn mưa rừng quyết liệt và hung bạo như con sói đói hổng hộc chồm theo chú thỏ non ướt nhóet. Nhưng khi vồ được nàng rồi thì Luận xuống sức thở gấp. Có lẽ cả tháng trời anh đói triền miên, mỗi bữa chỉ có muôi cháo loãng và hai mẩu sắn bé như ngón chân cái làm sao vật nổi cô gái sơn cước săn chắc, lại được ăn no, ngủ kỹ. Sự thèm muốn đụng chạm với da thịt đàn bà làm anh lú lẫn, quên bẵng mình còn có dao găm, súng ngắn khống chế con mồi. Lăn lộn, cào xé nhau hồi lâu thì cô gái đoạt được dao găm, ngồi chồm hỗm lên bụng anh, quắc mắt, dí lưỡi thép vào cổ họng. Thế là tong đời một cách nhục nhã! Anh nghĩ vậy và thở dài chờ chết, nước mắt ứa ra, gọi khẽ hai tiếng mẹ ơi!... Hình như cô gái nhận ra giọng Bắc, thóang ngạc nhiên, nhưng vẫn gằn giọng hỏi:

- "Giải phóng" à?
- Ừ, giải phóng quân, quê miền Bắc.
- Sao "giải phóng" lại đi cướp hiếp đàn bà?
- Không phải đâu. Giải phóng quân đưa pháo lên núi, sắp bắn vào cứ điểm Cà Tang để giải phóng Quế Sơn.
- Thế thì sao nữa?
- Cán bộ thấy em và mấy người kia đi làm rẫy về, đứng trú mưa sát gần trận địa, sợ bị lộ bí mật quân sự nên lệnh cho bọn anh bao vây, tạm giữ đồng bào hết đêm nay, chờ đánh trận xong sẽ thả về nhà thôi.
- Thật vậy không?
- Thật mà, thám báo Mẽo hay quốc gia làm sao biết nói giọng Bắc, tin anh đi…
- Hèn gì đàn ông mà ốm nhom, vật đàn bà cũng không nổi, sức đâu mà cướp hiếp. Rõ tội nghiệp!
- Tại tụi anh đói quá, với lại đã quen ôm đàn bà vật lộn thế này bao giờ đâu.
- Hí hí… hí…, quân mình đánh lẫn quân ta, em cũng là du kích chứ bộ…

Cô gái quăng con dao găm, cười khúc khích. Tiếng cười làm nàng rung lên, mông của nàng vì thế cứ nhay đi nhay lại trên bụng chàng trai chưa từng biết đến mồ hôi đàn bà chua mặn thế nào trong đời. Thóat cơn hiểm nghèo, giờ Luận lại được đê mê vì sung sướng. Anh nhắm nghiền con mắt, tận hưởng một thứ khóai cảm kỳ diệu. Đôi bờ mông của nàng hình như cứ trôi dần, trôi dần xuống dưới. Luận mở to mắt, bàng hòang không tin được đó là sự thật. Lúc vật lộn, anh đâu ngờ miếng vải gai quấn trên ngực nàng đã bị bung ra, rơi mất, để lộ đôi bầu vú trắng nõn, cao vồng, núm vú đỏ hồng như một chấm son, phập phồng lên xuống theo nhịp thở. Chiếc váy người dân tộc thực ra cũng chỉ là tấm vải quấn quanh người che phần dưới, khép chờm hai mép vải ở đằng trước. Giờ nàng đang ngồi dạng chân trên bụng anh nên nó như được mở toang và người dân tộc đâu có biết dùng đồ lót.
Luận nhìn thấy rõ cả một vùng cấm tam giác đang mời gọi.

Bản năng giống đực làm cái của nợ trong quần xà lỏn tự do nổi loạn, bất chấp kỷ luật dân vận của D trưởng dặn dò lúc giao nhiệm vụ. Cái đầu Luận bảo đừng mà bên dưới thì … cương lên. Cô gái cũng cảm nhận được sự cương nở ấy, thóang đỏ mặt, nhưng… thích… Nàng cười rất hồn nhiên, chống hai tay lên cỏ, từ từ cúi xuống. Bốn mắt nhìn nhau đắm đuối, buông thả cho mọi sự cuồng nhiệt, đê mê diễn ra sau đó. Suốt một đêm, giữa rừng xanh kỳ bí, họ thành Êva và Adam, quấn vào nhau lăn lộn nhiều lần, quên đói, quên mệt, quên cả tiếng pháo 105 ly rầm trời bắn vào cứ điểm Cà Tang, chỉ thấy tràn trề lạc thú nơi hoang dã…

***

Cái đêm vụng về, bị động tập làm đàn ông trước giờ tiểu đòan nổ súng là những khoảnh khắc thần tiên nhất trong đời, nhưng vì hai chữ lập trường ám ảnh, buộc Luận phải cố quên nó. 33 năm thoắt qua đi, mỗi lần nhớ đến D trưởng An, nhớ đến Phát, anh phải cảm ơn số phận cho mình cái cơ hội nếu có chết như Phát cũng đã biết mùi đời. Dù đói, mệt, nhưng sức trai tuổi 20 vẫn đủ cho anh hưng phấn quá tam ba bận. Sáng dậy, biết tên cô gái là Hơ Miêng, tên một lòai hoa dại của núi rừng, anh sung sướng cắn vào đùi non của nàng, đòi thêm một lần cuối, trước lúc chia tay. Chỉ cách một bờ ruộng, anh chứng kiến thằng Phát A phó không được như vậy. Nó còn mất lập trường hơn anh, úp mặt vào chỗ ấy gào lên vì sung sướng, gọi tên các thủ trưởng xem ai sướng hơn nó. Nhưng nó vừa qua trận sốt rét còn đâu sức lực, chỉ sau một lần đã nhọc phờ, trên bảo dưới không nghe, đành bất lực làm tình bằng tay, bằng lưỡi. Khổ nỗi cô gái của nó tên Hơ Ngoan mà chẳng hiền, mỗi lần bị Phát kích động nàng lại cong người rú lên những âm thanh điên dại, rồi chồm dậy đè lên người nó, dùng cái của mình nhay đi nhay lại mãi cái của Phát đang héo rũ, không sao ngóc lên được.

Chuyện mất lập trường này chỉ hai thằng biết, sống để bụng, chết mang theo, hở ra là tong đời. Phát chết vì một mảnh bom B52, khi đơn vị rút khỏi huyện lỵ Quế Sơn, chuyển quân về Sơn Bình, gần ngã ba sông Thu Bồn và sông Trường. Tội nghiệp cho nó chết vào lúc 3 giờ sáng, chắc là đói lắm. Hồi chiều, đơn vị hết gạo, mỗi thằng chỉ được ăn nửa bát ngô bung vàng khè, hạt to và cứng như răng ngựa. May mà nó còn kịp được biết tý chút mùi đời. Phát chết rủi cho nó, nhưng cũng có phần may cho Luận vì cái tội mất lập trường kia chỉ còn là bí mật của riêng anh. Nói vậy thì đểu và bất nhẫn lắm lắm ! Song "một miệng thì kín…", cổ nhân đã dạy rồi. Phát là thằng bạn tốt nhất trần đời của Luận. Nó cùng học khoa lý, trường đại học Tổng Hợp Hà Nội với anh, cùng nhập ngũ một ngày. Trong tiểu đội trinh sát, nó luôn giành phần việc nặng, việc nguy hiểm thay cho Luận. Đi dã ngọai, kiếm được miếng ăn tươi nó luôn mang về dúi vào màn của anh. Ăn vụng lúc ngủ cũng nhục lắm, song ở đời khi người ta đói cũng có lúc đành chấp nhận. "Đồ ăn thì ít, chia ra tất cả cùng đói, chi bằng để một thằng no."- Phát thường động viên bạn như vậy. Chỉ có điều tính Phát hay lô bô ba la, hứng lên nếu nó lỡ mồm khoe với thằng nào chuyện Luận với Hơ Miêng thì còn đâu cái thành tích lập trường vững vàng bấy lâu anh khôn khéo ẩn mình, được các thủ trưởng biểu dương nhiều lần.

Nói như Bảo, cái thằng lính trinh sát nổi tiếng gan dạ, đa tài nhất tiểu đòan: "Hai tiếng lập trường nghe mơ hồ, trìu tượng và thối khắm nhất mày ạ! Nó là cái con C gì cơ chứ ? Ấy thế mà suốt cả một thời gian khổ, oanh liệt, nó bỗng thành thứ vũ khí hiểm độc để người ta vùi

dập hay tâng bốc một con người cụ thể.” Nạn nhân của hai chữ lập trường đau nhất cũng là Bảo. Chuyện xảy ra chẳng đáng gì phải kết tội, phê bình, kỷ luật, nhưng Luận ngày ấy đã không dám can đảm đứng ra bênh vực cho chiến sĩ trinh sát ưu tú của tiểu đội mình. Tháng 3 năm 1975, các khẩu đội pháo 105 ly của tiểu đoàn được lệnh bao vây, khống chế sân bay Đà Nẵng và bến cảng Tiên Sa, không cho địch rút chạy an toàn. Bảo đã gan dạ chỉ huy một nhóm bám sát mục tiêu, tính toán chính xác tọa độ, giúp các khẩu đội trưởng kết toán góc độ và hướng bắn. Lẽ ra Bảo được tuyên dương anh hùng, thưởng Huân chương chiến công, không may giữa lúc ta ăn mừng chiến thắng, anh vớ được bộ quân phục thủy quân lục chiến ngụy còn mới cứng, sẵn có máy ảnh chiến lợi phẩm, anh mặc đồ của ngụy, chụp vài pô ảnh làm kỷ niệm nên bị quy tội mất lập trường, chịu án kỷ luật khá nặng.
Vì thế, sau ngày thống nhất, Luận được giải ngũ tiếp tục vào đại học rồi đi làm nghiên cứu sinh ở Nga; còn Bảo vẫn ở lại đơn vị, tiếp tục đánh trận ở biên giới Tây- Nam. Điều làm cho Luận khổ tâm, thương bạn nhất là khi gặp lại Bảo ở chiến trường về, thấy anh bị thương đúng vào chỗ hiểm, mất khả năng làm thằng đàn ông. “Lính ta ra khỏi cuộc chống Mỹ, vấp phải lũ lính nhãi ranh 14- 15 tuổi của Khơ Me đỏ mà phải gọi chúng là bậc “Cụ” về chiến tranh du kích, mày ạ !”- Bảo ôm chầm lấy bạn chua chát nói. Anh đi trinh sát bị vướng mìn, các chuyên gia y học lão luyện ở Viện 103 cũng chỉ có thể tạo hình bằng cách nối thêm vào cái ấy của anh một mẩu nhựa, không đủ thỏa mãn đàn bà nên 3 lần cưới vợ rồi, 3 lần phải ly dị. Từ lính pháo tầm xa đầy uy lực thời chiến, nay anh thành “lính pháo phòng không” thời bình.

Đêm nay sao dài gấp nghìn lần cái đêm Luận cùng Hơ Miêng ân ái bên bờ suối. Có biết bao sự việc, gương mặt của thời máu lửa cứ ẩn hiện trong đầu anh. Cuộc gặp mặt các cựu chiến binh của trung đoàn tăng - pháo kết hợp ở quân khu V thời chống Mỹ có thể sẽ đảo lộn cuộc sống của Luận những năm tháng sau này. Bảo gặp anh không còn vồ vập, suồng sã như mọi lần. Cái nhìn của Bảo hướng vào anh như thôi miên, nhiều ẩn ý khó đóan ra được. Thường thì trong các cuộc gặp mặt, lúc họp chung, Bảo ngồi im re, chỉ hào hứng tán bậy, chửi tục văng mạng khi vào tiệc rượu. Lần này Bảo đến trễ, nồng nặc hơi men, mắt đỏ vằn, dắt theo một bé gái chừng 13- 14 tuổi. Hội trường khi ấy đang nghiêm trang phát kỷ niệm chương và cuốn lịch sử pháo binh khu V. Trên hàng ghế danh dự, Luận được ngồi chung với mấy vị tướng và các thủ trưởng cũ nay đã về hưu, vinh danh lão thành cách mạng. Bảo bước vào, nhìn xóay vào Luận vài giây rồi quay sang cháu bé giới thiệu:

- Xin các thủ trưởng cũ, mới và anh em chiến hữu nhìn cho rõ, đây vừa là cháu nội vừa là cháu ngọai của trung đoàn ta, chính xác hơn là của tiểu đoàn pháo 105 ly anh hùng.
- Nói rõ và cụ thể xen nào, Bảo ơi!- Cả hội trường nhao lên.
- Thế là đủ, cần gì phải nói rõ. Thằng nào có con có cháu thì tự biết. Đau xót là ở chỗ tôi vừa cứu cháu Hơ Linh thóat khỏi ổ mại dâm tại thị trấn Hà Lam, thủ phủ huyện Thăng Bình. Cả bố lẫn mẹ cháu đều là giọt máu thuần chủng cách mạng của lính ta gửi lại trong trận đánh Quế Sơn năm 1972. Từ Hà Lam vào khu căn cứ của trung đoàn ta chỉ có hơn 40 cây số theo quốc lộ 16E mà vợ chồng chúng nó sau 30 năm thống nhất, sống khổ như chó lợn nên cháu Hơ Linh mới ra nông nỗi này.
- Cậu lại phát biểu mất lập trường rồi! Về chỗ ngồi đi cho hội nghị tiếp tục- Một thủ trưởng cũ ôn tồn nói.

- Ơ hay!...Thế nào là lập trường hở thủ trưởng? Nó là cái Đ gì mà làm khổ tôi đến mức bây giờ cái C cũng chẳng còn để lưu truyền nòi giống tổ tiên dòng họ? Sống thật với bản năng tính người, nói ra những sự khốn nạn là mất lập trường ư ? Này Luận! Cậu đang ngồi hàng ghế danh dự vì cậu đã lên quan, làm thứ trưởng một bộ quan trọng, hãy trả lời đi.

Luận cố tránh ánh mắt nhìn như moi tim, móc óc của Bảo. Anh xúc động rưng rưng, đứng dậy, bước khỏi hàng ghế danh dự, lại gần bạn, dìu Bảo về chỗ ngồi ở cuối hội trường. Thật lòng anh không muốn về lại chỗ cũ, nhưng ngồi gần Bảo và Hơ Linh lúc này thì anh không dám. Khỏi cần Bảo giới thiệu, chỉ mới thóang nhìn cô bé bước vào hội trường, anh đã nhận ra nét quen quen. Chẳng lẽ anh đã có con gái với Hơ Miêng. Chẳng lẽ Phát và Hơ Ngoan đêm ấy chỉ đủ sức một lần hoan lạc mà lại kịp có con trai với nhau. Chẳng lẽ mới 33 năm mà số phận đã ghép con anh, con Phát thành vợ chồng, sinh ra bé Hơ Linh. Trời ơi! Thật kỳ diệu và cũng thật khủng khiếp. Liệu Bảo có nhầm lẫn không và nếu đúng thì sẽ phải xử sự ra sao đây? Luận biết, từ ngày xuất ngũ, Bảo về quê Bát Tràng mở lò gốm mỹ nghệ. Mười năm lại đây, doanh nghiệp của anh phát đạt, nổi tiếng về nhiều sản phẩm xuất khẩu. Năm nào, đến dịp 30 tháng 4, anh đều về thăm lại chiến trường xưa, tặng địa phương vài chục triệu đồng. Sao Bảo không hề kể gì với Luận về Hơ Miêng và Hơ Ngoan…
Luận tìm về Bát Tràng không làm Bảo ngạc nhiên. Anh nắm tay bạn, giọng lanh tanh:

- Về rồi hả? Tao biết sớm muộn gì mày cũng về tìm tao hỏi chuyện. Về sớm thế này là tốt. Nhưng sao lại đi xe máy, không dùng ô tô Thứ trưởng đưa vợ con mày đi cùng ? Sợ hả ?
- Không, sợ thì không, hoang mang tí chút thì có.
- Sợ vợ nổi tam bành còn có lý, chứ hoang mang vì danh dự Thứ trưởng làm cái Đ gì cho tổn thọ.
- Không… Tao chỉ liệu mày có nhầm không và cái chuyện tao với Phát làm đêm ấy mày biết từ bao giờ?
Bảo đấm nhẹ vào lưng Luận cười xả láng:
- Có thể mày không tin, nhưng tao biết tỏng mọi chuyện ngay từ đầu.
- Và mày im lặng giữ kín suốt những năm ở chiến trường ?
- Tố giác chúng mày ư, tao sẽ không bằng con chó ghẻ, bởi tao cũng thèm được như thế. Tao thấy hai thằng có ống nhòm chạy về một phía là đóan ra lý do, lính trinh sát rất nhậy cảm. Song phải làm nhiệm vụ trước đã. Tao đuổi theo một thằng thanh niên lóang cái là chộp được. Ngỡ tao là lính công hòa, tay dao, tay súng như sắp làm thịt mình, nó lạy như tế sao, thú nhận mình là du kích, khai ông ổng từng trận địa pháo để được tha mạng. Điên tiết, tao tống vào mõm nó mấy quả đấm thôi sơn, trói ghì vào gốc cây, chẳng thèm giải thích nữa. Xong xuôi, tao lộn trở lại hướng bờ suối.

Giời ơi là giời ! Nhìn chúng mày làm tình với hai em giữa nơi hoang dã tao thèm rỏ nước dãi. Người tao như phát cuồng lên. Trong đêm tối, tao tưởng tượng ra từng động tác của chúng mày và khao khát. Nhưng nếu tao xông vào sẽ làm chúng mày mất hứng, đòi mần chung thì tao hóa thành đồ xúc vật…

- Vậy mà bấy lâu tao cứ ngỡ Phát chết rồi thì chuyện này của tao cũng chôn theo nó. Mày là

ân nhân của tao, không biết lấy gì báo đáp.
- Không hẳn thế. Nếu tao tố giác, mày bị kỷ luật, có thể sẽ biên chế sang địa phương quân thì Hơ Miêng sẽ được có chồng, đâu đến nỗi khổ nhục về sau.
- Tại mày không cho tao biết sớm- Luận thở dài, mắt rớm lệ.
- Đừng quá buồn, tao cũng mới biết chuyện đời của Hơ Miêng, Hơ Ngoan thôi.
- Mày về thăm khu căn cứ thường xuyên đã 10 năm cơ mà?
- Nhưng chưa từng gặp hai nàng.
- Sao thế?
- Họ sống biệt lập trong rừng, bị tách biệt khỏi cộng đồng. Cái thằng du kích chết dấp, lạy tao như tế sao ấy từ lâu đã mê Hơ Miêng. Sau năm 1972, Quế Sơn giải phóng, nó được làm Chủ tịch xã. Biết Hơ Miêng có thai nó vẫn lẵng nhẵng chạy theo đòi cưới, bị nàng từ chối. Ăn không được thì đạp đổ, nó kết tội Hơ Miêng và Hơ Ngoan mất lập trường, ngủ với lính cộng hòa nên khai trừ khỏi Đảng và du kích, đầy họ vào sống trong rừng. Hai đứa trẻ lớn lên trong chiếc lán nhỏ bé giữa rừng, bên hai bà mẹ cô độc nên chúng thành vợ chồng rất sớm cũng là lẽ tự nhiên. Hơ Linh, cháu ngoại của mày ra đời trong hòan cảnh trớ trêu đó. Một gia đình ba đời tủi khổ vì ma ám lập trường, thì mình tao mất cái con C vì nó có là gì giữa cuộc đời này..
- Thằng Chủ tịch xã chó đểu, tao muốn băm vằm nó - Luận nghiến răng rít lên phẫn nộ.
- Thằng ấy đi tù vì tham ô đồ cứu tế đồng bào bị lũ lụt từ lâu rồi, không đợi mày phải ra tay. Giá như trước lúc ra Bắc, mày không sợ thứ ma ám lập trường, đi tìm Hơ Miêng!
- Mày bảo tao bây giờ phải làm gì?
- Cuối năm ngoái, tao vào khánh thành trường tiểu học do mình bỏ tiền tòan bộ ra giúp xã xây dựng, nghe nói có một cháu học sinh lớp 5 bỏ học, đi hoang, gia đình và nhà trường tìm kiếm gần một năm chưa thấy. Nghe chuyện về hòan cảnh Hơ Linh tao xúc động, đánh xe vào rừng tìm gặp bố mẹ nó, hóa ra số trời run rủi lại gặp cả Hơ Miêng và Hơ Ngoan. Giờ thì họ ổn rồi. Tao đã nhờ bạn bè tìm được Hơ Linh, xây một ngôi nhà 2 tầng ở thị trấn huyện làm cửa hàng cho họ kiếm sống. Mày chỉ cần đưa vợ con vào gặp họ nhận mặt con gái, con rể với cháu Hơ Linh là đủ.
- Nhưng tao muốn làm hơn thế.
- Cái đó tùy mày, nhưng đừng miễn cưỡng mà đắc tội mất "lập trường"với vợ con không biết chừng… Mày biết không, khi thằng Chủ tịch xã tuyên bố kỷ luật, hai nàng Hơ Miêng, Hơ Ngoan cùng nói: "Chúng tao theo cách mạng là thật cái bụng, đâu có lươn lẹo như mày. Chỉ có cái L của chúng tao là không biết lập trường của tổ chức tròn méo thế nào thôi. Ra tổ chức thì ra, vào rừng thì vào, chúng tao Đ sợ, chúng tao đi làm một kiếp người". Tao nghe họ kể như nghe lời một triết gia vĩ đại. Cái sự thần thánh của cuộc chiến tranh giành độc lập, sách báo viết đã nhiều, đọc lên cũng sướng cái lỗ tai. Nhưng đó là dương bản của chiến tranh, lũ nhà văn, nhà báo mặc sức tô vẽ muôn hồng nghìn tía, tao Đ cần cái dương bản ấy. Cái phầm âm bản của chiến tranh chỉ có hai màu tối sáng, những thằng lính như tao với mày gậm nhấm đến hết đời. Chuyện của mày với Hơ miêng chỉ là mảnh vụn rất nhỏ của âm bản khổng lồ mà mấy mươi năm gậm đã hết đâu… .

Nha Trang

Vương Hồng Anh

Sau khi chiếm Tuy Hòa và các quận tỉnh Phú Yên, vào rạng ngày ***2 tháng 4/1975***, Cộng quân gia tăng áp lực tại mặt trận Khánh Hòa-Ninh Thuận. Vào thời gian này, lực lượng chủ lực của quânđoàn 2 chỉ còn trông cậy vào 2 tiểu đoàn vừa tái chỉnh trang của Sư đoàn 23 Bộ binh và một 1 tiểu đoàn thuộc Sư đoàn 22 Bộ binh, 2 tiểu đoàn Biệt động quân.

Cũng như nhiều thành phố khác tại Quân khu 2, trong suốt thời gian từ cuối tháng 3 đến những ngày đầu tháng 4, Nha Trang không tránh được sự hỗn loạn, nhốn nháo. Trong ngày 2 tháng 4/1975, không có lực lượng nào có đủ sức duy trì trật tự cả an ninh trong thành phố. Theo tài liệu của Đại Tướng Cao Văn Viên thì Bộ Tư lệnh Quân đoàn 2 vẫn tiếp tục hoạt động tại Nha Trang đến hết ngày 2/4/1975. Tuy nhiên theo hồi ký của Thiếu tá Phạm Huấn, sĩ quan báo chí của Tư lệnh Quân đoàn 2, thì tối ngày1/4/1975, Tướng Phú và một số sĩ quan đã ngủ lại tại bộ chỉ huy của một tiểu đoàn Địa phương quân phòng thủ căn cứ Không quân ở Phan Rang. Trong hai ngày đầu của tháng 4/1975, trận chiến đã diễn ra tại một số nơi trong địa phận tỉnh Khánh Hòa,

- Ngày 2/4/1975, Cộng quân bắt pháo kích vào một số doanh trại quân đội gần Nha Trang. Nhận định về tình hình Nha Trang trong ngày này, Đại tướng Cao Văn Viên cho biết "do hỗn loạn, Quân đoàn 2 phải bỏ Nha Trang." Các đơn vị của Tiểu khu Lâm Đồng, Tuyên Đức rút về Phan Rang

-Cũng trong ngày 2/4/1975, theo ghi nhận của Đại tướng Cao Văn Viên, sư đoàn 7 CSBV tiếp trợ cho 2 sư đoàn F-10 CSVC, gây áp lực nặng tại phần lãnh thổ còn lại của Quân khu 2. Các đơn vị thuộc hai tiểu khu Lâm Đồng và Tuyên Đức đều triệt thoái về Phan Rang.

Ngày cuối cùng trên chiến trường của
Tư lệnh Quân đoàn 2/Quân khu 2 Phạm Văn Phú
Ngày 2 tháng 4/1975, Thiếu tướng Phạm Văn Phú, Tư lệnh Quân đoàn 2/Quân khu nhận được lệnh bàn giao phần lãnh thổ cuối cùng của Quân khu 2 cho Quân đoàn 3/Quân khu 3. Đó cũng là ngày cuối cùng củaThiếu tướng Phạm Văn Phú trên chiến trường trong chức vụ Tư lệnh Quân đoàn 2/Quân khu 2. Những giờ cuối cùng của vị tướng này tại Nha Trang và tại Phan Thiết đầy bi tráng. Trong nhật ký hành quân mang sang Mỹ được và được phổ biến trong cuốn Cuộc Triệt Thoái Cao Nguyên 1975, Thiếu tá Phạm Huấn-sĩ quan Báo chí-đã ghi lại một số sự kiện xảy ra cho vị tư lệnh Quân đoàn 2/Quân khu 2 trong hai ngày 1 và 2/4/1975 với nội dung được tóm lược như sau:

5 giờ 50 chiều ngày 1/4/1975, Thiếu tướng Phú vào bộ Tư lệnh Sư đoàn 2 Không quân ở Nha Trang, nhưng vị Tư lệnh Sư đoàn này đi vắng. Ông phải ngồi ngồi đợi, 20 phút sau thì Chuẩn Tướng Nguyễn Ngọc Oánh-chỉ huy trưởng Trung tâm Huấn luyện Không quân và Chuẩn Tướng

Nguyễn Văn Lượng, Tư lệnh Sư đoàn 2 Không quân, bước vào. Lúc bấy giờ Tướng Phú ngồi ở chiếc ghế sát bàn của Tư lệnh của Sư đoàn 2 Không quân. Tướng Lượng và Tướng Oánh thấy Tướng Phú không chào hỏi và tới ngồi ở bàn khác đối diện. Thấy thái độ và cách xử sự khác thường của vị Tư lệnh Sư đoàn 2 Không quân,một trong 2 sư đoàn Không quân thống thuộc quyền điều động của bộ tư lệnh Quânđoàn 2, Tướng Phú hơi ngạc nhiên nhưng rồi ông chợt hiểu.

Ông hỏi Chuẩn tướng Lượng:
-Có chuyện gì xảy ra?
Chuẩn tướng Lượng không trả lời, mặt lầm lì. Còn Chuẩn Tướng Oánh, với giọng từ tốn, lễ độ nói với Thiếu tướng Phú:
-Tôi muốn thưa với Thiếu Tướng tôi được chỉ định làm Tư lệnh Mặt trận Nha Trang, vì Quân đoàn 2 không còn nữa. Tướng Phú mặt biến sắc, hỏi dồn:
-Lệnh ai? Anh nhận lệnh ai?

Tướng Oánh vẫn điềm đạm, chậm rãi nói: Thưa Thiếu Tướng, lệnh của Bộ Tổng Tham mưu, của Trung tướng Đồng Văn Khuyên (Tham mưu trưởng Bộ Tổng Tham mưu) từ Sài Gòn.
Nghe Chuẩn tướng Oánh trình bày, Thiếu tướng Phú cảm thấy danh dự bị tổn thương, vì theo tổ chức quân đội, người có quyền ra lệnh cho ông là Đại Tướng Cao Văn Viên, Tổng tham mưu trưởng, còn Trung tướng Khuyên là tham mưu trưởng, không có quyền ra lệnh cho các tư lệnh Quân đoàn, về vai vế và quyền hạn thì Tư lệnh quân đoàn và Tư lệnh quân chủng chỉ xếp sau Tổng tham mưu trưởng. 18 giờ 40 TướngPhú dùng điện thoại tại văn phòng Tướng Lượng để gọi về Sài Gòn gặp Trung tướng Khuyên. Ngay từ câu đầu tiên, Thiếu tướng Phú đã hét lên trong ống liên hợp:
-Trung tướng hỏi tôi đi đâu à? Tôi bay chỉ huy.
Sau một hồi tranh cải, Thiếu tướng Phú nói lớn:
-Tôi là Tư lệnh Quân đoàn. Đi đâu, đó là quyền của tôi. Trung tướng Thuần (Chỉ huy trưởng trường Hạ sĩ quan) cùng đi trên máy bay chỉ huy của tôi mấy tiếng đồng hồ, nhưng tôi không cần Trung tướng phải tin. Và tôi cũng không phải trình Trung tướng.

19 giờ 45 phút cùng ngày, Thiếu tướng Phú ra trực thăng bay về PhanRang. Khi ông vừa ngồi lên xe Jeep để ra bãi đậu trực thăng, thì một sự việc bất ngờ xảy ra. Một xe chở đầy lính và vũ khí phóng tới, một Thiếu tá Không quân nhảy xuống nói lớn:
-Tại sao, tại sao, các ông là Tướng lại bỏ lính chạy. Ai phòng thủ căn cứ này.
Khi đó, Thiếu tá Phạm Huấn cùng đi với Thiếu tướng Phú, đã ngồi đè lên người Thiếu tướng Phú, và chĩa khẩu AR 18 về phía người sĩ quan này và nói:"Anh không được vô lễ, ông Tướng Tư lệnh Quân đoàn không có nhiệm vụ phải phòng thủ căn cứ Không quân". Cuối cùng thì mọi việc êm xuôi, Thiếu tướng Phú hiểu được sự phẫn nộ của vị sĩ quan Không quân và những người lính đi cùng.

Quân đoàn 2 bàn giao phần lãnh thổ còn lại cho Quân đoàn 3.
Đêm 1 tháng 4/1975, Thiếu tướng Phú nằm dưới chân núi, trên một cái giường bố, tại ban chỉ huy của một tiểu đoàn Địa phương quân Ninh Thuận, phòng thủ căn cứ Phan Rang. 1 giờ 45

trưa ngày 2 tháng1/1975, Tướng Phú bay đến ngọn đồi "Lầu Ông Hoàng" ở Phan Thiết chờ Thiếu Tướng Nguyễn Văn Hiếu, Tư lệnh phó Quân đoàn 3, để thảo luận về việc bàn giao phần lãnh thổ còn lại của Quân đoàn 2 &Quân khu 2 được lệnh sát nhập vào Quân đoàn 3. Theo kế hoạch,Quân đoàn 3 chính thức phụ trách tuyến Ninh Thuận-Bình Thuận từngày 3/4/1975. Vào giờ này, Bộ Tham mưu của Tướng Phú chỉ còn lại Thiếu tá Vinh, chánh văn phòng; Thiếu tá Hóa tùy viên, Thiếu tá Huấn, sĩ quan báo chí và Đại tá Lê Hữu Đức, Quyền Tư lệnh Sư đoàn 23BB.

Đúng 2 giờ 12 phút chiều cùng ngày, Thiếu tá Hóa trình với Thiếu tướng Phú là trực thăng của Thiếu tướng Hiếu sắp đáp xuống. Khi Thiếu tá Hóa vừa quay gót, Thiếu tướng Phú rút khẩu súng ngắn ra khỏi vỏ, nhưng tiếng hét thất thanh của Đại tá Đức vang lên: "ThiếuTướng!", ngay sau đó, khẩu súng trên tay Tướng Phú bị đại tá Đức gạt bắn xuống đất. Tướng Phú không chết trong ngày 2 tháng4/1975.

Cuộc hội ngộ cuối cùng của hai vị Tư lệnh Quân đoàn

Cũng theo nhật ký của Thiếu tá Huấn, trước đó vào 5 giờ chiều ngày 30 tháng 3/1975, Tướng Phú đã bay ra Cam Ranh, để cùng với Phó Đề đốc Hoàng Cơ Minh, Tư lệnh Hải quân Vùng hai duyên hải, đi trên một soái hạm chỉ huy ra vùng biển ngoài Cam Ranh để đónTrung tướng Trưởng đang bị bệnh nằm trên tàu HQ 404 từ Cam Ranhvào. Trên tàu lúc này có rất đông chiến binh Thủy quân Lục chiến từ Quân khu 1 vào. Tướng Phú và Phó Đề đốc Minh phải khó lắm mới lách xuống được chỗ Trung tướng Trưởng nằm dưỡng bệnh. Theo ghi nhận của Thiếu tá Phạm Huấn, có mặt vào giờ phút đó, thì lúc này Trung tướngTrưởng thở thoi thóp nhờ bình nước biển. Quanh Trung tướng Trưởng co Chuẩn Tướng Nguyễn Đức Khánh, Tư lệnh Sư đoàn 1 Không quân (ĐàNẵng), Đại tá Nguyễn Hữu Duệ, Tỉnh trưởng Thừa Thiên. Thiếu tướng Phú ghé sát tai Trung tướng Trưởng hỏi hai lần, nhưng sắc diện Trung tướng Trưởng không thay đổi. Nhưng rồi có một giây Tướng Trưởng ngước nhìn lên. Đôi mắt như muốn bật máu vì uất ức. Chi tiết về cuộc gặp gở này cũng đã được Hải quân Trung tá Nguyễn Đại Nhơn, hạm trưởng HQ404 kể lại trong một bài viết phổ biến vào năm 1995.

Theo lời của Trung tá Nguyễn Đại Nhơn, Hạm trưởng HQ 404, tối ngày 1/4/1975, Tướng Phú đã đi tàu nhỏ cập vào chiến hạm để lên tàu thăm và nói chuyện với Tướng Trưởng. Tình cờ khi vào phòng lấy hồ sơ, Trung tá Nhơn đã nghe câu nói của Thiếu tướng Phú: "Dù sao đi nữa tôi cũng còn vài tiểu khu ở đây với tôi chiến đấu". Cũng cần ghi nhận rằng Tướng Phú đã có một thời gian làm việc chung với Tướng Trưởng: năm 1967, khi còn là đại tá, ông là Tư lệnh phó Sư đoàn 1 Bộ binh do Tướng Trưởng làm tư lệnh; năm 1972, khi Tướng Trưởng là Tư lệnh Quân đoàn 1 thì Tướng Phú là Tư lệnh Sư đoàn 1 thuộc Quânđoàn này. Cuộc gặp gỡ của hai vị tư lệnh Quân đoàn diễn ra đúng10 phút. Sau đó, Thiếu tướng Phú đứng nghiêm chào từ biệt Trung tướng Trưởng. Rồi ông bước nhanh ra khỏi căn phòng nhỏ của chiến hạm, những sự kiện bi tráng chờ đợi ông, người hùng Điện Biên Phủ năm nào, 28 ngày sau ông đã tự sát tại Sài Gòn.

Người Bán Sách Trên Bãi Biển Nha Trang

Phạm Tín An Ninh

Tôi trở về thăm quê hương sau hơn mười lăm năm, kể từ ngày vượt biển ra đi. Tôi quyết định điều này qua bao nhiêu đêm ưu tư trằn trọc. Tôi chẳng còn ai thân quen bên ấy để về thăm. Mẹ tôi mất hồi tôi mới lên năm. Cha tôi chết cuối năm 1977 trong trại tù cải tạo Đá Bàn, khi tôi đang ở một trại tù khác tận núi rừng Việt Bắc và mãi năm năm sau tôi mới nhận được tin buồn. Đứa em gái mà tôi thương quí nhất, mang hình ảnh của người mẹ mà tôi chỉ còn mơ hồ trong ký ức, cũng đã kết liễu cuộc đời ở cái tuổi tưởng chừng lúc nào cũng có cả một bầu trời xanh bao la trước mặt. Còn bạn bè tôi, thằng chết, đứa ra đi, gởi thân khắp bốn phương trời. Biết là lần trở về này, rồi cũng chẳng khác gì cái ngày cách đây mười sáu năm, từ một trại tù miền Bắc trở về, tôi bơ vơ lạc lõng trên chính nơi chôn nhau cắt rốn của mình. Tôi cũng không có ý định về đây để tìm lại những kỷ niệm ngày xưa. Những "hang động tuổi thơ"chắc cũng đã biến mất trước bao nhiêu giông tố năm nào bất ngờ ụp xuống. Bây giờ chỉ còn sót lại chút ít trong lòng những người tha phương lưu lạc. Bản thân tôi có quá nhiều đớn đau và mất mát ngay trên chính cái thành phố một thời xinh đẹp này. Tôi sợ phải nhìn lại cái quá khứ hãi hùng và tang thương đó. Tôi về chỉ để làm một điều, mà nếu không làm được, lòng tôi sẽ ray rứt khôn nguôi. Có lẽ đến khi chết tôi vẫn không làm sao nhắm mắt.

Tôi về để tìm lại phần mộ của cha và em tôi, cải táng đem về an táng bên cạnh phần mộ của mẹ tôi trong nghĩa trang gia tộc ở quê tôi ngoài Vạn Giã. Cha tôi được chôn cất sơ sài trên núi Đá Bàn, bên ngoài một trại tù cải tạo lúc xưa. Còn em gái tôi, được gia đình một cô bạn thân chôn cất tại một nghĩa trang ngoài Đồng Đế. Khó khăn và may mắn lắm tôi mới tìm được tin tức về mộ phần của cha và em tôi sau hơn hai mươi năm. Nhờ một người bạn cùng tù với cha tôi, chính tay ông đã đào huyệt cho cha tôi; và gia đình cô bạn thân của em gái tôi, hiện định cư tận bên Hòa Lan, cung cấp chi tiết và vẻ cả bản đồ hướng dẫn cho tôi.
Cuối cùng thì tâm nguyện của tôi cũng hoàn thành được một nửa. Tôi dễ dàng tìm ra phần mộ của cha tôi. Bà con ở vùng kinh tế mới này đa số là lính và công chức. Biết đây là mộ của những người tù cải tạo, nên họ thương mà rào lại và giữ gìn. Những dịp cuối năm họ đều thắp hương, tảo mộ và kẻ lại tên trên những tấm bia bằng gỗ, dù đã rong rêu qua bao nhiêu mùa mưa nắng. Riêng phần mộ của em tôi, mò mẫm suốt cả hai tuần tôi vẫn tìm không ra. Tôi bắt chước người xưa khấn vái, xin hồn thiêng em tôi về chỉ cho tôi ngôi mộ của em nằm. Nhưng lời vái của tôi vẫn không thiêng. Tôi thuê người cải táng phần mộ của cha tôi. Đưa hài cốt của cha tôi về an táng bên cạnh mẹ tôi, trong nghĩa trang gia tộc, thuê thợ xây lại tất cả những ngôi mộ đã bao nhiêu năm không có ai chăm sóc.

Còn một ngày nữa là hết hạn visa. Tôi muốn đi một vòng, tìm lại chút gì của Nha-Trang xưa. Tôi thuê một chiếc xích lô chạy dọc theo con đường Duy-Tân cũ. Vừa để cho mát, vừa muốn tìm lại những lùm cây dương ngày trước, thuở chúng tôi và bạn bè hẹn hò sau những lúc tan trường. Tôi bảo anh phu xe cho tôi xuống trường Võ-Tánh. Anh phu xe còn trẻ, thắng xe lại, ngạc nhiên. Tôi hiểu, nên tôi bảo tôi sẽ chỉ đường, anh cứ theo tôi. Ngôi trường cũ, nơi tôi có biết bao kỷ niệm của ba năm theo học, bây giờ không những cái tên trường, mà tất cả đều trở

thành xa lạ. Những hàng cây phía trước không còn. Ngôi trường đứng chơ vơ, chẳng còn sót lại chút gì thơ mộng, gây trong tôi một cảm xúc bẽ bàng hơn là thương tiếc. Bất giác tôi nhớ đến em tôi xinh đẹp dễ thương, đã cho tôi cái ấm áp của cả một gia đình, trong những ngày chúng tôi lớn lên không có mẹ. Em học bên trường Nữ Trung Học, nhưng thường đến đây chờ tôi để hai anh em cùng ra biển. Em tôi thích tắm biển, nhưng ngại đến đó một mình nên thường rũ tôi đi theo. Tôi đi bộ dọc theo bãi biển, tìm đến khu có nhiều cây dừa trước trường Bá-Ninh lúc trước, nơi ngày xưa em tôi thường ngồi ở đó.

Tôi đưa mắt nhìn một vòng từ xa. Nơi bậc xi măng tiếp giáp bãi cát, một người tàn tật đang khó nhọc dùng cánh tay duy nhất còn lại giữ thăng bằng trườn xuống. Trông anh ta giống như một con cóc. Len lỏi trong đám người đi tắm, anh hướng về phía tôi ngồi. Lưng anh mang túi vải chứa đầy sách, và kéo lê trên cát một cái túi vải nữa, cũng toàn là sách. Anh lê lết từng quãng, từng quãng ngắn. Bất ngờ anh ta ngước lên. Thấy tôi gật đầu chào, anh ta nhìn tôi cười, để lộ hàm răng trắng. Anh dùng bàn tay duy nhất lôi một cuốn sách trong túi vải đang nằm trên mặt cát và từ từ mở ra. Tôi liếc qua. Cuốn sách có cái tựa viết bằng tiếng Anh, nói về chuyện chuyến tàu Titanic. Tôi nhớ đến cuốn phim cùng tên, mới quảng cáo rầm rộ trên truyền hình Nauy mà tôi chưa kịp đi xem. Bỗng tôi tròn mắt ngạc nhiên khi nghe anh mở lời chào và giới thiệu cuốn sách bằng tiếng Anh mà anh phát âm rất lưu loát, không thua kém gì những người Việt đã sinh sống lâu năm ở nước ngoài. Anh lầm tưởng tôi là người Nhật hay Đại Hàn gì đó. Tôi thán phục anh vô cùng và bảo với anh tôi là người Việt, định cư ở Nauy, nên trình độ tiếng Anh của tôi chỉ vừa đủ nói dăm ba câu xã giao, chứ làm gì có thể thưởng thức được văn chương. Tôi cám ơn anh và móc ví ra định biếu anh một chút tiền, nhưng anh vội đưa tay ngăn lại
- Cám ơn anh, nhưng xin anh để dành tiền cho những người còn nghèo khổ hơn tôi.
Anh nhỏ nhẹ bằng một giọng thân thiện và lễ độ.
Tôi đành mua một cuốn sách để anh vui lòng nhận tiền, nhưng rồi thấy anh cứ loay hoay moi hết túi nọ đến túi kia, để tìm đủ tiền thối lại cho tôi. Tôi muốn hỏi thăm anh vài câu, nhưng anh đã nhoẻn miệng cười và gật đầu chào tôi rồi vội vàng lết sang mấy người khách nước ngoài đang nằm phơi nắng trên hàng ghế phía trước.
Từ hôm ấy, hình ảnh người tàn tật bán sách trên bãi biển Nha-Trang cứ lẩn quẩn trong đầu và theo tôi về tới Nauy; để rồi nếu có ai đó lỡ lời nói điều gì không mấy tốt về những người nghèo khổ ở Việt nam, tôi có cảm tưởng như đang xúc phạm đến anh, người bán sách khả kính mà tôi bất ngờ được gặp.

Năm sau, tôi lấy một tháng hè về lại Việt nam. Lần này tôi mua vé và nhờ cha cô bạn của em tôi, từ Hòa Lan, cùng về với tôi. Ông là người đã giúp chôn cất em tôi ngày trước. Tôi không ngờ là mình phải về lại Việt nam lần thứ hai. Một điều mà trước đây tôi không hề nghĩ tới.. Nhưng tôi phải làm tròn bổn phận của người anh với cô em gái, mà nếu trước kia tôi lo lắng cho nó chu đáo hơn, biết đâu bây giờ nó còn sống để cho tôi khỏi cảnh côi cút một mình.
Sau một chuyến bay dài, tôi mệt đừ người. Sau khi thuê khách sạn xong, tôi chạy ngay ra biển tắm. Nằm dài trên bãi cát, tôi bỗng nhớ tới người bán sách năm xưa. Bỗng mắt tôi sáng lên khi nhìn thấy người tàn tật đang lê lết theo sau. Cũng hai cái túi vải đựng sách. Tôi đến gần hỏi thăm. Nhưng chưa hỏi hết câu hắn đã "Đ.m. Chết mẹ nó rồi.." Chỉ nghe cái giọng lỗ mãng

của hắn, tôi đủ biết chắc hắn ta không phải là anh – người tàn tật bán sách mà năm trước tôi đã gặp -. Tôi theo người bán sách này với ý định hỏi thăm thêm về anh cho ra lẽ, nhưng thấy hắn ta chẳng mấy tha thiết. Hắn di chuyển chậm, nhưng mắt hắn lại quan sát thật nhanh về những đám người đang xuống bãi ở quãng xa. Và khi đi ngang qua chỗ ngồi của người đàn bà bán cua luột, hắn hất hàm bảo: " Đó, vợ khứa đó ! "
Tôi liền chụp ngay cơ hội, hy vọng tìm ra manh mối. Nhưng khi tôi lân la lại gần, thấy chị bán cua luột này có vẻ nghiêm trang khác với những người bán hàng rong bình thường, tôi không biết phải bắt đầu làm sao. Tôi mua hết con cua này tới con cua khác mà chẳng ăn con nào. Và cứ mỗi lần chị định quảy gánh đi chỗ khác, tôi gọi giật lại mua thêm một con nữa để giữ chân chị. Vừa lúc chị nhận ra người khách mua cua này cũng có gì khác thường, tôi buột miệng : "Chị là vợ của người tàn tật bán sách trên bãi biển này mấy năm trước ?". Chị ngớ người ra, im lặng nhìn tôi. Có lẽ thấy tôi là một người xa lạ sao lại tò mò vào một chuyện riêng tư. Tôi kể cho chị nghe cái cảm tình đặc biệt mà tôi đã dành cho anh ấy. Tôi muốn tìm cách giúp anh một phần nào nỗi thống khổ tật nguyền. Tôi tha thiết muốn biết về anh. Dường như những lời chân thật của tôi làm cho chị xúc động. Chị nhìn tôi, đôi mắt thật buồn :
- Em không phải là vợ của anh ấy. Tụi em cùng cảnh khổ nên đùm bọc lấy nhau mà sống. Một số người đùa, tụi em rồi quen gọi thế thôi, anh ạ. Anh ấy đã chết cách nay hơn tám tháng. Em đã lo chôn cất anh ấy.
Lòng tôi thắt lại, một phần vì cảm thương anh trong cảnh khốn cùng, một phần ân hận là giá năm trước mình tìm cách giúp đỡ anh, biết đâu đã cứu được anh. Tôi có ý muốn nhờ chị đưa tôi ra mộ để thắp cho anh nén hương. Chị ngại ngùng nhưng cuối cùng gật đầu hẹn bốn giờ chiều chờ tôi trước khách sạn tôi ở.

Tôi thuê chiếc taxi, và xin phép cùng ngồi với chị ở băng ghế sau để dễ dàng trò chuyện. Trên đường ra nghĩa trang, chị tâm tình cùng tôi, chị tên Trang. Cha chị trước kia là một trung sĩ địa phương quân, bị thương năm 1968, trong trận tết Mậu Thân, nên được giải ngũ. Mẹ chị mất từ khi chị còn bé lắm. Cha chị không chịu tục huyền mà ở vậy nuôi đứa con độc nhất của mình. Nhờ số tiền trợ cấp ban đầu, ông mua được một căn nhà tôn trong khu dành cho thương phế binh, nằm phía sau ga xe lửa. Ông xin được cái chân bán vé cho hãng xe đò Phi Long ở bến xe Xóm Mới. Lương ba cọc ba đồng cộng với tiền hưu bỗng hàng tháng, ông dành dụm cố lo lắng cho cô con gái học hành. Năm 1974, xong lớp 12, chị thi đậu vào trường sư phạm. Sau ngày Nha-Trang "giải phóng", chị bị loại ra bởi lý lịch "ngụy quân" của cha. Lúc này, gia đình trở nên bi đát. Cha chị, tất nhiên, không còn được lãnh tiền hưu bỗng ngày trước, chị không tìm ra bất cứ việc gì làm. Cuối cùng cha chị đành phải bán một nửa căn nhà vốn đã chật chội để mua một chiếc xích lô làm phương tiện sinh nhai. Còn chị thì đi bán hàng rong từ dạo ấy.
- Đến bây giờ ông cụ vẫn còn đạp xích lô ? Tôi tò mò hỏi.
- Ông mất lâu rồi anh ạ. Tội nghiệp, ông thương anh Bá lắm, xem anh ấy như con.
Tôi ngạc nhiên :
- Anh Bá nào ?
- Người tàn tật bán sách đó.
Đến bây giờ tôi mới biết tên của anh.

Chị cho biết anh Bá ngày xưa là trung úy phi công. Máy bay của anh bị bắn rơi vào những ngày Sài gòn nguy khốn, khi yểm trơ cho mặt trận Long Khánh của Sư Đoàn Tướng Đảo. Anh được anh em bộ binh tiếp cứu, nhưng anh bị thương rất nặng, phải đưa về tổng y viện Cộng Hòa. Sau cuộc giải phẫu khá dài, anh tỉnh lại. Nhưng khi biết được mình bị mất hai chân và một cánh tay, anh ngất xỉu và hôn mê suốt cả một tuần. Ngay sau khi Sài gòn vừa "giải phóng", anh bị đuổi ra khỏi Tổng Y Viện Cộng Hòa khi vết thương chưa lành. Gần hai tháng sau cha em gặp anh ấy trên bến xe Xóm Mới. Biết được phần nào hoàn cảnh thương tâm, cha em lấy xích lô chở anh về nhà chăm sóc vết thương và anh sống với cha con em từ dạo ấy.
- Anh ấy không có thân nhân. Tôi hỏi
- Anh có một cô em gái ở đây, nhưng mà chết lâu rồi. Ban đầu không nghe anh nói điều này. Mãi sau này thấy trên đầu giường của anh có thờ tấm ảnh của một cô con gái và có nhiều đêm rất khuya anh ngồi bất động trước tấm ảnh, cha em hỏi mấy lần, anh mới bảo đó là cô em gái duy nhất của anh.
- Anh không còn bạn bè ?
- Nghe nói anh đang học một khóa phi hành ở đâu bên Mỹ, nhờ có anh ngữ khá, anh được lưu lại Mỹ làm sĩ quan liên lạc không quân. Nghe tin miền Nam nguy khốn, anh tình nguyện xin về chiến đấu. Vừa về nước, anh ra chiến trường ngay và bị nạn khi đang bay phi vụ thứ hai. Có lẽ vì vậy mà không nghe anh nhắc tới bạn bè.

Xe dừng lại, tôi bước xuống trả tiền và bảo anh tài xế chờ tôi hoặc có thể quay lại sau 30 phút. Tôi bước vào nghĩa trang khi lòng còn vương vấn một câu chuyện buồn. Tiếng chuông nhà thờ từ đâu vọng lại càng làm cho lòng tôi chùn xuống. Đi quanh co một lúc, chị Trang bảo tôi dừng lại và chỉ cho tôi ngôi mộ của anh Bá, nằm bên cạnh ngôi mộ của cô em gái. Cả hai ngôi mộ được xây bằng đá đơn giản, trên tấm bia có cả tấm ảnh
. Tôi ngạc nhiên khi thấy trên mộ bia anh Bá có hình một thập tự giá, vì đây là nghĩa trang Phật giáo. Tôi đến trước mộ anh, thắp ba nén hương thâm khấn vái cho anh được sống an bình trong một thế giới chẳng còn thù hận, và nói lên lòng cảm mến của một người đồng đội cũ. Tôi nhìn kỹ tấm ảnh của anh trên mộ bia, tấm ảnh chụp lúc anh còn là sinh viên sĩ quan không quân, phong độ, hào hùng. Trông khuôn mặt quen quen. Có lẽ do bộ quân phục làm tôi nhớ tới khuôn mặt của những bạn bè ngày trước.
Tôi bước sang mộ cô em gái, thắp ba nén hương cho một người không hề quen biết. Tôi tò mò bước lên xem tấm ảnh trên mộ bia. Bỗng đầu óc tôi choáng váng, mắt tôi mờ đi như chẳng còn trông thấy những gì trước mặt. Trời ơi, có điều gì lầm lẫn hay không ? Người trong tấm ảnh chính là An Bình, cô em gái yêu dấu của tôi.
Tôi cố gắng lấy lại bình tĩnh, mở đôi mắt thật to để nhìn kỷ lại tấm ảnh. Không thể lầm lẫn được. Chính tấm ảnh của em tôi mà tôi vẫn treo trên bàn thờ cùng với ảnh của cha và mẹ của tôi. Tôi vẫn thường đứng hằng giờ trước những tấm ảnh này mỗi khi thấy mình quá đỗi cô đơn trên xứ lạ quê người. Làm sao tôi có thể nhầm lẫn được. Bỗng dưng tôi khóc sụt sùi.
Trang nhìn tôi ngạc nhiên :
- Anh có quen biết em gái anh Bá ?

Tôi im lặng không trả lời, bảo chị cùng đi với tôi. Chiếc taxi vẫn còn đợi tôi tự nãy giờ. Tôi móc bóp tìm địa chỉ của cha cô bạn thân của em tôi, đã từ Hòa Lan về đây trước tôi hai ngày, và chúng tôi hẹn gặp nhau ngày mai. Bác trọ ở nhà một người em trong khu cầu Xóm Bóng. Tôi đưa địa chỉ cho anh tài xế. Chỉ hơn năm phút sau là anh ta đã tìm được. May mắn là bác có ở nhà. Tôi xin lỗi bác là đã đến tìm bác sớm hơn ngày hẹn. Báo cho bác là tôi đã bất ngờ tìm được mộ của em tôi. Xin bác cùng đi với tôi ra nghĩa trang để xác nhận lại vị trí ngôi mộ của em tôi mà ngày trước bác đã có lòng chôn cất hộ.
Trở lại nghĩa trang, tôi đề nghị bác dẫn đường, như muốn để xác minh chắc chắn là bác biết rõ ngôi mộ ấy. Bác mò mẫm gần 30 phút mới tìm được ngôi mộ của em tôi. Bác ngạc nhiên là ngày ấy bác chỉ kịp dựng một tấm bia, chứ không có xây mộ đá như bây giờ, và trên bia cũng chỉ có tên chứ không có hình ảnh của em tôi.

Tự nãy giờ Trang vẫn còn ngạc nhiên, không biết rõ việc gì. Tại sao cô gái này là em gái duy nhất của anh Bá mà cùng là em gái của tôi ? Tôi xin lỗi vì xúc động quá, tôi sẽ kể cho Trang nghe trên đuòng về nhà.
Tôi đưa cha cô bạn của em tôi về lại nhà trọ, cám ơn bác và hẹn gặp lại bác vài hôm sau. Trên đường về, tôi kể lại cho Trang nghe về hoàn cảnh của gia đình tôi. Tôi đi lính xa nhà, mỗi năm chỉ về phép một đôi lần.
An Bình, đứa em gái duy nhất của tôi ở Nha-Trang với cha tôi. Ông là một thầy giáo, ngày xưa dạy ở trường Pháp-Việt lúc tôi mới lên ba. Sau ngày về hưu ông được bà con mời làm chủ tịch hội đồng xã. Ông bị bắt vào trại cải tạo Đá Bàn sau ngày Nha-Trang ”giải phóng”, rồi vì tuổi già sức yếu, không chịu nổi sự tra tấn, ông đã chết gần một năm sau đó. Em gái tôi nối nghiệp cha, sau khi tốt nghiệp ở trường sư phạm Qui Nhơn, vì hoàn cảnh gia đình, được về dạy ở Nha trang. Có lần tôi về phép, em kể cho tôi nghe về mối tình của em với một chàng sinh viên sĩ quan không quân. Em có đưa cả tấm ảnh cho tôi xem và hẹn sẽ giới thiệu với tôi khi chàng ta ở Mỹ trở về. Em lo lắng vì anh là người Bắc di cư, công giáo, không hiểu có khó khăn gì cho cuộc hôn nhân. Tôi bảo nó yên tâm, ba tôi theo tây học, nên ông quan niệm về tôn giáo rộng rãi lắm.

Sau khi cha tôi vào trại cải tạo, căn nhà của chúng tôi bị chính quyền mới tịch thu để làm hợp tác xã mua bán. Em tôi không được tiếp tục dạy học nữa nên ra Xóm Bóng ở chung với cô bạn học nối khố tự ngày xưa, chắt chiu số tiền còn dành dụm được để thăm nuôi cha tôi. Ngay sau ngày Sài-gòn mất, em có vào tìm thăm tôi và người yêu của cô. Hơn hai tuần đi thăm hỏi khắp nơi, em tôi về nằm khóc cả mấy ngày liền, nói với tôi là người yêu của nó đã chết mất xác ở chiến trường Long-Khánh. Tôi an ủi em tôi, bảo nó về Nha-Trang cố gắng thay tôi lo lắng cho cha, chờ ngày cha và tôi trở về sum họp. Tôi vào tù hơn sáu tháng, hai lần được phép gởi thư về nhà, vẫn không thấy em gái hồi âm. Cho mãi trước khi được chuyển ra Bắc, tôi mới nhận được thư của cô bạn thân của nó, báo tin là nó không kiếm được việc gì làm, túng quẫn, buồn chán, nên đã uống nguyên một ống thuốc ngủ. Gia đình cô chở vào bệnh viện, nhưng không cứu được.

Chị Trang suy nghĩ miên man và như chợt nhớ ra được điều gì. Chị bảo khi còn sống, anh Bá không đi làm vào ngày chủ nhật. Anh đi lễ nhà thờ rồi ra mộ suốt cả ngày. Chính anh đã dành

dùm tiền bạc thuê người xây lại ngôi mộ và mua phần đất dành cho mình. Khi chôn cất anh xong, chị tìm thấy một tập nhật ký dấu kỹ dưới đầu giường. Chị vẫn còn để trên bàn thờ, chờ ngày giáp năm thì đốt luôn. Chị bảo tôi cùng về nhà với chị, để chị trao lại cuốn nhật ký, kỷ vật duy nhất của một người cùng sống chung trong cảnh khốn cùng với cha con chị trong gần ba mươi năm, và bây giờ mới biết đó là người yêu của cô em gái thương quí của tôi.
Chị bảo taxi dừng lại trước một ngõ tắt phía sau ga xe lửa. Tôi trả tiền, theo chị băng qua hai con đường sắt, đi quanh co theo mấy con hẻm thì đến nhà. Tôi xin phép thắp hương trước bàn thờ của ba chị và Bá, trên một cái kệ nhỏ bằng gỗ treo trên vách. Tôi khẩn khoản xin chị nhận một số tiền để chăm sóc ngôi mộ của ông cụ, em gái tôi và Bá, một ít làm vốn buôn bán để đỡ vất vả hơn xưa. Tôi xin nhận Trang là cô em kết nghĩa và từ nay Trang là ngưỡi thân quen duy nhất của tôi còn lại ở Nha-Trang. Chia tay, tôi đi bộ về khách sạn, cầm theo cuốn nhật ký trên tay, mà cứ tưởng như mình vừa nhận một món quà quí giá của người thân gởi về từ một cõi nào đó thật xa xăm.
Ngày 2/5
Vết thương còn đau đớn và máu còn thấm đỏ qua mấy lớp băng, vậy mà mình bị người ta đuổi ra khỏi Tổng Y Viện Cộng Hòa, trong hoàn cảnh tứ cố vô thân. May mắn nhờ một ân nhân nghèo nhưng lại giàu lòng bác ái, đùm bọc, nuôi nấng và chăm sóc vết thương.
Nhiều lần, trong vực sâu tuyệt vọng, mình không muốn sống thêm một ngày nào nữa, nhưng lòng mình lúc nào cũng hướng về chúa Kitô, và xin phó thác tất cả ở nơi Ngài.
…….
Ngày 20.6
Cuối cùng, thì mình quyết định trở về Nha-trang, bởi lẽ mình không còn có một chỗ nào khác để trở về. Mình về đây để tìm lại những kỷ niệm đẹp đẽ nhất của đời mình, của những ngày mình còn có An-Bình. Từ ngày gặp An-Bình, mình nghĩ là mình đã thuộc về Nha-Trang, miền thùy dương rạt rào thơ mộng này. Đau đớn thay, hôm nay mình chẳng phải là mình ngày trước, mà chỉ là một kẻ tật nguyền thê thảm. Mình sẽ không bao giờ gặp lại An-Bình, mà chỉ mong về đây để được sống với hình ảnh của nàng
Ngày 08/7
Ngày hôm nay có lẽ là ngày đau đớn nhất trong đời mình. Đau đớn hơn cả cái ngày mình tỉnh dậy trong quân y viện và biết mình trở thành một người tàn phế. Mình lê lết khắp nơi hỏi thăm tin tức An-Bình, được biết là em đã quyên sinh. An-Bình ơi, xin em hãy tha thứ cho anh. Trong vận cùng của một đất nước mà anh chỉ là một thằng lính hèn mọn nhỏ nhoi, làm sao có thể giữ được bầu trời Nha-Trang này cho em, và cho những kỷ niệm của chúng mình..
Một hồi chuông nhà thờ làm tôi giật mình. Ngẫng đầu lên mới biết mình đang đừng trước nhà thờ đá. Tôi thẩn thờ bước lên những bậc "tam cấp", đến trước tượng Đức Mẹ. Tôi là người ngoại đạo, không biết phải cầu nguyện như thế nào. Tôi chấp hai tay trước ngực, kính cẩn xin Thiên Chúa Từ Bi và Đức Mẹ Maria cứu vớt linh hồn của hai người hoạn nạn và xin cho họ được cùng phục sinh với Chúa để tình yêu của họ mãi mãi vĩnh hằng trong một thế giới bình an, không còn có hận thù.
Tôi không còn ý định dời ngôi mộ em tôi về bên cạnh cha mẹ tôi. Tôi về quê, quỳ trước mộ cha mẹ tôi để xin phép được xây lại hai ngôi mộ của em tôi và Bá chung trong một vòng thành. Không ai có quyền chia rẽ họ thêm một lần nữa, dù bây giờ chỉ còn là một thế giới vô hình.

15 Ngày Tử Thủ Phan Rang

Phạm Ngọc Sang

Nhớ lại suốt hạ tuần tháng 3 năm 1975, sau khi có lệnh bỏ Huế và Đà Nẵng, các đơn vị ta cứ lần lượt tháo lui, làm các tỉnh thành, quận lỵ phải rút theo, tạo ra cảnh đỗ vở tan thương cho không biết nhiêu gia đình quân nhân cũng như dân chính. Tốc độ rút lui nhanh hơn tốc độ truy đuổi. Các đơn vị VC đến tiếp thu, không bị đánh chận, nên cứ ung dung tiến văo thành phố đê bị bỏ ngỏ.

I. HÌNH THÀNH TUYẾN PHÒNG THỦ

Kể từ ngày ***1/4/1975***, sau khi Nha Trang bỏ ngỏ, căn cứ Phan Rang đương nhiên trở thành căn cứ tiền tuyến của Miền Nam. Buổi tối cùng ngày, Trung tá Lê Văn Phát, Lử đoàn trưởng Lử Đoàn 3 Dù cùng Bộ chỉ huy Lữ đoàn và một phần của Tiểu đoàn 5, trên đường rút từ Khánh Dương xin vào để chờ phi cơ về Saigon. Căn cứ tôi lúc bấy giờ rất là trống trải, vì một số lớn quân nhân Địa Phương Quân canh gác vòng đai đã bỏ nhiệm vụ. Trong căn cứ, một số quân nhân trẻ nổ súng loạn xạ vì lo sợ vu vơ. Ngoài thị xả, Tỉnh trưởng đã rời nhiệm sở, dân chúng thì ngơ ngác, phân vân. Trên quốc lộ 1 và 11 hướng về Saigon, từng đoàn xe dân sự và quân sự chật nứt người rầm rộ tiếp nối nhau chạy giặc. Tệ hại hơn nửa là Đà Lạt cũng bỏ chạy, và đoàn xe của Trường Võ Bị Đà Lạt đang theo Quốc lộ 11 trên đường đi Bình Tuy cũng vừa chạy ngang căn cứ. Lúc nầy thực sự, căn cứ tôi đang trở thành tiền đồn và đang ở trong tình trạng hết sức cô đơn.

Chuẩn bị tìm phương kế giữ an toàn, tôi chỉ thị hạn chế sự ra vào căn cứ để tránh xáo trộn do toán người tháo chạy mang đến. Vì vậy nên khi nghe có đơn vị Dù xin vào căn cứ, tôi liền hỏi xin lệnh Bộ Tư Lệnh KQ. Được biết đó là do Bộ Tư Lệnh Dù yêu cầu để Lử đoăn III được văo căn cứ như đơn vị tăng phái phối hợp phòng thủ, tôi mới thuận cho đoàn quân của Trung tá Phát vào phi trường. Thật là đúng lúc có thêm người để giử an toàn cho căn cứ hiện trong tình trạng bỏ ngỏ. Tôi phối họp ngay với Trung tá Phát để phối trí việc phòng thủ căn cứ với Không đoàn Yểm Cứ của Trung tá Phạm Bá Mạo. Tôi chỉ thị Trung tá Diệp ngọc Châu Phụ tá Nhân Huấn phải theo dỏi sát vấn đề nhân viên, để đừng xảy ra tình trạng bung chạy, vì quá hoang mang, giao động trước việc, có thể chiến đấu như bộ binh.Trung tá Phát xử dụng Đại đội Trinh sát Dù, bung ra kiểm tra nội vi căn cứ và đánh đuổi một vài tên du kích mon men vào Đồn Đại Hàn gần cổng số 2 của căn cứ. Về phần Không quân, câc cấp phi hành và kỷ thuật đê am hiểu tình hình mới, chấp nhận thực trạng và hết mình nổ lực chiến đấu vì nhu cầu phòng thủ. Vào buổi chiều, Thiếu tướng Phạm Văn Phú, Tư lệnh Quân đoàn 2 ghé căn cứ thăm hỏi tình hình. Sáng hôm sau, rời căn cứ bay về Saigon.

Ngày 2/4/1975, Saigon tăng cường một đơn vị Dù. Trung tá Phát liền xử dụng để kiện toàn an ninh cho phi trường và phối hợp với các đơn vị Địa phương quân trong việc giữ an ninh cho thị xả. Lúc 2 giờ chiều, tôi bay xuống Phan Thiết đón Trung tướng Nguyễn Văn Toàn Tư lệnh Quân đoàn 3. Khi gặp tôi, ông nói sở dĩ muốn gặp tôi tại Phan Thiết là để xác nhận sự hiện hữu

của Phan Rang, mà giờ nầy lẻ ra cũng đã bỏ chạy như Nha Trang và Cam Ranh rồi. Sau khi nghe tôi thuyết trình tình hình, Trung tướng Toàn nói:" kể từ buổi thị sát nầy, Phan Rang sát nhập vào Quân đoàn III, trở thành cứ điểm cực Bắc của quân đoàn." Cùng ngày tôi nhận được lệnh Bộ tổng tham mưu chỉ định tôi phụ trách bảo vệ Phan Rang.

II. BỘ TƯ LỆNH TIỀN PHƯƠNG

Phan Rang nằm vào phía Nam của một thung lủng hẹp bao bọc bởi các dải núi về hướng Tây, Bắc và Đông Bắc, có các cao điểm và đèo Du Long rất thuận tiện cho việc phòng ngự. Ngày đêm phi cơ trong căn cứ liên tục quan sát bao vùng và oanh tạc ngay các mục tiêu bị phát hiện. Các đơn vị VC đã tiến quá xa với hậu tuyến của họ. Họ chỉ mới tiếp thu Nha Trang và Cam Ranh. Với mức độ hành quân 10 cây số ngày hoặc gia tăng với phương tiện chiếm được thì không thể tập trung tấn công ngay được. Có thể có những phần tử lẻ tẻ đã xâm nhập và đang ém quân, nhưng ngoài ra Phan Rang chưa có nguy cơ bị tấn công ngay bởi quân chánh quy.

Thị xã và Phi trường Phan Rang nằm vào phần Nam của thung lũng. Quốc lộ 1 và đường xe lửa chạy song song xuyên qua đèo Du long về thị xả, tách ra tại Thôn Ba Râu, chạy sát phi trường rồi tiến về Nam không qua thị xã. Có 2 đường bay song song, 1 bằng xi măng cốt sắt vă 1 bằng vĩ nhôm dài 10.000 bộ, rộng 150 bộ. Có đầy đủ cơ sở cho kỷ thuật, tiếp liệu với các bồn xăng và kho bom theo tiêu chuẩn an ninh tối tân. Việc phòng thủ bao gồm 60 chòi gác, với 2 cổng chung quanh căn cứ do 7 đại đội Địa phương quân phụ trâch.

Ngày 4.4.1975, Trung tướng Nguyễn Vĩnh Nghi chánh thức đến Phan Rang cùng với toán truyền tin và chuyên viên, nhận trách nhiệm phòng thủ Phan Rang. Vì địa thế của Phan Rang có nhiều thuận lợi cho việc phòng thủ, nên Trung tướng Nghi quan niệm: " Phải chống giữ mặt Bắc từ Quận Du Long, mặt Tây từ Quận Tân Mỹ và phải giữ an toàn cho căn cứ Không quân, cũng như giữ an ninh cho Thị xả phối họp với một số đơn vị Địa phương quân còn lại."Theo quan niệm đó, Trung tướng Nghi thảo ra kế hoạch phòng thủ Phan Rang với một lực lượng cở 2 sư đoàn mới có thể trong tạm thời phòng thủ được.

Ngày 7.4.1975 là ngày đáng ghi nhớ. Đại tá Trần Văn Tự, Tỉnh trưởng Phan Rang, vừa trở về với một số công chức, và đang tập họp các lính Địa phương quân và Nghĩa quân. Đại tá Nguyễn Thu Lương, Lữ đoàn trưởng Lữ đoàn 2 Dù, với 3 Tiểu đoàn 3, 7, 11 và 1 Tiểu đoăn Pháo binh cùng các Đại đội Trinh sát, Công binh, Quân y, Truyền tin, Yểm trợ Tiếp vận lần lượt đến căn cứ. Trung tướng Nghi liền giao cho nhiệm vụ chiếm các cao điểm và tổ chức tuyến phòng thủ tại Du Long mặt Bắc và tại Tân Mỹ mặt Tây. Tập trung lực lượng khi cần để chận không cho địch vượt qua Du Long. Xử dụng Tiểu đoàn 5 Dù của Trung tá Phát hiện có mặt tại căn cứ giữ an ninh cho phi trường.

Ngày 8.4.1975, khi đơn vị cuối cùng của Lữ đoàn 2 Dù đến căn cứ, Đại tá Lương liền điều động giải tỏa đoạn Quốc lộ 1, từ Thị xã đến Du Long, qua các Thôn Cá Đú, Ba Tháp, Ba Râu và Du long, với 2 Tiểu đoàn 11 và Tiểu đoàn 3. Trên đường tiến quân, Tiểu đoàn 3 Dù đuổi địch chạy tán loạn khỏi Ba Tháp và Ba Râu. Địch tổn thất khoảng một đại đội với nhiều vũ khí. Tiểu đoàn 11 được trực thăng của Sư đoàn 6 Không quân, đưa đến chiếm Du Long, và các cao địa trọng

yếu kiểm soát đường đi Du Long. Bắt sống tại đèo Du Long, 7 xe tiếp tế thuộc đoàn hậu cần địch cùng một số quân lính VC, vì ngở Phan Rang đã bị chúng chiếm, nên cứ ngang nhiên di chuyển. Tiểu đoàn 7 trừ bị giám sát việc giữ an ninh trong căn cứ không quân với Tiểu đoàn 5 của Lữ đoàn 3 Dù. Kết quả là trong ngày nầy, Phan Rang đã hoàn toàn kiểm soát được tình hình vốn bị trì trệ từ khi Nha Trang và Cam Ranh tháo chạy.

Ngày 9.4.1975, Trung tá Lê Văn Bút, Không đoàn trưởng Không đoàn 72 Chiến Thuật, bay chỉ huy 40 trực thăng HU với 12 trực thăng Võ trang cơ hữu cùng 8 trực thăng Chinook từ Biên Hòa biệt phái. Mục đích là để lên Khánh Dương tìm kiếm và chở về các toán còn kẹt lại của Lữ đoàn 3 Dù, gồm 2 Tiểu đoàn 2 và 6 cùng một số quân của Tiểu đoàn 5, lúc Nha Trang rút chạy. Cùng đi có Trung tá Trần Đăng Khôi, Lữ đoàn phó Lữ đoàn 3 Dù phụ giúp tìm kiếm, chọn bãi đáp để rước toán thất lạc nầy trở về. Bấy giờ khu vực Khánh Dương đa trở thành vùng địch kiểm soât, nên tôi cho bay theo 2 phi đội A-37 yểm trợ. Kết quả là đoàn trực thăng đã mang về đến căn cứ Phan Rang, hơn 600 người mà phần lớn lã quân nhân của các Tiểu đoàn 2 và 6, cùng một số thất lạc của Tiểu đoàn 5 với một số ít dân sự chạy loạn đi theo. Toán nầy vào buổi chiều được chở toàn bộ vào Saigon. Cuộc hành quân trực thăng vận thành công tốt đẹp, đem về được số quân nhân thất lạc của Lữ đoàn 3 Dù.

Ngày 12.4.75 là ngày khởi đầu có bất trắc trong việc phòng thủ Phan Rang.
Lệnh từ Quân đoăn III cho biết sẽ rút Lữ đoàn 2 Dù và Tiểu đoàn 5 Dù vào ngày 13.4.1975, và thay bằng Liên đoàn 31 Biệt động quân với 3 Tiểu đoàn, và Sư đoàn 2 Bộ binh với 2 trung đoàn, cùng 2 Chi đội Pháo và Chi đội Thiết vận xa. Liên đoàn 31 Biệt động quân vừa rút khỏi Chơn Thành, sau nhiều ngày tác chiến gian khổ với nhiều tổn thất, chưa kịp nghĩ dưỡng quân, thì được tung ra tiền tuyến với quân số thiếu thốn trầm trọng. Sư đoàn 2 Bộ binh cũng vừa tháo chạy từ Quảng Ngải, vừa tập trung tại Bình Tuy và đang được bổ sung quân số thì được lịnh phải ra Phan Rang, trong khi cả đơn vị hảy còn hoang mang, dao động. Vì chưa kịp bổ sung thiết bị, đơn vị nầy phải thu lượm một số pháo và thiết vận xa để mang theo cùng với các trung đoàn ra Phan Rang bằng đường bộ.

Bộ Tổng tham mưu Phòng 7 vừa bổ sung toán thám sát, vì kiểm thính phát hiện rộ lên nhiều liên lạc vô tuyến của các đơn vị địch xung quanh Phan Rang. Chuẩn tướng Lê Quang Lưởng Tư lệnh Sư đoàn Dù và Trung tướng Trần Văn Minh Tư lệnh Không Quân, cùng đến thám sát công cuộc phòng thủ. Cả hai vị đều tỏ ý bất đồng về việc điều quân nầy. Trung tướng Minh nói để căn cứ không quân làm tiền đồn là sai lầm, vì khi hữu sự dưới lằn đạn pháo thì không thể sửa chửa, trang bị cho phi cơ có khả năng hành quân như yêu cầu được. Chuẩn tướng Lưỡng cũng nói, muốn giữ Phan Rang làm bàn đạp để lấy lại Cam Ranh và Nha Trang, tại sao lại rút đơn vị đang chiến đấu tốt mà thay bằng 2 đơn vị đã từng vội vã rút quân vă còn đang chờ đợi bổ sung quân số. Trung tướng Nghi cũng bất ngờ vì không có được những đơn vị như đã hứa trước lnhận trách nhiệm phòng thủ Phan Rang.

III. TRẬN CHIẾN QUYẾT ĐỊNH

Sau mấy ngày ém quân, địch bắt đầu chuyển quân từ khu ém quân và khởi sự pháo kích văo căn cứ không quđn. Các đơn vị địch đang tìm cách tấn công các điểm cao ở vùng đồ Du Long và

phía Đông Ba Râu. Đơn vị địch 968 cũng bắt đầu xâm nhập lẻ tẻ từ phía Tây của căn cứ không quân, phối hợp với từng đợt pháo kích. Tiếc thay, trong tình thế như vậy mà cơ cấu phòng thủ phải thi hành lệnh thay quân đang chiến đấu tốt, bằng 2 đơn vị vừa mới được bổ sung sau khi bị tổn thất nhiều về trang bị và tinh thần. Trong khi bộ phận lớn của Lữ đoàn 2 Dù, gồm Tiểu đoàn 7 với các bộ phần nặng và Tiểu đoăn 5 của Lữ đoăn 3 Dù rời căn cứ, thì Đại tá Nguyễn Văn Biết, chỉ huy trưởng Liên đoàn 31 Biệt động quân và 3 tiểu đoàn 31, 36 và 52 cũng vừa từ Biên Hòa tới bằng phi cơ C-130. Quân số Liên đoàn gồm khoảng 1.000 người. Các đơn vị liền vội vã đến trám vào các địa điểm đóng quân của Tiểu đoăn 11 Dù tại Du Long và Ba Râu. Tiểu đoàn 31 trám tại Du long, Tiểu đoàn 36 trám từ Ba Râu đến Cá Đú và Tiểu đoàn 52 làm trừ bị.

Ngày 14.4.1975, Chuẩn tướng Trần Văn Nhựt, Tư lệnh Sư đoàn 2 Bộ binh, cùng Trung đoàn 5 vừa đến với khoảng 450 quân, được giao nhiệm vụ bảo vệ mặt Nam căn cứ và phi trường vì Lữ đoàn 2 Dù đã hết nhiệm vụ và đã bàn giao với Trung đoàn 4 hôm qua. Lực lượng Pháo binh chỉ có 1 Pháo đội 105 ly hiện diện tăng phái cho Tiểu khu trong đó có một Trung đội đóng tại An Phước, phía Nam phi trường lối 10 km. Thị xả được phòng vệ bởi khoảng 1 tiểu đoàn Địa phương quân còn lại. Cùng lúc, Chuẩn tướng Trần Văn Nhựt, theo lệnh, đề cử Đại tá Trương Đăng Liêm Trung đoàn trưởng Trung đoàn 4 giử chức vụ tỉnh thưởng thay Đại tá Trần Văn Tự. Cũng để dự phòng cho những ngày tác chiến sắp tới, Bộ Tư lệnh Không quân cũng vừa gởi đến, một phi cơ C-47 để tăng cường phương tiện hành quân cho Bộ Tư lệnh Hành quân. Bên ngoài căn cứ, từ sáng sớm, địch lần lượt tung vài đơn vị cấp Đại đội từ khu ém quân, đánh thăm dò cơ cấu phòng thủ tại Du Long và Ba Râu. Một trong các đơn vị nầy đã xâm nhập được vào cổng số 2 phi trường về phía Bắc, lúc mờ sáng. Phi cơ trực thăng tuần tiểu phát hiện, và cùng với trực thăng võ trang, yểm trợ cho một bộ phận của Tiểu đoàn 11 Dù đang chờ phi cơ về hậu tuyến, được gởi ra tiêu diệt toán xâm nhập nầy. Kết quả địch rút chạy, bỏ lại gần 100 tên bị hạ với khoảng 80 vũ khí đủ loại, trong đó có 2 súng cối 82 ly và 2 khẩu đại bác không giựt 75 ly. Tóm lại, mặc dầu hôm nay có các cuộc đánh thăm dò của địch, mặt trận vẫn đứng vững như những ngày qua. . Ngày ***15.4.1975*** từ sáng sớm địch liên tục pháo từng chập vào căn cứ. Buổi chiều khoảng 2 giờ, có phái đoàn của Trung tướng Trần Văn Đôn Tổng trưởng Quốc phòng và Trung tướng Nguyễn Văn Toăn Tư lệnh Quân đoàn 3 đến thị sát mặt trận. Sau khi thăm thị xả, nghe Tướng Nghi thuyết trình tình hình và ghi nhận các đề nghị, Trung tướng Tổng trưởng Quốc phòng tỏ vẻ chú trọng đến việc phòng thủ Phan Rang và hứa sẽ tìm mọi cách bổ sung đầy đủ mọi trang thiết bị thiếu hụt. Từ chiều trở đi, Trung tướng Nghi liên tiếp nhận được tin địch sẽ tập trung tấn công đêm nay. Một trong những công điện của Bộ chỉ huy địch với danh hiệu Sông Hồng, đóng tại Ba Râu, cho hay địch sẽ tấn công vào Phan Rang lúc 5 giờ sáng. Tiến quân theo đường rầy xe lửa cùng với 300 chiến xa, theo quốc lộ 1 phát xuất từ rừng dừa ở Ba Ngòi. Biết ý định của địch, Trung tướng Nghi báo động ngay mọi nơi đề phòng, đặc biệt là Liên đoàn 31 Biệt động quân án ngữ ở Du Long.

Quả nhiên, sau 8 giờ tối địch gia tăng cường độ pháo vào phi trường, đồng thời cho di chuyển suốt đêm rất nhiều đoàn xe chở bộ binh, thiết giáp, pháo binh v.v… Chúng vượt đồi Du Long, chủ yếu chỉ để tràn qua phòng tuyến phòng thủ của Tiểu đoàn 31 Biệt động quân mà tiến nhanh về hướng Nam. Tiểu đoàn 31 đã ở tại chổ chiến đấu gan dạ mặc dầu đoàn xe địch vượt được qua. Tại Ba Râu, Ba Tháp và Cá Đú, từ địa điểm đóng quân chờ di chuyển về hậu cứ, từ 2 giờ

sáng trở đi, Tiểu đoàn 11 Dù trừ và Tiểu đoàn 3 Dù, cùng với Tiểu đoàn 36 Biệt động quân vừa trám chổ, chạm địch ác liệt, làm chậm sức tấn công ồ ạt của đoàn cơ giới địch. Liên tục bị oanh kích, chúng tẻ xuống đường, tắt đèn và lại tiến tới. Phi cơ A-37 không ngớt tung xuống đợt oanh tạc ngăn chăn, nhưng vì không đủ phương tiện soi sâng và hỏa long, nên chúng vẫn tràn qua, sau khi bị tổn thất khá nặng nề. Bên ta có 4 A-37 bị bắn bể bình xăng phải về đáp. Trận nầy Không đoàn 92/Chiến thuật đã tung toàn lực phi cơ cơ hữu kể cả 4 A-1 của Phi đoàn 530 . Tôi cùng Trung tá Lưu đức Thanh Phụ tá Hành quân Sư đoàn 6 KQ đích thân theo dỏi trận đánh suốt đêm. Chúng tôi liên tục đốc thúc phần tham gia của không quân, kể từ lúc các đơn vị bộ binh chạm súng, liên tục báo cáo địch đang xử dụng hàng đoàn xe để đến sáng chạy từ Du Long tràn xuống. Cuối cùng, đoàn xe tắt đèn vượt qua Ba Râu, vã chiếm thị xả lúc 7 giờ sáng ngày 16.4.1975.

Ngày 16.4.1975, lúc vừa sáng, địch lại lẻ tẻ xâm nhập vào cổng số 2 của phi trường về hướng Bắc và kho bom ở hướng Tđy. Đến khi phòng không chúng, bắn trúng chiếc phi cơ quan sát O-1 vừa cất cánh quan sát hành quân, phải trở lại đâp khẩn cấp, thì đồng thời chúng gia tăng số lượng pháo kích. Lúc bấy giờ mới khoảng gần 8 giờ sáng. Đại tá Biết bổng báo cáo là Du long bị mất và địch đã vào thị xã khiến cho Trung tướng Nghi phải tìm phương thế thích nghi. Cùng lúc, Chuẩn tướng Nhựt vừa đặt văn phòng cạnh Văn phòng Trung tướng Nghi, liền được mời tham gia vào việc duyệt xét tình hình. Sau đó Ông đi thị sát mặt trận tại nơi trách nhiệm của đơn vị mình .Trong khi Trung đoàn 4 Bộ Binh đang án ngữ bên ngoài phía Tây của phi trường và Trung đoàn 5 đang phòng ngự địch tràn lên từ thị xả, thì bên trong căn cứ tình hình bắt đầu có chiều hướng bất lợi. Địch vẫn giữ mức độ pháo kích quấy rối từng chập. Nhân có các khoảng trống giữa những đợt pháo kích, một số lớn phi cơ đã rời căn cứ. Còn lại chỉ có một số rất ít trực thăng võ trang và tản thương ở lại đến phút chót.

**Khoảng hơn 9 giơ sáng, khi trực thăng võ trang bị hỏa tiển SA7 bắn tại ngọn đồi gần phi trường thì tình hình đã khá nguy ngập. Trung đoăn 4 báo cáo đang chạm địch. Toán Dù bảo vệ Bộ Tư lệnh Tiền phương đang thanh toán các toán VC lẻ tẻ chạy lạng quạng gần khu vực Bộ Tư lệnh Tiền phương. Đến lúc nầy, Trung tướng Nghi vẫn tin tưởng văo khả năng chiến đấu của Trung đoàn 4 bảo vệ phi trường và Trung đoàn 5 án ngữ ngăn chận địch tràn vào cổng số 1 của căn cứ.

**Đến khoảng gần 10 giờ, khi tiếng súng càng lúc càng dồn dập, Tướng Nghi liền họp cùng Chuẩn tướng Nhựt, Đại tá Lương và tôi để tái duyệt xét tình hình. Vì lẽ mặt trận đã bị thủng từ Du Long và địch đang hăm dọa căn cứ nên Trung tướng Nghi dự tính có thể sẽ dời Bộ Tư lệnh Tiền phương về Cà Ná để lập tuyến phòng thủ mới tại đó, nếu địch chọc thủng được phòng tuyến bảo vệ phi trường. Dự trù sẽ đi khỏi phi trường từ cổng số 1 và đi cùng Trung đoàn 5.

**Khoảng 10,30 giờ sáng, mãi đến khi các toán quân địch sắp tiến vào Bộ Tư lệnh Tiền phương thì Trung tướng Nghi mới ra lịnh rời căn cứ bằng đường bộ, từng đơn vị theo đơn vị trưởng mình rút theo hướng Nam về Cá Ná để lập phòng tuyến mới. Trung tướng Nghi, Đại tá Lương, Ông Lewis chuyên viên Tòa Đại sứ Mỹ cùng các quân nhân của Bộ Tư lệnh Tiền phương, Sư đoàn 6 Không quân, Lữ đoàn 2 Dù cùng các toán quân lẻ tẻ của Liên đoàn 3I Biệt động quân lối

400 người rời căn cứ tiến ra cổng số 1 về hướng Nam. Đoàn quân di chuyển trật tự đến cổng số 1 khoảng 11 giờ, để cùng đi với Trung đoàn 5 về Cà Ná như dự định. Tại đây, vì không liên lạc được với Chuẩn tướng Nhựt, nên Trung tướng Nghi quyết định theo đường rào phía Nam, di chuyển dọc theo đường từ Tour Cham đến ngã ba An Phước. Đoàn quân an toàn đến Thôn Mỹ Đức lúc 12 giờ trưa. Trên đường rút khỏi Ba Tháp, Tiểu đoàn 3 Dù lần xuống bãi biển, tẻ sâu về hướng Nam và không còn thấy Giang đoàn 27, chiến hạm WHEC cùng bất cứ chiếc tău nào khác tại cảng Ninh Chử. Đến một bãi cát xa hơn về hướng Nam của thị xả, đơn vị Dù nầy, gặp và kháng cự với một toán quân địch khác đến bao vây. Sau khi thoát vòng vây với ít nhiều tổn thất, Tiểu đoàn 3 Dù được một đoàn trực thăng, bốc về an toăn. Đoàn trực thăng cấp cứu nầy, dự trù đón Bộ tư lệnh tiền phương, nhưng vì Trung tướng Nghi không thuận cho đáp vì lý do an toàn bãi đáp, nên trên đường trở về, mới bốc được toán Dù trên. Tiểu đoàn 11 Dù còn lại rút được qua sông, phối hợp với toán quân vừa thoát khỏi trận phục kích ở Thôn Phú Qúy về được an toăn. Liên đoàn 31 Biệt động quân và Sư đoàn 2 Bộ binh với một ít đơn vị cố gắng di chuyển về Nam lại chịu thêm tổn thất trên đường rút lui. Đại tá Lê Thương, Chỉ huy trưởng Pháo binh Sư đoàn 2 Bộ binh, trên đường rút về An Phước nơi có Trung đội Pháo binh đang trú đóng, cũng gặp địch đã đóng làm nút chận tại đây rồi .

Tại phi trường, khi đoàn quân của Trung tướng Nghi di chuyển khá xa, thì Sư đoàn 325 VC phối họp với Sư đoàn 3 VC cùng Đoàn 968 tấn công và chiếm phi trường lúc 11,30 giờ trưa. Thiệt hại của Sư đoăn 6 không quân rất đáng kể vì mất toàn bộ kho bom đạn và các trang thiết bị phụ thuộc, với lối 10 phi cơ đủ loại không bay được. Tuy nhiên tổn thất hành quân tương đối là nhẹ: 1 A-37 rớt, 4 A-37 bị bắn về đáp an toàn, 2 trực thăng cháy, 1 phi cơ quan sát cùng khá nhiều trực thăng bị bắn nhưng về đáp được an toàn.Hải quân ta chỉ có một số ít Giang thuyền bị chìm và một chiến hạm bị pháo.
Tại Thôn Mỹ Đức lúc khoảng 4 giờ chiều, Trung tướng Nghi được toán truyền tin của Đại tá Lương cho hay có 1 đoàn phi cơ xin xác nhận vị trí để xuống bốc. Lúc bấy giờ, với số gần 700 quân nhân vă thân nhân nên khó bóc hết được, vả lại khi trực thăng đến, khó lòng mà giữ được trật tự, chắc chắn sẽ tạo hỗn loạn làm lộ mục tiêu giúp địch đến vây bắt. Vì vậy Trung tướng Nghi quyết định vì sự an toàn cho đồng đội, từng khổ cực chiến đấu với nhau mà không vì an toàn cho bản thân, nên ra lịnh toán cứu cấp đó không nên đâp, và chỉ nên đến ngày hôm sau, tại một địa điểm xa hơn về phía Nam.

Lúc 9 giờ tối, dưới sự hướng dẫn của Đại tá Lương, đoàn người bắt đầu rời Thôn Mỹ Đức. Chưa đi được bao xa thì bị phục kích. Trung tướng Nghi, Ông Lewis và tôi cùng một số quân nhân bị địch bắt. Chúng dẫn 3 chúng tôi ngược về Nha Trang sáng hôm sau. Trên đường tôi thấy rất nhiều xe địch nằm la liệt dọc hai bên đường, và từng nhóm đồng bào ngơ ngác, thất thiểu, lang thang đi ngược trở về. Tôi bổng cảm nhận rất có tội đối với đồng bào, vì làm tướng mà không giữ được thành. Ở tại Đồn điền Yersin 2 ngày, chúng đưa chúng tôi ra Đà Nẵng bằng đường bộ. Tại đây, ngày 22/4/1975 chúng đem phi cơ chở chúng tôi ra Bắc, giam tại nhà giam Sơn Tây nơi từng giam giữ tù binh Mỹ. Chúng thả Ông Lewis vào tháng 8.1975, Trung tướng Nghi vào năm 1988 và tôi năm 1992.

Đối Thoại Với Nhà Văn Bảo Ninh

Trần Hoài Thư

Từ lâu, người ta đã chờ đợi những tác phẩm viết về chiến tranh Việt Nam bằng ngòi bút trung thực, vượt khỏi định kiến, guồng máy, lập trường, từ những nhà văn miền Bắc. Tại sao là miền Bắc? Bởi vì, những người viết của miền Nam ít ra, đã thả dàn biểu lộ hầu hết những gì mà họ đã tham dự hay nhân chứng, mà không bị ràng buộc bởi bất cứ một ai, bất cứ một thế lực nào. Chính vì sự mong mỏi ấy, những tác phẩm của Dương Thu Hương, Trần Mạnh Hảo, Nguyễn Huy Thiệp, Bảo Ninh, vân vân... đã được đón nhận từ trong nước, đến ngoại quốc, và cả người Mỹ lưu tâm về Việt Nam và đã được xem là hiện tượng. Trong số những tác phẩm này, tôi được đọc hai truyện dài: *Ly thân* của Trần Mạnh Hảo, và *Nỗi buồn chiến tranh* của Bảo Ninh.
Tôi xin được góp ý về *Nỗi buồn chiến tranh* .

Thưa nhà văn Bảo Ninh,

Trước hết tôi phải cám ơn anh vì nhờ đọc *Nỗi buồn chiến tranh* tôi mới hiểu rõ hơn về tâm tư của một thế hệ và giai đoạn mà tôi cũng như anh là những người trong cuộc. Anh viết về sự đổ vỡ và phá sản bi thảm của tuổi trẻ miền Bắc trong cuộc chiến đấu mà chế độ từng nói là cuộc chiến đấu thần thánh chống Mỹ cứu nước. Anh đã kể về những đồi ma chập chùng ở miền cao nguyên nồng nặc tử khí. Lính Mỹ. Lính miền Nam. Lính miền Bắc. Anh viết về những chiếc T54 nghiến trên những người lính sư đoàn 18. Anh viết về những lưỡi dao găm thọc vào tim máu phụt thành tia vòi. Anh viết về nỗi tuyệt vọng của những người lính trinh sát qua Kiên, hay của những bè bạn của anh ta, đào ngũ, dao động, hoang mang cùng cực. Anh lại kể về trận đánh ở *Ban Mê Thuột* vào một trung tâm cảnh sát, cùng những người nữ cảnh sát viên thuộc hàng ngũ miền Nam, và nhất là sự có mặt hầu như ám ảnh suốt truyện về những toán thám báo. Anh đã tả lại một toán thám báo vào mật khu, bắt theo 3 cô gái, hãm hiếp và sau đó giết họ rồi vất xuống sông. Anh nêu đích danh tay chỉ huy là một trung úy.

Nói tóm lại anh đã lột tả trần trụi nỗi kinh hoàng của chiến tranh, không che đậy, giấu giếm. Ngoài ra anh cũng vén cái màn dối trá từ lâu đã bao trùm cả xã hội và tuổi trẻ miền Bắc. Đó là điều hiếm có cho nền văn học trong chế độ xã hội chủ nghĩa.

Thưa nhà văn Bảo Ninh,

Tôi đã rưng nước mắt trên những trang giấy về nỗi chán chường cùng cực của một thế hệ bị đẩy vào lò nướng, nhưng tôi không thể không phẫn nộ khi anh dùng nỗi buồn chiến tranh ấy để cố ý xuyên tạc bôi nhọ một hàng ngũ thất thế.

Xin đọc lại đoạn tả một trung úy thám báo bị phe các anh bắt làm tù binh: *"Tên nom to con nhất trong bọn, mắt trái bị báng súng dộng lòi ra, máu hòa nước mưa nhuộm đỏ nửa mặt, đưa con mắt lành nhìn Kiên cười khẩy, và khàn khàn nói, nhe hàm răng trắng ởn. - Ba nhỏ đó trình quí*

anh, tụi này làm thịt cúng hà bá rồi... Mấy nhỏ la khóc quá trời..." (NBCT, trang 51, 52). Rõ ràng anh có một trí óc sáng tạo có một không hai.

***Anh tốt nghiệp khóa 3 trường viết văn Nguyễn Du mà*.**

Nhưng anh đã không hiểu gì về vai trò của thám báo. Nhiệm vụ của thám báo là dò thám, lấy tin. Trinh sát, viễn thám, thám báo, biệt kích, những danh xưng, dù có khác nhau, nhưng nhiệm vụ là phải tuyệt mật. Chúng tôi chỉ dùng tai và mắt để nghe ngóng và rình mò và báo cáo về Bộ Chỉ huy. Toán trưởng thường thường mang cấp bậc thiếu úy hay chuẩn úy. Riêng cấp bậc trung úy chỉ dành cho trung đội trưởng mà cấp số thường trên hai mươi người. Như vậy, không tên lính thám báo nào lại ngu độn đến nỗi xâm nhập vào một mật khu, lại bắt mang theo ba cô chị nuôi, để cho các anh theo dõi bắt lại. Riêng anh cho người chỉ huy là trung úy, thì rõ ràng anh có một chủ ý thấy rõ. Cứ tưởng tượng đến một nhóm bảy người dưới sự chỉ huy của một tên trung úy vào mật khu để bắt ba con mồi, thúc súng đằng sau, hét hò, bận bịu để mang ra khỏi rừng, giữa lúc quân chính qui các anh thì dầy đặc, rõ ràng là một câu chuyện hoang tưởng và xuyên tạc có chủ ý.

Trung úy ở hàng ngũ chúng tôi cũng học nhiều trường, từ trường học, đến trường lính. Tối thiểu họ cũng có tú tài. Họ có học thức. Với cấp bậc trung úy, ít ra họ cũng có kinh nghiệm chiến trường. Họ không ngu độn như vậy đâu. Ngay lời nói của viên trung úy tù binh kia cũng đủ cho biết cái dối trá, phóng đại. *"Ba nhỏ đó tụi này làm thịt cúng hà bá rồi. Mấy nhỏ la khóc quá trời".* Nội câu trả lời kia cũng đủ cho thấy cái chủ ý, cái căm thù hằn học, mà chỉ có những cai tù trong trại học tập mới dành cho những con người thất thế. Hễ là thầy giáo thì phải hãm hiếp nữ sinh. Hễ là sĩ quan tác chiến là phải mổ mật mổ tim nhân dân cách mạng. Thì ra đầu óc anh vẫn còn bị nhồi sọ bởi cái luận điệu tuyên truyền của chế độ. Hay cũng vì nhờ những đoạn này mà nhà nước đã cho *Nỗi buồn chiến tranh* được xuất bản và được cho phổ biến rộng rãi?

Cái tàn bạo trong cuộc chiến là lẽ dĩ nhiên. Tôi không khẳng định ai ai trong hàng ngũ miền Nam cũng đều là anh hùng quân tử. Tuy nhiên sự tàn bạo ấy anh đã vẽ nên không phải lúc, phải chỗ, không phải vai trò, khiến bất cứ người nào đã từng tham dự vào cuộc chiến cũng phải phì cười.

Xin anh hãy công bằng khi viết. Hơn nữa chính anh đã kể về người tù binh *thám báo mời lính trinh sát các anh hút thuốc Ruby*. Nịnh hay là một bản tính đôn hậu, chân thật của những người trẻ tuổi miền Nam chúng tôi?

Thưa nhà văn Bảo Ninh,

Thứ hai, khi đề cập đến nỗi chán nản cực độ, anh đã cho nhân vật Kiên đi như đi vào chỗ không người, khi đụng trận với thám báo (lại thám báo): *"Kiên chẳng buồn khom người xuống, thong thả đi tới, vẻ khinh miệt đầy uể oải.Tên địch hấp tấp bắn. Hắn cuống. Đạn nổ đinh tai. Song cả ba chục viên đạn quạt căng rát kỳ thay không một viên gãi vào Kiên. Anh không bắn trả, chỉ còn cách con mồi vài bước nữa, vẫn không bắn. Tuồng như anh muốn ban cho tên địch cơ hội sống*

còn: kịp thay băng, nhắm kỹ mà bắn gục anh. Nhưng chính sự chán chường táo tợn của Kiên đã làm xiêu lạc hồn phách hắn. Run bần bật, hắn đánh rơi khẩu tiểu liên. - Đồ cứt đái! Kiên chửi gằn và khinh bỉ siết cò. Nỗi buồn chiến tranh (, trang 31, 32).

Đúng là nhà văn Bảo Ninh lại mâu thuẫn với chính anh. Trong phần trên, anh đã vẽ nên toán thám báo tung hoành trong mật khu, đằng đằng sát khí, sau khi bị bắt, vẫn lạnh lùng, thách thức, gan dạ, tàn bạo thì bây giờ anh lại cho những người lính thám báo kia quá tội nghiệp, thỏ đế, con gà nút dây thun. Anh dựng nhân vật rất hay nhưng quá giả tạo như kiểu cao bồi cải lương. Có tên lính nào ngu đần khi hắn vào thám báo. Có tên lính nào cách kẻ địch vài buớc (nhắc lại: vài bước) quạt M16 mà sợ đến độ té đái trong quần. Và có tên lính nào vừa đi vừa đếm 30 viên đạn như Kiên. Thưa anh Bảo Ninh, hắn đã tha mạng Kiên đấy. Hắn đã tội nghiệp giùm cho một người tuổi trẻ miền Bắc đấy. Hắn đã tha như tôi và bè bạn tôi đã tha đồng đội các anh. Chúng tôi đã mời họ những điếu thuốc. Chúng tôi đã băng vết thương họ, kêu trực thăng mang họ về bệnh xá. Anh nhớ lại xem, những tù binh phe các anh, sau khi các anh vào, người nào người nấy mập và trắng, tiêu chuẩn đầu người bốn, năm đô la mỗi ngày, và luôn luôn được chiếu cố bởi hội Hồng Thập tự Quốc tế...

Vâng, những người lính mà anh rẻ rúng khinh miệt ấy, trong ấy có tôi, họ không hèn đâu. Chính trong *Nỗi buồn chiến tranh*, anh cũng đã thú nhận, năm Mậu Thân, hàng ngũ của anh đã tơi tả, tả tơi, có đơn vị thiệt hại đến 70, 80 phần trăm. Mắt tôi thấy các anh chạy như một lũ chuột thoát thân, mà chẳng cần xin pháo dập theo, hay đuổi tiếp. Ngay cả những người nữ cảnh sát viên *(lại phóng đại nữa, trời ạ. Ban Mê Thuột tôi đã từng ở mấy năm, đi tìm nát nước, nào thấy một người nữ cảnh sát viên nào đâu. Nhưng cũng xem là thật đi.)* mà anh viết, họ là đàn bà phụ nữ, nhưng họ vẫn chiến đấu đến viên đạn cuối cùng. Chiến đấu bằng súng lục (như anh kể trong truyện) trước quân đội chính qui của các anh. Đàn bà yếu đuối mà còn dũng cảm như beo hùm, huống hồ là đám thám báo chúng tôi. Họ tha Kiên chết đấy. Và anh phải thay mặt Kiên để cảm ơn họ mới phải. Đó là lý do tại sao nhà thơ Trần Khuất Nguyên trong *Ly thân* đã tìm đến người thương binh của hàng ngũ chúng tôi mà kết bạn trong những ngày đen tối nhất của đời ảnh, mà không tìm đến các anh.

Tôi cũng viết lai rai, và có trăm ngàn chuyện để viết về mấy năm làm trung đội trưởng thám kích. Nhưng mỗi lần đặt bút lên là lòng tôi lại quặn đau. Tôi không dám kể hết về những gì mà chiến tranh đã gây nên. Tôi không thể không quằn quại khi khui lại, mở lại những sợi gân đã buộc chặt vết thương. Tôi sợ mang nỗi buồn cho con cháu tôi. Bởi vậy tôi phục anh vì anh dám mở toát loát cái vết thương. Có điều, một nhà văn có tài, không phải là tài ở những chuyện bịa đặt, phóng tác có chủ ý, để lường gạt những người ngây không có kinh nghiệm. Ông ta phải biết thành thật, cho chính ông, và cả kẻ từng thù địch với ông nữa.

Xin đừng dùng nỗi buồn mà thóa mạ một cách cố ý những kẻ bị thất thế…
và nhất là gây thêm cái khoảng cách giữa những người thuộc hai phe, dù Bắc, dù Nam.

Rửa Tay Gác Kiếm

Bảo Ninh – Hà Nội

Giờ đây nhớ lại những ngày tháng cuối cùng của đời bộ đội, lòng tôi vô hạn một nỗi buồn nhớ sâu lặng. Kể từ ngày sau đỉnh cao của hạnh phúc, ngày chiến thắng tới buổi chiều ngày hôm nay, ngày và đêm hòa bình lững lờ trôi chảy mà đời người thì trôi quá mau. Khi đón tôi từ mặt trận trở về, cha mẹ còn chưa hưu trí, vậy mà bây giờ cha mẹ đã ngoài bảy mươi. Anh em ruột thịt mỗi người mỗi phương và thấm thoắt luống tuổi cả rồi. Con trai tôi Tết này đã bằng tuổi tôi ngày nhập ngũ. Vợ tôi, vốn được tiếng là trẻ lâu, nhưng bởi nắng mưa sóng gió sinh kế đoạn trường nay cũng không còn được trẻ như mấy năm trước nữa. Tôi lặn lội kiếm sống, trải nhiều nghề, rốt cuộc thành nhà văn, song văn chương gì tôi, viết lách đã chẳng bao nhiêu lại chẳng ra thế nào, chỉ tổ ngày một thêm lạc lõng và ngày một thêm bơ phờ. Thời gian và cuộc sống nhấn chìm tôi.

Nếu như được phép làm lại nhỉ. Biết làm lại từ đâu. Quá khứ lúc mờ lúc tỏ. Bãi bể nương dâu vật đổi sao dời đã lấp mất lối tôi về với chí lớn năm xưa, với thời trai trẻ vinh quang, với cuộc đấu tranh gian khổ. Hơi hướng bao năm dài trận mạc chẳng còn tăm tích. Ngay đến những kỷ vật quân ngũ cũng theo nhau mất dần. Ba lô, tăng võng, hai bộ Tô Châu, một đôi dép đúc, chiếc mũ tai bèo, rồi sổ quân bạ, giấy chứng thương, thư từ, nhật ký. Tất cả đã mai một. Không phải là do tôi để thất lạc mà bởi nỗi người lính chiến trong tôi không còn trong tôi nữa. Anh em đồng đội kiến giả nhất phận, hàng năm trời không lần sum họp, không khỏi quên dần mất nhau. Dạo trước chẳng cần phải chỗ bạn bè, chẳng cần phải cùng đơn vị, chỉ cần biết người đó gốc gác ở Mặt trận K, ở Cánh Đồng Chum, ở cổ thành Quảng Trị, thì dù mới chỉ lần đầu gặp gỡ, tôi đã lập tức thấy thiện cảm, có thể nói đã dành ngay một tình thân ái đầy thiên vị cho người anh em chưa mấy quen biết ấy. Nhưng dần dần cái thói phàm tục của đời sống thị thành thản nhiên và tàn tệ này đã khiến tôi không còn muốn xích gần tới với bất kỳ ai. Thậm chí tôi đã gần như quên hẳn đi rằng ông trưởng phòng tổ chức nơi tôi đang làm việc chính là đồng chí trưởng xe chiếc T54 đã dẫn đầu trung đội xung kích chúng tôi đột phá cửa mở Lăng Cha Cả tấn công phi trường Tân Sơn Nhất. Từng sát cánh bên nhau, sống chết có nhau một thời như vậy mà giữa cuộc bon chen kịch liệt hôm nay lắm lúc giáp mặt chạm vai chẳng chào. Như thể đã hoàn toàn bỏ bẵng dĩ vãng, hơn hai chục năm trời sau chiến tranh hôm nay tôi mới một chuyến trở lại Sài Gòn. Khi vừa từ cầu thang máy bay đặt chân xuống mặt bê-tông đường băng, tôi chợt thấy trong lòng nhói lên một điều gì đó không rõ là điều gì, một điều gì đó say ngủ từ lâu giờ đây bỗng cựa mình. Một đám mây thẫm mầu tạt qua dưới mặt trời ngả một bóng râm mờ trên phi đạo mênh mông nắng chiều.

Trong chốc lát, dường như có một không gian khác và một thời gian khác đáp cánh xuống sân bay làm hiện hình lên trong tâm trí tôi toàn cảnh Tân Sơn Nhất của một ngày cuối tháng tư xa thẳm thuở xưa. Nhưng tất cả chỉ là ảo ảnh trong chớp mắt. Tiếng gầm của một chiếc Bô-ing đang chạy lấy đà chứ không phải tiếng gầm thét long trời của cuộc tấn công. Phi trường trải rộng một cõi bao la, sạch tinh, sáng loáng. Chỉ có cái lầu chỉ huy không lưu là dấu vết duy nhất ngày xưa bây giờ tôi còn nhận ra. Nhưng lá quân kỳ Quyết Thắng của sư 10 mà vừa nãy

tưởng chừng vẫn thấy đó trên đỉnh lầu, cuồn cuộn tung bay trong gió, một chớp mắt thôi tôi đã không còn thấy nữa. Tôi nhìn quanh. Đâu là hướng dẫn vào trại Mác Vi? Và đâu là khu vực trại Đa Vít, vị trí kết thúc chiến tranh của trung đoàn 24? Tại đó trung đoàn trưởng Vũ Tài, người anh cả thân yêu, súng ngắn trong tay cùng tiểu đội chúng tôi từ quanh tháp xe tăng ùa xuống lao vào vòng tay dang ra mừng đón của các cảm tử quân. Phái đoàn bốn bên. Nước mắt để dành cho ngày gặp mặt tưởng đã khóc cạn với nhau rồi vào giờ phút tuyệt đỉnh đời người, giờ phút đất rộng trời cao lòng người nhập một ấy, lạ sao bây giờ lại tràn mi, nóng rực và nhói đau như kim châm trong tròng mắt.
***
Những ngày vui chiến thắng qua đi, bao nhiêu xúc cảm bước vào thời kỳ mới nhiệm vụ mới, tiểu đoàn này tiến gấp ra biên giới chặn quân Pôn Pốt, tiểu đoàn kia chuyển sang làm kinh tế, hoặc là phân tán về các vùng mới giải phóng gỡ mìn, san lấp hố bom, làm công tác dân vận, hoặc như tôi trở lại chiến trường Tây Nguyên thu gom hài cốt đồng đội. Chẳng may tôi bị sốt rét ác tính vật khi đang tham gia đội công tác tử sĩ trong rừng rậm Đông Sa Thầy. Được trực thăng đưa về Sài Gòn, tôi nằm điều trị ở quân y viện, đến khi bình phục không trở lại đơn vị nữa mà vào trại an dưỡng ăn không ngồi rồi đợi ngày giải ngũ.

Trại an dưỡng này thời ngụy là doanh trại của một trường đào tạo nhân viên bình định, nằm bên bờ một dòng sông lớn. Sông nước mùa mưa biến khu trại thành một hòn đảo. Nhiều đêm nước lụt bò qua rào kẽm gai, tràn lên sân, tấp vào tận thềm các ngôi nhà đủ thứ tàn tích tanh tưởi của quân chiến bại ứ lại từ mùa khô, còn vương vãi cùng khắp trong trại và trong các đồn bốt công sự hầm hào xó xỉnh bụi bờ hang hốc dọc hai bên bờ sông. Chưa năm nào mực nước sông cao như năm ấy. Mùa mưa hòa bình cũng dài ê ẩm chẳng khác những mùa mưa trong chiến tranh. Quang cảnh những ngày tháng năm rực rỡ nắng nhường chỗ cho tiết thu lê thê hoàng hôn. Nước tràn lênh láng và mưa rơi tối ngày. Tiếng mưa rơi trên mái tôn khi mưa nhỏ hạt thì nghe như tiếng côn trùng rền rĩ, khi mưa lớn hạt thì gầm gào cào xé vỡ màng tai. Bao nhiêu các thứ rau củ chúng tôi tăng gia được đều chết úng, chỉ sót lại có rau muống. Sân bóng làm ra đấy nhưng rồi ngập bùn không bóng đá bóng chuyền gì được. Không khí như õng nước, ngay cả trong buồng cũng nhờ nhờ một chút sương tỏa ra từ người ngợm và quần áo.

Chúng tôi bị mưa mùa nước lụt cầm chân, chẳng đi chơi được đâu cả, chỉ quanh quẩn trong khuôn viên của trại. Đánh bài chơi cờ, tụ quần lại đấu láo tán dóc, bật đài thật to om sòm nghe thơ nghe nhạc. Nhưng vẫn không thể át hẳn được nỗi buồn mùa mưa. Không khí ướt át, uể oải như ngấm vào xương làm cho da dẻ mãi không hồng hào lên nổi. Hơi ẩm cùng cảnh nhàn rỗi khiến chúng tôi phải làm quen lại với đủ các thứ ốm đau lặt vặt thời bình. Có hôm già nửa trại nhức đầu sổ mũi phải báo cháo. Nghiện cách chữa trị bình dân của bà con trong nam, nhiều tay người lúc nào cũng thơm hắc mùi dầu Nhị thiên đường, trán bầm vết cạo gió và lưng đầy những dấu giác hơi.

Đêm nào ở giường bên cạnh giường tôi Khương cũng nghiến răng, nói mơ và rên rỉ. Anh không la to chỉ ư ử trong đáy họng, khe khẽ và dai dẳng. Ban ngày, nom anh hoàn toàn bình thường, không khỏe hơn cũng không yếu hơn mọi người. Tính nết anh hồn hậu, cởi mở và cũng ham vui chứ tuyệt nhiên không phải con người nhiều u uẩn. Song cứ đến nửa đêm...

Khương bảo rằng hồi đang đánh nhau chẳng hề bị như vậy, chỉ từ hòa bình, nhập trại an dưỡng mới sinh ra thế. Thuốc men chẳng ích gì bởi những cơn vật vã hàng đêm ấy không phải là do các vết thương tái phát mà là đau đớn của giấc mơ. Trong giấc ngủ, Khương mơ thấy lại cảm giác đau của những lần bị thương trước đây. Người chỉ huy trinh sát lừng danh này của Mặt trận B3 đã vào trận ngay từ mùa khô đầu tiên bộ binh Mỹ tham chiến ở Tây Nguyên. Ăn đạn hàng chục lần, vỡ thịt toác xương xối máu, tuy nhiên chưa lần nào là một vết tử thương cho nên chưa lần nào gục ngã, dù nặng đến đâu, cuối cùng rồi Khương cũng nghiến răng gượng dậy được và lại trở về với đội trinh sát của mình. Dường như là chiến trận đã nâng đỡ anh, giúp anh dịu đau đớn, dường như là các thương tích trong mùa khô sau đã khỏa lấp đi thương tích những mùa khô trước. Và bây giờ, hàng đêm, trong giấc ngủ, Khương như thể lần hồi duyệt lại các vết thương, lần lượt, từ đầu, từng vết thương một, từng nỗi đau. Bác sĩ của trại cho rằng không có gì đáng sợ, những cơn thống giác trong tiềm thức sẽ dần dần bị ngăn lại. Song ai mà biết chắc được. Khi đang mở mắt thao láo thì còn đủ sức gắng gượng quên đi mọi sự nhưng đã ngủ thiếp đi rồi thì ai mà có thể đưa tay ra cản lại mộng mị.

Chẳng riêng gì Khương, tất cả anh em trong phòng đều ít nhiều gặp phải những ác mộng di chứng từ trận mạc. Bao giờ cũng là những ác mộng sinh động. Tú chẳng hạn, luôn sống lại với trái bom CBU ném xuống rừng cao-su Xuân Lộc. Hầm sập và Tú ú ớ ngạt thở, thấy mình bị chôn sống. Còn tôi, tôi mơ thấy mưa thuốc độc, mơ thấy những rừng già trên sườn Ngọc Bơ Biêng bị bom Mỹ biến thành những đại ngàn củi khô. Hồi đó, suốt mấy tháng ròng, ngày nào cũng như vậy, bầu trời Ngọc Bơ Biêng luôn hiện hình những chiếc Caribou C123 chầm chậm trườn theo các sườn, từ từ và kỹ lưỡng thả mưa độc tưới ướt rừng xanh. Nhưng vào ngày đầu tiên, giờ đầu tiên chúng tôi không kịp hiểu là bọn Mỹ giở trò gì, không ai biết điều kinh khủng gì đã xảy ra.

Tiếng động cơ ì ì uể oải của máy bay vận tải chẳng làm ai lưu tâm. Khu rừng đại đội chúng tôi trú đêm mặc dù là rừng thưa nhưng ẩn mình kín đáo trong một cái thung nhỏ lọt sâu giữa bốn bề núi cao, phi pháo khó lòng nện trúng. Song linh cảm về một sự bất trắc buộc chúng tôi phải rời võng. Mặt tôi lành lạnh ẩm ướt. Những hạt nước li ti, cay cay, bám trên mi mắt. Tôi vuốt mặt, dụi mắt, chật vật ngồi dậy, ngáp dài, đờ đẫn bước ra khỏi võng, toàn thân mỏi dừ, mệt nhọc khác thường. Tiếng máy bay không còn ngay trên đầu nữa nhưng vẫn từ đâu đó xa xa ù ù vọng tới. Lòng rừng mờ mịt sương mù.

Tuy nhiên, không phải sương. Có lẽ là khói, nhưng là một thứ khói ướt nhoẹt và đặc sệt. Các mái tăng che trên những cánh võng đều ướt đẫm hơi nước và dính lá rụng. Tóc tai, mặt mày, vai áo, lưng áo của tôi cũng vậy, ươn ướt, khó chịu. Những người khác cũng thế. Lính tráng ngấm hơi nước nom ỉu xìu. Tôi đưa bàn tay lấm tấm những hạt nước lên gần mũi. Chẳng thấy mùi gì cả. Nhưng tại sao trong không khí lại ngàn ngạt một mùi gì là lạ, tựa như mùi nước bị oi khói. Tôi ngước lên, nhìn. Rừng đang đổ lá. Mái rừng tróc từng mảng rộng, hở ra, rụng xuống như bị lột da. Không một phẩy gió, cây cối bất động vậy mà tơi tả chẳng khác nào đang trong một trận động rừng. Một trận động rừng câm lặng, lay chuyển ngàn cây nhưng mà lại im phăng phắc. Lá, hoa, quả và cả cành non nữa trút như mưa song không một tiếng xào xạc. Chẳng phải lá vàng chẳng phải lá xanh, lá to lá nhỏ tất cả đều là những xác chết thâm xịt

và nhầu nhĩ như bị vò. Cỏ dưới đáy rừng cũng đang rũ chết, ngả dẹp xuống và đã bắt đầu biến mầu... Trước đó, cũng như sau đó, dọc đường chiến tranh, tôi đã trải qua những tình thế còn bội phần ghê sợ hơn. Tuy nhiên ám sâu nhất vào tâm trí tôi đến trọn đời vẫn là cảnh tượng thiên nhiên bị bọn Mỹ giết hại một cách rùng rợn như thế trong tháng mầu Da Cam ấy.
***
Ngay sáng đầu tháng năm, còn chốt trong sân bay Tân Sơn Nhất. Tôi đã biên gấp một lá thư gửi ra Hà Nội báo tin còn sống. Nhưng cứ như là đang trong thời chiến, mãi cuối tháng 10 sắp được ra quân đến nơi rồi tôi mới nhận được thư nhà. Không chỉ là thư. Quân bưu trao cho tôi hẳn một bưu kiện nặng ký rưỡi, của mẹ. Nhưng, khi mở ra thì thật không thể tin nổi. Gói quà đã được gửi đi từ tận mùa hè năm 73. Cả trại an dưỡng truyền nhau xem cái gói quà từ quá khứ ấy. Nó đã truân chuyên qua bao nhiêu tháng ngày, lưu lạc qua hai thời đại. Mẹ tôi đã bao gói rất kỹ. Hai lượt ni lông dày, một lượt giấy xi măng. Song ngàn dặm mùa khô đường Trường Sơn lụt trong lửa, mùa mưa thì sình thối, rữa nát dưới bùn sâu, thư mẹ chẳng còn chữ nào đọc được, kẹo chảy nước, thuốc lá mốc meo, bánh bích quy vữa ra, chỉ có kim chỉ, đá lửa, dầu cao Con hổ là còn dùng tốt và sẽ là vô cùng quý giá nếu như đang trong chiến tranh.

Trong chiến tranh, có lần, vào cuối mùa mưa, xác của một người lính quân bưu từ vùng núi cao phía tây đã xuôi theo dòng lũ sông Pô Cô trôi về, tấp vào một bãi lau gần chỗ đơn vị tôi trú quân. Thi thể anh bị đạn đại liên khoan toác ra những lỗ thủng lớn. Anh chết đã nhiều ngày, thân thể ngâm lâu dưới nước đã biến dạng và bị cá rỉa tung tóe. Có lẽ anh bị trực thăng vồ khi đang vượt qua một đoạn suối nào đó trên thượng nguồn. Cái bồng vải dù chật cứng thư bám trên lưng anh lỗ chỗ vết đạn. Thư từ chảy nước, ướt nhoẹt mầu mực và mầu máu. Ngay những bức thư không bị đạn xé thì địa chỉ và tên tuổi trong phong bì cũng đã bị nước gột đi hết, chỉ còn mờ mờ dấu vết cái triện mầu đỏ của bưu điện các tỉnh ngoài miền bắc. Đành phải để tất cả những lá thư vô chủ ấy được chôn theo thi thể của người lính quân bưu vô danh. Từ đó tôi không viết thư về nhà và cũng dứt khoát không bận lòng mong ngóng thư nhà nữa. Thư từ của lính lành ít dữ nhiều, tôi có cảm giác như thế. Ngay cả khi đã hòa bình rồi.

Cùng đợt tôi nhận được gói quà của mẹ, trong phòng còn có Quang cũng được thư. Mặc dù Quang rất chăm viết thư nhưng cũng giống như tôi đến mãi bấy giờ anh mới được hồi âm. Song lá thư cho anh hay một cái tin rất tệ. Vợ anh đã bỏ nhà theo trai. Cô ta tằng tịu với một gã thủy thủ đường sông, đến nỗi mang bầu nên phải bỏ làng bán xới theo gã vào nam ngay sau ngày hòa bình. Bị phải cái tin điếng người ấy, Quang tỏ ra bình tĩnh. Anh thông cảm với vợ. "Lấy nhau mới được có bảy ngày là tớ lên đường đi B. Như vậy là cô ấy đã phải vò võ chịu đựng những mười năm giời có lẻ chứ nào ít ỏi gì đâu, thế mà sức người thì có hạn - Quang điềm đạm lý giải một cách phân minh - Thêm nữa nhà tớ lại kề ngay một bến sông nhộn nhịp, tứ xứ thuyền bè qua lại, sự thể như thế tất phải xảy ra. Trách ai được bây giờ. Thôi thì sự đã vậy thì đành vậy, tớ chẳng thiết!". Miệng anh nói vậy nhưng bụng anh nói khác. Đêm đêm, giữa canh khuya, Quang chỉ toàn nằm mộng thấy kẻ bội bạc, anh nấc lên tên cô ta và rên ư ử vừa nói lảm nhảm. Có đêm tôi nghe thấy trong màn anh vẳng ra tiếng khóc thút thít sụt sịt. Vợ chồng anh chưa có con, nhưng có tới một nửa những thứ trong ba lô của anh là đồ chơi. Còn lại là quà cho vợ. Thỉnh thoảng chúng tôi vẫn thấy anh loay hoay hết dỡ ra lại xếp vào những xấp vải và những cuộn len, những mớ đồ lót mỏng manh lụa có viền đăng ten,

rồi những lọ nước hoa tí xíu, những vốc hạt trai, hạt cườm, những vòng đeo tay, đeo cổ lóng la lóng lánh. Anh chẳng trà, chẳng thuốc, chẳng uống rượu để dành được cả một cục tiền. Và ngày ngày anh bỏ thật nhiều thì giờ để cặm cụi ngồi viết cho vợ những bức thư thật dài, gần như là mỗi ngày một bức, nhưng không gửi, tồn tại thành một xấp dày. Cho mãi tới buổi chiều trước hôm từ giã chúng tôi để lên đường về quê lẳng lặng Quang mang xấp thư ấy đi xuống bờ sông, lần lượt giở từng bức ra ngồi đọc đi đọc lại, rồi chậm rãi xé nhỏ, rắc xuống nước, như thể thả mồi nuôi cá. Những mảnh tình cảm nát vụn xuôi thành một vệt trắng trôi ngang qua chỗ tôi và Tú buông câu. Nhiều mảnh vướng vào phao. Tú bảo:
- Thật đúng là những bức tình thư gửi cho cá chép.
Hôm ấy, được một buổi chiều bỗng nhiên tạnh mưa, trời quang mây, thế gian hửng nắng, tôi và Tú bỏ chơi bài, mò ra ngồi câu. Vừng dương ló ra trong trời chiều, không gian tràn ngập những đợt sóng vàng lấp lánh lan theo chiều gió, trải từ tây sang đông. Các đường chân trời dường như được nới rộng ra. Khắp nơi cuộc sống thanh bình muộn màng, trỗi dậy trong buổi hoàng hôn thoáng đãng, dưới gầm trời tự do. Tôi nghe thấy tiếng thở dài khoan khoái của dòng sông. Chiều hôm nay mùa khô tựa hồ đã áp sát bờ bên kia. Mây mù bao ngày tan đi, mặt nước như sống lại. Bên kia sông, phía trời xa, thành phố vĩ đại bám đầy nắng chiều và hơi ẩm đang chậm rãi xoay mặt về hướng vừng dương đang từ từ xuống thấp. Dọc con lộ ngang qua đồng trống những chiếc xe vận tải trông như đang bay lơ lửng trong sương.
Ngồi cả buổi chẳng câu được gì nhưng tôi và Tú chỉ quay về khi nhà ăn thúc kẻng báo giờ cơm. Tiếng dùi sắp đập vào vỏ gang của quả bom câm vang dội, lan xa trên mặt sông bát ngát chiều tà. Đi qua chỗ Quang đang ngồi ngây lặng tôi kéo anh cùng về. Tú nói đùa:
- Ngày mai tới phiên anh được ra bắc rồi vậy mà hôm nay định trầm mình hay sao thế, anh Quang?
Người Quang gầy nhom, võ vàng, lưng gù gù.
- Tớ chưa định về quê - Quang nói - Tớ còn phải đi tìm cô ấy. Tớ sẽ đi khắp mọi miền, sẽ đi tìm dọc theo các con sông. Khó khăn đến thế nào tớ cũng sẽ gặp được. Với lại bây giờ đã mùa khô rồi, sẽ đỡ khó khăn hơn.
- Phải rồi, đã mùa khô...
Khi mùa khô đến, tình thế nhất định sẽ phải khá lên, ấy là niềm hy vọng được lặp đi lặp lại đã trở thành như là một thói quen, hoặc có thể nói, như là một tín điều của tất cả những người lính đã trải nhiều năm chiến trường. Mùa mưa âm u lâu dài bất tận nhưng rồi cũng đến lúc phải ngừng. Và thế là cùng với vừng dương rực rỡ, cùng với khung cảnh nắng ráo, lòng người lại trỗi dậy niềm tin tưởng quen thuộc rằng mọi sự sẽ tốt đẹp lên và cuộc sống sẽ lại bắt đầu dưới ánh mặt trời.
Lần đầu tiên sau non nửa năm sống chung buồng với nhau ở trại an dưỡng, tôi thấy Quang không ủ rũ. Buổi tối hôm đó, trong cuộc nhậu chúng tôi để tiễn đưa anh, anh uống nhiều, và dường như bội phần hăng lên.
- Tớ đã ngẫm kỹ rồi. Mai mốt khi đã tìm được nhau, vợ chồng tớ sẽ ở lại luôn trong này chứ không ra bắc. - Anh mơ mộng - Trong nam này, đất đai đồng ruộng vô vàn, sông hồ cũng mênh mông bát ngát, lo gì không chốn nương thân. Với lại, người dân trong này hợp tính với tính mình. Họ không cổ hủ, đúng không. Và họ rất rộng lòng...

Hôm sau, Quang khoác ba lô rời trại song không lên ô tô mà một mình cuốc bộ. Và không đi

về phía thành phố, không đi lên hướng bắc, chậm rãi anh đi xuôi dòng sông, lẳng lặng bắt đầu cuộc rong ruổi đường trường đi tìm lại người thân yêu thuở xưa và đi tìm miền nương thân mới.

Mấy bữa sau đến lượt Khương. Rồi Tú.

Trại an dưỡng vãn dần. Không có nhiều những ước hẹn gặp lại. Lặng lẽ chúng tôi xiết chặt tay nhau, nhìn vào mắt nhau thầm an ủi và động viên nhau lần chót. Chúng tôi đã từng đông đảo biết bao và hùng mạnh biết bao. Và chúng tôi không phải chỉ là một đạo quân, chúng tôi còn là cả một sự nghiệp lớn lao, một sự đồng lòng vĩ đại. Giờ đây, mỗi người mỗi ngả, bèo dạt mây trôi, song lòng dạ không đổi thay, lý tưởng chiến đấu cháy bỏng suốt thời trai trẻ sẽ còn sáng mãi đến trọn đời anh em chúng tôi.

Trước hôm rời trại ít lâu, tình cờ tôi đã được gặp Loan, người bạn gái cùng phố và cùng lớp ngày xưa. Cô vận quân phục, hàm thiếu úy quân y, tóc cắt ngắn, người gầy, xanh tái, mang súng ngắn và xà cột theo tháp tùng một vị tướng thầy thuốc. Tôi đứng ở cửa phòng, nhác thấy ai đó có nét tựa như Loan giữa đám quan khách vừa từ ô tô xuống đi ngang qua sân trại, liền gọi liều lên "Loan! Loan sữa!". Vậy mà đúng là Loan thật. Cô giật mình, đứng sững lại. Nhận ra tôi, người Loan như run lên, mặt nhợt đi, môi lẩy bẩy một nụ cười yếu ớt. Tôi mời Loan vào phòng. Đến hôm đó quân số của phòng còn lại có một tôi. Căn phòng trống vắng và có vẻ gì như âm u. Tôi mở toang các cửa ra, và quơ gọn màn chiếu vào góc lấy một chỗ ở đầu giường cho Loan ngồi, rồi tôi pha trà, tôi bày bánh kẹo lên bàn. Bàn kề cửa sổ, trông ra vườn. Gió chiều nhẹ thổi, phảng phất hương thơm và tiếng lá rì rào. Loan bảo là đã bao năm rồi mới có người gọi tên cô lên kèm với cái biệt danh thuở học trò, cái biệt danh ngọt ngào và thân ái như vậy mà buồn cười làm sao hồi ấy cô lại luôn luôn coi là một lời chế nhạo tai ác của bọn con trai trong lớp. Bây giờ thì trái lại, nó làm cô muốn khóc. Chỉ có điều bây giờ có lẽ chỉ còn được một nửa của Loan "sữa" ngày ấy, mà cũng có thể là chẳng còn gì, Loan bảo thế. Còn bọn con trai tai ác ngày ấy thì giờ đây nào biết ai còn ai mất.

Trong khoảng thời gian ngắn ngủi một tiếng đồng hồ, khi vị tướng của Loan đi thăm suốt lượt khu trại, Loan và tôi ngồi cạnh nhau, bên ô cửa sổ rộng mở, ký ức dạt dào và chứa chan hoài cảm, chẳng khác nào cặp uyên ương của một mối tình già đang chậm rãi chuyện trò và sưởi nắng. Không để ý đến thời khắc hàn huyên đang trôi qua chóng vánh, chúng tôi mải mê trò chuyện với nhau về khu phố, về trường Bưởi, về lớp 10C và về những người bạn thuở thiếu thời, một lứa bạn bè mà như Loan nói là đã cùng nhau trưởng thành lên trong hầm trú ẩn và đã cùng nhau hy sinh ở chiến trường.

Sau Tết năm Quý Sửu 1973, Loan kể thế, năm hòa bình ở miền bắc, ngay trước ngày nhập ngũ Loan được dự cuộc họp mặt của các học trò cũ lớp 10C tổ chức tại nhà cô giáo chủ nhiệm. Trong buổi họp lớp ấy, cánh con trai chỉ có mỗi mình Khoa "cô chiêu", mới tốt nghiệp đại học văn khoa ở Liên Xô về, còn thì toàn bọn gái. Thành thử không khí của buổi họp lớp nặng nỗi ngậm ngùi. Vui tươi tưng bừng sao được khi một lớp học vắng mặt đến quá nửa, và nhất là hễ cứ hỏi đến ai trong số những người vắng mặt thì lại phải nghe trả lời rằng người đó

đã hy sinh, hoặc hình như đã hy sinh, hoặc từ lâu không nhận được tin tức. Tin tức về các bạn trai của Loan ở những lớp 10 khác cũng vậy, và cả ở khu phố nữa. Cho tới hôm nay tôi gần như là người duy nhất trong đám bạn bè con trai đã ra đi ngày ấy mà Loan còn gặp lại.

Thực ra, ngoài tôi, Loan còn gặp được một người nữa cùng phố, tên là Hải. Hai người gặp nhau tại trạm phẫu tiền phương mặt trận Thượng Đức, mùa mưa năm 1974. Trước khi vào chiến trường, Hải là công an hộ tịch ở khu phố nên thoáng thấy Loan là anh nhớ ra ngay, nhưng Loan thì trước đây không hề biết Hải, mà dẫu có từng biết cũng không tài nào nhận ra. Hải bị vết thương rất nặng, người nát dập ra, cả khuôn mặt cũng vậy, chỉ còn chừa đôi mắt, mở to, ráo hoảnh, ngời lên vì đau đớn. Sau cuộc giải phẫu, khi đã tan thuốc mê, đau đớn tột cùng, vậy mà Hải lại cực độ tỉnh táo. Suốt đêm, trong căn hầm hậu phẫu, Loan không một lúc rời Hải, cô cùng anh thao thức chờ đón bình minh. Ngoài hầm mưa rừng như thác đổ và tiếng đại bác nổ khi cấp tập khi cầm canh. Hải bảo Loan nằm xuống bên cạnh, anh bảo cô luồn tay dưới gáy để anh được nằm gối đầu lên tay cô. Hải chết lúc tảng sáng, nhưng sau khi đã chết người anh không cứng ra và không lạnh đi ngay, mà con lưu mãi hơi ấm cho đến lúc Loan gỡ mình khỏi thi thể của anh.

Tôi nhẹ nắm bàn tay Loan. Bóng chiều êm ả và những kỷ niệm nặng trĩu khiến hai chúng tôi như mê mẩn dần đi trong nỗi đau buồn và tình thân ái. Mãi đến khi ngoài sân còi ô tô đã bấm inh lên gọi Loan, chúng tôi mới như sực tỉnh. ánh hoàng hôn hồng rực lửa qua ô cửa sổ, tràn ngập căn phòng.

Ngoài vườn cây gió chiều lộng thổi, dào dạt sóng lá. Tôi giữ lấy tay Loan, níu chặt.

- Đừng, - Loan nói, thầm thì, nhè nhẹ rút tay ra - Loan mừng vì có được buổi chiều nay. Chiều nay một buổi chiều thật đẹp cho nên đừng nên có gì hơn nữa.

Lặng lẽ chúng tôi ngã vào nhau, và chỉ trong giây lát thôi, một nụ hôn mơ hồ, rồi lặng lẽ dứt khỏi nhau, Loan chạy vội ra xa, còn tôi đứng lại trong phòng.

Hai hôm sau tôi nhận tờ lệnh giải ngũ. Vĩnh biệt cuộc đời bộ đội.

Tôi ra đi lúc hừng đông. Mặt đất ẩm ướt bập bùng dưới chân. Từ cổng khu trại an dưỡng mà ở trong đó giờ đây đã chỉ còn là những dãy nhà gần như trống vắng vẫn thong thả vang lên hồi kẻng báo thức quen thuộc của nhịp sống quân ngũ mỗi ngày. Tiếng rền của quả bom bắt đầu sự trở mình thức dậy của phong cảnh vùng ven sông.

Nắng lóe chếch vào tận mặt, tôi sụp vành mũ cối xuống và im lặng rảo bước.

Mùa khô mới đó mà như thể đã đến từ lâu trên miền ngoại ô mù mịt bụi, trên những trục đường cằn cỗi, thẳng đuột, không có lối rẽ còn rải rác xác xe tăng, trên những nghĩa địa ven đường, trên mái những dãy nhà kho và xưởng máy đã bị lột hết tôn lợp, trên các tấm pa nô quảng cáo ăn đầy vết đạn liên thanh, trên nóc nhọn những ngôi nhà thờ nhem nhuốc vùng ven

thị, trên các bờ tường sụt lở, các cổng gạch đổ xiêu trên những cánh cửa vỡ nát, trên những bãi chợ và trên sân các xa cảng đang dần dần tấp nập trở lại. Cõi trời nam sau công cuộc Thống nhất dẫu còn nửa hoang tàn nhưng đã mở ra biết bao nhiêu là triển vọng huy hoàng của tương lai xán lạn. Chặng đường đi tới tương lai còn xa vời vợi nhưng mà tuổi đời của hầu hết anh em chúng tôi, những chiến binh của sư đoàn Chiến Thắng còn dư đủ để được sống tới ngày chạm tay vào tương lai tốt đẹp.

Chỉ có điều, khi mang nặng trên vai dĩ vãng chiến tranh nặng nghìn năm tuổi thì dù còn đang trẻ đến đâu, đối với chúng tôi phần đời đáng sống nhất đã sống rồi. Nếu rồi đây không may phải sống đời bất hạnh thì chúng tôi sẽ tự nhủ lòng rằng không sao cả bởi có thấm thía gì đâu, bởi có nỗi khổ nào của ngày hôm nay sánh bằng những đau khổ đã trải qua trong chiến tranh, và trái lại, mai đây dù được sống sung sướng tới thế nào chúng tôi cũng biết chẳng hạnh phúc nào bằng hạnh phúc ngày đã qua. Chiến tranh và đồng đội ấy là tình yêu của chúng tôi, lớp trẻ trưởng thành lên trong hầm trú ẩn và làm nên ý nghĩa cuộc đời mình trong trận mạc.

Phan Thiết

Cuối tháng 3 năm 1975 Quân Khu 1 hoàn toàn thất thủ, Quân khu 2 chỉ còn Phan Rang và Phan Thiết trong tổng số 12 tỉnh, đến ngày 4-4 hai tỉnh này được sáp nhập vào Quân khu 3. Trên thực tế cả hai Vùng 1 và 2 được coi như đã lọt vào tay quân thù, các sư đoàn chủ lực của Quân khu 2 và Quân khu 1 phần thì tan rã, phần đã bị thiệt hại nặng nề tới 1/2 hay 2/3 lực lượng. Cuộc triệt thoái Cao Nguyên đã khiến cho trên 75% chủ lực của Quân đoàn 2 bị tan rã, sư đoàn 23 và 7 liên đoàn Biệt động quân mất gần hết quân số. Sư đoàn 22 vùng duyên hải giao tranh dữ dội với các sư đoàn Việt Cộng cuối tháng 3 tại Bình Định, khi được tầu Hải quân đến cứu tại Qui Nhơn chỉ còn 2000 người. Toàn bộ xe tăng, thiết giáp khoảng 470 chiếc, 380 khẩu pháo đều bị bỏ lại hết, một số ít bị phá hủy còn lại lọt vào tay kẻ địch.
Ngày 4-4-1975 Phan Rang và Phan Thiết được sáp nhập vào Quân khu 3. Tại Phan Rang lực lượng ta gồm 2 trung đoàn bộ binh 4 và 5 thuộc sư đoàn 2, 1 lữ đoàn Dù, 1 liên đoàn Biệt Động quân, 4 tiểu đoàn Địa phương quân, sư đoàn 6 Không quân, Hải quân gồm 2 khu trục hạm, một giang pháo hạm, một hải vận hạm… Trung Tướng Nguyễn Vĩnh Nghi Tư lệnh tiền phương Quân đoàn 3 đóng tại Tháp Chàm.
Phan Rang phố xá vắng tanh, dân di tản về Phan Thiết rất nhiều, ngày 14-4 Việt Cộng tấn công tuyến phòng thủ Phan Rang tại phi trường, một tiểu đoàn Dù đụng độ Việt Cộng, địch bỏ xác cả 100 tên. Quân đội VNCH phản công dữ dội nhưng không thể chống lại lực lượng quá đông của địch phải rút lui, trung đoàn 4 và 5 tan rã. Khuya ngày 16-4 chỉ có 200 người thoát vòng vây, các sĩ quan thuộc Bộ tư lệnh tiền phương và và sư đoàn 6 không quân bị bắt hết, các đơn vị ta tại đây coi như tan rã, Việt Cộng chiếm được 40 máy bay tại Phan Rang.

Hai hôm sau ***ngày 18-4*** Phan Thiết cũng bị lọt vào tay Cộng quân.

Các sư đoàn cơ hữu 1, 2, 3 của Quân đoàn 1 và sư đoàn TQLC đã bị thiệt hại nặng trên đường triệt thoái, 90 ngàn chủ lực quân của quân đoàn chỉ có 16 ngàn được tầu vớt chở về miền Nam trong đó khoảng 6000 TQLC, 45% quân số của sư đoàn. Toàn bộ trên 400 khẩu pháo, 450 xe tăng coi như mất hết, một số lớn lọt vào tay Cộng quân. Các kho đạn, nhiên liệu tại miền Trung chưa kịp hủy cũng đã biến thành chiến lợi phẩm của địch. Phạm Huấn nói về sự thiệt hại do kế hoạch triệt thoái gây nên như sau:

"*Chiến lược 'đầu bé đít to' của ông Thiệu là rút bỏ vùng rừng núi Cao Nguyên, vùng ít dân, 'đất cằn sỏi đá' miền Trung, mang chủ lực quân, đại bác chiến xa về phòng thủ vùng đông dân, mầu mỡ: miền đồng bằng sông Cửu Long và vùng duyên hải. Nhưng chỉ hai tuần lễ, khởi đầu bằng Quyết Định Cam Ranh triệt thoái khỏi Cao Nguyên ngày 14-3-1975, sau đó lệnh chính thức rút bỏ Huế ngày 20-3-1975, chiến lược 'Đầu bé Đít to' của ông Thiệu đã làm tan rã 1/2 Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa và mất 2/3 Đất Nước. Tất cả lực lượng Thiết Giáp và Pháo Binh của Quân đoàn II và Quân Đoàn I bị hủy diệt. 3 sư đoàn 1, 3, 23 Bộ Binh bị tan rã hoàn toàn. Các Sư Đoàn Thủy Quân Lục Chiến, Sư Đoàn 2, 22 Bộ Binh, ba Sư Đoàn 1, 2, 6 Không Quân, 1 Lữ Đoàn Dù, 11 Liên Đoàn Biệt Động Quân, các Liên Đoàn Công Binh, Truyền Tin, Tiếp Vận, Quân Cụ …bị thiệt hại từ 60% đến 70% quân số.*

Phụ đính:

Văn Tiến Dũng, Đại Thắng Mùa Xuân trang 148.
Trước khi phát động cuộc tổng tấn công, Bộ chính trị Trung ương đảng Cộng Sản Bắc Việt hoạch định kế hoạch 2 năm để nuốt trọn miền nam, như thế địch cũng đã đánh giá cao lực lượng và khả năng tác chiến của quân ta nhưng kế hoạch di tản, tái phối trí lực lượng của Tướng Thiệu và những lệnh lạc lừng khừng không dứt khoát của ông đã tạo điều kiện vô cùng thuận lợi cho kẻ địch. "Quyết tâm chiến lược của Bộ Chính trị thể hiện chiến lược hai năm 1975-1976: năm 1975, tranh thủ bất ngờ, tiến công lớn và rộng khắp, tạo điều kiện để năm 1976 tiến hành giải phóng hoàn toàn miền Nam.

Văn Tiến Dũng, Đại Thắng Mùa Xuân trang 142.
Trước cuộc chuyển vận bộ đội, súng đạn, quân nhu … ồ ạt vào Nam của quân thù, ta không thấy một kế hoạch cụ thể nào của Bộ Tổng tham mưu hay Dinh Độc Lập khả dĩ ngăn chận hoặc giảm bước tiến quân của địch như oanh tạc các đoàn xe, tầu vận tải, phục kích đánh công voa, giật sập cầu cống, phá đường … Thượng cấp của ta quan tâm tới cuộc phòng thủ phần đất còn lại thì ít mà lo cho kế hoạch "*Tẩu vi thượng sách*" của mình thì nhiều.
Quân đoàn 4 BV gồm các đơn vị đã chiếm QK 2 theo Quốc lộ 1, Quốc lộ 20 tiến về Sài Gòn, gần giao điểm của hai Quốc lộ này là Xuân Lộc thuộc tỉnh Long Khánh cách Sài Gòn 60 cây số, Xuân Lộc giữ vị trí quan trọng bảo vệ phi trường Biên Hòa….

Ký Ức Tháng Tư

Ban Mai

Quy Nhơn, những ngày cuối tháng 3-1975.

Trường Nữ Trung Học Ngô Chi Lan, lớp 6, nghịch như quỷ sứ. Biển Quy Nhơn những ngày sau Tết se lạnh. Con bé nào cũng chanh chua, đáo để. Áo dài trắng lần đầu tiên mặc trong đời cứ xăn trên đầu gối để ra biển nhảy sóng, trò chơi của trẻ con vùng biển. Ngôi trường nằm đối diện bờ biển, cạnh thư viện thành phố. Hàng chè, kem, ổi, cóc, xoài hai bên bờ biển món khoái khẩu của tụi con gái. Nhỏ nào cũng có biệt danh: Trâm "điệu", Mai "mít ướt", Huệ "chà và", Lan "nhí", Đào "búp bê", Thúy "công chúa"… Tôi còn nhớ mùa xuân năm đó, sóng biển thật to, ùn lên những bờ cát dốc thẳng, tụi tôi thích trượt trên những bờ cát và chạy dọc bờ biển đuổi bắt những con còng gió bé tí teo.

Huệ "chà và" nghịch như con trai – ba nó là người Ấn có sạp vải ở đường Gia Long, khu người Hoa sinh sống – tôi sợ nhất trò chơi lén cột áo dài hai đứa với nhau của nó. Có một lần tôi khóc như mưa vì nó làm rách áo tôi, bứt tung cả cúc áo. Sợ tôi giận, hôm sau nó làm lành bằng cách mua một mớ me non còn xẹp lép đem mắm ruốc lên chấm, cả lớp được một bữa nhâm nhi.
Cả tuần nay, lớp tôi bỗng trầm hẳn. Giờ Kim văn, tổ 1 chúng tôi thuyết trình tác phẩm "Nhà mẹ Lê" của Thạch Lam không đứa nào thèm phát biểu. Nhỏ Trâm "điệu" không còn lén ghi bậy trên giấy rồi dán trên áo bạn phía trước để tụi nó chí choé cãi nhau rồi đổ lỗi lung tung. Sáng nay, nó bồn chồn, mắt nó sưng mọng đỏ hoe. Tụi tôi biết ba nó – sĩ quan sư đoàn 22 – mất tích mấy hôm nay. Lan "nhí" – ba thiếu tá phi công – nghỉ học từ hôm qua. Lớp càng ngày càng vắng teo, lác đác chỉ còn vài đứa. Chiến sự căng thẳng đang len lỏi trong từng mái nhà…

Sáng 28-03-1975.

Ba tuyên bố: Các con chuẩn bị nghỉ học đi "dã ngoại" vào Sài Gòn.
Chị em chúng tôi háo hức cho một chuyến đi xa. Mẹ gói ghém đồ đạc cho các con, mỗi đứa một túi vải đeo vai gồm vài bộ quần áo, một ít thức ăn sẵn và một quyển sổ nhỏ ghi địa chỉ, lý lịch gia đình. Ba tôi là người phòng xa và làm việc rất khoa học, mọi việc trong nhà ba lên kế hoạch rồi quyết định.
Chị Vân hỏi: Sao giống đi chạy giặc vào Nha Trang năm 72 vậy ba?
Tôi thích thú, nhớ lại "mùa hè đỏ lửa" năm 72, ba chở cả nhà chạy vào Nha Trang, ở tại trường Võ Tánh. Buổi tối các anh chị hướng đạo sinh tập chúng tôi ca hát. Và tôi rất thích những buổi trưa nắng nóng, lũ trẻ chúng tôi lang thang hái đầy hoa tigôn mọc phía sau trường. Con bé vô tư, tung tăng trên những đụn cát mọc đầy hoa dại.

Sáng 29-03-1975, cả nhà thức dậy rất sớm, mẹ nấu sẵn cơm nắm, luộc trứng gà, giã đậu phộng đem theo. Ba ở lại gói gém đồ đạc để gởi, đồ của bác Phó biện lý toà án tầng trên, đồ

của chú Luật sư Sinh tầng dưới, và ngổn ngang đồ đạc của gia đình tôi.
Tôi níu tay ba, sao không đi luôn ba, ba chỉ im lặng dẫn cả nhà đến nhà con Tuyết "hí" – xe khách Tiến Thành – trên đường Võ Tánh, họ đã đợi sẵn. Trời còn tối mù, khoảng 3 – 4 giờ sáng gì đó, nhưng sao đường phố nhộn nhịp khác thường, nhà hai bên đường đèn bật sáng, họ cũng đang sửa soạn khăn gói ra đi. Cả thành phố phải bỏ chạy? Tại sao? Con bé vừa tròn 11 tuổi cảm nhận có một điều gì đó hệ trọng. Tiếng súng ì ầm từ xa vọng về thành phố ngày một rõ hơn, dồn dập hơn. Mẹ với tay ba: "Em vào Nha Trang đợi anh ở nhà sư cô Minh Liễu – gần Tháp Bà, chiều anh đi liền nghen, kẻo không kịp". Ba chỉ ậm ừ, dặn dò chúng tôi phải ngoan nghe lời mẹ. Chiếc xe lăn bánh, nhìn mẹ lo âu, lòng tôi thấp thỏm. Ba đứng trên đường nhìn chiếc xe xa khuất.

Nha Trang, tối 01-4-1975.

Mẹ khóc, sao giờ ba chưa vô, Quy Nhơn đã thất thủ rồi.

Ngoài sân nhà sư cô Minh Liễu, ngổn ngang người di tản. Đèn ở đây sao mờ dữ vậy, tôi không thấy cái gì rõ cả. Đã ba ngày rồi gia đình tôi ở lại chờ đợi ba, lẽ ra giờ này chúng tôi đang ở Sài Gòn với anh hai tôi, ba sẽ đưa chị em tôi đến Thảo Cầm Viên như đã hứa.
Nửa đêm, ba ùa vào như cơn lốc, nồng mùi biển cả, ba không đi đường bộ. Ba nói với mẹ: "Bắn nhau tử thủ – căn cứ sư đoàn bộ binh 22 đóng ở Quy Nhơn – dân di tản chạy đường bộ chết như rạ, anh theo ghe đi đường biển. Không thể ở đây được nữa, có lẽ vĩ tuyến 17 sẽ được chia ở đường biên Cam Ranh, phải chạy thoát ra khỏi Nha Trang ngay – họ đang tiến công như vũ bão. Không còn kịp nữa.” Ba lo lắng, chị Vinh – đang học Đại học Sư phạm Huế có kịp bay vào Sài Gòn như ba đã dặn, anh Hai ở Sài Gòn có kịp ra đón chị, " Tụi nó có chờ cả nhà vào, hay lại nghe tụi bạn đi trước, thất lạc hết." Mẹ nói “Có lẽ cậu Tám sẽ giữ tụi nó.” Tôi nhớ ông Tám – Giáo sư dạy Lý-Hoá trường Lasan Taberd, người cao to nghiêm nghị.

Tôi không biết bằng cách nào ba lo cho cả nhà theo một chiếc xe Balua vào Sài Gòn; đến Cam Ranh bắn nhau dữ quá, chúng tôi mắc kẹt giữa hai lằn đạn. Ba kiếm đâu ra một căn nhà bỏ hoang trên đường gần kho gạo, cả nhà vào tá túc. Gạo sấy đem theo đã hết. Chúng tôi sắp đói. Cả một đại gia đình. Lớn nhất chị Vân 16 tuổi, út Thơ 4 tuổi. Ba nói tôi và chị Vân theo ba. Đường phố vắng ngắt. Chúng tôi đến một cửa hàng nhưng không có ai cả. Tôi lấy thịt hộp của Mỹ, chị Vân khiêng thùng bánh quy của Đại Hàn. Ba đi đâu đó trở về với bịch gạo. Chúng tôi ở đó vài ngày, rồi súng nổ dữ dội, ba nói trong thị xã không an toàn phải chạy ra ngoại ô thôi. Buổi chiều hôm đó, tôi thấy các anh lính Cộng Hoà gương mặt thất thần, mặt bê bết máu, cởi bỏ quân phục vứt đầy đường, *tôi thấy họ cũng còn rất trẻ như anh Hai tôi*. Tôi biết họ đang đau khổ, họ muốn về với gia đình. Tôi chợt lo lắng anh ba Nghiêm con cô năm cũng đi lính, anh năm Khoa con bác bảy cũng đi lính, bây giờ các anh đang trôi dạt nơi nào – chắc là cô tôi, bác tôi cũng đang mỏi mắt chờ mong. Chị em chúng tôi chết sững khi một người lính gõ cửa xin quần áo, tôi luýnh quýnh lôi đồ của ba đưa cho anh ta. Chị Vân tấm tức khóc: "Lính Cộng Hoà đào ngũ hết rồi, mình sẽ ra sao?" Tôi nhìn chị linh cảm có điều chẳng lành.

Cam Ranh, quốc lộ 1 cây số 13.

Cả nhà dắt díu nhau chạy bộ ra ngoại ô, buổi sáng xanh ngắt, súng nổ đầy trời. Nắng Miền Trung chói loà. Tôi khát nước, cháy nắng. Dân di tản chạy đầy hai bên đường. Huế, Đà Nẵng, Quảng Ngãi, Quy Nhơn, Nha Trang đều mắc kẹt ở chiến tuyến Cam Ranh.
Ba cõng bé Thơ, dúi tôi ngã nháo nhào dưới cống vệ đường – bom nổ, bom đang rơi. *Phi cơ của mình sao lại ném bom vậy ba, chết mình sao ba*. Tôi thấy bom bi rải đầy trời, hai ba phi cơ đang lượn trước mặt. *Ba nói quân Miền Nam chặt cầu cho quân Miền Bắc không tiến sang*. Tiếng súng bắn máy bay xối xả từ trong những vườn xoài bắn trả. Chúng tôi lạc vào chiến tuyến. Tôi chạy trên những xác người. Tôi chạy trong những gào thét. Những người lính Miền Bắc đang hành quân chạy song song cùng tôi. *Tôi thấy họ cũng còn rất trẻ, cũng giống anh mình.* Họ cũng vừa chạy vừa hét những người dân di tản nằm xuống tránh đạn.

Ba đếm từng đứa con, ba là ông tướng xung trận che chở, điều khiển từng bước chân các con. Tiếng ba thét, Tiến nằm xuống, chạy qua bên kia bờ, Vân lùi lại kéo em. Hai bên đường dân di tản bồng xách chạy hỗn loạn. Tôi chạy và chạy, đầu óc tôi trống rỗng. Tiếng rít đinh tai của đường đạn, tiếng nổ buốt óc của bom rơi. Khói lửa cháy ngập trời. Một sự hoảng loạn man rợ quanh tôi. Trời ơi! Tôi rợn cả người – những bước chân non tơ của chị em chúng tôi ngập đầy máu. *Máu của dân tộc tôi, máu của đất nước tôi, máu của người dân nước Việt chảy dài từ Ải Nam Quan đến Mũi Cà Mau dọc theo đường quốc lộ – một sáng tháng tư.*
Thật kỳ lạ, ơn trời – cả nhà tôi may mắn thoát qua vòng chiến tuyến mà không hề hấn gì, mẹ nói chắc ông bà ngoại phù hộ.

Đêm đến, chúng tôi vào trú một chòi canh ven đường.
Và ở đó bao lâu tôi không nhớ. Chị em tôi ngã bệnh, những cơn sốt nắng và những chấn thương. May thay, mẹ tôi là y tá, bà đã quá quen việc chăm sóc người bệnh. Ba lại lặn lội vào thị xã Cam Ranh, trở về với một bao gạo nhỏ trên chiếc xe đạp lọc cọc của ai. Gương mặt ba hốc hác, ba thoát chết, khi những núi gạo đổ ập xuống người dân di tản. Ba chỉ bị thương nhẹ. Sáng, mẹ nấu một nồi cháo trắng, không muối, không đường, không có gì cả. Một rổ củ mì nhổ ở bên chòi. Chúng tôi đi nhổ củ lang, củ dền. Mẹ nói chị Vân ra con suối sau chòi xem có đu đủ hái về cho mẹ. Chị em tôi chạy theo chị. Con suối trong veo, hai bên um tùm hoa dại tím ngát. Có cả sim sim, dủ dẻ, có cả chuối già hương nữa, nhưng còn non quá. Chị la không cho hái. Bươm bướm nhiều ơi là nhiều. *Chúng tôi cười vang chạy theo những con chuồn chuồn kim, dọc bờ suối, nô đùa vô tư.* Tôi nói giống đi picnic quá chị Vân há, chị cười gượng nhìn tôi rớm nước mắt.

Đu đủ xanh mẹ xắt tưa nhỏ, ngâm nước vo gạo làm trộn cho chúng tôi ăn. Hạt đu đủ non trắng lóng lánh dưới nắng trưa như ngọc trai. Cơm trắng không muối, không nước mắm. Bé Thơ khóc, cu Tiến khóc – đòi uống sữa. Vàng, nữ trang mẹ đem theo không mua được sữa, tiền đã hết theo mấy chuyến xe. Mặt mẹ bơ phờ, mắt ba đăm chiêu.

Sáng hôm sau, ba cặm cụi đi đâu từ sớm, lúc trở về với chiếc xe đạp cà tàng chạy kêu long

tong, ốc vít rơ hết, lủng lẳng hai túi đu đủ vàng ươm. Ba nói, Thúy lên ba chở. Lần đầu tiên trong chuyến "dã ngoại" ba âu yếm gọi tôi. Chiếc xe nhảy cà tưng cà tưng trên đường, tôi hỏi đi đâu ba. Ba nói đi chợ làng quê cho biết. Tôi thắc mắc nhưng không dám hỏi. Trên mép cỏ con đường quốc lộ lúp xúp vài ba quán tranh, người ta ngồi bệt trên cỏ bày hàng dưới đất, nói là chợ cho oai chứ khoảng dăm người bán. Ba dựng xe bên lề, lúng túng trãi tờ báo Tia Sáng xuống vạt cỏ, bày đu đủ ra. Rồi ba nói, ngồi đây bán nghen con. Bây giờ tôi mới hiểu.

Nắng tháng tư oi nồng, chiếu rát cả mặt, ba lấy tờ báo che đầu tôi. Bóng ba đứng trùm lên bóng tôi. Ngồi lâu ơi là lâu, mặt tôi bắt đầu bỏng rát. Nắng Cam Ranh chói chang, đổ lửa. Mồ hôi tôi túa đầm đìa. Ba cúi xuống lau mồ hôi trên mặt tôi đỏ ửng, ba luôn miệng vỗ về – nắng quá hả con. Tôi thấy thương ba quá, tôi muốn khóc. Một người đàn bà nhà quê, gương mặt phúc hậu hỏi tôi – dân tản cư hả, ở đâu vậy con. Tôi nói con ở Quy Nhơn. Đu đủ này giá bao nhiêu con. Tôi ngơ ngác, dạ con không biết. Ba tôi đỡ lời, chúng tôi muốn đổi lấy một ít nước mắm, muối và sữa. Người đàn bà cỡ trạc ba tôi, dẫn tôi đến một góc quán nhỏ, nói đứng đó chờ. Bà đem ra lon sữa ông Thọ và một chai nước mắm. Tôi mừng rỡ, vòng tay cảm ơn bà rồi chạy đến bên ba. Chiếc xe nhảy cà tưng cà tưng trên đường về, ngoái lại tôi còn nhìn thấy người đàn bà nhà quê nhìn theo đầy ái ngại. Trời ơi, ba kiêu hãnh của tôi, phó Thanh tra Ty XX … bước một bước có xe đưa đón, đi công tác có trực thăng bốc đi.

Những ngày cuối tháng 4.

Không có xe vào Sài Gòn, Quy Nhơn thì thất thủ, biết làm sao bây giờ. Giữa đồng không, nhà trống. Đi bộ vào Sài Gòn đi ba, chị em tôi nói – anh Hai và chị Vinh đang trông ngóng. Cả nhà thất thểu đi trên đường quốc lộ, lương khô mẹ đã chuẩn bị, cơm nắm, nước uống trong bi đông cho mấy ngày đường. Một chiếc xe ben chở gỗ đi ngang, ba chặn lối. Cả nhà vắt vẻo quá giang được một đoạn đường.

Phan Rang.

Buổi chiều trên xứ lạ buồn thê lương. Tiếng gào của ai đó như xé nát hồn tôi. Chị em tôi thu mình ngồi nhìn mặt trời lặn trên cánh đồng xơ xác, bóng tối đang bắt đầu ập đến. Những bóng người di tản nhập nhoà đang đi trên đường. Trời chạng vạng, một người đàn bà tiều tuỵ, bơ phờ lê bước kiếm ai trên đường vắng, bà không nhìn thấy ai, bà luôn miệng gọi *Cu tí, cu tí núp mô rứa con, ra đi. Me đây. Cu tí, cu tí núp mô rứa con, ra đi. Me đây.* Giọng Huế của bà khản đặc, vô hồn, nói như là không nói, đi như là không đi. Tôi ngồi nhìn theo người đàn bà điên nước mắt trào dâng.

Đêm, giữa cánh đồng tối đen đầy bất trắc, thỉnh thoảng từ xa vẳng lại những tiếng nổ ì ầm, khuấy động không gian yên tĩnh, như nhắc nhở chúng tôi về cuộc chiến vẫn đang rình rập xung quanh. Ánh sáng duy nhất mà tôi nhìn thấy là lũ đom đóm bay lập loè trong đêm. Chúng đang múa những vũ điệu nghê thường. Và lũ muỗi khoái trá bỗng bất ngờ chộp được miếng mồi ngon – chị em tôi.

Ước gì, giờ này gia đình tôi đang quây quần bên mâm cơm trong ngôi nhà thân yêu, ngát nồng mùi hương biển. Ước gì, giờ này chị em tôi đang ngồi trong căn phòng ngập tràn ánh sáng, học bài cho ngày mai đến lớp. Ước gì! Ước gì!
Tại sao đêm nay chị em tôi phải ngồi bên vệ đường ướt đẫm sương đêm, đói khát như kẻ hành khất? Thức ăn của chúng tôi những ngày qua chỉ là những củ khoai mỡ, khoai mì đào vội trên cánh đồng, ven những nương rẫy của người nông dân.
Tại sao gia đình tôi và những người dân Miền Trung hớt hơ hớt hải, bỏ nhà bỏ cửa, bỏ cả sự nghiệp cuống cuồng chạy xuôi về Nam lánh nạn. Tại sao và tại sao?

Trời ơi! Phan Rí, Phan Thiết, Bình Thuận nắng, khô, nóng, khát.

Tôi khát nước, tôi thèm có nước. Chúng tôi sẽ chết vì không có nước. Tôi không biết mình đang ở đâu, nhưng tôi biết gần Sài Gòn lắm rồi, lũ trẻ chúng tôi đã quá mệt mỏi, chỉ chờ nghỉ ngơi. Mẹ chắt từng hạt nước trong một đầm lầy nhỏ mà tôi thấy có đầy phân bò, tôi háo hức hớp và nôn. Tôi khóc, con muốn uống nước. Mẹ tôi cố nén dỗ dành con.

Đêm chúng tôi nằm trên thảm cỏ, bầu trời nhiều sao quá. Gió mát lạnh, những lá cọ ve vuốt chúng tôi, mẹ nói: "Vùng này dân đói khổ lắm, nghề của họ là đan chiếu, chằm nón, ở đây quanh năm thiếu nước. Đồng ruộng khô cằn, đói kém liên miên. Dân Chàm ở đây rất nhiều. Da họ đen cháy." Giọng mẹ trầm ấm ru chị em tôi vào giấc ngủ.
Đêm, hàng đêm ngủ trên cánh đồng ven đường quốc lộ, tôi luôn giật mình, run rẩy vì tiếng xe tăng hành quân chạy rần rần rung chuyển mặt đất. Những sợi dây xích sắt nghiến trên đường nhựa nghe ghê người. Những lá cờ xa lạ được gắn trên xe tôi thấy lần đầu – nửa đỏ, nửa xanh chính giữa là ngôi sao vàng năm cánh. Những người lính Miền Bắc lá nguỵ trang đầy mình bước đi rầm rập trên đường.

Có những đêm họ nghỉ gần chúng tôi. Tôi nghe tiếng người nói lao xao, tiếng kèn Ácmônica trong đêm khuya vắng lại.
Giữa đêm vắng, ba mẹ bồn chồn, thao thức, đứng ngồi không yên.
Vô tình, nhịp tiến của gia đình tôi lại trùng với nhịp tiến công vào Sài Gòn của họ. Ba chạy đôn chạy đáo trên đường tìm xe, mong cho bước chân mình nhanh hơn, nhanh hơn. Ba rất giỏi, cuối cùng ba cũng thương lượng được một chiếc xe Ba lua trên đường đi giá nào cũng trả, mẹ đỗ hết vòng vàng, nữ trang. Chỉ một ước muốn duy nhất – cả nhà nhanh chóng, an toàn đến Sài Gòn.

Sài Gòn 30-4-1975.

Sài Gòn! Sài Gòn! Lũ trẻ chúng tôi náo nức vì biết rằng mình sắp nghỉ ngơi sau một chuyến hành trình kinh hoàng và khổ ải. Sài Gòn! Sài Gòn! Niềm mong ngóng của ba mẹ, nơi nương náu an toàn cùng bạn bè trong thủ phủ Miền Nam. Gia đình tôi sắp chạm đến *bến bờ hy vọng*.

Xe Ba lua mở banh cửa sau, gió lồng mát rợi, chỉ có một sợi dây xích sắt khổng lồ vắt ngang, ba và mẹ ngồi ở hai đầu canh chúng tôi ngả nghiêng ngủ. Tôi choàng dậy, khi tiếng người

nói, tiếng loa phóng thanh, tiếng xe cộ dày đặc, kẹt xe trên cầu Sài Gòn. Quân Miền Bắc đã vào sáng nay, chiếc xe cũng vừa vào đúng lúc. Hai bên đường người dân đông nghẹt, họ đón ai vậy, điều gì đã xảy ra? Thật trớ trêu, khi bước chân rong ruổi của gia đình tôi vừa chạm đến bến bờ hy vọng cũng là lúc Dương Văn Minh tuyên bố đầu hàng. Niềm tin tưởng được chở che trong thủ phủ Miền Nam đã vỡ nát.

Ba chết lặng trên xe, ngồi im không nói một lời.

Mẹ sợ hãi, bật khóc nức nở ngày Miền Nam sụp đổ.

Chị em chúng tôi ngơ ngác nhìn bầu trời Sài Gòn ngày 30/4.

Một thời đại khác đã đến.

Việt Nam, tháng tư 2008.

Đến bây giờ, tôi vẫn không tin chuyến hành trình từ Quy Nhơn đến Sài Gòn gần 700 km – chúng tôi phải mất 1 tháng 2 ngày – phải vượt qua bao chiến tuyến, phải vượt qua bao hiểm nguy mà vẫn nguyên vẹn. Trong cuộc chiến đẫm máu này, có bao gia đình Việt Nam may mắn như chúng tôi? Có bao gia đình Việt Nam phải mãi mãi nằm xuống? Có bao gia đình Việt Nam phải mãi mãi phân ly?

Đất nước tôi! Đất nước tôi! Đất nước tôi!

Ba mươi ba năm đã trôi qua, chuyến hành trình ngày xưa của ba giờ đã kết thúc, nhưng chuyến hành trình của tôi vẫn còn phía trước.

Ban Mai Tốt nghiệp Thạc sĩ Khoa học xã hội và nhân văn, ngành Ngữ Văn. Hiện làm việc tại một trường Đại học thuộc Miền Nam Trung bộ Việt Nam.

Vòng Tử Sinh

Thân gửi cháu Phú,

Qua bác Cả mới biết được địa chỉ mới của cháu, thư này cậu viết từ lâu và để đó, vì cứ đắn đo chần chừ mãi. Ba mươi năm giữ kín để gậm nhắm với cậu cũng quá đủ, không lẽ sống để dạ chết mang đi, để rồi cậu không biết làm sao hơn vì lúc này cậu cũng đã có tuổi, nay ốm đau mai đau, không biết ngày nào gặp lại tổ tiên, ông bà và họ hàng, nên mượn dịp này để gửi gấm đến cháu. Cũng nhân dịp Tết Nguyên Đán cổ truyền Ất Dậu sắp tới, lời đầu tiên bao nhiêu năm xa cách, cậu thành tâm chúc thầy cháu và gia quyến cháu an khang, mạnh khỏe, thành đạt trên mọi lĩnh vực.

Thế mà đã hơn năm mươi năm qua, nhưng trong cậu hình ảnh của cái ngày ấy, tất cả chúng ta quây quần dưới căn nhà ngói cây mít năm gian hai chái, ở một làng quê ven biển trù phú và êm ả với cái tên thật thân thương là Ân Phú. Cũng vì vậy ông ngoại đã lấy tên làng đặt cho hai anh em cháu, ân là ơn trên ban cho, phú là giầu có thịnh vượng. Ở nơi ấy, ra khỏi cổng nhà mình là con đường làng khá rộng lát bằng gạch vồ, hai bên trồng xương rồng, chạy dọc theo con sông nước chẩy lững lờ theo thủy triều lên xuống, bên kia con đê là tổ đình, bên cạnh là bãi đất trống là chợ Viềng. Tên Viềng có nghĩa một ngày trong một năm, cứ mùng Tám tháng Giêng chợ nhóm họp để mọi người cùng mua thịt bò, thịt trâu và bán chữ, câu đối. Nhưng cậu háo hức làm sao, ngóng đợi đêm ngày để đến cái khoảnh khắc đó, cậu cháu mình được theo bà ngoại và mẹ cháu dạo chơi với phiên chợ. Thằng Ân anh cháu cùng chạc tuổi cậu, nhưng vì cả hai cậu cháu mình đều là út ít trong nhà, nên mỗi đứa được mua một con tò he bằng đất nung, được tô phết với phẩm mầu, đuôi là một cái lông gà nhuộm mầu xanh đỏ, có gắn một cái còi lưỡi gà bằng ống sậy, khi thổi vang lên những tiến tò he, tò he…Sau đó, mỗi đứa được một tấm bánh đa phết dầy lê và mật mía, vài chiếc kẹo vừng, kẹo bột, ôi thật kỳ lạ với cái thú vị kỳ quái, nhỏ nhoi và đơn sơ của cái tuổi thơ hồi đó.

Nhắc đến Tết, cậu lại nhớ đến cái năm cuối cùng ở dưới quê, 50 hay 51 thì phải, cậu không nhớ rõ. Những ngày cuối năm, khoảng 27, 28 là bà ngoại và mẹ cháu cùng mấy nhà chung quanh xóm đánh đụng một chú lợn ỉ, nặng hàng tạ, thịt chắc, ngọt và thơm để làm giò, gói bánh chưng, kho tầu và dùng làm món độn nấu cỗ cho ba ngày Tết. Chiều 30 đón gia tiên, ông ngoại nghiêm trang vái một vái, rồi từ từ hạ chiếc nậm sứ nhỏ men rạn, rót ra chiếc chén bạch định mắt trâu, sau đó là ông ngoại lúy túy với bữa rượu lòng tiết canh, mà ông ngoại cũng cầu kỳ, phải là rượu làng Vọng, xã Vũ Bản thì ông mới ưng. Tối 30, bà ngoại lúi húi với ngọn lửa lom rom, tí tách, bà chưng rươi với cái niêu đất tròn như trái bưởi đào, để làm thêm đồ nhắm cho ông tiếp bạn trong những ngày đầu xuân, còn lại cả nhà ngồi bên bếp lửa canh nồi bánh chưng đợi Giao Thừa. Sáng mùng Một là mâm cỗ lớn, có đủ giò, chả, ninh, bóng, mọc. Nhưng nói gì thì nói, cậu chỉ mong đến mồng Bốn, ngày tiễn ông vải, hóa vàng, để ngong ngóng món khóai củ tỉ của cậu là món bún thang. Còn thằng anh cháu, vẫn bị mẹ cháu củng vào đầu, tướng tá như trâu lăn, như muốn dành ăn với cậu, khoảng một cái là nhẵn hai bát, cái bụng phưỡn ra như ông thần đất.

Năm ấy, thầy mẹ cháu dựng ngôi nhà gạch, ngói đều tăm tắp ở cuối ngõ, nằm núp bóng dưới cây nhãn và vườn chuối. Buổi trưa yên tĩnh chỉ, chả ai chịu ngủ nghê, rủ nhau trốn ra nhà thầy mẹ cháu để nghịch. Lũ con bác Cả thì leo lên hái ổi, hái nhãn để chơi đồ hàng. Cậu và anh em cháu thì câu cáy, bắt rạm, nặn gà, nặn chó suốt cho tới chiều, khi tiếng những tiếng chuông nhà

thờ xứ vang lên báo hiệu buổi chầu cuối ngày, cả bọn mới kéo về cái sân gạch đã khuất nắng để chơi trò kéo xe. Xe là cái tàu lá cau khô, cháu ngồi lên cái bẹ, cậu và thằng Ân túm lấy lá cau, săng sái thay nhau kéo. Chán rồi, thằng Ân có những trò nghịch tinh như khâu đít chuột, như đến giờ sua con lợn về chuồng, chẳng hiểu nó học mót của ai. Nó xoay mặt con lợn vào cửa chuồng rồi nắm lất đuôi nó làm như kéo về hướng bờ ao. Thế là con lợn không biết mình bị đánh lừa, vùng vằng cắm đầu chạy vào chuồng. Bà ngoại vẫn hóng hớt thằng Ân "ngu như lợn". Nhưng cậu thì cậu nghĩ khác, vì nó tuổi hợi nên cứ tủn mủn với cám bèo cũng nên.

Cậu nhắc đến câu cáy, bắt rạm, cháu còn nhớ con sông trước ngõ nhà cháu không, thường ngày thì êm ả, sóng gợn lăn tăn, thế mà nước cuốn thật đáng sợ. Những ngày nước lên, đầu têu là thằng anh cháu, kéo cậu đi đặt lờ, chỉ mấy cái lờ không thôi, hai đứa bắt được cả yến rạm, rồi mang về đưa bà ngoại lấy thưởng. Vì con rạm nhỉnh hơn con cua đồng một tí, nhưng con nào con nấy to bằng một phần sáu con cua ra, bà gạn mấy con cái đem rang giòn, ăn rất bùi, rất ngậy. Những con đực thì bà xé ra làm chả, giã nhỏ nấu canh khế, canh me. Mấy ngày sau nước sông rút xuống, cậu lại mè nheo theo đuôi thằng Ân xoay ra câu cáy, thằng anh cháu gì cũng thạo, nhờ nó cậu mới biết cáy nhỏ hơn rạm, thân dầy, mu mầu nâu và hai cái càng đỏ chót như hai quả ớt chín. Cậu và nó lấy cành tre, cột giây, đầu buộc mồi là cái kèn tằm hay con sâu khoai nước, thấy con cáy thập thò ngòai cửa hang là nhử nhử, cáy ham mồi dơ càng kẹp là không muốn nhả, thế là cứ nhấc cần câu lên được cả giỏ. Về bà ngoại giã ra, trộn muối, thính, bột gạo và riềng, rồi hạ thổ lấy âm lấy dương, ít tuần sau có món mắm cáy.

Dòng đời cứ tưởng mãi mãi êm ả như con đò xuôi, nhưng năm sau cây phấn đào đầu ngõ nhà mình bị sâu, những cục nhựa trong suốt nhưng mềm nhũn mầu mật ong, đùn ra ở thân cây như báo hiệu những biến cố lớn trong gia đình mình. Ngay mùa nước lớn năm ấy, cháu đích tôn của ông bà ngoại, con bác Cả vừa lững chững tập đi bị nước cuốn, xác trôi tới tận cái đập cuối thôn Hạ. Nhìn ông ngoại cháu ngồi hút thuốc lào cả đêm, như nuốt đi bao nỗi buồn thương xót, bà ngoại khóc hết nước mắt, bọn trẻ chẳng đứa nào dám ho he với rạm với cáy. Thế rồi khói lửa chiến tranh cũng ập tới làng quê bé nhỏ ấy, thầy mẹ cháu và bà ngoại về Nam Định ở số nhà 70 Phố Khách. Còn ông ngoại, hai bác Cả ở lại Ân Phú cùng chú tá điền tên Tuất để trông coi vườn tược ruộng nương. Chú Tuất là con ông Chùm trong làng, cậu sẽ kể chuyện về chú ấy cho cháu ở cuối thư, vì chú Tuất sau này giúp đỡ ông bà ngoại và gia đình cậu rất nhiều trong lúc cậu bị sa cơ lỡ vận.

Thời gian ở tỉnh Nam là thời gian sâu đậm và nhiều kỷ niệm nhất với cậu, từ nhà quê lên tỉnh, phố phường cái gì cũng mới cũng lạ. Ngày thường đi học, sáng thứ bẩy, chủ nhật cuối tuần thầy mẹ cháu dẫn cả nhà đi ăn bánh cuốn ở phố Vải Màn, nghe đâu gốc gác ở làng Kênh, nổi tiếng về nghề làm bánh cuốn. Cậu chỉ nghe bà ngoại nói, bánh cuốn làng Kênh ăn đứt bánh cuốn Thanh Trì về độ mỏng, mịn và trắng, vì vậy mới có câu "chổi Vĩnh Trường, bánh cuốn Kênh, tương Tức Mặc, rau muống Thượng Lồi".Hoặc bún chả Nam Thành của bà Lý Tư trước cửa nhà Thờ, thường mười rưỡi, mười một giờ mới có. Chỉ mười xu một gắp chả quạt ướp với trứng, cuốn trong lá chuối xanh, với đầy đủ bún, rau muống chẻ, húng dũi, lại có cả đu đủ xanh ngâm dấm. Ăn xong thầy mẹ cháu thả cả ba xuống rạp ciné Văn Hoa ở đường Pôn-Be, và phát tiền cho thằng Ân làm đầu tầu. Phim mà cậu nhớ nhất là "Mái tóc Săm-Sông và khóe mắt nàng Đa-lệ-Lan", còn thằng anh to xác của cháu chỉ mê tơi với "Tình và Nghĩa". Hết chầu ciné, thằng Ân dẫn cậu cháu mình đi ăn lục tầu xá ở gần chợ Rồng, còn thừa thì giờ ghé phố Hàng Mã xem mấy

ông tiến sĩ giấy và con giống xanh đỏ. Trên đường về nhà, thế nào cũng ghé Bến Ngự sông Vị Hoàng gần đền Triều Châu, để xem câu cá, bơi thuyền và thả diều.

Ở Nam Định một thời gian, sau vụ trộm đào tường vào nhà trói bà ngoại, và lấy đi cái loa và máy chiếu phim của thầy cháu. Đồng thời, lúc này mặt trận ở vùng quê đã nặng, đêm đêm ở tỉnh nghe tiếng cà nông ì ầm xa xa vọng về, đồng bào láo ngáo bắt đầu rậm rịch tản cư. Đến cuối 53, đầu 54 thì bác Cả trai và cậu theo gia đình cháu chuyển lên Hà Nội để thăm dò và cậu nhớ mãi đó là căn gác nhỏ ở trong ngõ của phố Yết Kiêu, hình như trước kia tên Tây là phố Bô-Ve. Còn ông ngoại và gia đình bác Cả gái cũng dọn lên với bà ở Phố Khách để trông coi nhà cửa và đợi tình hình biến chuyển.

Những ngày ở đây tuy ngắn nhưng thật thú vị, có những chiều cả nhà chất lên chiếc xe "díp" để lên Hồ Tây ăn bánh tôm trên đường Cổ Ngư, sao hồi đó cậu khoái uống nước sô đa của hãng con Hổ thế. Vào hè, cậu và thằng Ân học thêm ở chùa Quán Sứ, cuối tuần cả ba cậu cháu thường ra hồ Ha-Le chơi, có lần ba chàng ngự lâm pháo thủ tay cầm kiếm gỗ, miệng lẩm nhẩm câu "Mình vì mọi người trừ gian tặc…" đi về hướng phố Trần Hưng Đạo để ra ga Hàng Cỏ. Ba chàng dừng bước trước một tòa nhà kín cổng cao tường, đang ngó nghiêng ngả thì có một con ác cẩu xổ ra. Cậu và cháu nhanh chân vọt lẹ, chàng ngự lâm Ân ở lại tử thủ cản đường, may nó bị xích, không thì cũng tiêu đời. Hà Nội lúc đó nhộn nhịp lắm, bác Cả trai đang học trường Văn Hóa phố Lý Thường Kiệt thì bất ngờ được gọi vào học trường sĩ quan Thủ Đức. Bà ngoại thương bác Cả lắm, nhưng chỉ biết khóc thầm lặng lẽ, chẳng biết làm sao được, nhưng may quá, ít tuần sau thì bác Cả được về vì sức khỏe hay lý do gia đình gì đó. Ngay sau đấy, vì có nhiều gia đình đang kháo nhau sửa soạn di cư, láo nháo bán nhà bán cửa, nên bác Cả bàn với thầy mẹ cháu để về lại Nam Định đón cả nhà lên Hà Nội rồi vào Nam.

Chuyến về thật gian nan, phải đi Hà Đông, rồi qua Vân Đình, xuống đò dọc sông Đáy rồi ghé Hà Nam, ra thị xã Phủ Lý, đi xích lô về Nam Định. Lúc này, quân đội Pháp đã rút khỏi thị xã, dọc đường và trên các hè phố Nam Định, những chiếc tăng-xê trú ẩn hình tròn được đào vội vã để tránh bom tránh đạn. Hàng ngày tiếng è è của máy bay trinh sát bà già quần trên đầu, tiếng ào ào của những chiếc B26 quần đảo phía bên kia sông Đào và phía ngòai biển. Đêm xuống cả thành phố không có điện nhưng vẫn sinh hoạt tấp nập, những tốp lính trẻ đi hướng dẫn thiếu nhi học hát, học múa sạp. Dọc đường Trần Hưng Đạo, nhất là khúc nhà thờ, người ta mang quần áo, đồ đạc ra bán chợ trời như chợ phiên, và quà vặt thì đầy ắp, nào là lạc rang, nào là ngô nướng này nọ…Bác Cả trai gặp lại gia đình và ông bà ngoại, nhưng mấy ngày mấy đêm, cả nhà họp hành, bàn bạc dưới ánh sáng lập lòe, đỏ kệch của đèn dầu Hoa Kỳ, rồi ông bà ngoại dứt khóat không đi vì căn nhà, vì mồ mả tổ tiên. Nghỉ ngơi ít lâu, bác Cả trai lại phải gửi cậu theo người quen của bác lên Hà Nội, lên đến nơi gõ cửa thì cửa không nhà trống, gia đình cháu đã xuống Hải Phòng được mấy hôm. Không theo thầy mẹ cháu được, cậu khóc sướt mướt cả ngày hôm ấy, thực tình mà nói, cậu cũng chẳng biết Sài Gòn ở đâu, chỉ biết ở trong Nam. Và cậu chỉ nhớ hai cháu, như mất mát một cái gì, cậu nhớ nhất là thằng Ân, cậu gần gũi với nó hơn cháu vì cùng tuổi, lại nữa cả một dạo như bóng với hình và bao che cho cậu suốt cả buổi thiếu thời, những lúc cậu nghịch ngợm, bị ông bà ngoại nọc lên phản với cái roi mây, thì nó đứng ra nhận tội và chịu đòn thay.

Sẩy đàn tan nghé, cuối cùng cậu không biết làm sao hơn là lần mò một mình về lại Nam Định. Sau 54, cả gia đình mình xuống dốc không "phanh", từ ông bà ngoại đến hai bác Cả, để thêm thu nhập, ông ngoại nhận làm các hộp mực, hộp bánh cho các tiệm, tối tối rị mọ làm đèn xếp,

đèn quả, đưa cho cậu đi bỏ mối. Còn bà ngoại thì chỉ giật gấu vá vai vào những tháng lạnh, bà đan áo, móc áo cho người trong tỉnh, nhất là những giai cấp mới lên. Trăm dâu đổ đầu tằm, cậu lêu bêu sáng đi học, chiều về lo đi chợ và lấy nước sinh hoạt cho cả nhà, phải gánh lên tầng hai, nhưng ngại nhất là phải xếp hàng chờ ở máy nước đầu phố Hàng Sũ, hay máy nước ở đình Hội Quản, lúc này cậu đã thấy thấm câu các cụ thường nói là giầu con út, khó con út. Riêng hai bác Cả làm công nhân cho công ty lương thực, vất vả dụi dọ, khốn khổ trăm bề. Nhưng may khéo là may, trong chương trình cải cách ruộng đất, chú Tuất tá điền nhà ta, hình như có chức phận đầu gà má lợn gì đó, để thậm thụt giữ được một ít đất đai vườn tược và cơ ngơi của ông bà ngoại. Nên đầu năm 59, cá đuối đắm vì con nên ông bà ngoại quyết định bán dinh cơ và phần đất hương hỏa ấy đi, dành dụm tiền để bác Cả và cậu lên Hà Nội học nghề. Cái khó nó bó cái khôn, đến giữa năm thì ông ngoại mất và ông được an táng ở nghĩa trang Cánh Phượng, ngoại thành Nam Định.

Còn cậu cuối năm 1964 tốt nghiệp và được phân công về khu mỏ Hòn Gai. Ở Mỏ được mấy năm, cậu đăng ký du học ngoại quốc, đó là vào cuối năm 1967, nhưng bị đình lại vì Trung Quốc đang có đại cách mạng văn hóa, nên không quá cảnh được, về nằm chờ. Lúc này chiến sự ác liệt, thế là họ chuyển cậu sang lính, cậu vội cọc cạch đạp xe đạp từ Mỏ về nơi sơ tán của bà và hai bác Cả ở Thái Nguyên, đạp gần 100 cây số mất hơn một ngày, ở với bà được vài hôm rồi phải đi ngay. Cậu nhớ mãi buổi chiều hôm đó, bà dắt con gái nhỡ của bác Cả đưa cậu ra tận đầu xóm, bà chả nói gì, chỉ đứng khóc lặng lẽ. Sau ba tháng quân trường, cậu được nhập vào sư đoàn 316 và thế là lên đường, lẽ ra vào tận Bình Dương, lúc đó cậu có nghĩ đến gia đình cháu, nhớ đến con anh Đoàn Chuẩn với chiêu hồi, chiêu hướng gì ấy, rồi lại nghĩ tới bà ngoại, lòng cậu lại rối như tơ vò, chửa biết tính sao. Nhưng trên đường di chuyển qua trung Lào thì bị B52 chà xát, sư đoàn cậu bị tổn thất khá nặng nên được rút về Nghệ An, từ đó có nhiệm vụ phòng thủ vùng bên này sông Bến Hải. Vì có chút ít văn hóa nên cậu chả phải đánh đấm gì cả, chỉ làm thơ, làm báo cùi, để có chút gạo, đường bồi dưỡng. Đến cuối năm 74, một bộ phận sư đoàn cậu được lệnh điều động qua phía tây Thừa Thiên, giáp Huế để làm nhà ở cho dân quanh vùng. Nghe tin trong lòng cậu cũng mừng vì yên chí như vậy thì chiến tranh cũng đã sắp hết, gia đình mình sẽ đoàn tụ một ngày không xa.

Vừa đến nơi thì được lệnh vào cánh rừng Đồng Lâm ẩn nấp để chờ lệnh mới, gặp mùa mưa, dầm dề cả ngày cả đêm, ngập đường ngập đất, ngập cả hầm trú ẩn. Gạo và củi bị ướt, không nấu nướng gì được, phải nhai sống từng ôm rau môn, rau tai voi với lương khô gần một tuần lễ nên ai nấy đói meo. Mới đây cậu lại bị bệnh tê thấp, ngâm người dưới nước suốt mấy ngày liền, nên mắt trắng môi thâm như bị sốt rét. Sang đến sế chiều ngày thứ sáu thì có lệnh rút về bên kia Bến Hải, vừa kéo quân ra khỏi bìa rừng thì thấy một đám lính ngụy đi ngang, họ thả bộ không đội ngũ, súng vác vai, cười nói vui vẻ.

Gã chính trị viên là bạn học cũ với cậu, cả hai dùng ống dòm nhìn kỹ toán quân này để điều nghiên thấy họ vừa đi vừa nói chuyện inh ỏi vừa ca hát vang trời vì có người vác cả "cál đài" trên vai. Lạ hơn nữa có người lại nắm giây thừng kéo cả con lợn theo. Sau này học tập rút ưu khuyết điểm của trận đánh với quan chức cấp trên, cậu mới biết đó là trung đội 2 thuộc một tiểu đoàn địa phương quân mà trước kia ngoài Bắc gọi là lính dõng, lính quận hay thời Tây gọi là lính "pạc-ti-dăng" ấy mà và họ đang bỏ đồn rút về tỉnh vì thời thế lúc ấy không thuận lợi cho họ giữ cầu gác chợ nữa. Gã chính trị viên vỗ vai cậu chỉ con lợn và gật gật cái đầu. Cậu hiểu ý gã

muốn nói là đói quá rồi, hãy xua quân ra quần thảo một trận để bắt…con lợn làm thịt nuôi quân. Cậu lắc đầu thì thầm với gã là trước sau cũng sắp về đến hậu phương, vì cái bao tử, vì con lợn mà đánh nhau, thể nào cũng mất dăm mạng lính chẳng bõ.

Không trả lời cậu, chẳng nói chẳng rằng gã vẫy tay gọi hai anh nuôi quân nhỏ to gì ấy cậu chẳng biết nữa. Bất thình lình gã chính trị viên vung tay ra hiệu lệnh cho lính bung ra. Thế là lính của tụi cậu từ dưới đất chui lên, từ trên trời nhẩy xuống, bổ nhào vào đánh giáp la cà, như hổ đói mồi, la hét vang trời "hàng sống chống chết" và bắn nhau xối xả, cả bìa rừng náo loạn như bị nhồi vào giữa cơn lốc.

Lúc đầu, tụi cậu bị mất chủ động vì chưa quen đánh bộ binh, lính thì phần nhiều là lính mới, ngơ ngáo lần đầu ra trận như cậu. Nhưng một lúc lâu sau thì phía cậu trấn áp phía bên kia vì đông hơn, mặc dầu họ bị bất ngờ nên nháo nhào, nhưng cũng phải công nhận họ phản ứng nhanh và khá thành thạo, nên mới nhập trận, chẳng may tiểu đòan trưởng của cậu đã bị tử thương. Nhưng đến sế chiều thì họ gần như bị tiêu diệt tòan bộ, số nhỏ còn lại buông súng đầu hàng. Sau trận đánh chớp nhóang, gã chính trị viên và cậu, người đầy bùn và đất vàng khé, đầu không mũ, chân tập tễnh đang tổng tra trận địa, đầy khét sặc mùi thuốc súng, mùi nhựa cây hăng hắc. Trong khi ấy con lợn cũng đang kêu la eng éc như muốn trốn chạy, hai chiến sĩ nuôi quân quên cả thu vén súng ống đạn dược, mấy cái tượng gạo, mấy cái bình tông, nhào tới nhanh như chớp để bắt nó. Bỗng dưng có một thương binh áo đẫm máu, tay này cầm giây thừng buộc cổ lợn, tay kia cầm súng nhỏm dậy kêu chó lói: "Trả lại con heo của tao" rồi nhắm ngay hai anh chiến sĩ nuôi quân quơ quào một tràng. Hai anh này vừa chộp được con lợn ôm khít khìn khịt, một anh hét lên: "Không! Con…nợn của tụi tao" rồi cả hai bật ra như cái cây bị đốn ngã vật xuống chết tươi. Gã chính trị viên đang đứng gần đấy nổi cơn điên, sốt tiết ra lệnh tiêu diệt hết đám tù binh và thương binh còn lại, tiếng súng đì đạch, tiếng lưỡi lê đâm vào da thịt người, tiếng la khóc thảm thiết, vang dội cả một góc rừng. Một lát sau thì khỏang đất trống trở lại ăng lặng và đầy thê lương, chỉ có tiếng rì rào của những cánh cỏ may và theo cậu biết thì không một ai sống sót.

Chiến trường đã im tiếng súng, tiếng ka hết, cậu lần thần đến gần xác anh lính ngụy có con lợn. Nhìn kỹ hơn anh ta thì cậu thấy anh ta chẳng đeo lon lá gì, mặt anh còn trẻ. Tay anh không còn nắm cái giây thừng nữa và thõng xuống mặt đất. Ánh sáng ban mài chiếu vào cái đài có hai người lái lấp lánh đến nhức mắt. Chẳng hiểu nghĩ thế nào, cậu cúi xuống tháo ra. Nhưng trước khi kín đáo bỏ vào túi. Cậu nhìn thấy cái đài chỉ 7 giờ 28 phút và qua ô cửa sổ vuông bé con con nó chỉ ngày 17.

Nhức đầu chóng mặt và mệt lả, cậu ôm đầu lủi ra phía sau ngồi nghỉ thì mới biết mình bị thương nhẹ, nhưng cậu thấy không sao. Nghĩ đi nghĩ lại thì đây là lần đầu tiên cậu đụng trận mới biết thế nào là chém giết, mới thấy tận mắt máu me và chết chóc, cậu không thể hình dung chiến tranh khốc liệt và tàn nhẫn đến như vậy. Cậu về lại Nghệ An, sau mấy tuần an dưỡng, xuất viện thì được phục viên, một buổi tối cậu nằm mơ thấy răng bị chẩy máu, linh tính có điềm gì nên cậu không đợi ký giấy má, vội bương bả lặn lội ngược về Bắc. Xuống ga Nam Định độ mười người khách, họ không dám ra phố vì mới hai giờ sáng, riêng cậu cứ lầm lũi đi dưới ánh trăng hạ tuần nhạt nhòa trải đầy đường xá. Cột Cờ thành phố, chùa Vọng Cung đã đổ sập, cậu đi ngang qua Nhà Máy Tơ, về bến Thóc để rẽ về nhà ở Phố Khách. Đây rồi nhà mình, nhưng không thể tưởng tượng được, căn nhà ba tầng nay chỉ còn trơ lại hai chiếc cầu thang uốn lượn ở trước cửa, tất cả còn lại nay đã bay hết…Chết lặng trước đống gạch đổ nát, chờ mãi mới có người ra phố

gánh nước sớm, cậu bám theo hỏi và họ cho biết hình như bác Cả đã chuyển về phố Nhà Máy Chai.

Cậu vội vã cám ơn và chạy như ma đuổi và tìm mãi mới ra số nhà 24, nhưng không biết đúng nơi chốn hay không, lại mới bốn giờ sáng, cậu không biết làm gì hơn là nằm dỗ giấc ngủ ngay dưới mái hiên. Lát sau, người mở cửa là hai bác Cả, hai bác ôm lấy cậu mà khóc và báo cho cậu biết là bà ngoại đã mất được hơn 49 ngày rồi, sau đấy là cả nhà mừng mừng tủi tủi vì mọi người đều nghĩ cậu đã chết mất xác ở đâu đó. Hôm sau cậu đạp xe lên Cầu Vàng thuộc thị trấn Yên Định thăm mộ bà, vì trên đường sơ tán từ Thái Nguyên về và bà đã mất tại đây. Nghĩa trang nghèo nàn, ảm đạm và cũng vừa mới đây, cậu được bác Cả cho biết, cháu cũng từ Mỹ quốc vừa gửi tiền về để lo di táng phần mộ bà về cạnh ông ở nghĩa trang Cánh Phượng. Cậu cũng rất mừng, cháu lại còn lo chu cấp cho gia đình bác Cả hàng tháng, thứ nhất tích đức, thứ nhì tích điền, giúp đỡ một người bằng mười lần xây tòa bửu tháp. Cậu rất muốn, nhưng mà cũng không làm được với những kinh phí ấy, vì vậy với lòng thành, cậu chỉ biết tặng cháu một chữ Tâm.

Ngày 30 tháng Tư đất nước thống nhất, cậu mừng vui trong háo hức là sẽ gặp lại những người thân sau bao năm cách biệt, háo hức như con đứng ngóng ở đầu ngõ đợi quà của mẹ đi chợ về, để rồi cậu thao thức, mong đợi đếm từng ngày từng tháng . Tháng 7-1975 cậu mò vào Nam tìm gia đình cháu, chuyến đi thật vất vả, trong túi chẳng có bao nhiêu tiền, nên hai bác Cả dấm dúi cho cậu một tay nải gạo, ký đường cát, chồng bát sành để làm quà cho thầy mẹ cháu. Mặc dù đã phục viên, cậu mặc quần áo bộ đội, cứ đi bộ gặp xe nhà binh thì vẫy đi, nhờ thế mà cũng lên tới Hà Nội. Ở nhà mấy ngươ bạn, rồi họ gom tiền mua vé cho cậu đổ xuống Vinh, từ đây cậu cứ như vậy mà tiếp tục đi tiếp. Chỉ có điều độ rày cậu không được khỏe, bệnh tật nhiều như huyết áp cao, sỏi thận, bướu cổ, lại mới bị thương, nên có nơi cậu phải nằm lại một, hai ngày để lấy sức. Trên đường cậu thấy nhiều cán binh, cán bộ ngược về Bắc với nước da sốt rét bợt bạt, áo quần cũng bợt bạt, trên người, trên ba lô, khung xe đạp vắt vẻo lỉnh kỉnh búp bê tóc vàng tóc nâu, tay còn tay mất, chỉ có thế, những thứ quá nghèo nàn, trông vừa thương vừa tội. Nhưng ngay chính trong thâm tâm cậu, cậu cũng muốn có dăm thứ như vậy, nhưng ước gì lành lặn hơn, để làm quà cho con của cháu, cho con của thằng Ân.

Lập cập mãi rồi cũng vào tới Nha Trang, cậu bị đuối sức vì cái chân bị thương hồi trước nó hành, tính nghỉ ngơi dăm bữa rồi suôi Nam. Tha hương ngộ cố tri thì bất ngờ gặp chú Tuất, là tá điền nhà ta hồi trước mà cậu đã kể cho cháu ở đầu thư, nay chú ấy là cán bộ nhà nước cũng vừa từ Sài Gòn ra đây công tác. Nghe chú Tuất thông tin về gia đình cháu, kèm theo chuyện thằng Ân anh cháu, nó vừa mất mới đây, cậu buồn quá nên chẳng thiết tha gì đến chuyện vào trong Sài Gòn nữa. Cậu cũng dặn dò chú ấy đừng cho ai trong gia đình mình biết, xem như không gặp cậu ở đây. Sinh ly tử biệt, cậu cũng nhờ chú Tuất khi nào vào lại trong ấy, việc đầu tiên là kiếm mộ phần thằng Ân và thắp dùm cậu ba nén hương. Không nói cháu cũng biết, chú Tuất là người thuần hậu ít thấy, trong thời buổi kinh tế, đại gia đình ta gượng dậy được là cũng qua tay chú Tuất. Rồi hoàn cảnh đẩy đưa, cậu gặp mợ và lập gia đình, cũng nhờ chú Tuất sắp sếp và còn lo liệu cho cậu mợ có một cơ sở nho nhỏ để có đồng ra đồng vào. Trong gia đình, chẳng dấu gì cháu cũng có thế này thế kia, cậu mợ cơm không lành canh không ngọt, chẳng có những hạnh phúc êm đềm như thầy mẹ cháu. Như đôi đũa lệch chỉ vì mợ không phải là người cùng quê, lại khác lập trường và văn hóa, nhưng may mắn, bây giờ cậu mợ có hai em cũng ngoan và biết lo học hành, nên cậu cũng được an ủi một phần nào. Cậu cũng vừa nghỉ hưu năm rồi nên rảnh rỗi là cậu đi chùa, được hòa thượng chủ trì chùa tổ đình ban cho hai chữ Tâm Không.

Năm 1988, chú Tuất điện báo tin mẹ cháu đang hấp hối, cậu vội vàng vào Sài Gòn ngay ngày hôm sau. Cậu có nhiều chuyến đi vội vã đầy rối rắm, với nhiều lo âu canh cánh bên lòng, nhưng chưa lần nào bồn chồn như lần này. Đến nơi thì chẳng còn kịp nữa, với những ưu tư ngổn ngang trăm bề, mà bấy lâu nay chẳng dám thổ lộ với ai, và cậu cứ chịu trận ngồi yên một chỗ, khật khờ nửa muốn nửa không, để rồi cậu không có can đảm, không dám vào nhà để vái ba lạy, để gặp chị mình lần cuối…Sau đó cậu nhờ chú Tuất chạy đi mua ít hoa quả nhang đèn, từ trong quán nước đối diện nhà cháu, nhìn qua bên kia đường, cậu cố gắng nhưng vẫn không thấy rõ khung hình mẹ cháu, đặt trên cỗ áo quan ngay giữa cửa ra vào, chỉ thấy thầy cháu và cháu đi đi lại lại tiếp khách. Và cậu cứ tư duy mãi, vật đổi sao rời, đã có người mất người còn. Người mất như mẹ cháu thì như cái phúc, cái phần, người còn lại cũng đã có nhiều thay đổi về hình hài, nhưng con người vẫn vậy. Nhưng với cháu thì thực tình cậu nhận không ra, ba mươi tư năm rồi chứ ít ỏi gì, mới ngày nào lũn chũn, củ mỉ cù mì, bây giờ tóc thưa, mang gọng kính đồi mồi, khuôn mặt khắc khổ như một thầy giáo nghiêm khắc, như công chức nhà nước mẫn tiệp, nhìn kỹ, cháu có nét khó khăn của ông ngoại hồi còn trẻ. Và cậu cũng bắt gặp mấy thằng con cháu đeo khăn vàng, mặt mày ngơ ngác, hình như cũng trạc tuổi với mấy cậu cháu mình ngày nào ở Ân Phú, âm u và ảm đạm trong ngày con bác Cả chết trôi. Rồi đến thầy cháu, được thừa hưởng sự giáo dục của ông bà ta xưa, với đức tính khiêm nhường nhưng khí khái của người sĩ phu Bắc Hà. Bên cạnh là sự tần tảo và thương yêu chăm sóc của mẹ cháu, cậu cũng không quên chính sự dữ đòn của mẹ cháu với cậu hồi nhỏ, như trốn học để bị ăn thước kẻ vào lòng bàn tay, mà nay cậu đã nên người. Với mẹ cháu, ngay cả cho đến lúc ấy, ngồi ở quán nước bên kia đường, trong đục vơi đầy với âm dương cách trở, lúc nào cậu cũng là thằng em bé bỏng và nhút nhát...

Đến quá chiều chú Tuất dẫn cậuu đi ăn gần đấy rồi đến chiều tối cậu trở lịai ngồi chỗ cũ. Bên kia đường, văng vẳng iếng tụng kinh gõ mõ từ cái máy hát vọng qua bên này, lòng cậu chùng xuống, có một khỏanh khắc, cậu muốn bước qua bên kia đường. Nhưng ngay sau đó, tiếng phường bát âm, tiếng kèn Tầu như cản cậu lại, cậu nghe rõ ràng như tiếng con tò he thổi nghe rền rĩ, đứt quãng, mà mẹ cháu mua cho cậu ở chợ Viềng trong những ngày giáp Tết. Khuya cậu về nhà nhà chú Tuất ngủ qua đêm, sáng hôm sau ngồi nấp sau xe Honda của chú ấy để đưa mẹ cháu ra nghĩa trang. Một mình đứng dưới gốc cây tự đằng xa, cậu vẩn vơ ước mơ một ngày nào đó, mặc dù cậu tự biết chẳng bao giờ thành tựu. Lúc cậu cháu mình có tuổi, cả hai sẽ đưa mẹ cháu về nghĩa trang Cánh Phượng để gần ông bà và cậu cháu mình sẽ sống lại những ngày tháng xa cũ ở Nam Định. Và cậu cứ lẩn thẩn như vậy mãi, cho đến lúc mọi người về hết, cậu nhờ chú Tuất dẫn cậu thăm mộ thằng anh cháu nằm gần đấy. Trong khi đợi chú Tuất, cậu nhìn cái đồng hồ hai người lái đang đeo ở cổ tay mà cậu đã lấy được từ anh lính ngụy. Cậu chẳng biết lúc ấy là mấy giờ vì cái đồng hồ chết tự dạo ấy, trong cái cửa sổ vẫn còn giữ nguyên “17”. Anh sáng ban mai lấp lánh năm nào chên chếch qua mặt kính làm cậu hoa cả mắt.

Đến đây cháu đã đóan ra một phần nào câu chuyện qua cái thư này:

Vì cậu đã gặp lại thằng Ân…”một lần”. Chỉ một lần duy nhất ở cánh rừng Đồng Lâm, mặt trận giáp tây Huế, 7 giờ 28 phút ngày 17 tháng 11 năm 1974...

Cậu

(ký tên)

V i ê n Đ ạ n L ạ c

Lê Anh Hoài

Tôi không biết mặt anh, gọi điện bảo chị tôi gửi ảnh anh ra cho tôi thờ, chị ờ ờ, nói: anh có tro đặt trên chùa, ảnh cũng trên đó, làm thế nào? Tôi nói chụp lại, chị ờ ờ. Rồi kẻ Bắc người Nam, dù là thời đại tin học, tôi vẫn chẳng có ảnh anh. Đành thờ suông, một bát hương, đáy có để tên anh, tự tay tôi viết chữ quốc ngữ. Mỗi tháng đôi lần, hoa trắng dâng lên, tôi lẩm bẩm cầu khẩn anh phù hộ độ trì.

Tôi cũng mới biết thờ anh. Bà ấy chân thọt, mắt lác xệch khi thổ công nhập vào, giọng ồm ồm: Mày có thấy chó sủa đêm? Đấy. Mày với anh mày quan hệ rất lớn. Làm em phải thờ anh, chẳng lẽ để bố mẹ thờ con, nên anh mày vẫn không an... Tôi nghe rợn gáy, lòng bỗng rỗng ra, chợt nhớ đến, như nhớ đến một món nợ trót quên.

Nói với cha, cha gục gặc mái đầu nặng tuổi bát tuần, mắt nhìn xuống, như nặng thêm. Hỏi: Cha còn nhớ mặt anh Phước? Đầu cha lại gục gặc, rồi lắc lắc.

Chuyện tôi cũng chẳng nói với mẹ.

*

Trong số sách vở cha tôi mang về Bắc sau khi đi Nam về sau "giải phóng", có cuốn sách ghi những chữ lạ như "quốc văn", "tú tài đệ nhất"... Cha giải thích đó là sách giáo khoa văn học của miền Nam "thời nguỵ". Trang đầu, ghi những chữ nắn nót: Lê Hữu Phước, Sài gòn, 1974...

Sài gòn, thời đó với chúng tôi là một miền đất vui nhưng xa lắm. Chỉ biết từ đó đưa về những áo thun, bóng bay, bánh kẹo rất sặc sỡ. Đưa về những câu chuyện cha mẹ tôi đêm đêm thì thào, chập chờn giữa giấc ngủ tôi những địa danh xa lạ "Quảng Nam", "Thạch Bộ", "Đại Hoà", "vùng chiến thuật", "càn trắng"..., những tên người ám ảnh "bà Mười", "ông Quảng", "con Duyên"... Một lần, bỗng giật mình nghe "đạn lạc", lại nghe "loạn", "cướp bóc", "hôi của", "văn khoa Sài Gòn". Từ "đạn lạc" ám ngay vào.

Hỏi cha, cha ngó qua chỗ khác.

*

Cho đến giờ, tôi vẫn hình dung, một viên đạn súng trường bắn chỉ thiên xiên xiên, lên suốt tầng mây, đến đỉnh parabol, lao vút xuống, trúng vào một người, đó gọi là "đạn lạc". Mặc dù bây giờ đã biết không hẳn là thế.

Lại nhớ hồi nhỏ xem những phim tài liệu, trong đó những ngươi lính phe thắng trận thế chiến II, khi nghe tin chiến thắng, nã lên trời hàng tràng đạn. Chiến tranh kết thúc, ai mà không hân hoan. Thêm nữa, cuộc chiến ấy kết thúc, ngươi lính thường ảo tưởng sẽ chẳng bao giờ còn phải bắn giết, hay tránh đạn. Xả đạn lên trời cũng là một hành động hào sảng.

Những người lính phía thua trận, thì thường vứt súng đạn xuống đất. Nhưng cũng có những kẻ không cam tâm, điên cuồng xả súng.Rồi những kẻ thấy (và thích) loạn, nổi lên cướp bóc, thanh toán oán ân. Trong chiến tranh, không chỉ có hai phe. Đấy chỉ là những điều vu vơ nhặt được, cảm thấy lang mang hồi ấy... Anh tôi cũng chỉ biết chiến tranh qua những cách như thế. Anh tôi và tôi không trực tiếp tham chiến.

Lòng người tan nát, súng đạn lên ngôi. Những viên đạn vô tình bay từ mọi hướng, đến từ mọi phương, đường đạn chắc cũng đa dạng phong phú lắm, cũng vẽ ra những đường đẹp lắm, nhất là

trong đêm tối. Nhưng với tôi, viên đạn lạc vĩnh viễn là viên đạn lên rất cao, rồi từ tầng mây bổ xuống. Trúng anh tôi.
*
Tôi thường đem quyển sách giáo khoa ra ngắm nghía, nó trông cũng lạ. Lúc đó, tôi chưa hiểu những gì viết trong đó. Hỏi thì cha tôi chỉ im im, rồi đi ngay làm việc khác. Nhưng ngắm mãi thì như tôi hiểu một cái gì đó. Những hình ảnh nhập nhoà cứ hiện ra khi tôi nhìn vào dòng chữ nắn nót đầu sách. Như có một cái gì liên tưởng. Tôi nhớ đến vài tấm ảnh lạ trong album ảnh gia đình, nước ảnh rất tốt dù đã cũ. Trong ảnh, một người phụ nữ ngoài 20 tuổi nét mặt trang nghiêm, hai đứa trẻ con một trai một gái cũng cổ trang nghiêm nhưng đầy ngơ ngác. Đây là ai? Cha mẹ tôi đều lảng đi, hướng tôi vào những tấm ảnh khác. Nhiều lắm, trong đó ít ảnh nào không có cha tôi. Nếu không có cũng được giải thích ngay. Đây là... Đây là... Nhưng trong những tấm ảnh này. Không giải thích.
Trong tuổi hoa niên của tôi, nhiều điều biết được, đều do cảm thấy, liên tưởng ra. Những hình ảnh mộng mị cũng tham gia, khiến không ít những điều tôi biết hồi đó là sai lạc. Nhưng những gì về anh tôi thì không sai lạc, dù chẳng bao giờ đầy đủ. Nó đến với tôi cũng như đường đi của viên đạn lạc. Từ một đầu kia đất nước, nó bay lên. Chập chờn. Ẩn hiện. Lúc vút lên, khi sà xuống, lúc bị gió đánh bạt ra biển, khi bị nắng nung tan loãng cao không, lúc bị trập trùng mây xô vào nơi rừng núi, khi theo bụi quẩn quanh giữa đô thành, nơi đầy những hơi người hôi hám.
*
Rồi một ngày, viên đạn của sự thật ám vào tôi, một thằng bé con không biết gì về chiến tranh, càng không biết gì về cái chết, càng không biết gì về sự chia ly và gánh nặng của mất mát, càng không biết gì về sự hao tán của cái thêm vào...Một sáng, có một chị áo trắng, đứng xa xa nhìn tôi. Chị nhìn như xuyên qua tôi, chẳng nói gì. Tôi nhìn chị trong nắng, chị như là nắng kết thành. Ánh mắt chị như đường đi viên đạn, xuyên thẳng người tôi. Tôi thấy choáng váng ngất ngây. Một thanh âm gì không nghe được bằng tai lùng bùng trong óc.
Mãi sau tôi mới biết đó là chị cả của chúng tôi. Chị Duyên. Duyên – Phước. Ngoài này cha tôi còn thêm mấy anh em chúng tôi. Trong những cái tên có âm Hoài, Phương... Trên đất nước này, đã có biết bao duyên phước chia lìa. Để rồi thêm bao nhiêu hoài vọng về những phương trời... Cái khủng khiếp của chiến tranh chưa phải là đất đai bị chia cắt mà là lòng người bị cách ngăn.

Anh tôi, sinh ra năm ***1954***. Đúng năm ấy, cha tôi khoác túi đi "tập kết". Tôi hình dung trong túi chẳng có gì đáng giá nhưng có mấy tấm ảnh chụp vội. Mà chưa chắc đã phải. Những tấm ảnh này đến với cha, mãi sau cái thời hạn hai năm bị mãi mãi kéo dài. Anh tôi, có lẽ chỉ biết mặt cha qua ảnh, khi người còn trẻ. Cha tôi, chỉ biết mặt anh qua ảnh, khi người đã chết.

Anh tôi, năm 1975 đã nuôi mộng vào học văn khoa Sài Gòn, rồi anh còn muốn đi học nước ngoài. Anh tôi, đã tự xây dựng một tủ sách gia đình... Tất cả đã chấm dứt vào ngày ***30-4-1975***. Một viên đạn lạc. Tôi ra đời, ở đầu này đất nước. Tôi cũng tuổi Ngọ như anh, nhưng anh không biết tôi khi anh còn sống. Tôi biết có anh khi anh đã chết. Anh chết vì một viên đạn lạc. Còn tôi thì phải sống với phần hồn dính đạn từ cái chết của anh.

Tôi sống tiếp anh.
Ngẩng đầu, bóng dáng những viên đạn vẫn bay nhưng nỗi đau đã dịu.

Chú Thời

Thu Thuyền

"Chú Thời với mẹ giống nhau như tạc." Bà ngoại bảo "Lúc mới sanh, tóc chú dợn sóng. Dày, mướt. Da chú trắng trẻo, mặt mũi mũm mĩm như Tây con." "Chú Thời hồi ấy to con, tính tình ma mãnh hơn mẹ nhiều!" Đó là những câu mẹ vẫn thường thủ thỉ cho chị em My, Nhu nghe, lúc mẹ cao hứng nhắc đến chuyện xưa, ngoài Bắc. My cố vẽ thử mặt mũi chú Thời trong trí tưởng nhưng càng nghĩ, hình ảnh chú càng mờ ảo như trong một thế giới khác....

Giải phóng gần nửa năm, My nghe tiếng người gọi cửa. Em Nhu nhanh chân phóng ra ngoài trước. Cổng mở, đóng đánh "Xoàng!" Chẳng thấy khách đâu, chỉ có cái miệng Nhu hớt hải:
"Mẹ ơi, Việt Cộng đến nhà kiếm."
My hoảng hồn bịt miệng em:
"Vào tận trong gọi mẹ. Từ rày về sau, không được gọi Việt Cộng là Việt Cộng. Họ nghe được thẻo cụt lưỡi đó."
"Eo ơi! Thế phải gọi làm sao?".
My ú ớ, nói bừa:
"Chiến-sĩ-Bộ-đội. Ờ... Bộ-đội-Giải-phóng-Miền-Nam! Thôi, vô kêu mẹ nhanh lên."
Nhu chạy biến còn My thập thò ngó qua khe cửa. Cô thấy một người đàn ông đứng quay lưng nhìn vơ vẩn ra đường. Ông mặc quần sậm màu, áo sơ mi trắng. Kiểu may rộng rinh, mốt từ thời 1950! Lúc ông quay lại, My muốn bật ngửa: Việt cộng! Mà Việt cộng loại cực xấu mới chết. Đầu ông sói hết ba phần tám. Trơ cái chỏm nhọn, phất phơ dăm sợi tóc mảnh. Gương mặt khắc khổ: Lưỡng quyền nhô cao, chân mày rậm xù, mắt sâu hoắm, hàm trên vẩu, đầu mũi to, cánh bè như mũi kỳ lân. Tấm nhan sắc vẫn thấy trong những bức biếm họa của báo Trắng đen, Chính Luận. Đến lúc quan sát kỹ, My phát bật ngửa lần nữa: Chao ơi, đây là âm bản của mẹ! Cũng gò má cao, mắt sâu, miệng rộng... nhưng không phải nói phét, mẹ trông như bà Jacqueline Kennedy, còn ông đây. Xin lỗi: Hệt như tên tiểu yêu trong Tề Thiên Đại Thánh!
My tất tả ra mở cổng mời khách vào. Miệng lí nhí chào. Vừa lúc ấy, mẹ xuất hiện. Ông khách... Chú... vụng về đặt túi gạo tiêu chuẩn vào tay mẹ, ấp úng: "Em, Thời đây chị... Lâu quá..." Nói đến đây, chú nghẹn lời. Mẹ vất bọc gạo xuống đất, ôm lấy chú Thời, khóc òa. Dĩ nhiên My chuồn êm. Trong đầu cô xẹt qua xẹt lại câu "Nam nhận họ, Bắc nhận hàng". Cố mấy thì cố, tình máu mủ trong cô nhất định không chịu phát tiết. Nếu còn nấn ná trơ mắt nhìn, sẽ lộ rõ mình là gái vô duyên. Đến bữa cơm, hai chị em My, Nhu mới rón rén ra bàn ăn. Chú Thời móc túi xách, cho mỗi đứa một cục xà bông thơm phức (chả bù với xà bông cây mẹ mua, sặc mùi sả.) My tròn mắt, nghĩ bụng "Ủa, có quà cho mình nữa à?". Nhưng cô không giấu được vẻ thích thú, cám ơn chú tíu tít. Chú Thời cười tủm tỉm. Nụ cười làm gương mặt chú dịu hẳn lại, trông đỡ sợ!
Chú Thời ngần ngừ một lúc, mới mở lời với mẹ: "Em tính vào đây buôn bán. Nghe nói hình Bác và cờ, trong Nam bán chạy lắm..." Mẹ gạt phăng: "Nhảm! Vài ba tháng đầu sợ, nhà nào cũng mua treo, kiểu như treo bùa Lỗ Ban. Giờ chẳng ai muốn bỏ tiền vào khoản này đâu!" Mặt chú sầm tối: "Tiền tàu xe, vô đến đây gần sạt nghiệp. Phải buôn bán thứ gì chứ không là gay lắm." Mẹ tần ngần, "Hay em buôn thuốc Tây, vốn ít thì mua loại quá hạn, đem ra ngoài

ấy, thể nào cũng có người mua." Suốt bữa cơm, mẹ với chú Thời bàn chuyện làm ăn. Hai chị em mới gặp sau bao năm xa cách, chưa tâm sự câu nào đã phải tìm cách chạy tiền. My thấy đúng là "cái khó bó cái... tình"!
Nói chuyện loanh quanh, chú chợt nhớ:
"Anh đâu chị?"
"Đi tù cả tháng nay rồi!"
"Chết! Tù à? Em tưởng anh ấy không dính dáng tới ngụy quân, ngụy quyền..."
Mẹ gắt:
"Thì được miễn dịch, không phải vác súng ngày nào thật. Nhưng đúng hôm xui xẻo, anh ấy đạp chiếc Vélo Solex mù ra chợ sách, khuân về một mớ truyện trinh thám, gián điệp. Công an chận lại hỏi giấy tờ, thấy sách Tây, bèn tóm cả sách lẫn người về điều tra. Họ bảo CIA!"
Chú vừa nghe vừa gật gù. Mẹ e dè:
"Liệu em có cách nào lôi anh ấy về không?"
Chú bật cười:

"Em tự lo thân còn chưa xong. Cứu gì ai? Trường hợp của anh, Bác Hồ có sống lại cũng chịu thua. Gì chứ tình nghi gián điệp thì gay lắm. Chẳng biết lúc nào mới có án."
"Án?"
"Có bản án, tội trạng rõ ràng thì mới biết ngày về. Cánh công an họ điều tra thong thả lắm. Lúc nhận bản án, lắm người được tha bổng vì đã ở tù đủ hạn."
Thấy mẹ thất vọng, chú an ủi qua loa:
"Chị ạ, bắt nhầm thì thể nào cũng được thả. Chị ráng phấn đấu lo cho các cháu. Cần nhất là giữ hộ khẩu ở đây. Chớ có dại ký giấy đi kinh tế mới!"

Rồi chú hứa đi hỏi giùm. My nghi chú hứa suông cho bữa cơm đỡ tẻ. Không ngờ chú Thời giúp thiệt. Chú đi loanh quanh mấy ngày, trở về với lá thư viết tay của bố. Đại khái bố hỏi thăm cả nhà; cho biết đã nói chuyện với chú Thời dăm phút và được chú biếu gói xôi gà, ăn ngay tại chỗ. Cuối thư, bố hy vọng sẽ được về nay mai... Chú Thời chờ mẹ đọc thư xong, nói thẳng, "Độ tháng sau, hồ sơ anh sẽ được đem ra xét xử. Em chạy đúng cửa, chỉ tốn mất cái máy chữ ." Sợ mẹ hiểu lầm mình vòi tiền, chú nói thêm: "Em xin máy từ mấy đứa bạn văn nghệ. Thành ra coi như không tốn xu nào." Chú nhắc đi nhắc lại: "Vụ này, em chỉ làm được đến đây là hết mức!". Để mẹ đừng bắt chú trải thảm đỏ rước bố về chắc, My nghĩ.
My không ngờ chú Thời coi xấu vỏ nhưng lắm nết hay. Mỗi lần tắm, chú đều giặt giụa quần áo, phơi phóng sạch sẽ xong mới xuất hiện khỏi buồng tắm. My không phải hầu chú một ngày nào cả. Còn thế này nữa chứ: Mẹ hay mua vịt, gà làm sẵn về. Chú nhìn con gà béo núc ních, da dẻ vàng lườm... một cách khinh bỉ. Chú bảo, "Chị mua gà vịt sống về, em cắt tiết. Mấy con này thịt không được tươi, ăn tanh lắm. Bọn con buôn hay ngâm nước, thoa nghệ lên da. Vừa đắt, lại làm sao ngon được?" Lúc có con vịt dãy dụa trong tay, chú Thời xắn áo, kéo cao ống quần. Cắt tiết, nhổ lông soàn soạt. Hai chị em My, Nhu đứng tít đàng xa nhìn chú trổ tài. Một con vịt, chú có thể làm được 36 món. Mẹ mê món bún sáo măng với đĩa vịt chấm nước mắm gừng. Tiết canh, chú hãm vừa tới. Ắn sần sật cổ cánh, lòng... Lúc đầu My còn gớm cảnh mồm miệng máu me. Ắn vài miếng, cô chìa bát xin thêm. Nhu thì nếm món nào, em cũng gật đầu khen, "Hết chỗ chê. Ngon chết được!" Tối đến, Nhu thì thầm với My: "Bốn bồ: Công Dung

Ngôn Hạnh, chú Thời chiếm hết. Cô nào có phước lớn mới được chú rước về!" Mỵ cười cười, "Làm ơn cho xin chữ Dung để sau này chị em mình còn kiếm chồng chứ..."

Có hôm bạn mẹ cần giấy đi đường, nhờ chú lo giùm. Loáng một lúc, chú đã có giấy đóng mộc của cơ quan nhà nước hẳn hòi. Cơ hội làm ăn thơm phức bay tới. Mẹ móc nối với đám người quen đang muốn thăm dò mấy tỉnh ven biển, chú Thời cung cấp giấy tờ. Người này truyền miệng người kia. Nhằm mùa biển lặng, cả túi chú Thời lẫn túi mẹ đều rủng rỉnh vàng. Chú Thời chiếm được cảm tình của mọi người thật dễ dàng. Ai cũng mong đến bữa cơm tối để nghe chú Thời trổ tài kể chuyện. Có bữa chú kể chuyện ma công an, ma bộ đội; có hôm chú kể lại phim chú mới xem cùng với đám bạn văn nghệ. Nhìn chú diễn tả phim Exorcist, Quỷ Ám thú vị còn hơn ngồi rạp. Ly kỳ, hình ảnh sôi động. Hai chị em Mỵ, Nhu nghe đến nhiều đoạn phải hét lên vì sợ. Em Nhu còn xem chú là nhà văn thiên tài sau ngày chú giúp bình thơ Bác Hồ, được chấm nhất. Mỵ thì có bài chính trị phải nộp, chú ngồi quẹt một hơi, ra năm trang giấy chi chít những cải thiện quan hệ xã hội và đấu tranh với thiên nhiên xây dựng xã hội chủ nghĩa, ba dòng thác cách mạng... Mỵ chỉ cần chép sạch, đem nộp. Cô giáo cho 8/10, vẻ vang cả buổi. Không biết từ lúc nào, hai chị em Mỵ, Nhu cùng nhìn chú Thời bằng ánh mắt khác. Thêm đám bạn bè chú ghé đến. Toàn dân miền Bắc vào Nam phe phảy nhưng người nào cũng quần áo bộ đội, nón cối trông rất hách. Đám Cách Mạng Ba Mươi, phường khóm, tổ trưởng... tự nhiên đối xử với gia đình Mỵ tử tế hẳn.

Trong số bạn bè văn nghệ của chú Thời, Mỵ rất thích chú Họa sĩ. Cô lăng xăng hầu nước, hỏi về quan điểm nghệ thuật của miền Bắc v.v., bàn luận hết sức tâm đầu ý hạp. Lúc cao hứng, chú Họa sĩ đề nghị vẽ chân dung. Cô gật đầu cái "bóc!". Thế là tay chú Họa sĩ thoăn thoắt phác họa. Trên nền giấy trắng hiện lên khuôn mặt của Mỵ. Cô thấy nét bầu bĩnh của mình bị chú Họa sĩ nhìn thế nào mà vẽ ra vuông như cái bánh chưng, lại thiếu chiếc nốt ruồi duyên "Marilyn Monroe" của cô? Không lẽ họa sĩ đang vẽ, cô lại bảo, sửa giùm chỗ này, bỏ thêm nét khác? Cô đợi chú Họa sĩ vẽ xong, đem vào nhà, lấy bút quẹt thêm tí tóc che bớt khuôn mặt. Tiện tay, cô điểm cái nốt ruồi duyên vào. Sau, chú Họa sĩ thấy tấm hình bị tu bổ, chú giận đỏ mặt. Cô kinh ngạc: Sao mà chấp nê như con nít. Vẽ không trúng thì sửa, mắc gì nổi xung? Thế là cô vứt bẹt bức hình vào thùng rác rồi hậm hực kể cho chú Thời nghe. Chú cười khanh khách, "Cho nó chừa tật phách lối. Gặp chú, chú cũng sửa thẳng tay. Đúng mày là cháu của chú!" Mỵ nghĩ: "Chỉ có mấy ông họa sĩ trong cục Tâm Lý Chiến của ngụy quân, ngụy quyền mới thích vẽ chân dung chú!" nhưng cô đời nào nói ra, mất lòng chết!
Sau vụ xì nẹc ông họa sĩ Giải Phóng Miền Nam, Mỵ không thèm ra gặp bạn của chú Thời nữa. Tránh luôn cả chú. Mặc cho em Nhu tìm cách giảng hòa, cứ nhắc: "Chú Họa sĩ muốn vẽ lại hình cho chị Mỵ đấy. Chú Thời hỏi chị dạo này hay đi đâu mà chú ít gặp, em phải nói giùm là chị ăn cơm sớm để đến nhà bạn học thi...". Cô bĩu môi không trả lời!
Áp phe làm giấy đi đường bắt đầu bị công an nghi ngờ. Chú bùi ngùi bảo mẹ: "Chị em mình nên ngưng vụ này. Vốn liếng em đủ để vừa đi buôn, vừa đi chơi. Em đã thu xếp tàu xe trở về ngoài ấy. Em khuyên chị nên tìm cách trốn ra khỏi nước chứ không tương lai các cháu sẽ chẳng ra gì. Chị nhìn em, vẫn vô gia cư vô nghề nghiệp, dù mợ đã hiến vàng cùng các hiệu buôn, lẫn nhà đất." Mẹ rơm rớm nghe chú dặn dò trăm chuyện. Ngày chú bịn rịn chia tay với mẹ và em Nhu, Mỵ đứng sau cửa. Khi dáng chú khuất dần ở cuối đường, cô mới quay vào

nhà. Chú Thời đi rồi, phòng ốc chợt trống trải lạ! Thiếu giọng nói ấm áp, tiếng cười rang rảng của chú Thời, không khí trong nhà chìm xuống. Bụi tre trước cổng trông lủi thủi thế nào?
Một chiều, sau hôm bọn Cách Mạng Ba Mươi vào sục sạo nhà My (hình như kiếm xì ke ma túy), ông phát thư vứt qua cổng một lá thư của chú Thời, gửi từ Cao Bằng. Mẹ đang nát lòng, đọc thư xong phì cười, Cái thằng khỉ thiệt! My và em Nhu vội hỏi, Chú Thời nói gì thế? Mẹ chỉ đoạn chú viết: Em vừa ghé qua Hải Phòng tính kiếm cách đi chơi xa một mẻ. Không ngờ tống được hết đống hàng cho mấy tay buôn sắp vào Nam. Một thùng tướng, toàn hình Bác và cờ đỏ sao vàng. Nếu em trở lại Hải phòng lần tới, dám sẽ bị du dãng dần cho nát thây. À, dân bến cảng Hải Phòng dữ mấy, em cũng không sợ, chỉ sợ cái tánh giận dai của con bé My! Hai chị em bật cười, "Chú Thời ma mãnh, mẹ nhỉ?" Ba mẹ con bất chợt im lặng: Đi chơi xa? Chú Thời bây giờ đang phiêu lưu ở chân trời nào? Có chú, đố bọn nào dám rần rần vác súng vào nhà này!

Rồi bố được thả về.

Vài tháng, bố lại bị còng tay đưa vào tù. Công an đến bới tung nhà. Lúc đem bố đi, tang vật duy nhất là bộ quần áo Cán bộ Xây Dựng Nông Thôn trên người bố! Mẹ đoán họ bắt bố vì tình nghi Phục Quốc. Đến lúc chạy một vòng hỏi thăm, mới hay công an đã lùa bạn bè của bố vào tù chung cả nút. Nghe đâu bố và các bác bị tình nghi tham gia nhóm văn nghệ sĩ phản động chống phá Cách Mạng. Mẹ gửi thư ra Bắc nhờ chú Thời giúp nhưng thư chẳng được hồi âm. My hằn học nói với Nhu, "Chú sợ dây dưa với ông anh rể nguỵ, tìm cách lánh mặt cả nhà đấy!" Nhưng bụng My vẫn hy vọng chú đang huýt gió ở một trại tỵ nạn nào đó. Nhu thì nhất định bảo, "Chú Thời gặp trúng thời, tiền vô như nước. Em như chú Thời, em ra Huế bồi dưỡng. Lô-gích không?" My nhăn mặt, "Toàn học mót chữ của chú Thời, nghe nổi gai ốc!" Mẹ chả nói gì. Bà ra sau nhà mở cống, moi một chỉ vàng mua đồ thăm nuôi bố và hương đèn, cầu xin ông bà phù hộ chú Thời được bằng an. Em Nhu nhắn: "Mẹ nhớ mua cái mũ cho chú Thời, để khi trở lại, đầu chú khỏi bị giộp nắng Sàigòn."

My bỗng thấy mũi cay như ngửi trúng phải hơi hành. Cô cũng mong gặp lại chú Thời như mẹ và em Nhu. Nếu chú Thời trở về, My sẽ nhất định bắt chú để quần áo đấy cho cô giặt, ủi. Sẽ cùng ăn cơm tối, nghe chú kể chuyện ma... Nhưng cô mong nhất là nghe lại được câu phán: "Đúng mày là cháu của chú!"

Trận Chiến Xuân Lộc

Xuân Lộc thuộc tỉnh Long Khánh cách Sài Gòn 60 cây số, phạm vi trách nhiệm của sư đoàn 18 là Long Khánh, phụ trách an ninh phía Bắc căn cứ Long Bình, Quốc lộ 15 và căn cứ Không quân Biên Hòa.
Quân đoàn 4 BV gồm các đơn vị đã chiếm QK 2 theo Quốc lộ 1, Quốc lộ 20 tiến về Sài Gòn, gần giao điểm của hai Quốc lộ này là Xuân Lộc. CSBV huy động 4 sư đoàn thuộc Quân đoàn 4 đã bị sứt mẻ: sư đoàn 6 gồm 2300 người, sư đoàn 7 có 4100, sư đoàn 341, sư đoàn 1 gồm 3400 người, sư đoàn 325 gồm 5000 người, trung đoàn biệt lập 95B gồm 1200 người.

BV khi tấn công Xuân Lộc nhằm các mục tiêu.
- Tấn công tuyến phòng thủ then chốt phía đông như Xuân Lộc, Bà Rịa, Vũng Tầu.
- Kéo lực lượng Việt nam Cộng Hòa ra ngoài để tiêu diệt, mở cửa lớn để vào Sài Gòn.

BỐI CẢNH VIỆT NAM CỘNG HÒA TỪ SAU HIỆP ĐỊNH PARIS NĂM 1973
Ngày 10 tháng 10 năm 1972, trong một cuộc hành quân tại Quảng Trị, quân đội Việt Nam Cộng Hòa đã khám phá một hầm bí mật và tịch thu một bản thảo của hiệp định chấm dứt chiến tranh và vãn hồi hòa bình tại Việt Nam, cùng các kế hoạch của Bắc Việt nhằm dành dân lấn đất của Việt Nam Cộng Hòa. Đô đốc Sharp, nguyên tư lệnh các lực lượng Mỹ tại Thái Bình Dương, vào năm 1978 đã thổ lộ sự thật trong tác phẩm Strategy For Defeat như sau: "Hiệp Định Hòa Bình Paris ngày 27 tháng 1/1973 mà Mỹ chấp thuận và bắt buộc Việt Nam Cộng Hòa thi hành, không phải là một công thức hòa bình. Theo đó, Cộng Sản Bắc Việt không còn sợ Mỹ can thiệp nên đã tự do xâm lăng miền Nam Việt Nam mà không bị chế tài..."

Sau năm 1973, đường mòn Hồ Chí Minh biến thành một xa lộ đất. Nhiều đơn vị Bắc Việt bổ sung vào Nam như các Trung Đoàn 263 Tên Lửa Phòng Không và Hỏa Tiễn SA-2, ba ngàn cán bộ Công An Bắc Việt đến nắm quyền sinh sát tại các vùng đất vừa lấn chiếm, một hệ thống ống dẫn dầu dài hơn 5,000 km chạy từ Bắc xuống Quảng Trị, xuyên qua Cao Nguyên Trung Phần tới thị xã Lộc Ninh, song song với ống dẫn dầu cũ đã có sẵn từ Vinh chạy đến thung lũng A Shau. Nhiều lần, các thám thính cơ của Không Quân VNCH đã phát hiện từng đoàn xe Bắc Việt trên xa lộ đất nhưng bị Mỹ tìm mọi cách ngăn chặn không cho oanh tạc và chính quyền Việt Nam Cộng Hòa cũng không dám phản đối vì Nixon đã đe dọa "sẽ cắt hết tiền viện trợ."

Ngày 3 tháng 4/1974, Thượng nghị viện Mỹ biểu quyết cắt giảm viện trợ của Nam Việt Nam. Ngày 11 tháng 4/1974, Cộng Sản Bắc Việt tràn ngập trại Tống Lê Chân ở tỉnh Bình Long. Trại này do Tiểu Đoàn 92 Biệt Động Quân của Trung tá Lê Văn Ngôn trấn giữ sau 510 ngày bị vây hãm. Ngày 7 tháng 8/1974, quận Thường Đức thuộc tỉnh Quảng Nam thất thủ. Ngày 9 tháng 8/1974, Tổng Thống Nixon từ chức vì vụ Watergate, mang theo xuống mồ những lời hứa hẹn với Tổng Thống Thiệu về viện trợ, can thiệp,... Khi Phó Tổng Thống Ford lên thay thế, ông đã không thèm đếm xỉa gì tới miền Nam Việt Nam nữa.

Đầu năm 1975, Binh Đoàn 301 Bắc Việt gồm các Sư Đoàn 3 và 7 với chiến xa, đại pháo tấn công tỉnh Phước Long do Sư Đoàn 5 Bộ Binh của Việt Nam Cộng Hòa trấn giữ. Phước Long lọt vào tay Cộng Sản Bắc Việt ngày 6 tháng 1/1975 vì không có quân tiếp viện. Trước sự vi phạm trắng trợn của Bắc Việt, Hoa Kỳ chỉ phản ứng lấy lệ.

Rồi Chiến Dịch 275 của Cộng Sản Bắc Việt được mở màn. Hai giờ sáng ngày 10 tháng 3/1975, quân Cộng Sản tấn công thành phố Ban Mê Thuột ở Cao Nguyên Trung Phần. *Thành phố này thất thủ sau hai ngày giao chiến.* Thảm họa, giặc ngoài, Mỹ bỏ rơi, vài trí thức a dua đâm sau lưng người lính khiến Tổng Thống Thiệu suy ra chiến lược "đầu bé, đít to" ra lệnh bỏ Cao Nguyên, bỏ dân chúng cho Cộng Sảnm rút trọng pháo và chủ lực quân về bảo vệ vùng duyên hải. Sau đó lại bỏ Quảng Trị, Huế, khiến cho bao người dân vô tội làm mồi cho hỏa lực pháo binh Bắc Việt khi họ di tản theo quân đội, làm hủy diệt tất cả các lực lượng pháo binh, chiến xa của Quân Đoàn 1 và 2. Ba Sư Đoàn 1, 3 và 23 tan hàng. 200 máy bay các loại bị bỏ tại các phi trường Huế, Đà Nẵng, Pleiku cùng với 1,000 chiến xa và 900 đại bác cũng không được phá hủy. Nhiều sư đoàn khác bị tổn thất quá nửa quân số.

Tổng Thống Thiệu chỉ trong một phút quyết định tại Cam Ranh trước các tướng Viên, Khiêm, Quang, Phú đã làm mất 2 phần 3 lãnh thổ và làm tan rã phân nửa lực lượng Việt Nam Cộng Hòa.

MẶT TRẬN XUÂN LỘC

Sau ngày 2 tháng 4/1975, Quân Đoàn 2 chỉ còn lại tỉnh Ninh Thuận, Bình Thuận, nên được sát nhập vào quân Đoàn 3. Phan Rang và Xuân Lộc trở thành hai cửa ngõ để Bắc Việt vào Saigon bằng quốc lộ 1 và 20. Xuân Lộc là tỉnh lỵ của tỉnh Long Khánh được Tổng Thống Ngô Đình Diệm thành lập từ năm 1957 bằng cách cắt bớt phần đất của tỉnh Biên Hòa, với mục đích giúp định cư đồng bào Việt, Mường, Nùng, Thái di cư năm 1954. Tỉnh có diện tích vào khoảng 3,457 km vuông, đất đai phần lớn là núi thấp, đồi cao, rừng thưa và đồn điền cao su -- trong kháng chiến là một vị trí chiến lược quan trọng vì là ngã ba của hai Quốc Lộ 1 và 20, cửa ngõ từ miền Trung, miền Cao nguyên vào Saigon chỉ cách nhau 80. Do đó Xuân Lộc được coi như vòng đai ngoài bảo vệ phi trường Biên Hòa và thủ đô.

Xuân Lộc nằm trên đường giao liên giữa chiến khu C và D của Việt Cộng với các mật khu Mây Tầm, Cù Mị, Xuyên Mộc, Đất Đỏ của tỉnh Phước Tuy, con đường mạch máu mà Bắc Việt dùng để nhận tiếp tế bổ sung quân và tiếp liệu bằng đường biển, vì vậy từ lâu Sư Đoàn 18 Bộ Binh đã được bố trí tại tỉnh này để ngăn chận quân Cộng Sản. Để cắt đứt đường rút quân của Việt Nam Cộng Hòa từ hai tỉnh Tuyên Đức, Lâm Đồng, Bắc Việt tấn công quận Định Quán do Tiểu Đoàn 2/43 Bộ Binh trấn giữ và trong khi giao tranh đẫm máu, không quân VNCH đã thả lầm 2 trái bom 500 cân Anh vào vị trí của quân bạn tại núi Đất, khiến gần 200 người chết và bị thương trong đó có cả vị sĩ quan tiểu đoàn trưởng.
Định Quán thất thủ ngày 17 tháng 3/75.

Để tấn công Long Khánh, Bắc Việt xử dụng quân Đoàn 4 với 3 sư đoàn 6, 7, và 341 cùng các đơn vị có sẵn của Quân Khu 7. Thiếu Tướng Hoàng Cầm là tư lệnh mặt trận, Chính Ủy là Thiếu

Tướng Hoàng Thế Thiệp. Trận chiến đẫm máu đã xảy ra tại ba phòng tuyến sau đây: ngã ba Dầu Giây, thị xã Xuân Lộc và Gia Rai. Phía Quân Lực VNCH có Sư Đoàn 18 Bộ Binh (với các Trung Đoàn 43, 48, và 52), lực lượng Địa Phương Quân, Nghĩa Quân ở tỉnh và các đơn vị tăng phái gồm Trung Đoàn 8 thuộc Sư Đoàn 5 Bộ Binh, Lữ Đoàn 3 Thiết Kỵ, Liên Đoàn 7 Biệt Động Quân, hai tiểu đoàn Pháo Binh, Liên Đoàn 81 Biệt Cách Dù, toàn bộ Lữ Đoàn 1 Dù (với các tiểu Đoàn 1, 2, 8, 9) và Tiểu Đoàn 3 Pháo Binh Dù. Sư Đoàn 4 Không Quân VNCH từ phi trường Cần Thơ phụ trách không yểm chiến thuật. Tất cả lực lượng trên đặt dưới quyền chỉ huy của Chuẩn Tướng Lê Minh Đảo (Tư Lệnh Sư Đoàn 18) và hai viên sĩ quan phụ tá tài giỏi: Đại Tá (tư lệnh phó) Lê Xuân Mai và Đại Tá Phạm Văn Phúc (Tỉnh Trưởng Long Khánh) của Biệt Động Quân mới về thay Trung Tá Lê Ánh Nguyệt hồi tháng 3/1975.

Chiến trường Long Khánh gồm 3 mặt trận chánh: Mặt trận ngã ba Dầu Giây do Trung Đoàn 52 Bộ Binh và một thiết đoàn chiến xa trấn giữ. Mặt trận núi Chứa Chan, Gia Rai được phòng thủ bởi Liên Đoàn 7 Biệt Động Quân và Trung Đoàn 43 Bộ Binh. Thị xã Xuân Lộc do Trung Đoàn 43 Bộ Binh và các tiểu đoàn Địa Phương Quân bảo vệ. Bộ Tư Lệnh Hành Quân của Tướng Lê Minh Đảo đặt tại quận đường Xuân Lộc ngã ba Tân Phong - Long Giao và được bảo vệ bởi các đơn vị trừ bị của sư đoàn, các đơn vị pháo binh và một thiết đoàn chiến xa.
***
Sau này, viết về mặt trận Xuân Lộc ***21 tháng 4 năm 1975***, người thương cũng như kẻ thù của Việt Nam Cộng Hòa đều có cùng chung quan điểm khi bày tỏ sự khen ngợi và lòng cảm phục người lính miền Nam. Chính tướng Văn Tiến Dũng, Tổng Tư Lệnh Quân Đội Nhân Dân của Bắc Việt đã thố lộ điều này trong tác phẩm Đại Thắng Mùa Xuân 75 rằng: *"Mặt trận Xuân Lộc ác liệt và đẫm máu từ những ngày đầu tiên. Các Sư Đoàn 6, 7, 341 của ta phải tiến công trong thành phố nhiều lần nhưng gặp phải sức kháng cự mãnh liệt của Tung Đoàn 43 địch quân. Các đơn vị pháo của ta đã sử dụng nhiều hơn cơ số đạn dự trù. Số lớn tăng và xe bọc thép của ta bị hạ..."*

Còn Oliver Todd, người ký giả Pháp, từng thiên Cộng, đã viết trong tác phẩm Cruel April như sau: "Tinh thần binh sĩ Việt Nam Cộng Hòa tại Xuân Lộc rất cao, hệ thống truyền tin rất tốt. Các đơn vị Dù và Biệt Động Quân đã đến. Con đường Saigon được khai thông. Các sĩ quan của Quân Lực VNCH đang gọi pháo binh và không yểm rất chính xác, nhanh chóng, tình trạng chiến đấu của họ gần giống như lúc còn quân đội Mỹ yểm trợ..."

Nhưng có lẽ ý nghĩa và cảm động nhất là báo cáo của Tướng X. Smith, Trưởng Phòng Tùy Viên Quân Sự lên chức Tham Mưu Trưởng Liên Quân Mỹ: "Tại chiến trường Long Khánh, rõ ràng Quân Lực VNCH đã chứng tỏ sự quyết tâm và anh dũng chiến đấu chống lại địch quân đông gấp nhiều lần..." Tướng Smith với lương tâm của một người lính, đã nói lên phần nào danh dự của Quân Lực VNCH .

Viên Đạn Cuối Cùng

Mai Tú Ân

Đã có lệnh tấn công. Tấn nhỏm dậy trong hố cá nhân của mình để ra hiệu cho các chiến sĩ thuộc quyền chuẩn bị xung phong. Đây đã là đợt tấn công thứ tư của đơn vị anh lên cái đồn địch phía trên ngọn đồi.. "Đã ba đợt tấn công trước thất bại rồi, và đợt này có chết cũng không thể thất bại được nữa". Tấn nghiến răng nghĩ bụng và theo thói quen trước khi xung trận, anh kiểm tra lại khẩu súng ngắn của mình. Chỉ còn một viên đạn duy nhất, nằm trơ trọi trong hộp tiếp đạn. Không kịp quay trở lại chân đồi để lấy thêm đạn nữa rồi. Anh lầm lì đóng băng, lên đạn và vung cao khẩu súng. Xung phong !
Tấn hét lên một tiếng dữ dội rồi nhảy ra khỏi hố cá nhân của mình để lao thẳng lên phía đồn địch. Những tiếng hô xung phong nối tiếp nhau của các chiến sĩ trong đơn vị anh khi họ cũng ào ào xông theo. Dãy hàng rào kẽm gai dày đặc, treo đầy mìn bẫy phía trước đồn địch đã bị nhóm xung kích của đơn vị anh phá tan trước đó, mở ra một con đường xông thẳng vào tận dãy lô cốt trung tâm, phía trên ngọn đồi. Ngay lập tức, đạn pháo của địch bất ngờ bùng lên dữ dội. Những ánh lửa nháng lên soi rõ những hố bom, hố pháo nham nhở. Phía cao trên đỉnh đồi, nơi những lô cốt phòng ngự của địch quân sáng rực lên vì ánh lửa đạn liên thanh bắn vào đội hình xung kích của quân ta. Trên cao ánh sáng hỏa châu chói sáng treo bập bùng lơ lửng giữa bầu trời đêm. Chẳng suy nghĩ, Tấn nghiến răng lao lên phía trước. Anh vấp ngã, lồm cồm bò dậy, lao lên để rồi lại vấp ngã nữa. Có đến bốn năm họng súng máy từ các lô cốt trên cao đang khạc đạn vào đội hình xuất phát của đơn vị anh. Những vệt đạn lửa lừ lừ vạch sáng trời đêm, cùng những tiếng nổ inh tai nhức óc ầm vang lên xung quanh. Quan sát phía trước, anh nhìn thấy tầm đạn bắn cao hơn vị trí của anh đang nằm. Điều đó có nghĩa là anh đã lọt qúa sâu vào trong vị trí phòng thủ của địch, và đơn vị xung kích của anh có lẽ đang bị kẹt đâu đó bên ngòai hàng rào kẽm gai đầu tiên ở lưng chừng đồi. Tấn nghiến răng chờ đợi cho loạt súng hướng về phía anh vừa dứt liền lao vọt lên. Vung cao khẩu súng ngắn, anh xông thẳng vào trong bóng đêm trước mặt. "Xung phong ! Xung...."

Một ánh lửa bùng lên ngay trước mặt khiến thân hình anh bay bổng lên không và rơi tọt ngay xuống một cái hố sâu hoắm. Cú ngã đau điếng nhưng anh vẫn còn tỉnh táo. Anh vùng dậy ngay sau cú ngã trời giáng đó nhưng đột nhiên cả người đổ sụp xuống. Đau nhói ở ngay đùi trái khiến cho anh không thể đứng lên được. Ở dưới cái đáy hố lổn nhổn đất đá, anh mò mẫm tìm xem vết thương của mình. Chân trái của anh đã bị gãy và máu tuôn ra xối xả theo dọc đùi. Có lẽ một mảnh đạn pháo đã phạt sâu vào phía trên đầu gối khiến xương đùi anh vỡ vụn ra. Nghiến răng chịu đau, anh cởi dây nịt quần ra để quấn garo cầm máu. Nhìn cái chân mình gãy quặt về sau một cách kỳ dị, cùng với máu đang tuôn ra xối xả, anh biết mình đã bị một vết thương vô phương cứu chữa. "Mẹ kiếp ! Thế là hết. Mình sẽ ngủm ở cái hố chết tiệt này". Tấn bật lên một tiếng chửi thề và lần mò tìm kiếm khẩu súng ngắn vẫn còn trong tay anh với vòng dây quấn quanh cổ tay. Anh nắm chắc lấy nó và có một cảm giác yên tâm hơn. Khẩu súng này sẽ giúp anh ra đi thanh thản, không đau đớn. Trải qua bao chiến trận ác liệt, anh thấy nhiều đồng đội của mình đã bị đau đớn, hỏang lọan như thế nào khi phải đối diện với cái chết. "Thế là chỉ chốc lát nữa đây, mình sẽ phải chấm dứt bốn năm trời chinh chiến lẫy lừng của mình ở trong cái hố tối

đen này. Nhưng thế cũng đã là thọ lắm rồi so với bao đồng đội đã ngã xuống trước anh. Chỉ hy vọng là đến lúc đó mình sẽ không phải đau đớn nhiều". Anh tự nhủ và nhét khẩu súng ngắn vào người. Anh đờ đẫn nhìn chung quanh và lờ mờ nhận thấy mình đang ở dưới một cái hố bom. Một hố rất sâu, cao vượt đầu người với thành đất nham nhở. "Hừm. Nếu quân ta chiếm được đồn thì họ sẽ rất khó khăn để tìm ra xác của mình". Anh chửi thề một lần nữa và qùi dựa người lên cái chân lành thở dốc. Đột nhiên anh có cảm giác khác lạ phía sau lưng.

Quay phắt người lại, anh nhìn thấy một thân người nằm dựa vào thành hố đối diện, mắt mở thao láo nhìn anh. Ánh sáng của hỏa châu soi rõ cho anh thấy kẻ đó. Một tên lính ngụy với bộ đồ nhảy dù loang lổ nằm dựa vào thành hố bom đang nhìn chòng chọc vào anh.

Nhanh như chớp, Tấn rút phăng khẩu súng ngắn ra chĩa thẳng vào mặt tên lính và định siết cò. Nhưng anh chợt ngừng tay lại khi nhìn thấy ánh mắt long lanh kỳ lạ của tên lính nọ. Hắn vẫn nằm thản nhiên nhìn vào họng súng đang chĩa vào hắn với vẻ mặt câng câng thách thức, cứ như thể hắn đang mong cho khẩu súng trong tay anh khạc đạn vào mặt hắn vậy.. Thậm chí anh còn thấy hắn gật đầu ra dấu như bảo anh hãy bóp cò đi. Hãy bắn hắn ngay đi...

Tấn ngạc nhiên dừng tay. Rồi anh thận trọng một tay tỳ khẩu súng ngắn vào giữa hai con mắt đang mở thố lố nhìn anh, tay kia lần mò trên người hắn. Ngay lập tức anh đụng phải vết thương trên ngực của tên lính nọ. Kinh nghiệm của một người lính dày dạn trận mạc như anh thì không cần phải suy đóan lâu, anh biết tên lính này đã bị thương rất nặng. Ngực hắn có lẽ đã bị một mảnh pháo găm vào khiến nó vỡ tóac ra. Anh có thể nhìn thấy những bong bóng máu của tên lính nọ đang phập phù sùi ra trên vết thương mở toang hóac trên ngực. Hắn đã mất rất nhiều máu và chỉ còn nước chờ chết. Điều hắn cần bây giờ không phải là cứu chữa nữa mà là một viên đạn ân huệ. Tấn im lặng đưa nòng súng ra khỏi mặt hắn và thận trọng lùi lại để ngả mình dựa lưng vào thành hố đối diện. Làm như không biết đến sự có mặt của tên lính đang bị thương kia, anh nhét khẩu súng ngắn vào bao đeo bên hông, không quên mở hé bao súng để cho hắn thấy anh có thể rút ra bất cứ lúc nào. Thỉnh thỏang anh ngó chừng tên lính để biết hắn vẫn đang im lặng quan sát anh. Hắn nhìn anh thản nhiên bằng đối ánh mắt rất lạ. Một đôi mắt trống rỗng vô hồn. Anh ngồi đối diện với tên lính ngụy và lấy làm khó chịu khi ánh mắt của hắn cứ nhìn đau đáu mãi vào anh. Nó khiến anh phải dựa sát vào thành hố để kín đáo giấu mặt mình khỏi ánh sáng của những trái hỏa châu đang treo lơ lửng trên đầu. Vẫn cảnh giác với tên lính nọ, anh giỏng tai nghe ngóng tình hình của trận đánh vẫn đang diễn ra phía bên trên.. Tiếng súng đã giảm nhiều khiến anh biết quân ta đã không còn tiến lên được đến nửa ngọn đồi, nơi anh đang chờ chết trong cái bẫy sâu hoắm này.

Đột nhiên tên lính ngụy lên tiếng. Giọng nói của hắn mạnh mẽ:
- Mày còn chờ gì nữa ?
- Chờ cái gì ?
Anh ngạc nhiên hỏi lại.
Tên ngụy nói :
- Cho tao về chầu trời bằng một viên đạn.
Anh nhìn hắn lạnh lùng nói :

- Chúng tao không bắn giết tù binh.
- Tao không phải là tù binh nên mày chỉ việc kê nòng súng vào đầu tao rồi bóp cò một cái. Thế là xong.

Đã mấy lần anh định rút khẩu súng ngắn của mình ra để đập nát bộ mặt đầy máu của tên lính kia, hoặc kê nòng súng vào giữa hai con mắt trâng tráo của nó và siết cò. Nhưng rồi anh tặc lưỡi bỏ qua. Không cần phải phí sức, phí đạn với một thằng sắp chết.

Dưới ánh sáng của những trái pháo sáng treo lơ lửng trên đầu, anh kiểm tra lại vết thương nơi đùi. Mắt anh hoa lên vì đã mất qúa nhiều máu. Cái dây lưng quấn nhiều vòng và siết chặt phía trên vết thương nhưng máu vẫn tiếp tục chảy ri rỉ dọc theo cái chân bị thương đã bắt đầu mất hết cảm giác. Anh nghiến răng siết chặt hơn nữa. Anh ngước lên nhìn tên lính và bây giờ mới nhìn thấy một bông mai thấm máu trên cổ áo hắn. Im lặng anh nới lỏng sợi dây nịt. Chỉ một lát sau, máu đã không còn chảy ra nhiều như trước nữa và cơn đau cũng đã dịu đi. Anh ngước nhìn tên lính và lại bắt gặp ánh mắt như diễu cợt của hắn đang nhìn anh. Tấn im lặng ngả mình vào thành hố. Mắt nhắm nghiền, anh giỏng tai lên nghe ngóng tình hình phía trên hố bom. Tiếng súng đã ngưng và không gian chung quanh đang yên tĩnh một cách lạ kỳ. Có vẻ như cuộc tiến công lần thứ tư của đơn vị anh vào cái đồn ở trên đỉnh đồi này đã thất bại. Không biết từ giờ tới sáng quân ta có còn tấn công nữa không và anh có còn sống được tới khi đó không...

Một cơn đau khủng khiếp nơi đùi trái khiến cho anh phải nghiến răng lại để chịu đựng. Anh cố đưa khuôn mặt đang nhăn lại vì đau đớn khuất sau bóng tối của hố bom, nhưng tên sĩ quan đã nhìn thấy. Hắn lên tiếng giọng khó chịu :
- Vết thương của mày giống tao ở chỗ là đều không thể cứu chữa được nữa. Mày đã bị mảnh đạn phạt ngang đùi làm đứt động mạch chủ khiến cho máu mày phun ra như một cái vòi nước. Và khi nó phun hết nước thì thế là xong. Mày sẽ theo tao về chầu ông bà.
Anh biết tên sĩ quan đối phương đã nói đúng về vết thương của mình. Cho dù được cấp cứu, được tiếp máu kịp thời thì cũng khó mà qua khỏi được. Mà việc cấp cứu của quân ta lúc này thì... Anh im lặng nghiến răng lại.
Tên kia lại lên tiếng :
- Vết thương đó sẽ hành hạ mày và mày sẽ đau đớn nhiều trước khi ngủm đấy.
- Mặc xác tao. Anh phát cáu gắt lên.
- Mày hãy lấy cái túi y tế trong ba lô kia của tao. Trong đó có moọc phin tiêm để giảm đau đấy.
Tấn đưa cặp mắt nghi ngờ nhìn đăm đăm vào tên sĩ quan ngụy. Hắn vẫn nằm im, ánh mắt vô hồn đóng đinh ở đâu đó phía trên đầu anh. Anh cắn chặt răng quay mặt đi, nhưng cơn đau bất chợt kéo đến dữ dội khiến anh co dúm cả người lại.
- Túi y tế trong ba lô trước mặt mày đó. Tên sĩ quan lại lên tiếng.
Anh lập cập cầm lấy ba lô và mở túi ra. Theo sự hướng dẫn của hắn, anh lấy ra một cái hộp gồm có nhiều ống tiêm nhỏ xíu. Cầm lấy một ống và mở nắp, anh tần ngần chưa đâm kim ngay vào miệng vết thương ở đùi anh như hắn đã chỉ. Tên sĩ quan nhếch mép cười với nụ cười méo xệch :
- Mày đừng lo. Đấy là thuốc giảm đau chứ không phải là thuốc độc đâu.
- Tao biết. Nhưng tại sao mày không dùng.

- Tay của tao đâu có còn sử dụng được nữa. Nếu mày muốn giúp tao thì hãy phóng cho tao mấy ống vào vết thương nơi ngực tao. Rồi mày sẽ tự làm cho mày. Thuốc này sẽ khiến cho cả mày vào tao đỡ đau nhiều đấy.
Anh vội vàng làm làm theo. Giây lát cơn xé da xé thịt nơi đùi anh đã dịu đi. Nằm ngả mình thỏai mái dựa lưng vào thành hố, anh nhìn sang tên sĩ quan. Đôi mắt của hắn đã lấy lại chút vẻ linh hoạt, với chút thần sắc hiện lên trên khuôn mặt vốn tái mét trước đó. Anh muốn nói một câu gì đó để cám ơn nhưng lại thôi. Dù gì thì đó cũng là kẻ thù của anh, và cả hai cũng chẳng còn sống được bao lâu nữa. Anh mỉm cười hỏi hắn :
- Mày bao nhiêu tuổi.
- 26. Còn mày ?
- 25. Anh trả lời và tự phong thêm cho mình 2 tuổi.
- Mày có vợ chưa ?
- Tao mới có vợ chưa cưới. Thế còn mày.
- Rồi. Tên sĩ quan trả lời giọng nói đột nhiên mất đi cái vẻ khinh khỉnh từ đầu tới giờ. Hắn như nấc lên khi nói tiếp. Tao đã có một đứa con gái. Nó dễ thương lắm.
Anh nhìn vẻ mặt xúc động của tên sĩ quan và thấy tội nghiệp cho hắn. Anh rất muốn nắm lấy bàn tay đang để ngay đơ bất động trên người tên sĩ quan để làm một cử chỉ an ủi nào đó nhưng ngần ngại nên thôi. Bỗng tên sĩ quan thều thào nói :
- Mày hãy giúp tao mở túi áo ngực trái của tao ra. Lấy cái bóp và tao sẽ cho mày nhìn thấy hình vợ con của tao.
Anh nhanh nhẩu làm theo lời hắn. Có một tấm hình chụp một cô gái rất đẹp, ngây thơ trong bộ áo dài học sinh. Một tấm khác chụp một cặp vợ chồng mà người vợ cũng là cô gái đó, ngồi bên cạnh chính viên sĩ quan đang nằm chờ chết kia, nhưng trong hình hắn trông oai vệ với bộ đồ lễ phục sĩ quan với dây tua và huy chương sáng chóe. Có một đứa bé gái nhỏ xíu, ngồi dưới chân họ. Tên sĩ quan lên tiếng, giọng yếu ớt :
- Mày đặt tấm hình vợ con tao vào bàn tay phải tao, cánh tay còn cục cựa được để cho tao ngắm nhìn họ.
Anh làm theo và nhìn hắn. Đôi mắt hắn đờ đẫn khi nhìn ngắm tấm hình. Thỉnh thỏang ánh chớp lửa của đạn pháo bùng lên khiến cho anh thấy rõ mắt hắn hơi ươn ướt. Hắn nói khi nhìn tấm hình đăm đăm :
- Vợ tao chắc sẽ buồn lắm. Cô ấy mới lấy tao ba năm nay và sẽ trở thành góa phụ khi mới ngòai hai mươi tuổi.
Rồi ngước mắt lên nhìn bầu trời đêm trên miệng hố, hắn nhếch mép nói vẻ giễu cợt :
- Này, tao sắp chết nhưng tao chỉ nghĩ đến cảnh tượng cô ấy sẽ khóc đến chết đi sống lại trong tang lễ của tao. Tao là thằng hay tưởng tượng. Tao như thấy rõ mồn một cảnh vợ con tao trong bộ đồ xô trắng phủ phục trên huyệt mộ. Tao nhớ lại tang lễ của những người thân, có điều bây giờ người chết lại chính là tao.

Anh im lặng ngồi nghe tên sĩ quan đang nói những lời như mê sảng. Anh đã ngồi sát vai với hắn kể từ lúc anh lấy giúp hắn tấm hình. Cũng từ đó anh không trở lại góc ngồi ở phía đối diện nữa. Trong lúc anh tưởng hắn đã chìm vào cơn mê thì bỗng nhiên hắn lại lên tiếng, giọng tỉnh queo :

- Những thằng lính như tao và mày, ở bên này hay bên kia trận tuyến thì đều cảm thấy lạnh lẽo cô đơn khi sắp chết lắm. Nếu mày thấy rõ được cảnh tượng người ta đang long trọng truy điệu mình như những người hùng trận vong thì mày sẽ cảm thấy ấm lòng hơn.
Anh ngồi dậy cầm ống thuốc lên rồi tần ngần. Săm xoi đọc hàng chữ tiếng Anh ghi trên ống thuốc anh nói với tên sĩ quan :
- Tao không cần. Và mày cũng không nên chích nhiều moọc phin qúa. Đây là chất gây nghiện và có hại...Nó sẽ...
Anh chợt khựng lại khi nhìn thấy nụ cười chế riễu của tên sĩ quan đang nhìn anh. Rồi hắn bật cười hô hố. Ngẫn người đi giây lát vì sự vô lý của mình, anh cũng bật cười theo. Cả hai cùng cười ngặt nghẽo, gập cả người lại mà cười mãi cho đến khi tên sĩ quan phải kêu lên một tiếng. Máu trào ra khỏi miệng hắn khiến hắn phải dựa lưng vào thành đất hố bom thở hổn hển, trên mắt vẫn còn long lanh. Anh vội tiêm cho hắn và cho cả anh một mũi thuốc, không khỏi ngượng ngùng khi nhìn thấy ánh mắt riễu cợt của hắn khi nhìn anh. Giây lát thuốc ngấm làm đôi mắt của hắn mờ đi. Hắn lên tiếng gọi anh, giọng nhừa nhựa :
- Này, những thằng trẻ tuổi như tao với mày khi sắp chết thường hay có nhiều điều tiếc nuối lắm.
Đột nhiên hắn lên tiếng :
- Thế còn mày thì sao ? Lúc này thì mày tiếc nuối điều gì nhất ?
Anh im lặng không trả lời, nhưng anh biết mình đã tiếc nuối điều gì khi chẳng còn sống được bao lâu nữa. Lúng túng anh quay mặt đi nói khẽ :
- Tao có một điều nhưng tao không muốn nói ra....
- Nói ra đi. Mày nói ra điều gì thì sẽ đỡ tiếc nuối điều đó khi nhắm mắt đấy.
Anh không biết có đỡ không nhưng quả đó là một điều mà anh đã suy nghĩ rất nhiều từ khi biết được vết thương chí của mình. Từ lúc rơi xuống hố bom này, bất cứ lúc nào vết thương không hành hạ là anh lại nghĩ đến nó...
Anh ngượng ngùng giấu mặt vào bóng tối của thành hố rồi nói khẽ :
- Tao vẫn còn là một thằng trai tân.
Tên sĩ quan không cười chế riễu như anh đã tưởng mà ngạc nhiên hỏi :
- Nhưng mày đã có vợ chưa cưới rồi kia mà ?
- Đúng vậy. Chúng tao đã đính hôn nhưng tao vẫn chưa chiếm đoạt thân xác cô ấy, ngòai những cái hôn. Tao đã không làm cái điều mà mọi người chồng đều phải làm trước khi ra trận chỉ vì tao đã tôn thờ cô ấy. Tao nhớ mãi những ngày khi khóa huấn luyện của tao kết thúc thì cô ấy đã lên thăm tao. Chúng tao đã có cả ba ngày ở bên nhau trong một ngôi nhà ở bên ngòai trại huấn luyện mà đơn vị cho mượn. Cô ấy muốn là vợ tao trước khi tao ra trận....Vậy mà tao lại dẫn cô ấy đi ngắm cảnh và viết những bài thơ tình lăng nhăng nữa chứ. Còn chuyện đáng làm là chuyện vợ chồng thì tao lại hẹn với cô ấy hãy đợi tới ngày chiến thắng. Tao cứ say sưa nói mãi tới những chiến công oanh liệt đang chờ đợi tao ở mặt trận. Trong khi đáng lẽ tao nên làm một một thằng đàn ông bình thường như bao thằng đàn ông khác trước khi làm một thằng anh hùng. Nếu tao tiến tới như một người đàn ông thực thụ thì giờ đây tao đâu phải nằm queo như thế này để than vãn cho nỗi tiếc nuối lớn nhất của đời mình.
Anh nấc lên một tiếng nghẹn ngào khi tiếp tục nói ra cái điều tiếc nuối lớn lao nhất của đời mình cho tên sĩ quan Ngụy kia biết. Kể cả cái cảm giác ngộp thở, bủn rủn tay chân khi anh và người vợ chưa cưới ngồi sát bên nhau trên bờ đê lộng gió trong buổi tối cuối cùng trước khi hành quân

ra chiến trường,. Khi đó vai anh chạm cả vào bộ ngực no tròn căng cứng của cô ấy, rồi cái cảm giác rạo rực khi bọn anh trao nhau những nụ hôn đầu đời, khi cả thân hình chắc lẳn của cô ấy lả đi trong vòng tay của mình.
- Tao chấp nhận cái chết như chấp nhận số phận ngắn ngủi của một người lính. Chỉ có điều giờ đây khi sắp chết, tao mới hối tiếc là mình đã bỏ qua cơ hội duy nhất để trở thành một người đàn ông. Cho đến khi chết đi, tao mãi mãi là một gã trai tân, mãi mãi là một con ma còn tân.
Những điều anh đã nói ra như trong cơn mê sảng đó là những lời nói thật lòng nhất của mình. Đó cũng là điều anh chôn chặt trong lòng và sẽ cùng đem nó xuống mồ với mình. Nhưng đây là lần đầu tiên anh thổ lộ ra...
- Mày đừng nghĩ vậy. Mày là một người chiến binh và là một chiến binh thực thụ.
Tên sĩ quan vừa nói vừa đặt bàn tay còn lành lên vai anh, cho đến khi anh thiếp đi.

Đột nhiên tiếng súng cá nhân nổ loạn xạ ngay trên đầu khiến cả hai chòang tỉnh dậy. Những vệt đạn bắn đỏ lừ bay qua lại trên miệng hố bom, mảnh đạn cắm phần phật vào thành hố bom. Tiếng la hét xung phong vang lên từ phía đồn trên đỉnh đồi. Tên sĩ quan lắng tai nghe rồi lào thào lên tiếng :
- Có lẽ quân bên tao đang phản công.
- Ừ, đúng vậy. Anh cũng đang lắng nghe và cảm thấy được điều đó.
Vậy là bọn ngụy đã bắt đầu phản công và quân ta đã bị đánh bật khỏi chân đồi. Chẳng mấy chốc nữa những cái bê rê đỏ của chúng sẽ xuất hiện ở trên cái hố, nơi anh đang chờ chết cùng với tên sĩ quan hấp hối kia.
"Đã đến lúc của mình rồi" Anh tự nhủ và im lặng rút khẩu súng ngắn ra.
Theo một thói quen, anh máy móc tháo băng đạn ra để kiểm tra khẩu súng. Chỉ còn một viên đạn duy nhất sáng lấp lánh trong băng đạn. Anh lẩy nó ra đặt trên lòng bàn tay mình và ngắm nghía nó như ngắm nhìn một cục vàng qúi giá.
Tên sĩ quan nhếch mép cười nói :
- Té ra mày cũng chẳng có gì nhiều để mà ban ân huệ cho ai được.

Anh gắng gượng ngồi dậy, nghe ngóng diễn tiến của trận đánh nhưng hai tai anh đã ù đi, đầu chóang váng. Anh biết tên sĩ quan đang chăm chú quan sát mình nên cố gắng gượng ngồi thẳng người. Trong cái hố nhỏ chật chội này, anh cố gắng tạo cho mình một tư thế đẹp nhất rồi lạnh lùng lên tiếng:
- Đúng vậy. Viên đạn cuối cùng này là của tao và đây chính là lúc tao tự giải quyết. Mày hãy mở to mắt ra để nhìn cái chết của một sĩ quan Quân Đội Nhân Dân.
Hai tay anh đầy những tảng máu đã đông đặc khiến những ngón tay cứng đơ ra. Anh phải cố cầm chắc cây súng nặng chịch bằng cả hai tay và cố gắng đưa cái nòng đen xì vào tận mặt mình. Mắt hoa lên khiến anh phải khó nhọc đưa nòng súng tỳ chặt vào trán của mình. Giữ nguyên tư thế kỳ cục đó, anh ngả người xuống thành hố, người cong lại. Anh khẽ thử bóp cò cây súng bằng ngón tay trỏ cứng đờ. "Được rồi đấy. Khi những tên lính ngụy xuất hiện trên miệng hố, mình sẽ bóp cò. Lúc đó với mình sẽ chỉ còn là bóng tối vĩnh cửu, chẳng còn suy nghĩ vấn vương, chẳng còn đau đớn gì nữa". Anh tự nhủ. Mỉm cười hài lòng, anh ngước nhìn lên thành hố chờ đợi.

Tên sĩ quan im lặng quan sát anh từ nãy đến giờ. Mắt hắn nhìn chòng chọc theo từng động tác của anh bằng đôi mắt khó hiểu. Thỉnh thoảng hắn vươn người lên để nghe ngóng diễn tiến của trận đánh phía trên. Lúc này tiếng súng đã giảm bớt. Không còn những tiếng nổ đinh tai nhức óc của đạn pháo, không còn những mảnh đất đá bắn rào rào xuống hố như trước nữa. Chỉ còn tiếng súng nổ rời rạc xa xôi...
- Này.
Tên sĩ quan gọi.
- Tao đây. Anh vẫn nằm trong tư thế cũ, mắt mở thao láo nhìn lên phía trên.
Hắn nghĩ ngợi giây lát rồi lên tiếng :
- Tao thấy mày cầm súng còn không vững nữa thì làm sao mày có thể tự tống viên đạn đó vào đầu mày được. Mày chỉ còn một viên đạn cuối cùng đó, lỡ mày bắn trật thì...thế là xong.
Anh đưa đôi mắt nghi ngờ nhìn tên sĩ quan :
- Mày nói thế nghĩa là sao ?
Tên sĩ quan cố gắng vươn người lại gần anh hơn nữa, rồi lào thào vào tai anh :
- Ý của tao là muốn thỏa thuận với mày việc này. Nếu phe của tao phản công đến được chỗ này thì dĩ nhiên viên đạn đó sẽ dành cho mày. Và chính tao sẽ giúp cho mày được toại nguyện bằng bàn tay còn hoạt động được của tao. Đồng ý chứ ?
Thấy anh gật đầu hắn nói tiếp, giọng càng lúc càng sôi nổi hơn :
- Mày nói sẽ để dành viên đạn đó cho tao, trong trường hợp phe của mày chiếm được đồn phải không ? Mà trong tình trạng chập chờn như thế này thì cũng có thể phe của mày sẽ làm được điều đó. Khi đó thì mày sẽ phải để dành viên đạn cuối cùng này cho tao? Và tự mày phải giúp tao làm việc đó. Nghĩa là tao với mày thỏa thuận sẽ giải thóat giúp cho nhau. Mày hiểu không ?
Anh nhìn hắn giây lát để suy nghĩ. Cuối cùng anh gật đầu nói :
- Đồng ý.
Tên sĩ quan gật đầu vẻ hài lòng và ngả người xuống thành hố.
Anh nhếch mép cười nói tên sĩ quan :
- Cái đó thì tao cũng giống như mày thôi.
- Mày nói như vậy là tao yên tâm rồi, vì tao và mày đang là kẻ thù mà. Còn trong lúc chờ đợi này, tao muốn hút một vài hơi thuốc lá quá. Mày mò lấy gói thuốc trong túi áo tao và giúp tao hút mấy hơi ?
Anh khó nhọc gỡ bao thuốc còn dính đầy máu trên người tên sĩ quan. Vội vàng châm lửa, anh rít mấy hơi cháy phổi rồi chuyền vào miệng tên sĩ quan. Hắn lập bập vài lần rồi cũng rít cháy đỏ điếu thuốc lá. Cả hai thay nhau rít lấy rít để rồi phả khói mù mịt trong hố bom.

Trận đánh vẫn diễn ra dữ dội phía trên hố bom nhưng giờ thì chẳng còn ý nghĩa gì đối với anh nữa. Anh thong thả rít thuốc lá, mắt mơ màng nhìn những cụm khói thuốc bay lởn vởn trong hố. Tiếng súng nổ cùng với vết lửa đạn giảm dần. Trận đánh ngưng lại bất ngờ như khi nó xuất hiện. Không còn tiếng súng, không gian trở nên yên tĩnh. Có những tiếng la hét, tiếng gọi vang lên khắp nơi ngay trên đầu anh. Tiếng nói giọng người miền Nam. Thôi. Thế là xong. Bọn Ngụy đã làm chủ ngọn đồi này rồi. Chẳng bao lâu nữa chúng sẽ xuất hiện phía trên hố bom này và đây chính là lúc anh phải ra đi. Anh rít mạnh một hơi thuốc lá cuối cùng và chầm chậm rút khẩu súng ngắn ra. Trong khi tên sĩ quan chăm chú nhìn anh thì anh gật đầu ra hiệu với hắn. Hắn nhếch mép cười gật đầu... Như một cái máy anh mở băng đạn để kiểm tra lại viên đạn qúi giá

của mình. Rồi đóng băng, lên đạn và mở chốt an tòan trong khi tên sĩ quan cứ nhìn anh đau đáu....

Anh cầm khẩu súng đưa về phía hắn rồi lên tiếng, giọng khô đặc :
- Tới lúc của tao rồi. Mày làm đi.

Anh cố gắng nhỏm người dậy để đặt cây súng ngắn của mình vào bàn tay còn lành của tên sĩ quan. Khi bàn tay oặt ẹo của hắn đã nắm lấy cây súng, anh kín đáo làm một cử chỉ như bắt thật chặt bàn tay đó. Rồi anh cố gắng ngồi thẳng người lên chờ đợi với tư thế nghiêm trang nhất. Tên sĩ quan im lặng nhìn anh. Hắn hết nhìn cây súng trên tay rồi lại nhìn anh rồi tần ngần nói :
- Tao với mày là kẻ thù của nhau, nhưng hy vọng rồi sẽ là bạn với nhau ở thế giới bên kia. Là hai con ma bạn bè đó. Vĩnh biệt mày!.
Anh hít một hơi dài rồi thảng thốt đáp lời hắn :
- Vĩnh biệt mày!.
Mắt nhắm chặt, anh nghiến răng chờ đợi. Trống rỗng tối đen...Giây phút chờ đợi kéo dài lê thê... Tiếng súng chờ đợi mãi không thấy vang lên. Anh cảm thấy nòng súng rung bần bật trên thái dương mình. Mở mắt ra anh nhìn thấy tên sĩ quan đang gồng mình trong một cố gắng cuối cùng để bóp cò. Mắt hắn sáng rực lên trên khuôn mặt căng cứng...
- Bóp cò đi! Anh cố rướn đầu cho chạm vào nòng súng. Khẩu súng run rẩy trong tay tên sĩ quan, khiến anh phải dùng tay đỡ nòng súng và tỳ chặt nó hơn vào thái dương mình. Anh nghiến chặt răng lại chờ đợi.
Nhưng rồi anh mau chóng cảm thấy hắn không thể làm được gì khi nòng khẩu súng cứ chuyệc chọac dần ra khỏi thái dương anh. Anh mở mắt ra nhìn hắn.
- Tao không thể làm được. Tên sĩ quan quăng khẩu súng đi.
Nhìn vẻ mặt khinh khỉnh của anh, hắn gầm gừ nói :
- Tao đã cố nhưng không thể được. Mày chỉ việc chĩa súng vào đầu mày và bóp cò một cái thế là xong.
- Được. Tao sẽ tự làm lấy. Anh đáp.
Hắn ngồi thở dốc, thẫn thờ nhìn anh trong lúc anh mò mẫm tìm kiếm khẩu súng. Anh nhặt khẩu súng ở ngay dưới chân hắn lên. Như một cái máy anh lầm lỳ kiểm tra hộp đạn, đóng băng và mở chốt an tòan.

Tiếng súng bỗng bùng lên dữ dội. Bầu trời bé nhỏ phía trên hố bom bỗng sáng rực lên với các vạch lửa chằng chịt qua lại. Tiếng súng đạn nổ ầm ầm khiến cho anh không thể nghe tên sĩ quan nói gì được nữa. Không để ý đến những tiếng ầm ầm xung quanh, anh cố gắng cầm chắc khẩu súng trong tay. Anh bóc những tảng máu đông cứng nơi ngón trỏ bàn tay phải. Ngọ ngọay ngón tay cho đỡ tê cứng, rồi luồn vào cò súng. Chậm chạp anh đưa nòng súng lên thái dương của mình, mắt nhắm nghiền...
- Khoan đã. Tên sĩ quan nói.
- Hình như quân bên mày đang tấn công...
Anh mở mắt ra nghe ngóng. Dường như cả anh và hắn đang đông cứng lại trong cái hố bom nhỏ bé này để cảm nhận từng giây phút diễn tiến của trận đánh phía trên đầu. Chen lẫn trong tiếng súng nổ dữ dội là tiếng hô xung phong, tiếng hò reo. Lần này từ phía chân đồi...

Thời gian chậm chạp trôi qua. Và tên sĩ quan lên tiếng :
- Quân...quân của bên mày…

Anh mơ màng như nhìn thấy lá cờ xung kích của đơn vị anh đã cắm trên đỉnh đồi. Các bạn chiến đấu của anh sẽ đi tìm kiếm anh. Họ sẽ tìm thấy anh nằm ở trong cái hố bom này…
- Này.
Tiếng tên sĩ quan vang lên, vọng lại xa xôi như từ dưới mồ. Mở mắt, anh thấy tên sĩ quan đang nhìn anh và nói:
- Này, tới lượt của tao rồi. Mày làm…làm cái việc của mày đã hứa với tao...

Phải một lúc sau anh mới nhớ đã hứa với hắn điều gì. Anh gắng gượng ngồi dậy nhìn hắn gật đầu và thấy hắn nhìn anh gật đầu. Thong thả anh rút khẩu súng ngắn trong người ra, anh lại lên đạn và mở chốt an tòan.

Khi anh đưa nòng súng vào thái dương của tên sĩ quan thì đột nhiên hắn đưa bàn tay còn lành của hắn về phía anh. Anh thảng thốt nắm chặt lấy bàn tay oặt ọe đó của tên sĩ quan. Siết chặt tay anh, hắn gật đầu nói nhỏ trước khi nhắm nghiền đôi mắt lại :
- Vĩnh biệt mày!.
- Vĩnh biệt mày!.
Đột nhiên khẩu súng trong tay anh rung bần bật. Anh cố gắng nắm nó bằng cả hai tay, rồi tì chặt cả cái nòng súng vào cái đầu đang gồng lên như chờ đợi của tên sĩ quan. Hít một hơi dài như để lấy thêm sức mạnh, anh nghiến răng thực hiện động tác bóp cò cuối cùng.

Tên sĩ quan mở mắt ngạc nhiên. Hắn kéo nòng súng tỳ chặt lên thái dương của hắn :
- Mày chỉ...chỉ bóp cò một cái...thế là xong.

Anh cố gắng làm theo, nhưng rồi anh mau chóng nhận ra rằng mình sẽ không thể thực hiện được động tác bóp cò đơn giản này. Động tác mà một người lính như anh thường làm một cách dễ dàng trong bao năm chinh chiến. Anh không thể làm cái điều đã hứa với tên sĩ quan ngụy khi cái đầu của hắn cứ đẩy tới nòng khẩu súng trong tay anh. Hắn đã mở mắt ra từ lâu và đang nhìn anh với ánh mắt ngạc nhiên...Cơ hội trôi dần qua khi nòng súng cứ tuột dần, tuột dần ra khỏi bộ mặt đẫm máu của tên sĩ quan.
- Tao không thể làm được.

Anh nói, quăng khẩu súng xuống đất và quay mặt đi trong khi tên sĩ quan nhìn theo…

Người Lính Ở Lại Sau Trận Chiến

Vĩnh Khanh

Màn đêm từ từ phủ xuống ngọn đồi 1062 nơi trước đây cây cối um tùm, nay trông như một ngọn đồi trọc. Ngoài một vài thân cây bị gãy ngang vì bom đạn đứng chơ vơ, còn lại thì hầu như tất cả đều trở thành bình địa. Rải rác một vài dây khói sót lại trong những giao thông hào đã sụp đổ vì đạn pháo kích và chen lẫn giữa mùi tanh tưởi của máu tươi, người ta còn ngửi được mùi khét lẹt của thịt người bị cháy gây nên một cảm giác buồn nôn không tránh được cho những ai chưa quen với mùi vị chiến tranh này. Thỉnh thoảng có tiếng kêu khàn đục của một vài con cú đi ăn đêm cất lên như muốn làm tăng thêm vẻ ảm đạm thê lương của một bãi chiến trường khốc liệt vừa xảy ra nơi đây.
***
Hắn tỉnh dậy, đầu choáng váng và nhức như búa bổ. Trong một thoáng hắn chưa nhận thức mình đang ở đâu và chuyện gì đã xảy ra? Khắp thân người bụi đất phủ đầy, cả trong miệng cũng dính đầy cát. Vừa dùng lưỡi lừa đất cát phun ra khỏi miệng, hắn vừa tìm cách cựa quậy để ngoi ra khỏi mảng đất đang đè nặng trên mình nhưng toàn thân ê ẩm, tay chân cứng đơ không nhúc nhích được chút nào cả. Chung quanh tối đen, hắn không thấy gì ngoài cảm giác đang nằm trong đống đất cát ngổn ngang. "Hay là mình đã chết rồi?" Ý nghĩ đó làm hắn lạnh mình. Cố nhúc nhích thân người thì cảm thấy đau đớn vô cùng. "Như vậy là mình chưa chết. Còn biết đau là còn sống." Hắn nằm im cố gắng nhớ lại chuyện gì đã xảy ra. Phải rồi! Hắn nhớ lại rồi. Lúc chiều, sau nhiều đợt tấn công bị đẩy lui, bộ đội CS Bắc Việt đã thí quân với chiến thuật biển người xông lên tràn ngập các phòng tuyến nơi đơn vị hắn được lệnh trấn thủ. Mặc cho hàng loạt bộ đội đi đầu lớp lớp ngã xuống dưới làn mưa đạn phòng thủ, quân địch vẫn xua quân ào ạt tiến lên như điên cuồng. Đại đội hắn đã cố thủ và chống cự kịch liệt với quân địch, nhưng quân CS tràn lên như nước vở bờ, đâu đâu cũng có tiếng hò hét xung phong của địch quân. Phòng tuyến đã bị địch phá thủng không thể nào chống đỡ nổi nữa. Cuối cùng Đại Đội Trưởng của hắn quyết định gọi pháo binh bắn T.O.T ngay lên đầu để cùng chết với địch quân. Không bao lâu sau, hàng loạt tiếng nổ đinh tai điếc óc phủ chụp xuống… cảm giác cuối cùng hắn còn nhận thức được là cả thân người bị nhấc bổng lên cao… sau đó không còn biết gì nữa.

Sau một lúc nằm im, hai mắt quen dần với bóng tối, hắn có thể nhìn thấy lờ mờ chung quanh nhưng cũng không nhận biết được mình đang nằm ở đâu?
- "Phải tìm cách ra khỏi nơi này rồi mới tính được"
Hắn tự nhủ và ráng cựa quậy hai chân nhưng một cảm giác đau khủng khiếp nổi lên khi hắn vừa định kéo đôi chân. Vẫn không nhúc nhích gì được. Hình như hai chân đã bị gãy! Hắn than thầm: "Mẹ kiếp! Lần này bị nặng thiệt rồi!". Thử co duỗi mấy đầu ngón tay thì cảm giác động đậy của mấy ngón tay dưới lớp đất cát cho hắn biết hai bàn tay còn cử động được. Hình như sau khi bị hất tung lên, hắn rơi vào một giao thông hào đã bị sụp đổ nào đó, vì chung quanh tối đen như mực mặc dù hắn vẫn nhìn thấy trên vòm trời cao đầy sao lấp lánh. Với một cố gắng hết sức, hắn rút được hai bàn tay ra khỏi lớp đất cát. Giơ tay lên vuốt bụi đất phủ trên mặt, hắn cảm thấy ướt ướt ở mặt. Không cần đợi lâu mới biết được đó là máu. Phải rồi! hai cánh tay hắn đầy máu pha

lẩn bụi đất làm thành một chất nhảo lợn cợn bết vào mặt gây cho hắn một cảm giác khó chịu. Hắn cố la to lên kêu cứu, nhưng âm thanh bị nghẹn lại phát ra những tiếng khàn đục vô nghĩa. Khát nước! Bây giờ hắn mới cảm nhận được cổ họng của mình đắng nghét và khô khốc. Cơn khát thật kinh khủng. Hắn ráng cử động hai bàn tay mò mẩm tìm bi đông nước thường đeo chung với dây ba chạc ở bên hông nhưng chỉ còn có cái vỏ bằng vải bọc bên ngoài, bi đông nước đã rơi đâu mất! Cơn khát cháy cổ họng và ý chí cầu sống thôi thúc hắn bằng mọi cách phải ra khỏi giao thông hào bị lấp này đi tìm nước uống và tìm người cứu. Nằm đây hoài thì chỉ có nước chờ chết. Với ý nghĩ đó, hắn bắt đầu dùng hai tay cào bới, hất đất cát tìm chỗ trống bò ra.

Tuy nhiên với thân người bị đang bị thương nặng lại bị phủ đầy đất cát như vậy, không phải là một điều dễ để có thể thoát ra được khỏi giao thông hào bị sụp đổ này. Bỗng tay hắn chạm vào một vật mà không cần phải mò mẩm lâu mới biết: Đó là một xác người. Không thể nhận dạng được nhưng hắn biết đó là xác của đồng đội vì tay hắn chạm vào cái nón sắt của anh ta còn đang đội trên đầu. Hắn phát giác ra thêm một xác chết nữa cũng ngay kế bên. Không có thì giờ suy nghĩ nhiều, hắn tiếp tục tìm trên thi thể xác chết của đồng đội và cuối cùng tìm được vật hắn muốn tìm: Bình bi đông nước. Những ngụm nước lúc này quả thật đúng như nước phép cam lồ giúp hắn tỉnh táo và khoẻ lại rất nhiều.

Sau một lúc bươi móc đất cát, mặc dù đau thấu xương nhưng hắn đã có thể nhích người lên tựa lưng vào vách giao thông hào nghỉ mệt. Không biết mấy giờ rồi. Ngửa mặt nhìn lên bầu trời đầy sao chứng tỏ một đêm thật đẹp nếu như hắn đang ở một nơi nào khác, không phải nằm bị thương chết dí ở nơi khốn kiếp này. Đêm lạnh dần khi sương xuống càng lúc càng nhiều. Những ánh sao trời lấp lánh khi nảy qua màn sương đêm bây giờ đã bị nhoè nhoẹt đi. Hắn nằm im, mùi hơi đất ẩm thấp xông lên quyện với mùi cháy khét của da thịt người chết làm cho hắn muốn nôn mửa. Bỗng dưng hắn thấy thèm một hơi thuốc. Phải rồi! Nếu có được một hơi thuốc vào lúc này thì hay biết mấy. Những hơi thuốc lúc này chắc chắn làm ấm lòng và vơi bớt nỗi cô đơn nhiều lắm. Nhiều phiên gác đêm, mặc dù chỉ ôm súng lẽ loi một mình với rừng núi trăng sao. Hắn vẫn không cảm thấy cô đơn và thê luơng như lần này. Ít ra những lúc đó các chiến hữu của hắn vẫn ở gần đâu đó và sẵn sàng tiếp ứng với hắn khi đụng chuyện. Nhưng lần này, giữa cảnh đổ nát của một bãi chiến trường đã tàn cuộc không còn ai bên cạnh, chung quanh chỉ là những xác chết bất động, cảm giác lẻ loi lần này mới ghê gớm làm sao!

Hắn chợt nhớ về đứa em trai ở nhà giờ này. Chắc nó đang ngủ say. Nghĩ tới đứa em này, hắn không khỏi cảm thấy đau lòng. Cha mẹ chết hết, chỉ còn hai anh em đùm bọc với nhau. Hắn đã cố gắng hết sức để giúp đở em có thể tiếp tục học đến nơi đến chốn. Mỗi tháng với tiền lương lính ít ỏi, hắn chỉ dám tiêu xài những gì thật cần thiết, còn lại thì gởi hết về giúp em ăn học. Nay bị thương như vầy. Không biết ở nhà em hắn sẽ ra sao? Hai tháng trước, hắn viết thơ báo cho em biết rằng Đại Đội Trưởng đã hứa sau khi đơn vị trở về hậu cứ kỳ này, hắn sẽ được đi phép. Đứa em rất mừng rỡ với tin này, viết thư trả lời bày tỏ lòng nôn nóng mong chờ ngày hắn về. Lâu quá rồi hai anh em đã không có dịp gặp nhau còn gì nữa! Chiến cuộc lan tràn càng lúc càng trở nên khốc liệt, nên những phép tắc cũng bị hạn chế hết! Nghĩ tới đứa em và hoàn cảnh bị thương hiện tại với lời hứa sắp được về phép… hắn không khỏi thở dài!

Đang nghĩ ngợi lang mang, bỗng có tiếng chim cú đi ăn đêm kêu lên ở gần đâu đó lôi hắn trở về với thực tế. Hắn tự nhủ phải tìm mọi cách ra khỏi giao thông hào này chứ không thể nằm hoài ở đây được. Ý nghĩ nằm chết ở đây không một ai hay biết khiến hắn hoảng sợ. Hắn tiếp tục dùng tay trườn người ngoi lên. Hai chân không thể điều khiển được nên mọi cử động của hắn giờ này hoàn toàn nhờ vào hai cánh tay. Lần mò theo bờ vách của giao thông hào, hắn bám chặt vào những hốc đá cố sức kéo người lên. Mặc cho bên hông và trước bụng thỉnh thoảng đau nhói lên như có ai dùng dao nhọn đâm vào, hắn tiếp tục trườn người lên từng tấc một… Cuối cùng với những nổ lực phi thường hắn cũng vượt ra khỏi giao thông hào đổ nát đó lên được mặt đất. Mệt đuối và đau đớn khắp toàn thân khiến hắn cơ hồ xuýt ngất đi. Có lẽ vết thương bị động mạnh nên máu ra nhiều quá khiến hắn lại khát nước nữa. Biết rằng bị thương mà uống nhiều nước quá không tốt, nhưng hắn không thể cưỡng lại được với cơn khát như đang xé cổ họng. Hắn ngửa cổ uống liền mấy ngụm nước rồi gắng gượng chống tay ngồi dậy tựa lưng vào một bờ đất cao, hai chân lại bị động đến nỗi hắn phải bật lên tiếng la đau đớn. Ngồi một lúc cho cơn đau dịu lại, hắn lấy tay sờ soạng thăm dò những vết thương trên người. Hắn cảm thấy tay ướt át khi đụng vào vết thương trước bụng. Bên hông phải cũng bị thương, máu tươm ra ướt hết một khoảng áo. Cố lê hai chân lên nhưng không nhúc nhích điều khiển gì được, chắc là đã bị gãy. Cũng may trên đầu còn cái nón sắt che chở nên không bị thương.

Một vài tiếng súng vang đến từ phía bên kia ngọn đồi khiến hắn giật mình ngó lên nhìn dáo dác. Chắc chỉ là súng của lính gác bắn vào những điểm nghi ngờ nào đó trong bóng đêm vì sau đó không có gì xảy ra thêm. Mọi vật im ắng trở lại. Không lâu sau đó, một chiếc dù trái sáng lóe trên nền trời toả đều xuống một ánh sánh vàng dịu. Qua ánh sáng hoả châu, khung cảnh chung quanh quả thật thê lương vô cùng. Không biết cảnh thật sự ở địa ngục như thế nào? Nhưng đối với hắn khung cảnh ở đây mới đúng là một địa ngục. Rõ ràng những gì hắn thấy trước mắt không phải là nơi dành cho sự sống. Cảnh hoàng tàn đổ nát chen lẫn những xác người nằm khắp nơi trên mặt đất, cộng với mùi tanh tưởi của máu và mùi thịt người cháy khét chung quanh, thật đúng là một cảnh địa ngục nơi trần gian. Vậy mà hắn phải chịu trận ở đây với những vết thương nặng nề trên người!!

Lợi dụng ánh sáng hỏa châu, hắn cố gắng ngồi dậy xem xét lại những vết thương trên mình. Hắn lết lại gần một xác chết gần nhất. Không nhận diện rõ được mặt nhưng hắn cũng có thể biết được đó là xác một người lính Dù qua trang bị của người chết. Vừa lần mò tìm khắp trên mình người chết, hắn vừa van vái thầm:
- "Anh đã đền nợ nước rồi thì xin hãy yên nghĩ. Cầu xin linh hồn anh sớm siêu thoát và có linh thiêng thì xin giúp tôi về được đơn vị. Anh bây giờ không còn cần những vật trên người nữa, nhưng có thể giúp cho tôi trong lúc này. Xin tha thứ cho tôi.".

Hắn tìm được băng cá nhân của người chết, cộng thêm phần băng cá nhân của mình, hắn lần mò băng bó lại vết thương. Hắn cũng tìm được mấy nhánh cây nhỏ và với một cố gắng phi thường, hắn tháo dây giày mấy người lính chết nằm gần đó, rồi dùng dây giày bó hai chân mình với những nhánh cây nhỏ này. Làm xong việc băng bó này hắn mệt muốn ngất, toàn thân dã dượi, hắn chỉ biết ngả người tựa vào một bờ đất nằm yên một lúc thật lâu nghỉ mệt. Chung quanh vẫn im ắng đến rợn người, chỉ có tiếng côn trùng rỉ rả một điệu nhạc buồn đơn điệu làm khung cảnh

càng có vẻ thê lương hơn. Có lẽ máu ra nhiều quá nên cơn khát lại đến hành hạ nữa. Lần này cẩn thận hắn chỉ dám hớp một ngụm nhỏ và ngậm trong miệng để nước thấm từ từ vào cổ họng cho đỡ khát chứ không dám uống nhiều như trước. Hắn lại lục tìm trong túi của mấy xác lính bên cạnh. Thật may, có thuốc lá và cả một bật lửa.
Nằm tựa lưng vào bờ đất nhìn lên bầu trời, rít những hơi thuốc lá đầu tiên. Cảm giác khoan khoái, dễ chịu giúp hắn phần nào quên đi hoàn cảnh khó khăn hiện tại. Vừa hút thuốc vừa suy nghĩ tìm cách bò ngược lên đỉnh đồi về với đơn vị. Bỗng có tiếng rên rỉ đau đớn phát ra ở gần đâu đó làm hắn giật mình. Trong đêm khuya tiếng rên rỉ đứt quảng nghe như tiếng ma quỉ từ dưới mộ sâu vọng lên:
- Ai bị thương kêu rên vậy? Có thể lên tiếng cho tôi biết anh đang ở đâu không?
Hắn vừa hỏi vừa cố gắng nhìn chung quanh ngay đúng lúc ánh hỏa châu phụt tắt, bóng tối thình lình bao phủ trở lại như có ai đó vừa trùm một bao bố lên đầu, khiến hắn không nhìn thấy gì nữa cả.
Tiếng rên rỉ im bặt một lúc rồi lại tiếp tục cất lên, lần này ngoài tiếng rên rỉ hắn còn nghe tiếng động như có vật gì đập đập dưới đất, cách nơi hắn ngồi không xa. Chắc người bị thương cố gắng gây tiếng động để báo cho hắn biết vị trí của anh ta. Đang cố gắng định vị trí người bị thương đang nằm, bỗng một tiếng nổ "bụp" và một chiếc dù trái sáng khác xuất hiện lơ lửng trên nền trời. Không bỏ lỡ cơ hội, hắn quan sát thật kỷ hướng có tiếng đập tay dưới đất vừa rồi. Lần này hắn nhìn thấy phía ngay trước mặt, một bàn tay thò ra từ trong đống đổ nát, đang cố đập đập vào đất. Tiếng rên rỉ cũng phát ra từ chỗ đó.
Tưởng chỉ có một mình hắn sống sót giữa bãi chiến trường này, ai dè còn có người khác còn sống nữa. Cảm giác bớt lẻ loi và "đồng bệnh tương lân" thôi thúc hắn phải tìm cách giúp người bị nạn.
- Tôi thấy anh rồi. Nằm yên đó đi. Tôi sẽ tới.
Bằng những nổ lực hết sức, hắn lết thân mình từng chút một đến hướng người bị thương. Vừa lết hắn vừa cố nói cho người kia yên lòng:
- Cứ nằm yên nghe. Tôi sắp tới rồi.
Hắn nhích thân người từng chút một, thỉnh thoảng xuýt xoa đau khi vết thương bị động trong khi di chuyển. Người bên kia có lẽ nghe tiếng hắn, nên thôi không còn đập tay ra dấu trên mặt đất nữa, nhưng tiếng rên rỉ vẫn phát ra chứng tỏ anh ta đang đau đớn lắm. Khoảng cách từ chổ hắn đến người bị thương không xa, nhưng cũng phải mất một lúc lâu và nhiều lần dừng lại nghỉ mệt hắn mới lết được tới bên người đang nằm rên rỉ. Qua ánh sánh hoả châu, hắn có thể nhìn thấy một thân người bị vùi trong đống đất, chỉ chừa phần đầu và hai cánh tay thò ra ngoài. Có vẻ như anh ta bị thương rất nặng. Hắn lên tiếng:
- Nằm im đó, tôi đến rồi. Để tôi tìm cách lôi anh ra. Nếu anh nghe tôi nói thì đập tay lên đất cho tôi biết.
Một cánh tay giơ lên đập đập xuống mặt đất như trả lời hắn.
- Tốt. Như vậy tôi sẽ cố gắng lôi anh ra đây.
Nhìn chung quanh, hắn tìm thấy một ba lô nằm lăn lóc gần đó. Nhích người kéo cái ba lô lại gần, hắn mừng rỡ khi tìm thấy cái xẻng cá nhân của lính thường dùng để đào giao thông hào hoặc hầm trú ẩn… Một cách khó khăn, hắn bắt đầu dùng xẻng bươi móc đất cát để lôi người bị thương ra. Hắn bất kể đau đớn mặc dù hai chân và bên hông đau nhói ở mỗi cử động quá sức, đầu óc chỉ đơn giản nghĩ bằng mọi cách phải cứu người bị kẹt trong mớ đất cát hỗn độn này

càng nhanh càng tốt, nếu chậm thì người đó sẽ chết. Ánh hoả châu lúc nãy đã tắt từ lúc nào khiến công việc đào bới càng thêm khó khăn, nhất là phải tránh đừng chạm mũi xẻng vào người nằm phía dưới. Sau khi bươi móc đất cát ra được khá nhiều, hắn nắm tay người bị thương và nói:
- Tôi sẽ lôi anh lên đây. Anh cố gắng trườn theo lên nghe .
Cả hai hì hục cả buổi, người thì ráng lôi kéo, kẻ thì cố nương theo đà kéo trườn lên… cuối cùng hắn cũng lôi được người bị thương lên phía trên. Đến đây thì hắn cảm thấy đầu óc choáng váng mệt muốn ngất, phải ngả ngửa ra đất nằm thở, nhưng trong bụng cảm thấy hài lòng vì đã lôi được người bị thương ra khỏi mớ đất cát hỗn độn đó.
Đầu óc vừa tỉnh táo lại một chút, hắn chợt nhận ra kể từ khi kéo người bị nạn ra khỏi chỗ bị chôn vùi, hắn không nghe tiếng rên nữa. Không biết người đó còn sống hay không.
- Này anh! Có nghe tôi nói không? Lên tiếng cho tôi biết đi.
Không có tiếng trả lời, cũng không có tiếng đập tay trên mặt đất. Có lẽ người đó đã chết hoặc bị ngất xỉu đi rồi? Hắn cố gắng xoay người lại, trời tối quá hắn phải đưa tay sờ soạng cố tìm hiểu xem người vừa được hắn lôi lên còn sống hay đã chết. Thêm một chiếc dù chiếu sáng nữa vừa được bắn lên, giúp hắn nhìn rõ được người bị thương bên cạnh. Bỗng như có một luồng điện chạy dọc theo xương sống làm hắn rợn cả người. Qua bộ quân phục của người bị thương nặng hắn vừa giúp kéo ra khỏi đống đất cát, hắn nhận ra đó là một bộ đội CS Bắc Việt. Lúc nãy đầu óc tập trung vào việc cứu người và chỉ nắm hai cánh tay của người đó khi lôi lên nên hắn không để ý đó là đồng đội hay kẻ thù? Với sự phát hiện này, phản ứng tự nhiên của một người lính khi đối diện với kẻ thù khiến hắn tự động giơ cái xẻng lên cao định bổ một nhát xuống gương mặt của tên bộ đội. Qua ánh sáng vàng vọt của hoả châu, người lính CS Bắc Việt nằm yên trên mặt đất không nhúch nhích, cũng không có một sự kháng cự nào cả… Hình như tên bộ đội đã chết rồi. Hắn hạ cái xẻng xuống, ngồi tựa lưng vào bờ đất, tay bụm lên vết thương bên hông vì cử động khi nảy khiến vết thương đau nhói lên một cách khủng khiếp.

Nhìn tên bộ đội nằm bất động rồi nhìn lên cánh dù trái sáng đong đưa trên cao, hắn tự hỏi không biết mấy giờ rồi? Khái niệm thời gian đối với hắn đã lệch lạc hết ở nơi chết tiệc này. Tuy đầu óc hoang mang mệt mỏi, nhưng hắn không cho phép mình nghỉ ngơi lâu. Bằng mọi cách phải bò lên đỉnh đồi nơi đơn vị của hắn đóng giữ mấy ngày nay, lòng thầm hy vọng đơn vị vẫn còn đó.
Khi hắn bắt đầu trườn người đi thì tên bộ đội lại cất tiếng rên rỉ. Giữa bãi chiến trường hoang vắng, tiếng rên đứt quảng trở thành một âm thanh nghe thật kỳ quái:
- "Té ra mày còn sống hả?"
Hắn lẩm bẩm một mình và chụp vội cái xẻng, quay qua định bổ một nhát giết chết tên bộ đội.
- "X…i…n…đ…ừ…ừ..g..g…"
Dưới ánh sáng hỏa châu, tên bộ đội nằm bất động trên mặt đất, gương mặt đang ngước lên nhìn hắn với một dáng vẽ trông thật thê thảm. Tuy không nhìn rõ được gương mặt của tên thương binh CS, nhưng cũng đủ để hắn nhận ra người nằm bên dưới còn rất trẻ. Hắn cảm nhận được gương mặt trẻ đó đang toát ra một sự sợ hãi vô cùng. Cánh tay đang giơ cái xẻng lên cao định giáng xuống, một lần nữa ngừng lại. Hắn hạ cái xẻng xuống một cách bất lực rồi ngồi qua một bên, hai tay bụm lên vết thương trong một phản xạ tự nhiên khi cơn đau nhói lại nổi lên theo từng hơi thở dồn dập. Vừa thở hổn hển một cách mệt nhọc, hắn vừa chán chường nhìn qua tên lính bộ đội bên cạnh:

- "Mình đang làm gì vậy? Tại sao không đập cho nó một nhát cho rồi. Chính vì tụi nó mà mình mới bị thương nặng nằm đây và các đồng đội bị chết nằm kia…. Tại sao mình lại không giết nó…"
- "Mình quả thật lẩm cẩm. Ở trên chiến trường hai phe đối nghịch với nhau, nếu đối diện với kẻ thù, mình không giết nó, thì nó sẽ giết mình. Thế thôi! Nếu đổi lại mình không còn hơi sức chiến đầu, chỉ nằm đó như nó bây giờ. Còn nó còn sức cầm súng, dao… thì nó giết mình không?.... Vậy thì còn gì phải suy nghĩ nữa. Chỉ một nhát là xong…."
Cuối cùng hắn lại thở dài:
- "Nhưng mà giết nó làm gì nữa chứ. Nó cũng sắp chết rồi. Dẫu sao nó cũng chỉ là một thằng lính như mình thôi. Đã là lính thì lệnh ra thế nào phải làm thế đó. Chưa chắc nó đã muốn bỏ nhà bỏ quê vào tận trong Nam này để rồi bỏ xác tại đây?? Có trách là trách chủ nghĩa CS, những tên đầu sỏ ở miền Bắc đã khởi động chiến tranh và muốn lấn chiếm lãnh thổ của miền Nam….."
Tất cả những suy nghĩ phức tạp đó cứ diễn đi diễn lại trong đầu óc của hắn. Đã mấy lần hắn cầm xẻng lên định bổ xuống đầu tên bộ đội, nhưng không lần nào hắn có thể làm chuyện đó được. Gương mặt còn rất trẻ của tên bộ đội trông thật tội nghiệp, khiến hắn không khỏi liên tưởng tới em trai của hắn ở nhà…
Những lúc trước đây khi lâm trận, súng đạn ầm ầm hắn cứ thế bấm cò, cứ thế lao tới. Đầu óc không nghĩ ngợi gì nhiều ngoài việc phải thanh toán mục tiêu, phải diệt cho bằng được kẻ địch ở phía trước mặt. Nhưng bây giờ lại khác hẳn. Lúc này đối diện với hắn là một người bị thương gần chết, một người hoàn toàn không còn sức kháng cự. Lương tâm không cho phép hắn ra tay hạ sát một người đang nằm chờ chết như vậy được, cho dù người đó là kẻ thù của hắn đi nữa. Vả lại, đơn vị Dù của hắn khi chiến đấu thì chiến đấu hết mình, không chùn bước trước bất cứ kẻ thù nào và sẵn sàng xông vào bất cứ trận địa nào khi được lệnh trên giao phó. Tuy nhiên khi kẻ thù đã không còn sức chiến đấu và sa cơ thất thế. Những người lính Mủ Đỏ sẵn sàng giúp đở họ. Trước đây đã bao lần đơn vị hắn bắt được tù binh VC và lần nào cũng đối xử đúng chính sách đối với tù binh: cho ăn uống, săn sóc thuốc men đàng hoàng…. Lần này cho dù hoàn cảnh của hắn chẳng khá gì hơn tên bộ đội nằm kia, nhưng hắn vẫn không thể nào xuống tay được…

Hắn ngồi tựa lưng vào bờ đất, mắt dán chặt vào thân xác người bộ đội nằm dưới đất, trong tay thủ cái xẻng trong một vị thế phòng ngừa xem tên bộ đội có bất thần nhào lên tấn công hắn không? Trong khi đó vết thương trên bụng, bên hông và hai chân càng lúc càng đau nhói lên khủng khiếp.
- "Đ.M. vết thương lại chảy máu nữa rồi. Kiểu này chắc mình bỏ mạng ở đây quá."
Hắn mệt nhoài, mắt hoa lên và cảm thấy trước bụng lại ướt nhầy nhụa. Cuộn băng cá nhân hắn quấn ngang vết thương khi nảy không đủ sức cầm máu sau những cử động liên tục làm vết thương bị động mạnh! Hắn mệt và đuối sức dần... Cái xẻng trên tay hình như trở thành quá nặng đến nỗi hắn không còn đủ sức cầm trên tay nữa. Dưới ánh hoả châu, cảnh vật toàn bãi chiến trường có một vẻ gì giống như hình ảnh trong mấy phim kinh dị mà hắn có lần đã xem qua. Sự sống hình như không tồn tại ở nơi đây. Nếu có chăng chỉ là sự thoi thóp của những sinh vật đang chờ chết, trong đó có hắn và tên bộ đội đang nằm kia.

Mắt hắn càng lúc càng nặng trĩu, người đuối sức dần và cứ muốn gục xuống. Hắn thở dài, biết mình không đủ sức tìm về đơn vị được nữa. Nhìn tên bộ đội nằm yên bất động, thỉnh thoảng

phát ra những tiếng rên "Grrrừ, grrừ" đứt quảng như tiếng gọi chiêu hồn của một loài ma quái từ cỏi âm ty nào vọng tới, hắn không khỏi chán nản, thương cảm lây cho chính bản thân mình. Đầu óc cứ lùng bùng, mơ hồ với những ý nghĩ không đâu ra đâu: Nếu đừng có chiến tranh, giờ này chắc hắn đang ở nhà săn sóc, hổ trợ cho đứa em trai ăn học thành tài và tên bộ đội này chắc cũng đang chung sống vui vẻ với những người thân của nó. Bỗng dưng hắn phải xa đứa em thân yêu duy nhất, cầm súng lao vào lửa đạn và bây giờ lại nằm đây với những vết thương chí tử trên người! Còn tên bộ đội kia, nó còn trẻ như vậy, chắc cũng còn cha mẹ, anh chị em khác. Lẽ ra giờ này nó đang ở chung yên vui với gia đình, vậy mà từ miền Bắc xa xôi lại phải đi vào tận miền Nam, để cuối cùng nằm chờ chết ở một nơi không ai hay biết gì cả! Như vậy thì giữa hắn và tên bộ đội kia có khác nhau gì đâu? Trong một thoáng, hắn bỗng thù ghét chiến tranh, thù ghét những cảnh chém giết, súng đạn… Hắn nguyền rủa bực dọc, cảm thấy thương cho bản thân mình và tên bộ đội đang nằm kia. Rốt cuộc cả hai người cũng chỉ là nạn nhân của chiến tranh mà thôi. Tuổi trẻ của hắn và tên bộ đội này, cũng như của biết bao thanh niên trai trẻ khác ở hai miền Nam Bắc đã bị vứt vào lò lửa hận thù và tất cả đã bị thiêu rụi hết trong một cuộc chiến tranh tương tàn, nồi da xáo thịt ngu xuẩn nhất!

***

Lại có tiếng rên rỉ từ tên bộ đội CS lôi hắn ra khỏi những ý nghĩ mông lung, trở về với thực tế. Hắn nhủ thầm chắc nó khát nước lắm.

- Mày muốn uống nước không?

Tuy hỏi nhưng hắn cũng tự động mở nắp bi đông nước và cẩn thận đặt vào miệng tên bộ đội:

- Nước đây. Uống từ từ từng chút cho đỡ khát thôi. Mày đang bị thương không nên uống nhiều nước.

Tên bộ đội uống xong nằm im có vẻ đỡ hơn trước. Tiếng rên rỉ cũng bớt dần.

- Này, mày có muốn hút thuốc không? Nếu muốn, thì đập tay xuống đất cho tao biết.

Câu hỏi của hắn vở trong bóng đêm và loảng tan trong cái im ắng rợn người. Qua mấy giây, hắn nghe tiếng vỗ nhẹ trên mặt đất.

- À, thì ra mày cũng muốn hút thuốc. Được rồi. Đợi đấy.

Hắn nhích người sát qua tên bộ đội, không quên đặt cái xẻng vào vị trí dễ dàng chộp ngay nếu cần… đề phòng tên bộ đội bất thần nhào lên tấn công, mặc dù tên này đang nằm dài ra đó, không đủ sức nhấc cánh tay lên, nói gì đến chuyện có thể tấn công ai?

"Cẩn tắc vố áy náy".Hắn tặc lưỡi nhủ thầm rồi bật chiếc quẹt máy mồi điếu thuốc, xong kê sát chiếc quẹt máy gần mặt tên bộ đội để nhìn cho rõ. Qua ánh lửa nhỏ, đầu và mặt của tên lính CS Bắc Việt bê bết những máu và đất cát. Chỉ có đôi mắt đang nhìn hắn đầy vẻ biết ơn khi hắn từ từ gắn điếu thuốc vào môi cho anh ta.

- Hút đi. Đang bị thương thì rít từ từ không thôi bị sặc đó.

Tên bộ đội rít một hơi thuốc, thở khói ra có vẻ khoan khoái lắm. Qua ánh lửa chập chờn của chiếc quẹt máy. Hắn hài lòng nhìn tên bộ đội hút thuốc và cũng tự mồi cho mình một điếu.

- Mày thấy ngon không? Lúc này cũng may là còn có ít hơi thuốc ấm lòng. Nếu không chắc chán chết...

Hắn nói với tên bộ đội bị thương một cách trống không và bỗng dưng nhận ra trong câu nói và những hành động nãy giờ của mình đối với tên này không có một chút hận thù gì cả. Hắn tự chưởi thầm và tỏ vẻ bực bội với chính mình về điều này khi chợt nhớ lại vị trí đối nghịch của hai bên và cảm thấy có lỗi với các đồng đội đang nằm chết phơi xác rải rác chung quanh. Nhưng

nghĩ tới người bộ đội nằm kế bên cũng sắp chết đến nơi, hắn tự an ủi "Nó bị thương nặng như vậy. Mình không giết nó cũng chết thôi."

Ánh hỏa châu đã tắt từ lâu. Cảnh vật chỉ còn thấy lờ mờ nhờ những vì sao trên cao nhoè nhoẹt dần qua màn sương đêm rơi xuống càng lúc càng nhiều. Hai người thương binh ở hai phe đối nghịch giờ đây tựa bên nhau, im lặng hút thuốc giữa một bãi chiến trường đầy mùi tử khí chết chóc bao trùm khắp nơi. Hình ảnh trông vừa quái dị vừa có một nét nào đó thương tâm không tả được.
***
Trời chắc đã khuya lắm, sương xuống ướt hết chiếc áo trận khiến hắn phải cố thu người lại trong một tư thế co cụm cho đỡ lạnh. Vết thương lại bị động làm hắn không khỏi buột miệng xuýt xoa. Nhìn lên bầu trời đầy sao hắn nghĩ về đứa em của mình. Không biết giờ này nó đang làm gì? Hắn thở dài khi nghĩ tới lời hứa về phép lần này coi bộ khó thực hiện được rồi! Chưa bao giờ hắn cảm thấy bi quan và cô đơn đến như vậy! Hắn ước mong có được một người nào đó để có thể cùng trò chuyện, an ủi trong lúc này. Hình ảnh đứa em cứ lẩn quẩn hoài trong đầu khiến hắn vừa phiền muộn vừa bực bội trong lòng. Chợt nhận ra nảy giờ không nghe tiếng tên bộ đội rên nữa, chắc nó cũng đang lạnh lắm. Hắn đột nhiên sợ hãi một điều vô cớ:
- Nè! Mày còn sống không đó? Sao không nghe mày rên nữa vậy. Đừng có chết nghe. Lên tiếng cho tao nghe đi.
Không có tiếng rên, hoặc đập tay trả lời. Tên bộ đội vẫn nằm im không nhúch nhích. Hắn nắm vai người thương binh CS lắc mạnh:
- Nè! Mày lên tiếng đi. Có nghe tao nói không? Đừng có chết nghe…
Hắn lắng tay nghe. Qua một lúc lâu, vẫn im lặng... Rồi thình lình như từ cỏi âm ty ma quái nào đó trở về, tiếng rên rỉ lại phát ra rất yếu ớt. Có vẻ như tên bộ đội vừa tỉnh giấc dậy sau một lúc bị ngất đi. Hắn yên tâm khi cảm nhận được thân hình của người nằm kế bên run rẩy qua chiếc áo vì lạnh. Giơ tay kéo chiếc ba lô mà hắn đã tìm thấy chiếc xẻng hồi nảy đến gần, hắn hài lòng khi tìm được một chiếc mền cá nhân quân đội trong đó. Sau khi cẩn thận sửa lại thế ngồi tựa sát hơn vào tên bộ đội, rồi bằng tất cả sức lực còn lại hắn ráng phủ chiếc mền cá nhân trùm lên cả hai người.
- "Mẹ kiếp! Chắc lúc trước mình mắc nợ thằng này."
Hắn lẩm bẩm một mình như tự bào chữa cho hành động của mình. Làm được điều này thì đầu óc choáng váng, hắn có cảm giác như đang say rượu, hai mí mắt cứ xụp xuống như có vật gì nặng kéo xuống... Hắn chỉ kịp kéo một góc mền phủ kín lên vai thì không còn tự chủ được nữa. Đầu hắn gục xuống vai tên bộ đội trong một trạng thái hoàn toàn vô thức. Mọi cảm giác bỗng trở nên hụt hẫng, nhẹ tênh… và thình lình vụt xuống thật nhanh như thể hắn vừa từ trên cao bước hụt chân ngã nhào vào một trũng tối đen sâu thẳm nào đó.

Trên cao chiếc dù hoả châu cũng vừa rơi rụng những tàn đóm cuối cùng trước khi tắt lịm hẳn, trả lại bóng tối âm u bao trùm lên xác những người lính của cả hai bên nằm la liệt trên một khoảng đồi. Những người lính này sẽ không bao giờ còn hận thù nữa.

Nhắm Từ Lỗ Chiếu Môn
Qua Đỉnh Đầu Ruồi

Kẻ thù ta ơi những đứa xăm mình
Ăn muối đá mà điên say chiến đấu
Ta vốn hiền khô ta là lính cậu
Đi hành quân rượu đế vẫn mang theo
Mang trong đầu những ý nghĩ trong veo
Xem cuộc chiến như tai trời ách nước
Ta bắn trúng ngươi vì ngươi bạc phước
Vì căn phần ngươi xui khiến đó thôi..

(thơ Nguyễn Bắc Sơn)

Trong một bữa nhậu quán vắng chiều hôm…

Tôi gặp một thằng Nam Kỳ uống rượu ngọt như bưởi Biên Hòa. Nó uống rất đẹp, khoan thai cầm cái ly tay trái, xoay xoay đưa lên từ từ, điềm đạm từng ngụm nhỏ như cân đo đong đếm. Mép khẽ nhếch lên nhấp một tí, rồi lại thong thả đưa cái ly xuống. Cùng lúc, tay phải nó quẹt cái bật lửa Zippo vào đùi cái "tách" mồi điếu thuốc lá. Lờ đờ nhả khói. Xong từng ấy thủ tục. Bèn lừ đừ nhắp một miếng mồi, đưa cái ly lên ngang miệng và cũng từng động tác chậm chạp ấy, không thừa không thiếu. Mà nó uống thì thần sầu, lặng lờ như một cái bóng, độ này qua độ khác, từ lúc nhập trận đến khi tan hàng, càng uống càng tỉnh, mặt không hề đổi sắc. Chẳng thấy bao giờ nó ôm địa bàn hay cho chó ăn chè, ngồi một chỗ đóng chốt từ lúc tới cho đến khi nửa khuya đèn vàng. Tôi chịu đèn nó nhất ở cái khoản uống rượu qua sông không màng…vén quần này.
Nó khật khưỡng uống, càng về khuya, hình như càng không mảy may đắm chìm trong thế tục, qua tiếng ồn ào, ngập khói thuốc lá dầy đặc. Và nó bao giờ cũng vậy, khuất nẻo và tĩnh lặng như…Bồ Đề Đạt Ma.
Nó không như mấy tửu đồ khác, rượu vào lời ra, bắng nhắng như nhặng vào cầu tiêu. Nếu nó có phải vén môi cho phải đạo tiêu giao thì cũng ở cái thế chẳng đặng đừng, chừng mực vừa phải. Bao giờ cũng vậy, nheo nheo cái đuôi mắt, buông từng tiếng, giọng trầm và chắc nịch. Nếu tay ngang nào ồn ào quá lắm thì nó chỉ cười mỉm chi, cầm ly rượu, như suy nghĩ và làm một hơi, gắp một miếng mồi, mắt đăm chiêu vẫn nhìn thẳng vào người đối thoại. Nhưng hình như có một chút nào lơ là, buông thả. Qua khuôn mặt phẳng lì, có hơi một chút lợn cợn nét khinh đời khinh bạc.
Quái hơn nữa là: Nó gần như không nói gì về nó.

Trong khi một lũ điếc không sợ súng, thổ ngơi thằng nào cũng gần kho đạn Gò Vấp. Cậu thiếu úy sư đoàn 1, mặt búng ra sữa, qua đến Guam lên trung úy, tới camp Pendleton, đặc cách lên đại úy. Khỉ một cái là mỗi lần đổi trại, là mỗi lần đổi quân binh chủng có lửa, như lực lượng đặc biệt chốn biên thùy, hay biệt kích bên kia vĩ tuyến, ông cố nội ai mà mò ra. Nghe tức như bò đá,

giữa đám ba quân chẳng lẽ lật tẩy nhau ra, nhờ cậu tí. Cậu chơi khó anh em quá, bộ nghĩa quân với địa phương quân để cho chó gặm à. Chuế hơn nữa, uống thuốc liều và bán trời không văn tự là quan ba tầu bay L 19, ngày 30 tháng Tư đáp máy bay nhấp nhổm xuống xa lộ Biên Hòa, người tình lái xe Honda đuổi theo sau, vèo một cái, đu lên lửng lơ giữa trời như chị James Bond 007. Tôi nghĩ trong đầu, mẹ kiếp, bốc vừa phải thôi quan anh, quan anh lái máy bay như đạp…xích lô không bằng. Một khứa khác nốc một phùa, mặt đỏ như con gà chọi, say men chiến thắng nổ như tạc đạn, miệng văng tứ tung rằng là pilot A 37, lấy máy bay làm quan tài bay, ăn cơm dưới đất làm việc trên trời, cầy mệt nghỉ. Nhưng khứa này thì hết thuốc chữa, tôi muốn chửi thề nhưng cũng ngọng luôn vì như áo liền quần, khứa quên béng nó mất …cái kính cận to tổ bố. Mệt khứa này quá, chịu trời không thấu.

Kẹt một nỗi, cố tật của mấy ông cố nội là hay…quên. Vì rằng phịa quá nhiều rồi nên làm sao…nhớ. Khổ là khổ cho mấy thằng nghe, lúc nào cũng như ở trên trời rơi xuống ấy! Như…lính nhẩy dù vậy!

***

Khoảng thời gian ấy là giữa năm 75 và 80, vừa mới đứt phim, một lũ tụi tôi như những cánh chim tan tác gọi nhau họp đàn. Cứ chiều thứ sáu, đi làm về là tạt qua cái quán nằm ở góc đường, nằm tuốt luốt trong trung tâm thành phố. Thằng nào ra sớm thì ngồi đấy, làm một hai chai dằn bụng cho ấm lòng kẻ tha hương người lữ thứ, nhìn trời nhìn đất, buồn nhiều hơn vui. Càng về chiều, lũ trôi sông lạc chợ ới nhau tới càng ngày càng đông, quán mì hủ tiếu do anh Tầu Chợ Lớn làm chủ, ban ngày ban mặt vắng như chùa Bà Đanh, món nhậu chính danh, danh trấn giang hồ là síu quách. Như một thông lệ bất thành văn, vào độ, mỗi khứa thay nhau làm một "round" bia, tiền chao cháo múc, ăn nhậu tự nhiên, cười nói vung vít, nước miếng văng mệt nghỉ. Cuối tuần lương, tay nào chịu chơi thì bắt đĩa bò lúc lắc dai như đỉa đói, ai sâm mình lắm thì xách theo một chai rượu mạnh. Và mỗi chai rượu đều có tình sử riêng của nó, vì tất cả nằm trong những ngày tháng chân ướt chân ráo, cùng đất khách quê người, tha hương ngộ cố tri.

Trôi sông lạc chợ và tôi đã gặp nó ở cái quán vắng đìu hiu này.

Nó hơn tôi hai tuổi, tạng người phảng phất như có một cái gì đó hơi khác người qua đôi mắt chìm sâu và nhất là cái miệng uống rượu rất có nét cùng cái cười nhếch mép và…đặc biệt hơn nữa, nó lại chuyên ngành…thợ tiện. Chẳng phải vô tri bất mộ gì, xét nét về cái thằng tôi với quá khứ vị lai thì tôi vốn dĩ là thiếu úy quân lực Việt Nam Cộng Hòa, sĩ quan biệt phái. Cuốn vó qua đây, xách được cái thẻ quân nhân giữ như giữ mả tổ, lâu lâu lại nhòm tí chơi thấy mặt mày búng ra sữa, chân tay học trò trói gà không chặt. Trong khi khuôn mặt nó có vẻ ngầu hơn, chân tay nó cũng to khỏe hơn. Cho đến lúc tôi biết nó là thiếu tá Dù, như bị tự kỷ ám thị, cái nhìn của tôi về nó lại chệch qua một góc độ khác. Ở cái tuổi tam thập nhi lập, tôi đang tay bồng tay bế nó đã tang bồng hồ thỉ, sách quân xuống đông đông tĩnh, lên đòai đòai tan tự hồi tám kiếp nào rồi. Nói cho cùng thì vàng bạc có giá, rau cá theo buổi chợ, cũng phải né nó một chút chứ, không ít thì nhiều đường đường cũng là tiểu đòan trưởng, giang hồ nửa gánh non sông một chèo. Ấy là chưa tính nhằm vào cái thời buổi láo nháo mới qua đây xin nhận nơi này làm quê hương, lại mới tàn cuộc binh đao, những thiên hùng ca với "*con ễnh ương ngồi trong nón sắt"* hay *"anh còn viên đạn đồng để lại cho em làm kỷ vật cho em"* đang vất vưởng đâu đó trong những ngày nhạt nắng.

Thế nên mẫu người hùng ngã ngựa của nó rất dễ để tôi yếu lòng và ngưỡng mộ nó trong những ngày vất vưởng ấy.

Càng ngày tôi càng gần gũi nó hơn vì nghe hơi nồi chõ, trên răng dưới lựu đạn, làm được đồng nào là gửi qua trại tị nạn giúp đám đàn em đang nằm ăn vạ ở bên đảo. Tên nào qua được bên này, hay từ tiểu bang khác tới là nó mang về nhà nuôi báo cô. Một lần mò tới căn chung cư của nó, tôi phải bước qua cả ba, bốn cái thân xác nằm ngủ ngổn ngang dưới sàn nhà như chết rồi. Để rồi tôi lại càng mến mộ nó hơn nữa, khi tôi biết nó là dân Võ Bị Đà Lạt khóa 19, sau đấy tôi với nó gần gũi nhau như bóng với hình. Chuyện cũng chẳng có gì lạ, nhiều khi trong cõi người ta, bạn bè thân quen và thân thiết qua một nhân vật thứ ba, ấy là thằng bạn đời của tôi khóa 21 mà nó là huyng trưởng. Mỗi khi nhắc đến thằng bạn chung, giọng nó trầm hẳn xuống, mặt như có hồn, mắt như có khói, bằng vào cái chép miệng: " Ông thần này cũng bậy thật, khi không rửa chân lên bàn thờ ngồi cho sớm sủa làm chi chẳng biết nữa".
Sau đấy tôi hay ghé phòng nó *"lỳ một lam, làm một ly".* Cùng những ngày tháng qua mau, để rồi ngôn ngữ như cơn nước thủy triều, từ ông tôi qua mày tao lúc nào không hay. Tôi lại càng nghiêng mình "thành kính phân ưu" nó hơn nữa, khi nghe lóang thóang, trong một trận thư hùng với Bắc quân, nó đã đơn phương độc mã, quyết định tha tào một đám tàn binh đào thóat qua bên kia biên giới. Chuyện cứ như thật, nghe như chuyện phong thần, nhưng tôi vẫn chưa có dịp hỏi nó những uẩn khúc bên lề. Ngày rộng tháng dài, tôi rình rình một một ngày nào đó sẽ hỏi cho ra nhẽ.

Tôi cũng chẳng thấy bao giờ nó lận súng trong người. Tôi thì khóai súng, nhất là khẩu Colt 45 của quân đội Đại Hàn, hai cái má cán bằng gỗ vân nâu đỏ, chỉ to bằng ba phần tư khẩu của Mỹ. Mê hơn nữa là cái mầu thép xanh lè và lạnh mát, cầm vừa tay lại nhẹ hều. Tôi muốn thửa khẩu này để góp mặt với đời, phòng khi những lúc tai bay vạ gió. Hỏi nó, nó lắc đầu quầy quậy: "Dẹp đi cha! Bộ cha tính đóng tuồng người hùng cô đơn hả?". Một lần, hai thằng tôi ngồi ở một cái quán quen dưới phố, không như mọi lần, nó nhè phơi cái lưng như cánh phản ra cửa. Vậy mà nó làm như mả lắm, trong buổi hỗn quân hỗn quan, nhiều lần dậy khôn tôi: Ngồi thì phải trấn ngay lối ra vào, để dễ bề…di tản chiến thuật. Nếu cần kéo cái ghế trống để xéo bên cạnh…như đắp mô. Thủ chai bia không để đấy nằm trong tầm tay, cần lắm thì quăng…lựu đạn. Rồi biến cho nhanh...
Bố khỉ, khôn ba năm dại một giờ, gần khuya bỗng dưng có bốn thằng bung cửa ập vào như gió cuốn, thằng nào thằng nấy chùm mặt kín mít bằng cái vớ đàn bà, súng ống trang bị ngập răng. Thằng chặn cửa, thằng bay vào quầy tính tiền. Hai thằng còn lại chia nhau hai bàn có khứa, tay quơ súng loạn cào cào châu chấu, miệng hò hét lung tung như bị động kinh, nhìn thấy hoa cả mắt, chóng cả mặt như trời sập. Thằng du đãng nhí ào tới bàn tôi, kê súng ngay thái dương nó, vừa quát tháo vừa chửi thề bằng tiếng ta lẫn tiếng tây để áp đảo tinh thần…địch. Tôi nhìn thấy nguyên con cánh tay sâm xanh lòm hình chữ Vạn của nhà Phật. Thằng con dường như lần đầu lâm trận, cái đầu ruồi rung rung thấy rõ. Tôi còn nhớ như in trong đầu với ý nghĩ: Lỡ mà nó cướp cò thì…vỡ mặt. Còn nó tỉnh bơ, khẽ nhích cái đầu sang một bên để tránh nòng súng và nhìn thằng du đãng rồi dằn từng tiếng một:
- Mày bắn tao không chết. Mày…chết.
Thằng con khựng lại đến mấy giây, rồi đột nhiên hô hóan ầm ĩ :

- Đủ má…Lộn rồi tụi bay!
Và nó cũng không quên la bải hải:
- Dọt!
Tụi nó quậy um cả lên, rồi đánh mau rút lẹ và thu dọn chiến trường không đầy hai phút phù du. Ít lâu sau, tôi mới biết thằng con tên Vạn, biệt danh là Vạn Việt Cộng,16 tuổi bụi đời đăng lính. Nhưng chưa bắn được một phát súng nào, thay vì nhẩy dù cố gắng, nó…tan hàng cố gắng, chạy theo tiểu đòan khơi khơi leo lên tầu chiến từ Vũng Tầu để lớ ngớ qua cái thành phố này. Mấy tháng sau khoảng 5, 6 giờ sáng. Nó dựng đầu tôi dậy để lái xe vào nhà tù đóng tiền thế chân cho thằng con ra. Chuyện cũng dễ hiểu thôi, thằng con vốn sáng say chiều sỉn, khuya lái lủi vào hàng rào nhà người ta, rồi ngất ngưởng lái xe về với cái số con rệp, để lại…cái bảng số xe ở góc vườn mới điên cái đầu. Chuyện nó cứu bồ cho thằng nhóc cũng dễ hiểu thôi, vì cái tình huyng đệ chi binh, cái thằng con dại cái mang một lần dỡn mặt với nó ấy cũng là dân mũ đỏ. Mỗi lần có ai nhắc đến…sự cố này, nó chỉ nhếch mép: "Chuyện nhỏ, nhằm nhò gì ba cái lẻ tẻ".

***

Chiều 30 tháng Tư, nó lôi tôi ra cái quán mới mở gần nhà. Tôi mang cái tháng Tư đen này vào đây để thành chuyện, không phải vì muốn than vắn thở dài cùng ôm mối sầu hòai cố quốc, để mà rối rắm thêm. Mà vì nó ới thì tôi có mặt, bình thường như mọi ngày, chứ chẳng phải làm dáng gì cho bài viết. Xách chai Cognac .75 còn non nửa tới để làm duyên, tôi thấy nó đã ngồi đồng ở đấy, lù lù trên bàn như cái mả Đạm Tiên thêm một chai vàng khè một lít nữa. Tôi nghĩ thầm trong đầu, bỏ mẹ, với mảnh đời rách nát còn lại, từ giờ đến khuya, đại bác không giật 75 đụng với gà cồ 105 gáy cho vài quả thì chỉ có thác, từ chết đến bị thương, chưa thấy quan tài chưa đổ lệ nên làm nản lòng chiến sĩ cái thằng tôi biết mấy.
Nó ực và chịu nói nhiều hơn mọi khi, nhưng tuyệt không có những chuyện tan hàng lẩm cẩm hay di tản chiến thuật vớ vỉn. Nửa chừng nó luận về chuyện Tam Quốc vì nó chịu ông mặt đỏ râu dài với cây thanh long đao, con ngựa xích thố và cái dũng, cái nhân của ông thần này, hiểu theo nghĩa là không bỏ của chạy lấy người. Chợ chiều vắng khách, bỗng tôi chợt nhớ ra tích Quan Công tha Tào Tháo ở cái chỗ khỉ ho cò gáy nào đó ở tận mãi bên Tầu…Bắt qua chuyện cũ, tôi nhủ thầm thằng này có ăn gan giời mới dám thả nguyên một tiểu đòan Bắc quân. Và tôi hỏi nó về tích ấy.

Nó ậm ừ: "Ừ thì kể". Lại vẫn mửng cũ, lại lơ đãng nhấp một ngụm nhỏ, thằng này diễn xuất hơi nhiều, tôi nghĩ vậy, chỉ thiếu cái ho húng hắng là có bài bản. Rồi thì cóc mở miệng và nó ừ ào như…cho có chuyện vậy thôi:

"…Chuyện cũng chẳng có gì, tao vừa mới đi hành quân về, chưa kịp cởi đôi "bốt-đờ-sô" đã có lệnh họp khẩn. Lệnh lạc mắc dịch gì kệ tía tụi nó, tao tà tà tắm một cái cho đã và nghĩ trong bụng, chuyến này lại bị sài sể nữa vì cú đụng trận vừa rồi, tiểu đòan tao bị một vố nặng, mất hơn chục con. Vào đến phòng họp, tao thấy một đống quan to súng dài, nào đại diện cho sư đòan 5 bộ binh, không đòan 23 chiến thuật thuộc sư đòan III không quân. Có cả mấy tay biệt kích dù với nhóm nha kỹ thuật nữa, họ lon lá cùng mình, tao biết thân biết phận ngồi với tụi quân báo và khí tượng. Sau khi sếp thuyết trình, chấm tọa độ trên bản đồ hành quân, phân phối

trách nhiệm từng đơn vị, hết phần ban huấn lệnh, đến màn sếp lớn hỏi có ai théc méc gì chăng? Nực cò một cái là, đơn vị tao không được nhắc nhở đến tên, tao cũng hơi sì nẹc. Tao đâu có quởn ngồi đây nghe mấy thằng khí tượng thì thầm hoặc nghe mấy mấy thằng quân báo hú họa. Mà dại gì mó dế ngựa và tao chỉ biết là đang có đụng trận khoảng từ phi trường sông Bé đến phía tây thị trấn Lộc Ninh, sát biên giới Căm Bốt vậy thôi. Mặc dù là cuộc họp hành quân thu hẹp, nhưng tao thấy mấy ông thần nha kỹ thuật bu ở đấy khí đông, thì cũng đóan chừng, đụng độ cỡ cấp trung đòan trở xuống và không hơn. Chuyện nhỏ mà mày…".

Nó ngừng lại một chút, đốt điếu thuốc lá rồi lập lòe:

"...Họp xong, tao được được sếp lớn đưa cho cái phong bì lệnh hành quân to tổ chảng, ngòai đóng dấu hai chữ "Tối Mật" đỏ chót, sếp còn nói khi nào ra tới trận địa mới được móc ra xem. Mụ nội cha này chứ! Tao nhủ thầm trong bụng, làm chó gì mà quan trọng dữ thần vậy, cứ như Khổng Minh bầy binh bố trận không bằng, túi da với túi vải buộc giây này kia cho chắc ăn. Sếp còn giữ tao lại dặn dò, kể từ giờ phút này, lệnh ứng chiến 100% và có thể bốc đi bất cứ lúc nào trong đêm. Tao lại nghĩ tiếp, kệ cha chúng nó chứ, hậu cứ còn tới hai tiểu đòan trừ bị lận đang phè cánh nhạn. Mắc mớ chi lại dí tiểu đòan tao. Hay là sếp lớn muốn chơi màn dương đông kích tây, hay khích tướng để tao đái công chuộc tội. Nhưng đến lúc sếp lớn yêu cầu tao, cũng kể từ giờ phút này, không được liên lạc với gia đình, ngay cả điện thọai, tuyệt đối không được tiết lộ một chi tiết nào,tao linh tính là có chuyện. Lại chột dạ cứ như sắp hành quân quy mô chiếm…đài phát thanh đến nơi. Dân dù chuyên viên đảo chánh mà mày.
Đứng chào ở thế nghiêm, tao thóang thấy khuôn mặt sếp như bần thần, lo lắng, như muốn nói gì nhưng lại thôi. Vừa quay ra, sếp dặn với theo, trang bị nhẹ, ghé kho vũ khí lấy thêm mìn Claymore và súng phóng lựu M 79 càng nhiều càng tốt và đừng quên trang bị mỗi đứa con thêm chục "trái na" M67, M41. Tao thấy quái, hay là tụi tao đi đóng đồn gác chợ như…nghĩa quân hay địa phương quân đây.
Y như rằng, chiều tối vừa mới ập xuống là tiểu đòan tao được bốc đi ngay tức thì và được thả xuống cánh rừng phía tây thị trấn Lộc Ninh, cửa ngõ qua bên kia biên giới. Trong khi cánh rừng phía đông, pháo 105, 175 ly ì ầm vọng lại, đều đều xa vắng như tiếng chầy giã gạo, hỏa châu le lói, phụt lên một cái rồi tắt ngúm như ma chơi, âm u và lạnh lẽo. Mở lệnh hành quân quân ra thì tụi tao được lệnh án binh bất động, tất cả điện đàm đều được đình chỉ, ngay cả bộ tư lệnh hành quân…Đợi tụi Bắc quân chém vè là "ra- phan"...làm gỏi, mới liếc qua thì thấy ngon như óc chó. Nhưng…".

Tôi ngắt lời nó lại, hỏi:
- Rồi sao nữa, nghe hồi hộp quá mạng mày!
- Từ từ cha nội, để tao diễn giải cái kẹt giỏ của tụi tao cho mà nghe.
Sửa ghế cho ngay ngắn. Móc cái bật lửa Zippo để đấy. Nó tiếp:

"...Cho con cái đào hầm hố ẩn nấp ngụy trang xong, đọc lại lệnh hành quân một lần nữa, tao đâm lạnh cẳng. Vì rằng tụi nó nguyên cả một công trường 9, vừa mới vượt Trường Sơn đổ xuống đây. Tụi nó trang bị rất…hiện đại với hỏa tiễn 107, đại pháo 130. Tụi trừ bị là công trường 5 và 7, có cả T 54, Sam 7 còn nằm ở hậu cần, lẩn khuất đâu đó bên kia Căm Bốt. Thầy

trò nó à ơi gọi nhau tạo cài cái thế gọng kìm, không bung ra được là tụi tao bị chặt đẹp. Tụi nó ăn gỏi tụi tao là cái chắc. Tao như hiệp sĩ mù nghe gió kiếm, đâm lo ngay ngáy. Vì bây giờ tao mới hiểu ra qua cái mặt chằm bằm của sếp lớn hồi chiều khi họp hành quân: vì không biết mấy ông tướng mặt trận bên kia đầu rừng đánh đấm làm sao, mà lỡ dại để cái công trường 9 rút nguyên con về đây, tàng tàng đi bộ dẫm lên tiểu đòan tao…bẹp dí là cái chắc, không có đất mà chôn, khi không làm cỗ cho ma sơi là vậy. Nhất tướng công thành vạn cốt khô đâu không thấy…Chỉ thấy mấy chữ cổ lai chinh chiến kỷ nhân hồi như vật vờ vất vưởng đâu đây. Mụ nội nó! Cũng ớn chứ đầu có đùa mày.

Đó là chưa kể tiểu đòan không mã số của tao đang nằm lạc lõng bên ven rừng sát biên giới, vùng oanh tạc tự do. Lại vừa mới được thảy vào chiến trường ở cái giờ thư hai mươi lăm, với cái điện đài bị khóa họng, nằm như cục sắt rỉ dưới gốc cây đằng kia. Các quan lại bày đặt chơi trò ú tim, như mèo dấu cứt, lỡ lát nữa mấy ông pháo binh mới ra trường táy máy bấm cò quân bạn bắn quân ta thì…Nghĩ thì nghĩ vậy, cho đến gần sáng, tao cẩn thận đếm từng gốc cây, dặn dò từng đứa con về hiệu lệnh và nghe cú kêu nhát một như cú nhìn nhà bệnh, nghe muốn…bịnh luôn. Tao tin dị đoan, cú trước đã banh càng, hòm gỗ cài hoa cả chục cái, thì như cái rớp, cú sau sẽ không khá. Bụng dạ tao bấn xúch xích và chưa bao giờ tao mót tiểu bằng lúc này, lại thèm một hơi thuốc nữa. Mắc dịch gì đâu, đang xè xè bắn cầu vồng, chần chừ có nên làm một điếu hay chăng thì lạy Chúa ơi, có tiếng gọi nhau ơi ới, tiếng chân rõ mồn một hướng về phía cánh quân tao, cành lá gẫy kêu xào xạc và càng ngày càng gần hơn. Cùi không sợ lửa, tao vừa cài cúc quần, vừa nhắm mắt niệm Phật khấn Chúa. Canh bạc đã lật ngửa, tao "ta-pi" cú này, được ăn cả ngả về không.

Qua ống nhòm, dưới những lùm cây, một đám bại quân đông như đĩ, quần áo lếch thếch, máu me đầy người, đứa chống gậy, đứa đi cà nhắc, thằng này dìu thằng kia, rên la khóc lóc. Áng chừng hơn trăm thước, sát hơn một chút nữa, lố nhố những người là người, tụi nó trẻ măng, thằng băng đầu, thằng băng tay, vừa cõng vừa cáng…Ngay lúc ấy, không hiểu tại sao tao liên tưởng đến cảnh rút quân của Hồng Quân trong phim "Chiến Tranh và Hòa Bình", như rõ mồn một từng nét, ngay trước mắt tao.

Rồi gần năm mươi thước…Mày biết không, tao muốn té đái ra quần, mắc dù vừa mới…tè xong. Tía tụi nó chứ, len lỏi theo tàn cây, lúc nhúc như dòi. Mày đừng ngóac mồm hỏi tao bao nhiêu thằng? Ngực tao đang đánh lô tô, đang sợ thọt dái lên cổ đây thì đầu óc đâu mà đếm. Thứ quân nhân biệt phái như mày biết chó gì đánh đấm. Như tao đã luận với mày vừa rồi, chỉ cần một nửa công trường 9, mặc du chém vè đấy, nhưng theo quy luật chiến trương, bên nào có nhiều tay súng hơn là chiếm thế thượng phong. Trong khi tiểu đòan tao thiếu quân số, chưa bổ sung. Thế mới đổ nợ".

Nó ngừng lại thở ra. Tay nhón cọng khô mực nướng bỏ vào miệng nhấm nhấm như xỉa răng. Giọng đều đều như tụng kinh trước khi ăn:

"…Để rồi tao mừng húm vì tao chợt bắt gặp thằng đi đầu, ngang hông thằng này đeo khẩu K 54. Tao đóan là thằng K trưởng, nó đầu đội nón cối lệch sang một bên như muốn rơi xuống đất, một tay sốc thằng cán binh như kéo lê. Một tay bị thương, đeo ngang cổ là tấm vải ố vàng buộc chéo giống như…cái tã.

Tôi bộp chộp:
- Cái tã,
Nó nhíu này: "Đừng ồn, thằng con. Để tao cân thằng này…"

"…Thế là tao cân được, độp được thằng này là tụi nó như rắn mất đầu. Tao đợi gần đến khoảng 30 thước. Khẩu Colt 45 tao nhắm thẳng vào mặt nó. Rồi thì 20 thước. Cánh tay trái tao đưa lên trời. Tay phải tao nắm chắc cán súng. Ngón tay chỏ khẽ đặt lên cò súng. Chỉ một cái bấm nhẹ hều. Thêm một cái phất tay nhẹ hẫng ra hiệu lệnh cho đàn em với một dàn claymore mắc thiên la địa võng là xong. Là xong…một cái rụp…"

Tôi ngồi há hốc mồm ra mà nghe. Trong khi nó bình thản đưa cọng khô mực vào miệng nhai nhai. Thong thả tớp một ngụm. Nó lừ đừ óc ách:

"…Nói mày không tin thì kệ mụ nội mày, trong những cái giây phút thập tử nhất sinh vừa rồi, cái đầu người ta lạ lắm. Như tao đây chẳng hạn, mắc chứng gì lại nhớ đến chuyện xưa tích cũ. Chuyện là hồi mới ra trường, tụi tao đụng một trận tàn canh gió lốc, thầy trò cong lưng…chạy. Tao bị Việt Cộng đuổi chạy bán sống bán chết, vậy mà tao cũng còn thì giờ ngoái cổ lại bắn cho nó đẹp. Chỉ trong khoảng 20 thước ngắn ngủn như lúc này, chắc như bắp luộc, tao quất êm tụi nó nguyên một gắp đạn không thiếu một viên. Tổ cha chúng nó chứ, đíu hiểu tụi nó ăn cái giống gì mà vẫn…sống nhăn, vẫn hè nhau hùng hục rượt tao tiếp mới…kỳ. Còn thằng nón cối đây chắc tới số. Vì tao đứng ở thế xạ thủ hai chân khùynh khùynh và thằng nón cối kia đang đi tà tà đi bước một chứ không…chạy mới ngon ăn, ngon như chó ăn trứng luộc.
Vẫn chưa hết…Đột nhiên, ma dẫn lối quỷ đưa đường, tao lại liên tưởng đến cảnh tướng Loan với thằng đặc công trong trận Mậu Thân. Rồi một cái "bụp". Thằng đặc công nằm vật ra, máu ri rỉ chẩy đỏ lòm từ thái dương. Để rồi tòan thân tao như nổi gai ốc, cánh tay tao đang dơ lên…
Đám Bắc quân, hàng một lê lết qua mặt tao…
Và tao nghe được cả những tiếng chân dẫm trên lá xào xạc…Như những con nai vàng đạp trên lá vàng khô"

Sao hôm nay thằng này văn vẻ quá đỗi, tôi chặn nó lại:
- Mày sợ?
Nó nhíu mày, sua tay, giọng nhát gừng:
- Tùy mày! Mày muốn hiểu sao thì hiểu.

"…Mẹ, thằng này sui tận mạng hay sao ấy, tao lại nghĩ đến lần làm một lúc chín viên mà chẳng thằng nào chịu về thăm bác Hồ. Thấy thằng tà lọt đang cầm khẩu M16 nhìn tao thăm dò, tao bèn quơ khẩu súng của nó. Nấp nửa người sau thân cây, mở khóa an toàn, tao đứng nghiêng theo thế tác xạ, báng súng tựa vai, thân súng song song với mặt đất. Tao ghì má súng. Tao nheo mắt nhắm một đường đạn đạo từ lỗ chiếu môn qua đỉnh đầu ruồi…"

Mồi điếu thuốc. Mắt nó lơ đãng nhìn…mặt tôi.
- Mày còn nhớ lúc tập bắn ở xạ trường Thủ Đức của mày không? Lúc cái bia "cạc-tông" từ từ nhô lên: Cái nón cối có ngôi sao đỏ.

Nó dí dí điếu thuốc là đỏ rực ngay trán tôi:
- Ấy đấy, thế là cái đầu ruồi tao nhắm y tróc vào ngay giữa trán thằng nón cối bấy giờ…Chỉ cần nín thở, nhè nhẹ bóp một cái tách thật ngọt là rồi. Thế nhưng giữa cái lúc chết người này, đầu tao dở chứng bật ra câu thơ của thằng biệt kích nửa mùa bạn tao: "*Mang trong đầu những ý nghĩ trong veo - Xem cuộc chiến như tai trời ách nước - Ta bắn trúng ngươi vì ngươi bạc phước - Vì căn phần ngươi xui khiến đó thôi…".*
Nó nhòai người với cái chai, rót cho mỗi thằng một ly mới. Vừa rót, nó vừa nhìn ra ngòai của kính, như có gì trầm tư mặc tưởng khiếp lắm trong bộ óc chật chội của nó. Bóng chiều nhạt nắng đang buông xuống, nó quay lại….Lại nhìn thẳng vào tôi và chậm rãi từng tiếng một:
- Tao hỏi thực mày, suy nghĩ kỹ trước khi trả lời: Có bao giờ mày hình dung đến một khỏang cách thật gần, như ngay trước mặt mày bây giờ đây, từ đây ra đến cái xe đậu đằng kia thôi…Và mày có đang tâm phất tay, để mấy trăm tay súng nhả đạn vào những cây thịt đang ngất ngư con tầu đi như…bắn bia không? Lúc nhập trận, đang say thuốc súng, đạn thì nhau nổ, hòa lẫn la hét rùm trời thì tao không tính. Lúc ấy, tất cả đều phẳng lặng giống cái bãi đậu xe kia. Tao nhắc lại, tất cả không gian và thời gian, ngay cả cái đầu của mày và tao đều bình bình như lúc này…Thì mày….
Không đợi tôi trả lời, nó rít một hơi thuốc lá:
- …*Bỗng nhiên trán tao lấm tấm mồ hôi*…Ngay lúc đó tao có nghĩ thêm, mình đang trên chân tụi nó. Chẳng phải quân tử Tầu gì với đánh kẻ ngã ngựa, dồn tụi nó vào chân tường thì tụi tao cũng gẫy một mớ. Cái gì cũng có cái giá phải trả của nó và thú thực với mày: Tao sợ thật!...*Mắt tao hoa lên. Khẩu súng cứng đơ như khúc gỗ…*
Như để chạy trốn câu hỏi của thằng trời đánh này, tôi cầm ly rượu xoay xoay…như nó. Mỗi thằng đều theo đuổi những ý nghĩa riêng tư cả một lúc lâu. Nhìn ra ngòai bãi đậu xe có phẳng lặng thật với người đi đi lại lại như những chiếc bóng. Ở trong quán trống rỗng, cả hai đều bình bình... Ở trong tôi, ngay lúc ấy cũng đã có câu trả lời…
Cũng như nó, tôi lại vướng mắc thêm một hình ảnh khác với bầu không gian cô đọng này. Nhấp một ngụm cho có lệ, tôi hỏi nó:
- Mày bị ám ảnh vì cái tã con thơ của thằng chỉ huy?
Nó như nói vào khoảng không. Như tôi không có mặt:
- *Ngón tay trỏ tao tê cứng. Rồi thì tự nhiên cái nòng súng chúc xuống. Tao buông xuôi….Và tao không thấy cái đầu ruồi đâu nữa…*
Ngừng lại một chút, làm hết ly rượu, nó miên man:
- Cho đến lúc tao bị tạm giam ở cục an ninh quân đội, tao cứ bị dằng co bởi cái mảnh vải ấy…Mày có con thì mày hiểu!
- Mày đi tù bao lâu?
Nó cười buồn, nhả khói thuốc lá và giọng như chậm hẳn lại: "Cũng cả năm, nhưng tụi nó kêu tao lên, kêu tao xuống như cơm bữa để điều tra, có sao tao khai tuốt luốt: Ở Huê Dương tiểu lộ, ông Quan Công chịu ơn với ông họ Tào với tình nghĩa dây dưa. Chứ gia đình tao địa chủ bốn đời, đâu có ai đi tập kết, ông già tao là ông huyện Phước theo Pháp, sau bị tụi du kích nó chặt đầu, bêu ngòai chợ ba ngày ba đêm, lúc tao mới năm tuổi. Lớn lên tao vào Võ Bị là vậy.
Tao cũng không quên khai với tụi anh ninh quân đội, cùng những cảm nghĩ của tao về tướng Loan với tên đặc công…như tao đã kể với mày. Mày hỏi tao anh em có ai giúp đỡ tao không ấy hả? Đau một cái sếp lớn quay lưng, bạn bè làm ngơ, ai lại dây với hủi lúc ấy. Duy nhất là ông

già thằng Vạn Việt Cộng chạy thuốc cho tao, mặc dù ông ấy chỉ là thượng sĩ Dù, đang nhùng nhằng, chưa đâu vào đâu. Cuối cùng thì chính cái ngày 30 tháng Tư nó cứu tao. Cũng may..."

Gẩy gẩy cái tàn thuốc lá, vừa rót rượu thêm nó vừa buông thõng:

- Và tao dấu biến chuyện…cái tã. Trừ mày.

***

Sau cái buổi tửu lạc vong bần hôm đó, nó không "nghèo" một ly ông cụ nào, con đường công danh phú qúy của nó cứ tất bật đi lên như diều gặp gió, từ thợ tiện làm mấy cái "valve", nó leo lên tới hàng chuyên viên giám định thuộc bậc sư nhờ nói tiếng Mỹ như gió. Tử vi lại có cung thiên di, thôi thì nó đi khắp nơi, đi Nam Mỹ, Trung Đông, Nga, Tầu như đi chợ, chỗ nào có ống dẫn dầu là nó có mặt. Một cái "valve" hòn bi của hãng nó to bằng cái đầu xe ô tô, trên dưới cả trăm ngàn chứ ít ỏi gì, sủa chữa hay thay thế nằm trong tay nghề của nó, nghe cha thật chứ đâu có bỡn. Cóc chết ba năm quay đầu về núi, mới bang giao là nó đã có mặt ở Việt Nam.

Từ thành phố mang tên bác về nó ới tôi ngay. Nó mới mua nhà, bàn ghế rặt đồ gỗ Nam Dương thô kệch. Riêng cái chai Louis 13 nó mang ra thì cái giá không thô chút nào. Còn cớ sự gì nó cắt cổ chai rượu cho bữa phùng trường tác hí cuối chầu tôi mới vỡ bọng cứt. Nói cho ngay, tôi là thằng mềm môi uống rượu mẻ ly thiên hạ, nhưng thú thực chưa nếm cái thứ rượu vua chúa này bao giờ. Nó hỏi tôi uống có…đã không? Tôi gật gù vậy thôi vì XO với Louis 13 cũng cá mè một lứa, có khác nhau khỉ gì đâu. Riêng món "tôm sỉn" mà nó mới học lóm từ mấy quán nhậu thì nhất. Cũng nhẹ nhàng thôi, nó mua tôm bằng ngón tay cái còn bơi trong hồ. Mang về bỏ vào cái vại cối bằng thủy tinh rồi tưới rượu vang vào, tôm uống rượu ngất ngư quậy lung tung, trông thật vui mắt đáo để, con nào "sỉn" thì cái thân đỏ như…tôm luộc. Cái nồi điện giữa bàn, rượu "vốt-ka" pha dấm, vài mảnh chanh thái mỏng, cứ vậy mà nhúng từng con là thấy phẻ rồi.

Nó bắt đầu kể chuyện quê nhà, ở đám đông nó câm như hến, ngồi với tôi nó hót như khướu. Bương bả đã nhiều, tôi học được một lẽ là gặp thằng Nam kỳ mà xạo thì chỉ có nước thầy chạy, vì vậy lâu lâu tôi phải nghe ngóng, thăm chừng:

- Xuống Vũng Tầu thăm dàn khoan xong, về Sài Gòn tao bắt cái taxi và kết "mô-đen" với thằng tài xế đội nón cối đến hói đầu lái xe rất…lụa.

Tiện tay tôi rút điếu thuốc Davidoff của nó ra hít thử. Bố khỉ, thuốc lá Nga Sô cũng ngon ra phết, hay tại thuốc chùa có mùi nhang va tôi giả vờ ngây thơ cụ:

- Mẹ kiếp, kết "mô-đen" là mốc khô gì mày?

Nó đáp "Thôi cha" rồi cười cười tiếp: "Tên này tao chịu một cái là đúng giờ và hình như "có cơ sở văn hóa cao". Hôm ấy, tao mua tờ Tuổi Trẻ cầm tay để…đập ruồi, đúng vào dịp cha con tụi nó đang sửa soạn bầu cử quốc hội".

Thấy tao cầm tờ báo, nó hỏi:

- Đố anh quốc hội là gì nào?

Tao ngáo người ra, vốn liếng tao như mày biết, không ngòai cái Quốc Hội cũ trắng hếu nằm ở đường Catina. Cũng chẳng hiểu thằng này nó định gài độ mình cái chì đây. Còn đang chộn rộn thì thằng nón cối diễn nghiã:

- Quốc hội là hội của những con cuốc kêu.

Tao bật cười, thấy thằng này cũng đổi mới tư duy và hỏi:

- Trước anh làm gì?
- Thưa anh…
Nó ngừng một chút như suy nghĩ. Tao "nghĩ" tiếp cho nó, tía nội anh chứ, đúng là "mô-típ" cán bộ, thưa với gửi. Nó lẳng lặng tiếp:
- Thưa anh, đang đi học thì nghe tin con ông Đồng trong khâu pháo phòng không ở Thanh Hóa bị bom Mỹ cày chết. Cả Hà Nội xôn xao và làm lễ truy điệu rầm rộ. Phản ánh vì chuyện ấy, tôi bỏ học, đăng cai vào bộ đội.
Tao chộp liền một khi. Học thói Bắc kỳ đểu của mày, tao kê tủ đứng nó:
- Anh đi nghĩa vụ quân sự không phải vì bác và đảng?
Nó lờ đi như không nghe câu móc lò của tao, xuống giọng:
- Sau 75, tôi mới biết con ông thủ tướng đang phe phẩy ở Đông Đức.
Nó xin tao điếu thuốc, làm một hơi và thở hắt ra:
- Ai chẳng một lần nhầm lẫn trong đời…Thưa anh!
Rồi nó lắc đầu:
- Anh hỏi thì tôi trả lời: Bác thì không dám đâu! Chúng tôi đã "lộng kiếng" từ sau 75. Cũng vô tư thôi. Với tụi nó bây giờ thì chỉ "nhất phe, nhì đảng", mà rỗi hơi nói chúng nó làm gì cho rách chuyện.
Tao nghe quá đã. Nhưng tao vẫn chọc quê nó:
- Rồi anh …"sinh Bắc tử Nam.
- Vâng, tôi thuộc công trường 9. Bị thương ở Lộc Ninh, sau phục viên.
Tao chột dạ nghi nghi nhưng chưa dám hỏi.
Nó bập bập điếu thuốc:
- Trận đó, chúng tôi bị tụi Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam bán độ cho các anh, để mong co hòa đồng hòa giải dân tộc gi gì ấy. Các anh huy động tổng lực mọi thứ quân trên trời, dưới đất. Máy bay lên thẳng, quân rằn ri, biệt kích nhẩy túa ra, đạn vãi như vãi trấu, cối cá nhân bắn như mưa lửa, chúng tôi bị mất chủ động từ đầu đến cuối. Nhưng các anh thiếu điều nghiên, nếu cho quân chặn đường rút của chúng tôi ở của rừng thì…
Không dằn được, tao vỗ vào vai nó và độp liền:
- Tay trái anh bị thương và quấn bằng cái tã?

"...Không để nó kịp trả lời. Tao đổi thế ngồi, nghiêng người một chút, tay trái thân mật quàng qua ghế nó. Nó tròn xoe mắt ngó tao….Tao từ từ kể cho nó nghe những gì như tao vừa kể với mày. Chi tiết lúc đầu gay gắn nhất là cái khoảng cách 20 thước với khẩu Colt 45, cái khoảng cách ngắn nhất của sinh tử giữa tao và nó. Tao cũng không quên diễn xuất rất…cải lương: Chĩa hai ngón tay giả làm súng vào ngay thái dương nó, cho có chút...hồi hộp. Và hồi hộp thật…Vừa nghe xong câu chuyện, bất thình lình nó bẻ gắt tay lái 45 độ, tạt xe vào lề đường một cái réc, nhìn tao trân trối.
Nó nhìn tao…
Tao nhìn nó…
Tao cố gắng sua đuổi cái hình ảnh thằng nón cối, mắt ốc nhồi, răng vẩu đã từ lâu nằm chết dí trong đầu tao. Qua khuôn mặt như mất thần của nó, cặp môi mấp máy như muốn nói một cái gì nhưng bị kềm hãm, không phát ra được thành tiếng. Ngay lúc ấy, hình như cả hai đều sống dậy

với những hình ảnh của một cuốn phim mờ nhạt, quay thật chậm và kéo dài cũng đến cả mấy chục giây. Sau một lúc lắng đọng, như có thúc đẩy mời gọi của bản năng…
Nó bắt tay tao…
Tao bắt tay nó…
Cái bắt tay của nó thật chặt và cũng thật lâu. Cái bắt tay của tao như không muốn rời. Chẳng dấu gì mày, trong tao dâng tràn những cảm xúc và bồi hồi, mà tao không biết diễn tả với mày như thế nào. Ghé vào một cái quán nước ngay gần đấy, nó cho tao coi hình vợ con nó. Ấy vậy mà thằng con nó bây giờ đã lớn, trông giống bố y trang. Rồi cả hai lan man chuyện này qua chuyện kia như hai thằng bạn cũ lâu ngày không gặp".

Nó ngừng lại với chai rượu và rót đầy hai ly. Tôi biết sắp có chuyện, cái tật của nó bao giờ cũng thế, mầu mè quá lắm, đúng là thằng Nam Kỳ, có tâm sự vụn buồn nhiều hơn vui là bắt một ly thấm giọng. Nó nhìn tôi như thăm dò phản ứng và y như rằng, mặt mày méo xẹo và đầy sự cố:
- Tao vừa kết nghĩa anh em với nó.
Tôi muốn phì cười với thằng cà chua cà chớn này, với tôi thì, bất cứ chuyện gì cũng có thể sẩy ra dưới áng sáng mặt trời. Trừ cái chuyện không đâu của mấy bố nửa nạc nửa mỡ, già cái đầu rồi, còn bày đặt chui vào Vườn Đào với ông phó cối Lưu Bị, nghĩa huynh với nghĩa đệ. Mà tôi cũng chẳng rỗi hơi, nghĩ cho cùng thì chuyện là chuyện của nó. Nghĩ thì nghĩ vậy, nhưng vừa nghe xong, như một phản ứng bất chợt, gió cuốn đò đưa, không hẹn mà gặp, cả hai thằng đều đưa ly lên cụng một cái "cốp" và làm một cái "óc"…nhẵn tuốt. Bố khỉ rượu vườn đào kết nghĩa của nó quả tình có ngon thật. Mắt nó như sáng lên nhìn tôi và cười thành tiếng. Chưa bao giờ tôi thấy nó cười thỏa mái, hồn nhiên đến như vậy.

***

Lái xe về nhà, tôi lặng lờ bâng khuâng để rơi vào khỏang không trống rỗng đến hụt hẫng như đánh mất một cái gì. Miệng hơi khô, theo quán tính đốt điếu thuốc lá thở ra khói. Cũng tiện tay nhấn cái nút nhạc theo thói quen một ngày như mọi ngày, tiếng hát Khánh Ly trầm bổng và bồng bềnh như cánh vạc bay: *"Từ quê nghèo lên phố lớn, bàn tay ta nắm - Biển xanh sông gấm, nối liền một vòng tủ sinh…*"

Phí Ngọc Hùng

Vũng Tầu Tàn Chiến Cuộc

Thiếu tướng Bùi Thế Lân, Tư lệnh Sư đoàn Thủy quân Lục chiến được cử làm Tổng trấn Vũng Tàu.

Ngày 24/4/1975, Sư đoàn 3 BB được giao trách nhiệm phòng thủ khu vực Bà Rịa-Vũng Tàu với lực lượng gồm cả số quân sĩ từ Sư đoàn 1 Bộ binh nhập lại chỉ còn hơn 1 ngàn người, tạm thành lập được 2 tiểu đoàn. Theo lời của Thiếu tướng Nguyễn Duy Hinh, Tư lệnh Sư đoàn 3 BB, quân số của các tiểu đoàn thuộc Lữ đoàn 1 Dù ở mức thấp, mỗi tiểu đoàn chỉ còn khoảng trên dưới 400 quân sĩ. Thực hiện kế hoạch phối nhiệm, 2 tiểu đoàn của Sư đoàn 3 Bộ binh, Lữ đoàn 1 Dù và chi đoàn Thiết vận xa giữ phòng tuyến quanh thị xã Bà Rịa và bảo vệ quốc lộ 15. Bộ Chỉ huy hành quân của Sư đoàn 3 BB đặt tại Bộ chỉ huy Tiểu khu Phước Tuy ở trong thị xã Bà Rịa. Các đơn vị và cả bộ tư lệnh của sư đoàn này không có đủ số máy truyền tin cần thiết để liên lạc, thiếu quân xa để vận chuyển tiếp tế, đạn dược. Thiếu tướng Nguyễn Duy Hinh ghi lại trong hồi ký lại rằng sau khi từ Đà Nẵng vào, một số tướng và sĩ quan cao cấp của Quân đoàn 1 và Quân khu 1 đã ở tạm trong Trung tâm huấn luyện Vạn Kiếp cùng với ông và Sư đoàn 3 Bộ binh, trong đó có Thiếu tướng Hoàng Văn Lạc, Tư lệnh phó Quân khu 1, Phó Đề đốc Hồ Văn Kỳ Thoại, Tư lệnh Hải quân Vùng 1 Duyên Hải.

BV khi tấn công Xuân Lộc nhằm các mục tiêu tấn công tuyến phòng thủ then chốt phía đông như Bà Rịa, Vũng Tầu. Sáng ngày 27-4 sư đoàn 3 BV tấn công chiếm Phước Lễ , Lữ đoàn Dù và sư đoàn 18 được lệnh lui về giữ Vũng Tầu.

***

Đã hơn ba mươi năm qua nhưng với tôi thì hình như nó vẫn còn quá mới mẻ. Hôm nay ngồi ôn lại kỷ niệm xưa, tôi muốn viết lại một chút về thành phố Vũng Tầu trong những ngày đau thương ấy. Cả một cuốn phim những ngày qua hiện lên trong đầu: "Tại sao gia đình mình không tìm được lối nào để xuống tầu ra khơi thoát khỏi cảnh địa ngục này?" Tưởng ông bố vợ làm Trưởng ty ở Vũng Tàu, quen biết nhiều, thế nào cũng có đường ra đi. Nào ngờ ngay từ những ngày đầu tháng 3/75 dân tị nạn các nơi đổ về đông như kiến khiến ông già bù đầu lo tiếp cứu nên chẳng còn sức đâu lo cho gia đình.

Mãi chiều ngày 27/4 khi tình hình đã rất nguy kịch ông mới bảo tôi:
- Tối nay có cuộc họp ở văn phòng Thị trưởng. Anh đi với ba vào dự họp xem sao.
Dưới vài ngọn đèn tròn vàng vọt nhìn không rõ mặt người, Đại tá Vũ Duy Tạo cùng với khoảng hơn mười người nữa trao đổi những tin tức chiến sự và bàn về một giải pháp chính trị đang được đồn đãi là cắt đất nhường cho quân Bắc Việt từ vĩ tuyến 13 trở ra Bến Hải. Còn VNCH sẽ giữ từ vĩ tuyến 13 đến mũi Cà Mâu và như thế thì Vũng Tàu vẫn còn thuộc vùng quốc gia kiểm soát? Chuyện đó thật hay không thì chẳng ai biết được. Tôi lên tiếng hỏi:

- Thưa Đại tá, nếu cộng quân từ Bà Rịa tiến sang thì Đại tá có nghĩ là mình giữ được Vũng Tàu hay không?
Chẳng cần biết tôi là ai, mà cũng không ai biết tôi cả, trừ ông bố vợ, Đại tá Tạo nói:

- Quý vị biết hiện nay Vũng Tầu đông nghẹt dân tị nạn, lính tráng các nơi chạy về rất đông. Nhẩy dù, thủy quân lục chiến nằm đầy các bãi nhưng thiếu đạn dược và ... thú thực là rất khó điều động. Lính của thị xã thì ít mà giờ này ai ở đâu cũng không biết được. Do đó rất khó.
- Vậy Đại tá có giải pháp gì giúp đỡ gia đình của thị xã tạm thời thoát ra khỏi chỗ này hay không?
Suy nghĩ một lát rồi ông nói:
- Tôi vẫn có liên lạc với bên Hải quân. Tối mai anh chị em đưa gia đình ra cầu Đá ngay trước cửa Bưu điện đây vào lúc chín giờ. Tôi sẽ cho tầu chở ra Phú Quốc. Tạm thời cứ ở đó rồi sẽ tính sau.

Rời phòng họp, chúng tôi còn đang nấn ná ở sân trò chuyện thì có một bác sĩ người Pháp đi với một người nữa tiến lại. Ông ta nói Việt cộng sẽ pháo kích tan nát thị xã và như thế dân chúng sẽ chết rất nhiều, ông ta có thể dàn xếp với Mặt Trận Giải Phóng để tránh thiệt hại cho dân. Ông muốn nhờ một sĩ quan VNCH dẫn ông ta ra cầu Cỏ May để tiếp xúc với phía bên kia. Ông ta nói không sợ VC nhưng sợ lính bắn lầm. Một đại úy đồng ý dẫn ông ta đi. Không rõ họ có tiếp xúc được với phía bên kia hay không nhưng VC vẫn nã đạn vào thị xã, nhất là phía núi Lớn với mấy giàn rada nổi bật trên nền trời là những mục tiêu dễ thấy nhất. Tội nghiệp cho Hải, chủ tiệm vàng Kim Hoa, thằng bạn phù rể cho tôi mười năm về trước. Nó bị mảnh pháo xuyên qua mí mắt trổ ra đàng sau, nằm gục xuống bên cạnh vợ con khi gia đình hắn lánh nạn ở nhà một người bạn.

Tối 28/4 mọi người kéo nhau ra cửa Bưu điện chờ đợi giữa cơn mưa to gió lớn nhưng tầu Hải quân chẳng hề xuất hiện, chỉ có những ghe chài nho nhỏ đang bị sóng gió đánh cho nghiêng ngả tơi bời.

Sáng hôm sau chúng tôi rời nhà từ bãi Dâu để ra bãi Sau với hy vọng có tầu Hải quân ghé vớt. Gần trưa VC từ Phước Tỉnh nã đại bác qua tới tấp. Nằm trong nhà nghe hỏa tiễn nổ long trời lở đất. Tôi bế Hưng, thằng con út một tuổi, chui vào gầm cầu thang, lôi thêm mấy đứa lớn cùng vào và bảo chúng nó đọc kinh cầu xin Chúa gìn giữ. Cầu thang bằng bê tông và cả căn nhà đều rung lên bần bật mỗi khi pháo nổ. Tôi ôm con chạy băng qua đường ra phía bờ cát. Cả nhà chạy ùa theo. Bờ cát trống trải làm sao che chắn cho mình? Tôi lại bế con chạy vào trong nhà. Không chịu nổi những tiếng nổ của đại bác Việt Cộng làm căn nhà rung rinh, tôi lại ôm con chạy ra. Tôi kiếm được con hẻm nhỏ giữa hai quán ăn có nền bằng đá khá cao. Chỗ này tương đối an toàn hơn và nhất là mình biết được đạn nổ ở chỗ nào. Như thế đỡ sợ hơn. Tôi vào nhà bê nồi cơm ra hẻm kêu mọi người ăn cho đỡ đói.
Chưa kịp ăn thì Bằng, nhân viên ty Xã hội, từ đâu chạy tới. Anh ta hoảng hốt nói lớn:

- Chạy mau! Chạy mau! Việt cộng đang đổ bộ phía đằng kia. Anh ta chỉ tay về phía trại lính Úc.
Xếp hết đồ đạc lên xe, mười bốn người chồng chất lên nhau trong chiếc xe jeep của ty Xã Hội, tôi lái chạy vào khu vực bến xe đò. Bằng đưa chúng tôi vào nhà một bà già mà sau đó chúng tôi gọi là "bà Năm Sa Đéc" vì bà có giọng nói rất giống bà Năm Sa Đéc trên TV. Tôi biếu bà ít gói mì ăn liền. Bà cám ơn rối rít rồi cười nói:

- Để tôi nấu mang ra cho các anh bộ đội. Rồi ha... tối nay treo cờ Mặt trận giải phóng ha. Rồi ông Võ Đông Giang sẽ lên đài tuyên bố ha...
Tôi nói nhỏ với bà xã:
- Lọt ổ phục kích rồi! Đúng là mẹ chiến sĩ thứ thiệt của VC chứ không sai.

Sáng ngày 30- 4-1975 Dương Văn Minh tuyên bố đầu hàng, kêu gọi binh lính buông vũ khí và bàn giao cơ sở cho Việt cộng. Nước mắt tôi trào ra. Tôi khóc sướt mướt. Mẹ tôi an ủi:

- Thôi đừng khóc nữa. Có người có ta. Còn bao nhiêu triệu con người nữa chứ đâu phải chỉ có gia đình mình.
Nghĩ tới thời gian sống ở vùng Việt Minh trước lúc di cư vào Nam năm 1954 tôi càng không cầm được nước mắt. Rồi đây người ta sẽ kiểm soát tư tưởng và hành động của từng người. Hàng xóm láng giềng phải rình mò lẫn nhau, phải để ý đến mọi lời nói, miếng ăn của người xung quanh để báo cáo với cán bộ. Con cái có nhiệm vụ theo dõi bố mẹ rồi báo cáo để được khen là cháu ngoan của bác Hồ. Hồi đó với sự ngây thơ của chú bé mười tuổi tôi đã từng mơ ước được ngồi lên đùi Bác, vuốt râu Bác và đã nhiều lần thúc giục mẹ tôi đóng thuế nông nghiệp trước thời hạn. Hồi ấy một đứa bạn trong làng đã dám nói thẳng với bố mẹ nó rằng:
- Còn bé, tôi là con của ông bà. Bây giờ tôi là con Bác, con Đảng. Ông bà không có quyền đánh tôi.

Rồi đây các con tôi sẽ ra sao? Chúng có còn là con của tôi hay sẽ trở thành con của nhà nước? Nhìn năm đứa con mơn mởn măng tơ lòng tôi càng tan nát.

Ty Xã hội bị người ta phá cửa lấy hết phẩm vật cứu trợ, lấy hết những máy may của lớp dạy nghề. Ngân hàng bị xe tông vào ăn cướp. Mới cách đó một tuần còn thấy nhân viên kho bạc mở những thùng tiền từ Sài Gòn gởi ra. Toàn giấy bạc một ngàn đồng mới tinh, mỗi bó một triệu đồng chất đầy các bàn, giờ không biết lọt vào tay ai. Điều đó chẳng có gì quan trọng khi nước đã mất nhà đã tan. Các kho gạo của thị xã và cả một số của tư nhân cũng bị cướp phá. Tất cả là sự tan hoang, đổ nát. Có một đám đông chen chúc nhau trước một cửa hàng ở chợ Vũng Tầu. Hàng mấy trăm người chen lấn, cưỡi lên nhau để tiến tới cửa tiệm chỉ hé mở, để mua cho được vài mảnh vải xanh đỏ lớn bằng hai cái bàn tay đem về may cờ giải phóng. Người ta kháo nhau là đi xe gắn máy, xe ô-tô không có cờ sẽ bị giữ xe.

Ngày hôm sau trên đường từ bãi Sau vào thành phố súng vẫn nổ ở một con hẻm. Một vài người lính nhất định không chịu đầu hàng. Họ chiến đấu đến viên đạn cuối cùng. Trường Thiếu Sinh Quân vẫn chưa chịu đầu hàng. Các em nhỏ học sinh còn ra sân hát quốc ca, làm lễ hạ kỳ rất cảm động trước khi chịu cho bộ đội tiến vào.

Em Tôi

Phan Nhật Nam

Năm em lên ba, bố tôi bỏ lại người vợ trẻ và hai đứa con thơ lên đường tập kết…

***
Tôi hơn em sáu tuổi . Chín tuổi con nhà nghèo khôn lắm, tôi đủ khôn để thấy khuôn mặt mẹ buồn hiu hắt, những tiếng thở dài và những giọt nước mắt âm thầm của mẹ trong đêm. Chín tuổi, tôi đã biết mình là người nam độc nhất trong gia đình, đã biết ẩm bồng đút cơm cho em và vỗ về em mỗi khi em khóc. Chín tuổi, tôi đã biết tắm rửa, thay áo thay quần cho em, cỏng em đi chơi và dỗ cho em ngủ. Mỗi ngày, trời sập tối mẹ mới gánh hàng về, ba mẹ con ngồi ăn cơm bên ngọn đèn dầu , tôi và em hỏi han, an ủi mẹ . Mẹ kể cho chúng tôi nghe chuyện chợ búa như đang nói chuyện với người lớn, tôi ngồi nghe, nhìn đôi vai gầy của mẹ, nhìn mái tóc và đôi bàn tay khô của mẹ, mà thấy thương mẹ vô cùng. Tôi phải bỏ học ở nhà hai năm để trông chừng em. Mẹ có một sạp bán rau cải ở chợ Cồn. Gọi là sạp chứ thực ra chỉ là một ô đất nhỏ, sáng mẹ ra đi thật sớm , lúc trời còn mờ sương, buổi trưa mẹ về nhà lo cho chúng tôi ăn, nằm nghỉ ít phút rồi trở dậy sửa soạn cho chuyến chợ chiều . Một tuần bảy ngày , mẹ đi đi về về trong nổi cô đơn.

Năm em vừa tròn năm tuổi thì mẹ cho em vào mẫu giáo, tôi cũng trở lại trường, đám bạn củ của tôi nay đã hơn tôi hai lớp, ngồi xung quanh tôi bây giờ là những khuôn mặt lạ, kém tôi hai, ba tuổi . Tôi là học trò lớn nhất và học khá nên được làm trưởng lớp. Gần cuối năm học lớp nhì, tôi nói với mẹ lên xin thầy Hiệu trưởng cho tôi được thi nhảy tiểu học. Thầy bằng lòng. Tôi cắm cúi học luyện thi và kết qủa là tôi đã đỗ được bằng tiểu học năm đó.
Vào lớp đệ thất trường Trần quốc Tuấn , tôi tiếp tục học ngày, học đêm, năm đệ ngủ tôi thi nhảy một lần nửa lấy bằng Trung học. Đến niên học đệ tam thì tôi đã bắt kịp đám bạn củ , tôi hân hoan nhập bầy chung với đám bạn ngày xưa . Đây là giai đoạn mà tôi cần tiền để mua sách học và may thêm quần áo, thời tiểu học và trung học đệ nhất cấp thì mặc sao cũng được, nhưng bây giờ đã lên đệ nhị cấp rồi, đã bắt đầu biết đỏ mặt khi nhìn những đứa con gái trường nử, thỉnh thoảng đã biết theo bạn tập uống cafe, phì phà điếu thuốc. Tiền mẹ cho không đủ, tôi bắt đâù công việc kèm trẻ tư gia để kiếm thêm tiền . Học trò của tôi là mấy cô cậu đệ thất đệ lục, nghiã là cũng chỉ bé thua tôi vài tuổi . Ba mẹ con tôi vẫn ngày ngày đi về căn nhà nhỏ, căn nhà vẫn không thay đổi một chút nào từ ngày bố bỏ mấy mẹ con để ra đi .

Hết năm đệ tam , tôi nộp đơn thi Tú Tài phần nhất. Tôi đậu bình thứ . Một lần nửa, mọi người ngạc nhiên, nhưng tôi biết sức học của mình, tôi biết mẹ buôn bán tảo tần, tôi thấy những năm tháng gần đây mẹ trở bệnh hoài, mỗi sáng mẹ lục đục dậy thật sớm nấu cơm để dành cho anh em tôi, rồi lặng lẽ mang đôi quang gánh lên vai, những tối ngồi trâm ngâm bên ánh đèn dầu nhìn anh em tôi học bài và những đêm khuya mẹ trở mình húng hắng ho . Tôi thương mẹ và em đến ứa nước mắt , và càng thương mẹ thương em, tôi càng học như điên, như cuồng. Tôi ước gì Bộ Giáo dục cho tôi thi hai bằng tú tài cùng một lúc. Nhìn mái tóc mẹ đã lớm chớm sợi bạc , nhìn lưng mẹ mỗi ngày mỗi như còng xuống, nhìn hai vai gầy của mẹ mà lòng quặn đau , và cứ thế, tôi vùi đầu vào sách vở...

Em đã bắt đầu tuổi lớn, đã bắt đầu tuổi mộng mơ con gái , đã bắt đầu bước vào "tuổi ngọc" , nhưng tội nghiệp , biết nhà mình nghèo, biết mẹ mình buôn thúng bán bưng, biết anh mình vẫn chiều chiều đi kèm trẻ kiếm thêm tiền và cặm cụi học đốt giai đoạn cho chóng thành tài . Biết thế nên em ít khi nào xin mẹ, xin anh tiền may áo mới , hai chiếc áo dài trắng đủ cho em thay đổi . Em lớn lên thiếu tình của bố, nên tôi " quyền huynh thế phụ" . Nhiều lúc nhìn mẹ , nhìn em, tôi vẫn không hiểu tại sao bố lại đành đoạn dứt áo ra đi .

Tôi thi đổ Tú Tai toàn phần năm 18 tuổi, và ra Huế học Đại học Văn khoa . Mẹ ở một mình với em ở Đà nẳng. Mỗi cuối tuần , tôi theo xe đò về thăm mẹ và em, đến sáng thứ hai trở lại trường . Ở Huế, tôi tiếp tục công việc kèm trẻ tư gia . Với số tiền nhỏ nhoi kiếm được, tôi phụ mẹ một ít nuôi em. Qua sinh nhật thứ 13 của em mấy tháng, một chiều mẹ bỏ buổi chợ, về nhà than nhức đầu, tưởng là cảm nhẹ, mẹ sai em cạo gió và nấu cho mẹ bát cháo hành. Khuya đó mẹ lên cơn sốt, lảm nhảm nói mê , sáng hôm sau em nghỉ học chở mẹ vào nhà thương và nhờ người nhắn tin ra cho tôi ở Huế. Lật đật trở vào Đà nẳng bằng chuyến xe đò chót. Trời tối đã lâu , không kịp ăn uống , từ bến xe tôi đi thẳng đến bệnh viện . Trong căn phòng nhỏ , dưới ánh đèn vàng mờ đục, mẹ nằm thiêm thiếp trên giường bệnh, còn em đang ngồi ngủ gà ngủ gật cạnh giường. Đứng yên lặng nhìn mẹ xanh xao bất động , và khuôn mặt thơ dại của em, trong giấc ngủ hai khoé mắt vẫn còn long lanh giọt lệ, tôi nghe lòng mình quặn thắt . Đánh thức em dậy, em ngơ ngác duị mắt vài giây . Nhận ra tôi, em nhào tới ôm chầm và oà lên khóc, em cho hay là từ lúc đưa mẹ vào đây, mẹ chỉ tỉnh lại một vài phút vào khoảng giữa trưa, sau đó mẹ hôn mê trở lại . Tôi an ủi em, rồi cùng em ra văn phòng bệnh viện. Cô y tá trực cho hay mẹ bị đứt một tỉnh mach ở đầu . Tôi bàng hoàng như bị ai nện một nhát búa vào ngực. Cô y tá buì nguì nhìn em , đôi mắt xót xa ...

***

Tối đó, anh em tôi cùng ở lại với mẹ , em mệt mỏi , nên chỉ một thóang là đã ngủ say . Trong giấc ngủ mệt nhọc , thỉnh thoảng em ú ớ mẹ ơi, mẹ ơi rồi nức lên mấy tiếng. Tôi nghe như dao cắt trong lòng. Suốt đêm không ngủ, tôi cứ ngồi nhìn mẹ nằm im lìm và bên chân mẹ em ngủ chập chờn . Tôi tự nhủ thầm với mình đừng khóc, đừng khóc .... nhưng sao nước mắt vẫn cứ trào ra, một tay ve vuốt bàn tay xanh xao của mẹ, một tay nắm lấy bàn tay nhỏ bé của em, tôi để mặc cho hai giòng nước mắt chảy nhạt nhoà trên má. Mẹ thở hơi cuối cùng lúc năm giờ sáng, mẹ không tỉnh lại để trăn trối với hai con một lời gì . Mẹ đi trong yên lặng. Tôi nắm bàn tay mẹ và thấy tay mẹ lạnh dần. Tôi đánh thức em dậy . Hai anh em hôn lên trán mẹ giã từ. Em vuốt mắt mẹ . Mắt mẹ nhắm hờ. Em ôm chặt hai tay mẹ, ủ vào lòng mình miệng kêu lên nho nhỏ: mẹ ơi, mẹ ơi... Em khóc lặng lẽ, áp mình vào ngực mẹ nước mắt em tuôn ràn rụa làm ướt đẫm cả vạt áo me bạc màụ . Những tiếng kêu nghẹn ngào của em như những viên đạn bắn thẳng vào tim, tôi ngồi bất động nhìn mẹ, nhìn em , lòng đau như muối xát. Tội nghiệp mẹ tôi, tội nghiệp em tôi . Em mới mười ba tuổi ...

Chôn mẹ xong, tôi bỏ học. Còn lòng dạ nào mà học nửa . Nhưng em thì phải trở lại trường. Bán đi căn nhà nhỏ xiêu vẹo và gom tóm tất cả vốn liếng của mẹ để lại, tôi đưa hết số tiền cho mẹ của Minh, một người bạn thân tôi . Minh có Hân, cô em gái cùng tuổi , cùng lớp với em. Tôi gửi

em đến đó ở và đi học với Hân, cũng may , bố mẹ Minh coi anh em tôi như con. Tôi dặn dò em đủ điều . Số tiền tôi gởi cho mẹ Minh đủ để trả tiền ăn ở của em trong hai ba năm. Tôi còn đưa thêm cho em một ít để em mua sách vở, may áo quần , tiêu vặt. Tôi ôm em và hứa với lòng , hứa với vong hồn mẹ là sẽ lo lắng, sẽ bảo bọc em cho đến trọn đời .

***

Tôi vào trường Võ bị Đà Lạt năm 20 tuổi, lương sinh viên sĩ quan ít ỏi, tôi tiết kiệm không dám xài nhiều, để dành gởi về cho em mỗi tháng. Tôi dặn em viết thư mỗi tuần kể cho tôi nghe chuyện học hành. Tôi bắt em hứa là không bao gi dấu tôi một điều gì dù nhỏ bé. Em ngoan ngoãn vâng lời Mỗi năm tôi được về phép một lần, hai anh em quấn quýt không rời . Tôi đưa em đi thăm mẹ. Chúng tôi lặng yên cầm tay nhau quỳ bên mộ mẹ , nước mắt lưng tròng. Em lớn lên và ngày càng giống mẹ . Cũng khuôn mặt và cái nhìn nhẫn nhục, cũng đôi mắt xa xăm buồn hiu hắt . Bình thường em rất ít nói, có lẽ không cha, mồ côi mẹ qúa sớm và anh lại ở xa đã làm em rụt rè. Cũng may, bên cạnh em vẫn còn có Hân. Lễ mãn khoá của tôi, em và Hân cùng lên tham dự, lúc này, em đã thi đổ vào trường Sư phạm Qui Nhơn, hai năm nửa em sẽ trở thành cô giáo, tôi hãnh diện giới thiệu em và Hân với các bạn mình. Nhìn dáng em thẹn thùng e ấp , tôi thấy lòng mình rạt rào thương em. Tôi thầm gọi mẹ, mẹ ơi, hai con của mẹ đã trưởng thành và đã nên người .

Ra trường, tôi chọn binh chủng nhảy dù, có lẽ cũng chỉ vì tôi thích màu mủ đỏ . Em vào học và ở nội trú trong trường sư phạm. Tôi thấy mình yên tâm hơn. Mỗi tháng, tôi vẫn gửi về cho em một nửa tiền lương lính của mình để trả tiền phòng, tiền ăn. Tôi biết con gái cần nhiều thứ hơn con trai, như áo quần, son phấn... Em vẫn viết thư cho tôi mỗi tuần như em đã làm trong mấy năm qua . Em kể chuyện học hành , chuyện bạn bè, em lo sợ là tôi đi tác chiến nhỡ có ngày bố con gặp nhau ở chiến trường, làm sao nhận ra nhau, em không nói thêm , nhưng tôi cũng hiểu, tên đạn vô tình , nếu nhỡ.... Hai năm em học Sư Phạm trôi qua thật nhanh. Em bây giờ đã là một cô giáo trẻ. Em được đổi về dạy tại một trường tiểu học gần thị xã Phan Rang. Em thuê nhà chung với hai cô giáo khác. Mỗi ngày ba cô giáo ngồi xe lam đi đến lớp, chiều về cả ba cùng quây quần nấu nướng . Em viết thư cho tôi và khoe có quen với Tuấn, một Sĩ quan Hải quân đồn trú ở Phan rang. Em khen Tuấn hiền lành, ít nói . Em kể thêm là Tuấn chỉ còn có mỗi một mẹ già.

Chiến tranh ngày thêm khốc liệt, đơn vị tôi hành quân liên miên, có khi cả năm chúng tôi mới được về hậu cứ một lần. Tôi bị thương hai lần trong cùng một năm. Tôi dấu em, không cho em biết sợ em lo lắng. Trong những tuần lể nằm bệnh viện và ở hậu cứ dưỡng thương, tôi bắt đầu viết bài đăng trên các báo và tạp chí. Tôi kể lại những trận đụng độ kinh hoàng giữa đơn vị tôi và giặc Cộng, tôi kể lại những "kỳ tích " của bạn tôi, của Mễ, của Lô ....
Sau một lần bị thương nhẹ ở tay, tôi lấy mấy ngày phép ra Phan Rang thăm em. Em mừng rỡ ôm lấy anh, nhưng khi thấy cánh tay băng bột em xót xa bật khóc. Tôi an ủi em là biết đâu sau chuyến bị thương này tôi sẽ được về làm việc hậu cứ. Ngày hôm sau, nghe tin, Tuấn đến thăm . Thọat nhìn, tôi đã có cảm tình với Tuấn, đúng như em nói, Tuấn trông rất hiền lành. Trong suốt tuần lểở Phan rang, em vẫn phải đi dạy , nhưng may là có Tuấn, mỗi ngày Tuấn tới chở tôi đi ăn

sáng , trưa Tuấn và tôi lang thang ra chợ bạ gì ăn đó đợi giờ ba cô giáo đi dạy học về. Buổi tối, em đi ngủ sớm, Tuấn ngồi lại nói chuyện với tôi cho tới khuya . Bên ly cafe, tôi kể cho Tuấn nghe chuyện của mình. Những hình ảnh yêu dấu, xót xa như một cuộn phim củ quay chầm chậm. Tôi rưng rưng kể lại ngày mẹ mất. Tuấn lấy tay chùi mắt, trong đêm tối , tôi thấy mắt Tuấn long lanh ...

Bảy ngày phép cũng trôi nhanh . Tôi trở về Saigòn, lòng cảm thấy vui và nhẹ nhàng vì đã có dịp gặp Tuấn. Tôi tin Tuấn sẽ không làm khổ em . Ba tuần sau, tôi nhận được thư Tuấn , trong thư Tuấn kể về gia đình (mặc dù tôi đã nghe em kể trong các lá thư). Tuấn muốn tiến tới với em. Tuấn xin phép được đưa mẹ Tuấn đến gặp tôi . Tuấn hứa là sẽ săn sóc và thương yêu em . Đọc thư Tuấn tôi ứa nước mắt vì mừng. Mừng cho em may mắn không gặp những trắc trở trên đường tình ái, mừng cho em gặp được một người chồng hiền hậu . Tôi viết thư cho em và Tuấn, bảo hai em lo thế nào cho tiện, chỉ cố làm sao cho giản đơn vì cả hai đứa cùng nghèo . Bốn tháng sau, Tuấn và em làm đám cưới, nhà gái ngoài tôi còn có thêm mấy thằng bạn trong đơn vị, ông hiệu trưởng , thầy cô giáo và rất đông học trò. Nhà trai ngoài mẹ Tuấn, mấy gia đình anh chị họ còn thêm một số bạn bè Hải quân cùng đơn vị . Nhìn em súng sính trong bộ đồ cưới , tươi cười đứng bên cạnh Tuấn, tôi gọi thầm mẹ ơi , mẹ ơi , về đây dự đám cưới của em.

Tôi theo đơn vị lội thêm hai năm nửa ở vùng giới tuyến , thì "tai nạn" xảy ra . Trong một lúc nóng giận vì thấy ông xếp của mình sao ngu và bẩn quá, tôi không giữ được lời và đã xúc phạm đến ông, kết qủa là tôi bị đưa ra hội đồng kỹ luật và tống ra khỏi binh chủng nhảy dù. Sau một thời gian ba chìm bảy nổi, tôi đổi về cục Tâm lý Chiến , thời gian này tôi đã khá nổi tiếng , những bút ký chiến trường về Tết Mậu Thân, Bình Long. An Lộc ... đã làm vinh danh binh chũng củ của tôi . Tôi được giải thưởng văn học với bút ký "Mùa hè đỏ lửa". Tiền thưởng và tiền bán sách tôi gửi hết cho em. Tuấn và em dùng tiền này mua được một căn nhà nhỏ ở ngoại ô Phan rang, gần trường em dạy . Mới ngày nào đó còn thẹn thùng nấp bên vai Tuấn mà bây giờ em đã mấy con. Mỗi dịp rãnh rỗi, tôi lại ra Phan rang ở chơi với em, với cháu . Tôi ôm cháu, hôn vào hai má phúng phính, hít vào phổi mùi thơm của trẻ thơ mà thấy lòng mình dịu lại, những cay đắng, cực nhọc của đời theo tiếng cười lanh lãnh dòn tan của cháu mà bay xa, bay xa . Tôi nhìn hai vợ chồng em, nhìn bầy cháu nhỏ lẩm chẩm quây quần bên chân mẹ mà lòng vừa vui mừng vừa hãnh diện. Tôi ao ước mẹ tôi nhìn thấy được cảnh này .

***

Biến cố tháng 4 /75 tới như một định mệnh oan nghiệt, cả Tuấn và tôi đều phải ra trình diện cải tạo . Em ở lại một mình với một bầy con nhỏ , đứa lớn nhất chưa đầy sáu tuổi và đứa nhỏ nhất còn nằm trong bụng mẹ . Trong trại , tôi cứ đứt ruột nghĩ về em vàbầy cháu nhỏ . Mẹ của Tuấn đã qúa già, làm sao lo phụ với em đây Rồi em còn phải lo lắng về số phận chồng, số phận anh. Tôi quay quắt như như ngồi trên đống lửa, tôi nghĩ đến lời hứa với vong hồn mẹ hôm nào mà lòng đau như xé, con đã thất hứa với mẹ , mẹ ơi, con đang ở đây tù tội thì làm sao lo dược cho em ... Năm 76 tôi bị đưa ra Bắc. Tôi mất liên lạc với em và Tuấn từ tháng 5/75. Làm sao em biết tôi ở đâu mà thư từ thăm gửi . Không biết em có biết Tuấn ở đâu không, trại tù mọc lên như nấm từ Nam ra Bắc. Hồi còn ở trong Nam , từ Trảng lớn, qua Suối máu , đâu đâu tôi cũng cố dò hỏi tin Tuấn nhưng vô hiệu . Tù nhân đông qúa ...

Trại cải tạo Sơn La, sau đợt cho viết thư về gia đình đầu tiên, ba tháng sau tôi nhận được thư em .Thư em đến tay tôi vào giữa năm 77. Hơn 2 năm 1 tháng tôi mới nhìn lại nét chữ của em. Run run bóc thư, mắt tôi cay nồng, nhạt nhoà . Em cho hay là Tuấn đang cải tạo ở Long Thành, Tuấn có thư về và cho biết vẫn bình an, mẹ Tuấn dạo này yếu lắm vì cụ đã qúa già, em vẫn đi dạy, hai cháu nhỏ ở nhà với bà nội, hai cháu lớn theo mẹ vào trường, em cho hay đứa con gái út em đặt tên Tâm, Trần thị Minh Tâm, cháu sinh ngày 12 tháng 9 năm 75, gần 4 tháng sau ngày bố cháu và bác cháu vào tù. Gần cuối thư, em báo tin là bố còn sống và hồi đầu năm 76 có tìm đến gặp em, làm sao bố tìm ra địa chỉ thì em không biết, nhưng hôm ấy bố đến, bố tự giới thiệu tên mình. Em ngỡ ngàng, ngày bố ra đi em mới tròn ba tuổi, hơn hai mươi năm sau gặp lại làm sao em nhận được , bố xoa đầu đám cháu ngoại đang trố mắt nhìn người đàn ông lạ, bố hỏi về anh, về Tuấn, khi em hỏi lại bố là làm sao để biết anh và Tuấn đang bị giam giữ ở trại cải tạo nào , bố lắc đầu không nói gì. Bố cho hay là bố đang có gia đình ở Bắc, ngoài ấy bố có thêm hai trai và hai gái . Đứa trai lớn nhất thua em bốn tuổi .

Bố mang vào cho em hai mươi ký gạo và một chục cam . Bố ở chơi một ngày rồi bố trở về Hà nội . Lúc bố về em có tặng bố cái radio-cassette của anh cho ngày nào . Bố thích lắm, bố hứa sẽ đến thăm anh trong trại tù . Từ hồi trở ra Bắc dến giờ bố chưa liên lạc lại với em, và em cũng không có địa chỉ của bố ở ngoài ấy . Tôi đọc thư lòng thấy phân vân, tôi cũng như em , không hình dung ra nổi bố tôi hình dáng mặt mủi ra sao, hai mươi mấy năm, tôi tưởng bố tôi đã chết.
Tháng 12 năm 77, tại trại cải tạo Sơn La, bố đến thăm tôi .
Đứng trong văn phòng viên sĩ quan trưởng trại một người đàn ông trung niên, tóc muối tiêu và gương mặt xương. Bộ áo quần dân sự khá thẳng thớm , và sự lễ phép của tên đại úy trưởng trại tiết lộ về địa vị không nhỏ của người này . Thấy tôi vào, viên trưởng trại quay qua nói nhỏ một câu gì đó rồi bước ra ngoài . Tôi im lặng đứng nhìn người đàn ông xa lạ. Bố đến bắt tay tôi, tự xưng tên mình , bố gọi tôi bằng anh, bố kể là đã gặp em ở Phan rang, bố hỏi tôi học tập thế nào, bố không hề nhắc đến mẹ , có lẽ ông đã biết về cái chết của mẹ. Bố nói là có đọc văn tôi . Tôi ngồi yên nghe bố nói, sau cùng , bố đứng dậy, móc trong xách ra một gói nhỏ bảo đó là đường và thuốc lá , trao cho tôi , khuyên tôi cố gắng học tập tốt để sớm được khoan hồng. Tôi nhìn vào mắt bố, lòng thấy dững dưng. Tôi bắt tay bố rồi về lại lán mình. Đó, cuộc hội ngộ của bố con tôi sau hơn hai mươi năm là thế đấy . Chắc cuộc tái ngộ giữa bố với em cũng tẻ nhạt như thế. Có cái gì đó ngăn cách , có cái gì đó phân chia, có cái gì đó tôi không hiểu và không diễn tả được . Bây gi tôi hiểu vì sao cái tin quan trọng đến thế mà em lại chỉ đề cập một cách ngắn ngủi ở cuối thư .

Lần đó là lần đầu và cũng là lần duy nhất tôi gặp bố trong suốt 13 năm trong các trại tù biệt giam miền Bắc.

***

Tháng 12/78, chuyển trại lên Yên Bái, tôi nhận thêm được hai lá thư của em , trong bức thư gần nhất, em viết vào tháng 8/78. Em cho hay tình trạng rất khó khăn, phụ cấp đi dạy không đủ nuôi một mẹ già và bốn con thơ, em đã bán lần mòn hết những đồ trang sức và luôn cả những đồ vật

trong nhà. Em vẫn chưa đi thăm nuôi Tuấn được một lần nào . Không thể để bốn cháu nhỏ ở nhà cho bà nội vì cụ bây giờđã quá yếu , mỗi buổi ăn, Uyên, cháu lớn phải đút cho bà. Ngoài ra , mỗi tối, từ lúc chạng vạng em và Hoàng, hai mẹ con phải ra đầu ngõ, ngồi bán bắp nướng đến khuya để kiếm thêm tiền đong gạo . Em than là dạo này mất ngủ, sức khoẻ yếu lắm , em sợ nhở có mệnh hệ nào ... Tôi thẩn thờ cả buổi vì bức thư em, ngày xưa tôi chỉ lo cho có mỗi mình em, còn bây giờ em phải lo cho bốn đứa con thơ và một mẹ già, kể luôn người chồng và ông anh đang tù tội là bảy, bảy cây thập gía đời đang đè nặng lên đôi vai gầy guộc, nhỏ bé của em. Tôi viết thư về an ủi , khuyên em cố gắng, tôi vỗ về em là có thể Tuấn sẽ được tha về sớm với em, với cháu , vì Tuấn đi hải quân và lon còn thấp , không có tội với cách mạng nhiều . Rồi tôi viết thêm cho em hai ba lá thư nửa mà vẫn không thấy hồi âm. Lòng tôi cồn cào, nóng như lửa đốt, những ngày dài tù tội, tôi không nghĩ đến cái đói, cái khổ của mình mà chỉ nghĩ đến em và mấy cháu , không biết giờ này, em và bốn cháu thơ dại đang có gì ăn ?

Tháng 6/79, một sáng trên đường lên rừng đốn nứa, tôi nghe loáng thoáng câu chuyện giữa các bạn tù. Họ nghe từ các bà vợ đi thăm nuôi kể lại, rằng ở Phan Rang có một chị có chồng đang đi cải tạo, chị chết đi, để lại bốn con thơ, đứa bé nhất mới lên ba, còn đứa lớn nhất chưa đầy chín tuổi . Tội nghiệp, họ hàng nội ngoại không có một ai . Tôi bỗng dưng thấy lạnh toát cả sống lưng, lại gần hỏi thêm thì người bạn tù cho hay là nghe nói chị ấy làm nghề cô giáo, có chồng sĩ quan hải quân đang đi tù cải tạo ở đâu đó trong Nam. Người chồng, trung úy hải quân trước cũng đóng ở Phan Rang . Trần Nguyên Tuấn, hải quân trung uý Trần nguyên Tuấn .
Tôi thấy đất trời đảo lộn , tôi thấy mặt trời nổ tung trong óc, tôi hụt hơi, miệng há hốc đứng như trời trồng giữa núi rừng Yên Bái, bên cạnh tôi tiếng người nói lao xao Tôi không nghe gì hết , tai tôi lùng bùng , mắt tôi mờ đi, tôi đang nhìn thấy xác em nằm co quắp trên manh chiếu , bốn đứa cháu của tôi, cháu Minh Tâm chưa đầy ba tuổi đang lấy tay lay lay xác mẹ, cháu lớn Thu Uyên chưa đủ chín tuổi đang ôm chân mẹ khóc lóc ủ ê, hai đứa kia, Hoàng và Châu ngơ ngác đứng nhìn. Trời tháng 6 muà hè Yên bái mà sao tôi thấy thân mình lạnh buốt. Tôi tê dại, tôi hoá đá, tôi không còn cảm xúc , tôi muốn hét lên cho tan vỡ cả vũ trụ này . Trong lung linh màu nắng vàng buổi trưa Yên Bái, tôi thấy bóng em nhập nhoà, chập chờn. Em của tôi, đứa em côi cút của tôi ....

Mũi súng AK thúc vào cạnh sườn, người vệ binh chắc cũng ngạc nhiên không hiểu sao bỗng dưng tôi đứng như trời trồng giữa lộ . Anh quắc mắt nhìn tôi dò hỏi, tôi không nói gì, im lặng nhập vào dòng tù. Nước mắt chảy dài trên hai má hóp, tôi bước đi như kẻ mộng du ...

Ghi chú: Bài **"Em Tôi"** của Phan Nhật Nam, hoàn cảnh của ông cũng giống như tác giả Cao Xuân Huy với bài viết **"Bị Bắt Là Tù Binh"** ở trên qua phần phụ đính**:** *Tôi là dân Bắc kỳ, giống như rất nhiều gia đình di cư khác, gia đình tôi cũng bị "cắt đôi" khi hiệp định Genève cắt đôi Việt Nam năm 1954. Bố tôi ở kháng chiến về Hà Nội. Tôi theo mẹ vào Sài Gòn. Bố tôi là một người làm thơ và viết báo. Ông đi kháng chiến từ hồi còn trẻ…*"

Tuy nhiên với một ấn bản "trước" có nguồn từ tác giả **Lang Le** (?).. **"**Sau" mới lấy tên **Phan Nhật Nam** (?).

Ai Chiến Thắng?

Trần Trọng Hoàng Bách - Hà Nội

Đọc bài ông Nhật Tuấn trả lời phỏng vấn của Talawas tôi đã thấy là lạ, đến khi đọc ý kiến của các ông Nguyễn Viện và Đỗ Trung Quân thì tôi phải la hoảng: Trời đất mẹ mìn(h) ơi, té ra chẳng ông nào bây giờ nhận mình là ở phía chiến thắng trong cái cuộc chiến .
Hình như cũng không phải, vì ba ông cũng không nhận mình là ở phe...bại. Ông Nhật Tuấn: "*Tôi không có cảm giác mình là phe chiến thắng mà chỉ là dân ngụ cư*." Ngụ cư không đồng nghĩa với bại, vậy ông Nhật Tuấn không thắng, không bại. Ông Nguyễn Viện: "*Tôi chưa bao giờ thấy mình chiến thắng hay chiến bại*". Vậy ông Nguyễn Viện cũng không. Ông Đỗ Trung Quân: "*Tôi không có khái niệm kẻ thắng, người bại*." Hay thật. Lạ thật. Vậy ông Đỗ Trung Quân càng không, không có khái niệm về thắng-bại nữa. Các ông ấy là những nhà văn. Các ông ấy đứng trên, đứng ngoài sự thắng-bại, không có cả khái niệm về sự thắng-bại của một cuộc chiến cực kì khốc liệt trong lịch sử Việt Nam cùng những hậu quả không thể gọi là nhỏ của nó đối với hàng chục triệu người và mấy thế hệ liên tiếp nhau. Thế ra ba ông nhà văn ấy sinh nhầm chỗ, nhầm thời, không đâu mà bị vướng vào cái cuộc chiến tranh khỉ gió ấy hay sao?

Thưa không đâu ạ. Không phải ngẫu nhiên mà ba ông đều còn được cầm bút viết lách dù là để: viết "kiếm cơm" trong chức Trưởng ban văn hoá-văn nghệ của báo Thanh Niên một thời như ông Nguyễn Viện.
Viết "kiếm sống" bằng nghề nghiệp và trong chức biên tập viên Chi nhánh TPHCM của NXB Văn Học một thời như ông Nhật Tuấn, Viết "lăng nhăng" in đều đều trong một chức vụ không "còm" gì ở báo Tuổi Trẻ một thời như ông Đỗ Trung Quân.

Các cơ quan như báo Thanh Niên, báo Tuổi Trẻ, Nhà xuất bản Văn Học đều không phải là những cái chợ đuổi. Không phải ông Nhật Tiến mà là ông Nhật Tuấn được làm ở đó, có đúng không nào? Nếu so với những nhà văn cũng Sài Gòn cả đấy (hay ngụ cư gì không bàn) muốn "kiếm cơm", "kiếm sống", "viết lăng nhăng" bằng ngòi bút của mình lắm mà không được phép, thì cả ba ông thắng to là điều ai cũng thấy, chỉ có bản thân các ông không muốn thấy. Hay các ông cho đó chẳng qua là sự may mắn cá nhân, như anh này trúng xổ số anh kia trúng cá?

Tôi chẳng có vấn đề gì với sự may mắn của các ông, nhưng điều cực kỳ đáng buồn mà các ông không muốn thừa nhận là sự may mắn của các ông liên quan rất mật thiết đến sự bất hạnh của những người khác, mà số người bất hạnh ấy thật không nhỏ tí nào. Tôi muốn nói rõ là tôi không quy trách nhiệm hay đánh giá sai đúng thiện ác gì ở đây. Lịch sử nó thế, chẳng ai làm lại được lịch sử. Nhưng tôi muốn nói rằng những vết thương mà cuộc chiến tranh ấy để lại sẽ không bao giờ được hàn gắn nếu người ta cứ coi như chúng... đã được hàn gắn. Thực tế cho thấy là còn rất nhiều vết thương lớn vẫn chưa hề được đụng đến. Người ta chỉ lờ chúng đi, hễ ai đụng vào thì bị quy ngay cho cái tội to vật vã là „khoét sâu vào vết thương đã ăn da non". Kinh thật.
Lời phát biểu của ông Nhật Tuấn về các ông Nguyễn Viện, Đỗ Trung Quân vô tình mà cho thấy rằng còn biết bao vấn đề, mâu thuẫn, xung đột, mặc cảm v.v. liên quan đến hậu quả của cuộc chiến tranh này chưa được nghiên cứu tranh luận đến nơi đến chốn. Giữa những người cùng

thuộc phía may mắn mà còn như vậy, thử hỏi nhìn toàn bộ mọi phía tham dự thì thế nào?

Ai cũng biết rằng chuyện nước mình nó trái khoáy vô cùng tận. Hôm qua thì anh tự hào đã đứng trong hàng ngũ của những người chiến thắng, tự hào chính nghĩa đã chiến thắng. Hôm nay cái chính nghĩa ấy thay đổi. Ngày mai lại thay đổi nữa, có khi trở về với hôm qua cũng là chuyện "bình thường". Trong cái hoàn cảnh ấy thì khôn nhất là "không có khái niệm" về thắng bại, "đứng trên thời cuộc", chỉ "theo đuổi những giá trị nhân bản, nghê thuật muôn thuở"... Nhưng các ông là sản phẩm 100 % của thời cuộc dù có bất đắc dĩ thế nào. Chối nó là chối mình đấy! Mà làm cái nghề viết của các ông, khôn quá thì quắt...tác phẩm. Khi phải đánh giá sự nghiệp văn chương của các ông liệu người ta có nên dùng chữ "một sự nghiệp văn chương rất khôn" không? Có lẽ các nhà phê bình nên vận dụng cặp khái niệm mới "văn khôn – văn dại" cho văn học Việt Nam chăng?

Quân Đoàn 3 Bảo Vệ SG

Phạm Bá Hoa

Sau 12 ngày quyết chiến với 4 sư đoàn Cộng quân, ***ngày 20 tháng 4/1975***, toàn bộ lực lượng VNCH tham chiến tại mặt trận Xuân Lộc được lệnh rút khỏi chiến trường này để về Phước Tuy. Cuộc rút quân được diễn ra từ chiều ngày 20 tháng 4/1975, đến sáng ngày 22/4/1975, tất cả các đơn vị đã có mặt tại các vị trí mới do Bộ Tư lệnh Quân đoàn 3/Quân khu 3 phối trí.

Ngày 22 tháng 4/1975, cuộc rút quân hoàn tất. Sư đoàn 18 Bộ binh sau khi về đến Long Lễ trong ngày 21/4/1975, đã được được Bộ Tư lệnh Quân đoàn 3 cho di chuyển nghỉ dưỡng quân hai ngày tại Long Bình, sau đó các trung đoàn và đơn vị thuộc dụng được điều động đi tăng cường phòng thủ tuyến mặt Đông thủ đô Sài Gòn, kéo dài từ Tổng kho Long Bình đến Kho đạn Thành Tuy Hạ, tiếp cận với lực lượng của các quân trường như Trường Bộ Binh, Trường Thiết Giáp. Lữ đoàn 1 Dù được bố trí giữ Phước Tuy, bảo vệ Quốc lộ 15 từ Long Thành về Bà Rịa, và là lực lượng tiếp ứng cứu Vũng Tàu khi thành phố này bị tấn công. Với kế hoạch phối trí mới của Bộ Tư lệnh Quân đoàn 3 để bảo vệ Sài Gòn, kể từ sáng 22/4/1975, phòng tuyến án ngữ phía Bắc và phía Đông của Quân đoàn 3 và Quân khu 3 được thành hình với liên tuyến Trảng Bom-Long Thành-Phước Tuy. Lực lượng chính tại phòng tuyến này có Sư đoàn 18 Bộ binh, Lữ đoàn 1 Dù, Lữ đoàn 3 Thiết kỵ (do Chuẩn tướng Trần Quang Khôi chỉ huy) và Lữ đoàn 468 Thủy quân Lục chiến. Trước đó, Lữ đoàn 147 và 258 Thủy quân lục chiến đã được tăng phái cho Quân đoàn 3 và là lực lượng bảo vệ phía Bắc của phi trường Biên Hòa.

* Cộng quân tăng áp lực quanh Sài Gòn
Sau khi lực lượng VNCH rút khỏi Xuân Lộc, An Lộc và Chơn Thành, áp lực của Cộng quân gia tăng đáng kể từ nhiều hướng nhắm vào Sài Gòn. Quốc lộ 22 nối Củ Chi và Tây Ninh bị Cộng quân chốt nhiều đoạn. Các đoàn quân xa chở tiếp phẩm lên Tây Ninh thường xuyên bị phục kích. Đồng thời Cộng quân gia tăng các đợt pháo kích vào Biên Hòa bằng hỏa tiễn (rocket) và đại bác 130mm. Các tin tức tình báo cho biết Cộng quân đang siết chặt vòng vây quanh Sài Gòn bằng nhiều mũi dùi, mỗi mũi là một quân đoàn gồm từ 2 đến 3 sư đoàn Bộ binh, có thiết giáp và pháo binh yểm trợ. Về lực lượng phòng thủ vòng đai xa của Sài Gòn, tính đến ngày 22 tháng 4/1975, có 3 sư đoàn Bộ binh: Sư đoàn 18 BB do Tướng Lê Minh Đảo chỉ huy; Sư đoàn 25 Bộ binh do Tướng Lý Tòng Bá chỉ huy, phụ tại phòng tuyến Tây Ninh, Hậu Nghĩa, Long An; Sư đoàn 5 Bộ binh do Tướng Lê Nguyên Vỹ chỉ huy, phụ trách phòng tuyến Bình Dương. Sau hai ngày nghỉ ngơi dưỡng quân để chỉnh đốn đội ngũ, ngày 24 tháng 4/1998, Sư đoàn 18BB được giao trách nhiệm phòng thủ khu vực Đông Nam Biên Hòa và tuyến phía đông Thủ đô Sài Gòn. Phòng tuyến này trải từ tổng kho Long Bình đến kho đạn Thành Tuy Hạ, tiếp giáp với phòng tuyến của lực lượng Dù, trường Thiết giáp và trường Bộ binh. Bộ chỉ huy hành quân của Sư đoàn 18 Bộ binh đặt tại căn cứ Hải quân Cát Lái.Về các trung đoàn Bộ binh thuộc Sư đoàn 18, sau 12 ngày chiến đấu tại mặt trận Xuân Lộc, Trung đoàn 52 Bộ binh thiệt hại hơn 80% quân số; Trung đoàn 43 Bộ binh thiệt hại gần 30%. chỉ có Trung đoàn 48 Bộ binh còn đủ quân số để tham chiến.

* Giao tranh ở phòng tuyến Bình Dương
Tại khu vực trách nhiệm của Sư đoàn 5 Bộ binh, trong ngày ***24/4/1975***, Cộng quân gia tăng áp lực tại Phú Giáo, Tân Uyên, Cổ Mi nằm về phía Đông Nam tỉnh Bình Dương. Các đơn vị Địa phương quân và Nghĩa quân tại đây đã bị các trung đoàn Cộng quân của khu Miền Đông tấn công liên tục, cuối cùng phải rời bỏ phòng tuyến.Tại Bến Sắn, Cộng quân điều động Sư đoàn có bí số CT-7 và 2 trung đoàn cơ động áp sát tuyến phòng thủ của Sư đoàn 5 Bộ binh. Cộng quân muốn chọc thủng mặt Đông của tỉnh Bình Dương và mặt Tây của tỉnh Biên Hòa để tiến về Sài Gòn.

* Tuyến phòng thủ Long An của Sư đoàn 22 Bộ binh
Tại mặt trận Long An, Sư đoàn 22 Bộ binh, vừa được tái tổ chức sau khi từ Bình Định rút vào Nam-được giao nhiệm vụ phòng thủ vòng đai thị xã Long An và khu vực từ Tân An về Sài Gòn. Các đơn vị của Sư đoàn 22 Bộ binh được đặt thuộc quyền điều động của Biệtkhu Thủ đô. Trước tháng 4/1975, chiến trường Long An do Quân đoàn 3 và Quân khu 3 trách nhiệm và Biệt khu Thủ đô (gồm Sài Gòn và tỉnh Gia Định) chịu sự chỉ huy tổng quát của bộ Tư lệnh Quân khu 3. Từ tháng 4/1975, Biệt khu Thủ đô chịu trách nhiệm cả Long An và vị tư lệnh Biệt khu Thủ Đô nhận lệnh trực tiếp của Tổng tham mưu trưởng Quân lực VNCH.

Tính đến cuối ngày ***24/4/1975***, quanh phòng tuyến do Biệt khu Thủ đô trách nhiệm đã có 10 sư đoàn Cộng quân, khu vực quanh Biên Hòa có 2 sư đoàn Cộng quân, cộng với 3 sư đoàn Cộng quan đang áp sát các phòng tuyến thuộc tỉnh Bình Dương, tổng cộng có 15 sư đoàn Cộng quân chuẩn bị tấn công vào Sài Gòn.

Rồi Người Lính Có Về Không?

Duyên Anh

10 giờ 40, mười phút sau lệnh đầu hàng, Đặng Xuân Côn và tôi ra vỉa hè trước cửa nhìn Sài gòn chờ đợi cộng sản vào. Tại sao chưa đánh đã đầu hàng? Tôi nghe rõ câu hỏi nghẹn ngào đó trong những ánh mắt ngơ ngác của người Sài gòn quanh tôi. Trời hết âm u, nhưng vẫn chưa có nắng. Vẫn thiếu nắng vàng rực rỡ. Dân Xóm Lách kéo lên. Lề đường Công Lý, gần nhà tôi đông nghẹt. Dẫu lòng ngổn ngang bối rối, tôi còn chút hạnh phúc trên những khuôn mặt buồn bã của đám dân "vô sản" Xóm Lách. Không một nụ cười. Khó tìm ra niềm hân hoan. Ngay cả những người đã truy nã kỹ thân phận mình, sự nghiệp của mình ròng rã hai mươi năm Việt Nam cộng hòa, thấy chẳng dính líu gì tới "nợ máu" với cộng sản, cũng hồi hộp vì "biển máu." Chưa bao giờ tôi thấy, kể từ nhận Sài gòn làm quê hương, một cảnh tượng Sài gòn não nề đến thế. Tôi có cảm tưởng Sài gòn đang sợ hãi cơ hồ tôi đang sợ hãi, cơ hồ mọi người đang sợ hãi. Xe cộ ngưng chạy. Những gia đình có "máu mặt" rút hết vào nhà. Cổng đóng kín mít. Cửa sổ gác cao he hé mở. Ai đã nhìn tôi qua ô cửa kính mắt lệ mờ?

Một toán quân xuất hiện. Quân ta. Tôi đếm: 19 người. Mười chín người lính, mười chín người chiến sĩ, đầu trần, chân đất, quần xà lỏn, áo thun, máng súng trên vai, mũi chúc xuống, mặt cúi gầm, lầm lũi bước. Tối hôm qua, tôi đã thấy quân ta ngang qua đây. Quân ta và xe tăng. Hình ảnh người lính sửa xích tăng đã in vào tiềm thức tôi. Và tôi đau đớn nhìn quân đội của tôi đầu trần, chân đất, quần xà lỏn, áo thun, máng súng trên vai, mũi chúc xuống, mặt cúi gằm, lầm lùi bước.

***

- Rồi người lính có về không?
Đó là câu hỏi của ký giả Patrick Sabatier của nhật báo La libération đã đến tận nhà tôi ở Ivry sur Seine phỏng vấn tôi để làm số báo đặc biệt cho ngày 30-4-1985. Tôi đã kể câu chuyện trên nhằm trả lời câu hỏi "Điều gì còn làm ông nhớ Sài gòn nhất"?
- Tôi không biết, ông Patrick ạ!
- Anh ta đi đâu?
- Tôi nghĩ rằng anh ta đi làm cuộc chiến đấu mới tuy cô đơn, lãng mạn nhưng tổ tiên chúng tôi đã lãng mạn, cô đơn chiến đấu.

Số báo đặc biệt của La libération, một tờ báo khuynh tả, xuất bản ngày 30-4-1985 viết về Việt Nam đã như gáo nước lạnh hắt vào mặt đảng cộng sản và nhà nước xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Số báo này có đăng thêm một đoạn trong bài thơ Sài gòn ra đường của tôi trên trang nhất.

***

19 người lính đi tới đâu, đi về đâu, tôi không biết. Hình ảnh bi thảm của họ khiến lòng tôi se lại nhưng cũng sưởi ấm tâm hồn tôi. ít ra, tôi còn được tự hào là người Sài gòn, người miền Nam. 19 người lính quốc gia đã anh dũng chiến đấu cho tới phút giây nghe lệnh đầu hàng. Vẫn 19 người

lính này, biểu tượng của quân lực Việt Nam cộng hòa bất khuất, tháo bỏ quần áo Mỹ, giầy nón Mỹ, tiếp tục chiến đấu sau lệnh đầu hàng. Tôi đã thèm sống hèn, càng thèm sống hèn hơn. Để nói lên được cái hào hùng của người lính, cái tâm sự não nề của người lính, những con người không được phép chiến thắng, những con người bị tước đoạt quyền chiến thắng cộng sản. Thế giới đã không có hân hạnh nhìn 19 chiến sĩ Việt Nam. Thế giới đã không có hân hạnh nghe người lính giã từ mẹ mình lên đường nhập cuộc chiến đấu mới. Thế giới, cái thế giới mù lòa, điếc, ngọng đã bảo chúng ta thua trận đã miệt thị quân đội chúng ta tan hàng bệ rạc. Tôi đợi, tôi đã đợi, tôi đang đợi những kẻ tự nhận mình sống hùng viết những trang tâm sự của người lính sau 30-4-1975.

11 giờ, đường Công Lý nườm nượp những người đầu trần, chân đất, quần xà lỏn, áo thun cắm cúi rảo bước. Nhiều người chạy. Đó là lính, là sĩ quan của chúng ta. Họ đã liệng súng đạn. Họ về nhà mình, nhà thân nhân của mình. Khuôn mặt họ, sự sợ hãi pha trộn sự phẫn nộ. Dân chúng hai bên đường im lặng, lúc này, là tiếng vỡ của trái tim, tiếng nứt của mạch máu, tiếng rơi của nước mắt. Lúc này, cả thành phố thấy mình chiến bại, cả thành phố chia xẻ nỗi đau chiến bại, bởi vì, những kẻ đầu trần, chân đất, quần xà lỏn, áo thun là anh, là chồng, là cháu, là em của người Sài gòn. Của Sài gòn.

Tôi sinh ra ở miền Bắc, thị xã nhỏ bé, êm đềm Thái Bình. ấu thơ của tôi, trải dọc theo hàng cây hồi thấp và vương vấn cùng khắp cầu Bo. Niên thiếu của tôi lãng đãng vùng trời Hà Nội. Tôi khôn lớn ở Sài gòn. Sài gòn cho tôi những bước xuống đời cay đắng để tôi làm cuộc đời tôi Sài gòn cho tôi tình yêu, cho tôi thi ca, cho tôi tiểu thuyết. Công sinh không nặng bằng công dưỡng. Sài gòn đã nuôi dưỡng tôi. Sài gòn là mẹ tôi. Mẹ Sài gòn săn sóc tôi hai mươi năm. Tôi đã làm gì cho Sài gòn? Đã làm gì, vẫn chưa đủ, vẫn chỉ mới là cái hữu hạn trong cái vô hạn. Bây giờ, đứa con phóng đãng ôm ghì mẹ mình bằng đôi tay rời rã, nước mắt ròng ròng. Đứa con bất lực, đứa con hèn hạ, đứa con khiếp nhược, đứa con mải rong chơi nỡ để mẹ mình lạc vào tay thù. Mà chỉ biết khóc. Mà chỉ rên rỉ Mà chỉ luyến tiếc hàng me xanh, ghế đá công viên và những cuộc tình phù phiếm. Tôi hiểu những giọt nước mắt của tôi vô nghĩa, chẳng dám khóc, chẳng thiết khóc, mà mắt tôi cứ căng mọng và lệ cứ rơi. Tôi đã biết khóc vì Sài gòn, vì một thành phố kỷ niệm.

- Côn!
- Hả?
- Ông nhớ sau hôm đảo chính 1945 chứ?
- Nhớ.
- Thực dân Pháp đã chạy dài, đã lột bỏ quần áo, giày vớ, đã chân đất, đội nón mê cắm cúi bước. Đã bị phát xít Nhật truy lùng.

- Chúng ta đứng bên kia cầu Bo nhìn các ông Tây kéo xe bò chở đất, các bà Đầm khóc sướt mướt và phát-xít Nhật cười hoan hỉ.
- A, chúng ta đã vỡ lẽ chiến bại và chiến thắng từ năm mười tuổi.

Chúng tôi trở vào nhà, đóng cổng kỹ lưỡng.
Chuông điện thoại reo vang. Tôi nhấc máy.

- Alô, alô, tôi muốn nói chuyện với Duyên Anh.
- Chính tôi.
- Lính văn nghệ đang chơi nhau dữ dội ở cầu Thị Nghè.

Tôi biết rõ những người lính ấy. Họ là nhà báo vô danh. Truyện kể về những người lính văn nghệ gác cầu Thị Nghè sáng 30-4-1975 như sau:

Xe tăng cộng sản vào thành phố Sài gòn để vô Dinh Độc Lập bằng hai ngả. Ngả thứ nhất: Từ ngã tư xa lộ Hàng Xanh, T-54 của cộng sản chia đôi. Không nhiều gì đâu. Có 10 chiếc thôi. 5 chiếc rẽ phải vô Hàng Xanh, qua đường Bạch Đằng, qua đường Chi Lăng, Võ Tánh Phú Nhuận, bọc lên đường Cách Mạng, Công Lý. 5 chiếc rẽ trái vô Thị Nghè, qua cầu, qua đường Nguyễn Bỉnh Khiêm, qua đường Thống Nhất. Chiếc thứ nhất bị lính văn nghệ chặn đánh ở bên kia cầu. Với súng M- 16, lính văn nghệ đã nhắm T-54 mà khạc đạn. Lúc ấy, 10 giờ 45 phút, sau lệnh đầu hàng 15 phút. Lửa cháy đàng sau T-54.

Tôi nhớ đã xem một phim, hình như tên phim là El Alamein do Frederick Stafford thủ vai đại úy quân đội ý, diễn tả một trận đánh tuyệt vọng giữa đám quân đồn trú ở sa mạc Phi Châu với đạo quân xe tăng của tướng Montgomery lừng danh Anh Quốc. Tăng của tướng Montgomery đã phơi xác lớp lớp. Và rồi, kẻ chiến thắng đã nghiêng mình kính cẩn chào tinh thần chiến đấu quả cảm tới phút chót của kẻ chiến bại.

Người cộng sản thiếu sự hào sảng đó. Và, tôi còn thấy, thiếu cả những trang sách vinh tôn những người lính văn nghệ đã chết hay vẫn sống đã hạ chiếc T-54 của cộng sản bên kia cầu Thị Nghè buổi trưa ngày 30-4-1975 .

Ngày 30 Tháng Tư Của Tôi

Đỗ Kh. - Pháp

Tôi nheo mắt lại, ngả người vào trưa rất nắng. Biển sẫm lăn tăn một chút sóng, trời xanh không gợn một chút mây. Chiếc Skyhawk A4 trắng nghiêng mình xuống sát tàu, thấy rõ mặt người phi công Mỹ, tưởng như là đọc được hàng chữ kẻ tên ở trên nón bay. Anh rà qua một vòng, miệng lẩm bẩm như là đang đếm, tôi nghe Khang, đứa em tôi từ phía sau lưng nói với người con gái đứng bên. *"Pilot Việt Nam bay đi được hết, hình như chỉ kẹt lại có mỗi một người!"* Tôi đoán là Nhung cười, không nghe thấy tiếng. Chiếc phi cơ của Hải quân Hoa Kỳ bay mất. Chung quanh đây hẳn là lúc nhúc hạm đội 7 và chập chờn tàu chiến tàu hàng lớn nhỏ của miền Nam một lần chót ra khơi. Nhưng vào lúc 4 hay 5 giờ chiều này của của ngày 30.04.75 biển thì vẫn mênh mông như thường lệ. Bốn hướng chung quanh chiếc dương vận hạm Bun hak (LST 815) của Đại Hàn tôi đang nằm duỗi, trong tầm mắt với không thấy một bóng tàu.

***

Trong cái chói chang thường lệ, thành phố có dấu hiệu đầu khụt khịt. Bên hông Toà Đại sứ Mỹ và mãi không thấy hết, kéo dài trên cả vài trăm thước, người ta ngoan ngoãn và trật tự xếp hàng. Đó là thân nhân và gia quyến thật, giả của công dân Hoa Kỳ mặt không buồn giấu lo âu như sắp sửa vào phòng ứng thí, táy máy tập hồ sơ với lại giấy chứng minh lần đi lần lại ở trên tay. Họ vào diện ưu tiên, sắp sửa ra đi hợp pháp, so với những người mới đây ở Đà Nẵng, Huế giẫm lên nhau mà chạy quả có đặc quyền.

Tôi nói Hoàng chở tôi vòng xe lại, rà chầm chậm bên cạnh hàng người này, rõ ràng là có cả tiểu thư, mệnh phụ đang nỗ lực lẫn vào với thiếu nữ bán bar. Cứ 30, 50 thước tôi nhắc lại *"Mau lên!Chạy đi thôi!"* nhưng không ai tin tôi nói, trả lại những cái nhìn không hiểu đẫn đờ. Chẳng ai bực và cũng chẳng ai cười mà tin tôi thì không ai buồn tin nổi. Trước cửa rạp Rex, bảng mới vừa niêm yết 10 bài top hit mới nhất chớp nháy ở Hồng Kông. Trong 3 bài đầu, có *The Night Chicago Dies* của Paper Lace và Sài Gòn thì chưa chết, chưa hấp hối chưa ngắc ngoải, chỉ mới có vợ con của những người quyền thế ngượng nghịu ôm tay một người Mỹ lạ đứng bồn chồn ngoài nắng trước toà Đại sứ Hoa Kỳ. Mùa mưa cho đến hôm nay vẫn chưa chịu tới.

Hai anh phi công nhảy xuống khỏi xe hổn hển nói với bà mợ tôi *"Chúng cháu mới ở Đà Nẵng vào!"* Đây là họ hàng phía bên bà, tôi không biết, cũng đồ bay cẩn thận lắm túi và nhiều dây kéo, cái phù hiệu thêu to bằng bàn tay "A37 Dragronfly" tiếng Mỹ. *"Tức thời đây!"* Hai anh này cất cánh thì thấy hết xăng, phải đáp vòng trở lại thì phi trường đã bị tràn ngập. Một anh chạy đi tìm ra một xe xăng, vừa đổ vào vừa bắn nhau với địch đã lố nhố đường băng. Nếu hai anh này có anh chân không, có anh quần đùi thì dễ tin hơn, đây là lần đầu tiên tôi nghe nói phi công lên tàu mà không kiểm đồng hồ xăng. Nhưng các anh mặt vẫn còn nhợt nhạt và đây cũng là lần đầu tiên… Đà Nẵng mất. Tôi thấy vui vui, hai chàng lập cập, đánh nhau với địch thay vì bằng bom 500 cân Anh, hoả tiễn 2.75" và đại bác liên thanh 20 ly 30 ly gì đó, thì phải đánh bằng súng ngắn, loại dành để gia ân lần cuối vào sau gáy cho tử tội bị hành quyết. Cho mà biết, tôi ăn sáng tiếp.

***
Người đàn ông mặc đồ bộ dân sự lòng thòng leo lên giường tôi khi tôi chưa kịp dậy. Tôi không hiểu sao ông lại vào tận đây thay vì ngồi trong phòng khách, cho dù ông có mới đi thẳng đến từ miền Trung bằng đường bộ, đường thủy. Ông thọc tay vô phía trước quần ông lục lọi, lôi ra khẩu súng sáu đặt xuống cạnh bên rồi bật khóc, mỗi lần há miệng lớn ra thì lại nghẹn ngào. Tôi ngạc nhiên là ông làm sao giấu được 1 khẩu súng to như vậy, riêng cái nòng đã dài đến 6 phân Anh. Nhưng hỏi thì ông chỉ lắc đầu rớt rãi không nói lên lời.Tôi đã thấy một người đứng tuổi như ông khóc không kém phần thê thảm, nhưng đó là trường hợp người ta có con vừa tử trận và không có súng lận giữa hai đùi.
Hùng mỗi ngày hỏi tôi mấy bận *"Chừng nào mình tái chiếm lại Nha Trang?"* mà tôi đâu phải là ban 3 Bộ Tổng tham mưu. Mỗi sáng Hùng lên Tân Sơn Nhất trình diện, mặc xi-vin ra đường ôm theo cái túi đựng quân phục, vào đến căn cứ an toàn rồi mới chịu thay vào. Những ngày chót ở Nha Trang, lính Không quân ưa bị lính các đơn vị khác gây. Tôi đeo ba lô chạy bộ còn anh không những chạy lén trước mà còn gầm thét ồn ào mấy trăm cây số giờ ở phía trên đầu. Tôi nói *"Ở Sài Gòn, máy bay lên chưa có ai bắn với theo đâu."* Hùng nói, thì cũng phải *"Tụi nó ác thật, đi không chở người, tôi thấy nguyên một tàu tụi nó chở toàn đầu máy Honda."* Cái đêm Hùng vào trại ngủ, đã định ôm theo đứa con trai nhỏ nhưng sợ cô vợ mè nheo bèn vào có một mình. Sáng ra, đơn vị chạy, Hùng lên tàu theo, nhặt được một khẩu P38 si kền nhưng bỏ lại cả vợ lẫn con. Được mấy bữa, đài vẫn nói Nha Trang Việt cộng chưa vào đến, đang còn bỏ ngỏ, Hùng ngẫn ngơ đòi tình nguyện, trong đoàn hùng binh có tôi đi hàng đầu để trở về.

Từ nhà ở phía sau, buổi trưa nào cũng vẳng tiếng dương cầm lác đác của bài *Hạ Trắng*. Chắc hẳn đó là một thiếu nữ, chơi đàn như hài nhi tập trở mình, còn cô bụ bẫm ra sao thì tôi không được thấy. Biệt thự của cô dựa lưng vào phòng tôi, cách một bức tường cao và một khoảng lớn vườn. Tôi ở chung phòng với người em của ông dượng, dân Võ bị [1] và từng là Thiếu tá trẻ nhất của quân lực. Anh này hơn tôi mươi tuổi, thì vẫn Thiếu tá, sau cái lần bị lột lon vì đánh cố vấn Mỹ, nhưng không còn "trẻ nhất" nữa tuy cũng chỉ đâu đó 30. Anh ít nói, mới có con đầu lòng sơ sinh nhưng lại rắc rối gì với cô vợ nên đến đây ở một mình. Trưa, căn phòng nóng không có điều hoà, anh nằm ở giường bên nhìn trần mà thở dài không ra tiếng trong khi cô bé hàng xóm đều đặn lên đàn mà gọi nắng ngập ngừng. Anh đang đáo hạn phép và tìm đường giải ngũ, chán chường ra hẳn khỏi quân đội, dĩ nhiên là Thiếu tá như anh không ở trong cái hoàn cảnh binh nhì của tôi, chán ngũ thì chỉ việc giản tiện đào. Vợ bỏ hay là bỏ vợ, của tùy thân ngoài cái xe máy ra, anh chỉ có một cặp ống nhòm rất tốt, hưởng từ thời làm tiền sát pháo binh. Cặp ống nhòm này có la bàn và độ ngang độ dọc để định phương hướng và khoảng cách quan sát, anh có chỉ cho tôi cách sử dụng nhưng tôi cũng không buồn leo lên mái mà nhìn ra đằng sau, cô gái văng vẳng đâu có cởi truồng mở toang cửa ra mà ngồi đánh đàn. Mấy hôm một bận, anh lên Lai Khê trình diện Bộ tư lệnh (Sư đoàn 5), trở về tôi có hỏi cũng chỉ nói ngắn gọn là chẳng có chuyện gì mới lạ. Cái ngày tướng Hiếu "tử nạn trong khi đang chùi súng", tôi mới thấy anh đổi cái sắc chán đời đôi chút, ông Hiếu từng là thày của anh ở 1 đơn vị trước, anh buông sẳng, làm gì có chuyện ông tai nạn, hay là người ta "tự sát" ***
Ông dượng trao cho tôi một cái radio và nhiệm vụ phải nghe đài tiếng Anh của quân lực Mỹ 16/24. Khi nào đài phát Bing Crosby hát bài *I'm dreaming of a white Christmas*, sau đó có dự báo thời tiết, câu "*Nhiệt độ Sài Gòn đang 105 Fahrenheit và vẫn còn tiếp tục gia tăng*" thì phải

gọi cả nhà.
Tôi bị ông dượng tôi làm khó, đã không đi đâu xa được mà còn lúc nào cũng phải ôm một cái đài. Khó nhất là Bing Crosby tôi không hề biết, chẳng phải là The Jefferson Airplane hay Janis Joplin, Jethro Tull. Nhạc Giáng sinh Mỹ tôi chưa từng nghe qua giai điệu, mỗi lần có giọng đàn ông không phải là Bob Dylan hay Johnny Cash cất tiếng là tôi phải để ý đến ca từ. Sài Gòn vào tháng 4 thì lúc nào nhiệt độ cũng quanh quẩn 100 Fahrenheit, không 104 thì 106 cho nên lại cũng phiền. Ngồi quán nước thì nhạc ầm ĩ, ra xe hủ tíu thì xe cộ lại ồn ào. Vậy là cô sữa dâu đỏng đảnh thì cho là tôi lập dị, ở càfé nhạc mà lại nghe đài, chị bò viên hiền lành thì phục tôi chuyên cần học tập Anh văn. Nhưng trong khi chờ đợi chiến dịch Frequent Wind mở màn để di tản những người có sẵn trên danh sách Mỹ thì vỡ tuyến Phan Rang, tướng Nghi bị bắt sống.
Tôi đã nghĩ đến ở lại. Ở lại thì phải trốn gia đình, bố tôi phải đi tìm, mất cơ hội lên trực thăng và em tôi cũng sẽ bị kẹt lây. Tư tưởng "ở" này tôi không hào hứng quá 30 giây. Việt Nam, tôi mệt mỏi đến độ ra đường nhìn gái, tôi phải lên Chợ Lớn để ngắm thiếu nữ người Hoa sóng sánh nhịp nhàng cùng với mì sủi cảo. Tôi đâm ra kỳ thị ngược, đồng ý với các vị đời Đường là thiếu nữ tàu chân nhỏ và không có bắp chuối. Nhưng tôi chưa được hưởng các thú đế vương vẫn nghe nói tới, chẳng hạn như như lắp đít vịt (tàu?) và khi gần "tới", để các cô con cháu Khổng tử nằm sẵn hai bên chặt cổ con vật cho nó dẫy tê tê. Tôi theo hai thằng bạn thuộc dạng 3 sắc lính 7 lần đào vào đây không phải để ăn vịt tìm (không đầu!) mà để tìm việc.
Nam Vang đã bị hoàn toàn vây hãm, đường tiếp tế duy nhất là bằng đường thuỷ. Ông cai tuyển mộ hề hề, nhưng mà sông rất rộng, cả hàng cây số lận, và thương thuyền đến giờ theo xác xuất đi 7 chiếc chỉ có 1 chiếc bị bắn chìm. Tôi hỏi 1 trên 7 là có tính cả khứ hồi, ông nói là 2 chiều chứ bận đi mất 1 bận về lại mất 1 thì sao mà có lời! Đến chỗ nguy hiểm, tàu tụ lại một đám qua cái ào, đông quá tụi nó bắn không kịp, trúng thằng nào thằng đó chịu, còn chuyện có dừng lại vớt dừng lại cứu hay không thì tuỳ lòng nhân đạo và tùy hoàn cảnh. Tôi thấy thích vì ông này nói chuyện ngay thẳng hơn là các cấp chỉ huy trong quân đội. Tôi hỏi có M60 (đại liên cá nhân) có M72 (hỏa tiễn), đâu tốn kém bao nhiêu, cái tàu và hàng chuyên chở mới là tiền. Ông ngần ngừ, trước giờ hình như đánh thuê hộ tống các đoàn tàu chưa ai đặt vấn đề này, chỉ nhận tiền rồi đi nhậu bí tỉ.
***
Ông cậu, trước giờ trong họ nổi tiếng là sát gái và sát cộng, công tác với tình báo Mỹ trong chương trình Phượng hoàng , gọi tôi ra một chỗ và trao thêm cho một trọng trách khác. Ông đưa tôi khẩu súng ngắn, bảo "*Khi mình đã lên tàu rồi, thì chỉ có đi, không đi là bắn*". Lần này là tàu biển, đang đỗ dầu ở cảng Sài Gòn. Tôi cũng "*ok*" (sau mấy ngày liền phải nghe đài Mỹ 16/24) tuy không biết là phải bắn ai, một nhóm khác cùng tổ chức nhưng đổi ý vào giờ chót hay là bắn thủy thủ đoàn nổi loạn, bắn thuyền trưởng đòi thêm tiền hay là bắn lái tàu không chịu quay tàu ra biển. Tôi không rõ thế nào, nhưng nghe thì cũng đã thích, oai hơn là ngờ nghệch giả dạng khách hàng không. Khẩu súng này lại bảnh, của Tây đức, là loại tôi chưa từng thấy, hàng hiếm CIA 9mm chứ không phải hàng thông dụng của cảnh sát Smith &Wesson 38, quân đội Colt 45. Tôi mang về phòng tháo gỡ ra và lau chùi, cây súng lạ như đã nói nên đỏ cả mặt mãi tôi mới ráp lại được, may mà không có ai chứng kiến. Giờ thì tôi đã có đài, lại có súng.
Ông cậu đi ngã DAO bằng máy bay và chẳng phải ra lệnh ra hiệu cho tôi bắn ai hết. Bố con tôi

sang nhà một người bạn ông ở Đa kao. Bố tôi thì thận trọng, nhà của ông bạn này chính là điểm hẹn của chương trình di tản và có đường dây điện thoại riêng đến thẳng sứ quán, ở ngay đó thì khỏi phải đi đâu và không sợ bị mất liên lạc với… Hoa Kỳ. Tôi được thoải mái hơn đôi chút, và nhà ông này có sẵn cô con gái, nếu không muốn nghe *Hạ trắng* thì chỉ việc cười duyên mà yêu cầu bản *Diễm xưa*. Cả miền Nam còn lại lúc đó đợi mùa mưa, năm nay mãi mà chưa thấy đến, chẳng phải để dài tay hay là xanh xao mắt ai hết mà vì Xuân Lộc oai hùng mấy cũng đã phải bỏ và chỉ còn mùa mưa mới chặn được đường tăng.
Ông Thiệu đã từ chức, lên TV than thân và trách... Mỹ, nhưng ông vẫn chưa đi. Người bạn trong Đại đội Cận vệ Phủ Tổng thống kể *"Sáng nay tonton còn ra sân đánh tennis."* Anh liếc trước liếc sau rồi vỗ vỗ vào cái túi thể thao lúc nào cũng mang theo chứa cây XM 16 bá xếp và nòng ngắn *"Ổng mà chạy là tụi moa cũng mần,* anh hạ giọng, *ổng… luôn."* Tôi cũng biết chẳng ai ưa anh Tám thẹo nhưng để đến đám cận vệ của ông còn bất mãn như vậy thì hẳn là ông chỉ được lòng có mỗi…Hoa Kỳ.
Giới nghiêm được ban hành vào 8 giờ tối. Sài Gòn khoá cửa lại, lính tan hàng không còn vào được. Tôi ăn cơm xong thì súng nổ đì đoẹt cạnh ngay nhà. Tôi leo lên sân thượng xem, có người cháu của gia chủ vội vã vác cây Garand [7] lên nạp đạn. Anh này sinh viên Võ bị, mấy hôm trước về cùng với quân trường từ Đà lạt, còn mang theo cả khẩu súng. Giờ anh ở phía bên trong "tuyến", còn ngoài kia đang bắn vào Quân cảnh, Cảnh sát đang gác chốt là những người đi lạc, không còn đơn vị và chạy hụt hơi về đến cổng nhưng lại bị ngăn. Tôi đứng ở tầng 4, xem màn ciné dưới đường này thích thú, bắn qua bắn lại chẳng biết phải trái phía bên nào. Nếu tôi đang ở bên ngoài kia, thì tôi cũng muốn vào Đa Kao mà… ăn bánh cuốn, ai chắn thì tôi chắc cũng bắn thôi, nhất là lính có bao giờ ai thương Quân cảnh.

Tôi chịu khó dậy sớm, đang ăn sáng ở quán trước nhà và mơ màng thì Khang xuống tới.
"Ông già mới gọi điện thoại về. Mình đi"
Tôi nhìn cái đài vẫn còn chịu khó mang theo và đặt ở trên bàn. Chẳng lẽ tôi lỡ mất dịp chính tai tôi được nghe bài hát và câu mật hiệu.
"Không phải đi với Mỹ mà mình đi đường khác. Bố nói bố về đến là đi."
Tôi quyết định thật nhanh.
"Mày chở tao lên Thuý"
Thuý ở ngay trung tâm, bên hông Quốc hội. Văn phòng của bố tôi ở xa hơn một chút, đường Nguyễn Công Trứ. Bố tôi đi xe con, tôi đi xe máy, bây giờ ông có rời bàn giấy, tôi chạy đi chạy về vẫn còn kịp, sáng hôm nay thứ bảy, Thuý phải có nhà.
Tôi đứng ở dưới đợi.
"Nhà em có vải đỏ không?" tôi hỏi.
"Để làm cái gì?"
Thuý đứng trong sân, thành phố vẫn như mọi ngày thứ bảy, mọi người qua lại, Khang ngồi trên xe cách đó mươi thước nhưng không tắt máy.
"Để may cờ mới!"
Câu này tôi trả thù cái ngớ ngẩn của nàng lúc mới quen nhau "*Thế anh đi lính có bao giờ thấy Việt cộng không?*" Em ở lại mà nhìn tận mắt, còn anh đi. Thuý không hỏi đi đâu, mà tôi làm sao biết? Tôi cũng không nắm tay, xin quà kỷ niệm, trước đây thể-theo- lời-yêu-cầu Thuý đã có tặng tôi một cái quần lót bé xíu của nàng bằng polyester màu xanh.

***
Sứ quán Đại Hàn đã có vài ba trăm người đợi sẵn, dân sự và đàn bà con nít cả Hàn lẫn Việt. Ba anh mặc đồ bay đen nổi bật Thần-phong-hiên-ngang-chẳng-biết-sợ-gì nấn ná tiễn một gia đình có 4 cô con gái lớn. Bố tôi dẫn anh em tôi vào bàn giấy ông Đại sứ, ông khép cửa lại, chính tay ông lấy ảnh dán vào giấy thông hành của sứ quán, tự tay đóng mộc và ký tên. Tôi thấy ông liều nhỉ, làm giấy không phải giả nhưng mà bất hợp pháp tuy ông chỉ mới biết bố tôi qua loa, sau mới có vài tháng nhậm chức. Ông gia ân này vì sự gửi gấm của ông Đại sứ tiền nhiệm, một vị mà ngay cả cô con gái vào trạc tuổi lúc mười mấy tôi đã có giao du khá thân tình. Hạm đội Đại Hàn đang có mặt ở Tân Cảng, mang muối gạo viện trợ gì sang và di tản Hàn kiều về nước, anh em tôi cầm giấy trên tay là giả thuộc dạng này. Nhưng trước tiên, họ phải chở nhờ dân từ miền Trung tị nạn đến Phú Quốc định cư và bố tôi chỉ mới quyết định "*Chưa rõ ra sao, cứ lên tàu trước đã, đến Phú Quốc hãy hay."* Tôi thì chưa kịp mua cái Nikon F2, tiền còn nguyên trong túi đeo vai với một cây thuốc lá vơ vội và mấy vỉ Nautamine chống say sóng tôi đã phòng hờ từ hôm dự tính cướp tàu dầu.
***
Đoàn năm bảy cái xe buýt Mỹ được toà Đại sứ Đại Hàn mượn đang ở trên xa lộ thì có một chiếc Corolla bảng tư nhân hớt hải đuổi đến. Chiếc xe chở tôi ngừng lại, cái Corolla đổ ngay xuống mép ruộng bên đường. Một cặp vợ chồng trẻ đẹp như diễn viên người mẫu lôi 2 cái Samsonite to tướng nhào lên. Cặp anh hùng thuyền quyên Việt này tí nữa thì lỡ chuyến, bỏ lại ngon lành cái xe con 4, 5 triệu, hai cửa còn mở toang và chổng đít ở bên lề. Anh râu quai nón to lớn còn đang hổn hển, cô vợ chân dài mặt vẫn nhợt còn hơn là đánh phấn thì xe lại ngừng. Đây là cổng vào cảng, cửa xe buýt mở, một anh quân cảnh trang phục tề chỉnh leo vào. Bằng ấy người trên xe đứng ngồi, anh nhìn ngay vào tôi mà hỏi giấy.
Tôi đần người ra không có phản ứng. Tưởng là xe sứ quán bảng quân đội Mỹ đã an toàn, nếu không thì cặp kia đã không vất đi cái xe con đời mới để đổi lấy hai chỗ đứng. Con gái ông Đại sứ tiền nhiệm chưa hề dậy tôi một câu Hàn ngữ và tôi còn đang ú ớ chưa ra một chữ tiếng Anh thì ông nhân viên sứ quán đi kèm đã nhanh trí… ngoại giao. Ông lôi từ đâu ra một nắm tiền, giấy 500 Trần Hưng Đạo dúi vào tay anh Quân cảnh. Anh này một tay còn cầm súng, một tay không đủ để cầm tiền, cả tập rơi ra sàn vương vãi, anh lom khom nhặt nhét vào túi trên, túi dưới, túi quần ngang. Cả đời anh có lẽ chưa bao giờ thấy nhiều tiền như vậy, ngệch cả mặt mày. Ông Đại Hàn ác ôn được thể bồi thêm một nắm nữa làm anh Quân cảnh thiếu điều hốt hoảng vì không còn chỗ chứa. Anh lùi ra ngay khỏi cửa nhưng nghĩ sao không chịu xuống hẳn mà còn đu vào thành, tay kia phất súng ra hiệu với các bạn gác ở bên dưới.
Đoàn xe vào cảng có tiền mở đường máu qua khỏi trạm 2, trạm 3, đỗ trước bến anh Quân cảnh còn đứng đó nhìn trước nhìn sau bảo vệ cho mọi người xuống. Ở cầu tàu, cặp sẵn chiếc Dương vận hạm, cả một trung đội Thuỷ quân Lục chiến Triều Tiên chắn hàng ngang. Mấy anh này dang chân đứng tấn, súng gác trên hông, mắt nhìn thẳng, dây quai nón sắt ở dưới cằm như là duyệt binh lên truyền hình vào ngày Quốc khánh. Suốt mấy tháng trời không có giấy tờ hợp pháp, tôi đã được qua bao nhiêu là trạm kiểm soát ngày đêm, phải đợi đến lúc ngồi trên xe buýt của sứ quán Đại Hàn mới phải nhìn thẳng vào mặt một chàng Quét chợ [10] .
***
Miền Nam, với 18 triệu dân số, có 1000 bác sĩ. Trên tàu tôi, không kể thành phần chính đáng Hàn kiều và gia quyến hồi hương, số quá giang lánh nạn sớm hơn người vào khoảng 200.

Chẳng hiểu vì lý do nào, trong số này có đến 11 hay 13 bác sĩ, tức là một tỉ lệ cao hơn cả nước từ 500 đến 1000. Bác sĩ đi nhiều như thế, người ở lại chỉ cần cảm cúm cũng chết, chẳng cần đợi Việt cộng đánh đến. Một ông từng làm chỉ huy trưởng Tổng y viện Cộng hoà [11] , một ông đương kim Giám đốc Trung tâm Bài trừ Hoa liễu chắc phải còn bỏ lại con bệnh đang rên la vì phong tình-lậu mủ-giang mai, mào gà-sang độc-hột soài-hạ cam . Có vài luật sư, bên xã hội có bà Chủ tịch Hội Hồng thập tự, phía tôn giáo có một Đại đức cánh của thày Tâm Châu, ôm theo một bà vãi đội tóc giả. Ít ra là có một linh mục công giáo Bắc kỳ hung hãn, ông này có lúc tiến đến tôi túm áo hỏi "*Em có phải Nhảy dù? Tôi trước đây là sĩ quan tuyên uý trong binh chủng!*" Tôi nghĩ, thôi đi "cha", giờ này còn nhận họ, nếu tôi Nhảy dù chẳng lẽ ông với tôi về chiếm lại… Bùi Chu. Vào lúc 5 giờ, khi đi ngang bến Sài Gòn, tôi thấy trên bờ vẫn có tình nhân đi dạo, xe qua lại bình thường, nhiều người đứng hóng mát nhìn con tàu đi ngang vẫy tay chào. Sài Gòn thứ bảy vẫn ngàn hoa trên đường, một người lính trẻ rời xa quê hương. Người lính chiến ấy là tôi! Lần đi khi nắng lưng đôi, chiều 26.04, chúng tôi là những người ra đi đầu tiên.

Cảnh yên hàn này còn kéo dài được một hai tiếng đồng hồ nữa. Hạm đội Hàn quốc gồm chiếc LST 810 chở tị nạn miền Trung đi trước, tàu tôi LST 815 cũng là soái hạm đi nhì. Chiếc thứ ba, tàu yểm trợ kỹ thuật, còn đang ở Tân cảng thì bị pháo. Đạn trúng tàu sơ sài, không chết anh Đại Hàn nào, tôi chỉ lo là chết anh Quân cảnh Việt trước khi anh kịp sài nắm tiền vừa mới có thì định mệnh quá là tàn nhẫn. Dấu hiệu pháo địch đã về đến vòng đai, đã cách mấy giờ tàu, tôi không được chứng kiến, chỉ thấy trên tàu tôi nhốn nháo, đại đội Thuỷ quân Lục chiến từ trong khoang chui lên vào vị trí tác chiến, thuỷ thủ đoàn lăm lăm quay Bofor và 12 ly7 hướng bờ. Đêm như mực thì thầm nhưng hành lang ra Vũng Tàu vô sự, đến 2 ngày hôm sau khi Nguyễn Thành Trung dắt A37 vào ném bom Tân Sơn Nhất thì chúng tôi đã bập bềnh ngoài khơi ngang Côn sơn. Biển lặng lờ nên mọi người ngủ ngay ở trên boong đón gió, ngay bên cạnh "nhà" tôi là 1 gia đình có bốn cô con gái tuổi từ 17 đến 25, mỗi vẻ một người. Tôi không nghe đài theo dõi biến chuyển chính trị và quân sự, chỉ lo theo dõi sát 4 cô này. Họ giữ thói ở trên bờ, tối đi ngủ đồng loạt thay đồ bộ, đến sáng lại chuyển qua quần áo đi dạo phố. Ba cô đứng ba góc cầm một cái trải giường mỏng khúc khích cho một cô đứng giữa từ từ mà thay đổi xiêm y. Gió thì có khi phần phật và đằng nào thì cũng nắng để ngồi ngược mà ngắm, cảnh nghệ thuật này tôi không lần nào bỏ qua. Cũng vui nhưng kém phần hấp dẫn, là ngay đêm đầu tiên căng thẳng trên sông, ông Đại đức với bà ni cô vẫn trùm mền thực thi bài tập của bí quyết phòng the bất kể các thí chủ nằm bên. Cặp này đã lớn nhưng nhìn nhau mặn nồng như trai gái dậy thì, bà vãi thì mỗi lần di chuyển hai tay phải ôm đầu chỉ sợ mái tóc giả bị gió cuốn. Có lẽ trên đất liền họ chưa từng có cơ hội gần gũi, lên đến tàu họ là 2 người nếu không được Cách mạng, thì cũng đã được hoàn cảnh giải phóng.
***
Ở Sài Gòn, ông Hương xuống, ông Minh nhậm chức, trên tàu cặp uyên ương tăng ni đêm bảy ngày… nhịn. Tôi lo tán gái và có thoáng chút lo cho đơn vị cũ, chẳng biết còn ở Đồng dù hay co cụm về Sài Gòn giữ tuyến cận thủ đô. Cuộc chiến tàn Sư đoàn tôi bị Sư đoàn 18 qua mặt, Xuân Lộc tướng Đảo chơi đẹp làm tôi cũng hết ý, tuy đã đào ngũ nhưng vẫn phải có phần ganh tị. Chuyện màu cờ tôi không quan tâm lắm nhưng sắc áo thì cũng có một tí, thằng 25 cũng ra gì nhất là Đường sơn Đại huynh Lý tòng Bá, anh em đều nể, đến độ ông bay thị sát ở Trảng bàng không biết trực thăng có trúng mấy viên đạn mà tự động trong quân thêu dệt thêm

huyền thoại là ông bị thương chân. Dĩ nhiên là ông cũng phải thế nào mới có cái tiếng đó chứ tướng lãnh nhiều ông thì lính chỉ có đồn đại là đã bỏ chạy.
Tối ngày 29, vào lúc phần lớn những lời đồn này đã có căn cứ hẳn hòi thì tàu tôi đến Phú Quốc. Chiếc 810 đã đổ người tị nạn lên bờ trước mấy tiếng, riêng 815 thì Đại tá chỉ huy hạm đội cho mời mấy trăm người thuộc diện đặc biệt họp riêng vào một chỗ trước đài. Hai ba trăm người này chúng tôi, chẳng phải là tị nạn định cư ở đảo, cũng chẳng phải kiều dân liên hệ gì đến Nam hàn. Ông Đại tá nói, tuy cùng một hoàn cảnh chiến tranh và chia cắt nhưng đất nước của các bạn giờ thống nhất và hoà bình, là điều ngay cả chúng tôi đây vẫn còn đang mong ước. Đây là cơ hội chót để các bạn quyết định. Tương lai của các bạn ở Đại Hàn ra sao không thể biết, và mùa đông ở đó lạnh đến nỗi con sông ngang Hán thành đóng băng. Đại khái ý ông là gia đình nào sợ lạnh hơn sợ cộng sản thì ông sẽ cho ghe đưa vào bến, còn ai nhất định bỏ xứ thì Triều Tiên sẽ đón tiếp đàng hoàng. Sau diễn văn tình cảm rất là chân thật này, có tình đất nước và có tình đồng minh, chỉ có một gia đình nhận xuống. Họ đi một vòng không phải để nhận tuyên dương về lòng yêu nước từ những người ở lại mà để bán đô la. Bình thường, hối đoái là 300 đồng tiền Việt, hôm rời Sài Gòn mới lên đến 500 đồng. Trên bờ thì không biết ra sao nhưng họ đòi 1000 mà họ cũng chẳng có mấy tiền đô để đổi lại. Đến khi bố tôi kịp mở cặp ra thì họ đã hết sạch tiền Mỹ. Tôi thấy trong cặp ông có đâu đó gì một triệu trở lại, toàn là tiền Việt, bảo ông sao bố không nhanh, giữ cái này làm gì. Ông móc ví ra cười, có đúng 20 USD và 100 quan Pháp còn lại từ lần cuối xuất ngoại, tuyệt đối trên người không có 1 chỉ vàng. Tôi cũng cười vậy, biết sao, sắp đến giờ trình diễn thay đồ đi ngủ của 4 cô con gái.
*
Tôi ngủ say dậy trễ, nên cái giờ trọng đại của lịch sử tôi chỉ mở được có một mắt. Mọi người lao xao tụ tập quanh mấy cái đài mở to khọt khẹt. *"Ông Minh tuyên bố đầu hàng rồi!"* Người ta nhắc nhau, nhắc đi nhắc lại. Tưởng ông tuyên bố tử thủ Sài Gòn, tái chiếm…Quảng Trị, di tản xuống quân khu 4 lập phòng tuyến mới, dời chính phủ kháng chiến về Phú Quốc... thì mới lạ chứ đầu hàng thì ai cũng đã chờ đợi. Không có ai ôm mặt khóc, không có ai nhảy xuống biển tự sát. Mấy nhà quân sự nghiệp dư ở trên tàu tính kế hộ tướng Nam, đánh Kampuchia hướng Tây và giữ phà Mỹ thuận ở miệt Bắc [13] . Tôi chấp hành nghiêm chỉnh quân lệnh cuối cùng của Tổng Tư lịnh Quân lực là giữ nguyên vị trí... đang nằm. Cho tới khi lần này thì nhốn nháo, tiếng chân thình thịch, thuỷ thủ đoàn nai nịt áo phao, gỡ vỏ khỏi đại liên, đại bác, hạ nòng.
Đại tá chỉ huy hạm đội xuất hiện, áo giáp súng ngắn đường đường. Ông cho biết những người một giờ trước còn là quân đội đồng minh của ông, các đơn vị VNCH Phú Quốc, và giờ là tàn quân ô hợp, đang đòi lên tàu này. Tôi nhìn ra mé tàu, bên dưới vài cái tiểu đỉnh chập chờn trên sóng, phần lớn là lính tráng đang ngóng cổ nhìn lên tràn trề hy vọng. Tôi cứ tưởng thả thang cho họ rồi lên tàu tước vũ khí, đại đội Thuỷ quân Lục chiến trên tàu thừa sức giữ an ninh cho việc nhân đạo này. Nhưng ông Đại tá tuyên bố, quý vị an tâm, giờ nào tôi còn sống, không có quân quan lính lạ nào leo được lên. Có lẽ kinh nghiệm di tản người tị nạn từ miền Trung vào khiến ông quyết liệt như vậy mặc dù hoàn cảnh lần này có khác. Tàu đã hết chỗ chứa, họ chỉ việc chịu khó chạy ra vài mươi hải lý nữa, đã có hạm đội Mỹ, đến 4 chiếc Hàng không mẫu hạm và cả trăm tàu đủ loại đợi sẵn, hộ tống họ về đến Subic Bay [14] . Biển Nam Hải đang nườm nượp như là Ngã tư Bảy hiền vào giấc sáng, việc gì mà sợ lạc.

***
Ở trên bờ, phi trường Dương đông tấp nập không kém, trực thăng là đà bốc thẳng, phi cơ quân sự hết chiếc này đến chiếc khác ra đường băng. Tôi thấy rõ nhiều xe máy nhỏ, chở cả gia đình đuổi ra đến tận nơi, vất xe cái bẹt để bồng bế nhau lên tàu. Từ vị trí đã an toàn trên biển tôi điềm nhiên mà theo dõi, nhưng nếu tôi đang ở trên bờ và không có phương tiện ra đi thì tôi cũng vẫn hai tay thọc túi mà nhìn. Ở lại thì ở, chết thì chết tại chỗ cho đỡ… tốn sức chứ tôi không chen lấn. Tôi chẳng có nghĩ ngợi, tôi nhìn, nom những hàng cây xanh lơi lả mát bên trong mà bỗng dưng thèm một cốc dừa. Nhung, quần áo đã diện như là đi mua sắm, đứng cạnh tôi hướng về sân bay đờ đẫn. *"Giờ này anh ở đâu?"* Tôi buột miệng *"Chàng lái trực thăng hay là phản lực?"- "Phi đoàn vận tải Tân Sơn Nhất"- "Vậy thì lo gì,"* súyt thì tôi ôm luôn Nhung vào lòng *"phi công đi là cái chắc, mà phi công vận tải thì đi còn mang theo được cả bàn ghế, giường tủ."*

Tàu lầm lì từ từ quay ra hướng biển, mấy cái tiểu đỉnh vây quanh dãn ra nhường kiểu ngập ngừng vẫn còn tiếc nuối, theo như ông Đại tá nói, hạm đội 2300 hải lý nữa sẽ đến cảng Busan, Nam Triều Tiên. Vài ngày nữa, nếu Nhung hết quần lót sạch, tôi sẽ đề nghị cho mượn cái kỉ vật của Thuý mà tôi mang theo dằn trong túi.

Đỗ Kh.: Quê Nam Định, sinh tại Hải Phòng năm 1955, lớn lên ở Sài Gòn những con đường ngợp nắng (và khó thở), du học tại Pháp 1969-1974, Cao đẳng Sư phạm. 1975, Biệt kích, Liên đoàn 81 Biệt cách Nhảy dù hay Biệt kích Lôi hổ, đào binh sau Tết. Hiện sống ở Paria.

Trận Đánh Cuối Cùng, Sài Gòn Thất Thủ

Trong phim *Vietnam History by Television*, khi trả lời phỏng vấn, Văn Tiến Dũng nói Bắc Việt dự trù hai năm để giải phóng toàn bộ miền Nam. Sự sai lầm chiến lược của ta đã dọn cỗ sẵn cho Việt Cộng xơi, lãnh đạo của ta đã tạo thời cơ cho địch, rút ngắn thời hạn tổng công kích của chúng để biến thành kế hoạch chớp nhoáng. Cuộc lui binh trên tỉnh lộ 7 và tại Thừa Thiên - Đà Nẵng khiến cho cả hai quân đoàn của ta tan rã trong vòng ba tuần lễ. Trong chiến dịch tháng 3 - 1975, Bắc Việt tung vào hai quân khu 1 và 2 của ta 14 sư đoàn bộ binh, nay thấy thời cơ đã tới chúng đưa nốt 3 sư đoàn tổng trừ bị ở ngoài Bắc vào cộng với hơn một chục trung đoàn độc lập đã đưa lực lượng tham gia chiến dịch này lên tới gần 20 sư đoàn bộ binh chưa kể sự yểm trợ hùng hậu của hơn hai chục trung đoàn xe

tăng, pháo binh , phòng không, công binh…

Văn Tiến Dũng nói. 'Cuộc tổng tiến công chiến lược của ta đã bắt đầu với chiến dịch Tây Nguyên. Thời cơ chiến lược mới đã đến, ta có điều kiện hoàn thành sớm quyết tâm giải phóng miền Nam, tập trung nhanh nhất lực lượng, binh khí kỹ thuật và vật chất giải phóng Sài Gòn trước mùa mưa - Thời cơ giải phóng Sài Gòn càng ngày chín mùi ."

***

Trách nhiệm của sư đoàn 18 là Long Khánh, phụ trách an ninh phía Bắc căn cứ Long Bình và căn cứ Không quân Biên Hòa. CSBV huy động 4 sư đoàn thuộc Quân đoàn 4 tấn công Xuân Lộc nhằm mục tiêu kéo lực lượng Việt Nam Cộng Hòa ra ngoài để tiêu diệt, mở cửa vào Sài Gòn.

Sáng 9-4 Việt Cộng pháo Xuân Lộc 4000 quả, cho hai tiểu đoàn đặc công đột nhập thị xã bị đẩy lui bỏ lại hằng trăm xác chết, dân bị trúng đạn nhiều người chết, địch pháo phi trường Biên Hoà.

Ngày 11-4 tiểu đoàn 2/52 VNCH băng rừng tăng cường Xuân Lộc đã phục kích tiêu diệt một đoàn xe 30 chiếc, gần 100 tên VC bỏ xác. Quân đội VNCH kháng cự mãnh liệt tại Xuân Lộc, biệt đội kỹ thuật của ta bắt được điện báo VC và biết vị trí đóng quân của chúng để gọi máy bay oanh kích khiến thiệt hại của địch cao. Xuân Lộc tuy không phải là mục tiêu cuối cùng nhưng vẫn là mục tiêu chính, VC đưa thêm quân vào chiến trường, sáng ngày 16-4 Tướng Toàn cho lệnh thả 2 trái bom CBU (Daisy Cutter) tại Bắc Giầu Giây tiêu diệt nhiều đơn vị bộ binh, thiết giáp, pháo binh địch. Bị Việt Cộng tố cáo trên dư luận quốc tế nên Mỹ không dám cung cấp ngòi nổ, sự thực họ chỉ thử nghiệm vũ khí cũng như ngăn chận đà tiến quá nhanh của VC để dễ di tản khỏi VN.

Ngày 20-4 Tướng Toàn bay trực thăng vào Xuân Lộc gặp Tướng Đảo bàn kế hoạch lui binh, sư đoàn 18 rút lui vào lúc đêm vừa đánh vừa rút, giữ trật tự bình tĩnh, tối 20 trung đoàn 48 về đến Long Giao đặt pháo binh yểm trợ tổng quát cho cuộc lui binh, sau đó truyền tin, công binh, pháo binh, quân y… rút theo.

Ngày 18-4 Thượng viện Mỹ bác bỏ đề nghị viện trợ khẩn cấp cho VNCH của Tổng thống Ford.

Từ ngày 8-4 -1975 Lê Đức Thọ, người thực sự cầm đầu Bắc Việt chủ toạ phiên họp tại Lộc Ninh với các cán bộ thuộc Trung ương Cục miền Nam và Bộ Tổng tham mưu CS. Thọ tuyên bố thành lập Bộ Tư lệnh chiến dịch giải phóng Sài Gòn Chợ Lớn, Tư lệnh Đại Tướng Văn Tiến Dũng, Chính ủy Phạm Hùng, Phó Tư Lệïnh Thượng Tướng Trần Văn Trà. Bộ Tư lệïnh bàn kế hoạch đánh chiếm Bộ TTM, dinh Độc Lập, Bộ Tư lệnh Biệt khu Thủ đô, Bộ Tư lệnh Cảnh Sát Quốc Gia, Phi trường Tân Sơn Nhất.

Ngày 21-4, Nguyễn Văn Thiệu từ chức Tổng thống tại dinh Độc lập để rồi mấy hôm sau ra khỏi nước.
Phó Tổng Thống Trần văn Hương lên thay, trong khi ấy các nhà ngoại giao quốc tế ra sức vận động hai bên để tránh cho Sài Gòn khỏi trở thành bãi chiến trường. Ngày 27-4 Quốc Hội nhóm họp để biểu quyết việc trao quyền cho Dương Văn Minh.
Trung tướng Nguyễn Văn Toàn Tư lệnh Quân đoàn 3 QLVNCH tổ chức phòng thủ Thủ đô trên 5 tuyến chính với khoảng cách tới trung tâm thành phố xa hơn tầm pháo của đại bác 130 ly VC đồng thời bảo vệ các căn cứ quan trọng tại Biên Hoà, Củ chi, Lai Khê, Long Bình. Phía tây bắc là tuyến Củ chi với sư đoàn 25 BB và hai liên đoàn 8, 9 Biệt động quân. Tuyến Bình Dương ở phía bắc với sư đoàn 5 BB. Tuyến Biên Hoà phía đông bắc với sư đoàn 18 BB và lực lượng Xung kích Quân đoàn 3. Tuyến Vũng tầu và Quốc lộ 15 do lữ đoàn 1 Dù cùng với một tiểu đoàn thuộc sư đoàn 3 BB và các đơn vị thiết giáp, Địa phương quân, nghĩa quân của tiểu khu Phước Tuy phụ trách. Tuyến Long An phía nam ngoài lực lượng địa phương quân, nghĩa quân cơ hữu còn có sư đoàn sư đoàn 22 BB phụ trách cộng với sự tăng cường của trung đoàn 12 thuộc sư đoàn 7 BB và trung đoàn 14 thuộc sư đoàn 9 BB và Liên đoàn 6 BĐQ.
Năm tuyến phòng thủ chính của ta cũng trùng với 5 hướng tấn công của năm quân đoàn địch: Hướng tây nam là đoàn 232, Tư lệnh trung tướng Lê đức Anh với các sư đoàn 3, 5, 8, 9 BB và 27 đặc công và 4 trung đoàn độc lập 16, 24, 88, 71 và trung đoàn phòng không tiến từ sông Vàm Cỏ Đông và Hậu Nghĩa. Quân đoàn 3, Tư lệnh thiếu Tướng Vũ Lăng gồm các sư đoàn 10, 316, 320 và 968 tiến về phía Tây Ninh. Phía bắc là quân đoàn 1, Tư lệnh là Thiếu Tướng Nguyễn Hoà gồm các sư đoàn 312, 320B và 308 từ Lộc Ninh và Phước Long tiến về khu tập trung ở phía nam sông Bé. Quân đoàn 4, Tư lệnh Thiếu tướng Hoàng Cầm gồm các sư đoàn 6, 7 và 341 sau khi chiếm Xuân Lộc đang tiến về Trảng Bom. Mũi sau cùng là quân đoàn 2 , Tư lệnh thiếu tướng Nguyễn Hữu An gồm các sư đoàn 3 Sao vàng, 304, 324B, và 325 tiến đánh Long Thành, Vũng Tầu, Phước Lễ.
Kế hoạch BV như sau: Hướng tây bắc quân đoàn 3 và địa phương quân Tây ninh, Củ chi, các lực lượng đặc công biệt động, tăng pháo tiến đánh căn cứ Đồng Dù, tiêu diệt sư đoàn 25 từ Củ chi đến Trảng bàng rồi tiến đánh Tân sơn nhất, phối hợp với quân đoàn 1 đánh Bộ Tổng tham mưu sau đó tiến về Dinh Độc Lập. Hướng bắc quân đoàn 1 cùng các lực lượng đặc công, pháo binh, hoả tiễn.. bao vây căn cứ Bình Dương, Bến Cát rồi đánh BTTM, BTL các binh chủng Gò gấp rồi tiến về dinh Độc Lập. Hướng đông quân đoàn 4 tiến đánh Biên Hoà, phi trường BH rồi tiến vào quận 1 SG. Hướng Đông nam quân đoàn 2 đánh Bà Rịa, Vũng Tầu.. để chặn đường rút lui của VNCH, chiếm căn cứ Nước Trong, Long Thành, pháo kích phi trường TSN, chiếm Long Bình. Hướng tây, tây nam đoàn 232 chiếm Hậu nghĩa, rồi tiến đánh Biệt Khu Thủ Đô.
Quân đội VNCH như chúng ta đã biết từ cuối tháng 3-1975 đã mất gần một nửa lực lượng chủ lực. Tại Quân khu 3 ta chỉ còn 3 sư đoàn 25, 5, 18 và các đơn vị di tản từ miền Trung về với quân số thiếu hụt, tổng cộng gần 6 sư đoàn để đối đầu với khoảng 20 sư đoàn BV

Bắt đầu từ ***26-4-1975*** VC đã bắt đầu tấn công vào Trường Thiết Giáp Long Thành, căn cứ Nước Trong , đặc công tấn công Tân cảng , cầu xa lộ, đài ra đa Phú Lâm nhưng thất bại bị đẩy lui.

Sáng ngày 27-4 sư đoàn 3 BV tấn công chiếm Phước Lễ , Lữ đoàn Dù rút về Vũng Tầu, sư đoàn

18 được lệnh lui về giữ Trảng Bom. Phía tây các căn cứ dọc theo Vàm Cỏ Đông lần lượt bị VC chiếm, chúng pháo phi trường Biên Hòa dữ dội, sư đoàn 3 Không quân phải di về Tân sơn nhất và Cần thơ. Phía tây nam đoàn 232 cắt quốc lộ 4 nhiều nơi để chận viện binh từ quân khu 4, phía bắc quân đoàn 1 BV tiến về Thủ Đầu Một, phía tây bắc quân đoàn 3 BV cắt quốc lộ 1 và 21 để chặn đường rút của sư đoàn 25 BB.
Chiều ngày 28-4 Tướng Dương Văn Minh tuyên thệ nhậm chức Tổng thống tại dinh Độc Lập. Từ 4 giờ sáng ngày 29-4 BTTM, phi trường Tân Sơn nhất, BTL Hải quân bị pháo kích dữ dội. Cộng quân chiếm được Nhơn Trạch đặt hai khẩu 130 ly pháo 300 quả vào Tân Sơn Nhất gây nhiều thiệt hại nặng, các bãi đậu phi cơ, bồn chứa nhiên liệu, kho đạn bị trúng pháo kích gây nhiều đám cháy lớn. Sư đoàn 325 BV chiếm Nhơn Trạch, thành Tuy Hạ, tiến về Cát Lái. Sư đoàn 304 chiếm căn cứ Nước Trong.

Trong khi ấy Dương văn Minh cử ba người sứ giả đến trại Đê Vít tại Tân Sơn Nhất để thương thuyết ngưng bắn với phái đoàn Quân sự VC nhưng bị Đại tá Võ Đông Giang bác bỏ.

Tại Biên Hòa sư đoàn 18 cùng với lực lượng xung kích Quân đoàn 3, Lữ đoàn 4 Dù và 469 TQLC … vẫn giữ được phòng tuyến. Buổi chiều Bộ Tư lệnh Hải quân và Không quân di tản. Một liên đoàn BĐQ tại Bến Tranh Bắc Mỹ Tho được lệnh trực thăng vận về Cần Đước ngăn chận Việt Cộng trên liên tỉnh lộ 5A nhưng không có trực thăng, do đó Chợ Lớn được coi như bỏ ngỏ. Đến tối Cộng quân đụng độ với các chiến đoàn 315, 322 tại hai hướng đông bắc thành phố. Trung tướng Vĩnh Lộc, tân Tổng tham mưu trưởng lệnh cho sư đoàn 18 BB về giữ khu vực nằm giữa Thủ Đức và nghĩa trang Quân đội. Phía bắc, căn cứ Lai Khê của sư đoàn 5 bị địch pháo kích dữ dội, quận Bến Cát bị tấn công. Phía tây 2 liên đoàn 8, 9 BĐQ bị thiệt hại nặng , VC bỏ xác cả trăm tên cùng 18 xe tăng bị bắn cháy, quốc lộ 1 giữa Sài Gòn và Củ Chi bị gián đoạn. Sư đoàn 22 BB vẫn làm chủ được tình hình phía nam, mặc dù bị VC tấn công.

Chiều 29-4 toà Đại sứ Mỹ bắt đầu di tản bằng trực thăng, sau 19 giờ bay liên tục 80 trực thăng đã chở đi được hơn 1,000 người Mỹ và khoảng 6,000 người Việt Nam ra ngoài hạm đội.
***
Ngày 30-4 một trung đoàn BV giao tranh ác liệt với quân Dù tại Ngã Tư Bẩy Hiền và Lăng Cha Cả, VC bị thiệt hại nặng tới 50% quân số. Địch tấn công trại Hoàng Hoa Thám, BTL không quân, căn cứ sư đoàn 25 BB VNCH thất thủ, Chuẩn Tướng Lý Tòng Bá bị bắt.

Cộng quân xâm nhập Ngã Tư Bẩy Hiền, trong vòng 15 phút có 6 chiến xa bị liên đoàn 81 Biệt Cách Dù bắn hạ, địch bị chận đánh tơi bời phải rút khỏi ngã tư Bẩy Hiền.

Theo Tướng Hoàng Lạc, ông Dương Văn Minh lại cử người tới Tân Sơn Nhất để thương thuyết với VC xem có vớt vát được tí nào không nhưng họ vẫn một mực đòi phải buông súng đầu hàng nếu không chúng sẽ bắn phá dữ dội thành phố. Sài Gòn bây giờ đang nằm trong tầm pháo của quân thù. Tướng Dương Văn Minh phần vì thấy phòng tuyến của ta đã sụp đổ dưới các trận tấn công, pháo kích của địch, chúng đã vào sát thành phố không hy vọng cứu vãn được tình thế. Lúc 10 giờ 30, trên đài phát thanh, ông tân Tổng thống kêu gọi các cấp chỉ huy, binh sĩ QĐVNCH

ngưng bắn giao nạp vũ khí cho các đơn vị Cộng Hoà Miền Nam Việt Nam để tránh đổ máu vô ích.

Khi ấy tiếng súng trận khắp nơi đều đã im bặt.

Dương Văn Minh tuyên bố ngưng bắn thì Lê Đức Thọ ban lệnh cho các quân đoàn BV không chấp nhận đình chiến cứ tiến thẳng vào Sài Gòn tước vũ khí và bắt quân ngụy đầu hàng không điều kiện. Cộng quân tiến vào Thủ Đô đang bỏ ngỏ làm bốn ngả: Cánh thứ nhất từ Long Khánh theo xa lộ Biên Hoà, thứ hai từ Củ Chi qua Ngã Tư Bẩy Hiền, thứ ba từ Long An kéo lên qua ngả Phú Lâm Chợ Lớn, cánh cuối cùng từ Bình Dương theo xa lộ Đại Hàn vào Hàng Xanh.

Theo báo Sài Gòn Giải Phóng năm 1976 nhân ngày kỷ niệm chiến thắng 30-4, VC cho biết đoàn quân vào dinh Độc Lập trước nhất là cánh từ Long An, họ có chụp hình những chiếc xe lội nước PT-76 vào sân dinh và bộ đội thiết giáp VC trên xe nhẩy xuống. Theo tài liệu của ký giả ngoại quốc hoặc do lời kể của các viên chức chính phủ trong dinh Độc Lập thì cánh quân từ Biên Hoà cùng với các xe T-54 đã tiến chiếm dinh Độc Lập trước tiên. Báo VC năm 1976 cho biết người đi đầu là một viên đại uý, được các viên chức tiếp đón tại cửa vào, y hỏi thăm đường lên lầu rồi vội kéo cờ vàng của ta xuống để treo cờ Mặt trận lên để chứng tỏ giang sơn này, đất nước này đã hoàn toàn thuộc về CS. Trong số các sĩ quan BV vào tiếp thu dinh Độc Lập sau đó, người cấp bậc cao nhất là một Đại tá ký giả chiến trường (journaliste de guerre), các tài liệu Mỹ (Vietnam, A History; The World Almanac Of The Vietnam War) đều nói tên người này là Bùi Tín. Báo chí VC năm 76 đăng tấm hình ngày 30-4-1975 tại dinh Độc Lập, Dương Văn Minh nói với viên Đại Tá VC bước vào dinh.
"*Chúng tôi chờ các ông đến để bàn giao quyền hành*"
Viên Đại tá VC (không thấy nói tên) la lối trước ông Dương Văn Minh và Vũ Văn Mẫu nguyên văn.
"*Các ông còn cái gì nữa để mà bàn giao, các ông phải đầu hàng vô điều kiện*"
Rồi hống bắt Tướng Dương Văn Minh phải lên đài phát thanh tuyên bố đầu hàng.

Sau khi ông Dương Văn Minh tuyên bố đầu hàng thì các Tướng Phạm Văn Phú Tư lệnh Quân đoàn 2 và Tướng Lê Nguyên Vỹ, Tư lệnh sư đoàn 5 tự sát.

Quân khu 4 vẫn còn nguyên vẹn với hơn 200 ngàn địa phương quân và ba sư đoàn BB chủ lực. Thiếu tướng Nguyễn Khoa Nam không cho giật sập cầu Long An như Tỉnh trưởng đề nghị.
Theo lời kể của Trung úy Lê Ngọc Danh, sĩ quan tùy viên của Tướng Nam thì, trước khi tự sát ông đã thắp nhang lễ vái trước bàn thờ Phật.
Thiếu Tướng Lê Văn Hưng, Tư lệnh phó tự sát chiều tối 30-4, hôm sau 1-5 Tướng Nam cũng tự sát lúc 7 giờ rưỡi sáng, Chuẩn tướng Trần Văn Hai tư lệnh sư đoàn 7 cũng tự vẫn.

Giây Phút Hấp Hối Của Việt Nam Cộng Hòa

Vũ Ánh

Ba mươi năm trôi qua kể từ ngày xảy ra thảm kịch lớn lao nhất cho cả một dân tộc mà tưởng như mới ngày nào. Giây phút chạy trên con đường Brookhurst để về nhà, thấy cờ Việt Nam Cộng Hòa bay phấp phới bên cạnh cờ Mỹ, liếc nhìn vào kính chiếu hậu thoáng thấy mái tóc đã bạc trắng của mình, chợt nhớ tới những kỷ niệm của 30 năm trước. Buồn và đau, dù trong những năm tháng trôi qua trên đất Mỹ vẫn cứ cố phải tạm quên để nhìn về phía trước, và để mưu sinh. Cho đến nay, tôi vẫn không rõ là mình may mắn hay bất hạnh khi phải chứng kiến giây phút tắt hơi của chế độ tại Đài Phát Thanh Saigon, nơi mà tôi và một số nhân viên còn lại vẫn làm việc theo lệnh của Tổng Thống Dương Văn Minh và chính phủ của ông cho đến giờ phút chót.

Big Minh nhận chức và thành lập chính phủ trong hoàn cảnh của một đám cưới chạy tang. Chính phủ của ông chỉ tồn tại hơn một ngày rưỡi. Trí nhớ của tôi qua 30 năm nay đã mòn mỏi sau bao nhiêu tang thương, nên chỉ còn ghi nhận được một vài nhân vật trong nội các lúc ấy mà tôi có dịp tiếp xúc hay nói chuyện qua điện thoại: Tổng Thống Dương Văn Minh, Phó Tổng Thống Nguyễn Văn Huyền, Thủ Tướng Vũ Văn Mẫu, Bộ Trưởng Thông Tin Lý Quí Chung, Thứ Trưởng Thông Tin Dương Văn Ba, Bộ Trưởng Phủ Thủ Tướng Thái Lăng Nghiêm, Bộ Trưởng Tư Pháp Trần Thúc Linh, Tổng Giám Đốc CSQG, luật sư Triệu Quốc Mạnh và Tổng Tham Mưu Trưởng Quân Đội lần lượt thay đổi từ Tướng Lâm Văn Phát, Vĩnh Lộc và cuối cùng là Nguyễn Hữu Hạnh. Ba tổng tham mưu trưởng thay đổi nhau trong vòng một ngày rưỡi!

Từ mồng 1 tháng Tư, theo lệnh của vị Hệ Thống Trưởng cuối cùng của Hệ Thống Truyền Thanh Quốc Gia là Thiếu Tá Nguyễn Văn Thăng (Không Quân), tôi đã ăn ngủ ngay ở trong Đài Phát Thanh Saigon để ứng trực và điều động các biên tập viên làm công việc trong tình hình có biến động nhanh chóng như vậy. Tôi có trách nhiệm điều khiển một sở khá quan trọng trong ngành truyền thông lúc đó là sở Thời Sự gồm có bốn phòng: Phòng Phóng Viên, Phòng Bình Luận, Phòng Tin Tức (biên tập), phòng teletype, thư viện và Ban Thăm Dò-Trả Lời Thư Thính Giả. (trước 30/4/1975, chúng tôi mua tin thế giới của các hang thông tấn AP, UPI, Reuters và AFP. Họ ráp đặt cho chúng tôi những máy viễn ấn tự tức teletype và gởi tin cho chúng tôi 24/24. Ngoài ra chúng tôi còn có nguồn tin từ Phòng Kiểm Thính của Đài, tin mua của Việt Tấn Xã và tin của phóng viên trung ương và các thông tín viên ở các tỉnh gởi về. Sở Thời Sự còn được trao cho trách nhiệm vạch chính sách tin tức và kiểm thính những chương trình thời sự và văn nghệ của từ 8 đến 10 đài phát thanh vùng và địa phương). Có thể nói đây là cơ quan đầu não trong ngành truyền thông VNCH vì truyền đi những tin tức cùng các chương trình phóng sự, ký sự được truyền đi trong một thời gian nhanh nhất. Kể từ ngày 15-4-1975, nhân viên các Sở, Ban ngành khác trong Đài đi làm việc đã bắt đầu thưa thớt do một số đang tìm đường để có một chỗ ngồi trên các chuyến bay của cơ quan DAO. Vị Tổng Giám Đốc của tôi thỉnh thoảng mới ghé qua. Nhìn tới nhìn lui trong đài vẫn chỉ còn các biên tập viên, phóng viên, xướng ngôn viên, producers và những nhân viên điều khiển máy phát thanh. Họ bình thản một cách đáng ngạc nhiên, tuy đôi lúc họ cũng có bàn tán về chuyện mất còn của Miền Nam Việt Nam.

Big Minh nhận chức vụ vào trưa ngày 28-4 với Phó Tổng Thống là Thương Nghị Sĩ Nguyễn Văn Huyền, giáo sư Vũ Văn Mẫu, cựu Khoa Trưởng Luật Khoa giữ chức vụ Thủ Tướng. Khoảng 2 giờ trưa ngày 28-4, Lý Quí Chung (mới qua đời tại Việt Nam) điện thoại yêu cầu Hệ Thống Trưởng Hệ Thống Truyền Thanh sang họp tại văn phòng Tổng Cục Trưởng Truyền Thanh và Truyền Hình. Tôi điện thoại về nhà Thiếu Tá Thăng, không có ai bốc điện thoại. Buộc lòng tôi phải đại diện ông sang họp. Buổi họp kéo dài khoảng 15 phút. Chỉ thị duy nhất của ông Lý Quí Chung vắn tắt có bấy nhiêu lời:
"Tình hình nghiệm trọng, có nhiều phần trăm chúng ta phải đầu hàng, nhưng nhiệm vụ của truyền thanh và truyền hình là phải túc trực để nhận chỉ thị. Còn nước còn tát".
Sau đó ông Chung ra lệnh phải bỏ tất cả nhạc quân hành, những bản nhạc mà Viết Chung viết cho các đoàn cán bộ Xây Dựng Nông Thôn chúng tôi hay dùng làm nhạc nền, những bản nhạc của Cục Chính Huấn và thay vào đó bằng những nhạc phẩm nói về tình quê hương. Có thể nói tình thế tuyệt vọng được phản ảnh qua hiện tình của "Tiếng Nói nước Việt Nam Cộng Hòa, phát thanh từ thủ đô Saigon" vào lúc đó. Chúng tôi còn khá đủ biên tập viên, phóng viên, kiểm thính viên và kỹ thuật viên teletype cần thiết để làm việc, nhưng các bộ phận yểm trợ không còn. Tôi cũng còn lại một vài nhân viên kỹ thuật viên lưu động trên đài trung ương. Bộ phận quan trọng nhất về kỹ thuật và đài dự phòng tại Trung tâm phát tuyến Quán Tre ở Quang Trung. Nhưng các phóng viên tại hai mặt trận Long Khánh và Long An thì không còn phương tiện gởi bản tường trình nào nữa kể từ 5 giờ chiều ngày 28/4.

Trước đó, Tổng Thống Dương Văn Minh đích thân gọi điện thoại vào Đài Phát Thanh. Vẫn giọng hiền lành và dùng chữ "qua" làm ngôi thứ nhất, ông cho biết đã cử tướng LVP làm Tổng Tham Mưu Trưởng Quân Đội và yêu cầu tôi ghi một điện văn ngắn để loan báo trước khi văn thư chính thức đến đài được gởi tới Đài vào sáng hôm sau. Ghi xong, Big Minh hỏi tên và tuổi.
"Em còn trẻ, sao không tìm cách đi đi?".
Tôi trả lời vắn tắt:
"Thưa Tổng Thống chẳng còn đường, tôi lại quen biết ít".
Ông lại hỏi tiếp:
"Qua thấy tình hình không hy vọng gì. Cụ Huyền đang ở Tân Sơn Nhứt để thương lượng với họ (Cộng Sản), mặt trận Long Khánh tan rồi, họ đưa xe tăng và hỏa tiễn vào sát Saigon. Em liệu giữ được tiếng nói quốc gia trong bao lâu nữa". Tôi đáp:
"Chừng nào tôi còn được bảo vệ, chừng đó làn sóng phát thanh vẫn còn duy trì được tiếng nói quốc gia, thưa Tổng Thống".

Khoảng 5 giờ 30, lực lượng cảnh sát dã chiến bảo vệ cổng ra vào phía góc Nguyễn Bỉnh Khiêm và Phan Đình Phùng báo cho tôi biết có sự xuất hiện mấy xe phóng thanh. Họ dùng loa phóng thanh nói chõ vào Đài và tự xưng là lực lượng thứ ba yêu cầu chúng tôi "về với nhân dân" và để cho họ tiếp thu đài làm phương tiện dàn xếp một giải pháp với "cách mạng". Viên đại đội trưởng CSDC giữ an ninh cho Đài và bảo vệ chúng tôi lúc đó còn rất trẻ, cấp bậc đại úy, người Huế (Năm tháng dài dằng dặc đã làm tôi quên mất tên anh) rất cứng rắn. Anh đề nghị với tôi là cho vài đứa què để chúng tởn. Sau khi hội ý, chúng tôi đồng ý là dùng biện pháp mạnh. Viên sĩ quan cảnh sát trẻ hành động ngay: đầu tiên anh bắc loa cảnh cáo, sau đó là lựu đạn cay và những tràng đại liên 30 bắn rạp những ngọn cây trên đầu đám biểu tình. Họ chạy tán loạn, bỏ lại mấy

chiếc xe. Viên đại đội trưởng CSDC với loa phóng thanh cầm tay nhắc lại nhiều lần: lần tới mà làm như vậy sẽ có người chết. Được báo động đại đội nhảy dù án ngữ tại sân Hoa Lư chuẩn bị đối phó với tình hình tương tự. Nhưng rồi suốt đêm đó cho tới sáng 30/4, đám người biểu tình đó "tởn" thật. Tôi nghĩ họ cũng chẳng muốn chết ở giờ thứ 25.

Buổi chiều 28 là buổi chiều có khá nhiều biến chuyển. Khoảng 6 giờ 30 chiều, Thủ Tướng Vũ Văn Mẫu yêu cầu chúng tôi có mặt tại Đài Truyền Hình THVN9 ở ngã tư Hồng Thập Tự-Cường Để để thu hình và thu thanh lời yêu cầu của ông đòi chính phủ Hoa Kỳ rút hết lực lượng bảo vệ sứ quán Mỹ, các nhân viên và chuyên viên Hoa Kỳ ra khỏi Việt Nam trong vòng 24 giờ đồng hồ. Đó là lần cuối cùng tôi gặp Thủ Tướng Vũ Văn Mẫu. Từ phòng thu hình ra, ông Mẫu không nói năng gì thêm ngoại trừ trả lời một câu hỏi của tôi về hiện tình. Ông nói thẳng:
"Tình hình tuyệt vọng. Họ (những nhà lãnh đạo trước) đã làm nát bấy đất nước trước khi quá muộn để phía bên kia thương lượng với chúng ta. Việc yêu cầu Mỹ rút hết những người Mỹ cuối cùng ra khỏi Việt Nam chỉ để thành phố này không thành biển máu vô ích mà thôi".

Tôi không nhớ hết những điểm giải thích của Thủ Tướng Mẫu nhưng những điểm chính trong lời lẽ của ông thì không thể nào quên được. Vì Đài Truyền Hình và Đài Phát Thanh chỉ cách nhau sân vận động Hoa Lư nên chúng tôi lội bộ về Đài. Gặp Vũ Thành An vào tăng cường, tôi giao cuốn băng ghi âm cho anh yêu cầu hoàn chỉnh với nhạc hiệu và cho phát thanh cứ 15 phút một lần. Sau khi tắm rửa xong, tôi ghé qua phòng tin tức. Đủ tám biên tập viên và chủ bút cho ca chiều. Ông H.C đưa tôi một bản tin của AP nói đến việc di chuyển của hàng không mẫu hạm chở trực thăng Midway ra khỏi Vịnh Thái Lan hướng về Việt Nam, tình hình đẫm máu tại Cambodia sau khi Khmer Đỏ chiếm được Phnom Penh, cái chết của Sirik Matak, những vụ hành quyết và đuổi dân Phnom Pênh ra khỏi thành phố. Ông HC là một chủ bút rất giỏi và nhạy bén với tình hình. Lúc tôi còn học lớp huấn luyện phóng viên vô tuyến truyền thanh, ông chính là một người thầy tận tụy chỉ dẫn cho chúng tôi cách viết một bản tin, cách chuyển một bản tin từ tiếng Anh qua Việt ngữ, cách phỏng vấn và làm sao khi dự một cuộc họp báo xong chỉ 10 phút sau có một bản tin ngắn. Ông cũng đã từng dẫn chúng tôi tham dự cuộc họp báo của tướng Nguyễn Khánh và làm một mẫu để chúng tôi thấy: vừa nghe vừa khởi sự viết bản tin ngay trong phòng họp báo. Ông nói: "Muốn được như vậy cần có kiến thức thời sự và nắm bắt được điểm chính trong những lời tuyên bố tràng giang đại hải của người chủ trì họp báo".

Khi tôi vừa xem xong bản tin AP, ông HC nói: "Chắc mất rồi bạn ơi. Nhưng thôi kệ mẹ nó. Hút một điếu thuốc lào không. Tao có trà nóng ngon lắm. Hồi chiều trước khi đi làm, vợ mới mua cho một ít bánh bía nhân hạt sen mới sang chứ". Đối với ông, trà và bánh đậu xanh hay bánh bía của người Triều châu là loại sang vì ông rất nghèo, lúc nào tôi cũng thấy ông túng thiếu cả. Chắc quí vị không thể hiểu được là một số biên tập viên vào cỡ đàn anh chúng tôi tại Phòng Biên Tập Đài Phát Thanh không hút thuốc lá mà hút thuốc lào, bằng điếu bát và thuốc Cái Sắn. Những điếu thuốc lào đầu tiên trong đời tôi không phải bắt đầu từ trại cải tạo sau này mà bắt đầu từ việc gạ gẫm của ông HC khá lâu trước 30-4-1975. Xuống dưới CLB để ăn một tô mì gói và uống một ly cà phê, tôi gặp tài xế Đường. Ông nói ngay: "Tối nay không phải phiên trực của tôi, nhưng tôi vào đây ngộ nhỡ ban đêm ông cần dùng công xa". Tôi hỏi Đường: "Ông Thăng đâu, ông mang xe vào đây lỡ cần lấy gì cho ông ấy đi?". Đường cười: "Có lẽ sếp lớn không cần dùng xe đâu.

Hồi hôm ông ấy lái chiếc Fiat của riêng ông ấy và nói tôi mang xe vào đây cho ông. Tôi là người chạy xe bạt mạng nhưng được việc trong trường hợp khẩn cấp". Tôi nghĩ bụng khẩn cấp vào giờ phút này chỉ có chạy thôi chứ còn làm gì được nữa. Trong câu lạc bộ đầy lính nhảy dù và cảnh sát dã chiến. Họ bình thản hút thuốc và đấu láo, không hề chú ý gì tới chiếc giây thong lọng đang xiết dần vào cổ họ và chúng tôi. Trên tường từ chiếc radio, phát ra một giọng ca rất ngọt của Trần Văn Trạch: "Chiều mưa biên giới Anh đi về đâu - Sao còn đứng mãi nơi giang đầu"

Tôi không hiểu sao, lúc đó ca khúc này làm cho tôi chùng xuống và nghĩ bài hát hợp với hoàn cảnh của chúng tôi đến thế. Hai tài xế đồng thời là chủ nhân câu lạc bộ thấy tôi vội nói: "Không còn bàn, tôi bưng lên văn phòng cho ông. Bà xã mới nấu một nồi cháo gà. Sao giờ này ông còn ở đây?". Tôi nói với ông là tôi đứng ở quầy ăn cũng được. Ông Hai hỏi: "Liệu còn hay mất". Tự nhiên tôi sợ một lời xác định hay phủ định mà chính bản thân tôi cũng không biết rõ. Nhưng còn hay mất lúc này có là vấn đề gì nữa đâu. Chuyện quan trọng trước mặt là tất cả chúng tôi lính cũng như dân còn ở đây giữa khối người di chuyển, hốt hoảng tìm phương tiện ra đi như một đàn ong vỡ tổ. Chúng tôi cần được lãnh đạo. Tôi gần như bị tê dại giống như lần tôi tường thuật một vụ trực thăng vận tấn công vào mật khu Đồng Bò năm 1967. Năm đó, việc đổ quân vẫn còn phải dung loại trực thăng H-34. Trong đợt đổ quân đầu tiên, các phóng viên Việt Nam duy nhất chỉ có tôi và Bình (năm 1972 chết tại mặt trận An Lộc). Trước khi các trực thăng chở quân đến múc tiêu, các khẩu 12 ly 8 của địch đã bị các phi tuần AD-6 làm câm họng, nhưng địch vẫn còn bắn ra bằng súng cá nhân. Chiếc trực thăng vừa hạ thấp cao độ và là là trên ngọn cây thì anh chàng xạ thủ của khẩu Đại Liên 30 trên cửa phi cơ nằm vật xuống, máu tuôn xối xả, đồng thời thấy khói luồn vào than tầu. Tôi gần như không còn biết gì nữa, trong vài giây tôi như bị tê liệt hoàn toàn và ngay sau giây phút nhận thức rằng mình cầm chắc cái chết vì trực thăng bị trúng đạn, tôi bỗng tĩnh trở lại cùng với Bình giúp kéo người xạ thủ đại liên 30 vào trong thân tầu. Nhưng chỉ một phút sau, chiếc H-34 đáp được xuống an toàn, tuy bị shock, chúng tôi chỉ bị thương nhẹ và được những người lính xuống trước lôi ra khỏi thân tầu. Những sự tê dại toàn thân trước cơn nguy khốn đó thỉnh thoảng trở lại trong suốt đêm 28, ngày 29/4 và sáng 30-4.

Suốt đêm 28/4, tôi chỉ di chuyển giữa phòng tin tức và văn phòng tôi để nhận những bản tin mới nhất của các hãng thông tấn ngoại quốc, và dường như tôi chỉ thiếp đi nửa giờ. Lý Quí Chung chắc cũng không ngủ được nên ông ta liên tiếp gọi cho tôi. Ông còn than phiền là không tiếp xúc được cho Hệ Thống Trưởng của tôi lúc đó là Thiếu Tá Nguyễn Văn Thăng, người thay thế Thiếu Tá Phạm Bá Cát từ chức và xin trở lại quân đội từ Tháng Giêng 1975. LTT, Trưởng Khối Thời Sự và Chương Trình là một phóng viên đồng khóa với tôi còn rất trẻ cũng đã tìm đường thoát thân. Sáng ngày 28/4, tài xế Hai ra khỏi đài để mua thực phẩm cho CLB đã nhận ra chiếc Toyota của chính phủ cấp cho anh vất ở trước tiệm phở Trần Cao Vân. Ở cấp chánh sự vụ, duy nhất chỉ còn có tôi, vài trưởng phòng và một số nhân viên. Ngày 27-4, tôi đã cho phép các nhân viên hành chánh trở về nhà lo gia đình ngoại trừ ông phát ngân viên, vì ông giữ chìa khóa Quĩ Xã Hội của Đài. Lúc đó, không ai còn trông chờ gì vào lương Tháng Tư. Chúng tôi cần dùng tiền quĩ xã hội để chi phí cho những việc khẩn cấp.

Các phóng viên thường xuyên có mặt trong Đài lúc bấy giờ là Lê Phú Bổn, Yến Tuyết, Trần Nhật Cự, Phạm Mạnh Đức và Phụ Tá Trưởng Khối Thời Sự Chương Trình Vũ Thành An. Các

biên tập viên tin tức mỗi ca vẫn đầy đủ. Kỹ thuật viên, xướng ngôn viên, kiểm thính viên và nhân viên phòng viễn ấn tự vẫn cắt người đủ để cho bộ não của ngành thông tin tuyên truyền VNCH lúc đó không bị tê liệt. Hai ngày cuối cùng của chế độ, tất cả những chính sách tin tức và tuyên vận của VNCH gần hầu như tan hoang. Chúng tôi không biết bám víu vào đâu "để được chỉ huy". Chưa bao giờ trong cuộc đời làm việc, chúng tôi cần sự chỉ huy đến thế. Nhưng rồi cuối cùng chúng tôi đành chỉ huy lẫn nhau mà thôi. Tôi áp dụng phương án khẩn cấp: loại bỏ tất cả những tin nào có thể gây hoang mang trong dân chúng khiến họ đổ vào sứ quán Mỹ trên đường Thống Nhất và sân golf gần tổng y viện Cộng Hòa vì những vụ đạp lên nhau và những vụ người di tản cố gắng trèo lên tường sứ quán để tìm cách lọt vào trong bị TQLC Hoa Kỳ đánh trọng thương đã xảy ra. Trong những ngày cuối cùng, phải nói rằng các hãng thông tấn AP, UPI. Reuters làm việc rất hữu hiệu. Những bản tin chính họ phát đi giúp chúng tôi nhận ra ngay chiều hướng của tình thế: kế hoạch dùng các trung đoàn TQLC bảo vệ hành lang Saigon Vũng Tầu để di tản những nhân viên cao cấp của chính phủ Việt Nam Cộng Hòa mà tính mệnh sẽ nguy hiểm nếu lọt vào tay Cộng Sản không thể nào thực hiện được sau khi có lời tuyên bố của Thủ Tướng Vũ Văn Mẫu đòi Hoa Thịnh Đốn rút toàn bộ nhân viên Mỹ ra khỏi Việt Nam.

Một ngày sau khi Tổng Thống Nguyễn Văn Thiệu từ chức, chúng tôi đã được ghi tên vào một danh sách di tản nhưng lại được nói trớ đi rằng "danh sách để được tầu Singapore của chính phủ Lý Quang Diệu chở sang căn cứ Subic ở Phi Luật Tân". Khoảng chín giờ tối 28, Chủ bút H.C đưa tôi bản phân tích của hãng thông tấn AP và nói: "Bọn Mỹ có thể sẽ phải áp dụng kế hoạch di tản khẩn cấp nhân viên Mỹ bằng trực thăng vào ngày mai ra tầu Midway lúc đó đậu cách Vũng Tầu có 40 hải lý và hai hàng không mẫu hạm và các khu trục hạm của Đệ Thất Hạm Đội cũng đang tiến sát Vũng Tầu".
Ông còn cho tôi xem một bản tin khác nói đến việc mất tuyến Long Khánh và Bộ Chỉ Huy của Tướng Lê Minh Đảo rút về tới Biên Hòa. Bản tin cũng còn nói Sư Đoàn 18 là sư đoàn duy nhất của VNCH còn chống trả khá mãnh liệt trên đường rút. Văn phòng trưởng của hãng thông tấn AP lúc đó là George Esper cũng gởi trên máy một bản tin rất dài về việc rút lui có trật tự của Liên Đoàn 81 Biệt Kích và các Sinh Viên Sĩ Quan các khóa cuối cùng của trường Võ Bị Quốc Gia Đà Lạt. Ông hỏi tôi: "Loan chứ?". Tôi nói: "Có gì mà không loan nhưng sẽ phải viết rất khéo, tránh gây xúc động cho gia đình những đơn bị nào chưa biết số phận chồng con họ ra sao". Vị chủ bút đầy kinh nghiệm này cười và nói: "Được cậu khỏi lo, đó là nghề của tao".
Sở dĩ tôi nhắc lại chi tiết này để cho thấy rằng cho tới giờ phút hấp hối của chế độ Đài Phát Thanh Saigon vẫn là tiếng nói Việt Nam Cộng Hòa, tuy có người bỏ chạy nhưng không phải là tất cả. Những người được giao phó làm công việc chuyên môn của mình vẫn làm việc với một thái độ bình tĩnh, chứ không đã tan hoang như Văn Tiến Dũng viết trong cuốn "Đại Thắng Mùa Xuân", một cuốn sách viết hết sức cẩu thả và dựng đứng nhiều chi tiết.

Khoảng 4 giờ sáng ngày 29/4 vừa mới chợp mắt một chút. Người thư ký trực với tôi, anh Bào báo cho biết có điện thoại của Tổng Thống Dương Văn Minh trong văn phòng Hệ Thống Trưởng, tôi chạy vào. Bên đầu dây bên kia tiếng Big Minh:
"Qua là Minh đây. Trong Đài ai là người cao cấp nhất vào lúc này?"
"Thưa Tổng Thống, không có ai ngoại trừ tôi, một số phóng viên, biện tập viên và nhân viên kỹ thuật."

”Qua hỏi để là hỏi thôi, giờ này họ bỏ đi hết rồi. Có tin tức gì mới liên quan đến Tòa Đại Sứ Hoa Kỳ không trên những bản tin viễn ấn?”
Tôi đáp không, ngoại trừ một bản tin rất ngắn của hãng thông tấn UPI cho biết mọi liên lạc giữa Tòa Đại Sứ Mỹ và chính phủ Vũ Văn Mẫu bị cắt đứt. Hãng thông tấn AFP thì nói đến vai trò trung gian cuối cùng của Đại Sứ Pháp Merillon và cựu tướng Vanuxem để tránh cho Saigon một cuộc đổ máu. Cộng quân đã kéo hỏa tiễn SAM vào tới Tân Uyên và sẵn sang mở cuộc tấn công. Tôi đặt một vài câu hỏi liên quan đến khả năng tử thủ của những tướng lãnh dưới vùng Đồng Bằng Sông Cửu Long. Tổng Thống Minh chỉ nói:
“Khả năng thì có đấy, nhưng giữ được trong bao lâu và sẽ chết bao nhiêu người”.
Sau đó ông nhờ tôi chuyển lời cám ơn đến tất cả anh em trong Đài đã cố gắng làm việc với ông trong giờ phút nghiêm trọng này.

Sáng 29/4, tôi vào phòng Hệ Thống Trưởng để tắm sau khi phòng vệ sinh cho nhân viên dưới lầu không có người bảo trì và quét dọn đã bị nghẹt. Nước lạnh làm giúp tôi tỉnh táo. Bước ra lan can, hút một điếu thuốc lá. Cây hoa sứ ở phần tường ngăn tiếp giáp với đài cũ bị sập từ Tết Mậu nở những bông đỏ chói cùng với những cơn mưa hè bắt đầu. Đối diện với tôi là phòng phát thanh. Kiểm soát viên phát thanh Hoài An cũng thò đầu ra cửa cười toe toét: “Ê sao không về thăm nhà, tôi thấy ông ở đây hoài”. “Còn ông, sao không về?”. Tôi hỏi lại ông. Hoài An là một nhạc sĩ, nhưng ông lại làm kiểm soát viên phát thanh của phòng sản xuất và là một trong những thành viên cựu trào của hệ thống truyền thanh quốc gia. Hoài An hỏi: “Ê, ngoài cái tớ biết rồi, còn tin gì cậu biết mà tớ đếch biết không. Nghe nói bọn nó pháo kích vào Tân Sơn Nhất dữ lắm, mẹ kiếp, coi chừng đây cũng lãnh quả. Ê này, sang đây tôi nói cho cậu cái này hay lắm.”
Tôi xuống lầu để sang phòng phát thanh dù thừa biết cái hay lắm của Hoài An chỉ là chuyện bói toán, tử vi. Hoài An rất thích tử vi. Tuấn “râu” tức xướng ngôn viên Anh Tuấn xách túi “hồ lô” đựng quần áo ngủ trực đêm gặp tôi ở giữa cầu thang dẫn lên phòng phát thanh. Ông nói: “Tôi về xem nhà có gì không, rồi quay lại với cậu”.Tôi bắt tay ông rất chặt. Anh Tuấn là một kịch sĩ chuyên đóng những vai “độc”. Nếu ông thủ vai một tên đểu giả thì có thể khiến khán giả ở dưới ném cà chua vào ông. Tuy nhiên, cuộc sống ngoài sân khấu là một cuộc sống nghiêm túc và một xướng ngôn viên đóng góp khá nhiều vào việc hướng dẫn những xướng ngôn viên lớp sau, tuy rằng đôi khi cách nói năng của ông rất khinh bạc. Trên phòng phát thanh, có mặt đủ cả: chị Ngọc Sương, nữ xướng ngôn viên đàn chị từ trước khi tôi mới thi đậu vào khóa phóng viên và đang trong thời gian huấn luyện năm 1964, các chị Minh Tần, Song Hạnh (cũng là một diễn viên kịch truyền thanh), nam xướng ngôn viên Hồng Phúc (một kịch sĩ và diễn viên kịch truyền thanh) và Dạ Lan. Họ đùa giỡn như thường ngày và chuẩn bị thay ca vào 8 giờ sáng. Là những xướng ngôn viên, họ thừa biết tình hình nghiêm trọng như thế nào qua những bản tin mà họ phải đọc, nhưng dường như không ai tìm cách lo toan một chỗ ngồi trên những chuyến bay C-141 cất cánh từ Tân Sơn Nhất. Tại sao vậy? Cho đến mãi sau này tôi vẫn chưa có dịp hỏi họ xem điều gì đã khiến họ bình thản trước những sự đổi thay chính trị và quân sự mạnh mẽ đến như thế, hay họ coi biến cố chính trị nào thì cũng giống những cuộc đảo chánh mà mình đã trải qua. Trong thời gian huấn luyện và làm phóng viên tập sự năm 1964, tôi cũng đã từng chứng kiến cuộc đảo chánh do tướng Lâm Văn Phát và Dương Văn Đức cùng một số tướng lãnh khác. Một số sĩ quan đánh chiếm đài phát thanh Quốc gia hùng hổ, súng lục cầm tay lên đạn nghe răng rắc, la hét lùa tất cả các nhân viên nhốt vào phòng tin tức. Nhiều nhân viên bị tát tai oan uổng, đến khi lực

lượng Nhảy Dù đến giải tỏa, những sĩ quan binh lính thuộc phe đảo chánh bị còng tay đưa lên xe bít bùng trước mặt những người mới vài giờ trước bị họ đánh đập, mặt ông nào cũng cúi gầm. Cảnh chán chường này không còn được lập lại sau cuộc đảo chánh ngắn ngủi đó nữa. Vào những giờ phút cuối cùng của VNCH, tôi thường tự hỏi: không biết có phải những chính biến ấy có phải đã góp gió thành bão biến cố Tháng Tư này không?

Trong suốt buổi sang 29/4, kho dự trữ của USAID tại Newport bị dân hôi của tràn vào phá vỡ. Họ chở hàng xe vận tải, thịt hộp, sữa bột, các loại thực phẩm khô và thuốc lá, máy truyền hình, radio, máy cassette đem bán dọc theo đường Đinh Tiên Hoàng, Nguyễn Bỉnh Khiêm. Khoảng 10 giờ, tôi nhận được lệnh của Bộ Trưởng Thông Tin Lý Quí Chung là sắp xếp để giảm nhân số trong đài, chỉ giữ lại một số rất ít nhân viên thật cần thiết thôi. Khoảng 11 giờ, một phóng viên chót của Đài phải rút chạy theo sư đoàn 18 về đến Đài. Anh cho biết rằng Bộ Chỉ Huy của Sư Đoàn này đã về đến nhà máy xi măng Hà Tiên và đang củng cố các tuyến phòng thủ mới (Hải trước là quản đốc Đài Ban Mê Thuột. Sau khi Ban Mê Thuột mất, tưởng anh đã bị Việt Cộng bắt làm tù binh, nhưng thực ra anh trốn được theo dân di tản. Tháng Ba, Hải đã về trình diện và tôi tạm sắp xếp cho anh công việc của một phóng viên. Trung tuần tháng Tư, Hải xin vào mặt trận Long Khánh của Sư Đoàn 18 cùng với một số phóng viên khác).

Khoảng 2 giờ trưa 29/4, văn phòng Thủ Tướng Vũ Văn Mẫu điện thoại cho biết Hoa Kỳ đã bắt đầu chiến dịch di tản những TQLC và nhân viên cuối cùng của Mỹ ra khỏi Việt Nam và yêu cầu tôi phối kiểm trên các bản tin viễn ấn. Vừa buông điện thoại, quay ra ngoài hành lang để xuống phòng viễn ấn tự thì trên không phận Saigon bốn chiếc Phantom F-4, loại chiến đấu cơ tối tân nhất của Hải Quân Hoa Kỳ đã gầm thét và bay khá thấp với tốc độc nhanh. Một vài chiếc còn vượt bức tường âm thanh gây ra những tiếng nổ lớn làm rung chuyển cửa kính trong các phòng của Đài. Rồi các trực thăng CH-53, Chinook, UH-1B xuất hiện như những con chuồn chuồn khổng lồ. Đầu tiên họ hạ thấp cao độ từ phía cầu xa lộ và đài phát thanh Saigon để đậu xuống sân trực thăng trên nóc Sứ Quán Hoa Kỳ. Nhưng không hiểu sao đó, họ đổi hướng hạ thấp cao độ từ phía Dinh Độc Lập để vào Sứ Quán và từ từ nâng cao độ ngay ở trên mái nhà của Đài Phát Thanh Saigon. Tôi gọi điện thoại cho ông Chung để báo là các bản tin của bốn hãng thông tấn mà Đài mua đã xác nhận cuộc di tản bắt đầu. Ông ra lệnh cho tôi là bỏ tất cả những hiệu triệu nào "có tính chất súng đạn" đi, kể cả lời kêu gọi của Thủ Tướng Vũ Văn Mẫu, phát nhạc "hòa bình" và làm những tin liên quan đến việc di tản. Bộ Trưởng Thông Tin Lý Quí Chung còn yêu cầu Đài Phát Thanh Saigon viết một bản phân tích "hàm ý cho thấy Mỹ đã bỏ rơi VNCH, khuyến cáo dân chúng không nên hoảng loạn, chính phủ sẽ dàn xếp để Saigon tránh khỏi biển máu". Đây là một bản phân tích khó khăn nhất trong lịch sử của Đài Phát Thanh Quốc Gia dựa trên lời hiệu triệu của Phó Tổng Thống Nguyễn Văn Huyền, người đã đại diện cho Tổng Thống Dương Văn Minh chống gậy vào căn cứ David để thương lượng với trưởng đoàn Cộng Sản trong Ban Liên Hợp Quân Sự 2 bên lúc đó là Hoàng Anh Tuấn từ chiều 28/4 (tôi sẽ đề cập đến chi tiết này trong bài viết khác vì tôi là người tiếp chuyện cụ Huyền khi cụ đến Đài đọc bản hiệu triệu trấn an dân chúng). Khó khăn vì chưa ai viết phân tích mà chỉ để trấn an chứ không đưa ra được một luận điểm nào khác.

Khoảng 5 giờ chiều ngày 29/4, nhân viên Phủ Tổng Thống đưa đến Đài bản thông cáo của văn

phòng Tổng Thống Dương Văn Minh kêu gọi quân đội cảnh sát bình tĩnh và tuyệt đối tránh những hành động nổ súng vào máy bay của đồng minh, nhất là tránh những hành động có thể gây hiểu lầm hay gây thiệt hại cho dân chúng trong cơn hoảng loạn. Khoảng 7 giờ tối dường như các chuyến trực thăng di tản được tăng cường. Xuống phòng Tin Tức, tôi yêu cầu Chủ Bút ca đêm (bắt đầu từ 8 giờ tối) chỉ nên để lại chủ bút và hai biên tập viên. Nhưng họ cứ bịn rịn mãi cho tới giờ giới nghiêm không về nhà được và đến 8 giờ sang hôm sau mới dần dần ra khỏi Đài. Sau đó, có vài người lại quay trở lại với tôi.

Quá mệt mỏi, nên tôi ăn qua loa chút đỉnh ở dưới CLB rồi lên phòng dọn dẹp những hình cảnh cá nhân cho vào một cái túi. Tôi đứng ngắm bức hình chụp đứng cùng với tướng Vũ Văn Giai tại một đồi cát thuộc quận Hải Lăng, Quảng Trị vào năm 1969. Tôi không còn nhớ một sĩ quan nào đó trong Phòng Tâm Lý Chiến của Sư Đoàn 3 chụp và phóng lớn tặng tôi vào kịp kỷ niệm ngày thành lập sư đoàn. Gần 36 năm qua rồi, ký ức đã mờ phai nhiều chuyện, nhưng tôi vẫn nhớ đến giây phút cuối cùng của tôi tại phòng làm việc mang đầy kỷ niệm ấy. Tôi thích bức hình, và ngắm nó mãi bởi vì chiếc nón sắt mà tôi đội bị thủng một lỗ ngang thái dương, chiếc quần trận bị rách toạc ngay đầu gối chân trái. Chiếc nón sắt ấy là của một người lính đã tử trận, văng ra trên bờ một giao thong hào ở Đông Hà. Mưa nắng đã làm chiếc nón hơi bị sét. Đầu năm ấy, khi di chuyển cùng với một đơn vị của Sư Đoàn 3 trong cuộc hành quân ở Đông Hà, tôi đã nhặt được chiếc nón sắt ấy và dùng nó cho đến năm 1972 là năm mà tôi đã không còn rong ruổi để tường thuật từ mặt trận nữa. Hình chụp đẹp và đầy tính nghệ thuật. Tháo bức hình ra khỏi khung và cuốn lại, tôi tính sẽ nhờ tài xế Đường đưa về nhà sang hôm sau, rồi góp mấy bản thảo các scripts phóng sự chiến trường mà tôi thích nhất, các bức hình tôi chụp tại San Clemente và Hoa Thịnh Đốn cùng với các phóng viên Nguyễn Mạnh Tiến và Lê Thái Tuế trong chuyến tháp tùng Tổng Thống Nguyễn Văn Thiệu đi xin viện trợ lần cuối cùng Tháng Tư năm 1973... cho tất cả vào trong một chiếc ba lô mà tôi đã mang theo đi các mặt trận suốt 5 năm. Sau đó, ngả lưng trên chiếc ghế bố trong góc phòng làm việc, tôi chìm dần vào giấc ngủ dù tiếng động cơ trực thăng vẫn ầm ầm suốt đêm trên đầu.

Cuộc di tản của Mỹ chấm dứt vào lúc tôi đang ngủ. Vũ Thành An bước vào CLB đã vội loan báo: "Xong hồ sơ rồi ông ơi". An không hút thuốc lá, nhưng hôm ấy anh phì phèo điếu thuốc. Tôi nói đùa với anh: "Chẳng qua cũng là bài không tên cuối cùng thôi". Chúng tôi uống cà phê, ăn mì gói, hút thuốc đến khoảng 9 giờ 30 (sáng 30-4) vừa định vào phòng tin tức thì thư ký trực hốt hoảng chạy từ trên lầu xuống: "Ông ơi, văn phòng Tổng Thống điện thoại xin cử người sang thâu băng hiệu triệu". Vừa lúc ấy nữ phóng viên Yến Tuyết vào đài. Cô đòi đi theo kỹ thuật viên sang thu thanh nhưng tôi không cho. Tôi chỉ định Lê Phú Bổn và một kỹ thuật viên là anh Hồ Ổn sang Phủ Thủ Tướng, số 7 đường Thống Nhất, Tổng Thống Dương Văn Minh và Nội Các chờ họ ở đó. Bổn thu thanh và mang vào Đài vài phút trước 10 giờ sáng và chuyển lệnh của Tổng Thống: "Đầu hàng rồi. Anh cho phát ngay, không cần hoàn chỉnh". Tôi đưa cuốn băng cho Vũ Thành An. Nội dung cuốn băng chỉ dài chưa đầy 5 phút, trong đó Tổng Thống Dương Văn Minh kêu gọi quân nhân, cảnh sát và các lực lượng bán quân sự "giữ vị trí, buông súng để bàn giao chính quyền trong vòng trật tự". Bản hiệu triệu này do chính Tổng Thống Dương Văn Minh đọc theo một script do chính ông viết trên một mảnh giấy nhỏ.

Nhưng cuốn băng chỉ phát được một lần vào lúc 10 giờ 15 phút sáng 30-4-1975. Lê Phú Bổn vừa ra khỏi đài thì Tướng Nguyễn Hữu Hạnh, Tổng Tham Mưu Trưởng Quân Đội, vị Tổng Tham Mưu Trưởng thứ ba trong vòng hơn 1 ngày rưỡi từ phủ Thủ Tướng sang Đài Phát Thanh sau khi đã ghé qua Đài Truyền Hình. Tôi đón ông ở cổng. Tướng Hạnh nói ông sang tiếp nhận Đài để trao cho phía "cách mạng". Còn đang nói chuyện với tướng Hạnh thì một đoàn xe trờ tới. Khi chiếc Mercedes đen ngừng lại ở cổng ngoài, tôi thấy một người mặc quân phục tác chiến mầu cỏ úa của bộ đội CS, súng lục cầm trong tay, tiếp theo là Tổng Thống Dương Văn Minh, và một người khác cũng mặc quân phục mầu cỏ úa, cũng súng lục cầm tay. Tổng Thống Dương Văn Minh đi giữa hai người này, phía sau có nhiều cán binh mang AK-47. Rồi đến những chiếc xe jeep lùn khác của quân đội VNCH cũng đến đậu trước Đài phát thanh. Từ trên xe bước xuống là một đám thanh niên, thiếu nữ, trang phục dân sự nhưng trên tay phải của mỗi người đều có đeo băng đỏ. Tôi nhận ra ngay Lê Văn Nuôi, Huỳnh Tấn Mẫm, Cao Thị Quế Hương, Nguyễn Hữu Thái, Tôn Thất Lập, Trần Long Ẩn, và Hà Huy Đỉnh thì cầm chiếc máy quay phim, ký giả Mỹ Don Luce, một phóng viên đeo thẻ của Đài BBC và một người của hãng thông tấn AP, dường như là George Asper, và hai thu hình viên của phía Cộng Sản. Ông Hạnh yêu cầu tôi lên phòng phát thanh trước (họ vẫn sợ có thể bị phục kích?) Lên tới phòng phát thanh, Tướng Hạnh yêu cầu mở cửa phòng vi âm lúc đó đang đóng vì không phải là giờ đọc tin. Viên sĩ quan đi bên cạnh Tổng Thống Dương Văn Minh lớn tiếng yêu cầu mọi người bình tĩnh, không được kháng cự vì kháng cự cũng vô ích. Ông ta nói:

"Tổng Thống của các ông đã bị bắt".

Và quay lại đẩy Big Minh vào phòng vi âm và nói:
"Các anh thua rồi, phải tuyên bố đầu hàng vô điều kiện chứ còn gì nữa mà bàn giao".
Cuốn băng thứ hai mà dân chúng miền Nam được nghe từ 11 giờ ngày 30/4/1975 trở đi chỉ khác cuốn băng đâu tiên ở điểm "đầu hàng vô điều kiện" thay vì "bàn giao chính quyền trong vòng trật tự".
Sau đó tôi hỏi tướng Hạnh:
"Tôi có thể ra khỏi đài được chứ?".
Ông Hạnh nói:
"Anh hãy về nhà ngồi đợi lệnh của Ủy Ban Quân Quản".
Tôi bước xuống cầu thang thì phóng viên Yến Tuyết từ phòng làm việc chạy ra. Vừa ra đến cổng thì thấy xe của Thiếu Tá Nguyễn Văn Thăng do tài xế Đường lái chạy vào. Trên xe có cả vợ ông Thăng, chắc họ không kiếm được chỗ đi. Ông Thăng còn mặc bộ đồ bốn túi bằng vải ka-khi vàng. Tôi nói: "Họ đầy ra ở trên đó, Thiếu tá còn vào đây làm gì, quay xe ra ngay đi". Đường thấy vậy mở cửa xe và đẩy vội tôi và Yến Tuyết lên, vọt nhanh ra khỏi cổng. Ra đến đường Hồng Thập Tự, Đường quay lại hỏi:
"Đi đâu ông?".
Tôi lắc đầu và không nói gì nữa, vì "phim" đã cháy thực sự.

Phụ đính:
Sau Trận Chiến Nam Bắc
Nguyên bản: Mercy at Appomattox
Tác giả: William Zinsser
Reader's Digest
Dịch giả: Lê Ngọc Diệp

Người sưu tầm tuyển tập này nhận thấy trong cuộc nội chiến Nam Bắc (1862-1865) của người Mỹ và chiến tranh Việt Nam hay nói khác đi nếu có thể được là cuộc nội chiến Nam Bắc (1956-1975) của người Việt có nhiều điểm tương đồng như thời gian dẫn đến đầu hàng chỉ vỏn vẹn khoảng một tuần và cũng nằm vào tháng 4. Địa điểm được diễn ra ở Court House, làng Appomattox, tương tự như Dinh Độc Lập, thành phố Sài Gòn.
Thế nhưng cung cách kết thúc cuộc chiến và những gì xẩy ra sau đó có nhiều khác biệt…
***
Tôi không phải là người say mê về cuộc nội chiến. Tôi không bao giờ có ý muốn thăm viếng những chiến trường nổi danh xưa và khơi dậy diễn tiến của trận đánh ấy. Thế nhưng có một địa danh trong cuộc nội chiến luôn luôn ám ảnh tôi, đó không phải là một trận chiến mà là tên của một nơi chốn kết thúc cuộc chiến: Appomattox.
Appomattox là địa điểm mà tướng Lee (*) đã dàn quân miền Nam trong tuần lễ cuối cùng của cuộc chiến. Trong suốt 9 tháng trời, quân đoàn của tướng Lee đã án binh ở phía nam thành phố Richmond thuộc Virginia. Vào ngày 2 tháng 4, chuyến xe lửa tiếp vận huyết mạch của tướng Lee bị quân miền Bắc cắt đứt, tướng Lee buộc lòng phải lui quân. Tướng Grant, tư lê/nh quân miền Bắc (**) bám sát đến ngày và đến ngày 6 tháng 4, cuộc chiến coi như chấm dứt vì quân miền Bắc đã bắt giữ 7000 tù binh. Được tin này tướng Lee kêu lên:
- Quân ta đã tan hàng rồi sao.
Thật vậy, phần lớn lính của ông đói khát, rã ngũ và chỉ còn lại 30.000 người. Trong khi ấy, tướng Lee nhận được thư tay của tướng Grant đề nghị ông đầu hàng. Một viên sĩ quan đưa ra kế hoạch phân tán và đánh du kích, tướng Lee không đồng ý. Ông giải thích đánh nhau nữa chỉ gây cho dân miền Nam kiệt quệ và ông nói: "Không còn giải pháp nào nữa là tôi phải đến gặp tướng Grant".

Ngày 9 thánh 4 tướng Lee đi với viên sĩ quan tùy viên là đại tá Charles Marshall đến tòa án làng Appomattox để gặp mặt tướng Grant. Nhưng nhằm ngày chủ nhật lễ Phục Sinh, tòa án đóng cửa. Ngôi làng hoang vắng chỉ còn lại 100 dân, phân nửa là nô lệ và phần lớn đã bỏ đi vì đánh nhau. Duy nhất một người ở lại, ây là thương gia Wilmer Mc Lean, tùy viên tướng Lee thương lượng để dùng căn nhà của ông ta làm địa điểm bàn thảo việc đầu hàng.

Tướng Lee đến trước, mặc lễ phục mang biểu chương và đeo kiếm, tướng Grant mặc quân phục tác chiến, quần và giầy còn bám đất bùn. Hai người ngồi trong phòng khách nhà của ông Lean và hàn huyên thân mật về cuộc sống quân ngũ trong cuộc chiến tranh với Mề Tây Cơ (***). Sau cùng tướng Lee đề cập đến lý do của cuộc gặp gỡ. Tướng Grant lấy cây bút chì viết sơ qua những điều kiện đầu hàng và trao cho tướng Lee.

Sau khi xem qua những điều tướng Grant ghi, đại thể như hàng binh không bị bắt làm tù binh mà được tự do về quê nhà. tướng Lee đề cập đến binh lính của ông cần giữ ngựa riêng của họ để làm việc đồng áng. Tướng Grant chấp thuận vì nghĩ rằng quân lính miền Nam là nông dân, họ cần ngựa để trồng trọt qua mùa đông này. Tướng Lee thêm:
- Điều này sẽ góp một phần hòa giải dân tộc hai miền Nam Bắc.
Tướng Grant nói ông sẽ gửi sang ngay cho lính miền Nam 25.000 khẩu phần lương khô vì họ đang thiếu lương thực.

Khi tin đầu hàng bay đến doanh trại, quân miền Bắc bắn đại pháo ăn mừng. Tướng Grant ra lệnh ngưng ngay. Ông nói với các sĩ quan trong bộ tham mưu của ông:
- Chiến tranh đã chấm dứt. Quân thua trận bây giờ là đồng bào của chúng ta.
Trong khi đó quân miền Bắc không đợi lệnh, họ tự động mang sang trại quân miền Nam từng bao thịt bò, thịt bacon và những thức ăn khác mà lính miền Nam bấy lâu đã thiếu thốn…Mấy ngày sau lính miền Nam tiến vào làng Appomattox để giao nộp vũ khí và chính tại nơi này, hành động cuối cùng đã xẩy ra.
***
Tướng Joshua L. Chamberlain được chỉ định tiếp nhận lính đầu hàng, ông vốn là giáo sư đại học Bowdoin. Ngày hôm đó, trước hàng quân nghiêm chỉnh, tướng Chamberlain nhìn thấy lính miền Nam xơ xác từ trên đồi đi vào làng, dẫn đầu là tướng John B. Gordon. Sau này tướng Chamberlain viết lại: "Giây phút đó làm tôi xúc động. Để đánh dấu sự kiện nay, tôi không biết làm gì hơn là chào tay. Mặc dù tôi cũng biết rằng sau này tôi sẽ bị một số người chỉ trích".
Đáp lại lệnh của tướng Chamberlain, tất cả hàng ngũ lính miền Bắc, từ đơn vị này đến đơn vị khác, đều đứng ở thế nghiêm và chào tay như tướng Chamberlain.

Trong khi tướng Gordon ngồi trên lưng ngựa, đầu cúi xuống rất buồn bã…Bỗng tướng Gordon nghe được tiếng động của những cái chào tay và nhận ra nghĩa cử của này. Tướng Gordon ngồi lại và nhìn thẳng về phía trước. Rồi ông theo quân cách chào lại bằng cách hạ kiếm xuống ngang mũi giầy. Đồng thời tướng Gordon cũng ra lệnh cho những đơn vị theo sau thi hành lễ nghi quân cách khi đi ngang qua hàng lính miền Bắc.

Phía quân miền Bắc không có tiếng kèn thắng trận. Không một tiếng trống. Không một tiếng reo hò. Kkhông một lời nói hay tiếng xầm xì. Thay vào là sự im lặng đến rợn người và nghẹt thở và dường như ấy là một cuộc diễn hành của những bóng ma.
Từ sáng sớm đến chiều tối, những người lính miền Nam đang kiệt sức. Nhưng họ vẫn giữ ở thế chào khi đi ngang qua những người lính miên Nam cũng ở thế chào quân cách. Họ giao vũ khí, những lá cờ miền Nam tả tơi và vài ngày sau, họ đều rời bỏ nơi này: làng Appomattox. Và không ai nói đến lá cờ miền Bắc có được treo lên ở Court House hay không. Nhưng nghĩa trang của những người lính miền Nam ở gần Washington nay là di tích lịch sử quốc gia.
***
Ông Ron Wilson, sử gia của Appomattox Court House, ông và tôi ngồi nhìn qua con đường từ đó lính miền Nam đi xuống ngôi làng xuyên qua một vùng ruộng lúa có thể nhận ra rõ

trong một bức tranh vẽ hồi thế kỷ 19. Rõ đến nỗi tôi hình dung thấy họ đang di chuyển xuống con đường đó một lần nữa.

Ông Wilson nói với tôi:
- Có ba nhân vật tôi ngưỡng mộ là tướng Grant, một người bình thường có tính tự lập của người miền Bắc. Còn người kia là tướng Lee, một người tượng trưng cho sự quý phái, trưởng giả miền Nam cổ và bảo thủ, nhưng cả hai có một tầm nhìn rất xa. Chính tướng Grant không muốn có một trận chiến cuối cùng. Ông không muốn là anh hùng trong chiến thắng mà thay vào đó là đề nghị những điều kiện rộng rãi và cởi mở cho hàng binh miền Nam. Hai ông nhận thức rằng những nỗ lực hai bên nhằm vào cuộc chiến đã gây ra phân hóa bao nhiêu năm qua. Vì vậy hai ông nhận thức những cố gắng cần phải có lúc ấy là tái thiết đất nước. Chứ không cần phải có hận thù.
Người thứ ba không ai khác hơn là ông Lincoln.

Ông Ron Wilson nói rằng ông Lincoln và tướng Grant đã gặp nhau mấy ngày trước đó trên chiến hạm River Queen ở sông James. Cả hai người đã thảo luận rất lâu về những diễn tiến chấm dứt chiến tranh một cách nhanh chóng và cố tránh những xáo trộn có thể xảy ra vào thời hậu chiến
Ông Lincoln nói với tướng Grant:
- Hãy để họ buông súng một cách…thỏa mái.

Ghi chú của dịch giả:

(*) Robert E. Lee được xem như là tướng lãnh giỏi nhất trong cuộc nội chiến, ông đà chặn đứng cuộc tiến quân của miền Bắc nhằm đe dọa thủ đô Richmond, Virginia của miền Nam. Sau chiến tranh, ông là viện trưởng viện đại học Washington.

(**) Tướng Ulysses S. Grant sau đắc cử tổng thống hai nhiệm kỳ.

(***) Chiến tranh Mễ Tây Cơ và Hoa Kỳ vì sự tranh chấp biên giới Texas. Mễ Tây Cơ thua nên phải nhường Texas, đồng thời Hoa Kỳ kiểm soát luôn California, Nevada, Utah, New Mexico và Wyoming.
Việc sát nhập những tiểu bang này là lý do gây lên cuộc nội chiến. Vì những tiểu bang mới không được dùng nô lệ. Do đó những tiểu bang không chấp nhận nô lệ sẽ tăng lên và thượng viện sẽ mất quân bình bất lợi cho miền Nam.

Chuyện Gì Xảy Ra Ở Dinh Độc Lập Trưa Ngày 30-4?

Bùi Văn Phú

Tôi gặp Vũ Văn Giáo, ở tuổi 34 vào năm 1987, trong khi làm việc ở trại tị nạn Hồng Kông. Anh trước kia là bộ đội, được đưa vào nam chiến đấu và đã có mặt trên những chiếc xe tăng đầu tiên tiến vào Dinh Độc Lập trưa ngày 30 tháng 4, 1975. Gặp được một người lính miền Bắc tiến vào Sài-gòn tôi rất muốn nghe câu chuyện của anh về ngày 30 tháng 4 đó.

***

Giáo nói khi Chiến dịch Hồ Chí Minh với mục tiêu giải phóng toàn thể miền Nam được phát động, khẩu lệnh do cấp trên đưa xuống vang vang trên máy truyền tin suốt hai tháng trời: "thần tốc thần tốc, tiến mạnh tiến mạnh, thọc sâu thọc sâu." Anh kể chuyện theo đoàn quân vào giải phóng Sài-gòn với nhiều chi tiết xem như sự việc còn đang xảy ra trước mắt. Lúc gần vào đến thủ đô miền Nam, khúc chỗ cầu xa l Biên Hòa, Giáo chứng kiến vài xe tăng đi trước bị trúng đạn phóng ra từ phía những đơn vị Việt Nam Cộng Hòa. Nhưng có một trường hợp, khi vào gần đến trung tâm thủ đô, một thiếu tá bộ đội trên một xe tăng đi trước bị tử thương..

Chuyện nghe khó tin. Tôi nói với anh trong hoàn cảnh đó, nhất là ở gần chốt bảo vệ thủ đô Sài Gòn thì xe tăng hay bộ đội trên xe có bị trúng đạn phản công hay phòng vệ của lính Việt Nam Cộng Hòa thì cũng là chuyện tất nhiên. Nhưng anh cứ nhắc lại chuyện này mấy lần và không hiểu tại sao.

Giáo nói xe tăng của anh là chiếc thứ tư tiến vào Dinh Độc Lập. Vào sân cỏ rồi, bộ đội ngồi chờ trong xe, ở thế sẵn sàng chiến đấu, trong khi mấy sĩ quan và bảo vệ đi vào trong dinh. Sau khi tổng thống Dương Văn Minh ra lệnh đầu hàng, mọi người trong đơn vị reo mừng. Khi anh và đồng đi được vào trong dinh, thấy mấy lon bia mà cứ tưởng là lựu đạn do Mỹ ngụy bỏ lại để gài bẫy. Món quà kỷ niệm duy nhất anh lượm trong dinh là một hộp quẹt zip-po có khắc hàng chữ:"Tổng Thống Việt Nam Cộng Hòa Nguyễn Văn Thiệu thân tặng."

Sau đó một tuần ở Sài Gòn, đơn vị của Giáo được lệnh rút về đóng tại vùng biên giới Việt Nam-Kampuchia. Khi mẹ anh lâm bệnh và qua đời ngoài bắc, cấp chỉ huy đơn vị không báo tin cho anh biết. Uất ức vì đất nước đã thống nhất, hòa bình mà anh không được thăm mẹ khi ốm đau, nhìn mẹ lần cuối trước khi bà qua đời, anh quyết định bỏ ngũ. Năm 1981 Giáo vượt biển và đến được Hồng Kông.

Đó là câu chuyện về ngày 30 tháng 4, 1975 của Vũ Văn Giáo, một anh bộ đội bình thường.

Trong khi Giáo và đồng đội ở ngoài sân cỏ, thì bên trong Dinh Độc Lập xảy ra cuộc gặp gỡ giữa tổng thống Dương Văn Minh, một số thành viên nội các của ông và những sĩ quan Quân

Đi Nhân Dân. Những sĩ quan bộ đội nào đã có mặt, chuyện gì xảy lúc đó thì lại có những ghi nhận khác nhau.
Theo David Butler, tác giả cuốn **The Fall of Saigon**, viết vào cuối năm 1984, ghi lại tường thuật của phóng viên Neil Davis, một người Úc biết tiếng Việt làm việc cho đài truyền hình NBC của Mỹ, có mặt trong dinh lúc bấy giờ, thì khi xe tăng đã vào sân cỏ, hai bộ đội trẻ là Pham Huy Do và Pham Huy Nghe (ghi tên không có dấu tiếng Việt theo như trong sách), tay ôm súng, chạy vào trong dinh, leo lên ban công kéo cờ Mặt Trận. Xong Nghe vào trong tìm tổng thống Dương Văn Minh, trong khi Do đi tìm chính ủy. Trong dinh lúc đó có mặt tổng thống Dương Văn Minh, thủ tướng Vũ Văn Mẫu, phó thủ tướng Nguyễn Văn Hảo, bộ trưởng Lý Qúi Chung. Bộ đội Nghe quát to:
- Ai là Dương Văn Minh? Dương Văn Minh hãy bước ra và qùi xuống.
Ông Minh không làm theo lời Nghe. Vừa lúc thì Do dẫn vào bốn chính ủy, một người tự giới thiệu là Tùng (các tài liệu từ Việt Nam ghi là Bùi Văn Tùng.) Tùng ra lệnh cho Nghe cất súng đi. Ông Minh nói:
- Chúng tôi đang chờ đợi các ông đến để bàn giao chính quyền.
Chính ủy Tùng trả lời:
- Ông không còn gì để bàn giao. Ông chỉ có thể đầu hàng vô điều kiện. Tôi mời ông lên đài để công bố lệnh đầu hàng vô điều kiện.
***

Trong cuốn **Tears Before the Rain**, xuất bản năm 1990, tác giả Larry Engelman đã phỏng vấn Đại tá Bùi Tín, lúc đó còn ở Việt Nam. Ông Tín nói ông là người đã gặp tổng thống Dương Văn Minh và khi ông Minh nói đang chờ để bàn giao, ông Tín đáp lại:
- Không có vấn đề bàn giao quyền hành. Quyền hành của ông đã sụp đổ. Ông không còn gì trong tay để bàn giao, ông không thể chuyển giao cái mà ông không có.
Lúc đó ông Tín là phó tổng biên tập báo Quân Đi Nhân Dân, đi theo đoàn quân để viết phóng sự, không phải sĩ quan chiến đấu, tuy ông là người mang quân hàm cao nhất có mặt lúc bấy giờ. Đầu thập niên 90, ông Tín nhân một chuyến đi dự hội nghị ở Pháp đã quyết định không trở về Việt Nam nữa.
***

Theo **Vietnam: a History** của Stanley Karnow thì câu chuyện về ngày 30 tháng 4, 1975 ở Dinh Độc Lập cũng giống như trong Tears Before the Rain. Còn Olivier Todd viết trong Cruel April, bản tiếng Pháp ấn hành năm 1987, bản Anh ngữ năm 1990, thì cả Bùi Tín và Bùi Văn Tùng đã có mặt lúc ông Minh nói chuyện bàn giao và Bùi Văn Tùng, lúc đó mang quân hàm thiếu úy hay trung úy, là người đã nói ông Minh không còn quyền hành gì cả để mà bàn giao mà chỉ có đầu hàng.

Nhiều sự thật, chi tiết về ngày 30 tháng 4 ở Dinh Độc Lập vẫn còn những nghi vấn.

Ngoài những sự việc trên còn chuyện chiếc xe tăng nào đã vào dinh đầu tiên. Báo chí trong nước ghi chiếc xe tăng mang số 843, với thủ trưởng Bùi Quang Thận, là xe đầu tiên. Xe này bây giờ còn được để trong sân cỏ của Dinh Thống Nhất, tức Dinh độc Lập cũ. Theo Neil

Davis thì xe tăng đầu tiên vào dinh mang số 844. Còn Olivier Todd ghi xe tăng số 879 do Bùi Đức Mai lái đã ủi sập cổng dinh và vào trong sân cỏ trước nhất.

Chuyện ai đã leo lên sân thượng hạ cờ Việt Nam Cộng Hòa và kéo cờ của Chính Phủ Cách Mạng Lâm Thời Miền Nam Việt Nam lên cũng được bàn cãi trong nước.
***

Alan Dawson, tác giả quyển **55 Days: The Fall of South Vietnam** xuất bản năm 1977, ghi rằng một nữ du kích quân đi Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam tên Nguyễn Trung Kien, 20 tuổi đã làm việc đó. Người du kích này chỉ đường cho xe tăng bộ đội tiến vào Sài-gòn từ hướng Thị Nghè. Cô có mặt trên xe tăng đầu tiên tiến vào ủi sập cổng Dinh Độc Lập. Vào trong dinh, tìm đường lên cột cờ nhưng không có ai trong dinh chỉ lối. Sau cô cùng cựu tổng thống Dương Văn Minh lên được cột cờ trước tiền đình bằng một cầu thang phía sau, có bộ đội theo sau. Một bộ đội kéo cờ Việt Nam Cộng Hòa xuống rồi móc cờ cộng sản, tức cờ Mặt Trận Giải Phóng vào. 12 giờ 45 trưa ngày 30-4-1975 chị Kiên, trong bộ đồ bà ba đen, kéo lá cờ nền xanh-đỏ với ngôi sao vàng lên, ghi dấu giờ phút cuộc chiến Việt Nam kết thúc.

Đã ở lại Việt Nam nhiều tháng sau ngày 30/4, Alan Dawson viết rằng câu chuyện của chị Kien là chuyện của một đứa trẻ mồ côi vì biến cố Mậu Thân, sau theo cách mạng, đã trở thành một đề tài được nhiều người biết đến qua một bộ phim được chiếu trên truyền hình ở Sài Gòn vào cuối năm 1975.
***

Theo báo Tuổi Trẻ xuất bản vào cuối tháng 4, 1995 nhân dịp kỷ niệm 20 năm ngày giải phóng miền Nam thì sĩ quan bộ đội Bùi Quang Thận đã dùng dao để cắt giây và treo cờ Việt Cộng lên chứ không phải như có tài liệu đã ghi một bộ đội đã dùng răng cắn đứt giây cờ to bằng ngón tay út. Còn những nhân vật như Nguyen Trung Kien và Bùi Tín có mặt trong dinh sau này không còn được những tài liệu trong nước nhắc đến nữa.
***

Tiziano Terzani, ký giả người Ý có mặt tại Sài Gòn trong ngày 30/4, ghi lại trong quyển **Giai Phong! The Fall and Liberation of Saigon**, xuất bản năm 1976, lời bộ đội Nguyễn Trung Tanh kể lại về cuộc tiến quân vào Sài-gòn như sau:

Toán quân của Tanh khởi sự vào lúc 5 giờ sáng từ phía trường Bộ Binh Thủ Đức sau một đêm nhiều giao tranh ở quanh Học Viện Cảnh Sát Quốc Gia, nhà máy xi măng Hà Tiên. Sáu 6 giờ thì đến cầu Long Bình, 11 giờ mới đến cầu Thị Nghè vì trên đường có những cây cầu bị sập và gặp kháng cự của thiết giáp cũng như binh lính Việt Nam Cộng Hòa. Khi xe đến đường Hồng Thập Tự thì gặp 2 xe tăng M-41 chặn đường, nhưng rồi hai xe tăng đó bị tiêu diệt bởi tăng số 390 và tăng số 843 do Bùi Quang Thận chỉ huy.
Vì bị chắn lối bởi hai tăng M-41 đã hư, tăng số 843 quẹo vào đường Mạc Đĩnh Chi, coi như bị lạc. Thận thấy 2 người lính Việt Nam Cộng Hòa trong quân phục hoá trang đứng bên lề đường bèn hỏi:

- Dinh độc Lập ở đâu?.
Một người không trả lời, còn người kia nói:
- Tôi biết.
Thận lột bỏ áo trận của 2 người lính, đưa họ lên xe rồi cho quẹo phải. Nhưng Thận không tin họ. Thấy một cô gái cỡi Honda, Thận đứng thẳng người trên tháp chỉ huy la lớn:
- Vui lòng chỉ cho chúng tôi đường đến Dinh Độc Lập.
Người con gái nhìn chúng tôi với ánh mắt kinh ngạc. Chắc đây là lần đầu tiên trong đời cô ấy thấy những bộ đội của Lực Lượng Giải Phóng.
- Mấy anh đang trên Đại Lộ Thống Nhất. Dinh kia kìa, ngay trước mặt.
Xe tăng 843 tiến tới Dinh Độc Lập. Lúc bấy giờ là trưa.
Thận một tay cầm súng máy, một tay ôm lá cờ Cộng Hòa Miền Nam Việt Nam vừa gỡ xuống từ ăng ten xe tăng, tiến vào trong dinh thì gặp tướng Nguyễn Hữu Hạnh, phía sau có thủ tướng Vũ Văn Mẫu, Lý Qúi Chung, Nguyễn Văn Ba, và những thành viên khác của nội các.
Thận lớn tiếng:
- Dương Văn Minh đâu?
- Hãy bình tĩnh. Chúng tôi đã đầu hàng.
Tổng thống trả lời và bước tới phía trước. Khi Thận hỏi đường lên sân thượng thì Nguyễn Hữu Thái, một sinh viên, chỉ đường cho Thận đi lên. Lá cờ Mặt Trận được Thận kéo lên lúc 12 giờ 15 phút.

***

Những phim tài liệu trong nước ghi cảnh xe tăng ủi sập cổng Dinh Độc Lập, cảnh kéo cờ trên nóc dinh là những cảnh được dàn dựng lại vì khi sự việc xảy ra không có phóng viên từ Hà Nội vào kịp để quay phim.
Chuyện ở Dinh Độc Lập trưa ngày 30 tháng 4, 1975 còn nhiều chứng nhân nữa nhưng chưa được kể lại.
Cựu tổng thống Dương Văn Minh, cựu thủ tướng Vũ Văn Mẫu đã qua đời, giờ còn cựu phó thủ tướng Nguyễn Văn Hảo và cựu bộ trưởng thông tin Lý Qúi Chung trong nội các cuối cùng của Việt Nam Cng Hòa cũng có mặt trong giờ phút lịch sử đó.

Chú thích của tác giả: Viết lần đầu năm 2003. Nay bổ túc thêm tài liệu.

Mã Nhật Tượng Điền Xe Liền Pháo Cách

Chuyện nghe kể đã lâu, tôi nhớ được bao nhiêu viết bấy nhiêu, vậy mà phải nhai văn nhá chữ từng câu. Không phải vì đằng sau hai chữ "*Kỳ Vương*" đầy rẫy những huyền thọai, cũng không phải vì nó là thằng bạn cùng lớp của tôi, chết vì cái tên tục tôi đã gán ghép cho nó những ngày còn đi học. Chẳng là bấy lâu nay tôi ôm đồm một mớ chữ nghĩa, tự cho là thâm nho, nếu có triết lý củ khoai này nọ, cũng không ngòai như một lúc nào đó lỡ có hụt hẫng dẫm phải lỗ chân trâu, như thua một ván cờ, để rồi xóa bài làm lại. Như thể đang *"Trói chân kỳ ký tra vào rọ..."* thì một ngày trời sui đất khiến giữa ngã ba đường vấp phải hòn đá rồi rẽ qua một khúc quanh khác.

Ây cũng là chuyện của thằng bạn tôi…Hay bất cứ ai.

Nói về thằng này thì…chẳng có quái gì để mà nói, cũng chỉ toàn những chuyện cũ rích đến chán phèo của năm này tháng nọ. Thế nhưng đã mang lên giấy trắng mực đen, mà chuyện nào chẳng có chút thêm bớt, bỗng thấy nó có một khuôn mặt xa lạ và chẳng giống ai. Thôi thì lọt xàng xuống nia, sau này rảnh rang có đọc lại mấy hàng viết về một thằng bạn cũ thì cũng miên man với một thóang vu vơ nào đó:

- Ừ thì nó đấy, cùng một cái họ với một cái tên.

***

Dạo ấy nghe danh kỳ vương của nó vang vọng tứ phương tám hướng từ cái xứ chó ăn đá gà ăn muối, tôi cũng có một chút hãnh diện còm là có thằng bạn chết tiệt cũng danh trấn giang hồ như ai. Thực tình mà nói tôi không ngạc nhiên lắm, vì bất cứ chuyện gì cũng có thể sảy ra dưới ánh sáng mặt trời này, nhất là lại với nó. Hơn thế nữa, những ngày mới lớn, tôi đã từng thấy nó nhiều bận nhấp nhổm chầu rìa xem mấy bạn của ông cậu nó lách cách với mấy con cờ. Mỗi lần vậy tôi lại nhìn cái bản mặt cứ thộn ra, lỗ chỗ những vết chấm bằng đầu mắt muỗi như "mặt bằng" Khe Sanh bị B52 trải thảm.. Số là nhà hai thằng tôi cùng ở trên con phố Trần Bình Trọng, nên nhiều bận tôi còn bắt gặp nó ngồi chồm hổm bên vỉa hè, ngớ ra xem cờ thế với mấy bác xích lô, bác phu xe ba gác, ở ngay đầu Chợ Quán gần cầu Chữ Y. Ấy vậy mà mỗi khi họ gài được nhau một thế cờ cao thâm bí hiểm, mấy tay hảo hán quần đùi áo thung lại hô hóan nhau vang trời dậy đất bằng những cái tên đầy chữ nghĩa nho phong sĩ khí, mặt nó lại láo ngáo trông thấy, thấy tội nghiệp cho thằng con gì đâu.

Nhưng cái mà tôi ngạc nhiên là những mẩu chuyện được nghe kể về nó mới đây, như năm nào nghỉ phép là nó cũng vù qua Tân Gia Ba, Hồng Kông để đánh độ kiếm chút cháo bào ngư. Độ nào độ nấy bạc trăm, bạn nghìn, mà nó thì đâu phải là thằng một tấc tận giời, nghe cũng dễ nể chứ đâu có bỡn. Vì vậy tôi lại càng háo hức muốn gặp lại nó để hỏi cho ra nhẽ.

Mãi đến khi nghe tin nó sẽ có mặt ở thành phố Cựu Kim Sơn, trong một trận thư hùng với một danh thủ từ bên Trung Hoa Lục Địa sang.

Gặp lại nó vẫn vậy, chẳng hiểu vì nó muốn hù họa gì tôi không mà tha hương ngộ cố tri, nó đi một đường diễn xuất với tôi qua dáng dấp khật khừng cùng nụ cười khinh bạc của một anh hùng ngã ngựa, lâu lâu lại nhún vai một cái ra cái điều ta đây…sinh lầm thế kỷ. Thế nhưng bắt trúng tần số thì bốc vung tít mẹt, nhưng đầy hào hùng, hào khí, trước sau gì nó cũng chỉ có một đề tài là quy tụ anh em cùng cùng một chí hướng. Nói trộm sau lưng nó, nghe một lần thì cũng suôi tai mát con mắt, nhưng nhẩm nhẳng hai, ba phùa thật tình cũng có đôi chút ngán ngẩm. Lạy Chúa tôi, vì đến giờ này nó vẫn còn hào hứng kể chuyện những người thân của nó cùng Nhất Linh, Hòang Đạo khăn gói gió đưa vượt biên giới qua Tầu. Nhưng trong thâm tâm tôi cũng phải thầm phục nó, đến cái tuổi này vẫn còn nhiệt tình, nhiệt tâm đội đá vá trời với chuyện nước non.

Rồi nó dẫn dắt tôi về rừng núi sình lầy, leo giây tử thần, băng rừng lội suối để gặp lại bạn cũ cùng những khuôn mặt, những bóng dáng ở sân trường ngày nào. Thằng thì mới đâu đây, mặt mũi non choẹt, vậy mà khi cọp ba đầu rắn dẫn lính xuống núi cũng một thời ngang dọc, ngang tàng khí phách như ai. Thằng thì củ mỉ cù mì, khóac chiến bào cũng chỉ vì mầu áo hoa rừng, nhưng khi nhập thế sự cũng uống rượu chửi thề tới bến. Với nó cũng chỉ có vậy, không ngòai những ký ức ngắn dài với thằng này thằng kia. Với dáng ngồi lom khom, nó như con hổ nhớ rừng…

Thế nhưng tuyệt nhiên nó không luận gì về cờ tướng, hay nó là thằng mục hạ vô nhân nên coi thường tôi, ra quân xách xe xuống núi là hết…đất, đi năm phút lại trở về chốn cũ. Biết vậy nên tôi thủ kín như bưng, có nghĩa là tôi đang âm thầm đánh cờ, đấu trí với nó. Tôi đang ngậm bình thiếc và đợi nó bật mí, bình rượu để lâu, ngọt hay chua cũng tùy. Lại nữa, nó chỉ là người chứ có phải là ông thánh đâu, cũng tham sân si như ai nên nó mới mò tới làm một trận sống mái để kiếm chút danh còm.

Đối thủ của nó là một lão Tầu già, đầu tóc bạc phơ như vua cờ Đế Thích trong tranh vẽ, tay cầm cái quạt phất phơ, như Nam Tào, Bắc Đẩu rời chốn tiên cảnh bồng lai để cứu nhân độ thế, chầu rìa điếu đóm mà thiếu rượu thì đừng có hòng, thiên cơ bất khả lậu là cái cẳng. Thế nên nước cờ của người cõi trên có khác, qua góp nhặt cóc nhái của tôi thì thật an nhiên tự tại, đi những nước cờ thật khóang đạt và thanh thản như nước chẩy mây trôi. Lão dàn binh bố trận trong thế thủ, nhưng lóang một cái biến thành thế công, kỳ bí khôn lường. Trong khi nó như Lưu Linh, ra quân ngất ngưởng, quơ cào chụp con tốt, vồ con mã, chân nam đá chân xiêu ở cái thế ỉ dốc, ào ào như thác đổ, lớ quớ thế nào mất cha nó cặp xe, nhưng vẫn còn cặp pháo. Còn đang bình tài, bất phân thắng bại thì bỗng dưng không đâu, buông một tiếng "Thua" trời ơi đất hỡi, cúi đầu khiêm cung chào lão Tầu già, phong cách nho nhã của một kẻ hậu sinh.

Tôi lầu bầu rủa thầm rằng vô chi bất mộ, tài cán gì thằng quái này, ở cái xứ Úc bằng cái mắt muỗi, trong đám mù thằng chột làm vua và chỉ được nước nổ bậy là không ai bằng! Chưa hết, đợi lão đứng dậy, nó đi theo nhỏ to với lão một, hai câu gì đó. Một già, một trẻ thì thào cả một lúc lâu, lạ một điều nữa là lão với nó như tương đắc, như quen biết nhau từ thuở tám kiếp nào ấy. Hóa ra không phải là lão Tầu, mà chính nó mới là thằng…kỳ bí. Vừa ra khỏi cửa tôi chộp nó hỏi ngay cớ sự gì. Nó lẳng lặng, mồi điếu thuốc lá, thở khói ra và buông thõng một câu khiến tôi chới với:

- Tao đánh để…thua.

Bá ngọ nó chứ, đến nước này thì tôi cũng đành lắc đầu và rủ nó ghé quán vắng bên ven biển, để nói chuyện phải quấy với thằng…khó chơi này. Trên đường đi, trong đầu tôi cứ lấn cấn là hình như nó cũng biết tiếng Tiều, tiếng Hẹ thì phải.

Vừa đặt đít ngồi xuống chưa nóng chỗ, không "oong-đơ" gì hết, tôi bập liền:

- Kể đi mày, thằng ma gà.

Nó nheo mắt nhìn tôi cười tủm và chưa trả lời ngay, nó lẳng lặng gọi hai con cua đá khá nặng kí, một chai vang không phải là rẻ tiền, tôi thóang nghĩ: *"Ông giời đi vắng thằng này chơi ngon",* rồi động não động tình: Nếu thằng này mà thắng lão vua cờ Đế Thích thì còn…ngon lành hơn nữa. Sau đấy, nó sụt sùi một nắng hai mưa:

"Mày cũng thừa biết tao làm quen cờ tướng từ hồi nhỏ, lõm bõm vài chữ như mã nhật, tượng điền, xe liền, pháo cách này kia. Sau đi đâu ông cậu tao cũng dắt theo, nhưng cũng để cưỡi ngựa xem hoa. Như tao có cái khiếu trời cho hay sao ấy, là nhẩm chừng đóan đường đi nước bước của từng người, rồi nó nhập tâm lúc nào không hay. Lớn lên trận mạc nhiều, tao có vỡ bọng cứt hơn một chút, nhưng cũng chỉ tính nhẩm được hai, ba nước là cùng, như ra con xe, nhích con pháo, lên con mã, đẩy con chốt, vẫn thuộc loại cờ ngòai bài trong. Giống như tầm sư để học bí kíp võ công trong Kim Dung, một chiều lạng quạng rơi cái bịch xuống hang động tối om om, mới gặp kỳ nhân dị tướng, râu tóc dài quá rốn. Tao cũng vậy, vào đến trại cải tạo…"

Nghe nó đi học tập mà tướng tá to khỏe như con trâu, tôi bèn ngứa miệng:

- Mày nằm ấp mấy năm.

- Tiên nhân cha chúng nó, trên mười niên có lẻ.

Tôi lấy đó làm lạ vì nó chỉ là đại úy Biệt Động Quân, trước 75 bị thương, biệt phái qua huấn luyện làm cán bộ, suốt ngày lấy ắc ê một, hai, ba, bốn làm vui. Bạn bè tôi thường thì dấm dúi chỉ vài năm, tôi hỏi nó làm gì mà nằm bờ ở bụi lâu dữ thần vậy.

Nó thản nhiên trả lời như chợ chiều vắng khách:

- Tao theo chân bố tao: VNQDĐ.

Cũng qua lời bạn bè thì lúc này tôi biết lờ mờ là nó đang tiếp nối con đường những người thân của nó cùng với mộng lớn mộng con, thế nên tôi chẳng lấy làm lạ chút nào với câu trả lời ấy. Nhấp chút rượu, nó cười buồn:

"Sa cơ lỡ vận, sầu đời nên tao dẹp ba cái chuyện ruồi bu điều binh khiển tướng. Cho đến ngày tao gặp ông Thầy tao…Bố già tao đấy. Bố cũng mũ ni che tai, nên bố già không bon chen để mua miếng đỉnh chung. Câu kinh nhật tụng của bố với cờ quạt là kiêng sát sinh, không muốn cắt cổ gà thêm nữa. Bố rung đùi, kỳ nhân, kỳ tướng gì ở cái nơi đèo heo hút gió này, nếu có phải đụng trận, thì nên chơi cờ bằng cái tâm.

Một tối, bố già kể cho tao nghe một công án Thiền, khiếp không mày:

Có một kiếm sĩ trẻ tuổi nọ, đường gươm, quân cờ trùm thiên hạ, rút kiếm ra là phải có máu, đi ba nước cờ là có kẻ ôm hận. Một ngày kiếm sĩ gác bỏ chuyện đời, tới thiền viện để xin xuống tóc. Buổi hội ngộ ban sơ, Thiền sư muốn đánh một ván cờ dọ dẫm với chàng trẻ tuổi. Chàng lắc đầu, Thiền sư bèn đuổi ra. Hôm sau trở lại xin thụ giáo nữa, Thiền sư lại dở bàn cờ, chàng lẳng lặng bỏ về. Lần thứ ba, mới bước vào thấy người chưởng môn cũng cỡ tuổi chàng, đang ngồi bên bàn cờ đã bầy sẵn. Thiền sư lấy bộ gươm trên kệ án, nói hai người hãy đấu với nhau, nếu ai thua sẽ tự xử lấy. Chàng hiểu được một điều, vị Thiền sư xưa kia cũng là kiếm sĩ:

Trong kiếm đạo, đã từng là sát thủ. Đã rút kiếm ra khỏi vỏ, là phải có máu.

Sau hai ba thế, chàng thấy người chưởng môn có nước cờ thanh thóat khóang đạt, đôi mắt trong ngần không váng vất chút mê mờ tham vọng và nụ cười vô ưu. Trong khi kiếm sĩ càng cố nhắm mắt thiền định thì những vọng tưởng của cái kiếp nhân sinh u mê lại hiện đến với tạp ý khi phất phơ như gió nhẹ, khi khởi động như đám mây giông. Với người chưởng môn thì trận cờ sống chết xem như phù du, chàng như hiệp sĩ mù nghe gió kiếm, đẩy xe kéo pháo ùn ùn nổ tung như sấm dậy, mịt mờ gió mây. Những thế cờ kim cổ ghi trong sử sách như Kỳ Diệu Thư, Tượng Kỳ Bí Sử, Diên Tử An, Quất Trung Bí, Mai Hoa Phổ là những ghềnh sâu, vực thẳm, dẫn dụ địch thủ vào tử địa của trận đồ. Vẻ bình lặng trên bàn cờ chỉ là ảnh ảo để che mắt sóng gió khi ẩn khi hiện, chàng không thể đánh trong hư không bằng cái nhỏ mọn của thế tục, không thể thắng tĩnh lặng bằng những ồn ào của thế nhân. Chàng chợt nghĩ đến mình, ngựa quen đường cũ, đang trở về với mê lộ. Cái bản ngã không chịu giam mình trong cái vỏ hạn hẹp, đang muốn vươn lên với hơn thua. Chàng có thể thắng ván cờ này, nhưng không thể thắng cái tâm không vướng bụi trần ai của người chưởng môn nên chàng âm thầm tự phá xe, chôn pháo và chàng thản nhiên cúi đầu xin…thua.

Cùng lúc ấy, chàng nghe tiếng rút kiếm nhanh như chớp, rồi xọet xọet, đường gươm lướt qua đầu, tóc chàng rơi lả tả xuống bàn cờ cùng âm vọng của Thiền sư:

- Con đã ngộ.

Nghe…ngộ thật, cờ tướng thì không ngòai bắt xe, nhốt pháo là hết đất, chung cuộc dí thằng tướng là hết chuyện. Thằng của nợ này còn bày đặt nhồi nhét tí thiền quán, thiền tính vào đây làm gì không biết, lòng vòng quá thể. Tôi bèn lôi nó về thực tại:

- Kể chuyện ông Thầy của mày đi, nghe đã hơn.

Nó chép miệng:

- Ừ thì kể.

"Chưa xong, bố dậy tao cuộc cờ là cuộc sống giữa những con người chấp ngã. Người chơi cờ sát phạt ăn thua nhau là kỳ sĩ. Chơi cờ như điều binh khiển tướng là kỳ thủ. Chơi cờ như một sự thể hiện cái tâm rỗng lặng, cái nhìn phiêu dật, cái chí an nhiên của mình là…kỳ vương. Tao nghĩ thầm, cầm kỳ thi tửu vốn là cái thú tiêu khiển thanh lịch của hàng tao nhân mặc khách xưa nay, chứ có phải hầu cờ với các bậc chân nhân kỳ tướng đâu mà ông thầy tao bầy vẽ lỉnh kỉnh quá thể như thế?

Buồn tình thì xuân thu nhị kỳ tao cũng nhấp nháp với bố già dăm trận. Bố già chê tao: *"Mày xử dụng xe pháo mã, cọc cạch như đàn bà con gái đánh tam cúc ấy"*. Bố mắng tao như đĩ: *"Mày đánh cờ như…cứt"*. Chửi tao xong, bố trầm ngâm: *"Không phải ngồi xuống là đâm đầu vào đánh lấy thắng, thằng con giai"*. Mẹ kiếp, nghe sao thấy ớn lạnh. Ấy vậy, bố già như Tôn Tử, dậy dỗ tao chiến thuật, chiến lược nữa mới chán mớ đời. Mà bố hơn đếch gì tao, ngòai cái tuổi tác hơn tao gần hai con giáp, lon lá thì trần sư cụ một cái bông mai bạc lẻ bóng, yếu thấy rõ. Bố già luận, nào là phải đứng ngòai vòng cương tỏa, đánh cờ đừng vướng mắc đến con xe con pháo, hãy nghĩ đến nước chảy mây trôi, mưa gió rì rào, nghe như đấm vào lỗ tai, với tao chỏang nhau thì phải chém giết không nương tay, máu đổ thịt rơi. Đâu có chuyện đánh lấy hòa, chơi lấy thua, lại thua bằng chữ tâm nữa. Bố khỉ, rắc rối gì đâu không biết nữa.

Tao với bố già là con mồ côi, tết nhất đến nơi tao cũng ráng kiếm bánh thuốc lào để cúng tổ, bái thầy cho phải đạo, nên tao âm thầm xuống núi, mò mẫm với mấy quân cờ để bắt cái công hầu danh tướng. Bố thừa biết tao đi kiếm gạo, nên cứ nằm ì một đống nghe ngóng thằng con

của bố tả xung hữu đột. Thử nghe lời bố già, tao không nghĩ đến được thua luận anh hùng, không có lễ cúng tổ thì bố vẫn bình chân như vại, vẫn là con bà cả đọi. Xung trận tao không nghĩ đến thắng bại, chỉ nghĩ đến những ngày tao còn tắm truồng tồng ngồng ở ao hồ. Vậy mà lớ ngớ thế nào tao lãnh ấn tiên phong đi đấu tòan trại. Có ít thuốc lào với kẹo rồi, tao chấp, tao đánh khơi khơi, được thua không qua tiếng cười. Cứ như vậy, thừa thắng xông lên tao vồ cái chức vô địch mấy trại vùng Việt Bắc. Thế là một chiều bố già đón tao ở cửa, cười tít mắt.

Tiếng dữ đồn xa tiếng lành đồn gần, cận Tết, tao bị gọi lên văn phòng trại…Tiên nhân cha chúng nó, đúng là số con rệp, lên đến nơi mới ngã ngửa người ra, là tụi nó "báo cáo"cho tao hay, sửa soạn về Hà Nội để…đánh cờ, vậy mới chết một cửa tứ. Vậy mà tao cũng phải "làm việc" với tụi nó cả buổi. Tối về đến lán thì tin đồn đã lan khắp nơi, nào là tao phải hầu cờ với một sĩ phu Thăng Long, ba năm liên tiếp vô địch Bắc Hà. Còn bố già của tao thì lo lắng ra mặt, vì tao kể lể về thằng cán gáo từ Ba Đình lên đây làm việc, cứ xóay quanh chuyện ông bố tao qua Tầu hoạt động xưa kia. Có lẽ cũng chỉ vì cái họ Tầu tầu của bố con tao, Lưu Bị không ra Lưu Bị, Tào Táo chẳng ra Tào Tháo, tào lao thì có, nên mới bị dính trấu. Bố già chăm chú nghe, mặt mày nhăn nhó như khỉ ăn gừng, suốt đêm bố cứ thao thức đập muỗi, ho khan.

Sáng dậy bố con tao cáo ốm và đè tao ra hỏi: *"Mày biết tại sao quân mình thua quân ta không".* Mẹ, chữ nghĩa đíu gì mà tối om om như cái lá đa, nên tao cứ nghệt ra, bố nhả một câu để đời: "*Du kích đấy…".* Rồi bố già nhồi nhét tao: *"Tốt với mã, ít ai để ý đến hai con cờ trôi sông lạc chợ như cá với nước này lắm. Mày nắm được nó ở thế công và thế thủ thì trùm thiên hạ đấy, thằng con giai".* Thế là tao lội dòng nước ngược, làm quen với cá, với nước, bơi mệt nghỉ, để đánh…"du kích". Nhưng tao nghĩ thua thì mình đã thua chỏng gọng từ khuya rồi. Nay có thua thêm một thằng răng đen mã tấu nữa thì có chết thằng Tây đen nào nào đâu. Làm gì mà bố già tao nhắng lên vậy.

Sau đấy bố và tao luyện cờ như luyện kiếm với những thế cờ biến ảo ở đâu đó vô hình nhưng hằn sâu trong trí nhớ tao. Những nước cờ biến hiện khi tấn, khi thoái, khi thủ, khi công… mang nguồn sinh lực rơi rớt còn ại của bố già. Giữa mỗi cuộc cờ là một sự hiện hữu, khiến bố già quên đi nỗi ám ảnh ẩn hiện trong góc tối trăm năm của đời mình. Bố như vậy đấy, tao lại đốc chứng nghĩ nhảm qua cái đầu củ chuối của tao với những quân cờ tướng, sĩ, tượng, xe, pháo, mã… là sự thăng trầm phi lý của vận nước, của những kẻ bại trận. Như mày thấy đấy, bàn cờ mai đây mà tao đụng trận sẽ trở thành chiến địa để tao rửa mặt. Những quân cờ quái ác đụng chạm mơ hồ nhưng rát mặt, cứ thế giằng co nhau qua một trận đánh sống mái cuối cùng của riêng tao bầy ra ở… Ban Mê Thuột. Tao sẽ ngược thời gian về *ngày 10 tháng 3 năm 1975,* tao sẽ xóa bài làm lại, tao sẽ không co vào mà bung ra, với tốt, mã trong tay, tao sẽ chặt đẹp và đánh một trận để đời.

Ngày ấy cũng đến, tao chỉ mong được nhìn thấy tận mắt cố đô Thăng Long ngàn năm văn vật với cầu Thê Húc, Văn Miếu. Ngày chia tay, bố phán: *"Chúc mày thượng lộ bình an",* bố lại còn dở trò bấm độn, rút ra tờ giấy nhỏ, lẩm bẩm đọc, như gửi gấm: *"Chắc thầy trò mình chẳng bao giờ gặp nhau nữa".*

Tai bay vạ gió, nghĩ đến "bấm độn", bỗng dưng tôi bật cười khan. Đúng là dân cờ tướng, như đi guốc trong bụng tôi. Nó mắng sa sả:

- Sư mày thằng củ cải, tao báo đời cho mày biết: Tao dư sức chế ra mấy cái trò lỉnh kỉnh để hù mày, là bố già tao như Khổng Minh. Viết một cái cẩm nang bỏ vào túi đưa cho tao đi phó hội. Đến ngày đó giờ đó mở ra là cứ như thế mà làm…

Nó ngừng lại rót rượu cho tôi, giọng trầm hẳn xuống:

"Nhưng mà thôi, chẳng dính dáng gì đến chuyện tao đang kể. Trở về chuyến đi Hà Nội, ngồi trên xe thằng cán gáo ngồi xe với tao cho biết là tay cờ tao sắp gặp, không phải là vua cờ Hà Thành như mọi người đồn đãi. Mà là có một phái đoàn của Trung Cộng qua Hà Nội, trong đó có con của một thứ trưởng ngoại giao, cũng là một cao thủ và muốn thử lửa với tao. Mẹ cha nó chứ, tao nghe mà dái muốn thọt lên đến tận cổ, cú này chắc từ chết đến bị thương. Hắn còn cho biết thêm, tao thua thì lại hồi cố quận, nhưng không được về trại cũ. Nghe đến đây tao lặng người đi vì bố già tiên liệu như thần vì Đặng Tiểu Bình vừa xua quân qua Lạng Sơn dậy cho người anh em Một Bài Học Lịch Sử nên chuyện chuyển trại là chuyện thường tình của đất trời. Chưa kịp hoàn hồn, hắn choang một câu làm tao muốn té đái ra quần: *"Nếu anh thắng, anh sẽ đi Bắc Kinh…đánh cờ tiếp".* Tao nghĩ ngay trong đầu, sau chuyện hai nước choảng nhau sưng đầu u trán ấy, đây là phái đoàn đầu tiên của Trung Cộng sang giao lưu dọ dẫm. Thôi rồi, của người phúc ta, tao chỉ là quân cờ nhỏ trong một ván cờ lớn của người anh em, chẳng ăn cái giải rút mẹ gì, chỉ tổ cầm cu cho chó đái, nên tao không ham. Nhưng ba máu sáu cơn, tự ái dân tộc lại đùng đùng nổi lên, mẹ kiếp, muốn chết tao cho chết, chưa thấy quan tài chưa đổ lệ, cho chừa cái thói môi hở răng lạnh.

Lòng tự hào dân tộc ngủ sâu trong đầu tao bỗng vươn mình thức dậy. Một ván cờ mua vui chẳng ai chú ý, nhưng một ván cờ quyết đấu giữa hai kỳ thủ của hai nước lại trở thành một biểu tượng…quốc gia mới đau cái đầu. Mà kỳ thủ này là ai đây cơ chứ? Nên tao rét! Tao nói thật, nãy giờ cờ tướng tao bốc nhằng đấy thôi chứ chẳng hay ho gì cho lắm. Thấy thằng này lằng nhằng quá thể, tôi bèn đổi đề tài:

- Hà Nội 36 phố phường…cực kỳ không mày?

Nó sửng cồ với tôi:

- Mày đúng là thằng củ cải, mười tuổi ri cư vào Nam như tao biết chó gì Hà Nội. Hôm ấy tao chỉ nhìn thóang hồ Hoàn Kiếm qua cửa kính xe, nhân tụi nó đưa tao đi làm đẹp với cắt tóc, cạo râu. Còn dợt tao cách cư xử "ngoại giao" với người Trung Quốc…xấu xí nữa. Mẹ, tụi cán gáo chỉ được cái diễn xuất. Sau này ông tướng nào đó cũng bị mang ra trình diễn trước máy quay phim, cũng ở khách sạn, cũng cắt tóc cạo râu và cũng quần áo tươm tất như tao. Nó tiếp:

"Lòng vòng tới khách sạn để tao ngộ chiến, xuống xe, thằng cán gáo còn vớt một câu: *"Tụi tôi nhất trí với anh".* Tiên nhân nó chứ, nhất trí mốc xì gì, nghe nực cò bỏ cha. Vào đến đại sảnh, tao muốn ngất người, vì thấy một đống quan chức ngồi chung quanh bốn bức tường. Nón cối, dép râu thì ối ra đấy, đông như tổ đỉa. Chưa hết, Tầu cái Tầu đực cũng cả đống, xí xa xí xô tiếng tây tiếng u. Mà khỉ ạ, lại có cả máy quay phim nữa, giữa là cái bàn cờ đã đợi sẵn với hai ghế trống. Tao có cảm tưởng như bị lôi ra tòa án nhân dân nghe xét xử nên cũng mất sướng.

Một lát sau, địch thủ của tao xuất hiện…Mẹ, tao chóang người vì tay cờ của tao là…một cô gái. Mà lại đẹp thần sầu nữa mới khỉ, cô mặc áo xường sám xẻ lên tới tận đùi non, trắng như ếch lột, tao nhìn muốn lòi con mắt. Nói thực với mày, tao không loạn ngôn chút nào, từ thuở cha sinh mẹ đẻ đến giờ, tao chưa hề gặp một cô chệt nào người ngợm lại não nùng sầu bi đến như vậy. Và tao khớp thấy rõ khi cô cúi đầu chào, liếc xéo tao một cái đến lạnh người, lại điểm nụ cười với con mắt có đuôi. Khỉ gió gì đâu, tao đâm ra lơ tơ mơ và người ngợm lâng lâng như người cưỡi mây.

Sau đó tao được giới thiệu cô ta họ Cheng.

Đồng thời tao cũng được nói qua loa về luật chơi như đánh ba ván, ai thắng hai là xem như phân thắng bại. Thời gian tối đa để suy nghĩ cho một nước cờ là mười phút. Cầm quân cờ nào là phải đi quân đó. Nước cờ đã đi rồi là coi như xong. Bỗng cô nhìn về phía cái máy quay phim và khẽ lắc đầu, thế là cái màn trình diễn tuyên truyền hữu nghị này được dẹp cái một. Mẹ, thấy quá đã, đâm ra tao mên mến với cô ấy mới đau".

- "Tên gì mày". Như bừng tỉnh cơn mê trần, tôi hỏi nó.
- "Đừng ồn, thằng củ cải…Hồi sau sẽ rõ…". Và nó tiếp:

"Chỉ cần ba nước cờ đầu, tao thấy cô là một cao thủ, với nước đi như múa lụa với điệu vũ ghê thường, uyển chuyển và nhịp nhàng, không thừa không thiếu…Cô có lối ra quân không phải là một tay sát thủ, xe đâu pháo đấy, cô chỉ vờn địch thủ để dồn vào tử địa để…tự sát. Tao nhớ đến lời bố già dặn dò là tâm không vướng mắc với cuộc chơi. Không dính mắc với quá khứ và hiện tại. Không dây dưa giữa ta và địch. Không vương vấn với thua và được. Với trò chơi du kích cùng tốt với mã, thế là tao dẫn lính nằm bờ nấp bụi. Vẻ yên ắng của đồng không mông quạnh tao nhìn và đợi. Tao cô lập thôn quê, bao vây thành thị. Thành trì phòng ngự tao kéo xe đánh pháo rồi tao…chạy có cờ. Địch thủ của tao bó tay không biết tao đang đi chiêu thức gì và chỉ còn một, hai nước nữa là tao đẩy mấy con tốt mọn vây chặt hậu cung của cô, nội bất xuất ngoại bất nhập và ở tao nhìn cô và đợi…Như đợi cô như một con ruồi sa cơ thất thế.

Bỗng nhiên tao thèm một hơi thuốc, một hơi men…Tao ra hiệu với cô mượn tờ giấy với cái bút. Cô nhướng mắt nhìn tao và tủm tỉm cười. Tay xóa ván cờ. Lóang thóang tao nghe tiếng vỗ tay lẹt đẹt…

Một ý nghĩ sẹt qua đầu tôi ngay tức thì: *"Chế vừa thôi cha, đang trong cải tạo, được móc lên Hà Nội như mấy ông tướng bị kẹt lại, để quay phim tuyên truyền mới đây như nó kể là quá lắm rồi. Nay còn hươu vượn bút đàm đòi rượu với thuốc lá nữa, cứ như ông cố nội mấy thằng nón cối không bằng".* Chưa kịp lật tẩy thì nó đã tàng tàng tiếp:

"Ván thứ hai, tao nghĩ đến quân Tầu vừa đánh Lạng Sơn mà đau hơn hoạn, tụi nó mang đại quân vượt biên giới xâm lăng giang sơn bờ cõi của mình. Bàn cờ nhỏ nhoi trước mặt tao đây, tao hình dung ra trận đồ là một chiến trường quy ước, binh tướng quân phân, ranh giới rạch ròi qua voi, ngựa, tướng, sĩ. Suôi theo với những quân cờ phải ra trận với không thắng thì thua, như bánh xe lịch sử phải lăn trên đường là chuyện tất nhiên. Thừa thắng xông lên từ trận cờ trước, tao lơ đãng nhìn qua vai cô, qua khung cửa kính là nhánh sông Hồng đang lặng lờ trôi, tao ngược dòng lịch sử và mường tượng ra chiến trường xưa cũ của năm 75. Tao sẽ xóa bài làm lại, tao không bỏ ngỏ Ban Mê Thuột, không lui binh ở cao nguyên mà mang đại quân lên núi làm một trận sống mái để giải vây thành phố mây mù Pleiku. Thành không nhà trống, bốn mặt thành tao dùng tượng binh vây kín, chọc thủng ngọ môn, phá tan quân cấm vệ. Tao quên bố nó mất lời Thầy dậy, bỏ mã thí tốt để qua sông, tao đánh những thế trận như Bình Phong Mã hay Thiên Địa Pháo hoặc Diện Thủ Phá Vệ, đang nghiêng trời lệch đất, ngỏanh lại đất nước mình thì tao mới ô hô ai tai: Mẹ kiếp, tao thấy…ông tướng của tao đang bị rượt chạy có cờ. Những tượng hùng, pháo tống, xe xuyên, mã tốc…đều như trốn biệt mất tiêu. Lịch sử là cuộc tái diễn không ngừng nên tao đành vuốt mặt phá đại pháo, bẻ gẫy cỗ xa,.. Tao di

chuyển những quân cờ lang thang lếch thếch như…di tản chiến thuật ngày nào. Nói cho ngay tao đang bị cô ấy cho vào xiếc với cái cờ thế là…điệu hổ ly sơn, những quận đường, tỉnh từ từ lọt vào tay địch lúc nào tao cũng chẳng hay. Tao không cãi được số trời, âu cũng là cái vận nước…

Hay nói khác đi vận nước mình chỉ là con tốt trong một ván cờ.

Được nghĩ mười lăm phút cho thư dãn, tao lầm lũi cầm cái ly ra phía cửa sổ và nhìn ra ngòai bờ sông. Vừa lúc thằng cán gáo đến ám quẻ: "*Phấn đấu đi anh".* Tao rủa thầm: *"Nhờ anh tí, phấn đấu cái củ thìu biu. Ông đang sặc gạch ra đây này".* Nhưng cũng may nhờ câu nói của hắn, tao nghĩ đến bố già và nghĩ hay là "Đánh lấy hòa". Bố lẩm cẩm thật đấy, nhưng vớ vẩn vậy mà có thể…"Đúng". Tao nghĩ thì cứ kéo ván bài đến chỗ nửa nạc nửa mỡ, để chờ thời cơ, gặp thời thế, thế thời phải thế.

Ngồi đồng hóa Bụt, tôi ngứa miệng phang một câu:

- Mà mày có thấy ông Thầy mày đúng không đã.

Như đụng ổ kiến lửa, nó dẫy lên như đỉa phải vôi:

- Cái thằng trên bựa dái dưới bựa răng, lúc nào mày cũng đúng với sai…Nhưng nhớ một lần ông Thầy nhồi nhét tao câu nói của một Thiền sư: "Trong thế tục, hãy tránh hơn thua hoặc đúng với sai. Ông Thầy tao muốn tao là…

Sợ nó thiền quá hóa…ngộ. Tôi đốp liền:

- Lỗ Trí Thâm.

Để rồi trong đầu tôi lại râm ran nhẩy múa, cái tâm đạo của ông Thầy nó, ma đưa lối quỷ dẫn đường, nhập vào cái vô đạo của cái thằng ma đầu này, để thành…một kỳ vương thì cũng đã nhảm rồi. Nay nó lại *"Anh khóac áo nâu sòng, trong tiếng chuông chiều đưa"* với chữ tâm, chữ ngộ, hơn thua, đúng sai, nên tôi cũng thấy mệt nó quá sức. Thì may quá là may, nó gõ tiếng chuông tỉnh thức để đưa tôi về thế tục…

Khi không nó xuống sáu câu sề:

- Tự nhiên khi không tao có linh tính, giống như kiếm sĩ trong truyện thiền, tao mơ hồ không bao giờ tao có thể thắng cô ấy được. Tao có thể thắng một ván cờ, nhưng không thể thắng được cái tâm của người đánh cờ. Và tao nghĩ vậy.

Chả hiểu nó muốn nói gì, trong bụng tôi lầu bầu muốn chửi thề, thằng này khó thật, lại thêm một chữ "tâm" nữa, tâm đâu mà nhiều quá thể vậy cà. Đang loay hoay nghĩ nghợi thì nó đưa tôi vào mê hồn trận, hoa mắt nhức đầu:

"Nhưng trời không chiều lòng người, đến ván thứ ba, cô đổi thế trận. Tao biết là cô rất tinh tường về cờ thế. Sĩ lên trường thành phất tiểu kỳ, trường gươm chỉ vào cung địch với thế "Đại đao xuyên tâm". Mở toang ngọ môn cho tượng xuất chinh, đại quân với thần công đang nằm đâu đây. Để gài tao vào đúng thế cờ cô dàn dựng là "Nhị Quỷ Phách Môn", với hai mã, hai tốt phục binh. Nhưng đi với bụt mặc áo cà sa, đi với ma mặc áo giấy, tao như Vi Tiểu Bảo lăng ba vi bộ một số "cờ thế" không có trong sách vở, như đưa pháo tới ngay đầu sông trống trải rồi ì ra ở đấy, như long chầu hổ phục. Đến nỗi cô lắc đầu, bút đàm hỏi tao: *"Anh chuyển sang cờ thế?".* Tao lọng bọng "*Vâng".* Cô hỏi tiếp: *"Triển Châu Sa, pháo kéo thuyền lên bãi cát, phải không anh".* Tao bấm bụng cười thầm, ai lại đánh cờ chân phương đến độ đi hỏi tên

“cờ thế” của địch thủ. Nhưng tao vẫn cúi đầu, tủm tỉm cười, mượn con pháo nằm ở đầu sông cuối núi. Tao viết trả lời: *“Quân tại Tương Giang đầu”.*

Cô ta nhíu mày lắc đầu nhè nhẹ…Thực tình chữ nghĩa tao mượn trong bài “Tương Tư” của Lương Ý Nương, nghe thâm sâu, bí hiểm thế thôi. Vì Ý Nương là một nữ lưu của Đường Thi nên tao cũng có chút đùa dai, để đẩy đưa cô vào cái thế hỗn mang, loạn cờ. Tao đang ở thế bị động, cùng tắc biến, biến tắc thông nên vô hình chung như võ công nằm trong tâm thức, phóng ra là biến hóa khôn lường nên cô đâm ra lúng túng. Thế là tao lại dắt ngựa tới cổng vườn, đứng đực ra đấy như…ngỗng đực, như Thôi Hộ với hoa đào năm ấy còn cười gió đông. Cô lại hỏi: *“Tên thế cờ là gì vậy anh”.* Tao mừng rơn, mượn gió bẻ măng và tao múa máy: *“Tương tư bất tương kiến”.*

Cô gật gật đầu ra cái điều hiểu chút chút, rồi khi không tao lui hai con ngựa về thế thủ, về đầu ghềnh cuối bãi. Như Phạm Thái bên bờ suối, đêm đêm mài gươm dưới trăng uống trà với Quỳnh Như. Nghi binh hư hư thực thực, như Khổng Minh ngồi trên thành, nhóm củi đun bếp đợi Tư Mã Ý đến cho có ”bạn” để…trà đàm. Cô lắc đầu trầm ngâm rồi reo lên như ấm nước sôi: *“Song mã ẩm tuyền, đúng là hai mã uống nước suối”.* Tao mở cờ trong bụng, được thể vẽ vời: *“Đồng ẩm Tương Giang thủy”.*

Lại cái mửng cũ, hết rượu, thuốc lá bây giờ đến Thôi Hộ, Phạm Thái. Thằng này câu giờ quá thể, nhưng cứ để nó múa gậy vườn hoang vì tôi biết tỏng nó là rào trước đón sau rồi thế nào cũng đánh lấy…”thua” cho mà xem. Nó lại nhởn nha tiếp:

“Lần này thì cô nheo mắt với tao, rồi cúi xuống viết: *“Ông cụ tôi gửi lời thăm anh”.* Bố khỉ, tao muốn nhẩy nhổm lên, đọc xong hàng chữ mặt mũi tao cứ ì ra và khựng lại, hình như có cái gì đó để ngờ ngợ mà lúc đầu tao không để ý:

- “*Tên* của cô ta và *họ* của tao là *một* ”.

Vậy là đủ nói lên tất cả, hình ảnh của bố tao những ngày lưu lạc ở đất khách quê người, lóang thóang hiện về qua lời kể của bà cụ tao: Bố tao có người bạn Trung Hoa cùng chí hướng và hết lòng vì bạn, từ nơi ăn chốn ở, miếng cơm manh áo, ngay cả lúc ốm đau, được họ chăm lo thuốc thang đầy đủ, biệt tích từ ngày ấy, không biết bây giờ cụ còn hay mất. Mắt tao vẫn dán vào bàn cờ, đầu tao mông lung dầy đặc, để rồi mọi chuyện đã gần như sáng tỏ, vô tình cô chính là cái phao tao đang muốn bám víu. Nghĩ thì nghĩ vậy, nhưng phải đợi hết ván cờ, tao mới hỏi han được đôi điều về bố tao”.

Và tao nhìn cô gật đầu, hình như ánh mắt cô cũng có khác. Bỗng cô gõ quân cờ lách cách như ra dấu sắp ra quân, trở lại trận chiến với một thắng một thua…

Nói cho ngay, lúc đầu cô bị tẩu hỏa nhập ma vì mấy cái cờ thế dấm dớ cùng những cái tên chim kêu vượn hú của tao. Bình tâm lại, cô đan, cô kéo *“Sợi buồn con nhện giăng mau”…*Cô như giăng cái lưới thiên la địa võng để chụp con ruồi đi hoang, và cái số tao ruồi nên không khá, nên chẳng thóat khỏi được lưới trời lồng lộng, cuối cùng thì tao cũng bị…dính. Cờ tàn, chỉ còn dăm nước nữa thôi, con cờ kế tiếp lại nằm trong tay cô. Tao như Tào Tháo bị nhốt vào vào Huê Dương Tiểu Lộ để xếp giáo quy hàng, trừ trường hợp cô là Quan Vân Trường với ân nghĩa thủy chung. Nói cho mày dễ hiểu, xe tao chặn ngang đường tiến quân của cô,

nếu cô chọn con cờ sai để bứng con xe ấy đi, thì tao bất chiến tự nhiên thành, tao sẽ là kẻ thắng cuộc.
Nhưng với một tay cao cờ như cô, đó là điều không tưởng. Bỗng cô nhìn tao và đặt bút xuống như thảo chiến bại thư, tao thấy cô viết: "*Thiếp tại Tương Giang vĩ* ".
Xong cô tần ngần xếp tờ giấy bỏ vào túi.

Thế là tao lòi đuôi vì cái tội nghịch ngợm khoe chữ. Đúng là gậy ông đập lưng ông, bây giờ tao chính là thằng đang bị phân tâm, đầu óc rối như tơ vò. Đi cờ mà bị động cũng như người xiếc đu dây, lắc lư, chao đảo, bất định. Đến nước thứ 32 của ván cờ này, tao ngồi như thằng chết rồi. Một chiến trường vang rền xe ngựa biến đâu mất, cảnh tên bay đạn lạc chỉ còn gió lạnh trên sông. Chốn gió tanh mưa máu lãng đãng mây mù. Cờ hết nước. Một ván cờ mù! Tao lơ đãng nhìn ra sông Hồng mưa phùn giăng giăng như lưới nhện…
Qua mảng sương mù trong một ngày ảm đạm, lúc ấy lẩn quẩn trong đầu tao là chỉ nghĩ cách làm thế nào để lần mò qua "Tương Giang vĩ" quê hương của cô để đi tìm mộ chí của ông cụ tao, nếu ông cụ đã nằm xuống cùng hương tàn khói lạnh. Và muốn như vậy thì tao phải thắng ván cờ này, để được đi Bắc Kinh như thằng cán gáo trong xe đã nói. Trong khi cái thế của tao thì …cờ đang dở cuộc không còn nước.
Nói cho ngay tao không những vướng mắc còn vương tơ. Mặc dù hai người lặng lẽ như đối diện bất tương phùng với cái giao tình bên ngoài có vẻ nhạt thếch. Nhưng trong tao, đầy ắp, chan hòa những…quân tử chi giao đạm nhược thủy…

Thói thường thủ pháp ra quân trên bàn cờ là một sự phối hợp hài hòa giữa tâm và trí. Tâm loạn kéo theo trí đoản. Những nước cờ lúc tấn kích điên cuồng, lúc sững sờ chới với, chứng tỏ tao đang sa lầy trong những giây phút ngập ngụa giữa trăm ngàn thác loạn. Trở về thực tại, tao thấy cô đang vắt óc vào quân cờ sắp đi, hai phút…Rồi bốn phút…Cô thò tay xuống rồi nhăn mặt rụt lại. Cả đại sảnh im phăng phắc đến nghẹt thở. Cô suy nghĩ thêm đến bảy phút…Rồi chín phút...rưỡi có lẻ. Mồ hôi tao lấm tấm đằng sau lưng. Rồi cô như…"*nhắm mắt* " cho số phận đẩy đưa với thế sự thăng trầm quân mạc vấn và bốc một quân cờ…
Và tao nhảy cẫng lên.
Vì cô vừa chọn một quân cờ sai !
Đột nhiên khắp phòng vang lên một tiến ồ thật dài, hòa lẫn tiếng vỗ tay cũng vẫn lẹt đẹt rời rạc. Tao ngồi xuống lại, cúi đầu đưa cái ly lên, nhấp một ngụm nhưng thấy đắng chát. Miệng tao như muốn nói một câu gì đó. Nhưng nói không được. Vì…
Vì chỉ một mình tao biết: Cô…không " nhắm mắt ".
Sau đó mấy ngày tao đeo theo phái đoàn Trung Hoa đi Bắc Kinh, ít lâu sau cũng chính gia đình cô ấy lo cho tao qua Hồng Kông. Từ ngày ấy, tao không gặp cô nữa…".

Ngay từ đầu gặp nó, tôi đã có một khúc mắc. Nay hết chuyện, mới hỏi nó:
- Nghe nói sau này mày còn qua Ma Cao để đánh độ.
Nó át giọng tôi cái một:
- Mày ngu như lợn.
Mà tôi đụt thật, lại nhớ đến câu mã nhật, tượng điền, xe liền, *pháo…cách* của nó.

Mã nhật tượng điền đâu không thấy, chỉ thấy nó xấu giai tốt củ vậy mà giờ này vẫn phòng không đơn chiếc thì phải. Xe liền pháo cách, vừa gặp đây mà nó biến mất như ma chơi, mới nghe lóang thóang thằng con dừng chân ở Thái Lan dọn bãi cho nhóm kháng chiến nào đó. Đùng một cái đã có mặt ghé Tân Gia Ba. Chưa đầy một con trăng, lại được tin nó kéo pháo sang sông tại bến Hồng Kông. Đến cuối năm thì tôi ngớ ra khi được tin qua một ván cờ nên duyên, để kết nghĩa tào khang chi thê, vợ nó không ai ngòai người họ Cheng tên Hạ. Và …. "Hạ" là…là…họ của nó.

***

Như trên tôi đã thua thốt, cờ quạt với tôi chỉ là quân ngoài bài trong thế nên nó kể sao tôi nghe vậy, chẳng hiểu nó có hú họa gì tôi chăng? Như gặp ông Tầu già nó giả mù sa mưa để đánh lấy…thua. Tiếp đến nó ngược dòng lịch sử xóa bài làm lại để tử thủ Ban Mê Thuột, giữ Kontum, không lui quân ở Pleiku, rồi ra tàn cuộc binh đao chỉ thấy thành không nhà trống. Chung cuộc nó lại chọn mảnh đất Hồng Kông làm chỗ dựa dẫm nương thân. Khi không tôi nghĩ quẩn đến vận người nổi trôi theo vận nước đến hồi mạt vận với *"Nam-quốc sơn-hà nam đế cư - Tiệt nhiên định phận tại thiên thư"*. Nào có khác gì với cái bàn cờ gỗ cùng thí pháo, thí xe qua cờ thế, thế cờ là…thế đấy. Hay nói khác đi cũng chẳng ngoài thế *"Chiến quốc thế Xuân thu, gặp thời thế thế thời phải thế"*. Để rồi chẳng phải đợi đến cái quan định mệnh vì chẳng ai biết làm gì khác hơn.

Ngày rộng tháng dài tôi lại mường tượng đến một trăm năm trước, một nghìn năm sau với thế sự du du hề một thóag bạch câu, trước đèn đọc sách lại có thêm một Ngô Gia Văn Phái khác nữa và đang cặm cụi với: *"Một bình rượu, một khay trà - Một đôi bạch lạp, giấy hoa bút vàng - Án thư vài tập cảo thơm - Dăm ba chậu kiểng,...một bàn cờ vuông"*

Houston 1 - 1 - 2010
Phí Ngọc Hùng
(Xem lại 2024)

Người Lính – Tranh: THANH CHÂU